

The Singapore Story



Memoirs of **LEE KUAN YEW**

HỒI KÝ LÝ QUANG DIỆU

daotieuvu.blogspot.com

The Singapore Story



Memoirs of **LEE KUAN YEW**

Thông tin sách:

Tên sách: HỒI KÝ LÝ QUANG DIỆU

Tác giả: Lý Quang Diệu

Dịch giả: Phạm Viêm Phương – Huỳnh Văn Thành

Số trang: 687

Xuất bản: tháng 9/2000

NXB TP Hồ Chí Minh

Khổ 14,5x20,5cm

Giá tiền: 69.000đ

HoikyLyQuangDieu1.00

Số hóa bởi ABYY FineReader 11

Chụp hình: bodauphong

Hiệu đính và đóng sách bởi bun_oc_girl

Nguồn: e-thuvien.com

Ebook: daotieuvu.blogspot.com

Thời gian hoàn thành: tháng 2/2013



Danh sách các tên chuyển âm:

Lee Kuan Yew – Lý Quang Diệu

Kwa Geok Choo – Kha Ngọc Chi

Lee Hsien Loong – Lý Hiễn Long

Lee Hsien Yang – Lý Hiễn Dương

Lee Wei Ling – Lý Vỹ Linh

Toh Chin Chye – Đỗ Tiến Tài

Goh Keng Swee – Ngô Khánh Thụy

Goh Chok Tong – Ngô Tác Đồng

Ong Teng Cheong – Vương Đình Xương

Wee Kim Wee – Hoàng Kim Huy

Lim Chin Siong – Lâm Thanh Tường

Fong Swee Suan – Phương Thủy Song

Lim Yew Hock – Lâm Hữu Phúc

Lee Siew Choh – Lý Thiệu Tổ

Chiang Kai-shek (Tưởng Giới Thạch)

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

"Câu chuyện Singapore" là hồi ký của Thủ tướng Lý Quang Diệu viết về quá trình độc lập của đất nước Singapore và những nỗ lực phấn đấu của bản thân ông để lãnh đạo đất nước.

Khởi đầu từ những ngày đảo quốc này còn là thuộc địa của nước Anh, rồi đến những năm tháng người dân Singapore phải sống dưới sự chiếm đóng của quân Nhật.

Có thể nói điều đầu tiên mà đất nước nhỏ bé này rút ra được từ hoàn cảnh thực tế của đất nước mình chính là sự quý giá của độc lập tự do. Mặc dù Singapore đã được độc lập trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt, như Thủ tướng Lý Quang Diệu đã phát biểu: "Một số quốc gia được độc lập từ khi lập quốc, một số khác phải giành mới được, Singapore thì bị bắt phải độc lập."

"Singapore bị bắt phải độc lập", thật ra sự bắt buộc đó chính là hệ quả của một hoàn cảnh không thể khác của một quá trình đấu tranh hết sức kiên trì, mưu trí và cũng không phải là không có mất mát hy sinh! Trên con đường giành độc lập, tự do cho tổ quốc, những người lãnh đạo và nhân dân Singapore cũng phải trải qua những bước dò dẫm từ đấu tranh để sáp nhập với liên bang Malaysia rồi tách ra khỏi liên bang là cả một đoạn đường nhiều cay đắng, thử thách.

Điều thứ hai chúng ta có thể rút ra được từ hồi ký của Lý Quang Diệu chính là quá trình phấn đấu và rèn luyện của tác giả - từ những quyết tâm cố gắng trong thời kỳ học tập và những nỗ lực vượt bậc của bản thân ông trong suốt thời kỳ tham gia chính trường, đấu tranh để hoàn thiện bản thân, thực hiện vai trò của người lãnh đạo đất nước - ở ông không chỉ là sự quyết tâm kiên trì của ý chí mà còn là sự thông minh, mưu trí và nhất là sự khổ luyện để đạt được mục đích cuối cùng. Bài học ấy thật cần thiết cho mọi người. Chính tác giả đã đúc kết:

"Nhân tố quyết định là con người với những nỗ lực tự nhiên cộng với học vấn và rèn luyện của họ".

Qua hồi ký, mặc dù nhiều lúc tác giả có cách nhìn nhận, đánh giá những sự việc, vấn đề xã hội trên những quan điểm, lập trường không đồng nhất với chúng ta, thậm chí có lúc hoàn toàn

trái ngược; nhưng hồi ký của ông là một nguồn tư liệu quý giá để chúng ta tìm hiểu về một đất nước tuy nhỏ bé nhưng có một trình độ phát triển cao trong khu vực.

Và những bài học về sự rèn luyện ý chí, những nỗ lực hoàn thiện bản thân để mưu cầu những lợi ích chung cho dân tộc bao giờ cũng là bài học quý giá đáng cho chúng ta trân trọng.

Nhà Xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh xin trân trọng giới thiệu với độc giả "Hồi ký của Lý Quang Diệu" vì mục đích đó.

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1 ĐỘT NHIÊN, ĐỘC LẬP

Bữa đó cũng như mọi buổi sáng thứ Hai khác ở Singapore cho đến khi nhạc ngưng lại. Lúc 10 giờ sáng, giai điệu nhạc pop trên đài phát thanh bị cắt ngang bất thần. Những thánh giả đầy hoang mang nghe người xướng ngôn viên long trọng đọc lời tuyên bố – 90 chữ làm thay đổi cuộc đời của nhân dân Singapore và Malaysia.

“Xét vì quyền đương nhiên của một dân tộc là được tự do và độc lập, tôi, Lee Kuan Yew, Thủ tướng

Singapore, thay mặt nhân dân và chính

phủ Singapore, xin tuyên bố và khẳng

định rằng từ hôm nay, ngày

9/8/1965, Singapore là một quốc gia độc lập,

dân chủ và có chủ quyền, được xây dựng trên các

nguyên lý về tự do, công bằng và

mưu tìm kiếm an sinh và hạnh phúc

cho nhân dân trong một xã hội công

bằng và bình đẳng hơn.”

Cách hai trăm dặm về phía Bắc, trên bán đảo

Malaysia, Tunku Abdul Rahman cũng đang đưa ra lời tuyên bố của ông, xác định

rằng: “Singapore sẽ thôi là một

bang của Malaysia và sẽ vĩnh viễn là

một quốc gia độc lập, có chủ

quyền, tách khỏi và độc lập

đối với Malaysia, và chính phủ

Malaysia công nhận chính phủ Singapore là

chính phủ độc lập và có

chủ quyền và sẽ luôn luôn làm

việc trong tinh thần hữu nghị và hợp

tác với chính phủ đó.”

Chia tách! Điều mà tôi đã đấu tranh gian khổ

để giành lấy nay đã được

giải quyết. Tại sao? Và tại sao lại bất ngờ như thế? Đảo Singapore mới trở

thành một bộ phận của Liên bang

Malaysia (vốn bao gồm cả lãnh thổ Sarawak và Sabah

trên đảo Borneo) mới được hai năm nay. Lúc 10 giờ

sáng cùng ngày, tại Kuala Lumpur, thủ

đô Malaysia, Thủ tướng giải thích

với quốc hội:

“Sau cùng chúng ta thấy rằng chỉ có hai phương sách cho chúng ta: dùng biện pháp áp chế chính quyền hay các lãnh đạo Singapore vì những hành vi của một số lãnh đạo đó, và phương sách hiện chúng ta đang thực hiện, cắt lìa chính quyền bang Singapore vốn đã thôi không còn bày tỏ lòng trung thành với chính quyền trung ương nữa.”

Hạ viện lắng nghe trong im lặng hoàn toàn. Thủ tướng đang trình

bày trong cuộc thảo luận vòng đầu về một dự luật do Phó thủ tướng Tun Abdul Razak đề xuất đề thông

qua Dự thảo Tu chính án Singapore 1965 ngay

lập tức. Lúc 1 giờ 30 phút, cuộc thảo luận vòng hai và ba đã kết thúc và dự thảo được chuyển qua Thượng viện. Thượng viện khởi sự thảo luận vòng đầu lúc 2 giờ 30 và kết thúc thảo luận vòng ba lúc 4 giờ 30 cùng ngày. Chủ tịch nước, quốc vương Yang di-Pertuan Agong phê chuẩn dự luật cũng trong ngày hôm đó, kết thúc các thủ tục hiến định. Singapore được tách ra.

Theo phong tục Hồi giáo Malaysia, người chồng, chứ không phải người vợ, có thể tuyên bố "*Talak*" (Tôi li dị bà) và thế là người phụ nữ bị li dị. Họ có thể

hòa giải và người chồng có

thể tái hôn người vợ, nhưng

không thể làm thế sau khi người

chồng nói "*Talak*" ba lần. Ba vòng thảo luận tại lưỡng

viện quốc hội chính là ba lần

tuyên bố talak, qua đó Malaysia li dị

Singapore. Dân chúng, người Malay chiếm

đa số ở Malaysia và người Hoa đa

số ở Singapore, đã không thể tồn

tại hòa hợp. Sự kết hợp của

họ bị cản trở vì sự bất

đồng ngày càng tăng về vấn

đề Liên bang Malaysia mới thành lập

phải là một xã hội đa chủng

tộc hay là một nước do người

Malay thống trị.

Singapore lựa chọn hình thức li dị, chứ không phải
các thủ tục pháp lý của vấn
đề đó. Nếu mà phải li dị,
thì tôi muốn bảo đảm rằng các điều khoản phải thực tế, khả
thi và dứt khoát. Để
chắc chắn rằng tuyệt đối không còn
chút hồ nghi nào về tính chất
dứt khoát của nó, chính phủ
Singapore đã cho đăng hai lời tuyên bố đó trên tờ công báo đặc
biệt phát hành sáng hôm đó.

Tôi đã hỏi xin – và Thủ
tướng Malaysia đã chấp thuận –
văn bản tuyên bố của ông có
kèm chữ ký để bảo đảm
không có chuyện lật ngược vấn

đề, cho dù các nhà lãnh đạo

khác hay đại biểu quốc hội

Malaysia có bất đồng với bản

tuyên bố này. P.S. Raman, Giám đốc

đài phát thanh và truyền hình

Singapore đã nhận được các

văn kiện này từ tay thư ký Văn

phòng chính phủ. Ông ta quyết định

cho đọc lại toàn văn, bằng tiếng

Malay, Quan thoại và tiếng Anh, trên ba làn

sóng riêng cho từng thứ ngôn ngữ

và cứ nửa giờ thì lặp lại

một lần. Chỉ vài phút sau, các

hãng thông tấn đã chuyển tin này

đi khắp thế giới.

Tôi đã khởi đầu công việc ngày hôm

đó, thứ Hai ngày 9/8, bằng một loạt những buổi họp với các công chức cao

cấp, nhất là các vị có thẩm

quyền cấp liên bang, để thông báo

với họ rằng các bộ trưởng

Singapore bây giờ sẽ nắm quyền kiểm

soát. Lúc gần 10 giờ, khi bản tuyên

bố sắp được phát đi, tôi

đi gặp các viên chức thuộc các

ngoại giao đoàn tại Singapore mà họ

có thể tới dự họp gấp được.

Tôi nói với họ về việc chia tách

và nền độc lập của Singapore, và

đề nghị chính quyền của họ

công nhận.

Khi các nhà ngoại giao ra về, tôi mời vị phụ tá cao ủy Ấn Độ và tổng lãnh sự Ai Cập nán lại và đưa cho họ lá thư gửi Thủ tướng Shastri và Tổng thống Nasser. Ấn Độ và Ai Cập hồi đó, cùng với Indonesia, là những nước lãnh đạo phong trào Á Phi. Trong những thư ấy, tôi yêu cầu họ công nhận và ủng hộ. Với Ấn Độ, tôi yêu cầu giúp đỡ cố vấn để huấn luyện quân đội, và với Ai Cập, tôi xin một cố vấn để xây dựng lực lượng phòng vệ duyên hải.

Gần trưa, tôi đến Đài phát thanh và truyền hình Singapore để mở cuộc họp

báo. Cuộc họp này có một kết
quả bất ngờ ngoài dự kiến. Sau
một vài câu hỏi và trả lời
mở đầu, một phóng viên đã
hỏi: “Ông có thể sơ lược
cho chúng tôi về chuỗi sự kiện
đã dẫn tới bản tuyên bố
sáng nay không?”

Tôi đã kể

lại những cuộc họp với Thủ tướng

Malaysia tại Kuala Lumpur trong hai ngày trước đó:

“Nhưng Thủ

tướng Malaysia nói rất đơn giản rằng

không có cách nào khác, và sẽ

có rất nhiều rắc rối nếu chúng

ta cứ nhất định tiếp tục thế này. Và tôi muốn

nói thêm – Ngài thấy đó,
đây là một thời điểm để – mỗi khi chúng tôi nhìn lại thời
điểm ấy khi chúng tôi ký thỏa
ước, vốn có lợi cho cả Malaysia
lẫn Singapore, đó sẽ là một thời
điểm đầy băn khoăn vì cả
đời mình tôi đã tin tưởng
vào sự hội nhập và thống nhất
của hai miền lãnh thổ này. Đó
là một dân tộc được nối
kết nhau về địa lý, kinh tế và
những mối dây thân thuộc... Các
vị có phiền không nếu chúng ta
ngưng một lát?”

Vào lúc đó, những xúc cảm dâng trào trong tôi
và phải hai mươi phút sau tôi mới có thể lấy lại

bình tĩnh và tiếp tục cuộc họp báo.

Đó không phải buổi truyền hình trực tiếp,
vì đài chỉ phát sóng từ 6 giờ tối. Tôi yêu cầu P.S.

Raman cắt bỏ đoạn tôi bị xúc
động.

Ông ta đã tích cực khuyên tôi

đừng làm thế. Ông ta nói báo

chí chắc chắn sẽ tường thuật

sự kiện đó, và nếu ông cắt

bỏ thì những tường thuật của

họ sẽ khiến sự kiện có vẻ

tồi tệ hơn. Tôi nhận ra Raman, một

trí thức người Tamil sinh ở Madras và

là một công dân Singapore trung thành,

quả là một cố vấn khôn ngoan.

Tôi đã theo lời khuyên của ông

ta. Và do đó, nhiều người ở

Singapore và nước ngoài đã thấy

cảnh tôi không kiềm chế được

xúc cảm của mình. Tối hôm đó,

Đài phát thanh và truyền hình

Malaysia ở Kuala Lumpur phát hình cuộc họp

báo, có cả đoạn phim ấy. Với

người Hoa, lộ ra sự kém cứng cỏi

là một việc không nên. Nhưng tôi

đã không kiềm mình được.

Có điều cũng an ủi là nhiều

khán giả ở Anh, Úc và New Zealand đã

nảy sinh thiện cảm với tôi và Singapore. Họ đang quan tâm

tới Malaysia vì quân đội của họ đang bảo vệ liên

bang này chống lại lực lượng “Đội

đầu", một mỹ từ mà Tổng

thống Sukarno của Indonesia dùng để gọi cuộc chiến không tuyên
bố và quy mô nhỏ của ông ta nhằm chống lại cái Liên bang "thực
dân mới" đang bành trướng
này.

Tôi đã bị

quá căng thẳng về mặt tình cảm,

đã trải qua ba ngày đêm trần trở khổ sở. Thiếu

ngủ mãi từ tối thứ Sáu tại

Kuala Lumpur, thể lực của tôi hầu như

kiệt quệ. Tôi bị đè nặng

bởi một mặc cảm phạm tội. Tôi

thấy mình đã làm thất vọng

hàng triệu người ở Malaysia: những

kiều dân Ân, Hoa, Á-Âu và

thậm chí cả một số người

Malay nữa. Tôi đã khơi dậy hy vọng

cho họ, và họ đã đứng cùng

dân Singapore để chống lại quyền

lãnh đạo của người Malay, nguồn

gốc cuộc tranh đấu của chúng tôi.

Tôi thấy xấu hổ vì đã để

mặc các đồng minh và người

ủng hộ chúng tôi phải tự thân

vận động, trong đó có cả

các lãnh tụ đảng phái tại

những tiểu bang của Malaysia như Sabah,

Sarawak, Perak, Selangor và Negeri Sembilan. Chúng tôi đã cùng
nhau thành lập Minh ước

Đoàn kết Malaysia để tập trung và

phối hợp các hoạt động của

chúng tôi nhằm huy động nhân dân

đấu tranh cho một xã hội phi sắc
tộc. Chúng tôi đã khởi sự
xây dựng một liên minh có thể
đòi hỏi chính quyền Liên hiệp
ở Kuala Lumpur phải tạo một nước
Malaysia cho người Malaysia, chứ không phải
riêng cho người Malay – một công
việc không dễ dàng gì, bởi vì
chính phủ Liên hiệp đương
quyền đang nằm dưới sự không
chế của đảng UMNO (United Malays National
Organization – Tổ chức quốc gia thống
nhất người Malay) của Thủ tướng
Malaysia.

Tôi cũng cảm thấy ray rứt và ân hận vì đã giấu diếm các thủ
tướng Anh, Úc và New Zealand.

Trong ba tuần qua, trong khi họ dành một sự ủng hộ lặng lẽ và mạnh mẽ

cho tôi và Singapore để

tìm một giải pháp hòa bình cho các vấn

đề sắc tộc của Malaysia, thì tôi đã bí mật thương thảo

về việc chia tách.

Những ý nghĩ

này đã giày vò tôi trong suốt

ba tuần lễ đàm phán với Razak,

Phó Thủ tướng Malaysia. Khi mà cuộc

đấu tranh ý chí ấy còn tiếp

tục thì tôi còn giữ được

bình tĩnh. Nhưng khi công việc đã

xong thì cảm xúc lại hoàn toàn

chế ngự tôi.

Trong khi tôi xúc động như thế thì các thương

gia tại Chinatown (Phố Tàu) của Singapore

lại quá đổi vui mừng. Họ đốt

pháo chào mừng việc được

thoát khỏi nền cai trị sắc tộc

của người Malay ở Kulua Lumpur và rải

giấy hoa đỏ rực các đường

phố. Tờ báo tiếng Hoa *Sin Chew Jit Poh* tường thuật rằng dân chúng đốt

pháo để đánh dấu ngày

trọng đại này và viết theo lối

bóng gió tiêu biểu của người

Hoa: "Có lẽ rằng họ đã tiến

hành sớm lễ cúng Cô hồn."

Tờ báo cũng thêm một đoạn

khó hiểu: "Trong tâm can mỗi người

là lời cầu nguyện của riêng

mình." Còn tờ *Nanyang Siang Pau* viết: "Trái tim có thể hiểu mà

không cần nói ra.”

Soon Peng Yam, Chủ

tịch Phòng thương mại Hoa kiều

Singapore, công khai chào mừng việc

Singapore tách khỏi Malaysia. Ủy ban của ông ta sẽ họp vào ngày
hôm sau để

thảo luận việc bảo trợ một buổi

lễ mừng nền độc lập của hòn

đảo này chung cho tất cả các

ngành đoàn, hiệp hội, phường

hội và các tổ chức dân sự.

Ông ta nói: “Giới doanh nghiệp nói

chung cảm thấy rất nhẹ nhõm trước

những biến chuyển chính trị gần

đây.”

Các nhà đầu tư cũng không cảm thấy nổi bần

khoản của tôi. Việc chia tách đã
làm bột phát hoạt động của
thị trường chứng khoán. Ngay ngày
hôm đó, các phòng giao dịch của
Sở giao dịch chứng khoán Singapore–Malaysia
(chưa đổi tên kịp) tại Singapore và
Kuala Lumpur đã ghi nhận một mức tăng
gấp đôi khối lượng giao dịch
so với những ngày hoạt động mạnh
nhất của tuần trước. Ngày kế
đó, các nhà đầu tư đã
xác định độc lập là thuận
lợi cho kinh tế và vốn đã luân
chuyển mạnh hơn nữa. Giá của 25
trong số 27 chứng khoán công nghiệp đã

tăng mạnh.

Tại trung tâm thành phố, ngược lại, đường
phố vắng hoe vào buổi chiều ngày

9/8. Tối hôm trước, tôi đã

thông báo cho John Le Cain, quận trưởng

cảnh sát Singapore, về bản tuyên bố

sắp tới, và đã đưa cho ông

ta một lá thư của Ismail bin Dato Abdul

Rahman, Bộ trưởng nội vụ liên

bang, yêu cầu ông từ đây nhận

lệnh từ chính phủ Singapore. Le Cain đã

triển khai các đơn vị cảnh sát

dự bị, các lực lượng bán

quân sự chuyên đối phó với

bạo loạn, đề phòng trường

hợp những người Malay ủng hộ đảng

UMNO tại Singapore gây loạn để chống

đối việc chia tách. Dân chúng đã

mau chóng cảm nhận được nguy hiểm

nhờ vào kinh nghiệm từ hai vụ bạo

động của người Hoa và Malay vào

năm trước, 1964. Sự có mặt của

các lực lượng chống bạo động

với những xe chuyên dụng, trang bị vòi

rồng và có lưới sắt bảo vệ

cửa kính để chống tạc đạn,

lại càng nhắc nhở người ta cẩn

thận. Nhiều người dân đã

quyết định rời sở về nhà

sớm hơn thường lệ.

Hôm đó trời nóng và ẩm, kiểu thời tiết

tiêu biểu của tháng 8. Lúc chiều

tôi, trời dịu đi và tôi rất
mệt mỏi. Nhưng tôi quyết tâm giữ
nề nếp vận động hàng ngày
để giảm căng thẳng. Tôi bỏ ra
hơn một giờ để quạt 150 phát
banh gôn trong bãi tập trước Sri
Temasek, tòa nhà lưu trú chính thức
của tôi thuộc khuôn viên Istana (trước
đây là Dinh chính phủ). Việc này
khiến tôi thấy khỏe hơn và ăn
tôi ngon miệng hơn trước khi gặp gỡ
ngài Head, Cao ủy Anh tại Kuala Lumpur.

Thư ký của tôi đã nhận được điện
thoại gọi từ văn phòng ngài
Antony Head vào 9 giờ 30 sáng hôm đó,
và bởi vì lúc ấy là chỉ

có 30 phút trước khi đưa ra bản

tuyên bố nên thư ký của tôi

báo rằng tôi rất bận. Head đã

hỏi là có thể gặp tôi vào

chiều tối được không. Tôi đã

gửi điện sang đó đề nghị

gặp lúc 8 giờ. Rồi chúng tôi

nhất trí gặp gỡ lúc 7 giờ 50.

Vào giờ đó, ông ta tới Sri Temasek (vì lý do an ninh

tôi đã không về nhà riêng

ở đường Oxley) và thấy Wei Ling,

con gái 10 tuổi của tôi trong bộ áo

thun quần short đang chơi ở ngưỡng

cửa.

- Ông muốn gặp ba cháu hả? – nó hỏi ngài

Head.

Đó quả là một lời chào không kiểu cách
nhưng thích hợp, vì cùng với
nền độc lập, những quan hệ của
tôi với ông ta đột nhiên trở
nên mơ hồ hơn. Tôi bước ra
đúng lúc để chào đón
khi ông ta bước ra khỏi xe, và tôi
hỏi: “Ông sẽ nói chuyện nhân
danh ai đây?”

- Ồ, dĩ nhiên – ông ta đáp – ông biết
đó, tôi được cử làm
đại diện tại một chính phủ
nước ngoài.
- Chính xác là thế. Ông có được giao thẩm
quyền để nói chuyện với tôi
về quan hệ của Singapore với nước

Anh không?

- Không.
- Vậy đây là cuộc gặp hai người, chỉ nói chuyện phiếm thôi.
- Nếu ông muốn nó như thế.

Và nó đã như thế.

Khi mô tả cuộc gặp gỡ này cho một nhóm các

phóng viên Anh và Úc vào cuối

tháng đó, tôi đã cố gắng

tạo ấn tượng ấy là cuộc

chạm trán của hai đối thủ. Sự

thực, suốt thời gian đó lòng tôi

nặng trĩu. Thái độ của Head khiến

tôi có ấn tượng. Cung cách của

ông xứng đáng với một sỹ

quan Vệ binh xuất thân từ trường

Võ bị Sandhurst. Ông từng là Bộ
trưởng quốc phòng hồi liên quân
Anh–Pháp chiếm đóng kênh Suez
năm 1956, và từ chức cùng lúc
với Anthony Eden¹, chấp nhận trách nhiệm cho vụ triệt
thoái. Ông thuộc giới thượng lưu
Anh, rất giỏi việc giữ bình thần
trong mọi tình huống.

Ông ta đã cố hết sức để ngăn cản việc
chia tách này. Ông đã tận lực
để thuyết phục Thủ tướng
Malaysia và chính phủ liên bang theo các
chính sách có thể xây dựng sự
thống nhất tại Malaysia. Cả ông ta, và
Cao ủy Anh làm việc trực tiếp với
Thủ tướng Malaysia và các bộ trưởng, cũng

như Thủ tướng Anh Harold Wilson tại

London đã dành cho tôi sự ủng hộ

vô hạn để tìm một giải pháp

hợp hiến cho cuộc tranh chấp giữa

Singapore và Kuala Lumpur. Họ đã kiên

định, một cách thành công, rằng

tuyệt không nên dùng vũ lực. Nếu

họ không làm thế thì hẳn kết

quả đã đổi khác. Nhưng chia

tách chắc chắn không phải giải

pháp mà họ lao tâm khổ trí để

tìm kiếm.

Nhưng bất kể

sự có mặt của khoảng 63.000 lính

Anh, hai hàng không mẫu hạm, 80 chiến

hạm và 20 phi đội tại Đông

Nam Á để phòng vệ Liên bang, ông
ta cũng không thể chống lại sức
mạnh của tinh thần sắc tộc Malay. Các
lãnh tụ Malay, kể cả Thủ tướng
Malaysia, e rằng nếu chia sẻ quyền lực
chính trị với các sắc tộc khác,
thì người Malay sẽ bị nuốt gọn.
Đó chính là mấu chốt của
vấn đề. Ông Head đã không
hiểu điều này. Chính tôi ban đầu
cũng không hiểu, nhưng tôi đã
dần hiểu ra trước ông ấy vì
tôi đã có nhiều thời gian tiếp
xúc hơn với Tunku, Razak và Ismail. Và
tôi nói được tiếng Malay, còn

Head thì không. Tôi còn nhớ được

những sự kiện biểu hiện sự rạn

nứt và thù nghịch giữa người

Malay và các sắc tộc khác trong quá

khứ của tôi, nhất là những ngày

học đại học Raffles vào năm 1940

và 1941. Tôi hiểu người Malay rõ

hơn. Nên vào cuối tháng 6/1965, tôi

đọc được tin rằng Thủ tướng

Tunku ngã bệnh herpes (mụn rộp do vi khuẩn)

tại London, tôi đã e rằng ông sẽ

không chịu nổi nữa.

Head và tôi gặp gỡ trong khoảng một tiếng, và tôi

đã cố trình bày rõ mọi

chuyện cho ông. Nhưng làm sao tôi giải

thích với ông được rằng, sau

cuộc gặp gỡ tay đôi giữa tôi

và Razak ngày 29/6 tại văn phòng của

ông ấy tại Kuala Lumpur, tôi đã

thấy chẳng còn hy vọng gì mấy

về một giải pháp hòa bình cho

các vấn đề của chúng tôi?

Head và tôi đều tự kiểm chế

trong cuộc trao đổi. Ông ta không đưa

ra lời trách cứ nào, mà chỉ tỏ

ra rất tiếc là tôi đã không

thông báo kịp thời cho ông ta và

chính phủ Anh về những diễn biến,

về phần mình, tôi cảm thấy rất

buồn vì phải giấu kín với ông

ta về những diễn biến trong ba tuần

trước khi kết thúc bằng việc chia
tách. Tôi nghĩ ông trông cũng buồn
bã vậy. Nhưng nếu tôi nói với
Head rằng Tunku muốn chúng tôi tách
khỏi Malaysia, mặc dù điều tôi
muốn là một liên bang rộng rãi
hơn, thì chắc hẳn ông ta đã
tìm được cách ngăn chặn
Tunku vì việc Singapore tách riêng và
độc lập là đi ngược lại
quyền lợi của Anh. Rồi những bạo
loạn sắc tộc có thể đã
phải được tính tới. Mười
bảy giờ sau cuộc gặp gỡ, chính
phủ Anh đã công nhận Singapore độc

lập.

Sau khi Head ra về, tôi đã có rất nhiều thảo luận qua điện thoại với các đồng sự trong nội các để trao đổi ý kiến về việc tình hình đã ra sao và kiểm điểm lại các diễn biến. E ngại một sự rạn nứt sâu xa trong nội các và trong những đại biểu quốc hội, tôi đã yêu cầu từng Bộ trưởng ký vào Thỏa ước chia tách ngay vì tôi biết rằng một số người sẽ kịch liệt chống đối.

Nhưng tôi phải tiếp tục với việc điều hành đất nước Singapore mới mẻ này.

Gần như suốt ngày hôm đó

tôi làm việc với cộng sự thân
tín là Goh Keng Swee, chúng tôi phải
giải quyết các vấn đề an ninh và
quốc phòng. Tôi đã quyết định
sáp nhập Bộ Nội vụ với Bộ
Quốc phòng và giao cho ông ta phụ
trách. Nhưng rồi ai sẽ thay ông ta làm
Bộ trưởng tài chính? Chúng tôi
nhất trí chọn Lim Kim San. Vấn đề
kế tiếp là sự công nhận quốc
tế và những quan hệ tốt đẹp
với những nước có thể hỗ
trợ giữ gìn an ninh và sinh tồn cho
Singapore. Chúng tôi đã nhất trí
rằng S. Rajaratnam, thành viên sáng lập

của đảng PAP (People's Action Party –

Đảng hành động nhân dân) của

chúng tôi, sẽ đảm trách Bộ

Ngoại giao. Chúng tôi vẫn trong tình

trạng rối loạn, chưa thích nghi với

thực tế mới mẻ và lo sợ những

bất trắc ở phía trước.

Chúng tôi đối mặt với một tương lai u ám.

Singapore và Malaysia, nối với nhau bằng một con đường đắp băng qua eo Johor, vốn

đã do người Anh cai trị như một

lãnh thổ thống nhất. Malay a là nội

địa của Singapore, cũng như của

Sarawak, Brunei và Sabah trên đảo Borneo vậy.

Tất cả là bộ phận của Đế

quốc Anh tại Đông Nam Á, với

Singapore đóng vai trung tâm hành chính

và thương mại. Bây giờ chúng

tôi phải đứng một mình, còn

chính phủ Malaysia lại muốn dạy chúng

tôi một bài học vì đã

cứng đầu, đã không chịu tuân

theo các tiêu chuẩn và tập quán

của họ và thích nghi với cơ cấu

của họ. Chúng tôi có thể chờ

đợi họ loại chúng tôi khỏi

vị trí cửa ngõ xuất nhập khẩu

hàng hóa và nguồn cung cấp nhiều

dịch vụ khác. Trong một thế giới

đầy những quốc gia mới, mọi nước

đều theo đuổi các chính sách

kinh tế quốc gia, ai cũng muốn tự mình
làm lấy mọi thứ và trực tiếp
làm việc với những khách mua khách
bán ở châu Âu, Bắc Mỹ hay Nhật
Bản, làm sao Singapore đứng vững khi
không có nội địa phía sau? Như
thế, làm sao chúng tôi sống được?
Ngay cả nguồn nước sinh hoạt của
chúng tôi cũng đến từ bang Johor
của Malaysia. Tôi còn nhớ rất rõ
người Nhật đã chiếm những hồ
dự trữ nước ở đó vào
đầu tháng 2/1942 như thế nào, rồi
nhờ đó tiêu diệt lực lượng
phòng thủ Anh ra sao, tuy rằng lúc đó

vẫn còn nước trong các hồ chứa

tại Singapore.

Một số quốc gia được độc lập từ khi lập

quốc, một số khác phải giành

mới được. Singapore thì bị bắt

phải độc lập. Khoảng 45 cựu thuộc

địa của Anh đã tổ chức trọng

thể các buổi lễ để chính

thức hóa và chào mừng việc

chuyển giao quyền lực từ người Anh

sang chính quyền bản xứ. Còn

Singapore, ngày 9/8/1965 chẳng là dịp lễ

ngì gì cả. Chúng tôi chẳng hề

mưu cầu độc lập. Trong một cuộc

trưng cầu dân ý ba năm trước

đó, chúng tôi đã thuyết

phục 70% cử tri đoàn bỏ phiếu tán
thành sáp nhập với Malaya. Kể từ
đó, nhu cầu của Singapore muốn trở
thành một phần của Liên bang trong một
chính thể chính trị, kinh tế và
xã hội đã không hề thay đổi.
Đã không có gì thay đổi –
chỉ có điều chúng tôi bị
loại ra ngoài. Chúng tôi đã nói
rằng một Singapore độc lập là
không thể đứng vững. Bây giờ
nhiệm vụ chẳng ai muốn của chúng
tôi là làm cho Singapore sống được.
Làm sao chúng tôi xây dựng được
một quốc gia từ một tập hợp đa

ngôn ngữ gồm các kiểu dân từ

Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia, Indonesia và

nhiều nước châu Á khác?

Singapore là một hòn đảo với diện tích 214 dặm

vuông lúc triều thấp. Nó phát

triển vì nó là trung tâm của

Đế quốc Anh tại Đông Nam Á,

sau chia tách, nó trở thành một trái

tim mà không có thân thể. 75% của

số dân 2 triệu người ở đây

là người Hoa, một thiểu số nhỏ

xíu trong một quần đảo có tới

30.000 đảo với cư dân gồm hơn

100 triệu người Malay hoặc người

Indonesia Hồi giáo. Chúng tôi là một

hòn đảo người Hoa giữa một

biên người Malay. Làm sao chúng tôi
tồn tại được trong một môi
trường thù địch như thế?

Tình trạng thù địch là quá rõ ràng: Để
gây thêm khó khăn, người Indonesia
còn tiến hành phong trào “Đổi
đầu” chống lại Malaysia khi Liên
bang này hình thành vào tháng
9/1963, đó là một cuộc chiến cấp
thấp bao gồm sự tẩy chay kinh tế, những
hành động khủng bố do những biệt
kích xâm nhập vào Singapore để
đánh bom và những tấn công quân
sự bằng cách nhảy dù vào
Johor. Người Hoa ở Malay a và Singapore biết
rằng chính quyền Indonesia cũng chèn

ép ngay cả ba triệu Hoa kiều sống trên
đất Indonesia.

Trong khi đó, không những hoạt động nhập và
tái xuất vốn là chỗ dựa của
Singapore từ khi được thành lập
năm 1819, phải đối mặt với một
tương lai bất trắc, mà ngay vị trí
chiến lược của nó đối với
người Anh trong việc kiểm soát khu vực
này của đế quốc cũng biến
mất khi Đế quốc Anh tan rã. Nền
kinh tế của Singapore sẽ bị ảnh hưởng
nghiêm trọng khi sự hiện diện của
người Anh đột ngột cắt giảm.

Chi phí quân sự của Anh tại Singapore
đem lại đến 20% GDP, quân đội

này tạo công ăn việc làm trực
tiếp cho 30.000 công nhân và công việc
gián tiếp cho 10.000 nhân công nữa,
chưa kể những người cung ứng cho họ
những dịch vụ khác. Quân đội
Anh đã tạo công ăn việc làm
cho hơn 10% lực lượng lao động vào
thời điểm mức tăng dân số
2,5% mỗi năm đang gây áp lực lớn
với chính phủ về vấn đề
nhân dụng cũng như giáo dục, y tế
và nhà ở.

Nhưng trong lúc này, tôi thấy an tâm và nhẹ
nhõm là chúng tôi đã trải
qua ngày hôm đó mà không gặp
rối loạn gì. Quá nửa đêm

tôi mới lên giường, mệt mỏi
nhưng không buồn ngủ. Mãi đến
2 hay 3 giờ sáng tôi mới kiệt sức
ngủ thiếp đi, thỉnh thoảng vẫn
giật mình không an giấc khi tiềm thức
của tôi vật vã với các ưu
tư. Làm sao tôi giải quyết được
chúng? Tại sao chúng tôi lại đi
tới chỗ đáng tiếc này? Phải
chẳng đây là kết quả sau cùng
của 40 năm học tập, làm việc và
đấu tranh? Tương lai sẽ có gì
cho Singapore? Tôi sẽ dành 40 năm kế
tiếp để tìm cho ra câu trả lời
cho các câu hỏi hóc búa ấy.

2 LỚN LÊN

Hồi ức sống động và xa xưa nhất của tôi
là chuyện bị xách lỗ tai trên
miệng giếng trong khuôn viên một tòa
nhà gia đình tôi sống hồi đó,
nơi bây giờ là đường
Tembeling của Singapore. Lúc ấy, tôi được chừng 4 tuổi.
Tôi rất nghịch ngợm và đã phá phách hộp
dầu chải đầu hiệu 4711 màu xanh
nhạt thơm phức và đắt tiền
của cha tôi. Tính tình của ông
rất nóng nảy và tối hôm đó
cơn giận của ông đến tung cả
mái nhà. Ông tóm lấy gáy tôi,

lôi từ trong nhà ra giếng và xách

tôi lơ lửng ở trên đó. Làm

sao tai tôi lại dai đến nỗi không

toác ra cho tôi rơi xuống giếng như

thế? Năm mươi năm sau, vào thập

niên 1970, tôi đọc trong tờ Scientific American một bài báo giải thích sự

đau đớn và chấn động đã

tiết chất peptit vào não bộ thể

nào, rồi ghi dấu ấn sâu đậm

trong các tế bào thần kinh nên chắc

chắn rằng biến cố đó sẽ

được ghi nhớ mãi rất lâu sau

này.

Tôi chào đời ở Singapore ngày 16/9/1923 trong một căn nhà lớn hai tầng số 92 đường Kampong

Java. Mẹ tôi, bà Chua Jim Neo lúc đó

16 tuổi. Cha tôi, ông Lee Chin Koon, mới 20.

Ông bà hai bên của tôi đã

tổ chức đám cưới cho cha mẹ

tôi một năm trước đó. Cả

hai gia đình hẳn đã nghĩ như

thế là môn đăng hộ đối,

vì sau này họ còn cưới em gái

cha tôi cho em trai mẹ tôi nữa.

Cha tôi là con nhà giàu có. Ông thường tự

hào kể với chúng tôi rằng khi

còn nhỏ, cha của ông, tức ông

nội tôi, đã cho ông một sổ

nợ vô giới hạn tại hai cửa hàng

bách hóa hàng đầu trong thương

xá Raffles hồi đó là Robinson và

John Little, tại đây ông có thể ghi sổ bất cứ bộ quần

áo hay món hàng nào mà ông

muốn có. Ông được học chương

trình Anh tại Học viện Thánh Joseph, một trường

học Thiên chúa giáo do các ông

cha dòng De La Salle thành lập năm 1802. Ông kể rằng ông đã đậu
tiểu

học, sau đó ông thôi học khiến

cả ông lẫn mẹ tôi còn tiếc

mãi. Không nghề nghiệp, ông chỉ

có thể xin được chân bán

hàng cho Công ty xăng dầu Shell khi tài sản của cả hai nhà nội ngoại
đều

tan tành vì cuộc Khủng hoảng kinh tế

thế giới.

Lịch sử gia đình tôi tại Singapore bắt đầu với ông

cổ nội của tôi, Lee Bok Boon, một người Hakka (người Hẹ). Người
Hakka là

người Hán miền đồng bằng Hoa

trung và Hoa bắc di cư đến Fujian (Phúc Kiến), Guangdong (Quảng Đông) và các

tỉnh khác ở Hoa Nam khoảng 700 đến

1.000 năm trước, và vì là kẻ

đến sau, họ chỉ có thể sống

chen chúc trên những mảnh đất đồi

kém màu mỡ không có dân địa

phương cư ngụ. Theo văn bia trên mộ

ông cố ở sau căn nhà của ông

tại Trung Quốc, Lee Bok Boon ra đời năm 1846 tại làng Tangxi, quận Dabu, Guangdong. Ông theo tàu di cư sang Singapore. Gia đình chẳng biết gì về ông từ sau đó

đến năm 1870 khi ông cưới một

cô gái người Hoa, Seow Huan Neo, sinh tại Singapore trong gia đình một tiểu thương.

Năm 1882, ông cố

tôi quyết định rằng mình đã
kiếm được đủ tiền để
trở về làng quê ở Trung Quốc,
xây một cái nhà lớn và trở
thành quan chức trong làng. Tuy nhiên, bà cố nội tôi không muốn
xa gia đình
bà ở Singapore để tới một nơi
chưa từng biết tới. Theo lời ông
nội tôi, lúc đó mới 10 tuổi,
các con cái và bà cố nội tôi
đã sang trốn bên nhà gia đình
bà trên đường Ah Hood. Ông cố
Lee Bok Boon trở về Trung Quốc một mình.
Ở đó ông lấy vợ khác, xây
một căn nhà lớn và đường
hoàng mua một chức quan nhỏ. Ông cho

vẽ chân dung mình trong quan phục rồi
gửi sang Singapore cùng một bức khác
về một ngôi nhà kiến trúc kiểu
Trung Quốc truyền thống cùng một
khoảng sân và những mái ngói
xám. Bức tranh về căn nhà thì
nay đã mất, nhưng bức chân dung
ông cố tôi thì còn.

Ông nội tôi, Lee Hoon Leong – mà tôi vẫn quen gọi
là Kung, trong tiếng Trung Quốc nghĩa là ông – sinh ra ở Singapore
năm 1871, cha tôi nói ông nội học tại Học viện
Raffles tới lớp 5, tương đương
với năm đầu cấp trung học ngày
nay. Ông nội kể cho tôi nghe là ông
làm việc pha chế thuốc trong tiệm
thuốc khi thôi học, nhưng vài năm

sau, ông đi làm quản lý trên một

con tàu chở hàng đi lại giữa

Singapore và vùng Đông Ấn thuộc

Hà Lan².

Con tàu này thuộc một đội tàu

của hãng Heap Eng Moh Shipping Line mà ông chủ là Oei Tjong Ham, một triệu phú

người Tàu làm vua ngành đường

mía ở Java.

Trong một đợt nghỉ, ông cưới bà nội tôi,

Ko Liem Nio, tại Semarang, một thành phố

miền trung Java. Có một văn bản bằng

tiếng Hà Lan, ghi ngày 25/3/1899, do Tòa mồ côi Semarang³ cấp phát, cho phép Ko Liem Nio, 16 tuổi,

được cưới Lee Hoon Leong, 26 tuổi.

Phần bồi thự ghi ở mặt lưng cho

biết hôn lễ đã được cử

hành ngày 26/3/1899. Cha tôi ra đời

tại Semarang năm 1903. Nhưng ông là thân dân Anh theo dòng dõi, vì cha của

ông – Kung – là dân Singapore. Sau khi có con, Kung mang vợ con trở về Singapore và sinh sống suốt đời ở đó.

Tài sản của ông tăng dần khi ông được Oei

Tiong Ham tin cậy và ủy quyền cho ông

quản lý mọi công việc của hãng

tại Singapore. Kung nói cho tôi nghe ông đã được tin cẩn thế nào đến

độ năm 1926, bằng quyền hạn của

mình, ông đã tặng 150.000 đôla,

hồi đó là số tiền rất lớn,

từ quỹ của ông Oei cho việc xây

dựng đại học Raffles.

Giữa cha tôi và ông nội tôi thì không thể xác

định tôi kính trọng ai hơn. Ông

nội thương và nuông chiều tôi.

Còn cha tôi, người giữ kỷ luật
trong gia đình, thì khó tính với
tôi. Ông nội tôi đã gây
dựng được một gia sản lớn.
Cha tôi chỉ là cậu con nhà giàu,
chẳng có gì để kể về chính
ông.

Khi tài sản gia đình suy kiệt trong thời khủng hoảng
kinh tế thế giới vốn làm giá
cao su giảm từ 80 xu một cân Anh (khoảng 450gr) năm 1927 xuống
còn 20 xu năm 1930, Kung đã bị thiệt hại nặng. Rõ
ràng ông không khôn ngoan trong kinh doanh bằng ông ngoại tôi là
Chua Kim Teng.
Tài sản của ông ngoại Chua cũng
bị thiệt hại vì ông đã đầu

tư vào đồn điền cao su và
đầu cơ trong thị trường cao su.

Nhưng ông cũng thâm nhập thị trường
bất động sản nữa. Ông sở hữu
nhiều sạp chợ và cửa hàng nên
không bị sụp đổ hoàn toàn
như ông nội Kung của tôi. Nên năm
1929 cha mẹ tôi đã dọn từ nhà
ông nội sang ở trong căn nhà lớn
mà bừa bộn của ông ngoại trên
đường Telok Kurau.

Ông nội tôi đã bị Tây phương hóa, do
nhiều năm làm việc trên tàu buôn
chung với người Anh, từ thuyền trưởng, máy trưởng tới các nhân
viên.

Ông thường kể lại cho tôi nghe

những kinh nghiệm và chuyện trên tàu

thì người ta kỷ luật tới mức

nào. Thí dụ, dù cho khí hậu

nhật đới nóng và ẩm, thuyền

trưởng và các thuộc viên vẫn

phải mặc bộ đồ vải trắng gài

nút kín cổ để ăn tối với

đầy đủ dao muổng nĩa và khăn

ăn được bày dọn đàng

hoàng. Qua lời ông kể về những

chuyến hải hành trong khu vực thì rõ

ràng các sỹ quan Anh ấy đã để

lại trong ông dấu ấn sâu đậm

về tính trật tự, sức mạnh và

hiệu năng.

Khi tôi ra đời, gia đình đã hỏi ý một
người quen thông thạo chuyện con cái
để tìm tên tốt đặt cho tôi.
Ông đã đề nghị chữ “Kuan
Yew”, trong tiếng Quan thoại là *guang yao*, nghĩa là “thông minh
và sáng láng”.

Nhưng ông nội tôi, vì lòng
ngưỡng mộ nước Anh, đã thêm
cho tôi tên Harry, nên tên tôi thành
Harry Lee Kuan Yew. Hai em trai tôi, Kim Yew và Thiam Yew,
cũng có tên thánh Tây phương
như thế – lần lượt là Dennis
và Freddy. Thời đó ít có người
Hoa không theo đạo Thiên chúa lại
có tên thánh như thế, nên sau
này đi học tôi thấy mình kỳ
cục với cái tên Harry. Khi em út của

tôi, Suan Yew, ra đời năm 1933, tôi đã thuyết phục cha mẹ tôi
đừng đặt

tên thánh làm gì vì gia đình

đâu có theo đạo Thiên chúa.

Tuy ông nội tôi không còn đủ tiền để sống

và ăn mặc đúng cung cách nữa,

nhưng ông vẫn còn giữ được

những dấu tích của thời sung túc

trước đây, trong đó có mấy

món đồ nội thất rất đẹp

nhập từ Anh hồi thập niên 1910. Hơn

nữa, ông còn là tay sành ăn.

Mỗi bữa ăn với ông là một

nghi thức. Bà nội tôi nấu ăn cũng

giỏi. Bà có thể chiên thịt bò

với nhục đậu khấu tới vàng

sậm mọng nước, dọn chung với khoai

tây được chiên vàng ươm

nhưng không nhảy mỡ, vốn là chi

tiết mà ông nội tôi rất đề

ý. Tôi có ấn tượng rõ

ràng rằng ông nội tôi là người

đã vươn lên trong cuộc sống

và biết sống sao cho ra sống.

Ông khác biệt rất rõ với ông ngoại tôi. Ông

Chua Kim Teng không hưởng nền giáo dục Anh và cũng không làm
ăn hợp tác

với các viên chức Anh hay các triện

phủ người Hoa trong ngành đường.

Ông sinh ra ở Singapore năm 1865 trong gia đình gốc Hakka ở
Malacca. Ông giàu lên nhờ

làm lụng chăm chỉ và sống tiết

kiệm, dùng tiền để dành được
đầu tư một cách thận trọng
vào ngành cao su và bất động
sản.

Ông đã lấy vợ ba lần. Hai người vợ đầu
đã mất và bà vợ thứ ba là

bà ngoại tôi, Neo Ah Soon, một phụ nữ

Hakka vai rộng quê ở Pontianak trong vùng đảo Borneo thuộc Hà
Lan. Bà nói

được tiếng Hakka và tiếng Malay

của người Indonesia. Khi bà lấy ông

ngoại tôi, bà đã có một

đôi chồng với hai con riêng, người

chồng trước đã chết ít lâu

sau khi có đứa con thứ hai. Bà có

với ông Chua bảy người con trước

khi chết vào năm 1935. Còn ông ngoại
tôi chết năm 1944, thời người Nhật
chiếm Singapore.

Mẹ tôi là con lớn nhất của hai ông bà, và
khi mẹ tôi lấy cha tôi năm 1922 lúc
bà 15 tuổi thì tình hình của
gia đình cả hai bên còn rất sung
túc. Bà còn mang theo được, như
một phần của hồi môn, một cô
hầu nhỏ có nhiệm vụ giúp bà
tắm, lau chân, tháo hoặc đi giày
cho bà. Tất cả những biểu hiện
giàu sang ấy đều đã biến
mất khi tôi nhận thức được
môi trường xung quanh mình vào năm
4 hoặc 5 tuổi. Nhưng ký ức về

thời kỳ tốt đẹp ấy vẫn còn

trong những ảnh chụp xưa của tôi –

một cậu bé mặc đủ thứ áo

quần nhập từ Anh, hay nằm trong một

chiếc xe nôi sang trọng. Nhà của ông

ngoại Chua ở Telok Kurau là một căn nhà trệt rất rộng bằng gỗ và gạch.

Ông và tất cả con cái của bà

vợ thứ ba sống trong căn nhà đó,

mẹ tôi, con gái lớn, cùng với

cha tôi và năm anh em tôi chiếm một

phòng ngủ lớn. Tất cả hợp thành

một đại gia đình trong đó

mọi người sống hòa hợp ngoại

trừ những xung đột nho nhỏ, chủ

yếu vì những đứa cháu nghịch

ngọt và ưa gấu ó. Cứ thế
tôi lớn lên cùng với ba em trai và
một em gái cùng sáu anh em họ trong
cùng một ngôi nhà. Nhưng vì tất
cả chúng nó đều nhỏ tuổi
hơn tôi, nên tôi thường chơi
với những đứa trẻ con nhà ngư
dân người Hoa hay người Malay sống
trong khu gần đó, một cụm chùrng
hai ba chục ngôi nhà lá hay gỗ có
mái tôn trong một ngõ đối diện
nhà ông ngoại tôi. Những ngư dân
này kiếm ăn dọc bãi biển Siglap
cách đó chừng 200 thước.

Đó quả là một thế giới đơn giản. Chúng
tôi chơi điều, bông vụ, bi và cả

cá đá nữa. Những trò chơi
đó hun đúc một tinh thần chiến
đấu và khát khao chiến thắng.
Tôi không biết có phải những
chuyện đó đã chuẩn bị bản
thân tôi cho những cuộc đấu tranh
sau này trong lãnh vực chính trị hay
không. Chúng tôi không mềm yếu,
mà cũng không hư hỏng. Là một
cậu bé, tôi không có những thứ
quần áo giày dép lạ kỳ như
của những đứa cháu tôi ngày
nay.

Chúng tôi không nghèo nhưng chúng tôi cũng không
tràn ngập những đồ chơi, và
cũng không có TV. Nên chúng tôi

phải tháo vát, phải sử dụng trí

tưởng tượng. Chúng tôi đọc,

và điều đó có lợi cho ngữ

vựng của chúng tôi, nhưng hồi đó

chẳng có mấy sách hình cho trẻ

con, và lại đắt tiền nữa. Tôi

mua những truyện rùng rợn rẻ tiền

và theo dõi những cuộc phiêu lưu

của các chú nhỏ – Harry Wharton,

Billy Bunter và các bạn. Tôi sốt ruột

chờ đợi con tàu bưu điện từ

Anh mỗi tuần đến đậu tại bến

Tanjong Pagar vào thứ Sáu, mang theo các tạp chí và truyện tranh của Anh.

Nhưng những thứ này cũng không rẻ.

Khi lớn hơn một chút, tôi sử dụng

thư viện Raffles, nơi có thể mượn

sách đọc trong hai tuần. Tôi đọc

đủ thứ sách nhưng thích truyện

miền viễn tây hơn truyện trinh thám.

Trong những đợt nghỉ, gia đình tôi có thể đến

chơi cả tuần lễ trong ngôi nhà gỗ

của ông ngoại tại đồn điền

cao su của ông ở Chai Chee. Từ đường

Changi, chúng tôi lên đường đi

đồn điền trên một chiếc xe bò

thắng hai con bò do người làm vườn

của bà ngoại tôi điều khiển.

Chiếc xe có bánh gỗ bọc niềng

sắt và không có dàn nhún, nên

nửa dặm trên con đường đất

là đầy những cú dằn xóc

rất buồn cười. Năm mươi năm

sau, 1977, khi tôi đáp máy bay Concord từ

London đi New York bằng qua Đại Tây Dương trong vòng chỉ có
ba giờ,

tôi đã tự hỏi không biết có

người khách đồng hành nào

của tôi từng biết đến niềm

vui của việc ngồi xe bò không.

Tuy nhiên cuộc sống không chỉ là những niềm vui

đơn sơ. Thỉnh thoảng cha tôi lại

về nhà với tâm trạng bức bối

vì thua xì dách hay thứ bài bạc

nào đó tại Câu lạc bộ bơi

lội người Hoa ở đường Amber,

và đòi mẹ tôi đưa món

nữ trang nào đó để đem cầm

rồi trở lại chiếu bạc thử thời
vận lần nữa. Thế là có cãi
nhau kịch liệt và đôi khi cha tôi
rất thô bạo. Nhưng mẹ tôi là
một phụ nữ can đảm quyết tâm
giữ lấy tài sản và đồ cưới
của ông bà ngoại cho. Là một
con người mạnh mẽ với tài tháo
vát và năng lực lớn lao, bà đã
bị gã chồng quá sớm. Ở thời
của bà, người ta muốn phụ nữ
phải là một người mẹ tốt,
sinh nhiều con cái để rồi nuôi
dạy chúng thành những người
chồng người vợ tốt. Nếu bà

ra đời chậm một thế hệ và
được học cao hơn bậc trung học
thì bà đã dễ dàng trở
thành một nhà quản trị giỏi
rồi.

Bà đã dành cả đời để lo cho con cái
được học hành tử tế và
có nghề chuyên môn, và bà đã
đương đầu với cha tôi để
bảo vệ tương lai cho con cái. Tôi
và các em tôi ý thức rõ sự
hy sinh của bà, chúng tôi hiểu mình
không được làm bà thất vọng
và đã cố hết sức để
xứng đáng với bà và đạt
được những điều bà mong muốn.

Khi tôi lớn hơn, bà bắt đầu
hỏi ý kiến tôi, đưa con cả,
về mọi chuyện quan trọng trong nhà,
nên tuy mới mười mấy tuổi, tôi
đã thực sự đóng vai người
đầu não của gia đình. Điều
này dạy tôi cách đưa ra những
quyết định.

Bà ngoại tôi có quan điểm rất rõ về việc
học hành của tôi. Năm 1929, khi tôi
chưa được 6 tuổi, bà đã
nhất định tôi phải cùng các
trẻ con nhà ngư dân đi học một
trường gần đó; một ngôi
trường bằng gỗ và lá với
nền đất nện. Ngôi trường chỉ

có một phòng học với những băng
ghế gỗ, mặt bàn là tấm ván
thô và một phòng nữa dùng làm
chỗ ở cho ông thầy người Hoa trung
niên gầy gò của chúng tôi. Ông
bảo chúng tôi đọc theo ông mà
chúng tôi chẳng hiểu nghĩa gì cả
– nếu ông có giải thích thì
tôi cũng không hiểu.

Tôi phàn nàn với mẹ và bà nói lại với
bà ngoại. Nhưng bà mẹ 22 tuổi
của tôi thì không thể cãi được
bà ngoại đã hai lần lấy chồng,
nuôi lớn đến chín đứa con và
lại quyết tâm là tôi phải học
được chút đỉnh tiếng Hoa.

Nhưng bà ngoại tôi cũng cho phép

đổi trường và tôi sang học

trường Choon Guan ở khu Joo Chiat cách nhà tới một dặm và tôi phải đi

bộ đến đó mỗi ngày. Ngôi

trường này thì đường hoàng

hơn, một tòa nhà gỗ hai tầng có

nền xi măng, và khoảng 10 phòng học

đúng quy cách có bàn ghế rời

cho 35 tới 40 học sinh. Những bài học

bằng tiếng Hoa thì vẫn gian nan như

vậy. Ở nhà tôi nói tiếng Anh

với cha mẹ tôi, tiếng Malay bồi –

pha trộn giữa tiếng Malay với tiếng Hoa – với ông bà ngoại, rồi tiếng

Malay pha một ít tiếng Hakka với bạn

bè và những đứa trẻ con nhà
ngư dân. Tiếng Quan thoại thì hoàn
toàn xa lạ với tôi, và chẳng
dính dáng gì tới cuộc sống của
tôi. Tôi chẳng hiểu gì lắm những
điều các thầy giáo nói.

Sau hai ba tháng như
thế, tôi lại xin mẹ tôi cho chuyển
sang một trường dạy bằng tiếng
Anh. Lần này thì bà thuyết phục
được bà ngoại và tháng
1/1930 tôi vào học trường tiếng
Anh Telok Kurau. Bây giờ tôi hiểu các
thầy giáo nói gì và chỉ cố
gắng chút đỉnh là có tiến
bộ. Học sinh đa số là người

Hoa, có một ít người Ấn và
một ít người Malay chuyển từ
trường Telok Kurau tiếng Malay qua.

Cha mẹ tôi e rằng tôi kém chuyên cần, và mẹ
tôi giao cho chú Keng Hee một nhiệm vụ
là buộc tôi chuẩn bị bài ngày
mai cho chu đáo. Mỗi tuần ba lần trước giờ ăn tối, tôi phải ngồi với
chú một tiếng. Ngay từ hồi đó
tôi đã thấy thật kỳ cục khi
ông chú ít học nhất trong các
chú của tôi lại được giao
nhiệm vụ kiểm tra việc làm bài
ở nhà của tôi.

Tôi được phép nhảy thẳng từ lớp đồng
ấu 1 lên lớp 1, không phải qua lớp
đồng ấu 2. Đến hết năm lớp

5, sau bảy năm tiểu học – mà tôi

chỉ học trong 6 năm – chúng tôi

dự một kỳ thi tổ chức cho toàn

đảo để được tuyển vào

các trường trung học công lập.

Trong năm cuối ấy, 1935, tôi đã cố

gắng hơn nhiều, được đứng

đầu trường và được tuyển

vào Học viện Raffles vốn chỉ thu nhận

những học sinh xuất sắc.

Học viện Raffles, hồi đó cũng như bây giờ,

là trường trung học tiếng Anh hàng

đầu ở Singapore và mang tên người

sáng lập ra nó. Nó sản sinh ra từng

đợt ít ỏi những con người

xuất sắc và có học vấn tốt,

rất nhiều người trong đó được

học bổng Nữ hoàng để đi học

ở Cambridge, Oxford, London, Edinburg và nhiều học viện khác của Anh, về y khoa, luật và

cơ khí.

Năm 1936, tôi vào Học viện Raffles cùng với khoảng 150

học sinh hàng đầu của 15 trường

tiểu học công lập. Việc tuyển

chọn hoàn toàn dựa trên tài

năng. Học sinh thuộc đủ mọi chủng

tộc, giai cấp và tôn giáo, và

có cả nhiều học sinh từ lục địa

Malaya ra nữa. Các vị hiệu trưởng

đầu tiên của học viện này

là người Anh và đã mô

phỏng nó theo các trường công

lập ở Anh.

Học trình ở

đây chuẩn bị cho các học sinh

tham dự những kỳ thi toàn đế quốc

Anh để lấy bằng Trung học đệ

nhất cấp Cambridge và Trung học đệ

nhị cấp Cambridge. Các sách giáo

khoa, nhất là sách về ngôn ngữ

Anh, văn chương Anh, lịch sử đế

quốc Anh, toán và địa lý là

loại tiêu chuẩn cho mọi thuộc địa

mà tôi chắc là cũng phỏng theo

sách giáo khoa chuẩn của Anh. Việc

giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng

Anh. Nhiều năm sau, bất cứ lúc nào

tôi gặp các nhà lãnh đạo

trong Khối Thịnh vượng chung⁴ từ những xứ xa xôi như quần đảo
Caribbean hay vùng Thái Bình Dương,
tôi đều khám phá ra rằng họ
cũng từng đi qua một quá trình
rèn luyện như tôi với cùng những
cuốn sách giáo khoa và có thể
trích ra cùng những đoạn thơ của
Shakespeare.

Có bốn cấp lớp trong trường trung học: lớp 6 và
lớp 7, rồi đệ nhất cấp Cambridge
và đệ nhị cấp Cambridge. Tôi
không phải loại chăm chỉ lắm nhưng
tôi khá môn toán, khoa học và
có căn bản tiếng Anh vững chắc.
Do đó, cuối năm lớp 6, tôi nằm
trong số những học sinh giỏi và được

xếp vào lớp 7A, ở đây tôi
không cần cố gắng lắm cũng nằm
trong топ ba người dẫn đầu lớp.

Tôi vẫn không chú ý lắm trong
lớp học và cố gắng bắt kịp
bằng cách liếc vào tập của bạn

ngồi cạnh. Teo Kah Leong không những đứng đầu lớp mà bạn ấy
còn giữ

tập vở rất đẹp. Nhưng nó

thường lấy tay che vở lại. Tuy vậy,

giáo viên phụ trách lớp của

tôi, ông M.N. Campos người Ấn, vẫn

phê trong học bạ của tôi những

lời khen và khuyến khích: “Harry Lee

Kuan Yew có quyết tâm giành một vị

trí nổi bật, có thể đạt

địa vị cao trong cuộc sống.”

Tôi lên lớp đệ nhất cấp A, lớp giỏi nhất
trong khối. Phụ trách là một thầy
người Anh, A.T. Grieve, là một người
tốt nghiệp Oxford với mái tóc vàng
hoe rất dày và phong thái thân thiện
cởi mở. Gần ba mươi mà ông
vẫn độc thân và làm việc ở
hải ngoại lần đầu. Thầy Grieve
không có thành kiến chủng tộc,
có lẽ vì ông ở xứ thuộc
địa chưa đủ lâu để hiểu
rằng phải giữ một khoảng cách
với dân bản xứ, tác phong này
vẫn được coi như cần thiết để
người ta phải tôn trọng sự cai trị

của người Anh. Ông đã cải
thiện tiếng Anh của tôi rất nhiều
và tôi tiến bộ rõ rệt, đứng
đầu trường trong kỳ thi của cấp
lớp này. Bài thi quan trọng đầu
tiên của tôi được trường
Cambridge ra đề và chấm. Tôi cũng
đạt hai phần thưởng trong năm đó
là học bổng Tan Jiak Kim và học bổng
Raffles. Tổng cộng, chúng đem lại cho
tôi 350 đôla Straits. Số tiền này
dư cho tôi mua được một chiếc
xe đạp Raleigh giá 70 đôla, có bộ
bánh răng ba đĩa để thay đổi
tốc độ và dây xích chạy

trong hộp kín. Tôi đường hoàng

đạp xe tới trường mà vẫn còn

tiền để dành. Nhưng tương lai

còn những điều tốt đẹp hơn.

Tôi đã quyết tâm giành vị trí cao trong các

kỳ thi đệ nhị cấp Cambridge, và

tôi thật sung sướng khi kết quả

được thông báo đầu năm

1940 là tôi đứng nhất trường

và đứng nhất trong tất cả học

sinh tại Singapore và Malaya.

Tôi rất sung sướng với thời gian học ở Raffles,

giải quyết việc học hành khá

nhàn hạ và tích cực trong phong trào

hướng đạo sinh, chơi quần vợt

và cricket, bơi lội và tham dự nhiều

cuộc trần thuyết. Nhưng tôi chưa
từng là một học sinh hoàn hảo,
chứ đừng nói tới một học
sinh đứng đầu lớp hoàn hảo.
Ở tôi vẫn còn thói tinh nghịch
ham chơi. Tôi thường bị bắt gặp
không tập trung nghe giảng bài, lo viết cái gì đó cho bạn hay nhái
theo điệu bộ của ông thầy nào
đó. Với một ông thầy người
Ấn khá chậm chạp dạy khoa học,
tôi đã bị bắt gặp đang vẽ
cái gậy của ông với mảnh đầu
hói.

Có lần tôi bị ăn roi của ông hiệu trưởng,
D.C. McLeod, một con người kỷ luật
nghiêm ngặt nhưng công bằng, luôn

thi hành kỷ luật một cách công
minh, và đã có một quy định
rằng học sinh nào đi học trễ ba
lần trong một học kỳ sẽ phải chịu
ba roi. Tôi là đứa thường dậy
trễ, thức khuya giỏi hơn dậy sớm,
và khi tôi đi học trễ lần thứ
ba thì giáo viên phụ trách buộc
tôi lên văn phòng hiệu trưởng.
Thầy hiệu trưởng biết tôi do từng
được học bổng và đoạt
nhiều phần thưởng. Nhưng tôi cũng
không được tha với lời cảnh
cáo qua loa, tôi phải cúi xuống ghế
và lãnh ba roi đích đáng. Tôi

không nghĩ là thầy có nương
tay, và cũng chẳng bao giờ hiểu được
tại sao các nhà giáo dục phương
Tây lại tích cực chống việc
trừng phạt thân thể đến thế.
Chuyện đó không gây tổn thương
gì cho tôi cũng như các bạn học
sinh khác.

Tuy nhiên tôi hiểu ra rằng phải sống nghiêm túc
hơn. Cha mẹ tôi đã chỉ cho tôi
thấy một số bạn bè của ông
bà sống sung túc như thế nào
nhờ họ đã trở thành bác
sĩ hay luật sư. Họ hành nghề độc
lập nên không bị ảnh hưởng
của Khủng hoảng kinh tế. Cha tôi cũng

tiếc cho tuổi trẻ lêu lổng của
ông và họ thúc ép tôi phải
trở thành dân có chuyên môn.

Nên ngay từ hồi còn nhỏ ấy, tôi
đã nhắm tới việc trở thành
luật sư, một người hành nghề
chuyên môn, chứ không phải kẻ làm
thuê. Kế hoạch của tôi là học
luật ở London.

Nhưng năm 1940, chiến tranh ở châu Âu trở nên gay
gắt hơn. Nước Pháp bị đe dọa
và sắp bị chiếm. Kế hoạch đi
học luật ở London tốt nhất là
nên hoãn lại. Nhờ đầu đầu
Singapore và Malaya trong kỳ thi Cambridge đệ
nhị cấp, tôi được hưởng

học bổng Anderson, thuộc loại cao giá
nhất thời đó, để theo học
tại Đại học Raffles. Tôi quyết
định nhận học bổng này. Nó
cao hơn các phần thưởng khác của
chính phủ khoảng 200 đôla, đủ để
trang trải học phí, sách vở, chỗ
ở và còn để dành được
ít nhiều nữa.

Đại học Raffles được chính quyền Các
thuộc địa vùng eo biển [Singapore](#) thành lập vào năm 1928. Nơi đây
người ta dạy nhiều môn xã hội
(tiếng Anh, sử, địa, kinh tế) và
khoa học (lý, hoá, toán lý thuyết
và ứng dụng). Chính quyền đã
xây nhiều tòa nhà đẹp cho nó

với kiến trúc bê tông chạy chung
quanh tạo thành khoảng sân giữa, mặt
tiền giả đá, giống kiểu đại
học Oxford và Cambridge nhưng có điều
chỉnh cho hợp với khí hậu nhiệt
đới.

Là sinh viên có học bổng, tôi phải ở trong khu ký
túc. Đó quả là một việc
khó khăn. Để thích nghi với khí
hậu nóng và ẩm của Singapore, các
kiến trúc sư đã thiết kế
những ký túc xá rộng lớn, trần
nhà rất cao. Mỗi khu chia làm 20 phòng có cửa sổ lắp kính chạy từ
trần xuống gần sàn mở ra hàng
hiên rộng. Vách ngăn giữa các
phòng chỉ cao ngoài 2 mét, hơn đầu

người một chút, để không khí
lưu thông dễ dàng. Điều này
có nghĩa là tiếng ồn cũng truyền
đi thoải mái suốt 20 phòng và
20 hàng hiên dành cho 20 sinh viên trẻ
tuổi.

Mỗi sinh viên phải học ba môn. Tôi học tiếng
Anh, vốn là môn bắt buộc đối
với mọi sinh viên khoa học xã hội,
và tập trung vào đó để
tăng khả năng sử dụng và để
giúp tôi học luật sau này, kể
đó là toán, vì tôi thích
và cũng giỏi môn ấy, và kinh tế
học vì tôi nghĩ nó có thể
dạy tôi cách kiếm tiền trong kinh

doanh và thị trường chứng khoán.

Tôi thật ngây thơ! Sau năm thứ nhất, sinh viên phải chọn một môn làm môn chính. Tôi đã chọn toán.

Cuối mỗi học kỳ, trong ba học kỳ của năm học, đều có kỳ thi, và trong kỳ thi đầu tiên của tôi ở đây, tôi đã về nhất môn toán, đạt hơn 90 điểm. Nhưng tôi choáng váng khi thấy mình không đạt điểm cao nhất trong môn tiếng Anh và kinh tế, mà đứng thứ hai, dưới một cô tên là Kwa Geok Choo. Tôi đã gặp cô Kwa này hồi còn học ở

Học viện Raffles. Năm 1939, là học sinh nữ duy nhất trong một

lớp toàn là

nam, cô đã được hiệu trưởng

mời trao phần thưởng trong lễ phát

thưởng hàng năm, và tôi đã

nhận từ tay cô ba cuốn sách. Cô

học trong một lớp đặc biệt chuẩn

bị để giành học bổng Nữ

hoàng hai năm liên tiếp. Tôi thật

bối rối và lo lắng. Mỗi năm chỉ

có hai học bổng Nữ hoàng cho toàn

bộ Các thuộc địa vùng eo biển,

và không nhất thiết là chúng

sẽ lọt vào tay hai sinh viên đạt

điểm cao nhất. Trên hết là tôi

sợ một kiểu phân chia đồng đều

về mặt địa lý nhằm tạo cơ

hội cho các sinh viên Malacca và Penang.

Hội đồng xét học bổng có

thể không muốn trao cả hai học bổng

cho sinh viên Singapore, trong trường hợp đó thì đứng thứ nhì là không

xong rồi.

Tôi không thoải mái với năm thứ nhất của tôi

ở đây như năm đầu ở Học

viện Raffles. Bắt nạt và ăn hiếp

hồi đó là một phần trong bước

khởi đầu của sinh viên năm thứ

nhất và kéo dài suốt học kỳ.

Là sinh viên đứng đầu, tên

tuổi tôi còn tới trước cả

tôi, và tôi nghĩ rằng tôi cũng

là một trong những sinh viên năm đầu

cao lớn và nổi bật, nên một số

sinh viên đàn anh đã xử ép

tôi.

Tôi đã phải hát, phải bò quanh sân trường

dùng mũi đẩy một viên bi. Tôi

phải đi dẫn đầu tập thể sinh

viên năm đầu, thất một cà

vạt xanh lá cây tả tơi và cầm

một cây cờ cũng xanh lá cây. Tôi

nghĩ những trò đó thật ngu ngốc,

nhưng đã trải qua tất cả như

một phần của cái giá phải trả

để hòa vào một ngôi trường

thiếu trưởng thành và đang phát

huy những truyền thống lệch lạc. Năm

thứ hai, khi trở thành đàn anh, tôi
chống báng trò bất nạt và cố
gắng ngăn cản trò đó, nhưng
không thành công. Tôi hết sức
phản đối những sinh viên làm trò
đó với những sinh viên năm đầu
để bù lại những gì mà họ
đã phải chịu đựng khi còn
là “ma mới”.

Khi lên giảng đường, chúng tôi phải mặc áo
lớn, cà vạt. Giảng đường lại
không có máy lạnh – nên một
trong những phòng học của khối khoa
học trở thành cái lò vào buổi
chiều vì nó quay về phía Tây.
Gặp gió lạnh khi cả người đầm

đĩa mờ hôi là chắc chắn

tôi bị cảm và ho. Lại còn tình

trạng mất quân bình do phải sống

trong môi trường xa lạ, nhồi nhét

cùng 19 sinh viên khác trong một khu và ăn những thức ăn nấu dở
của

ký túc xá.

Sau năm thứ nhất, tôi chuyển từ khu C sang khu E có vị
trí tốt hơn, ở đó tôi có

được một phòng mát mẻ và

thoải mái hơn. Nhưng sự mất quân

bình hẳn đã ảnh hưởng chất

lượng học tập của tôi. Tôi

nhớ trong một kỳ thi học kỳ, ngay cả

với môn toán tôi cũng không chiếm

nhị hạng đầu. Tuy nhiên trong các

kỳ thi cuối năm học ấy (tháng 3/1941), tôi đã làm bài tốt và đứng đầu về môn toán lý thuyết. Nhưng cô Kwa Geok Choo lại đứng đầu môn tiếng Anh và kinh tế, và có lẽ trong môn sử, môn thứ ba của cô, cũng vậy. Trong bài thi thống kê, một phần của môn kinh tế, tôi đạt điểm cao hơn cô chút đỉnh. Tôi hiểu rằng mình sẽ phải ganh đua quyết liệt để giành học bổng Nữ hoàng.

Còn có những vấn đề khác nữa. Chính nhờ hồi tưởng mà tôi nhận ra rằng Đại học Raffles là bước đầu của tôi đi vào lĩnh vực chính

trị về chủng tộc và tôn giáo.

Trong một thuộc địa Anh không có
phân biệt chủng tộc, người Malay ở

Singapore đã quen được đối xử
như mọi người khác. Nhưng vào
tháng 6/1940, lần đầu tiên tôi
gặp một số đáng kể những
người Malay đã được sinh ra và
lớn lên trong một chế độ khác.

Trong các tiểu bang liên minh của người Malay (Federated Malay States – FMS) như Perak, Selangor, Penang và Negeri Sembilan, và
hơn thế nữa tại những bang của người Malay không

liên minh (Unfederated Malay States) như Johor, Kedah, Perlis,
Kelantan và Terengganu, người Malay bản xứ có được những ưu
quyền

chính trị và kinh tế. Tại những

bang FMS, chỉ có năm học bổng theo học Đại học Raffles là dành

cho những

người không thuộc chủng Malay, trong khi sinh viên Malay có lựa chọn nhiều hơn, cũng như tại các bang không liên

minh. Trong số hàng trăm sinh viên được nhập học hàng năm thì có khoảng

20 người Malay từ lục địa với

học bổng do chính quyền bang của họ

cung cấp.

Có một tinh thần đoàn kết rất mạnh trong số

những người Malay, mà sau này tôi

hiểu ra là xuất phát từ cảm

giác bị đe dọa, từ nỗi lo sợ

bị lấn át bởi những sinh viên

người Hoa và người Ấn năng

động và chăm chỉ hơn. Một

sinh viên Malay cùng năm với tôi sau

này sẽ trở thành thủ tướng

Malaysia, Abdul Razak bin Hussain, học chung lớp tiếng Anh và kinh tế với tôi, nhưng chúng

tôi không phải bạn thân. Anh ta là

dòng dõi quý tộc Malay tại bang

Pahang, nên do đó ít nhiều xa cách

các sinh viên Malay khác, mà những

người này cũng kính trọng anh.

Những người mà tôi dễ thân

cận hơn là những sinh viên bình

thường, trong đó có hai bạn chơi

trong đội cricket của trường. Vì

tôi có nhiều bạn Malay từ hồi

nhỏ nên tiếng Malay của tôi rất

lưu loát. Nhưng rồi tôi nhận ra

thái độ của họ đối với

người khác chủng Malay, nhất là
người Hoa, thì hoàn toàn khác
thái độ của người Malay ở
Singapore.

Một sinh viên bang Kedah nói với tôi vào năm thứ
hai, sau khi chúng tôi đã trở thành
bạn. “Người Hoa các anh quá năng
động và khôn ngoan so với chúng
tôi. Ở Kedah chúng tôi đã có
quá nhiều người Hoa. Chúng tôi
không chịu nổi sức ép ấy.”
Ý anh muốn nói là sức ép cạnh
tranh để kiếm việc làm, để
kinh doanh, để tìm chỗ đứng trong
các trường trung và đại học.
Người Malay là các chủ đất,

vậy mà cũng có nguy cơ bị những

người nhập cư hắt văng khỏi

các địa vị quan trọng, những

người nhập cư này lanh lợi, có

chí tiến thủ và quyết tâm hơn.

Có lẽ bởi vì học giỏi hơn

và tự tin hơn, nên sinh viên người

Hoa và người Ấn thiếu tinh thần

đoàn kết này. Không có sự

thống nhất trong bọn họ vì họ

không cảm thấy bị đe dọa.

Có một sự

kiện in rõ trong trí nhớ của tôi.

Vào năm thứ hai, có nhiều điều

không vui trong cách sắp xếp bữa tiệc

hàng năm của Hội sinh viên Raffles tại Khách sạn Seaview. Những

sinh viên không phải người Malay lấy làm tức giận

trước những câu trả lời gay gắt

và bất cần của thư ký danh dự

Ungku Aziz bin Abdul Hamid trước những phàn nàn của họ. Một số sinh viên bắt

đầu vận động một đại hội

bất thường để phản đối

anh ta và đẩy anh ta khỏi chức vụ

trên. Nhưng anh ta là người Malay. Khi những chữ ký đòi tổ chức

đại hội bất thường tăng dần,

các sinh viên Malay đã đoàn kết

chung quanh anh ta, và tuyên bố rằng nếu anh ta bị bãi chức, họ sẽ đồng

loạt rút khỏi Hội sinh viên. Điều

này trở thành một thách thức

cho những sinh viên còn lại. Tôi được

họ đến gặp và yêu cầu đọc

bài diễn văn khai mạc trình bày

những phản đối của họ đối

với Ungku Aziz. Tôi không dự buổi tiệc đó và cũng không có xung đột

cá nhân gì với anh ta. Nhưng vì

chẳng có ai muốn đảm đương

công việc khó chịu này, nên tôi

quyết định nhận lãnh. Đại

hội diễn ra vào một chiều thứ

Bảy, và suốt cả ngày sinh viên

đã bỏ đi, có lẽ vì họ

muốn tránh chuyện tranh cãi. Trong các khu ký túc, những sinh viên Malay tụ

lại rất đông. Tình hình rất

căng thẳng và tư tưởng chúng

tộc dâng lên hừng hực.

Đó là kinh nghiệm đầu tiên của tôi về
tinh thần chủng tộc Malay, một tình
cảm sâu và rộng bênh vực người
Malay và chống lại dân nhập cư.
Tôi trình bày sự vụ bằng lời
lẽ chừng mực, kiên định nhưng
tôi hy vọng, không quá khích. Ungku
Aziz phát biểu bác bỏ mọi dẫn
chứng về cách cư xử thô lỗ
của anh. Tôi có thể cảm thấy đám
đông khoảng 80 sinh viên cảm thấy
rất khó chịu về sự đối đầu
này. Khi bỏ phiếu, những sinh viên
Malay đã giành được thắng
lợi cho Ungku Aziz, nên không có vụ

đồng loạt rút ra khỏi hội. Nhưng
những sinh viên còn lại cảm thấy
đã nói lên được quan điểm
của họ. Chuyện ấy rồi cũng phai mờ
trong tôi. Chỉ đến sau này, khoảng
1963–1965, khi chúng tôi ở Malaysia và cũng đụng phải những vấn
đề
với tinh thần chủng tộc Malay ấy thì
tôi mới nhớ lại.

Nhưng nếu đó là thời kỳ đối địch,
thì nó cũng là thời kỳ tạo
nên những tình bạn lâu dài.
Nhiều người tôi quen biết lần đầu
tại Đại học Raffles sau này đã
trở thành đồng sự chính trị
thân cận với tôi, trong đó có

Toh Chin Chye, một sinh viên khoa học trên tôi một năm, chăm chỉ, có hệ

thống, trầm lặng và kiên định,

rồi Goh Keng Swee, một giáo sư kinh tế

với trí tuệ siêu hạng, kém hùng

biện nhưng có ngòi bút sắc bén.

Nhờ vậy khi tôi khởi sự hành nghề luật sư vào

thập niên 1950, tôi đã có một mạng lưới

những bạn bè và người quen giữ

những địa vị quan trọng trong chính

quyền và trong giới chuyên môn tại Singapore và Malaysia. Thậm chí

có bạn không trực tiếp biết

nhau, nhưng việc có chung một quá khứ

khiến chúng tôi dễ tiếp nhận

nhau, và mỗi đây trường cũ đã

rất hữu hiệu tại Singapore và Malaya,

cho dù là trong nhóm người Hoa, người Ấn hay Malay. Trước thời điểm hoạt động

chính trị trở nên sôi nổi, khi

quyền lực còn nằm gọn trong tay người

Anh, tôi không hề cảm thấy có

hiềm khích hay thù ghét gì về

phía những bạn gốc Malaya.

Tôi làm bạn với rất nhiều người

trong số họ, kể cả hai vị

thẩm phán người Malay mà sau này

tôi phải trình diện trước mặt

họ.

Đó là mạng lưới bạn học cũ trong một

thành phần ưu tú của những người

có giáo dục Anh được hệ

thống giáo dục thuộc địa Anh bồi

đưỡng nên. Chúng tôi đã
cùng học qua nhiều trường, đọc
cùng thứ sách giáo khoa và có
chung một số đặc tính và thái
độ sống. Trường công của
người Anh không phải là hệ thống
duy nhất khuyến khích xây dựng mạng
lưới thông qua cách ăn nói, trang
phục và phong cách, và một tác
phong làm các việc trên đời.

3 QUÂN

NHẬT XÂM LĂNG

Bốn giờ sáng ngày 8/12/1941 lúc tôi còn
ngủ trong khu E ký túc xá thì bỗng
giật mình vì tiếng bom nổ ầm ỉ.
Cuộc chiến với người Nhật đã
bắt đầu. Đó là một chuyện
hoàn toàn bất ngờ. Đèn đường
vẫn sáng, không hề nghe có tiếng
còi báo động oanh tạc cho đến
khi những máy bay Nhật trút bom xuống,
làm 60 người chết và 130 người
bị thương. Nhưng tin tức về vụ

không kích này đã bị giấu

bớt. Bộ phận kiểm duyệt còn chặn

bớt tin tức về việc các ụ tàu

ở cảng Keppel, căn cứ hải quân ở

Sembawang và các căn cứ không quân

ở Tengah và Seletar cũng bị tấn công.

Sinh viên ở Đại học Raffles rất xôn xao về chuyện này.

Những sinh viên gốc trong nội địa

liền chuẩn bị đáp tàu về

quê. Hầu như ai cũng tin Singapore sẽ là

mục tiêu chính, do đó cẩn thận

nhất là lui về vùng thôn quê

trong nội địa Malaya là nơi hy vọng

tránh được máy bay thả bom của

Nhật. Ban giám hiệu của trường

cũng bối rối y hệt sinh viên. Chẳng

ai chuẩn bị trước cho chuyện này
cả. Hai ngày sau chúng tôi nghe tin là
cũng trong sáng hôm đó, quân Nhật
đã tiến vào Kota Bharu ở bang
Kelantan. Sau cùng thì nội địa Malaya
cũng không thoát.

Trong vòng vài ngày, khu ký túc xá hầu như
trống trơn. Các buổi học bị đình
lại và sinh viên được kêu
gọi tham gia đơn vị sinh viên trợ y
MAS (Medical Auxiliary Service). Tôi đã tình
nguyện gia nhập đơn vị này và
mỗi ngày đạp xe ba dặm từ nhà
(từ 1935 gia đình tôi đã dọn
về đường Norfolk) tới đơn vị
của mình trong trường đại học.

Chúng tôi không được phát
đồng phục – chẳng có thời
gian cho việc đó – nhưng mỗi đứa
được một cái nón thiếc, một
băng đeo tay có hình chữ thập đỏ
và hưởng trợ cấp 60 đôla một
tháng, thế là chúng tôi làm
việc theo lịch phân công suốt ngày
đêm. Chúng tôi được chia
thành từng nhóm sáu người.
Chẳng có gì phải sợ hãi, mà
chỉ có sự hào hứng phải ghì
nén lại, sự hào hứng khi được
sống trong chiến tranh và dự vào
những trận đánh thực sự.

Nhưng cuộc chiến không thuận lợi chút nào. Chẳng
bao lâu đã nghe từ nội địa
Malaya truyền ra tin tức về những trận
đại bại ở tiền tuyến, chuyện
quân Nhật dễ dàng xuyên thủng
phòng tuyến Anh và tràn qua các đồn
điền cao su tiến chiếm dọc bán
đảo Malaya, dùng xuống tam bản đồ
bộ sau phòng tuyến Anh và buộc họ
phải tiếp tục triệt thoái. Rất
nhiều gia đình người da trắng –
chủ đồn điền và viên chức
dân sự cùng vợ con họ – bắt
đầu từ trong nội địa kéo ra.
Hẳn là cũng có cả những gia đình
bản xứ có quyền thế nữa nhưng

họ không xuất hiện lộ liễu. Họ
có lẽ đã dọn tới nhà bạn
bè hay bà con rồi lặng lẽ rời
bến cảng Tanjong Pagar đi khỏi Singapore vì
sợ người Nhật sẽ trả thù
việc họ đã giúp đỡ người
Anh, hoặc đã đóng góp vào
quỹ ủng hộ Tưởng Giới Thạch
kháng Nhật tại lục địa Trung
Quốc.

Đến tháng 1, lực lượng Nhật tiến đến gần
Johor và máy bay của họ ném bom
Singapore cả ngày lẫn đêm. Tôi có
nạn nhân cứu thương đầu tiên
vào buổi chiều nọ trong một ngôi

làng tại Bukit Timah. Một số đơn
vị MAS đi tới đó bằng những
chiếc xe buýt trang bị thành xe cứu
thương. Một trái bom đã rơi
xuống gần đồn cảnh sát và
có một số nạn nhân. Đó là
một hình ảnh kinh hoàng và lần
đầu tiên tôi nhìn thấy máu
đỏ, người bị thương và
chết.

Khoảng 8 giờ sáng ngày 31/1, tôi và Maurice
Baker, một sinh viên quê ở Pahang, ngồi
trên bờ rào khu hành chính của
trường đại học trong khi chờ đi
công tác cứu thương, thì đột
nhiên có tiếng nổ rung chuyển mặt

đất. Cả hai chúng tôi đều
sững sờ và tôi buột miệng: “Thế
là kết thúc Đế quốc Anh!”

Lúc đó giáo sư Dyer, hiệu trưởng
Đại học Raffles, đi ngang qua, nghe câu
tôi nói, ông nhìn ra chỗ khác,
rồi đi tiếp.

Cũng buổi sáng đó, tất cả lực lượng Anh từ
Johor rút ra đảo. Hôm sau, báo chí
đăng hình binh đoàn Argyll và
Sutherland xứ Scotland, lực lượng cuối
cùng vượt đường đê nối
Singapore với đất liền, trong tiếng kèn
của họ, tuy rằng họ chỉ còn hai
chiếc kèn. Nó gây cho tôi một
ấn tượng lâu dài về sự bình

thần của người Anh trong khi đối

mặt với một chiến bại gần kề.

Lực lượng Công binh hoàng gia đã

giật mìn phá đứt đường

đê ở phía gần Johor. Đó là

tiếng nổ mà tôi và Maurice nghe thấy.

Nhưng họ cũng cho nổ cả đường

ống dẫn nước từ Johor ra đảo.

Cuộc phong tỏa Singapore đã bắt đầu.

Một sáng nọ

đạp xe về nhà, vẫn đội cái

nón thiếc và đeo băng tay, tôi

gặp một đoàn xe nhà binh đậu

dọc đường Stevens. Đứng cạnh

đó là những người lính Úc

cao lớn đội thứ mũ mềm rộng

vành và trông râu rĩ. Họ có

vẻ hoảng sợ và mất tinh thần.

Tôi dừng lại để hỏi mặt trận

đã tới gần cỡ nào rồi. Một

người lính nói: “Thua rồi, đây,

cầm lấy.” Và đưa súng của

anh ta cho tôi. Tôi hoảng hồn và chấn

động. Không lẽ đã tuyệt vọng

đến thế rồi sao? Tôi từ chối

khẩu súng và cố gắng trấn an

với anh ta là trận đánh chưa kết

thúc thì chưa phải là thua. Nhưng

với toán lính đó, trận đánh

ấy coi như đã thua. Tôi không

tưởng tượng được họ đã

ném qua những kinh nghiệm khủng khiếp
thế nào.

Sau chiến tranh tôi đọc được tin là có mấy
tiểu đoàn Úc được phái
sang Trung Đông và tàu của họ bị
dạt vào Singapore. Họ tới đây chỉ
ba tuần trước khi hòn đảo này
thất thủ, và được đưa
vào chiến đấu trong nội địa
nhưng cũng bị đánh bật ra ngay. Họ
chuẩn bị để chiến đấu tại
các sa mạc Bắc Phi, có thể là
tại Lybia để chống lại lực lượng
của Rommel. Rồi bỗng dưng họ thấy
mình bị đưa vào rừng già
nhiệt đới, đối mặt với người

Nhật. Đó là bi kịch cho họ, và
là điều tai hại cho tinh thần chiến
đấu của các đội quân Anh và
Ấn được họ tới tiếp viện.

Trong khi đó, cha tôi, vốn đang làm quản lý
cho kho xăng của hãng Shell tại Batu Pahat,
cách bờ biển Tây Malaya độ 100
dặm về phía Bắc, đã được
lệnh rút lui. Ông trở lại đảo
bằng chiếc xe hơi nhỏ xíu trước
khi đường đê bị phá đứt.

Chúng tôi vẫn hy vọng pháo đài
Singapore sẽ cầm cự được. Tôi
nghĩ rằng sẽ có nhiều thiệt hại
nhân mạng nhưng rồi người Anh sẽ
tiến công và sau cùng chúng tôi

được cứu thoát. Nhưng từng
ngày qua – hay thực ra là từng giờ
qua, sau tuần lễ đầu của tháng 2 – tôi ngày càng cảm thấy, trong
thâm tâm, rằng Singapore chẳng phải
Malta⁶ và nó chẳng chịu được cuộc
phong tỏa lâu dài.

Giữa tháng 1, các trường học đóng cửa.

Khi đạn pháo kích ngày càng
roi gần trung tâm thành phố, mẹ
tôi đề nghị cả nhà dọn về
chỗ ông ngoại vốn nằm ngoài
ngoại ô và ít có nguy cơ trúng
pháo kích hơn. Tôi ủng hộ việc
này nhưng nói với bà rằng tôi
sẽ ở lại để coi chừng ngôi
nhà trên đường Norfolk này, đồng

thời tiếp tục đi làm công tác
trợ y tại đại học Raffles. Tôi sẽ
không ở một mình vì ông Koh
Teong Koo, người làm vườn của gia
đình, cũng ở lại để coi sóc
nhà cửa khi tôi đi công tác ở trường.
Ông chính là người đã kéo
xe đưa đón đám em tôi đi
học mỗi ngày từ năm 1937. Chúng
tôi đã đào một hầm tránh
bom, nóc bằng gỗ đắp đất,
trong đó mẹ tôi chất đầy
gạo, muối, tiêu, nước tương,
cá muối, đồ hộp, sữa đặc
và tất cả những gì chúng tôi

cần trong một thời gian dài. Tiền bạc

không thành vấn đề vì hãng

Shell đã rộng rãi trả cho cha tôi

liền mấy tháng lương khi ông được

lệnh rút khỏi kho xăng ở Batu Pahat.

Giữa khung cảnh đen tối ấy, tôi vẫn đi xem phim

được vài lần mỗi khi không

có công tác. Nó giúp tôi quên

đi tương lai ảm đạm trong vài

giờ. Một chiều cuối tháng 1, tôi ráng ngồi xem cho hết một phim
hài

ở rạp Cathay. Ở cảnh nọ có một

trái bom sắp nổ, nhưng nó chỉ

kêu bóp một tiếng nhỏ rồi rã

ra từng mảnh. Đó là một trái

bom hư. Khi vỏ bom vỡ, dòng nhãn hiệu

hiện ra “Made in Japan”. Thật trớ trêu!

Hai tháng qua, Singapore đã nếm mùi

sức công phá của bom và đạn

pháo Nhật, vậy mà tôi còn được

xem một bộ phim cười cợt người

Nhật – mô tả họ như những người chân vòng kiềng, mắt lé,

không thể bắn cho thẳng đích hay

đóng những chiếc tàu có thể

chịu được một cơn bão và

chỉ có thể chế được những

vũ khí kém cỏi. Sự thật đáng

buồn là trong hai tháng qua, từ 8/12, họ đã chứng tỏ rằng họ có

lòng can đảm và tài năng quân

sự để tạo ra những thắng lợi

ngoạn mục trước quân đội Anh.

Nhiều năm sau, Thủ tướng Winston

Churchill viết về cuộc thất thủ

Singapore như một “thảm họa trầm

trọng nhất và vụ đầu hàng

lớn nhất trong lịch sử Anh.”

Quân đội chiếm đóng trường đại học

ngày 10/2 khi lực lượng Anh trên đường

triệt thoái, và hai ngày sau đơn

vị MAS phải giải thể. Những ngày

đầu tôi ở ngôi nhà ở đường

Norfolk, nhưng khi pháo kích ngày càng

gần, tôi đã về với gia đình

ở Telok Kurau. Hôm sau chúng tôi nghe tiếng

súng trường xa xa, rồi nhiều hơn

và gần hơn. Không có tiếng súng

đại bác, pháo kích hay bom. Tôi

tò mò đi ngõ cổng sau ra đường

Lorong L, giáp với khu xóm nơi tôi vẫn

chơi với đám trẻ con nhà ngư

dân hồi xưa. Đi chưa được

hai chục thước theo con đường đất,

tôi thấy hai người mặc quân phục

xám, khác với thứ màu xanh pha nâu

của quân Anh. Họ quần xà cạp và

đi giày vải đế cao su, mũi giày

tách các ngón chân ra, một bên

là ngón cái và một bên là

các ngón còn lại. Sau này tôi

được biết là kiểu giày ấy

giúp họ bám chắc hơn trên mặt

đất lầy trơn trượt. Cái làm

họ trông lạ mắt nhất là thứ
nón kếp bằng vải mềm có vạt
phía sau phủ xuống cổ. Đó là
những người lính nhỏ thó, lạ
mắt, cầm súng trường gắn lưỡi
lê dài. Người họ tỏa mùi
nồng nặc, thứ mùi mà tôi sẽ
không bao giờ quên. Đó là mùi
của người không tắm giặt sau hai
tháng đánh nhau theo những con đường
mòn trong rừng hay đồn điền suốt
từ Kota Bahru về tận Singapore.

Phải mất vài giây tôi mới nhận ra họ là ai.

Quân Nhật! Một nỗi sợ hãi khủng
khiếp chụp lấy tôi. Nhưng họ đang
lùng kiếm quân địch. Rõ ràng

tôi không phải thứ đó nên

họ chẳng chú ý và cứ đi

tới. Tôi chạy trở vô nhà và

kể lại mọi chuyện. Chúng tôi

đóng kín cửa nẻo, tuy rằng chỉ

có Chúa mới biết chúng có che

chờ gì được cho chúng tôi

hay không. Quân Nhật, sau những trò

tàn bạo của họ tại Trung Quốc

năm 1937, đã khiến dân chúng rất

sợ hãi, nhất là sợ trò cướp

phá và hãm hiếp. Nhưng đã

không có gì đáng kể xảy

ra cho đến hết ngày hôm đó.

Lực lượng Anh đã mau lẹ rút

vào trung tâm thành phố mà không
có kháng cự gì mấy.

Hôm sau, ngày 15/2, là Tết Nguyên đán, ngày
lễ lớn nhất trong năm của người
Hoa, thường được chào mừng
với quần áo, giày dép mới cùng
đủ thứ món ăn và bánh trái
cổ truyền. Đó là cái Tết
u ám nhất kể từ khi người Hoa có
mặt trên đảo này năm 1819. Cũng
có tiếng chạm súng ở phía Bắc
và gần thành phố, rồi tiếng
súng cối và đại bác nổ xa
xa, nhưng không có gì xảy ra ở
Telok Kurau. Quân Nhật đã tiến vào
nội ô.

Đêm đó tiếng súng ngớt. Rồi có tin rằng
người Anh đã đầu hàng. Hôm
sau, một số bạn bè từ nội thành
ra cho hay người ta hôi của khắp nơi.
Những ngôi nhà của người Anh và
người Âu khác bị chính bọn
tài xế và làm vườn dọn
sạch. Chuyện này làm gia đình
tôi lo lắng. Căn nhà ở đường
Norfolk với đủ thứ thực phẩm dự
trữ rất cần cho chúng tôi trong thời
gian dài nữa, bây giờ ra sao rồi? Mẹ
tôi đồng ý để tôi với
Teong Koo, người làm vườn, đi bộ
tám dặm từ Telok Kurau về Norfolk. Chúng
tôi đi hai tiếng mới tới. Đọc

đường tôi thấy những người

Malay khiêng đồ đạc và đủ

thứ món ra khỏi những căn nhà

lớn. Người Hoa thì lúng lúng các

kho hàng để tìm những món ít

cồng kênh nhưng lại có giá trị

hơn. Một khu nhà gỗ cũ kỹ cách

nhà chúng tôi độ hai căn đã

bị cỡ hai chục gia đình chiếm cứ.

Đàn ông trong đó là các

tài xế. Nhưng họ chưa tấn công

nhà chúng tôi. Có thể lấy được

nhiều món tốt hơn trong các ngôi

biệt thự lúc này đã sạch

bóng người Âu vì họ đã

bị tập trung và tổng giam. Tôi đã
trở về đúng lúc.

Suốt hai tiếng đi bộ từ Telok Kurau về Norfolk, tôi đã
trông thấy một Singapore với guồng máy
an ninh trật tự bị dừng lại. Quân
Anh đã đầu hàng. Cảnh sát
địa phương – gồm các hạ
sĩ quan người Ấn và người
Hoa cùng các binh sĩ người Malay –
đều đã biến mất, họ sợ
người Nhật sẽ xem họ như phần
tử trong guồng máy quân đội Anh.
Lính Nhật thì chưa xác lập sự
có mặt của họ trong thành phố.
Mỗi người tự có luật của
mình.

Do thói quen, đa số dân chúng vẫn tôn trọng pháp
luật. Nhưng khi các ông chủ đã
biến mất, những kẻ táo tợn đã
thừa cơ hội để cướp phá
các nhà kho, các cửa hàng bách
hóa và cửa hiệu của các công
ty Anh, lấy đi những của cải mà
họ coi như chiến lợi phẩm hợp
pháp, tình trạng này kéo dài
vài ngày cho đến khi người Nhật
phục hồi được trật tự; họ
khiến dân chúng khiếp sợ bằng
cách bắn hay chặt đầu vài kẻ
hôi của họ tình cờ bắt được
và bêu đầu chúng trên những
cây cầu lớn hay ngã tư đường

chính.

Quân Nhật cũng đi trấn lột. Trong những ngày đầu,
bất kỳ ai đi trên đường có
một cái bút máy hay đồng hồ
cũng có thể bị tước mất.

Lính tráng có thể chính thức
vào nhà để lục soát, hoặc
giả vờ làm như thế, nhưng thực
ra là để lấy đi những món
nhỏ nhỏ có thể mang theo bên mình.

Ban đầu, họ cũng lấy cả những
chiếc xe đạp tốt nhất, nhưng vài
tuần sau thì họ ngưng. Họ chỉ ở
Singapore ít lâu rồi sẽ đi Java hay một
đảo nào đó trong khu quần đảo

để chiến đấu và giành những
lãnh thổ mới. Họ không thể mang
những chiếc xe đạp đó theo.

Việc cướp phá những biệt thự và nhà kho
của các ông chủ người Anh đã
biểu tượng cho sự kết thúc một
thời kỳ. Những người ra đời
sau năm 1945 khó mà hiểu hết ý
nghĩa sâu xa của việc người Anh
thất thủ, vì những người trẻ
ấy không có ký ức gì về
chế độ thuộc địa bị người
Nhật đánh đổ vào ngày
15/2/1942. Từ năm 1819, khi Raffles xây dựng
Singapore thành một thương điểm cho
Công ty Đông Ấn của Anh, vị trí

thượng đẳng của người da trắng

đã là một điều đương

nhiên. Tôi không hiểu điều đó

đã xảy ra thế nào, nhưng khi tôi

bắt đầu đi học năm 1930, tôi

đã ý thức rằng người Anh là

ông chủ lớn, và những ai da trắng

cũng là chủ nốt – có thể

lớn, có thể kém hơn chút, nhưng

tất cả đều là chủ. Bọn họ

không đông, chỉ độ tám ngàn.

Họ có lối sống thượng lưu và

xa cách hẳn người châu Á. Các

quan chức chính quyền có những căn

nhà lớn tại những khu sang trọng, có

xe hơi với tài xế riêng và nhiều
kẻ hầu người hạ. Họ dùng
thực phẩm thượng hạng với rất
nhiều thịt và các sản phẩm sữa.
Ba năm một lần, họ lại về quê
bên nước Anh nghỉ từ ba tới sáu
tháng để phục hồi sau khi đã
mệt mỏi vì khí hậu xích đạo
ở Singapore. Con cái họ cũng về chính
quốc để học hành, chứ không
học các trường ở Singapore. Bọn
con cái này cũng sống một đời
thượng lưu.

Tại Đại học Raffles, ban giảng huấn đều là người
da trắng. Có hai người giỏi nhất
trong số sinh viên địa phương đã

tốt nghiệp, có bằng hạng ưu về
hóa và lý, thì cũng chỉ được
làm nhân viên phòng thí nghiệm
và lãnh lương thấp hơn rất
nhiều, rồi họ phải đi London để
học lấy bằng BS (cử nhân khoa học)
để giữ được vị trí đó.

Một trong những sinh viên giỏi nhất đã
tốt nghiệp ngành khoa học xã hội
vào thời đó, với bằng hạng
ưu về kinh tế, tên là Goh Keng Swee
(sau trở thành Phó thủ tướng),
cũng chỉ làm trợ giảng, chứ không
được làm giảng viên.

Không có vấn đề bất mãn ở đây. Vị
thế thượng đẳng của người

Anh trong chính quyền cũng như trong xã

hội đã là chuyện đương

nhiên. Xét cho cùng, họ chính là

dân tộc hùng cường nhất thế

giới. Họ có một đế quốc lớn

nhất trong lịch sử, trải khắp mọi

múi giờ trên địa cầu, trên

khắp năm châu bốn bể. Chúng tôi

biết điều đó khi học sử

trong trường. Để cai trị, họ chỉ

có vài trăm đội quân tại

Singapore phục vụ luân phiên. Những

toán quân thường gặp nhất là

đóng tại đồn Canning gần trung tâm

thành phố. Có lẽ chỉ có độ

một hai nghìn lính tất cả để
duy trì nền cai trị thuộc địa với
khoảng sáu hay bảy triệu dân tại
Các thuộc địa vùng eo biển và
các bang Malay.

Người Anh rêu rao rằng họ cần có mặt ở Malaya
để bảo vệ người Malay, nếu
không họ sẽ bị những người
nhập cư cần cù hơn lấn lướt.
Nhiều người Hoa và người Ấn
được mang đến đây làm
nhân công hợp đồng và được
chấp nhận vì người Malay không
thích những công việc trong hoạt động
thương mại hay ở đồn điền, như cạo mủ cao su, xây cầu
đường, làm thư ký, kế toán

hoặc bán hàng.

Một thiếu số

những người châu Á nổi bật

đã được phép hòa nhập

với các ông chủ da trắng, một số

được chỉ định làm thành

viên không chính thức trong Ủy ban

hành pháp hoặc Tư pháp của

Thống đốc Anh. Hình ảnh của họ

cùng các bà vợ xuất hiện trên

báo chí, chụp cảnh họ tham dự

những bữa tiệc trong vườn, những

bữa tối trong Dinh chính phủ, cúi đầu

hoặc gập người trước Thống

đốc Anh và bà vợ, các bà

thì mang găng tay trắng theo đúng nghi

thức và tất cả đều có cung
cách hết sức lịch sự. Một số
còn được phong tước, những kẻ
khác thì mong rằng sau một thời gian
dài phục vụ trung thành, họ cũng
sẽ được như vậy. Họ được
các quan chức da trắng bảo trợ, nhưng
cũng chấp nhận thân phận thuộc cấp
của mình một cách rất tự tin,
vì họ cũng nghĩ mình cao quý hơn
những người châu Á khác. Ngược
lại, bất kỳ người Anh, người
Âu hay Mỹ nào cư xử lôi thôi
hay trông như dân du thủ du thực lập
tức sẽ bị tổng khứ vì họ

sẽ làm bồi bác toàn thể dân
da trắng, mà người ta muốn không
ai được hồ nghi gì về tính
thượng đẳng của sắc dân này.

Cha mẹ và ông bà tôi đã nuôi tôi lớn để
quen thấy đây là trật tự bình
thường của mọi sự. Tôi không
nhớ ra đã từng có người bản
xứ nào, bằng lời lẽ hay hành
động, từng nghi vấn về chuyện này.

Không người nào tiếp nhận nền
giáo dục Anh lại có xu hướng đấu
tranh đòi bình đẳng cho người
châu Á. Hồi đó tôi không
biết rằng có nhiều người Hoa,
được học trong trường Hoa ngữ

và không hội nhập với chế độ
thuộc địa. Thầy giáo của họ
từ Trung Quốc tới, và họ không
thừa nhận sự tối thượng của
người da trắng, vì họ không bị
giáo dục và nhồi sọ để đi
tới chỗ thừa nhận tính ưu việt
và sứ mạng của Đế quốc Anh.

Sau chiến tranh tôi mới biết nhiều hơn
về họ.

Đó là

tình hình Singapore và Malay a mà 110.000
lính Nhật đã chiếm được,
đồng thời bắt giữ hơn 130.000 quân
Anh, Ấn và Úc. Trong vòng 70 ngày
bị bất ngờ lúng túng và sai

lắm, xã hội thuộc địa Anh tan rã,

kéo theo nó là huyền thoại về

tính ưu việt của người Anh. Ai

cũng nghĩ người châu Á sẽ

hoảng loạn khi có tiếng súng nổ,

vậy mà họ lại là những người

gan dạ, đón nhận chuyện bị thương

hay chết chóc mà không sợ hãi.

Chính những ông chủ da trắng mới là kẻ rúc dưới

gầm bàn khi bom hay đạn pháo kích

nổ. Những người da trắng dân sự

hoặc viên chức chính quyền tại

Penang, trong đêm khuya ngày 16/12/1941, đã

bỏ chạy về lánh tại Singapore, bỏ

mặc người dân bản xứ tự lo

thân. Binh sĩ Anh triệt hạ mọi công

sự họ có thể phá rồi rút

lui. Bệnh viện, các cơ sở dịch vụ

công và các dịch vụ cần thiết

khác bị bỏ trống không người

điều hành. Không có lính cứu

hỏa để chữa cháy và không

có viên chức để coi sóc việc

cấp nước. Những người da trắng

điều hành đã bỏ đi. Những

chuyện về việc họ cuống cuống đập

lên người khác để cứu lấy

thân mình đã khiến người

châu Á nghĩ rằng họ ích kỷ

và hèn nhát. Nhiều người dĩ

nhiên là có cường điệu và
không trung thực khi kể lại những
chuyện ấy, nhưng họ cũng có đủ
dữ kiện để làm như thế.

Người da trắng cũng sợ hãi và
hoang mang không biết phải làm gì như
người châu Á vậy, nếu không
muốn nói là còn thậm tệ hơn.

Người châu Á đã trông chờ
họ lãnh đạo và họ đã
làm mọi người thất vọng.

Người Anh đã xây dựng một huyền thoại về tính
ưu việt cố hữu của họ một
cách đầy thuyết phục đến nỗi
hầu hết dân bản xứ cho rằng kháng
cự lại họ là vô vọng. Nhưng

bây giờ một dân tộc châu Á
đã dám thách thức họ và
đập tan huyền thoại. Tuy nhiên, một
khi người Nhật nắm quyền cai trị
như những người chiến thắng, họ
đã mau chóng cho người bản xứ
thấy rằng họ còn tàn bạo, bất
công và hà khắc hơn cả người
Anh. Trong ba năm rưỡi chiếm đóng,
bất cứ lúc nào tôi cũng thấy
người Nhật hành hạ, đánh
đập hay bạc đãi người dân,
tôi lại mong rằng người Anh vẫn
còn tại vị. Là dân châu Á
với nhau, họ đã khiến chúng tôi

tỉnh ngộ, nhưng rồi người Nhật
cũng thấy xấu hổ khi bị đồng
hóa với các dân tộc châu Á
khác mà vốn họ coi như hạ đẳng
về chủng tộc và thấp kém về
trình độ văn minh. Họ là con cháu
của Thái Dương thần nữ, Amaterasu
Omikami Sama, một dân tộc được
tuyên chọn, khác biệt và tách
bạch khỏi đám người Hoa, Ấn
và Malay ngu dốt.

Lần đầu tiên tôi đụng chạm với người
Nhật là trong một lần tôi đến
thăm bà dì, em gái của mẹ tôi,
ở đường Kampong Java, bên kia cầu
Red bắc qua con kênh Bukit Timah. Khi đến gần

cây cầu, tôi thấy một lính Nhật
đi tới đi lui trên cầu. Có bốn
năm lính khác đang ngồi gần đó,
có lẽ cùng toán gác cầu với
anh ta. Tôi đang đội một chiếc mũ
mềm rộng vành, thứ của lính Úc,
vốn quăng đầy đường trong những
ngày trước khi họ đầu hàng.
Tôi đã nhặt một cái, nghĩ
rằng nó có thể giúp tôi che
nắng trong quãng thời gian gian nan sắp tới.

Khi tôi đi ngang qua chỗ đám lính, tôi cố làm
ra vẻ hết sức bình thường. Nhưng
chúng không chịu để ai đi qua mà
không thềm chào hỏi chúng như
vậy. Một tên lính quát lên:

“Kore, Kore!” rồi ra hiệu cho tôi. Khi

tôi tới gần, hắn thọc lưỡi

lê vào vành mũ của tôi và

hất nó văng đi, hắn tát tôi

đến xoay cả người rồi ra hiệu

bảo tôi quỳ xuống. Hắn đập

chân vào ngực tôi khiến tôi té

thẳng cẳng trên mặt đường.

Khi tôi bò dậy, hắn ra hiệu bắt

tôi phải quay trở về. Tôi đã

thoát nạn một cách nhẹ nhàng.

Nhiều người khác không biết cách

cư xử mới và không cúi chào

các lính Nhật ở các ngã tư

hay trên cầu đã bị bắt quỳ

gối hàng giờ dưới nắng và
gió cao một cục đá nặng trên
đầu cho đến khi rã rời cả
hai tay.

Một buổi chiều, ngồi ở hàng hiên căn nhà của
chúng tôi trên đường Norfolk, tôi
thấy một lính Nhật trả tiền cho
một phu kéo xe. Người phu xe phàn nàn,
xin thêm gì đó. Tên lính nắm
lấy tay ông ta, quăng qua vai phải của
hắn và bằng một đòn judo, hắn
quật văng ông ta lên không trung. Ông
ta rơi sấp mặt xuống đường.
Một lát sau, ông ta lồm cồm bò
dậy, đứng vào giữa hai càng xe
và lão đảo kéo xe đi. Tôi

choáng váng trước cảnh nhẫn tâm

đó.

Ngày hôm sau, tôi còn học được một bài

học nữa trên cầu Red. Một chiếc

xe mới chiếm đoạt được chạy

ngang qua, xe có một lá cờ nhỏ màu

xanh, cờ hiệu cấp thấp nhất – cờ

vàng dành cho tướng lĩnh, cờ đỏ

cho cấp tá và cờ xanh cho cấp úy.

Tên lính hơi chậm trễ trong việc

đứng nghiêm chào. Chiếc xe đã

chạy qua nhưng nó thắng lại và

quay đầu. Một sỹ quan chui ra, bước

tới chỗ tên lính và tát hấn

ba cái thật mạnh, cầm tay tên lính

đưa qua vai, và cũng bằng một đòn

judo như tôi đã thấy hôm trước,
gã sỹ quan quảng tên lính lên
trời. Tên lính cũng té sấp mặt
xuống như ông phu xe nọ vậy. Lần
này tôi ít choáng váng hơn.
Tôi bắt đầu hiểu ra rằng sự
tàn bạo là một phần trong hệ
thống quân đội Nhật, ăn sâu
bén rễ qua nhiều lần đánh đập
vì những vi phạm nhỏ.

Cũng trong ngày hôm đó, một hạ sỹ quan Nhật
và vài tên lính vào nhà tôi.
Chúng xem xét qua loa, thấy rằng chỉ
có tôi và Teong Koo ở nhà và
quyết định đây là chỗ trú
thích hợp cho một trung đội. Thế

là mở đầu một con ác mộng.

Tôi đã từng chữa răng ở một

nha sĩ Nhật trên đường Bras Basah,

ông ta và các y tá đều cực

kỳ sạch sẽ và ngăn nắp. Những

nhân viên bán hàng người Nhật

trong các cửa hàng 10-xu trên đường Middle cũng vậy. Tôi

không hề chuẩn bị đối phó

với thứ mùi tỏi lợm của quần

áo và thân thể không tắm giặt

của bọn lính Nhật này. Họ lùng

sục khắp ngôi nhà. Họ tìm thức

ăn, thấy kho dự trữ của mẹ tôi

và ăn sạch những gì chúng

thích, nấu nướng ngay ngoài trời.

Tôi chẳng biết tiếng Nhật để
trao đổi với họ. Họ thì tỏ
ý muốn bằng cách ra dấu và
tiếng ầm ừ trong họng. Khi tôi chậm
chạp không hiểu ra ý của họ, tôi
bị chửi rủa và tát tai thường
xuyên. Họ là những con người kỳ
lạ, không cạo râu chải tóc, nói
một thứ ngôn ngữ cộc cằn hung
hãn. Họ làm tôi phát sợ và
ngủ chập chờn không yên. Sau ba ngày
khôn khô, họ bỏ đi.

Trong khi trung đội này đóng tại nhà tôi, thì
lực lượng Anh, Ấn và Úc xếp
hàng đi vào trại giam. Cuộc diễu
hành của họ bắt đầu vào

ngày 17/2/1942, và suốt hai ngày một

đêm họ cứ nện gót ngang qua nhà

tôi, vượt qua cầu Red đi về hướng

Changi. Tôi vẫn ngồi ngoài hàng hiên

cả mấy tiếng đồng hồ nhìn

họ đi qua, trái tim tôi nặng như

chì. Nhiều người trông buồn bã,

tuyệt vọng, bối rối vì họ đã

bị đánh bại quá dễ dàng

và quá dứt khoát. Hình ảnh

đoàn quân đầu hàng quả là

một cảnh não lòng.

Vẫn có một số người khiến tôi kính trọng

và ngưỡng mộ. Trong số họ có

những người Scotland mà tôi dễ

dàng nhận ra qua cái mũ của họ.

Cho dù bại trận, họ vẫn giữ

thẳng người và đi đều bước

– “Trái, phải, trái, phải,

trái!” Người Gurkha cũng giống người Scotland. Họ bước

đi thẳng người, mạnh mẽ và

bình thản ngay trong cảnh chiến bại.

Tôi thẳm lên tiếng chào họ. Họ

để lại trong tôi một ấn tượng

lâu dài. Sau này chính phủ Singapore

có sử dụng một đại đội

cảnh sát người Gurkha để chuyên

chống bạo động, suốt từ thập

niên 1960 đến nay.

Lính Úc trông nản chí, đi không đều bước.

Lính Ấn cũng vậy, trông buồn bã

và mất tinh thần. Có lẽ họ nghĩ

đây chẳng phải cuộc chiến của họ.

Ngay sau khi bọn lính Nhật rời khỏi nhà tôi, có tin đồn truyền miệng rằng tất cả người Hoa phải tới đăng ký trình diện tại sân vận động Jalan Besar. Tôi thấy gia đình người hàng xóm đi và nghĩ mình cũng nên đi thì hay hơn, vì nếu tôi bị bắt gặp ở tại nhà, Kempeitai, quân cảnh Nhật, sẽ trừng phạt tôi. Nên tôi với Teong Koo cùng đi.

Hóa ra, căn buồng của ông ấy trong khu nhà trọ dành cho các phu kéo xe lại nằm trong một khu đã được rào dây kẽm gai. Mười nghìn gia

đình người Hoa bị nhồi nhét

trong khu vực chật hẹp đó. Mọi

lối ra vào đều có lính

Kempeitai đứng gác. Có một vài

nhân viên dân sự, người bản

xứ hoặc dân Đài Loan, cùng làm

việc với họ. Sau này tôi được

cho hay rằng nhiều người trong bọn họ

là chỉ điểm, mặc dù tôi

không nhớ có nhận ra ai không.

Sau khi ngủ một đêm trong căn buồng của Teong Koo, tôi

quyết định đi ra qua một chốt kiểm

soát, nhưng thay vì cho tôi qua, tên

lính gác ở đó ra hiệu cho tôi

nhập bọn cùng một nhóm thanh niên

người Hoa. Tôi linh cảm thấy đây

là điếm xấu nên ra dấu xin về

buồng thu dọn đồ đạc và tên

lính đồng ý. Tôi trở về và

trốn kỹ trong buồng của Teong Koo suốt

một ngày rưỡi. Rồi tôi thử

đi qua chốt kiểm soát đó lần

nữa. Lần này, vì lý do gì đó

không rõ, tôi được cho đi qua

và nhận một dấu đóng trên

bả vai trái và trước ngực áo.

Con dấu có chữ *kanji*, hoặc đọc theo tiếng Hoa là *jian*, nghĩa là “đã kiểm tra” in

bằng một thứ mực không phai, sẽ

là bằng chứng rằng tôi vô tội.

Tôi với Teong Koo đi bộ về nhà,

lòng nhẹ nhõm.

Tôi sẽ chẳng bao giờ hiểu được làm sao những
quyết định ảnh hưởng sinh tử
tới con người lại được đưa
ra một cách tùy tiện và ngẫu
nhiên như vậy. Tôi đã thoát
trong đường tơ kẽ tóc khỏi
một chiến dịch được gọi là
Sook Ching, nghĩa là “quét sạch” bọn
nổi loạn, theo lệnh của đại tá
Masanobu Tsuji, người hoạch định chiến
dịch Malaya. Kế hoạch của ông ta được
lời phê chuẩn của tướng Tomoyuki
Yamashita, chỉ huy lực lượng Nhật, đồng
ý cho ông ta tiến hành trừng phạt
người Hoa ở Singapore vì đã góp
quỹ ủng hộ phong trào kháng Nhật

của Trung Quốc, và vì trò tẩy

chay hàng Nhật của họ.

Ông ta còn chuyện khác phải thanh toán với

Dalforce, một bộ phận của lực lượng

chí nguyện 1.000 người Hoa do các thủ lĩnh cộng

đồng địa phương tại Singapore

thành lập để chống lại người

Nhật. Được đại tá John Dalley

của Lực lượng đặc biệt Malaya

tập hợp lại, bộ phận này đã

thu hút người Hoa thuộc mọi thành

phần, những người ủng hộ Quốc

Dân Đảng của Tưởng Giới

Thạch, ủng hộ Đảng Cộng sản

Malaya kể cả một nhóm chừng 500 đảng

viên cộng sản đang ở trong tù và

được người Anh phóng thích
vào giờ chót. Một khi được
vũ trang, những quân chí nguyện này
được phái tới phòng thủ
phía Đông sông Kranji bên cạnh Lữ
đoàn 27 của quân Úc. Họ đã
chiến đấu điên cuồng, nhiều
người đã chết, nhưng cũng làm
người Nhật thiệt hại nặng. Họ
đã làm tên gọi Dalforce thành
một huyền thoại, đồng nghĩa với
lòng dũng cảm.

Ngày 18/2, người Nhật đưa ra các thông báo, và
cho lính vác loa phóng thanh đi khắp
thành phố ra lệnh cho tất cả người
Hoa trong độ tuổi từ 18 đến 50 đến

trình diện tại năm điểm tập

trung để được điều tra. Bọn

Kempeitai đi từng nhà thúc lưởi lê

lùa những người Hoa chậm chân tới

những điểm tập trung, nhiều người

già, trẻ con và phụ nữ cũng bị

lùa vào đó.

Sau này tôi khám phá ra rằng những người bị

chặn lại tại chốt kiểm soát mà

tôi đã qua được, đã bị

đưa tới trường Victoria và giam ở

đó đến 22/2, rồi có bốn năm chục chiếc xe tải

tới chở họ đi. Họ bị trói

tay ra sau lưng, chở tới bãi biển Tanah

Merah Besar, cách đây 10 dặm về phía

bờ biển phía Đông, gần nhà

tù Changi. Tại đây họ bị lừa
xuống, trói vào nhau và bị buộc
đi xuống biển. Khi họ đi, người
Nhật cho nổ súng máy. Sau đó,
để chắc chắn rằng họ đã
chết, mỗi cái xác còn bị đá,
đâm lưỡi lê và làm nhiều
trò khác. Chẳng ai buồn chôn xác
họ và chúng thối rữa dần khi bị
sóng nhồi tới nhồi lui trên bãi.
Một vài người, nhờ phép lạ
kỳ diệu, đã sống sót và
kể lại chuyện này.

Người Nhật công nhận đã giết khoảng 6.000
người Hoa trong chiến dịch *Sook Ching* từ
18 đến 22/2/1942. Sau chiến tranh, một ủy

ban của Phòng thương mại Trung Quốc

đã khai quật nhiều hố chôn tập

thể tại Siglap, Punggol và Changi. Người

ta ước lượng số người bị

giết là khoảng từ 50 đến 100

nghìn người.

Trên lý thuyết, quân Nhật có thể biện minh hành

động này như một chiến dịch

nhằm văn hồi an ninh trật tự và

đàn áp phong trào kháng Nhật.

Nhưng đây chỉ là sự trả thù

đơn thuần, không xảy ra trong lúc

chiến trận mà xảy ra khi Singapore đã

đầu hàng. Ngay cả sau *Sook Ching*, vẫn còn những chiến dịch thanh trừng trong

vùng nông thôn, nhất là khu phía

Đông Singapore, và thêm hàng trăm
người Hoa nữa bị hành hình. Tất
cả đều là những người trẻ
tuổi và khỏe mạnh, có thể gây
rối loạn sau này.

Khi trở lại Norfolk, căn nhà vẫn ở trong tình
trạng bừa bộn như lúc bọn lính
Nhật bỏ đi, nhưng nó không bị
hôi của và nhiều món dự trữ
vẫn còn. Vài ngày sau, gia đình
tôi từ Telok Kurau trở về. Chúng tôi
cùng nhau dọn dẹp nhà cửa. Chúng
tôi hiểu ra tình trạng bất trắc,
những cực nhọc hàng ngày và sự
khốn khổ của thời Nhật chiếm đóng
mà người dân Singapore sẽ phải

chịu đựng trong ba năm rưỡi kể
đó.

Hai tuần sau khi thất thủ, tôi nghe nói người Nhật cho
dựng hàng rào gỗ quanh những căn
phố trên đường Cairnhill, trước
đây đó là nhà của những
người Âu hay thương nhân châu
Á nay đã rời Singapore hoặc bị
cầm tù. Đó là khu của dân
trung lưu lớp trên. Tôi đạp xe qua
đó và thấy những lính Nhật
xếp hàng dài theo vòng xoay Cairnhill bên
ngoài hàng rào. Tôi nghe dân cư
gần đó nói rằng bên trong khu ấy
là những phụ nữ Nhật hay Hàn
Quốc đã theo chân quân đội

để phục vụ cho binh lính trước

và sau trận đánh. Đó là

một cảnh tượng kỳ lạ, một

hai trăm thanh niên xếp hàng chờ tới

phiên mình. Tôi không nhìn thấy

phụ nữ nào vào ngày đó.

Nhưng có một bảng thông báo viết

bằng chữ Hán, người lân cận

cho hay nó nói về một khu “nhà

giải trí”. Những nhà giải trí

như vậy đã được lập ra ở

Trung Quốc. Bây giờ nó đến

Singapore. Ít nhất có bốn khu nhà

khác như vậy. Tôi nhớ mình có

đạp xe qua một khu nhà lớn trên

đường Tanjong Katong, với một hàng
rào gỗ bao quanh chừng hai ba chục ngôi
nhà.

Hồi đó tôi nghĩ rằng quân đội Nhật đã
có một giải pháp thực tế và
hữu hiệu cho những vấn đề như
thế, hoàn toàn khác hẳn cách
của quân đội Anh. Tôi nhớ đến
những cô gái ăn sương gạ gẫm
đám lính Anh đóng tại đồn
Canning. Giới chỉ huy Nhật thừa nhận
nhu cầu tình dục và cung cấp điều
đó cho lính của họ. Kết quả
là chuyện hãm hiếp ít xảy ra.
Trong hai tuần đầu sau khi đầu hàng,
dân Singapore đã sợ rằng quân

Nhật sẽ phóng tay cướp phá. Mặc dù cũng có chuyện hãm hiếp nhưng chủ yếu là ở vùng nông thôn, nhưng đã không xảy ra tình trạng như ở Nam Kinh năm 1937, tôi nghĩ những khu nhà giải trí ấy là câu trả lời. Hồi đó tôi không biết rằng chính quyền Nhật đã bắt cóc và cưỡng bách các phụ nữ Hàn Quốc, Philippines và Trung Quốc phải thỏa mãn những nhu cầu của lính Nhật tại mặt trận Trung Quốc và Đông Nam Á. Họ cũng buộc các phụ nữ Hà Lan giải trí cho các sỹ quan Nhật.

Những người thuộc thế hệ chúng tôi vốn từng
thấy những lính Nhật bằng xương
bằng thịt chắc không thể nào
quên thái độ hằn như không
có tính người của họ trước
cái chết trong chiến đấu. Họ
không sợ chết. Họ là những đối
thủ đáng sợ và không cần
gì nhiều cũng có thể tiếp tục
chiến đấu: những hộp thiếc đeo
ở thắt lưng của họ chỉ chứa
ít cơm, đậu nành và cá
muối. Suốt thời chiếm đóng, hình
ảnh thường thấy là những lính
Nhật tập sử dụng lưỡi lê
ngoài bãi trống. Tiếng quát của

họ khi đâm lưỡi lê vào các
hình nộm nghe thật kinh người. Nếu
người Anh trở lại và tấn công
xuống dọc theo bán đảo Malaya thì
hắn thiệt hại sẽ rất lớn.

Khi trông thấy họ hàng ngày, tôi chắc chắn
rằng chỉ cần tinh thần chiến đấu
thôi, họ đã là những chiến
sĩ thuộc loại giỏi nhất thế giới.
Nhưng họ cũng có sự tàn bạo
và hà khắc đối với kẻ thù
y như quân Hung Nô. Quân Mông cổ
của Thành Cát Tư Hãn cũng không
thể tàn bạo hơn. Tôi không hề
nghĩ vấn chuyện hai trái bom nguyên tử

ở Hiroshima và Nagasaki là có cần
thiết hay không. Không có chúng, hàng
trăm nghìn thường dân ở Malay và
Singapore, và hàng triệu người nữa
ở ngay nước Nhật hẳn đã bị
tiêu diệt.

Cái gì đã khiến họ thành những chiến binh như
thế? Người Nhật gọi đó là
võ sĩ đạo, hay *Nippon seishin*, tinh thần Nhật Bản. Tôi tin rằng đó
là sự giáo dục nhồi sọ có
hệ thống về lòng tôn sùng Nhật
hoàng, về tính ưu việt của chủng
tộc mình như một dân tộc đã
được lựa chọn để chinh phục
mọi dân tộc khác. Tất cả bọn
họ đều tin rằng chết trong chiến

trận vì phục vụ Nhật hoàng

nghĩa là sẽ được lên thượng

giới và trở thành thần, trong khi tro

thieu xác họ được giữ trong

đền Yasukuni ở ngoại ô Tokyo.

Cuộc sống hàng ngày vẫn diễn ra dưới thời Nhật

chiếm đóng. Ban đầu mọi người

đều thấy hoang mang. Cha tôi không có

việc làm, tôi không đi học, ba em

trai và đứa em gái tôi cũng không

đi học. Có rất ít hoạt động

trong xã hội. Chúng tôi cảm thấy

nguy hiểm vây quanh. Quen biết ai đó có

chức quyền, dù là một người

Nhật hay một ông thông ngôn người

Đài Loan làm việc cho người Nhật,

cũng trở thành chuyện rất quan trọng

và có thể cứu mạng mình. Vài

dòng chữ của họ kèm chữ ký

và dấu đóng cũng đủ để

chứng nhận rằng bạn là công dân

tử tế và xác nhận tư cách

tốt của bạn. Những giấy tờ như

thế được coi là rất có giá

trị khi bạn bị lính Nhật chặn

lại kiểm tra. Nhưng an toàn nhất là

ở nhà và tránh tiếp xúc hay

xung đột với giới cầm quyền.

Một trong những lần ra ngoài đầu tiên của tôi

là vào trung tâm thành phố. Tôi

đi bộ hai dặm tới một tiệm sách

cũ trên đường Bras Basah chuyên bán

sách học. Trên đường đi, tôi
thấy một đám đông gần lối
vào rạp hát Cathay, nơi trước đây
tôi đã xem bộ phim hài cười
cột thứ bom của Nhật. Chen vào đám
đông, tôi thấy đầu lâu của
một người Hoa, đặt trên một
tấm ván nhỏ gắn trên đầu
một cây cột, bên cạnh đó có
mấy dòng chữ Hán. Tôi không đọc
được, nhưng có người gần
đó giải thích rằng nó cảnh
báo điều gì người dân không
nên làm để phải chịu kết
cục như thế này. Người bị

chặt đầu này bị bắt quả
tang đang hôi của, và bất cứ ai
không tuân luật lệ cũng sẽ bị
xử như thế. Tôi bỏ đi với cảm
giác hãi hùng với người Nhật,
nhưng đồng thời tôi nghĩ rằng
một bức ảnh chụp cảnh này mà
đăng trên tờ *Life* thì sẽ tuyệt vời thế nào. Tờ
tuần báo Mỹ này sẽ trả tiền
rất khá cho một bức ảnh đầy
tương phản như thế: một cao ốc
hiện đại ở Singapore làm nền cho
một cảnh trừng phạt của thời
trung cổ. Nhưng rồi chắc người chụp
ảnh cũng kết thúc số phận như

tay hôi của bị chặt đầu kia.

Tôi gặp phải cảnh rợn người ấy trên đường
tới Bras Basah vì tôi đã quyết
định học chút ít tiếng Hoa để
đọc được những thông báo
của họ. Tiếng Anh của tôi chẳng
có giá trị gì với chế độ
mới này. Học tiếng Hoa thì tốt
hơn học tiếng Nhật; ít nhất đó
cũng là ngôn ngữ của dân tộc
tôi chứ không phải thứ tiếng của
bọn chinh phục kia. Tôi mua cuốn *Mandarin Made Easy* (Quan
thoại giản lược) của Chiang Ker Chiu,
một cuốn sách mỏng chừng 30 trang dạy
700 chữ Hoa cơ bản, cách viết và
cách dùng chung với các từ khác.

Tôi thanh toán cuốn này trong một hai tuần và đi mua tiếp tập 2 của bộ sách. Sau này tôi mua luôn một bộ bốn cuốn do Trường Trung Quốc Prinsep xuất bản, dạy ở mức cao hơn. Mỗi ngày mỗi học, tôi thực tập luôn mấy tháng để viết được khoảng 1.200 đến 1.500 chữ và cố gắng nhớ được nghĩa của chúng. Nhưng tôi chẳng biết được chúng phát âm ra sao. Trong tiếng Quan thoại, mỗi từ có một trong bốn âm sắc. Các sách của tôi có chỉ dẫn chuyện đó, nhưng tôi chẳng biết nói ra sao và cũng chẳng có ai để chỉ dạy tôi.

Trước những khó khăn như thế, dần dần tôi
bớt thù ghét tiếng Nhật hơn. Tôi
khám phá ra rằng ngôn ngữ Nhật
không phải chỉ toàn chữ Hoa. Nó
là một hệ thống vần và có
hai cách viết *katakana* và *hiragana*. Nếu người Nhật còn là kẻ
thống trị ở Singapore trong nhiều năm
tới, và không những để tránh
gặp rắc rối mà còn để kiếm
sống nữa, tôi sẽ phải học ngôn
ngữ của họ. Do đó vào tháng
5/1942, tôi đăng ký cùng một nhóm
học viên đầu tiên vào trường
Nhật ngữ mà giới cầm quyền mở
ra trên đường Queen. Đó là

một khóa học ba tháng. Học viên

thuộc đủ mọi lứa tuổi và

trình độ, một số học hết

trung học, một số đang học đại

học như tôi và số khác là

các công nhân trẻ trong độ tuổi

hai mươi. Tôi học xong và có bằng

chứng nhận. Tôi thấy tiếng Nhật

dễ hơn tiếng Quan thoại nhiều vì

nó không có âm sắc, nhưng vẫn

phạm và các biến tổ của nó

thì phức tạp hơn.

Ông nội tôi, Lee Hoon Leong, đã lâm bệnh nặng vào

tháng 7, và ba tuần sau khi tôi kết

thúc khóa học thì ông mất.

Trước đó tôi vẫn đến

thăm ông nhiều lần tại căn nhà
trên đường Bras Basah, nơi ông sống
với cô con gái nuôi. Tôi thấy
rất buồn cho ông. Không phải vì
ông bị bệnh mà vì ông phải
chứng kiến thế giới của ông sụp
đổ: người Anh và tất cả
những biểu tượng của họ đã
bị lãng nhục và đánh bại.

Hải quân Anh, những thuyền trưởng
Anh, kỷ luật, tài ba và ưu thế
tuyệt đối của họ trên mặt
biển – tất cả đã bị bọn
lính Nhật trông kỳ cục kia hạ
gục. Ông không thể hiểu làm sao

một dân tộc lười thôi như thế

lại có thể đánh bại các

sỹ quan Anh kiêu dũng kia. Làm sao bọn

chúng đánh chìm được những

con tàu như *Prince of Wales* và *Repulse*, làm

tan tác hạm đội Anh, bắn rơi máy

bay của Không quân Hoàng gia và bắt

sống 130.000 lính Anh với một lực

lượng chỉ có 110.000 quân và bao

vây Singapore có hai tuần lễ? Khi nhìn

ông ngày càng hôn mê đi, tôi

đã nghĩ giá mà ông chết

trước khi tất cả những chuyện này

xảy ra thì tốt cho ông hơn.

Những quan hệ

hữu dụng của ông với Singapore dưới

chế độ thuộc địa đã đứt

đoạn, nhưng ông có một người

bạn Nhật, một ông tên là

Shimoda, người mà cha tôi đi tìm

gặp vài ngày sau khi ông nội tôi

mất. Những khó khăn của thời

chiếm đóng đã làm cha tôi

điềm tĩnh hơn. Ông trở nên có

trách nhiệm hơn trong thời kỳ khó

khăn. Ông kiếm được công việc

với bộ phận quân đội lo về

tiếp tế xăng dầu và cũng tìm

được cho tôi công việc đầu

tiên trong đời. Do cha tôi yêu cầu

và do tình cảm với ông nội tôi,

ông Shimoda đã tìm cho tôi công
việc trong một thế giới mới với
người Nhật đóng vai ông chủ
lớn.

Tôi làm thư

ký trong công ty của ông ta được
một năm, sao chép các hồ sơ để
dùng trong công ty và thư từ với
các công ty Nhật khác. Khi công ty
Shimoda đóng cửa, tôi xin được
một chân thư ký đánh máy ở
bên kia quảng trường Raffles, trong một
kumiai, tổ
hợp, kiểm soát những thực phẩm
chính – gạo, đường, dầu ăn,
muối và cả thuốc điều cũng

như thuốc sợi nữa. Tôi lĩnh lương bằng đồng tiền do quân Nhật phát hành, những đồng tiền có in hình những cây dừa và cây chuối. Tiền này, người ta gọi là “tiền chuối”, không có số sêri và mỗi tháng mỗi mất giá. Công việc này quý ở chỗ là lương còn được trả bằng hiện vật – chừng 10 katis (khoảng 7 ký) gạo, đường, dầu và quý nhất là thuốc lá. Những suất chế độ này quý hơn thứ tiền chuối, vì mỗi tháng chúng lại khan hiếm hơn và trị giá nhiều tiền chuối

hơn.

Tôi làm việc cho *kumiai* được khoảng tám tháng, đến cuối năm 1943, thì đọc được một mẫu quảng cáo của *Hodobu*, bộ phận thông tin tuyên truyền Nhật có trụ sở tại cao ốc Cathay, đăng trên tờ *Syonan Shimbun*. Bộ phận này đang cần các biên tập viên tiếng Anh. Tôi tới nơi và được George Takemura, một người Nhật sinh tại Mỹ, phỏng vấn. Đó là một người gầy, cao, trắng trẻo, nói tiếng Anh với giọng Mỹ. Ông ta không mặc quân phục sỹ quan Nhật mà mặc đồ dân sự trong khối quản trị quân đội với năm ngôi sao xanh dương – tương đương

với cấp đại úy. Ông ta ăn
nói nhỏ nhẹ, và thực ra là
người rất lịch sự. Ông hài
lòng với tiếng Anh của tôi, và
tôi hài lòng vì đã tìm
được một chỗ mà nhiều người
mong muốn.

Công việc của tôi là theo dõi các hãng thông
tấn của Đồng minh: Reuters, UP, AP, Thông
tấn xã trung ương Trung Quốc và
TASS.

Những tin tức này được đánh
đi bằng tín hiệu morse, và được
các hiệu thính viên của đài
phát thanh Malay bắt được. Vào
lúc chiều tối thì tín hiệu

không được tốt lắm, nên nhiều
chữ bị ngắt mất. Tôi phải giải
mã và dựa theo toàn văn để
đoán ra những chữ bị mất, cứ
như chơi trò ở chữ. Các mẫu
tin phải được đối chiếu sắp
xếp lại theo từng mặt trận khác
nhau và gởi từ tầng trên cùng
của cao ốc Cathay xuống tầng kế bên
dưới để được cắt sửa
và phát thanh. Tôi làm việc ở
đó được 16 tháng cho đến
cuối năm 1944.

Đó là một cuộc sống kỳ lạ. Công việc của
tôi bắt đầu lúc 7 giờ sáng
giờ Tokyo, tức 5 giờ 30 ở Singapore, cho đến

khi trời sáng. Tín hiệu vô tuyến

rất kém cho tới nửa đêm giờ

Tokyo. Nên trong ca đầu từ 7 giờ chiều

đến 12 giờ trưa, công việc rất

cực, nhưng ta được về sớm để

ngủ. Thời gian từ 12 giờ trưa tới

9 giờ tối được chia làm hai ca,

với một đoạn nghỉ hai tới ba tiếng

giữa hai ca. Tín hiệu lúc này khá

hơn, ít bị tạp âm ở những

chữ hay đoạn câu bị lạc mất,

nhưng cũng có nghĩa là phải ngủ

trong những giờ trái khoáy.

Mỗi ca làm việc đều có hai biên tập viên. George

Takemura, thường mặc đồng phục và

không có áo khoác vì khí hậu

nóng và ẩm, có thể ghé vào
mỗi tối vài lần, cho tôi và
nhân viên biên tập kia một gói
thuốc lá Nhật trong suất chế độ
của ông. Tôi phải luôn luôn tỉnh
táo, thỉnh thoảng ngủ chút đỉnh
từ 4 đến 6
giờ sáng
sau khi thu xếp công việc với bạn làm
cùng ca, rồi làm việc tiếp đến
9 giờ sáng, khi tình hình sóng vô
tuyến lại trở nên tồi tệ. Sóng
tín hiệu trở nên vô vọng khi
trời nắng, nên các tín hiệu
viên cũng kết thúc công việc
trong ngày. Tôi thường đi bộ hai

dặm rười từ cao ốc Cathay về đường

Norfolk để ăn bữa giữa sáng rồi

đi ngủ thêm vài tiếng nữa.

Những ảnh hưởng tâm lý của công việc này còn

kỳ cục hơn cả giờ giấc làm

việc nữa. Trong nhiều giờ liền, trong

đầu tôi đầy những tin tức về

một cuộc chiến ngày càng trở

nên bất lợi cho Nhật cũng như cho

Đức và Ý. Nhưng nếu nói

chuyện này ra với người ngoài là

sẽ gặp nguy hiểm đến tính mạng.

Ở tầng trệt của cao ốc Cathay có

một bộ phận của *Kempeitai*. Mỗi nhân viên làm ở đây đều

có một tập hồ sơ. Công việc

của *Kempeitai* ở đây là bảo đảm không

ai tiết lộ gì được ra ngoài.

Từ cuối năm 1943, thực phẩm ngày càng khan hiếm.

Hải quân Nhật bị thua nhiều trận

và thiệt hại nặng nề trong những

trận ở đảo Midway và vùng biển

Coral⁸.

Họ đã mất quyền kiểm soát

mặt biển và tàu của họ liên

tục bị tàu ngầm Đồng minh bắn

chìm. Ngay cả Thái Lan, nước xuất

khẩu gạo xưa nay, cũng không thể

chuyên gạo sang Singapore, hoặc do người

Nhật không muốn trả tiền gạo hoặc

do họ không thể chuyên chở qua được.

Rơi vào cảnh phải ăn thứ gạo dự trữ ẩm

mục trộn với gạo trồng ở Malaya,

chúng tôi đành tìm món thay
thế. Mẹ tôi, cũng như nhiều người
khác, chế biến chút đỉnh gạo
chúng tôi có được với bắp,
kê và những thứ rau củ mà lúc
bình thường chúng tôi không hề
đụng tới, như rau lang, lá khoai mì
nấu với nước dừa. Những thứ
đó không ngon miệng lắm, nhưng
chúng làm đầy bụng tuy không có
dinh dưỡng cao. Cỡ một tiếng sau bữa
ăn là anh em tôi bắt đầu thấy
đói kỳ lạ. Thịt là món xa
xỉ. Chẳng có bao nhiêu bò hay cừu.
Thịt heo thì dễ mua hơn và chúng

tôi có thể tự nuôi gà, nhưng
cũng chẳng có bao nhiêu thức ăn
thừa để cho chúng ăn.

Tài tháo vát của mẹ tôi bị thử thách rất
đầy trong thời chiếm đóng. Khi tổng
số tiền lương của cha tôi, em
Dennis của tôi và cả tôi nữa dần
trở nên nhỏ nhoi vì lạm phát
thì bà bắt đầu làm đủ
thứ dịch vụ. Là con gái một gia
đình người Hoa xứ này, bà
đã học được cách nấu
nướng và làm bánh. Bây giờ
bà làm bánh để bán. Khi không
còn kiếm ra bột mì và bơ nữa
thì bà dùng bột khoai mì, bột

gạo, bột cọ, nước dừa và

đường thốt nốt. Từ sữa tươi

bà làm được sữa đặc có

đường. Bà là một đầu

bếp giỏi. Sau này, khi tôi làm thủ

tướng, bà vẫn dành thì giờ

dạy nghệ thuật nấu ăn kiểu người

Hoa cho các phụ nữ xa quê hương,

trong đó có cả các bà vợ

của những viên chức ngoại giao đoàn.

Bà còn viết cuốn *Mrs Lee's Cookbook* (Sách nấu ăn của Bà Lee),
bán

khá chạy ngay cả sau khi bà đã

mất.

Mọi thứ đều khan hiếm. Xe hơi thì biến mất, ngoài
những chiếc dùng cho quân đội hay

các viên chức cao cấp. Một số

dân địa phương có xe hơi làm

môi giới trong thị trường chợ đen.

Việc buôn bán rất sôi nổi với

các mặt hàng thuốc tây đang ngày

càng khan hiếm, hay lấy từ những kho

thuốc trữ từ hồi trước chiến

tranh. Thứ có giá nhất là

Sulphonamide Pyridine. Những món hàng có

lãi cao khác là rượu như Johnnie

Walker và Hennessy, thuốc lá Anh trong hộp

thiếc 50 điếu, nữ trang, bất động

sản và tiền dùng trong Các thuộc

địa vùng eo biển (tiền Singapore dùng

trước thời Nhật chiếm đóng.)

Các tay môi giới hoạt động chủ yếu trên
đường High hoặc Chulia, gần quảng
trường Raffles. Tôi tham gia hàng ngũ
này vào năm 1944 và học cách
trữ hàng, nhất là những món nữ
trang nho nhỏ ngày càng mất giá. Tôi
mua những thứ đó, trữ vài tuần,
rồi bán lại với giá chắc chắn
là cao hơn. Cũng rất dễ kiếm tiền
nếu mình có những mối mang làm
ăn tốt. Ở đầu dây bên này
là những người thuộc lớp trung
lưu đang phải bán tài sản của
ông bà để mong sống còn. Mẹ
tôi quen biết rất nhiều phụ nữ
gia đình khá giả trước đây,

nay cần phải bán nữ trang và tài
sản tại một xứ Singapore đang ngày
càng khan hiếm thực phẩm. Bọn môi
giới chúng tôi sẽ gạ bán những
món đó cho những người ở
đầu dây bên kia. Đó là
những người muốn bán cho các
viên chức Nhật đang nóng lòng
đổi mớ tiền chuỗi thành những
món có giá trị lâu dài hơn,
hoặc để tặng cho các sỹ quan Nhật
đã dành cho họ những hợp đồng
béo bở.

Điều then chốt để sống còn là khả năng
xoay xở. Một công việc do tôi tiến

hành đã thay đổi dòng đời

của tôi. Khi làm môi giới trong chợ

đen, tôi gặp Yong Nyuk Lin, một sinh viên

khoa học của Đại học Raffles đang

làm việc cho Công ty bảo hiểm hải

ngoại trên đường Chulia, Nyuk Lin và

tôi thường đến một tiệm kim

hoàn của hai anh chàng người Hakka,

cũng là sinh viên Raffles, làm với ông

anh của họ. Cửa tiệm đó là

nơi gặp gỡ của các tay môi giới

chuyên mua bán các món nữ trang. Cửa

tiệm Barsai trên đường Chulia của

một người Ấn chuyên bán văn

phòng phẩm trước đó đã

hỏi tôi có thể kiếm đâu ra

hồ dán cho văn phòng không, thứ

này chỉ tồn kho một ít từ trước

chiếm đóng, nay đã cạn. Mình

có thể tự làm được không?

Tôi hỏi Nyuk Lin có biết làm hồ

dán không. Anh ta nói anh biết làm,

bằng bột khoai mì và một ít

acid. Thế là tôi chỉ cho anh ta ít tiền

để làm thử.

Cách làm của Nyuk Lin là dùng một nồi lớn đổ

đây bột khoai mì đặt trong một

chảo dầu sôi. Anh ta dùng dầu dừa,

một thứ rẻ và dễ mua. Anh giữ

dầu ở nhiệt độ cao để làm

nóng bột khoai mì, thứ này phải

khuấy đều tay cho đến khi biến
thành một chất sền sệt màu vàng
nâu. Nó có hình dạng và mùi
như đường caramel. Anh ta thêm nước
và mớ caramel ấy tan thành một thứ
hồ keo, sau đó anh thêm chút acid
carbolic làm chất bảo quản chống mốc.
Thứ hồ dán này được đóng
vào chai Scotts Emulsion vốn là thứ cũng
rẻ và dễ thu mua. Tôi đặt cho thứ
hồ dán này cái tên là
“Stikfas”, nhờ một anh bạn có
hoa tay thiết kế một tờ nhãn coi hấp
dẫn có chữ màu nâu nhạt trên
nền trắng.

Thứ hồ dán này hóa ra có lỗi kha khá và
chúng tôi sản xuất ở hai nơi. Một
là nhà tôi, có mẹ và em gái
tôi giúp sức. Chỗ kia là nhà
Nyuk Lin, anh có vợ và một cô em vợ
phụ việc. Cô em vợ chính là Kwa
Geok Choo, cô gái luôn học giỏi hơn
tôi tại Đại học Raffles. Tôi đã
thấy cô trước đó khi tôi đến
tìm Nyuk Lin tại căn hộ của anh ta trên
đường Tiong Bahru bằng chiếc xe đạp
bánh đặc của tôi. Cô đang
ngồi ở hàng hiên khi tôi tới, và
lúc tôi hỏi anh ta ở đâu, cô
đã mỉm cười và chỉ vào
một cầu thang gần đó. Bây giờ

chúng tôi gặp nhau trong những tình
huống khác. Cô phải ở nhà,
chẳng có việc gì làm, ngoài
những việc trong nhà vì không còn
đầy tớ nữa. Làm hồ dán thì
cũng cực nhưng đem lại cho cô ít
tiền tiêu vặt, và những lần tôi
ghé lại để theo dõi công việc
sản xuất đã khiến nảy sinh tình
bạn qua thời gian.

Đến tháng 9/1944, chúng tôi đã quen nhau khá
thân để tôi có thể mời Nyuk
Lin, vợ anh ta và Geok Choo (hay chỉ gọi là
Choo) dùng một dạ tiệc nhân kỷ
niệm sinh nhật thứ 21 của tôi tại

một nhà hàng Tàu trong khu Đại

Thế Giới. Đó là lần đầu

tôi mời cô đi chơi. Thực ra, cô

còn có anh rể đi cùng, nhưng ở Singapore thời đó, nếu một thiếu
nữ

nhận lời mời tới dự tiệc sinh

nhật thứ 21 của một chàng trai, thì

đó là một sự kiện không

phải là không có ý nghĩa.

Chuyện làm hồ

dán kéo dài được khoảng

sáu bảy tháng, cho đến cuối năm

1944. Lúc đó Nhật bắt đầu

thua trận. Ít có tàu buôn nào

đi lại được và việc thương

mại đình đốn; công việc kinh

doanh thu hẹp và các văn phòng chẳng

cần tới hồ dán nữa. Tôi chấm

dứt việc làm hồ dán, nhưng tiếp

tục tới thăm Choo tại căn nhà ở

đường Tiong Bahru để nói chuyện

gẫu và giữ gìn tình bạn.

Tháng 5, âm mưu của Nhật muốn xâm chiếm Ấn Độ

qua ngã Miến Điện (nay là Myanmar) bị

thất bại tại Imphal và Kohima. Lần này

đến lượt người Nhật phải

rút quân. Họ chống cự điên

cuồng và kiên trì ngay cả lúc

rút lui, và tôi đọc được

những thông báo về cuộc chống cự

dai dẳng của họ khi người Anh tiến

vào Mandalay và dọc theo bờ biển

Arakan của Miến Điện. Tôi cảm thấy

chắc chắn là người Anh rồi sẽ

tiến quân xuống bán đảo Malaya

theo cùng kiểu như vậy, và e rằng,

khi người Nhật chiến đấu tới

cùng, việc tái chiếm Singapore sẽ là

cuộc chiến giành từng con đường,

từng ngôi nhà rồi đi đến một

kết cục đẫm máu, trong đó

có rất nhiều dân sự thương

vong. Chuyện đó chỉ còn là vấn

đề thời gian, một hay hai năm nữa

thôi.

Tôi quyết định rằng phải rời Singapore khi tình hình

còn yên tĩnh, và tôi có thể

xin thôi việc ở *Hodobu* mà không ai nghi ngờ về động cơ

của tôi. Tôi xin nghỉ phép và
đi Malaya để thám sát Penang và
cao nguyên Cameron xem nơi nào là an toàn
hơn. Tôi đi từ Singapore sang Penang rồi
đi xe lửa tới Tapah, nhưng từ Tapah tới
cao nguyên Cameron, tôi được quá
giang một xe tải chở rau quả và ngồi
kế bên tài xế. Sau hai đêm ở
tại Cameron, tôi trở về Tapah cũng bằng
cách quá giang như vậy. Đó là
một chuyến đi ròn tóc gáy. Để
tiết kiệm xăng dầu, tài xế đã
tắt máy cho xe thả dốc trên con đường
ngổn ngang gần hai tiếng rưỡi
đồng hồ.

Tại Penang, tôi lưu lại chỗ của Hon Sui Sen. Năm 1942,
khoảng bốn tháng trước khi Nhật
chiếm Singapore, Hon đã gửi vợ và
con gái về Penang và qua trọ ở nhà
tôi trên đường Norfolk. Chúng tôi
ở chung phòng và trở thành bạn,
nhưng chín tháng sau anh ta quyết định
rằng không nên ở lại Singapore nữa.
Anh ta là sinh viên khoa học giỏi nhất
trong khóa của anh, và là một trong
hai người được tuyển hàng năm
vào ngạch công chức của Anh (sau này
anh ta trở thành Bộ trưởng Tài
chính của chúng tôi.) Nhưng lương
công chức của anh rất ít ỏi,
suất chế độ lại không tương

xứng nên anh không đủ nuôi gia
đình. Do đó anh quay về với họ
ở Penang.

Tuy tôi thấy ít có chiến sự khi loanh quanh ở Penang, nhưng
tôi cũng không chọn nơi này. Nó
tất sẽ là bàn đạp của
người Anh khi họ muốn tiến sang
Singapore. Sẽ có chiến tranh trên các
đường phố, từng căn nhà một.
Nên tôi đi tiếp tới cao nguyên
Cameron nơi Maurice Baker, bạn tôi ở đại
học, có nhà ở ngôi làng
Ringlet trên độ cao cả nghìn mét.
Anh và một số bạn đang sống nhờ
vào tiền tiết kiệm và trồng rau

quả. Tôi trả được tiền xe nhờ
bán nửa tá cước bằng sắt mang
từ Singapore sang và kiếm lời khá
lớn. Nông dân ở đây rất cần
món đó. Trong chuyến về, tôi mua
một giỏ các thứ rau khó mua được
ở Singapore, và dành cả ngày rưỡi
trên xe lửa để giữ cho chúng đừng
bị dập.

Về tới nhà, tôi bàn bạc công việc với mẹ
tôi. Chúng tôi thấy rằng tốt
nhất là dọn lên cao nguyên Cameron.
Bước đầu tiên chúng tôi tìm
cách sang lại ngôi nhà ở đường
Norfolk cho một nhóm người Nhật làm
việc ở *kumiai*. Họ trả cho chúng tôi 60 nghìn tiền

chuối để nhận được quyền
mướn căn nhà này. Rồi tôi
làm đơn xin nghỉ trước một
tháng gửi cho *Hodobu*.

Khi tôi đi thang máy trong cao ốc Cathay xuống tầng trệt
vào ngày trước hôm tôi chính
thức thôi việc, người gác thang
máy mà tôi đã đánh bạn
từ lâu, thận trọng nói cho tôi
hay là hồ sơ của tôi trong phòng
Kempeitai đã được mang ra nghiên cứu.
Tôi nghe mà lạnh cả người. Tôi
tự hỏi cái gì đã gây ra
chuyện này và chuẩn bị tư thế
để bị họ hỏi cung. Từ phút
đó, tôi cảm được rằng

mình đang bị theo dõi. Suốt ngày

đêm, một nhóm người bám

đuôi tôi, tôi đặt ra đủ

thứ giả thuyết trong đầu, và chỉ

có thể kết luận rằng đã có

ai đó tố với *Kempeitai* rằng tôi là kẻ thân Anh và tôi

đã tiết lộ tin tức về những

chiến bại của Nhật, và đó

là lý do khiến tôi xin nghỉ việc.

Mỗi lần ít nhất có hai người

theo dõi bên ngoài cửa tiệm trên

phố Victoria, nơi chúng tôi tạm trú

sau khi rời khỏi Norfolk. Cha tôi đã

mướn căn nhà này của hãng

xăng nơi ông làm việc.

Để khám phá xem mình có bị theo dõi không,
tôi nhờ hai đứa em Dennis và Fred phục
ở cửa sổ trên lầu và nhìn
hai người đàn ông người Hoa ở
góc đường Bras Basah và Victoria với
hai chiếc xe đạp để kế bên.
Rồi tôi đạp xe quanh một vòng khu
phố. Khi tôi trở lại, chúng xác
định hai người đàn ông ấy
cũng đi ngay khi tôi đi và trở lại
sau khi tôi trở lại. Tim tôi thất lại.
Tôi kể với mẹ và quyết định
rằng tốt nhất là tôi không rời
Singapore. Nếu tôi rời đi, *Kempeitai* chắc chắn sẽ bắt tôi lại để
thăm vấn. Nếu tôi ở lại và
làm ăn công khai, sống một đời

vô hại, hoạt động trong thị trường
chợ đen, làm hồ dán sống qua
ngày thì chúng sẽ để tôi
yên.

Tôi chịu đựng trò mèo vờn chuột này chừng
tám tuần. Đôi khi, lúc 2 hay 3 giờ
sáng, một chiếc xe hơi chạy qua nhà
và đậu lại gần ngã tư cắt
ngang đường Bras Basah. Thật khó mà
diễn tả được nỗi sợ hãi
trùm lấy tôi khi nghĩ rằng chúng
sắp đến bắt mình. Như nhiều
người khác, tôi đã từng
nghe nói tới những kinh hoàng trong việc
Kempeitai tra tấn tội nhân. Chúng thường

đeo băng tay trắng với hai chữ Hoa màu

đỏ *kempei*, nghĩa là *quân cảnh*, và không ai dám nghi ngờ quyền được

bắt giữ và tra hỏi của chúng,

ngay cả những sỹ quan cao cấp Nhật.

Chúng có trụ sở tại một cao ốc trên đường

Stamford, và các chi nhánh ở đường

Oxley Rise, Smith Street và đồn cảnh sát

trung tâm trên đường South Bridge. Dân

sống gần đó kể rằng họ

thường nghe những tiếng gào đau

đớn của các nạn nhân, những

tiếng gào được tính toán

nhằm khủng bố người khác, và

nỗi sợ hãi đó truyền đi từ

miệng người này sang miệng người

khác. Đó là một phương pháp
tinh vi để khùng bố dân địa
phương; dân chúng sợ hãi thì
dễ kiểm soát.

Tôi chẳng có đường dây với bất kỳ tổ
chức ngầm nào để tiết lộ
các tin tức của Đồng minh. Tôi
chẳng có lý do gì phải lên
nghe bất cứ đài phát thanh nào
bởi vì dù sao công việc của tôi
là xử lý các bản tin Tây
phương. Tôi quyết định nếu bị
bắt, tôi sẽ nói với họ điều
tôi sợ: rằng sau khi tái chiếm Miến
Điện, người Anh sẽ tái chiếm
Malaya rồi tiến về Singapore trong khi người

Nhật sẽ chiến đấu tới giọt
máu cuối cùng. Do đó tôi đã
lên kế hoạch rời đảo đi trồng
khoai mì, khoai lang và các thứ rau ở
cao nguyên Cameron, nơi đó sẽ không
nằm trên đường hành quân của
bất cứ phe nào. Tôi sẽ trưng bằng
chứng về chuyến đi Penang và Cameron
của tôi, rồi sau đó là chuyến
đi của mẹ và em trai tôi kể đó
hai tháng để khẳng định nhận
xét của tôi rằng đây là
nơi an toàn nhất cho gia đình. Nhưng
một ngày kia, sau hai tháng như thế,
việc theo dõi ngừng lại. Đó quả

là một chuyện làm tôi mất cả
tinh thần.

Sau khi thôi làm hồ dán vì không còn ai mua nữa,
tôi kết hợp với một người
Thượng Hải tên là Low You Ling. Anh ta
là một nhà thầu xây dựng cỡ
nhỏ, tuổi khoảng ngoài ba mươi. Anh ta
không có người hợp tác. Tôi
biết nói tiếng Nhật, anh ta thì
không. Hai chúng tôi thầu được
những công việc nho nhỏ từ các
công ty Nhật và từ *butai*, các trung đoàn đóng quân tại
Singapore. Để gia tăng quan hệ với khu
vực dân sự, tôi liên kết với
ông Kageyama, một viên chức dân sự
Nhật, tuổi ngoài ba mươi, từng làm

việc cho *kumiai*.

Khi trong *kumiai* chẳng còn bao nhiêu công việc vì

tàu bè Nhật cứ bị đánh

chìm và hàng hóa trở nên khan

hiếm, ông ta quyết định tách ra

làm một trung gian giữa các công ty lớn của Nhật, quân đội và

các nhà cung ứng địa phương.

Ông ta và tôi bổ sung cho nhau, với

Low có khả năng thi công và nhiều

quan hệ với các nhóm thợ xây,

thợ mộc, thợ nề mà chúng tôi

cần đến. Kết hợp với nhau, chúng

tôi cũng kiếm sống được.

Tôi tiếp tục hoạt động trong thị trường chợ

đen, làm môi giới cho bất cứ thứ

gì buôn bán được. Đó

là tình thế không có gì dễ
lỗi. Mọi thứ đều ngày càng
khan hiếm. Siêu lạm phát nghĩa là
cái gì cũng lên giá. Nhưng người
ta phải có vốn mới giàu lên
được. Tôi đã có thể
huy động vốn và mau lẹ tích lũy
thêm được một số. Tôi hiểu
một khi nắm tiền mặt thì điều
quan trọng nhất là biến ngay nó thành
món gì có giá trị lâu dài
hơn, nếu không nó sẽ biến mất ngay trên tay mình. Trong cơn
điên cuồng biến tiền chuỗi thành
tài sản khác, tôi đã mua một
cái bàn billard, cho phục hồi và

đánh bóng lại, bọc nỉ mới

và cho đặt trên lầu căn nhà

ở đường Victoria. Trong tháng 3 và

4/1945, một người bạn của cha mẹ

tôi đã dọn khỏi cao ốc China và

đề nghị tôi tìm cách sử

dụng nó. Nên tôi có thể sử

dụng căn nhà đường Victoria cho

công chuyện làm ăn lẫn giải trí:

công việc, vì kể nhà tôi là

lò làm bánh kẹo, nơi dân buôn

bán thường tập trung để trao đổi

thông tin và thỏa thuận làm ăn;

giải trí, bởi vì có bàn

billard. Đây là một kiểu sống

hiện sinh, mỗi ngày cuộc tái chiếm
lại càng tới gần, có thể đem
hiểm nguy cho tất cả dân địa
phương. Trong khi đó, người ta vẫn
cứ phải sống và tiếp tục công
việc như thường.

Tháng 5, có tin về việc Đức bị đánh bại
và đã đầu hàng. Bây giờ
mọi lực lượng Đồng minh đều
dồn vào tấn công Nhật. Mọi người
đều biết chuyện Nhật bại trận
chỉ là vấn đề thời gian. Từng
biên tập các bản tin về chiến
dịch Miến Điện hồi còn làm
cho *Hodobu*, tôi rất sợ hãi cái giá mà
thường dân phải trả. Nhưng không

có đường nào thoát. Với

tôi, bỏ đi nơi khác vẫn có

nghĩa là bị bắt và thẩm vấn.

Rồi bất ngờ, ngày 6/8, một quả bom kỳ lạ nổ ở Hiroshima.

Tin này chỉ được đăng trên

tờ *Syonan Shimbun* ngày 11/8 dưới dạng một tường thuật đầu

trang – “Nhật cực lực phản đối

việc tấn công Hiroshima bằng một trái

bom kiểu mới vào thứ Hai qua” –

nhưng những người nghe đài BBC đã

loan tin rằng Nhật đã bị trúng

một vũ khí phóng xạ cực mạnh.

Chúng tôi cảm thấy kết thúc đã

gần kề.

Ngày 15/8, Nhật hoàng ngỏ lời với thần dân

và tuyên bố đầu hàng. Chúng

tôi nghe được chuyện này hầu
như ngay lập tức, vì dân chúng
đã bạo gan hơn và nhiều người
đã nghe các đài phát thanh của
Đồng minh, nhất là BBC. Tin này không
hề xuất hiện trên tờ *Syonan Shimbun* cho mãi đến ngày 20/8, tờ
này đăng toàn văn "Thông
điệp Nhật hoàng". Cuộc chiến
đi tới kết thúc mà không có
giao chiến gì thêm. Chúng tôi thoát
khỏi tình trạng đau thương đã
từng xảy ra cho Rangoon và Mandalay.

Ba tuần sau bản tuyên bố của Nhật hoàng, chưa
thấy có dấu hiệu người Anh trở
lại. Đó là một tình huống
khác thường. Nó khác xa những

gì xảy ra ba năm rưỡi trước
đó, khi người Anh đã đầu
hàng và người Nhật chưa nắm
quyền kiểm soát thật sự. Không
giống người Anh, người Nhật không
bị mất tinh thần vì bị đánh
bại trong trận mạc. Họ tuyệt vọng
và bối rối, nhưng vẫn còn nắm
quyền và vẫn có khả năng làm
hại chúng tôi. Khi dân địa phương
không biết kiềm chế mà tổ chức
ăn mừng việc Nhật bại trận, lính
Nhật đi ngang qua có thể tông cửa
vào giữa tiệc và đánh những
kẻ dự liên hoan. Quân Nhật chờ

đợi người Anh gọi trình diện,
và trừng phạt những tội ác của
họ, nhưng cũng thật cay đắng và
đáng sợ là dân chúng có
thể sẽ tấn công các sỹ quan khi
họ tới gần. Có nhiều tiếng súng
trong khu cư trú của các sỹ quan Nhật,
vì một số không chấp nhận được
chuyện đầu hàng và họ muốn
tự tử hơn, theo kiểu Nhật, *hara-kiri*, bằng một lưỡi dao găm, hay ít
đau
đớn hơn, bằng khẩu súng lục.
Nhưng dân địa phương thì may
mắn. Theo như tôi biết, người Nhật
không giết thường dân và cũng
không có những biến cố bạo ác.

Họ bỏ mặc dân chúng cho đến
khi người Anh tiếp quản. Kỷ luật
quân đội của họ vẫn được
giữ vững.

Ba năm rưỡi Nhật chiếm đóng là rất quan
trọng trong cuộc đời tôi. Nó cho
tôi nhìn rõ cách ứng xử của
con người và xã hội, những động
cơ và phản ứng ngẫu phát của
họ. Tôi sẽ không có được
cách đánh giá chính quyền, và
sự hiểu biết về quyền lực như
một phương tiện tạo ra những thay
đổi cách mạng nếu không trải
qua thời kỳ này. Tôi đã trông
thấy một hệ thống xã hội sụp

đổ trước một đội quân

cực kỳ tàn bạo. Người Nhật

đòi hỏi sự phục tùng tuyệt

đối và hầu như mọi người

đã phục tùng họ. Hầu hết

mọi người dân đều thù ghét

họ nhưng hết thảy đều ý thức

về sức mạnh của họ nên mọi

người phải thích nghi. Những ai chậm

hay không muốn thay đổi để chấp

nhận ông chủ mới sẽ phải đau

khô. Họ sẽ phải sống bên lề

xã hội mới, tài sản của họ

nằm chết một chỗ hay suy sụp và

họ bị mất vị trí xã hội.

Những người mau chóng đánh giá
được tình thế mới và biết
khai thác những cơ hội mới bằng
cách giúp ích cho các ông chủ
mới, đã làm giàu trên sự
bất hạnh khủng khiếp đã ập
lên toàn Singapore.

Guồng máy cai trị quân sự của Nhật đã cai
trị bằng khủng bố. Nó không hề
khoác một lớp vỏ cư xử văn
minh. Sự trừng phạt nặng nề đến
độ rất ít có tội phạm.

Giữa cảnh đói khổ, vào mấy
tháng cuối năm 1944, khi dân chúng gần
như chết đói, thật kỳ lạ là
mức độ tội phạm vẫn rất

thấp. Người ta có thể bỏ ngõ
cửa suốt đêm. Mỗi nhà có
một chủ nhà, mỗi nhóm mười
nhà cũng có liên gia trưởng và
những người này có nhiệm vụ
tuần tra khu vực của mình suốt ngày
đêm. Nhưng đó chỉ là chuyện
hình thức. Họ chỉ mang theo gậy gộc
và cũng chẳng có vi phạm gì để
báo cáo – mức trừng phạt đã
quá nặng nề. Hệ quả là tôi
không còn tin vào những người
chủ trương một phương pháp nhu
hòa đối với vấn đề tội
phạm và trừng phạt, thường cho

rằng trừng phạt không hề làm

giảm được tội phạm. Đó

không chỉ là kinh nghiệm của tôi

tại Singapore trước chiến tranh, trong thời

Nhật chiếm đóng hay sau đó.

Sau cú choáng ban đầu, tôi hiểu ra rằng cuộc

sống cứ phải tiếp tục hầu như

là bình thường. Người ta phải

ăn, phải cần đến thuốc men và

những thứ khác như bàn chải đánh

răng, kem đánh răng, quần áo giày

dép, mực giấy bút. Ngay cả dao cạo

râu cũng trở nên rất quý và

khó kiếm, nên các lưỡi dao cũ

cứ được mài đi mài lại.

Thuốc lá thì giá trị hơn tiền

do Nhật phát hành. Một số nghề
suy thoái và không kiếm ra tiền.
Chẳng còn mấy ai cần đến luật
sư giỏi luật của Anh nữa, vì
chẳng có bao nhiêu hoạt động
thương mại, và thiết quân luật
đã giải quyết tội phạm rất
gọn gàng. Nghề kế toán cũng đình
trệ vì không có kinh doanh gì đáng
kể. Nhưng trái lại, bác sĩ và
nha sĩ vẫn cần thiết như xưa vì
người ta cứ bệnh và cứ đau
răng, nên những nghề này cứ ăn
nên làm ra cho dù khan hiếm thuốc
uống và thuốc tê.

Trong mười tháng đầu của thời chiếm đóng,
người ta cũng thường thấy những
nhóm tù binh chiến tranh người Úc
và Anh lao động trong thành phố với
một ít lính Nhật đi theo canh gác.
Thường thì họ làm những việc
như chuyển hàng từ kho lên xe tải.
Họ có thể lên vào một quán
cà phê gần đó tìm thức
ăn, các ông chủ hay những bà nội
trợ binh thường sẽ cho họ bánh
mì, đồ hộp hay ít tiền bạc.
Người Hoa rất có cảm tình với
họ. Họ đã gây đi và trông
thật thảm nảo trong cảnh tù đầy.
Đồng phục của họ, thường là

sơ mi và quần soọc, thường rách
tả tơi. Đến cuối năm 1942, người
ta ít thấy họ hơn, và một năm
sau lại càng hiếm. Người ta cho rằng
họ đã bị đưa đi lao động
ở nơi khác, Thái Lan, Indonesia hay Nhật.
Khi họ xuất hiện trở lại tại
Singapore vào cuối năm 1944 đầu 1945, họ
chỉ còn da bọc xương, những bộ
xương sườn lộ rõ đến nỗi
có thể đếm được. Họ đã
lao động xây tuyến đường sắt
Miến Điện. Một số người chỉ
mặc đồ lót, xương hông của
họ lòi ra. Trông họ tội nghiệp,

đầy vết viêm loét, sẹo và
ghê lở, nhất là ở tay chân. Thực
phẩm thì khan hiếm, nhưng không khan
hiếm đến độ họ không có
đủ cái ăn. Những chịu đựng
của họ vượt xa cảnh ngộ của
mọi tù binh chiến tranh ở
bất cứ nơi nào khác trên thế
giới.

Việc chuyển từ
tiếng Anh sang tiếng Nhật như là thứ
ngôn ngữ hành chính và của
giới cầm quyền đã khiến người
già rơi vào thế rất bất lợi.
Họ không thể học tiếng Nhật dễ
dàng. Những ai nói được tiếng

Nhật, như dân từ Đài Loan, trở
nên rất có giá; một số người
như thế đã cư ngụ ở Singapore
trước thời chiếm đóng, nhưng
một số khác đã theo chân quân
Nhật qua đây. Giới trẻ địa
phương học chút tiếng Nhật đủ
để kiếm được việc làm,
nhưng ngoài ra thì đa số người
dân vẫn bàng hoàng. Họ không
muốn cộng tác với kẻ thù. Họ
chỉ muốn sống còn qua ngày, chịu
thiệt với giới cầm quyền càng ít
càng tốt. Rất ít người dám
chống người Nhật, cho dù trong bí

mật.

Có một số

khác, bọn cơ hội và khôn lỏi,

chọn con đường ủng hộ và

cộng tác với Nhật. Họ cung cấp

lao động, vật tư, thông tin, gái,

rượu, thức ăn ngon, và họ đã

làm giàu. Những kẻ may mắn là

các nhà thầu cung cấp hàng cho quân

đội và hành nghề xây dựng.

Những người may mắn nhất và phát đạt nhất

như là anh em nhà Shaw, có được

giấy phép mở sòng bạc trong những

khu giải trí, như Tân Thế Giới và

Đại Thế Giới. Với một dân

chúng thất chí, bị tước đoạt,

đang đối mặt với nguy cơ bị
hủy diệt hàng loạt trong một vài
năm trước khi người Anh trở lại
và loại bỏ người Nhật, cờ
bạc trở thành một thứ thuốc ngủ
tuyệt vời. Dân địa phương tới
những khu giải trí để thử thời
vận và tiêu phí tiền bạc, trong
khi kẻ khác tới để xem cho hết
thời gian. Thật lạ lùng là người
ta đã tiêu hết bao nhiêu là tiền
bạc và thời gian bằng cái cách
đơn giản như vậy. Khi không chắc
chấn sống còn, thì mọi trò may
rủi đều được đón nhận.

Ngày chính cuộc sống cũng trở thành
trò may rủi.

Nhưng dù bạn kiếm được tiền thế nào, điều
quan trọng nhất là giữ gìn giá
trị của nó bằng cách đổi
thành hàng hóa khác hay tiền thuộc
địa Anh. Ngũ cốc và thực phẩm
thì công kênh, bảo quản và xử
lý khó. Những món được
lùng mua nhiều nhất là những thứ
vẫn còn nguyên giá trị trong tương
lai, sau khi người Anh trở lại, mà hiện
tại thì chúng phải nhỏ gọn và
dễ cất giấu. Từ năm 1944, tỷ giá
đồng tiền thuộc địa Anh trong thị
trường chợ đen tăng vọt từng

ngày khi tiền chuỗi được in và
tung ra ngày càng nhiều. Món tài
sản được ưa chuộng kể đó
là nữ trang. Để buôn bán nữ
trang, các tay môi giới phải biết phân
biệt vàng 24 và vàng 18, nhận ra kim
cương tốt với màu sắc đẹp,
không có, hay có rất ít ti
vết, và học biết các đặc
tính của các loại đá quý
khác.

Những người có gan hơn và nhiều vốn đã
mua bất động sản nhưng giá trị
của chúng không tăng vọt như vàng
hay tiền thuộc địa vì chúng
không di chuyển được. Việc chuyển

nhượng đòi hỏi thủ tục với
luật sư và đăng ký tại Phòng
đăng ký chứng thư. Cơ hội là
năm ăn năm thua nếu các chứng từ
chuyển nhượng bị hủy hoặc bác
bỏ khi người Anh trở lại. Ngoài
ra, còn có nguy cơ là nhà cửa
có thể trúng bom và sụp đổ.
Rốt cuộc, chẳng có việc tái
chiếm, các chứng thư không bị
hủy, nhà cửa không bị bom đạn.
Trong những ngày cuối của thời chiếm
đóng, khi Đức đã đầu
hàng và thất bại của Nhật là
quá rõ, người ta có thể bán

một thùng 12 chai Johnnie Walker là có đủ

tiền mua một cửa hiệu trên đường

Victoria. Những người thương lượng

mua được những bất động sản

như thế đã trở nên giàu có

sau chiến tranh.

Trong ba năm rưỡi Nhật chiếm đóng, tôi đã học

được nhiều điều hơn ở bất

kỳ trường đại học nào. Tôi

chưa được đọc câu nói

của Mao “quyền lực xuất phát từ

nòng súng”, nhưng tôi biết rằng

sự tàn bạo, súng, lưỡi lê

và trường kiếm của Nhật, cùng

với các trò khùng bố và nhục

hình dễ dàng giải quyết vấn đề

ai nắm quyền, và có thể khiến
dân chúng thay đổi cách ứng xử,
và cả lòng trung thành nữa. Người
Nhật không chỉ đòi hỏi sự
phục tùng và được người
ta phục tùng, họ còn buộc người
ta thích nghi với viễn cảnh một nền
cai trị lâu dài của Nhật; nên
người ta phải dạy con cho phù hợp
với chế độ mới, với ngôn
ngữ, các tập quán và giá trị
của chế độ đó, để có
thể hữu dụng và kiếm sống.

Giai đoạn thứ

ba và cuối cùng, mà có thể họ
sẽ đạt được nếu có thời

gian, là khiến chúng tôi chấp nhận

họ như những ông chủ mới, như

một phần của thứ trật tự đương

nhien. Đạo đức và công bằng

là không quan hệ. Họ đã thắng.

Họ ở trên đỉnh và nắm

quyền. Chúng tôi phải tôn thờ

thượng đế của họ, ca tụng nền

văn hóa của họ và học theo cách

ứng xử của họ. Nhưng điều đó

không phải lúc nào cũng hiệu

quả. Tại Hàn Quốc, người Nhật

đã gặp sự đề kháng ngay từ

khi họ nỗ lực cai trị xứ này. Họ

đã cố gắng đàn áp các

bản năng và thói quen của một
dân tộc có nền văn hóa lâu
đời, một dân tộc có lòng
tự hào cao độ và một quyết
tâm chống lại những kẻ áp bức
man rợ. Họ đã giết rất nhiều
người Hàn Quốc nhưng không bẻ
gãy tinh thần của người dân đó
được.

Nhưng đó là một ngoại lệ. Tại Đài Loan – do người Hoa, Bồ
Đào Nha rồi Hà

Lan cai trị trước khi người Nhật
chiếm đóng – đã không hề
có thù hận. Nếu người Nhật

trụ lại được ở Singapore và Malaya, họ có thể, trong vòng 50
năm, tạo nên một tầng lớp những

người ủng hộ như họ đã

từng làm thành công tại Đài

Loan. Malay a quá non trẻ, dân tộc quá

đa tạp, và xã hội của nó

quá mềm và dễ uốn nắn nên

không thể đề kháng được.

Có một số người Malay tham gia lực

lượng du kích kháng Nhật trong rừng

núi, do các sỹ quan Anh thuộc binh đoàn

136 huấn luyện. Nhưng đa số dân

chúng hy vọng Nhật sẽ là người

bảo hộ mới cho họ, như họ đã

hy vọng chuyện tương tự ở người

Anh, khi Anh trở lại thay thế Nhật.

Số người duy nhất có can đảm và niềm tin
để chống lại quân xâm lược

là những người Hoa tham gia Đảng

Cộng sản Malaya (Malayan Communist Party – MCP), và

một số ít hơn trong phong trào kháng

Nhật do Quốc dân đảng lãnh đạo.

Cả hai nhóm đều xuất phát từ

tinh thần dân tộc Trung Quốc, chứ không

phải tinh thần yêu nước Malaya, và

họ trở thành mối phiền hà rắc

rối cho người Nhật trong thời chiến,

cũng như cho người Anh trong thời bình

sau đó.

Trong giai đoạn hỗn loạn từ khi Nhật đầu hàng

vào ngày 15/8/1945 cho đến khi Anh tái

lập kiểm soát ở Singapore vào khoảng

cuối tháng 9, các nhóm chống Nhật

đã tự xác lập luật lệ của

họ. Họ hành hình, giết chóc,
tra tấn, đánh đập những người
chỉ điểm, nhân viên tra khảo và
tay sai – hay nghi ngờ là tay sai – của
Nhật. Tôi còn nhớ tiếng giầy nện
trên đường khi người ta đuổi
bắt nhau giữa ban ngày trong các ngõ
hẻm trên đường Victoria. Tôi nghe
tiếng đâm đá và gào thét
khi người ta bị dao đâm và giết
chết. Nhưng vào những ngày cuối,
nhiều người cộng tác với Nhật
đã biến mất, trốn chui vào chỗ
nào đó hay chạy về nội địa
Malaya hoặc về đảo Riau ở phía

Nam.

Cuộc giải phóng đã không đem lại điều mà
mọi người mong muốn: trừng phạt kẻ
xấu và thưởng người
tốt. Không thể có sự đền ân
tra oán trọn vẹn. Công bằng và
công lý đòi hỏi phải có
đủ tài liệu và những điều
tra tỷ mỉ. Không thể tập hợp mọi
nguồn tài liệu để thẩm vấn
mọi kẻ tội phạm được, số
người này có quá nhiều, cả
người Nhật lẫn dân địa
phương. Công lý trừng phạt một
số người, nhưng phần lớn vẫn
được tự do.

Có những phiên tòa, nhưng những phạm nhân chiến tranh người Nhật chủ chốt thì không bị trừng phạt. Đại tá Tsuji, người đã tiến hành cuộc thảm sát *Sook Ching*, đã biến mất. Tướng Yamashita, “Con hổ Malaya”, trong vai trò chỉ huy trưởng, đã phê chuẩn chiến dịch *Sook Ching*, được chuyển sang Mãn Châu, rồi tới Philippines, tại đây ông ta đầu hàng trước lực lượng của tướng MacArthur vào tháng 9/1945. Ông ta bị tuyên án và xử tử tại Manila vì đã tàn phá thành phố này, chứ không phải vì đã đồng ý cho giết từ 50 tới 100 nghìn người trẻ tuổi vô tội

tại Singapore.

Khoảng 200 phạm nhân chiến tranh người Nhật đã bị xử ở Singapore, nhưng chỉ có khoảng 100 người bị kết án và xử tử tuy rằng hàng trăm người ở Singapore, trong đó có các bạn bè tôi, đã bị giam cầm và tra tấn trong các trụ sở của *Kempeitai* tại Singapore. Một trong những người đó là Lim Kim San, sau này trở thành một bộ trưởng trong nội các từ năm 1963 đến 1980. Ông cho tôi xem điều ông ghi chép về chuyện của chính ông hồi năm 1944:

“Tôi bị

giam hai lần tại Oxley Rise, lần đầu vào

tháng 1/1944 hết nửa tháng, lần thứ
nhì vào tháng 2/1944 trong hơn một
tháng. Một thanh niên người Hoa từng
đến cửa hàng của tôi ở
đường North Bridge đã khai tôi là
người đã cho anh ta tiền để
ủng hộ lực lượng cộng sản.
Khi tôi lý luận rằng thật vô lý
khi một nhà tư sản lại là người
thân cộng, tôi đã bị quát
roi và đấm đá.

Tôi tỉnh lại khi bị dội nước vào mặt. Tôi
thấy mình bị nhốt trong một căn
phòng chừng 15 mét vuông chứa tới
30 người, cả đàn ông lẫn đàn
bà.

Có một chỗ

đi vệ sinh trong góc phòng, thứ bàn
cầu ngòi xỏm có bồn chứa nước
phía trên. Việc dội cầu nhiều
lần làm cho nước “sạch” và
nước được thu lại qua lỗ rò
trong bồn cầu. Đó cũng là thứ
nước bạn dùng để uống và
rửa ráy. Nếu bạn bệnh, bạn sẽ
được đưa tới chỗ nào đó
chỉ có Chúa mới biết. Tôi đã
rợn người khi thấy vết máu của
một phụ nữ đến kỳ.

Chúng tôi được cho ăn bằng cháo đặc
với các thứ rau phế thải nấu trong một cái thùng dầu. Tôi
không ăn nổi thứ đó và buồn nôn mỗi khi cố gắng nuốt. Nó làm
tôi nhớ tới kiểu mình cho vịt

ăn.

Chúng tôi bị

bắt ngồi xếp và không được

đổi tư thế nếu không được

bọn lính gác cho phép, đó là

những thanh niên địa phương được

tuyển mộ và huấn luyện phải cư

xử tàn bạo.

Ngày nọ, một người Ấn lớn tuổi bị gãy

chân được mang vào. Ông ta không

thể ngồi và chỉ có thể di

chuyển trong tư thế bò lét kéo

theo cái chân gãy. Một trong những

thằng lính gác ấy quăng một cây

gậy đi và ông ta phải lét đi

để đem gậy về cho y. Việc đó

cứ lặp lại cho tới khi ông ta kiệt

lực và hầu như ngắt đi vì

đau.

Trong số những người bị bắt có một thanh niên

Teochow (Tiểu Châu) chừng 17 hay 18 tuổi. Cậu

ta là lính gác bị tội đào

ngũ. Một tối nọ, Kempeitai lấy dây

treo cậu ta trần truồng lên trần nhà.

Hai tay cậu bị trói ra sau và dây

buộc vào xà nhà để chân

cậu chỉ hơi chạm đất. Thỉnh

thoảng cậu phải rướn đầu ngón

chân cho chạm đất để giảm sức

căng đẽ lên vai. Họ để mặc

cậu ta suốt đêm không cho ăn uống.

Cậu chửi rửa bọn Nhật rất tục

tần bằng tiếng Teochow với giọng oang

oang. Sáng hôm sau, tiếng chửi rửa trở

thành rên rỉ khi một tên Kempeitai
dùng gậy quất vào lưng cậu. Việc
đánh đập kéo dài vài
tiếng đồng hồ và tiếng rên
cứ ngày càng yếu dần; sau cùng
thì tắt hẳn. Cậu ta đã chết
nhưng vẫn bị treo ở đó một
thời gian nữa trước mặt chúng
tôi, như để răn đe cả chúng
tôi lẫn bọn lính gác.

Một lần khác, nước từ một cái ống được
bơm vào một người đàn ông,
khi bụng ông ta đầy nước, tên
tra tấn sẽ nhảy lên ngồi vào đó.
Ông ta nôn vọt ra và bất tỉnh.

Mỗi sáng, chúng tôi run rẩy cả người khi
nghe tiếng giày boots tới gần phòng

*giam. Đó là dấu hiệu có ai đó
trong chúng tôi sẽ bị thẩm vấn
và tra tấn. Có một số người
đi không trở lại.*

*Tôi được phóng thích nhờ sự can thiệp của
sỹ quan liên lạc người Đài
Loan.*

*Tôi đã nhìn thấy bản chất thực sự của
người Nhật, trong cũi như ngoài
nhà tù. Kiểu cách lịch sự và
gập người cúi chào chỉ là
lớp màn mỏng che giấu con ác thú.
Chiến thắng của Đồng minh đã
cứu châu Á.”*

Một tóm lược xúc động về sự tàn ác của
người Nhật được đưa vào
diễn văn khai mạc của Trung tá Colin

Sleeman, công tố viên trong vụ xử “Song

Thập”, mở tại Singapore ngày

18/3/1946:

“Để đưa ra một mô tả chính xác về những

tội ác của những con người này,

tôi thấy cần thiết phải diễn tả

những hành vi đã đi tới tận

cùng sự ngược đãi và lăng

nhục con người. Điều chính yếu

trong toàn bộ vụ án này có

thể được tóm lại trong mấy

từ – kinh hoàng không tả được.

Kinh hoàng, hoàn toàn trần trụi, tràn ngập mọi

ngóc ngách của vụ này từ đầu

tới cuối, không chút giảm nhẹ

hay xoa dịu. Tôi đã tìm tòi,

*tìm tòi một cách tỷ mỉ, trong
khối lượng khổng lồ những bằng
chứng, để khám phá ra đặc
điểm bù đắp nào đó,
một yếu tố giảm nhẹ nào đó
trong cách cư xử của những con người
này, để có thể đưa chuyện
này khỏi tầm của sự kinh hoàng
và tàn bạo thuần túy, và để
nâng nó, ít nhất, lên tầm của
một bi kịch. Và tôi phải thú
thật là mình đã thất bại.”*

Tuy nhiên, suốt 50 năm kể từ khi chiến tranh chấm dứt,
các chính phủ kế tiếp nhau của
Đảng dân chủ tự do Nhật (Liberal
Democratic Party – LDP), phần lớn các lãnh

tự của mọi chính đảng tại

Nhật, hầu hết giới học giả và

gần như toàn bộ các phương

tiện thông tin đại chúng của họ

đã lựa chọn thái độ là

không đề cập tới những hành

vi xấu xa ấy. Không như người Đức,

họ hy vọng rằng qua nhiều thế hệ,

những hành vi ấy sẽ bị lãng

quên, và các tường thuật về

chuyện họ đã làm sẽ bị

chôn vùi trong đống hồ sơ bụi

bặm. Khi họ từ chối thừa nhận

điều đó với các láng

giềng, người ta chẳng thể làm gì

hơn ngoài việc lo sợ rằng họ có thể lặp lại những việc kinh hoàng ấy. Chỉ đến khi một chính phủ không thuộc đảng LDP nắm quyền năm 1992 thì mới có một thủ tướng Nhật, ông Morihiro Hosokawa, đưa ra một lời xin lỗi chưa đầy đủ.

4

SAU GIẢI PHÓNG

Vào ngày thứ

Tư, 12/9/1945, khoảng 10 giờ

30 phút sáng, tôi đi bộ đến Tòa thị

sánh, nơi nghi thức đầu hàng sẽ

được tiến hành, và đứng

chờ ở bên kia đường. Việc chờ

đợi này thật đáng giá. Tôi

thấy một nhóm bảy sỹ quan cao cấp

Nhật Bản từ đường High Street đi

tới, có quân cảnh Anh đội mũ

đỏ và đeo băng tay, đi hộ

tống. Dẫn đầu bọn họ là

tướng Itagaki, Tổng tư lệnh quân

đội ở Malay a và Singapore. Không như

những sỹ quan Nhật khác, họ không

hề lê bước mà đi một cách

ng nghiêm chỉnh. Đám đông la hét,

huýt sáo, giễu cợt, nhưng những

người Nhật ấy vẫn điềm tĩnh

và trang nghiêm, nhìn thẳng phía

trước. Họ đến để ký

hiệp ước đầu hàng chính

thức theo lệnh của Nhật hoàng. Sau đó

người ta thấy sỹ quan Nhật ở nhiều

địa điểm khác nhau xếp những

thanh gươm võ sỹ đạo của họ

thành đống. Họ thừa nhận sự

bại trận, bị tước vũ khí, và

trở thành tù nhân chiến tranh. Nhưng

bảy vị tướng hiện đang bước

lên các bậc thềm Tòa thị sảnh

thì đại diện cho một đội

quân chưa bị đánh bại trên

chiến trận. Họ có lẽ sẽ chiến

đấu cho đến chết, và họ đã

khuyến cho những người Singapore căm ghét

họ phải tin rằng họ thà xuống

địa ngục, mang theo tất cả mọi

người, còn hơn là phải đầu

hàng.

Khoảng mười lăm phút sau, ngài Louis Mountbatten, Tổng tư lệnh Anh, Tư lệnh Đông Nam Á,

xuất hiện trong bộ quân phục hải

quân màu trắng của mình. Ông ta

được các tướng lĩnh, các
đô đốc của mình, và khoảng
bảy hoặc tám sỹ quan đại diện
cho quân đội Đồng minh hộ tống.
Tay phải của ông đưa cao chiếc mũ
hải quân của mình và hoan hô ba
lần với những toán quân đang lập
thành hàng rào ngay trước các
bậc thềm. Ông yêu thích các bộ
quân phục, các cuộc duyệt binh cùng
các nghi lễ.

Đây là những phút giây tràn ngập phấn
khởi. Con ác mộng thời Nhật chiếm
đóng đã qua và người dân
nghĩ thời kỳ đẹp để sắp
trở lại. Có những dấu hiệu hứa

hẹn tốt. Những toán lính hào

phóng với những điều thuộc của

họ – loại thuốc Players Navy Cut trong bao giấy, thứ

không thể kiếm được trong ba năm

qua. Bia chất lượng tốt, rượu

Johnnie Walker và rượu gin Gordon đã có

mặt trong chợ, và chúng tôi tin rằng

nay mai sẽ có đầy các thứ gạo,

trái cây, rau quả, thịt và đồ

hộp. Điều này không phải một

sớm một chiều. Nhưng suốt mấy tuần

lễ đầu tiên, không khí tung

bùng hơn hờ. Người dân thật

sự hạnh phúc hân hoan đón mừng

người Anh trở lại.

Đầu năm 1946, người dân nhận ra rằng không
hề có chuyện trở lại một
Singapore tự do thoải mái, ổn định
và hòa bình như cũ. Thành phố
chật ních những người mặc quân
phục. Họ đầy trong các quán cà
phê, các quầy rượu và quán
bia mới mở. Những công sở thuộc
địa trước chiến tranh không thể
hoạt động lại ngay được, vì
những nhân viên người Anh ở đó
đã chết hoặc đang hồi phục
sau thời gian tù đầy. Tàu cập
bến thưa thớt và hàng hóa thì
ngay tại nước Anh cũng còn khan hiếm.
Có vẻ như phải mất nhiều năm

nữa thì nguồn hàng hóa như thời
trước chiến tranh mới hồi phục
lại. Ngay cả dân bản xứ đã
từng làm việc cho chính phủ cũng
không thể quay lại chỗ làm cũ của họ, và nhiều người vẫn đang
thất nghiệp. Đó
là một thế giới hỗn loạn, nơi
bạn đầu cơ phát triển ở
Singapore cũng như đã phát triển ở
Anh (ở đó chúng được gọi
là bạn chợ đen). Nhiều việc kinh
doanh hàng ngày vẫn được tiến
hành trên thị trường đen –
giờ gọi là thị trường tự
do.

Nhiều xe jeep quân đội và xe mô tô trên đường

phố, nhưng không có xe buýt và

ở tô mới. Xe điện thì cũ

nát, và đường phố đầy

ổ gà; điện thoại thì cũ và

đường dây nghe không rõ vì

không có sẵn thứ để thay thế;

nguồn điện lại thiếu thốn. Sẽ

phải mất một thời gian để ổn

định các thứ. Chúng tôi đã

sống với quá nhiều mong đợi về

“những ngày tháng tốt đẹp

xa xưa” suốt những năm tháng đau

khổ đó. Những hy vọng của chúng

tôi, dựa trên nỗi luyến tiếc quá

khứ, thì quá cao, và chắc chắn

chúng tôi sẽ bị thất vọng. Cơ
sở hạ tầng đã xuống cấp,
tài sản bị mất đi hoặc bị
phá hủy, người dân kẻ chết,
kẻ già yếu hoặc bệnh tật. Cuộc
sống phải tiếp tục nhưng nó sẽ
không còn được như những ngày
tháng tốt đẹp xưa.

Tuy nhiên, Chính quyền Quân đội Anh, dù có những
thiếu sót, vẫn là một xoa dịu
lớn lao so với sự đàn áp và
khủng bố của người Nhật trước
đó. Các sỹ quan và thường
dân Anh biết rằng dân bản xứ hân
hoan chào đón họ trở lại, và
họ đã đáp lại sự nồng

nhật đó và làm những điều
tốt nhất cho chúng tôi. Nhiều binh
lính và sỹ quan đã chia sẻ khẩu
phần quân đội của họ cũng như
thuốc lá và rượu với những
người dân mà họ tiếp xúc.
Nhiều người Singapore hiểu tiếng Anh,
văn hóa Anh và chính thể Anh. Thậm
chí những người thất học cũng
lờ mờ quen thuộc với những bộ
phận của hệ thống thuộc địa
Anh mà họ đã được tiếp
xúc.

Có lẽ những người Hoa ở vùng eo biển sẽ sung
sướng được trở lại với
hình thái xã hội mà họ đã

đồng hóa từ lâu. Dù vẫn
còn giữ nhiều nét văn hóa Trung
Quốc, nhiều người trong số họ đã
thôi sử dụng tiếng địa phương
của mình, và chỉ nói tiếng
Malay. Họ là con cháu của những người
nhập cư đầu tiên không mang phụ
nữ từ Trung Quốc theo và vì thế
họ đã cưới những phụ nữ
bản xứ. Phần lớn bọn họ trung
thành với nước Anh, và họ gửi
con cháu đến các trường tiếng
Anh ở địa phương với hy vọng
rằng cuối cùng chúng sẽ trở
thành những viên chức chính phủ

và những chuyên viên trong một thuộc

địa được cai trị bằng tiếng

Anh. Phần tử trung thành nhất gia nhập

Hội Anh Hoa vùng eo biển, và được

dân chúng gọi là người Hoa quý

tộc. Các thành viên lãnh đạo

của họ được phong tước quý

tộc.

Nhưng những người Hoa quý tộc này chỉ chiếm một
phần mười dân số. Còn lại

là những người Hoa nói tiếng Hoa

mới đến Singapore gần đây. Họ

không nói tiếng Anh mà nói tiếng

địa phương của họ – chủ yếu là tiếng

Hokkien (tiếng Phúc Kiến), Teochew (Tiều Châu), Cantonese
(Quảng Đông),

Hakka và Hainanese (Hải Nam). Con cái họ

học ở các trường tiếng Hoa, ở
đó chúng học tiếng Quan thoại.

Sự giao tiếp của họ với chính
quyền Anh thì rất ít, họ có
một cuộc sống riêng và sau chiến
tranh họ cũng không bị đồng hóa
gì nhiều hơn thời trước đó.

Lòng trung thành của họ hướng tới Trung Quốc chứ
không phải nước Anh. Chính họ đã dẫn
sâu vào rừng rậm Malaya để chiến
đấu chống Nhật như những du kích
quân trong Quân đội Nhân dân Malay
kháng Nhật (MPAJA), vốn là lực lượng
quân sự của Đảng Cộng sản
Malay. Họ hướng tới cái ngày mà

họ không chỉ

tổng cổ bọn Nhật, mà cả bọn

Anh nữa. Trong tình hình quyền lực còn lơ lửng khi người Nhật

bất ngờ đầu hàng mà người

Anh chưa trở lại, họ là lực lượng

hoạt động mạnh hơn cả.

Ở Malaya, họ

tiếp quản vài thị trấn nhỏ hơn,

lập công chào để đón mừng

du kích quân như những người hùng

thật sự trong cuộc chiến chống Nhật,

và hoạt động như chính quyền

địa phương trên thực tế. Thật

may họ không thử làm điều đó

ở Singapore, nhưng họ cũng gây nhiều rối loạn.

Họ xuất hiện trên đường phố trong những bộ quân phục kaki đủ

kiểu với những chiếc mũ vải bất

chước kiểu mũ của Đệ Bát

lộ quân Cộng sản Trung Quốc –

mềm, rũ, với ba ngôi sao đỏ ngay

bên trên lưỡi trai. Trong men chiến

thắng, họ khá mạnh tay. Họ dùng

vũ lực trưng dụng tài sản và

lập ra tòa án nhân dân để

trừng phạt tức thì và đơn

giản những người cộng tác với

Nhật bất kể chủng tộc. Trong một vụ nọ, 20 mật thám người

Hoa bị vây bắt và tống vào cũi nhốt heo chờ xét xử.

Cũng có trò truy bức cung và ngấm ngấm đe dọa

các doanh nhân về sự cộng tác trước đó

của họ với kẻ thù. Nhiều người

tên tuổi bị ép buộc, ở mặt tâm lý

hoặc thể chất, phải đóng góp

thật nhiều cho MPAJA để chuộc lại

những tội ác trong quá khứ của

họ. Bọn lưu manh trẻ tuổi đi khắp

thành phố công khai sử dụng giấy

ủy nhiệm của MPAJA để moi tiền

hoặc hàng hóa của những ai đã

từng làm ăn với người Nhật.

Quân đội Anh không thể tái lập

an ninh trật tự trước thế mạnh của

MPAJA và trước chủ nghĩa cơ hội

của bọn găng-xơ đang giả vờ

như từng góp phần trong cuộc kháng

Nhật. May thay, vì họ không có phương

tiện để tới Singapore, nên hầu hết

thành viên MPAJA vẫn ở tại Malaya, nơi

họ hoạt động hữu hiệu hơn vì

đó là vùng đất quen thuộc.

Chính quyền Quân đội Anh đề nghị trả

MPAJA 350 đôla cho mỗi du kích quân

chịu giao nộp vũ khí. Từ tháng

12/1945 đến tháng 1/1946 có khoảng

6.500 du kích nộp vũ khí như thế,

trong đó có vài trăm quân ở

Singapore. Vào ngày 6/1, người Anh tổ chức một nghi lễ bên

ngoài Tòa thị sảnh, tại buổi lễ

có một toán nhỏ quân MPAJA mặc

quân phục diễu hành qua trước mặt

Huân tước Louis Mountbatten, người đã

gắn mẽ đay cho 16 vị chỉ huy của

họ. Chin Peng, được mô tả trên

báo chí như một lãnh tụ của

du kích quân cộng sản, nhận huy chương

Burma Star (1939–1945) và War Star, sau đó ông ta giờ nằm đắm
lên chào.

Việc thừa nhận chính thức sự

đóng góp của MPAJA trong việc đánh

bại quân Nhật đã cho họ một

cơ hội mà họ sẽ tận dụng để

tăng cường thực lực. Trong khi đó,

họ vẫn bí mật tích trữ vũ

khí để sử dụng trong tương

lai.

Cộng sản đã có thể tuyển mộ một số người

có giáo dục Anh vào một mặt

trận liên kết mà họ lập ra. Một

nhóm những người trí thức –

luật sư, giáo viên, những sinh viên

đại học Raffles và những sinh viên

trở về từ đại học Cambridge –

lập thành tổ chức Liên hiệp Dân chủ Malay, mà bộ

chỉ huy của nó đặt ở những căn phòng tối tăm bên trên sàn

nhảy của quán rượu Liberty trên

đường North Bridge. Họ lôi cuốn

được Phillip Hoalim, một luật sư và

là bạn của gia đình tôi, ngồi

vào chiếc ghế chủ tịch của tổ

chức. Họ cần ông ta như một thứ

vỏ bọc để điều hành tổ

chức, và tôi trở thành một

người khách ngẫu nhiên đối

với những hoạt động của họ

thông qua sự quen biết với ông ta.

Người Anh đã tuyên bố thành

lập Liên hiệp Malay, bao gồm chín bang

Malay và hai thuộc địa Penang và

Malacca của Anh, không có Singapore. Điều

này có nghĩa là Singapore vẫn là

thuộc địa của Anh. Đó là

điều không thể chấp nhận được,

và Tổ chức Liên hiệp Dân chủ

Malay đòi hỏi nền độc lập

cho cả Malaya và Singapore như một thực

thể thống nhất.

Phillip Hoalim giúp soạn ra dự thảo hiến pháp, nhưng

dù tôi có xem qua bản dự thảo,

tôi cũng không hề có dính dáng

gì vào đó. Về phía họ,

những người cộng sản xem mọi đàm

phán về sự thay đổi hiến pháp là không quan hệ.

Điều họ muốn là toàn bộ

quyền lực. Tổ chức Liên hiệp Dân

chủ Malay chỉ là một mặt trận để

huy động giới Tây học (hay Anh học)

giúp họ đạt được nó.

Nhưng khi họ dùng đến đấu

tranh vũ trang để chống lại người

Anh vào năm 1948 nhằm giành chính

quyền, thì tổ chức Liên hiệp Dân

chủ Malay bị dẹp bỏ.

Tuy nhiên trước khi điều đó xảy ra, họ đã
hành động khá nhiều. Ngay khi rời

khỏi rừng, những người cộng sản

bắt đầu phô diễn sức mạnh,

sử dụng các nghiệp đoàn. Ngày

21/10/1945, họ huy động 7.000 công nhân

trong các xưởng đóng tàu ở

Tanjong Pagar và Khu cảng Singapore tham gia bãi công. Vài ngày sau họ tổ chức

một cuộc mít-tinh quy mô với 20.000 công nhân tham gia và nhân đó ra

mặt Tổng liên đoàn Lao động.

Theo mô hình cộng sản tiêu biểu,

công đoàn thu nhận công nhân từ

mọi ngành nghề trong xã hội cũng

như từ các tổ sản xuất. Khi họ

kêu gọi một cuộc tổng đình

công vào ngày 29/1/1946, trong một cuộc

biểu dương sức mạnh sau khi Chính

quyền Quân đội Anh giam giữ vài

người cộng sản, khoảng 170.000 công
nhân từ các bệnh viện, xưởng
đóng tàu, căn cứ Hải quân,
xưởng cao su, rạp hát, quán rượu
và phương tiện vận chuyển công
cộng ngưng làm việc, và các cửa
hàng đóng cửa. Nó được
gọi là một *hartal*, đóng cửa hiệu, một từ ngữ
xuất phát từ phong trào dân sự
bất tuân pháp luật ở Ấn Độ.

Cuộc đình công này không chỉ lôi cuốn
những người buôn bán lẻ, mà
cả những người đánh xe ngựa,
xe kéo, tài xế taxi cũng tham gia, vì
nhiều lý do. Cuộc sống trong thành
phố tạm ngưng. Nhưng những người

cộng sản e rằng họ không thể kéo
dài cuộc đình công. Sau khi đã
chứng tỏ họ có thể điều
khiển mọi người hưởng ứng
biện pháp đóng cửa hiệu của
mình, họ ra lệnh ngưng đình công
vào ngày thứ nhì.

Những gì tôi chứng kiến trong thời kỳ ngay sau chiến
tranh đã hoàn thiện hiểu biết
của tôi về sự bất công và
ngu xuẩn của kiếp người. Nếu ba
năm rưỡi Nhật chiếm đóng đã
cho tôi tốt nghiệp về (môn học)
thực tế cuộc sống, thì năm đầu
tiên trên một đất nước
Singapore mới giải phóng là khóa học

sau đại học của tôi. Thật khác
xa với ký ức của tôi về những
năm 1930 dưới chế độ thuộc
địa. Những công chức Anh sống sót
qua tù đày đã được đưa
về nhà để chữa bệnh và an
dưỡng, và những sỹ quan lâm thời
của Chính quyền quân đội Anh điều
hành những bộ phận ứng phó.

Sự thật là họ được tăng cường với
một số viên chức thuộc thể hệ
tiền chiến, những kẻ đã xin nghỉ
phép khi người Nhật đến, hoặc
đã thoát đi được đúng
lúc. Nhưng họ không tiếp cận được
với những thay đổi đã xảy

ra. Những người hữu trách hiện

nay – những thiếu tá, đại tá,

thiếu tướng – biết họ sẽ chỉ

nắm quyền cho đến khi được

giải ngũ, khi đó những ủy ban thời

chiến sẽ tan biến như cỗ xe của Cô

bé Lọ lem. Tận trong thâm tâm, họ

biết rồi đây họ sẽ trở về

đời sống dân sự, và nhiều

người đã tận dụng quyền lực

tạm thời của mình. Những nhu cầu

của họ, than ôi, cũng giống y như

của những sỹ quan Nhật – những

thứ gì nhỏ bé có giá trị và dễ dàng cất giấu

trong người để mang về quê hương nước Anh khi họ hết thời

hạn. Người ta lại lùng mua những
món hàng ấy. Để bù lại,
họ cấp giấy phép và hàng hóa
thuộc loại khan hiếm cho những người
bản xứ, và đó là những cơ
hội để kiếm tiền. Nhưng họ
không phải là những kẻ áp bức
tàn bạo như người Nhật.

Cùng với sự
ra đi của người Nhật, nhiều ngôi
nhà bỏ trống, tôi và mẹ tôi
tìm một chỗ ở thích hợp để
dọn đến, vì chúng tôi phải
rời khỏi khu China Building, và hiệu buôn
trên đường Victoria là không thích
hợp. Trên đường Oxley, khu trung lưu,

nơi những người châu Âu bỏ
trống nhà họ từ năm 1942 và
những viên chức dân sự Nhật đã
chiếm ngụ, chúng tôi thấy hai căn
nhà giống hệt nhau – số 38 và
40 – do một lái buôn Do Thái xây
cát và đặt tên cho chúng là
Castor và Pollux. Chúng trống trơn trừ
vài món đồ công kênh, và
chúng tôi quyết định hỏi thuê
căn số 38. Nó là một ngôi nhà
lớn, nhiều góc ngách với năm
phòng ngủ, và ba phòng nữa ở
phía sau vốn được dùng làm
phòng cho gia nhân. Tôi gặp Goerge Gaw, một người Java gốc Hoa
bạn của gia đình,

hiện đang phụ trách Văn phòng

Quản lý Tài sản kẻ thù, và

ông ta vui lòng cho chúng tôi thuê

với giá như hồi trước chiến

tranh. Tiền thuê hiện nay phải trả theo

đôla Straits (đồng tiền thuộc địa

dùng ở Singapore trước chiến tranh) –

khoảng 80 đôla một tháng, một số

tiền thật sự lớn – nhưng chúng

tôi quyết định thuê.

Ba tôi trở lại làm việc cho hãng Shell, lần này thì

phụ trách kho của họ ở Pasir Panjang

tại Singapore. Trong khi đó tôi phải

quyết định nên làm gì. Việc

buôn bán trên thị trường công

khai vẫn còn sinh lợi, nhưng chủng loại

hàng hóa đã thay đổi và
điều đó khiến công việc có
nhiều rủi ro hơn. Tôi không thể
đoán trước được món
hàng đang khan hiếm nào sẽ bất
ngờ trở nên dồi dào nếu như
chúng được nhập khẩu vào để
phục vụ quân đội. Vì vậy,
như một giải pháp khác, tôi đã
gặp nhiều sỹ quan Anh phụ trách về
công chính để xem họ có công
trình nào cần xây dựng hay không.
Sau hai, ba lần dò hỏi, tôi đã
ký được hợp đồng với
một lữ đoàn Ấn Độ đang

coi sóc kho quân nhu của Nhật trên

đường Alexandra. Tôi nói chuyện

với viên thiếu tá, một người

Anh gầy cao lêu nghêu, đang cần lao động

để chuyển hàng hóa của Nhật

ra khỏi kho và thay vào đó bằng

quân nhu của Anh. Người bạn Thượng

Hải Low You Ling của tôi cung cấp cho ông

ta 100 – 150 công nhân với giá 2 đôla

một ngày, và em trai Dennis của tôi

làm thủ quỹ kiêm người phát

lương. Quân đội trả tiền cho

chúng tôi sau khi đếm đầu người

vào cuối ngày, rồi chúng tôi

trả lương cho công nhân. Chúng tôi

cũng có làm một số công trình

xây dựng và được trả công

từng vụ một. Công việc bắt đầu

từ tháng 10/1945 và khiến tôi bận

rộn mãi đến tháng 5/1946.

Vào tháng 3/1946, Dennis bị một tai nạn nghiêm trọng trong khi đạp xe về nhà vào một

tối sau khi gom tiền để trả cho công

nhân. Một chiếc xe tải chạy ngang đã

đụng phải chú ấy và lôi

chú ấy vài mét trên đường

bên ngoài Đài Tưởng niệm

Victoria. Cánh tay trái chú ấy hầu

như bị xé rời khỏi vai, và mặt

thì bị thương nặng. Tôi lao ngay

tới bệnh viện để gặp chú

ấy. Câu đầu tiên chú ấy hỏi
tôi là không biết tiền có bị
mất không. Tôi thấy nhói trong tim. Đó
chỉ là vài trăm đôla, nhưng
chú ấy rất quan tâm đến công
việc của mình. Tôi hết lòng an
ủi chú ấy. Bác sĩ phẫu thuật
đã mở thành công cho chú ấy,
nhưng Dennis vẫn đau đớn và không
thể làm việc trong nhiều tháng.

Suốt thời gian ấy, tôi cũng bận rộn với những
gì tôi sẽ phải làm cho việc học
còn dang dở của tôi và về sự
gắn bó ngày càng tăng của tôi
với Choo. Tôi không hề lạc quan về
việc mình có thể hoàn tất khóa

tốt nghiệp đúng thời hạn ở
đại học Raffles. Ít nhất cũng phải
một năm nữa trường mới bắt
đầu dạy lại. Rồi tôi sẽ phải
mất một hay một năm rưỡi nữa
mới tốt nghiệp. Tổng cộng tôi sẽ mất hai hoặc ba năm. Tôi
thảo luận chuyện này với mẹ
tôi. Chúng tôi quyết định rằng,
với số tiền tiết kiệm và nữ
trang của mẹ tôi, cộng với tiền
tôi kiếm được từ nguồn chợ
đen và công việc xây dựng của
mình, gia đình có thể nuôi tôi
và Dennis học luật tại Anh. Tôi trù
tính việc sang Anh càng sớm càng tốt

thay vì quay trở lại trường đại

học Raffles để giành học bổng Nữ

hoàng.

Tháng 10 và 11/1945, tôi giới thiệu Choo với
người thủ thư tại thư viện

Raffles (giờ là Thư viện quốc gia) và

cho cô một công việc tạm thời ở

đó. Gia đình cô đã chuyển

tới một ngôi nhà gỗ một tầng

trên đường Devonshire, cách nhà

tôi gần hai cây số, và tôi

thường đi bộ đưa cô về

nhà. Thỉnh thoảng chúng tôi ngồi

vào một nơi yên tĩnh trong sân

ngôi giáo đường Do Thái Chesed–El

tại Oxley Rise, gần nơi đã từng là

một trong những trụ sở của *Kempeitai*. Nhưng vào tháng 12/1945, tôi đã

có đủ khả năng để mua một

chiếc xe hơi cũ, một chiếc Morris tiền

chiến được tân trang lại với đồ phụ tùng hiện có

thể kiếm được từ quân đội

Anh. Khi công việc làm ăn của tôi trở nên

phát đạt hơn, tôi bán nó

có lãi sau vài tháng và mua một

chiếc Ford V8 tiền chiến, được sửa

chữa lại ngon lành. Nó hẳn đã

từng được một viên tướng

Nhật sử dụng trong suốt thời kỳ

chiếm đóng.

Vào ngày cuối năm, tôi đưa Choo đến dự buổi

tiệc dành cho những người trẻ

tuổi tại biệt thự Mandalay trên đường

Amber, lâu đài cạnh bờ biển của

bà Lee Choon Guan, một người Hoa sinh sống lâu đời ở đây và là

một quả phụ giàu có. Trước

khi buổi tiệc kết thúc tôi dẫn

cô ấy ra khu vườn quay ra bờ biển.

Tôi nói với cô ấy rằng tôi

không dự định trở lại đại

học Raffles nữa mà sẽ sang Anh học

luật. Tôi hỏi liệu cô ấy có

chờ tôi cho đến ba năm sau khi tôi

trở thành luật sư không. Choo hỏi

lại tôi có biết là cô ấy

lớn hơn tôi hai tuổi rưỡi không.

Tôi nói tôi biết và đã

cân nhắc chuyện này cẩn thận
rồi. Tôi đã già trước tuổi
và dù sao thì phần lớn bạn bè
tôi cũng già hơn tôi. Và lại,
tôi muốn một người ngang hàng với
tôi, chứ không phải một người
chưa đủ lớn và cần phải được
chăm sóc, và tôi không chắc mình
sẽ tìm được một người
con gái khác ngang hàng và chia sẻ
được những quan tâm của tôi.
Cô ấy nói sẽ chờ tôi. Chúng
tôi không nói chuyện này với
cha mẹ. Thật khó làm cho họ đồng
ý đối với một lời hứa lâu

như vậy. Đây là cách hai chúng
tôi cư xử với nhau; khi chúng tôi
gặp phải những khó khăn cá nhân,
chúng tôi đối mặt với chúng
và phân loại chúng ra. Chúng tôi
không tìm cách lẩn tránh hay che
giấu chúng đi. Việc tìm hiểu
nhau đã nở hoa. Tôi bắt đầu
cho kế hoạch rời Singapore năm đó,
1946.

Tháng 3, tôi viết một lá thư cho Middle Temple, một
trong bốn tổ chức pháp lý ở
London, kèm theo kết quả học tập của
tôi tại trường Certificate. Trong vòng
một tháng họ trả
lời rằng họ sẽ nhận tôi nếu như tôi

trình diện và làm thủ tục nhập

học. Với lá thư này, tôi đến

đặt vấn đề với viên thiếu

tá Anh mà tôi đang làm việc cho

ông ta và hỏi cách để đi

trên một trong những chiếc tàu đang

bắt đầu đến Tanjong Pagar để

chở quân lính giải ngũ về Anh.

Viên thiếu tá giới thiệu tôi với

viên sỹ quan lo việc vận chuyển binh

lính. Tháng 5 tôi gặp một người

trong bộ tham mưu của ông ta. Có thể

nói tôi đã gây được ấn

tượng vì trong những ngày ấy, ít

người bản xứ có thể nói

tiếng Anh đúng văn phạm và chuẩn

như dân Anh mà không nặng giọng.

Tôi giải thích tình trạng khó

khăn của mình, về việc học của

tôi bị gián đoạn bởi chiến

tranh ra sao khiến bây giờ tôi bị phí

mất cả ba năm rưỡi, ngoài ra tôi

còn được Middle Temple thu nhận. Tôi

trưng ra lá thư của Middle Temple và

nói tôi rất cần một chuyến đi

để tới nước Anh. Ông ta đồng

tình và hứa sẽ giúp. Vào

tháng 7, ông ta tặng tôi một vé ưu tiên

trên một tàu chở quân mà nó

sẽ đưa tôi đến London vào

tháng 10.

Trong hai tháng quay cuồng trước khi rời khỏi Singapore, tôi cùng mẹ tôi lùng kiếm khắp nơi để tìm quần áo len cho mùa đông ở Anh. Chúng tôi mua chúng trong khu chợ trời trên đường Sungei, nơi thường buôn bán những đồ ăn cấp trước chiến tranh và đã sinh hoạt lại nhờ vào những món ăn cấp vật hoặc những thứ mua từ binh lính Anh, phần lớn đồ ở đó được binh lính bán lại sau khi họ được cấp phát để chuẩn bị giải ngũ, hoặc trở về Civvy Street, theo cách họ thường nói. Mẹ tôi mua một cái hòm gỗ thật to, có bật kim

loại ở mỗi góc, và xếp vào
đó một cái mền, một cái
mền bong, một áo khoác, hai áo khoác
thể thao, mấy túi vải và một bộ
com-lê may ở tiệm may nổi tiếng
nhất ở High Street.

Trước khi tôi xuống tàu, mẹ tôi cũng đã
làm hết sức mình để chắc
rằng tôi sẽ rời khỏi Singapore sau khi
đã thề hứa với một cô gái
người Hoa nào đó, và như
thế sẽ khó có thể trở về
với một cô gái Anh. Nhiều sinh viên
đã trở về với những cô vợ
người Anh, với kết quả thường
không hạnh phúc. Gia đình họ bị

xào xáo, các cặp chia tay nhau, nếu

không thì phải qua sống ở nước

Anh vì họ không thể hòa nhập

vào xã hội thuộc địa Anh, nơi

mà họ bị đối xử như kẻ

kém đẳng cấp nếu không muốn

bị tẩy chay công khai. Bà lần lượt

giới thiệu cho tôi ba cô gái đàn

hoàng có kiến thức phù hợp và

địa vị xã hội tốt. Tôi

chẳng quan tâm. Họ hợp tuổi, gia đình

họ khá giả, họ coi được.

Nhưng họ chẳng khiến tôi chú ý.

Tôi hoàn toàn hạnh phúc khi ở

bên Choo. Cuối cùng tôi quyết định

nói hết với mẹ. Bà là một
phụ nữ sắc sảo. Một khi bà nhận
ra tôi đã quyết định rồi, bà
thôi việc tìm kiếm. Thái độ
của bà với Choo đã đổi
thành một tình cảm thân thiện
nồng ấm của một bà mẹ chồng
tương lai.

Trước đây tôi đã nói với bà về
Choo, cô gái đã đánh bại
tôi trong kỳ thi môn kinh tế và tiếng Anh tại
Đại học Raffles. Bà cũng đã gặp Choo trong suốt những ngày
chúng tôi làm hồ dán và đã
đến thăm gia đình cô. Cha của
Choo, Kwa Siew Tee, giám đốc một chi nhánh ngân hàng của
Oversea-Chinese Banking

Corporation, một người Java gốc Hoa giống

như cha và bà nội tôi. Mẹ cô

ấy là người Hoa sinh tại Singapore như

mẹ tôi vậy. Chúng tôi có cùng

gốc gác, nói cùng thứ ngôn ngữ

ở nhà và chia sẻ những lễ thói

xã hội như nhau.

Choo đã từng học tại trường nữ Methodist, và

đã đậu đệ nhị cấp

Cambridge, khi mới 16 tuổi, cô vào lớp

đặc biệt tại Học viện Raffles dành

cho những học sinh đang tranh đua nhau suất học bổng Nữ hoàng, nhưng cô không

đạt được. Sau này cô nói

với tôi là cô đang chờ hoàng

tử của lòng mình. Tôi đã

xuất hiện, không phải trên một
con ngựa trắng mà trên một chiếc
xe đạp lốp đặc! Năm 1940 cô
vào Đại học Raffles, và chúng
tôi gặp nhau trong những bữa tiệc và
cắm trại, nhưng lúc ấy tôi giữ
một thái độ cách biệt vì
mới vào học năm đầu tiên và
đang cực nhọc trong việc điều chỉnh
lối sống. Hơn nữa tôi không hào
hứng chuyện tiếp xúc bất kỳ cô
gái nào vì tôi chưa sẵn sàng
cho một sự ràng buộc nào cả.
Vài lần chúng tôi gặp nhau vì
xã giao hay trong các giảng đường.

Chúng tôi thân thiện nhưng không
có chủ ý. Tuy nhiên năm 1943–1944,
chúng tôi cùng bước vào một
môi trường khác – bản thân
tôi đã trưởng thành hơn
trong ba năm chiếm đóng của người
Nhật và nhìn cô ấy với đôi
mắt khác; Choo nhốt mình trong nhà
làm việc nội trợ, học tiếng Quan
thoại, đọc bất cứ sách gì
kiếm được và sẵn sàng tham
gia việc làm hồ dán với chúng
tôi.

Cô ấy thuộc một đại gia đình có tám
người con và có thời thơ ấu
êm đềm hạnh phúc trong ngôi nhà

thủ cựu. Ba mẹ cô sống khá sung
túc và lúc nào cũng có một
chiếc xe hơi đưa cô đến trường,
đến đại học Raffles hoặc bất
cứ nơi nào cô cần tới. Họ
cũng có một ý thức sắc bén
về lễ nghi. Có lần, sau khi gia đình
cô dọn về ở đường Devonshire,
việc Choo ngồi trên yên sau chiếc xe
gắn máy của tôi từ thư viện
về nhà đã khiến mẹ cô ấy
sửng sốt. Cô ấy bị mắng thẳng
vào mặt vì cách cư xử không
thích hợp như thế. Rồi người
ta sẽ nghĩ sao đây! Còn ai muốn

cưới cô ấy nữa! Ngay sau đó,
gia đình cô ấy quay trở lại Pasir
Panjang, nơi họ sống trước đây.
Thật may là lúc đó tôi đã
có xe hơi.

Trong những tháng ngày sôi nổi trước tháng 9/1946,
chúng tôi đã dành nhiều giờ
bên nhau. Trước khi đi, tôi nhờ cậu
em họ Harold Liem, đang trọ tại nhà tôi
ở số 38 đường Oxley, chụp cho chúng
tôi nguyên một cuộn phim, chỉ trong
vòng vài ngày. Chúng tôi còn
trẻ và yêu nhau, khát khao ghi lại
phút giây này của cuộc đời
chúng tôi, hầu có một cái gì
đó để nhớ về nhau trong suốt

ba năm tôi du học ở Anh. Chúng tôi

không biết bao giờ mới gặp lại

nhau một khi tôi ra đi. Cả hai chúng

tôi đều hy vọng cô ấy sẽ

quay lại đại học Raffles, nhận được

học bổng Nữ hoàng để học

ngành luật, và sum họp với tôi

ở bất cứ chỗ nào tôi sống.

Cô ấy đã thề hứa trọn vẹn

với tôi. Tôi cảm nhận được

điều đó. Tôi cũng quyết tâm

giữ lời thề hứa với cô ấy.

Khi tôi rời Singapore vào ngày sinh nhật lần thứ

23 của tôi, ngày 16/9/1946, trên con tàu

Britanic, và đứng trên boong vẫy tay chào,

cô đã đầm đìa nước

mắt. Tôi cũng vậy. Cả gia đình

và vài người bạn của tôi,

gồm cả Hon Sui Sen, đứng trên cầu

tàu chúc tôi may mắn và vẫy

chào tạm biệt tôi.

5

NHỮNG NGÀY Ở CAMBRIDGE

Britanic là chiếc tàu tải trọng 65.000 tấn của hãng Cunard Liner, hồi trước chiến tranh nó chạy tuyến Liverpool – New York vượt Đại Tây Dương. Không có chiếc tàu nào lớn và chạy nhanh như nó chạy tuyến Southampton đi Singapore. Nó chạt ních những đoàn quân giải ngũ đang trên đường về Anh. Có khoảng 40 người châu Á trên tàu, đa số là người Hoa, mỗi phòng chứa gấp hai lần số hành khách thường lệ. Tôi vui mừng được là một trong số họ.

Vì không đem theo sách giáo khoa về luật để
tự chuẩn bị cho việc học của mình
nên tôi chơi bài poker suốt với
các sinh viên Hồng Kông. Đó là
một trò tiêu khiển tương đối
vô hại. Tôi bị sốc khi chứng kiến
sự chung chạ tự nhiên của khoảng
40 – 50 nữ quân nhân, đeo lon hạ
sỹ quan và những cấp bậc khác
đang tán tỉnh các sỹ quan. Đêm
nọ, một sinh viên Hồng Kông, trợn
tròn mắt nói với tôi họ đang
làm tình công khai trên những xuồng
cứu sinh. Tôi tò mò lên xem thử.
Quả là một cảnh tượng ghê
tởm! Trên boong là một đám lúc

nhúc với những cặp mùi mẫn ôm
cứng nhau khắp mọi nơi. Vài cặp
ít sống sượng hơn. Họ mở
những tấm vải bạt phủ trên các
xuồng cứu sinh rồi vào trong đó
cho kín đáo. Nhưng chúng kiến cả
đám đàn ông và đàn
bà làm tình công khai trái ngược
hẳn với ký ức sâu xa của tôi
về những binh lính Nhật xếp hàng
nối đuôi nhau bên ngoài “ngôi
nhà giải trí” trên đường
Cairnhill. “Văn hóa Pháp”, hiện
được gọi là bao cao su, quăng bừa
bãi trên boong.

Tôi lại bị

thêm một cú sốc nữa khi tàu đi

ngang qua kênh Suez. Nó chạy chậm để

sóng không cuốn trôi cát ở hai

bên bờ. Khi chúng tôi đi ngang, một

nhóm công nhân Ả Rập trên bờ

bắt đầu hò hét những câu

tục tũu và kéo những chiếc áo

gallabiya của họ lên – một loại áo dài

giống như áo ngủ – để khoe

bộ phận sinh dục của họ với các

nữ quân nhân Anh trên boong đang ngắm

nhìn cảnh vật trôi qua trong cái nóng

thieu đốt. Các cô thét lên

đầy kinh ngạc và phẫn nộ khiến

bọn Ả Rập khoái chí, cầm của

họ lên và lắt qua lắt lại. Tôi
đã từng thấy bọn khi trong thảo
cầm viên Singapore làm trò này với
khách tham quan nào không cho chúng chuối.
Sau này tôi hiểu ra rằng họ căm
thù người Anh. Còn tại sao thì
tôi không biết. Đó là lần
đầu tôi rời Singapore đi nước
ngoài. Tôi bị lọt vào một thế
giới mới gồm cả yêu thương và
căm thù, những thành kiến và
định kiến của các dân tộc
khác nhau.

Không ai ở Anh biết tôi đang đến, vì vậy
không hề có sự chuẩn bị đón
tiếp tôi khi tàu đến Liverpool vào

ngày 3/10, sau khi rời Singapore 17 ngày. Tuy

nhiên khi tôi biết các sinh viên Hồng

Kông được chính phủ họ đỡ

đầu sẽ được các nhân

viên thuộc Văn phòng Thuộc địa

đón tiếp, tôi quyết định đi

cùng họ. Xe lửa của chúng tôi

tới London lúc khuya đó và tôi

đi taxi theo họ đến ký túc xá

Victoria League ở Earl's Court. Ở đó

tôi được nhận một chiếc

giường hai tầng giống như chiếc

trên tàu Britanic, trong một căn phòng

giống như cái hang ở một tầng hầm

không cửa sổ. Tôi nhận ra mình

đang ở chung với khoảng 20 sinh viên Phi

châu và Caribê. Đó là một

cú sốc nữa. Tôi chưa từng gặp

một người Phi châu ngoài đời,

mà chỉ thấy trong hình ảnh. Tôi

không hề chuẩn bị cho mùi kỳ lạ

của thân thể họ, hoàn toàn

không giống mùi của những chủng

tộc khác ở Singapore. Đêm đó

tôi ngủ không yên.

Tôi phải đi tìm một chỗ khác để ở, và

sau 12 ngày sống tạm ở YMCA⁹, tôi tìm được cho mình một

căn phòng ở số 8 đại lộ

Fitzjohn. Đó là một con đường

tuyệt đẹp, yên tĩnh với những

hàng cây thẳng hàng chỉ cách

nhà ga xe điện ngầm Swiss Cottage và

bên cho chiếc xe buýt số 13 sẽ đưa

tôi thẳng đến Strand gần trường

Kinh tế London (London School of Economics – LSE) một khoảng ngắn.

Tôi vẫn phải kiếm một chỗ ở LSE, điều đó

không dễ dàng chút nào. Học kỳ

bắt đầu cách nay hai tuần, và

các trường đại học đầy

những quân nhân giải ngũ. Nhưng tôi

cố xoay xở để gặp vị trưởng

khoa luật, giáo sư Hughes Parry. Tôi giải

thích với ông ta là tôi đã

mất hết ba năm rưỡi, và rằng

tôi đã đi trên một chuyến

tàu chở binh lính sớm nhất mà

tôi có thể kiếm được vé,
mà không biết là mình có thể
gởi đơn xin học qua bưu điện.
Tôi trưng ra kết quả ở năm đệ
nhị cấp Cambridge 1939 mà tôi đậu
đầu trên toàn lãnh thổ Singapore
và Malaya để thuyết phục ông ta
rằng tôi sẽ không gặp khó khăn
gì trong việc theo kịp chương trình,
dù tôi nhập học trễ. Ông ta đồng
tình và nhận tôi vào.

Đó là một cuộc sống lạ lẫm. LSE giống như
một khách sạn bận rộn, hoàn
toàn không giống với nhịp sinh hoạt
nhàn rỗi, dễ thở ở đại học
Raffles, nơi các sinh viên trong những khu ký túc

đi chậm rãi đến các phòng
học, ngồi loanh quanh trong các phòng dành
cho sinh viên năm thứ nhất và dự
những giờ phụ giảng gồm hai, ba hoặc
bốn sinh viên là tối đa. LSE là
một tòa nhà nhiều tầng và các
sinh viên cứ chạy lên chạy xuống
bằng thang máy, mọi người đều
vội vã làm một cái gì đó,
ở đâu đó. Các buổi học
là một sự tranh giành. Sau một buổi
học ở LSE, tôi sẽ lao qua Strand tới
đại học King dự một buổi học
khác, rồi phải đón xe điện
ngầm hoặc xe buýt đến Euston dự

buổi học thứ ba tại đại học

London – nơi đẹp nhất trong ba nơi

vì nó xa hẳn sự náo nhiệt của

trung tâm London, và cùng với những

khu bệnh viện, nó có một cái

gì đó mang không khí của một

trường đại học.

Có một việc tình cờ đầy thú vị xảy ra

vào đầu năm học ở lối vào

LSE. Trong khoảng một tuần, các sinh viên

đại diện cho các câu lạc bộ

khác nhau – Câu lạc bộ Lao động,

Câu lạc bộ Tự do, Câu lạc bộ

Bảo thủ, Câu lạc bộ Xã hội

– đứng cạnh những căn lều

nhỏ, chia ra những cuốn sách mỏng

và chiêu mộ những thành viên
mới. Tích cực nhất trong việc vận
động các sinh viên thuộc địa
là những người cộng sản. Họ
mang tên Câu lạc bộ Xã hội,
nhưng tôi nhanh chóng nhận ra sắc thái
Mác-xít và phương pháp
của họ trong việc nhờ các nữ
sinh viên người Anh đề vận động
các sinh viên từ châu Phi, Caribê và
một vài người châu Á. Tôi
tránh xa tất cả bọn họ.

Tôi bị cú sốc văn hóa trước khi làm quen
được mọi sự. Khí hậu, quần
áo, thức ăn, con người, thói
quen, cung cách, đường phố, địa

lý, việc sắp xếp giờ đi lại

– mọi thứ đều khác biệt.

Tôi không hề được chuẩn bị

gì cả ngoài tiếng Anh, một sự

hiểu biết lơ mơ về văn chương

Anh và những tiếp xúc với những

tay thực dân Anh trước đây.

Để có một căn phòng vừa để ngủ vừa

tiếp khách được, tôi phải

trả giá cắt cổ 6 bảng mỗi tuần,

một số tiền lớn đối với

người đã thôi kiếm ra tiền.

Thật may là nó bao gồm cả bữa

điểm tâm. Trong phòng có một lò

sưởi bằng ga và một bếp ga, và

tôi phải nhét một xu vào đồng

hồ đo để sưởi và nấu

ăn. Tôi khỏ sở ghê gớm về vụ

thức ăn. Nó được phân theo

suất, và nhà hàng mà tôi có

thẻ ăn mà không cần tem phiếu thì

đắt tiền. Tôi không biết cách

sử dụng suất khẩu phần đã

mua, và chúng không bao giờ đủ

dùng. Tôi lại không có tủ lạnh.

Quyển sách *Dạy nấu ăn trong Phòng khách kiêm phòng*

ngủ thì chưa được viết. Tôi đã

có những kinh nghiệm tai hại về việc

đun sữa, mà nó trào tùm lum,

cùng với việc chiên thịt lợn

muối và thịt bò, nó cứ teo lại

và bốc mùi khắp phòng. Mùi đó
không bay đi hết trong vài giờ cho dù
tôi đã mở tung các cửa sổ
và cửa chính cho gió thông mặc
cho trời lạnh. Chúng bám vào vải
trải giường và màn cửa. Thật
là kinh khủng. Những bữa trưa tại
căng tin cả ba trường đại học
đều tồi tệ và khó tiêu.

Đêm thì lạnh và cô đơn. Khi tôi trở
về Swiss Cottage mỗi tối với những công
chức Anh, tôi cảm thấy hài lòng
vì không phải quay về khu ở dành
cho những sinh viên thuộc địa. Nhưng
tôi luôn cô đơn, mọi người
đều rút vào phòng riêng và

đóng cửa lại, vì không có
phòng khách và phòng ăn chung, và
mỗi sáng có người mang bữa điểm
tâm lên tận phòng hoặc mỗi người
tự nấu lấy. Khi gặp những khó
khăn trong việc nội trợ, tôi hỏi ý
kiến các cô gái Anh, có sáu
cô thư ký văn phòng trẻ tuổi
ở chung một căn phòng trên gác
thượng. Họ khuyên tôi nên mua thịt
ở đâu và chi tôi cách giữ
thịt và bơ tươi mà không cần
tủ lạnh (để chúng trên ngưỡng
cửa sổ ngoài trời lạnh, nếu mang
vào nhà chúng sẽ bị chua). Từ

những bạn sinh viên, tôi học cách
tiết kiệm 6 xu tiền trả cho máy giặt
nếu như tôi giặt khăn tay và hong
khô chúng trên chiếc gương ngay
trên bồn rửa mặt. Nhưng tôi không
thể làm vậy với áo sơ mi và
áo lót. Và các tay áo và cổ
áo sơ mi chưa đầy một ngày
đã dính đầy bụi London. Tôi
rất đau đầu với những việc
nhỏ nhặt mà hồi ở Singapore tôi
vẫn cho là tự nhiên phải có.
Hồi đó gia đình cung cấp mọi
thứ tôi cần. Giày tôi được
đánh bóng, quần áo được

giặt ủi cẩn thận, thức ăn sẵn
sàng. Tất cả những gì tôi phải
làm là bày tỏ ý muốn ra thôi.
Giờ thì tôi phải tự lo liệu mọi
chuyện. Đó là một cuộc sống
mệt mỏi về thể xác, hơn nữa,
với phần lớn thời gian dành cho việc
di chuyển từ nơi này đến nơi
khác, tôi đã quá mệt mỏi
do đi bộ, và việc đi lại bằng
xe buýt và xe điện đã khiến
tôi không còn sức lực cho học
tập và suy ngẫm nữa.

Một ngày, sau buổi học thêm về luật hiến pháp,
tôi tìm đến giáo sư Glanville L.

Williams. Tôi đã xem trong danh sách của

trường LSE, biết rằng ông ta xuất thân từ đại học St John, Cambridge, nơi ông ta đã lấy bằng PhD (tiến sĩ). Tôi hỏi ông ta về Cambridge và đời sống ở đó. Ông ta nói đó là một thành phố nhỏ, mà mọi sinh hoạt của nó tập trung vào trường đại học, khác hẳn London. Nhịp sống ở đó thật thông thả. Sinh viên và các giảng viên di chuyển bằng xe đạp. Nghe có vẻ hấp dẫn, tôi quyết định đến thăm nơi đó.

Tôi đến đó vào cuối tháng 11/1946, và gặp một sinh viên Đại học Raffles, Cecil Wong, người hiện đang ở tại Fitzwilliam House, một

tổ chức không liên quan đến đại
học chuyên phục vụ các sinh viên
nghèo với mức chi phí thấp hơn
nhiều. Cecil dẫn tôi đến gặp viên
giám thị của Fitzwilliam, ông W.S Thatcher
người tương đương giám đốc
trường đại học. Billy Thatcher là
một người rất có ấn tượng,
ông từng được thưởng huy
chương Thập tự Quân đội trong
Thế chiến thứ I vì công trạng
tại xứ Flanders, nơi ông đã bị
thương nặng. Mặt ông đầy sẹo,
và vì vòm miệng ông bị tổn
thương, giọng nói ông bị ngọng.

Ông theo sát những nguyên tắc Cơ

đốc giáo và có một tình

thương bao la dành cho những kẻ bị

thua thiệt. Thatcher rất được các

giảng viên cũng như sinh viên kính

trọng. Tôi kể lại tường tận

mọi vấn đề của tôi với ông.

Ông bắt đầu mến tôi và chịu

nhận tôi vào ngay trong năm học đó

khi học kỳ Lent bắt đầu vào đầu

tháng 1/1947, miễn là anh bạn Cecil đồng

ý cho tôi ở chung phòng. Cecil đồng

ý ngay tức khắc. Tôi vui mừng khôn

xiết và vô cùng biết ơn. Tôi

quay lại London giải quyết công việc và

gói ghém đồ đạc. Đầu

tháng 1, tôi đáp xe lửa từ nhà

ga King's Cross, đến Cambridge sau hai tiếng,

và đón taxi về chỗ ở của

Cecil tại số 38 đường Belvoir.

Hai tuần sau, tôi viết thư cho giáo sư Hughes Parry báo tin là tôi quyết định rời LSE và đến Cambridge. Tôi nhận được lá thư trả lời đầy giận dữ:

“Tôi cần nhắc cho anh nhớ rằng

tôi đã phá lệ của mình để

thuyết phục những người có thẩm

quyền trong trường này nhận anh trong

khi chúng tôi đã từ chối những

người khác,” ông viết. “Cách

cư xử của anh cho thấy rằng tôi đã

sai khi đánh giá về anh, và rằng
lẽ ra tôi không nên sẵn sàng
giúp đỡ như vậy.” Nhận được
lá thư, tôi quyết định đến
gặp ông ngay, đôi mắt ông để
nhận những trách cứ. Tôi tới văn
phòng của ông và giải thích
đời sống khó khăn cho tôi như
thế nào trong học kỳ đầu tiên,
rằng tôi đến từ một thành
phố nhỏ và cảm thấy lạc hướng
hoàn toàn trong một thành phố mấy
triệu người, hoàn toàn không
quen biết một ai, với mọi người
hỏi hả chung quanh trong một tốc độ

chóng mặt. Hơn nữa tôi không thể

lo được mọi nhu cầu cho mình.

Ông lắng nghe những nỗi khổ của tôi. Hẳn tôi

trông đầy vẻ chán thành, và

ông đã dịu lại và nói lẽ

ra tôi phải nói những chuyện đó

ngay với ông. Ông có thể chuẩn

bị chỗ ở cho tôi trong một ký

túc xá mà chỗ đó có thể

cung cấp những thứ tôi cần. Giờ

đây nhìn lại những năm tháng

đó, tôi mừng vì mình đã

không ở lại London. Tôi chắc là

mình tất sẽ có một thời kỳ

khốn khổ. Nhưng tôi vẫn luôn cảm

thấy hối hận vì đã phụ tấm

lòng quý mến đặc biệt mà
ông dành cho tôi. Khi ông trở thành
phó hiệu trưởng trường London
University vào cuối những năm 70, và
tôi trở thành thủ tướng
Singapore, tôi định viết thư cho ông
nhưng nghĩ lại tốt hơn là để
nó qua đi. Có lẽ tôi chỉ nên
nói với ông là tôi không bao
giờ quên lòng tốt của ông.

London có những đền bù của nó – và những
bài học của nó dành cho một
luật sư tương lai. Một người đã
gây ảnh hưởng nhiều đến tôi
trong học kỳ đầu tiên tại LSE là
Harold Lasky, một giáo sư môn chính

trị. Giống như những sinh viên khác

không học môn chính trị, tôi

cũng dự vài giờ giảng của ông.

Ông là một diễn giả có sức

hấp dẫn mạnh, một vóc dáng nhỏ

bé không gây chút ấn tượng

nào, nhưng lại có một trí tuệ

sâu sắc. Phần trình bày lý

thuyết chủ nghĩa xã hội Mác-xít

của ông đã tác động mạnh

mẽ lên nhiều sinh viên thuộc địa,

nhiều người trong số họ sau này

sẽ nắm quyền và lèo lái nền

kinh tế lạc hậu của xứ họ một

cách tồi tệ bằng cách thực hiện

những chính sách không thích hợp

dựa trên những gì họ nghĩ là

Lasky đã dạy. Thật may là trước

khi tôi ở vào địa vị có

thể làm bất cứ điều gì có

hại, tôi đã có kinh nghiệm về

những chính sách kinh tế thất bại

đó để cảnh báo tôi về

mối nguy hiểm này.

Hai hay ba bài giảng của Lasky mà tôi từng tham dự là

bài học vỡ lòng của tôi về

lý thuyết chung của chủ nghĩa xã

hội, và ngay lập tức tôi bị nó

hấp dẫn. Nó thức tỉnh tôi một

cách rõ ràng rằng mọi người

trên thế giới đều phải có

cơ hội đồng đều trong cuộc
sống, rằng trong một xã hội công
bằng và trật tự thì không được
có sự chênh lệch lớn lao về của
cải giữa con người vì địa vị
hay thân phận của họ, hay của cha mẹ
họ. Tôi không phân biệt các
chủng tộc và dân tộc khác nhau.
Chúng tôi là bộ phận của Đế
quốc Anh, và tôi tin là người
Anh sống sung túc là nhờ vào tiền
của từ tất cả các thuộc địa
của họ. Những tư tưởng mà
Lasky trình bày vào thời điểm
đó, vì thế lôi cuốn những

sinh viên thuộc địa. Chúng tôi
đều muốn nền độc lập cho xứ
mình để có thể giữ gìn sự
sung túc cho chính chúng tôi.

Rồi tôi nghĩ
rằng sự sung túc chủ yếu dựa vào
sự sở hữu tài nguyên thiên nhiên
và đất đai, hoặc đất đai
màu mỡ với mưa thuận gió hòa
cho nông nghiệp và lâm nghiệp, hoặc
các khoáng sản quý giá, hoặc
dầu hỏa và khí đốt. Chỉ
vài năm sau khi nắm quyền, tôi mới
nhận ra rằng hiệu năng lao động của
các chủng tộc khác nhau ở Singapore,
cũng như của các tầng lớp trong

cùng một chủng tộc, là rất
chênh lệch. Sau khi thử nghiệm nhiều
cách để giảm bớt sự bất
bình đẳng và bị thất bại,
dần dần tôi phải thừa nhận rằng
nhân tố quyết định là con người,
với những năng lực tự nhiên, học
vấn và rèn luyện của họ. Kiến
thức và sự sở hữu về công
nghệ là rất quan trọng trong việc tạo
ra của cải.

Nhưng ý tưởng về một xã hội tốt đẹp, công
bằng và bình đẳng đã hấp
dẫn tất cả các sinh viên thuộc
địa, và nhóm Fabian^{[10](#)} ở Anh đã hô hào phương thức
tiến từng bước đến lý tưởng

mà không cần phải trừ khử và
tước đoạt tài sản của bọn
giàu. Bằng cách từng bước một,
và không cần phá vỡ cơ cấu
kinh tế hoặc gây một biến động
xã hội, bọn giàu có thể bị
tước đoạt tài sản thông qua
việc đánh thuế suốt đời họ,
và thông qua thuế di sản nặng nề
sau khi họ chết. Rồi con cái của họ
phải khởi sự lại từ đầu trên
cùng nền tảng như những kẻ có
cha mẹ nghèo hơn. Tôi không thấy
có gì sai về điều đó. Tôi
còn quá trẻ nên chưa hiểu những

luật sư Anh khéo léo ra sao trong việc

lập những chứng thư ủy thác để

chính phủ khó mà thu được

những thuế bất động sản.

Tôi bị phương pháp tiếp cận Fabian hấp dẫn đến

độ vài năm sau khi rời khỏi Anh,

tôi vẫn đặt mua dài hạn các

tạp chí và bản tin của họ.

Nhưng đầu những năm 1970, tôi bị

thất vọng vì tính không tương

của họ. Một số báo đặc biệt

của họ đã khiến tôi không

nuốt nổi. Nó bàn về vấn đề

giáo dục. Hai vị hiệu trưởng đã

viết một bài báo nghiêm túc

chứng minh rằng các trường phổ

thông hỗn hợp đang bị thất bại,
không phải vì chúng sai, mà vì
những thầy giáo giỏi nhất vẫn
đang dạy cho những học sinh giỏi nhất.

Những thầy giáo giỏi nhất phải
dạy cho những học sinh yếu nhất, để
chúng được nâng lên. Những
học sinh giỏi thì dù thế nào
chúng cũng học giỏi. Phương pháp
tiếp cận Procrustean^{[11](#)} này đã quá mức đối với
tôi. Tôi ngưng mua báo dài hạn.

Cambridge thật nhẹ
nhõm so với London. Mấy năm trước
chiến tranh nó là một thị trấn
êm đềm hạnh phúc. Mật độ
giao thông ít – nhiều xe đạp, chỉ

có vài chiếc ở tô tư nhân,
một số xe buýt và xe tải. Hầu
hết các hiệu trưởng, sinh viên,
trợ giảng, giảng viên và các
giáo sư, thậm chí viên giám thị
của Fitzwilliam đều đi xe đạp. Tôi
mua cho mình một chiếc xe đạp cũ
với giá 8 bảng và đạp đi
khắp nơi, cả trong mưa. Đây là
chiếc xe đạp được sang tay trong
giới sinh viên đã 20 năm hoặc hơn.

Tôi nhanh chóng quen với công việc thường ngày
mới. Và tôi ít gặp rắc rối
với các bữa ăn. Thức ăn trong ký
túc xá bổ dưỡng, với đủ
chất tạo năng lượng và chất

đậm, dù rất Anh, và rất lạt.

Cá tuyết ngoài khơi và cá bơn

thì dai nhách và không ngon như cá

ven bờ mà tôi từng ăn ở

Singapore. Không hề được bày biện

hoa lá như trên tàu *Britannic*, mọi thứ phải được nêm với

muối và tiêu. Mặc dù thường

đạp xe trong không khí trong lành

nhưng ẩm ướt và những bữa ăn

đầy đủ, khi tôi trở về

Singapore, một lần chụp phim phổi đã

cho thấy tôi bị nhiễm lao hồi sống

ở Anh. Thật may mắn là nó đã

khỏi và chỉ hiện ra một đốm

trắng trong phim. Tôi sung sướng vì đã

có một chỗ ở Cambridge. Tôi tin mọi
chuyện hẳn sẽ tồi tệ hơn nếu
tôi lưu lại London.

Để tập luyện, tôi gia nhập Câu lạc bộ
Thuyền buồm. Trước tiên, tôi phải
tập luyện, không phải bằng việc
bơi ngay bằng thuyền, mà bằng việc
“tập chèo xuồng” bên bờ
sông; ngồi trong chiếc xuồng tập đứng
yên một chỗ, và được chỉ
cho cách cầm chèo, cách chồm người
tới và ngã lui, chỗ đặt chân.

Sau khi tập luyện mỗi tuần hai lần
trong ba tuần, tôi được cho lên một
chiếc xuồng thực sự. Vào buổi
chiều cho buổi chèo thuyền thực tế

lần thứ hai đã được ấn

định sẵn của tôi, một cơn bão

tuyệt nổi lên và tôi cho rằng

buổi tập bị hủy bỏ. Tôi bị

trách mắng nghiêm khắc. Bảy người

nữ và anh trưởng toán đã

có mặt nhưng không thể ra khơi vì

thiếu tay chèo thứ tám là tôi.

Tôi cho rằng người Anh hơi điên

và rời khỏi Câu lạc bộ Thuyền

buồm. Sau này, việc đạp xe quanh

Cambridge đi từ chỗ trọ đến nơi

học và từ nơi học về Fitzwilliam

House để ăn uống đã giúp tôi

có cơ hội tập luyện thân thể.

Lớp luật Qualifying One năm đầu tiên thì không
đông, chỉ khoảng 30 sinh viên thay vì
200 như ở London. Phần lớn sinh viên lên
tới đại học là những cựu
chiến binh, họ được chiêu cố
đặc biệt để tốt nghiệp trong
vòng hai thay vì ba năm, vì thế họ
vào thẳng năm thứ hai. Không như
họ, tôi phải học năm thứ nhất
Qualifying One, và phải học ba năm. Các
sinh viên người Anh đang học với
tôi đều trẻ, chỉ khoảng 18, 19
tuổi lên thẳng từ trung học. Tôi
đã 23. Có vài người từ
Malaya, trong đó có Yong Pung How, khoảng 20
tuổi và đến từ Kuala Lumpur. (Năm

1990 ông ta trở thành chính án Tòa
án tối cao Singapore.) Vì tôi vào
trẻ học kỳ đầu tiên, nên
Pung How đã sẵn lòng cho tôi mượn
bài vở ghi chép của anh. Chúng thật
sạch sẽ, dễ hiểu và là một
bảng tóm tắt thật đầy đủ
về vấn đề căn bản mà tôi
đã bị thiếu. Chúng thật hữu
ích vì giáo trình của Cambridge có
những môn khác hẳn so với giáo
trình năm đầu của tôi ở
London. Suốt kỳ nghỉ Lễ Phục sinh, tôi
học gao những gì mình bị sót
và đuổi kịp chương trình.

Tháng 5, khi kỳ thi Qualifying One được
tổ chức, tôi đã chuẩn bị
khá đầy đủ. Ba tuần sau, tháng
6, khi kết quả kỳ thi được thông
báo ở Senate House, tên tôi nằm trong
số ít người được xếp
loại I. Tôi đánh điện về nhà
báo tin vui này.

Tôi rất vui vì đã không phụ lòng viên giám
thị, người đã nhận tôi vào
trở một học kỳ mà chỉ dựa
vào học bạ của tôi. Billy Thatcher,
theo như cách gọi đầy yêu thương
của đám sinh viên, gặp tôi bên
ngoài Fitzwilliam khi tôi dựng xe đạp
vào ăn trưa trong nhà ăn. Ông dừng

lại để chúc mừng tôi. Tôi

có thể thấy được là ông

rất hài lòng. Ông đã nói

với tôi khi tôi gặp ông vào

tháng 12/1946: “Lee, khi anh vào Cambridge, là anh đã gia nhập vào một cái gì

đó đặc biệt, giống như gia

nhập vào Đội kỵ binh Hoàng gia

và không chỉ đơn thuần là

tham gia vào quân đội. Anh phải đứng

cao hơn thế nữa kia.” Khi tôi trả

lời rằng tôi sẽ cố để đạt

được Loại I, ông nghiêm nghị

nhìn vào tôi và nói: “Lee,

đừng thất vọng nếu không làm

được. Ở Oxford và Cambridge, anh cần

có chất lửa khác thường đó,

một điều gì đó đặc

biệt trước khi anh đạt Loại I.”

Tôi hài lòng khi các giám khảo

Cambridge đã xác định tôi đã

có cái điều gì đó đặc

biệt rồi.

Lòng tràn đầy phấn khởi, tôi mua cho mình một chiếc

mô tô cũ, một chiếc Matchless cũ

của quân đội, nó không còn

đẹp, nhưng máy vẫn tốt, giá

khoảng 60 bảng. Bất chợt tôi trở

nên cơ động hơn. Tôi lang thang khắp

miền đồng quê Cambridge và thăm

thú được những nơi mà xe

buýt và xe lửa không thể tới

được. Tôi có thể dừng lại
mua sơ ri và dâu tây ở những chỗ
nông dân trưng những tấm bảng
lên mời khách đến ăn hoặc
mua chúng.

Cuối tháng 6, Choo viết thư báo cho tôi là cô
đã nhận một chứng chỉ hạng
nhất. Giờ cô có cơ hội tốt
để giành học bổng Nữ hoàng
du học ở Anh. Tôi rất lạc quan. Cuối
tháng 7 tôi nhận được tin vui
nhất, Choo đánh điện báo tin cô
đã được hưởng học bổng
Nữ hoàng. Nhưng Văn phòng Thuộc
địa không tìm được chỗ
cho cô trong bất kỳ đại học nào

trong năm học bắt đầu vào tháng

10/1947. Cô phải đợi đến năm

1948. Rơi vào thế phải hành động,

tôi đã nát óc tìm cách

đưa cô vào Cambridge.

Tôi tìm ông Barret, chánh văn phòng tại Fitzwilliam. Ông

là một người béo phệ, có

năng lực và từng trải ở độ

tuổi ngoài bốn mươi của ông.

Ông đã từng chứng kiến hàng

trăm sinh viên đến rồi đi. Ông

biết viên giám thị mến tôi. Tôi

nói với ông về cô bạn ở

Singapore của mình, rất thông minh, đã

được nhận học bổng cao nhất

để du học ở Anh. Cô ấy muốn

học luật. Làm cách nào cô ấy

có thể vào Cambridge đúng vào

học kỳ lễ Thánh Michael? Với ánh

lấp lánh trong đôi mắt, ông nói:

— Anh biết là ngài giám thị quen rất thân với

cô Butler, dạy ở Girton. Giờ nếu như

anh nhờ được ông ấy nói với

cô ấy, sự thể có thể khác

đi.

Tôi rất kích động trước khả năng này.

Chỉ còn hai tháng để lo trước khi năm học

bắt đầu. Tôi yêu cầu được

gặp ngài giám thị. Không chỉ

đồng ý gặp, ông còn vui lòng

giúp đỡ tôi nữa. Ngày 1/8, ông

viết cho cô Butler một lá thư, và

một lá nữa cho hiệu trưởng

Newham, một trường đại học nữ

khác ở Cambridge. Cả hai trả lời ngay.

Newham dành cho một chỗ vào năm học

1948. Cô Butler thì tích cực hơn. Cô

vui lòng dành một chỗ trống vào

tháng 10/1947 mà Girton để dành cho

những trường hợp đặc biệt,

miễn là Choo có đủ tiêu chuẩn

được vào. Thatcher viết gởi kèm

cho tôi cả hai thư trả lời đó.

Tôi lao ngay tới Ủy ban đặc trách

thi cử thuộc đại học Cambridge gần

đường Silver dọc sông Cam. Tôi cho

họ biết năm Choo nhận bằng Đệ

nhị cấp Cambridge của cô – năm

1936. Họ truy ra kết quả của cô và

trao cho tôi một bản sao có chứng thực

– cô ấy là học sinh đỗ đầu

năm học ấy.

Rồi tôi viết một lá thư yêu cầu được

gặp cô Butler ở Girton. Cô vui lòng

tiếp tôi, và tôi đến đúng

giờ hẹn vào buổi sáng ngày

6/8. Tôi nói với cô rằng bạn

tôi, cô Kwa, là một cô gái rất

thông minh, thông minh hơn cả tôi, và

rằng cô ấy đứng đầu danh

sách, cao hơn cả tôi ở Đại

học Raffles trong nhiều trường hợp. Tôi

thêm rằng mình đã vào Cambridge

trở một học kỳ và đứng nhất
trong kỳ thi Qualifying One, và tôi tin rằng
cô ấy cũng sẽ học được
như vậy. Cô Butler là một phụ nữ
tóc bạch kim dễ mến với đôi
kính cận, hơi tròn trĩnh và có
vẻ phúc hậu. Cô thích thú với
chàng trai trẻ người Hoa đang nhiệt
tình tán dương cô bạn gái
của anh ta là một sinh viên hơn hẳn
anh ta và cô bị hấp dẫn với ý
tưởng rằng có lẽ cô gái ấy
là một ngoại lệ. Cùng ngày ấy
tôi đánh điện cho Choo: “Girton
nhận. Thư từ chính thức sẽ tới.

Chuẩn bị mau lên.”

Cô lên một chuyến tàu chở binh lính ở Singapore cuối tháng 8. Tôi nôn nao chờ ở bến cảng và cuối cùng cô cũng đến được Liverpool vào đầu tháng 10. Tôi xiết bao vui mừng được gặp lại cô sau một năm dài chia ly. Chúng tôi đáp xe lửa đến London ngay và sau năm ngày ở đó, chúng tôi tới Cambridge.

Lúc này tôi đã biết tự tổ chức và quen thuộc với nơi này. Nhưng lại có những vấn đề mới. Ông Pounds, một trợ giảng trẻ tuổi và là thủ quỹ của Fitzwilliam, phân cho tôi những phòng cách Cambridge ba dặm về phía

Nam. Tôi giật mình. Girton thì ở phía

Bắc thành phố. Tôi cố hết sức

để tìm một căn phòng gần

Choo hơn nhưng không được, ông

Pounds quả là cương quyết. Tôi cầu

đến ông giám thị. Thư trả

lời của ông đầy thân ái,

nhưng đượm một chút khôi hài:

“Lee thân mến,

...Anh cho rằng anh phải đi một quãng đường

dài để đến gặp hôn thê

của anh, hoặc vợ anh như anh hằng trông

đợi. Không thực sự quá xa như

anh nghĩ đâu, đặc biệt nếu

tình yêu cung cấp động lực. Tôi

không biết anh có đọc các truyện

thần thoại danh tiếng không, nhưng hẳn
anh còn nhớ người đàn ông
đã bơi qua eo Bosphorus mỗi đêm để
gặp người yêu của anh ta. Việc đi
đến Girton là một việc nhẹ nhàng
so với chuyện đó. Theo chuyện kể,
chàng trai ấy đã chết đuối
khi đang bơi trong một đêm tuyệt
đẹp, nhưng tôi nghi ngờ không biết
anh có cần phải chết vì kiệt
sức trên đường không. Tuy nhiên
nếu anh có thể tìm được căn
phòng ở gần Girton, chúng tôi sẽ
gắng hết sức mình để hợp
tác với anh và đăng ký nó
cho anh, vì vậy nếu anh thích đến

và thử đi tìm, thì hãy làm

đi.

*Tuy nhiên, tôi không chắc rằng Girton sẽ tán thành
việc anh cưới cô gái trẻ đó quá vội
vàng, vì họ sẽ rất đơng
nhiên và chính đáng khi cho rằng ánh
lửa đầu tiên của tình yêu
lóa lên thì học hành sẽ chẳng còn được
ban nhiều. Nhưng tôi đã quá già
để cho lời khuyên giữa một người
đàn ông và ngọn lửa trong đôi mắt anh ta.*

Bạn chân thành của anh, W.S.

Thatcher"

*Một tuần sau, tôi tìm được một căn phòng
gần Fitzwilliam tại trại ngựa của
thuyền trưởng Harris. Thuyền trưởng
Harris nuôi ngựa và loại chó săn cáo. Tôi*

*làm sinh viên ở trọ nhà ông ta. Ông ta đòi một giá quá đắt,
khoảng 9 bảng một tuần chỉ cho việc
ngủ, ăn sáng, tắm rửa và mọi
thứ vật vãnh khác. Tôi không có
sự chọn lựa nào khác. Nó cũng
thuận lợi. Tôi sẽ ở đó
trong hai năm kế tiếp cho đến khi rời
khỏi Cambridge vào mùa hè năm 1949.*

*Giờ tới lượt Choo bị cú sốc văn hóa. Cô ấy
không quen với quần áo len dày sụ
mà cô đã mua bằng phiếu vải,
thứ áo khoác nặng trĩu và sau
đó là đôi giày lông cừu
dành cho mùa đông. Chúng trĩu
nặng trên người cô ấy. Và
Girton cách thành phố hai dặm. Cô
không đi được xe đạp, nên*

*phải dùng xe buýt. Khả năng định
hướng của cô không bao giờ tốt.
Đó là thời kỳ cô mất
phương hướng.*

*Sau ít tuần cố
điều chỉnh, cô bảo rằng cô
nhận thấy tôi đã thay đổi.
Tôi không còn là người vui vẻ,
lạc quan, dám nghĩ dám làm, một
chàng trai có thể làm được
mọi thứ, sôi sục niềm vui sống.
Bất chấp sự ưu đãi mà tôi
đã nhận được, đặc biệt
là lòng tốt của Billy Thatcher, và
tâm trạng vui vẻ của tôi trong suốt
mùa hè thú vị năm 1947, tôi có
vẻ như trở nên bài xích nước*

Anh sâu sắc, đặc biệt là chế
độ thuộc địa ở Malaya và
Singapore mà tôi kiên quyết sẽ kết
thúc nó. Một năm ở London và
Cambridge đã hình thành những thay
đổi trong tôi, bắt đầu từ khi
Nhật chiếm Singapore năm 1942. Giờ tôi
đã thấy người Anh ngay trên đất nước họ và tôi
nghĩ ngờ khả năng của họ trong việc cai trị các thuộc địa vì lợi
ích của dân bản xứ. Các viên
chức thuộc địa không quan tâm gì
tới sự tiến bộ của các nước
thuộc địa, mà chỉ quan tâm đến
những địa vị hàng đầu và
mức lương cao mà các thuộc địa
có thể đem lại cho họ. Ở cấp

độ quốc gia, họ quan tâm chủ yếu
đến việc giữ được nguồn
ngoại tệ, chủ yếu là đôla
Mỹ, nhờ xuất khẩu cao su và thiếc
của Malaya, nhằm nuôi dưỡng đồng
bảng Anh suy yếu.

Sau nhận xét của Choo, tôi bắt đầu xét lại
chính mình để xem chuyện đó
đã xảy ra thế nào. Có thể
là nó bắt đầu bằng kinh nghiệm
của tôi về định kiến màu da
của tầng lớp lao động Anh, những
người soát vé xe buýt, những cô
gái bán hàng và các chị hầu
bàn trong các cửa hàng và nhà
hàng, và các bà chủ nhà trọ
ở Hampstead mà tôi tình cờ gặp

trong khi tìm chỗ trọ. Vài lần tôi
đến những ngôi nhà liệt kê
trong danh sách “phòng cho thuê” yết
thị gần nhà ga xe điện Swiss Cottage,
chỉ để được nghe trả lời,
một khi họ thấy tôi là người
Hoa, rằng các phòng đó đã
có người thuê rồi. Sau này, rút
kinh nghiệm về các vụ đó, tôi
gọi điện trước cho họ nói
rằng tên tôi là Lee, đánh vần
“L, hai chữ e” nhưng tôi là người
Hoa. Nếu họ không thích một người
Hoa, họ có thể thoái thác và
tránh cho tôi khỏi mất công đi
đến nhà họ.

Những người Anh tôi gặp ở tầng lớp trên – những giáo sư và thầy

giáo,

những thư ký và thủ thư ở

Cambridge và Middle Temple – là những người

có học thức, lịch sự và tốt

bụng, dù hơi dè dặt. Những sinh

viên người Anh thì nói chung là

lịch sự, thậm chí thân thiện

nhỉa, nhưng luôn luôn chùng mịch.

Nhưng dĩ nhiên vẫn có định

kiến màu da trong cuộc đua tranh để

giành chỗ trong các đội tuyển

thể thao, hoặc vì các “huy chương

danh dự” và “huy chương bán

danh dự” dành cho các môn thể

thao ở trường đại học. Những

người Singapore và Malaya rất giỏi môn

cầu lông, bộ môn được coi như

môn bán danh dự, và thực tế họ

đã đoạt vài huy chương cho

môn đó; nhưng gần như người

châu Á không thể nào gia nhập

được vào đội tuyển các

môn thể thao chủ lực như cricket, bóng bầu dục

hoặc chèo thuyền, môn được coi là danh giá nhất.

Sự đối xử phân biệt này có thể không

hoàn toàn do định kiến màu da,

mà nảy sinh từ hệ thống giai cấp

– một hiện tượng kỳ lạ khác

đối với người đến từ một

xã hội năng động, non trẻ của

những di dân. Ngay cả giữa sinh viên da

trắng với nhau, những người đến

từ các trường trung học công lập

chính quy vẫn có lợi thế hơn. Và

giống như những người còn lại,
họ thêm muốn những huy chương ở
trường đại học vì nó sẽ
thành một vốn quý trong tương
lai, và họ có thể ghi chúng vào
lý lịch của họ. Chúng là
phương tiện để vươn đến
những điều lớn lao hơn – bất
kỳ ai có huy chương môn chèo
thuyền là coi như đã có sự
nghịệp. Tương tự, chức chủ tịch
Cambridge Union Society (Hội liên hiệp Cambridge) có thể giúp
người ta trở thành
ứng cử viên tương lai cho một đơn
vị bầu cử của đảng Bảo thủ
hoặc Lao động, hoặc nhận một công
việc trong bộ phận nghiên cứu về

một trong các đảng đó.

Cũng có một sự đua tài gay gắt giữa những người châu Á, phần lớn là người Ấn Độ, để được bầu vào Union Society, nhưng trong trường hợp của họ thì thật khó hiểu, bởi vì vào năm 1947, Ấn Độ và Pakistan sắp giành được độc lập. Một sinh viên người Sri Lanka đã được bầu làm thư ký của Hội Sinh viên (Students' Union). Tôi tự hỏi điều đó sẽ giúp gì để anh ta trở thành một người lãnh đạo trong một nước Sri Lanka tự do.

Tôi không quan tâm đến những vấn đề linh tinh này. Tôi quyết định tập

*trung vào việc đạt hạng nhất, bởi
điều đó sẽ tạo ảnh hưởng
khi tôi trở về Singapore.*

*Trong khi đó, tôi và Choo bàn nhau về đời sống
hướng tới tương lai của chúng
tôi ở Anh. Chúng tôi quyết định
tốt nhất là chúng tôi cưới
nhau một cách lặng lẽ vào tháng
12 nhân dịp lễ Giáng sinh, và giữ
bí mật chuyện đó. Bố mẹ
Choo sẽ bức bối nếu chúng tôi
hỏi ý kiến; trường Girton có thể
không tán thành, như viên giám
thị đã nhắc nhở tôi trong lá
thư của ông; và những người
có thẩm quyền trong vụ học bổng
Nữ hoàng có thể gây khó khăn.*

Chúng tôi đã trưởng thành,
đều ở độ tuổi ngoài hai
mươi, và chúng tôi đã quyết
định cẩn thận. Không hề biết
gì về
động lực thực sự của chúng
tôi, một người bạn Anh giới thiệu
một quán rượu ở Stratford-on-Avon là nơi
để nghỉ lễ Giáng sinh và đi
thăm nhà hát Shakespeare nổi tiếng.
Khi đến đó, chúng tôi thông
báo ý định của mình cho nhân
viên Văn phòng hôn nhân địa
phương, và sau hai tuần lưu trú là
đủ để cưới nhau theo luật.
Trên đường đến Stratford-on-Avon
chúng tôi dừng lại ở London, tại

đó tôi mua cho Choo một chiếc nhẫn
cưới bằng bạch kim trong một tiệm
kim hoàn trên đường Regan. Nhưng
khi trở lại Cambridge, cô lại đeo chiếc
nhẫn vào sợi dây chuyền cổ.

Dù có sự
thay đổi này trong đời sống, chúng
tôi vẫn làm việc một cách hệ
thống và chăm chỉ trong học tập.
Tôi muốn mình phải đạt tiêu
chuẩn loại I của kỳ thi sinh viên giỏi
cấp I. Nhưng Choo lại phải đương
đầu với một thời kỳ khó
khăn với chương trình năm thứ
hai. Kỳ thi lại đến vào khoảng
tháng 5/1948, và tháng 6 kết quả
được công bố ở Senate House. Tôi

đứng đầu trên danh sách, loại

I của cuộc thi sinh viên giỏi. Choo được

xếp Loại II trong kỳ thi Law Qualifying Two. Cô thất vọng. Nhưng đó không phải là

kỳ thi sinh viên giỏi và không được

tính. Tôi an ủi cô, và chúng

tôi quyết định đi nghỉ hai tuần

ở lục địa châu Âu. Tránh xa

các nhóm du lịch, chúng tôi dự

định lưu lại năm ngày ở

Paris, rồi ở Thụy Sĩ một tuần.

Một việc bất ngờ xảy ra ở Lugano vào hôm ấy

đã in đậm trong trí tôi. Tay tiếp

tân khách sạn nhìn tôi và hỏi

tôi có phải là người Hoa không.

Tôi nói: "Phải, nhưng đến từ Singapore."

Anh ta nói: "A, Chiang Kai-shek (Tướng Giới Thạch)."

Anh ta không biết sự khác nhau. Tôi không hề tự

hào về Chiang Kai-shek. Ông ta đã

bị Quân đội Nhân dân Giải

phóng đuổi khỏi Trung Hoa lục địa.

Nhưng tôi đã quen thấy những người

châu Âu nhận ra tôi là một người

Hoa. Chúng tôi đã có kỳ nghỉ

tuyệt vời nhất trong đời mình,

tham quan, đi dạo, ăn và uống bia, rượu

vang và sâm-panh.

Tháng 10, chúng tôi trở về Cambridge chuẩn bị cho năm

cuối. Chúng tôi dự các buổi

giảng, viết tiểu luận và làm

bài tập cho những giám sát viên, đọc sách

ở thư viện hoặc trong phòng tôi tại trại ngựa của thuyền trưởng

Harris. Nhưng cuộc sống không chỉ có

công việc. Vào những ngày cuối

tuần và một vài tối tôi sẽ

đạp xe đến Girton, và Choo sẽ nấu
những món ăn Singapore trên cái bếp
ga của cô ở khu nhà tập thể dục.
Tôi sẽ mời thêm Yong Pung How và Eddie
Barker, cũng là người được
nhận học bổng Nữ hoàng từ Đại
học Raffles và đang học luật. Đôi
khi, toàn bộ khẩu phần thịt cả
tuần của tôi biến thành món
cà-ri, hoặc Choo sẽ làm món
kway teow chiên tuyệt vời, dùng thịt gà
thay cho thịt heo, và ớt Hungari thay cho ớt
bột.

Hiện thời, chúng tôi đã thích nghi và thiết lập
được những mối quan hệ tốt
đẹp. Tôi đã thu xếp để
được học với những giám sát

viên giỏi nhất Cambridge. Họ là những
nghiên cứu sinh của Trinity Hall, hồi đó
là trường luật hàng đầu,
nhưng sau khi tôi đạt loại I vào
cuối năm đầu tiên, tôi có
thể thuyết phục họ giám sát tôi
dù tôi ở Fitzwilliam. Giám sát viên
giỏi nhất của tôi là Trevor Thomas.
Ông ta có đầu óc thông minh, quả
quyết và có hệ thống.

Tôi cũng kết bạn với một số sinh viên người
Anh. Một số trong đó là những
tay tích cực trong Câu lạc bộ Lao động
của trường đại học Cambridge, những
người sau này trở thành ứng cử
viên của đảng Lao động trong cuộc
tổng tuyển cử năm 1950; một số

khác đi theo những ngành luật khác
nhau và trở thành những giáo sư
lỗi lạc trong ngành công pháp quốc
tế, luật đối chiếu và luật
công nghiệp. Họ là một nhóm
người thông minh và tốt bụng.

Tháng 2/1949, tôi đại diện cho đại học Cambridge dự
một cuộc tranh luận (cuộc tranh luận
thực tập) tại Oxford trước một
thẩm phán tên là Sellers. Các luật
sư sinh viên khác có vẻ như không
nắm được điểm tế vi về
luật đang tranh cãi, và khi tôi nắm bắt được nó, gương mặt
của Sellers tươi hẳn lên. Khi đọc
bản nhận xét, ông ta đã khen ngợi tôi.
Nhưng tôi không hề tham dự một
cuộc tranh luận nào của Cambridge Union

*Society. Tôi nghĩ thật là kém khôn
ngoan khi nghĩ sao nói vậy trước khi bàn
bạc với bạn bè tôi về con đường
tôi sẽ đi khi trở về Singapore.*

*Tuy nhiên, khi ở
London, trong một số dịp, tôi có đến
Hạ nghị viện để nghe các bài
diễn thuyết. Vài dân biểu thuộc
đảng Lao động tỏ vẻ thân
thiện với các sinh viên thuộc địa
(không như nhóm Bảo thủ thường
không tán thành lòng khao khát tự
do của họ). Fenner Brockway, dân biểu hạt
Eton và Slough sẽ gặp tôi tại
Westminster để cho tôi một vé vào
Strangers' Gallery. Stanley Awbery (sau này là Huân tước Awbery)
giống như Fenner*

Brockway, một người ủng hộ các
dân tộc thuộc địa bị áp
bức. Đảng Lao động có một số
diễn giả lỗi lạc. Tôi còn nhớ,
vào lần viếng thăm đầu tiên
của tôi vào năm 1947, được
chứng kiến Stafford Cripps phê phán tôi
bởi vị Bộ trưởng Bộ thuộc
địa chịu ảnh hưởng của đảng
Bảo thủ. Ông ta có đầu óc
thông minh.

Chúng tôi thi đợt cuối cùng vào tháng 5/1949,
và khi kết quả được công bố
vào tháng 6, tôi thật hài lòng.
Tôi đậu đầu và đạt được
ngôi sao duy nhất dành cho tài năng
xuất chúng trong danh sách danh dự kỳ

thầy sinh viên giỏi cấp II. Choo cũng đạt

loại I, và chúng tôi đánh điện

báo tin vui về cho gia đình. Đó

là dấu ấn tốt đẹp cho giai đoạn

kế tiếp trong đời tôi. Trước

khi một sinh viên có thể nhận bằng

của mình, nguyên tắc trường đại

học đòi hỏi anh ta “giam mình”

ít nhất là chín học kỳ, nói

cách khác là anh ta phải lưu trú

trong trường hoặc ở trong phòng trọ

đã được chấp thuận khoảng

tám tuần trong một học kỳ. Choo ở

trong trường Cambridge chỉ có sáu học

kỳ; còn tôi chỉ có tám. Hẳn

người ta đã xét tới những

trường hợp miễn trừ đặc biệt
vì cả hai chúng tôi đều được
phép nhận bằng tốt nghiệp vào
giữa mùa hè, ngày 21/6. Nếu không,
tôi sẽ phải ở lại Cambridge thêm
một học kỳ nữa, và Choo thêm ba
học kỳ trước khi chúng tôi được
cấp bằng tốt nghiệp.

Cambridge rất coi trọng việc giữ gìn những truyền
thống cổ kính mà nó đã
trở thành kỳ lạ hơn theo năm
tháng, nhưng những truyền thống ấy
đã làm tăng vẻ huyền thoại
của chốn này như một trung tâm
nghiên cứu lâu đời. Vào ngày
Đại hội tất cả đại học,
các sinh viên xếp thành hàng dài

theo thứ tự bề dày lịch sử của
mỗi trường và, do các trợ giảng
dẫn đầu, họ bước vào tòa
nhà Senate House gần các trường luật.
Là giám thị, Billy Thatcher đích thân
dẫn tôi và những người khác
tiến về phía trước – Fitzwilliam,
vốn không thuộc trường đại
học, nên ở cuối hàng. Sau đó
chúng tôi chụp hình với các vị
hiệu trưởng và những sinh viên
khác trên bãi cỏ bên ngoài
Senate House. Vài giảng viên luật, những
người với tư cách là giám
sát viên ở Trinity Hall đã dạy
tôi và Choo, cũng có mặt ở đó

để chung vui với chúng tôi, kể cả

Trevor Thomas, Pung How đã ghi lại giây phút

đó bằng máy ảnh của mình.

Rồi chúng tôi dời sang nhà của Trevor Thomas trong Trinity Hall
uống sâm-panh để kỷ niệm dịp

đó. Một giảng viên khác, Tiến

sĩ T. Ellis Lewis, được gọi thân mật

là TEL, người đã dạy cả hai

chúng tôi, cùng tham dự. Ông ta là

người xứ Wales, với khuôn mặt khô

hài dễ mến, đầu hói chỉ

còn lưa thưa mấy sợi trắng, ở

hai bên và cặp kính không gọng.

Ông nói với Choo và tôi: “Nếu

nó là một thằng nhóc, hãy gọi

nó cho chúng tôi ở Trinity Hall”. Khi

Loong, con đầu của chúng tôi, ra đời

năm 1952, tôi đã viết thư cho viên
trợ giảng để giữ trước một
chỗ cho nó. Nhưng 19 năm sau, Loong quyết
định vào Cambridge thay vì Trinity College,
mà Isaac Newton đã xác định như
một ngôi trường hàng đầu về
toán học. Những trợ giảng giỏi ở
Trinity đã giúp nó trở thành
sinh viên đỗ cao nhất trong môn toán
chỉ trong vòng hai năm thay vì ba năm
như thường lệ.

Hình chụp về
buổi lễ tốt nghiệp ấy mà tôi
trân trọng gìn giữ nhất là bức hình chụp Billy Thatcher đứng
giữa tôi và Choo. Tôi đã không làm ông ấy thất vọng, và
“cô bạn” của tôi cũng vậy.
Thatcher đã để lại một ấn

trọng sâu đậm nơi tôi. Ông
là một người hiểu biết, ân
cần, luôn dành nhiều thời gian cho các
sinh viên của mình. Một ngày nọ,
khi tôi đang dùng trà với ông
trong phòng, ông chỉ những công nhân
cầu đường đang đào xới
trên đường Trumpington, và nói
rằng trong ba giờ làm việc lúc này
họ đã nghỉ hai lần để uống
trà. Trước và trong chiến tranh thì
họ khác. Bây giờ họ không thích
làm việc hết mình, và như thế
đất nước sẽ không tiến lên
được. Tôi nghĩ ông là một
ông già phản động, nhưng ông

dạy môn kinh tế mà, và nhiều
năm sau tôi kết luận rằng ông biết
điều gì tạo ra sự phát triển.

Vào dịp khác, ông nói với tôi:

“Anh là người Hoa. Người Hoa các

anh có một nền văn minh lâu đời

từ vài nghìn năm để nâng đỡ

các anh. Đó là một lợi thế

lớn.” Ngay trước khi chúng tôi

rời Cambridge vào tháng 6/1949, ông mời

tôi và Choo dùng cà phê buổi

sáng lần cuối cùng. Ông vỗ nhẹ

tay Choo, nhìn tôi và nói: “Anh ấy

quá thiếu kiên nhẫn. Đừng để

anh ấy lâm vào cảnh gấp gáp như

thế.” Ông đã hiểu tâm tính

tôi khá rõ, nhưng ông cũng biết

là tôi có một mục đích

nghiêm túc trong cuộc sống và kiên

quyết đạt cho bằng được nó.

Nhận được bằng tốt nghiệp, chúng tôi thực

hiện một kỳ nghỉ 10 ngày, lần

này chúng tôi du lịch khắp nước

Anh và Scotland trên một toa xe lửa. Nhưng

chúng tôi chưa hoàn tất việc

ngiên cứu ngành luật của mình.

Để hành nghề ở Singapore, chỉ một

bằng cấp ở đại học Cambridge không

thôi là chưa đủ. Chúng tôi

phải làm mọi cách để đủ

tiêu chuẩn là một cố vấn pháp

luật hay một luật sư ở Anh. Vì

vậy chúng tôi gia nhập vào Middle

*Temple, là một trong bốn Cơ sở Pháp
đình (Inn of Court) có đặc quyền
dạy và sát hạch sinh viên trước
khi thu nhận vào Luật sư đoàn.*

*Khi chúng tôi du lịch về, chúng tôi
thử sống ở London và thuê ngay một
căn phòng không xa chỗ trọ cũ của
tôi trên đại lộ Fitzjohn. Nhưng về
phần Choo, việc nội trợ và việc
học khó có thể dung hòa nhau, nên
chúng tôi quyết định bỏ những
bài giảng ở Inn of Court và lưu lại
ở Tintagel tại Cornwall để tự nghiên
cứu và chuẩn bị cho kỳ thi ra nghề
luật sư.*

*Chúng tôi đã có vài kỳ nghỉ tại đó,
trong một trang trại xưa do bà Mellor cai*

quản với sự giúp đỡ của ba
người con trai. Bà ta cho chúng tôi ăn
ngon, và là một người biết điều
và tử tế. Chúng tôi chiếm toàn
bộ căn nhà trừ mùa hè khi có
thêm vài người khách. Chúng tôi
đi dạo thật lâu dọc theo những con
đường làng và được
hưởng những cơn gió Tây Nam ấm
áp và ẩm ướt. Việc tiêu
khiển duy nhất của chúng tôi là
nghe đài BBC bằng chiếc radio Pye tôi
mua ở Cambridge. Nó cho chúng tôi nhiều
giờ thư giãn và vui vẻ. Để
tập thể dục và giải trí, tôi
bắt đầu chơi gôn, phần lớn

thời gian là chơi một mình, trên

một cái sân chín lỗ tại Khách sạn King Arthur's Castle lúc nào

cũng vắng trừ mùa nghỉ

lễ. Sân có nhiều gò đồi và

lộng gió, và sôi động vì

một kẻ ngớ ngẩn như tôi. Nó

giúp tôi giữ sức khoẻ. Choo và

tôi tốn nhiều thời gian để tìm

mấy trái banh gôn bị lạc của

tôi, thường thì tìm được

những trái khác tốt hơn nhiều.

Choo cũng thường đi hái nấm hoang,

và bà Mellor sẽ nấu cho chúng tôi.

Chúng thật ngon.

Chán nhất là những bữa ăn mà chúng tôi buộc

phải ăn ở Middle Temple. Để được

trở thành luật sư, chúng tôi

phải “ăn bữa ăn của mình”

trong ký túc xá ba lần trong một học

kỳ, như một bắt buộc đối với

mọi sinh viên. Điều đó có

nghĩa là một cuộc hành trình

bằng xe lửa dài bảy giờ đến

nhà ga Paddington. Nhưng đó là một

cơ hội để gặp những người

bạn Malaya và Singapore ở Malaya Hall tại

quảng trường Bryanston. Chúng tôi say

sưa nói về cách thức mà những

sinh viên ở London đến từ tất cả

các vùng thuộc địa đang thực

hành, về cuộc đấu tranh giành tự

do sắp đến của chúng tôi.

Vài người bạn tôi từ Đại học Raffles rất

năng động về chính trị. Trong số

đó có Goh Keng Swee, trợ giảng trước
đây của tôi về môn kinh tế,
người đang lấy bằng đầu tiên
BSc tại LSE, và Toh Chin Chye, người đang
học lấy bằng BSc ngành sinh lý học
ở London University. Họ và vài người
nữa lập thành một nhóm gọi là
tổ chức Malayan Forum (Diễn đàn
Malaya), mục tiêu của nó là gây
ý thức chính trị và đấu
tranh cho nền độc lập của Malaya, bao
gồm cả Singapore. Những thành viên của
nó thuộc mọi chủng tộc – Malay,
Trung Quốc, Ấn Độ, những người
Á lai Âu – và nó trung lập,
không theo cánh tả mà cũng không

ngã về cánh hữu. Nó chống chủ
nghĩa thực dân, nhưng theo đường
lối bất bạo động để tách
bạch với Đảng Cộng sản Malaya
(MCP), đảng đã phát động
cuộc khởi nghĩa vũ trang chống lại
người Anh ở Malaya vào tháng 6/1948.

Các thành viên của nó tổ chức
những cuộc họp, đôi khi có sự
tham gia của các chính khách Anh –
những viên chức cấp thấp trong chính
phủ của đảng Lao động như
Woodrow Wyatt hoặc các dân biểu thuộc
đảng Tự do và Bảo thủ – như
những diễn giả được mời. Ấn
Độ và Pakistan đã giành được

độc lập hồi tháng 8/1947, Miến

Điện và Sri Lanka năm 1948. Con đập

của chủ nghĩa đế quốc đã

bị chọc thủng, đế quốc Anh đang

rút lui, và hầu hết chúng tôi

đều tin chắc rằng chúng tôi, rồi

cũng sẽ giành được độc

lập cho mình. Chúng tôi có cảm

giác rằng dân tộc Anh và những

người lãnh đạo của họ đã

mất đi ý chí muốn đè nén

những người dân thuộc địa của

họ.

Sau khi nói chuyện chán chê, chúng tôi kéo đi khắp

các quán rượu từ Malaya Hall đến

Marble Arch và dọc theo đường Edgware.

Bia là thứ “rượu bia đẳng”

của Anh, nặng và dở tệ. Thậm chí
nhiều năm sau tôi cũng không bao giờ
ưa được nó. Nhưng lúc đó
bọn sinh viên tút thiếu chúng tôi
không thể có đủ khả năng để
uống thứ khác: loại bia nhẹ thì
quá đắt, whisky thì giá trên
trời. Ngập trong bia, chúng tôi nói
về những việc lớn lao mình sẽ
làm khi về nước. Sau này, tôi
khám phá rằng rất ít người
vẫn còn theo đuổi cuộc đấu
tranh. Nhiều bà vợ phản đối việc
ông chồng họ liêu sự nghiệp của
mình vào việc chống đối chính
quyền thuộc địa Anh, và bản thân

nhieu người, khi đói mặt với
thực tế lạnh lùng và những sự
lựa chọn gian khó, đã mất hết
nhuệ khí chiến đấu. Trong khi vẫn
còn những người khác dấn thân
vào cuộc chiến. Ở một thái cực
là những kẻ xu thời chính trị, những kẻ trí thức
hưởng nền giáo dục Anh. Ở thái cực kia là những người cộng sản và
mặt trận liên hiệp của họ được
tổ chức tốt và hiển nhiên nhận
được sự ủng hộ từ mọi
lực lượng then chốt của xã hội,
từ trường học đến các nghiệp
đoàn báo chí và Phòng Thương
mại của người Hoa.

Tôi quyết định trước khi rời nước Anh, là phải
tiếp xúc với Lim Hong Bee, đại diện

không chính thức của MCP ở London. Lim

là người được hưởng học

bổng Nữ hoàng hồi năm 1934 nhưng

không chú tâm đến việc học

và đã theo đuổi lý tưởng

cộng sản. Ông ta không hề đậu

các kỳ thi vào Luật sư đoàn

và cũng không nhận được bằng

đại học Cambridge. Ông ta ở lại

London để in một loại tờ bướm

thân—MCP được gọi là Malayan Monitor. Nó là thứ tài liệu tuyên truyền

thô thiển, nhưng ông ta là một

con người cương quyết. Tôi điện

thoại yêu cầu được gặp, và

ông ta chuẩn bị gặp tôi bên ngoài

văn phòng tờ báo Daily Worker, cơ

quan ngôn luận của Đảng Cộng sản
Anh, gần đường Fleet Street. Tôi đưa
Choo theo, cô biết ông ta vì đó
là một người bạn của anh trai cô.

Ông ta là một con người kỳ lạ. Thay
vì đi thẳng đến chỗ chúng
tôi có thể nói chuyện, ông ta
lại dẫn chúng tôi đi vòng qua
những con phố chật hẹp, rẽ ngoặt
và trở ngược lại nhiều lần
không cần thiết trước khi dừng lại
ở một tiệm ăn kiêm quán rượu
của dân lao động, trông đầy
nét vô sản. Ông ta sống trong một
thế giới đầy những âm mưu tự
tạo. Sau những câu xã giao thông
thường, tôi hỏi thẳng ông ta tại

sao tất cả những người cộng sản
lại bất đồng với những công
nhân theo chủ nghĩa dân chủ xã
hội trong mặt trận liên hiệp của
họ, và dẫn ra những chuyện ở
Tiệp Khắc và Hungary. Ông ta kịch liệt
phủ nhận chuyện này. Ông ta nói
những người dân chủ xã hội
trong các quốc gia này đã tin chắc lý
tưởng cộng sản là ưu việt
nên họ đã gia nhập vào. Ông
ta hoàn toàn không sát thực tế
và sống trong một thế giới mơ
tưởng của chính ông ta mà trong
đó ông ta là một nhà cách
mạng vĩ đại. Khi chia tay, tôi tin chắc
rằng MPC hoặc không xem London như một

tiền đồn quan trọng hoặc không có

chút ý niệm về những gì Lim

Hong Bee đang làm ở đó như

một đại diện không chính thức

của họ.

Tháng 2/1950, trong khi tôi vẫn ở Tintagel, David Widdicombe, một

trong những người bạn ở Cambridge của

tôi, với tư cách là ứng cử

viên Đảng Lao động ở vùng

nông thôn Totnes tại Devon, cách đây

một giờ rưỡi đi xe lửa. Ông

ta cần một tài xế cho chiếc xe tải

của mình và một phụ tá chung.

Choo và tôi bỏ ra nửa tháng để

giúp ông ta cho đến đêm diễn

ra bầu cử. Cả hai chúng tôi đều

được xếp chung với những người
ủng hộ Đảng Lao động. Tôi với
một tài công xe lửa, còn Choo thì
với người vợ trẻ và lũ con
của một người đang thực tập
luật sư.

Tôi học cách tham gia chiến dịch và đọc vài
bài diễn văn trong các phòng khánh
tiết của nhà thờ và trường
học. Khán giả chỉ vài chục
người, cao lắm thì độ trăm
rưỡi. Tôi chọn một đề tài
căn bản rồi phân tích, lý giải,
diễn dịch khác đi chút đỉnh
qua mỗi cuộc diễn thuyết. Luận điểm
chủ yếu là nước Anh mỗi năm
thu được nhiều đôla từ Malaya

hơn là từ kế hoạch Marshall của
Mỹ, vì Malaya sản xuất một nửa
sản lượng cao su và một phần ba
sản lượng thiếc của thế giới.
Nếu Anh mất Malaya, thì sẽ phải cắt
giảm mạnh việc nhập khẩu lương
thực và nguyên liệu, số người
thất nghiệp và giá sinh hoạt sẽ
tăng vọt.

Giữa đảng Bảo thủ và đảng Lao động,
người dân thuộc địa không khó
khăn gì cũng nhìn ra ai là tốt
hơn. Đảng Lao động có một
chính sách thuộc địa. Lịch sử
của nó từ năm 1945 là rất ấn
tượng. Các cuộc cải cách chơ
đội từ lâu đã được

tiến hành. Nhưng với Đảng Bảo

thủ, các thuộc địa chỉ là

những khu vực đầu tư béo bở.

Một chính phủ Bảo thủ quyết tâm

đàn áp phong trào dân tộc của

các thuộc địa để bảo vệ

để quốc sẽ chỉ gây ra bất ổn

định. Rồi MCP sẽ trở nên đủ

mạnh để đuổi người Anh ra khỏi

Malaya.

Cử tọa ở

Devon ngạc nhiên khi thấy một diễn giả

người Hoa vận động cho một ứng

cử viên Đảng Lao động Anh. Đó

là một lý tưởng vô vọng,

nhưng là cách thức mà đảng

làm để các ứng cử viên trẻ tuổi thu được kinh nghiệm. Vào

ngày 23/2/1950, kết quả cuộc bầu cử được công bố ở

Tòa thị sảnh. David Widdicombe bị thất

bại thảm hại. Nhưng ông ta đã

đọc một bài diễn văn dũng

cảm, và đối thủ thắng cử

thuộc đảng Bảo thủ thì phóng

khoảng, khích lệ ông ta lao vào một

trận chiến khác ở một khu vực

bầu cử khác. Đó là một

kinh nghiệm bổ ích về chính trị

ở cấp độ bầu cử khu vực.

Một hai tháng sau, tôi nhận được một lá

thư của viên chỉ huy nha cảnh sát

Singapore, R.E. Foulger, hiện đang nghỉ phép

ở quê nhà. Ông ta có quen cha mẹ

tôi, biết tôi đang ở Cornwall, và

mời Choo và tôi đến nhà ông

ta ở Thurlstone tại Devon. Chúng tôi ở
lại đó ba ngày. Ông ta muốn đánh
giá tôi, và tôi cũng quan tâm
đến việc tạo ra mối quan hệ và
xem một ông sếp cảnh sát thuộc
địa Anh trước chiến tranh ra sao. Chúng
tôi chơi gôn. Môn này tôi vẫn
chơi dở, nhưng đó là một đợt
nghỉ cuối tuần hữu ích. Tôi biết
mình đã lười cuốn sự chú ý
của Cục đặc vụ Singapore và có
thể đã nằm trong danh sách cần
theo dõi của họ. Tôi đã có
nhiều bài phát biểu chống Anh, chống
chế độ thuộc địa tại Malaya
Hall. Họ biết tôi chẳng phải người

*học hành lơ đãng. Tôi nghĩ
hay nhất là họ cũng hiểu rằng tôi
hoạt động công khai, hợp hiến, rằng tôi không có
liên hệ hay cảm tình với phía
cộng sản. Bởi vì chúng tôi sẽ
sớm trở về Singapore thôi.*

*Tháng 5/1950, chúng tôi trở về London chuẩn bị cho kỳ
sát hạch vào Luật sư đoàn.
Chúng tôi gặp phải một đám
cố động viên bóng đá vào
cuối tuần ấy, và họ đập cửa
cái khách sạn nơi chúng tôi lưu
trú, khiến chúng tôi không tập
trung học tập được. Nhưng chuyện
đó cũng chẳng làm thay đổi
tình hình gì mấy: chúng tôi
sẽ phải trả giá cho việc rời*

*London và không dự giờ giảng của
những người sẽ làm giám khảo
tại những môn thi chính. Họ đặt
những câu hỏi về những vụ xử
họ vừa giảng dạy. Không ai đạt
được Loại I. Tôi đạt Loại
II và đứng ở vị trí thứ 3.*

*Choo đạt Loại III. Nhưng mọi chuyện
đều ổn, Ngày 21/6/1950, đội tóc
giả và khoác áo thụng theo đúng
nghị thức, cả hai chúng tôi được
mời đến phòng khánh tiết của
Middle Temple và chính thức được
nhận vào Luật sư đoàn. Cuộc
sống sắp bước vào giai đoạn
mới.*

Tôi sung sướng với viễn tượng được trở

về nhà, nhưng vẫn nhìn lại bốn
năm ở Anh với sự thỏa mãn và
ít nhiều hài lòng. Tôi đã
nhìn thấy một nước Anh đậm
dấu ấn chiến tranh, nhưng dân tộc
này không thất chí vì những
thất bại mà họ phải chịu đựng,
mà cũng không kiêu ngạo vì chiến
thắng đã giành được. Mỗi
nơi trúng bom trong nội ô London đều
được thu xếp chu đáo, gạch đá
xếp sang một bên, và thường có
những bụi cây hay khóm hoa được
trồng lên để bớt vẻ điêu
tàn. Đó là một phần của
lòng tự
hào lặng lẽ và tinh thần kỷ

luật của họ.

Sự lịch thiệp của họ đối với nhau và đối
với người nước ngoài thật
đáng chú ý. Ấn tượng nhất
là thói quen ân cần của dân lái
xe hơi: khi bạn vẫy tay mời một xe bên
phía ưu tiên để họ qua trước,
thì họ sẽ vẫy lại để cảm
ơn bạn. Đó là một xã hội
rất văn minh. Và tôi cảm thấy ít
nhiều nhớ nhung Cambridge, nơi tôi đã
học hành bên cạnh một thế hệ
bất thường gồm những người
trở về từ chiến tranh, có kẻ ở
độ tuổi 20, có người 30, đã
có gia đình và con cái. Họ là
những người nghiêm túc từng chứng

kiến cảnh chết chóc và hủy
hoại. Một số đã từng trải
qua bao thảm cảnh. Một sinh viên ở
Fitzwilliam bị phỏng nặng vì máy bay
bị bắn rơi nên trông rất kinh
người tuy rằng đã qua nhiều lần
giải phẫu thẩm mỹ. Nhưng anh ta khắc
phục những thiệt thòi của mình.
Anh ta biết khuôn mặt biến dạng của
mình khiến người khác kinh hãi
và bối rối nếu họ gặp anh lần
đầu. Nên anh khởi sự sinh hoạt
bình thường, tỏ ra tự tin và
không thương thân. Không khuất
phục, anh đã sống một đời
xứng đáng.

Đó không phải là một Cambridge của những người

trẻ tuổi muốn hưởng thụ và
gây ấn tượng cho người khác
bằng những cung cách hoa mỹ của họ.
Phải, cũng có một số như vậy,
mới hoàn tất nghĩa vụ quân sự
trong những năm thời bình hay được
hoãn dịch, nhưng đó chỉ là
thiểu số và không trở thành lực
lượng chủ đạo. Chính những
sinh viên cựu chiến binh, một số còn
mang cả chứng tích chiến tranh trên
thân thể, mới là những người
khiến Cambridge trở thành một nơi học
tập và đối phó với những
hậu quả chiến tranh. Tôi thấy được
vinh hạnh đi cùng thế hệ những

người Anh đó.

Dĩ nhiên cũng có những trục trặc, đụng chạm,
chủ yếu là với những người
phải phục vụ tôi – những người
đàn ông hay phụ nữ Anh có lẽ
không thích phải phục vụ một
sinh viên châu Á lồi thối và
nghèo túng. Nhưng nếu có một số
bà chủ trọ đặc biệt hà
tiện và khó tính, thì cũng có
những người đáng quý như bà
Mellor ở Tintagel và bà Jackson, người
quản lý Viện Trung Quốc ở London,
người mà tôi sẽ nhớ nhất
trong những năm ở Anh của tôi. Viện
Trung Quốc ở quảng trường Gordon do
chính quyền Anh thành lập bằng tiền

chiến phí mà Trung Quốc phải bồi
thường cho những thiệt hại nhân
mạng và tài sản của người
Anh sau cuộc Khởi nghĩa Nghĩa Hòa Đoàn
năm 1900. Viện đón nhận mọi sinh
viên người Hoa, và tôi thấy đó
là một thiên đường bình yên
tuyệt vời và thuận tiện nhất, mà
lại gần trung tâm London nữa.

Bà Jackson thân thiện với mọi sinh viên. Nhưng ngay từ
buổi đầu, bà đã đặc
biệt có cảm tình với tôi. Trong
những kỳ nghỉ của tôi, khi tôi
đổi địa chỉ từ London chuyển
tiếp tới Cambridge thành từ London chuyển
tiếp tới Tintagel, thì số 16 quảng
trường Gordon trở thành hộp thư

của tôi. Đây cũng là nơi
chúng tôi ký gửi các túi đồ
đạc hay sách vở. Choo và tôi
thường tới đó vì chúng tôi
không có chỗ ở tại London, và
tại Viện Trung Quốc chúng tôi có
thể rửa sạch lớp bụi bặm thoát
ra từ các lò than đầy thủ đồ
này, bằng nước nóng, xà bông
với một bồn rửa sạch sẽ mà
hoàn toàn miễn phí. Chúng tôi
chỉ cần mang theo khăn riêng. Và vì
ở đây không tốn tiền thuê,
nên bà Jackson có thể dọn những
bữa tiệc trà rất chất lượng
mà chỉ tính giá một si-linh.

Còn những chuyện lật vặt? Không một ai vốn

không phải sinh viên nước ngoài
du học tại Anh trong những năm thiếu
thốn đói kém sau chiến tranh ấy, lại có thể
tưởng tượng ra cuộc sống trong một căn phòng trọ chật hẹp
lại khó khăn và bất tiện đến
mức nào đối với chúng tôi.
Bà chủ trọ chỉ cung cấp bữa
sáng, sau đó Choo và tôi phải
ra ngoài để bà ta lau phòng. Chúng
tôi có thể tới thư viện để
học, và dùng bữa trưa cũng như
bữa tối tại nhà hàng. Một nơi
sạch sẽ và yên tĩnh để nghỉ
ngơi và rửa ráy thì quả là
quá sang trọng, nhất là khi nó lại
miễn phí nữa.

Khi tôi sang London năm 1956 để thảo luận về tương

lai của Singapore, tôi đã trở lại
quảng trường Gordon để thăm bà
Jackson. Cả bà lẫn tôi đều vui
khi gặp lại nhau. Nhưng quan hệ của tôi
với Viện Trung Quốc hồi đó lại
đem tới một phản ứng chính trị
bất ngờ. Nhiều năm sau, tôi khám
phá ra những hồ sơ lưu trữ của
Cục đặc vụ Singapore ghi nhận rằng
tôi và Choo thường tới Viện đó
để liên hệ với những phần tử
thân cộng đến từ Trung Quốc, nơi
mà Mao Trạch Đông đã chiến
thắng và thành lập nước Cộng
hòa Nhân dân Trung Hoa vào ngày
1/10/1949. Một báo cáo khác còn nói

rằng Choo là loại khuyển tả cấp tiến

còn hơn cả tôi nữa. Niềm tin của

tôi vào các báo cáo của Cục

đặc vụ đã lung lay dữ dội.

Trong những năm sinh viên, tôi đã tích cực quan

hệ với các lãnh tụ chính trị

của đảng Lao động, nhất là

những người có thể giúp đỡ

dân thuộc địa như tôi vốn

mong sớm chấm dứt chế độ thuộc

địa và có một Malaya độc

lập bao gồm cả Singapore. Đảng Lao động

nhật tình với nền độc lập

của các thuộc địa hơn là

đảng Bảo thủ vốn vẫn tiếp

tục nói về “Hoàng gia và đế

quốc” trong các buổi họp mà tôi

*có tham dự. Tôi cũng muốn mở rộng
quan hệ với các sinh viên Anh có khả
năng đóng vai trò nào đó
trong tương lai ở các chính đảng
lớn, một mạng lưới bạn bè
như vậy sẽ rất hữu dụng khi tôi
đổi đầu với các giới chức
thuộc địa tại Malaya và Singapore. Do đó, tôi đã
rất quan tâm nghiên cứu hệ
thống chính trị của họ.*

*Chế độ dân chủ đại nghị của họ có vẻ
rất hữu hiệu. Một cuộc cách mạng
lớn lao – về kinh tế, xã hội và
chính trị – đã diễn ra một
cách hòa bình ngay trước mắt
tôi. Cử tri đã loại bỏ Winston
Churchill và đảng Bảo thủ vào*

tháng 5/1945, tuy rằng ông ta đã đem
chiến thắng về cho nước Anh. Họ đã
đưa Clement Attlee và đảng Lao động
lên nắm quyền do lời hứa sẽ đem
lại những thay đổi sâu xa nhất
trong lịch sử Anh. Chính phủ Attlee đã
tiến hành những chương trình nhằm
tạo ra một nhà nước phúc lợi
có khả năng chăm lo cho mọi người
Anh thuộc mọi giai cấp từ lúc lọt
lòng đến khi qua đời. Vậy mà
không hề có chống đối bạo
động gì từ phía các phe đối
lập, không hề có đổ máu
trên đường phố. Chỉ có những
lời lẽ gay gắt từ các dân biểu

Bảo thủ trong nghị viện và các
đơn vị bầu cử đòi hỏi
sự chùng mực và hợp lý đối
với câu hỏi về những điều có
thể cung ứng được cho dân chúng.
Tôi cực kỳ bị ấn tượng về
chuyện này.

Ngay sau khi Luật chăm sóc y tế quốc gia được thông
qua năm 1948, tôi đi tới một bác
sĩ nhãn khoa trên đường Regent,
Cambridge, để nhận đôi kính mắt.
Tôi dự trù sẽ phải trả năm
hay sáu bảng gì đó. Tại quầy,
ông bác sĩ hãnh diện nói với
tôi rằng tôi không phải trả
tiền, mà chỉ cần ký vào một tờ hồ
sơ.

Tôi hài lòng và nghĩ rằng một xã hội
văn minh là phải như thế này. Vài
tháng sau, một chuyện tương tự lại
xảy ra tại phòng nha sĩ. Lần này tôi cũng chỉ phải ký
vào một tờ mẫu đơn. Còn ông
bác sĩ ở đại học thậm chí
chẳng yêu cầu tôi ký tên gì
cả vì tôi đã được ghi
tên vào sổ bệnh nhân của ông
ta. Một lần nữa tôi bị ấn tượng
sâu sắc với chế độ này.

Nhưng báo chí tường thuật rằng
nhiều người Pháp và từ các
nước châu Âu khác đã qua
Anh để được chữa răng miễn
phí. Tôi nghĩ chuyện này đã
đi quá xa, nhưng hồi đó thì

*nước Pháp rất nghèo túng. Tôi
rất thán phục người Anh vì những
biến đổi mà họ đã tạo
được.*

*Điều khiến tôi tâm đắc nhất là sự công
bằng của chế độ chính trị
này. Chính quyền đang xây dựng
một xã hội có thể đưa mọi
người – giàu hay nghèo; thượng,
trung hay hạ lưu – tới cùng một
mức sống chấp nhận được. Và
họ đã đạt được điều
này tuy rằng nhiều món còn thiếu
thốn. Việc phân phối các suất
thực phẩm và quần áo, có từ
hồi chiến tranh, vẫn được tiếp
tục cho đến khi chính quyền Bảo*

thủ hủy bỏ chế độ đó
vào giữa thập niên 1950. Chế độ
này vẫn còn được áp dụng
cho những mặt hàng như trà, đường,
kẹo, sôcôla, bơ, thịt, thịt muối
và trứng. Những y phục đa dụng
với giá phải chăng vẫn có bán
nhưng cần phải có tem phiếu.

Tôi còn quá trẻ, quá lý tưởng để nhận
ra rằng chi phí chính phủ phải chịu
là rất lớn; tệ hơn nữa, dưới
chế độ cào bằng này, mỗi
cá nhân sẽ quan tâm nhiều đến
việc thu tóm được gì từ
công sản hơn là cố gắng cải
thiện cuộc sống của chính mình,
mà sự cố gắng ấy chính là

động lực tiến bộ trong suốt quá
trình tiến hóa của loài người.
Nhận thức này phải chờ đến
thập niên 1960, khi tôi nắm chính
quyền của một Singapore nhỏ bé và
nghèo hơn Anh rất nhiều, và nó
phải đối phó với yêu cầu
phải tạo ra lợi tức và của cải
trước khi tôi có thể nghĩ, hay bàn
tới, việc phân phối chúng ra sao.

Còn lúc này, tôi biết được, qua thư từ và
những mẩu tin trên báo chí Anh, rằng
rối loạn đang âm ỉ ở quê
nhà. MCP đang áp ủ những bất an
trong giới lao động và những căng
thẳng trong xã hội. Đã có những
cuộc đình công và kích động

chính trị. Vào tháng 6/1948, phía
cộng sản bắt đầu bắn giết
các chủ đồn điền cao su người
Anh ở Malaya. Các du kích đã lui vào
rừng và chính quyền thuộc địa
đã tuyên bố tình trạng khẩn
cấp. Trong đấu trường nghị viện
công khai, ngược lại, không có
lực lượng chính trị nào ngoài
những lãnh tụ Anh học yếu ớt và
quá nôn nóng không thể làm an
tâm các nhà cai trị người Anh.
Tôi cảm thấy rõ ràng rằng khi
thế hệ chúng tôi trở về, chúng
tôi phải chiếm lĩnh đấu trường
ấy. Tôi gia nhập Câu lạc bộ Xã

*hội ở Đại học Cambridge và thường
xuyên tham dự những buổi mít-tinh,
nhất là khi có các Bộ trưởng
thuộc phe Lao động tới vào những
đêm thứ Sáu để nói chuyện
về các chương trình họ đang
đề nghị quốc hội thông qua.*

Đó là một thời kỳ sôi động và thay đổi.

*Đó là chủ nghĩa xã hội dân
chủ trong thực tiễn. Và nó rất
văn minh. Có một lần, các bác
sĩ đe dọa đình công, nhưng
tinh thần danh dự và truyền thống của
họ, cùng các nghĩa vụ và tập
quán của trật tự hiến định
đã ngăn họ lại. Aneurin Bevan, Bộ
trưởng Y tế đã vận động*

thông qua được dự luật Chăm
sóc y tế quốc gia sau khi chẳng làm
gì nghiêm trọng hơn việc gọi đảng
Bảo thủ là “tệ hơn cả ký
sinh trùng”. Đảng Lao động cũng
xây thêm nhiều chung cư cho thuê với
giá thấp được nhà nước
bao cấp. Họ đã mở rộng các
diện phúc lợi để bảo đảm
một “lưới an toàn” cho mọi
gia đình kiếm không đủ tiền
cho các nhu cầu tối thiểu (những nhu
cầu tối thiểu này, với tôi, có
vẻ quá sang trọng so với tình trạng của chúng tôi ở
Singapore ngay cả trước thời kỳ Nhật
chiếm đóng). Đó là một bài

học đáng nhớ về việc tiến

hành thực thi công bằng xã hội.

Thế hệ các sinh viên Singapore và Malaya chúng tôi tại

Anh sau Thế chiến thứ 2 hoàn toàn say

mê tính công bằng và hợp lý

trong chương trình của đảng Lao

động. Chúng tôi thán phục chế

độ chính trị trưởng thành

của Anh, trong đó truyền thống tôn

trọng hiến pháp và dung hòa đã

cho phép những chuyển giao căn bản về

quyền lực và của cải được

diễn ra một cách hòa bình. Chúng

tôi so sánh những gì thấy tại

Anh với những gì ở Singapore và

Malaya, với phần lớn dân chúng thất

học và báo chí kém cỏi đã

bỏ quên mọi vấn đề căn bản
và chỉ biết đưa tin về những
chuyến đến hay đi của các nhân
vật quan trọng mà phần lớn là
các ông chủ người da trắng và
những người bản xứ theo đuôi
họ. Tình hình trông lạc hậu và
không chút hứa hẹn.

Trong bối cảnh đó, tôi và Choo về nước
trên Willem Ruys, một chiếc tàu Hà
Lan. Đó là chiếc tàu tốt nhất
chạy tuyến Southampton–Singapore – mới,
có điều hòa không khí, món
ăn Indonesia và Hà Lan hảo hạng và
phục vụ tuyệt vời với các hầu
bàn người Java mặc y phục cổ
truyền. Chúng tôi đi hạng nhất

trong hai buồng sát nhau và hưởng một
thời gian tuyệt vời, ngoại trừ lúc
tôi bị say sóng ở vịnh Biscay và
biển Ả Rập, chỉ ăn được
thịt và bánh mì lát khô. Dù
sao, đó vẫn là chuyến đi đáng
nhớ.

Lúc này, tôi đã quan tâm sâu sắc đến
chính trị và chống chế độ
thuộc địa, nên đã bực bội
trước sự hiện diện của một
số hành khách ở khoang hạng nhất,
họ là một số người Indonesia lai
Âu cứ xum xoe quanh viên thuyền trưởng
và các sỹ quan Hà Lan. Ngược
lại, chúng tôi rất ấn tượng
trước phong thái của ông bà

Mohammad Razif, một đôi vợ chồng người
Indonesia trung niên luôn giữ khoảng cách
với viên thuyền trưởng. Chúng tôi
làm quen với họ và biết ra Razif là một
người Sumatra có tinh thần dân tộc – sau này ông ta là đại
sứ Indonesia tại Kuala Lumpur. Ông khiến tôi
phục hồi niềm tin vào niềm tự
hào của một người dân thuộc
địa, và tôi rất kính nể
ông. Nhưng phải khá lâu sau tôi
mới nhận ra rằng một quốc gia muốn
thay đổi thì cần đến nhiều
thứ hơn là chỉ một ít người
có đạo đức và năng lực.
Mỗi dân tộc phải biết tự trọng
và có ý chí nỗ lực xây

dựng đất nước mình. Nhiệm vụ
của người lãnh đạo phải là
tạo nên một khung sườn để
trong đó người dân có thể
học hành, làm việc, đạt hiệu
năng và được tưởng thưởng
xứng đáng. Và điều này
không dễ gì đạt được.

Chúng tôi tới Singapore ngày 1/8. Về đến quê nhà
thì thật tuyệt. Tôi biết mình
đang bước vào một giai đoạn
mới của cuộc đời, và tôi
nhớ đến những bất trắc của
nó. Tuy chúng tôi đi khoang hạng nhất,
nhưng nhân viên nhập cảnh, một ông
tên Fox đeo một cái cà vạt đom
dáng, lên tàu làm nhiệm vụ, đã

*muốn rằng tôi phải biết thân phận
mình. Ông để tôi và Choo phải
chờ đến cuối cùng. Ông ta nhìn
qua thông hành của tôi và Choo rồi
nói một cách mơ hồ: “Tôi
nghĩ rằng chúng tôi có nghe nhiều
về ông đấy, ông Lee.” Tôi
nhìn ông ta chăm chú và làm lơ
trước câu nói đó. Ông ta
định hù dọa, mà tôi thì
không để bị hù dọa đâu.*

*Sau này, tôi khám phá ra rằng điều họ ghi sổ
bìa đen cho tôi là chuyện họ
nghĩ tôi tham dự Đại hội thanh niên thế giới ở Budapest vào tháng
8/1949.*

*Trong mùa hè đó, Liên Xô giúp
Hungary tổ chức đại hội này và*

Liên minh sinh viên quốc tế ở London đã

mời nhiều nhóm ở Anh tới tham dự.

Một số sinh viên Malaya và Singapore đã

nhận lời vì xem đó là một

kỳ nghỉ rẻ tiền, chỉ phải tốn

tiền vé xe lửa cho chuyến về. Keng

Swee, Maurice Baker, em trai tôi là Dennis và

những sinh viên khác đã đi. Tuy

nhien, tại đó, Lim Hong Bee và một

đảng viên cộng sản nằm vùng

ở Singapore tên là John Eber đã thuyết

phục họ lập thành một nhóm tham

gia diễu hành với một biểu ngữ

đề hàng chữ “Malaya Chiến Đấu

Cho Tự Do”. Tình báo Anh biết được

chuyện này, và vì họ e rằng

một số trong đám thanh niên này
khi về nước có thể trở thành
kẻ gây rối, nên họ đã gửi
cho Cục đặc vụ Singapore danh sách những sinh
viên này, trong đó có "K.Y. Lee". Cục đặc vụ đã
tra vấn cha mẹ tôi, nhưng vì ông
bà chẳng biết gì cả, nên họ
không thể làm rõ được tình
hình. Kết quả là, giới thẩm
quyền không biết rằng người mà
họ nghi vấn ấy chính là em tôi,
Dennis hay D.K.Y. Lee, chứ không phải tôi
H.K.Y. Lee.

Nhưng còn có những báo cáo khác trong hồ sơ
của họ về tôi khiến tôi được
trở thành người khách cuối cùng
trên tàu Willem Ruys hoàn tất thủ tục

chiếu khán. Năm 1981, khi tôi kể lại
lịch sử đời mình vào máy
thu băng, một nhà nghiên cứu đã
cho tôi xem tài liệu về một buổi
họp ngày 28/6/1950 tại Dinh chính phủ,
trong đó Nigel Morris, Cục trưởng Cục
đặc vụ, đã đề nghị cho
câu lưu Choo và tôi ngay khi vừa từ
Anh về tới. Tuy nhiên, R.E. Foulger, viên chỉ
huy nha cảnh sát, người đã mời
tôi tới thăm ông ở Devon, đã
không đồng ý. Những chi tiết khác
còn cho thấy viên thống đốc, chỉ
huy trưởng quân đội và ủy
viên thư ký thuộc địa đã
ủng hộ ý kiến của Foulger, họ

cho rằng cả hai chúng tôi đều
xuất thân từ những gia đình vọng
tộc, phản ứng của công luận trước
việc bắt giữ chúng tôi sẽ rất
bất lợi. Thay vào đó, họ cho
rằng kết thân và thu hút chúng
tôi thì lợi hơn nhiều. Malcolm
MacDonald, Tổng ủy Anh ở Đông Nam Á,
“được đề nghị phụ trách
công việc này vì ông thường
mời các sinh viên đến dự dạ
tiệc”. Và thực sự, MacDonald đã
cho mời tôi và Choo vài tháng sau
khi chúng tôi về nước.

Trong khi ông Fox bắt tôi chờ trong khoang hạng nhất, tôi đã
ló đầu ra vẫy chào gia đình
– gồm cha mẹ tôi, Fred, Monica và

Susan – đang đứng trên bến với

một số bạn bè, trong đó có

Hon Sui Sen. Gia đình Choo cũng đang chờ

cô, nhưng khi lên bờ, chúng tôi

chia tay. Cô về với gia đình ở

phố Pasir Panjang. Tôi về đường

Oxley. Chúng tôi chia tay như bạn bè,

không hề tiết lộ bí mật về

đám cưới của chúng tôi tại

London.

6

CÔNG VIỆC, ĐÁM

CƯỚI VÀ CHÍNH TRỊ

Báo chí tường thuật chuyện chúng tôi trở về,
nêu bật thành công của tôi lần
của Choo trong học tập tại Cambridge. Việc quảng bá này giúp tôi
tìm
được việc làm. Trong một lần
đến Tòa án tối cao, tôi gặp
một luật sư sinh ra và lớn lên ở
đây, T.W. Ong. Ông ta hỏi tôi có
muốn tập sự tại công ty Laycock &
Ong của ông không. Tôi đồng ý,
và ông ta lập tức thu xếp cho tôi
gặp John Laycock, đồng sự đàn anh

của ông, vào ngày hôm sau.

Laycock quê ở

Yorkshire, tuổi độ 60 và đã chính

thức là luật sư tại Anh. Ông ta

đã hành nghề ở Singapore từ đầu

thập niên 1930 và đã lấy một

bà vợ người Hoa. Họ không có

con nên đã nhận mấy đứa con

nuôi người Hoa. Ông ta có một trí

tuệ sắc bén và tâm tính mạnh

mẽ, nhưng giọng nói của ông ta

lại nhỏ nhẹ so với tầm thân mập

mạp và cái đầu to như thế;

khuôn mặt ông có thể đỏ lên

khi giận dữ và ông sẽ trở nên

hầu như nói năng lộn xộn. Người

ông tràn đầy năng lực, tửu
lượng cao và lúc nào cũng đồ
mồ hôi và phải lau luôn tay với
một chiếc khăn lớn. Ông đề
nghị tôi làm tập sự với ông.
Điều này có nghĩa là tôi
sẽ ngồi trong văn phòng này của
ông với hai cái máy lạnh Philco cỡ
lớn cứ kêu rì rầm nhưng chạy
rất tốt. Ông ta sẽ trả tôi 500
đôla mỗi tháng cho đến khi tôi
được nhận vào Luật sư đoàn
Singapore, tức là trong một năm nữa vì tôi đã không
thực tập với các luật sư thực thụ hồi ở Anh.

Tôi bắt đầu công việc hầu như ngay lập tức.

Tôi may quần áo hợp khí hậu,

chọn thứ vải thoáng. Nhưng cũng
không ăn thua. Tôi cứ ra mồ hôi dử
dội, không thích nghi được với
cái nóng và ẩm, và mỗi lần
ra ngoài để lên tòa án, lúc
trở về là tôi ướt đẫm.

Và thật tai hại khi ướt mồ hôi
mà lại ở trong phòng máy lạnh
của Laycock, vì tôi bị cảm và
ho ngay. Sau này tôi hiểu ra điều đầu
tiên phải làm khi trở lại văn
phòng là phải rửa mặt bằng nước
lạnh, ngồi một lát cho ráo mồ
hôi và thay quần áo khô trước
khi vào văn phòng.

Sau khi có việc làm, việc kế tiếp của tôi là

gặp cha của Choo, ông Kwa Siew Tee. Ông ta cao, mạnh mẽ và là một con người

tự lập, tự học nghề kế toán

và ngân hàng qua những khóa hàm

thụ và đã đạt được

vị trí ngày hôm nay trong Oversea-Chinese Banking Corporation bằng chính sức lực của ông, chứ không phải nhờ quen biết

hay dùng tiền bạc để được

thăng chức. Tôi xin cưới con gái

ông và muốn biết khi nào có

thể tổ chức lễ cưới. Ông ta

lặng cả người. Ông chờ đợi

một cuộc viếng thăm theo lễ nghi thông

thường của cha mẹ tôi để bàn

vụ đó, nhưng đây lại là

một tên trai trẻ xác xược xuất
hiện đề tự định ngày, lại
cho việc chấp thuận là điều dĩ
nhiên. Tuy nhiên, ông không bức bối
với tôi nhiều như sau đó ông
làm với Choo. Chúng tôi đồng ý
một lễ đính hôn, rồi sau đó
là lễ cưới sẽ tổ chức vào
cuối tháng 9. Đọc được lời
công bố trên báo, Laycock đề nghị
nhận Choo tập sự và cũng trả cho
cô 500 đôla một tháng. Tôi báo
tin này với Choo và cô lập tức
nhận lời. Điều đó thật thuận
tiện. Chúng tôi có thể đi làm

cùng nhau và được gặp nhau hàng

ngày.

Vào ngày 30/9/1950, sau khi cưới nhau một cách bí mật gần ba năm, chúng tôi lại

trải qua nghi lễ lần thứ hai tại Văn

phòng Hôn nhân nằm trong trụ sở

Tòa án Tối cao. Hộ tịch viên,

ông Grosse, đến trễ 15 phút. Tôi

rất bức bối và cần nhắc ông

ta. Cuộc hẹn đã được xếp

đặt trước vậy mà ông ta vẫn

bắt chúng tôi chờ. Tối đó

cha mẹ chúng tôi tổ chức một bữa

tiệc chiêu đãi họ hàng và

bạn bè ở khách sạn Raffles. Tom

Silcock, giáo sư kinh tế tại trường

Đại học Singapore đã từng dạy

hai chúng tôi tại Đại học

Raffles, đề nghị nâng cốc chúc

mừng cô dâu. Ông ta không phải là

một diễn giả dí dỏm lôi cuốn,

nhưng rất trọng vọng Choo. Sau đó

Choo dọn về số 38 đường Oxley. Mẹ

tôi sắm sửa một số đồ dùng

mới cho chúng tôi, và chúng tôi

bắt đầu cuộc sống vợ chồng

chính thức của mình. Nhưng Choo gặp

khó khăn trong việc thích nghi với đời

sống gia đình nhà họ Lee, gồm

không chỉ bà nội tôi, ba mẹ, em

gái và ba đứa em trai tôi, mà

còn vài người bà con từ

Indonesia đang ở trọ nhà chúng tôi,

phụ thêm thu nhập cho mẹ tôi.

Tôi tham gia vào câu lạc bộ Singapore Island và tiếp

tục chơi gôn mà tôi đã tập

chơi hồi còn ở Tintagel và say mê

tập luyện đến độ một buổi

chiều ẩm ướt tôi vẫn lái xe

đưa Choo đến đó bất chấp

trời mưa. Đến đường Thomson,

chiếc Studebaker của tôi trượt đi,

quay ngược lại theo hình chữ U và

lăn xuống con dốc đầy cỏ mềm

mại. Tôi và Choo lộn nhào. Thật

may, cả hai không hề bị thương tích

gì cả. Nếu chúng tôi trượt

khỏi con đường ở phía trước
nữa một chút, chắc hẳn sẽ đâm
sầm vào một ống nước to thay vì
lăn xuống con dốc đất mềm này,
và mọi chuyện đã kết thúc.

Tôi rất bất an. Việc tìm hiểu chính trường

Singapore khiến tôi thất vọng, thậm chí còn bức bối nữa. Quyền
lực nằm

trong tay viên thống đốc, thư ký
thuộc địa và viên chương lý.

Tất cả họ sống trong khuôn viên

Tòa nhà Chính phủ. Viên thống

đốc sống trong tòa kiến trúc lớn

nhất, chính là Tòa nhà chính

phủ, viên thư ký thuộc địa

sống trong ngôi nhà biệt lập lớn

thứ nhì, còn viên chương lý
trong ngôi nhà lớn thứ ba, và viên
phụ tá thư ký và thư ký
riêng của thống sứ thì ở trong
hai ngôi nhà biệt lập khác. Điện
thoại liên lạc phục vụ năm ngôi
nhà này hoạt động 24 giờ một
ngày.

Đây thực sự
là trái tim của chính quyền. Có
một Hội đồng Lập pháp, nhưng
chỉ có 6 trong 25 thành viên của nó
là được bầu ở địa
phương. Còn lại là những viên
chức Anh và những người Anh được
bổ nhiệm, đứng đầu là thư

ký thuộc địa. Năm 1951, số thành
viên được bầu tăng lên đến
9, nhưng họ không có quyền quyết
định chính sách. Và cũng không
có uy tín gì với dân chúng –
số cử tri đi bầu Hội đồng lập
pháp và hội đồng thành phố
thì ít ỏi đến tội nghiệp.

Ông chủ của tôi, John Laycock, là linh hồn hoạt động trong
chính đảng lớn ở đây,
đảng Cấp tiến, nhưng lãnh tụ
trên danh nghĩa của nó lại là
một luật sư khác, ông C.C. Tan, một
người có dáng vẻ và giọng
nói yếu ớt. Những lãnh tụ của
đảng hầu hết là những sinh viên

từng học luật hoặc y tại Anh trong
những năm 1930 mới trở về xứ, luôn
kính nể những giá trị của Anh.

Họ giống như ông nội tôi –
xem mọi thứ của Anh đều là đỉnh
cao của sự hoàn mỹ. Họ không tin
vào chính mình, và càng ít
tin vào dân tộc họ.

Patrick O'Donovan, phóng viên Đông Nam Á của báo
London ra ngày chủ nhật, tờ *Observer* (*Người quan sát*), khi tôi còn
là sinh viên ở Anh, đã
mô tả thế hệ những sinh viên châu
Á du học và trở về trước
tôi như những kẻ không đủ khả
năng về tâm lý cũng như tình
cảm để đấu tranh vì tự do.

Điểm khởi đầu là họ không
thể tiếp quản ngay lập tức và
điều hành một quốc gia độc
lập, và cần phải có nhiều năm
kinh nghiệm trước khi họ có thể
làm việc đó. Tôi thấy họ
như không có khả năng lên tiếng
cho chính mình, nói chi đến việc
đứng lên chống lại người Anh.
Tình hình cũng thế đối với
người Ấn Độ từ Ấn, những
kẻ đã trở thành “những
lãnh tụ Singapore” nhờ vào quốc
tịch Anh của họ và nhờ khoảng
trống quyền lực do cuộc nổi dậy

của MCP gây ra. Người bản xứ duy
nhất có tầm vóc là Lim Yew Hock,
tổng thư ký của Liên đoàn
thư ký và nhân viên hành chính
Singapore.

Các chính khách này diễn thuyết thật uể
oải chẳng bao giờ đụng chạm gì
đến quyền lực của người Anh.

Họ tự hào quá mức mỗi khi có
phê phán gì đó về các

viên chức thuộc địa. Ông bạn

Kenny Byrne mô tả họ như những kẻ

“được nuôi dưỡng trong tình

thần nô lệ”. Kenny về quê trên

tàu *Willem Ruys* cùng tôi, ông ta làm việc trong ban thư ký

chính phủ, và chúng tôi có

thể bày tỏ tâm trạng thất vọng
của mình khi tôi đến thăm ông
trong khu cư xá chính phủ sau bữa tối.

Ông là một người Á lai Âu
cao, ăn nói từ tốn, đi đứng
chậm chạp và nhớ dai những lời
lăng mạ và khinh bỉ dành cho một
số nhân viên người Anh như ông
trong ngành dân chính.

Tôi cương quyết làm một cái gì đó
trước tình trạng thảm hại này,
và ước ao những người bạn
khác của tôi từ Anh trở về, đặc
biệt là Keng Swee và Chin Chye. Tôi cần sự đánh giá của họ để
trao đổi ý kiến và quyết định
một phương cách hành động.

Tôi cũng muốn tiếp xúc với John

Eber và Lim Kean Chye, những nhân vật cánh tả hàng đầu trong
Liên minh Dân

chủ Malaya (Malayan Democratic Union – MDU) trước khi nó bị
giải tán khi tình trạng

khẩn cấp được tuyên bố vào

tháng 6/1948. Một ngày tháng 11/1950,

chẳng hề báo trước, John Eber tới

gặp tôi tại đường Oxley. Tôi

hỏi ông ta chúng tôi có thể làm

gì trước tình hình chính trị

theo hiến pháp rất mong manh của Singapore.

Tại sao không thành lập một đảng

phái và làm một cái gì đó

thiết thực – chấm dứt trò ăn

nói vòng vo kiểu hiện nay và thách

thức quyền lực của chính quyền
thuộc địa? Ông ta không hứa hẹn
gì cả. Ông nói: “Đang có
tình trạng khẩn cấp. Chúng ta phải
hết sức cẩn thận.” Có lẽ
ông đã nghe Lim Hong Bee nói về cuộc
họp của chúng tôi ở London và
đánh giá tôi như một thành
viên mới có triển vọng.

Tháng 1/1951, báo chí tường thuật vụ bắt giữ
một nhóm người cộng sản có
giáo dục Anh. Trong đó có John Eber,
phó chủ tịch MDU, C.V. Devan Nair, thư ký của Liên đoàn giáo
chức
Singapore, và Abdul Samad bin Ismail, biên tập viên chính của tờ
báo bằng

tiếng Malaya, *Utusan Melayu*. Đây là lần đầu tiên quyền

câu lưu dựa trên các quy định

về tình trạng khẩn cấp được

sử dụng nhằm chống lại một nhóm

người có giáo dục Anh. Tôi đã

hy vọng làm cho John Eber và bạn bè

ông ta quan tâm tới việc thành lập

một chính đảng hợp hiến, nhưng

thay vào đó ông ta lại đánh

giá tôi có thể là một thành

viên mới theo đường lối của

ông ta. Nếu như ông ta và nhóm

của mình không bị bắt giữ trong

6 hay 12 tháng nữa, Sở Đặc vụ có

thể đã tóm cả tôi một lượt

với họ rồi. Sự chuyển hướng
của các sự kiện đã cho tôi
một thời gian dài suy ngẫm và tôi
nhanh chóng nhận ra tính nghiêm trọng
của biến chuyển này.

MCP đang tiến hành chiến tranh du kích chống lại
người Anh trong rừng già Malaya, bắn
các chủ đồn điền da trắng và
những người bản xứ ủng hộ
thực dân. Họ thu phục được
nhiều thành viên mới từ số đông
những có Hán học ở Singapore, những người bị ấn tượng bởi những
thông tin về thành quả của đảng
Cộng sản Trung Quốc và bởi những
chiến thắng của Quân đội nhân dân giải phóng trong cuộc chiến
chống Mỹ ở Triều Tiên. Những

thành công này đã nâng cao uy

thế của Trung Quốc và vì thế đã khiến rất nhiều

người Hán học giác ngộ theo lý

tưởng cộng sản.

Nhưng bây giờ

rõ ràng rằng MCP cũng đã lồi

cuốn được những thành viên

mới trong giới trí thức hưởng nền

giáo dục A nh.

Dù họ nhận được sự ưu

đãi đặc biệt, và hầu như

độc quyền giành được những

công việc trong bộ máy chính phủ

và trong các ngành chuyên môn, một

số người duy tâm nhất vẫn không

cưỡng lại được sức hấp dẫn của

chủ nghĩa cộng sản đối với

các dân tộc đang chống chủ nghĩa thực dân.

Nếu chúng tôi không làm gì. Nếu chúng tôi thất bại

trong việc lôi kéo họ vào một

phong trào chính trị hiệu quả, thì MCP sẽ

là kẻ chiến thắng sau cùng.

Tôi vẫn tiếp tục việc tập sự của mình và

theo Laycock tới tòa án trong các vụ

xử của ông ta. Ông ta vẫn tỉnh

táo khi phải xuất hiện, nhưng trong

những dịp khác thì cứ như một

cuộc thử thách. Ông ta sẽ mời

tôi đi ăn trưa, ăn tối và uống

thả cửa (loại bia nâu) cho trôi những

con hàu ở khách sạn phi trường

Kallang hoặc những miếng thịt nướng

ở Stamford Cafe hoặc ở Adelphi Grill. Đôi khi ông ta say khướt đến độ

không thể làm việc vào buổi

chiều, và ban đêm ông ta lại một

mình uống whisky. Tôi ăn nhiều hơn

sức mình và uống nhiều hơn tôi

muốn. Laycock hẳn đã nghĩ tôi là

một thành viên mới hữu ích cho

đảng Cấp tiến của ông ta, vì

vào tháng 2/1961, ông ta đề nghị

tôi làm trợ lý cho ông trong kỳ

bầu cử Hội đồng Lập pháp.

Tôi đồng ý. Nó sẽ cho tôi

một ý niệm về tình hình và

thực tế ở Singapore.

Ngày chỉ định là ngày 8/3, nhưng không khí chẳng

có gì là nhộn nhịp cả. Không
có gì ngạc nhiên. Cuộc bầu cử
Hội đồng Lập pháp lần trước
vào năm 1948, chỉ có 23.000 trong tổng
số cử tri 200.000 đi bầu, và gần
phân nửa số họ là người Ấn
Độ dù cộng đồng của họ
chiếm không quá 6% dân số. Nên
chẳng có gì là bất thường
khi có một tỷ lệ thiếu cân xứng
về số người Ấn trong những người
ứng cử ở kỳ bầu cử năm 1951
– có 15 (có một người Sri Lanka)
ứng cử viên Ấn trong số 22 để
giành 9

ghế. Một trong số họ, người phụ

nữ đầu tiên được bầu vào

Hội đồng lập pháp, đã bỏ trốn sang Ấn

Độ một năm sau đó cùng với

ông chồng luật sư của bà ta và

một số tiền lớn của các thân

chủ ông ta. Điều đó thật bất

lợi cho chỗ đứng của những người

Ấn gốc Ấn ở Singapore, những kẻ

được xem như loài chim di trú.

Với một cuộc bầu cử sơ sài, Laycock chiếm được

một trong sáu chiếc ghế mà đảng

Cấp tiến đạt được. Đảng

Lao động hai ghế, và một ghế

thuộc về một ứng viên độc

lập. Cuộc vận động là sự

nhái lại những gì tôi đã

chứng kiến ở Anh. Laycock tranh cử ở

khu vực bầu cử Katong của ông ở

bờ biển phía Đông, nơi tập

trung đa số những người Hoa vùng

eo biển nói tiếng Anh, trung thành với

đức vua và đế chế. Với tư

cách là trợ lý tranh cử của

ông ta, tôi trả công cho những người

dân những tấm áp phích in hình

anh, tên tuổi ông ta với tiêu đề

“Hãy bầu cho John Laycock, Đảng Cấp

tiến”. Nhưng ông ta cũng chỉ thị

thêm cho tôi tổ chức những bữa

tiệc tối, với những vũ nữ chuyên

nghiệp để nhảy cấp với những
người đàn ông mặc y phục
Malay, và lo chu cấp thức ăn và rượu
dù chuyện này là trái luật.

Hơn nữa, tôi phải bảo đảm,
rằng người trưởng làng của
khu vực bầu cử phải được đền
bù xứng đáng cho việc ông ta kêu
gọi dân làng mình bầu cho Laycock.

Giữa bữa tiệc, John Laycock sẽ trèo
lên một cái bục nhỏ, tay cầm
mic-ro diễn thuyết bằng tiếng Anh, hứa
rằng ông ta sẽ đem lại điện
nước cho thánh giá của mình. Chỉ
vài người hiểu ông ta nói gì.

Chúng tôi đã tổ chức hai buổi
mít–tinh ở Kampong Amber, một vùng
đất của những kẻ tha phương
nghèo khổ mà hiện đã trở
thành một chung cư cao ngất.

Cũng như cuộc bầu cử năm 1948, chỉ một tỷ lệ
nhỏ cử tri đi bầu – 24.693 trong tổng
số 250.000. Thế giới mà những hội
viên hội đồng lập pháp đại
diện chỉ là một phần nhỏ, cách
ly hẳn đại đa số quần chúng.
Đại đa số dân trên đảo
chẳng dính dáng cũng chẳng quan tâm
đến cuộc bầu cử vì lý do
đơn giản là họ không được
quyền bầu cử, và dù sao thì

mọi thứ đều được hướng

dẫn bằng tiếng Anh, trong khi đa số dân chúng nói tiếng Hoa. Con đường đi

lên của họ sau khi qua các trường

lớp của người Hoa là không đáng

kể, và nguyện vọng chính trị

của họ chỉ có thể được

thực hiện thông qua MCP. Họ bao gồm

những người bán hàng rong, kéo

xe, tài xế taxi và những người

chạy việc cho những trò xổ số

bất hợp pháp. Họ là những người

bình thường vẫn xuất hiện bên

ngoài văn phòng của Laycock & Ong, mong được giúp đỡ thoát khỏi

những rắc rối với cảnh sát, với

những người có chức quyền hoặc
chính phủ. Họ không nói được
tiếng Anh, và những viên thư ký
sẽ thông dịch lại lời của họ
cho các vị luật sư không hiểu
được phương ngữ của họ.

Tôi cảm nhận được rằng thế giới giả dối
của thực dân là không thực. Các
viên chức chỉ phục vụ cho quyền
lợi của chính họ và quyền lợi
của những người hưởng nền
giáo dục Anh, những kẻ có thể
gây sức ép đối với họ thông
qua báo chí viết bằng tiếng Anh.
Nhưng họ không phải là động
lực kinh tế của xã hội Singapore. Tôi

có một cảm giác khó chịu
đội. Tôi chỉ thảo luận những ý
nghĩ này với mình Kenny. Tôi phải
thành công trong nghề luật của mình,
và phải nhìn ra nghề luật sẽ
giúp tôi thế nào trong chính trị.

Ngày 7/8/1951, tôi hoàn tất xong một năm thực tập
của mình. Để vào được
Luật sư đoàn, Choo và tôi phải
khoác bộ áo tối tằm và mặc
chiếc áo choàng luật sư với
những dải trắng, và trong trường
hợp của tôi, thêm một cái cổ
cứng nữa. Đây là một dịp
quan trọng, vì toàn bộ Luật sư
đoàn đã có 140 thành viên,

và mỗi năm chỉ nhận thêm mười

luật sư mới. René Eber, một luật

sư kỳ cựu có uy tín, đã đề

xuất đơn xin gia nhập của chúng

tôi bằng một bài diễn văn lịch

sự ngắn. Con trai của ông, John, là

một đảng viên cộng sản hoạt

động bí mật, đã bị bắt

giữ cách nay bảy tháng. Singapore quả

là một thế giới nhỏ bé!

Bởi vì khai sinh của tôi ghi tôi là Harry Lee Kuan Yew, tôi không thể yêu cầu Middle Temples

hay trường Đại học Cambridge xóa

chữ Harry trong tên tôi. Vì vậy trong

cả bằng tốt nghiệp Cambridge lẫn trong

chứng nhận Luật sư đoàn, tôi

vẫn là Harry Lee Kuan Yew. Năm 1950, tôi quyết định tìm cách để được

nhận vào Luật sư đoàn Singapore

dưới cái tên người Hoa thôi,

và họ được đặt trước

tên riêng là: Lee Kuan Yew. Lần này

tôi thành công; Lee Kuan Yew trở thành

con người trước công chúng của

tôi, điều mà tôi đại diện

và tự nhận mình như thế –

một người dân tộc chủ nghĩa

cánh tả – và đó là cách

tôi xuất hiện trên các bài báo

tường thuật các vụ án của

tôi. Nhưng suốt những năm tháng

này, vợ và bạn bè riêng của

tôi vẫn gọi tôi là Harry. Vào
những năm 1950, suốt những năm tháng
đầu bước vào chính trường,
đôi lúc tôi cảm thấy hơi khó
chịu khi bị gọi là Harry Lee. Về mặt
chính trị, điều đó là một
bất lợi. Tuy nhiên, đến giữa những
năm 1960, sau khi tôi chịu đựng và
tồn tại được qua những thử
thách, tôi đã vượt qua mọi
cảm giác khó chịu. Điều đó
không hề làm giảm uy tín và
giá trị của tôi. Tôi không tự
đặt tên cho mình được. Tôi
không bao giờ đặt một cái tên

mang hơi hướm Tây phương cho bắt

kỳ đứa con nào của tôi, mà

các con tôi cũng không hề làm

vậy đối với con cái chúng.

Ba ngày sau khi vào Luật sư đoàn, một người bạn

cũ của tôi là hộ tịch viên

trong Tòa án tối cao, Tan Thoon Lip, yêu cầu tôi bào chữa cho bốn người

Malay trong một vụ án mà nó sẽ

ảnh hưởng sâu đậm đến

quan điểm của tôi về hệ thống

bồi thẩm đoàn ở Singapore. Vào

tháng 12/1950, một cô gái Hà Lan, kẻ

bị mẹ nuôi người Malay cải sang

đạo Hồi, được đưa vào

tu viện theo lệnh của Tòa án tối

cao trong khi quan tòa quyết định mẹ

ruột cô có quyền đòi cô

lại. Bà mẹ Hà Lan đó đã

giao con gái nhỏ của mình cho người

đàn bà Malay này trông nom khi quân

Nhật tràn qua đất nước. Báo

chí đăng hình cô gái trong tu

viện, trước tượng Đức Mẹ

Đồng Trinh. Điều này khiến những

người theo đạo Hồi, những người

đã coi cô như một người Hồi

giáo, giận điên lên, đến độ

họ đã gây ra cuộc náo loạn

suốt mấy ngày liền, đám đông

những người Hồi giáo trên đường

phổ giết vô tội và những người

đàn ông và phụ nữ da trắng.

Bốn người đàn ông mà hiện tôi phải

bào chữa nằm trong số 13 người bị

buộc tội giết người, gây ra cái

chết của Charles Joseph Ryan, một hạ sỹ

quan trong Không lực Hoàng gia. Chín bị

cáo còn lại được một luật

sư thâm niên hơn, F.B. Oehlers bào chữa.

Phiên tòa kéo dài gần hai tuần, dưới sự điều

hành của một thẩm phán và một

bồi thẩm đoàn bảy người. Tôi

chú tâm vào vụ án còn hơn

cả Oehlers, một người đàn ông

50 tuổi mà danh tiếng trong Luật sư

đoàn đã được khẳng

định. Còn danh tiếng của tôi sẽ

được quyết định. Tôi đã

làm phần lớn việc đổi chất,

nhằm tạo ra những nghi ngờ về tính

chính xác trong sự nhận diện của

những người tham gia vào việc bạo

loạn dẫn đến cái chết của

Ryan. Trời đã tối lúc họ bắt

giữ Ryan, lôi anh ra khỏi chuyến xe buýt đưa anh từ Changi vào
thành phố,

đánh anh bất tỉnh và thả anh

xuống một cái mương sâu đầy

nước mưa trong khu Geylang Serai của người Malay. Tôi mời viên
thẩm phán, cùng

bồi thẩm đoàn và nhân chứng

đi đến chỗ xảy ra sự việc vào

ban đêm để thấy đèn đường
yếu ớt không soi sáng con đường
được bao nhiêu. Tôi đặt câu
hỏi rằng những ai chứng kiến một
đám hỗn loạn chừng 40–50 người
Hồi giáo Malay và Ấn Độ trong
ánh sáng yếu ớt đó, làm
thế nào có thể nhận ra những
người ngồi ghế bị cáo kia chính
là những kẻ đã tấn công
nạn nhân. Tại nơi xảy ra tội ác,
họ đứng cách kẻ tấn công
bao xa? Họ thấy các thân chủ của
tôi trong bao lâu? Những kẻ tấn công
đó mặc quần áo gì? Có

dấu vết hay về gì đặc biệt
gì trên khuôn mặt của các bị
cáo?

Sau cuộc đối chất, Oehlers và tôi tổng kết lại.
Chúng tôi chỉ ra mọi mâu thuẫn
giữa những gì nhân chứng khai tại
lần thẩm vấn sơ bộ và tại
chính phiên toà, đặc biệt là
về khả năng nhìn rõ. Việc đó
giống như đi qua một cánh cửa mở
sẵn, khi các vị bồi thẩm người
Ân và Hoa chẳng vui sướng gì
trong việc kết tội nếu như điều
đó có nghĩa là đưa một
người đến chỗ chết. Vì vậy
bồi thẩm đoàn thấy thật sự

nhẹ nhõm khi có thể tuyên bố
tha bổng tất cả những người bị
buộc tội sát nhân. Nhưng sự thật
lại đè nặng lên lương tâm
họ và họ kết luận chín người
trong số các bị cáo đã phạm
tội cố ý đã thương nghiêm
trọng. Ba trong số các thân chủ của
tôi được trả tự do. Một người
chỉ bị năm năm cấm cố. Có
một vệt phấn nộ trên gương mặt
của quan tòa và công tố viên
người Anh.

Tôi cũng thấy ghê tởm trước kết quả này.

Nhiệm vụ của tôi khi làm luật sư
biện hộ ở Tòa án tối cao đòi

hỏi tôi phải làm hết sức mình
cho thân chủ mà không phạm luật
hoặc đưa ra một điều gì sai
sự thật. Tôi đã tạo ra nhiều
ngghi ngờ về phía công tố và
ngăn trở công lý. Tôi không hề
ngghi ngờ chuyện bốn thân chủ của
tôi đã giết Ryan, rãng vào đêm
đó họ bị kích động cao độ
và hẳn sẽ giết bất kỳ người
da trắng hay người lai nào trên đường
đi của họ, bất cứ ai liên quan tới
Thiên chúa giáo, tức là, theo họ,
chống lại đạo Hồi. Tôi không
còn tin vào một chế độ mà

nó cho phép sự mê tín, ngu dốt,
thành kiến, định kiến và sợ
hãi của bảy viên bồi thẩm quyết
định ai đó là có tội hay
vô tội. Theo định nghĩa, họ là
những con người bình thường, không
có năng lực chuyên môn gì ngoài
khả năng hiểu được tiếng Anh
và làm đúng các thủ tục
quy định. Tôi đã từng gặp
các viên bồi thẩm trong các tòa
án Anh. Tôi không nghĩ họ xứng
đáng với lòng tôn kính mà
các luật sư và những nhà làm
luật dành cho sự thông thái tập

thể của họ.

Một khác biệt giữa các vụ xử ở Anh và ở Singapore là nhu cầu cần có thông ngôn. Nhiều nhân chứng không thể, hoặc không muốn, nói bằng tiếng Anh, có thể chỉ vì muốn có thêm thời gian định hình các câu trả lời của họ. Thông ngôn người Malay, một người Ấn theo Hồi giáo, thật là giỏi. Ông ta có thể mô phỏng âm sắc, điệu bộ và tâm trạng của nhân chứng. Ông ta dịch một câu thật tuyệt khi một nhân chứng nhắc lại câu *Allahu Akbar*. Ông ta đã dịch thành: "Ông ta nói những người đó là *Allahu Akbar*.Ồ, câu đó nghĩa là 'Thượng

để thật vĩ đại’. Đó

cũng là tiếng hô xung trận của
người Hồi giáo.”

Nhưng những thông ngôn còn có công dụng khác.

Khi đưa con đầu tiên của chúng

tôi ra đời vào ngày chủ nhật

10/2/1952, tôi đã hỏi ý kiến một trong những thông ngôn đó tại
Tòa án Tối

cao, ông này từng giúp nhiều luật sư tìm

ra những cái tên Trung Quốc thích hợp

cho con cái của họ. Ngày sinh tháng

đẻ là rất có ý nghĩa trong

lịch Trung Quốc, ngày 15 tháng Giêng

năm Thìn. Nên chúng tôi quyết

định đặt tên cháu là Hsien

Loong – Hiền Long. Đó là một

thằng bé người roi dài nhưng nặng
tới bốn ký, và nó khiến chúng
tôi rất sung sướng.

Khi tôi thăm Choo tại bệnh viện phụ sản Kangar Kerbau
vài ngày sau đó, tôi đã
có thể kể cho cô nghe vận may thứ
hai của tôi – vụ bào chữa hợp
tác đầu tiên của tôi. Nó
sẽ đưa tôi vào sân khấu
chính trị và đi tới một cuộc
đối đầu với chính quyền.

7

NHỮNG XUNG ĐỘT ĐẦU TIÊN VỚI CHÍNH PHỦ

Một buổi chiều năm 1952, một nhóm gồm ba người Malay và một người Ấn trong đồng phục nhân viên phát thư đến văn phòng của Laycock & Ong để gặp tôi. Không còn làm việc trong phòng Laycock nữa, tôi gặp họ ở phòng ngoài – không máy điều hoà, nóng, ẩm cùng với tiếng ồn ào của xe cộ và những người bán rong. Những người trong Liên đoàn nhân viên Bưu chính Viễn thông

bảo tôi, họ đã đề xuất

một yêu sách về việc xem xét

lại lương bổng cho nhân viên nhưng

đến giờ vẫn chưa được

giải quyết, và họ được phép

thuê một luật sư để thay mặt

cho họ. Tôi hỏi ý John Laycock liệu có

nên nhận vụ này không, bởi nó

không đem lại nhiều tiền. Ông ta

bảo tôi nên làm vì để tạo

thanh danh, vì vậy tôi đồng ý mà

không đòi hỏi thù lao theo quy định.

Việc tôi nhận vụ này sẽ là

một bước ngoặt trong lịch sử

nghiệp đoàn và phong trào đấu

tranh hợp pháp của quần chúng. Tôi
không ngờ rằng mình sẽ dẫn dắt
các lãnh đạo nghiệp đoàn
vào một cuộc đình công, mà
trong vòng hai tuần, đã làm thay đổi
tình hình chính trị. Nó đặt
chính quyền thực dân vào thế
phòng thủ và cô vũ tính chiến
đấu của công nhân viên. Nhưng
nó cũng tạo cơ hội cho những người
cộng sản tổ chức lại lực lượng
ủng hộ họ.

P. Govindasamy, một nhân viên bưu điện (một chức
vụ cao hơn người đưa thư), tuy
không được học nhiều nhưng đã
trình bày ngắn gọn cho tôi về

tình hình bằng thứ tiếng Anh tạm
được. Ông ta là một người
thích hợp và đáng tin cậy. Sau
này ông ta đặc cử dân biểu
ở khu vực bầu cử kế cận của
tôi và đã giúp tôi coi sóc
khu của tôi. Việc thương lượng
với Sở doanh nghiệp thuộc ban bí thư
chính phủ kéo dài từ tháng 2
đến tháng 5, đem lại kết quả
là họ chỉ duyệt theo bảng lương
giống như bảng lương ứng dụng
ở Malay, dù tôi đã chứng minh
rằng ở Singapore công việc nặng nề
khó nhọc hơn và mức sinh hoạt

cũng cao hơn.

Chúng tôi đã đi đến chỗ phải quyết định
hành động. Một buổi sáng Chủ
nhật, nghiệp đoàn tổ chức một
cuộc họp trước khi đình công
tại cư xá của họ trên đường
Maxwell, nơi các gia đình đông con
sống trong những căn hộ một phòng
với nhà bếp và nhà vệ sinh
chung. Gần như toàn bộ thành viên
nghiệp đoàn gồm 450 người đã
có mặt. Sự có mặt của tôi
sẽ củng cố thêm lòng can đảm
của họ và đảm bảo với họ
rằng những gì họ đang làm không
có gì trái luật cả, đặc

biệt là chưa hề có cuộc bãi

công nào được tổ chức ở

Singapore từ khi tình trạng khẩn cấp

được công bố năm 1948. Bằng

thứ tiếng Malay bình dân, tôi giải

thích rõ ràng ý kiến của mình

với tất cả mọi người, đa số

là người Malay, số còn lại là

người Hoa và Ấn. Họ quyết định

ra tuyên bố bãi công.

Trước khi cuộc bãi công bắt đầu vào ngày

13/5, Keng Swee, người từ Anh về, chuẩn

bị một bữa ăn tối tại Câu

lạc bộ bơi lội người Hoa trên

đường Amber để tôi gặp mặt

phó tổng biên tập tờ *Singapore Standard*, Sinnathamby

Rajaratnam. Raja là một người Malay dòng dõi Jaffna Tamil. Ông ta ở

London suốt 12 năm đến năm 1947, kết

giao với một nhóm người Ấn Độ

và Phi châu theo chủ nghĩa dân tộc

và những người Anh thiên tả, và

viết những bài báo chống thực

dân. Ông ta thích lắng nghe ý kiến

người khác. Ngồi ngoài trời cạnh

hồ bơi, giữa tiếng nhạc và tiếng

ồn ào của những người đi

bơi, tôi trình bày ngắn gọn với

ông ta về cuộc đình công. Ông

ta lâu nay đã chờ đợi một

vấn đề thuận lợi đối đầu

với chính quyền thực dân, và

hăm hở tham gia cuộc chiến đấu cho
những người đưa thư.

Trong khi những người đưa thư đứng gác một cách
hòa bình không cho bất cứ ai vào
làm trong buổi sáng đầu tiên
diễn ra cuộc bãi công, chính quyền
phái một đạo quân người
Gurkha đông đảo trang bị súng lục
và dao quắm vào Bưu điện Trung
tâm trong tòa nhà Fullerton trên bến
cảng Collyer, phần nổi cộm nhất của
khu thương mại. Người đại diện
cảnh sát thông báo rằng cảnh
sát mang tiểu liên sẽ đứng gác
tại tất cả các bưu điện cho
đến khi cuộc bãi công kết thúc.

Hôm sau, báo chí đăng ảnh của nhóm Gurkha cùng
cảnh sát đi kèm, một cách tương
phản sâu sắc, với một tuyên bố
ôn hòa của viên chủ tịch nghiệp
đoàn rằng những người phát
thư sẽ tạm ngưng làm hàng rào
cản những người muốn vào làm
việc cho đến khi những ý định
của họ được hiểu rõ. Dư
luận công chúng ủng hộ những
người phát thư. Ngày kế tiếp,
chính phủ rút nhóm Gurkha đi và
những người biểu tình tái lập
rào cản một cách hòa bình.

Tờ *Singapore Standard* là một tờ báo của người
bản xứ với số phát hành ít

hơn nhiều so với tờ *Straits Times* thân chính phủ Anh, nhưng tiếng nói của

nó về cuộc đấu tranh này rất

được quan tâm.

Nhiều người bản xứ đọc nó,

khiến cho những viên chức thực dân

cũng đọc theo. Trong bài xã luận

của mình, Raja nhạo báng không thương

tiếc những thành kiến chủng tộc

của chính phủ thuộc địa, đặt

vấn đề về quyền của những

người Anh ở thuộc địa được

nhận lương nhiều hơn những người

bản xứ, họ được trả thêm

1.000 đôla phụ cấp làm việc tại

thuộc địa, trong khi những người

phát thư yêu cầu thêm 10 đôla
một tháng thì bị từ chối.

Trong khi đó thư
từ bị dồn đống, gây khó
khăn cho tất cả mọi người. Dân
chúng phải tự vào bưu điện
để lọc ra thư từ và bưu kiện
của mình. Dù vậy, dân chúng
vẫn đứng về phía những người
phát thư vì những hành động
ôn hòa của họ và những tuyên
bố mà tôi đã soạn thảo cho
họ. Những hàng tựa bài in đậm
và các xã luận của Raja trên
tờ *Singapore Standard* đã giúp ích rất nhiều. Tờ
báo bằng tiếng Malay *Utusan Melayu* ủng hộ những người đình

công, vì

phần lớn người phát thư là

người Malay. Các báo tiếng Hoa,

Nanyang Siang Pau và *Sin Chew Jit Poh*, cũng cùng thái độ vì trong đó

có nhiều phóng viên và biên

tập viên thân cộng luôn luôn

chống lại chính phủ.

Tờ *Straits Times*, ngược lại, do người Anh làm chủ

và điều hành. Nó có một

tay viết xã luận thật hay, Allington Kennard, ông này cố ra vẻ trung lập nhưng lại nhận

thấy khó mà không đứng về

phía chính phủ.

Raja đang thích chí trước cuộc chiến. Đây là

cuộc thánh chiến tuyệt vời nhất

– cuộc chiến đấu vì quần

chúng bị chà đạp chống lại
bọn thực dân da trắng bóc lột vô
lương tâm. Văn phong chiến đấu
của ông ta rất ấn tượng. Nhiều
năm giao kết với người Ấn và
Tây Ấn chống đế quốc đã
giúp ông ta có một văn phong mạnh
mẽ. Ba năm tranh luận với những sinh
viên người Anh đầy thiện chí
và thân thiện trong câu lạc bộ
Lao động ở đại học Cambridge đã
cho tôi một cách diễn đạt khác
và thích dùng ngôn ngữ ôn hòa
dồn nén hơn. Thế là chúng tôi
kết thành một đôi, Raja mạnh mẽ

và đầy khí lực, tôi thì
mềm mỏng nhã nhặn, nếu có phê
phán, thì luôn mang vẻ buồn phiền
hơn là giận dữ. Tôi gọi điện
cho ông ta để góp ý, phân loại
những phản ứng từ phía những
người ủng hộ chúng tôi; ông
ta kiểm lại mức gay gắt trong bài xã
luận của ông với tôi. Ông ta sẽ
mang bản in thử đến nhà tôi để
cùng thảo luận, hoặc chúng tôi
sẽ nói chuyện trên điện thoại,
thường là sau nửa đêm, ngay trước
khi tờ báo của ông lên khuôn in.

Tờ *Singapore Standard* thông tin rất chi tiết khiến tờ báo

của chính quyền, tờ *Straits Times*, phải công bố những thư ngỏ của

tôi để giữ được vẻ vô

tư.

Gần cuối tuần đầu tiên, công luận xoay sang chống

đối chính quyền dữ dội. Các

viên chức thuộc địa Anh hoặc không

quen với việc trình bày tình thế

của họ để thu phục sự ủng hộ

của dân chúng, và cũng không

quen với việc đối phó với dân

bản xứ, những kẻ đã lịch sự

nêu ra những mâu thuẫn, yếu kém

và thái độ kiêu ngạo của

họ. Việc bóc trần thái độ

kiêu căng của các nhân viên thuộc

địa trong cách đối xử với

những người phát thư đã

khuyến những nghiệp đoàn khác

công khai ủng hộ họ. Ngay cả tổng

thư ký của Đại hội nghiệp

đoàn Singapore, một tổ chức thân

chính quyền, vốn là cộng sự

thân cận của Lim Yew Hock và là ủy

viên ban chấp hành Đảng Lao động

Singapore, cũng tham gia cuộc đấu tranh. Ông ta thông báo quyên
góp một ngân

quỹ “để giúp nhân viên bưu

điện tiến hành bãi công đến

kết thúc thắng lợi". Tờ *Singapore Standard* kêu gọi công chúng
đóng góp

và nhận tặng phẩm từ các nhà

hảo tâm.

Chính quyền đâm ra lo lắng. Viên thư ký thuộc địa đề nghị “tái tục thương lượng ngay khi các nhân viên trở lại làm việc”. Tôi trả lời rằng nếu các nhân viên ngừng bãi công và các cuộc thương lượng thất bại lần nữa thì họ sẽ đối mặt với viễn cảnh một cuộc bãi công thứ nhì. “Cái kiểu này, nếu lặp lại nhiều lần, sẽ khiến việc bãi công vũ khí thương lượng cuối cùng của nghiệp đoàn, trở thành một trò khôi hài.”

Trong một cuộc họp của Hội đồng lập pháp

vào thứ Tư, 20/5, đích thân thống

đốc đã cảnh cáo những nhân

viên bưu điện rằng chính quyền

sẽ không bị áp lực của việc

đình công khiến phải chấp thuận

mọi yêu sách của họ. Hôm sau,

Raja đáp lễ trên tờ *Singapore Standard*:

“Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào nghiệp

đoàn tại xứ sở này, viên

chức cao cấp nhất của thuộc địa

đã công khai nghi vấn tính hiệu

quả của vũ khí bãi công. Nói

thẳng thắn hơn, ông Nicoll (thống đốc)

bảo rằng chính phủ xem áp lực

của những vụ bãi công, dù chính

đáng hay không, dù hợp pháp hay
không, cũng là điều gì đó
mà chính quyền không thể chịu
đựng”

Điều này đã gây tác hại, các viên
chức Anh thấy nản chí trước diễn
biến này. Họ đang bị công khai
tấn công. Viên thư ký thuộc địa
đáp ứng bằng cách hứa hẹn
với 500 nhân viên tham gia bãi công
rằng đích thân ông ta sẽ tiến
hành thương lượng với các
đại diện nghiệp đoàn nếu họ
trở lại làm việc. Tôi đã
thuyết phục các lãnh tụ nghiệp
đoàn nên chọn một giải pháp

mới và thông báo tạm ngưng bãi

công ba ngày.

Việc này cứu vãn thể diện cho viên thư ký
thuộc địa và các viên chức
của ông ta. Các cuộc thương lượng
tái tục vào ngày 26/5 và kết
thúc với một thỏa ước đáng
hài lòng.

Đó là cuộc bãi công đầu tiên kể
từ khi ban hành các quy định về
tình trạng khẩn cấp vào tháng
6/1948, và nó được tiến hành
hoàn toàn đúng luật pháp,
không hề có đe dọa, bạo động
hay thậm chí lập rào cản mất
trật tự. Cuộc chiến đấu là

nhằm giành lấy sự ủng hộ của
quần chúng và nghiệp đoàn đã
thắng. Sau lần chứng minh khả năng
nghiệp vụ kém cỏi của các viên
chức Anh này, dân chúng thấy rằng
chính quyền, khi bị đem ra mổ xẻ,
thì cũng rất dễ bị tấn công.

Việc xuất hiện trên báo chí đã nâng cao uy tín
nghề nghiệp của tôi. Tôi không
còn là một luật sư trẻ tự
phụ mới từ Cambridge về với những
bằng cấp hạng danh dự nữa. Tôi đã
dẫn dắt những công nhân bãi
công lên tiếng nói cho họ và
được họ tin cậy. Tôi đã
làm được việc mà không gây

đổ vỡ gì. Tôi thu đạt rất
lớn trong sự đánh giá của hàng
nghìn công nhân ở Singapore và Malaya
mà không làm giới trí thức Anh
học hoảng sợ. Các bạn tôi và
tôi bây giờ tin rằng trong các nghiệp
đoàn, chúng tôi sẽ tìm được
cơ sở quần chúng và sức mạnh
chính trị mà chúng tôi đã
tìm kiếm từ hồi thảo luận chương
trình hành động của mình trong
những đêm dài ở London sau những
buổi hội họp tại Malaya Hall. Chúng
tôi đã nhận ra cách vận động
sự ủng hộ của quần chúng.

Các nhóm phi cộng sản cũng thấy phần khởi, thậm chí tự tin hơn, trước cuộc biểu dương lực lượng quần chúng một cách hợp pháp, hòa bình và bất bạo động để bày tỏ những bất bình chính đáng. Một loạt các nghiệp đoàn và hiệp hội đề nghị tôi làm cố vấn pháp lý cho họ, và tôi sung sướng có được họ như những lực lượng ủng hộ chính trị cho mình. Họ trả những khoản lệ phí tượng trưng cho công ty Laycock & Ong để được ghi tên tôi trên các giấy tờ giao dịch của họ với tư cách cố vấn

pháp lý. Tôi tham dự nhiều bữa
tiệc thường niên hay đại hội
của họ. Tôi học được cách
hòa đồng với các bang người
Hoa, những nhóm nói tiếng Quảng Đông
hay Quan thoại như Nghiệp đoàn công
nhân ngành in người Hoa, hay những nhóm
chỉ nói một phương ngữ như
Hiệp hội người Hakka ở Singapore.

Điều đáng phiền là khả năng dùng tiếng Hoa
của tôi không tốt lắm. Tôi cảm
thấy rất xấu hổ vì không có
khả năng giao tiếp với họ bằng thứ
tiếng lẽ ra là tiếng mẹ đẻ
của tôi. Một lần nữa tôi lại

cố gắng học tiếng Quan thoại. Tôi
tìm một ông thầy và mua một máy
thu băng nhỏ. Tôi cùng Hon Sui Sen, bây
giờ làm ủy viên địa chính,
học cùng ông thầy đó tại
căn nhà trong cư xá chính phủ
của Hui trên đường Cantonment. Nhưng
tôi tiến bộ rất chậm vì có
quá ít thời gian và tệ hơn,
chẳng có mấy cơ hội để thực
tập.

Tuy nhiên, tôi chẳng cần đến tiếng Quan thoại
trong lần tham gia kế đó của tôi
vào cuộc đấu tranh của công nhân.
Tháng 12/1952, khoảng 10.000 công nhân, chủ
yếu là người Ấn, thuộc Nghiệp

đoàn lao động khu căn cứ hải
quân, đột nhiên ra thông báo bãi
công, và ngày 29/12, các công nhân
trong căn cứ quân sự ở Sembawang không
làm việc nữa khiến cả các sỹ
quan hải quân chỉ huy ở đó cũng
như chính phủ Singapore hết sức bối
rối. Các tàu chiến của Hải quân
hoàng gia tham gia chiến tranh Triều Tiên về
đến Singapore – gồm một tàu ngầm,
một hàng không mẫu hạm và hai
hộ tống hạm – bị neo lại không
sửa chữa được gì cả. Viên
thống đốc đã can thiệp, nhưng
sau hai lần gặp gỡ không kết quả,

đại diện của cả hai bên đồng

ý đem vấn đề tranh chấp này

đến một trọng tài độc lập

là John Cameron, Luật sư hoàng gia thuộc Luật sư đoàn Scotland.
Nghịệp đoàn

đã yêu cầu tôi đại diện

cho họ.

Tôi bỏ ra một tuần nghiên cứu các bảng lương

và so sánh giữa mức lương do

chính quyền Singapore và do Hải quân

hoàng gia trả cho những công việc

tương tự nhau. Buổi tranh luận đối

tịch được tổ chức trong phòng

riêng của chánh án tại Tòa án

tối cao và kéo dài cả tuần

trong tháng 3/1953. Cameron, một luật sư

người Scotland dày dạn kinh nghiệm, vẫn
giữ một vẻ vô tư không thiên
vị. Bên Hải quân có một viên
chỉ huy kinh nghiệm biết rất rành các
bậc lương của mình. Khi Cameron đưa
ra phán quyết vào ngày 11/3, rõ
ràng là ông ta đã biết giới
hạn ngân sách của Hải quân và
không hề định phá vỡ mức
giới hạn đó. Tôi đã đòi
hỏi nâng thang lương của Hải quân
lên cho bằng thang lương của chính
phủ Singapore, nhưng Cameron từ chối.

Các cán bộ

nghiệp đoàn không hài lòng, và
ông chủ tịch nghiệp đoàn bị

áp lực là phải từ chối phán

quyết của tòa. Tôi gặp các cán

bộ ấy và thuyết phục rằng thật

bất lợi khi tiếp tục bãi công

sau khi đã chấp nhận giải quyết

tranh chấp thông qua trọng tài, rằng

đây là nội dung chính của đấu

tranh hợp pháp. Quan điểm của tôi

được chấp nhận và sự vụ

không gây hại gì cho tôi. Tuy rằng

tôi cũng mất đi ít nhiều uy tín

vì chỉ giành được những

nhượng bộ nho nhỏ. Tôi đã

xác định được chỗ đứng

của mình như một cố vấn pháp

lý biết đấu tranh đúng luật
và sẵn sàng thuyết phục khách
hàng chấp nhận một phán quyết
bất lợi.

Những cuộc bãi công khác đang âm ỉ ở Singapore
và Malaya. Các viên chức của Nghiệp
đoàn công nhân bưu chính viễn
thông Singapore đã ra thông báo rằng
họ sẽ bãi công đòi tăng
lương vào ngày 23/3/1953. Đó sẽ
là cuộc bãi công đầu tiên
chưa từng có của các viên chức
chính phủ. Nghiệp đoàn đề
nghị tôi làm cố vấn pháp lý
cho họ. Chính phủ đề nghị đưa
ra trọng tài, và sau khi bàn bạc với

tôi, nghiệp đoàn đã đồng

ý. Chính phủ đưa ra danh sách

sáu thành viên trong hội đồng

trọng tài Malaya. Một người trong đó

hóa ra là Yong Pung How, từng học cùng

thời với tôi ở trường luật

Cambridge.

Suốt trong ba ngày cuộc tranh tụng được đưa tin

rộng rãi trên báo chí và đài

phát thanh. Tôi có hai mục tiêu: đạt

được một phán quyết có lợi,

và quan trọng hơn, phơi bày được

thói trịch thượng và kém hiệu

năng của các viên chức thuộc địa

người Anh trong việc đối xử với

công chức người bản xứ. Tôi

làm được việc này mà không

cần tỏ ra quá khích lắm. Yong Pung

How ra phán quyết cho 1.000 viên chức hưởng truy lĩnh 28 tháng lương và những

khoản tăng lương khác tổng cộng

lên tới 1 triệu đồng. Kết quả

này đã phục hồi uy tín cho tôi

đối với giới công nhân.

Trong khi đó những công chức người bản xứ
cao cấp hơn cũng đang bất mãn.

Kenny đang nung nấu một nỗi bất bình

với một quyết định thiên vị

dành những khoản phụ cấp gia đình

đặc biệt riêng cho các viên chức

Anh phục vụ tại thuộc địa. Hiệp

hội viên chức chính ngạch Singapore đã

nhiều lần làm kiến nghị mà
không kết quả. Cuối năm 1951, khi Keng
Swee từ Anh về, ông ta vạch ra một
chiến lược đơn giản để
tạo được thế mạnh chính trị
buộc chính phủ phải nhượng bộ.
Thay vì đấu tranh đòi phụ cấp
gia đình tương đương với
phụ cấp phục vụ tại thuộc địa
cho khoảng 200 viên chức chính ngạch
người bản xứ, Keng Swee đã đề
nghị họ yêu sách những phụ cấp
tương xứng cho tất cả công chức,
nhất là những nhân viên công
nhật bậc 4 được trả lương

thấp mà rất đông đảo ở
đây. Từ 1945, lương công chức
đã tăng rất chậm so với mức
lạm phát. Cuộc bãi công của
nhân viên bưu điện đã cho
thấy phong trào quần chúng có thể
đấu tranh hợp pháp như thế nào,
sau đó, các nhân viên công nhật
cũng sôi nổi muốn hành động.

Tháng 7/1952, Keng Swee giúp Kenny thành lập một ủy ban
hành động phối hợp để đại
diện cho mọi nghiệp đoàn và hiệp
hội của mọi công nhân viên chức
với tổng số thành viên lên tới
14.000 người. Họ đòi hỏi các
phụ cấp gia đình tương đương

với lương trả cho các viên chức

Anh phục vụ tại thuộc địa. Trong

một cuộc biểu tình vào tháng

11, công nhân viên đã tập trung

rất đông để bày tỏ bất

mãn đối với kiểu đối xử

phân biệt chủng tộc dành cho công

chức người bản xứ. Truyền đơn

của họ in dòng chữ “Có công

bằng không? Người Âu gia đình

ÍT con hưởng trợ cấp NHIỀU. Chúng

ta có gia đình NHIỀU con và KHÔNG

trợ cấp.”

Những ủy viên dân cử trong Hội đồng lập pháp

cảm thấy rằng có thể đạt

được uy tín chính trị bằng

cách ủng hộ yêu sách về trợ
cấp gia đình cho nhân viên bản
xứ, nhất là những người hưởng
lương thấp, và họ bắt đầu
lên tiếng ủng hộ điều đó
trong Hội đồng lập pháp. Thống
đốc John Nicoll, chủ tọa buổi họp
của Hội đồng, đã hơi bực
bội. Ông khuyến cáo họ nên giới
hạn vào việc thực thi kiểm soát
“chính sách tổng quát ở tầm
cao” và cảnh cáo các công chức
rằng “quý vị không thể gây
áp lực đối với các ủy viên
hội đồng.”

Ủy ban hành động phối hợp phủ nhận việc

họ tiếp cận các ủy viên hội

đồng lập pháp để yêu cầu

ủng hộ, nhưng đã đặt câu

hỏi là phải chăng các công chức

không có quyền thảo luận các

vấn đề nguyên tắc với các

đại diện dân cử của họ sao.

Liên hiệp các nghiệp đoàn công

chức Singapore đã gửi thư cho thư

ký thuộc địa bày tỏ “sự

mất tin tưởng sâu xa của các công

chức người địa phương đối

với các công chức Anh phục vụ

tại thuộc địa.”

Đối mặt với sự chống đối ngày càng tăng

và thái độ phản kháng đến
ngạc nhiên từ các công chức và
thậm chí từ phía các ủy viên
hội đồng lập pháp vốn nhu nhược
xưa nay, viên thống đốc đã
tìm cách phân tán sự bất mãn
đang tăng này bằng cách cử ra một
ủy ban đặc trách, do F.C. Benham, một
nhà kinh tế nổi tiếng, làm trưởng
ban, đề “khảo sát xem các bậc
lương hiện nay của các viên chức
người bản xứ thường trú có
phù hợp hay không”. Sau ba ngày tham
vấn, ủy ban này đồng ý với
các nghiệp đoàn rằng họ được

quyền hưởng phụ cấp gia đình.

Viên thống đốc choáng váng. Điều

này sẽ dẫn đến thâm hụt

ngân sách nghiêm trọng. Khi ông ta bác

bỏ bản tường trình này, sáu

nghiệp đoàn liền đe dọa bãi

công. Để ngăn ngừa bãi công,

viên thống đốc hứa sẽ giao vãn

đề lại cho một ủy ban độc

lập, do Huân tước Edward Ritson phụ

trách. Tháng 3/1953, Ritson đề nghị

bãi bỏ các phụ cấp gia đình

cho nhân viên Anh phục vụ tại thuộc

địa.

Ủy ban hành động phối hợp đã làm rung
rinh hệ thống thuộc địa. Sau 10 tháng

tiếp tục đàm phán, chính phủ

đồng ý một thang lương mới,

tăng nhiều cho các cấp chức vụ

lương cao hơn là cho các viên chức

bậc trung và bậc thấp. Như vậy

chính phủ thuộc địa đã

không cho Keng Swee và Kenny giành được

uy tín chính trị đối với giới

công chức cấp thấp mà họ hằng

mong muốn.

MỞ RỘNG ẢNH HƯỞNG

Tháng 9/1952, một người Malay cao, trạc 40, trông giống người Ấn, sống mũi dài mảnh, đến

văn phòng của tôi. Nói tiếng Anh

tốt nhưng hơi ngập ngừng và lắp

bắp, ông ta tự giới thiệu là

Yusof Ishak, chủ nhiệm kiêm tổng biên

tập và giám đốc điều hành

của tờ báo Utusan Melayu. Biên tập

chính của ông là Samad Ismail, đang bị

giám cùng những người chống đối

khác ngoài đảo St. John sau khi bị bắt

vào tháng 1/1951, nhưng người ta sắp

xử lại vụ của anh ta. Tôi có thể

đại diện cho anh ta không?

Tất cả mọi vụ án về tội chống chính quyền
ở tình trạng tuyệt vọng hay hầu
như tuyệt vọng đều đã đến
với tôi như một hy vọng cuối cùng.
Tôi đã dựa theo các điều
luật cho phép thường dân kiện nhà
nước để kiện và kết án
được những viên chức nhỏ về
tội sách nhiễu dân đen, những
người sẵn sàng trả tiền cho tôi
để giúp họ trả thù – một
phu kéo xe kiện một cảnh sát vì
đã tấn công ông ta, một thủ
kho bến cảng kiện Ban quản lý cảng
đã hạ chức anh ta một cách bất công. Trong một vụ
đáng nhớ, tôi đã kiện Thiếu

tá hải quân George Ansel Hardcastle, chỉ huy lực lượng phòng
cháy chữa cháy thuộc căn

cứ hải quân, về tội bội tín

khi thâm lạm quỹ phúc lợi của

công nhân viên. Vụ án này do

một quan tòa Anh ở tòa hình sự

khu vực thụ lý và ông ta đã

tha bổng ông thiếu tá. Những nhân

viên chữa cháy bất mãn sau đó

đã theo ý kiến của tôi và

kiện Hardcastle lên tòa cấp cao hơn để

đòi bồi thường với mục đích

làm rùm beng vụ này. Tuy nhiên các

sỹ quan bè bạn của ông ta đã

lạc quyên được 12.000 đôla, đủ

để bồi thường và trả án

phí trước khi vụ này được
đem ra xử, khiến nghiệp đoàn không
đạt mục đích phơi bày và
tố cáo ông ta trước tòa xử
công khai. Đó là không khí ác
cảm và nghi kị mà chúng tôi
phải sống trong đó.

Nhưng vụ Samad không chỉ là vấn đề pháp
luật. Đó là một vụ truy tố
chính trị của một guồng máy
hành chính thuộc địa đang chịu
sự đe dọa của một cuộc khởi
nghĩa vũ trang của cộng sản và áp
lực đòi độc lập của các
lực lượng quốc gia. Cách hay nhất

là thuyết phục chính quyền rằng
người tù này có thể là
một người yêu nước nhưng không
theo đường lối bạo động vũ
trang. Tôi quyết định nhận vụ này
mà không bàn với Laycock. *Utusan Melayu* sẽ
chịu mọi chi phí cho vụ này.

Tôi e rằng sẽ
không đạt kết quả gì nếu
chỉ làm một việc là thuyết
phục, nên tôi quyết định tìm
viên sỹ quan ở Sở đặc vụ phụ
trách vụ này để tìm hiểu
tình hình của thân chủ tôi, và
xem họ muốn buộc anh ta tội gì. May
mắn thay, việc này đưa đẩy

tôi gặp Richard Byrne Corridon, người phụ

trách bộ phận kiểm soát dân Ấn

và người có giáo dục Anh. Ông

này là một chuyên gia đã từng

làm công việc này tại Ấn Độ

và có thể phân biệt ngay những người cộng sản và những người quốc gia Ấn.

Chúng tôi đã gặp nhau trước đó. Ông ta từng

nghiên cứu hồ sơ của tôi và

một sáng sớm nọ vào năm 1952,

ông ta đã tới tìm tôi ở số

38 đường Oxley, chỉ để chuyện

gẫu. Ông ta nói rằng ông đã

đọc về các hoạt động của

tôi tại London và rất muốn gặp

tôi để

tìm hiểu thêm về

những người cộng sản ở đó, như Lim Hong Bee, và ảnh hưởng của họ đối với

các sinh viên người Singapore và

Malaya. Tôi nói cho ông nghe những điều

tôi nhận xét về Lim Hong Bee và khả

năng phát triển của đảng cộng

sản trong giới sinh viên du học tại

London, nhưng có thêm rằng sau vụ bắt

giữ Eber và nhóm của ông ta tại

Singapore vào tháng 1/1951 thì có thể

tôi đã sai. Đồng thời tôi

cũng vạch rõ cho ông ta về những

ngghi ngờ của Sở đặc vụ về

lần Đại hội thanh niên ở Budapest.

Tôi nói Dennis đi dự hội ấy như

một kỳ nghỉ hè thôi và nó

chẳng quan tâm gì tới chính trị.

Nhiều năm sau, tôi khám phá ra rằng

những điều này cũng được ghi vào

hồ sơ của họ.

Bây giờ tôi đến gặp ông ta tại văn phòng

ở Sở đặc vụ trên đường

Robinson. Ông ta rất cởi mở. Ông ta nói

Samad là một người thông minh, năng

động, một nhà hoạt động ưu

hạng. Tôi hỏi liệu anh ta có phải

một người cộng sản không, ông

ta đáp: "Người cộng sản thông

minh nhất mà tôi được biết".

Câu này nghe chẳng có gì hứa

hẹn cho đến lúc ông ta thêm:

“Nhưng con người cứ trưởng
thành và tư tưởng của họ
thay đổi cùng kinh nghiệm, ông cứ
làm việc với anh ta. Anh ta đáng được
giúp đỡ.”

Cảnh sát tổ

chức một chuyến tàu đưa tôi
ra đảo St. John, một đôi đôi
lịch sự họ dành cho các luật sư
biện hộ phạm nhân. Đó là
một chuyến đi dễ chịu kéo dài
20 phút trong một buổi chiều, sau đó
là 20 phút đi bộ và leo dốc lên
mạn Bắc của đảo. Ở đó,
giữa khu rừng xinh đẹp, có những
khu nhà nghỉ mát của chính phủ,

cách đó không xa là những dãy
nhà có hàng rào kẽm gai làm
trại cai nghiện thuốc phiện. Có một
tòa nhà cũng được vây bằng
hàng rào kẽm gai, đó là nơi
tạm giữ các phạm nhân chính
trị. Biết trước chuyện tôi ra đây
nên viên giám ngục đã đặt
sẵn bàn ghế dưới bóng cây
gần đó. Tôi chờ một lát
trong khi một nhân viên người Ấn
đi vào tòa nhà, lát sau ông ta
dẫn ra một người Malay tầm thước,
gầy mảnh, đeo kính râm, có hàng
ria mép tĩa gọn và chiếc răng

cửa bị mẻ. Anh ta hút thuốc liên

tục và trông có vẻ rất buồn

chồn. Anh ta có vẻ nghi ngờ khả năng

được phóng thích trước một

ủy ban gồm một chánh án tòa án

tối cao và hai phụ thẩm không chuyên.

Tôi nói với anh ta rằng chuyện đó tùy thuộc
vào việc Sở đặc vụ

có tin anh tiếp tục theo đuổi lý

tưởng cộng sản nữa hay không, nếu

anh tiếp tục thì sẽ còn bị bắt

đi bắt lại. Nhưng nếu sau khi được tha, anh hoạt động như

một người theo chủ nghĩa quốc gia

thì chắc họ sẽ để anh yên.

Anh ta bật cười. Đó là lần

đầu tiên tôi đối mặt với

một người cộng sản bị cầm
tù. Tôi chẳng biết gì về tâm
lý, động lực và cách suy nghĩ
của họ, những thứ đã khiến
họ quyết tâm chứng tỏ cho chính
họ và mọi người rằng họ là
những con người có niềm tin và
sức mạnh, có khả năng chịu đựng
gian khổ vì lý tưởng, xứng đáng
là đồng chí với các chiến
sĩ khác đã tận trung với chủ
nghĩa Mác.

Việc tái thẩm vụ xử anh ta được làm kín
trong phòng của quan tòa. Anh ta bị câu
lưu chủ yếu vì anh ta là đảng
viên MCP và là lãnh đạo phân

bộ Malay của Hiệp hội dân tộc
chống Anh, một tổ chức phụ trợ
của MCP. Quan tòa lắng nghe lý lẽ
biện hộ của tôi rằng anh ta cơ bản
là một người chống thực dân
và là một người Malay theo chủ
nghĩa quốc gia, và do quan hệ cá nhân
và bạn hữu mà anh ta đã tổ
chức cho Abdullah Sudin, một đảng viên
cộng sản cao cấp, đào thoát sang

Indonesia vào tháng 9 hoặc 10/1950, khi biết ông này bị cảnh sát
truy nã.

Tôi không biết mình có gây được
ấn tượng với ông chánh án
và hai vị phụ thẩm hay không. Vị
chánh án chẳng nói gì, và

buổi thăm vấn kết thúc trong vòng

20 phút.

Samad trở ra đảo St. John, nhưng tháng 4/1953, anh ta cùng vài người khác được phóng thích,

trong đó có C.V. Devan Nair. Khi tôi gặp

Nair lần đầu sau hàng rào kẽm

gai, với chiếc kính cận, quần ngắn

và đôi dép Nhật, tôi đã

thấy ông là người khác thường.

Ông là người thấp lùn, khó

tính và luôn bức bối với mọi người. Nhưng khi Samad nhận thấy tôi

chú ý ông ta, anh đã nói rằng đó là một người bạn

tốt, cán bộ của Nghiệp đoàn

giáo chức Singapore. “Bị giam cầm,” anh ta nói,

“anh sẽ học được cách phân biệt kẻ mạnh mẽ và kẻ

yếu đuối.” Anh ta nhắc tới một

tù nhân người Ấn khác, James

Puthucheary, một kẻ nói nhiều, bề

ngoài coi khôn ngoan nhưng không tin cậy

được. Nair là một người dũng

mãnh, đáng tin cậy. Tôi nghĩ, có

thể như thế, nhưng tôi không tin

cái tướng của ông ta. Ít lâu

sau đó, hóa ra Nghiệp đoàn giáo

chức Singapore lại đến nhờ tôi đại

diện cho ông ta. Tôi không thể từ

chối, nhưng không tin vào viễn tượng

của việc cố gỡ cho ông ta ra. Khi tôi

gặp Corridon lần kế, ông ta tóm lược

cho tôi biết về Nair, xác định

ông ta là một người phần nộ, tận tâm và kiên quyết. Ông ta đã
được

P.V. Sharma, chủ tịch nghiệp đoàn, giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản.

Nhóm vài người chúng tôi – Keng Swee, Chin Chye, Raja, Kenny và tôi – trong khi đó vẫn gặp nhau

vào chiều thứ Bảy trong phòng ăn

dưới tầng hầm của nhà tôi

trên đường Oxley để xem xét

khả năng thành lập một chính

đảng. Căn phòng nằm ở mé

Tây ngôi nhà nên nóng và thiếu

tiện nghi, dù có tới ba cửa sổ,

hai cửa lớn và quạt trần quay suốt

buổi. Tuy bầu không khí gây mệt

mỏi, nhưng chúng tôi vẫn tỉnh

táo. Chúng tôi quyết tâm mình

phải hoàn toàn khác với những

đảng phái hay cá nhân nhu nhược

và vị kỷ trong Hội đồng thành

phố và Hội đồng lập pháp hiện nay. Do đó chúng tôi quyết

định mời Samad tham gia thảo luận khả năng tiến hành đấu

tranh hợp pháp đòi độc lập

mà không bị hút vào phong trào

cộng sản. Chúng tôi cũng muốn có

mặt anh ta vì anh ta giúp chúng tôi

tiếp cận khối dân nói tiếng

Malay, và truyền bá quan điểm của

chúng tôi cho họ qua tờ *Utusan Melayu*.

Sau hai cuộc họp, anh ta hỏi có thể lần sau rủ thêm

Devan Nair hay không vì ông ta cũng có

thể có đóng góp tốt. Tôi

không thích ý kiến đó, nhưng

các bạn hữu và tôi đều

đồng ý rằng nếu chúng tôi
chỉ thu nạp những người chúng tôi
thích thì không bao giờ phát triển
thành một chính đảng được.

Nên Nair đến tham gia, và mỗi tuần, chúng tôi sẽ gặp
nhau để nói chuyện về tình hình và xem có thể thực hiện hành
động chính trị gì.

Người Anh không phải không ý thức được các
áp lực chính trị
đang tăng dần. Năm 1953, viên thống
đốc chỉ định Huân tước

George Rendel, cựu đại sứ tại Bỉ, tổ chức
một ủy ban xem xét lại hiến pháp
Singapore và đề xuất hướng phát
triển kế tiếp. Trong báo cáo công

bố ngày 22/2/1964, Rendel đề nghị cho

tự động đưa vào danh sách cử

tri mọi thân dân Anh sinh tại Singapore. Việc này sẽ tăng số cử tri lên gấp

bốn lần. Chính phủ mới trong tương

lai sẽ gồm một hội đồng có

9 ủy viên, 6 trong số đó sẽ được

bầu, dựa theo đề cử của lãnh

đạo đảng đa số. Nhưng những

nhiệm vụ quan trọng sẽ nằm trong tay 3

ủy viên hữu trách: tổng thư ký,

thư ký tài chính và chương

lý. Ngoại trừ trong những lĩnh vực

giới hạn về đối ngoại và

phòng vệ (kể cả an ninh nội địa),

thì thống đốc sẽ phải chấp

nhận các quyết định của hội

đồng, mà hội đồng này chỉ
chịu trách nhiệm trước Hội đồng
lập pháp mới. Sẽ có tổng cộng
25 thành viên được bầu, 6 được
chỉ định và 3 hữu trách cố
định. Thống đốc chấp thuận
báo cáo này để thực hiện
trong kỳ bầu cử kế vào tháng
4/1955.

Giờ đã đến lúc chúng tôi phải quyết định
ngay, hoặc tham gia ứng cử theo hiến pháp
mới hoặc tiếp tục đứng bên
ngoài. Samad và Nair chủ trương đứng
ngoài. Họ muốn độc lập hoặc
không có gì cả. Rút ra bài
học từ những sai lầm của Liên

đoàn dân chủ Malaya (MDU), Raja rất ủng hộ việc tham gia. Kenny và Keng Swee cũng vậy. Tôi tin tưởng rằng việc không tham gia sẽ loại chúng tôi khỏi đấu trường hợp pháp, và rồi chúng tôi sẽ kết thúc giống như MDU hoặc phải hoạt động bí mật. Nên chúng tôi khởi sự hoạch định việc lập chính đảng trước cuối năm 1954 để chúng tôi có được 6 tháng vận động trước kỳ bầu cử.

Mọi sự luôn có vẻ xảy ra bất chợt. Ngày 28/5/1954, một nhóm sinh viên đại học Malaya bị bắt giam và bị kết tội kích động chống chính quyền. Họ

muốn tôi đứng biện hộ giúp.

Tôi nhìn vào hồ sơ buộc tội;

cơ hội là 5 thắng 5 thua. Họ đã

in trong tờ *Fajar*, một tạp chí sinh viên phát hành

không đều tuy ý đồ là ra hàng tháng, một bài báo có

thể đã vi phạm pháp luật. Tôi

đồng ý biện hộ cho họ và

sau khi suy nghĩ ít lâu, tôi nói với

họ rằng vụ của họ tốt nhất

là nên xem như một phản đối

chính trị, chứ không phải một vụ

vi phạm pháp lý. Tôi đề nghị

rằng chúng tôi sẽ mời một luật sư từ London qua,

ông D.N. Pritt, vốn nổi tiếng về đấu tranh cho các xu hướng

khuyh tả. Pritt đã ngoài 60 và có

tiếng là người có miệng lưỡi

sắc bén chẳng hề biết sợ bất

cứ quan tòa nào dù ở các

thuộc địa hay chính quốc Anh. Ông

ta đã bị loại ra khỏi guồng máy

cai trị Anh, và được xem như một

nhân vật kỳ cục, một trong những

người Anh lập dị thuộc giai cấp tư

sản mà lại tỏ ra vô sản còn

hơn cả người công nhân nghèo

nhất trong khi vẫn sống một đời

sung túc. Tháng 6/1950, Choo và tôi đã tới thăm ông ta

tại London để xin ông ký giấy tờ

bảo lãnh cho chúng tôi vào Luật sư đoàn, nơi ông ta là Thẩm
phán pháp quan của Middle Temple. Tôi tin rằng

ông ta sẽ nhận vụ

này, miễn là chúng tôi chu cấp
được chi phí đi lại ăn ở
và một ít thù lao cho ông. Tôi
viết thư cho ông ta, và ông trả
lời ngay. Vâng, ông sẽ qua.

Biết rằng Sở
đặc vụ sẽ kiểm tra thư từ
giữa tôi với Pritt nên tôi dùng
tên và địa chỉ của Chin Chye, do
đó thư của Pritt gửi cho tôi sẽ được chuyển tới
chỗ của Chin Chye trong cư xá đại
học Malaya trên đường Dalvey.
Khi tôi viết đến chương này năm 1996,
tôi mới biết ra Sở đặc vụ đã
nghĩ rằng Chin Chye và Raja chịu trách
nhiệm trong việc đưa Pritt sang Singapore. Họ

đã làm, tôi cũng dùng địa

chỉ của cô em của Choo, nên một

số thư của Pritt được gửi cho

Kwa Geok Choo ở Cairnhill Circle, thay vì số 38

đường Oxley hay Công ty Laycock & Ong. Sở

đặc vụ hẳn chẳng bao giờ biết

ra điều này, vì hồ sơ của

họ không ghi nhận chuyện kiểm tra thư

từ nào gửi tới đó cả.

Một vấn đề

lớn mà tôi đã dự trù là

chuyện xin phép Luật sư đoàn

Singapore cho Pritt được hành nghề. Cơ

quan này theo thông lệ sẽ đòi

Pritt hoàn tất 6 tháng tập sự với

một luật sư hay trạng sư có ít

nhất 7 năm thâm niên tại đây.

Trong những trường hợp đặc biệt,
vẫn có điều khoản cho phép chánh
án bỏ qua quy định này, nhưng tôi
e Ban chấp hành Luật sư đoàn sẽ
bác bỏ mọi trường hợp miễn
trừ đặc biệt. Câu lạc bộ Lao
động của trường đại học
đã lập ra một Ban ngân sách biện
hộ của sinh viên và gom được
10.000 đôla để trả tiền vé
máy bay, chi phí ăn ở và một
món quà nhỏ cho Pritt. Tôi quyết định
rằng dù ông ta có được cho
phép hay ngăn chặn, thì việc đưa

ông qua đây vẫn là chuyện đáng
làm, vì từ chối không cho ông
xuất hiện trước tòa sẽ là
một thất bại chính trị của chính
quyền. Nên tôi nắm lấy cơ hội
này, và ông ta đến đây vào
ngày 11/8. Các sinh viên và tôi đón
ông ở phi trường và tôi chở
ông ta về khách sạn Adelphi. To con, đậm
chắc và hói đầu, ông ta quả
là tràn đầy năng lượng. Sau
một chuyến bay dài với hai lần nghỉ
qua đêm ở Cairo và Colombo, ông ta vẫn
có thể, ngay trong tối hôm đó,
ngồi trong một căn phòng thiếu tiện nghi để

ghi chép các chi tiết về vụ án. Tôi trình bày
bối cảnh sự vụ và đưa cho
ông các tài liệu đã xuất bản có thể sử
dụng trong khi bào chữa, trong đó có
những trích đoạn quan trọng từ
các cuốn sách và các diễn văn
có liên quan.

Ông ta rõ ràng có đủ năng lực đại diện
cho bất cứ ai bị kết tội chống
chính quyền tại bất cứ đâu
thuộc đế quốc Anh cũng như tại
chính quốc Anh. Nhưng luật lệ thì
phải tuân thủ, nên tôi thu xếp
cho ông làm việc trong văn phòng của
Osborne Jones, một luật sư và trạng sư
có không dưới bảy năm hành

nghề, theo đúng yêu cầu. Sau khi Pritt

đã ngồi làm cảnh trong văn phòng

đó được sáu ngày thì

Osborne Jones có thể tuyên thệ trong một

tờ khai: “Tôi đã chỉ bảo

cho đương sự, bằng hết khả

năng của tôi, về những khác biệt

của luật pháp tại Anh và luật

pháp tại Singapore.” Osborne Jones vốn rất

tôn trọng sự thật. Sau đó Pritt

phải trình diện trước ba giám

khảo mà họ phải thấy tin chắc

rằng ông ta có đủ “những

kiến thức cần thiết về việc hành

nghề và tiêu chuẩn của nghề, có

khả năng Anh ngữ và là người

xứng đáng được nhận vào

Luật sư đoàn”. Đó là

ba nhân vật nổi bật của Luật sư

đoàn Singapore, một cố vấn pháp

luật Hoàng gia và hai luật sư Anh thâm

niên. Một trong số họ đã hỏi

Pritt: “Ngài soạn thảo chứng thư

chuyển nhượng bất động sản

thế nào?” Pritt đáp: “Luật

sư của luật sư đoàn, thưa

ngài, không soạn thảo chứng thư

chuyển nhượng bất động sản.”

Ngay cả tờ *Straits Times* cũng tường thuật câu vấn đáp xuất sắc này.

Pritt cạm cũi làm tờ khai sao cho ông chánh án
không còn chút nghi ngờ
gì về
trình độ của ông. Ông ta đã gia nhập Luật
sư đoàn từ năm 1909, tức là
có thâm niên hơn bất cứ luật
sư nào ở Singapore, kể cả các
chánh án. Ông đã là luật
sư hoàng gia từ năm 1927 và là
Thẩm phán pháp quan của Middle Temple từ
năm 1936. Ông cũng đã từng biện
hộ trước nhiều tòa án trên
khắp thế giới, từ Ấn Độ cho
tới Algeria và từng được phép
biện hộ trước Tòa án tối
cao Mỹ năm 1950.

Để hỗ trợ

cho đơn xin này, tôi cũng thảo một

tờ khai nhân danh sáu bị cáo để

xác định rằng vì vụ xử có

liên quan tới nhiều vấn đề pháp

lý phức tạp, nên các bị cáo

này đã yêu cầu có một

luật sư biện hộ nhiều kinh nghiệm

về các vụ án hình sự và

đã yêu cầu tôi mời David

Matshall. Nhưng vào ngày 24/7, một trong

những sinh viên đã nhận được

thư của luật sư này dứt khoát

từ chối việc biện hộ.

Các sinh viên đã kèm thư này vào tờ

khai của họ, nêu rõ rằng: “Chúng

tôi thấy không thể thuyết phục
được ông Marshall, người vốn
lâu nay vẫn có cảm tình với mục
tiêu chính trị của chúng tôi,
đồng thời cũng nghĩ rằng các
luật sư bản xứ khác ở Singapore
có thể không thiện cảm với chúng
tôi được như thế."

Đơn xin phép của Pritt bị Ban chấp hành Luật sư
đoàn và cả viên chương lý
chống đối. Viên chánh án, người
mà Pritt đích thân tới trình
đơn, nhận ra rằng nếu bác đơn
xin này sẽ gây xôn xao dư luận,
nên đã chấp thuận.

Cuộc tranh luận đối tịch bắt đầu vào ngày

23/8 và kéo dài ba ngày. Với tôi,

đó là bài học về việc

biện hộ trong các vụ án chính

trị. Pritt tận dụng tư thế một

Luật sư hoàng gia có tiếng là

nổi loạn của mình để tấn

công đối phương ở mọi vấn

đề ông nghĩ ra được, dù

chúng chỉ liên quan mơ hồ tới vụ

án. Mỗi khi có cơ hội là ông

tấn công đối phương thật lực.

Khởi đầu, ông làm tới nơi

tới chốn với cái ông gọi là

“tính trùng lặp của các luận

cứ buộc tội". Về căn bản, tất

cả các sinh viên đều bị kết
tội giống nhau vì việc xuất bản
ấn phẩm với ý định “bôi
xấu Nữ hoàng hoặc bôi xấu chính
quyền hoặc kích động dân chúng
Singapore hoặc truyền bá hiềm khích”.
Ông ta muốn biết bên công tố muốn
gán “ý định” nào cho từng
bị can nào. Ông lý luận rằng
một lời cáo buộc mà tự nó
lại hàm chứa nhiều lời cáo buộc
khác nhau là không hay. Ông yêu cầu
tòa gạch bỏ câu đó và chỉ
thị cho viên công tố soạn ra lời
buộc tội khác rõ ràng hơn.

Tôi cũng đã từng phản đối theo cùng phương
sách như vậy, nhưng tôi không có
uy tín một Luật sư hoàng gia và
ngôn ngữ sắc bén như Pritt. Tuy rằng chánh án bác
ý kiến của ông và cho rằng những lời buộc tội như trên là
không có gì đỡ cả, nhưng ông đã ghi điểm được với
công chúng trong tòa xử cũng như
trên báo chí.

Chánh án F.A.
(Freddy) Chua là một người có tư
duy thực tế và hiểu thấu thực tại bên ngoài tòa
án. Sau những tranh luận của Pritt và Trưởng ban công tố, và
không đi sâu vào bất cứ luận
điểm pháp lý nào, ông ta chỉ
nói rằng các bài báo trên
Fajar không có tính kích động chống

đổi. Cả tám sinh viên đều
được tha bổng. Đối với báo
chí, đây là một kết thúc
đáng thất vọng. Họ chờ đợi
chánh án lý giải tại sao chúng
có hay không có tính kích động
chống đối, nhưng Chua là một chánh
án cẩn thận, không làm gì quá
những việc mình phải làm.

Các sinh viên và những người ủng hộ họ
rất vui mừng. Đây đã là một
vụ truy tố không cần thiết; nó
gây bất lợi cho chính quyền và
khuyến khích máu chống đối trong
dân chúng khi họ được chứng
kiến cảnh viên chương lý ngăn

không nổi một luật sư hoàng gia

có tiếng là gây rối gia nhập

luật sư đoàn, rồi một viên

công tố bị tấn công toi bời

khi tranh luận trước toà.

Ngay sau vụ xử, và trong lúc Pritt vẫn còn ở

Singapore, các học sinh trung học người

Hoa đến yêu cầu tôi đại diện

cho họ để nhờ ông ta thay mặt họ

kháng cáo lời kết tội họ gây bạo loạn vào

ngày 13/5 tại công viên George V, nơi

họ đã tụ tập để phản

đối Pháp lệnh động viên quốc

gia. Vụ này sẽ đưa tôi vào

một thế giới hoàn toàn khác

hẳn, một thế giới tràn đầy

những năng lượng còn nguyên vẹn
và tinh thần lý tưởng.

THẾ GIỚI NHỮNG NGƯỜI HÁN HỌC

Bước làm quen của tôi với thế giới những người Hán học xảy ra sau một biến cố được gọi là 5-1-3, đặt tên theo những vụ biểu tình gây rối vào ngày 13/5. Năm học sinh đến nhà tôi vào một buổi tối năm 1954, ngay sau vụ xử tờ *Fajar*, gồm Robert Soon Loh Boon, một thanh niên nhỏ con, tóc húi cua và sún răng cửa, đóng vai thông dịch và phát ngôn viên của nhóm, Louis Hwa, có khả năng Anh ngữ, cùng ba cô gái người Hoa tóc thắt bím. Các cậu mặc quần sooc, các cô mặc váy, kiểu

đồng phục học sinh của họ. Bảy

học sinh bọn họ đã bị kết

tội cản trở cảnh sát trong những

cuộc biểu tình lôi cuốn tới 500

học sinh các trường tiếng Hoa, chủ

yếu là trường Trung học Chung Cheng, và họ đã xô xát với cảnh sát.

Họ đang tiến hành biểu tình để

ủng hộ một nhóm đại diện

trên đường tới Tòa nhà

Chính phủ để trình một kiến

nghị phản đối việc đăng ký

quân dịch thì bị chặn lại và

yêu cầu giải tán. Họ đã

ném đá vào cảnh sát, sáu

cảnh sát còn bị đâm bằng

dao. Cảnh sát dùng dùi cui phản công

và đánh một số học sinh. Có

26 người bị thương; 48 học sinh,

trong đó có hai nữ, đã bị

bắt giữ.

Phiên tòa được tổ chức ngày 28/6. Trong số 41 học sinh bị truy tố

về tội không chấp hành lệnh giải

tán của cảnh sát, 26 học sinh bị kết tội và lĩnh án sáu

tháng tù treo. Bảy học sinh bị truy tố nặng hơn vì tội ngăn trở

cảnh sát thi hành công vụ. Họ

đã yêu cầu được xét xử

ở một tòa khác vì chánh án

tỏ ra có thành kiến trong cách ông xét xử và

kết án các bạn của họ trong

ngày hôm trước. Họ từ chối

không tự bào chữa gì cả và
bị kết án ba tháng tù, mức án
cao nhất cho tội danh này. Tòa sẽ xét
đơn kháng cáo của họ vào
tháng 10. Tôi nên nhờ Pritt lo vụ
kháng cáo cho họ không?

Sự thách thức pháp luật của họ là mối quan
tâm trước mắt của tòa. Nhưng
những vấn đề tiềm ẩn thì
rất sâu xa và cơ bản. Những người
Hán học không giữ một vị trí
hay vai trò nào trong sinh hoạt chính thức của thuộc địa này vốn
chỉ
sử dụng dân bản xứ có Anh học
làm nhân viên. Chính quyền mở
trường tiểu học dạy bằng tiếng

Anh và tiếng Malay, còn trường trung

học thì chỉ dạy bằng tiếng Anh.

Nhưng những cộng đồng dân nhập cư bị bỏ mặc

tự lo lấy thân. Người Hoa quyên

góp nhau và xây trường cho họ.

Hoàn toàn tự túc, họ dùng

sách giáo khoa xuất bản ở Trung Quốc

và mời thầy từ Trung Quốc qua để

dạy bằng tiếng Quan thoại cứ như

họ đang ở Quảng Đông hay Phúc

Kiến vậy. Về văn hóa, họ sống

trong một thế giới tách biệt. Học

xong trung học, học sinh có thể học

tiếp bằng cách chuyển sang một trường

dạy tiếng Anh và như thế tiến

thân theo những bậc thang Anh học, hoặc tìm việc trong các cơ sở

dùng tiếng Hoa – các

cửa tiệm, nhà hàng hay công ty, hoặc

một vài ngân hàng của người

Hoa.

Họ cảm thấy trợ trọi, và sự thiếu vắng cơ

hội kinh tế đã khiến các trường

học của họ trở thành nơi hun đúc

các tư tưởng khuynh tả vốn đã

xuất hiện ở Singapore và Malaya từ

1923, khi Quốc tế cộng sản lần đầu

cử cán bộ từ Thượng Hải qua

đây. Sau Thế chiến, thành tích

kháng Nhật khiến uy tín của MCP lên

cao và trở thành một lực lượng

mạnh trong giới trẻ và họ đã

xây dựng được một mạng lưới

chỉ bộ tại các lớp học. Nhiều
thầy giáo đã trở thành đảng
viên hoặc cảm tình đảng; nhiều
học sinh quá tuổi vì học hành
dang dở do việc Nhật chiếm đóng
cũng đã được kết nạp;
còn ban quản lý trường phần lớn
là các thương gia cũng có cảm
tình hoặc ngại ngần cản họ.

Một khi tình trạng khẩn cấp được công bố,
phong trào cộng sản ở Singapore rút vào bí mật, nhưng
thực tế họ vẫn phát triển. Năm
1952, người Anh phát thẻ động viên
tại Singapore và Malaya, nên mọi người nam tuổi từ 18 đến 55 đều
có
thể bị gọi phục vụ trong quân đội

hay lực lượng phòng vệ dân sự,
và tháng 4/1954, chính quyền bắt đầu
yêu cầu họ đăng ký. Họ chỉ
cần 800 người cho quân đội
Singapore và 1.200 người cho các lực
lượng phòng vệ dân sự, và
sẽ chọn bằng cách rút thăm.
Nhưng việc đăng ký tại các
trường học tiến hành chậm, và
vào ngày 12/5, hạn chót đăng ký,
học sinh các trường tiếng Hoa trình
một kiến nghị cho Quyền thư ký
thuộc địa xin miễn quân dịch tập
thể. Quyền thống đốc W.A.C. Goode ra
thông báo rằng việc miễn dịch sẽ

được cứu xét cho từng trường

hợp cụ thể. Việc này dẫn tới

cuộc biểu tình của 500 học sinh, và

viên toàn quyền đã từ chối

gặp gỡ đại diện của họ cho

đến khi họ đăng ký xong.

Lúc đó tôi không biết hết nguồn cội của

vấn đề, tuy tôi biết rằng đang

có cái gì đó âm ỉ sôi

sục trong thế giới người Hoa này.

Các học sinh được tổ chức

chặt chẽ, có kỷ luật và đoàn

kết. Họ có khả năng tự kiểm

chế và rất giỏi đấu tranh tập

thể và biểu tình phản đối

khiến chính quyền rất khó tách

riêng hay cô lập những người cảm

đầu để trừng phạt. Sau những

vụ bắt giữ, họ khởi sự thổi

bùng những vấn đề khác có

thể cho phép họ gây ra những xung đột

với cảnh sát, để xảy ra những

vụ bắt bớ và qua đó kích

động tinh thần đấu tranh của quần

chúng. Chỉ mãi sau này tôi mới

hiểu ra tất cả những điều đó.

Nhiều người Anh học, kể cả những

người trong Hội sinh viên Đại học

Malaya cũng thiếu thông tin và kinh nghiệm như vậy. Ngày 18/5, họ cũng có

hành động ủng hộ những cuộc

biểu tình của học sinh người Hoa

bằng cách yêu cầu có điều tra về
các vụ biểu tình gây rối vì
trong những vụ đó, cảnh sát đã
sử dụng bạo lực không hợp cách.
Họ cũng suy nghĩ đơn giản như
tôi vậy.

Những người cộng sản lập tức ghi nhớ vụ gây
rối ngày 13/5 bằng con số “5-1-3”
(ngũ nhất tam), theo cách người Trung
Quốc ghi nhớ những sự kiện lớn,
như vụ Tiananmen¹² ngày 4/6/1989 được gọi là vụ
“6-4” (lục tứ). Các học
sinh tổ chức ở lý trong trường và
phản đối, họ lập ban đại diện
đòi miễn dịch gồm 55 người,
chia thành nhiều tổ công tác lo việc

thu thập thông tin về những học sinh bị

thương, giúp đỡ thuốc men và

kêu gọi dân chúng ủng hộ.

Họ tỏa ra khắp Singapore để vận động sự ủng

hộ của học sinh các trường khác,

các phụ huynh, chủ tiệm và các

lãnh đạo cộng đồng người

Hoa – nghĩa là toàn bộ khối

người nói tiếng Hoa. Họ theo những

phương pháp vận động quần

chúng đã từng được áp

dụng thành công ở Trung Quốc. Ngay khi có dấu hiệu hành động ở

phía cảnh sát, họ sẽ rút vào

trong các trường học hay nhà máy để tập trung thành một đám
đông, thu hút chú ý, kêu gọi

ủng hộ, thách thức giới cầm

quyền và khiêu khích chính quyền

“đàn áp” họ.

Nên ngày 14/5, kể theo ngày xảy ra bạo loạn, họ
cố thủ trong trường Chung Cheng, nhưng ngay hôm sau họ giải tán
theo yêu cầu

của một đoàn đại biểu 12

người của Phòng Thương mại

Trung Quốc. Họ đã trở nên quan

trọng, và những người lớn tuổi

trong cộng đồng người Hoa đã

cùng đến để đấu tranh với

họ và hứa hẹn sẽ can thiệp với

chính quyền. Để giảm áp lực

từ phía chính quyền đang nóng

lòng phục hồi trật tự, Phòng

thương mại đã đề nghị

cho nghỉ sớm kỳ nghỉ giữa năm và

đóng cửa trường. Nhưng các

đại biểu này trước hết phải

nhận sáu yêu sách của học sinh

để chuyển lên chính quyền thuộc

địa. Những yêu sách này đòi

miễn quân dịch hoàn toàn, tha bổng

không điều kiện 48 học sinh đang

chờ xét xử, tiến hành điều

tra công khai vụ bạo loạn ngày 13/5 và một vài nhượng bộ khác
nữa.

Các học sinh đã khôn khéo lôi

cuốn những người lớn tuổi của

cộng đồng người Hoa ủng hộ

họ, và vào ngày 23/5 khoảng 2.500

học sinh lại chiếm đóng trường

Chung Cheng và tuyên bố không giải tán cho đến khi họ được miễn quân

dịch. Ba ngày sau, hàng ngũ của họ

phân tán khi cảnh sát phong tỏa mọi

nguồn cung cấp thực phẩm và các

phụ huynh lôi con em của họ về.

Rồi cứ như

thế. Học sinh Chung Cheng đòi mở cửa

trường học lại, học sinh trường

Trung học Trung Quốc đe dọa biểu tình

tuyệt thực, và ngày 2/6, khoảng 1.000

học sinh từ các trường trung học

khác kéo về trường Trung học

Trung Quốc để bắt đầu một

cuộc cắm trại lý trong kỳ nghỉ

bắt buộc này. Đó là một

hành động thách thức. Họ tự
tổ chức học hành trong các phòng
học và ngay sân trường, học sinh
lớp trên dạy các đàn em về
toán, tiếng Anh, tiếng Hoa và địa
lý. Các phụ huynh mang thực phẩm đến
cho họ; ngoài ra, trông đó cứ
như một kỳ cắm trại giữa năm
kèm tự tổ chức bồi dưỡng
học vấn.

Các học sinh còn gửi những kiến nghị khác
cho thống đốc nhưng tất cả đều
không được trả lời. Khi bảy
trường học khác mở cửa lại
vào ngày 24/6, những biện pháp kỷ
luật mới đã được áp

dụng: trong đó có biện pháp

thanh lọc kiểm tra các giáo viên và

cầm học sinh không được dùng

cơ sở của nhà trường cho các hoạt động ngoại khóa nếu không được

hiệu trưởng đồng ý. Nhưng

những lệnh mới này chỉ nằm trên

giấy tờ và báo chí thôi, vì

ban quản lý cũng như hiệu trưởng

đều e ngại những tổ chức ngầm

trong cả giáo viên lẫn học sinh.

Vào ngày 13/9, chính quyền thông báo rằng họ

dự định đặt thêm cho họ quyền

được đóng cửa bất cứ

trường học nào không chịu tuân

thủ Pháp lệnh về các trường

học. Giám thị trường học từ
nay có thể bị yêu cầu phải trình
bày lý do nếu trong sáu tháng trước
đó trường đã bị sử
dụng cho việc tuyên truyền chính trị
bất lợi cho Singapore. Đây là một
sai lầm nghiêm trọng. Các ban quản lý
của các trường học có thể
là thân cộng, trung lập hay cảm tình
viên. Nhưng một khi chính quyền đòi
kiểm soát trường học của họ,
họ liền đoàn kết với nhau để
chống lại, và ngay cả báo chí
của phe Trung Hoa Quốc dân đảng cũng
ủng hộ họ.

Thống đốc John Nicoll rất ngạc nhiên. Nói chuyện với Hội đồng lập pháp ngày

21/9, ông kết án những gợi ý

cho rằng chính quyền đang thực thi một chính sách bài Hoa. Chính quyền

không có ý định đồng hóa

các trường tiếng Hoa vào hệ

thống giáo dục của thuộc địa.

Những người cộng sản biết rằng

kế hoạch của viên thống đốc

là nhằm dập tắt những hoạt động

của họ, nhưng trong thực tế ông ta

đã cho họ cơ hội nối kết tất

cả những người Hán học vào

lý tưởng yêu nước, và họ

đã lý giải vấn đề thành một âm mưu muốn Anh hóa các

trường tiếng Hoa và tiêu diệt nền

văn hoá, ngôn ngữ và giáo dục
của người Hoa.

Đó là những di sản thần thánh gắn bó với tâm

hồn của mọi người Hoa, nhất là

những chủ tiệm hay thương gia người

Hoa giàu có nhưng ít học tại

Singapore. Họ đã say mê những báo

cáo của Trung Quốc xã hội chủ

nghĩa, miêu tả bước chuyển hóa

đất nước này thành một đại

cường. Và bây giờ, khi nước

Trung Quốc mới hồi sinh này trở thành

một niềm tự hào và vinh dự cho

người Hoa ở khắp nơi, thì người

Anh có vẻ như muốn tước đi

cái quyền đương nhiên này
của họ. Chính quyền, thuộc địa
đã sa chân vào một bãi mìn
văn hoá. Nếu Sở đặc vụ có
những viên chức có Hán học và
có thể hiểu được tâm tình
của các cộng đồng người Hoa
ở Singapore, thì hẳn họ đã cảnh
báo viên thống đốc là cần
phải hành động thận trọng và
tinh tế hơn.

Những học sinh Hán học không hề giống những học
sinh Anh học đã xuất bản tờ
Fajar. Họ rất giỏi lạc quyền ngân quỹ.

Khi tôi thay mặt họ liên lạc với

Pritt, tôi cho ông ta hay rằng các học sinh này có thể huy động

nguồn

tài chính từ giới thương nhân

trong Phòng thương mại Trung Quốc. Ông ta đã đề nghị một thù lao

là 30.000 đôla. Tôi nói lại với

các học sinh và họ chẳng hề bối

rối. Và khá lâu trước khi Pritt

bay sang Singapore vào ngày 7/10 để dự

buổi tranh tụng vụ kháng cáo, vốn

sẽ tiến hành năm ngày sau đó,

họ đã mang tiền mặt tới nhà

tôi. (Họ thấy không thoải mái

khi tới tìm tôi ở văn phòng

Laycock & Ong nơi một luật sư Anh nắm ưu thế.)

Sau khi đọc hồ

sơ kháng cáo, Pritt hẳn phải biết

không có cơ hội thắng lợi, nên

với tác phong kịch liệt do bao nhiêu

năm kinh nghiệm, một lần nữa ông

lại hết sức gây tiếng vang và

tuyên truyền cho các học sinh để

công kích chính quyền. Các học

sinh đã mời ông một bữa tiệc

trà tại Badminton Hall sau khi ông tới đây được một ngày. Pritt
đọc một

bài diễn văn bằng tiếng Anh, phía

học sinh làm mấy bài phát biểu

bằng tiếng Hoa, và chẳng có ai dịch

cho ông nghe. Điều này chẳng có

gì ngạc nhiên vì đây là

cơ hội để các tay lãnh đạo

huy động sự ủng hộ nâng cao nhiệt

tình và tạo thêm khí thế đấu

tranh quần chúng với một lý do hết

sức chính đáng.

Diễn biến này đã khiến ông ta bị ấn tượng sâu

đậm đến nỗi trong hồi ký

xuất bản 12 năm sau, Pritt còn nhớ

rõ cách tổ chức và hậu cần

cho phép 5.000 học sinh vẫn ngồi ngay ngắn trong đại sảnh, mỗi người nhận

được một hộp đựng bánh

nướng, bánh mì, đậu phộng

và chuối, phần ăn dư được

bỏ gọn vào hộp và được

các học sinh phụ trách đi dọc

các dãy ghế dọn đi, và khi họ

xếp hàng ra xe buýt để về nhà,

khu đại sảnh vẫn sạch sẽ ngăn

nấp. Và tất cả những việc này

đều được làm rầm rập

theo lệnh hướng dẫn do các cô cậu

học sinh chỉ độ 15 tuổi phát ra

qua loa phóng thanh bằng một tác phong rất tự tin. Đó là một buổi trình

diễn có thể làm vui lòng bất

kỳ sỹ quan quân đội nào, và

tôi cũng bị ấn tượng như

Pritt. Đó là lần đầu trong mấy

cuộc gặp gỡ giữa tôi với họ.

Tôi chưa bao giờ thấy một chuyện

như vậy ở những học sinh Anh học

thường ăn nói rụt rè thiếu

tự tin, và có tâm lý lúng

túng khi họ sử dụng một thứ

không phải tiếng mẹ đẻ.

Tôi biết vụ

kháng cáo này cũng kết thúc

không hào hứng gì. Nhưng đám

học sinh xem nó như một cơ hội để

tổ chức biểu tình chống chính quyền. Ngày 12/10, rất đông

học sinh tập trung trên phố Padang phía ngoài Tòa án tối cao, và theo tờ

Singapore Standard, “một cơn bão hoan hô” đã

nổ ra khi Pritt xuất hiện. Chánh án

người Anh, ông Knight đã hỏi: “Một

vụ kháng cáo lật vật thể này

mà sao đăng ký tới ba ngày?”

Pritt nói chính ông đã xin như

thế vì ông ta cho rằng nếu bảo

nó sẽ kết thúc nhanh hơn thì

không an toàn. Rồi ông rề rà
trình bày các lý lẽ để
kháng cáo, bày ra một màn trình
diễn kéo dài đến hai ngày (còn
tôi hăn cổ lăm cũng chỉ kéo
được hơn một buổi), nhưng chẳng
có tác dụng gì. Sau khi phản biện
hộ kết thúc vào cuối ngày thứ
nhì, chánh án nói ông giữ
nguyên bản án cũ. Tuy nhiên ông
sẽ bỏ những án cấm cố nếu
các học sinh ký giấy cam kết giữ
hạnh kiểm trong 18 tháng.

Lần lượt mỗi học sinh được hỏi ý có
chịu ký cam kết không. Họ đều
lắc đầu từ chối. Chánh án

quyết định tôn trọng luật pháp,

và các học sinh quyết chí đấu

tranh vì lý tưởng. Chánh án

chẳng có cách nào khác ngoài

việc ra lệnh đưa họ vào nhà

giam, tuy rằng khi làm thế ông chỉ tạo thêm cơ hội khơi dậy tinh thần

chống đối trong cộng đồng nói

tiếng Hoa.

Nếu biết trước hệ quả của việc này hẳn tôi

đã có giải pháp là thuyết

phục các phụ huynh học sinh ký vào

bản cam kết ấy để thả các

học sinh ra. Chính quyền sẽ đạt

được một thắng lợi về tinh

thần còn phụ huynh nhẹ nhõm vì

con em họ sẽ được thả cùng

một lời cảnh cáo. Nhưng vào thời

điểm đó, tôi cũng bị cuốn

theo làn sóng cảm tình với họ

và ngày 20/9, tờ *Nanyang Siang Pau* trích đăng lời tôi phát biểu:

“Cho đến nay chính quyền cũng chưa

có bằng chứng nào về hoạt động

cộng sản trong các trường tiếng

Hoa; nhưng họ đã xem sự chống đối

khi chính quyền từ chối yêu cầu

được hoãn dịch của các học

sinh như một hoạt động cộng sản,

và với lý do này họ đã

tìm cách kiểm soát các trường

tiếng Hoa chặt chẽ hơn.” Tôi đã

kém hiểu biết và ngây thơ, và
đã không biết họ giỏi đến
mức nào trong việc xâm nhập và
điều khiển các tổ chức đang
âm ỉ chống đối chính quyền.

Hồ sơ kháng cáo được trình bày trước Hội đồng tư vấn pháp
lý ngày 15/2/1955 và

bị bác bỏ. Vụ án kết thúc
nhưng bước làm quen của tôi với
giới Hán học chỉ mới bắt đầu.

Đó là một thế giới đầy
sức sống, rất nhiều tay hoạt động
tích cực và rất nhiều thanh niên
có lý tưởng, vị tha, sẵn sàng
hy vinh vì một xã hội tốt đẹp
hơn. Tôi rất ấn tượng về mức

tận tụy của họ đối với lý
tưởng cách mạng, về lòng quyết
tâm đấu tranh lật đổ chính
quyền thuộc địa để thiết lập
một thế giới mới công bằng hơn.
Và tôi cũng ngày càng e ngại
con đường mà các lãnh tụ
của họ đang dẫn họ vào.

Nhưng tôi cũng tin tưởng rằng nếu tôi không thu
hút được ít nhiều trong số
những thanh niên năng động ấy đi
theo đường lối của tôi và
các bạn bè tôi, thì chúng tôi
sẽ chẳng bao giờ thành công. Cho đến
nay, chúng tôi chỉ có liên hệ
với những người Malay và người

Anh học vốn là những người chẳng
có niềm tin hay nhiệt tình đua tranh,
chứ đừng nói đến chuyện
đương đầu với thế lực
trong cộng đồng người Hoa. Những
người Hoa nói tiếng Hoa duy nhất trong mạng lưới của chúng tôi là
những nhóm ở căn cứ hải quân
và trong Ban quản lý cảng, phần lớn
trong số đó là những công nhân
người Quảng Châu có tay nghề, và
một số nhân viên công nhật trong
Hội đồng thành phố.

Các học sinh hần đã được chỉ thị nhờ
tôi làm luật sư, sau khi đã nhờ
những người khác vốn không quan
tâm đến chính trị lắm hay không

muốn đổi đầu với chính quyền
như tôi. Họ bắt đầu tìm đến
đường Oxley để hỏi ý kiến
về cả trăm vấn đề mỗi khi họ
có xung đột với cảnh sát hay bị
chính quyền cản trở, từ chuyện
các nam sinh bị bỏng trong khi cố thủ
trong trường học đến chuyện xin
giấy phép hội họp. Họ thường
đến trong một chiếc xe hơi Chevrolet màu hồng. Rõ ràng một trong
các nữ
sinh ấy đã mượn được xe
của ông bố, có lẽ là một
thương gia hay chủ tiệm giàu có
nào đó.

Tôi không bao giờ từ chối họ, dù trong những

giờ giấc bực mình nhất. Tôi muốn
thu hút người trong thế giới này
cũng như phía cộng sản đã
hoạt động và thu hút được
những người trong giới Anh học như John Eber, Sharma, De van
Nair, Samad và nhiều người khác. Hồi
đó tôi nghĩ rằng tính kỷ
luật của các học sinh, năng lực
và nhiệt tình của các thủ lĩnh
học sinh là phẩm chất tự nhiên,
xuất phát từ nhiệt tình và lý
tưởng của tuổi trẻ. Phải mất
hai năm, từ 1954 đến 1956, tôi mới
hiểu ra các phương pháp, đường
lối và động cơ của Mặt trận
cộng sản thống nhất CUF. Đằng sau

mặt trận này là Thành ủy MCP

chỉ đạo thông qua những nhân vật

hoạt động công khai như Robert Soon Loh Boon và các thủ lĩnh
phân bộ

trong các lực lượng quần chúng.

Cộng sản có một mạng lưới

bí mật gồm các cán bộ rất

có kỷ luật chia thành những chi bộ

bốn người, người đứng đầu

chi bộ sẽ nhận chỉ thị từ chi bộ

cấp cao hơn. Những chỉ thị này

được chấp hành rất nghiêm

chỉnh và các hình thức kỷ luật

đối với đảng viên cũng nghiêm

nhất, đặc biệt đối với những

kẻ phản bội.

Nhưng hồi 1954, tôi chưa hiểu rõ về lực lượng
cộng sản và không thấy nao núng.
Tôi tin rằng mình sẽ thuyết phục
được một số người nào
đó rằng đấu tranh bạo động
sẽ không thành công được ở
Malaya. Tôi còn rất nhiều điều
phải học hỏi.

10

XÂY DỰNG PAP

Một buổi sáng Chủ nhật năm 1954, Choo đang ngồi với Loong, con trai đã 2 tuổi của chúng tôi, ngoài hàng hiên thì hai người đàn ông đến thăm. Lúc đó là khoảng nửa tháng sau khi tôi gặp ý với một số học sinh trường Hoa rằng tôi muốn gặp một số lãnh đạo các nghiệp đoàn người Hoa. Tôi ra phòng khách để tiếp họ. Họ bảo họ thuộc Nghiệp đoàn công nhân xe khách Singapore. Họ ăn nói nhỏ nhẹ và hiểu được tiếng Anh chút ít, nhưng vẫn mang theo Robert Soon Loh Boon làm thông ngôn. Tên của họ

là Lim Chin Siong và Fong Swee Suan. Tôi đã

được tiếp xúc với một số

tay hoạt động trong giới lao động

người Hoa và rất hào hứng với

viễn cảnh tìm hiểu được bọn

họ để chiêu mộ một số người

cùng chia sẻ lý tưởng về một

xứ Malaya dân chủ và xã hội chủ

nghĩa. Lim và Fong có vẻ đúng

loại người tôi cần: cung cách nhiệt tình, chân thành, ăn mặc đơn giản.

Fong ăn mặc còn đến mức xập

xệ nữa. Nhưng sự kiên trì và

tận tụy hiện rõ trên nét mặt

và trong từng cử chỉ của họ.

Họ khác biệt rõ rệt với những nhân vật nông

cạn mà tôi cùng các đồng

sự đã gặp trước đó tại

căn hộ của David Marshall, khi ông này

với Lim Yew Hock của đảng Lao động

bàn bạc chuyện thành lập một tổ

chức chính trị mà sau này sẽ

trở thành Mặt trận Lao động. Đó

là một phần của việc thăm dò

của chúng tôi: chúng tôi muốn

xác định họ có khả năng gì.

Nhưng chúng tôi thấy khó mà

đánh giá Marshall cao được. Là

một người Do Thái hoạt bát, hỏi

đó ông ta đã là luật sư

hành sự hàng đầu ở Singapore, nhưng khi ông ta đưa ra một đề nghị mà

ông coi như rất triển vọng thì
chúng tôi thường khó nín cười
được. Ông ta rất ngây thơ và
không hiểu lắm về chính trị.

Chúng tôi hiểu ông là người hay tự ái, thích đóng
vai quan trọng và không kiểm soát được. Có lần, ông rất bực
bội khi chúng tôi phá ra cười
không đúng lúc trước mặt ông
khiến ông hầm hầm bỏ ra khỏi
phòng rồi ra khỏi nhà luôn. Thế là
chỉ còn lại chúng tôi với các
bạn bè cùng đủ thứ đồ
ăn thức uống. Chúng tôi ăn uống,
nói chuyện vui, cảm ơn bà gia nhân
rồi ra về. Sau lần gặp gỡ thứ ba,
chúng tôi xác định rằng liên

kết với những người này chỉ

thêm tai hại. Điều mà chúng tôi

tìm kiếm là những người có

đầu óc nghiêm túc, sẵn sàng cho những sự nghiệp lâu

dài, những người có thể

bình thản trước những thăng trầm

chính trị trong khi theo đuổi những mục

tiêu của mình.

Lim Chin Siong và Fong Swee Suan đúng là mẫu đối

ngược với Marshall và các bạn

ông ta, và tôi hài lòng với

những ghi nhận này. Họ chính là lớp người

Hán học tương đương với

những chàng trai làm tờ *Fajar* từng bị truy tố vì tội âm mưu

lật đổ, nhưng kiên định và cần cù hơn,

lại ít vị kỷ hơn, đúng là

loại đầu lĩnh mà chúng tôi đang tìm kiếm. Tôi
tràn đầy hy vọng sẽ lôi cuốn
được những người như thế.

Tôi giải thích với họ về các kế hoạch của
chúng tôi nhằm thành lập một
đảng đại diện cho giới công
nhân và những người bị
mất quyền lợi, nhất là giới Hán
học, không chỉ nhằm chiến thắng
trong kỳ tranh cử tới, mà còn giành
được một số ghế đáng kể
để tố cáo sự ung thối của
chế độ và các chính đảng

hiện nay và củng cố lực lượng cho chặng đấu

tranh kế tiếp. Họ không có cam kết gì cả, nhưng với kinh nghiệm
sau dịp

tiếp xúc với các học sinh người

Hoa, tôi cũng không ngạc nhiên. Tôi

hiểu rằng trước khi đi đến một

quyết định quan trọng nào, họ sẽ

phải báo cáo lại và trình bày

những đánh giá của họ, rồi

ở cấp trên nào đó sẽ có

thảo luận cận kẽ và sau cùng

thông báo cho họ về chủ trương

của MCP. Hai tuần sau, họ trở lại cùng

một thông ngôn khác. Phải, họ đã

sẵn sàng tham gia với chúng tôi,

không phải để mưu cầu quyền

lực mà để tổ cáo chế độ

thuộc địa, sự bất cập trong dự

thảo hiến pháp Rendel, và để tấn
công những đảng phái sẽ nắm
quyền.

Chúng tôi dự
định sẽ ra mắt đảng Hành
động Nhân dân (People's Action Party –
PAP) trong một buổi hội ngày 21/11/1954, và
tôi muốn họ làm người triệu
tập dân chúng. Họ thì thâm với
nhau rồi bảo rằng họ phải bàn
bạc trước đã. Lần kế trở
lại, họ nói Fong, vốn là thư ký
Nghịệp đoàn công nhân xe khách
Singapore, sẽ làm người triệu tập,
nhưng Lim Chin Siong trong lúc này sẽ tạm
đứng ngoài. Tôi không biết lý

do của họ, nhưng tôi cho rằng vì
trong hai người thì Fong có thể hy
sinh được, đồng thời ít gặp
nguy cơ về an ninh hơn, do Sở đặc vụ
chưa có hồ sơ gì nhiều về
ông ta một khi tên ông ta xuất hiện
trên báo chí.

Nhưng tôi vẫn hài lòng. Có Fong tham gia, tôi thấy
đảng của mình sẽ có cơ sở
rộng rãi hợp lý trong giới công
nhân. Chúng tôi có những người
Anh học, những công nhân và nhân
viên người Malay, và bây giờ lại
có các bang hội và giới lao động
người Hoa nữa. Chúng tôi không
muốn có các học sinh trung học người

Hoa tham gia, dù theo bất cứ cách nào.

Mọi chính đảng tại xứ Singapore

nhiều tầng lớp này đều phải

cân đối, đừng quá nghiêng về

một tầng lớp nào để khỏi

gây nghi kị hay chống đối ở các

tầng lớp khác, và vì lý do đó

nó sẽ không có được lợi

thế. Nó sẽ gặp nghi kị từ phía

những người Anh học hay Malay học, vốn chiếm tới 40% dân số.

Tháng 10, chúng tôi công bố thành lập đảng,

và vào tháng 11, tuyên bố bước

vào một cuộc đấu tranh cho “nền

luật pháp đa ngôn ngữ được

dịch ra nhiều thứ tiếng bởi vì

không có đại diện dân cử

nào biết khối dân nói tiếng Hoa

suy nghĩ và cảm nhận gì, và

điều đó khó có thể được

coi là một tình hình lành mạnh”.

Điều này khiến các chính đảng

khác cũng phải tuyên bố tương

tự.

Để cân đối với xu hướng cấp tiến và khuynh

tả của một số tay triệu tập quần

chúng, tôi thuyết phục Tunku Abdul Rahman,

lúc đó là lãnh tụ của

UMNO và là thành viên Hội đồng

hành pháp Malaya, cùng ngài Cheng Lock

Tan, Chủ tịch Hội người Malay gốc Hoa (Malaya Chinese Association – MCA) phát biểu tại lễ ra mắt. Tôi đã gặp ông

Tan trong vài buổi dạ tiệc, còn Tunku thì đã tham khảo ý kiến của tôi

khi ông ta muốn kiện một tờ báo tại Singapore về tội phi
báng. Tôi đã mời ông ta cùng
các lãnh tụ UMNO khác dùng bữa
tối tại nhà tôi. Như thế, tôi
có được hai lãnh tụ uy tín
người Malay tham dự đại hội ra mắt
PAP thông qua những liên hệ cá nhân giữa
họ và tôi, và có lẽ cũng
vì họ nghĩ rằng tôi có thể
trở thành đồng minh hữu dụng
trong tương lai. Tuy nhiên, nếu Tunku không
muốn tôi tham gia chính trường của Liên bang thì Tan lại muốn
như
thế. Sự khác biệt rất cơ bản
này giữa hai người đã phản ánh những mâu thuẫn sâu xa
về quyền lợi tranh cử của họ.

Tunku muốn phân rẽ người Hoa thành

từng nhóm, rời rạc, thiếu tổ

chức và dễ cho người Malay đối phó. Tan lại muốn có những thanh niên

có thể tập hợp cộng đồng người Hoa lại, và MCA rất muốn

đưa Singapore vào Liên bang để tăng

khối cử tri ủng hộ họ.

Chúng tôi bắt đầu đại hội lúc 10 giờ sáng

ngày 21/11 tại Victoria Memorial Hall và chỉ

kéo dài được đến 1 giờ

vì có một buổi hòa nhạc đã

đăng ký ở hội trường ấy

vào buổi chiều. Mọi người đến

kín hội trường nhưng không quá sức chứa

của nó. Ai cũng có chỗ ngồi.

Tờ *Singapore Standard* tường thuật có khoảng 1.500 người

có mặt, còn theo tờ *Straits Times* thì chỉ có 800. Những người ủng hộ

chúng tôi từ các nghiệp đoàn

chiếm chừng hai phần ba số ghế, số

còn lại là của những quan sát

viên từ những đảng khác và

những người có quan tâm. Chúng

tôi đọc những bài diễn văn

soạn trước, không có hùng biện

gì ở đây. Chúng tôi mặc sơ

mi, không cà vạt. Cheng Lock Tan mặc đồ

lớn còn Tunku mặc lễ phục Malay – áo cài kín cổ, quần

rộng, quần sarong.

Đó là một đại hội tốt đẹp nhưng không

sôi nổi. Chúng tôi đã chính

thức ra mắt đảng của mình, được

báo chí tường thuật đúng

mức, tự

giới thiệu mình với dân chúng,

và được đánh giá cao. Không có những màn hùng biện

đao to búa lớn, không có tiết

mục thả bong bóng hay phóng sinh chim.

Nhưng chúng tôi đã sẵn sàng

cho ngày tuyên bố ứng cử vào

28/2 và ngày bầu cử vào 2/4. Sau

nhiều thảo luận, chúng tôi đã quyết định đưa ra

năm ứng cử viên: Lim Chin Siong ở đơn

vị Bukit Timah; Devan Nair ở

Farrer Park (tôi không ủng hộ lắm nhưng

xem như một nhượng bộ đối với

cánh tả); ở Pubggol – Tampines là Goh

Chew Chua (một thầu khoán 60 tuổi, bạn

của Kenny, sống và rất có uy tín

ở đây); và tôi ở Tanjong Pagar. Fong Swee Suan không

thể ra tranh cử vì ông ta sinh ra ở Johor, nhưng

chúng tôi đưa Amad Ibrahim ra như một ứng cử viên độc

lập ở Sembawang, nơi mà lực lượng quyết định sẽ là các

công nhân trong căn cứ hải quân.

Chúng tôi tin rằng ông ta sẽ thu hút được

sự ủng hộ của các công nhân

người Malay và người Ấn tại

căn cứ hải quân nếu họ không

nghĩ ông ta là người của PAP, tức

là không quá cấp tiến.

Tổ chức của PAP còn yếu, hầu như là không hề

có tổ chức: không có cán bộ ăn lương, không

chi nhánh hay các đầu lĩnh quần chúng. Trong việc vận động và

giúp đỡ tập hợp bầu cử,

chúng tôi có thể trông vào các
nghịệp đoàn và học sinh trung học
người Hoa. Nhưng một khi chiến dịch tranh cử bắt đầu, các
ứng cử viên của chúng tôi mạnh
ai nấy vận động, trừ những khi có
các diễn giả nổi tiếng như tôi
đi một vòng cả năm đơn vị
bầu cử để nói chuyện trong những
buổi hội cử tri.

Vào ngày tuyên bố ứng cử, hai đối thủ của
tôi tại đơn vị Tanjong Pagar – một người Anh học và một người
Hán học – phản đối việc
tranh cử của tôi với lý do tôi
đã không sống tại Singapore suốt bảy trong số mười năm qua theo
như quy định của Hội đồng tư
vấn của Nữ hoàng tại London đối

với những cuộc bầu cử theo Hiến pháp mới của Rendel. Nhưng có vẻ như quy định này không khả thi vì Singapore cũng mới là một thuộc địa riêng biệt được 8 năm 11 tháng – trước tháng 4/1946, nó còn là một phần của Các thuộc địa vùng eo biển. Một số người Anh cũng viết thư cho tờ *Straits Times*, đe dọa sẽ đấu tranh đòi bãi nhiệm tôi nếu tôi đắc cử, nhưng viên chức phụ trách bầu cử chấp thuận cho tôi ứng cử và khuyên các đối thủ rằng việc phản đối trên cơ sở lưu trú chỉ có thể thực hiện qua một

kiến nghị nếu tôi đã đắc

cử.

Sau khi nghe tin về

tôi, Keng Swee, lúc đó đã trở

qua London, đã nói lại với Stanley Awbery, dân biểu

thuộc đảng Lao động, và Awbery đã

đặt vấn đề này trước Hạ

viện. Tháng 3, Henry Hopkinson, Bộ trưởng

phụ trách các vấn đề thuộc

địa phúc đáp rằng:

“Các sinh viên Malay ở tại Anh trong thời gian chuẩn bị

cho những cuộc bầu cử cấp liên

bang sẽ xảy ra khi họ về nước, nếu

không bị tước quyền dân sự

vì lý do nào đó, thì vẫn

được đăng vào danh sách cử tri nếu trong thời gian vắng

mặt họ vẫn coi Liên bang Malaya là quê xứ của họ. Đương
nhiên họ cũng được phép ra
làm ứng cử viên.”

Tuy ông ta chỉ
đề cập tới sinh viên Malaya, nhưng
những người chống đối tôi vẫn quyết định
gác lại vấn đề đó. Họ
biết London nếu cần thiết sẽ sử dụng tính
hồi tố để điều chỉnh vấn
đề
hơn là để xảy ra tranh cãi quanh
một quy định đã rõ ràng là
vô lý. Như tôi đã nêu ra
vào thời điểm đó, rằng John
Ede, sinh ra và lớn lên tại Anh, vẫn
có thể đủ tiêu chuẩn làm

dân biểu vì ông đã lưu trú
ở Singapore được bảy năm. Nếu
tôi, sinh ra và lớn lên tại Singapore,
và sống suốt đời ở đây
trừ bốn năm tại Anh, mà không đủ tiêu chuẩn thì trái
đất này chắc vương chứ không
phải tròn nữa.

Nhưng đó mới chỉ là rào cản thứ nhất
của tôi. Tôi còn gặp những rắc
rối khác khi báo chí tường
thuật rằng Lam Tian, đối thủ người
Hoa thuộc đảng Dân chủ, nói rằng
tôi không biết đọc biết viết
tiếng Hoa, và do đó không đủ
sức đại diện cho cử tri người Hoa. Tôi thẳng thắn bẻ lại: "Tương
tự, vì Lam Tian không đọc và

viết được tiếng Tamil và tiếng

Malay, nên ông ta không thể

đại diện cho khối người Ấn và

người Malay thuộc đơn vị bầu

cử

Tanjong Pagar.” Tôi đã xác định

liều rằng mình có thể đọc,

viết và nói tiếng Quan thoại, Hakka

và Hokkien, và tôi cũng có thể

nói tiếng Malay nữa. Đó là một

đòn liều trong tranh cử. Một số

phóng viên người Hoa đã khuyên

tôi rằng không nên thừa nhận mình không nắm được tiếng mẹ

đê. Tôi nhớ lại và lấy làm

tiếc rằng đã không quan tâm tới

ước muốn của bà ngoại là

muốn tôi học chương trình tiếng

Hoa ở trường Choon Guan. Bây giờ tôi

phải phóng đại khả năng ngôn

ngữ của mình. Tôi đã quên

gần hết và chỉ có thể viết vài chữ

vì đã không dùng tới tiếng

Hoa nữa từ khi thôi làm cho Công ty Shimoda vào

năm 1943. Thứ tiếng Hakka và Hokkien của tôi nghe thật tội

NGHIỆP, thậm chí là chẳng đáng kể. Tôi tự

hứa sẽ bù đắp thiếu sót

này.

Lam Tian thách tôi tranh luận trong một buổi hội ngoài

trời tại Kreta Ayer, một khu nói tiếng

Quảng Châu thuộc Tanjong Pagar. Tôi từ

chối và phản kích bằng cách

tuyên bố rằng đề làm được

việc trong Hội đồng lập pháp và

trong chính quyền, một ứng viên phải

giỏi tiếng Anh, và do đó tôi sẽ

là đại biểu đặc lực hơn

ông ta. Nhưng tôi cũng đã cố

hết sức để nói được vài

câu bằng tiếng Quan thoại trong cuộc

họp với cử tri lớn nhất của tôi

tại phố Banda, cũng là một khu gốc

Quảng Châu. Một phóng viên quen biết

của tờ *Sin Pao* tên là JekYeun Thong soạn cho tôi hai đoạn

văn và bỏ vài tiếng để

luyện cho tôi đọc bài diễn văn

chỉ tốn ba phút này.

Nhưng đám đông ủng hộ tôi và họ

hoan hô tôi vì nỗ lực đó.

Các vấn đề

của tôi đến đây chưa phải

là hết. Các nghiệp đoàn người

Hoa khuy nh tả và học sinh trường tiếng

Hoa tập trung nỗ lực để hỗ trợ

Lim Chin Siong ở Bukit Timah và Devan Nair ở

Farrer Park. Họ chẳng làm gì cho tôi

và các ứng viên khác của PAP.

Sau vụ này thì tôi hiểu rõ

rằng họ đã nhận mệnh lệnh

của ai. Chúng tôi chỉ là một

mặt trận nhiều thuận tiện. Họ

muốn đưa hai người của họ vào

cơ quan dân cử, và tôi chỉ hữu

dụng ở vai trò bình phong cho họ. Tôi

không bao giờ quên được điều

đó. Tôi đã phải nói chuyện
trước cử tri một lần cho Lim và
một lần cho Nair, nhưng tôi chẳng để
chút tâm trí nào vào đó
cả. Tôi dồn chú ý vào

Sembawang với Ahmad Ibrahim, một tay hoạt động nghiệp đoàn ở
căn cứ hải quân, và tại Punggol

Tampines với Goh Chew Chua, ông này hóa ra
là một diễn giả giỏi nói tiếng
Hokkien và rất hùng biện.

Cuộc vận động lần này không hề giống hồi năm

1951 khi tôi làm trợ lý tranh cử cho

Laycock ở Katong. Hồi đó, nó là một công

việc nhẹ nhàng với những tiệc

trà tiệc mặn trong một khối cử tri giới hạn độ 48.000 người so với
dân số tới 1,8 triệu. Năm

1955, với việc tự động đăng ký

những người sinh ra ở Singapore, số

cử tri tăng thêm 300.000 người và

60% trong bọn họ là khối nói tiếng

Hoa. Hơn nữa, phái khuynh tả đã

quyết định tham gia cuộc đua này lần đầu tiên kể từ

khi tình trạng khẩn cấp được

ban hành. Tình hình đã hoàn

toàn đổi khác: ngôn ngữ chính

là các phương ngữ tiếng Hoa,

tiếng Malay bình dân, hai nhóm này

dễ dàng tiếp cận với phần lớn dân chúng,

rồi sau cùng mới tới tiếng Anh, thứ

có thể tiếp cận được tầng

lớp nhỏ nhất – tầng lớp trên cùng của xã hội Singapore gần gũi

nhất với bộ máy quyền lực nhưng không đáng kể về sức

mạnh trong bầu cử. Những buổi họp ngoài trời với cử tri thường có

diễn giả đứng trên nóc xe hơi

hay xe tải với loa phóng thanh và đèn điện

soi sáng. Chúng lôi cuốn nhiều dân chúng ở những nơi cử

tri nói tiếng Hoa và tiếng Malay là

chủ yếu. Kiểu chơi chính trị sang

trọng trong những đại sảnh chỉ còn

là chuyện trong quá khứ.

Qua cuộc vận động này, tôi thu được một

kinh nghiệm quý báu. Tanjong Pagar là khu

bến cảng, nơi của những công nhân

cảng, những phu kéo xe, các chủ tiệm và những ổ hút

thuốc phiện.

Tối đến, những nơi như khu cư

xá cho công nhân ăn lương công

nhật người Malay trên phố Reclamation,

với những căn nhà gỗ không có

hệ thống cống rãnh. Mùi xú uế
nồng nặc khiến tôi phát gớm mỗi
khi tới đây. Nhưng chính tại đó,
các thủ lĩnh đã duy trì được
một mạng lưới nối kết người
Malay thành một cộng đồng chặt
chẽ. Tôi được giới thiệu với
những thủ lĩnh UMNO địa phương
và hầu như lập tức họ cho tôi
gặp những nhân vật chủ yếu trong
số vài trăm gia đình sống tại
đó. Họ hứa sẽ dẫn phiếu cho
tôi.

Một khung cảnh bẩn thỉu và mục nát nữa là
ở đường Narcis với những dãy
cửa tiệm tồi tàn lụp xụp và

cả những con đường dẫn về khu

ấy ở phía mà ngày nay là

Thương xá Tanjong Pagar. Những khu ấy

không được tu sửa gì nhiều

năm rồi, các cống rãnh bị nghẹt

vì rác của những người bán

rong bỏ lại nên lúc nào cũng bốc

lên mùi thức ăn thối rữa. Những

con chuột to tướng thản nhiên ra vào

trong những đường cống ấy chẳng

sợ gì ai. Tôi lại thấy lợm

giọng, về đến nhà, chỉ rửa

tay thôi coi bộ cũng chưa ổn. Trước

khi ngồi vào bàn ăn, tôi phải

tắm và thay tất cả quần áo.

Đề tài lớn duy nhất kích động được người

Hoa là chuyện nền văn hóa Trung Quốc

và nhu cầu phải giữ gìn các

truyền thống thông qua các trường

dạy tiếng Hoa. Đó không phải là

một vấn đề vô sản, mà chỉ

là lòng tự hào nước lớn

đơn giản và rõ rệt. Nhưng

các chuyên viên kích động hiểu đó là cái lõi cuốn đám đông

và đánh trúng tình cảm sâu

xa của người Hoa và họ đã

tận tình khai thác điều đó.

Trong những lần bầu cử Hội đồng

Lập pháp trước đó, những

bài diễn văn thường buồn tẻ,

yếu ớt và thiếu tâm huyết. Chúng

được viết bằng tiếng Anh hoặc
tiếng Malay và đọc lên một cách
chẳng chút cảm xúc hay tình cảm
gì cả, và họa hoằn lắm chúng
mới được dịch sang một thứ
tiếng Hoa nào đó. Nhưng lần này
thì các diễn giả bằng tiếng Hoa
thắng lợi. Nói bằng thứ tiếng
của họ – Hokkien, Quảng Đông hay
Tiều Châu – họ lôi cuốn đám
đông một cách xuất sắc. Họ
tăng tính hùng biện, trích cách
ngôn, dùng ẩn dụ, biểu tượng
hay điển cố để miêu tả những
tình huống hiện đại. Họ nói

chuyện với vẻ say mê khiến đám
đông tràn đầy xúc cảm và
kích động với viễn cảnh về
sự vĩ đại của người Hoa bày
ra trước mắt họ. Với người
Hoa ở Singapore, điều đó lúc nào
cũng hào hứng và mới mẻ.

Trong kỳ bầu cử
này đã xuất hiện một diễn
giả rất lôi cuốn. Đó là
Lim Chin Siong, một người còn trẻ, gầy,
tầm thước, có khuôn mặt hơi
trẻ thơ nhưng giọng nói lại vang
rền tuôn tràn rất mạnh mẽ khi
anh nói bằng tiếng Hokkien mẹ đẻ
của mình. Các cô gái, nhất là

nữ công nhân trong các nghiệp đoàn,
ngưỡng mộ anh ta. Ngoài chủ đề
về văn hóa Trung Quốc, anh ta còn nói
đến những công nhân bị chà
đạp, bọm đế quốc xấu xa, các
quy định của Tình trạng khẩn cấp
đã tước đi quyền lợi của
quần chúng, như tự do ngôn luận
và tự do lập hội. Một khi qua được
buổi đầu e dè ở hai cuộc mít-tinh
đầu tiên, anh ta luôn được
hoan hô dữ dội mỗi khi phát biểu.
Đến cuối giai đoạn vận động
tranh cử, Lim được coi như một khuôn
mặt nổi bật và là nhân vật

đáng quan tâm trong sinh hoạt chính

trị Singapore và gần gũi hơn là trong nội bộ đảng

PAP.

Fong Swee Suan cũng nói chuyện trong những buổi mít-tinh
ấy

nhưng không có được sức hấp

dẫn như Lim. Ông ta gặp một bất

lợi. Ông ta phải nói bằng tiếng

Hokkien vì dân Hokkien chiếm đa số

trong cộng đồng người Hoa ở

Singapore, nên những bang hội khác cũng

hiếu và sử dụng thứ tiếng ấy,

mà Fong lại là người Hakka, giống

như tôi. Tiếng Quan thoại chỉ thông

dụng trong số những người dưới

35 tuổi từng đi học trường tiếng

Hoa ở đây. Tôi đã tích cực
học tiếng Hokkien, nhưng sau những buổi
mít–tinh ấy, tôi hiểu ra rằng
cho dù tôi cố sử dụng được
nó thì cũng không đủ được.
Nên tôi vẫn ngần ngại với ý
định học tiếng Hokkien. Thứ ngôn
ngữ khác có thể đến được
với rộng rãi quần chúng là
tiếng Malay bình dân. Đó là thứ
tiếng lai tạp không có văn phạm
gì nhiều nhưng rất dễ hiểu với
mọi người, và là phương tiện
giao tiếp duy nhất với người Malay và
người Ấn. Tuy nhiên, vì quá đơn

sơ nên khó mà dùng nó lời
cuốn đăm đông. Không có
chút biện pháp tu từ nào với
thứ tiếng ấy.

Trong chiến dịch này, lòng tận tụy cá nhân đã
trở nên quan trọng làm sao. Những
người xung phong tới giúp đỡ hoàn
toàn là do họ nghĩ tốt về tôi
và muốn tôi thắng cử. Dưới
sự lãnh đạo của các thủ
lĩnh nghiệp đoàn, khoảng 20 nhân
viên bưu điện thay phiên trực suốt mấy ngày trước nhà
tôi trên đường Oxley (nhà tôi đã trở thành bàn doanh tranh cử
cho bốn ứng viên của đảng PAP) để
phân phối tuyên ngôn tranh cử của
tôi cho cử tri. Các bưu tá cũng

đi khắp khu Tanjong Pagar vận động giúp

tôi và phân phát tập tuyên ngôn

tranh cử của tôi tới từng nhà.

Những nhóm như Hiệp hội tiểu

thương và bán rong cũng giúp

chúng tôi. Một số người trong bọn

họ chuyên bán gà vịt sống tại

chợ đã bị phạt vì cảnh vì

chất quá nhiều gà vịt vào

những giỏ đeo trên xe đạp của họ vào dịp Tết âm lịch,

và tôi đã nhẹ nhàng gỡ

tội cho họ bằng cách kêu gọi quan tòa thông cảm vì xét cho cùng,
Tết âm lịch là lễ

hội lớn nhất trong năm của họ.

Nhưng các tổ

chức nhiệt tình nhất là bang Hakka và

các hiệp hội thành viên của họ.

Những người hoàn toàn không quen

tôi đã tới căn nhà trên đường Oxley

để tiếp sức làm các công

việc gì đó. Họ là những

người gốc ở huyện Dapu với ông

cố của tôi và họ chẳng đòi

hỏi gì ngoài việc được góp

phần vào với vinh quang của tôi. Chong

Mong Sang, chủ tịch Hiệp hội người

Hakka tại Singapore, đã huy động mọi

nguồn lực trong bang hội và tìm cho

tôi những xe hơi. Ông ta sở hữu

một loạt các tiệm cầm đồ

rất phát đạt ở Malaya và

Singapore (người Hakka có rất nhiều

tiệm cầm đồ) và cũng là

láng giềng của tôi ở Oxley. Tôi là cố vấn pháp lý

danh dự của bang hội này, và như

một tập thể nhỏ đoàn kết chặt chẽ, những người Hakka đã

nhiệt tình ủng hộ tôi. Hiệp hội Hoa kiều Singapore bán rượu lẻ

cho phép tôi sử dụng những cơ sở

của họ trên phố Bernam để làm

trụ sở thứ nhì vận động tranh cử. Rất nhiều người đã

tới đó, không để lại tên

tuổi, để

đóng góp tiền bạc cho ngân quỹ,

có người lại cho rất nhiều vải

trắng để làm biểu ngữ. Họ

không hề đòi hỏi điều gì.

Mà tôi cũng không có phần thưởng

hay ơn huệ gì cho họ. Ngược lại,

trong số những người khuynh tả Anh học, chỉ có

hai học sinh của tờ *Fajar* tới để tiếp tay phân phối các
tuyên ngôn tranh cử.

Một trong những vấn đề hậu cần quan trọng của
chúng tôi là kiếm phương tiện để chở cử tri tới
địa điểm đầu phiếu, để

khiến họ cảm thấy có nghĩa vụ

bỏ phiếu cho ứng viên của chúng

tôi. Cách làm này, do người Anh

du nhập, rất thuận lợi cho các đảng

giàu có với nhiều ủng hộ viên

sẵn xe hơi. Tôi đã dựa vào

rất nhiều quan hệ cá nhân – các

anh chị em, cô dì, hàng xóm người

Hakka, những bạn bè như Hon Sui Sen và người

em của anh ta. Tôi giao cho Dennis phụ trách việc xe cộ chuyên
chở trong ngày bầu cử. Đó không phải là một
công việc hấp dẫn. Nó đầu
tiên phải thiết lập trật tự và một hệ
thống nào đó từ một lô hỗn
độn đủ thứ xe cộ từ khắp
Singapore tụ về đường Oxley, rồi
chạy tới trụ sở ở đường
Bernam, lái vòng trong khu Tanjong Pagar
đưa đón các cử tri theo sự điều
hành của các chuyên viên vận
động. Dennis cũng thuyết phục một
số trạm xăng cung cấp xăng theo giấy có chữ ký của nó hoặc
của thư ký trợ lý của tôi
ở Công ty Laycock & Ong, vì các bạn bè tôi
đã cho mượn xe với xăng đầy

bình nên khi trả chúng tôi cũng
phải đổ đầy bình, quỹ tranh
cử sau đó sẽ thanh toán khoản
nhiên liệu này.

Nhưng tất cả
những điều này không chỉ làm
vì tôi. Các chuyên viên bầu cử của Lim Chin Siong và
Devan Nair cũng yêu cầu tôi cung cấp xe
– một tay rất khó chịu tên là
Kam Siew Yee thuộc Liên đoàn giáo chức
cứ nhất định đòi tôi phải
cung cấp 30 xe cho riêng Nair. Ngày 21/4, khoảng ba tuần
sau ngày bầu cử, Choo viết thư cho Keng Swee ở Anh, thư này bị
Ban đặc vụ chặn lại và do đó
còn lưu trong hồ sơ của họ. Thư
này nêu rõ các liên đoàn

và học sinh người Hoa thực sự đã vận động cho ai qua lối cư xử thiên vị trong việc vận động phiếu và xe cộ.

“Những người giúp đỡ, vận động, phát ngôn cho Harry là những công nhân thẳng thắn đến hết mực như những bưu tá, thư ký, nhân viên bán hàng, một người chủ cửa hiệu thực phẩm ở Phố Tàu, chủ tịch Liên đoàn các chủ nhà in, vân vân. Cho đến tuần cuối cùng có khoảng 20 cô cậu đến giúp vận động bỏ phiếu trong khoảng từ 2 đến 5 giờ chiều khi người lớn còn phải đi làm chưa về, nên việc vận động của họ

không hiệu quả gì lắm và anh có thể so sánh với cảnh hàng trăm
cậu trai quần nát Công viên Farrer suốt một tháng trời. Vào ngày
bầu cử, lại có thêm một số
cậu trai tới giúp ở Tanjong Pagar – lôi kéo
mọi người đi bầu. Nhưng nếu
như anh từng nghi ngại chuyện các cậu
trao này có đến với mình không thì kỳ bầu cử
này sẽ xóa tan những nghi ngại đó.

...Vào buổi sáng ngày bầu cử, Devan đã sai
lầm khi phái Kam tới số 38 đường
Oxley để lấy đi những xe dành cho
khu Farrer. Ban phụ trách chuyên chở của
chúng tôi đã tốn nhiều ngày
giờ để tìm ra xe cộ (trong số cả
trăm chiếc cho Harry mượn) dùng cho khu Bukit Timah và Farrer,
vì đa

số chủ xe vui lòng cho cá nhân Lee

Kwan Yew, chứ không phải cho PAP mượn và

phản đối dữ dội chuyện cho xe đi

tới nơi nào khác ngoài Tanjong Pagar.

Nên xe cộ được phân chia cẩn

thận – xe nào được chủ đồng

ý mới được điều đi xa.

Khi những xe dành cho khu Farrer tập trung trễ, Kam, tay tồi tệ, đã
trơ tráo gây

chuyện và đòi phải có xe cho y.

Y nghĩ y là cỡ nhân vật nào

vậy."

Ngày bỏ phiếu, 2/4/1955: tôi đạt 6.029 phiếu so với 908

và 780 của hai đối thủ, cả hai đã

mất đi lớp người ủng hộ họ.

Tôi thắng cử với số phiếu vượt trội

bất kỳ ứng viên nào khác. Lim

Chin Siong, Ahmad Ibrahim và Goh Chew Chua cũng được

bầu, và tôi thấy rất nhẹ nhõm,

vì không có Nair, Lim sẽ khó có

thể hoạt động hữu hiệu trong một

hội đồng lập pháp chủ yếu

sử dụng tiếng Anh vì ông ta không

lưu loát thứ tiếng này lắm, và

Nair là chỗ dựa cho ông ta. Bây giờ

thì ông ta phải nhờ cậy vào

tôi.

Chấn động lớn trong kỳ bầu cử này là sự

thất bại của Đảng Tiến bộ

(Progressive Party) vốn được dự báo

là sẽ chiếm đa số trong hội đồng.

Mặt trận Lao động (Labor Front) chiếm

được 10 trong số 17 ghế mà họ
ứng cử, và David Marshall cũng rất ngạc
nhiên khi được cử làm Tổng
ủy viên. Đảng PAP ứng cử bốn
và thắng ba, các đảng nhỏ và
các ứng viên độc lập chia nhau
tám ghế còn lại. Nhưng đảng
Tiến bộ chỉ giành được bốn
ghế trong khi họ ứng cử tới 22 người,
tỷ lệ này ở Đảng Dân chủ
là 2/20, tuy rằng hai đảng ấy có
nguồn tài chính và nhân sự
sung mãn nhất. Điều gì đã
xảy ra?

Đảng Tiến bộ được thành lập mãi từ
năm 1947, nhưng chỉ gồm một nhóm

giới hạn những trí thức Anh học

và những người Anh như John Laycock.

Nhưng Laycock, cũng như nhiều người

khác, bị chìm trong khu vực bầu cử

của mình vốn toàn những người

Hán học – những người Hoa học

trường Hoa.

Đảng Dân chủ thì mới được thành lập

vào tháng 3/1955, sau khi Phòng thương

mại Hoa kiều nhận ra rằng việc tự

động lập danh sách cử tri theo Hiến

pháp Rendel sẽ khiến người nói

tiếng Hoa có quyền bầu cử tăng

vọt. Nói chung, cả hai đảng đều

đại diện cho giới trung lưu hoặc

trung lưu lớp trên, nhưng trong khi đảng

này là bộ phận của chế độ
thuộc địa Anh thì đảng kia nằm
ngoài vòng quyền lực đó. Thành
viên của đảng sau gồm những người
Hoa sung túc, làm nghề xuất nhập
khẩu, buôn bán lẻ, thương gia, chủ
ngân hàng hay chủ đồn điền
cao su hoặc mỏ thiếc. Họ là thủ
lĩnh các phường hội kiều xưa
của người Hoa: họ phụ trách các
trường tiếng Hoa, lo việc tài chính
và điều hành thông qua các ban
giám hiệu; họ cũng tài trợ và
chỉ đạo các bệnh viện của
bang hội và các tổ chức phúc

lợi khác. Họ xem kỳ bầu cử như

một cơ hội để nắm lấy đòn

bẩy quyền lực giúp họ khuếch

trương việc kinh doanh của mình. Họ

còn tin tưởng rằng họ có thể

nạp nguồn sinh lực của các học sinh người Hoa vào đảng của họ

vì đó là con em của họ và

chúng ủng hộ họ trong việc bảo

vệ nền giáo dục tiếng Hoa.

Hỗ ngăn cách văn hóa giữa hai đảng này như

vậy là quá sâu không thể san

bằng. Tại nhiều đơn vị bầu

cử, họ đã chia sẻ số phiếu

dành cho cánh hữu: dân tiếng Anh và

Malay thì bầu cho Đảng Tiến bộ,

còn khối người Hoa bầu cho Đảng

Dân chủ. Nếu hợp tác, họ có thể chiếm tới một nửa của 160.000 phiếu bầu (tăng bảy lần so với kỳ bầu cử năm 1951.)

Một khi biết mình thất bại, họ lặng lẽ lui khỏi trung tâm kiểm phiếu ở đại sảnh Victoria Memorial.

Họ không hiểu rằng khi thất bại, người ta cần phải kiên cường để giữ vững tinh thần những người ủng hộ, để sống còn và tiếp tục

chiến đấu. Những người cánh

tả hiểu rõ điều này và

chúng tôi, những người còn lại

trong PAP, đã mau chóng học được

điều đó ở họ. Nhưng hai đảng

kia thì hoàn toàn mất tinh thần sau

chiến dịch tranh cử thắng lợi của

chúng tôi, tạo ra một âm vang mới

trong sinh hoạt chính trị. Chúng tôi

đã tấn công Đảng Tiến bộ

như thành phần tay sai của chính quyền

thuộc địa và Đảng Dân chủ

như giới tư sản bóc lột dân chúng. Tuy nhiên, mục tiêu chủ

yếu của chúng tôi chính là

giới cầm quyền da trắng. Tôi đã viết về

họ trong tuyên ngôn tranh cử của tôi:

"Chế độ thuộc địa Anh tại

Malaya là nguyên nhân căn bản của

rất nhiều rối loạn kinh tế và xã

hội của đất nước này."

Marshall, một người non nớt về chính trị, đã phê

phán PAP về

việc đã đi quá xa trong việc đòi

hỏi một nền tự trị ngay lập tức.

“Họ có vẻ đã tập trung vào

việc kích động và tấn công

người Anh. Sự công khai Của họ mang vẻ bài

Anh một cách không cần thiết.” Đây có thể là

cảm giác của khối trung lưu nói

tiếng Anh. Nó khác hẳn với đám đông

nói tiếng Hoa.

Quảng trường Phoenix, trụ sở của Toàn quyền Anh,

cũng có đánh giá riêng của

họ về cuộc bầu cử. Họ trích

một số câu trong bài diễn văn của

tôi tại một buổi vận động

tranh cử:

“Như tôi nhận xét, ngoài những người trên

40, tất cả người Hoa đều tự hào về những thành

công của chính quyền Mao Trạch Đông.

Một chính quyền có thể, trong vòng

năm năm, biến một guồng máy cai trị thối nát và

suy đồi thành một bộ máy có

thể

đương cự với sức mạnh quân

sự của người Mỹ tại Triều

Tiên thì chính quyền đó đáng được

ca ngợi. Tưởng Giới Thạch và Quốc dân đảng đã cáo chung –
ngoại trừ vài kẻ ủng hộ lạc

loài còn kêu gọi tái chiếm Hoa

lục.

Nhưng tôi tin rằng tại Malaya đang hình thành một

thế hệ người Hoa sinh ra và lớn lên tại đây,

được học tiếng Hoa và các
truyền thống Trung Quốc, nhưng vẫn có
quan điểm của dân Malaya. Họ xem Malaya
như quê hương duy nhất của họ.
Họ tự hào về Trung Quốc cũng như
người Pháp ở Quebec tự hào về
nước Pháp. Dĩ nhiên cũng có
những người Hoa chẳng quan tâm gì tới việc xây dựng một quốc
gia
Malaya. Đó là những học sinh trở
về Trung Quốc để hấp thu lại nếp
sống Trung Quốc. Những người Hoa còn
ở lại cũng là công dân Malaya và
ngày càng trở thành công dân Malaya đích thực.”

Dân tình báo Anh đã nghĩ rằng cần báo cáo
về những điều tôi phát biểu

để thăm dò quan điểm thực của
tôi.

Trước đó, vào tháng 1, Raja đã thảo một
tuyên bố của PAP sau đó do chính
tôi đưa ra, đề nghị tổng ân
xá cho MCP. Điều đó hợp lẽ
và hợp lý, nhưng khi nhìn lại,
tôi thấy nó ngây thơ và không
hiệu quả. "Thực tế sáu năm
rưỡi qua cho thấy rõ tình trạng
khẩn cấp tại đất nước này
chủ yếu là một vấn đề chính
trị chứ không phải quân sự".

Tuyên bố này cho rằng tình trạng
khẩn cấp chấm dứt sớm chừng nào
thì người dân càng sớm có

được những quyền dân chủ mà
hiện họ chưa được hưởng,
và thiếu những quyền này, các
đảng phái dân chủ không thể
hoạt động hữu hiệu được.

Chính phủ Malaya phải bảo đảm
chắc chắn rằng nếu MCP từ bỏ hoạt
động vũ trang thì sẽ không còn
đàn áp nữa, và nếu đảng
này chấp nhận các phương pháp
đấu tranh chính trị hợp hiến, nó
phải được phép hoạt động
như một đảng phái hợp pháp.

Raja và tôi là những người Âu học cấp tiến
vốn chẳng có khái niệm gì về
các động cơ của cuộc khởi

nghĩa du kích và cách mạng bạo
lực. Việc làm của chúng tôi
phần nào có thể được coi
như ngây thơ nhưng chủ yếu nó
xuất phát từ cách vận động
quần chúng rất tuyệt của những
người cánh tả. Họ diễn thuyết
công kích các quy định của tình
trạng khẩn cấp, nêu chúng thành
vấn đề nghiêm trọng, vì trước
hết phải bãi bỏ chúng nếu MCP
được ra công khai và tự do tổ
chức lực lượng của mình.

Hồi đó tôi nói nhiều điều bất cần, nên
có lẽ cũng may là PAP không tiến
hành thành lập một chính quyền

và do đó sẽ không thực thi được
những đề nghị của mình. Nhưng
trong lúc đó, chúng tôi đã
gợi lên được ước mơ về
những thay đổi lớn. Chúng tôi đã
khiến dân chúng trở nên quan tâm
đến chuyện chính trị đến độ
họ đến để nghe chúng tôi
diễn thuyết, rồi chúng tôi gợi
cho họ những ý nghĩ mới, và một
tinh thần phản kháng. Cuộc vận động
tranh cử trong năm tuần lễ đó chắc
chắn đã làm thay đổi bầu
không khí ở Singapore. Nhưng trong khi nền
chính trị sa-lông có thể là

một chuyện quá khứ, nhưng hệ quả
của thứ ngôn ngữ kích động
chắc chắn sẽ là bạo động.

VÒNG ĐẦU CHO NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN

Laycock ngày càng không hài lòng về những hoạt động chính trị của tôi nhưng không bao giờ phản nản trực tiếp. Năm 1954, sau ba năm phục vụ, ông ta ký với tôi một hợp đồng cộng tác, theo đó, tôi được bảo đảm một khoản lương mà thấp nhất thì cũng nhiều hơn con số tôi và Choo kiếm được trước đây. Ông ta không muốn tiếp tục thuê Choo, hiện cô chỉ thích ở nhà trông nom Loong, và sau đó là Ling, đứa con gái ra đời vào tháng 1/1955. Ông ta biết tôi làm công việc của

mình theo đúng hợp đồng của
chúng tôi, và ông ta chấp nhận
tôi. Tuy nhiên sự thất bại của
Đảng Tiến bộ và bản thân
ông ta bị các cử tri Katong tẩy chay
đã giáng cho ông ta những đòn
chí mạng. Có lẽ ông ta đã
nghĩ rằng Đảng Tiến bộ sẽ
thành lập chính phủ và tôi sẽ
đứng về phe đối lập. Nhưng
chuyện này đã không xảy ra, vì
vậy, tôi trở nên hoàn toàn
không thể chấp nhận được, ông
ta không bao giờ nói gì với tôi
nữa. Cuối cùng, ông ta viết cho tôi

một lá thư yêu cầu chấm dứt
hợp đồng của chúng tôi càng
sớm càng tốt, dự định vào
cuối tháng 8/1955. Tôi đồng ý
ngay. Thế là kết thúc một quãng
đời sự nghiệp của tôi.

Trong năm năm sau khi từ Anh về, tôi đã xây dựng
được một cái gì đó cho việc hành nghề
luật của mình và cũng đã
gây dựng được nền tảng ủng
hộ chính trị
trong những nghiệp đoàn. Nhưng hiện tôi có hai nhiệm vụ trước
mắt: bắt đầu xây dựng công
ty luật của riêng mình và xây dựng tổ
chức đảng cho PAP. Chẳng có gì
cấp bách. Tôi có bốn tháng để

chuẩn bị rời Laycock & Ong, và bốn

năm để tổ chức lại PAP trước

khi đến kỳ bầu cử kế tiếp.

Cùng với Choo và em trai Dennis, chúng tôi thành lập công ty luật Lee & Lee trên đường Malacca, gần

Laycock & Ong.

Những gì tôi không lường trước là ảnh

hưởng của cuộc vận động tranh cử

đối với quân đội và các

cán bộ nghiệp đoàn. Hoạt động

dữ dội của phái khuynh tả, và

ảnh hưởng của họ đối với

lập trường chính trị của Devan Nair và Lim Ching Siong, đã

tạo ra bầu không khí căng thẳng. Nhiều cán

bộ của MCP đã dời thời cơ,

hoặc ẩn danh kể từ khi tình trạng

khẩn cấp được công bố. Những
tuần trước và trong cuộc tuyển
cử, họ xuất hiện công khai, hòa
vào số
người hỗ trợ vận động tranh
cử để kích động tư tưởng
chống chính quyền trong giới công nhân,
những người ở nông thôn (hầu
hết là những người Hoa chăn nuôi
heo gà, trồng rau cải) và những học
sinh người Hoa. Họ khơi dậy lòng
căm thù đối với bọn đế
quốc, chính phủ thuộc địa, cảnh
sát thuộc địa, các nhà tư
sản Anh, các nhà tư sản mại bản
bản xứ đã tiếp tay cho bọn tư

sản Anh bóc lột nhân dân. Họ đã
tạo ra bầu không khí bức bối –
tất cả những ai đi vào quỹ đạo
của họ đều tin rằng một cuộc
cách mạng thành công chỉ còn
trong sớm chiều. Và tính chiến đấu
rõ ràng là thường lây lan.

Trước khi xảy ra vụ kiện tờ *Fajar*, tôi luôn tìm kiếm những tay
hoạt

động chính trị tương lai trong đám
sinh viên thuộc đại học Malay a sẵn
sàng làm việc với các nghiệp
đoàn. Tôi có quá nhiều chuyện
để làm, và cần những người
phụ tá chuyên trách. Thật không
dễ tìm chút nào. Những sinh viên

tốt nghiệp loại khá khá đều muốn
những nghề nghiệp ngon lành. Ít có
ai sẵn lòng nhận mức lương thấp
hơn mức bình thường vẫn dành
cho những người có bằng cấp như
họ, và làm việc với các nghiệp
đoàn. Chẳng có gì vinh quang trong
công việc này cả. Vài người
xung phong nhận làm vì mục đích
chính nghĩa, vì tinh thần lý tưởng
của tuổi trẻ. Một trong những người
đó là Sandrasegeram (còn gọi là
Sidney) Woodhull được tôi giới thiệu
với Nghiệp đoàn Lao động Căn
cứ Hải quân để làm thư ký

có lương (nhưng thấp). Một người
nữa là Jamit Singh, một người Sikh đã
từ bỏ khăn xếp và cạo bỏ
râu. Anh ta rớt trong kỳ thi cuối cùng,
nhưng đủ năng nổ trong công việc,
dù có hơi nóng tính. Theo sự
giới thiệu của tôi, anh ta trở thành
một thư ký ăn lương của Hiệp
hội nhân viên Ban quản lý cảng
Singapore. Trước khi tiến hành việc
điều động nhân sự này, tôi
đã kiểm tra với Corridon để xem họ
có phải là thành viên mật của
Hiệp Hội bài Anh không, hoặc có
thể có xu hướng thiên tả không.

Corridon chẳng truy được gì về họ,
nhưng không thể nào bảo đảm
được lòng trung thành của họ
được. Corridon khuyên tôi nên thử
dùng họ vì nếu tôi không thuyết phục được họ làm việc cho
những mục tiêu trung lập, thì tinh thần hành động
của họ sẽ dẫn họ đến với
những người cộng sản. Điều đó
nghe có vẻ hợp lý. Bước đầu
cả hai đều không phải người thân cộng, Woodhull chỉ mới biết qua
chủ nghĩa Mác ở đại học, còn Jamit thì chẳng quan tâm gì đến
các lý thuyết trí thức.

Nhưng việc kế
tiếp xảy ra là Hiệp hội nhân
viên Ban quản lý cảng Singapore, cho đến
nay là một nhóm phi quân sự gồm

phần lớn là những người Ấn theo Anh học và những thư ký người Hoa, đã tiến hành đình công.

Bề ngoài, Jamit kêu gọi họ đình công vì Ban quản lý cảng không giải quyết những yêu sách về mức lương làm việc ngoài giờ, giờ làm việc, tiền trợ cấp và tiền thưởng. Nhưng sự thật anh ta chỉ muốn một cuộc đấu tranh, và ra sức kích động ngay cả sau khi Ban quản lý cảng đề nghị tăng lương.

Tất cả đều do tôi. Tôi đã ngây thơ khi cho vài tay Anh học thích hoạt động chính trị của mình tiếp xúc với những cán bộ nói tiếng Hoa của MCP. Bây giờ thậm chí

một người thờ ơ với chính

trị như Jamit cũng theo Lim Chin Siong và Fong Swee Suan vì họ là những người

năng nổ nhất trong số những người

hoạt động nghiệp đoàn. Anh ta đã

chứng kiến các nghiệp đoàn những

người nói tiếng Hoa trở thành

những tổ chức quân sự, và quyết định các thư ký

của mình không được tụt hậu.

Và lại hiện giờ Lim đã có

Devan Nair và James Puthucheary (họ cùng bị

giam ở đảo St John trước đây)

trong Nghiệp đoàn Công nhân Nhà

máy và Phân xưởng Singapore, mà

số hội viên từ vài trăm hồi

năm ngoái giờ lên đến hơn 10.000 người.

Họ giúp anh ta hoạt động trong vòng luật lệ và

hướng dẫn người Hoa vượt qua

guồng máy thư

lại nói tiếng Anh.

Các cán bộ

thân cộng đã phản kích vì

niềm tin về thắng lợi trong trận chiến

chính trị của họ với một tổ

chức chính trị hợp pháp là PAP, với những lãnh đạo Anh học

hiểu biết về chế độ đại nghị. Nó cung cấp cho họ lớp vỏ bọc. Vị

trí của Lim Chin Siong như một ủy viên Hội đồng lập

pháp đã tạo cho ông ta một địa vị đáng tôn kính trước mặt

chính phủ và các nhân viên

công lực.

Sau đó là thái độ ngạo mạn

thái quá nổi lên từ sự thất

bại hoàn toàn của đảng Dân
chủ và sự sụp đổ thảm hại
của các chuyên gia Anh học trong đảng
Tiến bộ. Đương đầu với
thách thức này hiện nay là một
chính phủ Mặt trận Lao động bao
gồm những kẻ cơ hội yếu kém,
dưới tay một Tổng ủy viên có
thiện chí nhưng ngây thơ về mặt
chính trị là David Marshall, người
không hiểu gì về khối người
nói tiếng Hoa, nhưng lại rất khao khát
đóng trọn vai trò, theo quan niệm
riêng, như một người có xu hướng
tự do và xã hội chủ nghĩa muốn

giải thoát Singapore khỏi chế độ

thực dân.

Trong Hội đồng Lập pháp, tôi nổi lại quan hệ

với William Goode, tổng thư ký. Tôi gặp

ông ta lần đầu vào năm 1953 qua

một vụ khiếu nại nhỏ của các

bưu tá. Đó là khi chính phủ

giao cho các tù nhân công việc sơn

những sọc đỏ vào hai bên ống

quần kaki của các bưu tá, khiến

họ than phiền trông họ như những

tay phụ việc trong các rạp xiếc. Chính

phủ khẳng định những sọc đó là cần thiết vì các bưu tá

thường mặc quần đó sau giờ làm việc, mà điều

này họ không nên làm. Goode là

một người to con với nét mặt thô

và sống mũi bị gãy do chơi quyền

Anh hồi trẻ. Mồi trên ông ta dài,

và có giọng trầm êm dịu. Ông

ta học trường công và ở Oxford.

Nhưng người ta có thể nhận ra sự

cứng rắn đằng sau giọng nói nhẹ

nhàng, đôi mắt xám và chiếc

cầm cương nghị của ông ta. Ông

ta nằm trong Đoàn quân tình nguyện

Singapore, là tù binh chiến tranh từ năm

1942 đến 1945, và bị đẩy đi

lao động khổ sai trong tuyến đường

sắt chết người ở Thái Lan. Ông

ta cười nói ồn ào và thái

độ thoải mái.

Chúng tôi ăn ý với nhau, và giải quyết

vấn đề bằng cách viên một

dải vải đỏ hẹp thay vì son.

Điều đó khiến cho các nhân

viên bưu tá trông lịch sự chứ không giống các

anh hề. Chính phủ có hơi tốn kém hơn một chút.

Hiện giờ Goode giải thích rằng những quy định về

tình trạng khẩn cấp là cần

thiết vì giết người, đốt

nhà, tạt a-xít và những tội

phạm bạo lực khác là một phần

trong cuộc đấu tranh giành quyền lực

của phe quá khích. Họ sử dụng

bạo lực không chỉ với quân đội,

mà còn đối với dân thường

nhằm yêu cầu họ kín miệng. Kết

quả là không một ai còn ham sống

lại dám xuất hiện trước tòa

án để làm nhân chứng trước

bất kỳ tội phạm nào liên quan

đến phe quá khích. Ông ta nhắc

lại vụ ám sát vào ngày 17/4

nhắm vào một cậu trai người Hoa,

cậu này bị gọi ra khỏi một câu

lạc bộ âm nhạc nơi cậu đang

chơi khẩu cầm (harmonica) và bị bắn

chết. Khi chuyện đó xảy ra, tôi

đang ở tại công ty Dapu Hakka của chúng

tôi ngay bên cạnh câu lạc bộ vào

buổi chiều Chủ nhật đó, dự

một bữa tiệc trà mừng thắng lợi cho cuộc bầu cử của tôi, và nghe

tiếng súng vang lên. Lúc đó vào

giữa ban ngày, nhưng không một ai chạy ra để nhận dạng hung

thủ hoặc giúp đỡ cảnh sát,

vốn không bao giờ được trợ

giúp khi muốn bắt giữ và đưa

ra tòa những tay khủng bố này.

Qua 5 năm hành nghề trong luật sư đoàn, tôi biết

Goode đang nói những sự kiện không

thể chối cãi. Tuy nhiên, tôi không

thể ủng hộ việc kéo dài những

quy định về tình trạng khẩn cấp

bởi vì chúng tôi đã chống lại chúng như một phần trong lập trường tranh cử của chúng tôi. Chúng tôi

đã làm thế như một vấn đề

nguyên tắc, tin rằng nếu chúng tôi

có độc lập, chúng tôi có

thể hủy bỏ chúng. Đến tháng

4, tôi bắt đầu có nghi ngờ về

điều này, nhưng phải một năm

rưỡi sau những nghi ngờ đó mới

biến thành niềm tin chắc chắn rằng

Raja, Keng Swee, Chin Chye, Kenny và tôi, tất cả

đều sai lầm.

Nhưng tôi phải thực hiện vai trò của mình trong Hội

đồng, đó là nhanh chóng làm

giảm áp lực của tình trạng nhân

danh an ninh này và đưa ra chương

trình nghị sự của chúng tôi.

Đáp lại lời của Bill Goode, vì thế, tôi nói đầy

châm biếm: “Đó là điều

đáng rùng mình về chuyện các

thám tử và cảnh sát có thể

điều tra được việc gì,”

và tôi thêm rằng: “Khi không hề

có may mắn bằng chứng nào” rằng cậu học sinh đã

bị giết trong hoàn cảnh vô cùng khó hiểu hoặc là nạn nhân

của một vụ khủng bố, ngoại trừ

sự kiện rằng từ khi cậu bị bắn, các học

sinh khác đã nghĩ ra khôn ngoan nhất

là đừng dính vào sự việc.

Cả việc bãi bỏ lẫn kéo dài những quy định

về tình trạng khẩn cấp đều

không giải quyết được vấn đề,

tôi nói thêm: “Nếu chúng ta

phải giải quyết chuyện đó, thì

hãy có can đảm để nói:

‘Chúng tôi tin vào nền dân chủ

và chúng tôi sẽ đấu tranh cho

nó. Chúng tôi cho bạn nền dân
chủ này để bạn bảo vệ.’

Nếu sau đó chúng ta thất bại,
chúng ta phải thừa nhận, cũng như
người Pháp đã thừa nhận ở
Đông Dương, rằng không cách
nào thành công được.”

Sau hai ngày đầu của phiên họp Hội đồng lập
hiến, với các phóng viên báo
chí cũng như với những thành viên
có mặt thì rõ ràng hai nhân
vật chính sẽ là Marshall và tôi.
Ông ta có cá tính, có biệt
tài sử dụng ngôn ngữ đa dạng,
và có khiếu đóng kịch để
thu hút sự chú ý của Hội đồng.

Còn tôi có sở trường châm
chích và làm xẹp lõi khoa trương
của ông ta và khoái chí làm
điều đó. Dù PAP chỉ có ba
thành viên trong Hội đồng lập
hiển cộng với Ahmad Ibrahim, chủ tịch
Hội đồng, ngài George Oehlers, vẫn xếp
tôi ngồi vào ghế thường dành
cho lãnh tụ phe đối lập, đối
diện với chỗ của Tổng ủy viên.

Là một luật sư gần 50, Oehlers rất tỉ mỉ và
câu nệ, nhất định tỏ ra công
bằng và vô tư. Ông biết rằng
mình sẽ chủ tọa nhiều cuộc tranh
luận hứng thú nếu như tôi ở
vị trí đối lập với Marshall vì

tôi sẽ dùng cảm đương đầu
với ông ấy. Những gì mà ngài
Chủ tịch Hội đồng chưa biết
là Marshall dễ bị kích động bởi
sự châm chọc sắc bén rồi làm
những chuyện mà sau đó ông ta sẽ
hối tiếc. Ông ta sẽ nhanh chóng phải
đối mặt với một thử thách
nghiêm trọng đối với quyền lực
của mình, vì ảnh hưởng của
những hoạt động của Fong và Lim
Chin Siong trong cuộc vận động tranh cử
đã đưa họ đến một cuộc
xung đột không thể tránh khỏi với
cảnh sát.

Fong đã thành công trong việc tập hợp những công nhân thuộc công ty xe buýt Paya Lebar gia nhập vào nghiệp đoàn của ông ta hồi tháng 2, ngược với mọi ý muốn của ông chủ họ, và hiện đang cố lôi kéo công ty xe buýt Hock Lee. Nhưng Kwek Sing Leong, tay giám đốc điều hành cứng rắn của Hock Lee sẽ không nhường quyền điều khiển công nhân và việc kinh doanh của mình cho một nhóm những tay khuynh tả trẻ tuổi; hơn nữa, Lim Yew Hock với tư cách là ủy viên lao động, đã ủng hộ ông ta, và cả Liên hiệp nghiệp đoàn Singapore của ông ta nữa. Tuy nhiên Fong quyết định dạy cho Kwek và những công ty xe buýt còn lại một bài học.

Sau ngày khai mạc Hội đồng lập pháp vào tháng 4/1955, ông ta tập hợp những người ủng hộ Nghiệp đoàn công nhân xe buýt Singapore (SBWU) của ông ta để tổ chức lễ kỷ niệm đầu tiên của nghiệp đoàn bằng cách đặt người đứng gác ở bãi xe buýt của Hock Lee trên đường Alexandra không cho công nhân vào làm việc. Ông ta tuyên bố một cuộc đình công chính thức, và cố thuyết phục những người làm thuê của tất cả các hãng xe buýt khác đồng tham gia đình công nếu Kwek không đồng ý Hock Lee trở thành một phân xưởng gồm toàn thành

viên nghiệp đoàn với SBWU là tổ chức duy nhất của nó, và giải quyết ngay những tranh chấp tồn đọng của họ. Phản ứng của Kwek là sa thải tất cả 229 công nhân thuộc SBWU, ngay lúc đó các công nhân tiến hành một cuộc đình công tuyệt thực và lại cho người đứng gác ở bãi xe buýt ngay trong đêm đó.

Đồng thời các học sinh người Hoa ở khắp nơi tham gia hành động. Các nam nữ sinh đến giúp vui cho những người đình công bằng các bài hát và điệu múa, và bởi vì một trong nhiều

cuộc tranh chấp của Lim Chin Siong là tranh

chấp với công ty Mis-Sino Aerated Water,

không xa khu vực Hock Lee lắm, nên các

học sinh có thể chạy qua lại giữa

hai nơi để động viên và ủng

hộ. Tôi khuyên Fong đừng kêu gọi một cuộc

đình công trước khi đưa ra một

thông báo 14 ngày và trước khi

thông báo này hết hạn. Fong làm

theo, nhưng trong một bài diễn văn tại Hội đồng lập pháp vào
ngày 27/4, Lim Chin Siong

phản đối thông báo, điều này

vốn nằm trong những quy định của

tình trạng khẩn cấp.

Kwek không hề sợ

hãi trước đe dọa đình công

và muốn cho những chiếc xe buýt của
mình ra đường ngày hôm sau. Nhưng
nhóm 150 người đình công của Fong đã
thành lập một rào chắn bằng
người ngay trước cổng chính bãi
xe và từ chối giải tán bất chấp những cảnh cáo lặp đi lặp lại
của cảnh sát. Các vòi nước
được sử dụng và họ bị giải tán.
Mười lăm người đình công
khai là họ bị hành hung tàn bạo,
nhưng chẳng có ai bị gì hơn ngoài
những xây xát ngoài da. Kwek đã đưa
được 40 trong số 70 xe buýt của mình ra đường.

Trong hai tuần kế
tiếp, tôi học được bài học
đầu tiên về chiến lược đàm

phán CUF. Mỗi sự nhượng bộ ngay
tức khắc dẫn đến một đòi
hỏi mới. Mỗi lời từ chối một
đòi hỏi sẽ làm tăng thêm sự
giận dữ và căng thẳng. Trong khi đó,
những học sinh người Hoa cùng với
những ủng hộ viên từ Nghiệp đoàn
Công nhân Phân xưởng và Nhà
máy của Lim Chin Siong tiếp tục đến
thăm hỏi những người đình
công để làm tăng thêm cảm
giác về sự đoàn kết và
sức mạnh tập thể của họ, cùng
niềm tin rằng nhất định họ sẽ
thắng lợi. Lim và Fong không chịu điều

gì kém hơn việc nắm quyền điều

khiển tất cả các công nhân xe

buýt và có thể làm tê liệt

hệ thống giao thông của thành phố

theo ý muốn.

Ngày 29/4, Marshall can thiệp, đích thân tới bãi xe của Hock Lee để làm cầu nối những

bất hòa và đi đến một hòa

giải. Dưới áp lực của Tổng

ủy viên, Kwek đề nghị nhận lại

những công nhân bị sa thải trong khi

chờ đợi kết quả của một ủy

ban điều tra do Lim Yew Hock điều động.

Tôi thuyết phục Fong chấp nhận điều

này. F.A. Chua, viên quan tòa đã thẩm

vấn vụ tờ báo *Fajar*, làm chủ tọa ủy ban này. Là một

người thực dụng, ông ta muốn tìm
một giải pháp hữu hiệu. Ông ta
phái hai phần ba số xe buýt đến nghiệp đoàn của Fong và
một phần ba tới nghiệp đoàn của
hãng, và cho chạy theo những tuyến
khác nhau, ông đề nghị nhận lại tất cả các công nhân bị
sa thải. Các xe buýt tiếp tục chạy vào ngày hôm sau.

Nhưng chỉ vài tiếng sau, cuộc đình công lại
tiếp tục khi những người kiểm tra vé trong nghiệp đoàn của
Fong từ chối ghi tên họ vào sổ với công ty trước khi rời khỏi
bãi xe, trong khi những thành viên khác
khai là họ bị phân biệt đối
xử qua việc được giao những chiếc
xe bị hư hỏng. Các công nhân
trong Nghiệp đoàn Công nhân Hock Lee
trung thành với Kwek tiếp tục đưa

xe của họ ra đường, nhưng những

người đình công rạch nát

ghế ngồi và bấm chuông liên tục

để các tay tài xế bối rối.

Trong khi đó, những người đình

công gác cổng lại một lần nữa

ào ra và cảnh sát phải dùng

vòi rồng giải tán họ. Đó

mới chỉ là bắt đầu thôi.

Ngày kế tiếp, Fong kêu gọi tất

cả bảy công ty xe buýt ở Singapore

đình công hai ngày, điều đó

sẽ khiến cho giao thông công cộng bị

ngưng trệ. Hai mươi nghiệp đoàn

mà ông ta và Lim Chin Siong điều khiển

sau đó đe dọa một cuộc tổng
đình công trừ khi có một cuộc
thương lượng trực tiếp giữa
công ty xe buýt Hock Lee và SBWU được
mở ra trong vòng 24 giờ. Sớm ngày
12/5, các đội xe buýt còn lại
của công ty Hock Lee và của công ty
Singapore Traction (STC) bị hăm dọa và phải
ngưng làm việc, và vì STC chạy
các tuyến chính ở nội thành
nên thành phố hầu như bị tê
liệt, chỉ có những xe hơi riêng
và taxi là có mặt trên đường.
Công việc hầu như ngưng trệ ở
nhiều nơi khác, như Thống đốc

John Nicoll báo cáo với Alan Lennox-Boyd,

Bộ trưởng Bộ Thuộc địa¹³: “Hoặc do đồng tình, sợ hãi hoặc do hoang mang đơn thuần”.

Cũng buổi sáng đó, những người đứng gác quay lại bãi xe của Hock Lee. Fong cố

thuyết phục họ lần này hãy đứng cảm đứng vững và họ móc tay nhau thành một dây xích

người khi cảnh sát tiến vào với những vòi rồng. Các vòi nước vẫn quét họ đi, và những chiếc

xe buýt băng qua cổng, bị ném đá

tới tấp. Nhưng vào buổi chiều, 20 xe tải chở học sinh

người Hoa cùng đổ về bãi xe và xảy ra một trận ẩu đả,

với khoảng 2.000 học sinh và 300 người đình công độ sức cùng cảnh

sát. Vũ khí chính của một bên

là đá và chai lọ, bên kia là hơi cay, nhưng

thỉnh thoảng những cảnh sát bị

dồn vào chân tường phải dùng

cả súng ngắn. Đến tối cơn hỗn loạn cuồng nhiệt hơn.

Khoảng 9 giờ

tôi, tôi lái xe đến ngã tư

đường Tanglin và Jervois, nằm trên

con dốc và nhìn rất rõ bãi xe

của Hock Lee bên dưới. Trên xe tôi

bật radio, và vào 9 giờ 30, giọng của

Marshall trên radio nghe rầu rĩ. Ông ta đang bối rối. Ông ta đứng về phía

nhân dân và những công nhân bị

áp bức, nhưng họ đang nổi loạn.

Ông ta tán dương họ vì những

hy sinh của họ trong quá khứ đã

đem lại phần vinh cho Singapore, và kêu

gọi họ hãy cho ông ta có thời

gian để giải quyết ổn thỏa các

thứ. Ông ta nói: “Vả lại chúng

ta đã và đang tìm kiếm sự
hỗ trợ của giáo sư Arthur Lewis thuộc
đại học Manchester, một người da
đen Trung Mỹ, với tư cách là nhà
kinh tế, và cả đời ông trung
thành với chủ nghĩa xã hội, để
giúp đỡ chúng ta trong việc tái
định hướng nền kinh tế của
đất nước này vì lợi ích
của nhân dân.” Tôi không thể
tin vào tai mình nữa.

Tôi thất vọng cho Marshall và cho Singapore. Hoặc ông ta cứ
để cho viên thống đốc và tay
tổng thư ký giải quyết việc này,
hoặc nếu như ông ta nắm quyền lúc
đó, ông ta phải nắm vững quyền

kiểm soát và nói với những
công nhân đang đình công rằng
nếu họ không ngưng vụ bạo loạn
này, ông sẽ dùng vũ lực để
lập lại an ninh trật tự. Ngày 21/5,
viên thống đốc báo cáo với
Alan Lennox-Boyd: “Tổng ủy viên, dưới
sức ép dữ dội của tôi và
những người khác, đã phát
biểu với công chúng trên Đài
truyền thanh Malaya một bài diễn văn
dài và thiếu sức thuyết phục,
một lần nữa đổ lỗi tình
trạng này cho ‘chủ nghĩa thực
dân’ và ‘sự bóc lột kinh

tế', việc này nghe chừng không

chặn được tình trạng vô trật

tự mà cũng không bảo đảm

được tình trạng tôn trọng

luật pháp.”

Tôi biết rằng Lim Chin Siong và Fong đang nhắm tới một cuộc xung đột với nhà cầm quyền,

nhưng tôi không hề mong chờ một sự bột phát cơn thịnh nộ của dân chúng. Người dân tin rằng

luôn có tình trạng thù địch

ngấm ngấm nào đó trong cộng đồng

những người nói tiếng Hoa đối với

các ông chủ da trắng của họ,

nhưng tôi không hề nghĩ

ra nó lại mãnh liệt đến thế.

Được các học sinh người Hoa

và những chuyên viên kích động

đẩy lên tới đỉnh cao, nó đã

bùng nổ ra. Có lẽ thậm chí cả

Lim và Fong cũng không liệu trước

được những gì đang xảy ra.

Nhưng tôi nghiệm ra, sau rất nhiều lần,

rằng mục đích của họ không

phải là lý luận, tranh cãi hay dàn

xếp gì cả. Luôn bố trí một

sự xung đột, tạo ra lòng căm thù

rộng rãi hơn nữa đối với kẻ

thù thực dân. Họ muốn tạo ra

những tiền đề cho một cuộc cách

mạng: trước nhất, một chính phủ

không giữ được niềm tin của

nhân dân và thứ hai, một chính phủ mất niềm tin vào năng lực của chính nó trong việc giải quyết những vấn đề khi mà tình trạng vô trật tự, nghèo đói và bạo lực ngày càng tăng khắp nơi.

Sự nổi loạn kéo đến ngày hôm sau. Lúc 4 giờ chiều, đám đông khoảng 1.000 người tấn công vào cảnh sát và phải dùng hơi cay mới giải tán được. Sau khi trời tối, họ tiếp tục tấn công các đồn cảnh sát, các trạm gác, những cảnh sát đi lẻ và những xe tuần tiễu có máy bộ đàm. Những vụ tấn công rồi tẩu thoát xảy ra suốt đêm

cho đến 3 giờ sáng, khi những đám

đông lớn giải tán. Nhưng những

nhóm 10, 20 người vẫn còn ném

đá vào cảnh sát đang dọn

đẹp những chướng ngại và kéo

các xe hư hại khỏi lòng đường.

Hai cảnh sát bị giết và 14 người

bị thương, cùng khoảng 17 thường

dân. Mỗi khi có sự kích động

nổ ra, đám đông sẽ tấn công

bất kỳ người da trắng nào có

mặt vì tư tưởng chống đối

người da trắng đang sục sôi. Một phóng viên

người Mỹ làm việc cho UPI đã bị đánh đến

chết, và ba người châu Âu may mắn

thoát được.

Vào khoảng 10

giờ 35 tối đầu tiên, một đám

đông tấn công xe tuần tiểu trên đó có một viên

trung úy người Anh chỉ huy, ném những chai lọ và đá đồng

thời xấp lại gần. Viên trung úy

gọi bộ đàm yêu cầu giúp

đỡ, nhưng trước khi ông ta và

thuộc hạ được giải thoát,

ông ta đã dùng súng lục bắn bốn phát.

Ông ta nói mình không nhắm vào đám đông,

nhưng có một phát đạn hình

như đã trúng vào một học

sinh người Hoa 17 tuổi. Thay vì đưa

cậu ta thẳng vào bệnh viện, những

học sinh khác đã đặt cậu vào một

chiếc xe tải và diễu hành cậu

qua các đường phố trong suốt ba

giờ đồng hồ, vì vậy khi được đưa đến bệnh

viện, cậu đã chết vì một vết thương ở phổi. Nếu được

đưa thẳng tới bệnh viện, có

thể cậu đã được cứu sống. Nhưng

một mạng người có nghĩa lý

gì nếu sự hy sinh đó có thể

dấy lên ngọn lửa căm hận?

Sau cuộc nổi loạn ngày 13/5/1956, chính phủ quyết

định trở nên cứng rắn và đóng cửa ba trường

Hoa. Nhưng các học sinh tiếp tục cấm

trại trong trường và được các

ngành đoàn do Lim Chin Siong và Fong điều

khiển giúp đỡ; có nhiều cuộc

tuần hành của những người đình

công qua thành phố, ném đá và

tấn công vào xe hơi. Cuối cùng
tình hình bớt căng thẳng sau khi đám
tang cậu học sinh người Hoa vào ngày
16/5 trôi qua mà không xảy ra xô xát.

Tối hôm đó, sau bốn tiếng đồng
hồ thương lượng, Marshall phần khởi tuyên bố trên đài phát
thanh rằng đã đạt được
một thỏa thuận "có thể dẫn đến một
sự dàn xếp cho tất cả các cuộc
đình công còn tồn đọng vì
quyền lợi công nhân" ở Singapore.

Ông ta bổ nhiệm Charles Gamba làm trọng
tài kinh tế, người được biết
là đứng về phe nghiệp đoàn.

Gamba ra quyết định cuối cùng của

mình vào ngày 28/6. Những thành

viên của SBWU đã bị sa thải ngày

23/4 sẽ được nhận làm việc

lại. Nghiệp đoàn Công nhân Hock

Lee với 160 thành viên bị giải tán.

Kwek không nhượng bộ dễ dàng. Ông ta vẫn phân công
việc cho các thành viên cũ của Nghiệp

đoàn Công nhân Hock Lee vốn trung thành

với ông ta, và các lãnh đạo

của nghiệp đoàn đe dọa bác

bỏ phán quyết của Gamba cho đến

khi chính phủ thuyết phục được

công ty đi theo nó. Kwek quyết liệt và

ương ngạnh. Ông ta là một người Hockchia, một chi tộc

Hokkien nổi tiếng thô bạo và cứng

rắn. Công ty xe buýt Hock Lee là một

doanh nghiệp gia đình, và ông ta tin

chắc mình có thể chiến đấu

và chiến thắng vì nhiều thành

viên trong nghiệp đoàn là dân

cùng bang hội với ông ta và những

viên chức chủ chốt kiểu như những

kiểm tra viên và người chấm công

là họ hàng ruột thịt của ông

ta. Nhưng một chính phủ

thiếu kinh nghiệm, không biết cuộc chơi

nhắm vào điều gì, đã giúp phái quá khích bẻ gãy mối liên kết

chặt chẽ nhất của tất cả công

ty xe buýt ở

Singapore.

Đó là một thắng lợi hoàn toàn cho Fong và

Nghệp đoàn Công nhân Xe buýt Singapore và phương pháp

của họ, hoàn toàn không chỉ vì hiện họ đã

nắm được Marshall. Họ biết họ

đã có sẵn một cánh cửa để

mở. Phương cách mà SBWU chiến đấu

và chiến thắng đã cung cấp cho tất cả các nghiệp đoàn – những công nhân và các lãnh đạo, những

người cộng sản và phi cộng sản

– một niềm tin rằng họ sẽ giành

được nhiều hơn nếu như họ

cũng thể hiện tinh thần đấu tranh.

12 MARSHALL

LÀM KHỦNG HOẢNG THÊM TRẦM TRỌNG

Fong Swee Suan và bốn lãnh tụ nghiệp đoàn khác bị chính phủ bắt giữ dựa trên những quy

định về tình trạng khẩn cấp

ngày 11/6/1955.

Sáu nghìn công nhân xe buýt ra mặt

chống lại vụ bắt giữ này. Ngày

kế tiếp, do cái mà nhà cầm

quyền mô tả là “trò khủng

bố dựa trên số đông” đối

với giới tài xế, các taxi cũng

biến mất khỏi đường phố.

Nhưng chính quyền đã triển khai
dịch vụ chuyên chở khẩn cấp miễn
phí tại những khu quan trọng trong thành
phố, và trên 100.000 nhân công và
280.000 người khác tiếp tục đi làm
mà không hề có sự cố gì.

Dù phương tiện giao thông công
cộng bị tê liệt, cuộc đình
công cũng không làm thành phố
ngưng trệ hoạt động được.

Lúc này dân chúng không còn
đồng tình với nó nữa – nó mang đậm màu sắc
chính trị và không liên quan gì
đến bất kỳ bất mãn nào về
kinh tế của họ. Sau bốn ngày, Lim Chin

Siong và Devan Nair bắt ngờ cho ngưng đình

công, và 13.000 công nhân, nam lẫn nữ,

trong 90 hãng công nghiệp và thương

ngiệp, quay lại làm việc. Chính

quyền coi như thắng lợi. Fong vẫn bị

bắt giữ cho đến ngày 25/7.

Tôi quyết định tách khỏi bối cảnh rối loạn này

và đi nghỉ thường niên. Cùng

Choo và Loong, 3 tuổi, tôi lái xe lên

cao nguyên Cameron vào ngày 1/6 và lưu

lại đó ba tuần. Chúng tôi để

Ling, mới 3 tháng tuổi, ở nhà vì con bé còn quá nhỏ.

Tôi chơi gôn ở Tanah Rata mỗi ngày, sáng và

chiều. Khi tôi đi dạo trên sân gôn

9 lỗ mát mẻ và thoải mái tại

cao nguyên này, cao hơn mặt biển khoảng

2.000 m, tôi thăm thía ý nghĩa của những sự kiện trong vài tháng trước

đó. Tôi tin chắc rằng việc tiếp

tục theo con đường mà Lim Chin Siong và

Fong đã lao vào thì sẽ kết thúc

trong thảm hoạ chính trị. PAP và các

liên đoàn ở đường Middle Road

(được đặt tên vì vị trí

trụ sở của chúng, chứ không phải

vì chúng theo chính sách trung dung) sẽ

bị cấm chỉ. Nhưng nếu Marshall tránh

né những biện pháp không được

quần chúng ủng hộ, thì toàn bộ

nền kinh tế và xã hội Singapore sẽ

lâm vào tình trạng hỗn loạn đến

độ chính quyền Anh sẽ phải đình

chỉ hiển pháp.

Ngày 21/6, tôi lái xe đưa gia đình trở lại Singapore. Báo chí nói bóng gió là tôi trốn chạy khỏi những rắc rối này, nhưng tôi biết sự hiện diện của mình sẽ không tạo ra một thay đổi nào. Khi tờ *Straits Times* phỏng vấn tại sao tôi không trở lại nhiệm sở của mình, tôi nói ủy ban chấp hành của tôi không yêu cầu tôi tới, và tôi rất tin tưởng ở họ.

Đây là cuộc thử lửa đầu tiên của tôi với CUF. Tôi bàn luận vấn đề với Chin Chye, Raja và Kenny (Keng Swee đang ở London để lấy bằng tiến sĩ). Chúng tôi quyết định rằng tôi nên

nói cho Lim và Fong hiểu rõ về luật

đối với các vụ gây rối. Tôi

bảo họ rằng nếu họ tiếp tục

theo cách này, họ phải một mình

chịu hết trách nhiệm. Điều đó

khiến họ bót bông bột, và ngày

26/9 viên thống đốc, ngài Robert Black,

viết một báo cáo gửi đến

Alan Lennox-Boyd:

“Sự sụp đổ

của cuộc tổng đình công này

đã làm mất uy tín của phần tử cực đoan trong PAP. Lee Kuan Yew
đã

rời Singapore vào thời điểm đó

và tôi được báo là ông

ta đã ra đi một cách cố ý để tránh dự vào cuộc bạo

loạn... Từ đó, PAP đã có

thay đổi trong chiến thuật. Trong khi tiếp tục xúi

giục các cuộc đình công, theo

đuổi cuộc đấu tranh giành quyền

điều khiển tầng lớp lao động,

họ đã chịu khó ép mình

trong khuôn khổ luật pháp.”

Điều đó không kéo dài lâu. Sau vài tháng,

những tay quá khích đã quay trở lại những đường

lối cũ của họ, nhưng họ không xúi giục những cuộc xung đột đẫm

máu với cảnh sát hoặc tổ chức

một cuộc tổng đình công nhằm

làm tê liệt nền kinh tế. Tôi tin họ vẫn nghĩ những xung đột với

cảnh sát và chính quyền là

cách gọi lòng căm thù nhiều hơn

và nâng cao nhiệt tình cách mạng

của quần chúng. Đã có những
lúc Lim và Fong có vẻ lắng nghe lời
khuyên của tôi trong chủ trương bám
chặt những phương pháp đấu tranh hợp hiến với những
cuộc thương lượng kéo dài và
sự đề kháng thụ động để
tránh đổ máu. Nhưng họ đến
từ một truyền thống và nền học
vấn khác biệt với tôi và họ
theo đuổi những mô hình khác
hẳn.

Tôi lâm vào thế vô cùng khó khăn. Trong khi tôi
không thể và không thích biện
hộ cho họ, nhưng tôi cũng không thể
kết tội họ mà không làm đổ
vỡ mặt trận liên kết của chúng

tôi. Như tôi đã giải thích

với một phóng viên tờ *Sydney Daily Mirror* trong một cuộc phỏng vấn được

thuật lại trên tờ *Straits Times*, “Bất kỳ ai ở Singapore muốn lôi

cuốn cộng đồng những người

nói tiếng Hoa theo họ đều không

thể có thái độ chống cộng.

Người Hoa rất tự hào về Trung

Quốc. Nếu tôi phải chọn giữa chủ

nghĩa thực dân và chủ nghĩa cộng

sản, tôi sẽ bỏ phiếu cho chủ

nghĩa cộng sản và đại đa số

người khác cũng vậy.” Tôi hy

vọng mình có thể tìm được

đủ số người Hoa ủng hộ chúng

tôi vì một nền độc lập và

dân chủ. Nhưng tôi không hề lạc
quan rằng điều này có thể đạt
được dễ dàng khi một Trung Quốc
xã hội chủ nghĩa thắng lợi tiếp
tục là nguồn cảm hứng cho họ.

Và tôi đang chịu đựng sức ép. Viên Tổng
ủy viên đã triệu tập một
cuộc họp khẩn cấp của Hội đồng
lập pháp vào ngày 16/5, để tận
dụng sự thay đổi thái độ đột
ngột của quân chúng đối với
các nghiệp đoàn, và để cô
lập và hướng mũi dùi vào
PAP, làm cho những phần tử phi cộng
sản trong đảng tách khỏi phái
thân cộng. Lần này viên tổng thư

ký, Bill Goode, chỉ huy cuộc công kích.

Ông ta đọc một bài diễn văn

hùng hồn, kể lại chi tiết những

gì đã xảy ra một cách xác

thực và đầy hiệu quả. Ông

thương tiếc trước những thiệt

hại nhân mạng, khen ngợi cảnh sát

và lên án những kẻ xấu đã

lợi dụng công nhân và học sinh,

và sự

thất bại của những tờ báo tiếng

Hoa trong việc ủng hộ phía duy trì an

ninh trật tự. Tất cả những nỗ lực

nhằm đạt tới hòa giải đều đã bị ngăn trở

bởi những kẻ, mà theo Goode, “rõ

ràng là không muốn giải quyết

những nổi bất mãn, mà quyết tâm
duy trì tình trạng náo động,
quyết tâm lợi dụng những bất bình
chính đáng của các công nhân
lương thiện cho những mục đích
cá nhân xấu xa của họ.”

Rồi ông ta bất ngờ quay sang tấn công tôi.

“Trong cơn thèm khát quyền lực của họ... Đảng

PAP và những ủng hộ viên khuynh tả

giấu mặt cùng những kẻ vô trách

nhiệm nhưng háo danh trong đó chỉ muốn

gây ra bạo lực, đổ máu và

những tranh chấp chủ thợ... Nếu vì

đại biểu đáng kính trong hội đồng này tin vào sự tiến

bộ trong trật tự hướng đến

một nền dân chủ tự trị, thì ông ta phải

chống lại chủ nghĩa cộng sản; và nếu ông ta có thái độ

đó, hãy để ông ta phát

biểu rõ ràng điều đó, mà

không hề lảng tránh và nguy

biện khéo léo. Ông ta lấy làm

thương tiếc sau khi cái ác đã

bị buông lỏng và nhiều người đã bị giết... Tôi hỏi ông ta: ông ta đã làm gì để ngăn

cản bạo lực trước khi nó xảy

ra? Lương tâm ông ta có thanh thản

không? Hoặc ông ta đã không còn

điều khiển được đại biểu

của Bukit Timah (tức Lim Chin Siong), người

hiện ngồi đằng sau ông ta và điều

hành đảng?”

Tiếp lời ông ta là John Ede, một kiều dân đã

giành được ghế đại biểu

khu Tanglin cho Đảng Tiến bộ. Điều

này làm nhiệm vụ của tôi dễ

dàng hơn. Tôi đứng lên liền

ngay sau Ede để nói rằng tôi vui sướng

khi được trả lời hai người Anh

này. Nếu đó là Marshall, (thì)

“ông ta sẽ cân nhắc lời nói

của mình kỹ càng hơn, thận trọng

hơn, và am hiểu hơn về những khó

khăn và nguy hiểm của tình hình;

với sự hiểu biết hơn về những

hy vọng, sợ hãi và nguyện vọng

của quần chúng...

Chúng tôi không tới đây như những tù nhân để
bị kết tội, hoặc như những tù

nhân phải giải tỏa gánh nặng tội

lỗi của họ. Mà chúng tôi đến

đây như những người đại

diện của nhân dân, và chúng tôi

sẽ phát biểu với tư cách đó.”

(Tôi lặp lại lập trường của P A P là) “Để

tiêu diệt hệ thống thuộc địa

bằng những biện pháp không bạo

lực. Chúng tôi tuyên bố

từ bỏ bạo lực ... Chúng tôi

không chuẩn bị để chiến đấu,

duy trì hoặc kéo dài chế độ

thuộc địa. Nhưng hãy cho chúng

tôi quyền của mình và chúng

tôi sẽ chống lại những người

quá khích hoặc bất kỳ ai khác

đe dọa sự tồn tại của một

nước Malaya độc lập, dân chủ và không cộng sản.”

Bởi vì tôi đã khen ngợi ông ta, Marshall một lần

nữa lại do dự khi trả lời, gây

bối rối cho những người ủng hộ ông ta, và tránh cho PAP khỏi mất uy tín hoàn toàn bằng cách nói:

“Nếu PAP, gồm những người trung thực, có trách

nhiệm và nghiêm túc, nếu họ

loại bỏ khỏi nội bộ những phần

tử quá khích và những kẻ đồng

hành – nếu họ dám đối mặt

với trách nhiệm của riêng họ, họ

có thể trở thành tổ chức mà

họ hy vọng một ngày nào đó

sẽ lãnh đạo xứ sở này đạt

được nền độc lập cho riêng

nó.”

Marshall không biết rằng bằng những lời phát biểu của ông ta và, tệ hơn, bằng nỗi háo hức muốn dàn xếp và tránh sự xung đột, ông ta đã gây ra mầm mống tai hại. Mọi công nhân ở Singapore, mọi cán bộ và lãnh đạo cộng sản đều biết họ có một chính quyền mà họ có thể sử dụng cho những mục đích riêng của mình, để dồn giới chủ nhân vào thế bí, tranh thủ những phúc lợi và chiếm lấy những đặc quyền của giới quản lý.

Những thành công của họ đã có kết quả.

Tháng 8/1955, số đoàn viên của

Nghiệp đoàn Công nhân Phân xưởng

và Nhà máy Singapore (SFSWU) tăng lên

23.000 người, đa số là những người

Hoa trẻ tuổi. Trong khi đó, những đoàn

viên Anh học của nó, gồm cả

Nair, Woodhull và James Puthuchearry, đang giúp đỡ

những người Hán học phá hủy

hệ thống thuộc địa Anh. Chiến

thuật của họ là vừa thâm nhập

vào những nghiệp đoàn hiện có,

vừa hình thành những đoàn thể

mới. Họ đã có Liên đoàn

Học sinh trung học Hoa kiều Singapore, trên

thực tế là một cánh tay của

nghiệp đoàn trên, với vũ khí của họ là phương pháp đình công ủng hộ. Đối với bất kỳ vấn đề đơn lẻ nào trong bất kỳ công ty đơn độc nào, họ sẽ đe dọa ngưng toàn bộ các công xưởng.

Như những người cộng sản đã thực hiện ở Trung Quốc, đây là một mặt trận liên kết của công nhân, học sinh và nông dân (giống như ở Singapore) nhằm tạo bất ổn xã hội và biến những tranh chấp lao động thành vấn đề chính trị, làm tăng mâu thuẫn chủng tộc và giai cấp (đối với người da trắng) và nuôi dưỡng lòng khinh bỉ nhà cầm quyền. Một

khi SFSWU đã trở thành một nghiệp
đoàn kết khối như con bạch tuộc,
với lực lượng đoàn viên gồm
những công nhân nói tiếng Hoa, Lim
Chin Siong và Fong nhắm vào Nghiệp đoàn
nhân viên ban quản lý cảng Singapore,
Nghiệp đoàn lao động căn cứ
Hải quân và Nghiệp đoàn lao động
Hội đồng thành phố – những
tổ chức phi cộng sản mà những
người Ấn, Malay và những người
Hoa nói tiếng Anh thuộc các tổ chức
đó đã được chuẩn bị
để đi theo SFSWU. Họ nhận ra rằng
họ có thể sử dụng tính chiến

đầu của các nghiệp đoàn

người Hoa và đe dọa những cuộc

đình công ủng hộ đề đây

mạnh những yêu sách của họ.

Ngài Robert Black cũng nhận ra rằng tình hình đã

thay đổi theo chiều hướng tồi tệ

hơn. Ngày 26/9, ông ta báo cáo với

Lennox-Boyd:

“Trong các cuộc bầu cử... những bài diễn văn
quá khích đã công kích chính phủ... những cuộc họp
của PAP cũng chật ních những người
lao động và học sinh người Hoa
được tổ chức chặt chẽ; tình
cảm của quần chúng được kích
động một cách tài tình. Tất
cả những thứ đó dẫn đến

thối khinh nhờn chính phủ hợp hiến, và làm tăng uy tín cho những người...

công khai thách thức chính phủ.”

Singapore đang trong một phong trào đình công – trong chín tháng từ ngày 7/4 đến tháng 12/1955, có 260 cuộc đình công.

Tuy nhiên, tính chiến đấu này lại có lợi cho tôi.

Ngày 19/6/1955, Nghiệp đoàn lao động Hội đồng thành phố đe dọa đình công để đòi khoản lương truy lĩnh cho năm ngoái của họ. Hội đồng thành phố đe dọa ra thông báo đóng cửa các nơi làm việc để gây áp lực, và thuê những nhà thầu để đảm nhận

những dịch vụ thiết yếu nếu các
công nhân nghiệp đoàn vẫn không
chịu tới sở. Những cuộc thương
lượng nhằm giải quyết vụ tranh
chấp đã thất bại, và cuộc
đình công bắt đầu vào ngày
17/8.

Tuy nhiên ba ngày sau, nghiệp đoàn yêu cầu tôi làm
cố vấn pháp lý cho họ. Các thành viên chủ
yếu là những công nhân công nhật người Ấn, phần lớn đảm
nhận việc thu gom rác và quét dọn đường phố. Đó là
một nghiệp đoàn lớn với vài
nghìn người, lãnh đạo là
một người Ấn ít học, tinh khôn,
lác mắt tên là Suppiah. Đã có
vài vụ xô xát và họ đã

dùng đến bạo lực. Tôi trả
lời là mình rất tự hào khi làm
việc cho họ, nhưng với điều kiện
là cuộc đình công phải được
tiến hành theo cách thức hòa bình.
Họ đồng ý, và cuộc thương
lượng trở nên xây dựng hơn.
Ngày 8/9, viên thống đốc báo cáo
cho Lennox-Boyd:

“Có lúc có những trường hợp lộn xộn
đáng lo ngại theo một kiểu thường
gặp, nhưng họ dừng lại bất ngờ
sau vài ngày. Lee Kuan Yew có công trạng
gì trong vụ này không thì không
chắc được, nhưng có thể là

như thế.” (Chúng tôi đã đi
đến thỏa thuận vào ngày 7/9.)

“Trái với các dự đoán...

cuộc đình công không sụp đổ

và nghiệp đoàn đã đạt

được những nhượng bộ quan

trọng. Có hai lý do chính dẫn đến

kết quả này. Thứ nhất là sự

yếu kém của Hội đồng thành

phổ... và thứ nhì là sự

can thiệp của Lee Kuan Yew, thủ ký của

Đảng PAP, với tư cách là cố

vấn pháp lý của nghiệp đoàn.

Trên thực tế, sự can thiệp của

ông ta có lợi cho cả hai bên và

với kết quả của việc dàn xếp,
có thể ông ta đã cải thiện
được vị trí cá nhân của
mình.”

Cách thức phản đối hợp hiến của tôi, hữu
hiệu trong vòng luật pháp, rõ ràng
là đối lập với cách thức
của những người quá khích, và tôi đã đạt
được kết quả. Nhưng không có
phái quá khích vượt quá khuôn
khổ luật pháp và sử dụng bạo
lực, thì những phương pháp của
tôi sẽ không đạt hiệu quả.

Chính giải pháp ít gây khó
chịu do tôi đưa ra khiến các
phương pháp này dễ chấp nhận

hơn đối với người Anh. Cũng như
ở Malaya, nếu không có chính sách

khủng bố của phe quá khích đã

đẩy người Anh tới viễn cảnh

bi đát là phải đầu hàng,

thì chính quyền Tunku không bao giờ giành được độc

lập đơn giản bằng cách tập hợp ngày càng nhiều những người dân
quê Malay. Chính sự lựa chọn gây khó chịu do phe quá khích

đưa ra đã khiến những phương pháp hợp hiến nhằm xói mòn

từng bước chính quyền thực dân trở nên hữu hiệu hơn đối

với những người theo chủ nghĩa dân

tộc và dễ chấp nhận hơn guồng

máy thực dân. Tại Ấn Độ

thời trước chiến tranh, nơi nào

không có mối đe dọa cộng sản,

các phương pháp bất bạo động

hợp hiến phải mất nhiều thập niên
mới đạt hiệu quả.

Trong khi các nghiệp đoàn tiếp tục sục sôi không
ngừng và lớn mạnh, Marshall liên tục
gây ra các cơn khủng hoảng chính
trị. Ông ta có một sở trường
tạo ra chúng. Giữa lúc tình trạng
xung đột chủ thợ và kích động
này, ông ta lại đụng chạm với
ngài Robert Black qua yêu cầu tăng thêm
bốn ủy viên phụ trợ cho bộ máy
của ông, và khi viên thống đốc chấp nhận chỉ thêm hai người, ông
ta quyết định đưa
tranh luận này ra công khai. Ông cho là
viên thống đốc không có quyền
bác bỏ yêu cầu của Tổng ủy

viên, và đe dọa từ chức nếu

thống đốc từ chối trao đổi ý

kiến với ông ta trước khi làm bất

cứ việc gì. Ông ta cũng muốn

Singapore được trao quyền tự trị

hoàn toàn. Những quy định về

tình trạng khẩn cấp đã hết hiệu

lực vào ngày 21/7, nhưng viên thống đốc lại đề nghị triển hạn

thêm 3 tháng nữa, tùy theo sự chấp thuận của Hội đồng lập pháp

trong phiên họp kế tiếp: cái giá mà Marshall đòi cho sự gia hạn này

là người Anh phải cho Singapore được

tự trị “vào giây phút sớm

nhất có thể được”.

Tiến trình của phiên họp Hội đồng ngày 22/7 đó

là điển hình của phong thái tắc trách và ngu ngốc

mà trong đó các đảng phái

chính trị đã giở thủ đoạn.

Trong việc đưa ra kiến nghị về

quyền tự

trị, Marshall giải thích rằng đây

là một vấn đề nguyên tắc hợp hiến pháp. Cuối bài diễn

văn công kích viên thống đốc

và chủ nghĩa thực dân, ông ta

quay sang tôi – đại biểu của khu

Tanjong Pagar, người “đã quấy rầy

tôi rất dai dẳng và âm ỉ trước

đây,”

nhưng thực sự là “tay lãnh đạo

của phe đối lập dưới mắt quần

chúng” – và yêu cầu tôi

ủng hộ kiến nghị của ông ta. Như

thể tức là ông ta đã phủ
nhận lời buộc tội do Goode đưa ra
hai tháng trước đó, vào ngày
26/4, ông này thường gọi PAP là
phương tiện và là công cụ tự nguyện
của phe quá khích. Tôi chắc chắn
không thể từ chối cái vinh dự
được ủng hộ kiến nghị này!

Hội đồng lập pháp hoãn cuộc họp ngày
22/7. Ba ngày sau họp lại, một thành
viên Đảng Tiến bộ, Lim Koon Teck, đã
cố gắng vượt qua mặt cả tôi
và Marshall. “Chúng ta hãy... đòi
hỏi một cuộc chuyển giao quyền lực
trọn vẹn để chúng ta, và chỉ
chúng ta thôi, sẽ chịu trách nhiệm về

công việc và vận mệnh của mình,
còn chính phủ Anh không cần phải
lo lắng đến chúng ta nữa”, ông
ta đề nghị, và sau đó đề
nghị điều chỉnh chữ “nền tự
trị” bằng “nền độc lập”.

Nói cách khác, ông ta muốn “nền
độc lập” ngay lập tức. Các
đảng viên Đảng Tiến bộ luôn
tiêu biểu cho sự điều độ,
từng bước tiến tới chủ quyền.

Bằng thủ đoạn bất ngờ này,
họ có vẻ cấp tiến hơn cả
Mặt trận Lao động và PAP. Tôi đã
ghi nhận rằng: “Hôm nay chúng ta được

giải trí bởi một cảnh tượng
lạ đời của một con chuột chuyển
mình thành con sư tử.”

Đề nghị
điều chỉnh này bị bác bỏ
và kiến nghị ban đầu về một
nền tự trị sớm sửa được
thông qua, đúng lúc đề gây
căng thẳng cho Lennox-Boyd, người sẽ
đến Singapore chỉ một tuần sau đó.
Tuy nhiên, qua nước cờ của mình,
Đảng Tiến bộ đã tự hủy
hoại uy tín như một đảng phái
đáng tin cậy và kiên định
của họ. Hiện ở Singapore không còn
một lực lượng chính trị ôn

hòa hoặc thuộc cánh hữu cố kết

nữa.

Lennox-Boyd đến Singapore, gặp Marshall và đi Malaya.
Ngày

2/8, Chủ tịch đọc cho Hội đồng

lập pháp nghe lá thư của viên

thống đốc, nói rằng Bộ trưởng

Bộ Thuộc địa đã thảo luận

các vấn đề với Tổng ủy

viên, và rằng cuộc thảo luận sẽ

tiếp tục khi ông ta từ Malaya trở lại

Singapore vào ngày 15/8. Marshall, được

Lennox-Boyd trấn an, trông và nghe có

vẻ thiện cảm, đã nói: “Lúc

này, có lẽ chúng ta nên ngừng

lại ở đây và tiếp tục công

việc bình thường.” Tôi không
đồng ý, chỉ ra rằng không có
gì trong lá thư của viên thống
đốc làm thay đổi tình hình
một cách cụ thể từ cuộc họp
sau cùng của chúng ta “trừ phi rằng
vào ngày đó, chúng ta có một Tổng ủy
viên quyết liệt hơn.” Rồi tôi
chuyển sang phản đối quyết định
cảm ơn viên thống đốc của
Marshall, và Hội đồng lập pháp
ủng hộ tôi. Marshall giận tái người.

Nhưng ngày 18/8, Chủ tịch đọc một lá thư nữa
của thống đốc nói rằng ông ta sẽ hành động theo lời
khuyến của Tổng ủy viên trừ khi
đình chỉ phiên họp và giải

tán Hội đồng Lập pháp. Lá

thư này cũng nói rằng chính phủ

Anh sẽ hoan hỉ tiếp đón một phái

đoàn đại diện từ Singapore tới

London vào một ngày thích hợp để

xem xét những vấn đề hiến pháp.

Marshall tuyên bố: “Đây thực sự

là một ngày hạnh phúc cho Singapore.

Nó đánh dấu sự kết thúc

giai đoạn đầu tiên trong cuộc đấu

tranh vì tự do của chúng ta. Nó đánh

dấu sự khởi đầu của một thời

đại mới... một thắng lợi đáng

phấn khởi.” Marshall phấn chấn. Ông

ta lại đề nghị rằng viên Chủ

tịch sẽ “yêu cầu thống đốc
nhân danh họ cảm ơn Bộ trưởng
Ngoại giao vì quan điểm đồng tình
của ông ta đối với những nguyện
vọng của chúng ta.” Tôi không
muốn làm chuyện này chút nào
và đe dọa bỏ họp – tôi muốn
có thời gian để nghĩ đến
những ẩn ý của bức điện cảm
ơn như thế. Marshall nổi giận. Đề
nghị của tôi chống lại đề
xuất đó bị bác bỏ.

Tôi đang đùa với Marshall, nhưng có việc hệ trọng
hơn cần phải làm. Tương lai của
nền giáo dục, văn hóa, ngôn ngữ
của người Hoa vẫn còn là một

vấn đề quan trọng, dù tình trạng
hỗn loạn sục sôi trong các trường
trung học Hoa tạm thời lắng xuống khi
Ủy ban liên trường của các trường
tiếng Hoa “kêu gọi” chính phủ
ngưng việc đuổi học sinh, hoặc tổng
đặt những thông báo tới các
trường yêu cầu trình bày lý
do tại sao chúng không thể bị đóng
cửa hẳn. Ủy ban đã dự phòng
một cách thức khéo léo để
thoát khỏi vấn đề thể diện
đầy gay gắt. Ngẫu nhiên chính phủ
lại vướng vào việc tiến hành
một cuộc thảo luận kín đáo

mà nó cho phép tìm ra một phương

thức không gây xôn xao dư luận.

Nếu không thì mỗi thiếu sót

trong bất kỳ giải pháp nào sẽ

được tường thuật trên báo

chí tiếng Hoa và tạo thành vấn

đề tranh cãi, vận động hành lang và trở thành

thăng lợi cho những luận điểm tuyên truyền.

Những gợi ý của ủy ban có những hệ quả lâu dài có lợi

cho nền giáo dục của người Hoa và cũng có lợi cho sự hòa

hợp của một xã hội đa chủng tộc. Nhưng

chúng lại đe dọa tương lai những người cộng

sản. Khoảng 90% người Hoa đã

trưởng thành, nếu có được học, là theo

Hán học. Nhưng số trẻ con người

Hoa học trường tiếng Anh đã tăng

manh từ năm 1948, khi tình trạng khẩn

cấp được ban bố. Năm 1950, số

học sinh ở các trường Hoa đông hơn 25.000 người so với các trường Anh, nhưng đến năm 1955, tỷ lệ đó đã

thay đổi, và các trường Anh đông hơn các trường Hoa 5.000 học sinh. Dù

những người cộng sản không biết

chính xác các số liệu, họ cũng

đã ý thức về xu thế này,

và vì nó sẽ làm cạn kiệt

nguồn nhân lực của họ, nên họ

phải ngăn nó lại. Vì thế trận

chiến nhằm bảo tồn văn hóa Trung

Hoa thậm chí trở nên quyết liệt

hơn đối với MCP.

Vấn đề đối với chính phủ và những người

phi cộng sản trong PAP trở nên phức tạp

do sự kiện rằng văn hóa Trung Quốc

cũng là vấn đề tâm huyết của

nhiều bậc phụ huynh, vì thế họ

không thiết tha gì với việc đưa

tiếng Anh vào các trường Hoa. Tất

cả những chi phí hành chính đều

do chính phủ chi trả, nhưng đòi

lại các trường sẽ phải tuân

theo những quy định của chính phủ

về mặt giáo trình và kỹ luật.

Và dù sao đi nữa, họ muốn việc

giảng dạy phải hoàn toàn bằng

tiếng Hoa. Thật ra, khoảng một nửa

trong số họ muốn được cả hai

cách. Nhiều lãnh đạo các bang

hội nằm trong ban quản trị các trường

học đều cho con họ học các trường

Anh, và cho bọn trẻ học thêm tiếng

Hoa vào buổi chiều, nhằm cho chúng

biết nói hai thứ tiếng. Đồng thời

họ hô hào các bậc cha mẹ khác

cho con cái tới các trường Hoa để

tiếp nối truyền thống uyên bác

cổ xưa của người Hoa. Chẳng có

cách nào làm hài lòng tất cả

mọi người. Vì thế chính phủ

cần một báo cáo từ ủy ban, trong đó tôi

đại diện cho PAP, báo cáo sẽ gắn kết mọi lực lượng vào

các nhận định của nó, để

tất cả chúng tôi sẽ bị buộc

phải đảm nhận công việc thuyết

phục những người nói tiếng Hoa chấp nhận nó. Điều
này đã cho tôi một cơ hội để thảo ra kế hoạch nhưng nó
cũng đặt tôi vào một tình
cảnh nguy hiểm nghiêm trọng là phải đối
đầu với MCP về một vấn đề
quan trọng đối với sự sống còn
của họ.

Tôi quyết định rằng, dù nó có thiết thực hay
không, chính sách khả thi về mặt chính trị duy nhất là công nhận
cả
ba ngôn ngữ, với tiếng Malay như ngôn ngữ
chung và là ngôn ngữ dân tộc
tương lai của Malaya, tiếng Anh là ngôn
ngữ khoa học và giao tiếp quốc tế,
tiếng Quan thoại là ngôn ngữ mẹ
đẻ của người Hoa, và tiếng

Tamil, Hindi hoặc Punjabi dùng cho người Ấn.

Chủ tịch ủy ban liên trường là

Chew Swee Kee, ủy viên giáo dục, và

bảy thành viên khác của nó gồm

một người Malay, Abdul Hamid bin Haji Jumat, ủy viên chính quyền bản xứ. Trong chín

tháng kể đó, tôi làm việc

với hai người này, cả hai đều

thoải mái với những quan điểm của

tôi, và chúng tôi cùng nhau soạn

thảo bản báo cáo mà tất cả

đều có thể chấp nhận. Nó

bao gồm một lời khuyên viết lại

toàn bộ sách giáo khoa cho các

trường Hoa, vốn cho tới nay chỉ dùng

các sách thông dụng ở Trung Quốc

hồi trước chiến tranh dưới thời

Quốc dân đảng.

Trong khi đó Lim Chin Siong và Fong không để lãng phí

thời gian. Họ đang theo đuổi một

chiến lược mặt trận liên kết

điển hình mà tôi nhanh chóng

quen thuộc. Lim đã nắm quyền chủ

tịch của một ủy ban giáo dục

người Hoa đại diện cho 16 nghiệp đoàn và Hội Phụ huynh học sinh

người Hoa toàn Singapore. Nhưng đó

mới chỉ là một sự bắt đầu.

Ông ta nắm một danh sách rất dài

những cá nhân và tổ chức mà

ông ta có thể triệu tập, vì

SFSWU không phải tự nhiên mà trở

thành một tổ chức bao trùm mọi

ngành nghề. Nhóm trên đường

Middle bao quanh nó hiện không chỉ bao gồm

nhiều tổ chức với số lượng

những thành viên nói tiếng Hoa không

đáng kể, và vì thế không

quan tâm đến việc giáo dục của

người Hoa, kiểu như Nghiệp đoàn

Lao động Căn cứ Hải quân và

Nghiệp đoàn Công ty Xe tải Singapore, mà còn bao gồm cả những
đoàn thể pha tạp

kiểu như nghiệp đoàn của những

thợ hớt tóc, thợ may, các công

nhân ngành giải trí và xi-nê, và thậm

chí cả nghiệp đoàn những người

sống trong các ngôi nhà gỗ nữa.

Đó mới chỉ

là một khía cạnh của con bạch
tuộc. Lim Chin Siong cũng muốn kết nạp
những bang hội có từ lâu đời
trực thuộc Phòng Thương mại người
Hoa, và nhắm đến mục đích
này, ông ta đã tìm kiếm và giành được
sự ủng hộ của viên chủ tịch
của nó, Tan Lark Sye. Tan là một lái
buôn cao su triệu phú thất học, một
chiến sĩ vĩ đại trên mặt trận
giáo dục và ngôn ngữ của người
Hoa, và là cá nhân đóng góp
nhiều tiền nhất cho quỹ xây dựng
một trường đại học ở
Singapore dành cho người Hoa khắp Đông

Nam Á. Ông ta rất ngưỡng mộ một nước Trung Quốc mới và sẵn sàng đi theo những người cộng sản với điều kiện là họ không gây thiệt hại cho quyền lợi của ông ta. Ông ta đồng ý cho Lim một cuộc họp đông đảo quần chúng vào ngày 6/6/1955, trong đó sẽ bao gồm Phòng Thương mại người Hoa và những bang hội liên kết với nó, cũng như “ủy ban giáo dục” của Lim.

Viên phó chủ tịch của Phòng Thương mại, Yap Pheng Gek, là một kiểu tư sản mại bản Anh học như tập đoàn

Oversea-Chinese Banking Corporation. Ông ta không muốn chơi trò của Lim và xoay xở

để giản lược cuộc họp đại

chúng này trở thành một cuộc

họp dành cho những người đại

diện của 6 tổ chức giáo dục,

trong đó có Lee Kong Chian, một tay trùm

ngành cao su là chủ tịch Hiệp hội

nhân viên và quản trị viên các

trường trung học tiếng Hoa.

Mục đích của cuộc họp là thảo luận một

giác thư nhằm đệ trình lên

chính phủ, đòi hỏi sự bình

đẳng trong việc đối xử giữa

các trường tiếng Hoa và trường

tiếng Anh. Cuộc họp được quy định

trước là sẽ không có việc

tranh cãi hay nghị quyết mới nào, mà

chỉ là việc biểu quyết ngay về

những điều khoản sẽ được

đề đạt. Tuy nhiên Lim Chin Siong phớt

lờ các quy định của viên chủ

tịch, Yap Pheng Gek, người rất ngại dùng

quyền hạn chống lại những người

khuyh tả. Lim đưa ra bản giác thư

do ông ta soạn, trong đó đòi hỏi

không chỉ quy chế bình đẳng cho

các trường Hoa và trường Anh, mà

còn đòi hỏi chính phủ phải

cấp tiền để xây những trường

Hoa, việc miễn tiền học phí trong 6

năm giáo dục tiểu học, và quyền thành lập những

tổ chức tự quản của học sinh

(giống như những chi nhánh của Nghiệp đoàn

Học sinh trung học Hoa) trong mỗi trường.

Khi viên chủ

tịch có ý bắt mọi người

tuân theo những nguyên tắc của cuộc họp, Fong yêu cầu

được phát biểu nhân danh Nghiệp

đoàn Công nhân Xe buýt Singapore. Yêu

cầu này bị từ

chối. Thế là Fong nhờ trực tiếp

đến cử tọa, trong số đó đầy

những kẻ ủng hộ Lim Chin Siong. Những

tiếng cổ vũ tán thành ồn lên

biểu lộ sự liên kết và đe

dọa viên chủ tịch. Viên chủ tịch

đầu hàng đúng lúc. Từ đó
trở đi, Lim và Fong điều khiển
cuộc họp.

Trong bầu không khí này, phòng họp đầy ắp
những đại biểu các tổ chức
bang hội và những người hoạt động
nghịệp đoàn thân cộng, những
người theo chủ nghĩa sô-vanh nắm
quyền kiểm soát. Chuang Chu Lin, hiệu trưởng trường trung học
Chung Cheng, và sau này
là hiệu phó trường đại học
Nanyang, phản đối mọi sửa đổi
sách giáo khoa môn lịch sử và
địa lý Trung Quốc, và khi ông ta
nhận được sự ủng hộ nhiệt
tình, thì kiến nghị của Lim Chin

Siong là nên có những sách giáo
khoa với một nền tảng Malay a bị bác
bỏ. Thêm vào đó, chỉ những
quyết định thiên cộng là được
thực thi. Lim có được những gì
ông ta muốn, và được những
tay lãnh tụ theo truyền thống của các
tổ chức của những người nói
tiếng Hoa ủng hộ.

Ủy ban liên trường dành cho bản giác thư của
Phòng thương mại người Hoa một
vị trí trang trọng trong phần phụ lục
của bản báo cáo nhưng gạt bỏ
mọi đề nghị của bản giác
thư này. Vào tháng 2/1956, khi Chew Swee
Kee công bố bản báo cáo trong phiên

hợp Hội đồng lập pháp, không
câu hỏi nào được đặt
ra. Bản báo cáo là sự thỏa
hiệp hay nhất mà chúng tôi có
thể đạt được, và đại
diện các đảng phái cùng ký
tên vào.

Bản kiến nghị
này đơn giản. Những trường
tiếng Anh cũng phải dạy ngôn ngữ
mẹ đẻ – tiếng Hoa cho người
Hoa, tiếng Malay cho người Malay, tiếng Tamil hoặc tiếng Ấn nào
đó cho người Ấn. Những học sinh trong các trường
Hoa sẽ học hoặc tiếng Anh hoặc tiếng
Malay trong trường tiểu học, và học
cả hai thứ tiếng trong trường trung học.

Các trường Malay cũng sẽ dạy tiếng

Anh ở cấp tiểu học và một ngôn

ngữ thứ ba ở cấp trung học nếu

học sinh đòi hỏi.

Bên dưới cuộc tranh cãi về giáo dục và

ngôn ngữ là một cuộc chiến đấu

vì quyền lực. Tầng lớp thương

nhân người Hoa, những tay lãnh đạo

bang hội và các trùm tư bản của

Phòng Thương mại muốn có một

Hội đồng lập pháp trong đó

những đại biểu được bầu

của họ có thể phát biểu cho

cộng đồng người Hoa bằng thứ

tiếng Hoa trôi chảy, chứ không bằng

thứ tiếng Anh thiếu mạch lạc, để

tăng thêm của cải và quyền lực

của họ. Họ đã gửi một bản

giác thư đòi có một cơ quan

lập pháp đa ngôn ngữ tới Ủy

ban Rendel (mà nó đã bị bác

bỏ), và chúng tôi đã ủng

hộ kiến nghị của họ ngay từ tháng

11/1954, thậm chí trước khi PAP được

chính thức thành lập. Hiện Phòng

thương mại lại đề nghị tiếng

Hoa phải là một trong những ngôn ngữ

chính thức.

Một vấn đề

không thể tránh khỏi trong một xã

hội đa chủng tộc, đa ngôn ngữ

là làm thế nào để tổ chức

một cơ quan lập pháp và một
chính phủ có hiệu quả mà không
gây ra một mớ hỗn độn. Mỗi
cộng đồng lâu đời đều có
một ngôn ngữ chính, và những ai
gia nhập vào đều phải học ngôn
ngữ đó, hoặc nó là tiếng
Anh ở Mỹ và Canada, hoặc là tiếng
Pháp ở Quebec.

Nhưng khi Stamford Raffles thành lập Singapore vào năm 1819,
ông ta đã phân ranh giới những
vùng khác nhau trong quy hoạch đô thị
đầu tiên của mình, trong đó
những chủng tộc khác nhau, thậm chí
những nhóm người Hoa khác ngôn
ngữ đều sẽ sống biệt lập với

nhau. Sau đó người Anh đưa tới

đây một số đồng người

Hoa, Malay, Ấn – tất cả đều nói

tiếng mẹ đẻ của mình – và

để mặc cho họ tự xoay xở.

Dưới áp lực của phái dân túy, Marshall, như

có thể dự đoán, đã đề

nghị một nghị quyết vào ngày

9/2/1956 rằng: “Hội đồng lập pháp

này ủng hộ ý kiến rằng vì

mục đích tranh luận trên diễn

đàn, ngôn ngữ của Hội đồng

sẽ là tiếng Anh, tiếng Malay, tiếng

Phổ thông và tiếng Tamil và rằng

một ủy ban tuyển chọn sẽ được chỉ định để nghiên cứu bản

báo cáo và đưa ra những khuyến cáo cần thiết”. Marshall biết ông

ta đã sẵn sàng chấp nhận việc

đề nghị của mình có thể bị

bác. Ông ta thuật lại rằng một

người Malay đã nói với ông

ta: “Với chủ trương đa ngôn

ngữ, các ông sẽ giao chúng tôi

vào tay người Hoa. Họ sẽ nhấn

chìm chúng tôi.” “Vâng, thưa

ngài,” ông ta đã trả lời,

“thiểu số phải phục tùng đa

số. Người Hoa chiếm 76% trong cộng đồng

chúng ta. Chúng ta đừng tránh né

vấn đề.” Đây là kiểu

điển hình của Marshall – nửa lý

tưởng hóa và nửa (hay có lẽ

hơn một nửa) là kẻ cơ hội

mong muốn chứng minh ông ta Trung Hoa hơn cả

người Hoa, và vì thế có thể

chấp nhận như một người bênh

vực cho họ, ít nhất là cho một

nhiệm kỳ nữa. Tiếng hoan hô nhiệt

tình dành cho những diễn giả người

Hoa trong những cuộc mít–tinh lớn để

tranh cử

đã khiến ta thấy rõ rằng những ai chống lại chủ trương đa ngôn

ngữ nhằm ngăn chặn những đại

biểu người Hoa vào Hội đồng

lập pháp chắc chắn sẽ mất phiếu

bầu.

Trong bài diễn văn của mình, tôi nói: “Khi

chúng ta đi tới quyết định này

ngày hôm nay, chúng ta phải hiểu rằng
nó là không thể thay đổi được,
trừ phi dưới áp lực của vũ
trang, và thậm chí điều đó
cũng sẽ không có tác dụng lâu
dài. Chúng ta phải nhớ rằng có
những hàm ý sâu rộng hơn...”

Đó là vào tháng 2/1956 và
nhiều người đã chờ đợi
một sự phát triển của tiếng Hoa
và Indonesia và nền văn học của
họ khi hai nước Trung Quốc và Indonesia
hồi sinh, trở nên mạnh mẽ và đầy
quyền lực trong vòng 10 đến 20 năm
nữa. Không thể, về chính trị

cũng như về tâm lý, thuyết phục
đồng đảo quần chúng, trong một
tâm trạng chống thực dân, chấp
nhận ưu thế của tiếng Anh.

Tôi biết rất rõ rằng sự thiếu thông hiểu
tiếng Hoa, chứ đừng nói đến
việc sử dụng nó thành thạo, là
một bất lợi ghê gớm về mặt
chính trị cho tôi. Tôi kể lại
tường tận kinh nghiệm của riêng
mình:

“Gia đình cho tôi theo học một trường Anh để
chuẩn bị cho tôi sang một trường
đại học bên Anh, cốt để tôi
có thể trở thành con người có
học vấn – ngang hàng với bất kỳ

người Anh nào, theo kiểu người
hoàn hảo. Tôi không biết gia đình
tôi đã thành công đến mức
nào trong việc này. Tôi lớn lên
và cuối cùng đã tốt nghiệp
đại học. Sau cùng, tôi cảm thấy
– rất lâu trước khi tôi bước
vào con đường chính trị, rằng
toàn bộ thang giá trị đó đều
sai từ căn bản.”

Rồi tôi trích dẫn lời của Nehru, nói rằng ông
ta đã khóc chỉ vì không thể
nói tiếng mẹ đẻ giỏi như nói
tiếng Anh.

“Tôi là người ít xúc cảm, thưa quý
ngài. Tôi không hay khóc lóc hoặc

bứt tóc tai mình, hoặc xé giấy,
hay lột phăng áo ra, nhưng điều này
không có nghĩa là tôi không có
những xúc động mạnh mẽ về
điều đó. Con trai tôi sẽ không
đến một ngôi trường Anh nào.
Nó sẽ không là một mẫu người
Anh. Dĩ nhiên, tôi hy vọng rằng nó
sẽ biết tiếng Anh đủ để
chuyện trò với cha nó về những
vấn đề khác hơn là chuyện
thời tiết.”

Đó là cách tôi cảm thấy. Nó có thể
được cộng đồng những người
nói tiếng Hoa hoan nghênh. Dù Lim Chin
Siong và MCP không hài lòng với bản

báo cáo, họ cũng không thể công

khai chống đối tôi vì đã

ủng hộ nó (cuộc bỏ phiếu có

29 phiếu thuận và không có phiếu

chống) mà không gây một mối bất

hòa trong PAP. Mặt khác, viên chủ

tịch và phó chủ tịch của Nghiệp

đoàn giáo viên tiếng Anh (trong các

trường Hoa) thì có thể chống. Họ

cho đó là “một mẫu ra vẻ

đoan trang thuộc địa vô liêm sỉ”

(sic)¹⁴ và yêu cầu bổ nhiệm một ủy

ban khác mà trong đó gồm những

thành viên am hiểu sâu sắc nền giáo

dục Hoa. Tôi bỏ qua lời tuyên bố này. Những giáo viên dạy

tiếng Anh trong các trường Hoa – kém

chuyên môn và lương thấp –

đều có xu hướng khuynh tả

như những giáo viên dạy tiếng Hoa

vậy.

MCP lo lắng về

kỷ luật mà chính phủ áp đặt

vào các trường Hoa. Họ sợ rằng

nó sẽ ngăn cản các học sinh khỏi

việc "bị phe nhóm chính trị lạm dụng để

lật đổ một cách phi pháp chính

phủ được thành lập hợp

pháp". Tệ hại hơn, tiếng Anh sẽ

mở ra cho chúng một thế giới hoàn

toàn khác thông qua báo chí, văn

chương và phim ảnh. Chúng sẽ nhìn

thế giới bằng hai con mắt, với cái nhìn bình thường, thay

vì chỉ nhìn một mắt qua kính viễn vọng của người Hoa. Tôi phải
chiếm một vị trí

mà nó sẽ không để tôi bị

lên án như một người Hoa mất

gốc. Nếu như tôi đi một bước

sai lầm trong vấn đề này, tôi sẽ

bỏ lỡ cơ hội. Nếu họ có thể chứng tỏ rằng tôi

thích dùng tiếng Anh hơn là tiếng

Hoa làm phương tiện giảng dạy chủ

yếu trong nhà trường, thì tôi

không thể duy trì mối quan hệ và

ủng hộ của khối người nói tiếng Hoa.

Giữa năm 1955, tôi gởi Loong, lúc đó mới ba
tuổi rưỡi, đến trường mẫu

giáo Nanyang, nơi dạy tiếng Hoa. Sau đó

khi tôi đến thăm trường với ủy

ban liên trường, báo chí Hoa đăng

một tấm hình của nó trong lớp

mẫu giáo, khiến mọi người đều

biết rằng nó đang được giáo

dục bằng tiếng Hoa. Việc quyết định

rằng ba đứa con của tôi phải được dạy dỗ

trong ngôn ngữ và văn hóa của tổ

tiên chúng đã khiến cho tôi đạt

một sự tín nhiệm không bao giờ

có thể bị công kích. Hai đứa

con nhỏ hơn của tôi, Wei Ling và Hsien Yang, cũng theo bước
Loong đi học trường mẫu

giáo Nanyang và tiếp tục học trường

tiểu học Nanyang. Sau đó Loong và Yang

học trường trung học Catholic, trong khi Ling tiếp tục học trường
nữ trung học

Nanyang. Chúng là những người Hán
học hoàn toàn, nhưng vì ở nhà
chúng nói tiếng Anh với mẹ, nên
chúng nói tiếng Anh cũng lưu loát
như tiếng Hoa. Và với việc học
thêm tiếng Malay, từ năm lên sáu,
chúng đã thông thạo ngôn ngữ
thứ ba.

Trong khi người dân Singapore bị rối trí bởi những
khủng hoảng định kỳ do Marshall gây
ra, bối rối bởi tình trạng lộn
xộn trong trường học và xung đột
chủ thợ trong chỗ làm thì có
những sự kiện xảy ra ở Malaya sẽ
làm thay đổi tương lai của hòn
đảo.

13

THẤT BẠI Ở LONDON

Tunku Abdul Rahman, lãnh tụ đảng UMNO trong Liên bang Malaya, là

mẫu đối lập với David Marshall. Ông

ta là một kẻ hoàn toàn cứng

rắn và đáng tin cậy. Ông ta

không làm ra vẻ thông minh, nhưng lại

là một quan tòa khôn ngoan của dân

chúng. Quan trọng nhất, ông ta ý thức

được tầm quan trọng của quyền

lực. Cha ông ta là tiểu vương xứ

Kedah, và dưới bóng ngai vàng của

cha, ông ta đã học cách nắm và

sử dụng quyền lực để khiến

người khác làm những gì ông

ta muốn ở họ. Là một ông hoàng,

ông ta nhận được sự ủng hộ

hoàn toàn của những nhà cai trị

9 bang Malay thuộc Liên bang, những kẻ đã chống đối đề nghị của chính

phủ Anh về một Liên hiệp Malaya năm

1946. Hơn ai hết, ông ta là một kẻ

thân Anh và chống cộng thực sự.

Lúc trẻ ông ta là một sinh viên

tại Anh trong 9 năm, 3 năm học luật ở

Cambridge, nơi ông ta quả thực nhận được một văn bằng, và 6 năm nữa cố

gắng – nhưng không vất vả lắm

– để vượt qua kỳ thi vào

Luật sư đoàn. Ông ta hưởng

thụ cuộc đời và thường kể

cho tôi nghe về những thời gian tuyệt
điệu mà ông ta từng có ở nước
Anh. Ở ông, người Anh tìm ra một
lãnh tụ có sẵn sự giúp đỡ
vững chắc từ người Malay và sự
ủng hộ nhiệt tình từ người
Hoa và Ấn.

Trong tháng 6/1955, Liên bang tổ chức một cuộc tổng
tuyển cử trong đó khối liên minh
của UMNO, Hội những người Malay gốc
Hoa (MCA), và Hội những người Malay gốc
Ấn (MIC) giành chiến thắng tuyệt đối.
Sau đó, Tunku và một số đồng
sự trở thành những thành viên
của Hội đồng Hành pháp của
Cao ủy Anh; như ở Singapore, giờ họ đã

có một nền tự trị giới hạn
nhưng không như các ủy viên của
chúng tôi, họ hoàn toàn vui vẻ
làm việc với những người được
thực dân bổ nhiệm. Một khác biệt
quan trọng là họ đang chống lại
cuộc chiến tranh du kích của những
người cộng sản mà chỉ có
thể bị dập tắt nhờ vào sự
giúp đỡ của quân đội Anh, Úc
và New Zealand, và người Anh yêu cầu
tình trạng khẩn cấp phải chấm
dứt trước khi nền độc lập
được trao trả.

Tháng 1/1956, Tunku đi London để dự một hội nghị
hiến định, và trên đường

từ Singapore đến nước Anh trên con

tàu khách *Asia* của Ý, ông ta đã nói với

báo chí là ông ta không đồng

ý với Marshall rằng Singapore phải được

hưởng quy chế bình đẳng trong bất

kỳ liên minh nào giữa họ. Nếu

Singapore được hưởng quy chế bình

đẳng, "nó sẽ gây hoảng loạn

cho những người Malay ở lục địa.

Người Anh tách đôi hai lãnh thổ

chủ yếu để bảo vệ quyền lợi

của người Malay trong Liên bang". Tuy

nhiên, ông ta đồng ý với PAP rằng

các cuộc thảo luận sẽ được

mở ra giữa các lãnh tụ của

Singapore và Liên bang để bàn về
một liên minh tương lai. Trong đoạn
văn dẫn của mình trên tờ

Singapore Standard, Raja giải thích “liên minh tương
lai” có nghĩa là “sự hợp
nhất tương lai”. Raja có lẽ đã
không có sai lầm nào lớn hơn.

Tunku có ý gì khác trong đầu, không phải là sự
hợp nhất của hai lãnh thổ mà là
“một liên minh”, một sự dàn
xếp giữa hai thực thể riêng rẽ.

Ông ta không muốn Singapore thành một
bang trong Malaya vì nó sẽ làm đảo
lộn cán cân chủng tộc ở Malaya.

Ông ta cũng không muốn Singapore thành
một xứ độc lập ngang hàng với

Malaya. Ông ta muốn người Anh vẫn nắm quyền điều khiển một Singapore tự trị, và hình thành một liên minh với một chính phủ Singapore không có chủ quyền. Thật không may, đã không còn thời gian cho những cuộc dàn xếp như thế. Người Anh biết điều đó, nhưng Tunku thì không.

Alan Lennox-Boyd đã đến thăm Kuala Lumpur vào tháng 8/1955

để đánh giá tình hình và bản thân Tunku. Ông ta nhận ra ở Tunku một con người mà ông ta có thể tin cậy, và chấp nhận ngày trao trả độc lập cho ông ta, ngày 31/8/1957. Hơn nữa, với kết quả trực tiếp từ

việc kết thúc của hội nghị hiến
định vào tháng 2/1956, Tunku tiếp quản
tất cả các chức vụ và trách
nhiệm của Hội đồng hành pháp
từ các viên chức người Anh và
Malaya trở thành một quốc gia tự trị
trên thực tế.

Sự tiến bộ
về mặt chính trị của Liên bang
đã thay đổi viễn cảnh cho
Singapore. Cho đến lúc đó, đã
có một cơ hội là Malay sẽ không
được trao trả độc lập khi
Singapore chưa trở thành một phần của
nó. Giờ thì Singapore hoàn toàn cô
độc. Kế hoạch của người Anh

là có một nước Malay a độc

lập với người Malay đứng đầu

– tuy nhiên, người Malay cũng cần

Anh giúp trong một thời gian để cai trị

đất nước và chống lại cộng

sản – trong khi đó họ vẫn giữ

Singapore như một thuộc địa vô thời

hạn vì giá trị chiến lược

của nó đối với nước Anh, Úc

và New Zealand. Singapore may lắm thì trở

thành một lãnh thổ tự trị với

tất cả lễ bộ của nền độc

lập nhưng lại không có chủ quyền

thực sự, và những quyết định

cuối cùng về chính sách đối

ngoại, an ninh và quốc phòng sẽ vẫn
nằm trong tay người Anh.

Phản ứng của Marshall đối với vấn đề này
có thể đoán trước được:

ông ta bị đẩy vào thế phải
yêu sách tối đa trong các cuộc
đàm phán hiến định sẽ khai

mạc ở London vào ngày 23/4. Nếu có
cơ hội, ông ta sẽ đòi chủ

quyền trọn vẹn. Ông ta sẽ đòi
hồi nền độc lập hoàn toàn

từ tay người Anh, và như thế có
một tư thế bình đẳng với

chính quyền Tunku. Tuy nhiên Singapore sẽ ký một hiệp định hứa
bảo đảm

những căn cứ cho người Anh và

nhường cho nước Anh tiếng nói

quyết định trong việc đối ngoại.

Nói tóm lại, ông ta sẽ đạt

được điều đó bằng cả

hai cách. Với sự ủng hộ chút ít

từ bạn bè của ông ta, trong đó

có Ong Eng Guan, thủ quỹ của PAP, ông

ta phát động một “Merdeka Week”

(Tuần lễ độc lập) nhằm thu thập

chữ ký của quần chúng và bày

tỏ sự ủng hộ của quần chúng

đối với nền độc lập và

bản thân ông ta như một chiến sĩ

của nó. Vì mọi người đều

biết chính phủ liên hiệp của ông

ta non kém, nên ông ta cũng quyết định

đưa sang London một đoàn đại

biểu từ đủ mọi đảng phái

nhằm chứng minh sự đoàn kết của

họ trong vấn đề này.

Ông ta đã ở đó vào tháng 12/1955 và được

khích lệ từ những cuộc gặp gỡ

với các Bộ trưởng và dân

biểu quốc hội Anh đến độ ông

ta đã tuyên bố với báo chí

Anh là không còn các “tay thủ

cự” nữa, một điều mà ông

ta cho là đáng lặp lại trong Hội

đồng lập pháp sau khi trở về

Singapore. Ông ta cũng thuyết phục mọi

đảng phái đồng ý việc ông

ta mời một phái đoàn các dân

biểu Anh thuộc Đảng Bảo thủ và

Đảng Lao động đến thăm

Singapore trong tuần lễ Merdeka, khi nó lên đến đỉnh điểm trong một cuộc

mít-tinh vào ngày chủ nhật

18/3/1956 ở phi trường Kallang. Trong khi đó khoảng 170.000 chữ ký đã được

thu thập, và một tình huống để

chụp ảnh đã được dàn

xếp để ghi hình những văn kiện

đóng gói lớn được đoàn

đại biểu liên đảng trình

trước Hạ nghị viện như một

bằng chứng về lòng khát khao độc

lập của Singapore.

Sáu nghị sĩ

quốc hội Anh đến, nhóm thuộc Đảng

Lao động dẫn đầu bởi Herbert

Morrison, từng là Bộ trưởng nội

vụ trong chính phủ của Đảng Lao

động nhiệm kỳ đầu tiên năm

1945–1950 và là nhân vật thứ

hai sau thủ tướng Clement Attlee. Chúng tôi gặp họ thân mật ở các buổi

tiếp, và tôi giải trí một buổi

tối với họ tại một câu lạc

bộ trong Capitol Building. Màn biểu diễn chính là một pha vũ bán thoát

y, không thích hợp cho một đoàn

đại biểu đến với mục đích

ngghiêm túc nhằm đánh giá sự

trưởng thành của chúng tôi, khát
khao độc lập cháy bỏng của chúng
tôi và khả năng quản lý nó
của chúng tôi. Nhưng trước sự
ngạc nhiên của tôi, Morrison rất thích
thú. Ông ta đang trong tâm trạng nghi
lễ, và trong trạng thái phản kích
ông ta đưa ra những nhận xét dí
dỏm về những gì đang chứng kiến,
ông ta không tin rằng có một niềm
khát khao độc lập cháy bỏng dữ
dội trong cộng đồng dân chúng
Singapore, nhưng lại nhận xét sắc sảo
rằng có một nhóm bí mật được
tổ chức chặt chẽ và mạnh mẽ

đang lôi kéo các nghiệp đoàn,
học sinh và nhiều người khác. Có
lẽ ông ta muốn tôi phản bác lại
điều đó, nhưng tôi không cải
chính nhận xét của ông ta.

Khi ngày mít-tinh Merdeka đến, tôi cùng Choo lái xe đến
Kallang, đậu xe cách cao ốc phi trường
một quãng, và đi bộ đến
khán đài được dựng bên
cạnh đường băng. Đó là
một buổi chiều oi bức – tôi mặc
một chiếc sơ mi ngắn tay – nhưng có
khoảng 25.000 người chờ cho đến 5
giờ, khi Marshall đến trong chiếc xe hơi mui trần của ông ta. Ông ta
lái xe
thẳng tới khán đài mà trên

đổ Chín Chye, Ong Eng Guan và tôi đứng

sẵn, và leo ngay lên với chúng tôi

và ra dấu chào Merdeka bằng một nắm

tay giơ cao. Đám đông ủa tới

ông ta, vài người leo lên khán

đài, mà nó vốn được

làm tạm bợ bằng những mảnh gỗ

mỏng manh, nhanh chóng sụm xuống. Thế

là hệ thống phóng thanh bị hư

hỏng, vì thế trong vài phút không

ai có thể nói gì với họ. Cuối

cùng khi một mic-rô được nối

lại, tôi yêu cầu một bộ phận

đám đông cư xử cho phải phép,

rằng có một số "kẻ xấu"

len lỗi trong số họ, trong khi đó một

Marshall đang khoa chân múa tay nói trong mic—rô khác bị hỏng.

Không lâu sau đó, khi các dân biểu quốc hội

Anh đến, Morrison nói với Marshall: “Rất tiếc khi nghe khán đài của ông

bị sập”. Họ không hề ra tới

đó, mà được dẫn vào

tòa nhà phi trường hai tầng và

được giới thiệu với đám

đông từ trên ban công. Họ đã

không muốn đến, nhưng Marshall thuyết

phục họ là dân chúng thì thân

thiện và họ không cần phải lo về

mặt an ninh. Sau đó ông ta vỗ nhẹ

vào lưng tay dẫn đầu đoàn

đại biểu, đảng viên Đảng

Bảo thủ Jeffrey Lloyd và nói: “Tôi
nghĩ là các ông nên nhanh chóng
rời khỏi đây.” Lloyd và đảng
của ông ta bỏ đi tức khắc.

Tôi không thể
nào làm đám đông trật tự
trở lại được, và Lim Chin Siong,
nói bằng tiếng Quan thoại và tiếng
Hokkien, cũng không ăn thua gì. Đây
không phải là cuộc mít–tinh do
Lim tổ chức. Đây là cuộc mít–tinh
của dân thường, và những tay đầu
lĩnh đám đông của ông ta
không nắm quyền chỉ huy. Ong Eng Guan đề
nghị rằng nếu chúng tôi bắt nhip
cho họ hát, họ sẽ không đi đến

chỗ bạo loạn. Ông ta lấy mic-rô

từ tay Lim hát to bài *We Love Malaya (Chúng ta yêu Malaya)*, tiếp theo đó là bài hát cộng

sản *Unity is Strength (Đoàn kết là sức mạnh)*, chuyển sang giai điệu của *John Brown's Body*. Sau đó, trời bắt đầu mưa

phùn. Tôi ra dẫu cho Choo đưa xe lại.

Cô đưa nó lại khán đài

trong chừng mức an toàn mà cô có

thể, và chúng tôi lái xe rời

đi.

Không một ai có cách gì để điều khiển đám

đông đó. Họ đã trở

thành một đám hỗn tạp. Ngay sau

đó dân chúng ném gạch đá

vào các cửa kính của tòa nhà

phi trường, rồi hàng trăm người

xông tới đập phá các cổng

kim loại, và hẳn là đã chiếm
được tòa nhà nếu cảnh sát
tăng viện không kéo đến kịp.

Khi cảnh sát giải tán, họ tản
ra thành những nhóm nhỏ, tràn đi
phá phách trên các đường
phố gần đó và ném đá
vào xe cứu thương của lũ đoàn

St John đang cấp cứu những người bị
thương. Khoảng 7 giờ, trật tự được
vãn hồi, 50 người bị thương,
trong số đó có 20 cảnh sát.

Không có ai thiệt mạng hoặc thiệt hại tài
sản gì đáng kể. Nhưng việc
xảy ra đã để lại trong lòng
sáu thành viên đến thăm đó

một sự nghi ngờ về tính bất ổn
trong tình hình chính trị ở
Singapore, và khiến họ tin rằng chính
phủ, thậm chí với một vị tổng
trưởng Anh và một cảnh sát
trưởng Anh, cũng không hoàn toàn
điều khiển được. Điều đó
gần như là sự thật. Singapore của
Marshall không phải là Malaya của Tunku.
Chính phủ Mặt trận Lao động không
có được sự ủng hộ vững
chắc. Nó là, như Robert Black viết cho
Lennox-Boyd, một “tai nắm, chỉ có
đầu, thân mảnh, không gốc rễ”.
Lá thư của Black mô tả lực lượng

cộng sản trên hòn đảo lan tỏa

hơn trong nội địa và các biện

pháp để chế ngự nó – bắt

giữ mà không xét xử, hơi cay,

vòi rồng, việc xóa tên trong sổ

công đoàn, cấm các cuộc hội

họp vì mục đích phá hoại

– chỉ chữa được các triệu

chứng mà không trị liệu căn bệnh.

Black viết rằng dù các lực lượng

phòng vệ có thể ngăn cản được

sự đình trệ các dịch vụ

công cộng hoặc những sự hỗn loạn

lớn, nhưng các phương thức của

họ đồng thời sản sinh ra nhiều

người trẻ tuổi chống chính phủ
và bài Anh hơn tham gia vào đội
ngũ ngày càng vững mạnh của các
tổ chức CUF. Dưới một chế độ
dân chủ, mỗi người một lá
phiếu, nó chỉ là vấn đề
thời gian trước khi các học sinh trung
học trường Hoa và những công nhân
trẻ tuổi nói tiếng Hoa hình thành
một chính phủ khuynh tả hợp pháp
do dân bầu.

Tôi đã nung nấu những ý nghĩ tương tự
khi tôi cân nhắc cái thế tiến
thoái lưỡng nan mà chúng tôi,
những người phi cộng sản, đối
mặt. Nhưng Marshall có những hiểu biết

giới hạn về tình hình thực tế
của đất nước, và kinh nghiệm
bản thân cũng không cách chi làm
ông ta bớt bồng bột hoặc kiềm chế
được. Ông ta vẫn lạc quan rằng
ông ta sẽ có được một cái
gì đó cũng tốt đẹp như
Tunku đã đạt được từ
Lennox-Boyd, và ngày 4/4, ông ta đã
chuyển vào Hội đồng một bản
kiến nghị để trình bày những
gì ông ta chờ mong ở chính phủ
Anh trong cuộc đàm phán hiến định.
Phần thực tế của văn bản này
là:

“Hội đồng lập pháp yêu cầu phái đoàn
liên đảng ... ngay lập tức tìm
kiếm cho Singapore quy chế của một lãnh
thô độc lập nằm trong Khối thịnh
vượng chung và đưa ra một hiệp
ước giữa chính phủ Vương quốc
Anh và chính phủ Singapore, qua đó
chính phủ Vương quốc Anh sẽ nhân
danh Singapore thực thi quyền điều khiển việc phòng vệ bên ngoài
và có
chỉ đạo trong quan hệ đối ngoại
hơn là trong giao thương và thương
mại.”

Tôi đã nhiều lần tranh cãi riêng với Marshall
trước khi ông ta đưa ra kiến nghị
rằng chừng nào mà nước Anh còn

có quyền ra lệnh cho Singapore phải làm

những gì trong vấn đề quốc phòng,

thì Singapore không thể là một nước

độc lập được, cho dù có

bất kỳ thỏa ước gì. Nhưng

ông ta không chịu từ bỏ mục tiêu

của mình – cảm giác độc

lập dù chỉ là hình thức. Trong

việc tán thành đề nghị của

ông ta, tôi nói rằng nghị quyết

được phác thảo như thế là

một “cách nói hoa mỹ rằng chúng

tôi ý thức rằng người Anh sẽ

không trao cho chúng tôi nền độc

lập hoàn toàn vì điều đó

sẽ có nghĩa là làm đảo lộn

các thỏa ước quốc tế và

những nền tảng quốc tế trong chiến

lược phòng vệ thế giới”.

Tôi đã làm hết sức mình trước khi diễn ra

hội nghị London để chắc rằng hiến

pháp kế tiếp sẽ không mở ra

những cánh cổng cho phái quá khích,

mà sẽ cho chúng tôi đủ cơ

hội để thành lập một chính

thể phi cộng sản, không phải một

thứ bù nhìn của người Anh, mà

như người bảo vệ cho quyền lợi

của nhân dân. Marshall không bao giờ

hiểu ra sự cần thiết cho thế cân

bằng tốt đẹp này: phải có

đủ sức mạnh để hành động

vì lợi ích của nhân dân, nhưng

cũng phải có người Anh ở vị

trí trù bị trong trường hợp cộng

sản chiếm được thế thượng

phong. Và Lim Chin Siong không hiểu ra rằng gần như độc lập mà không có

chủ quyền thì có nghĩa là chủ

quyền vẫn trong tay người Anh. Những gì

ông ta muốn hoàn toàn đơn giản

là có một hiến pháp mà nó

sẽ cho phép lực lượng của ông

ta lớn mạnh thêm.

Marshall dẫn đầu đoàn đại biểu liên đảng

gồm 13 thành viên, trong đó gồm

5 ủy viên chính phủ và 2 quan chức

thứ yếu trong chính phủ Mặt trận

Lao động, 4 đảng viên Đảng Xã

hội Tự do (do Đảng Cấp tiến và

đảng viên Đảng Dân chủ hợp

nhất lại hội tháng 2) và 2 thành

viên PAP. Chúng tôi bay thành từng

nhóm riêng trên những chiếc phi cơ

cánh quạt BOAC Argonaut mất hai đêm ba

ngày để đi từ Singapore đến

London, với hai lần nghỉ qua đêm ở

Colombo và Karachi. Tôi lên đường

hồi đầu tháng 4 để có thời

gian gặp Keng Swee và đánh giá tình

hình từ phía người Anh. Lim Chin Siong

đi cùng tôi, hơi bị hoang mang. Đây

là lần đầu tiên ông ta rời
khỏi đất nước. Nhưng nỗi sợ
hãi của ông ta là do phải rời
khỏi những cố vấn dày kinh nghiệm
của mình hơn là vì việc phải có mặt
ở đất khách.

Trước khi tôi và Lim lên đường trên chiếc
Argonaut, tôi đưa ra một tuyên bố
chính thức của PAP để giải thích
tại sao chúng tôi thay đổi đường
lối của mình. “Chúng tôi muốn
hợp nhất ngay cả trước khi chúng
tôi đạt được một nhà
nước tự trị... Đáng tiếc
là Thủ tướng Liên bang không thể
đồng ý với kiến nghị của

chúng tôi... Hiện chúng tôi đang
tìm kiếm một bước tiến tới
đa về chính trị mà chúng tôi
có thể đạt được ở riêng
Singapore, nhưng sẽ phấn đấu để
đạt được sự hợp nhất với
Liên bang.”

Những chuyến bay duy nhất tôi thường đi trước
đó là bay đến Kuala Lumpur và
trở về trên chiếc Dakota hai động
cơ. Trong những ngày đó, việc di
chuyển bằng đường hàng không
chỉ dành cho một thiểu số
người lãnh đạo, đắt tiền và không phải là không có rủi ro, và mỗi
chuyến đi đáng
để cho bạn bè, người thân

hoặc những người ủng hộ đảng
phái làm lễ tiễn đưa. Đám
đông khoảng vài trăm người
đến để tiễn tôi và Lim và
chúng tôi nói chuyện với họ từ
trên chót cao của cầu thang di động
trước khi bước vào máy bay. Tôi
nói rõ ràng rằng mục đích
của đoàn đại biểu là “không
bảo đảm một nền độc lập
toàn vẹn mà chỉ tự trị 75% và
sau 5 năm thì tự trị hoàn toàn”.
Lim đứng cạnh tôi và tôi phải
bảo đảm rằng báo chí hiểu
đúng dẫn điều đó và

sẽ không xuyên tạc lập trường

của PAP.

Rồi tôi sẽ

có được những ấn tượng

mới. Khi chúng tôi dừng nghỉ đêm

ở Colombo, tôi thật sự ngạc nhiên

khi nhận thấy sự phát triển vượt

bậc ở đó. Nó không bị Nhật

chiếm đóng và trông thịnh vượng

hơn Singapore nhiều. Karachi, chỗ nghỉ đêm kế tiếp, thì nóng và
đầy

bụi, và đây là lần đầu

tiên tôi thấy lạc đà làm

việc như một loại gia súc dùng

để kéo những chiếc xe kéo nặng

nề và thoải mái thải ra những

đồng phân khổng lồ khi đang đi
trên đường. Nhưng trong một tối
đạo phố, tôi đã có cơ hội
mua cho Choo mấy tấm khăn choàng lụa
mỏng trông giống như những sợi tơ
dệt lẫn với chỉ vàng. Thịnh
thoảng cô ấy vẫn dùng chúng.
Sau Karachi, chúng tôi còn dừng để
tiếp nhiên liệu ở Cairo và Rome, và
cuối cùng hạ cánh ở London ngày
17/4.

Tôi có 6 ngày để bắt kịp tình hình chính
trị ở đây trước khi hội nghị
bắt đầu. Thời tiết tuyệt đẹp.
Đây là một trong những mùa xuân
có nắng ở London và hoa tulip đã

nở dọc theo phố Mall. Nước Anh đang

bắt đầu thoát khỏi tình trạng

khó khăn sau chiến tranh. London trông sạch sẽ, ngăn nắp hơn trong vòng 6 năm

từ khi tôi rời đi hồi năm 1950, và

có nhiều xe hơi hơn trên đường

phố. Nó cũng có một sự cân

bằng chủng tộc mới nữa. Tôi thấy

khá đông những người da đen

châu Mỹ Latinh làm nhân viên bán

vé trên xe buýt, và một số

người quét rác da đen. Và tôi

nhận thấy rằng những người châu

Á hiện được nhắc đến

trên báo chí bằng chữ Asean thay cho

chữ Asiatic trước đây. Người

ta cho tôi biết là vào khoảng năm
1953, báo chí Anh bắt đầu dùng
từ "Asian" vì từ “Asiatic”
có vẻ hơi hạ cố hoặc khinh
thường, và sự thay đổi này
là một sự nhượng bộ đối
với người Ấn, Pakistan và Sri Lanka,
hiện đã độc lập. Tôi không
hiểu điều này cải thiện thế
đứng của họ như thế nào. Khi
bạn trẻ London gọi tôi là người
Hoa hay Chink, tôi không hề bực bội.
Nếu chúng hàm ý chữ đó
như một từ miệt thị, thì công
việc của tôi là làm cho chúng

một ngày nào đó, phải nghĩ

khác đi.

Tôi dành nhiều thời gian với Keng Swee và những nhóm

phụ tá của ông ta, những sinh viên

năng nổ đã giúp ông ta chiến

đấu và đánh bại John Eber và

nhóm của ông ta ở Diễn đàn

Malaya. Trong số họ có Joe Pillay, người sẽ trở thành Chủ tịch
Hãng hàng

không Singapore, và Chua Sian Chin, người sẽ

trở thành Bộ trưởng Bộ Nội

vụ. Tôi thấy được khích lệ

khi Keng Swee đã có thể tìm được

những người trẻ tuổi có năng

lực và họ có thể giúp chúng

tôi rất nhiều khi họ trở về

Singapore.

Ông ta cũng có nhiều tiếp xúc với Hội Fabian và Đảng Lao động. Vài người, như Hilda Selwyn-Clacke, vợ của một vị nguyên thống đốc Hồng Kông, bắt đầu trở thành một người bạn và là người bênh vực cho các sinh viên thuộc địa. Các hội viên Fabian đang nuôi dưỡng những người theo chủ nghĩa dân tộc, họ sẽ trở thành những người dân chủ đúng nghĩa, những người theo chủ nghĩa xã hội thật sự, và những người ủng hộ nước Anh trong Khởi thịnh vượng chung mới thành lập. Keng Swee đã thu xếp cho tôi dùng cơm với những

nhân vật quan trọng của Đảng Lao

động, lúc đó đã thôi

nắm quyền, gồm có Aneurin Bevan, cựu

Bộ trưởng, người đã tổ

chức mạng lưới bảo hiểm y tế

quốc gia, một người xứ Wales và

là nhà hùng biện vĩ đại.

Và tôi có dịp đến thăm

những người bạn cũ của tôi và

Choo ở Cambridge, vài người trong số họ

hiện đang hành nghề trong luật sư

đoàn. Họ cho tôi một cảm quan về

tâm trạng của xã hội Anh ở

London sau thời kỳ khổ cực, mà nó

sẽ dẫn đến những năm 60 đầy

khởi sắc.

Hơn một tháng từ giữa tháng 4, tôi sống cùng
Lim Chin Siong trong một căn hộ được
phục vụ đầy đủ ở St James
Court, nơi đoàn đại biểu liên
đảng lưu trú. Căn hộ của
chúng tôi có hai phòng ngủ kèm
theo phòng tắm riêng và một phòng
khách. Bữa ăn được phục vụ
trong nhà hàng bên dưới, nhưng
bữa điểm tâm có thể được
mang lên phòng. Khách sạn đó có
vẻ thanh lịch theo kiểu cổ, với kiến
trúc bằng gạch trang nhã và những
thang máy xưa.

Tôi sống trong môi trường quen thuộc và được

Keng Swee và những người khác chỉ

dẫn tận tình, tôi có thể đánh

giả nhanh chóng các chính khách

Anh đã thay đổi tư tưởng và

lập trường của họ như thế

nào. Nhưng Lim thì khác. Ông ta thể

hiện mình là một kẻ dễ chịu,

đáng yêu, không hề tự phụ

nhưng có nhiều kiềm chế, như hầu

hết những người Hán học khác.

Ông ta rất lo lắng để không gây

ra điều thất thố và rất biết

ơn tôi vì đã mách nước

cho ông ta về những tập tục xã

hội của người Anh, như những tập

tục trên bàn ăn của họ –

cách cầm nĩa, muỗng và dao, và

cách đặt muỗng và dao cùng nhau

như thế nào để chứng tỏ bạn

đã dùng xong một món ăn. Chúng

tôi dùng chung một chiếc xe hơi. Mỗi

đảng trong đoàn đại biểu được

cấp một chiếc, nhưng vì ông ta

không có những mối quan hệ xã

hội ở London và những công việc

của ông ta toàn là những việc

chính thức, mà những việc đó

tôi cũng đi, nên tôi sử dụng

chiếc xe hết phần lớn thời gian. Tuy

nhiên còn một lý do khác nữa:

ông ta không hề muốn tài xế biết

khi nào ông ta gặp riêng những tay
thân cộng.

Tôi tự hỏi không biết ông ta đi lại bằng cách
nào. Chắc hẳn trước khi rời khỏi
quê nhà, ông ta đã có được
một vài số điện thoại và
địa chỉ. Nhưng MCP không có những
cán bộ đáng tin cậy ở London nắm
vững tình hình ở Singapore và
Malaya. Theo tôi biết, mối liên hệ quan
trọng nhất của ông ta là John Eber, và
tôi thấy yên lòng, vì điều
đó có nghĩa là ông ta sẽ
không nhận được lời khuyên
đúng đắn. Ông ta không có

ai tin cậy để nhờ vả, và đang

hoạt động ở một thể hoàn

toàn bất lợi, kèm theo lòng khinh bỉ

của ông ta với các ủy viên thuộc

Mặt trận Lao động cùng những đại

biểu khác. Với quần áo bảnh bao

và giọng nói ồn ào, họ có

vẻ hào nhoáng, ra ngoài để vui

chơi thỏa thích. Lim Chin Siong hoàn toàn ngược lại. Ông ta có một bộ

com-lê mới và tự mua một chiếc

mũ mềm theo lời khuyên nhưng ông ta

không bao giờ đội nó trừ lúc

ra phi trường. Ông ta rất bình dị,

khiêm tốn và cư xử chừng mực,

với một lòng tận tụy cho chính

nghĩa của mình, ông ta đã thu
phục được lòng tôn trọng và
sự khâm phục vốn rất hiếm hoi của
tôi. Tôi ước gì mình có
những cán bộ giống như ông ta.
Ông ta giống như một thầy đội
Gurkha trong quân đội Anh – hoàn toàn
đáng tin cậy, trung thành tuyệt đối,
luôn sẵn sàng thi hành mệnh lệnh
bằng hết năng lực của mình.

Có lẽ ông ta không biết đánh giá về tôi
như thế nào. Tôi là một tay tư
sản nóc bia ừng ực, thích chơi
gôn, nhưng hẳn ông ta cũng hiểu
rằng tôi không phải là không có
một mục đích nghiêm túc. Về

phía chúng tôi, phần lớn công

việc soạn thảo các văn kiện đều

do Marshall và viên luật sư của ông

ta, Walter Reaburn, đảm trách, vì Marshall, về căn bản, đối phó với
hội

ngị này như một vấn đề pháp

lý. Tôi xem nó hoàn toàn là

một vấn đề chính trị, và

Lim hẳn phải nhận thấy rằng tôi

tập trung vào những vấn đề then

chốt, kiểu như vấn đề về chủ

quyền, trách nhiệm về an ninh và đối

ngoại thông qua Hội đồng An ninh Quốc

phòng, và chức chủ tịch hội

đồng này.

Ngày nọ, giữa hai buổi họp, ông ta đi đến cửa

hàng Collet, một hiệu sách thuộc cánh

tả đối diện viện bảo tàng

Anh, mua quyển *The Story of Zoya and Shura*¹⁵ của L.Kosmodemyanskaya. Ông ta đưa tôi và

nói: “Lee, cuốn sách này rất

hay. Tôi đã đọc nó ở Trung

Quốc hồi còn đi học. Và nó

làm tôi thay đổi hẳn.”

Tôi xúc động. Cuối cùng ông

ta đã không gạch tên tôi như

một tay tư sản ăn chơi trụy lạc. Tôi cảm ơn và

lướt qua các trang giấy. Một quyển sách bìa cứng do Moscow tài trợ và

giá chỉ 5 si-ling. Nó kể lại

một câu chuyện anh hùng về thời

Đức xâm lược Liên Xô và

chuyện một chàng trai và một cô

gái đã hành động gì cho

quê hương, cho bạn bè của họ và cho Đảng

Cộng sản. Qua việc ca tụng những giá

trị đạo đức, nó rõ ràng

đã làm cho Lim xúc động dữ

đội khi ông ta đọc nó vào độ

tuổi thiếu niên nhạy cảm.

Ông ta là người có thiện chí và có vẻ chân

thành sâu sắc. Tất cả sự tán

dương và xu phụ của đám đông

không hề làm ông ta chao đảo.

Nhưng chúng tôi không bao giờ phát

triển một tình bạn thân thiết.

Thay vào đó, chúng tôi nhận rõ

bản chất của nhau là gì. Ông ta

biết tôi không phải là một người

cộng sản, tôi biết rõ ông ta là
một người cộng sản. Và chúng
tôi cùng chấp nhận nhau như thế.
Ông ta cần tôi; tôi cũng cần ông
ta. Ông ta tin tôi là một người
lương thiện trong vấn đề tiền
bạc, và nói chung là không lừa
dối ông ta. Nhưng ông ta không tin tôi
về các vấn đề chính trị.
Đó là bản chất mối quan hệ
của chúng tôi. Chúng tôi không
lừa dối nhau về lập trường của
mình. Vốn tiếng Anh của ông ta không
đủ giỏi để ông ta thông hiểu
hết khối văn kiện của hội nghị,

nhưng như tôi viết cho Chin Chye vào lúc đó: “Ông ta đang viết những

bản báo cáo dài lê thê gửi

về, chỉ có Chúa mới biết gửi

cho ai.” Có lẽ ông ta bày tỏ ấn

tượng của mình về con người

và đánh giá quan điểm của

họ đối với những vấn đề

quan trọng.

Riêng tôi gặp gỡ và dùng bữa với dân biểu

Anh, cả Đảng bảo thủ lẫn Đảng

Lao động. Các đảng viên Đảng

Bảo thủ có xu hướng trở thành

những mẫu người hung hăng, quan tâm

đến tình hình thế giới nói

chung và hoàn toàn khác xa các

thành viên Đảng Lao động, những

người có thiện chí và suy nghĩ

ngghiêm túc nhưng lại đầy tính

địa phương. Tôi có một bữa

ăn đáng nhớ với Fitzroy Maclean và

Julian Amery. Maclean nổi tiếng nhờ những chiến tích thời Đức chiếm đóng

Nam Tư, và đã viết những kinh

nghiệm của mình trong cuốn *Disputed Barricades*, tôi thấy rất hấp dẫn. Amery cũng

có một cá tính mạnh bạo, và

sự quen biết của chúng tôi phát

triển thành một tình bạn. Những

người bạn như thế đã thể

hiện giá trị rất lớn trong những

năm 60 khi chúng tôi phải cùng cố

chính quyền ở Singapore, và thậm chí
nhiều hơn thế nữa khi chúng tôi
là bộ phận của Malaysia và bị
đe dọa công khai bởi bọn Malay “Ultras”.

(Tôi gọi họ là Ultras, theo cách
người Pháp đặt tên cho những
kẻ quá khích ở Algeria.) Việc tôi
lưu lại London thì hay và có ích.
Nhưng cuộc hội nghị thì không
được như thế.

Ở London, Marshall đã đọc được lời tuyên bố
của tôi hồi rời khỏi Singapore và
cho là tôi đang phá hoại ông ta.
Ông ta tấn công tôi kịch liệt
trong một lần diễn thuyết trước
200 sinh viên Malay, cảnh báo họ rằng

tôi đang lôi cuốn những “người
cộng sản vào PAP và dọn đường
cho những người cộng sản nắm quyền
vào năm 1959”. Nhưng tôi không
phải là người duy nhất mà ông
ta nhận thấy đang bất đồng với
ông ta. Lúc cuộc họp khoáng đại
khai mạc, viên Bộ trưởng thuộc
địa, Lennox-Boyd, vạch ra phương
hướng cho toàn thể hội nghị trong
bài diễn văn đánh thép, trầm tĩnh
trong đó ông ta làm rõ quan điểm
của người Anh. Đề cập đến
cuộc viếng thăm London của Marshall hồi
tháng 12 rồi, ông ta nói vị Tổng

ủy viên này đã đi trệch
khỏi sự thỏa thuận đã được
đồng ý hồi ấy rằng Singapore sẽ
chỉ có nền tự trị về nội
vụ. “Thay vào đó, hiện ông
ta mưu cầu sự độc lập chủ
quyền toàn vẹn. Chính quyền Vương
quốc Anh đã không hề được
tham khảo mà cũng không đồng ý
mở ra những cuộc thảo luận từ
khởi điểm mới mẻ này.”

Marshall không hiểu hàm ý này. Ông ta đã để
mình bị cuốn hút quá sâu vào
dòng xúc cảm riêng tư. Trước
khi rời Singapore, ông ta đã tuyên bố
công khai rằng sẽ từ chức nếu như

ông ta thất bại trong việc giành lấy
độc lập. Vài ngày sau khi đến
London, tôi nhận được một giác
thư của ông ta đề ngày 21/4, nó
được phổ biến đến các
thành viên của đoàn đại
biểu và đến chính phủ Anh.

Marshall đòi hỏi *merdeka*, tức độc lập, ngay lập tức.

Merdeka, ông ta chỉ rõ, sẽ tập hợp
được nhân dân chống lại cộng
sản.

Nhưng Lennox-Boyd không bị ấn tượng và tuyên
bố vào ngày 25/4 rằng trong khi chính
quyền Vương quốc Anh sẵn sàng thực
hiện những nhượng bộ quan trọng
đối với các nguyện vọng của

Singapore, nó có ý định vẫn giữ
quyền “quyết định cuối cùng”
trong vấn đề an ninh nội chính dưới
hình thức một hội đồng bảo
an do một cao ủy người Anh giữ chức
chủ tịch.

Thay vì đọc những dự báo thời tiết và khóa
chặt hầm tàu, Marshall cứ quyết định
giống buồm tiến tới. Ông ta phổ biến
một giác thư mới vào ngày 1/5
cùng một bản dự thảo Điều
luật Độc lập của Singapore. Bởi vì
những bản kiến nghị trước đây
của ông ta không được chấp
nhận, ông ta nhất quyết yêu cầu
nền độc lập toàn vẹn, lần

này với điều kiện là cho một
Hội đồng An ninh Quốc phòng mà
nó “sẽ chỉ đơn thuần là
cố vấn” và chỉ chấp nhận
một “giai đoạn chuyển tiếp”,
không có gì hơn. Suốt giai đoạn
chuyển tiếp này người Anh có thể
can thiệp và đình chỉ hiến pháp,
nhưng mặt khác Singapore sẽ có “nền
độc lập toàn vẹn” trong “những
thời đoạn bình thường”. Bản
kiến nghị mới của Marshall sẽ cho phép
người Anh can thiệp chỉ trong “những
thời điểm bất thường”, nói
cách khác chỉ sau một thời kỳ

lộn xộn hoặc sau khi phe cộng sản nắm quyền một cách bất hợp pháp và đe dọa nền móng nước Anh.

Sự phản ứng của Marshall với Lennox-Boyd cũng giống như sự phản ứng của ông ta khi viên thống đốc, Robert Black, khước từ ông ta về vụ bốn tay phụ tá thứ yếu. Ông ta tăng tiền cược, ông ta không nhận ra là mình đang đấu với tay chủ trò, mà tay này sẽ không nhượng bộ. Trong buổi họp kế tiếp, ngày 4/5, Lennox-Boyd chỉ trích thẳng thừng quan điểm của Marshall về “những thời điểm bình thường”, rằng "thời điểm hiện tại khó có thể được

xem như thời điểm bình thường”,
và cuộc tranh cãi cứ dằng dai, với
một Marshall càng lúc càng căng thẳng
khi Lennox–Boyd vẫn giữ một vẻ điềm
tĩnh lạnh lùng.

Có một việc xảy ra khắc sâu trong ký ức của
tôi. Giữa lúc Marshall đang hăng hái
diễn thuyết, một thư ký riêng nhẹ
bước đến chỗ Lennox–Boyd và
đặt một bức điện trước
mặt ông ta. Lennox–Boyd đọc và
bắt đầu viết lên đó.

Marshall bực bội. Ông ta dừng lại giữa
chừng, và cao giọng nói chúng tôi
ông ta đang giận dữ: “Bộ trưởng

Ngoại giao¹⁶, chúng tôi biết là ông có nhiều

thuộc địa trọng yếu khắp thế
giới, nhưng chúng tôi đã vượt
8.000 dặm đến đây để trình
bày trường hợp của chúng tôi
và chúng tôi yêu cầu ông dành
cho nó sự quan tâm đúng mức.”

Không rời mắt khỏi bức điện, Lennox-Boyd vẫn
tiếp tục viết và nói: “Ngài
Tổng ủy viên, hãy để tôi
cam đoan với ông rằng trong tất cả
các thuộc địa đáng giá của
chúng tôi trên thế giới, Singapore là
một trong những thuộc địa đáng
giá nhất. Nó là một viên ngọc
quý trên vương miện của Vương
quốc Anh. Tôi đang lắng tai nghe. Ông

đang nói thế này đây, ông

Tổng ủy viên” – và ông ta

lặp lại ba câu cuối cùng của

Marshall đúng từng chữ một. Quả

là một cuộc biểu diễn của một

người có trình độ kỹ thuật

cao, rất Anh, hoàn toàn chấn động.

Marshall giận lạnh người đi, một

trạng thái bất thường đối

với ông ta.

Nhưng tất cả

đều trở nên rất chán và rõ

ràng không đưa chúng tôi đến

đâu cả, dù diễn ra nhiều cuộc

họp kéo dài và những cuộc thảo

luận lạnh lẽ. Marshall đang đuổi

theo một ảo tưởng, “một cái

gì đó cao hơn chế độ tự

trị về nội vụ mà phải đạt

tới một nền độc lập hoàn

toàn” như ông ta đã nói

với tôi khi tôi hỏi ông ta muốn

điều gì. Các buổi thảo luận

kéo dài lê thê qua các phiên

họp khoáng đại lần thứ tám,

thứ chín, thứ mười, cho đến

phiên họp thứ mười một, vào

ngày 12/5, chúng tôi chuyển sang vấn

đề về chức chủ tịch Hội đồng

An ninh quốc phòng. Trước tiên Marshall

gợi ý là người đó phải

là người được Liên Hiệp

Quốc chỉ định, một đề nghị

bảo đảm là Anh sẽ bác bỏ.

Ba ngày sau đó, hành động theo

lời khuyên của ủy viên hành pháp

của ông ta ở Singapore, ông ta gợi ý

rằng đó phải là một người

Malaya do chính phủ Liên bang chỉ định.

Lennox-Boyd ngạc nhiên. Với ba người

Anh, ba người Singapore và một người

Malaya trong hội đồng, lá phiếu quyết

định sẽ tùy thuộc vào người

Malaya và người Anh sẽ trở thành

thiểu số. Buổi chiều, ông ta gạt

bỏ ý kiến đó, nói rằng:

“Trách nhiệm bảo an là vấn đề
của người Anh và đến chừng
nào tình hình vẫn còn như thế
thì Anh vẫn phải là kẻ có
tiếng nói cuối cùng trong cương
vị chủ tịch Hội đồng An ninh quốc
phòng”.

Cuộc thảo luận đi đến chỗ bế tắc. Lennox-Boyd
quyết định không cần tiếp tục
hội nghị nữa, và tuyên bố rõ
rằng đến đây là kết thúc
hội nghị. Marshall lặng người kinh ngạc.
Mặt ông ta sạm đi vì xúc động.
Ngoại trừ Marshall và Lim Chin Siong, tất cả
các thành viên trong đoàn đại
biểu bao gồm cả tôi đã chuẩn

bị để chấp nhận những gì

người Anh đề nghị – một hiến

pháp tự trị với chính phủ

Singapore phụ trách an ninh nội địa,

nhưng người Anh vẫn có quyền không

chế chính phủ này thông qua một

Hội đồng An ninh Quốc phòng trong đó

người Anh sẽ chiếm đa số. Tôi

khuyến Marshall đừng từ chối điều

này, mà hãy “trở lại Hội

đồng lập pháp và thảo luận

lại vấn đề đề sau đó

tiến một bước xa hơn”. Nhưng

ông ta bác bỏ ngay lập tức – ông

ta không phải là con người biết

tính toán trăm nghìn, bình thần

khi lâm vào tình thế khó khăn

mà ông ta tự trói mình vào.

Tối hôm đó, chúng tôi cùng được phỏng

vấn trên đài truyền hình độc

lập. Cả hai chúng tôi đều lên

án Lennox–Boyd kịch liệt, nhưng

Marshall dùng ngôn ngữ hình tượng

hơn, quả quyết rằng vị Bộ trưởng

Ngoại giao đã bày ra “một chiếc

bánh Giáng sinh với nước xốt

chứa độc dược.” Giờ ông

ta phải giữ lời hứa từ chức của

mình.

Khoảng 5 giờ 45

chiều hôm đó, viên thư ký

của đoàn đại biểu điện

thoại đến nói rằng Marshall đang

triệu tập một cuộc họp khẩn cấp

nhằm thảo luận việc tái tục cuộc

đàm phán. Tôi đánh thức

Lim Chin Siong để báo tin. Ông ta không

tin.

“Lee, thôi đi, đừng giở trò lỡm tôi,” ông

ta nói bằng giọng Anh pha Hokkien của mình.

“Lim, tôi nói thật mà. Có một cuộc họp lúc

6 giờ.”

Bằng những hành động lắt léo đầy bất ngờ

và mâu thuẫn của mình, Marshall đã

gây bức bối không chỉ cho tôi và

những thành viên Đảng Xã hội

Tự do, mà cả những thành viên

chủ chốt thuộc Mặt trận Lao động

của ông ta. Ý muốn tái tục đàm

phán để tự cứu mình của

ông ta là quá sức chịu đựng

của họ. “Ông không thể ăn

những gì ông đã mửa ra,”

như lời một đại biểu thuộc

Đảng Xã hội Tự do xen vào bằng

tiếng Hokkien đầy hình tượng. Suốt

nửa giờ họp, Marshall biết rằng nếu

ông ta cố tìm cách tái tục

việc đàm phán, ông ta sẽ phải

làm điều đó một mình. Ông

ta đã đi quá xa vai trò của mình

và đã bị cô lập.

Tối đó, ông ta tới xem vở *Madam Butterfly* cùng với Lennox-Boyd và bà Patricia

Boyd, sau đó đến một nhà hàng

Tây Ban Nha dùng cơm trong tiếng ghi-ta

và tiếng thiết hài của các vũ

công. Trong khi đó, tôi quyết định

ngăn ông ta đừng đóng một màn

phục hồi các thứ. Trong một cuộc

họp báo tối đó ở Malaya Hall,

tôi tuyên bố rõ rằng PAP sẽ

chẳng can dự gì đến việc tái

tục hội nghị. Tôi nói đó

là “một sự cố gắng vô vọng

cuối cùng để bám lấy chức vụ, một dấu hiệu của

sự bất tài về mặt chính trị

đến khó mà tin được”,

và để kết thúc, tôi thêm:

“Chưa bao giờ trong lịch sử phát

triển thuộc địa lại có quá

nhiều trò bịp bợm được trình diễn bởi sự lãnh đạo thất

thường đến thế trong một thời gian ngắn như thế.”

Tôi biết rằng qua việc tổ chức họp báo trong đúng
buổi tối đó, dù có muộn

đi nữa, tôi cũng sẽ xuất hiện

trên báo chí London vào ngày hôm

sau, cũng như trên báo chí Singapore,

dù bị chênh lệch múi giờ. Những

gì tôi nói sẽ xuất hiện trên

báo và minh định quan điểm của

tất cả mọi thành viên trong đoàn

đại biểu. Và đó là những

gì đã xảy ra.

Tôi rời London cùng Lim Chin Siong vào ngày 21/5. Cuộc
hội nghị đã thực sự là một
thất bại. Nhưng nó không phải là
không có giá trị, vì nó đã
giúp Singapore thoát khỏi tính phần
khích thất thường của Marshall.
Marshall phải từ chức, và tôi đoán
rằng Lim Yew Hock có thể sẽ là Tổng
ủy viên kế tiếp của chính phủ
Mặt trận Lao động. Chúng tôi sẽ
bước vào một giai đoạn mới.
Tôi không biết chắc Lim Chin Siong nghĩ
gì. Có thể ông ta đang suy nghĩ
đến hậu quả của tính hấp
tấp của Marshall mà ông ta đã
từng cổ vũ. Chắc chắn chúng tôi

sẽ có một chính phủ ít thuận
lợi cho CUF, bởi vì Lim Yew Hock sẽ là
một giải pháp khác. Trong những giai
đoạn cuối của cuộc hội nghị,
tôi thấy Marshall hoàn toàn chịu ảnh
hưởng của Lim Chin Siong. Khi ông ta làm cho tất cả những người
phi cộng
sản chán ghét bởi sự thay đổi
quan điểm và những con hỉ nộ
bất thường của mình, thì Lim là
người ông ta trông chờ để có
sự ủng hộ, và ông ta đã
ngủ ngốc nghe theo lời khuyên của Lim khi bác bỏ lời đề nghị cuối
cùng
của Lennox-Boyd.

14

MARSHALL

RA, LIM YEW HOCK VÀO

Cuối cùng khi Marshall trở về Singapore ngày 25/5/1956, ông ta vẫn còn bức bối và giận tôi.

Ông ta yêu cầu tôi rời khỏi phòng

khi tôi xuất hiện ở phi trường để

chào đón ông và dự định

lưu lại dự cuộc họp báo của

ông ta. Nhìn thẳng vào tôi, ông

ta nói cuộc họp báo chỉ dành

cho những người bạn. Tôi bỏ đi.

Tại cuộc thảo luận cuối cùng của ông ta với tư

cách là Tổng ủy viên vào ngày

6 và 7/6, vẫn muốn từ chức trong vinh dự, ông ta yêu cầu Hội đồng

lập pháp tán thành lập trường
của đoàn đại biểu tại cuộc
hội nghị ở London. Marshall bị các
thành viên Đảng Xã hội Tự
do khiển trách vì những hành động
bất nhất và vì sự sai lầm của
ông ta trong việc từ chối ba phần tư
ổ bánh và trở về tay không. Tôi
quyết định không phê phán
Marshall gì cả, mà đưa ra một mặt
trận liên kết chống lại nước
Anh “xấu xa”.

Cuộc họp mang bầu không khí sắp tàn cuộc, và
tôi thấy cũng chẳng được gì
qua việc trách móc Marshall. Về cuối của cuộc thảo luận kéo dài hai
ngày này, Marshall từ chức. Ngày hôm sau, 8/6, Lim Yew Hock

tuyên thệ nhậm chức Tổng ủy viên.

Tôi đã tin rằng Lim Yew Hock sẽ phải lãnh đạo
hoàn toàn khác. Ông ta không có
cá tính của Marshall hoặc tính thích quảng bá. Ông ta không thể
sống
từ cơn khủng hoảng này đến
cơn khủng hoảng khác. Ông ta là
một nhân viên tốc ký đã
thành đạt nhờ khôn ngoan, biết
điều, đáng tin cậy và quý
giá đối với các ông chủ
của ông ta. Tôi cảm giác hầu như
chắc chắn rằng ông ta sẽ chấp
nhận sự phân tích của các viên
chức của ông ta, đặc biệt là
các chuyên gia Sở đặc vụ, và

hành động theo lời khuyên của họ
về cách thức đối phó với
sự lật đổ của CUF. CUF đã
xâm chiếm sâu rộng vào quá
nhiều mặt, và vấn đề của
ông ta là làm thế nào để
hạn chế họ lại mà không bị
quần chúng phản đối. Nếu ông
ta tấn công vào ngôn ngữ và nền
giáo dục Hoa, ông ta sẽ mất phiếu
của khối người nói tiếng Hoa. Nếu
ông ta bắt giữ những tay lãnh đạo
hiếu chiến của họ và họ bắt
ngờ không thể giành được
thêm những phúc lợi thông qua các

cuộc đình công và biểu tình,
ông ta sẽ mất số phiếu của giới
công nhân, kể cả số người
Malay và Ấn Độ, những kẻ sẽ
đòi hỏi phóng thích những lãnh
đạo đó.

Tuy nhiên, với Lim Yew Hock giữ chức Tổng ủy viên, tình hình
trở nên nguy hiểm hơn

cho CUF. Vì thế tôi ngạc nhiên rằng, không hề lùi bước hay mai
phục

chờ thời, Lim Chin Siong và nhóm của ông ta quyết định đóng một
vai trò nổi bật hơn. Trong cuộc bầu cử chọn ủy ban chấp hành mới
của

PAP, họ xoay xở để đạt 5 trong số

12 chiếc ghế cho nhóm của họ, chính Lim Chin Siong đạt được số
phiếu

lớn nhất: 1.537 phiếu so với 1.488 phiếu của tôi. Ông ta vẫn đề cho
phái

ôn hòa giữ một đa số trên

danh nghĩa, nhưng lại cho thấy rõ rằng một khi cần đến sự ủng hộ của quần chúng, thì phái khuynh tả

sẽ nắm được mọi lá bài

chủ. Sức mạnh của họ đang tràn

ngập và họ có thể dễ dàng

kiểm soát đảng bất cứ khi nào

họ muốn.

Tôi quyết định đây là lúc tôi đi nghỉ nửa

tháng thường niên. Tôi lái xe

lên cao nguyên Cameron cùng với Choo và Loong, ngừng lại dọc đường tại

khách sạn Station ở Kuala Lumpur. Chúng tôi chọn nó vì Loong rất thích những

chiếc xe lửa, và chúng tôi đưa

nó xuống sân ga để xem các

chuyển xe đến và đi. Nhưng còn
một lý do quan trọng hơn để chúng
tôi lưu lại Kuala Lumpur. Đáp lại
một lá thư tôi đã gửi cho
ông ta trước đó, Ong Pang Boon đã
đến khách sạn gặp tôi.

Vốn tiếng Hoa của tôi vẫn rất kém. Pang Boon nói
tiếng Quan thoại, Hokkien, Quảng Châu, và được giáo dục bằng
tiếng Hoa
và tiếng Anh. Ông ta vừa tốt nghiệp Đại học Malaya và đang làm
việc
tại Kuala Lumpur cho Malaya Borneo Building Society. Lương ông
ta khoảng 700 đôla một tháng.
Ông ta đã giúp tôi ở Tanjong
Pagar suốt cuộc vận động bầu cử
năm 1955 và tôi muốn ông ta trở
thành thư ký tổ chức của PAP,

nhưng tôi chỉ có thể đề nghị
với ông ta mức lương 450 đôla
từ phần trợ cấp 500 đôla một
tháng của ủy viên hội đồng
lập pháp của tôi. Ông ta trả lời
rằng ông ta sẽ đến Singapore “nếu
đăng ra lệnh”. Tôi nói với
ông ta rằng tôi không thể ra lệnh
cho ông ta làm điều gì mà nó
sẽ gây thiệt hại cho ông ta 250 đôla so với mức lương hiện có của
ông ta và gồm cả việc ông ta
phải rời khỏi thành phố quê nhà,
đặc biệt là khi các ông chủ
của ông ta đã đề nghị gửi
ông ta sang Anh để tu nghiệp. Ông ta yêu cầu có thời gian để suy
nghĩ.

Khoảng hai tuần sau, ông ta nhận lời và đồng ý bắt đầu vào giữa tháng 8. Tôi thấy nhẹ nhõm và biết ơn. Tôi sẽ khó tìm được một ai khác đáng tin cậy như thế. Ông ta có độ nhạy cảm chính trị, am hiểu về các học sinh trung học người Hoa và có tư tưởng quốc gia. Quan trọng hơn hết là tôi cảm thấy có thể tin ông ta được.

Nhiệm vụ của ông ta không dễ dàng chút nào.

Thật khó để điều hành một đảng phái đa chủng tộc, đa ngôn ngữ ở Singapore. Những thành viên năng nổ của PAP là những người nói tiếng Hoa và những lãnh tụ tự nhiên của họ đều là những tay Hán học. Vì vậy các hoạt động cung ứng cho họ – những

bài hát, điệu múa và những
lớp nấu ăn, may vá, học đọc
viết, sửa chữa radio, động cơ tất
cả đều bằng tiếng Quan thoại. Điều
này loại bỏ những người Hoa theo
Anh học, những người Malay và Ấn
Độ, vì thậm chí nơi họ
chiếm đa số thì những người
Hán học vẫn điều hành mọi
thứ. Trụ sở trung ương của PAP tổ
chức những cuộc họp chung trong đó
có những người nói tiếng Anh
tham dự, nhưng không có những hoạt
động văn hóa và xã hội đặc
biệt được tổ chức cho họ, vì

điều đó sẽ đòi hỏi

những cơ sở vật chất lớn hơn

quá đắt tiền mà một đảng

phái còn nghèo khó lòng mướn

nổi.

Nếu không có một người như Pang Boon, tôi sẽ

không tài nào quán xuyến được

những hoạt động của đảng. Như

thường lệ các chi nhánh phản ánh thái độ của

Middle Road, nơi Lim Chin Siong và Devan Nair đang ép chúng
tôi có

thái độ rõ ràng nhằm chống

lại những chính sách chống cộng

rõ ràng ngày càng tăng của

chính phủ Tunku ở Kuala Lumpur, không tạo cơ hội cho MCP
hoạt động theo hiến

pháp. Vì thế tôi đưa ra một

tuyên bố của PAP tấn công chính

phủ Liên minh trong Liên bang. Đó là một quyết định quan trọng.
Vì đây

là lần đầu chúng tôi đề

cập đến những vấn đề nhạy

cảm ở Malaysia.

Chúng tôi chỉ

rõ rằng những chính sách của

Tunku sẽ “đẩy chúng tộc chống

lại chúng tộc và giai cấp chống

lại giai cấp”, rằng việc thành

lập một đội quân 500.000 người

để tăng cường cuộc chiến đấu

chống lại cộng sản sẽ “cho thấy

rõ rằng quân đội và cảnh

sát sẽ là chủ yếu, nếu không

nói là toàn bộ, là người

Malay và rằng những lực lượng

Malay này sẽ được dùng để

kiểm soát chủ yếu những khu vực

của người Hoa và các công nhân”.

Những mối nguy về xung đột chủng

tộc giữa người Malay và người

Hoa đã xảy ra. Lập trường chống

cộng cũng sẽ đưa những công

nhân đủ mọi sắc tộc ra chống

lại “những ông chủ Ấn, Hoa và

châu Âu được ủng hộ bởi

tầng lớp phong kiến Malay trong chính phủ

Liên bang”. Nó là “một chế

độ thuộc địa được che đậy

bởi vì sau khi chính quyền Tunku nắm quyền an ninh nội chính, quốc phòng và tài chính, người Anh đã

ẩn mình một cách thành công

đằng sau những Bộ trưởng thuộc

Khối liên minh”, thực thi quyền lực thực sự thông qua các lực lượng

vũ trang của họ và quyền điều

khiển cảnh sát cũng như guồng máy

hành chính của thủ tướng.

Ngày hôm sau, Tunku giáng trả lại. Ông ta tuyên bố rõ ràng rằng sẽ không quan hệ

với những người cộng sản hoặc

PAP. Chính sách của ông ta không nhằm tìm kiếm “sự ủng hộ giả tạo của quần chúng” bằng cách

kích động tư tưởng bài Anh.

“Quyết tâm của tôi là bảo

đảm chính quyền của chúng tôi

vận hành hoàn toàn thoát khỏi

sự can thiệp từ những phần tử

phản loạn. Vì thế, tôi kiên

quyết giữ vững an ninh và trật tự

trong xứ sở này,” ông ta nói.

Nhưng sự phản ứng có ý nghĩa

nhất lại đến từ Tan Siew Sin, sau này là Bộ trưởng Tài chính, rồi

là trưởng ban tuyên truyền của

MCA. “Tunku Abdul Rahman cũng nhận thức rõ việc sử dụng bừa
bãi các lực

lượng Malay trong việc thực thi tình trạng khẩn cấp có thể dẫn đến

xung đột chủng tộc, đặc biệt

là khi những lực lượng như thế

sẽ có thể được triển khai

tại những vùng nông thôn, nơi đa

số dân chúng là người Hoa...”

Với tư cách là một người

Hoa cùng phe với Tunku, ông ta ý thức về mối nguy hiểm đối với bản

thân và đối với Malaya nếu có

một cuộc đổ máu vì vấn đề

chủng tộc.

PAP đã chạm vào một vấn đề dễ gây

thương tổn, nhưng không có cách

nào để tránh sự xung đột

công khai này. Chúng tôi nằm trong

mặt trận liên kết với những người

cộng sản và Tunku đang muốn tiến

hành y nguyên những chính sách như

người Anh trong việc đàn áp họ,

sử dụng những phương pháp của

người Anh nhưng lần này được

sự ủng hộ của những người

theo chủ nghĩa dân tộc Malay. Tôi không hiểu chiến lược của cấp trên

Lim Chin Siong. Họ phải biết rằng một cuộc thanh trừng đang sắp xảy ra và những tay điều hành chủ chốt của

họ sẽ bị quét sạch. Song họ đã

nắm một vị trí đáng kể hơn

trong PAP, và đang ép những người

phi cộng sản chấp nhận một thái

độ thù địch chống lại Tunku,

mà nó chỉ làm tăng thêm nguy cơ

về một biện pháp đàn áp

của chính quyền. Tôi kết luận

rằng những lãnh tụ MCP chỉ huy Lim

Chin Siong và Fong Swee Suan không chắc Lim Yew Hock sẽ đi theo con đường nào, và

quyết định dùng họ để thăm
dò tình hình. Vì mục đích
của họ, hai lãnh tụ mặt trận
công khai có thể hy sinh. Còn những cán bộ chủ chốt của họ, họ
để nằm vùng, và chiến trường
chính của họ không phải là
Singapore mà là Malaya, nơi Tunku và cơ
sở quần chúng người Malay của ông
ta mới là kẻ thù chính của họ.
Nếu những gì họ muốn ở Singapore
là một chỗ ẩn náu an toàn, nơi
họ có thể xây dựng lực lượng
của họ cho cuộc chiến đấu trong
nội địa, thì chính sách khiêu
khích của họ là không hợp lý.

Việc trước mắt của tôi là

khám phá Lim Yew Hock và những chuyên viên nghiên cứu bí mật của ông

ta trong Sở đặc vụ đang chuẩn bị

hành động gì – như ông ta

phát biểu ngày 6/9 trước Hội

đồng lập pháp – “vì lợi

ích tốt nhất cho Singapore”.

Tôi không phải chờ lâu cho đến khi chính phủ

hành động. Vào ngày 19/9, chính

phủ giải tán Hội Phụ nữ

Singapore và Hội Kèn đồng Hoa, bắt

giữ 6 lãnh tụ CUF, bao gồm chủ tịch Nghiệp đoàn Công nhân Phân xưởng

và Nhà máy Singapore (SFSWU) và 3 chỉ

huy đầu não có quan hệ với các

trường trung học tiếng Hoa – một
giám học, một giám thị và chủ
tịch Hội Giáo viên Tiểu học
người Hoa ở Singapore, một trong số họ
đã bị trục xuất về Trung Quốc.

Lim Yew Hock nói trên tờ *Straits Times*: “Chúng tôi quyết định
thắng

tay ngăn chặn mối đe dọa ngày càng

lớn của các tổ chức mặt trận

cộng sản. Chúng tôi quyết định

kiểm tra ‘sự thâm nhập lén lút’

của những người cộng sản và

những cảm tình viên của họ vào

những tổ chức có uy tín.” Trong

một bản tuyên bố, tôi nêu rõ:

“Hành động bất ngờ và độc

đoán gây ra mối lo âu nghiêm

trọng nhất. Chúng tôi đang nghiên

cứu vấn đề đó.” Lim Chin

Siong và Fong không hài lòng vì bản tuyên bố của tôi thiếu sức xúc

cảm và tố cáo mạnh mẽ. Họ

muốn phản đối và lên án

bằng mọi cách có thể, nhưng tôi

lại không đáp ứng điều đó.

Vào ngày 24/9, chính phủ xóa sổ Liên đoàn

học sinh trung học người Hoa ở Singapore (SCMSSU) và 5.000 học sinh đã chiếm đóng các trường của họ để

phản đối. Những người canh gác

che mặt xuất hiện ở các cổng

trường, che mặt bằng khăn tay mỗi

khi xe tuần cảnh có bộ đàm chạy

ngang. Những người gác này kêu

gọi các phụ huynh tìm đến trường

hãy trở về nhà và quay lại với

thức ăn, quần áo cho con em họ. Báo chí thuật rằng các giáo viên

cảm thấy “trơ trọi”, và một

hiệu trưởng, vốn cũng có tư

tưởng sô-vanh Trung Quốc, đã

miêu tả đám học sinh là "bất

trị". Nhưng khi Chew Swee Kee, với tư

cách là ủy viên giáo dục, nói

với chúng là chúng sẽ phải

gánh chịu những hậu quả nếu như

chúng không chịu trở lại lớp học

một cách có trật tự, một số

đứa đã quyết định về

nhà. Thật khôn ngoan, vì lần này

chính phủ tỏ rõ ý định

muốn giành mọi thắng lợi, và

Lim Chin Siong cũng như Fong không thể lý giải những dấu hiệu ấy thành bất

kỳ điều gì khác hơn một dấu

hiệu kết thúc cho giai đoạn tiến

công thông qua mặt trận liên kết

của họ.

Ngày kế tiếp, bốn tổ chức có liên quan tới các trường học người Hoa bị cấm

hoạt động, trong đó có Hội

Giáo viên tiểu học người Hoa ở

Singapore và Liên hiệp các hội phụ

huynh học sinh người Hoa ở Singapore. Một tuần sau, cảnh sát bắt giữ Robert Soon Loh Boon, chủ tịch liên đoàn học

sinh đã bị cấm hoạt động, và

cùng ngày bắt giữ một thư ký
ăn lương của SCMSU, đồng thời
trở thành thành viên đầu tiên
của ban chấp hành PAP bị chính phủ
bắt giữ.

Tại cuộc họp của Hội đồng lập pháp ngày
2/10, tôi đề nghị phê phán chính
phủ về những vụ bắt giữ và
trục xuất đó. Đó chỉ là
việc làm hình thức. Lời đề
nghị bị bác bỏ. Tôi biết Lim Yew
Hock phải tiếp tục việc thanh trừng.
Ông ta không thể do dự theo cách mà Marshall đã làm mà không
phải
hối tiếc. Chew cũng tấn công một
cách tương ứng. Ông ta chĩa mũi

nhộn vào các bậc phụ huynh và
những ai tha thứ việc nổi loạn của
học sinh. Hai giáo viên trung học bị
sa thải và 9 người khác bị cảnh
cáo, trong đó có một hiệu
trưởng và một giám thị. Hai cậu
traí và một cô gái bị bắt giữ,
và một trong hai cậu bị trục xuất
vì cậu ta không sinh tại Singapore. Chew cũng trao cho các trường
học bản
danh sách 142 học sinh bị đuổi học.
Trong khi đó 742 người khác xung phong ủng hộ chiến dịch của
chính phủ
nhằm diệt trừ những kẻ gây rối.

Một cuộc cấm trại lì để phản đối diễn
ra sau đó vào đêm 10 và 11/10 có

SFSWU ủng hộ, cùng với dấu hiệu

rõ rệt về sự thất bại, lực

lượng thân cộng đã nỗ lực

rất lớn nhằm đòi cho được

một giá chính trị tối đa từ

Lim Yew Hock cho việc làm sụp đổ CUF.

Họ làm hết sức để nối kết

quần chúng về mặt cảm xúc với

các lãnh tụ mà họ e rằng sẽ

bị bắt giữ, và với những tổ

chức mà họ cho là sẽ bị cấm

chỉ, thuyết phục dân chúng phải

cảm thấy rằng chính họ bị xâm

hại và bị tước đoạt. Nhằm

mở rộng chiến dịch kích động,

Lim Chin Siong và Nair đã nhờ Jamit Singh triệu tập một “Hội nghị dân quyền” của 95 nghiệp đoàn vào ngày 28/9, tại đó có 700 đại biểu đã tuyên bố đại diện cho 200.000 thành viên. Nair được bầu làm chủ tịch, và mục đích của họ là kích động quần chúng chống lại người Anh và “tên bù nhìn thực dân vô sỉ” Lim Yew Hock, kẻ đã cả gan cấm chỉ vài tổ chức của CUF vào tuần đó. Nhưng đó là cuộc tập hợp thường lệ của phái thân cộng, vẫn là nhóm những người ủng hộ mặt trận liên kết cũ.

Không nao núng, chính phủ vẫn duy trì sức ép.

Vào ngày 10/10, cảnh sát bắt giữ

bốn lãnh tụ học sinh của tổ chức

SCM SSU đã bị xóa sổ, và ba ngày

sau đóng cửa trường Cao trung của

người Hoa và trường Trung học

Chung Cheng. Sau đó, ngày 16/10, chính phủ

cho mở cửa các trường khẩn cấp

cho 400 học sinh tiếp tục học, và

nhiều học sinh khác cũng chấp nhận

cách học này. Một tuần sau, một

đoàn đại biểu đại diện

cho cái được gọi là tổ chức

học sinh trung học trường Hoa Singapore yêu tự do đưa cho Lim
Yew Hock một lá cờ

đỏ, và ngày hôm sau đích

thân ông Tổng ủy viên lên đài
truyền thanh đưa ra một tối hậu thư
cho những học sinh ương ngạnh nào
vẫn còn cắm trại trong hai trường
phải giải tán vào 8 giờ chiều
ngày hôm sau.

Tôi đó, 24/10, PAP tổ chức một cuộc mít-tinh trên một cánh
đồng trống ở

công viên vui chơi Beauty World dọc theo đường Bukit Timah
nhằm phản đối một cách

hòa bình những vụ bắt giữ, với

Lim Chin Siong, Nair, Chin Chye và tôi trên cùng khán đài. Nhưng
khi cuộc mít-tinh

giải tán, những người ủng hộ

công đoàn của Lim Chin Siong chất đầy trên một đoàn xe và chạy
về

phía trường Cao trung của người

Hoa cách đó chừng ba cây số. Khi
tôi lái xe về nhà sau đó, tôi
thấy các cánh cổng của ngôi
trường đầy những cảnh sát và
hàng trăm phụ huynh cùng thân nhân
vây quanh, xe hơi của họ đỗ dọc
trên đường. Những người cộng
sản muốn có càng đông người
có mặt càng tốt cho cuộc đời
đầu cuối cùng, dự tính là
sẽ xảy ra vào tối hôm đó.

Tôi có cảm giác nó sẽ trở
thành một biến cố bản thiêu và
nhuộm máu. Mọi người đều chờ
đợi cảnh tượng vỡ đầu bể

trán. Nhưng khi tôi đi ngang qua khu ký túc xá của trường Đại học
Malaya, một vài học sinh vui mừng thổi còi, kích động trước viễn
cảnh trò chơi vui nhộn sắp xảy
ra. Tôi nguyên rủa sự ngu si ngốc
nghếch và khờ khạo của những
sinh viên Anh học đó. Họ không
biết họ đang lâm vào thế nguy
hiểm nào. Nếu những kẻ giấu mặt
đằng sau những trường trung học
người Hoa kia thắng, họ sẽ là
những người đầu tiên bị tước
đoạt mọi thứ.

Khi nó xảy ra, cuộc hỗn loạn bắt đầu bên
ngoài trường Trung học Chung Cheng trên đường Goodman, nơi
một đám
đông ba bốn trăm người va chạm

với cảnh sát và tấn công Trụ
sở Bru điện Tanjong Katong và đồn
Cảnh sát Geylang. Rồi đám đông
trên 4.000 người nhốn nháo bên
ngoài trường Cao trung của người
Hoa trở nên quá khích, lật đổ
ba xe cảnh sát và đốt cháy hai
chiếc khác. Khi cảnh sát tấn công
và giải tán họ bằng hơi cay, họ
chạy tán loạn, nhưng cuộc hỗn
loạn lan rộng tới đường Rochor và
những vùng khác ở Singapore. Lúc nửa đêm, chính phủ ban hành
lệnh
giới nghiêm.

Rạng sáng hôm sau, cảnh sát cho học sinh 10 phút để
rời khỏi trường cùng bố mẹ;

khi lệnh đó không được chấp

hành cảnh sát ủa vào, dẹp bỏ

những vật chướng ngại và bắn

hơi cay vào những vị trí chốt

giữ. Ở trường Trung học Chung Cheng, các phụ huynh nối tay
nhau để bảo vệ

con cái họ, nhưng hiện họ đã

hoảng sợ, vài người nhảy xuống

ao trong trường và một số khác

bỏ chạy. Khi các học sinh cố điều

hành tiến vào thành phố, chúng

bị các rào chắn chặn lại. Cuộc

hỗn loạn tiếp tục suốt ngày và

đêm hôm đó, xe buýt của

Middle Road và công nhân các nhà máy tiến hành đình công. Tuy
nhiên,

với sự kiểm soát chặt chẽ của

cảnh sát và quân đội tại

các ngã tư đường quan trọng

và máy bay trực thăng trên đầu

phối hợp với các loa phóng thanh đe dọa đám đông, tình hình

không quá náo loạn.

Cảnh sát và quân đội đã được chuẩn

bị đầy đủ và có một

sự phối hợp chặt chẽ giữa họ.

Trực thăng và xe bọc thép chiếm

cứ các vị trí trước khi rạng

đông. Những rào chắn được

đặt vào chỗ và những nhóm

chống bạo loạn cơ động luôn

trong tư thế sẵn sàng. Không có

đe dọa thực sự đối với vấn

đề an ninh. Nhưng việc nổi loạn,

đốt phá và đồ máu đã

khuyến chính phủ có lý do để

bắt giữ và câu lưu tất cả

những mục tiêu chính của họ

trong 24 giờ kế tiếp, tổng cộng 219

người bao gồm các lãnh tụ nhóm

Middle Road – Lim Chin Siong và Fong, và trong số

những người Anh học có Nair, Woodhull và Puthucheary.

Cuộc nổi loạn làm 13 người chết, 123 người bị

thương, 70 xe bị đốt phá, 2 ngôi trường bị

tan hoang và 2 đồn cảnh sát bị hư hại.

Cảnh sát bắt giữ 1.000 người,

trong đó có 256 tên xã hội đen.

Tối hôm sau, Lim Yew Hock tuyên bố trên đài phát thanh: “Chúng tôi đang

giải phóng những thành viên nghiệp

đoàn, nông dân, giáo viên và

những tổ chức của người Hoa khỏi

một hình thức bóc lột chính

trị.” Tờ *Straits Times* đăng tải bài diễn văn này dưới

tiêu đề “Chiến dịch giải

phóng”.

Ông tân Tổng ủy viên đã tự đặt mình

vào một vị thế không thắng được

gì cả. Từ lúc bắt đầu tôi

đã tin rằng chính phủ đã

phạm sai lầm khi tập trung hành động vào các trường trung học, đặc

biệt là trường Cao trung của người

Hoa và trường Trung học Chung Cheng. Hai ngôi trường này là

Eton và Harrow¹⁷ của giới nói tiếng Hoa ở Singapore và

Malaya, và các bậc phụ huynh khắp

Đông Nam Á đều mong muốn gửi
con em họ vào học nội trú ở đó
nếu họ có đủ khả năng. Tại
sao Sở đặc vụ lại hành động
như vậy? Bằng việc tập trung những
hành động bước đầu của
họ và qua đó tập trung chú ý
vào tầng lớp học sinh, họ đã
khiến người dân đi đến chỗ
tin rằng Lim Yew Hock đang tấn công vào toàn bộ hệ thống giáo
dục của
người Hoa. Nhận thức đó thật
tai hại cho ông ta.

Hiến pháp Rendel không để ông ta nắm quyền
an ninh nội chính. Quyền đó nằm
trong tay viên tổng thư ký và thống đốc. Nhưng vì những lý do

chính

trị, viên tổng thư ký không chọn

hành động chống lại những người

cộng sản. Thay vào đó, Lim Yew Hock đã để cho những nhân viên an ninh dưới quyền thuyết phục ông ta lãnh trách nhiệm tiến hành cuộc thanh trừng này.

Do vậy, không khó cho những người

cộng sản khi mô tả ông ta như một

công cụ của “chủ nghĩa đế

quốc thực dân”. Người Anh và

người Mỹ còn làm ông dễ bị

công kích hơn qua việc tán dương

sự can đảm và tính táo bạo

của ông ta. Người đầu tiên

làm điều đó là Lennox-Boyd:

“Lực lượng cộng sản đã

bị thương nhưng chưa chết... ở

Singapore, những ủy viên chính phủ can đảm và đầy năng lực đang

đương đầu với những vấn

đề của họ tại mặt trận then

chốt này của thế giới tự do”.

Người kể

tiếp chúc mừng ông ta bằng giọng

điệu tán dương là Bộ ngoại

giao Mỹ, và tiếp liền sau đó là

người Úc. Không nhận ra sự thiệt

hại thanh danh của mình đối với

khối quần chúng nói tiếng Hoa, Lim

Yew Hock phạm thêm một sai lầm nữa qua việc cố rập theo những chiến thuật

của cộng sản. Ông ta dựng nên một

đoàn đại biểu gồm 50 người

đại diện cho 150 tổ chức tự tuyên

bố là có 150.000 thành viên cam kết ủng hộ ông ta. Nhưng những tổ chức

địa phương tham dự vào đó

– được coi như bộ phận đối

trọng với CUF – thì quá yếu kém

chẳng thuyết phục được ai, và

khi những người Anh nổi tiếng như

viên chủ tịch Hội Cựu chiến binh,

vị giám mục người Anh của

Singapore và viên chủ tịch Phòng

Thương mại người Anh gia nhập, thì

nó chỉ càng làm tăng thêm ấn

tượng rằng ông ta đang hành động

vì lợi ích của các nước

phương Tây.

Tôi quyết tâm rằng nếu một chính phủ của PAP
phải đối mặt với vấn đề
này, tôi sẽ không bao giờ phạm
vào những sai lầm tương tự. Tôi
sẽ nghĩ đến cách yêu cầu các
vị phụ huynh sốt sắng lôi con em họ
ra khỏi trường và đưa chúng
về nhà. Sở đặc vụ có thể
bắt các thủ lĩnh sau khi học sinh đã giải tán. Sẽ ít thiệt hại hơn
nếu trước tiên Lim Yew Hock bắt giữ
những kẻ cầm đầu chủ chốt
của mặt trận liên kết trong các
nghịệp đoàn và các hiệp hội
văn hóa. Riêng các nghịệp đoàn
sau đó có thể được cho phép
tiếp tục hoạt động. Những lãnh

tự còn tự do sẽ muốn tỏ vẻ
sẵn sàng chiến đấu và không
bị khuất phục, và ngay sau đó họ
sẽ rơi vào hoạt động bất hợp
pháp, nhân đó chính phủ có
thể xóa sổ các nghiệp đoàn
của họ.

Marshall đã dạy tôi cách để không trở nên
ôn hòa và yếu đuối khi đối
phó với phái quá khích. Lim Yew
Hock dạy tôi cách không trở nên
quá cứng rắn và vụng về. Sử
dụng quyền lực pháp lý và hành
chính để giới hạn và cô
lập họ thì cũng chưa đủ. Lim

không hiểu rằng chiến thuật của

đối phương là làm ông ta mất

đi sự ủng hộ của quần chúng,

cộng đồng người nói tiếng

Hoa, hủy hoại uy tín của ông ta trong tư cách là một lãnh đạo

biết hành động vì lợi ích

của họ. Vì vậy họ có thể

mô tả ông ta như một kẻ cơ

hội và một tên bù nhìn hành

động theo chỉ thị của “bọn

đế quốc thực dân”. Trong hai bài

học này thì bài học của Lim

Yew Hock có giá trị hơn – làm

thế nào không để cho đảng

cộng sản đòi được một

giá cao khi ta đàn áp họ.

Chỉ sau khi mọi việc lắng xuống từ cuộc thanh trừng của chính phủ, những lãnh tụ

đối lập hạng hai mà Sở đặc

vụ không bắt bớ mới từ chỗ

nấp hé ra. Họ đánh bạo ra ngoài

dò xét thử xem liệu có thể bị

bắt giữ không. Không hề. Vài

người đều gặp tôi tại văn

phòng trên đường Malacca, và tôi

yêu cầu Dennis đi cùng họ đến

các trụ sở chi nhánh để kiểm

kê những thiệt hại, thu nhật những

tài sản nào còn sót lại, và

cử người trông nom. Dennis đi xuống tới Bukit Timah và Bukit Panjang, ở đó Dennis báo cáo lại tài sản đã

bị thiêu rụi; mùi hơi cay vẫn còn

nồng nặc giữa đám đồ đạc
và văn phòng phẩm bị lục soát
rối tung, cùng những giày dép rơi
lại sau những vụ giằng co bất bớ.

Một lãnh tụ
thú nhận với nỗi lo lắng tột
cùng – khoảng 120.000 đôla tiền
quỹ của nghiệp đoàn nằm trong két
sắt khóa kỹ đặt ở phòng
sau tại tổng hành dinh Middle Road đã biến mất. Số tiền này vừa
được
rút khỏi ngân hàng trước đó.
Tôi cho là nó được rút ra
để ngăn khỏi rơi vào tay Ủy
viên đảng bạ các đoàn thể
một khi SFSWU bị xóa sổ. Điều đó

đã không xảy ra, nhưng việc Sở
đặc vụ xem xét sổ sách của
nghịệp đoàn và phát giác số
tiền mất tích thì cũng chỉ trong
nay mai. Với tư cách là cố vấn
pháp lý, tôi quyết định báo
cáo ngay vụ mất tiền này.

Lim Chin Siong đã phạm tội khi rút hầu như toàn bộ
số tiền cho những mục đích không
theo đúng luật lệ của nghịệp
đoàn, và không thể giải thích
được chuyện đó. Nhưng khi tôi
đến gặp ông ta ở Tổng nha cảnh
sát, nơi anh ta bị giữ để thẩm
vấn, thì anh ta giả vờ không biết
gì cả. Anh ta nói tiền mất vẫn

còn trong căn phòng phía sau đó

ba giờ trước khi trụ sở bị khám

xét vào rạng sáng ngày 27/10. Người duy nhất nữa biết nó ở đó

là viên thủ quỹ nghiệp đoàn.

Tôi đã đến gặp viên thủ

quỹ này ở nhà tù Changi trước

khi đến gặp Lim. Ông ta nói chỉ

có hai chìa để mở căn phòng

đó, một do ông ta giữ, một do

Lim. Theo ông ta biết, số tiền vẫn còn trong phòng khi cảnh sát ập đến.

Tất cả các cuộc gặp riêng với những người

bị bắt giữ theo quy định trong tình trạng khẩn cấp đều diễn ra dưới

sự chứng kiến của một sỹ quan Sở

đặc vụ. Vì thế tôi không

hiểu tại sao Sở đặc vụ không

gửi những biên bản cho văn phòng

viên chương lý để các bị

cáo có thể bị khởi tố vì

tội vi phạm tín nhiệm. Họ đã

rút ra 120.000 đôla, tiêu xài 20.000

đôla vào những khoản mà họ

hoàn toàn không thể giải thích,

và “mất” phần còn lại.

Chính quyền đã có thể coi Lim

Chin Siong, tay thủ quỹ và vị chủ tịch của anh ta như những tên ăn
cắp,

chứ không phải là những kẻ hy

sinh vì sự nghiệp cách mạng một

khi bị bắt vì nguyên nhân chính

trị.

Thay vào đó, Ủy viên đảng bạ các nghiệp

đoàn yêu cầu họ vào ngày

21/11 trình bày nguyên nhân tại sao SFSWU không bị xóa sổ không chỉ

vì số tiền đó đã “được

sử dụng vì những mục đích

trái ngược với mục tiêu và

điều lệ của nó” mà còn

vì “tiền quỹ của nghiệp đoàn

đã không được chỉ dùng

vào những mục đích mà điều

lệ cho phép”. Trong lời tường

trình với Ủy viên đảng bạ,

Lim nói ông ta đã quyết định

rằng tiền quỹ của nghiệp đoàn,

khi đó lên đến 150.000 đôla,

cần phải được giữ không cho

roi vào tay chính quyền và phải

được giữ kỹ để sau này

sử dụng vì những lợi ích của

công nhân. Câu chuyện mà ông ta

nói đó hoàn toàn khác câu

chuyện ông ta kể cho tôi trước mặt

viên sỹ quan Sở đặc vụ, nhưng

thực chất phân kết luận lại giống

nhau: “Chúng tôi giữ tiền trong một va-li kim loại đặt trong văn phòng phía sau của trụ sở nghiệp đoàn trên

đường Middle Road. Đó là lần

cuối cùng tôi biết mớ tiền đó

ở đâu. Ai đó đã đánh

cấp số tiền trong phòng đó ngay

khi tôi bị bắt lúc 2 giờ sáng.”

Điều này sẽ không trở thành

lời biện hộ nếu như ông ta bị
buộc tội vi phạm tín nhiệm. Nhưng
chính quyền chọn cách bắt giữ
anh ta theo các quy định về tình trạng khẩn cấp.

Tôi ít quan tâm đến những thiệt hại gần đây
của CUF mà chú ý đến việc
nó tái tập hợp và tái tổ
chức nhanh đến mức nào trong tương
lai. MCP cần đưa ra ngay một đội ngũ
thứ hai những lãnh tụ mặt trận
công khai dám hy sinh nếu như họ vẫn muốn duy trì số người ủng
hộ
mà đội ngũ đầu tiên đã
tạo ra. Nếu trong số những người
hoạt động trong mặt trận công khai
họ không tìm được người

có thể đảm trách, thì bắt

buộc họ phải hy sinh một số cán

bộ bí mật. Tôi chờ xem họ sẽ

làm việc này như thế nào. Họ

thực hiện trôi chảy. Họ quyết

định đưa em trai của Lim Chin Siong, Lim Chin Joo, làm người thay thế để

mang lá cờ mà ông anh đã bỏ

lại ở Middle Road. Lim Chin Joo cũng đã từng học trường Cao trung của người Hoa, nhưng anh ta không có vẻ mặt trẻ

con như người anh. Anh ta là người

thô tục, khó gần, nhưng cứng rắn

và thông minh hơn. Anh ta cũng không miệt lười như Lim Chin Siong. Nhưng anh ta là một sự lựa chọn hợp lý.

Anh ta tiêu biểu cho Lim Chin Siong, người mà MCP muốn ghi nhớ như một lãnh tụ

vĩ đại bị chính quyền bù

nhìn bắt công giam cầm tạm thời.

Đoán trước được việc SFSWU sẽ bị xóa

sổ, ngày 14/2/1957, những lãnh tụ mới điều đình một hình thức

liên kết với một nghiệp đoàn,

và các bộ phận của nó, đã

tồn tại sẵn nhưng không hoạt động,

sử dụng nó theo kiểu các tổng

công ty sử dụng các công ty con.

Nghệp đoàn người làm thuê

ở Singapore có danh sách đoàn viên

2.000 người. Lim Chin Joo tiếp quản tổ

chức này, những tay thân cộng chiếm 18 trên 21 ghế trong một ủy ban hỗn hợp trung ương, và chuyển nó đến

trụ sở cũ tại Middle Road. Trong vòng vài tháng, số đoàn viên tăng lên đến trên 20.000.

Các chi nhánh cũng hoạt động trở lại, nhưng

không tích cực dữ dội như trước.

Một số cán bộ mới không rành

nghề; một số khác đã từng

làm việc với những lãnh tụ đã

bị bắt thì sợ hãi và không

muốn dính dáng nhiều hơn nữa, vì

không biết liệu có vụ thanh trừng

nào nữa không. Vì vậy các

nghiệp đoàn không phục hồi sức

đầy mạnh mẽ như chúng đã

phát triển được từ giữa năm

1954 đến cuối năm 1956. Nhưng tôi

không chút nghi ngờ rằng chừng nào

mà các trường trung học của

người Hoa còn đào tạo hàng

loạt những học sinh tốt nghiệp đầy

tham vọng và thông minh nhưng bị hệ

thống chính trị này từ chối

những công việc tốt trong những khu vực công và tư, thì MCP sẽ còn có

hàng loạt những hội viên mới.

Đây là mấu chốt của vấn đề

– tâm trạng thất vọng của những

kẻ đầy tài năng trong những người

Hán học, những kẻ không có lối

thoát cho nghị lực và lý tưởng

của họ, và những người đồng

thời bị tác động bởi tấm

gương của những đảng viên cộng

sản trẻ tuổi ở Trung Quốc. Chỉ

sau khi những tin tức về cuộc Cách

mạng Văn hóa được truyền ra

thế giới bên ngoài trong những năm

1970 thì sức lôi cuốn của chủ

nghĩa cộng sản đối với họ mới

giảm đi.

Trong khi đó, sự

phô bày lòng sự hy sinh quên mình

ở các cán bộ lãnh đạo

càng làm tăng thêm huyền thoại.

Sau việc suốt ngày bận rộn với

các bài diễn văn và tranh đấu

với các tay chủ độc ác, Lim Chin

Siong và Fong sẽ gục ngủ tại bàn

làm việc ở trụ sở trung ương

của nghiệp đoàn. Kiểu sống khắc

khổ quên mình của họ tác động

dữ dội vào những người theo họ,
những kẻ tích cực noi gương của
họ, truyền cho nhau tinh thần hy sinh ấy.

Ngay cả những học sinh con nhà giàu, những kẻ không phải là lực
lượng

nòng cốt cũng muốn đồng hóa

mình với Lim và Fong. Con trai của một ông chủ công ty xe buýt đã
dành

hầu hết thời gian làm việc như

một tài xế không lương cho họ,

bằng chiếc xe của gia đình cậu

ta. Đó là phần đóng góp

cho lý tưởng của cậu ta. Cậu ta

tự hào vì được đi cùng

những cán bộ cách mạng, những

người quần áo giản dị, ăn

uống lễ đường, nhận mức lương
rất ít cho bản thân bởi vì bất
cứ cái gì thu được từ bọn
chủ đều dành cho công nhân. Họ
đã bỏ túi bao nhiêu để nuôi
dưỡng thêm những phần tử cách
mạng thì tôi không hề biết,
nhưng tôi không hề thấy họ nhận
bất cứ cái gì cho bản thân –
chắc chắn họ không sống như họ
đã sống.

Có một sự

thi đua về lòng quên mình lan tràn
trong cả thế hệ ấy; bạn càng
quên mình thì càng gây ấn
tượng với quần chúng, và càng

có nhiều khả năng bạn sẽ được
thăng tiến trong tổ chức, từ Hội
Bà Anh đến MCP, một đảng cộng
sản giữa một cuộc cách mạng. Với
những kẻ ủng hộ như thế, đảng
cộng sản có thể tiến hành những
kỳ tranh cử mà không cần nhiều
tiền lắm – không hề thiếu công
nhân hay người vận động bỏ
phiếu, và vài làm biểu ngữ thì
do những người ủng hộ nhiệt tình
biểu không. Tôi đoán là các
ông chủ nhà in cũng in những tài
liệu tranh cử giùm họ, hoặc chỉ
tính giá thành vào tài khoản

của nghiệp đoàn. Trái lại, khi
chúng tôi cần tìm những công
nhân, thì đó là cả một
vấn đề. Chúng tôi tuyển mộ
những người tình nguyện từ các
nghiệp đoàn và trong số bè bạn,
nhưng tất cả bọn họ đều muốn
về nhà đúng giờ để ăn
cơm, để làm công việc khác,
hoặc đến một cuộc hẹn riêng
nào đó. Hoàn toàn không hề
có sự tận tụy, sự cống hiến
trọn vẹn như
phía bên kia – một người nhiệt tình
của họ sẽ làm công việc bằng
ba bốn người tình nguyện của

chúng tôi. Tôi vẫn thường bị
hoàn toàn nản chí trước ý
nghĩa lâu dài của tất cả những
chuyện này. Tôi đã không nhận
ra rằng họ không thể duy trì lâu
được. Nhiệt tình cách mạng
chỉ có thể đưa họ đến
đó là cùng. Sau rốt, họ cũng
còn phải sống và nuôi gia đình,
và gia đình cần có tiền bạc,
nhà cửa, chăm sóc sức khỏe, giải
trí và những thứ tốt đẹp
khác của cuộc sống.

15 BA PHẦN

TỰ ĐỘC LẬP

Mười một tháng sau khi cuộc hội nghị hiến định đầu tiên thất bại, chúng tôi

quay lại London dự kỳ họp lần thứ

hai. Kỳ họp này được tổ chức

trong bầu không khí hoàn toàn khác.

Những bất đồng giữa các bên

được thảo luận cặn kẽ và

các giải pháp được đồng

ý trên nguyên tắc. Vào ngày

7/2/1957, Tổng ủy viên Lim Yew Hock đã kêu gọi một cuộc họp liên đảng

cuộc họp đầu tiên trong tám cuộc

họp nhằm xác định những nét
cơ bản của hiến pháp mới, một tháng
sau một hồ sơ gồm đủ các ý
kiến khác nhau được đệ trình
lên Hội đồng lập pháp. Kiến
nghị của Lim thì thực tế và
khiêm tốn: “Nhằm đạt được
từ chính phủ Vương quốc Anh quy
chế của một xứ
tự trị với tất cả quyền lực,
sức mạnh và đặc quyền gần
với những vấn đề nội bộ, và
quyền kiểm soát thương mại cũng
như các quan hệ văn hóa trong việc
đối ngoại”.

Không có cố

gắng nào nhằm che đậy sự kiện

khó chịu rằng đây không phải

là nền độc lập, và rằng

chủ quyền vẫn trong tay người Anh. Như

tôi sẽ chỉ ra sau này, điều đó

có nghĩa là họ sẽ có thể

hủy bỏ hiến pháp bất cứ lúc

nào, và sẽ có đủ lực

lượng quân đội Anh tại đất

nước này để thực hiện bất

cứ sự hủy bỏ nào như thế.

Cuộc tranh luận tiến hành suôn sẻ,

đặc biệt là khi David Marshall vắng mặt ở Borneo vì công việc pháp lý.

Chính quyền Tunku đã nói với

Lim Yew Hock rằng ông ta rất vui lòng có người đại diện ngồi trong Hội

đồng an ninh nội chính ba bên được

đề nghị; và Lennox-Boyd hiện cũng

vui lòng chấp thuận điều này,

tùy thuộc vào việc xác định

rõ những gì hội đồng có

thể và không thể làm.

Tuy nhiên Lim Yew Hock đã đại dột lao vào những cuộc bầu cử hồi đầu tháng 8/1957. Chỉ

sau khi chuẩn bị cẩn thận thì người

ta mới ném con súc sắc vào một

cuộc tổng tuyển cử, đặc biệt

vì trong lần này tiền đặt cược

sẽ cao hơn. Ủy ban liên đảng đã

đồng ý rằng dưới hiến pháp

mới sẽ có một Hội đồng lập

pháp đa ngôn ngữ; cũng sẽ có

một đạo luật mới về quyền

công dân trao quyền bầu cử cho khoảng 200.000 đến 300.000 người, phần lớn

là người Hoa đã cư trú ở

Singapore ít nhất là tám trong vòng

mười năm qua. Tuyên bố trong Hội

đồng lập pháp vào ngày 5/5, tôi

nêu rõ quan điểm của PAP: điều

luật này phải được thông qua

và những công dân mới đủ tư

cách đi bầu và ra ứng cử trước

khi cuộc tổng tuyển cử được

tổ chức, thậm chí dù cho việc

này sẽ tốn mất ít nhất là

một năm, và có thể kéo dài

ba tháng nữa.

Sau kinh nghiệm của Marshall cùng đoàn đại biểu 13

người, Lim Yew Hock giảm bớt đoàn

đại biểu của ông ta còn năm

người – hai thuộc Mặt trận Lao

động, một thuộc UMNO, một từ Đảng

Xã hội tự do, và tôi đại

diện cho PAP. Đây là một cuộc họp

bàn về những chi tiết thực tiễn

căn bản. Hiến pháp đề nghị

dự trù thành lập một Hội đồng

lập pháp gồm 51 thành viên dân

cử, từ đó sẽ chọn ra Thủ

tướng và các Bộ trưởng

khác. Hội đồng lập pháp sẽ

có quyền hạn trên mọi lĩnh vực
trừ đối ngoại và quốc phòng,
nhưng chỗ nào mà quốc phòng và
an ninh nội chính lẫn lộn nhau, thì
quyền hành sẽ thuộc về một Hội
đồng an ninh nội chính. Hội đồng
này sẽ gồm ba thành viên người
Anh, mà một trong số họ sẽ giữ
chức chủ tịch; ba thành viên người
Singapore, trong đó một người sẽ
là Thủ tướng, và một người
đại diện của Liên bang Malaya.

Singapore sẽ có một thủ hiến bang gọi là Yang di-Pertuan Negara,
thay vì một thống đốc người Anh.

Lim Yew Hock để

lại một bản dự thảo hiến pháp

cho Walter Reaburn QC, nhưng tôi phải đọc những tài liệu để chắc rằng

nếu và khi PAP thành lập chính phủ,

chúng tôi sẽ có thể thực hiện

nó. Chỉ có một vấn đề có

thể bàn cãi. Tại phiên họp

khoảng đại lần thứ 15, Lennox-Boyd

nói rằng chính phủ Vương quốc

Anh sẽ không để cho Singapore rơi vào tay cộng sản, và rằng ông ấy cảm

thấy chắc chắn rằng đoàn đại

biểu Singapore dù thế nào cũng không

muốn chuyện này xảy ra. Vì thế

ông ta đã đưa ra một điều

khoản miễn bàn cãi nhằm ngăn

chặn tất cả những ai được

biết là đã từng tham gia hoặc bị
truy tố vì đã tham gia những hoạt
động lật đổ ra khỏi việc
tranh cử trong cuộc bầu cử đầu
tiên được tổ chức theo hiến
pháp mới. Tôi phản đối vụ
này, cho rằng "điều kiện này
gây rắc rối vì thứ nhất nó
xa rời việc thực thi dân chủ và
vì thứ nhì, không có gì đảm
bảo rằng chính phủ đương
quyền sẽ không áp dụng thủ tục
này để ngăn cản việc ra ứng
cử của không chỉ những người
cộng sản mà cả những người

dân chủ đối lập với chính

phủ”.

Tôi đang phát biểu để ghi vào biên bản. Sự

thực thì Lim Yew Hock đã nêu vấn

đề này lên với tôi khi còn

ở Singapore sau khi ông ta gặp Lennox-Boyd ở

London hồi tháng 12, và Lennox-Boyd đã mời tôi đến dùng trà tại

nhà riêng của ông ta ở quảng

trường Eaton để thảo luận chuyện

này. Sau vài câu xã giao, ông ta hỏi

tôi điều gì sẽ xảy ra nếu

những đồng chí của tôi hiện

đang ở tù, kiểu như Lim Chin Siong, sẽ

ra ứng cử trong kỳ bầu cử tới.

Tôi nói ông ta sẽ thắng và các

đối thủ của ông ta ở khu vực

bầu cử Bukit Tamah sẽ phải mất tiền

ký quỹ của họ. Ông ta tỏ vẻ

ngạc nhiên.

“Ở đất nước tôi,” ông ta nói, “khi

chúng tôi bắt giữ một người

theo Quy định 18D (*quy định ở Anh thời chiến giống như*

những quy định về tình trạng khẩn

cấp ở Singapore lúc đó), ông ta sẽ không được cử tri

tin cậy nữa. Oswald Mosley – lãnh tụ

đảng Phát xít Anh thân Đức

quốc xã – đã là một dân

biểu. Sau khi ông ta bị bắt giữ và

bị cầm tù, ông ta không bao giờ

chiếm được một ghế dân cử

nào nữa.”

Tôi rầu rĩ

nhìn ông ta và nói: “Ở nước
ông, những kẻ như thế được
coi như kẻ phản bội, cộng tác với
kẻ thù. Còn ở Singapore, khi ông bị
bắt giữ bởi một chính phủ có
một viên thống đốc người Anh
và một Tổng ủy viên người
Anh nắm quyền, thì ông trở thành
vị anh hùng, một chiến sĩ của
nhân dân. Quần chúng càng yêu
mến ông ta hơn.”

“Liệu ông sẽ đồng ý nếu như tôi áp
đặt điều khoản này, để
loại trừ họ khỏi kỳ bầu cử
đầu tiên nhằm giúp cho chính phủ

dân cử đầu tiên theo hiến pháp

tự trị nội bộ toàn vẹn có

thể khởi đầu với một tình

hình sáng sủa hơn không?”

“Tôi sẽ

phản đối kịch liệt điều đó.

Ông sẽ phải nhận trách nhiệm vì

điều đó.” Tôi trả lời.

“Hai vai tôi đủ

rộng mà”, ông ta nói.

Quả thực đúng như vậy cả nghĩa bóng lẫn nghĩa

đen. Tôi nói với ông ta là tôi

sẽ phản đối, nhưng nhấn mạnh

rằng điều này không nhất thiết

là kết thúc cuộc thương thảo

– tôi tự nghĩ rằng sự tiến

bộ về hiến pháp của Singapore không

thể bị Lim Chin Siong, Fong Swee Suan và tổ chức Middle Road cầm giữ làm con tin được.

Tôi có được lợi thế nhờ đã quan sát

Lennox-Boyd trong cả tháng trời tại

hội nghị đầu tiên năm 1956. Ông

ta là một nhân vật đầy ấn

tượng, về thể chất ông ta là

một người khổng lồ, cao gần hai

mét, to con lực lưỡng. Sức sống

manh mẽ của ông ta thể hiện qua

giọng nói, nét mặt và cử động

của cơ thể. Ông ta ăn mặc nghiêm

túc, luôn có một bông hoa cài

trên khuyết áo. Ông ta nói với

giọng học sinh trường công nhưng

theo đúng kiểu tầng lớp thượng
lưu của mình, ông ta thân thiện,
dễ gần gũi và có biệt tài
khiến cho người khác thấy thoải
mái. Tôi kính trọng sự thông
minh và thích tính thẳng thắn của
ông ta. Lúc đó, Văn phòng Thuộc
địa đang chịu một sức ép dữ
đội, khi hết thuộc địa này tới
thuộc địa khác đòi độc
lập. Tuy nhiên ông ta cũng dành thời
gian cho đoàn đại biểu Singapore vào
Chủ nhật tại Chequers, ngôi nhà ở
nông thôn của thủ tướng dành
riêng cho ông ta. Ông ta vừa mua một

máy ảnh Polaroid¹⁸, hồi đó là rất mới lạ, và

ông thích thú chụp những tấm

ảnh và tặng ngay lập tức cho chúng

tôi. Tôi được tặng một bức

chụp tất cả chúng tôi đứng

tại cửa tòa nhà Chequers với John

Profumo, người sau này là một Bộ

trưởng¹⁹, cùng với chính bản thân Lennox-Boyd.

Vì thế khi tôi gặp ông ta tại nhà riêng vào

buổi chiều đó, tôi tin chắc mình

có thể nói thẳng ý nghĩ của

mình ra. Nếu như tôi cảm thấy ông

ta là một người ma mãnh trong cách

cư xử, câu trả lời của tôi

sẽ thận trọng. Và đúng như

vậy, tôi bày tỏ thẳng thắn, và

ông ta hiểu là tôi sẽ không phá
hoại hội nghị vì bất kỳ sự
chống đối nào với việc ứng
cử của những người từng bị
giam giữ. Ba mươi tám năm sau, qua hồ
sơ lưu, tôi mới biết được
rằng Lim Yew Hock đã nói với viên
thống đốc Singapore rằng: “Cả ông
ta và Lee Kuan Yew đều không thể tự
đưa vấn đề này ra trong cuộc
thương thảo hội tháng 3”, nhưng
“cả ông ta và Lee Kuan Yew đều sẽ
không tỏ ý nghi ngờ nếu như Bộ
trưởng Ngoại giao đặt ra điều
kiện này”, và ý kiến này

đã được chuyển tới London. Vì
thế khi Lennox-Boyd đưa ra điều kiện
này trong cuộc họp vào ngày 10/4, nó
không gây chút ngạc nhiên nào
cho cả tôi và Lim và cho cả, theo chỗ
tôi được biết, những thành
viên khác của đoàn đại biểu
liên đảng, những người mà
ông ta cũng đã gặp riêng.

Sau năm tuần thương thảo, hội nghị kết thúc
thành công nhưng ở một chừng mực
vừa phải. Lần này chúng tôi trở
về nước cùng nhau chứ không đi
riêng lẻ như trước. Khi bay vào
địa phận Singapore vào lúc 3 giờ
chiều ngày 14/4, chúng tôi không có

về vui mừng mà khá nghiêm trọng

phù hợp với kết quả thấp kém

mà chúng tôi đạt được.

Nhóm người đón tại phi trường

cũng lặng lẽ, và báo chí ghi

nhận việc thiếu vắng những tiếng

hô "Merdeka" thường gặp trong những

dịp như thế. Lim Yew Hock ra khỏi máy bay trước tiên, theo sau là những đại biểu khác, người cuối cùng trong

số họ là một “ông Lee Kuan Yew

ng nghiêm nghị, người mà ngay lập

tức bước vào một cuộc họp

riêng với tiến sĩ Toh Chin Chye”, theo lời tường thuật của tờ *Straits Times*.

Lim tổ chức một cuộc họp báo, sau đó đoàn

đại biểu đi Padang trong một đoàn

ôtô hộ tống, với ông Tổng

ủy viên trong một chiếc xe màu xanh lá cây dẫn đầu. Đám đông
xếp hàng dọc bên đường,
nhưng họ im lặng một cách kỳ lạ.

Khoảng 2.000 đoàn viên các nghiệp

đoàn chờ trên cầu Merdeka bắc

ngang sông Kallang bật lên những tiếng la và đốt pháo, Liên hiệp
nghiệp

đoàn Singapore trao tặng ông Tổng ủy

viên một bức ảnh lồng khung và

một biểu ngữ chúc mừng bằng

tiếng Hoa. Nhưng khi đoàn xe tới Tòa

thị chính, nơi đám đông dày

đặc hơn ở hai bên đường,

thì không hề có dấu hiệu đón

chào nào cả. Khi chúng tôi trèo

lên một khán đài được

trang hoàng sẵn, vài trăm học sinh la to “Oompah Merdeka!” trong
mấy phút liền – đó không phải là nhằm

ủng hộ đoàn đại biểu, mà

dành cho những người bị bắt giữ

trong nhà tù Changi.

Tổng ủy viên và các đại biểu khác lần

lượt đọc các bài diễn văn,

nhưng chẳng bài nào gây được

cảm hứng. Đến lượt tôi, tôi

quyết định nói bằng tiếng Malay.

Tôi nói chúng ta chỉ có thể có

được ba phần tư độc lập,

nhưng những ai tin rằng một xứ sở

nhỏ bé như Singapore có thể giành

lấy độc lập toàn vẹn bằng

chính sức lực của nó thì họa

chăng người đó điên; con đường

duy nhất đạt đến điều đó

là thông qua việc hợp nhất với

Malaya. Tôi đang nói chuyện với những người thân cộng, và ngay lúc đó

khoảng 200 học sinh trung học người Hoa, những người đến bằng xe buýt

và xe tải và điều hành tới

Padang để chiếm những vị trí ngay

trước khán đài, bắt đầu

hô những khẩu hiệu đòi thả

Lim Chin Siong, Fong và những người thuộc tổ chức Middle Road bị bắt giữ. Thỉnh thoảng họ cũng la ó, nhưng lại

ngưng ngay khi các thủ lĩnh của họ

ra dấu. Điều đó chứng tỏ thế

lực họ vẫn còn mạnh cho dù các

lãnh đạo của họ vắng mặt.

Khi tôi vắng mặt, những nghiệp đoàn của Lim

Chin Joo đã gây sức ép với Chin

Chye để tôi có một quan điểm

cứng rắn hơn ở London, và yêu cầu

bầu cử sớm để họ có thể

loại bỏ chính phủ của Lim Yew Hock và giải thoát được cho nhóm
lãnh

đạo đầu tiên của họ. MCP biết

rằng đội ngũ thứ hai không đủ

sức cáng đáng công việc, nhưng

lại không muốn đưa những cán

bộ bí mật có kinh nghiệm ra hoạt

động công khai. Tôi sẽ không ép

buộc họ, cả Chin Chye cũng vậy. Trong khi tôi ở London, những
đại diện

của các nghiệp đoàn thân cộng

đã đương đầu với ban chấp

hành trung ương của PAP trong một cuộc họp kéo dài. Cuộc độ sức

kéo dài bảy tiếng cho đến 3 giờ

sáng, mọi người ngồi trên những

băng ghế dài không tay dựa và

lưng dựa. Họ có ba yêu cầu: không

chấp nhận Hội đồng an ninh nội

chính, độc lập ngay lập tức và

– quan trọng hơn hết – bầu cử

sớm như Lim Yew Hock đã sai lầm hứa

hẹn vào tháng 8/1957. Chin Chye và Pang Boon đấu tranh đến
cùng. Phe đối

phương không thỏa mãn lắm. Và

khi một cán bộ cánh tả mà tôi

đã kết nạp vào ủy ban sau khi

Lim Chin Siong bị bắt giữ lặp lại những lời than phiền của họ tại

phi trường

vào ngày 15/4, tôi đã sa thải y không thương tiếc.

Các nghiệp đoàn đã vắng mặt tại cuộc mít-tinh
tại Padang nhằm bày tỏ sự bất
mãn của họ, nhưng tôi không nao
núng. Một trận chiến mới đang dần
hình thành, lần này là với
đội ngũ thứ hai, nhưng tôi cảm
thấy họ dễ đối phó hơn.

Jamit Singh đang chỉ dẫn Lim Chin Joo cách hành động hợp pháp
trong khuôn

khổ, nhưng tuy Jamit có giọng nói mạnh mẽ và văn phong hùng
biện trước

công chúng, ông ta lại không có

khả năng chiến lược. Họ đang

giả vờ theo Marshall. Họ biết ông ta

muốn bầu cử sớm để ông ta có

thể trở lại địa vị cũ và

họ dự tính dùng ông ta để

buộc giải tán Hội đồng lập

pháp. Suốt thời gian hội nghị ở

London, ông ta hăm hờ chờ một cuộc

chiến đấu, biết rằng lần này

ông ta có những học sinh trẻ tuổi

và những nghiệp đoàn thân cộng

sát cánh. Ông ta khinh bỉ cái ba

phần tư độc lập mà qua đó

chúng tôi đã không thể giành

được “độc lập và nhân

phẩm”, và gọi bản hiến pháp

là “cái thứ méo mó mà

chúng ta đang có trước mặt”.

Rồi ông ta nói tới điều khoản chống lật đổ.

“PAP rất muốn loại khỏi cánh tả

của nó chính những con người mà

nó làm ra vẻ thân thiết. Chúng

ta hôn Devan Nair lên cả hai má và

chờ Lennox-Boyd treo ngược ông ta lên!”

Nhưng thật đại dột khi ông ta tiếp

tục nói rằng việc ngăn cấm những

kẻ mưu lật đổ là “một

sự thận trọng hợp lý, thông minh

và bình thường... Tại sao ta

không nên ngăn cản việc ra ứng cử

của một người mà người đó,

theo như ba quan tòa của chúng ta nói, là một kẻ cố tìm cách phá

hoại lối sống dân chủ mà chúng

ta đang cố gắng xây dựng?” Điều

này khó mà làm vui lòng được
những người bạn mới của ông
ta, nhưng ông ta không bao giờ hiểu rằng họ muốn ông ta đòi hỏi
những
cuộc bầu cử sớm vì điều đó
sẽ cho đội ngũ thứ nhất của
họ trong tù có cơ hội đắc
cử, hoặc bản thân họ được
ra ứng cử hoặc thông qua những người
đại diện không bị giam cầm.

Khi đến lượt tôi nói, tôi vạch trần Marshall về
những mỹ từ bài thực dân của
ông ta, trích dẫn những lá thư
ông ta gửi cho Lennox-Boyd năm 1956, trong đó ông ta đã gọi ông
Bộ trưởng
Ngoại giao Anh là “Alan thân mến của

tôi” và ký là “Bạn chân
thành của ông, David”. Ông ta là
một diễn viên, nhưng không nhất
quán trong vai trò mà ông ta cố
đóng. Còn tôi thì đóng
mãi mãi. Cả những người cộng
sản cũng vậy. Tôi tuyên bố rõ
ràng PAP sẽ không nhận chức nếu
nó thắng trong cuộc bầu cử trừ
phi những lãnh đạo bị bắt giữ
được phóng thích trước. Tôi
không nói điều này vì lợi
ích của Lim Chin Siong và Fong Chin Chye, Pang Boon và tôi
thống nhất rằng khối
người nói tiếng Hoa coi chúng tôi
như những kẻ lường gạt nếu

chúng tôi bỏ rơi những đồng
chí cũ trong tù và nhậm chức mà
không có họ. Mọi thứ trước
hết phải được thanh toán sòng
phẳng; chỉ đến lúc đó chúng
tôi mới có thể cắt đứt với
họ và có cơ hội giành lấy
con tim và khối óc của quần chúng.
Đó không phải là một mảnh
lời chính trị. Chúng tôi không
có sự chọn lựa. Chúng tôi hiểu
những tiêu chuẩn xã hội và giá
trị của dân tộc chúng tôi và
chúng tôi phải cho người khác
thấy chúng tôi hành động một

cách có danh dự.

Marshall tấn công tới tấp vào mọi vấn đề mà ông ta thấy có khe hở và buộc tội PAP lừa gạt mọi người tại cuộc thương thảo về hiến pháp.

Sau đó, ông ta la to ngang qua bức diễn đàn với tôi: “Thưa ngài, tôi mong được trở lại với nhân dân Singapore. Tôi sẽ đến với các cử tri của ông nếu như ông quay trở lại đơn vị bầu cử của mình, và tôi sẽ thách thức ông ở đó.”

Tôi đáp lại ngay: “Chấp nhận.”

Viên chủ tịch Hội đồng lập pháp, không phải là một sinh vật chính trị, cho rằng điều này không hợp lệ. Vô

tình ông ta đã giúp Marshall thoát

khỏi thế kẹt. Tôi sẽ không cho

phép điều đó. Khi Marshall lộ vẻ

tự phụ xác láo, tôi đoán

ông ta hẳn đã được Jamit

Singh và Lim Chin Joo hứa hẹn ủng hộ

chống lại PAP. Nhưng chúng tôi đã

quyết định khẳng định sự độc

lập của chúng tôi, bảo vệ quan

điểm của đảng chúng tôi và

thách thức đội ngũ những lãnh

đạo thứ hai của CUF, những kẻ đang

hoạt động thông qua ông ta. Ông ta

bị sửng sốt trước việc tôi

mau lẹ chấp nhận thách thức của

ông ta, một thách thức mà ông ta đã khinh xuất đưa ra mà không được họ đồng ý trước.

Ông ta không biết là tôi đã nhìn thấu tính gậy hần rõ nét của ông ta.

Khi Hội đồng tạm hoãn vào lúc 4 giờ chiều, ngay lập tức tôi triệu tập một cuộc họp báo, tại đó tôi tuyên bố sẽ đưa đơn từ chức khi kết thúc cuộc họp hiện tại của Hội đồng lập pháp, và rằng tôi hy vọng cuộc bầu cử bổ sung sẽ được tổ chức trong vòng 5 tuần nữa. Tôi tiết lộ rằng, tại một cuộc họp của ban

chấp hành trung ương vào chiều
hôm trước, PAP đã quyết định
thách thức Marshall bởi vì chúng tôi
biết rõ con đường ông ta sẽ
theo. Hiện ông ta đã ra tay trước
chúng tôi để tạo ấn tượng,
nhưng chúng tôi cũng vẫn ép buộc
ông ta. “Đó là một vấn đề
dứt khoát: hoặc người dân
Singapore đã chuẩn bị để chấp
nhận hiến pháp và từ chối điều
khoản chống lật đổ, hoặc họ
sẽ muốn chấp nhận điều khoản
chống lật đổ và từ chối
hiến pháp.” Điều thứ nhất

là lập trường của chúng tôi,

điều thứ hai là lập trường

của Marshall, và tôi tin chắc rằng ông ta bị ghim chặt vào đó, vì tôi

biết rõ đó là điều đáng

ghét nhất đối với những người

cộng sản.

Ngày hôm sau, 27/4, tôi tuyên bố: "Thưa ngài

Chủ tịch Hội đồng, vào lúc

kết thúc bản kiến nghị này khi

số phiếu đã được công

bố, tôi sẽ đệ đạt đơn

xin từ nhiệm vai trò đại biểu của

khu Tanjong Pagar. Tôi sẽ ra ứng cử trong cuộc bầu cử bổ sung tại Tanjong Pagar với tư cách là ứng cử viên

của PAP."

giờ đồng hồ sau đó, sau cuộc

họp buổi sáng của Hội đồng

lập pháp, một Marshall với khuôn mặt

tái mét tuyên bố ông ta sẽ rời

khỏi chính trường “mãi mãi”.

Ông ta nói với các phóng viên

là ông ta sẽ không ra tranh cử trong

cuộc bầu cử bổ sung vì ông ta lo

ngại “có thể có rắc rối

nếu phải đấu tranh trên vấn đề

hiến pháp của thuộc địa. Tôi

không muốn chịu hậu quả của trò

chơi gian lận này. Hiện đang có

một sự nhất trí rằng người

dân Singapore phải có hiến pháp trong hòa bình nếu họ muốn... tôi

sẽ từ chức sau cuộc họp hiện

nay.”

Tôi phản công: “Về phía PAP, lập trường về cuộc bầu cử bổ sung là không thay đổi. Tôi sẽ từ chức vào lúc kết thúc buổi tranh luận về hiến pháp mới hiện nay.”

Lim Chin Joo và các nghiệp đoàn sững sốt vì tin đó. Một trong số họ phát ra một bản tuyên bố gửi đến Marshall: “Những cuộc tấn công liên tục của ông nhắm vào PAP đã gây ra một nỗi đau lớn cho ông Lee Kuan Yew, những viên chức và những người ủng hộ đảng.” Nghiệp đoàn yêu cầu

Marshall dẹp chuyện chống lại tôi trong khu vực bầu cử Tanjong Pagar, và thay vào đó là tấn công tay lãnh đạo

đảng Xã hội Tự do C.C. Tan ở khu

vực bầu cử Cairnhill của chính ông

ta. Lim Chin Joo không hề cầu thả. Những người cộng sản không muốn Marshall

rút lui, họ cũng không muốn cả

hai chúng tôi triệt hạ lẫn nhau. Ý

họ muốn cả hai chúng tôi cùng

nằm trong Hội đồng lập pháp, với

Marshall quấy nhiễu, chọc tức và thúc ép tôi vào một vị trí thuận lợi hơn cho mục đích của họ.

Với Marshall nằm bên ngoài vũ đài,

họ sẽ không có cách nào tác

động vào tôi; nhưng nếu tôi

biến khỏi vũ đài, họ sẽ chỉ

còn lại một Marshall thất thường.

Ông ta đã nhận ra rằng, trong 48 tiếng đồng hồ từ việc đưa ra lời

thách thức tới việc rút lui, lần này ông ta sẽ không được sự ủng hộ của phe tả. Ông ta biết rằng nếu không chiến đấu với tôi, ông ta sẽ bị bẽ mặt, nhưng nếu đứng một mình ông ta sẽ chịu một sự thất bại thê thảm. Ông ta quyết định rút lui hoàn toàn.

Việc chỉ định tham gia cuộc bầu cử bổ sung là vào ngày 18/5/1957. Hai ứng cử viên ra đối lập với tôi, một thuộc đảng Xã hội Tự do, và một độc lập. Những người phi cộng sản trong ban chấp hành trung ương của PAP đã nhất định thực hiện cuộc kiểm tra này đối với sức mạnh

của chúng tôi. Chúng tôi muốn
biết tự sức mình có thể thu
được bao nhiêu sự ủng hộ của
quần chúng ở Tanjong Pagar, mà không
có những người cộng sản hoặc
ngay cả
chống lại họ. Khi các học sinh trung
học người Hoa đề nghị vận
động bỏ phiếu cho tôi, Pang Boon gạt
họ ra. Các nghiệp đoàn của Lim
Chin Joo quyết định làm rồi vấn
đề bằng việc cố thuyết phục
các thành viên của họ bỏ phiếu
cho tôi, nhưng Chin Chye tuyên bố rõ
ràng chúng tôi không cần họ. Nếu
họ muốn ủng hộ chúng tôi, đó

là công việc của họ. Chúng tôi
muốn chiến đấu và chiến thắng
bằng chính sức mình. Và vào
ngày 29/6, chúng tôi đã thắng
với 67,5% số phiếu. Chúng tôi đã
bảo vệ chính sách của chúng
tôi, và đã khiến nó được
ủng hộ một cách chắc chắn. Tôi
nói: “Chúng tôi có tỷ lệ
phiếu cao hơn hồi năm 1955 vì chúng
tôi đã làm mọi thứ có thể
cho tất cả mọi người; giờ thì
tất cả đàn ông và phụ nữ
đều biết một cách chính xác
chúng tôi chiến đấu vì cái

gì và đa số bọn họ đã

quyết định bỏ phiếu cho chúng

tôi.”

Điều báo diễm gở cho Lim Yew Hock là kết quả

của cuộc bầu cử bổ sung tại đơn

vị Cairnhill cho cái ghế Marshall để

lại. Ứng viên của Mặt trận Lao

động không những đã thua chiếc

ghế này về tay Đảng Xã hội

tự do, mà còn thu được số

phiếu thấp hơn cả ứng viên thứ

ba, một cựu thành viên của Mặt

trận Lao động ra tranh cử với tư

cách ứng viên độc lập. Đó

chẳng phải diễm báo tốt cho vị

Tổng ủy viên.

16

VẠCH RỖ ĐƯỜNG

BIÊN

Sau khi PAP thắng trong cuộc bầu cử bổ sung ở Tanjong Pagar, Chin Chye, Pang Boon và tôi quyết định siết chặt sự kiểm soát hiến định của đảng để cánh tả không khai thác chúng tôi được. Lý do là thay vì chấp nhận trở ngại và hoạt động trong tình hình đã thay đổi cho đến khi các điều kiện trở nên thuận lợi hơn, Lim Chin Joo đã quyết định đấu tranh giành quyền kiểm soát đảng. Một trong những thư ký chỉ bộ cho Pang Boon hay rằng phái khuynh tả đang lập kế hoạch giành lấy 8 trong số

12 ghế của ban chấp hành trung ương.

Đây là một thái độ phiêu lưu, hay nói theo

Lenin là bệnh ấu trĩ tả khuynh. Phải

thân cộng muốn chứng tỏ lòng

quyết tâm cách mạng của họ mà

không nhận ra rằng họ cần uy tín

đáng tin cậy của PAP nhiều hơn là

chúng tôi cần sự ủng hộ quần

chúng từ phía họ. Trong tâm tưởng

quần chúng, PAP đã định hình

như một đảng nhất quán, cấp

tiên và ủng hộ công nhân. Nếu

chúng tôi không vụng về, chúng

tôi đã có được uy danh và

sự ủng hộ như họ nhờ vào

những thành quả chúng tôi đã

đạt được cho đến nay. Thay vì
đánh mất quyền kiểm soát PAP và
phải khởi sự tất cả lại từ
đầu, chúng tôi đã chuẩn bị
chứng kiến phái khuynh tả tách ly
khỏi chúng tôi và thành lập
một đảng khác với Marshall làm
vỏ bọc. Việc Marshall rút lui khỏi
chính trường chỉ là tạm thời,
ông ta rồi sẽ lập ra một đảng
mới, Đảng công nhân. Chúng tôi
hiểu với ông ta làm đầu tàu,
họ sẽ gặp những vấn đề lớn.
Ông ta có tính khí thất thường
và thiếu nhất quán, ông ta không có tài chính trị để quân bình
giữa các phương pháp hợp hiến và vi hiến, rồi chẳng bao lâu sẽ

khiến tổ chức đảng

của họ bị cấm chỉ.

Kong Swee, Kenny, Raja, Chin Chye, Pang Boon và tôi đã thảo luận

vấn đề này và quyết định

tiết lộ cho tờ *Straits Times* rằng trong hội nghị kế tiếp vào tháng

8, chúng tôi dự định thông qua

một loạt nghị quyết có tác dụng

tái tổ chức PAP và khiến nó

thực sự đấu tranh cho một nước

“Malaya xã hội chủ nghĩa, dân

chủ, độc lập và không cộng

sản”. Để thực thi chính sách

này, chúng tôi sẽ ra ứng cử

thành một liên danh tám người,

chỉ để lại bốn ghế cho bầu

cử mở rộng. Đây là tối hậu

thư của chúng tôi – chúng tôi

sẵn sàng chiến đấu với đối

phương và để cho họ rời đảng.

Tờ *Straits Times* chạy tin này. Nhưng phái khuynh tả thực sự

có ý định nắm quyền kiểm

soát đảng vì họ biết Marshall

không phải là một giải pháp hữu

hiệu. Ông ta có thể có ích

trong những đợt tấn công thọc sườn

nhất thời vào tổ chức đảng

đề buộc đảng phải đi theo

hướng họ định, nhưng ông ta không đủ ổn định cho kế hoạch

dài hạn. Hơn nữa, họ cũng thấy

rất dễ dàng tổ chức những đợt

công kích vào ban chấp hành trung
ương. Chúng tôi vẫn còn ngậy
thơ trong cuộc chơi, chẳng sánh được
với họ.

Các thành viên nghiệp đoàn gia nhập vào PAP có
thói quen không đăng ký địa
chỉ nhà riêng của họ mà sử
dụng địa chỉ nghiệp đoàn, và
chúng tôi thì suy nghĩ đơn giản nên đã gửi
thẻ vào cửa về các địa chỉ
đó cho họ. Kết quả là hàng
trăm, nếu không muốn nói là hàng ngàn, thẻ như thế đã
được tập trung về Middle Road, lúc
đó trở thành trụ sở của
Tổng liên đoàn người làm
thuê Singapore (SGEU) cùng một số nghiệp đoàn và hiệp hội

khác, và được

sử dụng tùy ý của các lãnh

tự của họ. Do đó, trong hội nghị

của đảng vào Chủ nhật 4/8, số

ủng hộ viên của họ vượt trội

lực lượng của chúng tôi, và

kết quả bầu cử là 50–50, phái khuynh tả chiếm sáu ghế và phe phi cộng sản chiếm sáu.

Thế là chúng tôi gặp thế tiến thoái lưỡng

nan. Chúng tôi sẽ lúng túng bất định khi nắm quyền kiểm soát đảng vì chúng tôi không đủ

số phiếu để thực thi chính sách

của mình. Nếu không thì có

nghĩa là mất quyền kiểm soát về

tay phái khuynh tả và khiến đảng

phát triển theo chiều hướng bất

lợi cho chúng tôi. Tôi tính toán
rằng Lim Yew Hock sẽ khó mà đồng
ý cho những người này nắm quyền lâu, chắc chắn là
không lâu tới kỳ tổng tuyển cử
tới, nhưng ngay cả điều đó
cũng cho phép CUF có thời gian để
xây dựng lại lực lượng trong các
nghịệp đoàn cũng như trong đảng.
Sau nhiều thảo luận, tôi đưa ra lời
tuyên bố sau, với chữ
ký của sáu người chúng tôi:

“Vì ba trong tám thành viên mãn nhiệm đã không tái đắc cử,
nên chúng tôi thấy rằng chúng tôi không có
thẩm quyền về đạo đức để
đảm nhiệm chức vụ chủ tịch,

thư ký và thủ quỹ cùng vai trò
phụ tá cho các chức vụ trên.”

Phái khuynh tả

rất ngạc nhiên. Họ đã không
dự liệu hết mọi chiến thuật. Họ
vẫn nghĩ chúng tôi sẽ tiếp tục
làm đầu tàu cho họ trong ban chấp
hành trung ương, nhất là khi họ
để chúng tôi nắm quyền trên
danh nghĩa bằng cách giữ các chức
vụ chủ chốt là chủ tịch, thư
ký và thủ quỹ. Nhưng chúng tôi
quyết định giao quyền cho họ để
khi họ có bất kỳ hành động
quá khích nào, họ
sẽ phải hoàn toàn chịu trách

nhiệm. Tôi cảm thấy chắc chắn
rằng Lim Yew Hock sẽ không bao giờ để
họ trở thành mối đe dọa cho
ông ta mà sẽ hành động chống
lại họ kể cả khi họ có Marshall
làm bình phong. Nên chúng tôi hoan
hỉ để họ nắm lấy các địa
vị hàng đầu. Họ lại không
muốn như thế. Họ kêu gọi chúng
tôi cho Chin Chye tiếp tục giữ chức chủ
tịch và tôi vẫn làm tổng thư
ký, và để trấn an chúng tôi,
họ đề nghị cho chúng tôi kết
nạp thêm hai thành viên nữa vào
ban chấp hành trong họ chỉ kết nạp

thêm một, tức là cho phép chúng

tôi một đa số có tính chiến

thuật. Khi chúng tôi từ chối, họ

trở nên bần chôn và ý thức

rất rõ cái thể mong manh của họ

khi không có chúng tôi làm đầu

tàu. Sau ít nhiều lưỡng lự, họ

đưa Tan Chong Kin làm chủ tịch, T.T. Rajah, một luật sư

cánh tả, làm tổng thư ký.

Tôi dự trù từ sáu tháng tới

một năm họ sẽ gặp rắc rối.

Nhưng tôi đã lầm.

Lim Chin Joo đã có những kế hoạch quy mô. Jamit Singh
và ủy ban hành động của ông

ta đã tiến hành thảo luận với

Liên hiệp nghiệp đoàn Singapore STUC để

đàm phán việc sáp nhập với

SGEU và các tổ chức vệ tinh của

nó ở Middle Road. Điều này chỉ

có thể dẫn tới việc cánh tả

thu hút cơ sở quần chúng của

chính Lim Yew Hock trong phong trào nghiệp đoàn.

Khi thấy nguy cơ sắp xảy ra cho STUC, ông

ta quyết định hành động. Vào

đêm 22/8, Sở đặc vụ bắt giữ

và câu lưu 35 người – Lim Chin Joo

và 12 công đoàn viên, 4 nhà báo

và 18 đảng viên PAP, bao gồm tất

cả tay khuynh tả trong ban chấp hành trung

ương ngoại trừ T.T. Rajah. Họ chỉ

mới nắm quyền được 10 ngày.

Rajah phát bệnh vì sợ hãi và
lo lắng, và ngày 3/9, ông đột
ngột từ chức. Nếu lớp lãnh đạo
thứ hai của CUF có thiếu phẩm chất
gì thì đó cũng không phải
là tham vọng. Họ muốn ít nhất
là có được một mặt trận
thống nhất gồm PAP, Mặt trận Lao động
và đảng Công nhân mà Marshall
định thành lập, cùng một cuộc
sáp nhập sẽ đem lại cho họ quyền
kiểm soát trọn vẹn các nghiệp
đoàn. Thay vào đó, họ lại
nhận được bài học về bệnh
phiêu lưu tả khuynh.

Với sự hành động mau lẹ ngay sau khi phái tả nắm quyền kiểm soát đảng, Lim Yew Hock đã khiến chúng tôi mang tiếng xấu.

Chúng tôi có vẻ như đã phản bội cánh tả qua việc công khai tách khỏi những hoạt động của họ và để họ phải đối mặt với chính quyền.

Ngày 23/8, chính phủ phát hành một

bạch thư (sách trắng) với một

phần trình bày về “sự xâm

nhập của cộng sản vào PAP”. Để

tránh những cáo buộc liên can đến

chúng tôi trong những vụ bắt bớ

này, tôi đã đưa ra một kiến

nghị tại Hội đồng lập pháp ngày 12/9, nêu rõ những

điểm không chính xác trong bạch thư. Tôi chỉ ra rằng ông Tổng ủy

viên đã che giấu yếu tố quan

trọng nhất khiến ông ta ra tay hành

động, cụ thể là do tổ chức

STUC, cơ sở quần chúng của ông

ta, lúc đó đang có nguy cơ bị

Lim Chin Joo khống chế. Ông ta không hành

động vì ủng hộ PAP mà chỉ

để cứu vãn vị trí của mình

vào một thời điểm đã được

tính toán để gây rắc rối

chính trị tối đa cho chúng tôi.

Nếu phái thân cộng học được bài học về

sự mạnh động thì PAP cũng vậy. Nó

học được bài học về sự

dại dột khi chấp nhận một định chế dân chủ khiến nó

có thể bị khống chế qua sự thâm

nhập của đối phương vào các

chi bộ của nó. Chúng tôi đã

thảo luận một số khả năng thay đổi để

bảo đảm rằng chuyện này không tái diễn được. Nhưng ngay khi
Pang

Boon và tôi khởi sự thanh lọc các

chi bộ thì chúng tôi lại bận

rộn chuẩn bị cho kỳ bầu cử Hội

đồng thành phố trong tháng 12 sắp

tới. Sau hai đợt thanh trừng chính trị

của Lim Yew Hock vào năm 1956 và 1957, kỳ

bầu cử này sẽ là lần trắc

nghiệm đầu tiên về ý kiến

công chúng.

Danh sách cử tri đã tăng hơn 10 lần so với năm 1950 và lên đến
500.000 cử tri sau khi Pháp lệnh về quyền

công dân được thông qua vào

tháng 10/1957, cho phép mọi người đã

lưu trú tại Singapore suốt 8 trong vòng

10 năm trước đó được

hưởng quyền công dân cho dù họ

không ra đời tại đây.

Mối quan tâm lớn của tôi là tránh xung đột với

Lim Yew Hock và Mặt trận Lao động của

ông ta, vì điều đó sẽ chỉ

làm tăng lòng thù ghét của khối người nói tiếng Hoa đối với ông ta, làm suy giảm vị thế chính trị

của ông ta và khiến ông ta có

hành động để làm suy yếu

PAP. Bằng cách lặng lẽ tiếp xúc

với lãnh đạo UMNO địa phương

là Hamid Jumat, nhân vật thứ hai trong thực

tế của chính quyền, tôi đàm

phán một sự thỏa thuận tranh cử

trong đó PAP, UMNO và Mặt trận Lao

động sẽ không đấu lẫn nhau mà

sẽ chia nhau 32 ghế trong Hội đồng –

14 cho PAP, 2 cho UMNO và 16 cho Mặt trận Lao động. Chúng
tôi không tấn công

nhau mà chĩa mũi dùi vào đảng

Xã hội Tự do, gán mọi khuyết

điểm của Hội đồng thành phố

trước đây cho tổ chức tiền

thân của nó là đảng Tiến

bộ vốn kiểm soát Hội đồng

này từ đầu thập niên 50 khi mà

những kỳ bầu cử đầu tiên

được tổ chức. Đến giai đoạn

cuối chiến dịch, chúng tôi chuyển

những tố cáo về cách điều

hành kém cỏi của Hội đồng
thành phố thành một đợt công
kích chính trị rộng rãi và
trình bày nó như một cuộc đối
đầu giữa công nhân (do PAP đại
diện) và giới tư sản (Xã hội
tự do đại diện).

Ngày bầu cử
là 22/12/1957. Đêm đó tôi đến
trước tòa thị chính Victoria Memorial
Hall, nơi người ta kiểm phiếu. Một
đám rất đông các học sinh
và công nhân người Hoa đang ngồi
trên bãi cỏ, có một hàng rào
cảnh sát giới hạn. Khoảng 11 giờ,
tôi thấy một dáng người da trắng

mặc đồ ngắn len qua đám đông
đi vào tòa thị chính. Đó
là Bill Goode, viên thống đốc. Ông
ta thật can đảm. Thực ra, đám đông chưa
tới tâm trạng kích động. Tuy
nhiên, ông ta đã là tổng thư
ký khi làn sóng bắt bớ đầu
tiên nổ ra vào tháng 10/1956, và là
thống đốc khi xảy ra đợt thanh
trừng thứ nhì. Nhưng ông không lộ
về gì sợ hãi. Tôi cảm thấy
kính phục ông ta hơn.

Kết quả bầu cử thật thê thảm cho Lim Yew Hock. Trong số
16 ghế họ tranh cử, Mặt trận Lao động
chỉ giành được 4, PAP chiếm được 13 so với 14 dự kiến, UMNO
chiếm được

cả hai ghế mà họ tranh cử (đều ở các khu vực chủ yếu là cư dân Malay), đảng Xã hội Tự do chiếm được 7 so với 32 dự kiến, đảng Công nhân: 4 so với 5; và các ứng viên độc lập chiếm được 2 ghế. Như thế PAP đạt nhiều thắng lợi nhất, gần 30% tổng số phiếu và số phiếu cho từng ứng viên cũng thuộc loại cao nhất.

Cuộc tranh chấp ý nghĩa nhất là ở đơn vị bầu cử Jalan Besar, nơi đây ứng viên của PAP là Chan Chee Seng, một người

Quảng Châu theo Hán học, đai đen

nhu đạo, to con, không thông minh lắm nhưng trung thành, nhiệt tình và

hoạt động mạnh cho phong trào. Có hai ứng viên khuy nh tả tranh cử với ông ta dưới

danh nghĩa đảng Công nhân của

Marshall (họ đã xâm nhập vào

đảng này như tôi dự đoán)

để chứng tỏ họ có thể đánh

bại chúng tôi nếu họ muốn. Và

tuy họ thất cử với số phiếu cách

biệt, 1.600 so với 2.400, nhưng đó không

phải một thất bại tan nát và

sức mạnh tiềm ẩn của họ thật

hiển nhiên. Họ không công khai công

kích chúng tôi trên diễn đàn

vì đã hòa hoãn với Lim Yew

Hock hay vì không đấu tranh cho các

đảng viên PAP bị bắt bớ nhưng

họ đã tuyên truyền rĩ tai điều
này. Họ có thể thu được một
số phiếu đáng kể thông qua cách
vận động đến từng nhà.

Dựa vào thắng lợi của cuộc bầu cử, chúng tôi
quyết giành lấy chức thị trưởng
trong Hội đồng thành phố bằng
cách liên kết với hai thành viên
thuộc UMNO. Như vậy chúng tôi kiểm
soát được 16 trong số 32 phiếu, và
chúng tôi tin rằng số còn lại
sẽ không có khả năng liên kết
để chống lại chúng tôi. Lim Yew
Hock có thể đã nghĩ rằng chúng
tôi sẽ liên kết với ông ta bằng
cách thu hút bốn nghị viên thuộc

lực lượng của ông ta, nhưng điều

đó sẽ trở thành một gánh

nặng chính trị quá lớn. Chúng

tôi sẽ phải đánh tới một bè

nhóm hủ hoá, và mối liên minh

này còn có thể khiến người

ta khẳng định mối nghi ngờ rằng

Lim Yew Hock và tôi đã bí mật

bắt tay nhau khi ông ta cho bắt bớ những người khuynh tả trong
ban chấp

hành trung ương của PAP.

Nhưng nguy cơ cho PAP đã tăng lên. Cho tới khi có

kết quả bầu cử, Lim Yew Hock đã nuôi hy vọng rằng

việc ông ta thanh trừng phe cộng sản đã

giúp ông thu được sự ủng hộ

của ít nhất là một nửa dân số – gồm người

Malay, người Ấn, những người Hoa
theo Anh học và các phân tử chống
cộng trong cộng đồng nói tiếng Hoa.

Tuy nhiên, đó chẳng phải là ưu tư
duy nhất của tôi. Ứng viên của
chúng tôi cho chức thị trưởng là
Ong Eng Guan, một chuyên viên vận động
quần chúng của PAP và đã tạo
được chuyển biến quan trọng trong
chiến dịch tranh cử vừa rồi. Giống
Lim Chin Siong, Ong là người Hokkien và nói
trôi chảy phương ngữ này. Thực
ra, ông ta không có tác phong thành
thật, nồng nhiệt của Lim; ông ta có
giọng nói the thé và khuôn mặt
đầy đặn ngây thơ của ông

ta không biểu lộ sức mạnh nào.

Nhưng trong những lần diễn thuyết trong

năm tuần lễ tranh cử, ông ta tỏ ra

xứng đáng thay thế Lim Chin Siong.

Tôi kinh ngạc khi thấy ông ta bắt đầu lộ ra

những dấu hiệu tự phụ công thần.

Những tiếng hò reo tung hô những bài

diễn văn Hokkien của ông trong những lần

mít-tinh vận động bầu cử đã

in sâu vào đầu ông. Việc trở

thành thị trưởng đã làm

tăng ảo tưởng của ông ta về

quyền lực. Trên đường tới dự

buổi họp khai mạc Hội đồng thành phố vào ngày

23/12, ông ta gặp một đám đông

những thanh niên ủng hộ PAP đang đốt

pháo bên ngoài Tòa thị chính.

Một sỹ quan cảnh sát người Hoa

phản đối đám thanh niên lúc

Ong vừa có mặt và đã can thiệp.

Trong vụ hỗn loạn diễn ra sau đó,

ông ta và hai nghị viên Hội đồng

thành phố cũng thuộc PAP nữa đã

bị bắt giải tới Tổng nha cảnh sát

và được thả ra sau khi cảnh sát biết ra lai lịch

của họ. Cuộc họp phải hoãn lại

đến ngày hôm sau.

Hôm sau, Ong cư

xử như một tay dân túy nồng

nhật. Ông ta cho phép hàng trăm, thậm

chí hàng nghìn người bên ngoài

Tòa thị chính được tràn

vào trong, thậm chí vào tận phòng
hộp của Hội đồng, kể cả
nhiều học sinh và trẻ con, và nhiều
đứa trong đó là trẻ đường
phố bảy tám tuổi đi chân đất
và áo phanh ngực. Rồi đám trẻ
này không chỉ đứng cả lên
bàn dành cho báo giới và ngồi
bệt xuống sàn, chúng còn chen lấn
xô đẩy đến sát bên các
nghị viên khi họ ngồi xuống bên
chiếc bàn họp hình móng ngựa.
Chúng tới đây để vỗ tay reo
hò, để tham dự vào cảnh náo
nhiệt mặc dù chúng chẳng hiểu

gì về nghi lễ này. Chủ tịch
tiền nhiệm của Hội đồng thành
phố, J.T. Rea, một viên chức Anh cùng
với người mang kim trượng²⁰, đã phải mất đến 15 phút để
chen lấn qua ngõ cửa sau vào được
tới phòng họp nơi ông sẽ chính
thức khai mạc phiên họp và bàn
giao chức vụ. Các viên chức của
hội đồng thực sự choáng váng.

Những nghị viên tân cử bây giờ có thể hành
xử ưu quyền mới được trao cho
họ là phát biểu bằng tiếng Quan
thoại, Malay hoặc Tamil, và khi một nghị
viên thuộc đảng Xã hội Tự
do phát biểu bằng tiếng Anh, đám
đông bèn la ó, cho dù ông ta

đang chúc mừng Ông được đắc
cử chức thị trưởng. Ông lặn ngụp
trong sự tán tụng đó. Ông ta
tuyên bố sẽ không mặc lễ phục
dành cho thị
trưởng, không ở trong dinh thị trưởng.
Ông ta không tin vào những hình thức bề ngoài của chức vụ.
Ông ta muốn sống và ăn mặc như
một công dân bình thường. Ông
không tán thành những bữa tiệc đứng, không hút thuốc,
uống rượu hoặc đi xem đua ngựa.

Ông ta cho phép mỗi nghị viên được phát biểu
trong hai phút rồi đề nghị biểu quyết ngay việc
đẹp bỏ cây kim trượng. Kết quả
là 26 người thuận, không ai chống
và sáu nghị viên của đảng Xã hội Tự do không biểu quyết,

và Ông chỉ thị rằng món này

“từ nay bị loại bỏ không còn

là vật sử dụng cho Hội đồng

thành phố Singapore nữa. Nó là tàn

dư của chế độ thuộc địa.”

Kể đó ông ta chen qua đám đông

ra bao lon, nơi đặt sẵn máy vi âm

và loa phóng thanh, và phát biểu với đám

đông bên ngoài bằng tiếng Quan thoại trong 10 phút. Ông ta kết thúc

bài diễn văn bằng cách hô ba lần

“Merdeka”. Đám đông hò reo

và hô theo ông. Số báo cho ngày

lễ Giáng sinh của tờ *Straits Times* tường thuật lại sự kiện này

dưới tựa đề “Cầu chúa

bảo vệ Singapore”, trích theo lời một

nữ nghị viên thuộc đảng Xã

hội Tự do.

“Về nghiêm trang thường lệ của nghị lễ đã bị hủy hoại,” Goode chua chát báo cáo cho Lennox-Boyd vào ngày 27/12. Các viên chức của Hội đồng thành phố, cả người da trắng lẫn người châu Á, đều thấy nản chí.

Những kiều dân Anh thấy lo sợ cho tương lai của họ. Nhưng, như ông ta viết thêm: “Không hề có phê phán về hành động của cảnh sát và PAP cũng không có hành vi kích động gì chống lại cảnh sát.

Lee Kuan Yew đã đi nghỉ xa trong kỳ lễ

Giáng sinh.” Đúng vậy, tôi đã
đi khỏi thành phố. Vào buổi tối
kiểm phiếu, cô hòng tôi đã
khô rát vì hút thuốc liên tục
trong đợt vận động tranh cử đến
nổi khàn tiếng không nói nổi
lời cảm ơn đám đông ủng
hộ được. Sáng hôm sau, tôi
cùng gia đình chất đồ lên
chiếc Studebaker và lái lên vùng đồi
Fraser hưởng một đợt nghỉ 10 ngày.

Trong 16 tháng kế
tiếp, Ông ngự trị Hội đồng thành
phố với vai trò thị trưởng, bày
ra hết cảnh ngoạn mục này tới
ngoạn mục khác. Tác phong ngạo mạn

của ông làm nản chí các viên

chức và làm kinh hoàng các thư

ký và giới chuyên môn có Anh

học. Ông ta sử dụng những kẻ ông

ưa thích và ra chỉ thị thông qua một bạn thân cùng quê ở Batu

Pahat với ông ta, người này được

coi như tổng trợ lý của ông ta và phải được tuân

lệnh không thắc mắc. May mắn là ông ta đã

không tại chức hết nhiệm kỳ ba năm và do đó không bị

mời ra chất vấn về

những thiệt hại ông ta gây ra cho guồng máy chính quyền.

Cuộc tổng tuyển cử sẽ đến

vào tháng 5/1959, vào cuối nhiệm kỳ

bốn năm của Lim Yew Hock, nên những yếu

kém của Ong sẽ không đủ thời gian để lộ ra hết. Hơn nữa, ông

ta có thể thực hiện những chương

trình được lòng quần chúng mà

lại không tốn kém lắm tại những khu nghèo khổ của

Singapore. Ông cho lắp đèn đường, đặt ống nước, xây cống rãnh và

mang điện năng tới các làng mạc,

cũng như giảm giá điện từ 20

xuống còn 12 xu cho người nghèo nông

thôn. Ông ta thành lập Văn phòng

thông tin đô thị để tuyên

truyền những thành quả này, mở

Văn phòng khiếu nại công cộng và

tổ chức những buổi tiếp dân.

Giới Anh học thấy kinh hoàng nhưng những việc lạ kỳ của Ông lại làm hài lòng

khối người nói tiếng Hoa. Cả đời

họ vẫn có cảm tưởng bị loại

trừ ra khỏi quyền lực; bây giờ họ

có một đồng hương nói tiếng

Hokkien giải tỏa những bất mãn của

họ. Nhưng Ong cũng gây ra những vấn

đề gây hại trong nhiều năm sau này.

Chẳng hạn, ông ta cho phép những người

bán rong chiếm những phố chính trong

thành phố, nhất là trong Khu phố Tàu,

nơi mà trước đây họ không

được vào hoặc chỉ được

vào sau giờ hành chính. Ông ta như

một người bị ám ảnh về

quyền lực và sự ca tụng của đám

đông, ông ta muốn ngày nào cũng

tạo được tin tức chính trên

báo chí. Ông ta cứ gọi lên
những kỳ vọng với những việc làm
đầy kịch tính, cứ
như không hề có một ngày ông ta phải trả giá cho những việc ấy.
Tôi
hiểu rằng ông ta đang gây thiệt
hại nặng nề cho PAP cũng như cho đất
nước, nhưng lại nghĩ rằng tốt nhất
là cứ để ông ta đứng mũi
chịu sào trong lúc này rồi sẽ
điều chỉnh lại mọi chuyện sau kỳ
tổng tuyển cử. Ông ta mất đi sự
ủng hộ từ phía những người
Anh học nhưng lại hái nhiều hơn từ
phía khối người nói tiếng Hoa.

17 GẶP GỠ VỚI “ĐẶC MỆNH TOÀN QUYỀN”

Tôi nhớ 1958 là một năm tình hình lắng dịu. Mọi chuyện tương đối yên tĩnh và không có những náo động gây ra do lãn công, đình công, biểu tình, bạo loạn hay mít-tinh. Tôi có thì giờ để suy xét, ngẫm nghĩ và hoạch định những bước đi quan trọng kế tiếp trước khi đến kỳ tổng tuyển cử vào tháng 5/1959. Câu hỏi thứ nhất tôi phải trả lời là giữa việc nắm và thành lập chính phủ mới, và việc đứng ở phía đối lập nhưng giữ được nhiều ghế hơn

trong Hội đồng lập pháp và dùng
nhiệm kỳ kế tiếp để củng cố
uy tín đối với quần chúng, cái
nào sẽ có lợi hơn cho chúng
tôi.

Tuy nhiên, sau cuộc trắc nghiệm tại Tanjong Pagar và Jalan
Besar, tôi đã tin tưởng rằng, cho
dù phái thân cộng đối đầu
với chúng tôi trong kỳ bầu cử,
họ cũng không thể đánh bại
chúng tôi trừ phi họ có thể xây
dựng tổ chức của mình mạnh như
hồi 1956. Để làm được điều
này, họ phải lập những đảng
phái mới, những mặt trận mới,
rồi xác lập mức tín nhiệm của

quần chúng đối với họ. Tất cả những việc ấy cần có thời gian. Hàng ngũ cán bộ và những ủng hộ viên trực tiếp – khoảng vài nghìn – thì có thể theo kịp từng biến chuyển trong chủ trương hành động của CUF, nhưng khối đông quần chúng thì không.

Cho dù chúng tôi có lập chính phủ trong nhiệm kỳ kế hay không, chúng tôi vẫn phải kiểm soát chặt chẽ được PAP và giữ cho nó không bị đối phương thâm nhập và không chế. Làm thế nào chúng tôi tận dụng giai đoạn lưỡng dụng này để đạt được điều đó?

Phái thân cộng có thể nắm lại

các đảng bộ, nhưng chúng tôi

không được để họ nắm

quyền kiểm soát toàn đảng, qua

đó sử dụng được biểu tượng của đảng để in trên phiếu bầu bên cạnh tên ứng cử viên. Trong một xứ sở

đa ngôn ngữ và nửa số dân

là mù chữ, biểu tượng của

ứng cử viên là vấn đề rất

quan trọng. Nó như mẫu logo của một

sản phẩm đặc chế, và biểu

tượng vòng tròn màu xanh kèm tia chớp đỏ

bất chèo của PAP đã trở thành

thứ nhãn hiệu đã được thừa nhận.

Đó là vấn đề trước

mắt. Nhưng nếu chúng tôi nắm

quyền, vấn đề sẽ trở nên bức

xúc hơn, bởi vì khi đó chúng
tôi sẽ phải phóng thích Lim Chin Siong, Fong và các phụ tá của
họ. Làm sao lúc đó chúng tôi
có thể ngăn họ – với uy tín
tăng lên nhờ việc bị cấm cố
– đừng trở lại gây ảnh hưởng
và đe dọa chính phủ của PAP? Tôi
tin tưởng rằng chúng tôi không
thể sống sót trừ phi chiếm trước
được thể thượng phong để
không thể bị tấn công và hạ
gục như Mặt trận Lao động. Câu
trả lời đã rõ ràng. Bằng
cách nào đó tôi phải công
khai ràng buộc Lim Chin Siong và Fong vào

lập trường của chúng tôi trước
khi chúng tôi nắm quyền hành.



Tôi còn một số ưu tư khác nữa. Lim Yew Hock bây
giờ đã biết rằng uy tín của
ông ta với cử tri đã bị thiệt
hại nghiêm trọng, rằng ông ta và Chew Swee Kee khó mà sống sót
qua được cuộc
tấn công của phái cộng sản vì
những đợt thanh trừng họ đã
gây ra. Nhưng họ cứ tiếp tục phạm
những sai lầm khác cứ như định
mệnh đã an bài như thế. Tôi
cố gắng xóa đi nỗi lo sợ của

Lim Yew Hock về một cái chết chính

trị đột ngột và bảo đảm

với ông ta rằng tôi sẽ không ép

ông ta tiến hành bầu cử sớm như

ông ta đã khinh xuất hứa hẹn

trước đây, và điều đó

kéo dài thêm thời gian để vận

mệnh chính trị của ông ta có

thể thay đổi. Tôi tìm ra những lý

do để ông ta trì hoãn cuộc bầu

cử: lập danh sách những công dân

mới, phân chia lại những khu vực bầu

cử để tăng chúng từ 25 lên

51, tu chính lại luật bầu cử để

khiến việc đi bầu trở thành bắt

buộc, và cấm chỉ việc sử dụng
xe hơi để chở cử tri tới địa
điểm đầu phiếu. Tôi thuyết
phục ông ta rằng thật là thiếu
khôn ngoan khi cứ để việc bầu cử
là chuyện tự nguyện, vì phe khuynh tả
được tổ chức tốt hơn và
có khả năng hơn trong việc huy động
quần chúng ủng hộ họ, và các
đảng phái giàu có sẽ nhận
ra rằng xe hơi do họ cung cấp sẽ chỉ
trở thành phương tiện chuyên chở
những người ủng hộ cánh tả.
Cần có thời gian để vạch ra các
chi tiết, soạn thảo và thông qua các

điều luật. Ông ta đã vui mừng
tiếp nhận những ý kiến này vì
chúng góp phần kéo dài nhiệm
kỳ cho chính phủ của ông ta.

Tôi không cho ông ta hay rằng tôi cũng cần thời
gian để tổ chức lại PAP, thanh lọc nó và tuyển chọn
những cán bộ Hán học có thể đưa ra làm ứng cử viên
nhưng không đi theo con đường khuynh tả. Chúng tôi muốn có
một lực
lượng cân đối về mặt chủng tộc. Trong khi chúng tôi có thể tìm
được những người Ấn, Hoa và
Malay theo Anh học và họ hoàn toàn
đáng tin cậy và không khuynh tả,
nhưng chúng tôi lại thấy khó mà
tìm được những ứng cử viên
Hán học có thể giữ được

lòng trung thành khi phải cộng sản

tấn công chúng tôi, khi mà họ

có thể thu hút sự ủng hộ của

giới Hán học như thế.

Tôi mở ra những lớp huấn luyện cán bộ để

tìm kiếm những người Hán học

có lý tưởng và có những

niềm tin chính trị không khuynh tả, nhưng như thế là chúng tôi

khai thác cùng một nguồn nhân lực

với cánh tả trong khi họ có thể

tận dụng cả tinh thần dân tộc của

người Hoa và các tư tưởng

của Mác và Mao Trạch Đông về

biên đảng xã hội. Những người

Hoa năng nổ và nhiệt tình nhất

thường đã thấm nhuần những

tư tưởng này. Tôi phải chuyển
họ đi theo hướng một chủ nghĩa
xã hội dân chủ, truyền đạt
những quan niệm chính trị của chúng
tôi với họ bằng thứ tiếng Quan
thoại kém cỏi của tôi – rồi
đọc những bài viết của họ
bằng chữ Hán thảo vốn rất khó
đọc hơn chữ Hán in báo.

Tôi tin rằng kinh nghiệm dạy cho tôi nhiều điều
hơn là cho họ. Phạm vi quan tâm của
họ là ngôn ngữ, ngữ ngôn và
lịch sử Trung Quốc, cùng những thành
công huyền thoại của cách mạng
xã hội chủ nghĩa tại Trung Quốc
đối chiếu với cuộc sống đầy

bất mãn của họ tại Singapore. Tất

cả những điều này không hề

giúp họ hiểu được những điều

tôi đang trình bày với họ – một xã hội

dân chủ đại nghị, xã hội

chủ nghĩa và phi cộng sản tại một

Singapore và Malaya đa chủng tộc được xây dựng bằng con đường hòa bình, không bạo lực và dựa

trên hiến pháp. Toàn bộ kiến

thức có sẵn của họ đã

khiến họ tin rằng có thể đạt

tới được một xã hội cộng

sản cả bằng cách thuyết phục

công khai và cách bí mật lật

đổ và bạo lực cách mạng.

Sau này tôi hiểu ra trong nỗi thất vọng rằng ngay cả trong nhóm do

tôi tuyển chọn cũng có rất nhiều

người cộng sản kiên định.

Không có cách gì lọc họ ra

được. Họ cứ như một thứ

bụi phóng xạ.

Một ngày nọ

vào tháng 3/1958, một thanh niên người

Hoa khoảng ngoài hai mươi đến Lee &

Lee, văn phòng tư vấn pháp luật

của tôi trên đường Malacca và

nói với Choo rằng anh ta muốn nói

chuyện riêng với tôi. Lúc đó

vào khoảng 11 giờ trưa, một thời

điểm bận rộn có rất nhiều

thanh niên ra vào, nhưng sau khi hỏi ý

tôi, Choo cho anh ta vào. Anh ta nói anh có một đề nghị quan trọng

là liệu

tôi có thể gặp một người

đại diện cho tổ chức của anh ta

không – nghĩa là một đảng

viên cộng sản hoạt động bí

mật. Tôi nói, được. Anh ta nhấn

mạnh rằng cuộc gặp gỡ phải giữ

bí mật. Tôi đề nghị nơi gặp

trên con phố quảng giữa khu văn phòng

chính phủ Empress Place và Nhà hát

Victoria. Chỗ đó là an toàn nhất

cho tôi. Tôi có thể đưa ông

ta tới phòng của ủy viên trong Trụ

sở Hội đồng lập pháp chỉ

cách đó vài thước. Nơi đó

yên tĩnh và kín đáo. Tôi
biết sẽ chẳng ai dùng đến phòng
đó vào ngày hẹn, và có
lẽ cũng chẳng có dân biểu nào
có mặt ở đó vì sáng hôm
ấy không có phiên họp nào.

Đến ngày hẹn, tôi đi bộ từ văn phòng
của tôi tới nơi hẹn rồi nhìn
quanh, theo lời chỉ dẫn, để tìm
một người gầy với màu da sáng,
có cặp kính cận trong túi áo
ngực và cầm một tờ báo tiếng
Hoa. Ông ta đã ở đó, thấp
và gầy hơn tôi. Chúng tôi trao
đổi mật khẩu và đi bộ về
phía trụ sở Hội đồng lập

pháp như đã thỏa thuận. Ở
ông ta có một vẻ lén lút và
lẩn tránh, một vẻ bồn chồn và
lo lắng, như một người đang trốn
chạy, sắc nhợt nhạt trên mặt,
cánh tay và bàn tay là sắc ta thấy
ở một người trong nhiều tháng
không hề ra ngoài ánh sáng mặt
trời. Tôi có cảm giác mình
đang tiếp xúc với một người
thực sự thuộc về “thế giới
ngầm”. Ông ta có vầng trán cao,
đường chân tóc lui lên cao, một
khuôn mặt dài và được cạo
sạch sẽ, sống mũi dài nhọn, mái

tóc đen thẳng chải lật ra sau theo kiểu các học sinh trung học trường Hoa. Ông ta rất đẹp và tôi đoán ông không thể là người Hokkien, mà có thể là Hakka hay Tiều Châu. Ông ta trẻ hơn tôi khoảng ba đến năm tuổi. Ông ta ăn nói nhỏ nhẹ, như không muốn cho người ngoài nghe thấy, nhưng với một giọng chắc nịch, ông ta tạo cho tôi ấn tượng về một con người quyết đoán và nhạy bén. Ông bắt đầu câu chuyện bằng tiếng Quan thoại, nên tôi cũng trả lời bằng thứ tiếng ấy, nhưng tôi lặp lại những phần quan trọng cần trình bày bằng thứ tiếng Anh đơn giản để bảo đảm rằng ông ta hiểu ý tôi. Qua vẻ

mặt, tôi biết ông ta hiểu được.

Ông ta nói ông đại diện cho MCP ở Singapore và muốn gặp riêng tôi để thiết lập sự hợp tác giữa những người cộng sản và phi cộng sản trong PAP. Ông ta rất tiếc rằng phái khuynh tả đã mưu nắm quyền kiểm soát đảng vào năm 1957. Ông ta thuyết phục tôi tin tưởng rằng đó không phải chủ trương của đảng Cộng sản. Họ là lớp trẻ quá nhiệt tình, có thiện ý và muốn góp phần thực hiện một cuộc cách mạng tại Malaya. Ông ta yêu cầu tôi tin vào sự thành thật của ông ta, và đề nghị hợp tác trong một mặt trận

thống nhất chống thực dân là

thành thật.

Những điều ông ta đề nghị có nghĩa rằng

Lim Chin Siong và Fong phải được tự

do làm những điều họ đang làm

trước khi bị bắt vào năm 1956 –

huy động công nhân, học sinh, giáo

viên, các nhóm văn hóa, tiểu tư

sản và những người có tinh thần

quốc gia, và thành lập một mặt

trận thống nhất hùng mạnh sẽ do

MCP lãnh đạo và kiểm soát thông

qua những cán bộ nằm trong các tổ chức thành viên. Tôi suy nghĩ

thật nhanh và nói rằng tôi không biết ông ta là ai và cũng không

cách nào biết được những

điều ông ta nói là thật hay không. Ông

ta nói tôi sẽ phải tin ông ta.

Tôi nhẹ nhàng yêu cầu ông ta cho

thấy bằng chứng nào đó, không phải về lai lịch của ông ta, mà

về quyền hạn của ông ta với tư

cách đại diện thực sự của

MCP, đối với các đảng viên

cộng sản hoặc cán bộ thân cộng

tại Singapore. Ông ta mỉm cười với

vẻ tự

tin, nhìn sâu vào mắt tôi và

lặp lại là tôi phải tin lời ông

ta.

Tôi nhắc tới tên Chang Yuen Tong, nghị viên Hội đồng thành phố cho khu vực Kallang. Chang là phó chủ tịch đảng Công nhân của

Marshall và là chủ tịch của Nghiệp

đoàn công nhân điện và vô
tuyên. Qua hình thức bên ngoài, cách
 cư xử và những bài diễn văn
 tại Hội đồng thành phố, tôi
 khá chắc chắn ông ta là người
 khuynh tả. Lần này tôi nhìn vào
 mắt ông ta và nói rằng tôi tin
 chắc đảng cộng sản đang sử
 dụng Marshall và đảng Công nhân
 của ông ấy để chống lại PAP.

Họ không những đã đưa Chang
 ra ứng cử ở Kallang, mà còn tranh cử
 với ứng viên của PAP tại khu vực
 Jalan Besar trong kỳ bầu cử Hội đồng
 thành phố hồi tháng 12 (tôi không

nhắc chuyện ứng viên của đảng

Công nhân đã thất cử.) Tôi

bảo ông ta có thể chứng tỏ mình

là đại diện thật của đảng

Cộng sản tại Singapore, đồng thời

chứng tỏ sự thành thật của ông

ta khi nói rằng MCP không muốn tấn

công PAP, bằng cách chỉ thị cho Chang

rút lui khỏi đảng Công nhân và

từ nhiệm ở Hội đồng thành

phố.

Không chút ngần ngại, ông ta đáp: “Được

thôi, cho tôi một thời gian. Tôi sẽ

thu xếp chuyện đó. Nếu ông ấy

là thành viên của tổ chức,

chuyện đó sẽ được thôi.”

Chúng tôi nói chuyện độ một
tiếng. Ông ta đánh giá tính
cách và lập trường chính trị
của tôi, tôi cũng đáp lại
lời khen. Ông ta đã chấp nhận
nguy cơ khi tìm gặp tôi. Nhưng tôi
cũng vậy. Bởi vì nếu ông ta quả
thực là một lãnh đạo cộng
sản và tôi bị bắt gặp đang
ngồi với ông, thì tất tôi phải
giải thích nọ kia. Tuy nhiên, tôi đã
chuẩn bị cho chuyện đó, tôi sẽ
nói rằng ông ta muốn gặp tôi về
một vấn đề của khu vực bầu
cử, và tôi đã gặp ông gần

trụ sở Hội đồng lập pháp

nên đã đưa ông ta tới đó

để nghe ông ta trình bày. Nên

tôi cẩn thận chia tay ông ngay trong phòng họp, bước đi trước ông ta khi xuống thang và ra thẳng cửa chính mà

không ngoảnh đầu lại nhìn xem ông ta đi về phía nào.

Tôi không nghĩ mình sẽ gặp lại ông ta lần nữa. Tôi không biết

ông ta là ai và cũng không muốn

biết. Tôi phải bảo vệ vị trí

lãnh tụ phe đối lập của tôi.

Tôi kể cho Keng Swee về cuộc gặp gỡ và cũng như

tôi, ông ta cũng hào hứng muốn

biết kết quả rồi sẽ ra sao. Chúng

tôi gọi ông ta là “ông đặc

mệnh”, tức là đặc mệnh toàn

quyền. Chúng tôi biết ông ta phải

là nhân vật quan trọng trong MCP, nhưng
quan trọng cỡ nào? Và ý đồ
thực cùng tiềm năng của họ là
gì?

Công việc quan trọng kế tiếp của tôi là vào
tháng 5/1958, cuộc họp về hiến pháp
lần thứ ba. Tôi bay tới London và từ
phi trường đi thẳng tới Hạ viện
gặp Lennox-Boyd. Khi cùng đi với nhau
tới cuộc họp, ông ta hỏi thăm đánh
giá của tôi về những phát triển
tương lai tại Singapore và về cơ
may của Lim Yew Hock trong kỳ bầu cử kế
tiếp. Tôi bảo cơ may của ông ta
chìm dần từng tháng. Lim Yew Hock có
một nhóm phụ tá kém và một

số ủy viên trong chính phủ của

ông ta mang tai tiếng về mặt đạo

đức và trung thực. Điều này

khiến ông ta dễ gãy đổ trước

những chiến dịch bôi nhọ nhắm vào

ông ta và Chew Swee Kee. Tôi hy vọng PAP sẽ

thắng và vì đã bảo vệ

hiến pháp đề nghị trong cuộc bầu

cử bổ sung ở Tanjong Pagar hồi tháng 6

năm rồi, tôi đã không đòi

hỏi gì hơn những điều đã

thỏa thuận. Tôi đặc biệt đề

cập tới Hội đồng an ninh nội

chính, một thứ lưới an toàn bảo

đảm chính phủ không bị lật

đỏ. Với một đại biểu Malay
nắm phiếu quyết định, bất cứ
một lệnh câu lưu nào cấp phát
ra cũng có thể được biện minh
hữu hiệu về mặt chính trị và
cũng sẽ không xâm hại trực tiếp
tới chính phủ dân cử.

Tất cả những gì còn lại cho hội nghị này
bàn bạc là công việc thiết định
những chi tiết vốn nghiêm trọng nhưng
thâm lặng về mặt chính trị. Ở
phía Singapore cũng như ở phía nước
Anh, có một sự mặc nhiên thừa
nhận rằng PAP có khả năng thắng
trong cuộc bầu cử sắp tới, nên
những điều tôi phát biểu đã

có trọng lượng hơn các quan điểm
của ông Tổng ủy viên. Tôi phải
xem xét các chi tiết một cách cẩn thận
để bảo đảm rằng tôi có
thể thực thi một hiến pháp hiện đang được
đúc kết bằng ngôn ngữ pháp
lý. Nhưng tôi nhớ chỉ một vấn đề tương đối nhạy cảm và
có thể khiến chúng tôi dễ bị
tấn công ở Singapore.

Chính phủ Anh muốn mọi khoản hưu bổng cho công
chức, cả gốc Anh và gốc bản xứ,
được chính phủ Anh bổ nhiệm,
phải được bảo đảm không
bị sút giảm vì bất cứ đợt
phá giá tiền tệ nào của đồng
tiền Singapore. Chỉ đến sau này tôi

mới hiểu ra rằng họ nhất mực đòi
hỏi điều này là để giữ
vững tinh thần của các viên chức
tại những thuộc địa khác vốn
cũng đang trên đường giành lấy
độc lập. Nhưng mĩa mai thay, chính
đồng bảng Anh lại là thứ
tiền sẽ bị phá giá trước
nhất, đến năm 1995, nó chỉ còn
ăn được 2,20 đôla Singapore, tương
đương một phần tư giá trị
của nó vào năm 1958. Những viên
chức đã yêu cầu được
nhận hưu bổng bằng đồng bảng
Anh quả là không may. Làm sao họ biết

trước Singapore sẽ không rơi vào
cùng một con đường như những
cựu thuộc địa khác của họ?

Một chiều nọ, lúc còn đang ở London, tôi đọc
được trên trang nhất của tờ
Straits Times rằng Chang Yuen Tong, nghị viên hội đồng
thành phố, phó chủ tịch đảng
Công nhân, và chủ tịch của
Nghịệp đoàn công nhân điện
và vô tuyến, đã từ chức vì
“những yêu cầu của công việc
riêng đã khiến ông ta không còn
đủ thời giờ cho công việc trong
Hội đồng thành phố.”

Ông đặc mệnh đã ra chỉ thị và đã
được chấp hành. Ông ta đã

chứng tỏ mình là người nắm
quyền. Tôi thấy thật bối rối, tôi
đã nghĩ sự vụ này có thể
xảy ra, nhưng không ngờ nó nhanh đến
thế. Đây là một người đang
trốn chạy, bị cảnh sát truy lùng,
có lẽ đang lánh ở một hốc
hẻm nào đó tại Singapore. Ông ta
đã liên lạc với tôi qua một
đầu mối, người này đưa
cho tôi một danh thiếp mang địa chỉ
một tiệm bán xe đạp trên đường
Rochor phòng trường hợp tôi muốn
tiếp xúc với ông ta. Và tôi
chắc rằng đầu mối ấy sẽ

không thể dẫn cảnh sát tới chỗ
ông đặc mệnh. Tuy nhiên chỉ trong
tám tuần, những chỉ thị của ông
ta đã được truyền tới Chang
và đã được chấp hành.
Đó là một biểu hiện đầy
ấn tượng về tính kỷ luật
trong tổ chức của MCP.

Đó không phải là những người có thể
dễ người²¹.

Và rất nhiều người đã đi
theo họ vì hy vọng rằng họ sẽ
thắng và nhờ đó được
chia phần vinh quang. Vì “lịch sử đã
ở phía họ” thì tại sao lại
ngu xuẩn đến độ đối đầu với

họ? Vậy mà tôi ở đây, với

một ít bè bạn có Anh học, lại ngu dốt đến độ

liều mạng phát động phong trào

đã khẳng định thắng lợi của

nó với những cuộc cách mạng

thắng lợi ở Trung Quốc và Nga.

Tôi không muốn lộ ra bất cứ sự bồn chồn hay lo

lắng nào, và vì tôi chưa từng

tới Rome lần nào nên tôi quyết

định đi một chuyến bốn ngày

tới đó. Đó là thành Rome

với đây đó vài chiếc Vespa

trước khi nó bị tràn ngập bởi

những xe hơi và chìm trong bụi khói.

Tôi dành phần lớn thời gian để

đi bộ lòng vòng khu phố cổ, thăm

Pháp viện và Đền tưởng niệm

Victor Emmanuel, với bức phù điêu bằng

đồng mô tả sự bành trướng

của Đế quốc Lã Mã khắp

châu Âu và Địa Trung Hải. Nó

nhắc tôi nhớ rằng mọi đế

quốc đều hết thịnh phải suy, và

Đế quốc Anh cũng đang trong giai đoạn

suy, giống như Đế quốc La Mã ngày

xưa.

Tôi còn có một ấn tượng sinh động hơn

trước khi rời Ý. Một sáng nọ,

tôi đi bộ tới Nhà thờ St Peter

(Thánh Phêrô) và ngạc nhiên một

cách thú vị khi được thấy

Giáo hoàng xuất hiện trên một

chiếc kiệu do các vệ binh Thụy Sĩ

khiêng đi. Ngài sắp được

truyền hình và khi ngài được

đưa xuống lối đi giữa nhà

thờ, đám đông bu nghẹt xung quanh

bắt đầu tung hô và la lên “Vive

il Papa”, các nữ tu đứng gần kiệu

gần như ngất đi vì sung sướng.

Giáo hội Thiên chúa giáo hẳn

phải có nhiều cái đúng để

có thể tồn tại đến hai nghìn

năm như thế này. Tôi nhớ mình

đã đọc được rằng vị

giáo hoàng sẽ được khoảng

một trăm Hồng y bầu lên, mà những

vị này cũng đã được

giáo hoàng tiên nhiệm chỉ định.

Điều ghi nhớ này rồi sẽ ứng

dụng tốt cho PAP.

Khi tôi trở về

Singapore, chúng tôi phải quyết định

chọn ứng cử viên cho kỳ bầu cử

bổ sung ở khu Kallang, mà tôi tự tin

một cách hợp lý rằng mình sẽ

thắng. Chúng tôi cử một tay hoạt

động trong phong trào nghiệp đoàn,

Buang bin Omar Junid. Ngay trước ngày bầu cử, ông đặc mệnh gửi cho tôi một

cuốn tự điển Anh Hoa bìa cứng in

tại Trung Quốc với giấy tốt thông

qua người chủ tiệm bán xe đạp.

Trên trang trắng đầu tiên, ông ta ghi bằng chữ Hán: “Gửi ông Lee Kuan Yew đáng kính, mong PAP thắng lợi trong kỳ bầu cử bổ sung ở Kallang.” Và ông ký bằng chữ

Hán: “John Lee, tháng 7/1958” – người giao liên đã nói trước với tôi đó sẽ là bí danh của ông ta. Điều này nghĩa là đảng Cộng sản không những đã từ bỏ Marshall, mà hẳn đã dẫn những người của họ quay sang ủng hộ PAP.

Vào ngày bầu cử, chúng tôi được 4.278 phiếu, Mặt trận Lao động 3.566 phiếu còn đảng Công nhân chỉ có 304 phiếu. Quả là một bài học ê chề cho Marshall: không có cánh tả thì giá trị của ông

ta chỉ có thể. Trong khi đảng Xã

hội Tự do đứng ngoài đề

tránh chia sẻ số phiếu của cánh

hữu, số phiếu cho Mặt trận Lao động đã theo sát chúng tôi, nhưng nếu

chúng tôi đưa ra một ứng viên

người Hoa, thay vì người Malay, thì

hắn PAP đã thu được nhiều

phiếu hơn. Tôi thấy tin chắc rằng

chúng tôi có thể đánh bại

liên minh Xã hội Tự do và Mặt

trận Lao động trong kỳ tổng tuyển cử.

Nhưng chúng tôi vẫn chưa hết khó khăn. Pháp lệnh
bảo vệ an ninh công cộng (PPSO) vốn cho

phép chính phủ được quyền

bắt giữ không cần xét xử, sắp

phải đưa ra trước Hội đồng
lập pháp để xem có thể gia hạn
thêm ba tháng nữa không. Đó là
một cơ
hội quan trọng để khẳng định
lập trường của chúng tôi nhưng nó cũng đòi hỏi cách xử lý
khéo léo bởi vì chúng tôi có
thể sẽ làm đảo lộn lập
trường trước đó của mình.

Sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với
những đồng sự thân cận, tôi
phác thảo một bài diễn văn.

PAP không thể bỏ
phiếu cho việc triển hạn PPSO trong dịp
này, tôi giải thích cho Hội đồng
lập pháp, bởi vì như thế sẽ

có nghĩa là đi ngược lại lời

hứa sẽ đình chỉ nó mà

chúng tôi đưa ra trong kỳ bầu cử

năm 1955. Nhưng, tôi nói tiếp, đây

sẽ không phải là chủ trương

của chúng tôi trong kỳ bầu cử

năm 1959.

“Bây giờ

chúng tôi xin tuyên bố lập trường

của chúng tôi về các đạo

luật trong tình trạng khẩn cấp và

nó là như thế này: chừng nào

những luật đó còn cần thiết

cho việc duy trì an ninh của Liên bang, thì chúng cũng cần thiết cho Singapore...

Những người muốn hủy bỏ các

đạo luật về tình trạng khẩn

cấp tại Singapore phải nỗ lực góp phần thiết lập

các điều kiện hòa bình và an ninh trong Liên bang để các điều

luật ấy trở nên không còn cần thiết nữa.”

Phát biểu này nói rõ chính sách của chúng

tôi về việc bắt giam không xét xử đối với đảng

Cộng sản. Kể đó chúng tôi

phải bảo vệ PAP chống lại việc cánh tả

nắm quyền kiểm soát đảng. Ngay

khi từ Rome trở về, tôi đã đề

nghi các cuộc bầu cử ban chấp

hành trung ương sẽ mô phỏng theo

hệ thống bầu cử giáo hoàng.

Khi chúng tôi đang soạn thảo các

chi tiết, thì Giáo hoàng Pius XII (Pi-ô 12) chết vào ngày 9/10.
Các

Hồng y tề tựu về nhà thờ

St Peter để chọn vị Giáo hoàng

mới, và trong vòng ba tuần Giáo

hoàng John XIII (Joan 13) được công bố

đắc cử. Chúng tôi ghi nhận sức mạnh của hệ thống bầu

cử này, và trong đại hội đảng

đặc biệt vào ngày 23/11, những

thay đổi cần thiết do chúng tôi

đề

nghị đã được thông qua.

Điều lệ đã tu chính này xác lập hai loại đảng

viên: những đảng viên thường

là những người gia nhập PAP trực

tiếp ở trụ sở chính hay thông

qua các đảng bộ, và các cán

bộ đảng gồm vài trăm người

chọn lọc với sự chấp thuận của
ban chấp hành trung ương. Chỉ những
cán bộ được ban chấp hành
trung ương chọn lựa mới được
quyền bầu các ứng viên vào ban
chấp hành trung ương, giống như chỉ
có các Hồng y được Giáo
hoàng chỉ định mới được
quyền bầu Giáo hoàng mới. Cách
này khép kín mạch liên lạc, và
bởi vì ban chấp hành trung ương kiểm soát
bộ phận cốt tủy của đảng nên đảng không thể bị lực
lượng khác khuynh đảo.

Tháng 12, chúng tôi đăng một bài xã luận
trên tờ *Petir*, cơ
quan ngôn luận của đảng, nhấn mạnh

rằng PAP là một đảng phi cộng sản
và PPSO sẽ tiếp tục có hiệu lực
nếu chúng tôi nắm quyền. Tôi
biết chắc ông đặc mệnh sẽ
đọc từng lời tôi đã phát
biểu trước Hội đồng lập pháp
về PPSO và diễn tiến đại hội
đảng PAP tiến hành ngay sau đó.

Ông ta hẳn cũng đã đọc bài
xã luận này vốn đã được
in lại trên báo chí tiếng Hoa, nên
tôi không ngạc nhiên khi người
giao liên ở tiệm bán xe đạp đến
gặp tôi đề nghị một cuộc gặp
gỡ khác, và tôi đã đồng

ý. Một tối nọ vào khoảng 8 giờ, tôi lái chiếc Morris Minor của
cha tôi đến đường Keng Lee rồi
dừng lại như đã được chỉ
dẫn, để đón một cô gái
người Hoa tóc thắt bím mặc áo cánh
và váy. Cô ta ngồi băng trước cạnh tôi và chỉ đường cho
tôi chạy lòng vòng đến một
căn nhà biệt lập trong một khu cư
trú gần đường Thomson. Sau đó
cô ta biến mất, để lại tôi
với một mình ông đặc nhiệm
trong một phòng kín.

Tôi ở đó gần hai tiếng với ông ta. Ông ta trấn
an tôi rằng tôi không cần phải
nghĩ ngợi các ý định của đảng
Cộng sản. Các vấn đề giữa

tôi với Lim Chin Siong, Fong Swee Suan và Lim Chin Joo là do
khó khăn của tổ chức trong việc

liên lạc với các cán bộ. Bây

giờ, tôi đang làm việc trực tiếp

với lãnh đạo cao cấp thì sẽ

không còn những hiểu lầm nữa.

Tôi lắng nghe, nhìn ông ta nghiêm

trang và nói rằng tôi cũng mong nó

được như thế. Tôi cảm thấy

những lựa chọn của ông ta cũng hạn

chế. Cho dù ông ta hứa hẹn gì,

tôi vẫn biết là chúng tôi phải

nắm lấy thể thượng phong bằng cách

công khai tuyên bố lập trường của

mình trước khi bầu cử. Nếu phải

thân cộng vẫn cứ ở lại với

PAP và không ly khai khỏi lập trường

đó, thì họ sẽ khó mà tấn

công chúng tôi được một khi

chúng tôi nắm chính quyền. Nhưng

tôi chắc rằng cho dù sự hợp tác

này có kéo dài được một,

hai hay ba năm thì sau cùng cũng phải

có lúc chấm dứt. Tất phải tới

một chỗ con đường tách ra hai ngã,

bởi vì chúng tôi quyết tâm xây

dựng một Malaya không cộng sản còn

họ thì nhất quyết muốn điều

ngược lại.

Tôi không thể

biết chắc kế hoạch của ông ta là

gì, nhưng ông ta có thể thấy tôi

đã công khai chấp nhận các chính
sách thi hành biện pháp mạnh đối
với phe quá khích một khi cần thiết.

Tôi tin rằng ông ta hoàn toàn chắc
chắn việc một khi Lim Chin Siong và Fong
cùng 150 cán bộ kia được phóng
thích, họ sẽ có thể xây dựng
lại lực lượng trong vòng từ 12
tới 18 tháng và trở lại vững mạnh như hồi tháng 10/1956, khi họ
bắt đầu bị thanh trừng.

Lúc đó ông ta có thể quyết
định luật chơi. Và nếu lúc
đó tôi chống lại Lim Chin Siong, Fong
và vô số những nghiệp đoàn
và hiệp hội của họ, tôi chắc

chấn sẽ bị đánh gục thông qua bầu cử như

Lim Yew Hock và Chew Swee Kee.

Ông ta không chơi trò chọi đáo²².

Ông ta đang chơi thứ cờ vây của

người Trung Quốc, trong đó hai đấu thủ đặt những hạt cờ

của họ lên bàn cờ sao cho chúng

vây kín những hạt của đối

phương.

Hiện tại, tôi đang có những quân cờ

bố trí tốt hơn, nhưng ông ta đang kiên nhẫn tìm cách

vây tôi với những lực lượng

vượt trội của mình. Nếu tôi không muốn thua, tôi

phải chiếm những vị trí trọng

yếu cho phép tôi có lợi thế

trong phòng thủ, cho dù ông ta có quân số vượt

trội hơn để tấn công. Nhưng

nếu ông ta đi sai một nước cờ vì quá

tự tin, thế cờ sẽ thay đổi và

tôi lại có cơ hội vây được

ông ta.

CUỘC BẦU CỬ 1959: CHIẾN

ĐẤU ĐỂ CHIẾN THẮNG

Suốt hai năm 1958

và 1959, cứ ba hay bốn tuần tôi lại

đi thăm Devan Nair, Lim Chin Siong, Fong Swee Suan, Woodhull và Puthucheary tại trại giam của họ, nằm ngay phía ngoài Nhà tù Changi, tôi thường mang cho họ

một hũ lớn cà-ri gà do đầu bếp của tôi nấu, bánh

mì nóng của một tiệm bánh trên đường tới Changi và khi được

phép, tôi còn mang thêm vài chai bia

Anchor. Trong những lần gặp gỡ ấy, tôi

đã bóng gió nói rằng tôi

rất đổi nghi ngờ khả năng chiến

thắng trong kỳ bầu cử kế, vì một

chính phủ của PAP sẽ mau chóng gặp

rắc rối với MCP. Điều này khiến
họ lo lắng, vì họ có thể sẽ
phải ngồi tù nhiều năm nữa trừ
phi PAP thắng và nắm chính phủ. Dần
dần, họ tỉnh táo lại và hứa
hẹn công khai ủng hộ PAP. Tôi biết
những lời hứa này là không có
giá trị, nên tôi yêu cầu họ
viết ra những điều kiện cho việc
họ ủng hộ chúng tôi. Nair phác
thảo và họ bàn bạc rất lâu
về văn bản đó, vì vốn dĩ
những người bị giam có dư rất
nhiều thời giờ.

Nair, bị giam từ

1956, đã bắt đầu mất niềm

tin vào chính nghĩa của ông ta. Sau vụ
nhóm cán bộ thứ hai của CUF mưu
nắm quyền kiểm soát PAP, ông ta hết
hy vọng khiến họ hiểu ra vấn đề.

Một ngày nọ, Corridon dàn xếp cho tôi
gặp riêng Nair trong một ngôi nhà biệt
lập trên đảo St. John và tôi đã
ở đó gần trọn một ngày.

Ông ta nói với tôi về sự tỉnh
ngộ của mình và tỏ ý muốn
rời khỏi hoạt động chính trị.

Tôi lắng nghe, trấn an ông ta và
khuyên ông đừng nên làm chuyện
gì mạnh động.

Tôi cảm thấy rằng một người Ấn như ông ta
sẽ chẳng bao giờ thoải mái trong một

phong trào có tư tưởng bá quyền
Trung Quốc. Nhưng ông ta đã rơi vào
một vị trí khó khăn, ông đã
là thành viên của Liên đoàn
bài Anh, và là đối tượng
đảng của MCP. Đảng MCP chỉ có
một ít đảng viên kiên định
không phải người Hoa, và Nair là
một trong số những người Ấn theo
Anh học đáng tin cậy. Ý nghĩ ly
khai của ông – hay có thể là
phản bội – sẽ là một đòn
nặng đối với họ, và phản
ứng của họ có thể sẽ rất
cực đoan. Điều này thì ông

ta hiểu rất rõ.

Bản phác thảo đầu tiên của Nair không trùng hợp
hoàn toàn với chính sách của
PAP mà chúng tôi dự định công
bố vài tháng trước kỳ bầu
cử, nên tôi yêu cầu ông ta soạn
thảo lại lần nữa. Tôi bảo với
ông ta rằng Raja, Keng Swee, Chin Chye và tôi
đang biên soạn một tài liệu mang
tên là “Những nhiệm vụ trước
mắt” và chương đầu của
nó sẽ minh định lập trường
chính trị của chúng tôi – độc
lập cho Singapore thông qua việc hợp nhất
với một Malaya dân chủ, xã hội
chủ nghĩa và phi cộng sản. Ông ta

bị giằng xé giữa quan điểm không
khoan nhượng của chúng tôi và sự
lưỡng lự của các bạn tù
thân cộng của ông ta trong việc chấp
nhận quan điểm đó.

Đầu năm 1959, Nair đã soạn xong tuyên bố chính
trị sẵn sàng cho năm người bạn
tù chủ chốt của ông ta cùng ký
tên. Bản tuyên bố dành sự công
khai ủng hộ cho lập trường của PAP
là Singapore sẽ độc lập và hợp
nhất với một Malaya dân chủ, xã
hội chủ nghĩa và phi cộng sản.
Đây là điều căn bản. Không
có sự cam kết này, tôi có thể
dự đoán họ sẽ tiến hành

một phong trào để đạt được
điều đó bên ngoài Liên bang
Malaya. Họ chẳng có chọn lựa nào
khác, vì Malaya có một chính phủ
chống cộng với hậu thuẫn vững
chắc của người Malay mà họ không
thể tuyên truyền thuyết phục và
cũng không thể tiêu diệt bằng vũ
lực được khi quân đội Malay
ngày càng lớn mạnh với sự hỗ
trợ của quân đội Anh. Và cũng đến ngày Lim Chin Siong
đồng ý ký vào bản tuyên bố, và những người khác theo
sau. Tôi nhận được bản sao của
nó một vài tuần trước ngày
quyết định danh sách ứng cử của

PAP vào 25/4 và hiểu rằng khi được

tự do họ sẽ lập tức tuyên bố

lập trường của mình và đưa

bản tuyên bố đó ra trong một cuộc

họp báo.

Điều gì đã khiến Lim Chin Siong ký vào đó? Ông

ta có thể đã tính toán rằng

không có sự bảo đảm cộng

tác của họ, chúng tôi sẽ không

tranh đấu để thắng trong kỳ bầu

cử này. Như vậy, đó là một

thể lưỡng nan phân đôi nghiêm

trọng. Tôi biết rằng chính phủ

sắp tới sẽ đối mặt những vấn

đề rất to lớn. Tỷ lệ thất

ngiệp là khoảng 12%. Mỗi năm, lại

thêm 62.000 đứa trẻ ra đời. Với

mức tăng dân số hàng năm là

4%, viễn cảnh phát triển kinh tế rất

u ám. Chúng tôi không có một

vùng đại lục, không có một

thị trường nội địa lớn cho

những ngành công nghiệp quốc gia, và

có một bầu khí xung đột chủ

thợ bất lợi. Tôi hoàn toàn

không chút tin tưởng rằng chúng

tôi sẽ đương cự được

những đợt tấn công chắc chắn

sẽ xảy ra của phong trào công nhân.

Raja, một người lý tưởng và là một nhà

lập thuyết, ủng hộ việc hình thành một lực lượng đối

lập mạnh mẽ. Keng Swee và Kenny, vốn

là những nhà hành chính, lại
tin rằng chúng tôi phải thành lập chính phủ. Họ lý
luận rằng nạn tham ô sẽ lan tràn từ các Bộ trưởng xuống toàn
bộ nền hành chính, và nếu
chúng tôi đứng ngoài thêm một
nhiệm kỳ năm năm nữa dưới sự
cai trị của Lim Yew Hock thì sẽ không
còn một guồng máy hành chính
đủ hữu hiệu để thực thi những
chính sách của chúng tôi. Không
giống như lực lượng khuynh tả,
chúng tôi không có một đội
ngũ cán bộ để thay thế guồng máy ấy. Đến tháng 2, chúng tôi đã
quyết định phải chiến đấu
để chiến thắng, và để chuẩn
bị, Keng Swee và Kenny đã từ nhiệm

chức vụ của họ trong chính phủ

theo một điều luật đặc biệt

cho phép những công chức cao cấp được ra tranh cử và tiếp tục

nhận trợ cấp hưu bổng. Đối

thủ chính của chúng tôi sẽ là

Liên minh nhân dân Singapore (Singapore People's Alliance – SPA), một tổ chức thống nhất

của Mặt trận Lao động và đảng

Xã hội Tự do mà Lim Yew Hock đã

tạo ra vào tháng 11 năm trước.

Chúng tôi phác thảo những tài liệu chính sách

về kinh tế, giáo dục, y tế, gia cư,

phát triển nông thôn, lao động và

nữ quyền, rồi cho ấn hành dưới

dạng một loại những tập mỏng dưới

tên chung là “Những nhiệm vụ

trước mắt”.

Chúng tôi phát động chiến dịch tranh cử vào Chủ
nhật ngày 15/2 với một cuộc mít-tinh
tiền bầu cử tại Hong Lim Green, tại đó
Chin Chye tiết lộ rằng người Mỹ đã
ủng hộ 600.000 đôla cho SPA:

"Một bí mật mà ai hiện cũng biết là việc
kiểm tra thuế lợi tức về một tài
khoản nửa triệu trong National City Bank tại
New York dưới tên một ủy viên
chính phủ đã bị ngăn chặn
một cách mau lẹ và chu đáo bởi
vì số tiền này là một khoản
ủng hộ chính trị, không thuộc
loại bị đánh thuế lợi tức.”

Quả là một tiếng bom.

SPA tố cáo lời buột tội đó là dối trá.

Tổng lãnh sự Mỹ đưa ra một bản tuyên bố phủ nhận việc chính phủ Mỹ có đóng góp

gì đó cho SPA – Mỹ không hề có chính sách

can thiệp vào nội tình chính trị của các nước khác. Vào

ngày 18/2, tôi đưa ra một kiến

nghị trước Hội đồng lập pháp

trong đó nêu rõ người đứng

tên tài khoản đó là Chew Swee

Kee và yêu cầu lập một ủy ban

điều tra. Khi kiến nghị này sắp

được thảo luận vào ngày

4/3, Chew từ chức ủy viên giáo dục và đại

biểu trong Hội đồng lập pháp.

Trong một văn bản tuyên bố, ông ta nói:

“Tôi muốn làm trong sạch tên

tuổi của SPA. Tôi chẳng có gì
phải giấu diếm.”

Trong cuộc thảo luận, tôi nói vào năm 1957, Chew đã
nhận 300.000 đôla cho đảng của ông
ta, một phần trong đó được
dùng cho cuộc bầu cử Hội đồng thành phố,
và năm 1958, ông ta lại nhận thêm 500.000 nữa cũng dùng cho
những mục
đích chính trị. Tôi tiết lộ
rằng tôi đã được Francis
Thomas đồng ý cho tôi nói ra rằng
chính ông ta là người đã
cho tôi biết chuyện Chew nhận 800.000 đôla.
Khi tôi nói điều đó, Thomas rời
dãy ghế của chính phủ và đi
qua ngồi vào dãy ghế của phe đối

lập²³.

Sau này ông ta giải thích với báo

chí rằng ông ta đã không tiết

lộ vấn đề vào cái lúc nó

có thể hủy hoại đảng Lao động

và có lẽ hại cả chính phủ nữa mà chính phủ lúc ấy đang làm

được việc. Tuy nhiên vào giữa

năm 1958 ông bắt đầu thấy rõ

rằng Mặt trận Lao động không còn

trong sạch hóa được nữa và

ông ta đã nói với tôi về

vụ tiền bạc ấy và yêu cầu

tôi giữ kín (và tôi đã

làm thế). Đến thời điểm ấy,

ông ta đã từ chức ủy viên

chính phủ của mình.

Khi đạt được mục tiêu vạch trần chuyện SPA nhận tiền của người Mỹ, tôi ngỏ ý rút lại kiến nghị của mình, nhưng Lim Yew Hock, một cách thiếu khôn ngoan, đã từ chối điều đó. Ông ta tuyên bố chính phủ không có gì phải giấu diếm và muốn ủy ban điều tra tìm cho ra, không phải chuyện lời tố cáo đó đúng hay không, mà là chuyện làm sao mà tin tức ấy từ Sở thuế lợi tức lại rò rỉ ra ngoài. Ủy ban khởi sự điều tra vào ngày 6/4, dưới quyền của chánh án Murray Buttrose, một người Úc đã phục vụ quân

đội Anh từ hồi chiến tranh, và
tôi ra trước ủy ban thay cho Kenny và
Chin Chye. Những chi tiết phơi bày thêm
sau đó đã gây tai hại hơn
cho chính phủ SPA. Chew thừa nhận rằng,
với 800.000 đôla ấy, ông ta đã
mua một căn nhà tại Ipoh đứng tên
vợ ông với giá 51.000 đôla, đầu
tư 250.000 đôla vào công ty Perak Mining
Enterprise Ltd dưới tên Chong, một thành
viên đáng tin cậy trong đảng, và
đang định đầu tư thêm 30.000
đôla nữa vào một công ty khai mỏ
khác cũng tại Ipoh dưới tên Chong.
Ông đã tặng một số cổ phiếu

trị giá 50.000 đôla của công ty

khai mở cho bà Hamid Jumat, vợ của ủy

viên UMNO phụ trách chính quyền địa

phương. Đại diện của National City

Bank tại New York từ chối công khai nêu

tên của người đã tặng số

tiền đó, nhưng đã viết tên

ấy vào một mảnh giấy và đưa

nó cho chủ tịch ủy ban, và ông này cũng không tiết lộ ra.

Những phát hiện của ủy ban được công bố ngày

25/5 đã khẳng định một cách cụ thể những

gì Chin Chye đã nói trong diễn văn

trong cuộc mít-tinh nọ. Bản báo

cáo của ủy ban được công bố cho báo chí vào ngày 27/5, hai

ngày trước hôm bầu cử. Nó

cũng chỉ

khẳng định điều mà mọi cử

tri đã biết – rằng chính phủ

của Lim Yew Hock là thối nát, và tệ

hơn, hiện nay nó đã nhận tiền của Mỹ.

Như tôi đã dự liệu, các đảng đối lập

rối tung lên khi tới gần ngày công

bố danh sách ứng cử. Tôi biết

Lim Yew Hock muốn có UMNO và MCA trong SPA của

ông ta bên cạnh Mặt trận Lao động

và đảng Xã hội Tự do. Ông

ta nóng lòng muốn ngăn chặn việc

tái diễn cảnh chia cắt số phiếu

của tầng lớp ôn hòa như đã

từng xảy ra trong kỳ bầu cử Hội

đồng thành phố. Nhưng nó đã

không được như thế. Hậu quả

tai hại của vụ Chew Swee Kee và kết

quả bất lợi do ủy ban điều tra

công bố đã khiến cử tri ngoảnh

mặt đi với họ. Trong khi đó, sự

bất đồng quan điểm giữa các

đảng viên Xã hội Tự do đã

dẫn tới tình trạng hoàn toàn

rối loạn khi tất cả các đảng

viên có chân trong Hội đồng lập

pháp và cả các đảng viên

thường đã rời khỏi đảng.

Thay vì sáp nhập vào SPA như họ

đã đồng ý trước đó,

những người Xã hội Tự do đã

tham gia cuộc bầu cử với tư cách

độc lập.

Vào ngày công bố danh sách ứng cử, 25/4/1959, SPA ra tranh

cử 39 ghế, Xã hội Tự do 32 và

có 34 ứng viên tự do. PAP ra tranh cử

51 ghế với 34 ứng viên người Hoa,

10 người Malaya, 6 người Ấn và một

người Á lai Âu. Chúng tôi có

tỷ lệ nhiều người Malay và người

Ấn hơn so với tỷ lệ dân số,

nhưng chúng tôi nghĩ như thế sẽ

tốt cho tinh thần của các khối thiểu

số hơn.

Chúng tôi tổ

chức sáu cuộc đại hội cử

tri và từ 60 tới 100 cuộc mít-tinh

trên đường phố trong 33 ngày đêm

vận động tranh cử, ngay từ những

ngày đầu, giới cá cược đã

đánh cá về số ghế chúng

tôi sẽ giành được, đó

là một dấu hiệu tốt. Những đảng

phái khác biết điều này và

rất nản chí nhưng không tiến hành

vận động mạnh mẽ và rõ

ràng được. Trong khi đó, các

tay vận động tranh cử của PAP tỏ

ra cực kỳ năng động. Rất nhiều

ứng viên của chúng tôi ở

độ tuổi dưới 30 và những diễn văn của họ

đã gọi lên nhiệt huyết mạnh

mẽ trong giới cử tri trẻ. Chúng tôi
đã phá vỡ truyền thống của
người Hoa bằng cách đưa ra tranh cử
ba người Hoa làm nghề hớt tóc –
theo truyền thống, thợ hớt tóc, đồ
tể và giới xướng ca thì không
được dự những kỳ thi của
triều đình. Chúng tôi tiêu biểu
cho trật tự mới có thể tách ly
khỏi những thái độ kiểu phong
kiến ấy.

Giữa cuộc vận động sôi nổi kích động đó,
tôi cảm thấy Thủ tướng Malaya và
đồng sự tại Kuala Lumpur đã không
nhìn viễn tượng chiến thắng của
PAP phi cộng sản tại Singapore bằng con mắt

thiện cảm. Hamid Jumat đã nói trong
một đại hội UMNO tại Geylang Serai rằng
trong khi Malaysia chống cộng thì PAP chỉ phi
cộng sản thôi. Dân Malay không thích
những kẻ có quan điểm lưng chừng
và việc hợp nhất với Malaysia như
thế chỉ là chuyện viễn mơ. Ngày
kế tiếp, sau khi tôi gọi cuộc nói
chuyện ấy là “điên loạn”,
ông ta đã ép buộc tôi phải
dứt khoát chống cộng. Đây là
một điều lạ ở Hamid, và tôi
tin rằng ông ta đã nhận được
thông điệp từ Kuala Lumpur. Thế là
rõ Thủ tướng Malaysia ủng hộ phía

nào.

Chủ nhật ngày 22/3, Keng Swee đọc một bài diễn văn “Về chính sách kinh tế”, vốn là một phần của “Các nhiệm vụ trước mắt”, và giải thích nhu cầu hợp tác giữa Singapore và Malay a. “Để đổi lấy một thị trường chung, chúng ta có thể đề nghị Liên bang cùng kiểm soát các cảng của chúng ta vốn là cửa ngõ cho phần lớn hoạt động ngoại thương của Malay a”. Nhưng Tan Siew Sin, hiện là Bộ trưởng công thương liên bang, đã tuyên bố rằng “PAP không hiểu họ đang nói gì. Ý nghĩ về một thị trường

chung là không thực tế. PAP phải nhận

ra rằng người ta không thể cùng

lúc có được cả một thị

trường chung lẫn một hải cảng tự

do. Ta phải chọn một trong hai.”

Vào lúc ấy, tôi nghĩ ông ta chỉ nỗ lực hỗ trợ phía bên kia trong cuộc bầu cử.

Rất lâu sau này tôi mới hiểu ra

ông ta kiên định với những quan

điểm ấy đến mức nào. Keng

Swee vốn là anh em họ với Tan, nhưng

Tan sẽ chẳng bao giờ nhượng bộ

Singapore điều gì như sau này chúng

tôi nhận ra. Bầu không khí chung ở

Kuala Lumpur là thù nghịch với PAP. Thủ

tướng Malaya đã phong tặng tước

hiệu Tun cho Lim Yew Hock, vốn là phần
thường cao quý nhất ở Malaya, và
nói rằng tuy ông ta không tham gia vào
chiến dịch vận động tranh cử,
nhưng ông ta sẽ đứng sau hỗ trợ
cho UMNO. Ông ta ủng hộ hàng ngũ chống
cộng trong PAP, và cảnh cáo rằng bất
kỳ phân tử thân cộng nào trong
UMNO sẽ bị khai trừ nếu họ ra ứng
cử với tư cách độc lập.

Chính phủ Mỹ

cũng không ủng hộ PAP lắm. Tờ

Straits Times ghi nhận tiên đoán trên trang thương

mại của tờ *Foreign Commerce Weekly* rằng Singapore có thể ngã
sang phe tả

và từ bỏ truyền thống kinh tế tư

nhân của nó. “Khả năng này
khiến người ta không thể đánh
giá tầm nhìn kinh tế và viễn
cảnh thương mại của đô thị
này,” bài báo viết tiếp như
thế. Tình hình tài chính của Singapore là lành mạnh,
nhưng “trái với Liên bang, môi trường đầu tư ở Singapore
tiếp tục xấu đi cho dù chính phủ
bày tỏ ước muốn thu hút đầu
tư nước ngoài”.

Một cách tất yếu, báo chí tiếng Anh có xu hướng
kịch liệt chống PAP, không như các
tờ tiếng Hoa và Malay vốn thân thiện
hơn. Sự thù ghét này đã
khơi ra một cuộc chiến khi tôi mở
đợt công kích đầu tiên của

mình vào 15/4:

“Đã thành một bí mật cho mọi người rằng
(nếu PAP thắng cử) ban biên tập của
tờ *Straits Times* sẽ
cuốn gói về Kuala Lumpur. Những người
đi theo quan điểm của tờ báo cũng
phải cuốn gói theo họ. (Vì) nếu bạn đọc
những gì được in trên báo,
bạn sẽ nghĩ chúng tôi là những
người cực đoan và man rợ.”

Chuyện này xảy ra tại một cuộc mít-tinh tại
quảng trường Fullerton ngay trung tâm thành
phố, kế trụ sở bưu điện trung
ương, gần những ngân hàng Anh
quanh quảng trường Raffles. Những người tham dự chủ yếu là
nhân

viên kỹ thuật thuộc khối nói tiếng Anh. Tôi chỉ vào một bài

báo có tựa in chữ lớn tường

thuật rằng cảnh sát đã từ chối

không cho PAP tổ chức mít-tinh tại quảng trường Empress, rồi
đọc đoạn

cuối cùng của bài viết, nói thêm rằng cuộc mít-tinh sẽ diễn

ra tại nơi chúng tôi đang đứng

đây. Tôi so sánh bài này với

bài tường thuật quy mô về một

cuộc mít-tinh của SPA. Đây là một

sự thiên vị trắng trợn. “Nếu

người ta cố gắng hại chúng ta,”

tôi cảnh cáo, “chúng ta sẽ trả

đòn mạnh như đòn họ đã

ra.”

Tại cuộc mít-tinh kế tiếp, Raja công kích

tiếp vào tờ *Singapore Standard*. Ông ta nói họ hô hào tự do ngôn

luận, nhưng họ lại bóp nghẹt quan
điểm của những ai không đồng
quan điểm với họ. Ông ta có đủ
tư cách để nói điều đó.

Là một biên tập viên trợ lý
của tờ báo từ năm 1950 đến
1954, ông đã được lệnh rằng
phải thay đổi chính sách hoặc ra
đi. Ông ta đã ra đi và tờ
báo trở nên chống PAP. Một tuần

sau, ông ta quay sang tờ *Straits Times*, nơi ông ta từng làm việc
sau khi rời khỏi

tờ *Standard*. Ông ta biết rõ ai điều hành tờ

báo và nêu tên bốn người,

tất cả đều là người da

trắng, trong đó có A.C. Simmons, người

điều hành công việc hàng ngày.

Simmons hiểu rằng Raja và tôi không

đùa khi nói rằng nếu chúng tôi

lập chính phủ, chúng tôi sẽ đối

đầu với họ. Họ đã chuẩn

bị di chuyển cả ban biên tập về

Kuala Lumpur vì họ e ngại một chiến

thắng của PAP. Tôi biết chắc họ

quyết tâm chiến đấu chống lại

chúng tôi ngay từ thủ đô liên

bang. Khi tôi viết cho họ:

“Nếu những tờ báo của dân địa phương

phê phán chúng tôi, thì chúng

tôi biết rằng những phê phán ấy,

dù đúng hay sai, cũng là sự phê

phán thành thật, bởi vì họ

phải ở đây và chịu đựng

hậu quả của bất kỳ chính sách

hay động cơ ngu xuẩn nào mà có

thể họ đã chủ trương. Những

kẻ tạm trú đang điều hành

tờ *Straits Times* thì không như thế. Họ phải chạy về

Liên bang và với sự an toàn nơi

đây, họ đồng đặc tuyên bố

sẵn sàng chết cho nền tự do của Singapore.”

Leslie Hoffman, biên tập viên, đã trả lời ngay trong
ngày:

“Tôi không phải kẻ tạm trú. Tôi, người
chịu trách nhiệm về chủ trương
và nội dung xã luận của tờ báo
này, vẫn có ý định ở lại

Singapore, cho dù ông Lee và PAP có lên

nắm quyền, và cho dù họ có sử

dụng pháp lệnh PPSO để chống lại

tôi... thì quê hương tôi vẫn

là Singapore.”

Nhưng ông ta đã về Kuala Lumpur trước khi cuộc bầu cử
kết thúc.

Năm ngày trước hôm bỏ phiếu, Hoffman phát biểu trong
cuộc họp hàng năm của International Press Institute (IPI – Học
viện báo chí quốc tế) tại Tây Berlin

trước các nhà báo, biên tập

viên và nhà xuất bản rằng những

đe dọa của chúng tôi có thể

được hiểu như “những lời

thống trách của một nhóm các

chính khách điên lên vì quyền

lực”. Ngược lại, tờ *Straits Times* viết: “Ờ báo được xuất

bản và điều hành bởi những
người Malay ra đời tại đó,
những người đã ở đó
trọn đời của họ, và là
những người thực tình trong tinh thần
dân tộc và lòng trung thành của
mình với đất nước.” Ông
ta sẽ không thừa nhận rằng chính
các ông chủ người Anh của ông
ta mới là người sở hữu tờ
báo và chỉ đạo các chính sách của nó.

Simmons hiểu ông ta rất dễ bị tấn công. Nên ông
ta đã chỉ bảo cho Hoffman, một người
Âu lai Á, để đưa trường
hợp của ông ta ra trước IPI. Hoffman nói
thêm: “Trong ý nghĩa này, thật

là độc đáo khi nó tạo cho
hội đồng này một cơ hội để
chấm dứt vĩnh viễn sự nỗ lực
của một chính đảng muốn thu hút
sự ủng hộ của quần chúng cho ý
đề công khai của họ là hạn
chế tự do báo chí.” Nhưng đó
chính là điều PAP dự định
sẽ làm – thu hút sự ủng hộ
của quần chúng đối với chủ
trương rằng báo chí sẽ không
còn nằm dưới sự sở hữu của
người ngoại quốc nữa. Hoffman trích
điều tôi đã phát biểu vào
ngày 18/5:

“Bất cứ tờ

báo nào muốn phá hoại hay làm

căng thẳng các mối quan hệ giữa

Liên bang Malaya và Singapore sau ngày 30/5 sẽ

bị truy tố về tội mưu phản. Bất

cứ biên tập viên, phụ tá biên

tập hay phóng viên nào đi theo con

đường này đều sẽ bị

truy tố theo pháp lệnh PPSO. Chúng tôi

sẽ truy tố và bắt giam những người đó.”

Thái độ

của tờ *Straits Times* còn thậm chí không thể biện minh được

vì chúng tôi, lực lượng quốc

gia, đang kiểm soát chặt cuộc vận động tranh cử, một điều

làm tôi rất hài lòng. Chúng

tôi đã sắp xếp lịch trình, quyết định

các chủ đề và viết những
bài diễn văn quan trọng. Các lãnh tụ cánh
tả không đem những tổ chức quần
chúng của họ đến dự những
cuộc mít-tinh của chúng tôi
được. Mặc dù phái khuynh tả
đang tập hợp trong các chi bộ PAP và
một số có thể trở thành ứng
cử viên, Pang Boon và tôi đã
giảm thiểu mối nguy này qua việc chọn
lọc rất cẩn thận các ứng viên
Hán học. Không còn một Lim Chin Siong
nào để thao túng đám đông
nữa.

Ong Eng Guan không kém cỏi lắm khi thay thế Lim Chin Siong trong vai trò phát ngôn viên tiếng Hokkien trong các

buổi mít–tinh. Nhưng Pang Boon thì nói

lưu loát cả tiếng Hokkien lẫn tiếng

Quan thoại, còn tiếng Quan thoại của

tôi cũng đã cải thiện; tuy rằng

vẫn chưa đủ để vận dụng

các biện pháp tu từ, nhưng giờ

tôi đã có thể diễn tả tư tưởng của

tôi mà không cần đến văn bản viết sẵn. Có thể tôi chỉ lặp

lại bằng một thứ tiếng Quan thoại

kém nhuần nhuyễn những điều đã

nói bằng tiếng Anh hay Malay, nhưng tôi

đã được khối dân chúng

nói tiếng Hoa coi trọng hơn vì đã chịu khó học

ngôn ngữ của họ. Tình trạng với

Chin Chye cũng vậy, ông là người

thấp bé nhưng rất sinh động trên

diễn đàn. Tiếng Quan thoại của
ông ta kém hơn tôi nhưng ông ta
rất bạo dạn và dám đông
đã hoan hô chúng tôi, họ hài
lòng vì chúng tôi đã nỗ
lực để có thể giao tiếp được
với họ.

Khi thăng phiếu, những Bộ trưởng tương lai của
chúng tôi sẽ là một khối đa
chủng tộc. Raja hóa ra là người
rất sáng dạ, nói tiếng Anh rất
hùng hồn và giảm văn phong xã
luận của mình thành thứ ngôn
ngữ đường phố rất sinh động.
Ông ta cũng nói tiếng Malay bình dân
và truyền đạt tư tưởng của

mình bằng một giọng nói mạnh mẽ

và một thứ ngôn ngữ “thân

thể” biểu cảm. Ngược lại,

Keng Swee lại quá dõ; với tư duy tốt,

ông ta chuẩn bị các bài diễn

văn rất chu đáo nhưng lại phát

biểu bằng giọng đều đều đáng

chán, ấp úng, cứ phải xem văn

bản và trông thiếu hấp dẫn.

Trong một xã hội đa chủng tộc, chúng tôi gặp

phải một vấn đề tất yếu. Một

số ứng viên của chúng tôi có

thể là những tay hùng biện bẩm

sinh, nhưng không ai có thể làm một

bài diễn văn trong cuộc mít-tinh tranh cử và khiến

toàn bộ cử tọa cùng cười, thở dài, khóc hay giận dữ với

nhau. Dù có dùng thứ tiếng nào

và dùng giỏi tới đâu thì

cũng chỉ có một bộ phận trong đám

đông là có thể hiểu được ngay,

nên diễn giả phải truyền đạt

tới những bộ phận còn lại bằng các cử

chỉ, nét mặt và giọng nói.

Tiếng Malay bình dân là thứ ngôn ngữ đơn giản

và được nhiều người thông

hiểu nhất, và diễn giả giỏi nhất

của chúng tôi bằng thứ tiếng này là Yaacob bin Mohamed với

lời diễn đạt đầy kịch tính và sáng sủa lôi cuốn được

cả những sắc dân khác ngoài

người Malay. Để phê phán thói

huênh hoang của đối phương, ông

ta đã trích dẫn ngạn ngữ Malay

của xứ Terengganu, quê nhà của ông

ta: “Gà mái đẻ mỗi lần một

trứng, cả làng nghe nó cục tác;

con rùa đẻ một lần cả trăm

trứng, không nghe một tiếng ồn nào.”

Nói cách khác, PAP đem lại rất

nhều lợi ích cho công nhân nhưng

không bao giờ khoe khoang điều đó.

Lý luận này được đám

đông tán thưởng nhiệt liệt.

Đó là thời kỳ chưa có vô

tuyên truyền hình nên một giọng

nói tốt, một tác phong mạnh mẽ, lời cuốn là những lợi thế

rõ rệt.

Yaacob có xuất thân nghèo khó. Sinh ra ở miền bắc

Malaya và học trong một trường của

giáo hội địa phương, ông ta
từng lái xe tải cho Quân đội quốc
gia Ấn trong chiến tranh, và khi đến
Singapore vào đầu thập niên 1950, ông
ta làm nghề hớt tóc dạo trước
khi trở thành một người dạy giáo
lý. Ông ta đã gia nhập API, một
đảng quốc gia Malay rất cấp tiến,
rồi đổi sang UMNO vào năm 1954, rồi
thấy đảng này quá bảo thủ
và thiếu công bằng nên ông gia
nhập PAP vào năm 1957. Sau này, tôi sẽ
cử ông ta làm thư ký quốc hội,
rồi Bộ trưởng Ngoại giao. Ông ta
là một tài sản quý giá đối

với người Malay. Bước thăng tiến
của ông từ bậc thang thấp nhất đã
thành một đặc điểm trong những
thời kỳ cách mạng đó. Trật
tự cũ đã không còn đứng
vững nữa, xã hội đang trong một
tình trạng biến đổi, và rất
nhiều người ít học từ giới
lao động đã có cơ hội ngoi
lên đỉnh cao chỉ nhờ vào khả
năng, nhiệt tình và may mắn.

Phần lớn dân chúng còn nghèo, nhiều người
phải sống trong các khu ổ chuột, và
vì là đảng của giai cấp công
nhân, chúng tôi ít nhận được
tiền của ủng hộ từ những người

giàu nên buộc phải vận động
tranh cử mà không có nguồn tài
chính gì. Nhưng chúng tôi có thể trông cậy vào
sự ủng hộ tận tình của những
người tình nguyện. Các ứng viên
phải tự lo chi phí vận động tranh
cử của họ, PAP chỉ cung cấp những
bích chương và tuyên ngôn in
giống nhau, chỉ thay đổi hình chụp
cho mỗi ứng viên và những dòng
tiểu sử của họ. Chúng tôi mượn
những xe tải lớn, xe tải nhỏ và
xe thùng để dùng làm diễn đàn
trong các cuộc mít–tinh, đấu hai
chiếc ghế nhau trong những cuộc mít–tinh

lớn, thường những xe này được
những ủng hộ viên trong ngành vận
tải cho mượn miễn phí. Có thể
họ trông chờ nhận được lợi
lộc trong tương lai, nhưng nhiều người
trong số này vẫn tiếp tục giúp
đỡ chúng tôi trong các kỳ bầu
cử sau, khi chúng tôi đã nắm
quyền và chẳng đem lại cho họ một
ưu đãi gì. Ban đêm, chúng
tôi câu điện từ những cửa
hàng quen biết để thấp sáng diễn
đàn, và tuy rằng chúng tôi phải
mướn loa phóng thanh nhưng tiệm cho mướn
lại có thợ điện tới giúp

kéo dây qua những ngọn cây và những trụ điện (đôi khi
những đường dây thế này tạo
ra tiếng hú inh tai ngay khi chúng tôi đang
đọc diễn văn.)

Đi vận động bầu cử nghĩa là đi tới mọi
xó xỉnh mà bình thường giới
trung lưu Anh học chẳng bao giờ đặt
chân tới. Mùi rác rưởi, những
con chuột cống và chó mèo hoang lơ
lói, những đường mương đầy
rác của những gánh hàng rong trong
những phố Tàu là điều tôi
nhớ được về khu Tanjong Pagar trong những
năm 1950. Ban đêm, những người bán
hàng rong chẳng biết từ đâu đã
tập hợp quanh chỗ chúng tôi tổ

chức mít-tinh để mong bán được

hàng. Ở phía ngoài đám đông

sẽ có rất nhiều trẻ con, khiến

chúng tôi nhớ lại tỷ lệ tăng

dân số 4% của đảo này, chúng

đến để coi chơi, có đưa

đi cùng cha mẹ, có đưa đi

một mình. Tại những khu nông thôn

như Punggol, Sembawang và Yio Chu Kang, mùi kinh khủng của
phân heo không thể nào quên được và

thật dễ nhận ra vào năm 1976 khi tôi

đi ngang qua miền nông thôn Trung Quốc.

Đó là một cuộc vận động vất vả, gian nan.

Trong một tối tôi có thể đọc

ba bốn bài diễn văn, lái xe từ

khu vực này đến khu vực khác,

tại các cuộc mít-tinh bắt đầu

từ lúc 7 giờ tối và phải kết

thúc lúc 10 giờ. May thay tôi đã

bỏ được thuốc lá và không

hề bị mất giọng, nhưng vào một

đêm thời tiết nóng ẩm, tôi

ướt đẫm mồ hôi khi phải nói

bằng hai, thậm chí ba thứ tiếng –

Malay, Quan thoại và tiếng Anh. Khi người

ta tụ tập đông, nồng nhiệt và

có đáp ứng, tôi có thể

nói lố 30 phút dành cho mình, và

luôn luôn phải phát biểu sau cùng

vì đám đông thường tan dần

khi diễn giả chính kết thúc. Choo

thường chuẩn bị sơ mi và áo

lót cho tôi thay sau mỗi bài diễn

văn. Hiện nay tôi đi lại một cách

đường hoàng vì từ khi chúng

tôi quyết định tranh cử để

giành chiến thắng vào tháng 2/1959,

Choo đã mua một chiếc Mercedes Benz 220 để

thay cho chiếc Studebaker cũ kỹ. Cô muốn

mọi người thấy chúng tôi đi

xe đó để ai cũng rõ là tôi

có thể sắm nổi Mercedes mà không

cần phải làm đến thủ tướng,

và cô còn đi cùng tôi đến

các buổi mít-tinh, đôi khi còn

tự tay lái xe đưa tôi đi.

Những cuộc mít-tinh vận động thật là
đáng nản lòng cho các ứng viên
của SPA và đảng Xã hội Tự
do. Họ thu hút được rất ít
quần chúng và không tổ chức nổi những buổi mít-tinh
lớn. Giới Anh học thì đương
nhiên không có mặt, họ không
phải loại người đứng ngoài phố để nghe những bài diễn
văn. Những công nhân nói tiếng
Hoa thì dù sao cũng suốt ngày ở
ngoài đường vì nhà cửa của
họ thiếu tiện nghi, có khi đó
chỉ là những căn buồng nóng bức
và ngột ngạt. Với họ, những buổi
mít-tinh ngoài trời của chúng
tôi, với những bài diễn văn bằng

tiếng Quan thoại hay các phương ngữ khác là trò giải trí miễn phí và là dấu hiệu cho những chuyện hấp dẫn sắp xảy ra.

Những buổi mít-tinh lớn ấy là những dịp náo nhiệt đa dạng. Các kỳ bầu cử làm lộ ra các thói quen và tập tục văn hóa của các chủng tộc khác nhau. Người Hoa bày tỏ sự ủng hộ bằng những biểu ngữ gồm bốn hay tám chữ Hán gắn trên băng vải lụa. Một biểu ngữ có thể dài đến ba bốn thước và cần đến nhiều người cùng lên diễn đàn và trương lên cho công chúng xem. Sau khi ứng viên nhận biểu ngữ đó với động tác cúi đầu tạ ơn, thường sẽ có tiết mục chụp hình kỷ niệm. Một

ứng viên được ưa chuộng có

thẻ nhận được từ 50 đến

100 biểu ngữ chữ Hán như vậy, và

khi treo chúng lên cùng những dây đèn

màu, cuộc mít–tinh liền có

ngay một không khí lễ hội. Mỗi biểu ngữ sẽ có tên của người

tặng, có thể đó là tên

một bang hội hay nghiệp đoàn ủng

hộ hết mình cho ứng cử viên nào

đó và như thế lôi cuốn mọi

thành viên của họ vào hoạt động

để giúp ứng viên ấy thắng

cử.

Người Ấn thì đem đến những vòng hoa tươi,

thường là hoa đại trắng hay cúc vạn thọ kèm những

giải băng kim tuyến màu vàng hoặc

bạc, có khi cả tràng hoa nặng cả

ký lô. Có những dịp, hết cử

tri này đến cử tri khác lên

quàng cho tôi từ 6 tới 12 vòng hoa

như thế vào cổ cho đến khi đầu

tôi ngập trong hoa và cần cổ tôi tê cứng vì mang nặng. Cũng may là

tôi không bị dị ứng với những loại hoa đó. (Tuy nhiên, những điều

tệ hơn có thể xảy ra. Rajiv Gandhi, Thủ

tướng Ấn Độ, bị ám sát

trong một buổi mít–tinh tranh cử như thế bởi một phụ nữ

tiến đến gần, không phải để

quàng hoa cho ông mà để kích nổ

một trái bom bà ta mang trong người.)

Người Malay thì đem tặng những *tanjak*, một kiểu khăn trùm đầu bằng

lụa có đan chen chỉ màu vàng

hoặc bạc mà các vị chức sắc

dùng trong những dịp nghi lễ long trọng.

Những tấm khăn ấy thường đắt tiền và hiếm

khi được trao tặng.

Trong một lần phát biểu với khoảng 2.000 công nhân

trong một khoảng sân rộng ngay phía

ngoài khu căn cứ hải quân Sembawang vào

ngày 17/5, tôi đã nhấn mạnh rằng

họ không cần phải lo lắng về công

ăn việc làm của họ một khi chúng

tôi nắm quyền. Chúng tôi không

hề tìm kiếm một nền độc lập

riêng biệt cho Singapore, và do đó đã

đồng ý rằng người Anh vẫn

giữ được quyền kiểm soát các

căn cứ quân sự của họ cho đến

khi chúng tôi sáp nhập vào Liên

bang Malay a. Điều này làm an lòng

khoảng 45.000 công nhân dân sự làm việc

cho quân đội, nhiều người trong số

đó đã từ Ấn Độ theo

chân quân đội Anh qua đây và

có quyền bầu cử vì họ là

công dân Anh.

Trong một cuộc mít-tinh vào buổi trưa ở cảng

Clifford, tôi đã giải thích lý do chúng tôi duy trì pháp

lệnh PPSO nếu chúng tôi nắm quyền,

và nhấn mạnh rằng cuộc chiến đấu

thực sự bây giờ sẽ xảy ra giữa

PAP và MCP. Tôi kể lại việc Marshall

đã dao động lập trường thế nào, bị đẩy từ quan điểm này sang

quan điểm khác ra sao, và đã

thoái lui khi đối diện các cuộc

biểu tình của phái tả như thế

nào; và chuyện Lim Yew Hock, ngược

lại, đã sử dụng bạo lực ra

sao cho đến khi người Anh và lực

lượng trực thăng của họ kiểm

soát được tình hình. Tôi

nói thẳng thừng: “Chính phủ PAP

sẽ không vướng vào cả hai kiểu

sai lầm ấy. Chúng tôi sẽ

không để bị khủng bố hay đe

dọa, và cũng không sử dụng sự đàn áp như một phương

tiện của chính quyền. Chúng tôi

sẽ điều hành đất nước

với thiện chí và ủng hộ của

dân chúng, một cách kiên quyết,
khôn ngoan và công bằng.” Tôi
muốn tránh mọi lời buộc tội là
đã thắng cử bằng những hứa
hẹn giả trá.

Goode đã giữ
liên lạc với tôi sau hội nghị về
hiến pháp tại London hồi tháng
5/1958, và về các vấn đề liên
quan tới chính phủ tương lai, ông
luôn cho tôi cơ hội để bày
tỏ quan điểm của mình. Chẳng hạn,
ông ta đã hỏi ý kiến của
tôi về việc chọn John Wyatt làm chánh
án Tối cao pháp viện cho đến khi
hoàn tất cuộc bầu cử khi thủ

tướng mới có thể bổ nhiệm
người khác. Người Anh không muốn
phải đưa ra một quyết định bổ
nhiệm rồi sau đó lại hủy bỏ
hay thay đổi. Tôi không phản đối
quyết định nào của họ. Thư
ký của ông ta là Pamela Hickley có
thể gọi điện cho Choo tại văn phòng
Lee & Lee và hỏi tôi có thể đến
gặp thống đốc được không,
thường là vào giờ uống trà
buổi chiều. Tôi thường đến
gặp ông ta tại khu văn phòng của
Dinh chính phủ ở tầng 2 (nơi tôi
làm việc kể từ 1971). Chúng tôi

sẽ nói chuyện khoảng một giờ bên

tách trà, với bình trà bạc và

thứ trà Anh pha với sữa và đường.

Những cuộc gặp ấy vẫn tiếp tục

ngay trong thời gian vận động tranh cử,

khi đó có lần ông ta đùa

cột về việc chấm dứt ủng hộ

Lim Yew Hock và những người khác cứ

như tước những cây kẹo khỏi

tay một đứa trẻ. Tôi đã cảnh

giác ông ta khi chiến dịch tranh cử

đang gay gắt dần rằng chúng tôi

không thể không trung thành với những

tuyên bố về chính sách trong “Những

nhiệm vụ trước mắt” được.

Quan điểm chính trị đang được

vạch ra và chúng tôi phải tiếp

tục theo đuổi nó. Tôi bảo đảm

với ông ta rằng chúng tôi sẽ tiếp tục kiên định với chương

trình của mình.

Ngày đầu phiếu, thứ bảy 30/5/1959, thì yên tĩnh

và trật tự trái hẳn với kỳ

bầu cử tháng 4/1955. Theo những điều

luật mới mà tôi đã thuyết

phục Lim Yew Hock thông qua, đi bầu là

bắt buộc, việc dùng xe hơi chở cử tri tới

địa điểm đầu phiếu là

phi pháp, không có trò vận động hay cho

thành viên của đảng đeo biểu

tượng đảng xuất hiện gần các

địa điểm đầu phiếu, nên

đã không có những trò gây ảnh hưởng,

áp lực, mua chuộc hay đút lót nữa. Cuộc đầu phiếu chấm dứt

lúc 8 giờ tối; việc kiểm phiếu

bắt đầu tại bảy trung tâm từ

9 giờ tối và kết thúc lúc

2 giờ 45 sáng.

Chúng tôi chiếm được 43 trong số 51 ghế tranh cử,
với 53,4% tổng số phiếu của 90% cử

tri tham gia bầu cử. SPA giành được

4 ghế, UMNO 3 ghế và một ghế cho ứng

viên độc lập (A.P. Rajah).

Lim Yew Hock thắng cử tại Cairnhill (đánh

bại Marshall) và Hamid Jumat thắng tại Geylang Serai. Tôi

phát biểu trong một cuộc họp báo

rằng: “Phán quyết của dân chúng

rất rõ ràng và dứt khoát. Đó

là chiến thắng của cái đúng

đối với cái sai, trong sạch đối

với thói nát và chân chính đối

với tà ác.” Ứng viên có

số phiếu cao nhất là Ong Eng Guan, cựu

thị trưởng. Cử tri ở đơn vị

Hong Lim của ông ta trong khu phố Tàu đã

tán đồng những biện pháp thái quá của ông ta và sự ủng hộ này chỉ

làm tăng thêm lòng tự phụ ở

ông ta mà thôi.

19 CẦM QUYỀN

Đó là một thắng lợi, nhưng tôi chẳng mấy hân
hoan. Tôi bắt đầu nhận ra sức nặng
của những vấn đề chúng tôi
phải đương đầu – thất nghiệp,
lòng mong mỏi có được những
kết quả nhanh chóng lại quá lớn,
sự khuấy đảo của những người
cộng sản, thêm nhiều âm mưu lật
đổ từ phía các nghiệp đoàn,
trường học và các tổ chức,
đình công tăng, đầu tư giảm,
thất nghiệp nhiều hơn và rối loạn
cũng càng lắm. Lim Chin Siong và Fong Swee

Suan trong ít lâu nữa sẽ hoạt động

trở lại trong khối người Hoa để

phá hoại ngầm chúng tôi. Khi

Lennox-Boyd gửi điện chúc mừng,

tôi đã trả lời rằng:

“Ít người hiểu rõ những nguy nan của chuyến hành
trình mà Singapore giờ đây đang

bước vào. Trong năm năm nữa chúng

tôi thành công được đến

đâu là tùy thuộc vào việc

chúng tôi đã hoạch định chu

đáo và làm việc cật lực

đến độ nào, vào việc chính

phủ Anh hiểu biết đến đâu về

những chuyện đang diễn ra và lý

do tại sao, và tùy vào đủ thứ
các vị thần linh có mặt trên
cái hòn đảo nhỏ nhoi 220 dặm
vuông này. Yếu tố đầu chúng
tôi dám khẳng định, còn yếu
tố thứ hai thuộc về các ông, và
yếu tố thứ ba tùy thuộc vào
những lời cầu khẩn của nhân dân
Singapore khẩn nguyện các vị đó
ban phước lành cho chúng tôi.”

Còn một yếu tố thứ tư nữa – đó là
thái độ của các láng giềng
phương Bắc của chúng tôi. Người
đầu tiên ca tụng tôi một cách
công khai là thủ tướng Malaya. “Nhân
dân Singapore đã có sự chọn lựa thật rõ ràng. Tôi xin chúc

mừng PAP đã giành được đa

số như vậy,” ông ta phát biểu

với báo chí. Nhưng đó không phải là lời của Tunku mà của Dato Abdul Razak bin

Hussain (sau này cũng được phong tước Tun), đương

quyền tạm thời trong lúc Tunku vắng mặt. Ông ta chẳng mấy

léo trong giao thiệp:

“Chiến thắng của họ cũng tất nhiên thôi. Các

đảng khác thì chia rẽ và không

thể hình thành nổi một phe đối

lập đủ mạnh để địch lại

PAP. Tôi rất vui là ông bạn của

tôi, Tun Lim Yew Hock đã giành được

thắng lợi. Ít ra ông ta cũng sẽ

là một đối trọng mạnh đối

với chính quyền. Mặt khác, nếu

phe đối lập muốn được hữu

hiệu thì họ phải đoàn kết

lại, cả với bên ngoài hội đồng,

bằng không tình trạng cũng vẫn sẽ

chẳng có gì thay đổi.”

Tôi nhận được nhiều thư chúc mừng cá nhân của

những người có cảm tình với

tôi, kể cả của thủ lĩnh chống

thực dân rất nổi tiếng của Hiệp

hội Fabian, cô Hilda Selwyn–Clarke. Cô đã

nói với sỹ quan Sở đặc vụ

Singapore Richard Corridon rằng tôi là một

nhà xã hội chủ nghĩa tốt, chứ

không phải là một người cộng

sản. James Callaghan, nghị viên đảng Lao

động và về sau làm thủ tướng

nước Anh, từng thăm Singapore vào đầu

những năm 1950, biết rất rành về

miền này, đã có lời nhắc

nhở trong thư chúc mừng của ông:

“Từ những giao tiếp của bản thân

tôi với đất nước này, tôi

biết chính phủ Liên bang sẽ bị

chạm tự ái đến độ nào

và ông sẽ phải làm rạch ròi

công việc của ông để trấn an

họ. Phản ứng của báo chí ở

đây thật mỗi người mỗi ý.

Đang có những nỗi lo sợ nơi những

người không hiểu tình hình.”

Chúng tôi đã suy nghĩ khá kỹ trước kỳ tuyển cử và kết luận rằng Lim Chin Siong

cùng nhóm của ông ta phải được
trả tự do trước khi chúng tôi nắm
quyền, bằng không chúng tôi sẽ
bị mất tín nhiệm hoàn toàn.

Thế nhưng, sau khi tranh cử và thắng cử
bằng chính sức mình, chúng tôi quyết tâm khởi
đầu chính quyền mới bằng cách
tổ chức một cuộc mít–tinh mừng
thắng lợi trước khi họ được
thả và cuộc tranh đấu lại tái
tục.

Chúng tôi quyết định tổ chức cuộc mít–tinh
đó vào ngày thứ tư, 3/6. Tôi
đã yêu cầu viên thống đốc
trả tự do cho tám chính trị phạm
một ngày sau cuộc mít–tinh và

trước khi chúng tôi tuyên thệ

nhậm chức. Goode muốn chúng tôi nhậm

chức ngay tức thời nhưng quan tâm của

tôi là phải có thời gian để

sắp xếp mọi chuyện, khiến người Anh đồng ý việc

phóng thích, hình thành nội các, và tổ chức mít-tinh trước

đã. Goode phản đối với lý

do ông ta phải liên hệ với London về

chuyện thả người, điều đó

có nghĩa rằng với kế hoạch của

tôi thì sẽ có một khoảng trống

không có chính quyền khi Lim Yew Hock phải từ chức

lúc bị thất cử. Ông ta không vui

vì chuyện trễ nãi này, nhưng

tôi vẫn giữ ý mình.

Tôi yêu cầu ông ta cho tôi có

thời gian để đặt những người

quốc gia vào một vị thế vững

mạnh hơn trước khi cuộc tranh đấu

kế tiếp bắt đầu. Tôi không nghĩ trước

mắt sẽ có chuyện khủng hoảng

nào. Hôm sau, ông nói với tôi

London đồng ý trả tự do cho các chính trị phạm, nhưng khi ông
lặp

lại rằng ông muốn tôi phải nhậm

chức càng sớm càng tốt, tôi đã

nói rằng cần phải tham khảo ý

kiến của các đồng sự đã.

Tôi họp với ủy ban chấp hành trung ương tại

trụ sở đảng vào buổi chiều

suốt một tiếng đồng hồ, rồi

trở lại Dinh Chính phủ lúc 4 giờ

chiều. George Thomson, giám đốc Sở

Thông tin, sau đó đã đưa ra

một bản tuyên bố cho các phóng

viên đang chờ trước cổng.

Bản tuyên bố nói rằng sau hai cuộc họp kéo dài hai tiếng đồng hồ và "sau

khi tham khảo với chính phủ Anh, cũng

như đề tạo buổi đầu êm

đẹp và mau chóng cho hiến pháp

mới, thông đốc, với sự tư vấn

của các thành viên mặc nhiên

của hội đồng, đã quyết định

thả các tù nhân có liên can."

Cùng lúc đó, Goode nói với tôi

ông không thể cứ ngồi đó mà

chờ; ông sẽ cho đăng trên công báo và cho hiến pháp có

hiệu lực kể từ ngày 3/6. Một lần nữa tôi phản đối và nói

rằng chúng tôi chỉ có thể tuyên

thệ nhậm chức được vào ngày

5/6, sau khi Lim Chin Siong, Fong cùng sáu người thân cộng khác
nữa không những

đã được thả ra mà còn

chính thức đưa ra lời tuyên bố

công khai ủng hộ các mục tiêu

không cộng sản của PAP. Tôi muốn

rằng lời tán thành đó phải

được đăng trên các báo;

do đó, chúng tôi nhậm chức chỉ

vào trưa ngày 5/6 để hai tin đó

không tranh nhau trên trang nhất các báo.

Goode không đồng ý, nhưng tôi nhất

quyết như vậy rồi.

Cuộc mít-tinh của chúng tôi diễn ra trước Tòa

Thị chính Thành phố vào đêm
ngày 3/6 mà không có mặt của
những người thân cộng. Chúng tôi
có 43 nghị viên đứng trên bục
diễn đàn, tất cả đều mặc
đồ trắng để tượng trưng
cho một chính phủ trong sạch – sẽ
không còn bất kỳ chuyện tham nhũng
nào như đã từng xảy ra tại
Singapore trước đây và đã
tồn tại ở nhiều quốc gia mới
thành lập. Tôi giới thiệu nội
các mới gồm chín người tính
cả tôi. Tôi đã đọc một
bài diễn văn nghiêm trọng và gần

như bị quan. Đã có rất đông
người đến dự, khoảng 50.000 người
ở Padang – trong trật tự, hy vọng và
trong tâm trạng vui vẻ. Tôi chọn dịp
này để làm cho họ đừng quá
mong ước, và để chuẩn bị
phòng vệ trước những tấn công
mà tôi biết sẽ có của những
người cộng sản. Họ muốn đòi
tự do nhiều hơn nhằm gây lật đổ
tại Singapore và dùng sức mạnh trên
hòn đảo này để hỗ trợ
cho cuộc cách mạng tại Malaya.

Tôi phác họa lập trường của chính quyền:
Chúng ta đang bắt đầu một chương mới. Quyền

lực của dân chúng thông qua chính

phủ dân cử của họ bị khuôn

hạn trong những vấn đề đối

nội. Đó chưa phải thực sự

những gì chúng ta muốn nhưng đó

là một bước để tiến tới

sáp nhập và *merdeka*. Những điều lành không từ trên

trời rớt xuống. Chúng chỉ có

thể có được bằng cách làm

việc cật lực và bền lâu. Chính

phủ không thể tạo được kết

quả trừ phi dân chúng ủng hộ và

duy trì nỗ lực của chính phủ.

Có thể có những lúc mà vì

lợi ích của toàn thể cộng đồng,

chúng tôi có thể có những biện

pháp mắt lòng đối với một
bộ phận nào đó của cộng
đồng. Khi ấy, xin nhớ rằng nguyên
tắc chỉ đạo cho các hành động
của chúng tôi là: lợi ích tối
thượng của cả cộng đồng phải
là trên hết.”

Đối với cộng đồng người Anh, tôi đã
có lời lưu ý như thế này:

“Các bạn biết không, chúng tôi muốn sử
dụng khu Padang này làm nơi mít-tinh
tranh cử vào buổi tối, nhưng có
một nhóm nhỏ người Âu được
chính phủ thực dân trước đây
cho quyền sử dụng khu này đã từ
chối, không cho phép làm như vậy,

mặc dù họ chỉ sử dụng sân
này vào ban ngày cho một số người
để chơi thể thao! Ấy, thời thế
đã đổi thay, và sẽ tiếp tục
đổi thay.”

Trong một diễn văn quan trọng nhằm vào những người
có Anh học, Keng Swee nói rằng họ phần lớn
chịu sự nhào nặn của báo chí
tiếng Anh và của nhà thờ, nhất
là của Giáo hội Công giáo. Là
một tầng lớp xã hội, họ đã
bỏ phiếu chống lại PAP, nhưng họ
là thiểu số, và ông lưu ý
họ rằng trong tương lai, họ sẽ bị
mất đi các đặc quyền đã
được hưởng dưới thời

người Anh, và sẽ phải cạnh tranh
bình đẳng với mọi người khác
trên đất nước Singapore. Để
tồn tại, họ phải nỗ lực để
hiểu được rằng những thay đổi
đang diễn ra là thể theo nguyện vọng
của các lực lượng xã hội
to lớn nằm chìm dưới bề mặt,
chứ chẳng phải thể theo những mưu
toan của các chính khách.

Các tờ *Straits Times* và *Singapore Standard* chưa bao giờ đăng
tải những phân tích của chúng

tôi về nguyên nhân của những xáo trộn chính trị, và hậu quả
là chúng tôi chẳng bao giờ có
thể làm cho những người Anh học
hiểu được rằng những bất mãn

sâu xa về xã hội, kinh tế, chính
trị đang khiến những người Hán học ủng hộ cộng sản và đang
giúp họ lật đổ trật tự hiện
có. Giờ đây chúng tôi đã
nắm chính quyền, họ phải lắng
nghe, và báo chí tiếng Anh phải đăng
những gì chúng tôi nói. Do vậy,
chúng tôi khởi sự làm cho họ
phải hiểu những gì chúng tôi
nói, một tiến trình bắt đầu
bằng diễn văn tối hôm đó của
Keng Swee.



Ngày hôm trước của cuộc mít-tinh, Dennis đã đi
Changi để báo cho những người bị giam rằng họ sẽ

được trả tự do vào ngày thứ

ba, và vào lúc 8 giờ sáng ngày

4/6, Lim Chin Siong, Fong, Nair, Woodhull, Puthucheary cùng ba người khác nữa

bước ra khỏi Nhà tù Changi, trước sự chào

đón của 2.000 thành viên PAP cùng

những người ủng hộ nghiệp đoàn

đang đứng bên ngoài, vẫy các

biểu ngữ. Họ được đưa tới

trụ sở của đảng, nơi họ sẽ

gặp gỡ với ủy ban chấp hành mới. Vào lúc

11 giờ, họ gặp gỡ giới báo chí, Nair làm phát ngôn viên, và đưa

ra bản tuyên bố mà họ đã

ký.

Ngày hôm sau, báo chí đã đăng tải tuyên

bố của họ:

“Để đạt được sự nhất quán hoàn toàn

với lý tưởng một nước Malaya
thống nhất, và để đấu tranh
bằng những phương thức hòa bình,
dân chủ và hợp hiến cho những
mục tiêu lâu dài vì một Malaya
xã hội chủ nghĩa, phi cộng sản,
dân chủ, độc lập và thống
nhất... Thật là sai lầm khi xem việc
tách Singapore khỏi Liên bang Malaya chỉ là
một thủ đoạn của riêng người
Anh. Người Anh dĩ nhiên không thể
tránh né phần trách nhiệm trong
chuyện chia tách tai hại này... Tuy
nhiên, sự thật vẫn là việc loại
Singapore ra ngoài cũng chính là một

sự phản ánh nỗi lo sợ của khối
đa số người Malay trong Liên bang rằng
người Hoa đa số tại Singapore không
thể hết lòng vì Malaya, và không
thể đồng hóa với tinh thần dân
tộc Malaya được... Công việc
của chúng ta, những người ở
Singapore, là phải chứng tỏ rằng những
sợ hãi và nghi ngờ như vậy của
những anh em trong nội địa là vô
căn cứ.”

Khi được hỏi tại sao họ ủng hộ việc sử dụng
Pháp lệnh PPSO, Nair trả lời: “Lập
trường của chúng tôi cũng giống
như của PAP,” tức là sẽ tuân
theo các luật thành văn chừng nào

Liên bang Malaya vẫn còn có những

luật dự trù cho việc giam cầm không

cần xét xử. Đúng như tôi đã

trông đợi ở Nair, các bài báo

đều rõ ràng và không lập

lờ nước đôi. Nhưng tôi biết

Lim Chin Siong không mấy thành thực. Đối

với ông ta, đây chẳng qua chỉ là

một bước chiến thuật. Tôi hy vọng

Fong, người mà Nair đã bỏ ra

nhiều giờ để thuyết phục, sẽ

không ngã trở lại phía Lim nữa.

Nhưng tôi không dám chắc lắm. Tôi

cố gắng vô hiệu hóa họ bằng

cách giao cho họ những chức vụ cao

nhưng không có thực quyền –

Puthuchearry làm giám đốc của một

Ủy ban Khuếch trương Công nghiệp

mới, và bốn người khác làm

bí thư chính trị cho bốn Bộ

trưởng.

Những phát triển này được người Anh theo
dõi rất sát, bởi họ nóng lòng

muốn xem các bộ trưởng mới của

PAP sẽ cầm quyền ra sao. Bill Goode đã

gửi cho Lennox-Boyd một báo cáo đề

ngày 12/6/1959 như sau về cuộc tuyển cử, một

báo cáo 40 năm sau đọc lại vẫn

còn thấy thú vị:

“...PAP đã tập trung vào việc tự giới thiệu
mình như một đảng xã hội chủ nghĩa dân chủ, có

những tư tưởng mang tính xây dựng, có sự trung thực, năng lực và khả năng cảm quyên. Cương lĩnh của họ nhấn mạnh vào nhu cầu phải

đấu tranh vì độc lập thông

qua hợp nhất với Liên bang Malaya, và

nhu cầu phải có sự hòa hợp giữa

các cộng đồng chủng tộc tại

Singapore. Họ ủng hộ việc coi tiếng

Malay là ngôn ngữ chung để phá

bỏ hàng rào chủng tộc và đã

đưa ra tới chín (sic) ứng cử viên

người Malay. Một đặc điểm nổi

bật trong chương trình của họ là

nhấn mạnh đến việc nhất thiết

phải tổ chức lại guồng máy chính

quyền và các cơ quan công quyền

khác, nhất là phải bỏ Hội đồng

Thành phố, để tiệt trừ nạn

“quan liêu, cửa quyền và làm

việc giẫm chân nhau”. Trong các bài

phát biểu của đảng, các ứng

cử viên đã triển khai các chủ đề

này (sic) tùy theo đối tượng

nghe. Khi làm như vậy, họ thường có đề

cập thiếu tính chất xây dựng tới

các khuyết điểm được cho là

có ở những đảng khác, tới

sự thù địch được cho là

có ở các tờ báo tiếng Anh, ở

khối dân Anh học, và ở các

doanh nhân “da trắng”. Sự miệt

thị các cường quốc phương tây cũng như chuyện chỉ trích
chính phủ Anh hầu như
không có tại bất kỳ khu vực nào...”

“Sự chia rẽ
trong số cử tri ôn hòa tất nhiên
sẽ làm cho phe đối lập mất đi nhiều ghế. Tại 13 đơn
vị bầu cử, một ứng cử viên
PAP đã tái cử với một số phiếu không
lớn... Sau kỳ bầu cử PAP công khai thừa nhận họ không thành
công
trong việc giành được phiếu bầu
của người Malay hay khối dân nói
tiếng Anh. Người Malay nói chung sợ PAP
là những phần tử cực đoan người
Hoa, họ cũng không bị thuyết phục
bởi việc PAP mạnh dạn đưa tiếng

Malay thành quốc ngữ cũng như việc

PAP đã đưa ra chín (sic) ứng cử viên người Malay. Trong các

cuộc mít–tinh vận động bầu cử, các nhà lãnh đạo

hàng đầu của PAP đã có mọi

nỗ lực để chinh phục các công

nhân áo trắng²⁴ nói tiếng Anh của thành phố này. Tuy nhiên, số
còn lại

và các vùng ngoại ô thì bỏ

phiếu cho ứng cử viên SPA, hoặc PAP thắng cử

là do số phiếu của cử tri ôn hòa

bị chia sẻ giữa SPA và Xã hội

Tự do hay ứng cử viên độc lập...”

“Phần lớn các nghị viên PAP đều còn trẻ,

nhiều người còn trong độ tuổi 20. Tuổi bình quân của

Nghị viện là 35, và thành viên

trẻ nhất là một đảng viên

PAP, làm nhân viên cửa hiệu, mới 22 tuổi. Ba Bộ trưởng trước đây,

J.M. Jumabhoy, Francis Thomas và M.P.D. Nair đều đại bại trước các ứng cử

viên PAP mới ở độ tuổi 20 này. Thất bại

của Jumabhoy là khó chịu nhất khi đối thủ thắng ông ta là một cô gái mới 25 tuổi, trợ lý bí

thư phân bộ phụ nữ của PAP...”

“Do đó Hội đồng lập pháp mới sẽ dưới sự chi phối của đa số PAP. Sau đây là những nghề nghiệp của họ.”

(Thế rồi Goode đã liệt kê một danh sách, gồm có 5 giáo viên, 4 ký giả, 8 cán bộ nghiệp đoàn, 2 thợ làm tóc và 1 nông dân, bên cạnh những ngành nghề khác.) “Một

thay đổi khác nữa rất có ý
nghĩa là ba Bộ trưởng đầu
tiên thiết lập văn phòng của họ
tại Tòa Thị chính.”

Thật ra chúng tôi muốn cắt bỏ quá khứ bằng
cách chuyển chỗ của chính phủ
từ Empress Place sang Tòa Thị chính. Đây
chính là nơi Ong Eng Guan khởi nghiệp
với vai trò thị trưởng giữa những
rối ren và bất an – nhưng đã
tạo cho những người dân thấp cổ
bé miệng của Singapore niềm hy vọng
rằng chính phủ PAP sẽ quan tâm tới
các lợi ích của họ và sẽ
thực lòng chăm lo những quyền lợi
ấy.

Tôi và các đồng nghiệp của tôi đã tuyên
thệ nhậm chức vào chiều ngày
thứ Sáu, 5/6/1959, tại đại sảnh
của Tòa Thị chính, nơi Mountbatten đã
đầu hàng trước các chỉ huy
quân sự Nhật Bản ở Đông Nam
Á năm 1945 – và cũng là nơi,
đúng 12 năm sau, thị trưởng Ong đã
vứt bỏ biểu tượng quyền hành
của thực dân Anh, cây kim trượng.
Tôi quyết định chồng lên hình
ảnh đó bằng dấu ấn của
chính quyền mới. Vào thời đó,
thủ tục đòi hỏi các Bộ trưởng phải có mặt tại
Dinh Chính phủ, trước sự đón
nhận tuyên thệ của thống đốc

trong lễ phục màu trắng với mũ
gắn lông trắng. Lần này, viên
thống đốc sẽ đi từ Dinh Chính
phủ tới Tòa Thị chính. Ông không
phải mặc cái gì có tính cách
nghĩ lễ
hơn một bộ đồ nâu nhạt và
thắt cà vạt. Chúng tôi mặc áo
sơ mi trắng không cài khuy cổ và
quần dài trắng. Tôi đón ông
ta từ dưới các bậc tam cấp và
đi với ông vào đại sảnh được
bày biện đơn sơ, chỉ có một
cái bàn và mấy cái ghế –
chẳng có thời giờ đâu mà

bày biện đủ thứ. Ngoài giới
báo chí, có 200 ủng hộ viên đã
làm việc chí tình trong kỳ tuyển
cử, cũng ăn mặc màu trắng. Nhưng
không có mặt các bà vợ, một
điều mà Choo cứ ca cẩm với tôi
cho tới nay. Cô ấy cũng đã hoạt
động rất hết lòng và những
mong sẽ được có mặt vào giờ
phút đó. Tôi nói chuyện đó
sẽ dẫn đến rắc rối với phu
nhân của những người khác, và
dẫu sao đó cũng chỉ là một
nghĩ thức nhỏ thôi. Cô ấy vẫn
không nguôi giận. Nhưng tôi cũng

không thể nhượng bộ.

Sau khi đón nhận lời tuyên thệ của chúng tôi,

Goode, với tư cách thứ nhất là

Yang di-Peruan Negara (quốc trưởng) và

kế nữa là thống đốc của

Singapore, đã có lời chúc mừng

chúng tôi. Tôi đã đáp tạ

rằng: “Thật may mắn cho chúng tôi

là trong vài ngày mới đây chúng

tôi đã có dịp làm việc

với một số người thấu hiểu

cho các hy vọng và ước nguyện

của nhân dân chúng tôi và những

giới hạn trong tình hình của chúng tôi...

Tôi hy vọng trong sáu tháng tới trong nhiệm kỳ của ông, ông

sẽ trợ giúp chúng tôi thi hành

nhiệm vụ lãnh đạo đất nước

Singapore thật hiệu quả, trôi chảy và êm đẹp.”

Sau lễ tuyên thệ, chúng tôi ai nấy đều nhiệt
tình bắt tay vào cuộc, chú tâm
với công việc của mình và cố
gắng tạo uy tín cho chúng tôi càng
nhiều càng tốt trước khi niềm
phấn khích bị nguội đi. Bằng kinh
nghiệm của mình, tôi biết rằng
lòng nhiệt thành không thôi vẫn
không đủ.

Muốn cho các Bộ trưởng công hiến
tốt nhất, họ phải có những văn
phòng được điều hòa không
khí. Điều này nghe ra có vẻ kỳ
cục, nhưng nếu không có văn phòng

có điều hòa không khí, sẽ

khó có thể đạt được

hiệu quả trong công việc tại đất

nước Singapore nhiệt đới này. Sau

năm đầu của tôi ở Laycock &

Ong, tôi được đưa vào làm

việc tại văn phòng chính. Nóng,

ẩm ướt và ồn ào không chịu

nổi, nhất là vào buổi chiều.

Tôi cứ phờ cả người đi, các

thư ký chỉ làm còn bằng phân

nửa năng suất bình thường, nhân viên đánh máy

cứ đánh sai tới sai lui còn các

luật sư

lại sai thêm khi sửa lỗi chính tả

các văn bản ấy cũng như khi đọc

cho họ đánh máy. Ở tòa đại

hình, sự việc còn tệ hại hơn

nữa, bởi chúng tôi phải mặc áo

thụng cổ cao, rồi gi-lê nữa – một

kiểu quần áo vốn được thiết

kế cho mùa đông London giá buốt.

Bước ngoặt trong đời tôi về

mặt tiện nghi và hiệu quả là

vào năm 1954, lúc Choo và tôi cho gắn

một máy lạnh một ngựa trong phòng ngủ. Từ đó về sau, chúng tôi chưa bao giờ bị

mất ngủ

vì cái nóng oi người. Do vậy,

tôi khuyến khích việc gắn máy

lạnh cho tất cả các văn phòng

của cơ quan nhà nước.

Tôi chiếm văn phòng thị trường trên lầu hai,
dùng chung với Chin Chye, phó Thủ tướng,
một văn phòng chung, một phòng tiếp
tân và một phòng họp; để
tiện việc liên lạc, thư ký của
tôi sẽ ở phòng giữa các phòng
của hai chúng tôi. Nhưng Ong Eng Guan không
làm việc chung ở Tòa Thị chính
với chúng tôi; ông chọn một căn
nhà do nhà nước quản lý nằm
trong đơn vị bầu cử Hong Lim của
ông và lấy đó làm văn
phòng của Bộ Phát triển Quốc
gia. Tôi không xét kỹ lý do tại
sao nên đã đồng ý việc đó.
Tôi đã không biết rằng tòa

nhà đó hoàn toàn không thích
hợp để làm một cơ quan chính
phủ; nó cần phải được tu sửa
toàn diện; phải đập bỏ tường,
phải đi lại đường ống nước
và đường dây điện, rồi
bàn ghế, tủ đựng hồ sơ và
tủ sắt đều phải được
khiêng lên qua những cầu thang nhỏ hẹp.

Nhưng đối với Ông thì những chuyện này là không đáng kể,
là những tiểu tiết hành chính bị ông phớt lờ khi mưu cầu một
trung tâm quyền lực riêng cho mình.

Ông ta không muốn chia sẻ vinh quang trong

Tòa Thị chính cùng với tôi và

Chin Chye. Chỉ mấy tháng sau, tôi nhận

ra là chứng hoang tưởng tự đại

của ông ta vẫn còn nguyên đó.

Ông ta muốn trội hơn những người

khác trong nội các, muốn cho mình

trước mắt công chúng cũng còn nguyên vẻ hào quang như thời
làm

thị trưởng. Chính vì vậy, ông

ta công bố những kế hoạch chi tiêu

rất lớn mà không thông qua trước

với Bộ trưởng tài chính hay nội các gì cả, và

gây nhiều sựng sốt cho các Bộ

trưởng khác.

Keng Swee thì đảm nhiệm Bộ tài chính và đã
đến Tòa nhà Fullerton.

Ông đã quen thuộc với công việc

dân chính, nên đã nhanh chóng

bắt tay vào việc. Tài chính là

bộ quan trọng nhất của chúng tôi, và tôi cho phép ông

ta được tuyển chọn người theo

ý ông.

Về thư ký thường trực, ông

chọn Hon Sui Sen, bạn thân của tôi hồi

thời Nhật chiếm đóng, lúc đó

đang làm thanh tra điền địa. Ông

là một người rất đáng tin

cậy.

Thật may là chúng tôi đã có thể quy tụ

được những con người như Sui

Sen. Chúng tôi có quá nhiều việc

phải làm, lại có quá ít thời

gian và các nguồn lực lại nhỏ

bé. Có quá ít thời gian bởi tôi mong mỏi nhiều lắm là có được một

nằm cơm lành

canh ngọt, trước khi phe cộng sản tổ chức lại
và gây rắc rối cho chúng tôi.

Còn các nguồn lực nhỏ bé vì
ngân sách rất eo hẹp.



Trong có mấy ngày, Keng Swee đã báo cáo rằng
chính quyền cũ lạm chi vào quỹ dự trữ và đã
dùng hết 200 triệu. Ông dự kiến
năm ngân sách 1959 sẽ bị thâm
thủng khoảng 14 triệu. Có thể có những khoản tiết kiệm nhỏ,
nhưng
cũng không thể hơn 5 triệu. Do đó
các Bộ trưởng được lưu ý
tuyệt đối đừng mơ tới chuyện tài trợ cho các dự án phát
triển ngoài những dự án đã

được duyệt, và thậm chí cả

những dự án đó cũng sẽ bị

cắt xén thẳng tay. Những bước cần thiết nhằm cân

đối ngân sách tất sẽ không

được lòng công chúng lẫn

các Bộ trưởng, nhưng điều đó

buộc phải vậy nếu như chúng tôi

không muốn kết thúc năm đầu

của chính phủ trong nợ nần.

Tôi đồng ý và nói với ông ta rằng tốt nhất

nên tiến hành các biện pháp đó

ngay từ đầu nhiệm kỳ. Vào ngày

12/6, báo chí đăng tải rằng Bộ

Tài chính đã ra lệnh sẽ không

có những khoản chi ngoài kế hoạch

nếu như không có sự đồng ý

của Bộ trưởng tài chính. Như vậy, trong số những khoản

bị ảnh hưởng sẽ là những

đóng góp từ thiện của chính phủ,

tiền ứng cho công chức để

họ mua xe và các khoản học bổng

dành cho học sinh, học bổng nghiên cứu

và đài thọ du học. Nhưng điều

đó cũng chẳng đạt hiệu quả

gì nhiều. Keng Swee đề nghị cắt

giảm lương Bộ trưởng của chúng

tôi từ 2.600 đôla xuống còn 2.000

đôla một tháng để làm

gương, và cũng đồng thời cắt

giảm luôn các loại phụ cấp của

công chức. Một lần nữa tôi đồng

ý với ông ta. Chúng tôi đã

tổ chức cuộc họp của Ủy ban về
những vấn đề chung thuộc Liên hội
đồng dân chính, nhưng phía nhân
viên cơ quan lại không đồng tình bởi họ chưa được các nghiệp
đoàn trao quyền quyết định. Chúng tôi đã thảo luận vấn đề
này trong nội các và quyết định
xúc tiến việc này bằng bất cứ
giá nào. Chính phủ đã tuyên bố sẽ cắt giảm trợ cấp
kể từ ngày 1/7, nhưng vẫn tiếp
nhận các ý kiến của các nghiệp
đoàn công nhân viên và các
hiệp hội.

Việc cắt giảm đó rất đáng kể nhưng không gây tai hại, và
cũng chỉ ảnh hưởng

đến 6.000 trong số 14.000 công chức. Tất

cả những nhân viên có mức lương

từ 220 đôla trở lên sẽ bị

mất các khoản phụ cấp, nhưng chỉ

có 10% trong số đó chịu những

khoản cắt giảm trên 250 đôla một tháng, và chỉ

có một ít người là bị

cắt đến mức tối đa là 400 đôla. Khoảng

8.000 nhân viên có mức lương thấp hơn mức nói trên sẽ không bị cắt giảm gì cả. Chúng tôi đã

phải hành động lẹ làng nếu như

chúng tôi muốn xác lập tinh thần

tiết kiệm và kỷ cương tài

chính ngay từ đầu. Đã có

những thất vọng lớn, nhất là từ

các viên chức thâm niên. Những

người Anh học tin rằng chúng tôi

đề ra những giải pháp như vậy

là để trừng phạt họ vì đã

bỏ phiếu chống lại chúng tôi.

Điều đó chẳng phải động

cơ của chúng tôi. Chúng tôi muốn

cho mọi người dân ở Singapore, nhất là khối đa số gồm những người Hán học, hiểu rằng vì lợi ích chung, những người

Anh học sẵn sàng hy sinh, dẫn đầu

là các Bộ trưởng. Tôi nghĩ

họ hy sinh như vậy chẳng phải vô

lý, bởi điều đó sẽ giúp

chúng tôi làm cho mọi người hiểu

rằng trong kỷ nguyên mới này, tất

cả chúng ta sẽ cùng chia sẻ gian nan

và cùng hưởng vui sướng như

nhau.

Còn có một lý do khác nữa trong chuyện cắt giảm.

Kể từ năm 1952, tôi nhân danh các
nghệp đoàn, còn Keng Swee và Kenny
nhân danh giới công chức, đã
thành công trong việc buộc chính phủ
phải trả lương và phụ cấp
cao hơn mà chẳng hề để ý gì
đến tình hình kinh tế. Nếu các
nghệp đoàn cứ tiếp tục theo đà
này, chúng tôi sẽ bị khó khăn. Không có
cách nào hay hơn cách này để
báo hiệu rằng những ngày ấy đã
qua. Mức tiết kiệm hàng năm sẽ là
12 triệu đôla. Keng Swee đã cải
chính con số ước đoán của
giới báo chí là từ 20 đến

25 triệu đôla, và nhắc cho họ nhớ

rằng sáu tháng còn lại của năm

1959 sẽ chỉ tiết kiệm được 6

triệu thôi, giúp giảm mức thâm hụt dự

kiến từ 14 triệu xuống còn 8 triệu.

Mấy ngày sau, Ông tuyên bố đình chỉ tất cả

các vụ bổ nhiệm mới, điều đó có nghĩa rằng sẽ

không tuyển người cho những chức

việc còn trống nếu không có sự chấp thuận

của Bộ trưởng.

Các nghiệp đoàn công chức lập tức ra tay. Họ tổ

chức Hội đồng hành động

chung để đối đầu với chúng

tôi, cũng y như chúng tôi đã

đối đầu với chính phủ

thực dân Anh, và đấu tranh để phục hồi tất cả các

khoản trợ cấp. Nhưng chúng tôi
chẳng phải là chính phủ của thực dân; ít
ra lúc đó chúng tôi cũng đang
có được sự ủng hộ của
khối đa số là những người
nói tiếng Hoa, và hội đồng đã
chẳng thể nào ra tay được gì
cả. Tuy nhiên tôi vẫn thấy bức
tức trước hành động của họ.
Điều đó cho thấy họ chẳng
hiểu gì về những thử thách
nghiêm trọng đang đặt ra cho chúng
tôi, và chẳng biết rằng chúng
tôi còn phải ngăn chặn không để
cho phe quá khích khai thác những bất

mãn của khối người Hoa, vốn là
những người giờ đây có tiếng
nói quyết định qua lá phiếu của
họ. Một số viên chức cao cấp phải
cho những người hầu gái nghỉ việc
– thật quá tệ, nhưng đất
nước đang đứng trước những
khó khăn to lớn và những nỗi
hiềm nghèo, và chúng tôi phải
thuyết phục mọi người rằng chính
phủ này sẽ cai trị vì lợi ích
của tất cả mọi người. Chỉ có
như vậy chúng tôi mới có thể xây dựng được ý thức
công dân Malaya của người Hoa, và
làm cho họ thêm phần gắn bó và trung
thành với đất nước mà họ

đã chọn; và đó là điều

quan trọng hơn hết vì họ phải

thay đổi thái độ của mình trước khi các

nhà lãnh đạo ở Kuala Lumpur đồng ý hợp nhất và cho phép Singapore

được độc lập với tư cách

là một phần của Malaya.

Trong lần phát biểu đầu tiên tại Quốc hội

vào ngày 22/7 với tư cách Thủ

tướng, tôi đã lên tiếng cảnh

báo: “Nếu chính phủ PAP thất

bại, nó sẽ không lui về thành

phe đối lập để chờ ngày nắm

lại chính quyền. Họ sẽ bỏ chạy

để giữ lấy thân. Bởi đảng

sau chúng tôi không còn có lực lượng

nào khác được chuẩn bị để
xây dựng chế độ dân chủ. Xét
cho cùng, nếu chúng tôi thất bại,
thế lực tàn bạo sẽ quay trở
lại.” Tôi đã nói rằng do
vậy chúng tôi cần những công chức hợp tác với
chúng tôi để thực hiện những
điều đã hứa với dân chúng.

“Tại sao chúng tôi lại muốn làm tổn thương
những người phải làm việc với chúng tôi? Dưới
chế độ dân chủ, phải có lực
lượng dân chính làm theo mệnh
lệnh của đảng đã được
dân chúng tín nhiệm... Nếu như
chẳng có tai họa nào lớn hơn
chuyện bị mất các khoản phụ cấp...

các công chức nhà nước có

lẽ nên quỳ xuống mà tạ ơn trời rằng linh hồn của

họ đã được cứu rồi.”

Do di sản quá khứ, những người Anh học đã

đóng một vai trò quan trọng, nên

tôi nói thêm: “Họ có thể

giúp chúng ta thu hẹp khoảng cách

giữa quá khứ thực dân và tương

lai bình đẳng.” Nếu chúng ta

không thể xóa đi sự cách biệt

giữa những người nói tiếng Hoa và tầng lớp ưu tú nói

tiếng Anh, kết quả thật tai hại vô cùng. Bởi nếu những người

Hán học cầm quyền, những người Anh học sẽ thành linh trở nên

những kẻ bị tước đoạt mới

dưới một chính quyền tất sẽ được

điều hành bằng tiếng Hoa.

Thỉnh thoảng tôi vẫn tiếp tục gay gắt với những người Anh học và hối thúc họ thay đổi cho phù hợp với tương lai. Chúng tôi – Keng Swee, Chin Chye, Kenny, Raja và tôi – đều là những người Anh học và là lãnh đạo của họ. Chúng tôi không muốn họ trở thành một lớp người bị tụt hậu; chúng ta phải cùng nhau cưu mang ít nhất một nửa số người nói tiếng Hoa đi theo với mình nếu như họ chưa vứt bỏ chúng tôi.

Nhưng những người Anh học lại quá thờ ơ với chuyện chính trị đến độ họ chẳng hiểu rằng họ đang gặp nguy hiểm. Mặc dù các cắt giảm đã được bãi bỏ vào năm 1961, nhưng những công chức bị ảnh hưởng cũng vẫn còn bất mãn trong cả một

thời gian dài, và nếu như chẳng
có những biến động lớn sau đó
ập lên đầu chúng tôi, có
lẽ họ đã bỏ phiếu nhất trí
chống lại PAP trong kỳ tuyển cử năm
1963. Phải nói rằng chính sự đe
dọa của phái quá khích vào
lúc đó quá rõ rệt đến
độ họ không thể làm gì
khác ngoài việc ủng hộ chúng
tôi.

Vào cuối năm chúng tôi đã có thể cân
đối được ngân sách, và
mức thu không còn bị giảm sút
như Keng Swee đã lo sợ. Nếu phải tuyên bố lại lần nữa, tôi
cũng vẫn sẽ đồng ý với

chuyện cắt giảm, nhưng chỉ còn
chừng một phần ba so với trước
đây. Chừng đó cũng đủ để thuyết phục khối
người nói tiếng Hoa, và mặc dù
các công chức Anh học tất cũng sẽ
còn bất mãn, nhưng họ sẽ không
còn bị sốc nữa. Tuy nhiên, giai đoạn
này đã cho thấy sự thiếu hiểu
biết của họ về chính trị và
nhu cầu phải định hướng lại
cho họ, làm cho họ ý thức hơn về
những nguy hiểm và nỗi khó khăn
trước mắt. Điều đó xác
nhận quyết định mà Keng Swee, Kenny và
tôi đã có trước khi cầm

quyền, là phải lập một trung tâm

chính trị để dạy cho các công

chức cao cấp về mối đe dọa lật

đổ cùng các vấn nạn về

kinh tế và xã hội của xứ sở.

Thế nhưng, để thành công, chúng

tôi phải chiếm được lòng tin

của họ và thuyết phục được

họ rằng đây chẳng phải là

chuyện tởm nỡ.

Chúng tôi chọn George Thomson điều hành trung tâm.
Thomson

đang ở độ tuổi 40. Ông là

một người rất có lòng, hiểu

biết nhiều và là một diễn giả

thành thực với giọng nói nặng

âm sắc của người Scotland. Ông
giảng dạy về lịch sử và dạy
rất hay bởi ông rất tận tâm với
những gì ông giảng dạy. Ông hiểu
chúng tôi muốn gì và chẳng lâu
sau đã đảm nhiệm vai trò của
mình thật hoàn hảo. Ông đã
chọn Gerald de Cruz, một cựu thành viên
của MCP bất đồng với đường
lối của họ. Ông ta đã xoay ra làm
thư ký có lương của Mặt trận Lao động,
làm việc cho Marshall và rồi cho Lim Yew
Hock.

Với tư cách là Bộ trưởng Tài chính kiêm
phụ trách nhân sự, Keng Swee lấy một tòa nhà lớn một
tầng của chính quyền thực dân cũ làm trung tâm nghiên cứu. Tôi

đứng ra khai mạc trung tâm vào ngày

15/8. Tôi tuyên bố mục tiêu của

trung tâm là “không chỉ để

kích thích trí não của các

bạn mà còn để thông tin cho các

bạn về những vấn đề bức xúc

đang đặt ra cho bất kỳ chính phủ

dân cử nào trong hoàn cảnh cách

mạng... Một khi các bạn tiếp cận

được những vấn đề như

vậy, các bạn sẽ có thể giúp đỡ

chúng tôi hơn trong việc tìm ra những

giải pháp, bằng cách làm cho chính phủ trở

nên nhạy cảm hơn và đáp ứng

tốt hơn những nhu cầu và tâm

trạng của công chúng.”

Một số Bộ

trưởng và tôi đã đến
trung tâm để tạo cho trung tâm một
lối tiếp cận thực tiễn, bằng cách
thảo luận về những tình huống
thực tế mà chúng tôi hiện đang
phải đối phó. Thoạt đầu, các
công chức tỏ vẻ nghi ngờ, nhưng
các giảng viên rõ ràng chẳng
phải là những người suy nghĩ một
chiều, và họ nhanh chóng mất đi
nỗi nghi ngờ ban đầu rằng đây
chỉ là một trò nhồi sọ tấy
não. Vì các giảng viên có
cùng một nền tư duy như họ, cho
nên họ chấp nhận rằng chính phủ

quả là thành thực, rằng các vấn nạn là có thực và có
về như nan giải, và rằng chúng
tôi muốn họ cộng tác với chúng
tôi để tìm ra và thực thi các
giải pháp. Trong bốn năm năm kế
đó, Thomas đã thành công trong
việc giúp họ hiểu được các
lý thuyết chính trị, các giải
pháp dân chủ đối với những
mâu thuẫn xã hội và phương
pháp chiến tranh du kích. Họ trở nên
hiểu biết về những gì đang xảy
ra trong một thế giới rộng lớn hơn,
các nguyên nhân của cuộc cách
mạng tại Đông Nam Á, và nhu cầu

cần phải có sự thay đổi triệt

để về quan điểm và đường

lối nhằm đối phó được

với những thách đố mới. Nhưng

về lâu về dài thì mối quan hệ

giữa chúng tôi với họ cũng vẫn

chưa hẳn là thuận thảo.

Một vấn đề

tôi cũng dự liệu trước là

chuyện trở nên quen lòn với quyền

hành Tôi đã chứng kiến những gì xảy ra với Ông Eng Guan tại Hội
đồng thành phố,

chuyện những kẻ thất thế đã

sử dụng quyền lực làm lạc ra sao

một khi họ thắng thế. Tôi cảnh

giác các Bộ trưởng của mình,

các thư ký quốc hội cùng các
nghị viên được phân công để
giúp các Bộ trưởng xử lý
các khiếu nại của dân chúng là
chớ quá say mê quyền lực và
không được lạm dụng nó. Nói thì dễ hơn làm, và
trong nhiều trường hợp, chúng tôi
cũng vẫn cứ xung khắc với các
công chức nhà nước.

Chúng tôi quyết định tận dụng cơ hội và khai
thác sự ủng hộ mạnh mẽ của
dân chúng sau khi thắng cử. Chúng tôi
tổ chức hàng loạt chiến dịch
được tuyên truyền rầm rộ để
làm sạch đường phố, dọn dẹp
các bãi rác, và phát cỏ dại

ở những chỗ đất trồng nhếch
nhác. Đó là một bản sao y khuôn
cách làm của các nước cộng
sản – vận động rầm rộ mọi
người, kể cả các Bộ trưởng,
lao động bằng đôi tay của mình
để phục vụ nhân dân. Chúng
tôi thấy chẳng có lý do gì chi
có riêng MCP mới sử dụng được
những phương pháp và động cơ
ấy để động viên mọi người,
thúc đẩy họ đạt đến
những mức cao hơn về ý thức công
dân, sự sạch đẹp chung và sự
giữ gìn tài sản công. Vào Chủ

nhật nào đó thì Ông Eng Guan tập trung công chức để làm
vệ sinh bãi biển Changi. Vào Chủ nhật
khác thì tôi cầm cây chổi đi
quét đường cùng với các lãnh đạo của cộng
đồng địa phương.

Còn những chuyện khác nữa chúng tôi cũng
muốn làm. Keng Swee và tôi đã
phác họa và thành lập Hiệp hội
Nhân dân, một mặt trận hợp pháp
bao gồm tất cả các tổ chức xã
hội tự nguyện lớn, các câu lạc
bộ và các hội thể thao, âm
nhạc, múa, vẽ và nấu ăn. Chúng
tôi đã xây dựng được
hơn một trăm trung tâm sinh hoạt –
những trung tâm lớn ở thành phố,

những cái nhỏ hơn ở nông thôn

– dùng làm nơi giáo dục và

giải trí. Bóng bàn, bóng rổ,

cầu lông, cờ tướng, học sửa

radio, tủ lạnh, cùng một số lớp

dạy về các nghề kỹ thuật là

một số hoạt động của các

trung tâm ấy. Chúng tôi còn muốn

tạo cho công chúng chuyện gì đó

tích cực để làm, và tập

cho họ đứng về phía pháp luật

và trật tự. Mỗi trung tâm sẽ có

một thư ký tổ chức để quản

lý trung tâm và phục vụ cho nhu cầu

của những người sống quanh vùng.

Để giám sát các trung tâm, Bộ

Phúc lợi Xã hội sẽ được

đổi thành Bộ Phát triển Cộng

đồng.

Chúng tôi đã tổ chức Lữ đoàn Công chính

thu dụng những thanh niên nam nữ thất

nghiệp, khoác cho họ bộ đồng phục

bán quân sự, gom họ về sống

trong các lán trại gỗ và dạy

cho họ canh tác, làm cầu đường, xây

dựng – nói chung là đưa họ

vào kỷ luật và quan trọng nhất là làm cho họ

khỏi nhõn nhơ vô tích sự trên

phố.

Chúng tôi cũng phải tạo kỷ luật cho những người

đã có công ăn việc làm,

bởi chúng tôi rất cần phải thu
hút và kiểm soát được các
ngiệp đoàn để ngăn họ đừng
bị cuốn vào những cuộc đình
công chính trị. Do đó, chúng
tôi đã thiết lập tòa án
trọng tài kinh tế. Trong thập niên
1950, người Úc sở dĩ đã có
những quan hệ chủ thợ tốt đẹp
phần lớn là nhờ có những thủ
tục trọng tài có tính cách
bắt buộc giúp kiểm chế được
các bất mãn. Theo yêu cầu của
chúng tôi, họ đã cử viên
thư ký thường trực của Bộ

Lao động là Harry Bland sang giúp chúng

tôi. Sau khi tòa được thành lập,

Bộ trưởng có thể ra lệnh cho bất

kỳ cuộc đình công lớn nào,

nhất là trong những ngành dịch vụ

quan trọng như giao thông công cộng và

điện nước, cũng phải đưa

ra trọng tài phân xử. Một khi đã

đưa ra trọng tài, việc một nghiệp

đoàn cứ tiếp tục bãi công

chờ kết quả là bất hợp pháp,

và nếu nghiệp đoàn đó cứ

khăng khăng, họ sẽ bị rút giấy

phép hoạt động. Thêm nữa, trước

khi đình công, phải có một cuộc

đầu phiếu kín, chứ không chỉ
là giờ tay biểu quyết sau một bài
diễn văn xách động mà tôi
vẫn thường thấy.

Mặt khác, chúng tôi cũng chia sẻ quan điểm của
những người cộng sản là một
trong những lý do khiến Trung Quốc cùng
những nước châu Á khác, ngoại
trừ Nhật Bản, rơi vào lạc hậu
là do phụ nữ chưa được giải
phóng. Họ phải được đặt
lên ngang hàng với nam giới, được
hưởng sự giáo dục và có
cơ hội đóng góp hết sức cho
xã hội. Trong mùa vận động bầu
cử, chúng tôi đã sử dụng

một trong những buổi phát thanh chính

trị dành cho chúng tôi nói bằng

bốn thứ tiếng – Anh, Malay, Quan thoại

và Tamil – để tuyên truyền cho

chủ trương của chúng tôi về

quyền lợi của phụ nữ. Thế nhưng

chúng tôi lại chẳng tìm đâu

ra một thành viên nữ của PAP ăn

nói lưu loát để đảm trách

chương trình bằng tiếng Anh. Sau khi

Choo đã thử qua giọng của hai bà

vợ của hai ứng cử viên thuộc Văn

phòng Lee & Lee's, cô bước vào

văn phòng của tôi, nơi tôi đang

thảo luận với Keng Swee và Raja, nói

rằng hai người đó nói nhỏ

nhẹ quá, không đủ mạnh mẽ.

Lúc cô đi ra, hai người bạn của

tôi đã đề nghị là nên

giao cho cô. Tôi đã hỏi ý cô,

và sau một phút ngập ngừng, cô

đã đồng ý. Raja viết thảo,

và cô sửa lại cho giống như là

do cô viết. Bài phát biểu đã

được ủy ban chấp hành trung ương

thông qua và được dịch sang các

thứ tiếng khác, và cô đã

đọc nó bằng tiếng Anh trên đài

phát thanh Radio Malaya. Có một đoạn

thật là quan trọng:

"Xã hội của chúng ta vẫn đang được

xây dựng trên giả định rằng

phụ nữ là thấp kém hơn nam giới

về mặt chính trị, xã hội và

kinh tế. Huyền thoại này là chiêu

bài che chắn cho sự bóc lột lao động

phụ nữ. Nhiều phụ nữ cũng làm

công việc y như nam giới nhưng lại

không được trả đồng mức

lương... Chúng tôi đang đưa

ra năm ứng cử viên nữ trong bầu cử

kỳ này... Hãy để chúng ta

cho họ (những đảng khác) thấy

rằng phụ nữ Singapore đã mệt mỏi

trước trò hề và sự lố bịch

của họ. Tôi kêu gọi nữ giới

hãy bỏ phiếu cho PAP. Đây là
đảng duy nhất có lý tưởng
lòng thành thực và khả năng để
thực thi cương lĩnh bầu cử của
mình.”

Đây là một cam kết rất trọng đại, nếu không
tôi đã không đồng ý để
cho vợ tôi phát biểu như vậy trên
đài phát thanh. Tôi muốn thực
hiện nó thật sớm, mặc dù điều
đó có nghĩa là phải hối
thúc nhân viên dự thảo bên các
phòng ban của Bộ Tư pháp. Họ đã
lục tìm các tiền lệ lập pháp
tại những nước khác, soạn thành

Hiển chương Phụ nữ, và được
chúng tôi thông qua thành luật trong
vòng một năm. Hiển chương coi chế
độ một vợ một chồng là điều
kiện hôn nhân duy nhất và coi chế
độ đa thê, vốn là cung cách
phổ biến từ trước tới nay, là
một tội phạm – ngoại trừ đối
với những người Hồi giáo, bởi
tôn giáo của họ vốn cho phép
đàn ông có bốn vợ. Hiển
chương rất bao quát và đã
làm thay đổi địa vị của phụ
nữ trong xã hội. Nhưng nó chưa
thay đổi nổi được định

kiến văn hóa là cha mẹ thích

con trai hơn con gái.

Cộng thêm vào đó còn có nhiều điều đạt

được dễ dàng không cần phải

hoạch định gì cả như hàng

loạt vụ nghiêm cấm “chống văn

hóa vàng” do Pang Boon, Bộ trưởng

Nội vụ, tiến hành. “Văn hóa

vàng” là một cách nói nôm

na trong tiếng Quan thoại để chỉ cung

cách sống suy đồi và bạc nhược

đã khiến cho Trung Quốc phải quỳ

mọp vào thế kỷ 19: cờ bạc, hút

thuốc phiện, sách báo khiêu dâm,

đa thê và vợ bé vợ mọn,

bán con gái vào nhà chứa, tham

những và thói “một người

làm quan cả họ được nhờ”.

Việc bài xích “văn hóa vàng”

vốn do các thầy giáo gốc Trung Quốc

du nhập vào Singapore, họ đã tiêm

vào đầu óc của học sinh cùng

cha mẹ của chúng tinh thần phục hưng

dân tộc, thể hiện rõ ràng qua

mỗi chương sách giáo khoa, cho dù

đó là giáo khoa văn chương,

lịch sử hay địa lý. Điều đó

còn được củng cố thêm qua

các bài báo của báo chí

tiếng Hoa cánh tả vốn đang say mê

trước những báo cáo về một

nước Trung Quốc cách mạng, trong sạch,
trung thực và năng động.

Pang Boon đã ra tay lạ làng với một tinh thần thanh
sạch sốt sắng. Ông đã ra lệnh
triệt sạch các băng nhóm hội kín
người Hoa, và coi chuyện mãi dâm,
những màn trình diễn thoát y, các
câu lạc bộ chơi máy bật bóng,
cả những bài hát đồi trụy
đều là bất hợp pháp. Điều
đó chẳng làm tăng số thất
nghiệp và cũng chẳng làm cho Singapore
trở nên kém hấp dẫn hơn đối
với du khách. Thế nhưng thủy thủ
vốn là một phần của số dân
tạm trú của Singapore, chẳng lâu sau

họ cũng mò tìm được những
chỗ mua vui nằm nấp trong các xó
xỉnh mà chúng tôi đã lờ
đi. Nạn mãi dâm vẫn tiếp diễn
trong bí mật; nhưng chúng tôi đã
gác tạm nó sang một bên bởi
không thể cấm triệt nó mà không
phạm phải những hành vi ngu xuẩn và
kém hiệu quả.

Chương trình có ý nghĩa nhất của chúng tôi
là trong vòng một năm đã giúp
cho mọi trẻ em đều có nơi chốn
học hành. Ông anh vợ của tôi,
Yong Nyuk Lin, giờ là Bộ trưởng Giáo
dục đã khiến chúng tôi lấy
làm hãnh diện: trong vòng 12 tháng,

ông đã khiến cho số học sinh được
đi học tăng lên gấp đôi, bằng
cách chuyển mỗi trường thành hai
ca học. Ông xúc tiến một chương
trình tăng cường đào tạo
giáo viên, và đề bạt nhiều
giáo viên kỳ cựu lên làm hiệu
trưởng. Ông cũng mở ra những lớp
dành cho người lớn để dạy
tiếng Malay vốn giờ đây đã
trở thành quốc ngữ, và phát
động phong trào dạy cho người Hoa
biết đọc biết viết, lấy tiếng
Quan thoại làm thứ tiếng phổ biến
trong số các nhóm phương ngữ Hoa.

Dân chúng muốn cảm thấy họ đang
cải thiện chính mình và tương
lai của mình, và chúng tôi đã
trao cho họ phương tiện. Chúng tôi
vận dụng các phương pháp rất
hữu hiệu vốn là của các đảng
cộng sản. Cũng như trong chuyện vận
động quần chúng, chúng tôi cùng
thấy chẳng có lý do gì mà MCP
mới được quyền sử dụng những
kỹ thuật như vậy.

LƯỢT QUA NHỮNG KHÓ KHĂN TRƯỚC MẮT

Tôi cảm thấy bần khoản khi cầm quyền ở vào độ tuổi 35. Tôi không có kinh nghiệm gì về quản lý – ngay cả việc quản lý văn phòng tư vấn pháp luật tôi cũng đã giao khoán cho Choo và Dennis. Tôi quyết định phải đích thân tìm hiểu cơ cấu chính quyền và phải thông suốt về các Bộ. Tôi muốn nắm được cảm nghĩ của các nhân viên cấp cao, bản chất công việc của họ, quan điểm và cung cách làm việc, để có thể biết được

nên thay đổi đến độ nào
nếu muốn giải quyết các vấn nạn
về chính trị, kinh tế và xã
hội. Tôi cũng muốn đánh giá
tài lực của từng Bộ và sắp
xếp lại những tài lực đó
để tăng cường sức mạnh cho
những Bộ quan trọng nhất.

Trước hết tôi đến Bộ Tài chính, vì
rằng không có nguồn tài chính
thì không thể làm được
chuyện gì hết, thế rồi tôi viếng
Bộ Nội vụ.

Chúng tôi cần có nguồn tình báo tốt về những
phân tử quá khích, cần phải
nhạy cảm và hiệu quả trong việc

đổi đầu với họ, và nếu
có thể được, phải chặn trước
mọi nước cờ của họ. Tôi cũng
muốn biết liệu chúng tôi đang có
được những người đương
chức có năng lực hay không, những
con người có thể giúp chúng tôi
thu được tin tức, phân tích, suy
nghĩ, hoạch định, vốn là những
điều cần thiết cho việc vạch ra
một chiến lược phản công để
cản phá họ. Và ở đường
phố, tôi muốn cảnh sát phải có
kỷ luật, nhưng cũng kiên quyết, dứt
khoát và cứng rắn một khi chúng

tôi quyết định dẹp bỏ một vụ
biểu tình hay một cuộc bạo loạn
vừa mới chớm mầm. Tôi cũng quyết
định rằng họ không được hành động theo kiểu kém cỏi,
vụng về như dưới thời Lim Yew Hock, thời mà họ được huấn
luyện để thực hiện một chức
năng chẳng có gì hay ho và đã để cho những
người cộng sản có cơ hội kéo được khối
dân nói tiếng Hoa.

Tôi đã kinh lý Bộ Nội vụ vào tháng
10, bốn tháng sau khi nhiệm chức, và
đã phát biểu trước các sỹ
quan cao cấp của ngành cảnh sát nhằm
động viên tinh thần của họ. Tôi
nói với họ rằng tôi nghĩ sẽ
có chuyện rối loạn trong khoảng một

năm nữa. Tôi muốn họ phải chuẩn
bị thật tốt để đối phó.

Giám đốc cảnh sát Alan Blades là
một người dong dỏng cao, ít nói,
có chòm râu dê bạc và đeo
kính. Ông là cựu giám đốc
của Sở Đặc vụ, ít khi làm
công việc của một sỹ quan cảnh
phục, nhưng ông hiểu rất rõ mối
nguy từ phía đảng cộng sản, và
có lẽ đã nghĩ rằng tôi quá
gần với họ vì lợi ích riêng
– một quan điểm mà nhiều sỹ
quan cấp cao của ông cũng nghĩ vậy.

Tôi không biết phải mất bao lâu ông ta mới có thể kết

luận được rằng tôi biết
chuyện tôi làm và rằng tôi đã
hết sức nghiêm túc khi nói rằng
chúng ta phải chống lại họ mà
không được để mất lòng
khối dân nói tiếng Hoa.

Từ tổng nha cảnh sát ở Pearl's Hill, tôi đến Phòng
điều tra hình sự, và rồi đến Sở đặc vụ để
gặp viên giám đốc mới là John Linsell. Linsell đã làm việc gần
như cả đời trong vai trò một sỹ
quan cảnh phục, và rành rẽ trong việc kiểm soát bạo loạn nhiều
hơn là thu thập tin tình báo. Ông
không gây cho tôi được ấn
tượng là có đầu óc tinh tế
cần thiết để hiểu được
chiến lược và chiến thuật của

người cộng sản. Do đó, tôi
quyết định sẽ họp với ông
cùng với các nhân viên cao cấp
của ông đều đặn hằng tuần
để tôi có thể nghe trực tiếp
từ các sỹ quan vốn là những
chuyên gia về an ninh mà không phải
qua sự lọc lựa của Linsell. Điều
này quả thực có lợi. Hai sỹ
quan là Richard Corridon và Ahmad Khan sau này
tỏ ra là những nhân viên cực kỳ
xuất sắc; không có những phân
tích thông tin khôn ngoan và am hiểu
của họ và cách xử trí đầy
kinh nghiệm trước những tình huống nhạy cảm, chính phủ

hắn đã phải gặp nhiều điều

tệ hại.

Chuyến kinh lý Sở đặc vụ của tôi thật đáng

giá. Vào một ngày khó có thể nào quên trong tháng 10, tôi được
trình một chồng hồ

sơ với bìa ngoài in hàng chữ

đậm màu đỏ: "Gặp là

Bắt". Số hồ

sơ đó lưu những hình chụp

các nhà lãnh đạo quan trọng của

MCP, mỗi hồ sơ đều có ghi ngắn gọn

các chi tiết cốt yếu liên quan đến

nhân vật đó. Đúng như tôi

nghĩ, trong số đó có hình của

Eu Chooi Yip. Eu là một con người rất

có năng lực, thông thạo hai thứ

tiếng Anh và Hoa, tốt nghiệp đại

học Raffles, một người đồng thời với Hon Sui Sen – ông

này có đến thăm Sui Sen tại nhà

tôi trong thời Nhật tạm chiếm. Lúc ấy ông là một

nhân vật cánh tả thuộc loại cấp tiến, và

về sau tôi cũng được biết ông

là cấp lãnh đạo trong đảng của ông

Đặc mệnh.

Mấy trang sau, tim tôi như muốn ngừng đập mặc dù

tôi nghĩ mặt tôi chẳng có gì

là biến sắc. Tôi nhìn thấy ảnh

của chính ông Đặc mệnh. Tôi

không ngừng lại quá lâu, nhưng

cũng đủ để nắm được

những dữ kiện quan trọng. Ông ta chính

là Fang Chuang Pi, từng học tại trường

Cao trung tiếng Hoa, và đã làm việc

cho tờ *Nan Chiao News*, một tờ báo thân cộng bị đóng

cửa ngay sau khi tuyên bố tình trạng

khẩn cấp. Từ tên của ông ta, tôi

nhận ra ngay ông ta hẳn là anh trai của

Fung Yin Ching Fung (tức là Fang theo tiếng Quan thoại) là một cô gái Hoa 25 tuổi,

năng động, dáng vẻ dịu hiền, thành thực,

chăm chỉ mà chúng tôi đã

đưa ra tranh cử

trong kỳ bầu cử. Cô giờ đây đang là dân biểu nữ

của PAP, đại biểu cho Stamford.

Mới hai tuần sau khi tôi nhậm chức, Yong Pung How đã bất ngờ đến nhà tôi vào sáng sớm trong khi tôi

còn đang vệ sinh. Người hầu ngỡ

anh ta là một học sinh người Hoa nên

bảo anh ta hãy đến văn phòng. Vào

lúc ấy, Choo thấy anh ta chỗ hàng

hiên và đã mời anh ta vào chờ

ở phòng khách. Anh từ chối dùng

điểm tâm mà chỉ ngồi nói

chuyện trong lúc tôi dùng bữa. Anh từ

Kuala Lumpur đến, để hỏi tôi xem

liệu có thể đưa ra lời phát

biểu đồng tình với MCA được

hay không trong vụ bất đồng giữa

họ với UMNO, đồng minh Malay của họ

trong Chính phủ liên hiệp đang cầm quyền. Anh vừa được bầu

làm chủ tịch ủy ban tuyên truyền của MCA vào lúc xảy ra sự
căng

thẳng tại Liên bang vì vấn đề

giáo dục của người Hoa. Người Hoa đang cảm thấy bị

đe dọa, bởi các nhà lãnh đạo

của UMNO có vẻ như đang quyết tâm

thâu tóm hết quyền hành, chỉ

cho phép các cộng đồng không

phải người Malay tham dự trên danh

nghĩa. Vì rằng Yong quen thân với tôi, nên chủ tịch MCA đề

nghị anh ta nên gặp tôi để nhờ

tôi bày tỏ sự ủng hộ cho công

cuộc đấu tranh của họ. Họ nghĩ,

với tư cách Thủ tướng của

Singapore và là người lãnh đạo

của PAP, tôi có chỗ đứng và

ảnh hưởng với người Hoa tại

Malay, trong khi MCA cảm thấy mình yếu ớt

đến thăm hại.

Tôi hết sức bối rối và thấy khó vô cùng

trước việc người bạn cũ muốn

tôi có một lập trường có thể gây xung đột với Tunku và đảng UMNO. Tôi đã nói với anh rằng tuy tôi đồng cảm với MCA thật, nhưng không thể có chuyện tôi gây rối cho Tunku và UMNO theo kiểu nào đó, vì rằng mục tiêu hàng đầu của Singapore là hợp nhất với Malaya. Ba mươi sáu năm sau, Yong vẫn còn nhớ rõ chuyện đó. Anh kể tôi đã nhấn mạnh nhiều lần rằng: "Tôi phải nghĩ đến Singapore trước." Anh chẳng quá thất vọng, bởi anh cũng đã dự liệu phản ứng của tôi. Anh biết tôi

thẳng thắn và cởi mở với anh.

Nhưng lẽ ra tôi phải biết lắng

nghe anh cẩn thận hơn thay vì xem yêu

cầu của anh là sự can dự không

đúng lúc vào các kế hoạch

của tôi. Tôi lẽ ra phải nhìn

được ý nghĩa của những quan

điểm sắc tộc mạnh mẽ như vậy

đối với Singapore nếu Singapore trở

thành một phần của Malaya. Nếu đã

tìm hiểu đến nguồn cội của

vấn đề giáo dục, có lẽ tôi

đã cảnh giác sớm trước

những nhượng bộ lớn mà chúng

tôi sẽ phải thực hiện nếu như

chúng tôi muốn cộng tác với các
nhà lãnh đạo Malay trong Liên bang.

Trong lúc nguy cơ
cộng sản thâm nhập chính quyền
và nền hành chính trở thành
thường trực, thì mối quan tâm
chính của chúng tôi trong thời kỳ
này còn là chuyện những người bất cộng tác – những người Hán
học
của Đại học Nanyang.

Trải qua nhiều năm, ý tưởng về một đại
học tiếng Hoa đã là một ấp
ủ từ khi những thành quả của
Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa làm dấy lên lần nữa lòng kiêu
hãnh về ngôn ngữ và văn hóa
Trung Quốc. Giới trí thức, với sự
hỗ trợ của báo chí Trung Quốc,

đã khuấy lên đòi hỏi phải

có một đại học dạy bằng

tiếng Hoa. Trong thời kỳ thực dân,

người Hoa khinh thị những biên giới giả tạo mà các ông chủ da trắng

đã dựng lên trên khắp vùng

Đông Nam Á, và đã gọi toàn

vùng này là Nanyang, tức Nam Dương

(Biển Nam). Vì Singapore là nơi có

người Hoa chiếm đa số, nó trở

thành trung tâm giáo dục của người

Hoa. Nhưng đến lúc ấy vẫn chưa

có trường đại học tiếng Hoa

nào.

Cuộc thịnh vượng bột phát của thị trường cao su
trong thời Chiến tranh Triều Tiên đầu

thập niên 1950 đã khiến cho các
thương nhân ở đây trở nên
giàu có. Khi Tan Lark Sye, ông vua cao su và
là chủ tịch của Hokkien Huay Kuan ở
Singapore, một hiệp hội của bang hội
người Hoa lớn nhất, vào tháng
1/1953 đề nghị thành lập một
trường đại học tiếng Hoa, lập
tức có sự hưởng ứng rộng
rãi ngay. Vào tháng 5 năm đó,
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nanyang
được đăng ký theo Pháp lệnh
Công ty. Hội Hokkien Huay Kuan đã tặng
500 mẫu đất cao su bạc màu tại
Jurong ở phía Đông của đảo.

Giới công nhân người Hoa, phu kéo
xe, những người bán rong, tài xế
tắc xi và các phu phen đã đóng
góp một ngày lương của họ.

Vào tháng 3/1956, Viện đại học Nanyang chính thức
khai giảng với 584 sinh viên đăng ký
theo học tại ba trường mỹ thuật,
thương mại và khoa học dạy bằng
tiếng Hoa. Điều này có nghĩa là
sẽ nảy sinh thêm những vấn đề
chính trị, vì rằng không có
tiếng Anh thì các sinh viên tốt
nghiệp sẽ không kiếm được
việc làm. Chúng tôi cũng biết
rằng chẳng chóng thì chầy viện
đại học này, từ ban giảng huấn

cho tới sinh viên, sẽ bị những người

cộng sản lôi cuốn, y như các

trường trung học tiếng Hoa vậy.

Vào những tháng cuối của nhiệm kỳ Tổng ủy viên,

Lim Yew Hock đã chỉ định tiến sĩ

S.L. Prescott của đại học Western Australia

làm chủ tịch ban thanh tra. Ban thanh tra đã

đề trình cho chúng tôi một báo

cáo khuyến cáo chính phủ không

nên công nhận bằng cấp của Viện

đại học Nanyang, bởi tiêu chuẩn

của họ rất thấp. Báo cáo này

lập tức gây nên phản ứng dữ

đội từ phía cộng đồng người nói tiếng Hoa, giới

doanh nhân lãnh đạo cộng đồng này xem báo cáo đó là coi

thường năng lực – hoàn toàn

xứng đáng – của họ, bởi họ đang

điều hành và can thiệp vào công

việc giảng huấn chuyên môn, một chuyện

lẽ ra phải dành cho một nghị viện

mới đúng.

Đặc biệt, Tan Lark Sye, chủ tịch hội đồng nhà

trường, rất bức tức đối với chúng tôi. Để

bày tỏ sự thách thức của mình,

ông ta bổ nhiệm tiến sĩ Chuang Chu Lin,

hiệu trưởng thân cộng của trường Trung học Chung Cheng, từng bị
thải hồi,

làm viện phó, và ông còn có hành động khác

nữa tỏ lộ sự coi thường chính

quyền là tăng lượng sinh viên thu

nhận trong năm đó. Tôi biết chuyện này sẽ giúp MCP được tự do
hơn trong việc sử

dụng viện đại học này làm chỗ

đào tạo cán bộ cho họ, nhưng
lúc đó chúng tôi chẳng thể
nào tính chuyện can thiệp mà không
phải trả một cái giá chính trị
rất đắt được. Tôi ghi nhớ
trong đầu rằng sẽ tính chuyện với
Tan sau này thôi.

Đó là bài học đầu tiên cho tôi về sự
khác biệt giữa quyền lực chính
thức theo pháp định và sức mạnh
chính trị cần thiết để thực
thi quyền lực đó. Nyuk Lin đã đệ
trình với nội các một bản dự thảo nhằm tước
bỏ khả năng khuấy đảo chính
quyền của Tan bằng cách cho chính
quyền có cùng thẩm quyền đối

với Nantah (tên viết tắt tiếng Hoa của Viện đại học Nanyang) như là đã có thẩm quyền đối với Viện đại học Malaya ở Singapore. Chúng tôi đã phì cười cả lên trước sự thô sơ của giải pháp ấy.

Nyuk Lin bước vào chính quyền sau 20 năm lăn lộn trong nghề bảo hiểm, và mặc dù ông là một Bộ trưởng đầy năng lực, ông vẫn chưa hiểu hết chuyện ông tính giải quyết đó là nan giải đến cỡ nào. Tôi không bao giờ quên được ngày Chủ nhật 30/3/1958, khi mà trọn con đường dài 14 dặm từ Nantah đến

Bukit Timah Road và vào thành phố đặc nghệt những dòng xe đang

nhích tới từng chút một để

đến dự buổi lễ khai giảng của

viện đại học này. Tôi có

thể cảm nhận được sự gấn

bó tình cảm kinh khiếp của dân

chúng người Hoa đối với dự án này.

Dự luật của Nyuk Lin sẽ gây nên bạo loạn nơi các trường trung học tiếng Hoa.

Do vậy, chúng tôi đã xếp vấn đề lại,

và chỉ mãi đến cuối thập

niên 1960, sau khi đã tách khỏi

Malaysia, chúng tôi mới có đủ

sức mạnh chính trị để áp

đặt kỷ luật của nhà nước

lên việc kế toán tài chính,

việc bổ nhiệm nhân viên và hạnh

kiểm học sinh của viện đại học

này. Để làm giảm căng thẳng

trong giai đoạn cần hòa hoãn và

để tranh thủ thời gian, chúng tôi

đã bổ nhiệm một hội đồng

thứ hai gồm các bậc học giả

trong nước lo việc duyệt xét lại

báo cáo của Prescott, để rồi vào

tháng 2/1960 chúng tôi cũng chỉ nhận được một

kết luận tương tự. Nhưng để

cho lứa tốt nghiệp đầu tiên của viện

roi vào tình trạng tuyệt vọng do không mong gì được nhà nước

thừa nhận và tuyển dụng là khó có thể chấp nhận được

về mặt chính trị. Chúng tôi đã

thảo luận chuyện này thật cẩn

thận trọng nội các và quyết định
chúng tôi phải dành cho một ít
trong số họ có cơ hội được
bước vào lĩnh vực công quyền,
nhưng ở một cấp thấp hơn so với
những người tốt nghiệp Viện đại học
Malaya.

Tháng 10/1959, tôi đã đến Nantah, phát biểu trước
một nghìn sinh viên của trường.
Loạt tốt nghiệp đầu tiên của
trường gồm 400
người đang cần việc làm, và
tôi nói rằng chính quyền sẽ thu
dụng 70
người – 50 cho công tác giáo
dục, 20 cho các bộ phận khác. Thành

tích của 70 người này sẽ quyết
định cho tương lai của những người
sau đó. "Nếu lúa đầu tiên
các bạn chứng tỏ là những nhân
viên có năng lực và có kỷ
luật, sẵn sàng đua tranh bình đẳng
với những người Anh học, và có
sự đóng góp cho xã hội, giá
trị của các bạn tất sẽ được
thừa nhận." Chúng tôi cũng cấp
học bổng hậu đại học cho những
người có đủ điều kiện
để ra học ở các đại học
nước ngoài, nhất là về khoa học
và kỹ thuật. Chúng tôi tin tưởng

rằng điều này sẽ xoa dịu những
người xuất sắc và trắc nghiệm
giá trị đích thực của họ.

Họ đã được trấn an, nhưng

chỉ là tạm thời. Những người

cộng sản vẫn tiếp tục thâm nhập ngấm ngầm liên tục và mỗi ngày
họ đều lôi kéo thêm được những người mới.

Trong khi chỗ dựa của chúng tôi trong khối dân chúng

Hán học đang gặp phải sự cạnh

tranh của những người cộng sản,

thì sự hỗ trợ ào ạt của

chúng tôi từ phía các công

nhân áo trắng theo Anh học trước sau cũng vẫn cứ vậy. Đúng như
tôi đã

lo sợ, tiến trình chinh đồn guồng

máy đã gây ra khá nhiều chuyện

đổ vỡ. Tôi đã bỏ nhiệm

Chin Chye phụ trách trường Bách khoa

Singapore, bởi ông ta rất quan tâm đến vấn đề

giáo dục kỹ thuật. Điều đó,

tuy nhiên, lại là con dao hai lưỡi. Khi

nhìn thấy các giáo trình của

trường không tương ứng với

những nhu cầu tiên liệu của chúng

tôi, ông đã lên tiếng phê

bình hiệu trưởng và ban giám

hiệu; và khi ông sa thải tức khắc

ban giám hiệu, hiệu trưởng bèn

từ chức. Điều này gây ra bối

rối và sợ hãi, vì rằng nhân

viên nhà trường cảm thấy bấp

bênh, và các giáo sư, phần lớn

là người da trắng nước ngoài,

bắt đầu tính đến chuyện tìm
công việc khác. Điều này cũng
đã xảy ra đối với Quỹ Tín
thác Cải thiện Singapore (Singapore Improvement
Trust), cơ quan phụ trách về vấn đề
gia cư thời chính quyền trước đây.
Ở đây, Ong Eng Guan thường xử sự
theo kiểu chuyên đoán thường thấy
của ông ta. Ông đã liên tục quấy
nhiều và hành hạ các viên chức
da trắng, ông đã kể cho Keng Swee nghe
cách làm thế nào để "chơi"
những người nước ngoài (làm
việc trong cơ quan này), những người
này vốn đang giữ những chức vụ

cao trong Hội đồng thành phố, đang

chịu sự kiểm soát của ông ta với

tư cách Bộ trưởng phát triển

quốc gia. Trên thì họ sẽ gặp phải sự phản kháng của những phụ tá được ông

ta tin cậy, trong khi đó ông ta lại xúi

giục nhân viên bên dưới họ

và các thư ký gây rắc rối

cho họ. Chẳng chóng thì chầy họ

sẽ đầu hàng và bỏ việc mà

đi mà không được chút trợ

cấp bồi thường nào.

Ong có một viên phó bí thư tên là Val Meadows, một

nhân viên rất giỏi, kiên quyết,

có thành tích xuất sắc trong thời

chiến tranh. Meadows là phó bí thư

cho Hamid Jumat khi ông này còn là ủy viên chính phủ phụ
trách chính quyền địa phương, và đã phác thảo các
thư phúc đáp của Hamid gửi cho
Ông khi giữa họ có sự bất đồng
với nhau với kết cục cuối cùng
là Ông bị mất chức Thị
trưởng. Ông hận Meadows lắm.

Ba mươi sáu năm sau, Meadows nhắc lại chuyện ấy rằng
ông “đã không ngờ mức độ
thù địch lại đến như vậy”.

Ông đã bị tổng về các đảo
phía Nam để xem có thể làm được
gì để cải thiện và phát
triển những đảo ấy. Lúc ông
làm việc cho Hamid, ông đã soạn
xong các kế hoạch về bệnh viện,

giếng đào, bến tàu, đường

sá, trường học, trung tâm sinh hoạt

và các hợp tác xã đánh

cá, và ông đã thực hiện

việc này rất nhanh. Nhưng thay vì được

khen thưởng, ông ta lại bị đuổi

cổ ra khỏi chức vụ ở Bộ trong lúc

vắng mặt. Lúc quay trở về Bộ của

mình vào một sáng thứ bảy để

thảo báo cáo, ông thật hết sức

sửng sốt khi thấy văn phòng của

mình đã biến mất. Khung gỗ cùng

các vách, cửa ra vào, cửa sổ

kính, máy điều hòa không khí,

bàn ghế, thiết bị văn phòng –

tất cả đều biến mất không để

lại chút dấu vết, chỉ còn tro

lại khoảnh diện tích trống không.

Viên thư ký thường trực đã

báo lại rằng ông ta đã làm

theo chỉ thị của Bộ. Meadows phải sử

dụng văn phòng thư ký địa

phương. Vào chính lúc ấy, Ong

bước vào để thưởng thức

vẻ chung hững của Meadows, nhưng Meadows

đã biết kiềm chế để không

xảy ra phản ứng quá đáng. Thứ

hai tuần sau, ông đưa đơn xin từ

chức, nhưng lại được viên

trưởng cơ quan bảo rằng phải nán

lại đã bởi chiến dịch tiếp

trợ đã "được chuẩn bị"

rồi. Đó chính là việc tôi

tước vị trí và trách nhiệm

của Ong và chỉ thị cho Val Meadows thực

thi nhiệm vụ của ông ta tại văn

phòng của tôi.

Ong còn phạm nhiều sai lầm khác nữa, và toàn

bộ nội các lẫn số đông dân

biểu đã đi đến kết luận

rằng ông ta đang trở thành một

gánh nặng, chứ không phải một

tài sản giá trị cho chính quyền

nữa. Keng Swee trước đây đã

than phiền bằng công văn gửi cho tôi

rằng Ong đã yêu cầu phải cấp

cho ông ta 415 triệu dùng cho việc xây

dựng công sở mà không hề đề

trình kế hoạch chi tiết hay lý giải

việc chúng sẽ được hoàn

thành thế

nào. Do đó, tôi đã tách

Hội đồng thành phố ra khỏi quyền

kiểm soát của ông ta, chỉ thị cho ông

ta phân bổ các bộ phận của cơ

quan này cho các Bộ tương ứng.

Trớ trêu thay, lời bào chữa trước công chúng lại là ông ta cần

phải tập trung vào vấn đề xây

dựng công sở, và vì lý do hình

thức, tôi cũng đã điều chỉnh

cơ cấu của một Bộ khác nữa.

Tôi đã cử

Val Meadows làm phó bí thư của tôi

và trao cho ông ta trách nhiệm giải

thể Hội đồng thành phố, lập

ra một ủy ban theo luật định, phụ trách các

phòng ban về giao thông công cộng,

điện, nước, chất đốt của

cơ quan này, đồng thời xử lý

xem phải làm gì với các phòng ban khác.

Tôi muốn bày tỏ với các viên

chức và công chức gốc ngoại kiều

nói chung rằng tôi không chấp nhận

những gì đã xảy ra và tôi

không sợ gì chuyện bị xem là bù

nhìn của họ.

Tôi miễn cưỡng hành động chống lại Ong, nhưng

không phải vì tôi sợ ông ta sẽ

thay thế tôi. Tôi không ham chức vị

Thủ tướng, bất kỳ ai giữ chức

vụ này cũng đều sẽ trở thành

mục tiêu tấn công hàng đầu

của những người cộng sản, tôi

chẳng thích thú gì cho lắm với

một viễn ảnh như vậy. Tôi biết

Ong sẽ không có đủ can đảm

để chơi cái trò đó. Tôi

đã chứng kiến cảnh ông xanh như

tàu lá khi họ chĩa vào ông tại

một hội nghị của đảng hồi

tháng 8/1957 và khiến ông ta bị loại

khỏi ban chấp hành. Về sau, mặc dù

ông ta là Bộ trưởng được

giới người Hoa ủng hộ mạnh mẽ

nhất, ông cũng đã từ chối

triển hạn Pháp lệnh PPSO theo yêu cầu

của nội các, và chúng tôi đã

phải giao cho Chin Chye thực hiện bài phát

biểu dứt khoát mà chúng tôi đã

thỏa thuận. Nhưng Ong vẫn là một

diễn giả Hokkien xuất sắc nhất của

chúng tôi. Nếu hạ bệ ông ta,

chúng tôi sẽ làm uy tín của

ông đối với công chúng sụt giảm và khó

có thể tìm đâu ra người

thay thế được ông.

Ong, rồi nền kinh tế, giới công chức, những người

cộng sản, các trở ngại về ngôn

ngữ – tất cả những vấn đề

trước mắt đó chẳng cho chúng

tôi có được chút thời giờ

để lui lại và đánh giá

thành tích của mình. Thế nhưng

có một người tuy có quan hệ mật

thiết đến cuộc diện, nhưng vẫn

có thể đưa ra được nhận

xét khách quan về sáu tháng đầu

tiên cầm quyền của chúng tôi, và

cũng là sáu tháng tại chức cuối

cùng của ông ta tại Singapore – đó

là Bill Goode, cựu thống đốc, người

mà trong sáu tháng qua đã trở thành quốc trưởng tạm thời.

Ông đã tóm tắt những ngày

đầu cầm quyền của PAP trong ba bản

báo cáo gửi Bộ trưởng Ngoại
giao của ông. Báo cáo thứ nhất
đề ngày 26/6, bắt đầu bằng
một nhận xét lạc quan:

“Các Bộ

trưởng mới là những con người
thông minh. Họ đã dành nhiều suy
nghĩ cho chương trình chính trị
của họ, một chương trình được
trình ra trước cử tri thông qua các
bài phát biểu được chuẩn bị
thận trọng. Về tư tưởng, họ
là những người xã hội chủ
nghĩa cực đoan, nhưng họ đã
nhận ra những hạn chế thực tiễn

đặt ra cho hoàn cảnh đặc thù
của Singapore với tư cách một trung tâm
thương mại quốc tế. Họ cũng
nhận chân ra được sức nặng
của vấn nạn kinh tế đang đặt
ra do một dân số gia tăng nhanh nhưng lại
kỳ vọng một mức sống cao tại một
thành phố mà thu nhập phụ thuộc
vào sự kinh doanh thành đạt trước
sức cạnh tranh gay gắt. Trên hết, họ
còn bị ám ảnh bởi mối đe
dọa của cộng sản.”

“Để thành công, họ phải duy trì được
sự ủng hộ của các tầng lớp
lao động và học sinh người Hoa.

Điều này làm bộc lộ điểm
yếu của họ, vì rằng họ sẽ
buộc phải mềm dẻo trước thái
độ của công chúng vốn đối
nghịch với giới làm ăn, buôn bán,
là những giới mà họ đang trông
cậy để đạt được tiến
bộ kinh tế. Việc họ bị ám ảnh
bởi cuộc đấu tranh ý thức hệ
nhằm hướng được tâm tư
tình cảm của công chúng về chủ
nghĩa xã hội dân chủ hơn là
chủ nghĩa cộng sản có thể gây
bất lợi cho một giải pháp cho những
vấn đề khác trong chuyện làm cho

nền kinh tế của Singapore đạt hiệu quả...”

“Các Bộ trưởng cũng đã quyết định hạn chế tham dự vào các hoạt động giao tế. Ấn tượng chung mà họ đang cố gắng nuôi dưỡng là một tinh thần cống hiến tận tình cho trách nhiệm cai trị vì lợi ích của quần chúng.”

“(Do đó) họ đã tự gọi mình là những người phi cộng sản và cật lực để chứng minh rằng họ chẳng phải là những con rối của phương Tây. Họ nhạy cảm ngay với cả những lời khen tụng của phương Tây,

vì rằng họ xem điều đó phá

hoại sự ủng hộ của quần chúng

người Hoa khuynh tả ở Singapore dành

cho họ, khỏi người mà họ đang

kiên quyết giữ không cho rơi vào

tay của những người cộng sản.”

“MCP, trong nhất thời, xem ra khó mà đương đầu

được với một chính quyền mà

rõ ràng đang nắm được sự

ủng hộ nhiệt thành của số đông

dân chúng nói tiếng Hoa. Chính ông

Lee Kuan Yew cũng đánh giá rằng thời

kỳ đầy thiện chí này có

thể kéo dài độ một năm hay

hơn nữa.”

Hai tháng rưỡi sau đó, vào ngày 7/9, ông cũng

vẫn còn có vẻ lạc quan, tuy rằng
có liệt kê những thiếu sót của
chính quyền chúng tôi.

“Thật khó mà nhận ra tất cả bọn họ chính
là phái PAP cực đoan của bốn năm
về trước, chịu ảnh hưởng của
cộng sản và cố gắng giành quyền
lực dựa vào sự hỗ trợ của
quần chúng có được bằng
cách khai thác những bất mãn của
công nhân, nông dân, học sinh người
Hoa và trí thức trẻ. Nhưng cũng
sẽ sai lầm khi nghĩ rằng chính chuyện
cầm quyền đã làm thay đổi
những con người trẻ tuổi ấy.”

"Tôi hằng tuần đều có họp với Lee Kuan Yew

vào chiều thứ năm tại Dinh Chính

phủ, tại đó chúng tôi nói

chuyện thoải mái và thẳng thắn

với nhau. Tôi thấy ông ta hết sức

là chín chắn. Ông ta vẫn còn

có những định kiến và nỗi

ám ảnh, nhưng nói chung ông ta rất

tinh ý, luôn luôn nhanh nhạy và thông

minh. Tôi thường hay chỉ trích về

cách hành xử của chính quyền

ông ta, cảnh cáo ông thẳng thừng

về những hậu quả mà tôi đã

thấy trước. Thành thạo ông ta có

thể đánh chính thông tin của tôi

hay trình bày nó theo một ánh sáng

khác. Thường là đều có lý
do hợp lý biện minh cho những gì mà
chính phủ đang làm; chính cung cách thực hiện nó mới là sai
thôi. Nói chung, ông ta chấp nhận phê bình của tôi, nhất là trong
chuyện hành xử của cơ quan công
quyền. Câu trả lời của ông ta là
các Bộ trưởng của ông phải
trở thành qua gian khổ bằng cách
nhìn thấy hệ quả của những sai
lầm của họ; rằng ông ta không thể
giám sát họ quá chặt chẽ; và
rằng họ sẽ phải học hỏi lấy."

"Trong khi ở
những chuyện lớn họ vững vàng và
có trách nhiệm thì đối với những việc nhỏ
họ lại có vẻ đầy cảm tính

và khó chịu. Chúng ta sẽ có
những khó khăn và ưu tư thường
xuyên khi làm việc với họ; sự
rộng rãi và hiểu biết của chúng
ta sẽ bị lạm dụng. Nhưng họ có
khả năng thành tựu được nhiều
điều; và hiện tại không có
giải pháp cộng tác nào khác
đâu. Các đảng đối lập
không được dân chúng tin cậy
và thậm chí có thể sẽ không
còn tồn tại được nữa."

Vào ngày 23/11, ông ta viết bản báo cáo sau
cùng của ông, được mệnh danh
là báo cáo "hạ cò", sở
đĩ nó được gọi như vậy

vì các thống đốc Anh thường
nộp các báo cáo cuối cùng của
họ khi họ làm lễ hạ cờ.

“Khó có khả năng là giới lãnh đạo
hiện nay của PAP sẽ công khai tự coi
mình là những người chống cộng.
Thế nhưng, quan điểm của chính
quyền đối với chủ nghĩa cộng
sản thì quả thật rất tốt, và
do vậy chúng ta có lý do vững chắc
để cảm thấy thơ thới. Tôi vẫn
còn tin rằng việc xem các nhà lãnh
đạo PAP hiện nay là những người
cộng sản ngầm là sai lầm hoàn
toàn. Mô tả họ là những người

chống cộng ngầm ngầm có lẽ gần

với sự thật hơn.”

“Bất chấp những nỗ lực rất lớn của các

Bộ trưởng Singapore nhằm giành được

sự thừa nhận của các Bộ trưởng

Liên bang, nhưng thái độ của Liên

bang cũng vẫn là nghi kỵ. Thủ tướng

giờ đây đang nhận ra rằng chẳng

có mấy hy vọng hợp nhất trong thời

gian nhiệm quyền của chính phủ Liên

bang hiện nay, và ông cũng đánh

giá rằng chuyện công khai nhấn mạnh

về việc hợp nhất tại Singapore đang

gây ra rắc rối chính trị và

những phản đối công khai sau đó

tại Liên bang. Nhưng ông vẫn quan tâm
giữ vững cho Singapore trong tình trạng
modus vivendi (tạm ước) theo hiến pháp
như hiện nay và tiếp tục giữ mục
tiêu hợp nhất như thể một ảnh
hưởng có tính quyết định
đối với nền chính trị của
Singapore. Ông đã đúng khi tin tưởng
rằng quả là tai hại cho cả Singapore lẫn Liên bang nếu
chuyện hợp nhất không thành và
Singapore phải quay sang hướng khác để
lo cho tương lai của nó. Điều quan trọng tột
cùng đối với tất cả chúng
ta là chuyện đó không nên xảy
ra.”

“Nên tình thế hiện nay là ông Lee Kuan Yew nắm vững nội các của ông và nội các đó hết sức đoàn kết.

Họ, có lẽ ngoại trừ Thủ tướng, đều có những sai phạm, điều tất nhiên phải có, và tôi nghĩ rằng, họ đều có năng lực y như người ta đánh giá về họ lúc ban đầu. Họ rất hiểu rằng điều hành một chính phủ khó khăn hơn là tổ chức một đảng phái chính trị thành công. Nhưng nhìn chung, họ đã có một bước khởi đầu tốt đẹp trong việc thực hiện những đường lối họ

đã tuyên bố. Vị Thủ tướng

yêu cầu tôi hãy hoãn việc phê

phán năng lực của họ cho đến

khi họ đã nhiệm quyền được

một năm. Cho đến nay, phần lớn

những gì ông ta đã nói đều đúng cả."

"Chính sách của chúng ta là phải tiếp tục

cộng tác với chính phủ PAP và

làm hết sức mình để bảo

đảm thiện chí và sự tin cậy

của họ. Do đó, chúng ta sẽ có

thể trợ giúp họ tạo cho Singapore một

chính quyền ổn định và có

năng lực, và chỉ có như thế

chúng ta mới vượt qua được

những khó khăn vụn vặt thường xuyên cùng những khiêu khích

mà

tôi chắc là chúng ta sẽ gặp
phải."

Cũng giống như
giáo sư hướng dẫn của tôi ở
Học viện Raffles, Goode đã cho tôi một
nhận xét tử tế. Tuy nhiên ông đã
không biết nơi tôi và các đồng
sự còn gặp phải những khó khăn
gì, và sự đánh giá của
ông sẽ sai lầm đến mức nào
nếu cuộc diện chuyển biến khác
đi. Báo cáo hạ cờ của Goode đã
có một ảnh hưởng mang tính quyết
định đối với viên cao ủy Anh
kế nhiệm, ngài Selkirk, hay nói cho chính

xác hơn, đối với phó cao ủy

là Philip Moore, một quan chức của Sở

Công dân vụ Anh, từng là thư ký

riêng của Selkirk khi ông này làm Bộ

trưởng Hải quân.

Trước khi Goode ra đi vào ngày 2/12, tôi đã viết

thư gửi ông để nói rằng ông

đã phục vụ tuyệt vời cho nữ

hoàng và xứ sở của ông, nhưng

ông cũng phục vụ tuyệt vời cho

nhân dân Singapore. Ông đã từng

nhận xét với tôi trong một lần

giải lao: "Chúng tôi có mặt ở đây là bởi có

phần trăm. Nếu chúng tôi chẳng

còn phần trăm nào, chúng tôi sẽ ra đi."

Ông không hề giả vờ, và tôi

trọng ông hơn vì điều đó.

Do ông chọn đi bằng tàu, chứ

chẳng phải bằng máy bay, để về nước,

nên nội các chúng tôi đã

sắp thành hàng dài ở bến tàu

để tiễn ông.

Với sự ra đi của vị Thống đốc Anh cuối cùng,

chúng tôi phải chọn người đứng

đầu xứ sở của mình. Chúng

tôi chọn Yusof bin Ishak, chủ nhiệm điều

hành của tờ *Utusan Melayu*, trở thành người thừa kế chức

vụ ông, vị quốc trưởng đầu tiên người

bản xứ. Chúng tôi cần đến

một người Malay có tên tuổi như

ông để cho Liên bang thấy rằng

người Singapore sẵn sàng chấp nhận

người Malay là lãnh đạo của
mình, và tôi biết ông là một
con người tốt, giản dị và đức
hạnh. Vợ ông, hơi nhỏ tuổi hơn
ông, là một phụ nữ sôi nổi,
vui tính và quảng giao. Ông đã
tuyên thệ nhậm chức tại phòng
khách Tòa thị sảnh vào ngày
3/12, cũng y như nội các sáu tháng
trước đó. Nhưng trong khi nội các
tuyên thệ trong sơ sài, trong cảnh bài
trí giật gấu vá vai, thì vào
địp này, chúng tôi có thời
gian hơn để tổ chức một cuộc
lễ tân có đủ mặt những nhân

vật trong giới kinh doanh và các cộng
đồng quan trọng, thành viên của
các ngoại giao đoàn, và cũng có
thời gian để bố trí chỗ ngồi
hợp lý. Chúng tôi tổ chức vào
lúc 8 giờ sáng để tránh khi
trời nóng bức làm cản trở cho
đoàn diễu hành khoảng một tiếng
mười lăm phút quanh Tòa thị sảnh
khi mà quốc kỳ mới được kéo
lên và ca đoàn xướng bài
quốc ca mới, với sự có mặt của
các dân biểu trên khán đài
và công chúng đứng quanh.

Chuyện lá cờ

cũng là một chuyện lắm nhiều khê,

bởi một lần nữa phải có sự
tôn trọng tình cảm chủng tộc.

Người dân nói tiếng Hoa thì muốn

màu đỏ cho nó hên, người

Malay thì muốn đỏ và trắng,

những màu truyền thống của họ

biểu tượng lòng can đảm và

sự thanh khiết. Nhưng Indonesia đã dùng

màu đỏ và màu trắng trong lá

cờ của họ rồi, và Ba Lan cũng

vậy. Người Hoa, do ấn tượng với

năm ngôi sao vàng trên lá cờ của

Trung Quốc, nên muốn có những ngôi

sao. Người Malay thì muốn có mặt

trăng lưỡi liềm. Chúng tôi đã

chọn một mặt trăng lưỡi liềm

đi cùng với năm ngôi sao màu

trắng thay vì một sao theo truyền thống

của Hồi giáo. Năm ngôi sao tượng

trưng cho năm lý tưởng của đất

nước: dân chủ, hòa bình, tiến

bộ, công lý và bình đẳng.

Như thế chúng tôi đã hòa

hợp được các biểu tượng

và lý tưởng chủng tộc khác nhau.

Sau cùng chúng tôi cũng đã thỏa thuận xong về

quốc huy, gồm một con sư tử và

một con hổ là những con vật hổ

trợ nằm hai bên một tấm khiên có

hình mặt trăng lưỡi liềm và

năm ngôi sao, bên dưới là hoa văn dạng cuộn

có hàng chữ Malay *Majulah Singapura*, có nghĩa là "Cầu chúc cho sự

thịnh vượng của Singapore".

Việc chọn quốc ca có phần dễ thở hơn. Một nhạc

sĩ người Malay là Haji Zubir Said đã

sáng tác ra một bản nhạc rất

phù hợp. Nó không mang âm điệu

hành khúc, hào hùng như bài

Marseillaise của Pháp hay bài quốc ca *Arise, Arise, Arise*, (Dậy Mà Đi) thời kháng chiến cách mạng

của Trung Quốc. Giai điệu của nó có sắc thái địa phương

và lời ca bằng tiếng Malay phù hợp với khẩu hiệu của chúng tôi,

Majulah Singapura.

Tuy có những vấp vấp trong sáu tháng cầm quyền

đầu tiên, chúng tôi cũng đã đạt được

nhiều nền tảng quan trọng cho các

chính sách của nhà nước, kể cả

việc khởi động bước đầu

cho một chương trình xây dựng nhằm làm thay đổi

bộ mặt của Singapore. Vào tháng 3/1960 chúng tôi giải tán cơ

quan Tín thác cải thiện Singapore và

chia công việc của cơ quan đó cho

Ủy ban phát triển và gia cư (HDB), một cơ quan trực thuộc

quyền của Bộ trưởng phát triển

quốc gia, và cho Cục kế hoạch, cơ

quan đặt dưới quyền của Thủ

tướng. Thế rồi chúng tôi đã

cử Lim Kim San làm chủ tịch của HDB.

Đây là một bổ nhiệm hết sức

quan trọng. Kim San là bạn học của

Keng Swee ở trường Anglo-Chinese School và

ở đại học Raffles. Ông là một

doanh nhân, một con người thực tế,

sáng tạo, từng tự chế ra một cái

máy chế biến bột cọ.

Ông đã quản lý các cửa

hiệu cầm đồ của cha vợ và

các trạm xăng của cha ruột, bên cạnh đó ông

còn là giám đốc của một

trong những ngân hàng lớn trong nước.

Ông là một con người đa tài.

Keng Swee muốn rằng bất kỳ khoản tiền

nào dành cho HDB để xây dựng nhà

ở cho nhân dân cũng đều phải

được chi tiêu thật thỏa đáng,

và Kim San sẽ lo được chuyện đó.

Ong Eng Guan không còn được phép

phung phí công quỹ nữa.

Ngay sau khi được bổ nhiệm, Kim San đã đến gặp
tôi. Với tư cách Bộ trưởng
phát triển quốc gia, Ông đã ra lệnh
cho ông ta trực tiếp thuê công nhân
xây dựng, và do vậy cắt giảm
được số nhà thầu xây dựng
là những người đứng trung gian,
những "kẻ bóc lột công nhân".

Ông ta muốn HDB trở thành một ông
chủ gương mẫu. Kim San bất đồng
với chuyện này. Ông đã hỏi
tôi: "Ông muốn tôi xây nhà
hay muốn tôi trở thành một ông
chủ đi mướn những người thợ
xây dựng? Nếu ông muốn có những
căn hộ, thì tôi biết cách để

cho xây nên những căn hộ; ông hãy
để chuyện đó cho tôi, tôi sẽ
làm ra những căn hộ đó cho ông.
Nếu ông muốn tôi thuê trực tiếp
công nhân, thì tốt hơn ông nên
kiếm vị chủ tịch khác. Nhà thầu
nào cũng có những nhân viên giám sát công trình của họ, những
người bà con và đốc công
đáng tin cậy của họ, những người này hoặc
có quan hệ thân tộc hoặc đã
làm ăn lâu dài với ông ta. Và
những người đó có trong tay những
kíp thợ riêng của họ, họ biết
từng người trong nhóm họ và biết
cách trả thù lao tương xứng với kết

quả công việc."

Đây là một mảnh lời quảng cáo chính trị khác nữa của Ong. Tôi đã hủy bỏ lệnh của ông ta và bảo Kim San cứ tiếp tục những gì ông nghĩ là tốt nhất. Ông đã làm ra các căn hộ. Vào tháng 6/1960, đã xảy ra một đám cháy lớn tại khu Bukit Ho Swee, khiến khoảng 30.000 người rơi vào cảnh không nhà. Trong vòng 18 tháng, Kim San đã lo được nhà ở cho họ, những căn hộ một phòng với nhà bếp và nhà vệ sinh dùng chung. Ông cũng đã xây dựng được một khu nhà trong khu vực bầu cử của tôi trên đường

Cantonment, một vị trí nổi bật. Các

cử tri của tôi có thể nhìn thấy

nó được xây lên và mong tới

lúc được dọn vào ở trong

đó. Nếu như nó không tiến

tới lúc hoàn tất vào thời điểm

của kỳ bầu cử tới, tôi có

thể đã không tái đắc cử

được.

Tất cả các chính quyền mới đều muốn tự

chứng tỏ mình bằng cách thông

qua nhiều đạo luật mới và tung ra

nhiều dự án mới. Chúng tôi cũng

đã làm tới tấp như vậy,

trước khi kịp có văn bản. Vào

tháng 3/1960 tôi đã công bố các

kế hoạch tái tổ chức Ủy ban Cảng

Singapore thành Cục Hải cảng Singapore. Kế

đó, chúng tôi xúc tiến thảo

luận về Hiến chương Phụ nữ để

đưa Singapore bước sang kỷ nguyên

mới của chế độ một vợ một

chồng và bình quyền. Thế rồi

chúng tôi lập định quy chế Tòa

án Quan hệ Công nghiệp dựa trên

mô hình của Úc, và bổ nhiệm

Charles Gamba, giáo sư kinh tế học tại

Đại học Malay a làm chủ tịch. Từng

làm trọng tài trong vụ đình

công của hãng xe buýt Hock Lee, ông

nổi danh là có thiện cảm với

giới lao động, nhưng không hề mang

về muốn triệt giới chủ nhân cả.

Chúng tôi đã tung ra một chương

trình kế hoạch hóa gia đình gồm

1.000 người tình nguyện, những người

này được huấn luyện để

cổ động quần chúng và có

quyết tâm làm giảm mức tăng dân

số 4% hằng năm hiện nay. Quan trọng nhất

là dự luật cho phép chúng tôi

có quyền hạn rộng rãi hơn để

chống tham nhũng. Đó là điều

đầu tiên trong số nhiều thứ nhằm

củng cố pháp luật sao cho người

vi phạm có thể

được truy tố

và kết tội trước tòa. Điều

này dẫn đến việc lập ra một

cơ quan mới là Văn phòng điều

tra hành vi tham nhũng, giúp giữ cho

Singapore được trong sạch.

Chúng tôi tuyên bố sẽ tài trợ như nhau cho Đại học Malaya (ở Singapore) và Đại học

Nanyang, nhưng cũng sẽ đòi hỏi

những chuẩn mực như nhau. Cũng ngang

ngược như mọi khi, Liên hiệp Sinh

viên Đại học Nanyang đã phát

biểu trên cơ quan ngôn luận của họ

là tờ *University Tribune* rằng trong khi họ vui vì được đối

xử bình đẳng thì đồng thời

họ cũng muốn việc tài trợ đó

là vô điều kiện. Chúng tôi

không vui, nhưng cũng chẳng nói gì.

Chúng tôi cải thiện tương lai của

những người theo Hán học bằng

cách cho phép họ học lên cao qua Đại

học Malaya. Chúng tôi cho mở các khóa

dự bị đại học gồm ba học kỳ

ở các khoa nghệ thuật, luật và

khoa học nhằm trang bị cho các sinh viên

không nói được tiếng Anh có

đủ chất lượng để trở

thành sinh viên của Đại học

Malaya.

Tuy nhiên các kế hoạch kinh tế của chúng tôi

lại chẳng mấy khả quan. Vào tháng

9, chúng tôi có nói chuyện với

Malaya về việc thành lập một thị trường chung hạn chế, nhưng họ thậm chí còn thờ ơ hơn cả trước đó nữa. Mọi chuyện trở nên tệ hại đến độ khi một nhà sản xuất địa phương định mở rộng nhà máy se sợi cotton để kiêm luôn dệt ra vải thành phẩm, tin đó cũng trở thành tin quan trọng bởi nhà máy sẽ tăng lực lượng lao động thêm khoảng 300 người. Chúng tôi đang rất cần công ăn việc làm.

Du lịch khi ấy vẫn hãy còn là một kỹ nghệ non trẻ tại châu Á, bởi hầu hết khách du lịch đều muốn đến

thăm các nước đã phát
triển. Chúng tôi đã lấy năm
1961 làm năm "Du lịch phương Đông",
có những buổi biểu diễn máy
bay, triển lãm truyền thanh và truyền
hình, trưng bày xe hơi, triển lãm
phong lan, triển lãm nhiếp ảnh, rồi lễ
Quốc khánh vào ngày 3/6 và tiếp
đó là hai tuần lễ hội văn
hóa. Đúng là một chương thu
hút ềo uột.

Chúng tôi đặt hy vọng vào nhóm Ủy ban Viện trợ
Kỹ thuật Liên Hiệp Quốc, đã
đến Singapore vào tháng 10 nhằm khảo
sát địa điểm khu công nghiệp
đề xuất ở Jurong và cổ vấn

về những loại hình kỹ nghệ phù

hợp. Chúng tôi có cái may nhờ

việc chọn người đứng đầu

nhóm là Tiến sĩ Albert Winsemius. Ông

là một kỹ nghệ gia người Hà

Lan. Ông đã sống ba tháng ở

Singapore và đã có những đóng

góp đầu tiên trong số nhiều đóng

góp cực kỳ quan trọng của ông

cho sự phát triển của Singapore. Ông

là một doanh nhân hết sức thực

tế, hiểu rõ nền kinh tế của châu

Âu và châu Mỹ sau Thế chiến thứ

hai. Ông ta sẽ đóng vai trò lớn

trong công tác hoạch định kinh tế

của chúng tôi về sau này.

Thời ấy chúng tôi tùy thuộc rất nhiều vào mậu dịch, nhất là hoạt động trung chuyển (tạm nhập để tái xuất).

Hồi tháng trước đã có một nhóm Indonesia đến thảo luận phương cách tiết trừ chuyện “mậu dịch thất thường”, và đề cải thiện thu nhập ngoại thương của họ.

Họ muốn chúng tôi ứng cho Indonesia một tỷ lệ ngoại tệ đáng kể trong tổng giá trị họ xuất khẩu sang Singapore, đổi lại họ sẽ mua một khối lượng hàng hóa theo thỏa thuận thông qua chúng tôi.

Nhưng quả thực rất khó làm cho

khu vực tư nhân chịu hợp tác; sẽ chẳng có ai

chịu khai báo trị giá nhập khẩu

hoặc xuất khẩu của họ sang Indonesia

cả, hay chịu khai báo xem họ đã

thực sự mua hay bán những gì, số

lượng ra sao, giá cả là bao nhiêu; các hãng tàu biển Indonesia

sẽ ghi hóa đơn thấp hơn trị

giá hàng hóa của họ, và

thường sử dụng cùng một giấy phép xuất khẩu để gửi đi

cùng số lượng hàng hóa thêm

một lần nữa; vân vân.

Cộng với tình hình công ăn việc làm là mối

đe dọa ngày càng rõ dần của

phía những người cộng sản. Hội

đồng an ninh nội chính đang ngày

càng không vui trước sức mạnh

ngày càng lớn của các nghiệp
đoàn, và đang muốn chính phủ
Singapore ra tay đối đầu. Tôi đã
từ chối. Nếu làm như vậy, chúng
tôi có thể cuối cùng rồi cũng
đi đến hành động y như Lim Yew
Hock, đơn giản là tổng giam những
người hoạt động, và như vậy
sẽ giống như kiểu càng tĩa càng
cúc dại, chồi non càng nhiều. Goode
đã bật đèn xanh cho tôi ra tay
theo kiểu như vậy trước khi tôi
nhậm chức. Nhưng tôi còn phải
chịu áp lực thường xuyên của
phía Malaya muốn tôi ra tay hành động

nữa.

Với tư cách mới là cao ủy Anh và là chủ tịch của Hội đồng an ninh nội chính, Goode đã tổ chức cuộc họp đầu tiên của hội đồng vào tháng 8. Ong Eng Guan, Pang Boon và tôi đại diện cho Singapore, còn tiến sĩ Ismail bin Dato Abdul Rahman, Bộ trưởng Ngoại giao, đại diện cho chính phủ Malaya. Ismail vốn là một bác sĩ, lùn, có hơi béo phệ và đen so với một người Malay bình thường, ông có mái tóc quăn, để ria mép, đeo một cặp kính gọng sừng, và trên miệng lúc nào cũng ngậm ống vố. Ông là một người trầm tính, kín đáo và là một

người rất mê đánh gôn. Để
làm việc hữu hiệu với ông, tôi
lại phải cầm lại mấy cây gậy
gôn mà tôi đã bỏ lơ trong
cả một thời gian dài. Tôi mến và
kính nể ông vì tính tình
thẳng thắn của ông. Ông biết công
việc của ông là gì – đó
là nền an ninh của Malaya. Ông lắng
nghe ý kiến của nhân viên mình.

Khi tôi biết rõ hơn về các Bộ trưởng Malaya, thì
ông là một trong số những người
tôi rất tin tưởng. Ông trung thực
và chân thành trong quan hệ với tôi,
và tôi tin tưởng rằng ông cũng
đáp lại tình bạn và sự

tôn trọng của tôi. Ông là nhân
vật quan trọng thứ ba trong hàng ngũ
lãnh đạo của UMNO, sau Tunku và phó
Thủ tướng Tun Abdul Razak. Ông không có
được sức lôi cuốn quần chúng
và thân thể quý tộc như Tunku,
cũng không có đầu óc rất
nhạy bén như Razak, nhưng Ismail lại là
một nhà lãnh đạo đáng tin
cậy nhất và mang tính quyết định.
Ông có lẽ sẽ là một vị
Thủ tướng rất giỏi nếu như
ông không mất quá sớm vì bệnh
tim.

Tại cuộc họp đầu tiên này, Singapore đã đề
trình hai văn kiện: một là từ

các chuyên gia trong Sở đặc vụ,
và một từ các Bộ trưởng
muốn phóng thích những người đã
có quan hệ gần gũi với PAP trong thời
gian họ bị bắt giữ. Goode vạch ra rằng
các chuyên gia của Sở đặc vụ
đã báo cáo rằng những biến
cố trước đây đang có xu hướng
lặp lại – cũng vẫn chuyện những
người cộng sản xây dựng sức
mạnh để thách đố với chính
quyền – và ông hỏi rằng liệu
có phải ngu ngốc không khi ra tay ngăn
chặn và nghiền nát đối thủ
ngay bây giờ trước khi nó trở nên

quá phát triển. Tôi không đồng
ý. Goode buộc tôi phải giải bày
đường lối của mình. Chính
sách chung, tôi nói, là đừng để
những người cộng sản điều
khiển mình. Nếu chúng ta, đầu
tiên, không biết chuẩn bị cơ sở
để các công nhân trung lập người
Hoa hiểu rằng các nhà lãnh đạo
của họ bị bắt giữ bởi vì
những người đó đang làm hại
cho nền kinh tế và do đó làm đe
dọa đến công ăn việc làm của
họ, chúng ta sẽ mất họ. Không
được để cho họ tin rằng các

nhà lãnh đạo của họ bị bắt

bởi vì đó là những nhà

hoạt động nghiệp đoàn tốt và

ngẫu nhiên thân cộng.

Ismail không hiểu cách làm này. Ông đã giải thích đường lối cứng rắn ở

Liên bang đã có tác dụng dè

bẹp âm mưu lật đổ của những

người cộng sản ra sao. Tôi nói

rằng Malaya khác với Singapore. Chính phủ

Malaya có thể mạnh tay với những người

cộng sản mà không bị mất lòng

đa số công chúng bởi ở đó

phần lớn là người Malay. Trong khi

chính phủ Singapore còn phải lo lắng

lòng công chúng – số người

Hoa còn lừng khùng, nhất là giới
trí thức, những người vốn có
thể tác động đến những người
còn lừng khùng. Goode đã quen với
lối nghĩ của chúng tôi, nhưng
không đề lộ ra vì lợi ích
của Ismail.

Chúng tôi cần phải vững vàng đi theo quan điểm
của mình. Vào cuối sáu tháng
đầu tiên của chính phủ, việc
xây dựng mặt trận thống nhất của
cộng sản vẫn tiếp tục tiến triển.
Lim Chin Siong và các đồng chí của
ông đã lôi kéo được
nhiều nghiệp đoàn về phe với cộng
sản, và khi họ đã chiếm được

đa số, Tổng liên đoàn lao động
(TUC), vốn có sự tham gia của cả các
nghiệp đoàn thân cộng lẫn không
thân cộng, đã tách khỏi Liên
hiệp Quốc tế các Nghiệp đoàn
Tự do (ICFTU) do phương Tây bảo trợ.
Vì rằng ICFTU được lập ra để
đối trọng với Liên hiệp Nghiệp
đoàn Thế giới vốn chịu ảnh
hưởng của Moscow, nên những người
thân cộng mới lấy cớ rằng ICFTU đã tham gia
vào cuộc tranh giành quyền bính chính trị.

Cùng lúc đó họ đã tác động mạnh đến
Fong Swee Suan và lôi cuốn được
ông ta trở lại. Devan Nair thì mất
tinh thần trước việc họ có thể dễ dàng làm hỏng

ba năm làm việc của ông với Fong ở Changi. Khác với Nair, Fong là một

người Hán học, một tín đồ

về những chuyện về phong trào cách

mạng tại Trung Quốc và không hề có một thang giá trị

nào có thể dung nạp được

quan điểm cách mạng xã hội và biến đổi

kinh tế theo phương pháp hòa bình.

Đối với những người mang Hán

học như Fong, cách mạng là phải có bạo lực. Không có

bạo lực, nói theo biện chứng Mác,

"chỉ là cải lương". Trong bất

kỳ trường hợp nào ông ta cũng

không cưỡng lại được sức

lôi kéo tình cảm của bạn bè

cũ và lòng tôn trọng truyền

thống. Woodhull và Puthuchearý chẳng lâu sau

thì cũng thuận theo phía có thể

mạnh và rõ ràng là khó có

thể bị

hạ bệ được. Họ đã cô

lập Nair mà khi ấy, với sự đồng

ý của tôi, đã từ chức bí

thư chính trị vào tháng 2, để

tham gia vào công tác nghiên cứu và

viết lách nhằm "góp phần củng

cố nền tảng ý thức hệ và lý thuyết cho

PAP."

Lim Chin Siong và Fong đạt được hết sức mạnh
này đến sức mạnh khác, tranh thủ

được phe thân cộng trong TUC, không

chỉ những nhà lãnh đạo nghiệp

đoàn có Anh học mà còn rất
nhiều người có học vấn Malay nữa.

Điều đó đã khuyến khích
họ tung ra nhiều phát biểu mang tính

chỉ trích quan điểm của chính

phủ về chuyện những người bị

bắt giữ và chuyện nghiệp đoàn,

đến nỗi tôi đã phải cảnh

báo trước quốc hội rằng nếu

họ cứ thách thức nhà cầm quyền,

họ sẽ bị trả đũa mạnh. Sau

lần đó, ba trong số các bí thư

chính trị – Lim Chin Siong, Fong và Woodhull – đã chính thức
tuyên bố

quan điểm của họ cũng vẫn y như

lúc họ

được phóng thích hồi tháng 6/1959: tức là ủng hộ

PAP và đường lối của đảng

này là đạt được sự độc

lập thông qua cuộc hợp nhất với

Liên bang.

Vào thời điểm đó, họ nghĩ việc hợp nhất

hãy còn là một tương lai mù mờ – tôi cũng vậy – nhưng tuy vậy họ đã khơi dậy

những đòi hỏi về một Singapore

độc lập mà không cần phải

hợp nhất.

THUA ĐẠM Ở HONG LIM

Tôi được biết rằng một Ong Eng Guan bất mãn đang có âm mưu cùng với một

số dân biểu nhưng đã không

bận tâm lắm, vì tôi tin ông ta

chẳng bao giờ có thể kiếm đủ

đa số ủng hộ ông ta. Thế nhưng

ông ta lại trở nên liều rồi. Nếu

không thể nắm quyền được, ông

ta sẽ phá hoại chúng tôi, cho dù

MCP sẽ là người hưởng lợi.

Tại hội nghị đảng vào tháng

6/1960, chi bộ Hong Lim của ông đã đề

ra 16 nghị quyết, bốn trong số đó

nhằm giúp ông ta giành được

sự ủng hộ của những người

cộng sản.

Để đánh tan nghi ngờ của tôi, Lim Chin Siong và các đồng chí của ông trước đó

đã kháng nghị rằng họ sẽ

không dính dáng gì đến Ong.

Tổng Liên đoàn lao động đã

đưa ra một tuyên bố nói rằng

mặc dù PAP đã có những lầm

lỗi, nhưng họ cũng sẽ không ủng

hộ ông ta. Nhưng tôi tin rằng hoàn toàn có thể là họ đã nắm

được các bạn bè thân của

ông ta để đẩy ông ta vào

hành động này. Các nghị quyết

đó kêu gọi một đường

lối chống thực dân hơn nữa, thả

ngay tức thì những người bị giam

giữ, và tu chính lại hiến pháp

ngay. Nói khác đi, tự trị về đối

nội vẫn chưa đủ. Ông cũng vậy,

cũng muốn được độc lập.

Trong đảng, ông đã bị cô

lập, và sau hai ngày tranh cãi, hội nghị đã đình chỉ chức vụ

của ông cùng với hai dân biểu

ủng hộ là S.V. Lingam và Ng Teng Kian, một người Hoa gốc Hokkien cũng như Ông. Cả

ba người thế rồi đã rời chỗ

ngồi của mình và bước sang ngồi

bên phe đối lập trong Hội đồng

lập pháp.

Ông trở nên bồn chồn. Ông đã bị mất đi địa vị ngôi sao và không còn xuất

hiện trên những hàng tít sít

dẻo của báo chí nữa. Do đó

ông bắt đầu thu hút chú ý

bằng cách làm những chuyện bất

ngờ và chơi nổi. Vào tháng 9,

ông đệ trình một kiến nghị

yêu cầu Thủ tướng phải đấu

tranh trong Hội đồng an ninh nội chính để phóng thích vô điều kiện

tất cả tù chính trị. Điều

này chẳng giúp ích được gì

cho ông ta. Một lần nữa, điều này

sẽ chỉ có ích cho những người

cộng sản, mặc dù họ không tin và

coi thường ông ta. Nhưng điều đó

sẽ gây rắc rối cho chính quyền.

Tôi khi đó đang ở Sarawak, do đó
Chin Chye đã đề nghị một tu chính
nhằm vạch rõ rằng chính phủ

Liên bang vốn có tiếng nói quyết
định trong Hội đồng an ninh nội
chính, khó có thể đồng ý

với chuyện phóng thích những người mà họ nghĩ rằng đang cố sù
cho sự nghiệp của MCP. Và bởi vì
công việc của chính quyền là

nâng cao mức an sinh cho người dân Singapore thông qua việc hợp
nhất với Liên bang, nên chính phủ không có
ý đi ngược lại với quan điểm
của chính phủ Liên bang.

Chiến lược của Ong là vạch mặt chúng tôi
là những đầy tớ của đế
quốc, và ông ta giờ đây còn

tiến thêm một bước xa hơn nữa.

Vào tháng 10, ông phát biểu rằng

George Thomson, giám đốc Sở Thông tin, giờ đây là người chỉ đạo

và là triết gia của tôi; tôi là

“con rối của người diễn viên

nói bằng bụng và George Thomson là diễn viên đó”. Ông ta muốn

làm tiêu tan vị thế của tôi

trong khối dân nói tiếng Hoa bằng cách mô tả tôi như thể cái loa
phát

ngôn của một người viết diễn

văn và cố vấn thực dân. Ông tuyên

bố Val Meadows, người mà ông ta đã cho triệt hạ văn phòng, và
Alan

Blades, thanh tra cảnh sát, cũng đang giật dây tôi như vậy. Khi tôi
thách

ông ta lặp lại những phát biểu

đó bên ngoài Hội đồng lập

pháp, ông ta đã im lặng.

Thay vào đó, trong kỳ họp kế tiếp của Hội đồng

lập pháp, ông ta đã tố cáo

tôi là có tinh thần gia đình

trị, khi nói rằng tôi đã bỏ

nhiệm Kwa Soon Chuan làm phó thanh tra của Cục thuế nội địa bởi ông ta

là anh rể của tôi. Một lần nữa,

tôi đã yêu cầu Ong hãy lặp

lại những gì ông đã nói

bên ngoài nghị trường, thì ông

ta cũng nín thinh như trước. Chin Chye, với tư cách là chủ tịch Hội

đồng lập pháp, đã đưa

ra một kiến nghị kết án Ong có

hành vi mất danh dự và ngưng chức

Ong cho đến khi Ong có lời xin lỗi với Hội đồng. Ong đã đệ trình

một kiến nghị tuyên bố Quốc hội

không có quyền kết án một dân

biểu. Ông đã thách tôi từ

chức cùng với Ong và ứng cử

trong kỳ bầu cử bổ sung tại các

khu vực bầu cử của mình, khẳng

định lại những lời cáo giác

chống PAP của mình, và Ong còn phát biểu rằng Ủy ban Công vụ
gồm toàn

những người ủng hộ PAP. Ong đồng

ý có một cuộc điều tra về

những lời cáo giác đó, do một

ủy ban của toàn Hội đồng tiến

hành, nhưng trước khi Hội đồng

họp vào ngày ấn định cho việc

này, Ong đã từ chức. Chúng tôi

tuyên bố sẽ thành lập một ủy
ban điều tra do một thẩm phán của
tòa án tối cao làm chủ tịch
nhằm điều tra các tuyên bố của
Ông, và sau khi báo cáo đó được
đệ trình và thảo luận trong Hội
đồng, một cuộc tuyển cử bổ
sung sẽ được tổ chức ở Hong
Lim.

Vào ngày 3/1/1961, thẩm phán F.A. Chua được chỉ
định làm chủ tịch ủy ban, và
từ ngày 17/1 đến ngày 1/2, ủy
ban đã tổ chức mười lần nghe
điều trần. Mục tiêu chính của
tôi trong cuộc điều tra này là
buộc ông ta phải chứng minh được

tất cả những lời buộc tội mà
ông đã gán cho tôi. Báo cáo
của Chua, đệ trình vào tháng 2,
cho thấy những tuyên bố đó hoàn
toàn vô căn cứ và bừa bãi,
và “Ông chẳng phải là người
đáng tin cậy”. Chúng tôi đã
thảo luận về báo cáo này suốt
hai ngày ở Hội đồng và đã
kết án Ông là có hành vi làm
mất danh dự. Tôi đã vạch trần
rằng ông ta là một kẻ nói dối,
một con người tầm thường, nhỏ
nhen. Tôi hy vọng rằng điều này
sẽ làm lung lay chỗ đứng của Ông

trong giới người Hoa ở Hong Lim. Nhưng tôi đã không thể có sai lầm nào lớn hơn.

Chúng tôi đã tổ chức một chiến dịch vận động bầu cử suốt 9 tuần liền, từ ngày 11/3 đến 29/4. Chúng tôi đưa ra ứng cử viên là Jek Yeun Thong, phóng viên đã viết diễn văn đầu tiên bằng tiếng Quan thoại cho tôi.

Tuy nhiên, sau hai cuộc mít-tinh tại Hong Lim, chúng tôi biết rằng mình vẫn chưa giành được sự ủng hộ gì nhiều.

Hình ảnh của Ong trong lòng người dân ở đó vẫn không bị sút mẻ gì cả. Ông ta đã ban cho dân chúng ở đó quá nhiều ân huệ bằng cách phỏ mặc đường phố cho những người bán rong. Ông ta đã cho đặt các vòi nước

công cộng, lấp đèn đường

và nói về chuyện cấp giấy phép

tắc xi thoải mái. Dân chúng sẵn

sàng bỏ qua những lời nói dối

và nhiều thất bại khác của ông

ta. Họ bất mãn chỉ vì chúng

tôi không chịu cấp nhập cảnh cho

bà con của họ từ Trung Quốc qua, một điều giờ đây ông ta nêu lên

thành vấn đề lớn, mặc dù

Ong chưa từng làm như vậy bao giờ

lúc còn là một Bộ trưởng.

Ong biết rằng nếu chúng tôi làm

như vậy, sẽ có rắc rối lớn

với các sắc dân khác, cả với

giới người Hoa có Anh học, và

chắc chắn sẽ làm các nhà lãnh

đạo Malaya tức giận. Cử tri không

màng tới bốn kiến nghị có tính

chất thân cộng của Ong. Chúng tôi

khám phá ra những chuyện này khi

chúng tôi cố làm cho ra lẽ. Tôi

đã đi khắp Hong Lim, một khu bầu

cử đông dân nằm ở trung tâm

Chinatown, lên lên xuống xuống những cầu thang gỗ ọp ẹp của
những nhà

xưởng xiêu vẹo để vận động

hầu như tất cả mọi người, đôi

khi còn phải tới lui cùng một chỗ đôi ba lần. Dân

chúng tử tế thì có, nhưng ủng

hộ thì không. Chúng tôi đã

ráng hết sức mình, nhưng chúng

tôi biết họ đã quá gần bó

với Ong. Và chúng tôi còn phải

tính toán đến Lim Chin Siong, vốn cũng đang bất mãn bởi chúng tôi đã

sửa đổi luật pháp để cho

phép chính quyền kiểm soát tốt

hơn các nghiệp đoàn thân cộng

và các hiệp hội văn hóa.

Lim Chin Siong muốn bãi bỏ Hội đồng an ninh nội chính
bởi ông ta biết nếu ông ta vượt

quá những giới hạn nào đó,

Hội đồng sẽ ra tay, và nếu hội

đồng ra lệnh bắt giam các lãnh

tụ cộng sản, chính phủ Singapore sẽ

không hề có trách nhiệm gì

trong chuyện này cả

và không thể bị sỉ vả là

tay sai của thực dân được. Bởi

lần này đại diện của chính

phủ Malaya, chứ chẳng phải một thống đốc người Anh, với lá
phiếu

có tính quyết định, sẽ là

người phát pháo khai hỏa. Khi chúng tôi từ chối xét lại vấn đề
này, Lim đã phát biểu về những

chủ trương này tại một cuộc

mít-tinh gồm cả nghìn đoàn

viên công đoàn tại Victoria Memorial Hall và rĩ tai trong khu Hong
Lim là không ủng hộ PAP. Khi cuộc đầu phiếu

được tiến hành, Ong đã đánh

bại ứng cử viên của chúng tôi

với tỷ lệ 7.747 trên 2.820.

Đây là một thất bại đau đớn, nhưng tôi

quyết phải tiếp tục chiến đấu.

“Kết quả,” tôi nói, “cho

thấy rõ chúng ta phải xây dựng

lòng tin của quần chúng đối với

chúng ta.”

Điều an ủi trong kinh nghiệm cay đắng này là tôi thấy tin tưởng mình có thể trở

thành một diễn giả Hokkien. Với việc ngưng chức Ong vào tháng 6/1960, chúng tôi mất đi diễn giả Hokkien giỏi

nhất của mình, đủ sức đối

chọi được với Lim Chin Siong. Keng Swee đề nghị chính tôi sẽ là

người phải cố gắng trám vào

chỗ đó, chứ chẳng phải tìm

một ai khác để rồi người đó

có thể lại gây rắc rối cho chúng

tôi lần nữa. Do vậy, tôi bắt đầu

học phương ngữ này, tranh thủ một

giờ trong bữa ăn trưa hoặc vào lúc chiều tối, được ba, và thường

là năm lần một tuần. Tôi có

hai vị thầy giáo giỏi, nhân viên

của đài truyền thanh của chúng

tôi. Người thứ nhất dạy tôi

toàn bộ hệ chữ La tinh hóa hiện

đại để nắm được cách

phát âm các chữ Hoa theo giọng

Hokkien. Tiếng Hokkien chẳng giống tiếng Quan thoại chút nào, nó có tới bảy

âm vận, thay vì bốn, và dùng

những kết hợp từ khác nhau để

làm thành động từ, danh từ và

tính từ. Nhưng cả hai cũng đều

là tiếng Hoa, và may thay tiếng Quan thoại của tôi cũng đủ giỏi để

có thể đi thẳng vào tiếng

Hokkien mà không phải bắt đầu từ

đầu, cũng như xuất phát từ

tầng hai hay ba của một tòa nhà 25

tầng. Vậy mà lần đầu tiên

tôi phát biểu bằng tiếng Hokkien tại Hong Lim, trẻ em trong đám
công chúng đã cười rộ vì những cái

sai của tôi – âm sai, giọng sai, câu cú sai, hầu như cái gì cũng đều

sai. Nhưng tôi không thể cứ đứng

đó mà sợ sùng. Đó

là một vấn đề có tính

chất sống còn. Đó không chỉ

là việc đấu tranh với Ông. Tôi

đang chuẩn bị cho một cuộc tranh tài không thể nào tránh khỏi với

Lim Chin Siong và những người cộng sản.

Tất nhiên tôi sẽ thua nếu tôi

không thể nói được phương

ngữ đó đủ thành thực để
truyền đạt quan điểm của mình
cho khối đa số người Hoa thất học
hoặc ít học này, vốn không hiểu
được tiếng Quan thoại. Vào cuối
chiến dịch, và sau vô số bài
phát biểu, tôi đã nói được
tiếng Hokkien đủ cho người ta hiểu.

Để học một ngôn ngữ mới ở vào tuổi ngoài
30 như tôi, trong khi còn phải ngấp đầu trước hàng khối giấy tờ
được
đóng dấu nào là Ngay, Khẩn, Bí
mật, Tối mật, rồi biết bao là hồ
sơ có những dấu thập đỏ to
tướng nằm trên bìa hồ sơ
cộng với hàng dấu Cicero (trình đích danh), đòi hỏi một sức tập

trung

và nỗ lực gần như là siêu

phàm, tôi chẳng thể làm nổi

được chuyện đó nếu như

không có một động lực mang tính

bất buộc. Khi tôi bắt đầu, đúng

như một ngàn ngừ Trung Quốc đã

nói, nó khó còn hơn cử đỉnh

trước đèn. Ngay cả trong lúc ngồi

xe đến chỗ mít-tinh tôi cũng phải

nhắm bài, ôn lại những câu mới.

Đôi khi thầy giáo của tôi phải

ở bên cạnh để sửa sai ngay cho tôi sau bài phát biểu đầu tiên và

trước bài diễn thuyết kế tiếp.

Mỗi khi rồi tôi phải tập phát âm

lại cho đúng, học thuộc những từ

mới để chúng khắc sâu vào

đầu sao cho có thể thốt ngay ra cửa miệng mà không phải nhìn xuống

bản viết sẵn. Tôi phải học cấp tốc.

Bằng sự thực hành tại chỗ và lặp đi lặp

lại qua suốt mấy tháng liền, nói

mà không cần có ghi chép, làm

lỗi và sửa đi sửa lại hoài,

cuối cùng tôi cũng đã nói

sôi phương ngữ này, và có

thể phát biểu cả nửa giờ đồng

hồ mà không phải mò mẫm chữ

nghĩa và câu cú hay loay hoay tìm

chúng trong bản viết sẵn có gạch

dưới của mình. Công chúng đã
thấy hết những điều này và
tôi đã giành được lòng
thán phục của họ. Lúc mới đầu,
tôi lúng túng, vụng về và gàn
như đáng buồn cười. Nhưng nay
tôi đã đứng trước mặt
họ, bỗng dưng có thể diễn đạt
tư tưởng của mình bằng ngôn
ngữ của họ một cách trôi chảy.
Tôi có thể chẳng biết dùng
thành ngữ, thậm chí chẳng có
văn phạm gì cả, nhưng lời tôi
nói chẳng hề sai trệch ý nghĩa,
và được nói ra với cả sự

hùng hồn, đầy cảm xúc và
đầy tin tưởng khi tôi biện luận,
ca tụng, cảnh cáo, và cuối cùng
cũng đã lôi kéo được
một số người đi theo mình.

Tôi đã trở
thành người phát biểu phương
ngữ đó cho chính mình. PAP không
có một Lim Chin Siong hay một Ong Eng Guan, vốn là những diễn
giả người gốc
Hokkien. Dân chúng biết tôi bước
đi từ con số không vào năm 1961 và do vậy đã không nghi ngờ gì về
quyết tâm và nghị lực của tôi.
Tôi là người Hakka, và người
Hakka là nhóm dân thiểu số sống
giữa những người nói các phương

ngữ khác, và được coi là
những người có khiếu ngoại ngữ.
Điều này đã tăng thêm huyền
thoại. Họ nghĩ tôi học ngôn ngữ
mới một cách dễ dàng cũng là
điều tự nhiên. Nhưng chỉ có
Choo mới biết tôi đã phải chật
vật như thế nào để nắm được
tiếng Hokkien.

Ngay sau trở lực đó ở Hong Lim, chúng tôi đã
phải đối đầu với một trở
lực khác nữa. Khoảng chín ngày
trước khi có cuộc đầu phiếu
ở Hong Lim, dân biểu đại diện cho
khu Anson là Baharuddin bin Mohamed Ariff chết vì một cơn đau
tim. Anh là một người

Malay trẻ mới bước vào độ

tuổi 30, một phóng viên của tờ

Utusan Melayu, từng là nghị viên của PAP trong hội

đồng thành phố, một con người

có năng lực, thông minh và đầy

hứa hẹn. Đúng là một cú

sốc, và điều đó có nghĩa

là phải có một cuộc bầu cử

bổ sung khác nữa. Tôi biết những

người cộng sản giờ đây sẽ

cố đuổi theo chúng tôi cho đến

kỳ cùng. Họ sẽ xem vụ Hong Lim như

một dấu hiệu cho thấy khối người

nói tiếng Hoa mà chúng tôi đã

chinh phục trong cuộc tổng tuyển cử

thật ra là ủng hộ Ong chứ không

phải chúng tôi, và chúng tôi,

những người theo Anh học, không có lực lượng ủng hộ thực sự
trong khối người nói tiếng Hokkien.

Vào ngày Quốc tế lao động năm đó, khi đến
dự cuộc mít-tinh của Tổng Liên
đoàn lao động tại vận động
trường Jalan Besar, tôi quyết định sẽ không nhượng bộ. Tôi trích
câu Lim Chin Siong vẫn nói: “Tìm sự
tương hợp, duy trì sự khác biệt”,
một khẩu hiệu ngắn gọn mà Mao
Trạch Đông thường dùng mỗi
khi ông ta kêu gọi một mặt trận
thống nhất trong những vấn đề đặc
thù nào đó. Để vạch rõ
PAP sẽ không yêu cầu dẹp bỏ Hội
đồng an ninh nội chính khi hiến pháp được tu chính vào năm 1963,

tôi

đã phát biểu rằng: “Hãy
tìm kiếm sự hòa hợp nếu như
các bạn muốn, nhưng là trên quan
điểm của PAP, bằng không hãy giữ
lấy sự khác biệt của các bạn
và đừng tìm kiếm sự hòa
hợp gì cả nếu như các bạn
thấy rằng PAP đi ngược với lợi
ích của các bạn.” Chúng tôi
tin rằng có thể bỏ ngỏ những vấn
đề then chốt về sửa đổi hiến
pháp cho đến năm 1963 được,
nhưng vì những biến chuyển trước
và trong thời gian bầu cử bổ sung ở

Hong Lim, tôi quyết định phải giải quyết chúng sớm.

Mấy ngày sau, một nữ liên lạc viên người

Hoa đã đến gặp Choo ở văn

phòng, có mang theo thư gửi cho tôi.

Cũng cô liên lạc đó vào đầu

năm đã chuyển cho tôi một bức

thư do ông Đặc mệnh gửi, yêu

cầu tôi đặt cho ông một cái

tên giả để liên lạc với ông

ấy. Tôi đã quyết định chọn

cho ông cái tên là "Ping An",

với họ là "Fang", nghĩa là

"bình an và yên tĩnh". Lần

này ông hỏi tôi có thể gặp

ông được hay không, và nếu

được thì quay số điện thoại

của cửa hiệu xe đạp trên đường

Rochor.

Tôi lưỡng lự. Lần cuối cùng chúng tôi gặp
nhau, tôi chỉ là một dân biểu.

Bây giờ tôi đã là Thủ
tướng. Nếu tôi bị phát hiện
là có liên lạc với kẻ thù,
thật rắc rối vô cùng. Và tôi
sẽ phải tới gặp ở địa điểm
bí mật nào đó một mình.

Một khi tôi đã là mối đe
dọa trong những kế hoạch của họ,
những người cộng sản có thể
âm thầm thanh toán tôi. Tôi đã
quyết định chơi liều một phen,
nhưng có tính toán trước, để

biết ông ta đang nghĩ gì. Điều
đó cũng nguy hiểm cho chính ông.
Tôi có thể đến chỗ họp và
đã báo trước cho cảnh sát.
Họ có thể mai phục ông ta. Nhưng
bằng cách chọn một cái tên giả
có bao hàm tên họ của ông ta,
tôi có ý cho biết rằng tôi đã
biết ông ta là ai: anh trai của nghị
viên Fung Yin Ching. Nếu muốn bắt giữ
ông ta, tôi sẽ không bỏ qua dịp
này, và điều đó cũng dễ
cho ông thấy tôi là người đáng
tin cậy. Tôi cũng đánh liều mà
coi ông là một người đáng

tin cậy và không lợi dụng tình

thể dễ bị thiệt hại của tôi.

Khi gọi điện tới, tôi nhận ra giọng trả lời là

của người đã tiếp xúc lần

đầu tiên với tôi vào năm

1958. Chúng tôi đồng ý với nhau

về địa điểm gặp gỡ, rằng

tôi sẽ tìm một cô gái tóc

thắt bím đi bộ dọc theo đường

Keng Lee cách chỗ quảng trường Newton vào lúc 8 tối ngày
11/5/1961. Một

lần nữa tôi đã dùng chiếc

Morris Minor màu xanh lục nhạt của cha tôi và đón cô ta lên xe.
Ông Đặc

mệnh hản đã sắp xếp bám

đuôi chiếc xe của tôi để chắc

rằng không ai theo dõi chúng tôi cả, nhưng tôi đã không nhìn vào

kính chiếu hậu bởi biết đâu

cô ta báo cáo lại chuyện này

và do vậy làm đẩy lên sự nghi

ngờ và mất tin tưởng. Sau khi đi

gần trọn con đường, chúng tôi

dừng lại ở St Michael's Estate, một khu chung cư đang xây dựng
của Ủy ban

gia cư và phát triển nằm trên

đường Serangoon. Khả năng và sự

thông minh của tổ chức cộng sản

khiến tôi thán phục. Chẳng ai khác có nhúng tay vào vụ gặp gỡ này

ngoại trừ HDB. Tôi bước trong tối, leo lên hai dãy bậc thang của
một khối nhà đang xây dở dang. Vật liệu

xây dựng còn vung vãi đó đây,

và chưa có điện có nước

gì cả. Khi tôi bước vào căn

phòng thấp nền do cô gái chỉ,

ông Đặc mệnh đang đứng đó

chờ tôi. Trong phòng chỉ đặt có

hai ghế bành và một cái bàn ở

giữa. Ông biết tôi là một người

có uống bia nên đã mời tôi

loại bia Anchor. Ông khui một chai, rót đầy một vại cho tôi, rồi cho ông. Ông

ta uống trước. Tôi mong là mình

đừng để lộ vẻ ngấp ngừng

trước khi uống. Chúng tôi phải

tin cậy nhau thì mới cởi mở tác

lòng với nhau được.

Ông trông khỏe hơn, tuy gầy hơn so với lúc chúng
tôi gặp nhau lần cuối cách đây

hai năm. Tôi hỏi ông dạo này ra

sao. Ông nói rằng cũng lắm gay go, khá vất vả. Tôi bảo ông không có

về gì là như vậy cả, trông

ông khỏe khoắn lắm. Không phải,

ông cảm thấy vậy thôi. Ông cảm

ơn tôi đã giúp đỡ cho em gái

của ông. (Cô đã bị bỏng lúc

còn nhỏ và đôi chân đã

bị sẹo nhiều đến nỗi lúc

nào cũng phải mặc quần dài. Vào

năm 1960, Choo đã sắp xếp để

Yeoh Ghim Seng, giáo sư phẫu thuật và một người bạn của tôi thời

còn ở London, tiến hành ghép da cho cô.) Khi chúng tôi trở lại đề

tài chính trị, giọng nói của

ông có vẻ lo âu. Ông nói rằng

tôi nên mau chóng thay đổi cách

nghĩ của mình, điều đó có

nghĩa rằng nếu tôi không chấp nhận quan điểm của ông, chúng tôi sẽ
tự mình rước lấy cái khổ.

Cũng như những lần gặp nhau trước

đây, tôi vẫn giữ thái độ

im lặng. Tôi không vội tranh luận với ông; tôi sẵn sàng hòa giải
nhưng sẽ không cam kết gì cả.

Nhưng tôi muốn biết ông muốn nói
gì với tôi.

Chúng tôi đã trò chuyện với nhau suốt bốn tiếng đồng hồ, từ
8 giờ 15 đến quá

nửa đêm, điếm qua nhiều vấn

đề. Nhưng ông sẽ quay trở về

lần nữa đề “trao cho dân chúng

quyền dân chủ, tự do văn hóa, tự

do nhập sách vở từ Trung Quốc hơn

và được phép nhập cư thoải

mái hơn” – tóm lại, tạo

nhiều cơ hội hơn cho các hoạt động của cộng sản, cho sự bành trướng

của cộng sản. Ông muốn chúng tôi

cộng tác, không phải vì nền độc

lập, cũng không phải để đòi

lại các căn cứ của người Anh

– những chuyện này có thể làm

được trong một vài năm – mà

là để giải tán Hội đồng

an ninh nội chính.

Ông bắn khoăn trước việc tôi nói rằng chính

phủ PAP từ chối chuyện này, và

muốn biết chủ định của tôi

như thế nào. Tôi nói rằng nếu
tôi kết luận tình huống hiện tại
sẽ chỉ tệ hại hơn thêm trong những năm tới, thì việc chờ đợi
cho nhiệm kỳ năm năm kết thúc sẽ
chẳng có ý nghĩa gì. PAP sẽ
thất bại. Và tôi sẽ chỉ tiếp
tục nếu có triển vọng rằng các
chính sách của mình thành công.
Tôi giải thích rằng phải phụ
thuộc rất nhiều vào sự đồng
ý của Liên bang về thị trường
chung, để có được cơ hội
tốt hơn cho việc công nghiệp hóa
và tạo được nhiều công ăn
việc làm hơn. Ông hỏi tôi có

nghĩ rằng Tunku sẽ sớm tính chuyện hợp nhất không. Tôi trả lời rằng

không có triển vọng gì lắm,

Tunku nhất quyết chống Singapore. Chúng ta quá Trung Hoa và người Hoa thì lại quá thân cộng.

Ông cứ nhấn mạnh với tôi hoài rằng mục tiêu trước mắt cho cuộc bàn thảo hiến pháp trong năm 1963 nên là chuyện giải tán Hội đồng an ninh nội chính.

Sau khi quan sát cử chỉ, giọng nói và sự mong mỏi có PAP cộng tác nhưng theo những điều kiện của ông, tôi thấy mình ngu lắm mới đồng ý với ông. Rõ ràng ông ta muốn chúng tôi góp phần vào việc tạo thêm cơ hội cho những người cộng sản bành trướng mặt trận

thống nhất của họ từ 1961 đến

1963, và rồi giải tán Hội đồng

an ninh nội chính cho dù người Anh không thể nhượng bộ cái gì khác được.

Tôi quyết định rằng cứ quanh co thì chẳng đạt được gì. Tôi đang trong chính

quyền. Nếu bây giờ tôi đồng

ý với ông ta, thì sau này, xem những hành động của tôi, ông ta sẽ thấy là tôi nói dối. Tôi không

trực tiếp trả lời với ông là

“không”, mà nói rằng tốt

nhất ông ta nên nghĩ rằng PAP sẽ

làm những gì mà đảng đã

phát biểu trước công chúng rằng

mình sẽ làm. Nói khác đi những

tuyên bố công khai của tôi vẫn

nói lên đường lối của tôi
trong tương lai. Chúng tôi đã bắt
tay nhau để từ già. Ông chẳng tỏ
vẻ hiềm thù hay oán giận gì
cả. Ông có lẽ đã ngạc
nhiên là tôi đã thoái thác,
khi mà tôi có thể nói xuôi
theo và rồi sau đó làm theo ý
mình.

Lúc đó tôi cảm thấy rằng ông chưa hiểu
hết tình huống rằng chừng nào
người Anh chưa trao độc lập cho
Singapore, chừng đó họ vẫn còn
có quyền thu hồi hiến pháp. Chừng
nào chủ quyền và các căn cứ
vẫn còn trong tay người Anh, chừng đó ông ta quả là ngu xuẩn mới

tin rằng mình có thể khiến cho Hội đồng
an ninh nội chính bị giải tán và
xây dựng được sức mạnh của
cộng sản tại Singapore nhằm làm suy yếu được Liên bang. Ông đã
tính sai nước cờ. Người cộng
sản chẳng bao giờ có thể kiểm
soát được Singapore mà không kiểm
soát được Malaya trước, vậy
mà ông lại hy vọng dùng Singapore để
lật đổ chính quyền ở Kuala
Lumpur. Sao ông lại nghĩ người Anh sẽ
chịu để cho chuyện đó xảy ra
được kia chứ? Thực ra tôi đã
nói với Selkirk ở một cuộc họp
của Hội đồng an ninh nội chính

rằng người cộng sản muốn rằng

bằng bất cứ giá nào cũng phải

biến hòn đảo này thành một

căn cứ để giải phóng toàn

Malaya, và họ đã tích cực cổ

vũ cho chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi

của người Hoa bằng cách đánh

mạnh vào nỗi sợ bị người

Malay thống trị của người Hoa nếu

như chuyện hợp nhất xảy ra.

Tôi đã nói với Selkirk và Moore rằng người cộng sản tin rằng hiện tại không cần

phải chống đối những căn cứ

của người Anh, bởi chúng có thể

dễ dàng trở nên vô dụng khi có

chiến tranh. Họ cũng chẳng coi trọng luận điểm kinh tế tán đồng

việc hợp nhất và tin rằng, cũng y

như Cuba và người Nga vậy, họ có

thể trông cậy vào sự giúp đỡ

đại quy mô của Trung Quốc. Như vậy, nếu Singapore không sớm
liên kết với Liên bang, tình thế có thể sẽ

trở nên không kiểm soát nổi,

nhưng nếu có thể đưa ra được

trước công chúng một đề xuất

hợp nhất trong vòng chín tháng hay một năm, thì chuyện có thể
được.

Sau đó, có lẽ sẽ là quá

trễ. Tôi đã nhấn mạnh với

Moore rằng chúng ta đang ở một thời điểm có tính quyết định, và

nếu người Anh đề cho những người

cộng sản tin rằng có thể có một

Singapore thân cộng được, họ sẽ

gây rắc rối cho cả Singapore lẫn

Malaya. Tôi tuyệt đối tin chắc rằng cho dù người Anh có chấp nhận

chuyện xây dựng bước đầu đi

chẳng nữa thì họ cũng sẽ đình

chỉ hoãn pháp ngay khi mọi điều

đã vượt ngoài tầm kiểm

soát. Sẽ có bạo loạn và đổ

máu, và những người cộng sản

sẽ bị đè bẹp bởi quân đội

Anh vốn vẫn nắm chủ quyền trên

đảo này.

Nhưng chuyện đó ông Đặc mệnh phải hiểu chứ
việc của tôi đâu phải là
giải thích cho ông ta.

22 TIẾNG

BOM CỦA TUNKU VỀ VIỆC HỢP NHẤT

Cuộc xung đột giữa chúng tôi với những người cộng sản đang tới hồi căng thẳng, trong khi ở chuyện hợp nhất với Malaya chúng tôi lại hoàn toàn chẳng đạt được một tiến bộ nào cả. Thái độ của Tunku đối với Singapore thật đáng nản, và ông ta luôn tránh né, tảng lờ trước bất kỳ đề nghị hợp nhất nào. Ông nhất quyết không chịu hợp nhất dù là dưới

bất kỳ hoàn cảnh nào, và ông

đã tận dụng mọi cơ hội,

riêng tư hay trước công chúng, để

nói rõ điều này. Vào tháng

5/1960, ông phát biểu trước sinh viên Malay tại London rằng suy nghĩ chính trị, cũng như cơ cấu chủng tộc, tại

Singapore đều khác hẳn với Malay. Cho nên việc có thêm 1,3 triệu dân

Hoa trên hòn đảo này sẽ chỉ

gây hỗn độn cho người Malay và

phá vỡ bầu không khí bình yên

của đất nước. “Nhiều người

Hán học và những di dân mới đến

xứ này,” ông nói, “sẽ

luôn luôn trung thành với Trung Quốc và họ chẳng mấy có tâm hồn hướng về Malay.”

Nhận định của ông đúng là nhận định

của một Tunku. Quả là thẳng thắn.

Trong một chương trình truyền thanh hồi tháng 6/1960, khi được hỏi triển

vọng hợp nhất ra sao, tôi đã

quyết định dập tắt các kỳ

vọng bằng cách cho rằng điều đó

sẽ không thể xảy ra trong tương lai gần được. Tôi đã trả

lời rằng Liên bang rất muốn giữ

nguyên cán cân chủng tộc của

mình, và họ e rằng có quá

nhiều người Hoa Singapore thiện cảm với cộng sản; do đó, bản phận của

chúng ta là phải cho thấy một cách

cụ thể rằng chúng ta đích thực

trung thành với Malay.

Điều đặc biệt đáng lo là việc Tunku dừng

dựng trước sự tổn thương mà

ông ta đã gây ra cho tình cảm

của dân chúng Singapore bằng cách dội nước lạnh vào các hy vọng của

chúng tôi. Mỗi lần ông ta làm

như vậy, báo chí đều có

đăng tải thật rõ ràng, và

điều này có nghĩa là ông

ta đang củng cố niềm tin cho những người chủ trương cho Singapore được độc

lập trong tách biệt. Vào tháng

10/1960, ngay cả Lim Yew Hock và Liên minh Nhân dân Singapore cũng đều công khai ủng hộ việc thành lập Singapore như một quốc gia có chủ quyền trước đây,

còn chuyện hợp nhất với Malaya thì

để lại sau này hẵng hay. Nhưng như

tôi đã nhấn mạnh với Selkirk,

điều này thậm vô lý. Một

Singapore độc lập dưới sự kiểm

soát của cộng sản sẽ chiến đấu

tới cùng trước khi buông xuôi chủ

quyền của mình cho Liên bang.

Selkirk, con trai thứ

của một công tước Scotland, người

cao, hơi lom khom và trông đáng đúng là một nhà quý tộc. Ông có

mái tóc hoa râm, gương mặt xương

xấu, thường có vẻ như cau có,

và có thói quen lơ đãng, khi

đang ngẫm nghĩ vấn đề gì thì

ông như đang nghịch với hàm răng

của mình, nhất là với một trong

những chiếc răng trên, bằng cách

dùng lưỡi búng vào nó. Ông

không phải là người có đầu
óc mạnh, nhưng có một sự hiểu
biết xã hội sâu sắc và vẻ
quyến rũ của một nhà quý tộc
khiến kẻ dưới phải an tâm. Ông
hiểu chuyện và chúng tôi ăn ý
với nhau; nhưng người phó của ông,
Philip Moore, hẳn có lúc đã hiểu
sự nôn nóng của tôi, và ông
ta đã nghi ngờ rằng tôi chẳng coi
ông có kí lô nào. Do đó,
để nhấn mạnh tầm quan trọng của
mình, ông ta cứ nhắc đi nhắc lại
với tôi rằng Selkirk đã từng là
một Bộ trưởng trong nội các và

vẫn còn trực tiếp tiếp xúc với

Thủ tướng.

Ba tháng sau, ngài Geofroy Tory, cao ủy Anh tại Malaya, nói cho tôi biết Tunku đã nói riêng với ông

là ông ta thấy rất phiền hà mỗi

khi tôi, hay bất kỳ phát ngôn nhân

Singapore nào khác, tuyên bố trước

công chúng rằng hợp nhất là một

chuyện có thể có. Bởi lẽ nó

tạo lợi thế và khuyến khích các

địch thủ của ông, những người

xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là

người Hoa, những kẻ đang khao khát

cái ngày họ có thể liên minh

lực lượng được với PAP ngoài

đảo. Mặt khác, điều đó

có khuynh hướng gây căng thẳng cho

quan hệ của ông với phe quốc gia Malay, vì rằng bất kỳ dấu hiệu nào

cho thấy chính phủ Liên hiệp đang

suy nghĩ nghiêm túc ý kiến *quan hệ hữu nghị* với Singapore theo kiểu nào đó cũng

đều dễ làm tăng nỗi lo sợ

của họ là đường lối của

ông ta sẽ cho phép người Hoa tràn

vào và đè bẹp người Malay.

Cho dù có nỗ lực nào đi chăng

nữa thì Tunku, Razak và Ismail cũng sẽ

không ngồi xuống và thảo luận

nghiêm túc với tôi về tương

lai lâu dài của Singapore và Malaya. Họ

không muốn nghĩ tới những hậu quả

khủng khiếp cho Malaya nếu như Singapore độc lập và nằm dưới sự kiểm

soát của cộng sản.

Cuối cùng – để cho tôi vẫn còn có hy vọng,

theo tôi nghĩ – người Anh đã

khuyến khích tôi đưa ra một công

thức rộng hơn, một thiết kế lớn

hơn về một liên bang mà sẽ không

chỉ bao gồm Singapore mà còn cả ba

lãnh thổ bảo hộ khác trên đảo

Borneo (đó là Bắc Borneo, Brunei và Sarawak), như vậy bài toán chủng tộc sẽ không gây đảo lộn cho khả

năng đa số của người Malay. Selkirk và Moore khuyến tôi nên soạn ra một văn kiện, không phải gửi cho Tunku, nhân vật luôn bức bối với chuyện này,

mà cho Razak. Tôi nghĩ chắc là, thông qua Geofroy Tory, họ đã thuyết phục được Razak xem xét quan điểm ấy,

và tôi đã soạn ra văn kiện

đó vào đầu tháng 5/1961 và

trao nó cho Ismail để trình lên ông ta. Thật vậy, người Anh đã làm việc kỹ với ông ta với sự hỗ

trợ của Robert Thompson, một viên chức Dân sự vụ Malay, ủy viên quốc

phòng của Malay và từng làm việc

gần gũi với Razak.

Nhưng người đã đề cập thẳng chuyện này

với Tunku là Duncan Sandys, Bộ trưởng Ngoại giao phụ trách quan hệ của Khối Thịnh vượng chung. Ông đến

Singapore vào tháng 1/1961, trên đường đến Malaya, để báo với cả hai chính phủ rằng nước Anh đang

sắp đệ đơn gia nhập khối Thị

trường chung Châu Âu. Tôi đã

nhân cơ hội này để giải

thích cho ông hiểu rõ mối nguy hiểm đang đặt ra trước mắt chúng

tôi nếu như không có cuộc họp
nhất vào năm 1963, thời điểm của
những đàm phán về hiến pháp
– một Singapore theo cộng sản sẽ là một kết quả không thể nào
tránh
khỏi. Tôi hẳn đã tác động
được ông ta. Moore đã nói
với tôi sau đó rằng Sandys nói
là ông ta chưa từng gặp một nhà
lãnh đạo đương quyền nào
lại thiết tha với chuyện trao quyền của mình cho một trung tâm
quyền lực khác đến như vậy. Các tài liệu
lưu trữ Anh cho thấy rằng Sandys đã nói chuyện với Tunku, và
Selkirk thuật lại rằng Sandys có kể với ông là
cuộc nói chuyện thật thuận buồm
xuôi gió, tuy ông ta chẳng cho biết chi tiết.

Sau này tôi mới được biết rõ về Sandys. Ông

ta có thể thắng thần và cả
thắng thù. Ông là con rể của
Winston Churchill, và không hề thiếu tự
tin. Ông gan dạ và hết sức quả
quyết. Ông có một chân bị thương
trong một vụ tai nạn xe hơi thời kỳ
chiến tranh và nó thường gây đau
nhức, nhưng ông dùng thuốc giảm
đau và khập khiễng tới lui với
cây gậy, gắn bó với cuộc sống
và lao đầu vào công việc. Ông
là một con người đáng yêu,
đáng ngưỡng mộ nếu như bạn
ngẫu nhiên cùng phe với ông ta. Cũng may là tôi rơi vào trường hợp
như thế. Ông hối thúc việc hợp

nhất thành một “Malaysia” rộng

lớn hơn và hẳn đã thuyết

phục được Harold Macmillan, Thủ tướng Anh, đề ủng hộ ông và gây

sức ép với Tunku.

Bất ngờ, vào ngày 27/5/1961, Tunku khi nói chuyện tại Hiệp hội Phóng viên nước ngoài

của Đông Nam Á đặt tại

Singapore đã phát biểu rằng:

“Chẳng chóng thì chầy Malaya cũng sẽ có được

sự nhất trí với người Anh cùng

nhân dân Singapore, Bắc Borneo, Brunei và Sarawak. Bây giờ còn quá sớm để

tôi có thể cho biết sự nhất trí

này đã đạt tới đâu

nhưng hiển nhiên rằng chúng tôi

phải hướng đến mục tiêu này

và nghĩ tới một kế hoạch qua đó

có thể đưa các vùng lãnh

thổ ấy lại gần nhau hơn trong một

khối hợp tác chính trị và kinh

tế.”

Ông đã nói rằng khuynh hướng tự nhiên của

người Hoa tại Singapore là biến hòn đảo này thành một “tiểu

Trung Quốc”. Nếu như dân chúng

Singapore và của Liên bang có thể

biến Malaya thành một thứ đúng

như mong muốn – ngôi nhà duy nhất

của chúng ta – thì thật là hay

biết mấy. Điều này đúng là

một tiếng bom. Chẳng hề có dấu

hiệu nào trước đó cho thấy

có sự thay đổi trong lập trường

khăng khăng của ông là chẳng thể
dung nạp Singapore được. Lúc đọc
được lời phát biểu đó
của Tunku, tôi biết ông Đặc mệnh
sẽ nghĩ rằng tôi đã lừa ông
ta hồi lúc chúng tôi gặp nhau vào
tháng 5, rằng tôi đã nói dối,
bởi khi trả lời câu hỏi của ông,
tôi có nói rằng việc hợp nhất
khó có thể xảy ra trong một vài
năm bởi Tunku không tin tưởng người Hoa ở Singapore.

Lúc đó Tunku đã không giải thích tại
sao ông đổi ý. Về sau, vào tháng
10, ông đã phát biểu tại Quốc
hội ở Kuala Lumpur rằng lúc đầu
ông không tán thành việc hợp

nhất bởi chuyện này sẽ gây nguy

hại cho nền an ninh của Malaya, nhưng thời thế đã thay đổi. Ông không

giải thích. Nhưng tôi chỉ có thể

đoán chừng người Anh đã

thuyết phục rằng ông phải kiểm

soát nền an ninh của Singapore để bảo vệ cho chính Malaya, bởi khối người Hoa đa số tại hòn đảo này

có vẻ rất dễ thuận theo chủ

nghĩa cộng sản. Tôi tin rằng Ismail hiểu rõ nguy cơ lật đổ tại hai lãnh

thổ đã có quan hệ mật thiết

với nhau ra sao. Ông từng được

thấy, ví dụ, tuy chỉ có phân

nửa sinh viên ở Đại học Nanyang là

từ Malaya thôi, nhưng họ cũng đã

trở thành lực lượng nòng cốt

trong giới lãnh đạo cánh tả và

là những kẻ gây rắc rối, và

còn sẽ gây khó khăn hơn sau khi

tốt nghiệp và quay trở về Malaya.

Cả Selkirk lẫn Moore đều không ngờ trước sự

thay đổi ý kiến hoàn toàn của

Tunku. Điều đó đến với họ

quả là một “ngạc nhiên đầy

thích thú”. Người Anh từ lâu

đã từng bàn về quan điểm

một “Malaysia” rộng lớn hơn như

một giải pháp cho mục tiêu lâu

dài của họ là gộp các thuộc

địa của họ trong khu vực lại với

nhau thành một liên bang trước khi trao trả độc lập cho những
thuộc địa

đó. Nhưng vấn đề quan trọng
nhất là chính quyền PAP có phải
là do cộng sản chi phối không? Họ
tin rằng tôi đã trả lời cho câu
hỏi đó khi tôi nhấn mạnh công
khai về chuyện hợp nhất như là
một phương cách để đạt
được sự độc lập cho Singapore,
vì rằng điều này sẽ khiến
cho MCP chẳng thể giành quyền bính
được. Đến lúc đó họ
mới khởi sự xem xét nghiêm chỉnh
kế hoạch này.

Vào tháng 5/1961, Tunku dường như ít ra cũng đã sẵn sàng
xem xét đến chuyện hợp

nhất Singapore vào một Liên bang Malaysia.

Thế nhưng có những lúc trong suốt
sáu tháng sau đó chuyện này đã
có vẻ như chẳng đi tới đâu
hết, bởi lẽ ông ta cũng vẫn hãy
còn thấy ngại. Cũng may là trong suốt thời gian này tôi đã có thể
bàn bạc với phần lớn các thành
viên trong ủy ban Anh, nhất là với
Philip Moore.

Vào năm 1961, chúng tôi đã có thể hiểu
nhau được. Người Anh nhìn thấy
những khó khăn đang đặt ra cho
chính quyền PAP, và đã khởi sự
tạo xung lực cho một Liên bang Malaysia, và gây nên một cảm giác
rằng chuyện
này là tất yếu. Hai tuần sau họ
đã hưởng ứng đề nghị

của Tunku thông qua một loạt những phát biểu tán đồng. Đầu tiên là

Selkirk, trong phát biểu ngày 13/6, đã mô tả điều này như thể “một kế hoạch lâu dài, hữu lý”.

Một tuần sau, Macmillan, khi trả lời câu hỏi của Fenner Brockway ở Hạ viện, đã nói rằng:

“Tôi vui mừng trước đề nghị đầy ắp

tượng mới đây của Thủ tướng

Malaya rằng chẳng chóng thì chầy Liên bang cũng đạt tới một sự nhất

trí với chính phủ Anh và với

Singapore, Bắc Borneo, Sarawak, Brunei về một kế

hoạch sẽ đưa những lãnh thổ

ấy vào một liên hiệp kinh tế và

chính trị. Phát biểu của Tunku Abdul Rahman đã gây ra sự bàn tán tại

những nước đó và chính phủ

tất cũng sẽ tính đến những
phản ứng của họ khi xem xét về
đề nghị đó... Tôi nghĩ
rằng điều quả đáng mừng là
chuyện này đã được nêu
lên và kích thích thảo luận.”

Kể đó, Selkirk đã triệu tập một cuộc họp
vào ngày 27/6 bao gồm các thống đốc Anh ở Sarawak và Bắc
Borneo, cao ủy Anh tại Malaya và ủy viên Anh ở Brunei. Goode,
giờ
đây là thống đốc của Bắc
Borneo, đã nói về “sự cần
thiết phải nắm lấy đúng lúc
này để thông qua kế hoạch
“Malaysia hùng cường” của Tunku
nhằm bảo đảm thành công cho nó”.

Vào ngày 30/6, ngay sau cuộc họp đó, Selkirk đã bay đi London để bàn

bạc với nội các về kế hoạch

này.

Việc người Anh biểu lộ công khai ủng hộ một

Liên bang Malaysia và sự hợp nhất hẳn đã đánh động những người cộng sản. Sáng kiến của Tunku tiến

triển thật nhanh chóng, và ông Đặc

mệnh sẽ phải tính toán đến

điều này. Sự khích động của

họ nhanh chóng trở nên rõ rệt

khi Lim Chin Siong tái xuất hiện với một loạt những tuyên bố chống hợp

nhất. Vào ngày 2/6, “Lục Đại

gia” lãnh đạo nghiệp đoàn –

Lim Chin Siong và Fong Swee Suan, cộng với Sidney Woodhull, Jamit Singh, S.T. Bani và Dominic Puthuchearry, em trai của James

(bốn trong số họ chẳng phải người Hoa đã cho họ có
cái vẻ đa chủng tộc) – đã
đưa ra phát biểu kêu gọi đòi
“tự trị đối nội hoàn toàn
không phải trên danh nghĩa mà là
thực tế”, đòi kiểm soát an
 ninh nội đảo và bãi bỏ Hội
đồng an ninh nội chính. Họ kêu
gọi cử tri Anson bỏ phiếu cho PAP nếu để làm cơ sở cho sự chiến
thắng trong các cuộc đàm phán
hiến pháp năm 1963 và để những
yêu cầu của họ sớm được
công nhận. Thế rồi Lim đã đặt
mặt trận thống nhất của lực lượng
cộng sản lên bàn cân, với 42

nghiệp đoàn cam kết ủng hộ Đảng

PAP chống thực dân và khuynh tả trong kỳ tuyển cử bổ sung sắp tới. Nói

khác đi, nếu PAP không chống thực

dân và khuynh tả đúng mức như

họ muốn, PAP sẽ chẳng thu được

hậu thuẫn của các nghiệp đoàn,

vốn đại diện cho “ước muốn

của công chúng”.

Đó là lời cảnh cáo với tôi rằng hãy chơi

theo luật của họ. Tôi trả lời

rằng: “Giờ đây nền độc

lập thông qua việc hợp nhất trong một thực thể to lớn hơn đã rõ

ràng trước mắt chúng ta và sẽ

trở thành sự thật sớm hơn mức

người ta đã nghĩ cách đây

hai năm.” Tôi cũng vạch rõ rằng

chúng tôi sẽ không tính đến

chuyện giải tán Hội đồng an ninh

nội chính cho đến khi nền an ninh của chúng ta được đảm bảo bên

trong Liên bang nhờ vào sức mạnh trong bầu cử của cộng đồng Malay. Chính

ông Đặc mệnh sẽ quyết định

ông ta phải làm gì sau đó.

Vào ngày 10/6, ngày công bố danh sách ứng cử viên cho cuộc bầu cử bổ sung tại

Anson, PAP đã đề cử một người

Malay là Mahmud bin Awang. Ông là chủ tịch của Tổng liên đoàn lao động

nhưng lựa chọn này không có lợi

cho những người cộng sản. Ông từng

bị bắt nhưng rồi được thả

ra ngay sau đó. Ông ta ăn ý với

Devan Nair và do đó là một người

của phía chúng tôi. Ông sẽ đối

đầu với David Marshall, ứng cử viên của Đảng Công nhân, người mà

tôi cảm thấy chắc là đã ra

tranh cử dưới sự xúi giục của

Lim Chin Siong và Fong. Thật vậy, vào ngày 14/6, báo chí đã tường thuật

phát biểu của Marshall rằng ông đã

sang thăm Liên bang sau phát biểu của Tunku tại Hiệp hội Phóng viên nước

ngoài, và ông tin chắc sẽ không

thể có hợp nhất trong vòng 10 năm.

Ông tán thành một Singapore độc

lập (nhưng nhất thiết phải giải

tán Hội đồng an ninh nội chính),

và chủ trương rằng một khi

Singapore được độc lập thì

việc hợp nhất sẽ dễ dàng hơn.

Ngay sau khi cuộc vận động bầu cử bắt đầu, John

Linsell, giám đốc Sở đặc vụ,

báo cáo rằng có một nhóm nào

đó muốn ám sát tôi. Nguy hiểm

sẽ rất lớn tại một trong các

cuộc mít–tinh vận động tranh cử

ngoài trời, bởi ở đó có

thể ám sát diễn giả đứng

trên diễn đàn và rồi lui

trốn dễ dàng. Họ để cho tôi

quyết định cần có biện pháp

an ninh đến mức nào và có nên

xuất hiện trước công chúng hay là

không. Tôi không có lựa chọn nào

khác. Không có mặt trong một chiến

dịch vận động quan trọng chỉ bởi

vì bị đe dọa ám sát thì

quả là tai hại về mặt chính

trị. Mặt khác, cứ thẳng bước

đi tới mà không có biện pháp

an ninh thì cũng là ngu xuẩn; trong khi tăng cường các biện pháp an ninh thì

trông có vẻ phòng thủ quá. Tôi

bảo với Sở đặc vụ là làm

càng kín đáo càng tốt nhưng

cũng thận trọng tới đa.

Tối hôm đó tôi đã phát biểu tại khu vực

bầu cử của mình. Cũng quang cảnh

đó, con người đó, thân thiết

với tôi, và tôi cảm thấy an toàn
một cách hợp lý. Nhưng rồi tôi
còn phải nói chuyện tại những
khu khác ít thân thiện hơn. Tôi
cảm thấy đôi chút lo lắng, nhưng
đành chấp nhận rằng đó như
một phần của cuộc sống chính trị
trong điều kiện đầy khủng bố
của Singapore và Malaya ngày ấy.

Tôi có ý tin rằng những người cộng sản muốn
tiêm vào tôi sự sợ hãi và
nhìn xem tôi phản ứng ra sao. Tôi tính rằng thật ra ám sát tôi không
có lợi cho họ khi mà chỗ đứng
của tôi trong công chúng khá cao. Tôi chưa bị xem là kẻ thù của
công
chúng như Lim Yew Hock hồi năm 1956. Và họ cũng không muốn

phải gặp một

đợt thanh lọc đại quy mô đối

với mặt trận thống nhất – đảng,

các nghiệp đoàn và các hiệp

hội văn hóa – vốn chắc chắn

sẽ xảy ra nếu tôi bị hại. Nếu

tôi thua trong trận chiến tuyên truyền để lôi cuốn quần chúng và

bị xem là “bù nhìn của đế

quốc”, chừng đó sẽ khác.

Giết tôi lúc đó sẽ chẳng

có thiệt hại gì về chính trị,

trong trường hợp đó thì chắc

tôi chẳng dám liều.

Hóa ra Sở đặc vụ và Phòng điều tra hình sự

đã tiến hành một loạt những

cuộc bố ráp vào ngày 18/6, dẫn

đến việc bắt giam một tay bảo kê

đầu sở cùng 10 người khác

nữa, trong đó họ tìm được

một cái giỏ chứa ba quả lựu đạn

giấu trong nhà của tay bảo kê. Nhưng cuộc thẩm vấn cho thấy rằng một

tay chỉ điểm đã bịa ra vụ âm

mưu ám sát và nhét mấy quả

lựu đạn vào đó với sự

đồng lõa của một hạ sỹ quan

thám tử của Phòng điều tra hình

sự. Đoạn cuối của vở kịch,

quả là chán. Tuy nhiên cho đến

khi biết ra vụ âm mưu ám sát chỉ

là bịa đặt, thì tôi đã

đứng trước một vấn đề có

thực là phải ứng phó với chuyện

đó ra sao.

Ba ngày trước khi bầu cử, tôi đã phát biểu rằng cho dù là các bang Bắc Borneo có gia nhập hay là không, “chúng ta cũng phải nỗ lực cho cuộc họp nhất giữa Singapore và Liên bang với hai điều kiện cần thiết là tự do trong giáo dục và các chính sách lao động.” Tôi biết rằng chúng tôi phải đưa những chuyện này ra ngoài tầm kiểm soát của chính phủ Liên bang, bằng không chúng tôi sẽ chẳng thể giành được một đa số ở Singapore ủng hộ chúng tôi. Chính sách giáo dục của Malaya đang đi ngược lại những phân đối của các trường Hoa và các ủy ban phòng thương mại Hoa kiều tại Malaya, vì rằng để được

chính quyền trợ giúp, họ sẽ

phải chuyển từ việc dạy bằng

tiếng Hoa và tiếng Anh sang dạy bằng tiếng Malay. Điều này, các dân

tộc không phải là Malay hoàn toàn

khó thể chấp nhận được. Ngay

cả những người Anh học cũng sẽ

phản đối việc hợp nhất dựa

trên cơ đó, và người Hán

học thì chắc sẽ dùng tới bạo

lực.

Về chuyện lao động, Malaya có một chính sách

khá cứng rắn đối với các

ngành đoàn, chủ yếu bởi vì

họ quyết tâm dập tắt âm mưu

lật đổ của cộng sản, nhưng

cũng vì họ không tin tưởng vào

chủ nghĩa nghiệp đoàn đấu

tranh, và họ đã tiến hành các

biện pháp mạnh để kiểm chế

những thái quá trong chuyện cắt đặt người bảo vệ bãi công và

chuyện thương lượng khi tranh chấp

chủ thợ. Nếu Bộ trưởng lao động

và Bộ trưởng nội vụ tại

Kuala Lumpur kiểm soát chuyện đăng ký thành lập và giải tán các

ng nghiệp đoàn, công nhân và các

lãnh tụ nghiệp đoàn tại

Singapore chắc chắn sẽ chống đối

một Liên bang Malaysia tương lai.

Thình lình, hai ngày trước khi có cuộc đấu

phiếu, tám dân biểu PAP đã cùng

ký trong một bức thư ngỏ yêu cầu

Chin Chye, với tư cách chủ tịch đảng, phải tuyên bố ủng hộ phát biểu

của “Lục Đại gia” và triệu

tập một hội nghị gồm 51 chi bộ

của đảng để xem xét vai trò

của đảng trong tình hình chính

trị hiện nay. Công khai làm xói mòn lòng tin của công chúng đối với

lãnh đạo và tác động đến

cuộc đầu phiếu, họ đã lặp

lại những yêu cầu của Lim Chin Siong: phóng thích các chính trị phạm,

bãi bỏ Hội đồng an ninh nội

chính, tự trị đối nội hoàn

toàn. Vì tôi đã không nhượng

bộ nên ông Đặc mệnh đã

quyết định khiến PAP thất bại tại

Anson.

Vào sát ngày bầu cử, tôi đã công khai yêu
cầu ba bí thư chính trị – Lim
Chin Siong, Fong và Woodhull – từ chức. Tôi nói rằng ba người
này cùng với
tám dân biểu kia muốn ép buộc
PAP phải chấp nhận đường lối
của họ, bằng không họ sẽ “lật
đổ lãnh đạo và thu tóm
đảng để sử dụng cho mục đích
của họ... Điều quá rõ là
để ngăn chặn công cuộc hợp
nhất, sáu cán bộ nghiệp đoàn
đang sẵn sàng để làm bất cứ
chuyện gì – kể cả phá hoại
cái chính đảng mà họ đã

làm ra về gần bó.” Trong nỗ lực

cuối cùng để chuyển hướng cử

tri từ PAP sang Marshall, họ đã dốc hết mọi lực lượng vào cuộc.
Ngay cả

viên bí thư của chi bộ tôi cũng

chống lại tôi, và vì rằng ông

ta có chân trong Ủy ban hải cảng

Singapore và có ảnh hưởng ở

Anson, vốn ở gần cảng, nên ông ta

đã khiến chúng tôi bị mất

đi nhiều phiếu của giới công nhân

cảng người Hoa. Vào đêm kiểm

phiếu, ngày 15/7, Marshall thắng xấp xỉ

(3.598, bằng 43,3%), Mahmud (3.052, tức 36,7%), SPA giành
được có 17,8% phiếu bầu. Với

tâm trạng tự đắc, Marshall đã

mắng nhiếc tôi trong bài diễn văn
chào mừng chiến thắng: "Hãy từ
chức đi, và biết đâu khi nghỉ
hưu rồi thì ông mới học được
sự khiêm tốn và lòng nhân đạo
để trong những năm sau đó cái
tài năng không ai chối cãi của
ông mới có thể phục vụ nhân
dân chân thành và vô vị lợi
được."

Tôi thì quá quan tâm tới cuộc chiến sắp tới
nên không thể trả lời ông ta.
Những người cộng sản một lần
nữa đã cho thấy họ đang xâm
nhập được vào hàng ngũ cấp
cao của các nghiệp đoàn và vào

đảng của chúng tôi, đến nỗi

trong thời gian ngắn đã có thể

phân tán được phiếu bầu của

PAP, và lái công chúng chuyển sang

ủng hộ một kẻ nổi tiếng là

hay dao động và không đáng tin

cậy. Trong một bức thư ngày 17/7 gửi cho Chin Chye với tư cách chủ tịch PAP, tôi đề nghị xin được từ

chức Thủ tướng. Tôi đã thấy

“khúc mở màn của một thử

thách thực lực giữa cánh tả phi

cộng sản và cánh tả cộng sản”

đi liền với nguy cơ là “sự

xung đột chủ thợ vì các mục

tiêu chính trị”. Lim Chin Siong và

các đồng chí của ông sẽ cố

cường chế đảng và chính phủ

đi vào con đường lia bỏ

Malaysia, và đảng nhất thiết phải

đoàn kết sau lưng lãnh tụ của

mình.

Trong cùng ngày hôm đó, Chin Chye đã trả lời

rằng ủy ban chấp hành trung ương

đã nhất trí chọn tôi làm

Thủ tướng sau cuộc tổng tuyển cử.

“Việc phe đối lập của chúng ta kêu gọi ông từ

chức chỉ là để đánh lạc

hướng công chúng trước vấn

đề sống còn là công cuộc

hợp nhất giữa Singapore với Malaya, một mục tiêu tâm nguyện của
đảng

và chúng ta không thể đi trệch

khỏi nó được. Người ta đã

từng đề nghị rằng tôi nên

làm Thủ tướng thay thế ông. Chúng

ta đừng dễ bị lừa phỉnh trước

nỗ lực muốn phá vỡ sự đoàn kết thống nhất của đảng và
hàng ngũ lãnh đạo của nó.”

Chúng tôi biết chúng tôi đang đi tới một cuộc

so tài cuối cùng. Sau khi chúng tôi thua ở Anson, tôi dám chắc mọi
dân

biểu và đảng viên của PAP cũng

đều biết rõ chuyện này và

sẽ ủng hộ chúng tôi. Cuộc chiến

giờ đây đã mở màn. Chúng

tôi phải đi tới một cuộc chia tay

với phái tả của chính chúng

tôi. Chúng tôi cần phải loại trừ

ra khỏi đảng bất kỳ những kẻ

lập lờ nào trong Quốc hội, và

buộc những người cộng sản bước

ra đấu tranh công khai với chúng tôi.

Chúng tôi quyết định triệu tập

một cuộc biểu quyết tín nhiệm^{[25](#)} và phải công khai tách ly với họ

trước khi họ có thì giờ tính

lại nước đi của mình.

23 TIỆC

TRÀ EDEN HALL

Tôi đề xuất một kiến nghị về vấn đề tín nhiệm trong chính phủ vào 20/7/1961 để tách bạch địch ta bạn thù trong Quốc hội.

Ngày 18/7, hai ngày trước cuộc bỏ phiếu tín nhiệm, Sở đặc vụ báo cáo rằng Lim Chin Siong, Fong Swee Suan, Sidney Woodhull và James Puthuchearry đã dùng trà với Selkirk tại Eden Hall. Điều này thật kỳ lạ. Đối mặt với một cuộc khủng hoảng và rạn nứt nghiêm trọng với những phần tử quốc gia

trong PAP, Lim và Fong lại giao du với kẻ

thù chính của họ là người

Anh. Tôi kết luận rằng họ đang

thăm dò để khám phá xem, nếu

các đại biểu thân cộng trong Quốc

hội chiếm đa số thì họ có

thể nắm quyền hay không. Keng Swee, Chin Chye, Raja và tôi xác định rằng

người Anh sẽ hoan hỉ với cơ hội

khoét sâu hố ngăn cách trong nội

bộ chúng tôi để không còn

hy vọng gì hòa giải và tập hợp

các phần tử thân cộng lẫn phi

cộng sản trong PAP thành một mặt trận thống nhất nữa. Điều này thuận

tiện cho chúng tôi. Những phần tử

thân cộng lâu nay đã là nỗi
lo của chúng tôi. Nhưng chúng tôi
phải cẩn thận trong việc đối phó
với họ. Nếu chúng tôi tỏ ra cơ
hội, vắt chanh bỏ vỏ, chúng tôi
sẽ mất sự ủng hộ của khối
nói tiếng Hoa. Việc hợp nhất là
lý do rất tốt để chia tay nhau.

Từ lần tuyên bố đầu tiên vào ngày 4/6/1959,
xác định ủng hộ dứt khoát
một Malaya độc lập, dân chủ, không
cộng sản và ủng hộ Singapore được
độc lập thông qua hợp nhất, họ
đã cam kết gắn bó với chính
sách này. Bây giờ họ sắp phá
bỏ thỏa ước mà dựa vào đó

PAP và CUF đã đấu tranh và thắng
lợi trong tuyên cử. Nếu chúng tôi
không thể vượt qua khỏi một sự
chia rẽ quanh một vấn đề rõ ràng
như thế, thì chúng tôi chẳng bao
giờ tồn tại nổi. Chúng tôi cảm
thấy như thoát khỏi một gánh
nặng. Chúng tôi sẽ không bao giờ
phải cho họ mượn tiếng nữa. Chúng
tôi sẽ thắng lợi bằng chính sức
mình hoặc sẽ rút lui. Tuy nhiên,
chúng tôi không thể chịu được
người Anh với thủ đoạn giúp
phe cộng sản giành quyền lực; việc
đó sẽ khiến chúng tôi có

về như là đồng minh của họ.

Do đó chúng tôi quyết định

làm người Anh bị lộ bộ mặt

là đồng minh của phe thân cộng.

Đó là chủ trương của tôi

trong cuộc tranh luận bỏ phiếu tín

nhiệm:

"Các bữa tiệc tối, tiệc rượu nhẹ và

bữa trưa đã dẫn tới mối liên

kết giữa hai cựu đối thủ, một

bên là Con sư tử Anh quốc và một

bên là các ông Lim Chin Siong, Woodhull và đồng sự. Phe thân cộng đã đi

tới chỗ tin rằng PAP là bọn cản

trở tồi tệ, rằng người Anh, một

dân tộc khôn ngoan và giỏi chính

trị, đã được chuẩn bị

để tượng hình một chính

quyền cánh tả mới xuất hiện ở

Singapore, thậm chí còn khuynh tả hơn cả PAP; miễn rằng các căn cứ quân

sự của họ không bị đụng

chạm. Sự vụ đã xảy ra là

người Anh đã trở thành những

tay xách động của họ. Và họ

đã thành công đến thế nào!

Một cách lặng lẽ và ngấm ngầm,

họ đã kích động những người

thân cộng thực hiện mưu toan khổng

chế cả chính quyền và đảng

PAP. Những người cách mạng trẻ

tuổi và thiếu kinh nghiệm đã lún

sâu vào việc này, vào một cuộc

khủng hoảng. Lim Chin Siong, Woodhull và Fong Swee Suan đã hy vọng vào những cuộc

thảo luận với Cao ủy Anh vào thứ

Ba vừa qua, ngày 18, tại Eden Hall, trụ sở

của các đại diện đế quốc

Anh.

Thưa quý vị, chúng tôi cảm thấy có cái gì

đó kỳ lạ đang xảy ra và do

đó chúng tôi đã cho giám

sát tòa nhà của Cao ủy Anh. Là

chưa! Những tay cách mạng và chống

thực dân lừng lẫy lại đi thảo

luận kín với Sư tử Anh quốc...

Và người Anh cũng có thể hy vọng

rằng dưới áp lực tấn công

và nguy cơ bị khống chế, PAP sẽ
phải chống cự lại và sau cùng
phải đàn áp cộng sản, điều
mà cho đến nay họ đã không
thuyết phục PAP tiến hành được.

Trong khi đó, với PAP, người Anh đã đề nghị rằng chúng tôi phải
có biện pháp chống lại tình
trạng âm mưu lật đổ đang ngày
càng tăng. Thực ra, một kế hoạch
đã được vạch ra mà kết
thúc sẽ là một hành động
dẫn đến xung đột công khai với
phe cộng sản, trong đó PAP hoặc là
tiếp tục nắm quyền, và như thế
bị buộc phải vĩnh viễn bảo vệ

chủ nghĩa đế quốc Anh, hoặc phải
rút lui, trong trường hợp đó một
chính phủ phi cộng sản và không
chịu áp lực của người Anh sẽ
phải bị loại bỏ.”

Một số dân biểu quốc hội theo Hán học đã
yêu cầu tôi rút kiến nghị về
vấn đề tín nhiệm. Tôi tin rằng
Lim Chin Siong và Fong cần có thời gian để
xem xét các hàm ý sâu xa của
tất cả chuyện này. Tôi quyết
định đẩy mạnh vấn đề tới
nữa vì tôi đã có đủ
số dân biểu quốc hội để cho
phép chúng tôi hoàn thành được
việc hợp nhất vào năm 1963. Tôi

muốn các dân biểu quốc hội của

PAP phải vững vàng và đáng tin

cậy.

Chin Chye đã nói rõ lập trường của chúng tôi

khi ông đọc trích đoạn từ

một văn bản mà các Bộ trưởng

Singapore đã viết và trình cho Hội

đồng an ninh nội chính tại phiên

họp đầu tiên của hội đồng

vào ngày 12/8/1959. Văn bản lý giải lập trường của chúng tôi là

“không cộng sản”, đồng thời

chỉ rõ và tách biệt Lim Chin Siong

như là lãnh tụ cộng sản chủ

ý. Văn bản nhận định Lim như

một nhân vật mà người Anh biết

rõ là cán bộ công khai quan trọng

nhất của MCP, tuy vậy Cao ủy Anh vẫn tiếp ông ta tại Eden Hall chỉ hai ngày trước khi các dân biểu quốc hội

thuộc phe ông ta sẽ bỏ phiếu chống

lại đề xuất về vấn đề

tín nhiệm chính phủ.

Cuộc thảo luận về việc bỏ phiếu tín nhiệm tiến

hành từ 2 giờ 30 chiều ngày 20/7 đến tối, chỉ tạm nghỉ một tiếng để

ăn tối, rồi kéo dài đến 3

giờ 40 sáng hôm sau trước khi tiến

hành biểu quyết. Khắp trụ sở

quốc hội nhộn nhịp hoạt động,

từ phòng họp lớn cho đến phòng

các tiểu ban. Khối thân cộng cố

hết sức vận động càng nhiều

dân biểu thuộc PAP càng tốt để

họ bỏ phiếu chống lại đề

xuất này. Họ đã vận động
được tám người. Chúng tôi
dự trù còn vài người nữa
ngã theo họ: câu hỏi là tổng số
đó là bao nhiêu. Chúng tôi cần
ít nhất 26 phiếu để nắm quyền
mà không phải liên hiệp. Mà một
chính phủ liên hiệp sẽ là một
tai họa. Nó có nghĩa rằng phải
tiếp nhận SPA hay Liên minh UMNO và MCA, cả
hai đều bị nạn tham nhũng hoành
hành. Chúng tôi sẽ mất cái
phẩm chất chính trị quý giá
nhất của mình là tính liêm
khiết.

Chúng tôi quyết định tạm gác kỷ luật đảng
và để mọi người bỏ phiếu
theo ý mình. Chúng tôi cần những
người tự nguyện, chứ không phải
những người bị cưỡng bách,
cho cuộc chiến khó khăn sắp tới.
Phái thân cộng rồi cũng thôi tìm
cách lôi cuốn các dân biểu
người Ấn và Malay, mà tập trung
vào những người biết hai ngôn ngữ
và khối Hán học. Nhưng họ cần
có thời gian, và nhiều người đã
tiếp cận trưởng ban kỷ luật đảng
là Lee Khoon Choy để đề nghị hoãn
cuộc biểu quyết đến hôm sau. Chúng
tôi đã từ chối. Vậy là họ

giở trò trì hoãn, đọc những
bài diễn văn lê thê, lặp đi
lặp lại để kéo dài tiến
trình làm việc.

Trong số những người được họ vận động
có ba đại biểu Hán học rất
khác thường đã không chịu
thuận theo phái cộng sản. Người
dũng cảm nhất trong đó là Chor
Yeok Eng. Ông ta sống tại Bukit Timah, một vùng nông thôn mà
cộng sản có
thế mạnh. Ông đã bị đe dọa
tính mạng nhưng vẫn kiên quyết.
Tương tự như vậy là Chan Chee Seng, một tay đai đen nhu đạo cao
lớn 26
tuổi, rất can đảm và đặc

biệt trưng thành với Pang Boon và tôi.

Ngược lại, Lee Teck Him là một người đàn ông 55 tuổi, làm thư ký

cho Phòng thương mại Hoa kiều, một

dân nhập cư thế hệ đầu tiên

ra đời ở Fujian. Vì lý do nào

đó, ông ta không hăng máu vì

một nước Trung Quốc mới như các

học sinh trung học người Hoa khác. Có lẽ ông đã biết về những gì

xảy ra cho họ hàng của ông ở đó.

Dù cho đó là chuyện gì, tôi

vẫn thấy rất khích lệ vì ông

đứng về phía chúng tôi.

Chúng tôi không chắc kết quả biểu quyết sẽ ra

sao; và nghĩ rằng hai bên sẽ hơn

thua nhau sát nút. Chan Chee Seng và tôi thử đếm đầu người và

chỉ nắm chắc được có 25 –

còn thiếu một phiếu nữa mới đạt

quá bán. Và chính lúc này

Sahorah binte Ahmat xuất hiện. Sahorah là một phụ nữ to lớn 36 tuổi, một diễn

giả giỏi nói bằng tiếng Malay, đơn

giản và thẳng thắn. Bà ta đang

bệnh và nằm tại Bệnh viện đa

khoa Singapore, tại đây bà đã

được bà chị của ông Đặc

mệnh tới tiếp xúc, và hẳn cuộc

tiếp xúc thành công, vì vài

giờ trước khi biểu quyết, một số

dân biểu người Malay đã tới

gặp bà ta và báo cáo lại rằng

bà đã theo phe đối phương.

Nhưng trong cuộc họp tại phòng đại

biểu trong giờ nghỉ giữa buổi thảo

luận, Chen Seng nói rằng ông mới gặp Sahorah vào bữa trước và tin rằng

ông có thể đưa bà tới trụ

sở Quốc hội để bỏ phiếu cho

chúng tôi. Tôi đã bó tay và

bảo ông ta đừng phí thì giờ,

nhưng Chin Chye nói xen vào là có cố

gắng thử thì cũng chẳng thiệt hại

gì.

Sahorah nói với Chee Seng rằng các đồng sự người

Malay của bà đã lãng xa bà

trong những hoạt động chính quyền,

chúng tỏ họ đã coi thường

bà. Nên bà đã không để

họ thuyết phục, bà ủng hộ chính

quyền. Nhưng bà thích Chee Seng và
đồng ý sẽ tới. Chee Seng lập tức
thu xếp một chiếc xe cứu thương để
chở bà tới trụ sở Quốc hội
và cho cáng bà vào phòng của
các dân biểu. Từ đó, bà
cố gắng đi khoảng 15 thước để
vào phòng họp kịp lúc cho cuộc
biểu quyết.

Hai mươi sáu đại biểu thuộc PAP đã biểu
quyết ủng hộ đề xuất, giúp
chúng tôi đạt quá bán, 26 trên
tổng số 51. Nếu chúng tôi thua cuộc biểu quyết này, chính phủ sẽ
phải thoái nhiệm. Rồi hoặc là
phe thân cộng sẽ lập một chính
phủ mới với nhiều thành viên PAP

nhảy qua cộng tác với họ, hoặc
sẽ có tổng tuyển cử mới mà
trong đó họ tin rằng họ sẽ thắng.

Bác sĩ Lee Siew Choh, thư ký quốc hội bên cạnh Bộ
trưởng Nội vụ và những người
ủng hộ ông ta đã biểu quyết
chống lại đề xuất, họ tin rằng
về lâu dài, phía cộng sản sẽ
thắng. Khi chúng tôi củng cố vị
trí của mình, và họ hứa hẹn
bầu ông ta làm thủ lĩnh và giữ
chức Thủ tướng, ông liền nắm
ngay lấy cơ hội ấy. Ông ta là một
tay nghiện cờ bạc ngay từ hồi còn
học ở Đại học Y. Khá to con so
với người Hoa bình thường, ông

ta có thể lực tốt, giọng nói

rõ ràng hơi quá tự tin và khoe

khoang. Ông ta có chơi banh rugby và cờ

tướng. Trên sân banh, phương pháp

của ông ta là càn lướt tiến

tối, không hề có chiến thuật

đánh lạc hướng hay lừa dối

phương và do đó ông dễ dàng

bị truy cản. Keng Swee, người thường chơi cờ với ông ta, thấy rằng ông

ta bạo gan đến mức liều lĩnh. Ông

ta luôn luôn khởi động bằng một

nước đi ngoạn mục nào đó

để phá vỡ phòng thủ và hạ

gục đối phương, và quên rằng

một đối thủ có kinh nghiệm sẽ

không bao giờ bị dẫn dụ đi vào
mạo hiểm khi họ có thể tiến bước
vững chãi không khoan nhượng chống
lại một kẻ phiêu lưu. Lần này
ông ta đã bước vào cuộc cờ
lớn nhất đời mình – chức
Thủ tướng hoặc không gì cả.

Hai dân biểu phe chúng tôi đã bỏ phiếu chống
lại đề xuất. Họ chẳng là
cộng sản một tí nào cả, nhưng
vài tháng trước cuộc bầu cử
bổ sung ở Anson, các cán bộ cộng
sản đã theo sát họ và đã
viết diễn văn và các bài báo
cho họ. Khi tôi cho mời và trách cứ
họ sau khi nghe những diễn văn lạ lẫm của họ trong Quốc hội, họ đã

xin lỗi, nhưng sau thất bại của PAP

trong cuộc bầu cử bổ sung ở Hong Lim, họ cũng như nhiều người khác

đã thay đổi chính kiến, cảm

thấy rằng tương lai của mình nằm

trong các hiệp hội và “quần

chúng”.

Mục tiêu đầu tiên của Lim Chin Siong là lôi kéo

một số dân biểu về phe mình đủ

để thành lập một chính phủ

mới. Khi điều đó thất bại,

ông ta đã thử nhiều chiến lược

để ngăn chặn việc tiếp tục

thương thảo với Malaysia về việc

sáp nhập. Ông ta đã thành lập

một đảng mới, Barisan Sosialis (Mặt trận Xã hội). Bác sĩ Lee Siew

Choh, chủ

tịch Mặt trận, lúc đó đã

kêu gọi tuyển cử lại.

Lim Chin Siong im lặng trong một tuần sau đợt quốc hội

thảo luận về đề xuất bỏ

phiếu tín nhiệm. Đến ngày 28/7,

tờ *Straits Times* đăng tải một lá thư của ông ta mang

đầy những dấu ấn của Woodhull và

Puthuchery: “Xin cho tôi được nói

rõ một lần chung quyết rằng tôi

không phải là một người cộng

sản, hay một đại diện cho cộng sản

hoặc đại diện cho bất cứ ai...”

Ông ta thậm chí đã không muốn

trở lại chính trường sau khi được

phóng thích, còn về việc được

đề cử làm thư ký chính trị

bên cạnh Bộ trưởng Tài chính,

ông ta nói: “Tôi không những đã

ngần ngại nhận chức vụ này, mà

tôi còn đề nghị rút lui khỏi

sinh hoạt chính trị nếu ông ta (Lee Kuan Yew) muốn như thế. Và ông ta đã không muốn như thế. Thay vào đó,

ông ta muốn cho mọi người thấy

rằng tôi đã đồng nhất với

chính phủ.”

Những kết luận tôi đã rút ra từ buổi tiệc

trà này đã bị ông ta bác

bỏ như một kích động chống

cộng:

“Trong cơn rối trí, họ đã bắt đầu kêu

gào về chủ nghĩa cộng sản và

tình trạng rối loạn, hy vọng sẽ
khiến một số người tin vào họ.
Người cánh tả vốn thường bị
coi là những kẻ chủ mưu gây rối
bây giờ, như chúng tôi được
nghe nói, lại bị người Anh dẫn
dụ. Thật buồn cười làm sao! Những
cuộc gặp gỡ giữa tôi với Huân
tước Selkirk là rất hiếm hoi. Nếu
việc gặp gỡ Huân tước Selkirk có
thể khiến người ta trở thành kẻ
chủ mưu gây rối thì ông Lee mới
là kẻ gây rối lớn nhất vì
ông ta giao dịch với Huân tước
Selkirk nhiều hơn bất kỳ ai ở Singapore này.”

Cùng ngày đó, ông ta còn đọc một bài diễn
văn dài hai tiếng trong buổi họp của một nghiệp đoàn. Cuối bài diễn
văn, ông ta lại đề cập lướt
qua buổi tiệc trà ấy: “Về việc
Lim Chin Siong dùng trà và ăn uống
với người Anh, đó là chuyện
hết sức bình thường. Vấn đề
là lập trường có vững hay không.
Chúng ta không thể nói rằng khi dùng trà với họ là ta đã cùng
hội cùng thuyền với họ.” Ông
ta hẳn đã cảm thấy các công
nhân đã e rằng người Anh đã
dẫn dụ ông ta. Ông ta và những
người thân cộng ủng hộ ông
nay đã bị lộ mặt và cô lập
mà không còn giữ được lớp

vỏ phi cộng sản đáng tin cậy.

Nhưng ông ta sẽ không thoát nạn

với những bào chữa đó. Nếu

ông ta đã ngại không muốn trở

lại chính trường và nhận một

chức vị trong chính phủ, thì tại

sao phải gặp Selkirk?

Tôi trả lời bằng một lá thư ngày 4/8 gửi cho
tờ *Straits Times* với tư cách tổng thư ký của PAP:

“Chúng tôi...

hết sức quan tâm đến những vấn

đề nghiêm trọng có thể xảy

ra sau bầu cử. Một trong những vấn đề

đó là ông ta và các bạn

hữu sẽ làm gì sau khi chúng tôi

giải phóng họ. Ông ta đã đề nghị rút khỏi chính trường và qua sống ở Indonesia. Thứ nhất, đó không phải một đề nghị được đưa ra một cách nghiêm túc. Thứ nhì, chúng tôi cho rằng sẽ không đúng và thỏa đáng khi đặt điều kiện là ông ta phải rút lui khỏi chính trường trước khi chúng tôi quyết định tham gia tranh cử để chiến thắng. Chúng ta phải đối mặt với thách thức cộng sản cho dù cá nhân ông Lim có hiện diện trong chính trường Singapore hay không...”

(Về buổi tiệc trà) “Ông ta vẫn chưa giải thích tại sao ông ta đi gặp Huân tước

Selkirk... Trong một giải thích đăng

trên báo chí tiếng Hoa ngày 29/7,

ông ta nói rằng ông gặp Huân

tước Selkirk vì lý do xã giao, tạo

ấn tượng rằng những buổi nói

chuyện của ông với ủy viên Anh

chỉ thuần túy là giao tế. Mà

không hề có một dịp lễ hội

nào vào ngày thứ Ba 18/7 đó

cả. Và cũng không có người

khách nào khác ngoài ông Lim và

các bạn hữu.”

Một giải thích sẽ được đưa ra sau đó,

nhưng không phải từ Lim Chin Siong. Trong một lá thư gửi tờ
Straits Times ấn hành chín ngày sau đó, 13/8,

Woodhull trích lại đoạn đối thoại

giữa Puthuchearry với Keng Swee sau cuộc bầu cử bỏ sung Anson. Keng Swee đã nói với Puthuchearry rằng sự can thiệp của Anh là rất có thể xảy ra, rằng họ sẽ

không ngồi yên và nhìn phái

thân cộng hủy diệt PAP; và nếu

nhóm lãnh tụ phe quốc gia bị công

khai chống đối, PAP, về phần mình,

sẽ ngưng hoạt động và để

mặc người Anh tiêu diệt phe thân

cộng.

Ngày hôm sau, Keng Swee, trong một lá thư, đã kể lại điểm chính trong những đối

thoại giữa ông ta và Puthuchearry:

“...Sau cuộc bầu cử Anson, ông Puthuchearry trở nên ngày càng bị kích động, ông

ta yêu cầu tôi, nhân danh tinh thần thuần lý, hãy sửa đổi chính

sách của chúng tôi và dung nạp

Lim Chin Siong và nhóm của ông ta. Một giải pháp khác tất sẽ đưa tới hủy diệt cho PAP trong vai trò một lực lượng chính trị. Viễn tượng này khiến ông rất nản chí và chán động...

Chính trong lúc này, tôi đã bước vào một loạt những cuộc thảo luận nghiêm túc, đôi khi còn căng thẳng và kích động, với ông Puthucheary về tương lai của đảng và của đất nước. Tôi nói rằng tôi biết Lim Chin Siong đã tung toàn lực tổ chức công đoàn của ông ta để đánh bại PAP tại Anson. Tôi nói là tôi cũng biết toàn lực các cán bộ công đoàn của Lim Chin

Siong đã được triển khai để
chống các ủy viên tổ chức và
thành viên các ban chấp hành chi bộ
của chúng tôi, và kết quả là
một số lớn đảng viên đã
rời bỏ hàng ngũ. Nhưng, như tôi
đã chỉ rõ, tình hình này
không có gì mới. Điều tương
tự đã xảy ra năm 1957, khi các
cán bộ công đoàn phát động
cuộc tấn công vào tổ chức của
PAP và gần đi tới chỗ nắm được
toàn ủy ban trung ương đảng. Tôi
nói rằng, vào năm 1957, hậu quả
của cuộc tấn công của phe thân

cộng nhắm vào chúng tôi là đã
vạch được một cách công khai
và rõ ràng sự khác biệt giữa
các nhóm thân cộng và phi cộng
sản trong đảng. Trò phiêu lưu này
đã cho người Anh một cái cớ
để thực hiện một đợt phản
công lớn.”

Keng Swee nghĩ rằng nhóm thân cộng muốn gặp Selkirk vì
họ xem đây như một ám chỉ
rằng người Anh sắp tung một đợt
phản công lớn nhắm vào họ. Trong
một thư trả lời xuất bản ngày
21/8, Puthucheary đưa ra một lý giải khác, lặp lại những gì
Woodhull đã
nói: Điều mà họ tìm kiếm

ở Selkirk là sự minh định một giả

thiết mà PAP đã nói rõ, cụ

thể là không thể có một chính

quyền nào khác với các lãnh

đạo hiện nay của PAP, rằng họ là

nhóm duy nhất mà người Anh sẽ

cho phép nắm quyền. Nhưng những hàm ý thì thực ra vẫn vậy: họ muốn

một bảo đảm từ phía người

Anh rằng họ có thể tiếp tục các

kế hoạch của mình mà không sợ

bị trừng phạt.

Nhiều năm sau, vào năm 1982, Selkirk nói với một

phóng viên rằng Puthuchearry đã điện thoại cho ông ta vào sáng thứ
Ba 18/7

đó, để hỏi rằng ông ta

(Puthuchearry) cùng một hai người bạn có thể tới gặp ông không.
Selkirk đã

đề nghị bữa trưa ngày hôm

sau. Puthuchearry nói rằng vấn đề rất khẩn cấp và ông ta muốn gặp
càng

sớm càng tốt nếu thuận tiện.

Selkirk “đã miễn cưỡng mời

họ tới dùng trà” lúc 4 giờ

chiều. Selkirk nói rằng điều cốt

yếu mà họ hỏi ông ta là:

“‘Phải chăng hiến pháp được soạn

nhằm phục vụ Lee Kuan Yew hay đó là một hiến pháp tự do?’ Tôi
chỉ

nói thế này: ‘Đó là một

hiến pháp tự do, hãy bám chặt

vào đó và không bạo loạn

ông hiểu chứ?’ Toàn bộ chỉ

có vậy. Rồi họ ra về, sau đó

tôi nói với Lee Kuan Yew, trước cuộc thảo luận trong Quốc hội, rằng tôi

đã gặp bọn họ.”

Nhưng tôi tin rằng họ không nhìn ra vấn đề.

Selkirk chẳng phải một nhà chính trị

non kém. Ông ta hiểu ý nghĩa của

bản tạm ước. Đối với đại

diện cao cấp của chính quyền Anh tại Singapore, việc đích thân tiếp kiến Lim Chin Siong và Fong trong một giai đoạn khủng hoảng trong đó tương lai của

chính quyền bản xứ đang gặp nguy

cơ tức là đưa ra một tín

hiệu có ý nghĩa nào đó.

Nhóm thân cộng hấn sẽ lý giải

điều đó như một công nhận

rằng người Anh đã sẵn sàng

làm việc với Lim, một cựu tù

nhân, người mà theo hiến pháp

1958, đã bị cấm tham gia các cuộc

bầu cử. Hơn nữa, không ai trong số

bốn người tới gặp Selkirk là dân

biểu trong Quốc hội lập pháp và

do đó họ không có tư thế để

biện minh cho bất kỳ một thảo luận

nào về việc thành lập một chính

phủ mới. Tôi không thể chấp nhận

cách giải thích của Selkirk rằng ông ta đã gặp họ hoàn toàn vì

lịch sự ngoại giao, và chỉ đưa

ra một câu trả lời đúng đắn

về mặt hiến pháp. Trong thâm tâm

tôi vẫn hài lòng rằng ông ta đã

làm như thế. Bây giờ thì chúng

tôi không còn kẻ nội thù nữa.

Keng Swee và tôi tin rằng bộ óc điều khiển đằng
sau trò vận động này không phải

Selkirk mà là ủy viên phụ tá

của ông ta, Phillip Moore. Moore là một người có năng lực, nhanh
nhạy và

có óc thông minh sắc sảo. Ông

ta người to lớn, cao, có gương mặt

thân thiện và đôi mắt ưa

cười. Có một điều gì đó

gắn bó và cởi mở ở ông

ta. Ông thuộc giới trung lưu Anh và được học ở trường công.

Ông từng là phi công lái máy

bay ném bom trong Thế chiến thứ hai và bị bắn rơi trên lãnh thổ
Đức

vào tháng 12/1942 rồi trở thành tù
bình cho đến năm 1945. Sau đó, ông
đi học ở Oxford và hẳn đã

tốt nghiệp loại I nếu ông không

đi làm công chức trước kỳ

thi tốt nghiệp. Ông ta có huy chương danh dự của môn bóng rugby
và từng

chơi cho đội tuyển Anh; điều này

thể hiện ở vóc dáng thể thao và

tác phong nhanh nhẹn của ông ta.

Moore và các thành viên khác trong Ủy ban Anh nhận thấy
rằng khó mà hiểu thấu các

lãnh tụ PAP bởi vì nguyên tắc

tự đặt ra và nêu lên rất

công khai của chúng tôi là các

Bộ trưởng phải cắt giảm đến

tối thiểu việc tham gia các nhiệm vụ

không chính thức (bên ngoài chính

phủ). Chúng tôi đã thấy các

Bộ trưởng của Marshall và Lim Yew Hock đã tham gia tiệc tùng
đình đám

và mất uy tín trước dân chúng

thế nào vì dân chúng coi họ là

bọn chỉ lo leo cao trên bậc thang xã hội. Moore tìm cách giải quyết
vấn

đề này bằng cách chơi gôn

với Keng Swee và tôi sau mỗi buổi họp của Hội đồng an ninh nội
chính để

có dịp nói chuyện lâu hơn trên

sân gôn cũng như trong lúc giải

khát sau đó. Ba mươi bốn năm

sau, khi đã về hưu, Moore đã nói

với tôi rằng vào cuối năm nọ,

ông đã cho rằng Goode đã chính

xác khi viết trong báo cáo rằng tôi chẳng phải một người cộng sản
giấu mặt mà là một người

chống cộng giấu mặt. Báo cáo

của Goode rất quan trọng trong việc xác định chính sách của Anh vì
Huân

tước Ian Wallace, lúc đó là thứ

trưởng thường trực tại Bộ

Thuộc địa tại London, thượng cấp

của Moore, sau khi nói chuyện với tôi gần ba tiếng hồi năm 1961,
cũng đồng ý với đánh giá của Goode.

Từ kho lưu trữ

của Anh, tôi đã tìm ra tài liệu

biện minh cho suy luận của chúng tôi rằng người Anh đã dự định

tách nhóm thân cộng khỏi PAP, một

báo cáo vào tháng 10/1961 của

Phillip Moore gửi Ian Wallace, đã đặt ra vấn đề Singapore và việc
hợp

nhất:

“Một khi Lim Chin Siong tin rằng dân chúng Singapore sẽ ủng hộ việc hợp nhất, tôi e rằng ông ta có thể trở lại với chính sách lâu dài ban đầu của MCP – một chính quyền xã hội chủ nghĩa cho toàn Malay a. Cơ hội lật đổ Lee Kuan Yew và lập được một chính phủ do cộng sản lãnh đạo tại Singapore trong tháng 7, có vẻ như ngàn vàng đến độ Lim Chin Siong không cưỡng lại được.”

Cái “cơ hội như ngàn vàng” mà Moore đề cập ấy là vụ bỏ phiếu tín nhiệm xảy ra vào tháng 7. Việc

Selkirk khẳng định: “Đó là

một hiến pháp tự do, hãy bám

chặt vào đó và không bạo

loạn, ông hiểu chứ?” cũng chính

là chủ trương của người Anh

đối với Tunku, Thủ tướng Malaysia.

Cũng trong lá thư đề ngày 18/10

đó, Moore báo cáo rằng: "Chúng

tôi đã phải giải thích cho chính

phủ liên bang rằng, miễn là Barisan Sosialis hành động một cách
hợp

hiển, thì sẽ không có chuyện

bảo vệ Lee Kuan Yew bằng cách đơn

giản là tổng giam các lãnh tụ

Barisan Sosialis hoặc tạm đình chỉ hiến pháp Singapore". Nói cách
khác,

người Anh chọn lập trường rằng,
miễn là Barisan Sosialis hoạt động hợp hiến, họ sẽ được tự do giành
lấy chính quyền theo kiểu hiến pháp cho phép.

Lim Chin Siong và các đồng chí đã xem lời mời
dùng trà của Cao ủy Anh và những
điều ông ta nói với họ như
một dấu hiệu rằng người Anh sẵn
sàng làm việc với họ, rằng họ
sẽ không bị phong tỏa vì người
ta không muốn họ giành được
chính quyền. Selkirk đã nói rõ
lập trường chính xác theo hiến
pháp, còn họ thì suy diễn ra những
hậu ý và quyết định tiến
hành việc giành lấy chính quyền,
thoát ly khỏi PAP và mưu việc gạt

PAP ra khỏi chính quyền.

Quan điểm hợp pháp tương chừng đơn giản mà
Selkirk nêu ra đã đạt được

ba mục tiêu. Thứ nhất, chính phủ

PAP phải có biện pháp ngăn chặn

Lim Chin Siong và các đồng chí hoặc sẽ phải đối diện nguy cơ bị
họ lật đổ. Thứ nhì, quan điểm

đó đem lại cho Lim và các đồng

chí một khả năng giành chính

quyền. Thứ ba, nó cho Tunku thấy những hậu quả cho Malaysia sẽ
rất nghiêm

trọng nếu ông ta không cho Singapore gia nhập liên bang.

Một khi Tunku công bố kế hoạch của ông ta dành cho
Singapore và các lãnh thổ thuộc

Borneo và tôi không chịu thuận theo lời kêu gọi của Lim Chin Siong
về việc giải tán Hội đồng an ninh nội

chính và thực thi những quyền tự

do dân chủ hơn, ông Đặc mệnh

đã quyết định tiêu diệt PAP

và tôi, bởi vì việc hợp nhất

phải được ngăn chặn lại bằng

bất cứ giá nào. Điều này,

nhều năm sau đó, mới được

tiết lộ bởi Koo Young, thuộc viên của Lim trong tổ chức CUF, và cũng được chính Lim Chin Siong xác nhận vào năm 1984 khi ông ta nói với Bộ an ninh nội chính rằng ông ta đã gặp ông

Đặc mệnh ba lần trong khoảng cuối

những năm 1950 và đầu những năm

1960, và tại một trong những lần gặp gỡ ấy, phái tả đã được

lệnh tách khỏi PAP. Rõ ràng ông

Đặc mệnh đã nghĩ rằng chúng

tôi sẽ phải e sợ trước sức

mạnh của phái tả, mà điều

đó đúng là thế. Ông ta
nghĩ rằng chúng tôi là loại dân
trung lưu, mềm yếu, có Anh học, ưa
hưởng thụ kiểu tiểu tư sản,
mê rượu bia, thích chơi gôn, làm
việc và ngủ trong những phòng có
máy lạnh và đi những chiếc xe
hơi được điều hòa không
khí. Ông ta đã không thấy rằng
những người tiểu tư sản theo Anh
học cũng có đủ chất thép để
đương cự được với áp
lực mà ông đè xuống chúng
tôi.

KHAI LỰC LƯỢNG

Áp lực trong những tuần lễ sau khi tách ly với cánh tả thật căng thẳng. Mỗi ngày, chúng tôi trao đổi những tuyên bố trên báo. Ngày 30/6/1961, 13 dân biểu PAP thoát ly thông báo thành lập một Barisan Sosialis với những mục tiêu y hệt như của PAP: “Một Malaya, bao gồm Liên bang Malaya hiện nay và Singapore, dân chủ, độc lập, xã hội chủ nghĩa và không cộng sản”. Hầu như ngay lập tức, những đường phân ranh tương tự cũng hình thành trong số các

ngiệp đoàn. Ngày 3/8, Sở đăng

bạ hiệp hội cho giải tán Tổng

liên đoàn lao động sau khi Bộ

trưởng lao động được khuyến

cáo rằng các nghiệp đoàn thân

cộng và không thân cộng không

thể cùng tồn tại trong một tổ

chức được nữa, do đó Lim Chin

Siong đã tập hợp lãnh tụ các

ngiệp đoàn trung thành với ông

ta – bây giờ đã tới 82 – để

thảo luận việc thành lập một

Liên hiệp các nghiệp đoàn

Singapore (SATU).

Tôi muốn hiểu tâm tư của quần chúng, để

biết chúng tôi có rơi vào một

tình trạng tuyệt vọng như Lim Yew Hock

khi ông ta tảo thanh lực lượng cộng

sản trong những đợt bạo loạn hồi

tháng 10/1956 không. Nên Pang Boon, Ahmad Ibrahim và tôi tạm gác những công việc

chính phủ để đi thăm lại các

cơ sở quần chúng của mình nhằm

trắc nghiệm phản ứng của dân

chúng trước những biến chuyển bất

ngờ trong tình hình hiện nay.

Tôi đi một vòng đơn vị bầu cử Tanjong Pagar

của mình, gặp những người thường

lui tới trung tâm sinh hoạt cộng đồng,

nói chuyện với những người trong

ban điều hành trung tâm cũng như

các thủ lĩnh quần chúng, dạo qua

các con phố, thăm các cửa hiệu,
chuyện trò với người dân, và
đến tối thì viếng nhà họ
hoặc tán gẫu với họ trong quán
cà phê. Tôi cũng đến thăm
những trung tâm sinh hoạt cộng đồng
ở các đơn vị bầu cử khác,
và một số nghiệp đoàn không
thân cộng mà tôi đã hợp
tác từ trước. Tôi thấy rằng
các thủ lĩnh và các thành viên
không có vẻ thù địch. Những
người trước đây từng hợp
tác với tôi nay vẫn còn thân
thiện và ủng hộ. Phần lớn thì

hoang mang, một số thì sợ hãi. Không

có ai tránh né tôi hay nghĩ tôi

là kẻ phản bội. Tôi không bị

rơi vào tình thế tồi tệ như

Lim Yew Hock trước đây.

Trong vòng vài ngày, Pang Boon và Ahmad cũng báo cáo
những chuyện tương tự. Quần chúng

đã không quay lại chống chúng

tôi, những tay hoạt động trước

đây vẫn là những ủng hộ

viên của chúng tôi, nhưng nhiều

thường dân đã lo ngại trước

những biến chuyển gần đây và

bồn chồn về tương lai. Tôi không

đến viếng những nghiệp đoàn

thân cộng. Họ hẳn sẽ cực kỳ

thù nghịch, hay còn gây cấn hờn
nữa.

Thoát khỏi những sự vụ hành chính, tôi đã
có được thời gian để thăm
dò tư tưởng quần chúng, để
suy ngẫm và vạch ra kế hoạch hành
động cho giai đoạn kế tiếp. Tôi
đã hiểu ra rằng khi phải đối
đầu với những đợt tấn công
hung bạo, tốt nhất là đỡ gạt
những đòn tấn công, giữ bình
tĩnh và suy nghĩ lại về những điều
căn bản.

Quyết định đã đưa ra không
thể thu hồi khi chúng tôi tiến hành
cuộc bỏ phiếu tín nhiệm ngày

21/7. Việc tách ly với cánh tả đã

thành công khai, cuộc chiến đấu còn tiếp tục.

Chúng tôi không được phép quên điều đó.

Lim Chin Siong đang hoạt động đến

hết công suất. Một khi cuộc bỏ

phiếu đã tiến hành và họ

thấy không thể giành được

chính quyền, phái khuynh tả đã

nỗ lực phá vỡ các chi bộ PAP và

quyết định hủy hoại những chi bộ

ấy. Hai mươi trong số 25 bí thư chi

bộ cùng ủy ban chi bộ của họ đã

bước sang hàng ngũ bên kia, mang theo

các tài sản của chi bộ, kể cả

bàn máy chữ, bàn ghế đồ

đạc và các máy may dùng cho

các lớp dạy may . Nhưng bây giờ
chúng tôi có lực lượng cán
bộ riêng và họ không thể khổng
chế được đảng. Cùng với
Pang Boon, tôi đi thăm một vòng các
chi bộ để giữ vững tinh thần cho
các cơ sở và cho thấy rằng
không như Mặt trận Lao động, chúng
tôi không chịu bị thất bại. Chúng
tôi xoay xở thu hồi được một
số tài sản cho các chi bộ. Chan Chee
Seng, tay dân biểu đai đen nhu đạo
của chúng tôi, làm công việc
thừa phát lại. Ông ta không nao núng
trước trò đe dọa, lòng trung

thành và can đảm của ông khiến

cả hai chúng tôi quý mến.

Trong giới nghiệp đoàn, Lim Chin Siong và các đồng

sự đã làm hết sức để

kích động, tạo nên tình trạng

hoang mang và bất mãn, những tiền đề

cho các cuộc đấu tranh quần chúng.

Họ không thể thuyết phục các

viên chức chính quyền đi theo họ

được, vì những viên chức ấy

đều hưởng nền giáo dục Anh

hoặc Malay, nhưng họ có thể thu nạp

được những người trong Liên

hiệp nhân dân (PA) hay Lữ đoàn

công chính do chính phủ thành lập,

sử dụng những tay hoạt động có

Hán học mà trong đó họ đã

cải sẵn những phần tử thân cộng.

Tôi biết họ sẽ làm như thế,

nhưng tôi cũng đành phải cho lập

những tổ chức ấy nhằm tạo chỗ

đứng trong khối dân Hán học.

Thanh lọc toàn bộ những phần tử

này ra ngoài là việc không thể

làm được, một số vẫn có

thể lọt qua. Điều mà tôi không

dự liệu trước được là

họ, với một nhóm nhỏ, đã

có thể xoay chuyển cả khối đông

một cách dễ dàng làm sao.

Chúng tôi đã xây dựng hai tổ chức ấy bằng

nguồn lực của chính phủ để

mong thu hút được quần chúng. PA

hiện đã có những liên hệ

với các bang hội, các nhóm văn

hóa và dân sự, và khoảng 100

trung tâm sinh hoạt cộng đồng. Tôi

đã giao cho Chan Sun Wing, thư ký trong quốc hội của tôi, phụ trách điều

hành tổ chức này. Nhưng Chan lại

là một đảng viên MCP mà Jek Yeun

Thong lắm tưởng rằng có thể kiểm

soát được. Thay vì thế, Chan đã

tiến hành tuyển mộ những người

từ phong trào nghiệp đoàn và

chi bộ PAP để tiếp tay điều hành

(và thâm nhập vào) các trung tâm

sinh hoạt cộng đồng và trung ương

PAP. Ở Lữ đoàn công chính, một

lực lượng có đồng phục tập

hợp khoảng 2.000 thanh niên thất nghiệp, mọi chuyện cũng xảy ra tương tự.

Theo kế hoạch, chúng tôi xây dựng

trại cho họ cư trú, huấn luyện họ

thành một lực lượng khá kỷ

luật, và giao cho họ việc xây dựng

đường sá ở nông thôn, đào

kênh mương, hoặc làm những công

việc lao động chân tay khác. Nhưng

Kenny, Bộ trưởng lao động, đã

giao cho thư ký chính trị của ông

ta phụ trách Lữ đoàn này. Viên

thư ký đó chính là Fong Swee

Suan, người đã quay về với phía

bên kia. Wong Soon Fong, dân biểu khu vực Toa Payoh của chúng tôi, được yêu

cầu hỗ trợ cho Kenny, hóa ra cũng là

một cán bộ trung kiên của họ và

đã giúp Fong cài những người

thân cộng vào những vị trí chủ

chốt của Lữ đoàn. Kết quả

là những người cộng sản đã

có thể bẻ gãy cả hai tổ chức

này.

Họ đã phá sạch những trung tâm cộng đồng như

đã làm với các văn phòng

chi bộ PAP, đập gãy hàng rào và

lấy đi các quạt máy, dụng cụ

nấu ăn và trang bị chơi thể thao.

Họ cho người ngăn cản người

của Bộ lao động đến các trụ
sở mới chuyển tới của PAP. Trước
khi cuộc đình công tàn đi vào
tháng 11, họ đã dùng đến
bạo lực, tấn công những công nhân
không tham gia đình công, làm bị
thương một người Malay và một
công nhân người Hoa và xung đột
với cảnh sát.

Kenny mất vía trước cuộc biểu dương sức mạnh
của Fong, mất vía đến nỗi cho dù
tôi đã bãi chức thư ký
chính trị của Fong, Kenny vẫn không
dám có hành động chống lại
ông ta, các nghiệp đoàn và Lữ
đoàn công chính. Đối đầu

với người Anh, Kenny không sợ gì

cả; đối đầu với lực lượng

cộng sản thì ông ta kinh hoàng. Tôi

thảo luận vấn đề này với

Chin Chye, Keng Swee, Raja và Pang Boon, và kết luận rằng chúng
tôi cần một Bộ

trưởng dũng mãnh hơn. Thế là

tôi đổi chỗ của Kenny và Ahmad

Ibrahim, Kenny về Bộ Y tế nơi mọi chuyện yên bình hơn, còn
Ahmad, vốn là

nhân viên cứu hỏa, chuyển từ Bộ

Y tế sang Bộ Lao động, ở cương

vị này, sau đó, ông chứng tỏ

mình không hề sợ khủng bố. Ông

ta cho giải thể Tổng liên đoàn

lao động và có biện pháp chống

lại một số tay điều hành khuynh
tả chủ chốt trong Lữ đoàn công
chính.

Việc này khơi dậy một cuộc nổi loạn. Tháng 11,
những tay hiếu chiến trong Lữ đoàn
công chính kích động việc thành
lập một nghiệp đoàn, và 160
người vây quanh văn phòng ban chỉ
huy trại. Họ đưa ra một loạt yêu
sách, trong đó có cả việc đòi
thuyên chuyển viên chỉ huy, và đến
ngày 24/11, họ đốt xe đạp của
ông này và của hai người khác
bị coi như ủng hộ viên của PAP.
Chúng tôi kết án bảy người
trong bọn họ về tội phá rối. Họ

thành lập một ủy ban hành động,
tổ chức mít-tinh phản đối,
cho người phong tỏa các văn phòng
điều hành của Lữ đoàn công
chính. Và tháng 12, sau khi ba trong số
các thủ lĩnh của họ bị sa thải,
180 người đã dựng hàng rào
chướng ngại cổ thủ trại Paya
Lebar.

Họ là một tổ chức bán quân sự có đồng
phục với ít nhiều kỷ luật đoàn
kết và sẽ trở nên tai hại nếu
họ đổ ra cướp bóc phá
phách, nên chúng tôi quyết định
dùng đến quân đội Singapore, lúc
đó chỉ có hai tiểu đoàn,

để chiếm lại khu trại và tái
lập an ninh trật tự. Tôi muốn quân
đội phải tránh nổ súng hay bắt
cứ hành vi bạo lực nào gây
thương vong mà người cộng sản
có thể khai thác để lôi cuốn
quần chúng ủng hộ. Nên tôi chỉ
thị cho viên chỉ huy người Anh phải
phô diễn lực lượng thật hùng
hậu để bọn gây rối không dám
kháng cự. Tôi nói nếu chúng ta
có những đội quân người
Gurkha thì tôi chắc chắn không ai dám
thách thức và Lữ đoàn công
chính sẽ tan rã, nhưng tôi không

dám chắc những người chống đối

kia có e dè những binh lính Singapore

không. Viên sỹ quan nói rằng sẽ

chẳng có vấn đề gì đâu

và ra lệnh cho binh sỹ bao vây khu trại với súng có gắn sẵn lưỡi

lê. Đối mặt với cuộc phô

diễn lực lượng này, 400 đoàn

viên của Lữ đoàn công chính

đã tan rã không chút kháng cự

nào. Sau đó chúng tôi giải tán

Lữ đoàn này.

Một lần nữa, họ thành lập ủy ban hành động

và yêu cầu một ủy ban điều

tra. Nhưng đó chỉ là những nỗ

lực gây đình trệ rất yếu ớt

so với cuộc xách động trong năm

1955 và 1956. Hai yếu tố đã ngăn
chặn họ là: thứ nhất, công luận
có thể không đồng tình nếu
họ cố tình gây bạo động khi
dân chúng chưa thấy phần nộ vì
một chuyện bất mãn nào đó,
như chuyện đe dọa đối với nền
giáo dục bằng tiếng Hoa chẳng hạn;
và thứ nhì, bạo động có
thể khiến chính phủ có biện
pháp an ninh mạnh tay hơn đối với
họ.

Trên mặt trận công nghiệp, tôi e Lim Chin Siong sẽ tổ
chức gây bất ổn với quy mô lớn
nên đã cảnh giác trong một cuộc
họp báo rằng chúng ta có thể

sẽ đối mặt với một tình

trạng lộn xộn của năm 1955–56.

Trong năm 1961, có 116 cuộc đình công,

84 cuộc trong số đó đã xảy

ra sau khi PAP tách bạch thành hai phái (ngày 21/7), và trong 15 tháng, từ tháng 7/1961 đến tháng 9/1962, đã có

tới 153 cuộc bãi công, một kỷ

lục ở Singapore thời kỳ sau Thế chiến.

Đến lúc đó tôi đang đi đi về về Kuala Lumpur để

thảo luận với Tunku về việc hợp

nhất, và trong những dịp tôi trở

về bằng máy bay rồi ngồi xe từ

phi trường Paya Lebar về Dinh chính phủ

hoặc nhà riêng, tôi có thể gặp

từ sáu tới mười nhóm những

người đình công và những

cán bộ của họ, những công nhân
lấn công đứng ngoài các phân
xưởng hay nhà máy với biểu ngữ
và các nồi niêu xoong chảo. Họ
giam lỏng các chủ hãng, gây tai hại
cho nền kinh tế, làm nản lòng những
nhà đầu tư và làm tăng tỷ
lệ thất nghiệp.

Nhưng phản công một cách thiếu suy nghĩ thì chẳng
ích gì. Tôi nghĩ cứ để yên
mọi chuyện thì tốt hơn và cứ
lướt qua giai đoạn khó khăn này
cho đến khi chúng tôi thắng được
phe cộng sản trong vấn đề hợp
nhất. Tôi cảm thấy yên tâm trở
lại sau vài ngày đầu gặp gỡ

những thường dân trong đơn vị
bầu cử của tôi, trong các trung tâm
cộng đồng và nghiệp đoàn.

Chúng tôi giờ đã tách bạch
khỏi phe tả và có thể hành
động dứt khoát để củng cố
sức mạnh mà không phải e dè là
sẽ gây rạn nứt. Lim Chin Siong và các
đồng sự của ông ta giờ đã
đứng riêng một bên rõ rệt.

Tiến sĩ Lee Siew Choh trong vai trò chủ tịch Barisan Sosialis cũng
chẳng hơn gì lắm
bình phong. Tổ chức của họ có
khả năng gây thiệt hại lớn cho
chúng tôi nhờ các nghiệp đoàn
và lực lượng sinh viên học sinh

người Hoa, nhưng nếu họ vượt
quá một giới hạn nào đó,
những đại biểu Anh và Malay trong Hội
đồng an ninh nội chính sẽ buộc
chúng tôi phá vỡ các tổ chức
mặt trận của họ và cho tổng giam
họ.

Tôi không quyết chí làm việc này lắm trước
khi họp nhất. Tôi muốn Tunku nhận lấy
trách nhiệm này sau khi chúng tôi
gia nhập Liên bang. Nhưng Sở đặc vụ
thì muốn hành động ngay. Khi Hội
đồng an ninh nội chính họp ở Cao
nguyên Cameron vào tháng 8, Selkirk đã
mở ra cuộc thảo luận khi hỏi ý
kiến tôi về “Ý chí đề

kháng của người Hoa”, một tập
tài liệu do các chuyên viên của
Sở đặc vụ soạn thảo trong đó
nhấn mạnh nhu cầu phải khống chế
các thủ lĩnh chủ chốt của tổ
chức cộng sản. Quan điểm của tôi
thì khác. Tôi muốn phía cộng
sản giải thích rõ cam kết của
họ về việc hợp nhất, và đánh
bại họ trong tranh luận công khai, điều mà tôi tin tưởng có thể làm
được. Tôi tin rằng các biện
pháp chính trị, hơn là các
biện pháp an ninh, sẽ quyết định
bên nào thắng.

Và bên thắng sẽ có tất cả. Người Hoa ở
Singapore, cũng như người Hoa ở mọi

nơi khác tại Đông Nam Á, thường
thích “ngọa sơn quan hổ đấu”
(ngồi trên núi xem hổ đánh nhau)
cho đến khi thấy rõ gió thổi
chiều nào. Hiện tại họ không tin
tưởng vào cơ may chiến thắng của
một PAP không cộng sản. Nên thậm
chí họ sẽ ủng hộ một chính
phủ mà họ biết rõ là do cộng
sản điều hành, nếu phe cộng sản
có vẻ sẽ thắng trong một viễn
tượng lâu dài. Trong con mắt của
họ, những người cộng sản đã
thắng thế. Vì lực lượng này
được xem như những cán bộ của

một Trung Quốc đang lớn mạnh mà
ảnh hưởng của nó, họ tin rằng,
chỉ trong vòng mười năm sẽ vươn
tới tận Singapore.

Tôi trích dẫn trường hợp bốn viên chức giáo
dục được chọn để biệt
phái sang Sở đặc vụ. Bây giờ
họ cảm thấy rằng tương lai đã
trở nên bấp bênh, rằng biến
chuyển bất ngờ của tình hình đã
tăng rủi ro cho nghề nghiệp và sẽ
đưa họ vào phe thất thế. Họ
đã từ chối lệnh điều động.

Tôi nhấn mạnh rằng chính người
Anh đã góp phần tạo nên tình
hình này, vì khi Selkirk và các

thuộc cấp càng quan hệ với phe cộng

sản và những ủng hộ viên triệu

phủ người Hoa của đảng này

như Tan Lark Sye, thì khối người Hoa lại càng tin rằng cộng sản sẽ được

phép nắm chính quyền.

Tan Lark Sye có tham vọng làm người kế tục Tan Kah Kee, vốn là lãnh tụ

xuất sắc của tổ chức Hoa tộc hải ngoại. Khi Tan Kah Kee chết cách đây ít lâu tại Trung Quốc, đích

thân Chu Ân Lai đã làm trưởng

ban tang lễ. Chính phủ Trung Quốc đã

cho thấy họ đánh giá cao nhân

vật này, và qua việc hội đàm

với người muốn kế tục sự

nghiệp của Tan, ủy viên Anh đã

củng cố quan điểm rằng con đường

đi tới quyền lực đã mở rộng
cho phái thân cộng. Đã có một
sự thay đổi quan điểm rõ rệt
trong hai tờ báo tiếng Hoa tại Singapore.

Cái chết và đám tang của Tan

Kah Kee được tường thuật kín

hai trang trên tờ *Nanyang Siang Pau*.

Nếu Ủy ban Anh tính toán sai, một

chính phủ thân cộng sẽ có thể

nắm quyền trong vòng sáu tháng nữa

là nhiều nhất. Người Anh sau đó

có thể dùng vũ lực để thay

đổi tình hình, nhưng lúc đó

ý chí đề kháng của người

Hoa đối với cộng sản không còn

nữa. Nên khối quần chúng người

Hoa này cần có ngay một tổ chức

lãnh đạo của Malay a.

Selkirk bác lại rằng theo hiến pháp, bốn phần của

chính phủ Singapore là cai trị, nhưng

chính phủ đã tìm cách chuyển

trách nhiệm về an ninh nội địa

cho Hội đồng an ninh nội chính. Tôi

phản bác bằng cách nói rằng

hiến pháp đã dự liệu rất

khôn ngoan rằng chính người Anh sẽ

chịu trách nhiệm tối hậu về việc

sử dụng bạo lực. Chính phủ

Singapore có sức mạnh rất hạn chế,

so ra thì cũng chẳng hơn gì một

khẩu súng hơi, và cũng không thể

sử dụng được nó.

Những tranh luận này đưa tới một cảnh tiến thoái lưỡng nan cho cả ba chính phủ.

Mỗi bên đều muốn hai phía kia phải gánh chịu búa rìu dư luận.

Các đại biểu của cả Anh lẫn

Malaya muốn chính phủ Singapore có hành động chống lại cộng sản, nhưng

chính phủ Singapore xác định rằng

mình không thể làm việc này mà

không phương hại đến sự ủng

hộ của khối người Hoa dành cho

chính phủ. Điều quan trọng hiện

nay là phải chứng tỏ rằng cộng

sản không thể là người nắm

quyền trong tương lai ở Singapore. Bởi vì chỉ đến lúc đó chúng ta

mới có thể tiến hành đầu

phiếu cho việc hợp nhất. Và tôi

đã kết luận rằng điều này

là tuyệt đối thiết yếu, vì

hợp nhất Singapore vào Malaysia không thông qua đầu phiếu là vô cùng tai

hại. Điều đó sẽ là bằng

chứng cho thấy chúng tôi đã bán

mình cho chính phủ Malay ở Kuala Lumpur.

Tôi ủng hộ

một cuộc trưng cầu dân ý hơn

là phổ thông đầu phiếu vì

kết quả đầu phiếu khó mà

ngã ngũ ở một vấn đề đơn

lẻ là việc hợp nhất. Nhưng để

thu được một đa số ủng hộ

việc gia nhập Malaysia, tôi phải làm
cho những người Hoa còn lừng khừng
hiểu ra rằng chính chúng tôi, chứ
không phải những người cộng sản
đang là phe thắng thế. Chúng tôi
không thể để họ nghĩ rằng
chúng tôi có nguy cơ thua cuộc, vì
rất nhiều người trong số họ lúc
đó sẽ bỏ phiếu chống lại
việc hợp nhất hoặc bỏ phiếu trắng
với niềm tin rằng những kẻ bỏ
phiếu cho việc hợp nhất sau này sẽ
bị cộng sản trừng phạt. Ngược
lại nếu chúng tôi thuyết phục
được họ rằng việc hợp nhất

là tất yếu và lực lượng
cộng sản không nắm được đa
số để ngăn chặn việc đó,
dân chúng sẽ lý luận ra rằng
những người ủng hộ cộng sản
sẽ gặp nguy cơ bị chính quyền
liên bang trừng phạt, do đó tôi
phải tạo cho quần chúng một cảm
giác rằng đây là một con
sóng quá lớn và mạnh mẽ đến
độ chẳng cộng sản hay một lực
lượng nào khác có thể ngăn
cản nổi. Tôi tin rằng nếu chúng
tôi truyền đạt được điều
này, các thủ lĩnh người Hoa trong

các phòng thương mại, các hiệp

hội văn hóa và trường học

sẽ không theo Lim Chin Siong nữa. Ở mức tệ nhất thì họ cũng giữ thái

độ trung lập, còn mức tốt nhất

là họ thâm lặng ủng hộ hợp

nhất.

Cách chắc ăn nhất để tạo nên cảm giác về

sự tất yếu phải gia nhập Liên

bang Malaysia là làm cho dân chúng thấy rằng chính Lim Chin Siong, Fong và các thủ

lĩnh đối lập khác đã nhận

thấy rằng họ đang tiến hành một

trận đánh vô vọng, nên tốt

nhất là đừng đi theo họ. Để

nuôi dưỡng ấn tượng này, tôi

cho rằng cần phải cho mọi người

một cái nhìn toàn cảnh, cái

nhìn lịch sử về việc PAP và

cộng sản đã thành lập một

mặt trận thống nhất như thế nào,

tại sao Lim Chin Siong và Fong đã không giữ cam kết chiến đấu cho một nền

độc lập thông qua việc hợp nhất

với Malaya, và tại sao họ sẽ phải

thất bại.

Để nghĩ cho rốt ráo những vấn đề này,

tôi cần yên tĩnh vốn là điều

không thể có được ở

Singapore. Ngày 11/8, tôi bắt chuyến tàu lửa đêm đi Kuala Lumpur, rồi đáp

xe đi Chiny Lodge, khu nhà nghỉ của chính phủ Singapore trên cao nguyên Cameron cách mặt biển chừng 2.700 mét, mang theo Choo

và ba đứa con. Nhưng tôi cũng đem theo
trợ lý riêng là Teo Yik Kwee, vì tôi
định đọc cho anh ta chép và phác
thảo một loạt những diễn văn
khoảng 20 tới 30 phút mà tôi sẽ
đọc trên đài phát thanh
Singapore, trình bày toàn bộ câu
chuyện với dân chúng.

Cao nguyên này mát, yên tĩnh và xa vắng, thật
trái với bầu không khí chính
trị nóng bức ở Singapore. Nơi đó
không có máy fax, cũng không có
điện thoại nói trực tiếp, và
vì đường dây điện thoại
thường không rõ nên tôi đề
lại chỉ thị rằng đừng quấy

rầy tôi trừ khi có chuyện cực kỳ

khẩn cấp. Nên tôi được ở

yên tĩnh gần nửa tháng, chơi rất

nhiều ván gôn trên sân gôn 9 ở

đây. Lúc tôi rời khỏi đó

thì tôi đã viết được

tám bài diễn văn, nhưng tôi còn

phải viết bốn bài nữa trong khi ghi âm

những bài kia. Trong quãng thời gian một tháng, từ 18/9 đến ngày 9/10, tôi

đã phát thanh ba lần mỗi tuần,

mỗi lần bằng ba thứ tiếng. Khi nói

bằng tiếng Malay và Quan thoại, tôi

chỉ dùng được mức độ

ngôn ngữ sinh hoạt hàng ngày. Đó

là một công việc mệt nhọc. Có

lần, nhân viên Đài phát thanh
hoảng hồn khi họ nhìn qua khung cửa
kính phòng thu và không thấy tôi
trước máy ghi âm. Rồi một nhân
viên nữ phát hiện tôi nằm ngửa
trên sàn trong tình trạng mà cô
ta nghĩ là kiệt sức. Thực ra, tôi
đã chủ ý nằm xuống vì cho
rằng đó là cách tốt nhất
để phục hồi sức lực và nạp
lại năng lượng trong giờ nghỉ giữa
những lần thu âm bài diễn văn
bằng ba thứ tiếng khác nhau.

Trong 12 bài nói chuyện ấy, tôi tóm tắt quá
trình hình thành mặt trận thống
nhất với cộng sản từ năm 1954 khi

PAP được thành lập, những chuyện

xảy ra sau đó, và tại sao xảy ra

việc tách ly giữa hai phái, dẫn đến

cuộc tranh luận hiện nay về vấn đề

hợp nhất. Tôi muốn loại bỏ mọi

hồ nghi cho rằng đây là một chiến

dịch bôi nhọ nhắm vào phái cộng

sản và những người đã bỏ

đảng PAP. Tôi đánh giá cao những

người cộng sản ở sức mạnh và

lòng xác tín của họ. Trong một

buổi phát thanh, tôi đã nói:

*"Chúng tôi đã rút ngắn được khoảng
cách với khối dân nói tiếng Hoa*

– một thế giới đầy sức sống,

năng động và tiến hoá, một

thế giới mà người cộng sản
đã nỗ lực giành lấy trong suốt
30 năm qua với sự thành công đáng
kể... Chúng tôi, những người
cách mạng theo Anh học, là những kẻ
đến sau đang cố gắng khai thác
cùng một nguồn mỏ. Người cộng
sản xem chúng tôi là xâm lấn
vào lãnh địa riêng của họ.
Trong thế giới ấy chúng tôi đã
biết được Lim Chin Siong và Fong Swee
Suan. Họ liên kết với chúng tôi
trong PAP. Năm 1955 chúng tôi ra tranh cử.
Thế là bắt đầu những bước
đi của chúng tôi vào những câu
trúc rối rắm và hệ quả phức

tập trong tổ chức ngầm của cộng
sản nằm trong các nghiệp đoàn và
hiệp hội văn hóa.

Hoạt động trong thế giới này quả là một
công việc kỳ lạ. Khi bạn gặp một
lãnh tụ nghiệp đoàn, bạn sẽ
phải mau chóng xác định xem ông
ta ở phe nào, có phải người cộng
sản hay không. Bạn có thể tìm
ra câu trả lời qua ngôn ngữ ông
ta sử dụng và cách cư xử cho dù
ông ta có nằm trong hàng ngũ cán
bộ có quyền ra quyết định hay
không... Tôi dần biết được
độ chục người trong bọn họ.
Họ không phải những tay cơ hội hay
bất lương. Nhiều người trong số

họ sẵn sàng trả giá bằng sinh
mạng và tự do cá nhân của mình
cho lý tưởng cộng sản. Họ biết
mình có thể bị tổng giam nếu bị
phát giác và bắt giữ. Sau này
nhiều người trong số họ phải vào
tù trong những đợt thanh trừng năm
1956 và 1957. Tôi thường gặp họ ở
đó, thảo luận về những kháng
cáo của họ. Nhiều người bị
trục xuất về Trung Quốc. Một số
lại là bạn bè của tôi. Họ
tin rằng tôi phải đi theo họ. Họ
tin rằng sau cùng tôi cũng phải thừa
nhận rằng cái mà họ gọi là
“nền dân chủ tư

sản” không thể tạo ra một xã
hội công bằng và bình đẳng,
và tôi sẽ phải thừa nhận rằng
họ đúng.

Mặt khác, tôi thường dành nhiều giờ tranh
luận với một số người trong bọn
họ, cố gắng chứng minh cho họ thấy
rằng cho dù có gì xảy ra ở Nga
hay Trung Quốc, chúng ta vẫn đang sống
ở Malaya và, bất kể là chủ
nghĩa cộng sản hay chủ nghĩa xã
hội dân chủ, nếu chúng ta muốn
xây dựng một xã hội công bằng
và bình đẳng hơn tại Malaya,
chúng ta sẽ phải đưa ra một số
quyết định căn bản, như việc
sẽ làm người Malaya, liên kết

người Hoa và người Ấn và

các sắc dân khác với người

Malay, xây dựng khối thống nhất quốc

gia và lòng trung thành với tổ quốc,

và tập hợp mọi chủng tộc lại

với nhau thông qua một ngôn ngữ quốc

gia.”

Tôi lý giải tại sao Malaya và Singapore là không thể
chia tách:

*“Mọi người đều biết những lý do tại sao Liên bang lại quan trọng
đối với Singapore*

đến vậy. Đó là vùng nội

địa sản xuất thiếc và cao su giúp

nền kinh tế thương nghiệp của chúng

ta hoạt động tốt. Nó là cơ

sở khiến Singapore trở thành một thành

phố thủ đô. Không có cơ sở

*kinh tế này, Singapore sẽ không tồn
tại nổi. Không có hợp nhất,
không có thống nhất hai chính phủ
và hòa nhập hai nền kinh tế, vị
trí kinh tế của chúng ta sẽ từ
từ tàn lụi. Cuộc sống của các
bạn sẽ tồi tệ đi. Thay vì sẽ
có một sự phát triển kinh tế
chung cho cả Malaya thì sẽ có hai hướng phát triển. Liên bang,
thay vì hợp
tác với Singapore, lại cạnh tranh với
Singapore để giành lấy sự bành
trướng và tư bản công nghiệp.
Trong cuộc cạnh tranh này, cả hai đều
bị thiệt.”*

Trong buổi phát thanh cuối cùng, tôi nhấn mạnh lại
vấn đề: "Nếu không có hạn

hán ở Johor khiến Singapore thiếu nước

dùng trong ba tháng qua, hán phe cộng sản đã thay đổi đường lối

của họ... nhắm tới nền độc

lập cho riêng Singapore. Nhưng thiên nhiên nhắc cho họ nhớ ra sự vô cùng

ngớ ngẩn của một chủ trương

như thế.” Năm đó là một

thời kỳ rất khô hạn, chỉ có

rất ít mưa và trời khô hạn

luôn từ tháng 6. Cuối tháng 8, áp

lực nước giảm đột ngột khiến

nhiều nhà máy phải tạm thời

đóng cửa và các khách sạn

lớn chịu ảnh hưởng nặng nề.

Ba hồ trữ nước chính của chúng

tôi hầu như khô cạn –một

trong những hồ đó ở Seletar đã

có cỏ mọc kín đáy hồ.

Nước được phân theo chế độ

trong sáu tiếng mỗi ngày. Chẳng cần

phải nhắc cho dân chúng nhớ rằng

Singapore đã phải đầu hàng vào

năm 1942 vì Nhật đã chiếm những

hồ dự trữ ở Johor. Chế độ

nước phân phối năm 1961 kéo dài

đến tận tháng 1 năm sau. Các biến

cố đã phối hợp với nhau để

góp phần thuyết phục dân chúng

rằng hợp nhất là một giải pháp

hữu lý cho các vấn đề của

Singapore.

Hồi đó vẫn chưa có truyền hình, nên những
buổi phát thanh đã đến được
với đông đảo thính giả. Kết
thúc loạt bài nói chuyện này,
tôi đã khiến hầu hết mọi
người tin rằng tôi đã nói
sự thật về chuyện quá khứ –
chuyện đấu tranh nội bộ, những
phản bội, ông Đặc mệnh – và
tôi đã rất thực tế về tương
lai. Tôi đã bảo vệ quyền lợi
của họ. Tôi đã kể một câu
chuyện trong đó có phần chính
họ đã trải qua gần đây –
những cuộc bạo loạn, bãi công,
tẩy chay, tất cả gọi lại những

điều đáng nhớ trong óc họ –
và tôi đã giải thích cho họ
về những bí mật từng khiến họ
rối trí. Tất cả trông giống như
tôi bước lên sàn diễn nơi
một nhà ảo thuật đang biểu diễn
và lột trần mọi dụng cụ và
thủ thuật của ông ta bằng cách
soi sáng những vùng tối mà khán
giả trước đây không chú ý.

Những bài nói chuyện đã có
tác động mạnh, nhất là trong
giới Anh học, họ xem đây là một
sự tiết lộ những bí mật. Một
trong những thanh niên đã lắng nghe

những buổi nói chuyện này là

Cheong Yip Seng, người sau này trở thành tổng biên tập của tờ *Straits Times*. Ông ta nhớ lại:

"Những buổi phát thanh đã là một sự mở

mắt thực sự cho một cậu học sinh

Trung học đệ nhị cấp Cambridge, đang

lo lắng về công ăn việc làm sau

khi thi tốt nghiệp để an lòng cha mẹ.

Những buổi nói chuyện trên đài

ấy đã bày ra một tương lai

với những điểm sống thực và

trần trụi. Tôi chấn động vì

sự thành thực của chúng, vì

sức mạnh của thứ ngôn ngữ đơn

giản, sống động, phần lớn qua

những câu chuyện của người trong

cuộc về cuộc đấu tranh trong nội bộ mặt trận thống nhất chống thực

dân.”

Những buổi phát thanh đó là một kinh nghiệm chưa từng gặp qua. Nó không phải kiểu những bài nói chính trị thường gặp. Chúng bao gồm những kinh nghiệm đời thực. Những điều đó đang xảy ra ngay trong lúc chúng được kể ra trên đài. Ông Đặc mệnh là có thực. Mỗi buổi phát thanh lại khiến thính giả căng thẳng và nóng ruột chờ đợi buổi kế tiếp, theo cái kiểu người ta nóng lòng chờ đón chương trình phát thanh võ thuật của Lei Tai Sor bằng tiếng Quảng Đông. Một bậc thầy kể chuyện đang trình

diễn. Nhưng đây không phải chuyện

hư cấu. Đó là chuyện sống

và chết của những người

Singapore.”

Ngay sau buổi nói chuyện cuối cùng của tôi vào

ngày 10/10, John Duclos, giám đốc Đài

phát thanh, đã mời Lim Chin Siong tham gia 12 buổi diễn đàn truyền thanh để

ứng với 12 buổi phát thanh của tôi.

Tất cả những người được

đề cập trong các buổi nói chuyện

ấy, có cả Fong Swee Suan, Sidney Woodhull, James Puthucheary. Tiến sĩ Lee Siew Choh và Tiến sĩ

Sheng Nam Chin cũng được mời tham gia.

Duclos viết: “Bất kỳ tuyên bố nào

của Thủ tướng trên đài phát

thanh, nếu sai sự thật và phương

hại đến uy tín cá nhân bất

kỳ ai, đều có thể được

đem ra đối chất.” Ngày hôm

sau, Lim và Woodhull đưa ra một tuyên bố

với báo chí rằng họ muốn có

được thời lượng phát thanh

tương đương cho 12 buổi nói

chuyện của họ. Họ không muốn có

bất kỳ một chạm trán mặt đối

mặt nào. Tôi đã đưa được

họ vào thế phòng ngự.

Những tổ chức của người Hoa theo đuổi lý tưởng

cộng sản đã bày tỏ sự giận

dữ và căm thù thực sự của

họ đối với tôi mỗi khi tôi

đi qua trụ sở của họ. Ngay cả
những phóng viên người Hoa ủng hộ
các tổ chức ấy cũng bộc lộ
cau có khi họ đến tường thuật
các buổi họp báo của tôi. Họ
xem việc tôi phơi bày lai lịch, các
phương pháp và các dự định
của họ như một hành vi phản bội.
Còn tôi thì xem phản ứng đó
như bằng chứng về hiệu quả của
những tiết lộ mà tôi trình bày.

Phần thưởng cao nhất mà tôi nhận được là
từ James Puthucheary. Ông ta đến gặp tôi tại văn phòng ở Tòa thị
chính
sau khi các bài nói chuyện ấy được
in thành sách. Ông ta nói những bài

ấy rất xuất sắc và xin tôi một
chữ ký vào một bản sách, và
tôi đã ký. Tôi hỏi ông ta
có chuẩn bị tham gia diễn đàn
với tôi không. Ông ta nhìn tôi,
mỉm cười, lắc đầu và nói:

“Sau khi ông phơi bày mọi thủ
thuật của sản diễn thì tôi
chẳng còn cơ hội nào nữa.”

Quan trọng hơn, ông ta đã ngầm
thừa nhận rằng những điều tôi
tiết lộ về ông Đặc mệnh và
những người cộng sản đã đánh
trúng đích. Tôi hài lòng là
mình đã giúp cho công chúng

hiểu ra và thấy tin tưởng hơn vào
các phương án đấu tranh trong
tương lai, có lẽ sau khi họp nhất
là thích hợp hơn cả.

Trong nỗ lực hợp nhất, mọi chuyện cũng không đứng
yên. Một hội nghị Liên nghị viện
khối Thịnh vượng chung được tổ
chức ở Singapore, với đại biểu của
Sarawak, Brunei, Bắc Borneo và Malaya, đã kết thúc với một thông
cáo vào
ngày 24/7, trong đó mọi người
tham dự cùng nhấn mạnh đến “sự
cần thiết và tất yếu của một
liên bang Malaysia” và vì hình thức
và tổ chức của liên bang cần
được thảo luận kỹ hơn, tất

cả đã đồng ý thành lập

một Ủy ban tư vấn đoàn kết

Malaysia để bảo đảm duy trì đà

tiến tới việc hợp nhất. Mười

ngày sau, chính phủ Singapore và Malaya thông báo, sau một cuộc họp tại

Kuala Lumpur có Keng Swee tham dự với tư cách Bộ trưởng Tài chính, rằng chúng

tôi sẽ nhờ Liên Hiệp Quốc hỗ

trợ để nghiên cứu cách thức

thành lập một thị trường chung.

Tháng 8, Keng Swee và tôi có một buổi họp ba giờ đồng hồ với Tunku và Razak để thỏa

thuận các điều kiện hợp nhất.

Ghazali bin Shafie, thư ký thường vụ của Bộ Ngoại giao, cũng có mặt. Ông

là viên chức chủ chốt phụ trách

các chi tiết của việc hợp nhất.

Tháng kế tiếp, tôi lưu ở Kuala Lumpur ba ngày với Tunku, thảo luận những chi tiết kỹ hơn.

Khi trở về Singapore vào giữa tháng

9, tôi nói với báo chí rằng:

“Việc hợp nhất đã rời bộ

phóng và những diễn biến mới

nhất đã khiến nó đi vào

quỹ đạo, và tháng 6/1963 được

coi là thời điểm mục tiêu cho

việc hạ cánh." Tôi đã dùng

thứ ngôn ngữ của thời đó vì

mọi người đang xôn xao vì chuyến

bay vũ trụ ly kỳ của Liên Xô vào

năm 1961 với phi hành gia Yuri Gagarin, và vì những nỗ lực của Mỹ để

đưa một phi thuyền có người

lái vào quỹ đạo trái đất.

Về mặt tài chính, tôi lý giải

rằng theo hiến pháp liên bang, mỗi

bang giao quyền về thuế quan, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế lợi

tức cho chính quyền trung ương, nhưng

vì Singapore sẽ kiểm soát giáo dục,

lao động y tế và xã hội, chúng

tôi sẽ nhận được một tỷ

lệ đáng kể từ nguồn thu này

để tiến hành những trách vụ

trên. Do đó số đại biểu của

chúng tôi trong nghị viện liên bang

phải được điều chỉnh lại,

“nếu không chúng tôi sẽ đại

diện cho chính mình đến hai lần.”

Chin Chye đã viết thư cho lãnh tụ các đảng
đổi lập trong Quốc hội đề yêu
cầu họ trình bày quan điểm về
hai vấn đề chính nằm trong bản
thỏa thuận trên nguyên tắc, cụ
thể là việc quốc phòng, ngoại
giao và an ninh sẽ nằm trong tay chính phủ
liên bang ở Kuala Lumpur, trong khi các chính sách giáo dục và lao
động vẫn
thuộc về chính phủ Singapore. Ngày
29/8, các lá thư ấy được báo
chí đăng tải, Tiến sĩ Lee Siew Choh
tuyên bố trong một thông báo có
chữ ký rằng 13 dân biểu thuộc
Barisan sẽ chấp nhận:

“(1) Sự hợp nhất trọn vẹn và đầy đủ
với Singapore với tư cách là tiểu
bang thứ 12 của Liên bang; hoặc (2) Như
một giai đoạn đi tới hợp nhất
sau cùng, Singapore sẽ là một đơn
vị tự trị trong một khối liên
hiệp. Trong trường hợp hợp nhất,
đảng đòi hỏi Singapore được
gia nhập ngay vào Liên bang như một
tiểu bang thành viên, mọi công dân
Singapore tự động trở thành công
dân Malaysia, Singapore được đại diện
theo tỷ lệ dân số trong nghị viện,
có tổng tuyển cử ở Singapore trước
hợp nhất và tổng tuyển cử toàn

Malaya sau hợp nhất. Nếu như nằm trong
một khối liên hiệp, đảng đòi
hỏi tự trị trọn vẹn cho Singapore trong các vấn đề đối nội, kể
cả an ninh, trong khi đối ngoại và quốc phòng vẫn trong tay chính
phủ liên
bang.”

Barisan đã chấp nhận đề nghị của Puthucheary rằng họ nên
đòi hợp nhất

trọn vẹn với niềm tin rằng Tunku sẽ
không đồng ý điều đó.

Keng Swee, Raja, Chin Chye, Pang Boon và tôi rất hài lòng. Họ đã
không bác bỏ

chủ trương này; mà họ còn
kêu gọi hợp nhất chặt chẽ hơn
mức chúng tôi trông đợi. Đó
là một vấn đề lý tưởng
để dựa vào đó hình thành

những câu hỏi cho cuộc trưng cầu

dân ý: Dân chúng muốn có kiểu

hợp nhất nào?

25 TIỀN

TỐI HỢP NHẤT

Chúng tôi cam kết tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý vào tháng 9 về vấn đề hợp nhất với Malaysia. Thực hiện việc hợp nhất dựa trên đa số phiếu trong Hội đồng lập pháp không phải là vấn đề chúng tôi quan tâm; nhân dân sẽ cho rằng chúng tôi bán đứng họ dù các điều khoản có bình đẳng hay không. Nhân dân phải được thông tin đầy đủ, phải được giải thích rõ về các phương án chọn lựa rồi tự quyết định.

Hơn nữa, với cách làm này chúng
tôi sẽ cho Tunku thấy là việc hợp
nhất không phải là điều đương
nhiên.

Thứ đến là PAP phải nắm chính quyền để đạt
được điều này. Vì vậy,
điều cần thiết nhất là phải
chiếm đa số ghế trong nghị viện.

Mặc dù đa số ấy chỉ là 26
chống lại 25, tôi vẫn tin rằng khi thời điểm quyết định đến, những
thành viên phi cộng sản thuộc nhóm
đối lập, ngoại trừ Marshall (một
phiếu) và có lẽ thêm Ong Eng Guan
cùng hai chiến hữu của ông ta –
bây giờ là Đảng Nhân dân
Thống nhất (United People's Party – UPP) – sẽ không thể ủng hộ

Barisan. Trước

đó trong các bài nói chuyện

trên đài phát thanh tôi cũng đã

phân tích tình hình dẫn đến

cuộc xung đột hiện nay, nên ở thời

điểm này tôi có nhiều thuận

lợi hơn trong cuộc tranh luận của mình.

Chúng tôi giờ

đây phải tìm cách làm cho những

người cộng sản nói rõ ra họ

muốn hợp nhất theo kiểu nào, không

để cho họ lẩn tránh và đòi

hỏi một Singapore độc lập. Nhưng họ

vẫn tránh được. Sau khi tách ra,

trong nhiều tuần lễ họ tung hỏa mù, sử dụng chiến thuật trì hoãn

bằng cách thúc giục dân chúng

trước tiên là phải tập trung vào

việc đấu tranh chống thực dân.

Trước đám đông chục nghìn

người hò reo trong một cuộc mít-tinh ngày 13/8 tại sân vận động Happy

World đánh dấu việc thành lập

đảng Barisan Sosialis, Lim Chin Siong tuyên bố

rằng chủ nghĩa thực dân là trở

ngại lớn nhất đối với việc

hợp nhất giữa Singapore và Liên bang.

Chính chủ nghĩa thực dân Anh đã

chia Malaya làm hai thực thể riêng rẽ.

“Vì vậy, nếu chúng ta tiêu diệt

chủ nghĩa thực dân, chúng ta sẽ

tiến gần hơn đến sự hợp nhất,

và nếu sự hợp nhất có nghĩa

là thực sự tái thống nhất,
chúng ta sẽ vô cùng sung sướng
ủng hộ nó.” Tiếng vỗ tay vang
đội như sấm hoan nghênh Lim khi ông ta nói bằng tiếng Malay và
Hokkien nhưng tôi không chắc là thánh giả
nhiệt thành đồng ý phần này
trong bài diễn văn. Sự tái thống
nhất, dù thực hay không, sẽ làm
giảm đi sức mạnh của khối nói
tiếng Hoa đang chiếm đa số và
khiến họ trở nên mong manh hơn trước các biện pháp an ninh.

Barisan không phải là yếu tố mơ hồ duy nhất. Người
Anh đóng vai trò chủ chốt trong vở
kịch này bởi vì mọi thứ đều
tùy thuộc vào sự nhất trí của
họ với Tunku, rằng ông này sẽ

đóng một vai trò quyết định

về tương lai của Singapore. Điều đó không chỉ tạo “sự liên kết”,
mà còn làm cho sự hợp nhất là

cần thiết. Philip Moore trong báo cáo ngày 18/10 gửi cho Ian Wallace ở Vụ Thuộc địa ở London, đã viết:

“Dĩ nhiên không bao giờ có nghi vấn là chúng ta không sẵn sàng để đối phó với vấn đề cộng sản ở Singapore trong giai đoạn trước mắt, nhưng chúng ta phải thuyết phục Tunku rằng, về lâu dài, chỉ một mình ông ta thôi trong bối cảnh hiện nay của dư luận quốc tế cũng có thể giải quyết vấn đề Singapore... Chủ yếu là làm cho ông ta đừng có ảo tưởng rằng trên một nền tảng mơ hồ, Singapore có thể để lại cho người Anh một cách an toàn.”

Tôi tin rằng sau khi chúng tôi thất bại trong các cuộc bầu cử bổ sung ở Hong Lim và Anson

cũng như sau khi những người cộng

sản nỗ lực đẩy PAP ra để nắm

chính quyền một cách hợp hiến,

Tunku ắt phải thấy rằng ông ta không còn cách nào khác ngoại trừ

đưa Singapore nhập vào Malaya với những điều khoản đặc biệt để

khỏi gây bất bình cho người Malay

chiếm đa số trong các cuộc tuyển

cử. Tunku có thể muốn kiểm soát

an ninh nội chính, quốc phòng và

ngoại giao. Ngày 27/10/1961 Tunku công khai tuyên bố rằng muốn
lắm là năm 1963

“hoàn toàn có thể là người

Anh sẽ cho Singapore một hiến pháp tạo dựng nền độc lập cho
Singapore. Ngày Singapore nhận nền độc lập, nó sẽ

thiết lập các quan hệ ngoại giao với những nước mà chúng ta chống
đối. Sứ quán của các quốc

gia như Trung Quốc, Nga, Nam Tư và các quốc gia cộng sản khác sẽ được

thành lập. Lúc đó chúng ta sẽ

có những người cộng sản ngay

trước cửa nhà mình.”

Nhưng Tunku sẽ

phải trả giá cho việc nhận Singapore vào liên bang. Vào hồi tháng 8,

chính quyền của ông đã thông

báo cho người Anh trong 6 tháng phải rút ra khỏi Hội đồng an ninh nội

chính. Người Anh suy diễn rằng vì

họ cần Malaya kiểm soát Singapore để

ngăn chặn cộng sản, nên Tunku sẽ

đòi hỏi các lãnh thổ trên

Borneo phải được sáp nhập vào

Liên bang trước. Dĩ nhiên tôi hiểu

rằng vấn đề là chọn thời
điểm thích hợp. Nhờ những cuộc
viếng thăm các lãnh thổ thuộc
Borneo để tiến hành các vụ kiện
tụng, tôi biết rằng ý thức chính
trị của họ không cao và họ chưa
có những nhà lãnh đạo. Tôi
đã đề cho người Anh sắp xếp
chuyện này và cho rằng họ đã
dàn xếp xong vấn đề này với
Tunku.

Ngày 16/11, Tunku từ
Singapore đi London để bàn về vấn
đề Malaysia với chính quyền Anh. Ông ta rất vui vẻ và tuyên bố
với
báo chí rằng thật là an toàn

khi cho rằng vấn đề Liên bang Malaysia đã “ở trong túi”, điều

đó có nghĩa là ba vùng lãnh

thổ thuộc Borneo và Singapore sẽ gia nhập Liên bang. Ông ta nhanh chóng nói thêm, như tờ *Straits Times* tường thuật, với nụ cười cời

mở:

“Tôi muốn thành thật hơn. Tôi muốn điều

đó ít nhất là phải xảy ra

đồng thời nếu không nhân dân

Liên bang sẽ rất lo lắng. Trong Liên bang, Singapore được coi là một loại đứa trẻ có vấn đề...

Những đề nghị về hiến pháp

không phải là một sự hợp nhất

hoàn toàn. Đúng hơn, nó chỉ

là một hình thức liên kết rất

chặt chẽ.”

Nhận xét này làm cho công việc của tôi khó khăn hơn.

Ở London, sau khi nói chuyện với Macmillan chỉ trong 80 phút, ông ta rất vui khi nói với giới báo chí: “Chúng tôi không cần phải đợi

cho đến năm 1963.”. Trong một tuyên bố chung ngày 22/11, chính quyền Anh và Malaya nói: “Các vị Bộ trưởng

rất hài lòng về Hiệp định

khung mới đây giữa chính phủ

Malaya và Singapore về việc hợp nhất Singapore vào Liên bang”.

Tại sao Tunku thay đổi ý kiến như thế? Macmillan đã

thuyết phục được ông ta và

trên thực tế đã hứa hẹn với

ông ta về các lãnh thổ Borneo, điều này tùy thuộc vào các kết

luận của một ủy ban đề xác

định ý muốn của người dân.

Ở Singapore, chúng tôi đệ trình lên Hội đồng

lập pháp những ý chính của

Hiệp định khung về sự hợp nhất:

“*Singapore sẽ*

có 15 ghế trong Hạ viện liên bang và 2 ghế trong Thượng viện.

624.000 công dân Singapore sẽ không mất quyền công dân mà họ hưởng ở Singapore. Với sự

hợp nhất, họ sẽ tự động biến

thành công dân của Liên bang và

mang cùng hộ chiếu như những công

dân khác của Liên bang. Họ sẽ có

cùng các quyền lợi, cùng hưởng

sự bảo vệ, có chung những nghĩa

vụ và trách nhiệm.

Quy chế tự do cho cảng Singapore vẫn được duy trì.

Đường lối chung và sự điều hành chính phủ

Singapore vẫn như trước đây, do nội các gồm Thủ tướng và những

Bộ trưởng được chọn theo sự

tiến cử của Thủ tướng thực

thi... Hội đồng lập pháp hiện

nay của Singapore vẫn tiếp tục là Hội đồng lập pháp bang, nhưng nó

không có quyền ban hành các đạo

luật có liên quan tới quốc phòng,

ngoại giao, an ninh và 'các vấn đề liên bang khác'.

Singapore sẽ tự

trị về giáo dục, các chính

sách về lao động và nói chung

sẽ giữ được quyền hành của

bang rộng rãi hơn so với các bang khác trong Liên bang.

Singapore sẽ giữ

lại một phần lớn lợi tức của

bang.

Vị trí đặc biệt của những người Malay là

công dân Singapore sẽ được bảo

vệ.”

Ngày 20/11 Ahmad Ibrahim đưa ra đề nghị rằng: “Nghị

viện xác nhận rằng mục tiêu đầu

tiên của những người yêu nước

Malaya là đạt được sự thống

nhất hai lãnh thổ này trong sự hợp

nhất Singapore và Liên bang Malaya.” Đảng Barisan ở trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Họ thấy rằng tiến trình

đi tới hợp nhất thành Malaysia đang gia tốc và dường như không thể

ngăn chặn được, vì thế họ

cố gắng trì hoãn. Tiến sĩ Lee

Siew Choh phát biểu suốt bảy tiếng

ruồi trong hai ngày. Sau nửa giờ đầu tiên, ông ta bắt đầu nói vớ

vẩn. Ông ta có một đội những

người viết mướn nằm lì trong

phòng của các đại biểu đối

lập tuôn ra hàng ram giấy lấp đi

lấp lại những điều nhằm nhí.

Thậm chí ông ta còn không thể

đọc những điều mà họ viết
cho mình. Chúng tôi tự hỏi không
biết ông ta mong đạt được lợi
lộc gì khi trì hoãn chương trình
nghị sự trong một hai ngày ấy bởi
vì chúng tôi không hề bị hạn
chế về thời gian. Cuối cùng Chin Chye, tôi và các Bộ trưởng khác
đứng dậy hỏi vị Chủ tịch
nghị viện, ngài George Oehlers, là liệu Tiến sĩ Lee có được phép tự
lập đi lập lại mãi những điều
đó không. Nhưng Oehlers không có
can đảm. Chúng tôi rất kinh ngạc
là những người cộng sản lại
có thể tiêm vào ông ta nỗi sợ
hãi đến độ ông ta lờ đi

mọi luật lệ và để cho Barisan làm
đình trệ cuộc thảo luận. Chúng
tôi quyết định rằng nếu thắng
cử trong cuộc bầu cử tới, chúng
tôi phải chọn vị chủ tịch can đảm
hơn.

Tiến sĩ Lee nói lan man đến độ ông ta chôn vùi
đi một số vấn đề khá hay
dưới một núi những điều vụn
vặt. Một trong những điều đáng
kể ra nhất là Singapore không đồng
ý có đại diện tại nghị
viện liên bang tỷ lệ với số cử
tri của mình. Ông ta nói rằng
Singapore nên có 25 đến 30 trong số 100
đại biểu. Tôi giải thích rằng

tôi đã đòi 19 ghế nhưng

Tunku không nhượng bộ quá 15 ghế,

con số dành cho những trung tâm đô

thị như Kuala Lumpur và Malacca.

Khó khăn chính của tôi không phải là điều

này hay vấn đề hợp nhất hoàn

toàn, điều mà người dân

Singapore không muốn. Vấn đề là

quyền công dân. Tiến sĩ Lee miêu

tả Liên bang như người đã lấy

thêm ba người vợ ở Borneo, trong khi Singapore không phải là
người vợ

thứ tư mà chỉ là tình nhân.

Con cái của người tình nhân này

sẽ bị coi là bất hợp pháp,

không có tư cách công dân Liên

bang. Điều này có ảnh hưởng

lớn. Việc nghi ngờ rằng “cư dân

Malaysia” (Malaysian national) không giống như

“công dân Malaysia” (Malaysian citizen)²⁶ tạo ra rất nhiều khó
chịu và

tạo cho Barisan một chủ đề lý

tưởng, qua đó họ tăng cường

được chiến dịch gây rối mà

họ vốn đã quyết tâm tiến

hành. Như tôi đã giải thích

tại cuộc họp báo ngày 15/10 rằng

trong điều kiện hợp nhất trọn vẹn,

trong khi những công dân sinh ở Singapore tự

động trở thành công dân Liên

bang thì những người khác – có

khoảng 327.000 người sinh ở Trung Quốc, Ấn Độ và ngay cả ở

Malaya – trước hết phải thỏa đáp

những quy định về cư trú của

Liên bang và phải vượt qua được

kỳ thi tiếng Malaya trước khi trở thành công dân của Liên bang. Sự khác

nhau là, theo hiệp ước giữa chúng

tôi với Tunku, tất cả các công

dân Singapore sẽ trở thành “cư

dân liên bang”. Đó chính là

“sự dàn xếp đặc biệt”

tốt nhất mà tôi có thể nhận

được từ Tunku.

Cộng sản đã phát động một cuộc phản công

kiên quyết mặc dù về căn bản,

vị trí của họ là yếu kém,

họ từ bỏ việc kêu gọi hợp

nhất hoàn toàn để chuyển sang
nhấn mạnh rằng nhân dân Singapore sẽ
trở thành công dân hạng hai. Mặc
dù Keng Swee phản bác tiến sĩ Lee về
vấn đề này, chỉ ra rằng họ
có thể bầu đại diện của
mình vào nghị viện liên bang và
có thể ứng cử, ông ta cũng lo sợ
hậu quả của việc tuyên truyền này
ảnh hưởng đến những người
ủng hộ chúng tôi.

Sau 13 ngày thảo luận tẻ nhạt và lặp đi lặp
lại, cuộc bỏ phiếu vào ngày
6/12 là 33 thuận (bao gồm 2 UMNO, 3 SPA và 1 độc lập), 18 vắng
mặt, không có
phiếu chống. Barisan chọn lựa việc vắng mặt hơn là bỏ phiếu chống

lại

Hiệp định khung sau khi họ đã cam

kết ủng hộ hợp nhất. Ngày

24/1/1962, người ta thảo luận kiến nghị

thứ hai đề ủng hộ trên nguyên

tắc kế hoạch do Tunku đề nghị

thành lập Liên bang Malaysia gồm 11 bang của Malaya, các bang Singapore và Brunei và các lãnh thổ Sarawak và Bắc Borneo. Kết quả cuộc bỏ phiếu ngày 30/1 là

35 phiếu thuận (PAP, UMNO, SPA), 13 chống (Barisan), 3 phiếu trắng và 3 vắng mặt.

Ong Eng Guan và Marshall không còn là vấn đề đáng quan tâm nữa. Họ

muốn chống kiến nghị này nhưng sợ

rằng họ sẽ bị đối xử như

những người cộng sản nếu Malaysia

thành công và Tunku nắm chính quyền.

Vì thế họ chọn phiếu trắng hoặc

chọn vắng mặt để tránh xung đột

với Tunku.

Cuộc thảo luận bị gián đoạn do các học sinh
trung học người Hoa tẩy chay kỳ thi.

Ngày 29/11, Lee Khoon Choy, thư ký thường vụ của Bộ Giáo dục
và là

ủy viên trật tự trong nghị viện

đụng đầu với một nhóm người

ngăn không cho ông vào tham dự cuộc họp của Hội đồng lập pháp.

Raja lập tức đưa ra một kiến nghị

cho quốc hội để kêu gọi cảnh

sát bảo đảm rằng những người

chịu trách nhiệm phải bị xử lý

theo luật. Khi kiến nghị được thông qua với tỷ lệ 43/3, Barisan cho
giải tán những người đang đứng ngăn chặn

bên ngoài. Vấn đề thi cử đã
là một vấn đề nhức nhối từ
tháng 6 khi Bộ trưởng Giáo dục
đề nghị hệ thống thi cử phải
được thực hiện đồng bộ ở
các trường dạy bằng tiếng Anh,
tiếng Hoa, tiếng Malay và Tamil. Điều đó có nghĩa là một sự thay
đổi cho học sinh người Hoa. Trước
kia, họ có thể thi rớt trong kỳ thi tiểu học nhưng vẫn tiếp tục học
lên trung học, bây giờ chúng tôi
yêu cầu họ phải thi đậu bậc
tiểu học trước khi học tiếp lên
bậc trung học để lấy bằng cấp
cao hơn. Những người ủng hộ cộng
sản chống lại hệ thống mới này

và đẩy vấn đề trở nên

nóng bỏng khi 300 người trong số họ

phong tỏa các trung tâm thi và tạo

nên một hàng rào người không

cho các học sinh vào dự thi trong các ngày 27 và 28/11.

Đây là một phần của tình trạng gây rối mà

những người cộng sản tìm cách

tạo nên. Họ muốn kéo các học

sinh vào cuộc như đã từng làm

để chống lại Lim Yew Hock. Nhưng chúng tôi không sử dụng lực lượng

cảnh sát để giải tán đám

người ngăn chặn. Thay vì thế,

chúng tôi bảo các bậc cha mẹ

rằng nếu con em họ thi rớt, chúng phải mất đi một năm mới có thể

thi lại và chúng tôi nhờ cảnh

sát bảo vệ đưa chúng đi qua

nhóm người ngăn chặn. Kết quả

là 60% tham dự kỳ thi. Báo chí, bao gồm báo tiếng Hoa, đăng
những hình

ảnh cha mẹ và học sinh được

cảnh sát hộ tống đi lọt qua đám

người ngăn chặn che nửa dưới

mặt bằng khăn tay theo kiểu băng đảng để tránh các máy chụp hình

của Sở đặc vụ. Tôi không bao

giờ cho phép cộng sản khai thác văn hóa, giáo dục và ngôn ngữ của

người Hoa, và ở điểm này

tôi đạt được thế mạnh

nhờ con cái tôi cũng được học

bằng tiếng Hoa. Như thế tôi đã

làm cộng sản mất đi một vũ

khí mạnh để chống lại tôi.

Họ có thể tấn công cái bản
chất trung lưu tư sản của tôi nhưng không thể bôi nhọ tôi, như đã
từng làm với Lim Yew Hock, như một kẻ
thù hủy diệt nền văn hóa Trung
Quốc.

26 HIỂU

ĐƯỢC TUNKU

Tunku từ chuyển đi London trở về trong trạng thái vui
tươi. Ông ta đang mở rộng lãnh
thổ. Ông ta sẽ sáp nhập Singapore theo những điều khoản cho
phép ông ta
duy trì được đa số người
Malay và quyền thống trị Malay mà ông
đã thành lập trong Liên bang. Ông
đã vượt qua nỗi sợ thâm căn
cố đế về việc phải thu nhận
nhiều người Hoa hơn.

Vào giữa tháng 12, tôi lưu lại Kuala Lumpur 4 ngày, lần này
tôi ở tại tư dinh của ông
ta. Tôi đi một mình thực hiện

cuộc đối thoại tay đôi –

không có viên chức nào, không

có Bộ trưởng nào, không có

ai ghi chép. Đó là cách Tunku cảm

thấy thoải mái nhất bởi vì ông

luôn luôn ưa thích sự mềm dẻo

khi thực hiện các thỏa ước với

đối tác. Sau các cuộc thảo luận,

tôi tuyên bố với báo chí rằng

ông ta muốn thành lập Malaysia vào

tháng 8/1962 để ngày kỷ niệm sẽ

rơi vào một ngày thuận lợi. Số

8 là số hên của ông ta vì thế

ông chọn ngày 31/8 là ngày Độc

lập. Tháng 8 là tháng thứ tám²⁷, còn 31 là 3 cộng 1, nghĩa là 4, hay

một nửa của 8, Tunku giải thích như thế.

Sau này, từ người bạn cũ của ông thời sinh viên ở Cambridge, Tiến sĩ Chua Sin Kah, tôi biết rằng ông thích tôi lưu trú tại tư dinh bởi vì ông ta muốn biết tôi là loại người như thế nào, cùng với các thói quen và tính cách. Và ông ta đi đến kết luận là tôi “chẳng phải là gã tồi”. Tôi hát trong phòng tắm và ông ta tán thưởng những bài tôi hát như bài Burung Kakaktua của Indonesia lúc ấy là một bài hát rất được ưa thích.

Tôi chơi gôn và xì phé. Tôi
uống bia và rượu mạnh. Hennessy là
loại rượu ưa thích của Tunku. Ông
ta xác định tôi không phải là
một tên cộng sản nguy hiểm. Thực
ra tôi rất có tính người và
là một người bạn đồng hành
dễ mến – trẻ trung, khá là
thông minh đối với những sở thích
của ông nhưng lúc nào cũng đầy
những ý kiến không phải là
không hay. Tôi hòa hợp được
với ông. Một thuận lợi lớn là
tôi có thể nói tiếng Malay, và
tôi hoàn toàn thoải mái khi nói

chuyện với vợ ông, bà Puan Sharifah
Rodziah, một phụ nữ Malay lai Ả Rập
thường được gọi trêu mếu
là Engku Pah cũng xuất thân từ Kedah,
bang quê hương của Tunku. Để thêm
ấn tượng rằng tôi có thành
phần xuất thân hoàn chỉnh, Choo cũng
nói giỏi tiếng Malay. Điều này
chứng minh với ông ta rằng trong tâm
hồn chúng tôi là người Malay,
không phải là những người Hoa có
óc dân tộc hẹp hòi.

Để đàm phán với Tunku cần phải có một
tính khí đặc biệt. Ông ta không
thích ngồi tham gia đàm phán trực
diện sau khi đọc xong hồ sơ của

mình. Ông ta thích dành những chi
tiết tế nhị cho Razak, người phụ
tá của mình – một nhân vật
có năng lực, chăm chỉ và tỉ
mĩ – và tự giới hạn mình
trong việc ra những quyết định lớn,
thu xếp chiều hướng của các diễn
biến. Lúc nào chúng tôi và
những viên chức Malay gặp bế tắc
về vấn đề nào đó và
không thể nhờ tới vị Bộ trưởng
có liên quan hay Razak giải quyết bế
tắc ấy, tôi phải đến Tunku. Điều
này có nghĩa là phải đưa
vấn đề này vào giữa các

cuộc nói chuyện dài lê thê,
không mục đích về tình hình
thế giới, giữa các cuộc tán gẫu
và những bữa cơm trưa, mà ông
ta thường đích thân nấu món
cừu quay hay thịt bò quay – ông thích
nấu ăn và nấu ăn rất ngon. Sau bữa
trưa, ông luôn luôn ngủ một giấc,
còn tôi thì ra Câu lạc bộ Gôn
Royal Selangor tập dượt vài đường
trong khi đợi ông ta thức dậy. Khoảng
4 giờ 30 chúng tôi chơi gôn và
giữa các buổi chơi ấy hay trước
giờ cơm chiều khi ông ta đang ở
trong trạng thái thích hợp, tôi sẽ

đưa vấn đề ấy ra. Bằng cách

này, một vấn đề có thể cần

đến 4 ngày ăn, uống rượu,

chơi gôn, thác tùng ông ta đi dự

tiệc hoặc đi ăn cưới. Trong vài

trường hợp, tôi cùng ông ta đi

Penang, Ipoh hay cao nguyên Cameron để đợi lúc thích hợp.

Ông ta tính tình trầm tĩnh, gần như luôn luôn

bình thản, và lặng lẽ. Nhưng ông

có thể sẽ trở nên khá sôi

động khi cảm thấy nguy hiểm. Ông

ta bảo tôi rằng ông không bao giờ

cho phép ai đẩy ông ta đến một

quyết định bởi vì khi ông không

bình tĩnh và thoải mái, ông có

thể phạm sai lầm. Nếu bị thúc

ép, ông ta sẽ hoãn quyết định.

Nhưng chẳng bao lâu tôi biết rằng

trước kia ông ta đã làm thế,

rồi không bao giờ nhìn lại.

Các viên cao ủy làm việc giỏi ở Kuala Lumpur là những người ý thức được điều

này, nhất là Tom Critchley của Úc và

Geofroy Tory của Anh. Họ chiều ý ông,

chơi gôn và xì phé với ông.

Critchley có thể thua vài trăm đô

ở các cuộc chơi xì phé trong

mấy tháng – một số tiền không

lớn, nhưng cũng không phải nhỏ.

Tunku thích thắng hay nói đúng hơn

là không thích thua. Đó là một

phần của nền giáo dục hoàng gia

của ông. Tôi không phiền hà gì

điều đó bởi vì mục đích

của tôi là làm rõ được

những điểm trong thỏa ước, nhưng

tôi đã tước đi của ông

cái cảm giác thỏa mãn do chiến

thắng mang lại vì đầu óc tôi

không chú ý đến ván bài.

Có một lần khi tôi đã thua vài

trăm đô sau khi nhận cú điện

thoại thứ ba từ Singapore, ông ta nói: “Kuan Yew, hãy chú ý đến việc

chơi bài. Tôi không thích ăn anh

khi đầu óc anh không tập trung. Công

việc có thể đợi đến sáng

mai”. Tôi cười và nhớ đến

các cuộc đàm phán ở London năm

1956 và Lennox-Boyd viết trả lời một

bức điện trong khi đang nghe David Marshall nói chuyện. Tôi nói:
“Tunku, khi tôi đến

nghe điện thoại, tôi biết rằng ông

tổ 15 đôla, tôi nghi ông có ba

con già mà tôi lại không có

bài để theo, vì thế tôi phải

chạy”. Ông ta không chịu lý lẽ

đó. Ông ta chỉ muốn thắng sau khi

tôi đã cố gắng hết mức.

Các bạn của ông cũng chiều ông. Khi con ngựa của

ông thua trong một cuộc đua, một người trong nhóm thường móc từ
trong túi

ra mấy chiếc vé và nói: “Tunku,

tôi mua mấy vé này cho ông. Tôi

biết ông không đánh cá con ngựa
này khi ngựa của ông đang chạy,
nhưng tôi biết nó sẽ thắng, vì
vậy tôi mua cho ông” Tunku thường
thắng cá ngựa vài trăm đôla
khi ra về mặc dầu ngựa ông thua. Điều
đó làm ông ta rất vui.

Ông ta cũng là con người dễ thương. Nhưng là
một ông hoàng, ông hiểu rõ
quyền lực và biết cách sử dụng
nó. Ông ta không có vẻ hùng hổ
đe dọa, nhưng có nhiều tay chân để
thực hiện công việc giùm ông
trong khi ông ngó lơ và giữ vẻ
hiền từ như mọi khi. Nếu ông ta
không tin ai, ông ta sẽ chấm dứt mối

quan hệ với người đó. Nếu

ông ta tin anh và anh không để ông

ta mất niềm tin thì, theo truyền thống hoàng gia, ông luôn tìm cách giúp

đỡ, như ông đã làm với

Lim Yew Hock. Khi Lim rời chức vụ, ông cử

Lim làm cao ủy tại Úc. Lúc Lim tự

làm mất tư cách ở Úc khi ở

li trong hộp đêm thoát y vũ trong

mấy ngày làm cho cảnh sát phải

đi tìm rồi phải từ chức thì

Tunku tìm cho ông một việc khác trong

tổ chức Hồi giáo ở Jeddah (Lim đã

đổi theo đạo Hồi). Đó là

cách ông giúp bạn bè trong cơn

hoạn nạn.

Và may mắn thay ông ta đã có thiện cảm với
vị trí đầy nguy hiểm của tôi
ở Singapore. Những người đối lập
tấn công chúng tôi không ngừng.
Chúng tôi gặp xung đột chủ thợ
quanh năm mặc dầu không có bạo
loạn hoặc xung đột giữa cảnh sát
và công nhân. Vào ngày 11/1/1962,
nhóm đối lập ở Dewan Rakyat, Hạ
viện ở Kuala Lumpur, đặt ra cho Tunku một vấn đề gai góc là liệu
cái
gì sẽ xảy ra sau khi hợp nhất bởi
vì các lãnh đạo nghiệp đoàn
Singapore, khác với những lãnh đạo
nghiệp đoàn ở Malaya, dường như
“phát triển trong hỗn loạn”.

Tunku trả lời rằng trong một tháng
Singapore có nhiều cuộc đình công
hơn ở Malaya trong 3 năm, nhưng ông ta sẽ
cố gắng giảm số lượng các
cuộc đình công và tăng hạnh
phúc cho người dân ở đó,
rồi cười và nói: "Tôi không
biết chúng ta sẽ thực hiện điều
đó như thế nào nhưng Bộ
trưởng phụ trách an ninh nội chính
của chúng ta nói ông ta sẽ làm
được điều đó. Toàn thể
quốc gia này đồng ý với ông."

Đây là con dao hai lưỡi. Nó có ích khi cho những
người do dự ở Singapore thấy rằng
Tunku tin tưởng sự hợp nhất đang

đến gần và rằng sau hợp nhất

ông ta sẽ giải quyết vấn đề

cộng sản thông qua Ismail, nhưng nó

cũng có hại vì nó thúc đẩy

Barisan hành động trong tuyệt vọng để

ngăn chặn hợp nhất. Tuy nhiên, Barisan không quay trở lại bạo động. Nó

đặt hy vọng sẽ làm cho cử tri

người Hoa bỏ phiếu chống lại hợp

nhất dưới bất kỳ hình thức

nào bằng cách khiến họ sợ hãi

về viễn cảnh thân phận “công

dân hạng hai”.

Để đối phó với vấn đề này, các

nhà lãnh đạo truyền thống của

cộng đồng nói tiếng Hoa (kể cả

những lãnh đạo của Phòng Thương

mại Hoa kiều) đề nghị tôi nói

chuyện với các thành viên của

mình. Tôi đồng ý và vào

ngày 13/1 tôi gặp gỡ hơn một

nghìn đại biểu đại diện cho

các bang, hội đoàn tại thính

đường Victoria Memorial. Chủ tọa buổi

gặp gỡ này là chủ tịch Phòng

Thương mại và Công nghiệp Hoa kiều

ở Singapore, một doanh nhân ngành cao su thành công, 51 tuổi, tên là Ko Teck

Kin là một người e ngại cộng sản.

Ông ta đầu tư ở Malaya là nơi

trồng nhiều cao su và sẽ không ngã

theo cộng sản. Sau này khi tôi biết rõ ông nhiều hơn, tôi thấy ông là

một người có đầu óc và
quan tâm sâu sắc đến cộng đồng
người Hoa ở Singapore mà ông cảm
thấy rằng nhiệm vụ của ông là
bảo vệ quyền lợi cho họ.

Tôi mất đến ba tiếng để trả lời các câu
hỏi. Thính giả không thù nghịch.
Đa số là các doanh nhân thực tế.
Những người cộng sản không thể
chiếm số đông và cũng không
thể chế ngự được cuộc họp
này. Một số câu trả lời của
tôi gây được cho đám đông
những trận cười. Và khi tôi đúc
kết buổi họp bằng câu chuyện kể
về lịch sử phát triển của cộng

đồng người Hoa ở Đông Nam Á
và các bang người Hoa đã đóng
vai trò then chốt như thế nào đối
với sự thịnh vượng của di dân
người Hoa, họ đã hưởng ứng
nồng nhiệt và tôi ngồi xuống vỗ
tay.

Như dự kiến, câu hỏi đầu tiên là vấn đề
quyền công dân. Điều này thật
tự nhiên. Khi một thành viên chủ
chốt của phòng Thương mại nhắc
thính giả nhớ lại rằng họ đã
chiến đấu gian khổ để giành
được quyền công dân Singapore,
quyền đa ngôn ngữ và đối xử
bình đẳng đối với mọi nguồn

giáo dục. Vì vậy họ lo âu muốn
biết việc hợp nhất sẽ ảnh hưởng
đến những điều này như thế
nào. Tôi nói với họ rằng nếu
chúng ta tìm kiếm một sự hợp
nhất hoàn toàn như Barisan đề
nghị, thì khoảng 330.000 công dân
Singapore sẽ mất tất cả các quyền
công dân. Nhưng Lam Tian, địch thủ
cũ của tôi trong cuộc tổng tuyển
cử năm 1955, sau đó lại quay sang hỏi
về các phương án của chúng
tôi. Tại sao tất cả 600.000 công dân
Singapore không thể hưởng những quyền
giống nhau sau khi gia nhập Malaysia theo những điều kiện mà
chúng ta đã

thỏa thuận với Tunku? Tôi giải thích

rằng quyền của tất cả các cư

dân Malaysia, dù là công dân

Singapore hay công dân liên bang, sẽ giống nhau, ngoại trừ công dân Singapore sẽ

bầu tại Singapore chọn các đại

diện của mình tại nghị viện liên

bang, và công dân liên bang sẽ bầu

ở Liên bang. (Thực ra mục tiêu của

Tunku là muốn loại các công dân

Singapore ra khỏi các cuộc bầu cử ở

những nơi khác thuộc Malaysia.) Nhưng

vấn đề đeo đẳng trong đầu

óc cộng đồng người nói

tiếng Hoa vẫn còn đó – nếu

không có khác biệt nào giữa

họ, thì tại sao Tunku không đồng

ý sử dụng cùng từ “công

dân” thay vì từ “cư dân”?

Sự phân biệt này cũng là vấn đề của tôi,

và công việc của tôi cũng không

dễ dàng gì hơn khi cuộc họp lần

thứ ba của Ủy ban Tư vấn Đoàn

kết Malaysia phát ra một tuyên bố mấy

ngày trước đó nói rằng

những người bản địa tại các

lãnh thổ Borneo cùng chia sẻ vị trí

đặc biệt với người Malay trong Liên

bang; và như thế họ sẽ tự động

trở thành “công dân sáng lập”

của Malaysia theo luật. Điều này nhấn

mạnh đến địa vị ưu việt

của “công dân” so với “cư dân” ở Singapore.

Khi tôi gặp Ngài John Martin, một Thứ trưởng thường trực khác ở Vụ thuộc địa, cùng với Ian Wallace và Philip Moore ở Sri Temasek ngày 16/1/1962 để thảo luận về vấn đề Malaysia, họ nghĩ rằng dư luận ở Bắc Borneo trái ngược với sự khẳng định của Ủy ban Tư vấn Đoàn kết Malaysia. Martin và Wallace đã đến Borneo và thấy hầu như tất cả mọi phe phái đều do dự. Những người dân mộc mạc sống ở thượng nguồn ít biết đến những hàm ý sâu xa và cần thời gian để suy nghĩ về điều

đó. Người Hoa không tin cậy vì

họ biết chính sách của chính

phủ Malaya là kiềm chế họ. Ở

Brunei, Azahari, lãnh đạo của Partai Rakyat, người được giới trẻ Malay ủng

hộ mạnh mẽ, cương quyết chống

đối sự gia nhập Malaysia và kêu

gọi thành lập một liên bang độc

lập cho ba lãnh thổ Borneo. Quốc vương Brunei muốn biết ông ta có lợi gì

trong liên bang hay không và phải được bảo đảm rằng ông ta có thể

có được những điều khoản

đặc biệt trong cuộc đàm phán

trực tiếp với chính phủ Malaya.

Tôi nói rằng không nên coi sự do dự của những người tin cậy nơi họ là vấn

đề nghiêm trọng. Những người

lãnh đạo ở các lãnh thổ

Borneo tôn trọng cấp có thẩm quyền.

Một khi họ thấy Tunku là nguồn quyền

lực cao nhất ở Liên bang, họ sẽ

thích ứng với điều đó. Điều

quan trọng là người Anh nên tăng

cường sự lãnh đạo và làm

cho họ hiểu rằng việc Anh ủng hộ

Malaysia là vững chắc và ổn định.

Martin kết luận rằng dân Borneo sẽ chấp nhận kế

hoạch này miễn là Tunku đủ khôn

ngoan để bảo đảm cho họ sự

bảo vệ hợp lý, nhưng cần nhiều

thời gian chuẩn bị hơn để bảo

đảm rằng chính quyền này không

sụp đổ sau khi bàn giao chủ quyền.

Tôi nhấn mạnh rằng chúng ta phải

tiếp tục cái đà này. Tunku muốn

thành lập Malaysia vào tháng 8. Tôi

muốn hoàn tất việc hợp nhất càng

sớm càng tốt và muốn trải rộng

mối đe dọa của cộng sản trong một

dân số đông hơn ở Malaysia.

Tôi bảo họ

rằng chúng ta phải nhanh lên. Barisan đã phạm phải sai lầm chiến thuật khi họ

tự tuyên bố ủng hộ hợp nhất

hoàn toàn, và một khi nhận ra mình

không thắng được thì họ có

thể quyết định phát động một

cuộc gây rối rộng khắp hơn là

chấp nhận Malaysia và việc họ bị

đẩy ra khỏi chính trường. Có

thể họ muốn chiến đấu.

Khả năng gây rối của Barisan không giảm. Vì vậy

tôi sốt ruột muốn cho tiến hành

mọi chuyện, và sự thiếu kiên

nhẫn và tính khí rất khác lạ

của tôi làm cho Tunku giận, tôi vẫn

chưa đủ nhạy bén để ý

thức rằng một khi ông ta quyết định

đưa Singapore vào Liên bang, thái độ

của ông đối với tôi cũng có

một sự thay đổi tinh tế. Ông là

hoàng tử của hoàng tộc Kedah. Sự

tuân theo phẩm trật là một phần

bản chất của ông. Đến chừng

nào Singapore còn nằm ngoài lãnh

địa của ông thì ông vẫn coi

tôi như là nhà lãnh đạo

của một quốc gia láng giềng thân

thiện, một nhà lãnh đạo nhỏ

bé hơn mà ông ta sẵn lòng đề

tiếp đãi lịch sự. Nhưng bây

giờ tôi sắp là một phần trong

Liên bang của ông ta, và ông ta đã

quen với các cận thần và hầu

cận quanh mình, những đệ tử trung

thành và khúm núm. Lim Yew Hock là

một người trong số đó và

tôi đã không tử tế với Lim

khi ông ta đưa ra trước Hội đồng

lập pháp một kiến nghị vào

tháng 3 để biểu lộ sự quan tâm

ngghiêm túc đến tình hình bất

ổn ngày càng gia tăng ở Singapore.

Trong cuộc tranh luận sau đó, tôi đã

đánh bại ông ta, chỉ ra sự khác

biệt giữa việc ông ta giải quyết

các cuộc tranh chấp lao động năm

1955–1956 và cách mà chúng tôi

đang giải quyết điều đó hiện

nay.

Thứ đến Keng Swee gây giận dữ bằng cách tuyên

bố rằng chính quyền Singapore sẽ trả

lương ngang nhau ngay lập tức cho cả nam lẫn nữ công chức. Tan

Siew Sin, Bộ

trưởng Tài chính của chính

quyền liên bang hết sức khó chịu

và lan sự khó chịu đó sang

Tunku. Ông ta tin rằng sự thay đổi này sẽ có tác động về tài
chính và xã hội đối với

Malaya, vì nữ nhân viên của họ

cũng sẽ đòi trả lương ngang

với nam giới.

Giọt nước cuối cùng làm tràn ly là lúc

tôi nói với Tunku rằng tôi đang

lên kế hoạch cho một chuyến viếng

thăm Delhi, Cairo, Belgrade, London, Moscow và Bắc Kinh. Ông
ta sợ hãi. Tôi đang đi

trên con đường nguy hiểm, nhập bọn

với kẻ thù. Tôi đã tạo ấn

tượng rằng các lãnh tụ Nga và

Trung Quốc là những nhân vật vĩ

đại trong khi Malaya cho rằng họ muốn

phá hoại sự ổn định ở đây.

Ông không hiểu rằng sau khi thăm các

nước Nga và Trung Quốc và được

họ đón tiếp, tôi sẽ có đủ

tư cách để thuyết phục nhân

dân rằng chế độ cộng sản

không thích hợp cho Singapore và Malaya. Đó không phải là giải pháp của

Tunku. Tôi sắp trở thành một bộ

phận trong kế hoạch của ông và

ông ta không muốn bất kỳ ai chơi

thân với kẻ thù. Ông ta cũng giận

dữ vì tôi tranh luận với ông về

vấn đề này, và cuối cùng

tôi kết luận rằng không có lợi

khi tranh luận với ông về vấn đề
này.

Sự bức dọc này lộ ra. Vào ngày 25/3 tại
Singapore, ông ta tấn công vào những
phần tử cực đoan muốn biến hòn
đảo này thành “Tiểu Trung Quốc”,
chống đối hợp nhất và đã
tách ra khỏi PAP để chống lại sự
hợp nhất. Ông ta nói, nếu họ
muốn gây hỗn loạn và đổ
máu, tốt hơn là đừng hợp
nhất gì cả, nhưng trong trường hợp
này ông ta sẽ đóng cửa đường
đê nối Malaya và Singapore để giữ
an toàn cho Malaya. Mặt khác, ông nói, các nhóm cực đoan không
có gì

phải sợ sự hợp nhất cả nếu
họ tôn trọng luật pháp và làm
việc trong khuôn khổ hiến pháp liên
bang – những phần tử cực đoan ở
Malaya vốn đã nhiều hơn ở
Singapore rồi.

Đó là kiểu cách tiêu biểu của ông. Tại
Hạ nghị viện ở Kuala Lumpur ông đã
nói rằng Bộ trưởng An ninh nội
chính sẽ giải quyết vấn đề
cộng sản. Bây giờ ông nói nếu
họ hoạt động trong khuôn khổ hiến
pháp thì sẽ không có vấn đề
gì. Nhưng rõ ràng là ông ta
muốn giải quyết vấn đề các
nhóm cực đoan này. Ông ta thường

lập lờ như thế. Đó là kiểu

Tunku biểu lộ tư tưởng của mình

– không nhất thiết là hợp lý

và chặt chẽ trong biểu hiện nhưng

lại làm cho thính giả biết lập

trường của mình. Tuy nhiên trong trường hợp này, sự can thiệp của ông

lại có ích nhiều hơn là trở

ngại. Ông ta đã nhấn mạnh đến

điểm yếu của Singapore và cương

quyết thực hiện sự hợp nhất. Chỉ

hai ngày sau, trong buổi tiệc do Ko Teck Kin chiêu đãi, ông tỏ rõ lập trường:

“Một sự tan vỡ hoàn toàn giữa

Singapore và Malaya có nghĩa là sẽ có

chiến tranh và đổ máu gây hậu

quả nghiêm trọng cho nhân dân”,

ông nói, “Chiến tranh sẽ xảy ra nếu một Singapore bị cô lập tìm kiếm sự liên minh với các thế lực không thân thiện với Liên bang (có nghĩa là Trung Quốc).”

Selkirk báo cáo về London:

“Tôi cảm thấy rằng những lời phát biểu

khá căng thẳng và đe dọa ấy

sẽ gây nguy hại và sẽ làm tăng

hiệu ứng bầu không khí chính

trị ở Singapore ở một thời điểm

chúng ta đang cố gắng đưa Singapore

tiến tới sự hợp nhất một cách

ôn hòa và tất yếu. Việc đe

dọa đóng cửa đường đi

và chiến tranh giữa Singapore và Liên

bang là vô tác dụng và sẽ chỉ

giúp cho đảng Barisan Sosialis kích động tình cảm sắc tộc chống lại người

Malay thôi... Tuy nhiên có lẽ điều

quan trọng hơn là biểu hiện của

tình trạng lúng túng trong suy nghĩ

của Tunku. Rõ ràng là ông ta đã

bối rối và phật ý khi thấy rằng

đề nghị của ông về một

Malaysia không được cả Borneo và

Singapore hân hoan chào đón, và phần

nào ông ta hẳn đã hối tiếc

cho toàn bộ kế hoạch này. Tuy nhiên,

tôi tin rằng ông ta có ý định

tiếp tục thực hiện ý đồ của

mình và có lẽ cũng không cần
phải lưu tâm lắm về những lời
lẽ khá cực đoan trong các bài
diễn văn của ông ta.”

Selkirk đã nhận xét sai lầm về hiệu quả những
lời phát biểu của Tunku. Chúng ảnh
hưởng lớn đến những nhà lãnh
đạo Barisan, những người này hiểu
rằng Tunku có ý nói thực lòng
và bây giờ đã tham gia vào cuộc
tranh chấp rồi. Ông ta đã vẽ nên
một bức tranh ảm đạm về Singapore
nếu không có Malaysia. Lim Chin Siong đã thấy khá đủ lo lắng để
viết
cho Tunku một bức thư hứa hẹn sẽ
ủng hộ sự hợp nhất và Malaysia.

Bức thư này được kín đáo

trao tay tại Dinh Liên bang ở Singapore nhưng Tunku tiết lộ chuyện này cho một trong những thư ký của ông biết và

tờ *Straits Times* chạy cái tít: “Thư mật, đến từ

Lim”. Bị các phóng viên ép,

Lim Chin Siong đành xác nhận rằng ông

ta đã viết nó và nói rằng

ông rất biết ơn Tunku đã trả

lời thư ông rất lịch sự. Được

hỏi thư trả lời nói về vấn

đề gì, ông ta từ chối trả

lời.

Bị khiêu khích bởi những phỏng đoán tối tăm

của Chin Chye – đây có phải là

một vụ bán đứng không? –

ngày 11/7, tiến sĩ Lee Siew Choh cuối cùng đưa ra bức thư và thư

trả lời

của Tunku. Lim Chin Siong viết ông nghĩ phần lớn những cảm nghĩ không vui của

Tunku về Singaore xuất phát từ sự

thiếu cơ hội cho những cuộc thảo

luận tự do và thẳng thắn về

“những thái độ rõ ràng là

khác nhau” giữa họ, mà những

cuộc thảo luận này lại có thể

đóng góp rất lớn vào sự

hiểu biết và sự thống nhất quốc

gia. Tunku, trong thư trả lời, hoan nghênh việc Lim bảo đảm rằng ông ta sẽ

hoàn toàn ủng hộ Tunku trong khát

vọng thống nhất quốc gia. Ông phải

rời Singapore ngày hôm sau, nhưng sẽ

rất vui nếu được gặp lại Lim
vào một ngày nào đó trong
tương lai và sẽ cho Lim biết khi có
thể thu xếp cuộc gặp này. Nhưng
Tunku, biết rằng “những thái độ
rõ ràng là khác nhau” đó
là không thể hòa hợp được,
nên đã không đưa ra ngày hẹn
gặp nào.

Lim Chin Siong đã phạm một sai lầm nghiêm trọng. Đầu
tiên, viết thư mà không công bố
đối với cộng đồng người
Hoa là một sự yếu đuối, một
sự thú nhận rằng ông ta đang ở
thế yếu và muốn dàn hòa với
Tunku. Bức thư này là một sự

nhượng bộ, mà không nhận lại

được cái gì cả. Nó ngầm

thừa nhận rằng Tunku, từ bây giờ

trở đi, là người có triển

vọng nắm quyền kiểm soát nhất,

chứ không phải Lim Chin Siong và những người cộng sản, và tôi biết

người Hoa sẽ cân nhắc việc này

khi quyết định sự lựa chọn của

mình trong tương lai. Điều duy nhất

mà Barisan có thể làm trong lúc này

là cố giữ cho các cán bộ bạn

rộn để duy trì tinh thần và

tránh để họ nghĩ đến tình

trạng tuyệt vọng của mình. Theo đó, Tiến sĩ Lee công bố rằng

trong ngày chủ nhật sắp tới, và

6 ngày chủ nhật tiếp theo đó,

1.500 cán bộ sẽ lên đường

thực hiện một cuộc vận động

đến từng nhà để chống lại

chủ trương hợp nhất của chính

phủ.

Một tuần sau cuộc viếng thăm của Tunku, Tan Siew Sin thăm Singapore để khai trương một phân bộ

của MCA mà ông ta vừa nhận chức

chủ tịch. Ông ta tuyên bố thậm

chí còn cứng rắn hơn cả Tunku.

Singapore đã trở thành đứa con có

vấn đề của Malaya, ông nói. Nhưng

nếu không hợp nhất, có thể sẽ

không nhất thiết phải đóng cửa

đường đê bởi vì nền

kinh tế của Singapore đã quá yếu
đuôi. Chỉ cần một lệnh ngăn
gọn và đơn giản về tăng thuế
quan đánh vào cao su xuất khẩu cũng
đủ biến thị trường cao su lớn
nhất thế giới này thành một khu
ổ chuột miền nhiệt đới. Một
hòn đảo nhỏ hơn vùng đồi
của Malaya, cao nguyên Cameron, không thể
đứng một mình. Ông ta thêm rằng
chính quyền Malaya không phải hoàn
toàn do người Malay chi phối, và thật
không đúng khi cho rằng người Hoa
không được đối xử công
bình. Ông ta không phải là thành

viên của một chính phủ mà ông

cảm thấy là thù nghịch với

quyền lợi hợp pháp của người

Malaya gốc Hoa.

Đe dọa để

áp đặt Singapore qua những biện pháp

kinh tế làm cho người Hoa không ưa

thích ông ta. Một vài ngày sau,

Barisan phản công bằng cách cảnh cáo

ông ta rằng sự lệ thuộc lẫn nhau

giữa Malaya và Singapore là một thực

tế, bất kỳ cố gắng nào của

nước này nhằm áp đặt sự

trừng phạt kinh tế chống nước kia

cũng sẽ là tự sát. Đồng

thời Lim Chin Siong thách đố Tunku, mặc dầu gián tiếp. Bởi vì

người

Anh không thể cai trị theo kiểu thuộc

địa cũ được nữa, ông ta

nói, nên họ quyết định thành

lập Liên bang Malaysia nhằm sử dụng các lực lượng cánh hữu ở địa

phương để bảo vệ quyền lợi

của mình trong khu vực này.

Tunku đáp trả

bằng cách lặp lại lời cảnh cáo

rằng đường đê sẽ bị đóng

cửa vào cuối năm nếu Singapore phản

đối việc hợp nhất và nhấn

mạnh rằng điều đó là ông

ta nói thực. “Nếu cộng sản nghĩ

rằng họ có thể dễ dàng lừa

bịp được người Malay,” ông

nói, “thì họ đã sai lầm
một cách đáng buồn”. Một
tuần sau, Barisan trả đũa lại rằng
những đe dọa như thế chỉ làm
gia tăng sự chống đối của quần
chúng đối với các nhà chính
trị liên bang mà thái độ của
họ “hết sức phi lý, bất công
và phi dân chủ”. Nó cũng nói
rằng Liên bang ve vãn nhân dân các
lãnh thổ Borneo bằng những nhượng
bộ, nhưng đối với Singapore chỉ
toàn là đe dọa, cưỡng bách
và hăm he.

Cũng có thể
là như thế thật, nhưng những đe

dọa đã làm cho nhân dân ý

thức rằng hậu quả của cuộc đương

đầu với Tunku có thể sẽ rất

nguy hại. Dù tổn thương đến

mức nào đi nữa, Malaya sẽ vượt

qua dễ dàng hơn Singapore. Giới kinh doanh người Anh hoảng sợ và
để

nhấn mạnh đến tính bất ổn

của tình thế, vị chủ tịch hội

hưu của Phòng Thương mại Singapore

nhắc đến “sự bột phát các

cuộc bãi công, lẫn công, ngồi

lì... có nghĩa là bất ổn

trong ngành công nghiệp” và đưa

tới nguy cơ lớn là nguồn vốn mới

sẽ không chảy vào hòn đảo

này nữa, trong khi giá cả tăng vọt
sẽ hạn chế thương mại và tạo
ra những khó khăn về tài chính.

Tâm trạng lo sợ
chung do tất cả những chuyện này khơi
lên đã đi ngược lại ý
muốn của Barisan. Trong khi ấy chúng tôi đã vượt được một rào
cản khác. Sau các cuộc trao đổi
hần học và một cuộc thảo luận
kéo dài 5 tiếng đồng hồ đến
quá nửa đêm và tiếp tục
sang ngày hôm sau, Hạ viện đã
thông qua một kiến nghị tu chính hoan
ghênh việc giới thiệu Dự luật về
Trưng cầu dân ý quốc gia Singapore với tỷ lệ 26/16.

Vì cần thay đổi sau hoạt động sôi nổi này, tôi

quyết định đã đến lúc

phải nối lại các cuộc tiếp xúc

với các nhà lãnh đạo Anh, và

gặp gỡ một số nhà lãnh đạo

Á Phi trên chuyến đi này. Vào

tháng 4/1962, tôi bay sang London, ghé qua Rangoon, New Delhi, Cairo và Belgrade.

Thủ tướng Pandit Nehru của Ấn Độ hoàn toàn

ủng hộ đề nghị của tôi muốn

hợp nhất Singapore với Malay a để thành lập Malaysia. Báo chí ủng hộ. Dưới

tiêu đề: “Thủ tướng ủng

hộ một liên bang Malaysia”, tờ *The Time of India*, lúc đó là tờ nhật báo có

uy tín của Ấn Độ viết rằng

Malaysia đã dành được sự tán

đồng trong chính giới. Hiển nhiên

là Ấn Độ coi đây là một
phát triển lành mạnh bởi vì nó
giúp ngăn chặn ảnh hưởng của
Trung Quốc ở Đông Nam Á. Tại cuộc
họp báo, tôi có thể nói với
giới báo chí rằng Thủ tướng
của họ không quan tâm về tuyên bố
của ban thư ký Ủy ban Đoàn kết
Á Phi rằng Malaysia là một tên thực
dân kiểu mới.

Trạm dừng kế
tiếp của tôi là Cairo, nơi ban thư
ký của Ủy ban Đoàn kết Á
Phi phát ra tuyên bố chỉ trích
Malaysia. Nếu tôi tranh thủ được
Tổng thống Nasser, đó sẽ là một

thắng lợi lớn. Tôi đến vào
buổi sáng, được phó Tổng
thống ra đón và đưa về một
trong những lâu đài nhỏ của cựu
quốc vương Farouk bấy giờ được
dùng làm nhà khách. Tối đó,
tôi được Nasser tiếp trong căn nhà
khiêm tốn của ông. Đó là
một cuộc gặp gỡ tốt đẹp. Khi
tôi đến, ông đã đứng ở
cửa trước với các nhà nhiếp
ảnh đang ở trong vị trí của mình.
Tôi cảm thấy ông đã làm
điều đó hàng trăm lần để
trông ăn ảnh hơn trên tivi và báo

chí. Ông ta lúc nào cũng nồng

nhiệt tiếp đón và rất thân

thiện. Vị tổng lãnh sự của ông

tại Singapore là người ủng hộ tôi

và liên bang Malaysia nhiệt thành. Ông ta biết chúng tôi không muốn Singapore trở thành một Israel ở Đông Nam Á

và ông đã báo cáo tình

hình này với Bộ trưởng Ngoại

giao của mình.

Nasser nghe tôi nói cả tiếng đồng hồ về những

mối nguy hiểm khi Singapore đứng một

mình và trở thành một thực thể

kỳ cục ở Đông Nam Á, một

thực thể người Hoa ở giữa một

quần đảo Malay có khoảng một trăm

triệu dân. Tôi không muốn điều

này. Câu trả lời là đưa

Singapore kết hợp trở lại với bán

đảo Malay a vốn là một đơn vị

đã do người Anh cai trị chung trong hơn một trăm năm trước khi chúng bị

tách ra. Ông ta hiểu rõ việc lập

Liên bang Malaysia không phải là một

âm mưu thực dân mới và bảo

đảm với tôi rằng ông ta sẽ

ủng hộ điều đó và tôi

có thể nói điều đó cho mọi

người biết. Trong suốt 5 ngày viếng

thăm, người Ai Cập tiếp đãi

tôi như thượng khách. Tôi được

mời viếng thăm Ai Cập lần nữa và

có thể ghé thăm ông ta bất cứ

lúc nào với tư cách cá nhân,
Nasser nói. Tôi đã kết được
một bạn mới. Tôi thích người
đàn ông này, thích phong cách
giản dị và sự khao khát mãnh
liệt của ông muốn làm thay đổi
một nước Ai cập suy tàn và mục
nát dưới triều Farouk.

Nasser ra một tuyên bố chung với tôi, một việc phá
lệ vì Singapore không phải là một
quốc gia độc lập. Thông cáo chung
nói rằng ông ủng hộ việc thành
lập Malaysia và “sự thống nhất
của tất cả các dân tộc có
cùng nền tảng xã hội và chính
trị... tìm cách chấm dứt sự

thống trị của chủ nghĩa thực dân”.

Đối với Singapore, được Nasser và

Nehru, hai nhà lãnh đạo tiên phong của châu Phi và châu Á, hiểu và ủng hộ là một thắng lợi chính

trị.

Vào ngày lễ

Lao động, tôi bay đến Belgrade. Tito tiếp tôi trọng thể. Khác với Nasser, ông

ở trong một dinh thự sang trọng với các cổng sắt được điều khiển bằng điện lạng lẽ mở ra khi chúng

tôi tới. Một vị Bộ trưởng

ông Slavko Komar, đưa tôi tới gặp

ông Tito mặc một bộ thường phục,

không phải là một trong những bộ

đồng phục oai vệ nhất của ông

ta. Khi các nhiếp ảnh gia chụp hình,

ông ta trông cứng nhắc và nghiêm

trang – không cười, không nồng

nhiệt, hoàn toàn trái ngược với

Nasser. Tôi đối mặt với vấn đề:

người Indonesia đã đầu độc

đầu óc ông [28](#) Nhưng ông lắng nghe. Tôi thư thả

giải thích lập trường của mình,

nói rằng tôi là một người

có tinh thần dân tộc, không phải

là một tên bù nhìn của chủ

nghĩa thực dân. Tôi không đồng

ý với những người cộng sản

Singapore, họ đi theo đường lối của

Trung Quốc: họ không thể thành công

ở Singapore và Malaysia bởi vì nhân

cộng sản của họ không bắt nguồn
từ bản địa; chủ nghĩa Mao không
thể thành công ở châu Á. Cử
chỉ của ông cho tôi cảm nghĩ rằng
tôi đã chuyển biến được
ông. Tôi nhắc lại một bài báo
phê bình Malaysia trong tờ báo đảng,
tờ *Komunist*.

Tito nói nó không đại diện cho
chính quyền Nam Tư. Tôi lại giành
được điểm.

Khi tôi đi đến phi trường và sắp sửa gặp giới
báo chí ở đó, tôi hỏi
Slavko Komar là liệu tôi có thể lặp
lại những điều Tito nói với tôi
không. Ông nói Tổng thống là

một người giữ lời, khi ông ta nói

như thế là như thế. Vì thế

tôi trích dẫn tuyên bố của Tito

và quay sang hỏi vị Bộ trưởng

điều đó có đúng không,

ông ta gật đầu và nói: “Đúng”.

Sau khi tôi rời Nam Tư, hãng Reuters tường thuật tuyên bố của người phát

ngôn Vụ đối ngoại rằng: "Bài

báo này phản ánh quan điểm cá

nhân của tác giả. Thủ tướng

Lee trong suốt thời gian lưu lại Belgrade đã thông báo với chủ tịch và các

nhà lãnh đạo Nam Tư về mong muốn

thành lập liên bang Malaysia. Vấn đề

này được phía Nam Tư thông

hiếu”. Thêm một thắng lợi chính

trị.

Đối với Choo, chuyến đi London lần này là lần

đầu tiên bà trở lại từ khi

ra đi vào tháng 8/1950. Thành phố

trông thịnh vượng và dân London

ăn mặc rất chải chuốt. Họ đang

trải qua thập niên 60 thịnh đạt.

Mặc dầu tôi đã tới đây

3 lần trong khoảng thời gian 1956–1958, tôi vẫn bị ấn tượng khi
thấy có

quá nhiều tiệm ăn và xe hơi.

Macmillan đã thắng trong cuộc bầu cử

1959 với điệp khúc: “Bạn không

bao giờ có được điều tốt

đẹp đến thế,” và báo

chỉ đặt biệt danh cho ông là

“siêu Mac”. Đó là tháng

5, thời tiết rất đẹp, và chúng

tôi thật hạnh phúc khi thấy thủ

đô Anh phát đạt. Một vài

chiếc xe Humber Pullman khổng lồ đang đậu ở Grosvenor House
nơi chúng tôi lưu trú, sẵn sàng đưa chúng tôi đi

bất cứ nơi nào chúng tôi muốn.

Nhưng tôi có một lịch trình dày

đặc – thảo luận với các Bộ

trưởng, gặp gỡ những người

ủng hộ thuộc đảng Lao động

trong nghị viện, và các cuộc phỏng

vấn không chính thức với báo

chí Anh.

Reginald Maudling, vị

tân Bộ trưởng Thuộc địa, một
người to lớn, vạm vỡ, đeo kiềng,
rất cởi mở và dễ làm quen, ông
ta và vợ tiếp chúng tôi thân
mật trước các cuộc thảo luận
chính thức để cho chúng tôi có
cảm giác thoải mái. Ông cũng tự
tập được vài Bộ trưởng
dùng cơm trưa với tôi, và đôi
với vợ tôi, bà Maudling cũng tổ
chức một cuộc chiêu đãi dành
cho quý bà ở khách sạn Hyde Park.

Một vấn đề
lớn vốn là vấn đề cũ –
liệu có nên gạt bỏ những người
cộng sản trước hay sau sự hợp nhất

không. Tunku đã lặp lại đòi hỏi của ông rằng Hội đồng an ninh nội chính phải ra tay đối phó trước. Ông cũng nói rõ rằng ông không muốn thực hiện các cuộc đàn áp vào lúc Malaysia khai sinh. Đó không phải là một khởi đầu thuận lợi.

Tôi chuẩn bị xem xét việc hành động trước khi thực hiện hợp nhất – với hai điều kiện quan trọng. Tôi nói với Maudling chiến dịch này có thể bắt đầu trong khi Anh vẫn còn giữ trách nhiệm về an ninh, vẫn là chủ tịch Hội đồng an ninh nội chính. Tôi

nhấn mạnh rằng cộng sản vẫn cứ

giữ lập trường như thế lúc

tiến hành cuộc trưng cầu dân ý

về vấn đề hợp nhất. Quan điểm

trước công chúng của tôi là

tôi sẽ xem việc ấy như một điều

rất đáng tiếc nhưng trên quan điểm

cá nhân với sự hiểu biết về

cộng sản, tôi cho rằng đó là

điều rất cần thiết. Kể đó

tôi nhấn mạnh rằng những người

cộng sản vẫn phải được tự

do hoạt động khi cuộc trưng cầu dân

ý về việc lập Liên bang Malaysia được

tiến hành. Tôi tin rằng họ sẽ

kêu gọi một cuộc tẩy chay nhưng sẽ

không được quần chúng ủng

hộ, và chính điều này sẽ

làm mất uy tín của họ. Sẽ là

một sai lầm chết người nếu bắt

giữ họ trước cuộc trưng cầu

dân ý; chính điều đó sẽ

hủy diệt hoàn toàn giá trị của

cuộc trưng cầu dân ý và tôi

dễ dàng bị kết tội là đã

bắt giữ họ để giành chiến

thắng và giao Singapore cho Tunku. Sẽ có bạo động phản đối và rối

loạn xã hội.

Một ủy ban đặc biệt dưới quyền lãnh đạo của

ngài Cobbold lúc ấy đang viếng thăm

Bắc Borneo để xác định quan điểm

của vùng này về vấn đề hợp
nhất. Tôi nhấn mạnh rằng dù cho
báo cáo của Cobbold có bất kỳ
khuyến cáo gì về vấn đề
quyền công dân của người Borneo đi
nữa, thì Singapore cũng phải được
hưởng những điều kiện thuận
lợi không kém các vùng lãnh
thổ đó. Từ “cư dân Malaysia”
có lẽ sẽ được chấp nhận
nếu nó được áp dụng chung
cho các công dân của hai lãnh thổ
này, nhưng Tunku đã tuyên bố rằng
công dân Borneo sẽ trở thành công
dân Malaysia mặc dầu công dân Singapore thì không được như thế.

Khi Maudling hỏi về
các khó khăn của tôi với Tunku,
tôi nói: “Tunku nghĩ tôi thông
minh nhưng sai lầm còn ông ta không
thông minh nhưng đúng. Tôi thắng
trong cuộc tranh luận ấy nhưng ông ta
cảm thấy kết luận của tôi là
sai mặc dầu ông ta không biết tại
sao”. Nếu Maudling thuyết phục được
Tunku rằng thật là điên rồ khi
tin rằng mọi người Hoa đều có
thể ủng hộ cộng sản, thì ông
ta sẽ đạt được hiệu quả
hơn tôi. Niềm tin đơn giản của
Tunku là “chính trị dành cho người
Malay và kinh doanh dành cho người Hoa”.

Điều đó có lẽ đúng

với thời của cha Tunku, nhưng không hiện thực vào năm 1962. Đối với các

khác biệt về quyền công dân, tôi

cũng đã gặp Cobbold vào buổi sáng

hôm đó và bỏ ra gần cả

tiếng đồng hồ để thảo luận

các đề nghị của ông về vấn

đề Borneo. Tôi nói với Maudling rằng

tôi cảm thấy vui hơn khi biết rằng

ông ta biết những điều đó

ảnh hưởng đến Singapore như thế

nào và những điều đó làm

gia tăng khó khăn của tôi ra sao.

Cuộc viếng thăm của tôi không phải hoàn toàn là công việc. Chúng tôi lái xe đến

Cambridge dùng trà với Billy Thatcher ở

University Arms Hotel. Thatcher rất vui với những điều tôi đã làm được kể từ

khi tôi rời Cambridge vào năm 1949 và

hỏi thăm con cái của chúng tôi –

Chúng tôi đã viết thư cho ông

nói rằng Loong rất là thông minh, ông

biếu tôi cuốn *Alice in Wonderland* của Lewis Carroll để tặng cho Loong và nói: "Nó phải đến sớm nếu tôi

còn ở được chỗ này để

gặp nó". Thatcher không có vẻ

yếu lả nhưng tôi rất vui vì đã

có thể thăm được ông. Một

năm sau ông ta mất. Cả hai chúng tôi

đều rất buồn.

Ngày cuối tuần ở Cambridge là một dịp may với nguyên một chương trình chính thức bao

gồm chương trình phát thanh của
đài BBC về Singapore trên chuyên mục
Viễn Đông của họ. Tôi mô tả
các nhà lãnh đạo của các
quốc gia không liên kết – Ấn Độ,
Ai Cập, Nam Tư – đã công khai ủng
hộ việc thành lập Malaysia như thế
nào. Đó không phải là loại
tin phấn khởi cho những người ủng
hộ cộng sản.

Các bài tường thuật trên báo chí, đài phát
thanh về các cuộc gặp gỡ của tôi
với Nehru, Nasser và Tito, và bài phát thanh của tôi trên đài BBC
ắt hẳn
là có tác dụng tốt bởi vì
Barisan tấn công tôi dữ dội. Để

giải thích tại sao những nhà lãnh

đạo Á Phi ấy không nghĩ Malaysia

là một âm mưu của chủ nghĩa

thực dân, họ khẳng định rằng

tôi đã lấy cảm tình và

ủng hộ của họ bằng cách tạo

ra một ấn tượng giả. Họ chỉ

trích rằng Nehru, Tito và Ne Win (khác với Nasser) không đòi nào
đưa ra một

thông cáo chung nào với một vị

thủ tướng thiếu uy tín. Nhưng họ

không thể bác bỏ rằng những nhân

vật đó đã ủng hộ Malaysia.

Trong khi ấy, tờ

báo thân cộng của Indonesia, tờ

Bintang Timur, tường thuật rằng Lim Chin Siong nói ông

ta ủng hộ việc hợp nhất với

Indonesia hơn là với Malaysia. Điều này là ngu xuẩn, và Lim với
bác bỏ

việc mình đã tuyên bố như

trên, nhưng nó đã gây tổn

hại cho ông – cộng sản đang mất

đi ưu thế trong cuộc chiến chống

lại việc hợp nhất và lời bác

bỏ của ông không thuyết phục nổi

ai.

Tôi trở về

Singapore và cảm thấy dễ chịu hơn

sau 5 tuần rời xa những tranh luận hàng ngày và áp lực của các cuộc

đình công. Tinh thần của tôi đã

phục hồi đủ để trở lại

với những cuộc đấu tranh bất tận

với cộng sản, bút chiến với họ

trên báo chí và cố gắng kiềm

chế khi đối mặt với những khiêu

khích do những cuộc đình công,

lấn công trong khi kinh doanh trì trệ, công ăn việc làm mất đi và thất

nghiệp gia tăng.

Mọi thứ đã không diễn ra quá tệ. Vào tháng

5, khoảng 3.000 học sinh tụ họp ở

trường trung học Chung Cheng để kỷ

niệm các cuộc xung đột với cảnh

sát năm 1954. Họ hát, lên án

chính phủ vì đã thành lập

một ủy ban điều tra cuộc tẩy chay

thi cử và kêu gọi bãi khóa một

ngày ở tất cả các trường

trung học người Hoa vào ngày 21/5,

ngày ủy ban bắt đầu làm việc.

Nhưng vào đúng ngày đó, 19

trong số 25 trường học buổi sáng

có 100% học sinh đi học. Một trăm

học sinh được chọn để dán

các áp phích phản đối lên

tường, cột điện và biển báo

giao thông vào lúc 5 giờ sáng, lúc

trời hãy còn tối. Họ không lo

bị chú ý và chụp hình.

Mặc dầu Barisan đến từng nhà để vận động

vào những ngày chủ nhật, về căn

bản chúng tôi vẫn ở thế thắng.

BỎ PHIẾU CHO HỢP NHẤT

Tuy vậy, Barisan đang củng cố được vị trí qua vấn đề quyền công dân. Việc gọi lên ý tưởng cho rằng người Singapore sẽ là “công dân hạng hai” ở Malaysia đã có tác động và gây được sự hoang mang. Tôi quyết định giải quyết vấn đề một cách trực diện. Vì thế vào ngày 3/6/1962, kỷ niệm ba năm Ngày Quốc gia Singapore, tôi nói chuyện trước mấy nghìn người ở Padang đang tụ tập xem các cuộc diễu hành của quân đội, của các nhóm dân

sự và học sinh, và xem các cuộc
trình diễn văn hóa. Tôi bảo đảm
với họ rằng trước khi thực hiện
việc hợp nhất với Malaysia, tôi phải
làm rõ trong hiến pháp rằng công
dân Singapore sẽ bình đẳng với
các dân tộc khác trong liên bang.

Lim Chin Siong bác lại rằng lời hứa của tôi là
sự thú nhận rằng thực ra với các
điều khoản hợp nhất và sự
dàn xếp của Malaysia, người Singapore
không có sự bình đẳng. Barisan
thu hẹp vấn đề hợp nhất lại
thành vấn đề này và tôi
tin rằng nếu tôi có thể yêu cầu
Tunku thay từ “cư dân Malaysia” thành

“công dân Malaysia”, vấn đề
sẽ được giải quyết. Tôi quyết
tâm đạt cho được điều
này, và tổ chức một cuộc trưng
cầu dân ý càng sớm càng tốt
trước khi Barisan có thể khuấy động
sự bất mãn. Nhưng tôi không có
thể mạnh đối với Tunku, chỉ người
Anh mới có. Bởi vì Tunku muốn các
lãnh thổ Borneo và cũng cần họ
giúp bảo vệ Malaya, tôi phải nhờ
đến người Anh làm việc ấy.
Moore đồng ý rằng chúng tôi có
mối bất bình chính đáng và
tôi biết ông ta sẽ cố gắng hết

sức để làm cho các Bộ trưởng
ở London thuyết phục Tunku thay đổi ý
kiến về quyền công dân. Nhưng
chúng tôi không đồng ý về
một vấn đề khác cũng quan trọng
không kém: đó là việc trưng
cầu dân ý.

Moore lo lắng bởi vì Dự thảo luật về Trưng cầu
dân ý khuyến cáo rằng việc bỏ
phiếu trắng là biểu thị việc cử
tri không muốn hành xử quyền của
mình để quyết định ủng hộ
hay chống lại vấn đề hợp nhất,
nên quyết định ấy sẽ được
thực hiện bởi phe đa số trong Hội
đồng lập pháp (nghĩa là PAP). Tôi

đã đưa điều khoản này
vào để chống lại việc cộng
sản kêu gọi bỏ phiếu trắng. Nhưng
nếu người dân muốn phản đối
bằng cách bỏ phiếu trắng với số
lượng lớn và bằng cách ấy
họ biểu lộ sự chống đối việc
hợp nhất và cuộc trưng cầu dân
ý, Moore cho rằng tôi phải chấp nhận
chọn lựa của họ. Ông cố gắng
thuyết phục tôi từ bỏ cách thức
này, nói rằng dân chúng sẽ coi
đó là bất lương và giả
tạo. Tôi không đồng ý. Trong một
báo cáo gửi cho Bộ trưởng Ngoại

giao ngày 21/6, ông ta viết:

“Để trả

*lời đề nghị mà chúng ta thường
nhắc đi nhắc lại trong suốt 6 tháng
qua rằng ông ta không nên tổ chức
một cuộc trưng cầu dân ý, ông
ta luôn luôn nói rằng ông ta phải
làm thế để tránh bị lên án
là người đã bán người
Hoa Singapore cho người Malay... Vì vậy,
dường như là ông ta vẫn cứ
tiến hành tổ chức trưng cầu dân
ý dựa trên những điều khoản
của mình, những điều khoản ấy
đã được tính toán cẩn
thận để bảo đảm rằng ông*

*sẽ không thua. Có lẽ nguy cơ nghiêm
trọng duy nhất hiện nay là sẽ có
một cuộc tẩy chay trung cầu dân ý
trên quy mô lớn.”*

Ông ta chỉ nói đúng một điều: tôi vẫn cương
quyết tổ chức trung cầu dân ý,
và công việc cấp bách hiện nay
là thông qua dự thảo luật này.

Một khi báo cáo của Ủy ban Cobbold
được công bố, tôi sẽ phải
quyết định áp dụng phương án
nào. Đã có những cuộc thảo
luận bất tận trên báo chí, trên
đài phát thanh và trên diễn đàn
trường Đại học Malaya, và mặc
dù cuộc tranh luận về Dự thảo

luật Trưng cầu dân ý kéo dài
từ ngày 27/6 đến ngày 11/7 với

tám buổi họp đến tận nửa

đêm, các bài diễn văn rất

gay gắt và lặp đi lặp lại vì

chẳng có ý kiến gì mới, mà

chỉ là những tái khẳng định

ngày càng dữ dội hơn về lập

trường của các phe nhóm đối

lập nhau. Một tu chính then chốt được

tiền sĩ Lee Siew Choh đưa ra và được

David Marshall cùng Ong Eng Guan ủng hộ là: chỉ có một câu hỏi
trong cuộc

trưng cầu dân ý – “đồng

ý” hay “không đồng ý”

việc họp nhất. Lim Yew Hock xen vào, đề

nghị rằng phải có 3 câu hỏi: Quý
vị muốn hợp nhất (A) theo bạch thư,
hoặc (B) trên cơ sở Singapore là một
bang thành viên của Liên bang Malaya, hoặc
(C) theo những điều khoản không kém
thuận lợi so với những điều khoản
dành cho ba lãnh thổ Borneo? Tu chính của
tiền sĩ Lee bị bác và của Lim
được chấp thuận. Tôi sung sướng
vì Lim đã đề nghị điều
mà tôi đã dự định đưa
ra.

Trong suốt cuộc thảo luận, mọi thành viên của
nghị viện đều nhận được
một bức thư đe dọa ký bởi 39
hội cựu sinh viên và câu lạc bộ

sinh viên do Hội Sinh viên tốt nghiệp

Đại học Nanyang lãnh đạo bảo

hộ phải bỏ phiếu ủng hộ đề

nghị của Barisan – nếu không sẽ

có rối loạn. Ngày 29/6, khi nói về

các dự kiến bổ sung để quyên

góp hơn 1 triệu đôla để thành

lập tiểu đoàn thứ hai của Trung

đoàn Bộ binh Singapore, tôi cảnh cáo

Barisan rằng những lời nói không theo

luật pháp sẽ dẫn đến những

hành động không theo luật, và

những con người không theo luật sẽ

bị loại trừ. Nếu luật lệ được

thay thế bằng gạch đá và gậy

gộc thì những vấn đề ưu tiên

hàng đầu như hòa bình, an ninh

và sự thịnh vượng của nhân

dân cũng đòi hỏi phải dùng

vũ lực để đàn áp vũ

lực. Tôi không áy náy gì về

việc sử dụng Trung đoàn Bộ binh

Singapore chống lại cộng sản: tôi không

hề có nguy cơ bị cho là tay sai của

chủ nghĩa thực dân. Nhưng để

khuyến khích họ hành xử tử tế

hơn, tôi bảo đảm với tiến sĩ

Lee rằng quân đội sẽ không cần

đến chừng nào họ còn tuân

thủ pháp luật.

Vào chiều 3/7/1962, nữ dân biểu thuộc đảng

PAP Hoe Puay Choo gửi cho tôi một thư đề

nghị ra khỏi đảng với lý do là

không ai tham khảo với bà về những

vấn đề chính sách quan trọng.

Những người cộng sản đã kiên

trì thảo luận với bà và giờ

chót đã lay chuyển được bà.

PAP bây giờ có 25 thành viên so với 26 của các nhóm đối lập.

Chúng tôi trở thành một chính

phủ của phe thiểu số. Tôi yêu cầu

Moore gặp Chin Chye, Keng Swee và tôi. Keng Swee hỏi ông ta
rằng nếu PAP từ bỏ kế

hoạch của mình, liệu người Anh có

kiên quyết thực hiện việc hợp

nhất sau khi chúng tôi từ chức không?

Moore cho rằng điều này sẽ rất
khó khăn bởi vì lúc đó sẽ
không có một chính quyền dân cử
hậu thuẫn cho công cuộc ấy. Ông
ta giục tôi kiên quyết thực hiện
nếu có thể được. Tôi nói
tôi sẽ cố gắng nhưng yêu cầu
ông ta nói với London rằng thời giờ
bây giờ cực kỳ ít ỏi. Chúng
tôi phải đấu tranh tại nghị viện
trong tám ngày nữa trước khi bỏ
phiếu. Chúng tôi thành công trong
việc đưa kiến nghị với tỷ lệ
29/17 – 24 phiếu của PAP, 3 của UMNO và
2 của SPA chống lại 13 phiếu của

Barisan, 1 của Đảng Công nhân (Workers' Party) của David Marshall, 3 của UPP (Ong Eng Guan). Hoe Puay Choo vắng mặt. Chúng tôi thông qua dự thảo luật với sự ủng hộ từ phía SPA của Lim Yew Hock và UMNO của Tunko.

Trước đó một tháng, Moore đã cho tôi xem bản thảo báo cáo của Cobbold để dò xem phản ứng của tôi. Điều tôi quan tâm nhất là các đề nghị của nó. “Không có lý do nào để ủng hộ quyền công dân riêng biệt đối với các lãnh thổ Borneo”, bản báo cáo ghi và nó đưa ra những điều khoản bao gồm việc không đòi hỏi phải

trắc nghiệm về ngôn ngữ trong một
thời gian hạn định đối với
những người trên một độ tuổi
nào đó. Như thế tất cả
những ai sinh ra trên các lãnh thổ
này đều đủ điều kiện
trở thành công dân Malaysia. Đây
là một tai họa. Tôi hoàn toàn
không thể bảo vệ được vị
trí của mình và cuộc trưng cầu
dân ý sẽ thất bại. Sẽ có
phiếu trắng trên quy mô lớn.

Tuy nhiên bản báo cáo cũng cho tôi một lỗi ra.

Ngay sau cuộc thảo luận về trưng cầu
dân ý, tôi viết thư cho Maudling chỉ
rõ ra rằng công dân Singapore có thể

trở thành công dân Malaysia mà không

gây nên vấn đề gì bởi vì

Ủy ban Cobbold cũng đã khuyến cáo

rằng quyền bầu cử chỉ nên được

thực thi ở những lãnh thổ nơi các

công dân thường trú. Nói cách

khác, công dân Borneo sẽ bỏ phiếu

ở Borneo và công dân Singapore sẽ bỏ

phiếu ở Singapore, vì thế Tunku không

cần phải lo sợ bị tràn ngập bởi

người Hoa Singapore bỏ phiếu ở Malay a.

Rồi ngày 12/7 tôi viết thư cho Tunku,

gởi cho ông ta một bản sao của bức

thư trên và đề nghị rằng

giải pháp cho vấn đề này là

dành các điều khoản cho Borneo cũng
giống hệt như Singapore mà không thay
đổi nội dung của những điều
mà chúng tôi đã thỏa thuận
về hạn chế đối với quyền đầu
phiếu.

Tôi đính kèm một bản ghi nhớ cho cả ông
ta và Sandys, trong đó nói rằng mũi
nhọn chính của cộng sản trong cuộc
tấn công vào bạch thư của chính
phủ là ở chỗ nó chống lại
người Hoa: bởi vì 70% dân của hòn
đảo này là người Hoa, Tunku không
sẵn sàng dành cho Singapore cái mà
ông ta dành cho Borneo với 70% số dân
không phải là người Hoa. Chỉ có

thể phản chứng lại luận điệu
này bằng cách dành cho Singapore những
điều khoản được cho là tốt
hơn Borneo. Tôi cũng lưu ý người
Anh rằng nếu họ không áp lực với
Tunku để dành cho chúng tôi quyền
công dân bình đẳng, tôi sẽ
không thể thông qua vấn đề hợp
nhất trong nghị viện được. Điều
tôi không nói – và đó
cũng chính là điều Chin Chye, Keng
Swee, Raja và tôi nghĩ – là trong
trường hợp ấy chúng tôi thậm
chí không muốn tiến hành hợp
nhất. Tunku và người Anh lúc đó

phải nhận lãnh hậu quả.

Ngay sau khi Dự thảo luật về Trưng cầu dân ý được thông qua, tiến sĩ Lee Siew Choh đưa ra

một bản kiến nghị bắt tín nhiệm

chính phủ. Về vấn đề này,

Lim Yew Hock đưa ra một bản tu chính lên

án chính phủ “vì đã

không kiểm chế những người cộng

sản có tiếng và những nhà lãnh

đạo mặt trận công khai của cộng

sản để họ điều hành và

kiểm soát những tổ chức như

Barisan Sosialis”. Ông ta trở nên lưu

loát và nói thẳng ra mọi suy nghĩ.

Đây chính là cơ hội của ông

ta biểu lộ việc mình đã hy sinh

mọi thứ như thế nào để đối
phó với cộng sản trong những năm
1966–67. Nếu lúc đó ông ta biết
rằng thủ tướng tương lai đã
từng hội đàm với ông Đặc
mệnh thì hẳn ông đã tổng
thủ tướng vào tù chung với Lim
Chin Siong rồi. Barisan muốn phá hủy cuộc
trung cầu dân ý và hợp nhất
bằng kiến nghị bất tín nhiệm
nhưng Lim Yew Hock không cùng một mục
tiêu với họ.

Người dân trở nên ít sợ hãi trước
những người cộng sản khi họ nhận
ra lực lượng này cũng mỏng manh và
ý thức rằng chính người Malay,

chứ không phải thực dân Anh, chẳng

bao lâu sẽ đối phó với lực

lượng này. Tu chính án của Lim

Yew Hock bị bác bỏ, kiến nghị bất

tín nhiệm cũng thế. Sau khi Barisan thua

trong cuộc bỏ phiếu thông qua Dự thảo

luật về Trưng cầu dân ý và

kiến nghị bất tín nhiệm, giữa

tháng 7 Tunku lên đường đi London

để gút lại các điều khoản

với người Anh về vấn đề lãnh

thổ Borneo. Thời gian sắp hết và những

người cộng sản tuyệt vọng tìm

kiếm những phương cách để

ngăn cản hợp nhất.

Hai ngày sau khi họ
thất bại trong cuộc tranh luận, một
nhóm 19 đại biểu Hội đồng
lập pháp do Barisan Sosialis lãnh đạo
gửi một kiến nghị cho Ủy ban Giải
thực Liên Hiệp Quốc phản đối
cách sắp đặt câu hỏi trong cuộc
trưng cầu dân ý. Chỉ có hai
trong số 17 thành viên của Ủy ban này
thuộc khối cộng sản; đa số là
các thành viên Á-Phi mà hầu
hết chính quyền của họ có các
đại diện tại Singapore và Kuala Lumpur
và họ biết điều gì đang
diễn ra. Bởi vì né tránh sẽ
không gạt hái được thành

quả gì, tôi điện cho quyền Tổng
thư ký Liên Hiệp Quốc U Thant nói
rằng kiến nghị của phe đối lập
là một phần của đời sống
chính trị của Singapore và nếu xem
xét kiến nghị, Ủy ban phải lắng
nghe chính quyền trước.

Tôi chuẩn bị đưa ra trước Ủy ban toàn bộ các sự kiện của
tình hình để Ủy ban có thể
xem xét tới mức cận kề nhất.

Ban đầu, vị
đại diện Ấn Độ trung thành
ủng hộ chúng tôi đúng như
quan điểm mà Nehru đã bày tỏ
ở New Delhi vào tháng 4 năm ấy rằng

không có một chọn lựa nào khác

ngoại trừ hợp nhất với Malaysia. Cùng
với Campuchia, Tunisia và các quốc gia Á

Phi khác, ông ta nói rằng vì

Singapore đã có một chính quyền

dân cử tự do, nên Ủy ban không có

lý do gì để xem xét lại các

hành động của chính phủ này.

Rồi bất ngờ ông lại thay đổi

quan điểm, có lẽ do tôi sẵn sàng

tham dự. Ngày hôm sau, Liên Hiệp Quốc nói rằng Ủy ban này,
trước đó

đã bỏ phiếu 10/2 biểu quyết không

can thiệp, quyết định sẽ gặp gỡ

đoàn đại biểu các dân biểu

Singapore đã kiến nghị chống cuộc

trung cầu dân ý và đòi

phải có một quan sát viên Liên

Hiệp Quốc. Tiến sĩ Lee Siew Choh vui sướng.

Nhưng tôi không vui với kết quả

này; tôi tin rằng tôi có thể

bác bỏ các lý luận của Barisan

cũng như của Marshall, và ngày 20/7 tôi

chính thức yêu cầu được ra

điều trần trước Ủy ban.

Hai ngày sau, Keng Swee và tôi bay đến New York cùng với

phụ tá của tôi là Teo Yik Kwee. Tôi

muốn gặp Ủy ban trước rồi mới

đi London gặp Tunku và Macmillan sau khi họ

đã thảo luận xong về vấn đề

lãnh thổ Borneo. Máy bay của chúng

tôi hiệu Superconstellation, một phi cơ phản lực 4 động cơ và là

loại

máy bay liên lục địa vào lúc

ấy. Phải mất gần hai ngày để

bay từ Singapore đến New York – quá

cảnh Saigon, Guam, Hawaii và Los Angeles, Keng Swee và tôi làm
việc trong suốt chuyến bay,

chuẩn bị phản bác từng điểm

một trong bản ghi nhớ gồm 19 điểm

mà Marshall đã giúp Barisan soạn

thảo. Sau khi vào khách sạn Manhattan và

mở hành lý ra xong, tôi tìm Teo. Tôi

thấy anh ta nằm trên giường ngủ

ngon lành với nguyên quần áo giày

vớ, hoàn toàn kiệt sức. Anh ta đã

đánh máy các bản dự thảo

rồi dự thảo sửa đổi đến

vô tận cho tôi và Keng Swee gần như
suốt 48 tiếng đồng hồ qua.

Người Anh vẫn còn chịu trách nhiệm về các
vấn đề đối ngoại của chúng
tôi và một sỹ quan thuộc phái
bộ của họ tại Liên Hiệp Quốc
đón chúng tôi ở phi trường.
Họ là những chuyên gia hàng đầu.
Họ biết mọi thủ tục phải thực
hiện và hướng dẫn tôi đến
người cần gặp để tiến hành
các cuộc đàm phán sơ khởi.
Họ khuyên tôi đừng đưa ra
những luận điểm dài dòng mà
nên quay trở lại quan điểm mà Ấn
Độ trước kia đề xuất là

đã có một chính quyền dân
cử ở Singapore và Ủy ban không nên
can thiệp vào vấn đề mà
Singapore đã quyết định.

Ở cuộc họp, tôi đưa ra bản ghi nhớ phản bác
sự tố cáo của nhóm đối lập
rằng các điều khoản của cuộc
trưng cầu dân ý thủ tiêu quyền
đối lập dân chủ, và trong hai giờ
liền, tôi phân tích chi tiết từng
điểm một. Tôi nói rằng những
người đối lập có tội xuyên
tạc trong khi tìm kiếm sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc.
Thỉnh nguyện của họ là một phần
của chiến thuật báo động giả
nhằm duy trì không khí khẩn trương

ở Singapore để nâng cao tinh thần của

những người ủng hộ họ. Họ

cũng có tội khi tìm cách duy trì

chế độ thực dân ở Singapore vì

mục đích riêng của mình, đưa

ra thỉnh nguyện chống lại chính quyền

được bầu cử đúng thể

thức và hợp hiến, một chính

quyền muốn độc lập ngay. Đó

là một nghịch lý. Chúng tôi

giải thích rằng khi Singapore gia nhập Liên bang, những người cộng sản sẽ

không đấu tranh chống lại thực dân

Anh nữa mà là chống lại chính

quyền dân cử đã giành được

độc lập cho đất nước. Trong

khi đó, chúng tôi vẫn có toàn
quyền để thực hiện việc hợp
nhất mà không cần trưng cầu dân
ý gì cả.

Sau khi tôi trình bày, tiến sĩ Lee Siew Choh trình bày
quan điểm của mình, và tôi yêu
cầu được trả lời và được
chấp thuận. Tôi nói, điều mĩa
mai là người phát ngôn của hai
nhóm đối lập, Tiến sĩ Lee và
Woodhull, đều sinh ra ở Malaya chứ không
phải Singapore, và rằng Woodhull, một công
dân Malaya đã đi New York bằng hộ
chiếu Malaya. Hơn nữa họ không đại
diện cho đa số bởi vì khi thách
đố chính quyền bằng kiến nghị

bỏ phiếu bất tín nhiệm, họ chỉ
đạt được 16 trên 51 phiếu của
Hội đồng lập pháp. Cả Keng Swee
và tôi đều mệt mỏi sau cuộc
hành trình nhưng chúng tôi quyết
tâm xác lập tính cách dân tộc
Á Phi của mình. Bằng thái độ,
giọng nói, cử chỉ và cách nhấn
mạnh đến từng vấn đề, chúng
tôi bảo đảm rằng Ủy ban không
thể cho chúng tôi là bù nhìn
của người Anh hay người Malay. Ngài
Hugh Foot, đại diện Anh tại Liên Hiệp
Quốc, hài lòng vì những nỗ lực
của chúng tôi. Ông ta nói các

thành viên của Ủy ban tin tưởng
rằng PAP là một tổ chức mạnh với
một vị thủ tướng có tinh thần
chiến đấu, và không thể tưởng
tượng rằng đó là bù nhìn
của vương quốc Anh.

Ngay đêm hôm ấy chúng tôi đi London. Chúng tôi
không còn nhiều thì giờ. Tunku đang
kết thúc các cuộc đàm phán
với Macmillan và đã đến lúc
chúng tôi phải gây áp lực với
ông ta để giải quyết vấn đề
quyền công dân trước sự hiện
diện của người Anh. Vì thế tôi
không ở lại New York để nghe Marshall
trình bày quan điểm của ông. Ông

đưa ra một lý lẽ hết sức

manh mẽ và gây cho Ủy ban một

đáp ứng thuận lợi hơn là

của Tiến sĩ Lee nhưng cũng không thể

làm mất đi ấn tượng sâu sắc

hơn mà tôi đã để lại.

Ủy ban quyết định không xem xét

thỉnh nguyện thư ấy.

Chúng tôi đến phi trường Heathrow vào thứ Sáu 27/7,

lúc 11 giờ 15 sáng. Keng Swee và tôi

một nhòai sau chuyến bay từ Singapore đến

New York, nhưng không có thời gian để

ngủ. Sau khi tắm rửa chớp nhoáng ở

Khách sạn Hyde Park, nơi chúng tôi lưu

trú, chúng tôi đi xuống phòng

ăn kịp lúc để dùng cơm trưa

với Selkirk. Ông ta tóm lược cho chúng

tôi nghe về diễn tiến các cuộc

đàm phán với Tunku về các lãnh

thổ Borneo. Vào 3 giờ chiều thì chúng

tôi sẽ gặp gỡ Duncan Sandys ở Sở

Quan hệ khối Thịnh vượng chung

(Commonwealth Relations Office). Dù mệt, chúng tôi cũng phải tiếp tục công việc.

Ngày hôm sau Keng Swee, Stanley Steward (thư ký thường trực của tôi) và tôi dùng trà với

Tunku ở khách sạn Ritz. Như thường

lệ, đối với Tunku chúng tôi không

thảo luận ngay vấn đề quyền công

dân. Nhưng ông ta đang thoải mái.

Ông đã giải quyết với người

Anh gần như toàn bộ các vấn đề

Borneo. Đó là những tín hiệu

tốt. Vào sáng Chủ nhật, Keng Swee và

tôi chơi gôn với Tunku và Razak ở

Swindon. Chiều hôm ấy, trong khi Tunku đang nghỉ ngơi, Razak thay mặt ông ta họp với

Duncab Sandys ở Sở Quan hệ khối Thịnh

vượng chung, ở đó chúng tôi

thảo luận các vấn đề còn

tồn đọng về quyền công dân

Malaysia, việc giam giữ những người cộng

sản và kế hoạch cho sự hình

thành một thị trường chung. Tôi

không biết Macmillan có nói riêng gì

với Tunku không nhưng Sandys nói thẳng

thường với Razak rằng những vấn đề

này phải được giải quyết

trước khi Anh ký thỏa thuận về

các lãnh thổ Borneo. Razak thú nhận
rằng trên nguyên tắc quyền công
dân Malaysia tùy thuộc vào quyết định
của Tunku. Đó là một bước
tiến lớn lao.

Tôi vẫn còn nhiều nỗi lo. Không có người Anh
thuyết phục Tunku, tôi sẽ không đạt
được thỏa thuận này, và tôi
sợ rằng một khi Malaysia thành hình,
họ không thể nhân danh Singapore để
can thiệp sâu hơn nữa. Trong khi ấy
chúng tôi vẫn chưa xác lập được
mối quan hệ thật sự sâu sát với
Tunku và Razak. Họ là hai nhân vật có
cá tính hoàn toàn khác nhau. Razak
luôn luôn nghi ngờ và do dự, luôn

luôn có ý kiến thứ hai. Ông ta
thường đồng ý một số vấn
đề nào đó sau một cuộc thảo
luận, tranh cãi rất dài, rồi hôm
sau gọi điện lại để xét lại
quyết định ấy. Ông ta bồn chồn
lo lắng đến từng chi tiết và là
một phụ tá đắc lực cho Tunku, ông
này không bao giờ ngó ngang gì
đến những chi tiết ấy. Ông là
một công chức cần mẫn, đã
vượt qua các kỳ thi vào Luật sư
đoàn, cả trung cấp và cao cấp,
trong một thời gian kỷ lục là 18
tháng. Ông đã cố công gây

dựng một mạng lưới bạn bè,
người ủng hộ trong giới sinh viên
Malay ở Anh, trong số ấy có các con
trai của chín tiểu vương Malay. Nhưng
mặc dầu bản thân ông ta xuất thân
từ một gia đình quý tộc truyền
thống, ông không có vẻ lịch lãm
tự nhiên của Tunku, và vì vậy
làm việc với ông luôn luôn rất
căng thẳng.

Vào 10 giờ sáng thứ Hai, 30/7, Keng Swee và tôi có cuộc
họp chính thức với Tunku và Razak ở
khách sạn Ritz rồi ở lại dùng
cơm trưa. Tunku chính thức đồng ý
điều mà Razak đã thỏa thuận.
Tôi nói tôi sẽ gửi cho ông ta

một bức thư trình bày chi tiết

và yêu cầu ông xác nhận điều

mà tôi đã viết. Sau bữa cơm

trưa, tôi về khách sạn Hyde Park soạn

thảo bức thư, trong đó có đoạn

chính là:

“Có người thấy thật khó mà hiểu rằng

không hề có sự khác biệt gì

trong việc gọi các công dân Singapore

là “cư dân” (national) hay “công

dân” (citizen) của Liên bang Malaysia. Vì

vậy chúng tôi đã đồng ý

rằng, vì vấn đề tên gọi đã

trở thành vấn đề ưu tư trong

nhiều bộ phận dân cư, đoạn 14

của bạch thư nên được tu chính

*để các công dân Singapore sẽ là
công dân của Malaysia thay vì là cư
dân của Malaysia. ”*

Tôi đính kèm một tuyên bố chung của Bộ
trưởng Tư pháp Malaya và Singapore xác
nhận quan điểm hợp hiến về quyền
bỏ phiếu, đó là người dân
của chúng tôi sẽ bỏ phiếu chỉ
ở Singapore, và điều này sẽ giữ
nguyên không đổi.

Ngày hôm sau Tunku trả lời thư của tôi, lấy địa
chỉ là khách sạn Ritz, London:

*"Tôi xác nhận rằng những dàn xếp về quyền
công dân của người dân Singapore
sẽ có hình thức đã được
hai chính phủ Liên bang Malaya và Singapore thỏa thuận, được
nêu ở đoạn*

14 của Bạch Thư Singapore năm 1961, và

đã được tu chính về tên

gọi và về quyền bầu cử theo các

điều khoản đã được công

bố.”

Đây chính là điều tôi cần. Nếu phe đối

lập không nêu lên vấn đề này

thì tôi khó mà dễ dàng như

thế trong việc giành được thế

thượng phong đối với họ. Bây

giờ thì họ chẳng còn bao nhiêu

cớ để bất mãn và tôi sẽ

không cho họ có thêm thời gian trước

khi cuộc trưng cầu dân ý có thể

tạo ra những cơ chống đối mới.

Cho đến bây giờ tôi vẫn không

hiểu được làm thế nào mà
người Anh – có thể có sự
giúp đỡ của người Úc –
cuối cùng thuyết phục được
Tunku thay đổi quyết định của ông
ta. Có lẽ Sandys, người rất cứng
rắn trong đàm phán, bảo ông ta
rằng nếu không có quyền công dân
chung cho mọi người thì sẽ không
có lãnh thổ Borneo cho ông ta và sẽ
không có hợp nhất. Tối hôm đó
vào lúc 7 giờ, Sandys tổ chức một
cuộc họp cuối cùng với Tunku, Razak,
Keng Swee và tôi để tổng kết các
vấn đề. Tôi yêu cầu thỏa

thuận về quyền công dân sẽ khoan

được công bố để tôi có

cơ hội ra một tuyên bố đầy

ngạc nhiên tại Singapore vào một thời

điểm thích hợp.

Vẫn còn đó vấn đề cộng sản. Khi đến

London, Selkirk cho tôi biết rằng Tunku vẫn còn muốn mọi phần tử
gây rối

phải bị bắt giữ trước khi

Singapore thuộc về trách nhiệm của

Liên bang. Nhưng ông ta đã lặp lại

rằng người Anh không nhiệt tình

trong việc chống lại họ và muốn chính quyền Malaysia thực hiện
điều

này sau khi hợp nhất. Tôi trút được

nỗi lo. Bây giờ người Anh có thể

chịu gánh nặng chống lại Tunku. Đoạn

tôi điều chỉnh lập trường,
phát biểu rằng một khi cuộc trưng
cầu dân ý kết thúc thắng lợi,
tôi sẽ chuẩn bị để hỗ trợ
cuộc thanh lọc trước ngày tuyên
bố thành lập Liên bang Malaysia.

Nhưng Selkirk đã viết cho Sandys vào ngày 27/7 rằng:
“Tôi phải cho ngài biết rõ rằng tôi nghĩ

*chính sách này nguy hiểm như thế
nào vì những lý do sau đây:*

*(i) Sự bất giữ độc đoán mà không có
bằng chứng thuyết phục được
công chúng ắt sẽ tăng cường
lực lượng đối lập ở Singapore
và ảnh hưởng bất lợi đến
các đồng sự của Lee, có thể
dẫn đến sự sụp đổ của*

ông ta.

(ii) Người ta sẽ thấy rõ ràng là người

Anh áp đặt lên Malaysia bất chấp

ý muốn của nhân dân. Lúc ấy

người ta sẽ cho rằng kế hoạch của

chúng ta là nhằm duy trì các cơ

sở của chúng ta, với Tunku tự nguyện

trở thành bù nhìn của chúng

ta.

(iii) Sẽ rất khó biện hộ hành động kiểu

này ở nghị viện Anh và ở Liên

Hiệp Quốc, nơi người Nga nổi tiếng

là chống đối mạnh mẽ Liên

bang Malaysia.

Chúng ta cũng không thể đưa ra một lý lẽ

mạnh mẽ nào để biện minh tại

sao hành động cần thiết cho an ninh như

thể lại không do chính quyền Malaysia

thực hiện sau khi thành lập Malaysia.

Điều Selkirk không nói là có thể có bạo

loạn và đổ máu, điều này

sẽ tạo tiếng xấu về chính trị

cho người Anh. Sandys nhấn mạnh rằng ông

ta không thể đồng ý trước,

thậm chí trên nguyên tắc, về các

vụ bắt giữ ở Singapore mà không

có cơ hội để xem xét các

trường hợp của các cá nhân

có liên quan. Một trường hợp hợp

lý phải được nêu ra, và

chính quyền Anh không phải là người

đề xuất vấn đề này. Nhưng

nếu tất cả các bên có liên

quan cho thấy rằng họ chuẩn bị để
gánh chịu trách nhiệm của mình,
chính quyền Anh sẽ không né tránh
trách nhiệm của họ và sẽ không
phụ lòng tin cậy của các bên
khác. Tạm thời Tunku phải giải quyết
vấn đề này.

Tunku thường nói chuyện công khai về những con số, màu
sắc và những giấc mơ được
coi là may mắn đối với ông. Ông
rất coi trọng những ảnh hưởng siêu
nhiên ấy. Tại London, ông có một
giấc mơ dễ chịu đi kèm với
những biểu tượng con giáp, ông
bảo đảm này là hên lắm.
Vì Thỏa ước Malaysia sẽ được

ký vào ngày 1/8, ngày hên của
ông, nên ông ra một tiệm kim hoàn
gần Burklington Arcade đặt mua một chiếc
nhẫn có chạm hình các con giáp
để kỷ niệm chuyện này. Tuy nhiên,
ngày nhận hàng, ông lại phật ý
khi thấy nó có khắc những biểu
tượng lạ, chứ không phải những
con giáp trong can chi Tây phương mà
ông đã quen thuộc như dương
cưu, kim ngưu, song nam v.v... Keng Swee đã
tới cứu nguy, đoán chắc với ông
đấy chính là những biểu tượng
con giáp Tây phương, nếu không thì
chiếc nhẫn đã bị trả lại để

sửa chữa và như thế sẽ không

có kịp trước lễ ký kết.

Những sự vụ như thế cũng làm

bớt đi cảnh buồn chán trong sinh hoạt

của các tùy tùng dưới trướng

Tunku tại Ritz.

Tuy vậy, Tunku vẫn là một người Hồi giáo thuộc

thế hệ trước Thế chiến theo Tây

học và có tinh thần tự do. Ông

ta vui tính và hoàn toàn cởi mở

về chuyện đó. Giống như những

người Hồi giáo cùng thế hệ

tại Anh, ông ta ăn uống thoải mái,

thích ngựa và đàn bà. Ông

từng bị nêu tên như kẻ đồng

phạm trong một vụ kiện đòi li dị

tại Anh do một luật sư Âu lai Á

đứng đơn, vì vợ ông này

đã ngoại tình với Tunku. Vụ

kiện, rất xôn xao ở Malay a trước

khi ông trở thành Thủ tướng năm

1955, chỉ làm tăng thêm sức ủng

hộ của dân chúng dành cho ông.

Dân quê Malay thán phục khả năng

xuất chúng của ông. Năm 1970, sau khi

về hưu, Tunku trở thành người Hồi

giáo thuần thành, cống hiến toàn

bộ sức lực cho việc củng cố khối

thống nhất Hồi giáo trong cương vị

Tổng thư ký Tổ chức hội nghị

Hồi giáo.

Tunku là một người bạn rất dễ ưa trong các buổi tiệc tùng, lúc nào cũng có đủ thứ câu chuyện vui nho nhỏ để kể với một phong cách rất hấp dẫn. Mục tiêu của ông trong cuộc đời là sự sung sướng, và tiêu chuẩn để ông đo lường mọi tình huống là nó có làm ông sung sướng hay không. Khi mọi chuyện tốt đẹp, ông có thể tự hào nói: “Tôi là ông Thủ tướng sung sướng nhất trên đời.” Ông có thể nói thêm rằng mục tiêu của ông cho Malaya chẳng phải là giàu có, vĩ đại hay vinh quang, mà là sung sướng trên một lãnh thổ

không có rối loạn hay thù hằn,
và khi tìm cách bảo đảm vị
trí cho người Borneo trong Liên bang, ông
đã nói với báo chí rằng
ông muốn mở rộng mục tiêu này
cho toàn Malaysia. Nhưng cách này lại
không tác động lắm với người
dân ở Borneo và Singapore, vì họ vốn
không quen đánh giá chất lượng
cuộc sống của mình theo lối đó.

Ông ta không màu mè về các khả năng của chính
mình và không áy náy gì khi
mô tả các tính khí của người
Malay. Ông ta thẳng thắn khi xét tậ
mình, nói thật rằng cha của ông,

một tiểu vương Malay, là một con
người yếu đuối và sức mạnh
của ông thực ra là kế thừa từ
bà mẹ người Thái. Ông bảo
người Malay không thông minh sắc sảo
và không đòi hỏi cao cho lắm,
nên rất dễ thỏa mãn họ. Ông
chỉ cần cho họ thêm một chút là
họ thấy sung sướng ngay. Những quan điểm
này cũng tương tự như những
quan điểm do Tiến sĩ Mahathir Mohamad trình bày trong cuốn *The Malay Dilemma*²⁹ của ông được xuất bản năm
1971. Ông ta viết: “Bất cứ thứ gì
người Malay có thể làm thì
người Hoa cũng có thể làm với
giá thành rẻ hơn,” và “Họ

là kết quả của hai hệ thống ảnh hưởng môi trường và truyền thống hoàn toàn khác biệt nhau”.

Nhiều năm sau, vào 1997, khi đã trở thành Thủ tướng Malaysia, Tiến sĩ Mahathir nói rằng ông đã thay đổi cách nhìn và không còn tin vào những gì mình đã viết trong *The Malay Dilemma* nữa.

Nhưng vào thập niên 1960, Tunku có thể nhìn quanh các viên chức và Bộ trưởng đang ngồi trong phòng khách của ông trước hoặc sau bữa tiệc chiêu đãi và nói: "Những tay này chẳng làm ăn gì được. Họ không có khái niệm về cách nào làm ra tiền. Người Hoa thì làm ăn được.

Họ biết cách kiếm tiền và nhờ tiền thuê họ đóng, chúng ta có thể nuôi chính phủ. Nhưng bởi vì người Malay không thông minh và kinh doanh không giỏi, nên họ phải nắm các ban bộ trong chính phủ, cảnh sát và quân đội." Ông ta có một triết lý đơn giản: vai trò của người Malay là kiểm soát guồng máy quốc gia, duyệt cấp giấy phép và thu thuế các loại, và quan trọng hơn cả, là bảo đảm để họ không bị người khác thay thế. Không giống như người Hoa và người Ấn, còn có nước Ấn Độ

hay Trung Quốc để trở về, thì họ
chẳng có chỗ nào khác mà về.

Bằng cách nói nhẹ nhàng và
cung cách lịch thiệp, ông ta hoàn
toàn công khai về quyết tâm duy trì
vị thế thống trị của người

Malay và bảo đảm rằng họ và
các tiểu vương của họ cứ mãi
mãi là người chủ của xứ sở
này.

Razak có thể
cười bối rối mỗi khi Tunku lặp lại
những nhận định thành thật của
ông ta về dân Malay. Điều đó
làm Razak không thoải mái. Ông nghĩ
những nhận định đó đã

đánh giá thấp khả năng của
họ và sẽ không thể chấp nhận
được đối với thể hệ trẻ
– xét cho cùng thì chính ông
đã từng hoàn tất các kỳ
thi của ngành luật trong một thời gian
ngắn bằng một nửa so với các
sinh viên người Hoa. Tunku có thể đã
mất nhiều năm mới hoàn tất các
kỳ thi tốt nghiệp, nhưng đó là
bởi vì – như chính ông ta vẫn
thường nói – ông ta đã dành
quá nhiều thời gian khi còn ở Anh cho
những con ngựa chạy chậm lụt và
những phụ nữ thay đổi quá nhanh.

Vào 7 giờ tối ngày 1/8, Tunku và Macmillan ký bản thỏa ước khai sinh Malaysia, buổi lễ bị hoãn lại một ngày để rơi vào đúng tháng thứ tám trong năm vốn rất may mắn cho Tunku. Các thủ hiến của Bắc Borneo và Sarawak thay mặt chính phủ của các lãnh thổ đó ký vào văn kiện. Singapore và Brunei được đề cập thoáng qua trong một tuyên bố chung tuy rằng chúng là đề tài quan trọng trong suốt hai tuần thương thảo trước khi ký kết. Quốc vương Brunei đã trì hoãn để giành được những điều kiện tốt hơn, và Singapore cũng vậy.

Báo cáo của Ủy ban Cobbold được công bố vào

cùng thời điểm ký kết thỏa
ước. Nó được viết rất
cẩn thận, trình bày tình hình
với những chi tiết tốt nhất có
thể thu thập được. Đánh giá
của Ủy ban về nguyện vọng của dân
chúng Borneo là: một phần ba ủng hộ
mạnh việc sớm thành lập Liên
bang Malaysia mà không quan tâm đến các
điều khoản hay điều kiện; một
phần ba khác đồng ý gia nhập
Liên bang nhưng muốn có những điều
khoản bảo vệ; phần ba cuối cùng
được chia làm hai nhóm, một nhóm
muốn nền cai trị của Anh sẽ kéo

dài thêm một số năm nữa, và
một số khác “kiên định,
năng động về chính trị cũng
như ngôn luận, chống đối việc
gia nhập liên bang với bất kỳ điều
kiện nào trừ khi có được
độc lập và tự trị trước
đã”. Hay nói cách khác là
không bao giờ. Về phần mình, Cobbold
bác bỏ thỉnh nguyện của các
lãnh thổ Borneo muốn có được
quyền rút lui trong một giai đoạn thử
nghiệm. Thế là kết thúc.

Keng Swee quyết định trở về Singapore trước tôi, và về
đến nơi ngày 3/8. Báo chí tường
thuật ông ta ở trạng thái phấn

khởi khi xuất hiện ở phi trường.

Nâng một cốc sâm banh chúc mừng

Liên bang Malaysia, ông ta nói với các

nhà báo rằng chính phủ có một

quân bài tốt để chơi vào

đúng thời điểm của nó.

Mặc dù công việc của tôi đã xong, tôi vẫn

ở lại London cùng với Tunku, người

vốn rất tin tưởng vào chuyện

không để bị thúc đẩy qua hết

cuộc sống này. Ngay cả trong giai đoạn

thảo luận, ông ta vẫn thích lang thang

trong khu Burlington Arcade gần khách sạn Ritz để

mua cáo loại áo vét và khăn

tay sang trọng như hồi còn trẻ sống

phóng túng ở Anh. Tôi đi cùng

ông cho có bầu có bạn, và một
dịp nọ, tôi cũng mua một chiếc áo
khoác len xám mà tôi không cần
tới lắm. Trong một bữa trưa do Macmillan
mời và có Sandys cùng dự, chúng
tôi chụp hình chung với nhau bên ngoài
trụ sở bộ hải quân và hai chúng
tôi mặc những chiếc áo khoác
mới ấy. Khi Tunku đã ra ngoài tầm
tai, tôi nói với Macmillan về những
khó khăn của tôi trong khi làm việc
với Tunku và Macmillan nhận xét: “Tunku
cũng giống như một tay quý tộc Tây
Ban Nha. Thế giới của ông ta là thế.”
Tôi chỉ có nước là đồng

ý thôi. Chính Macmillan cũng hành xử
như một tay quý tộc nhưng với tư
tưởng hiện đại hơn, tính toán
thiệt hơn trong từng nước đi đặng
sau một phong thái lịch lãm. Còn
Tunku là một quý tộc mong muốn thế
giới này ăn khớp với kiểu suy
nghĩ của ông ta.

Ngày 8/8 – ngày hôn gấp đôi đối với Tunku – chúng tôi bay
về Singapore bằng máy
bay của hãng Qantas, và về đến
nơi ngày hôm sau. Ngày kế đó,
tôi tháp tùng ông trên một
chuyến bay đặc biệt của hãng
Malayan Airways đi Kuala Lumpur, nơi ông được dân chúng chào
đón nồng nhiệt
tại phi trường. Ông ta hào phóng

chia cho tôi những vòng hoa do dân chúng

trao tặng, và cho tôi cơ hội phát

biểu lần đầu trước công chúng

Malay. Và khi ông lên một chiếc xe mui

trần để về tư dinh trong khí thế

chiến thắng với hàng nghìn người

dân đứng dọc hai bên đường,

ông lại cho tôi chia sẻ vinh quang bằng

cách xếp tôi đứng cạnh ông

trên xe. Tôi đã được ông

biệt đãi.

Ngày hôm sau, tôi trở về Singapore để kiểm tra

lại những chuẩn bị cuối cùng cho

cuộc trưng cầu dân ý, kể cả

việc công bố các thư từ trao đổi

giữa tôi với Tunku. Khi họp báo, chúng

tôi cũng không đề cập gì tới

thỏa thuận chúng tôi đã đạt

được về quyền công dân

Malaysia. Tôi muốn dành chuyện này

cho một dịp khác.

Nhưng Barisan đã biết rằng có điều gì đó

đang nhen nhóm. Khi thỏa ước được

ký ở London, Marshall đã nghe tin ở

Liên Hiệp Quốc tại New York rằng dưới

áp lực của Anh và Úc, Tunku đã

đồng ý một chế độ công

dân chung cho mọi lãnh thổ, tôi không

biết ai đã tiết lộ tin này cho

ông ta, nhưng ông ta đã không thể

giữ kín tin ấy. Ông ta lập tức

nói với các hãng thông tấn, và

tin này đã lan tới Singapore. Điều
này khiến tôi mất đi cơ hội
tạo ngạc nhiên, nhưng vì không có
người thẩm quyền xác định
lại tin này, nên mọi chuyện vẫn
còn nguyên chỗ đó. Một ai đó
ở New York đã tiết lộ tin này
cho Marshall hẳn đã muốn ông ta bớt
chống đối việc thành lập Liên
bang đi. Cho dù vì động cơ gì
thì tác động của nó đối
với ông ta cũng rất sâu xa. Bây
giờ ông ta nhận ra rằng mình đang
đối đầu với các chính phủ
Anh, Úc và Malaysia, và ông ta e rằng

nếu tiếp tục theo đường lối

chống Malaysia của Barisan, ông ta có thể

phải nhận lãnh biện pháp đối

phó mà Tunku đã dành sẵn cho

họ. Ông ta phải sớm nghĩ cách bảo

vệ mình.

Ông ta cũng không lẻ loi trong việc này. Lim Chin Siong cũng đang gặp rắc rối, vì những ứng

hộ viên quanh ông ta đều đang suy xét lại. Ngày 3/8, một thành

viên trong Hiệp hội sinh viên tốt nghiệp đại học Nanyang cảnh

báo rằng nhiều người đã

không đồng ý với việc bỏ phiếu

trắng. Theo Sở đặc vụ thì Lim đã trả lời rằng không có con đường nào khác.

Năm ngày sau, biên tập viên của

tờ báo do Câu lạc bộ Xã hội

Chủ nghĩa Singapore xuất bản cũng nói với ông ta rằng tờ báo không thể công khai kêu gọi bỏ phiếu trắng vì câu lạc bộ phải giữ thái độ không thiên vị. Kêu gọi như thế sẽ đụng chạm tới khối sinh viên nói tiếng Anh. Biên tập viên ấy nói chỉ có thể đưa ra một lời kêu gọi dưới hình thức một lá thư của độc giả.

Ngày 14/8, tôi phát động chiến dịch hai tuần vận động trưng cầu dân ý vào ngày thứ Bảy 1/9.

Tôi bảo đảm với mọi công dân

Singapore rằng họ sẽ tự động trở thành

công dân Malaysia. Tôi đọc trích

đoạn lá thư ngày 30/7 của tôi

gửi Tunku và thư tái khẳng định

của ông ta ngày 31/7. Đó là một

đòn chí tử giáng vào những

chống đối trước vấn đề

hợp nhất.

Các nghiệp đoàn và hiệp hội văn hóa khuynh tả

của Lim ngừng mọi hoạt động khác

để tập trung vận động bỏ

phiếu trắng. Bích chương, biểu

tượng, cờ xí và biểu ngữ

tràn ngập thành phố trên các

cột đèn và các bức tường,

các cuộc mít-tinh diễn ra mỗi

đêm, những cuộc lớn nhất là

do Barisan tổ chức. Nhưng trong vòng 24 giờ

sau lời thông báo của tôi, Ko Teck

Kin, Chủ tịch Phòng thương mại Hoa

kiêu, đã kêu gọi ủng hộ

phương án A: mô hình của chính

phủ trong việc hợp nhất. Ông ta đã

xác định rằng người Hoa ở

Singapore không thể để mất quyền

công dân vì những mưu toan chính

trị của Barisan. Đây quả là một

bước ngoặt: khối dân chúng nói

tiếng Hoa, không theo hướng khuynh tả và

hiện đối mặt với một quyết

định quan trọng ảnh hưởng tới

vị trí của họ, đã chọn

giải pháp là nghe theo lời những lãnh

đạo lâu đời của họ.

Ngày 14/8, Lim hỏi một trong những cán bộ của ông ta, một phóng viên của tờ *Nanyang Siang Pau*, là tại sao không

thấy in bài tuyên

bố của ông ta về vấn đề hợp

nhất. Xem ra ban điều hành tờ báo

bây giờ đã sợ chính phủ

hơn là bất cứ thế lực nào

khác muốn cản trở cuộc trưng cầu

dân ý. Lim rơi vào cảnh ngày

càng tuyệt vọng, Barisan thậm chí còn

dùng tới đòn kết án tôi

là muốn tạo một sự đã rồi

bất chấp ý kiến của Ủy ban Giải

thực Liên Hiệp Quốc mà họ rêu

rao rằng sẽ nhóm họp vào tháng

9 để xem xét tố cáo của họ

về cuộc trưng cầu dân ý không

công bằng.

Trong khi đó, thế lực chống đối đã bị
một bước suy thoái nữa. Chúng
tôi củng cố được lực lượng
của mình trong Hội đồng lập pháp
khi S.V. Lingam đã thoát ly phe Ong Eng Guan và UPP vào ngày
17/8 rồi xin tái gia nhập
vào PAP. Việc này giúp đảng cầm
quyền giành lại đa số 26 chống 25
trong nghị viện (thái độ dao động
này của Lingam thật kỳ lạ và
chỉ được lý giải sau khi chúng tôi gia nhập Malaysia, khi Keng
Swee tìm biết được rằng Lingam là nhân
viên đặc vụ của Malaya. Họ muốn
biết Ong theo đuổi mục tiêu gì,
nhưng đã chỉ thị cho Lingam trở
lại với PAP khi đảng cầm quyền có

nguy cơ bị lật đổ. Chúng tôi
đã đưa Lingam ra ứng cử trong kỳ
tổng tuyển cử năm 1963, nhưng khi khám
phá ra chuyện này, chúng tôi đã
loại bỏ ông ta ra khỏi danh sách.)

Lợi thế của chúng tôi không kéo dài lắm.

Sức khỏe của Ahmad Ibrahim ngày càng
kém. Ông ta bị viêm gan rồi chuyển
qua xơ gan từ nhiều năm trước. Chúng
tôi đã đưa ông qua Anh để
giải phẫu nhưng bệnh vẫn tiến
triển, và ông ta mất vào ngày
21/8, tôi đã có mặt cùng vợ
ông ta bên giường bệnh ở phút
cuối cùng. Ahmad có một tinh thần
lớn. Ông có các phẩm chất của

lãnh tụ và đã dùng nó

để tạo ảnh hưởng tốt trong

Nghiệp đoàn lao động khu căn cứ

hải quân. Quan trọng hơn, ông đã

có đủ sức tiếp nhận Bộ Lao

động từ tay Kenny để đối phó

với các thế lực chống đối.

Cái chết của ông là một mất

mất lớn, và khiến chúng tôi

roi trở lại tình thế 25 chống 25.

Tuy nhiên, tình thế không có chút tuyệt vọng

nào. Marshall đang dao động và muốn

rời phe chống đối để củng cố

uy tín trước mặt Tunku. Tôi mời

ông ta tham dự diễn đàn tay đôi

trên đài phát thanh với tôi. Ông

ta đồng ý, và trong lúc vẫn đáp
sau khi mở đầu diễn đàn, ông
ta đã thừa nhận rằng không hề
có khác biệt gì giữa các công
dân Singapore và các công dân khác
của Malaysia khi mà giờ đây, chúng
tôi cũng đã có được tư
cách công dân Malaysia. Để giữ
trọn thái độ nghi ngại và e dè,
ông ta đã yêu cầu tôi xác
định, và tôi đã xác định,
rằng công dân Singapore sẽ có quyền
làm việc và sở hữu tài sản
trên toàn liên bang. Họ đủ tư
cách để làm việc trong bộ máy

hành chính liên bang và hiến pháp
bang Singapore sẽ được hình thành
theo cùng một cách thực thi ở các
bang khác.

Cùng hôm đó, ông ta gặp gỡ các lãnh đạo
của Đảng công nhân và thuyết
phục họ nhất trí ủng hộ sự
thay đổi trong điều khoản quyền
công dân. Tuy nhiên, họ vẫn tiếp
tục chống đối các dự trù
cho cuộc trưng cầu dân ý mà họ
coi như “phi đạo đức tới nỗi
bất kỳ công dân lương thiện
nào, theo bất kỳ quan điểm gì,
cũng không thể tham gia trừ khi bị luật
pháp cưỡng bách”. Dĩ nhiên

Marshall biết việc đi bầu là cưỡng
bách, và do đó đã khuyên
dân chúng bỏ phiếu trắng để
phản đối, vì họ không thể
không đi bầu. Một lần nữa ta thấy
đây là thủ pháp tiêu biểu
của một tay luật sư. Ông ta không
hề muốn chống đối và chọc
giận Tunku, nhưng đồng thời lại
muốn tỏ ra rằng ông không hề
thoát ly khỏi lực lượng của Lim
Chin Siong.

Vài ngày sau, tôi đã có thể mời ông ta
phát biểu trên một diễn đàn
tại Viện đại học Singapore: "Cho
phép chúng tôi ngăn gọn. Đảng

Công nhân không thay đổi lập

trường. Các đề nghị hiến

định đã được thay đổi

để thỏa đáp yêu cầu của

Đảng Công nhân theo đúng y mô

hình do đảng đưa ra.” Tuy nhiên,

trong một cố gắng vô vọng cuối

cùng, ông ta đã yêu cầu chính

phủ tạm hoãn cuộc trưng cầu dân

ý cho đến khi dự thảo hiến pháp

Malaysia được chuyển đến cho Hội

đồng lập pháp Singapore. Cho dù ông

ta có tung hỏa mù để che giấu

động cơ của mình, việc ông

ta, vừa là luật sư vừa là người

chống đối hợp nhất, thừa nhận
rằng các công dân Singapore sẽ không
trở thành những công dân hạng
hai của liên bang, đã là một đòn
mạnh đánh vào đường lối
tuyên truyền của Barisan.

Còn nhiều đòn tấn công mạnh mẽ nữa. Tiếp theo
lời kêu gọi của Ko Teck Kin, lãnh đạo của 12 hiệp hội ngành kinh
doanh đã ký
một tuyên bố vào ngày 23/8 yêu
cầu Phòng thương mại Hoa kiều tổ
chức mít-tinh để khuyến cáo dân
chúng không nên bỏ phiếu trắng
mà hãy chọn phương án A. Hơn
nữa, họ còn công bố danh tính
của họ để dễ dàng cho việc

xác minh, tuy rằng hành động của
họ là đối kháng trực tiếp
với lá thư ngỏ của MCP.

Để khuyến khích họ rời bỏ phe chống đối,
tôi tuyên bố thêm với các lãnh
đạo bang hội người Hoa rằng nếu
có quá nhiều phiếu trắng thì
điều đó có thể được
coi như ủng hộ phương án B –
hợp nhất trọn vẹn và vô điều
kiện – bởi vì điều đó
sẽ có nghĩa rằng đa số đã
đáp ứng lời kêu gọi của
Barisan. Nhưng trong trường hợp đó,
những ai không ra đời tại Singapore mà
chỉ nhập tịch sau này có thể

mất đi quyền công dân của họ.

Lý luận này có tác động

Ba ngày sau khi 12 hiệp hội đưa ra bản

tuyên bố, có thêm ba tổ chức

khác công khai ủng hộ phương án

A, trong đó có Liên hiệp giáo

viên các trường Hoa tại Singapore, một

tổ chức có tiếng là khuynh tả.

Ngày kế tiếp, Ko dẫn một phái đoàn từ Phòng

thương mại Hoa kiều đến văn

phòng của tôi tại Tòa thị chính

để làm rõ tuyên bố của tôi

về phương án B. Tôi nói cho ông

ta hiểu rõ rằng ông ta không được

hành động bất cần trước vấn

đề quyền công dân của cộng

đồng người Hoa. Rồi ông ta yêu

cầu các đảng đối lập trình

bày rõ ràng xem họ sẽ có biện

pháp gì một khi do tác động của

họ, con số phiếu trắng trong cuộc trưng

cầu dân ý lại đưa tới việc

chấp nhận phương án B. Lim Chin Siong

trả lời chất vấn của Ko bằng một

đe dọa: cộng đồng người Hoa sẽ

biết “cách đối phó với các

nhân vật được mệnh danh là

lãnh đạo lại đi phản bội

họ,” ông ta còn kết án Phòng

thương mại vì đã đi theo luận

điệu tuyên truyền của PAP. Không

nao núng, ban điều hành của Phòng

thương mại lại yêu cầu các

thành viên bỏ phiếu cho giải pháp

A, và trong cùng ngày hôm đó,

thêm sáu tổ chức của người

Hoa ra mặt ủng hộ quan điểm này.

Để đương cự với xu hướng trên, Lim Chin Siong

điều động 24 nghiệp đoàn, rồi

thêm 12 nghiệp đoàn khác nữa,

tái khẳng định với các thành

viên là phải bỏ phiếu trắng.

Nhưng lãnh đạo các nghiệp đoàn

ấy không có sức nặng là mấy:

họ dựa vào uy tín của Lim, mà

cái này thì đang trên đà

suy giảm. Bực bội và bối rối,

ông ta đã dùng tới thủ đoạn

đe dọa, trở nên rối loạn trong

phát biểu và phạm một sai lầm

lớn vào ngày 27/8. Trong một cuộc

mít-tinh tại Hong Lim Green, ông ta đã

nói: “Hợp nhất và thành lập

liên bang có ý nghĩa khác nhau đối

với những lực lượng khác nhau.

Trong cuộc đấu tranh giành độc lập

cho Malaya và Indonesia, các lực lượng

quốc gia của hai lãnh thổ này đã

phát triển khái niệm về một

Melayu Raya, nghĩa là Đại Malaya, hoặc

Malaysia, bao gồm cả Indonesia...”

Điều này làm kinh hoàng các cử tri người

Hoa vốn là những người biết rõ

dân Indonesia còn bài Hoa hơn cả người

Malay tại Malaya.

Nhưng điều đó cũng chẳng có tác dụng

gì khi Ong Eng Guan, khi được báo chí

hỏi rằng ông ta sẽ làm gì khi

việc bỏ phiếu trắng được lý

giải là ủng hộ hợp nhất trọn

vẹn, đã từ chối không đưa

ra ý kiến nào. Điều này cũng

cổ thêm niềm tin nơi các lãnh

đạo bang hội người Hoa rằng phe

thân cộng và chống đối hợp

nhất đã bị dồn vào ngõ

cụt. Cảm thấy vững bụng hơn, Phòng

thương mại Hoa kiều đã cho cây

đăng lời thông báo ủng hộ

phương án A trên tất cả các
báo tiếng Hoa trong hai ngày liên tiếp.

Nỗi sợ hãi cố hữu của họ
trước phe đối lập nay đã thay
bằng nỗi lo sợ rằng 330.000 người
Hoa vốn là chỗ hậu thuẫn của họ
sẽ mất đi quyền công dân và
làm mất luôn ảnh hưởng của
họ đối với các diễn biến
chính trị. Hành động của họ
có tác động mạnh. Các lãnh
đạo đoàn thể khác cũng công
khai lên tiếng kêu gọi ủng hộ
phương án A, trong đó có 51 công
ty thương mại và nghiệp đoàn.

Tuần lễ cuối cùng trước ngày trưng cầu dân
ý đã diễn ra vô số cuộc
mít–tinh và hội thảo, nhưng tôi
tin rằng họ chẳng làm thay đổi
được gì nữa. Cuộc tranh luận
quanh các điều kiện thống nhất đã
kéo dài suốt năm. Vấn đề
quốc tịch và tư cách công dân
hạng hai mà Barisan khai thác đã được
dàn xếp xong. Ngày 30/8 có một cuộc
mít–tinh cuối cùng do PAP tổ chức
tại Hong Lim Green, đó là cuộc
mít–tinh lớn nhất của chúng tôi,
thu hút được một đám đông
rất lớn mà không cần phải lấy
xe chở họ tới như Barisan đã làm

ba tuần trước đó. Khi tôi bắt đầu phát biểu lúc 9 giờ 30, nhạc đột nhiên phát âm vang từ ba cái loa gắn trên tầng bốn của tòa nhà trụ sở một nghiệp đoàn thân Barisan. Tôi nói ngay: “Đó là kiểu dân chủ của Barisan Sosialis. Chúng tôi đã cho họ cả năm để làm gì thì làm. Nay họ lại sợ tôi nói ra sự thật với các bạn.” Họ dùng nhạc để át tiếng tôi, nhưng tôi cứ tiếp tục. Sau vài phút, một nhóm cảnh sát đi vào tòa nhà đó. Họ thấy các cánh cửa trên tầng

bốn đều đóng kín, nhưng

tiếng nhạc được ngừng lại.

Cuộc bỏ phiếu bắt đầu lúc 8 giờ sáng ngày

1/9 và kết thúc lúc 8 giờ tối,

sau đó bắt đầu kiểm phiếu.

Đến 3 giờ sáng, kết quả cho thấy

chiến dịch vận động bỏ phiếu

trắng của Barisan đã thất bại.

Phiếu trắng chiếm chưa tới 30% số

phiếu, 70% còn lại ủng hộ phương

án A, còn một ít ủng hộ cho

phương án B và C. Những đám

đông rất lớn tụ họp ngoài

dinh Badminton trên đường Guillemard, không khí rất căng thẳng
vì tuy rằng

có tới 345 địa điểm bầu cử

trên toàn Singapore, nhưng mọi thùng

phiếu đều được mang về đây

để kiểm. Barisan muốn phiếu được

kiểm tại từng đơn vị bầu cử,

nhưng chúng tôi từ chối điều

đó. Chúng tôi không muốn họ

biết được rằng đơn vị nào

bỏ phiếu trắng nhiều nhất, đó

sẽ là thông tin hữu dụng trong kỳ

bầu cử kế. Nhưng họ đã khôn

ngoan hơn chúng tôi khi dặn dò những

người ủng hộ kẹp chung thẻ cử

trì vào với lá phiếu. Những thẻ

đó cho biết ngay phiếu là từ đơn

vị nào.

Khoảng 6 giờ 45, ngay trước khi công bố kết quả,
Tiến sĩ Lee Siew Choh gửi một lá thư
tới viên giám sát trung cầu dân
ý yêu cầu được kiểm phiếu
lại. Nửa giờ sau, viên giám sát
đồng ý nhưng quãng thời gian chờ
đợi này khiến Tiến sĩ Lee gửi
ngay lá thư thứ hai lúc 7 giờ 45,
trong đó ông ta cáo buộc rằng
viên giám sát đã cho Thủ tướng
đọc lá thư thứ nhất trước
khi trả lời đồng ý, như thế
ông ta chẳng hơn gì tay sai của Thủ
tướng. Hơn nữa, vì quy trình thủ
tục của lần đếm thứ nhất
cũng sẽ áp dụng cho lần đếm

thứ hai, nên toàn bộ sự việc
cũng khôì hài như chính cuộc
trưng cầu dân ý nên ông ta sẽ
không chấp nhận điều đó.

Viên giám sát đưa ra câu trả
lời một giờ sau đó, nhưng do lời
khuyên của tôi, ông ta đã cho đọc
thư trả lời ấy trên loa phóng
thanh cho giới báo chí cùng nghe trước
khi trao lá thư cho Tiến sĩ Lee. Thư nói
rằng các thùng phiếu đã được
mở niêm phong, các lá phiếu đã
trộn lẫn lộn và đếm trong khi
Tiến sĩ cũng có mặt tại đó
suốt thời gian kiểm phiếu nhưng ông

ta đã không đưa ra lời phản
đối nào về sự hợp cách của
quy trình cho đến khi mọi việc hoàn
tất và chỉ chờ đến lúc
công bố kết quả thôi. Tuy nhiên,
viên giám sát cũng ra lệnh cho đếm
lại theo lời ông ta yêu cầu.

Đó chỉ là nỗ lực phản đối vô vọng của
Tiến sĩ Lee, và trong khi việc kiểm
phiếu lần hai còn tiến hành thì
ông ta đã dùng dùng bỏ
ra ngoài và nói với báo chí:
“Thật là lố bịch và khô
hài.” Lim Chin Siong cũng bỏ ra ngoài
với ông ta, tiến đến với đám
đồng ủng hộ phía bên kia đường

và nói: “Chúng ta sẽ không
chịu thua và sẽ tiếp tục cuộc
chiến đấu đòi các quyền
bình đẳng cho nhân dân Singapore.”
Nhưng chẳng còn gì cho họ ngoài
chuyện giải tán. Họ đã thua cuộc
và đành lặng lẽ rút về
nhà để tránh phải đối mặt
với thất bại.

Lúc 11 giờ 30

sáng Chủ nhật, việc kiểm phiếu
lần hai kết thúc: 71% ủng hộ phương
án A và 25% phiếu trắng. Tôi vui mừng
quá độ khi phát biểu với đám
đông chờ đợi bên ngoài và
mắt tôi đã rưng lệ. Những

lời phát biểu của tôi trước

đỉnh Badminton đã được đài

phát thanh Singapore truyền trực tiếp trên

sóng:

“Lời phán quyết của nhân dân là một điều

kinh khủng đối với những kẻ thiếu

trung thực về mặt chính trị. Lời

phán quyết này có tính quyết

định. Đó là con dấu chuẩn y

của nhân dân đối với việc

hợp nhất và thành lập Liên bang

Malaysia... Không tiến hành trưng cầu

dân ý có thể sẽ là một

sai lầm bi thảm, vì như thế chúng

ta có thể đã giúp phe đối

lập có cơ hội làm dân chúng
tin vào cái được gọi là số
đông đã chống lại việc hợp
nhất. Với thời gian và kiên trì
giải thích, chúng ta sẽ có thể
giảm dần số người ủng hộ mà
họ đã thu phục được bằng
cách dối gạt, bôi nhọ hay đe
dọa.”

Tôi lên đường đi London ngày 5.9 để tham dự Hội nghị các Thủ tướng thuộc Khối thịnh vượng chung năm 1962 được triệu tập để

thảo luận việc Anh xin gia nhập Khối Thị trường chung Châu Âu (EEC).

Singapore không phải là một nước độc lập, nhưng vì các thuộc địa có thể bị ảnh hưởng,

nên chúng tôi được mời với

tư cách là những cố vấn cho

Duncan Sandys; tôi không có quyền phát biểu và chỉ có thể đưa ra những quan điểm của mình thông

qua ông ta. Đó là một cơ hội

để tôi nói lại mối quan hệ

với Đảng Lao động. Tôi đã

gặp Hugh Gaitskell, lãnh tụ phe đối lập, trong những cuộc viếng

thăm London trước đây của tôi thông qua

John Strachey, Bộ trưởng hư vị phụ

trách Khối Thịnh vượng chung và thuộc địa³⁰.

Strachey là một người trí thức, hiểu biết rộng và quan tâm đến các lý thuyết và triết học.

Ông ta thân thiện và muốn giúp

đỡ các thuộc địa giành

thắng lợi. Keng Swee đã mời ông ta đến Singapore để chứng kiến cuộc vận động trưng cầu dân ý của

chúng tôi. Sau khi lắng nghe tôi nói tại cuộc mít-tinh giấc trưa của chúng tôi tại quảng trường

Fullerton, ông ta nói với tôi là tôi quá trí thức, là một diễn giả

hơn là một kẻ vận động quần

chúng. Gaitskell thì lại khác: ông ta ít quan tâm đến các lý

thuyết, mà chú ý đến thực

tế hơn, linh hoạt trong lý luận của mình.

Đảng Lao động tổ chức hội nghị của riêng mình gồm các Thủ tướng thuộc đảng

Lao động hay có xu hướng xã hội chủ nghĩa trong Khối thịnh vượng chung để bàn việc nước Anh gia

nhập vào EEC. Nehru không tham dự, nhưng những đại diện cao cấp của Ấn

Độ đã phản kháng mạnh mẽ

rằng họ và các thuộc địa

cũ đang bị ruồng bỏ: những ưu

đãi của Khối thịnh vượng

chung đối với hàng xuất khẩu của Ấn sang Anh, đặc biệt là hàng

dệt, sẽ gặp nguy cơ một khi nước Anh gia nhập vào EEC. Tất cả các lãnh tụ khác yêu cầu duy trì các

mối liên hệ và được đặc

quyền tiếp cận thị trường Anh, và sự quan tâm đặc biệt của EEC đối với hàng xuất khẩu của họ. Thật thú vị khi xem họ tác động lẫn

nhau. Walter Nash từ New Zealand là Thủ tướng duy nhất đến từ những xứ tự

trị da trắng; những người khác từ
các xứ sở không phải da trắng,
phần lớn đều chưa độc lập.
Tất cả đều trông cậy vào sự
đồng tình và ủng hộ của
Gaitskell, vì ông ta chống lại châu Âu và ủng hộ việc duy trì những
quan hệ kinh tế bền chặt với họ.

Trong Hội nghị
của Đảng Lao động, tôi phát
biểu rằng tương lai là một sự
thay đổi không thể tránh khỏi,
nhưng những thay đổi đó không
thể là lý do để nước Anh
vứt bỏ những trách nhiệm mà nó
đã thừa hưởng từ đế
quốc Anh. Nếu họ bị ruồng bỏ, hậu quả sẽ rất tai hại, đe dọa đến

những quốc gia nhỏ như Singapore. Mỗi liên hệ chặt chẽ nhất của chúng tôi với một cường quốc công

ngiệp là với nước Anh. Nếu chúng tôi mất đi mỗi liên hệ này, chúng tôi sẽ bị tụt dốc thảm

hại. Tôi nói thêm một cách đơn

giản nhưng chân thành rằng nước Anh và đế quốc Anh đã tạo

ên một thế giới mà tôi được

biết trong suốt cuộc đời tôi, một thế giới mà trong đó nước

Anh là trung tâm đối với sự tồn tại của chúng tôi; trong khi chúng tôi muốn được tự do quyết

định những gì chúng tôi phải

làm đối với cuộc sống của

chúng tôi, chúng tôi cũng muốn

và cần duy trì những mối quan hệ

lâu đời về kinh tế, văn hóa

và lịch sử của chúng tôi. Đặc

biệt chúng tôi quý trọng mỗi

quan hệ hợp tác với Đảng Lao động vốn đã giúp chúng tôi rất nhiều trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

Tôi đã lôi cuốn được sự đồng tình.

Sau khi tôi nói, Denis Healey, thư ký của đảng phụ trách quan hệ quốc tế, bước lại gần tôi và nói:

“Hary, ai dạy anh ăn nói kiểu đó?

Đó quả là một bài diễn

văn mạnh mẽ.” Tôi được

khích lệ rằng tôi có những

người bạn trong số các lãnh tụ

của đảng Lao động. Tôi đã

có mối quan hệ đủ thân mật

với Sandys, Maudling và Lennox-Boyd (người mà tôi ăn ý nhất), nhưng họ

là những người thuộc đảng

Bảo thủ và đại diện cho quyền

lợi của những kẻ có tiền, họ

không bao giờ thông cảm với các sinh viên thuộc địa hăng hái mưu
cầu nền độc lập. Đảng Lao

động chia sẻ những khát vọng của chúng tôi. Họ có cùng một

triết lý cơ bản về việc ủng

hộ những người bị áp bức và

những nguyên tắc đạo đức về

sự bình đẳng giữa con người

thuộc mọi chủng tộc và quốc gia, kèm theo một niềm tin về tình
huynh đệ xã hội chủ nghĩa. Tôi

nhậm chức chưa đủ lâu để

hiểu rằng khi đảng Lao động nắm lại được chính quyền, thì

trách nhiệm của họ sẽ là đối

với nhân dân Anh chứ không phải là đối với những người cùng

chí hướng, và rằng việc từ

bỏ hoặc hạ thấp những nguyên tắc của họ khiến họ thương tổn lương tâm, nhưng tất họ sẽ làm thế.

Bản thân cuộc hội nghị của Khối thịnh vượng chung rất hấp dẫn. Lãnh tụ các quốc gia lớn nhỏ đều được xếp ngồi quanh một cái bàn bầu dục trong Dinh Marlborough và đều có quyền bình đẳng trong việc phát biểu. Tôi bị ấn tượng nhất đối với Harold Macmillan. Ông ta ngồi đó như một vị giáo trưởng, một nhân vật vĩ đại ở thời Edward, với mi mắt và hàm râu rữ xuống, một vẻ uể oải dễ ngộ nhận và một bộ đồ cắt theo kiểu xưa. Ông ta chào đón mọi

vị Thủ tướng khi họ bước vào,

cả những người đến đây

do được ưu ái, như tôi chẳng

hạn. Khi chúng tôi bắt tay nhau, ông ta cười nhẹ và chúc mừng tôi

với lời nhận xét rằng cuộc trưng cầu dân ý đã trôi qua một

cách tốt đẹp. Tôi mỉm cười

đáp lại: "Vâng, với sự giúp

đỡ của chính phủ Anh trong việc đưa ra được cho dân chúng

những điều kiện thỏa đáng."

Ông ta và Duncan Sandys đang ngồi bên cạnh, đều tỏ vẻ hài lòng.

Một gánh nặng đã rời khỏi

đôi vai thực dân của họ.

Ấn Độ là quốc gia đại biểu lớn nhất nhưng Nehru là một kẻ uể oải. Ông ta

không có sức sống, không mạnh mẽ

trong thái độ hoặc trong lời phát biểu. Ông ta không mạnh mẽ phản đối việc Anh gia nhập khối Thị

trường chung. Bài diễn văn đáng nhớ nhất là của Robert Menzies, Thủ

tướng Úc, một người to lớn,

manh khỏe, mập mạp, với khuôn mặt to bè và một giọng nói mạnh mẽ, sâu lắng vang lên đến hết

cỗ của nó. Hàng lông mày dựng

đứng của ông ta nhấn mạnh thêm

cho lời phát biểu mỗi khi ông ta cau mày. Ông ta nói say mê, thuyết phục và đầy uy lực. Ông ta bỏ qua

những bảo đảm của Macmillan về

việc duy trì những quan hệ khăng khít với các nước thuộc Khối thịnh

vượng chung sau khi Anh gia nhập Thị trường chung. “Tôi điều hành một liên

bang. Tôi biết các liên bang làm việc như thế nào”, ông ta nói. Hoặc

chúng hướng tâm, trong trường hợp đó, các tiểu bang ngày càng

xích lại gần nhau như ở Úc, hoặc chúng ly tâm, với các bang ngày

càng tách rời nhau đến khi cuối cùng chúng tách khỏi nhau. Chúng không bao giờ ở trạng thái tĩnh. Không có động lực nào khác hoạt động trong những tổ chức như thế.

Nếu Anh gia nhập vào EEC, những mối quan hệ với Khối thịnh vượng chung sẽ suy yếu và thu hẹp lại.

Nhìn lại 30 năm qua để thấy cả hai Khối thịnh vượng chung cũ và mới đã tách xa dần khỏi nước Anh thế nào khi các quyền lợi của nó ngày càng gấn bó hơn với quyền lợi của châu Âu, tôi thường nhớ lại Menzies đã tiên tri đúng đến mức nào. Ông ta biết quyền lợi của Úc nằm ở đâu, và ông ta không hề nghi ngờ gì việc chúng bị hy sinh sau khi người Úc đã đổ máu trong hai cuộc thế chiến vì nước Anh.

Đối với Thủ tướng Anh, bài diễn văn hùng hồn của Menzies là một cú đấm. Nó

được phát biểu vào sáng

thứ Sáu, nên thay vì trả lời

vào buổi chiều đó, Macmillan hoãn hội nghị vì lý do cuối tuần để

gặp riêng từng lãnh đạo trong

Khối thịnh vượng chung tại Chequers và chuẩn bị câu trả lời. Vào thứ

Hai, một Macmillan lịch sự trình diễn một màn thật tuyệt vời. Ông ta

rầu rĩ cho rằng nước Anh phải chấp nhận đường lối này, nhưng dòng lịch sử đã thay đổi.

Của cải được sinh ra nhiều nhất từ những lục địa lớn, như Mỹ

và châu Âu, nơi mà sự giao thông tốt tạo thuận lợi cho việc buôn bán và các trao đổi khác. Một

đế quốc hải ngoại như đế

quốc mà nước Anh đã xây

dựng nên không còn là con đường đi đến thịnh vượng nữa. Đối

với một người thuộc lứa tuổi

và thể hệ của ông ta, một người được sinh ra và lớn lên trong đế
quốc đó, sẽ quá dễ dàng
để tiếp nối những quan hệ cũ.

Nhưng cần phải đối mặt với
tương lai, mà đó cũng là
nhiệm vụ của ông ta, dù không
hứng thú gì, để nối nước

Anh với bộ máy tăng trưởng và
tiền bộ này trên lục địa
châu Âu. Đó là một màn
trình diễn tuyệt vời, ôn hòa,
thậm chí có vẻ sâu muộn, với
ít nhiều hoài niệm về Khối

thịnh vượng chung cũ. Nó xoa dịu tất cả các lãnh tụ có mặt
nhưng khiến họ không còn nghi ngờ

gì mấy về việc Thủ tướng

Anh có một nhiệm vụ phải làm,

và rằng nhiệm vụ đó có

nghĩa là phải đáp lại sự

vẫy gọi từ châu Âu. Ông ta sẽ

làm hết sức mình để duy trì

những mối quan hệ của Khối thịnh vượng chung và đế quốc, miễn

sao các quốc gia châu Âu (hoặc đúng hơn là Tổng thống De Gaulle của Pháp, dù ông ta không được đề

cập đến) cho phép ông ta làm

thế.

Lần này tôi quyết định trở về Singapore theo đường Moscow, dù Tunku không hài lòng, và rời London vào ngày 19/9 bằng máy bay của hãng British Airways. Tôi không để

cho mình bị lỡ một việc mà tôi

cảm thấy nó là một phần thiết

yếu trong vốn kiến thức chính trị

của tôi: xem qua thủ đô của Liên bang Xô viết và của người Nga. Và tôi phải làm điều đó trước

khi chúng tôi đi vào lãnh thổ

Malaysia, khi mà Kuala Lumpur sẽ kiểm soát hộ chiếu của tôi. Tôi được

đón chào bởi các viên chức

được ủy nhiệm để tiếp

các lãnh tụ của các nước

không độc lập, đặc biệt là

Phó chủ tịch Ủy ban Quan hệ Văn hóa và Nước ngoài. Vài nhà

ngoại giao của Khối thịnh vượng chung cũng có mặt tại phi trường, gồm có các đại diện của

Anh và Úc và đại sứ Canada,

Arnold Smith, sau là Tổng thư ký Khối thịnh vượng chung.

Tôi nói với các phóng viên phương Tây là

tôi sẽ quay về nhà theo đường

Moscow để biết thêm về thủ đô

của một trong những quốc gia lớn nhất thế giới. Không hề có mục đích

chính trị nào đằng sau cuộc

viếng thăm của tôi cả. Thực tế

là nhân viên cao cấp nhất mà

tôi được gặp là Thứ trưởng

Ngoại giao thứ nhất Vasily Kuznetsov. Nhưng tôi học được nhiều thứ trong

một bữa ăn do Arnold Smith tổ chức, tại bữa ăn này vài nhà ngoại giao

nước ngoài đã dạy cho tôi

cách hiểu ra những gì đã thấy.

Moscow là một kinh nghiệm thú vị. Tôi có một cảm giác kỳ lạ là

bất cứ cái gì tôi làm đều

có người theo dõi. Và thật thế, như tôi đã được cảnh

báo, tại một khách sạn tốt nhất thành phố – khách sạn National, nơi tôi được xếp trọ với tư

cách là khách của họ – bồn

rửa và bồn tắm không có nút

chặn. Tôi có mang theo mình một quả

banh cao su cứng, loại để tôi ném cho chó chạy đi nhặt về, nhưng nó chỉ có tác dụng ở bồn rửa.

Sự phục vụ ở khách sạn thật

là kỳ quái. Tôi đến vào

ban đêm và được mời đi

ăn. Sáng hôm sau tôi được

phục vụ một bữa điểm tâm

không lò với cá muối, cá tầm

hun khói, những đĩa bánh mì đen to tướng, trà và cà phê, vốt-ka và cô-nhắc – tất cả được

bày trên một tấm vải nhung trải trên chiếc bàn tròn lớn. Tôi đi ra ngoài cả ngày và xem đoàn

ballet Bolshoi ban đêm. Khi quay về phòng mình, tôi thấy bữa điểm tâm

vẫn còn trên bàn. Tôi thật kinh ngạc, và kết luận rằng trong thiên đường cộng sản này, việc

người này phục vụ người kia

được coi như là một sự hạ

mình. Vì vậy tôi ngủ bên cạnh

những thứ còn lại đó.

Khi tôi quay về

Singapore vào ngày 29/9, tôi nói với đám đông những người ủng

hộ đảng đang đón chào tại

phi trường rằng tôi vẫn bình

thường. Người Nga đã biết tôi

và được chuẩn bị để

quan hệ với tôi và buôn bán với chúng tôi, nhưng tôi đến Moscow để

ngiên cứu và không hề bị ảnh

hưởng. Quan điểm của tôi giống

như của Hoàng thân Sihanouk và Tổng thống Nasser. Chúng tôi sẽ bảo vệ

sự toàn vẹn lãnh thổ của chúng

tôi, những tư tưởng và lối

sống của chúng tôi. Chúng tôi

sẽ trung lập trong bất kỳ sự xung đột nào giữa các khối đại cường.

Nhưng chúng tôi không hề trung lập ở những chuyện liên quan đến quyền lợi của mình. Chỉ thông qua sự

đánh giá thông minh và hiểu rõ

những gì đang xảy ra và tại sao xảy ra mà chúng tôi có thể

vạch ra con đường tiến tới cho

mình. Chẳng hạn chúng tôi có

thể thấy rằng không một quốc gia riêng lẻ nào, ngay cả một cường quốc như Anh, có thể dám tự phụ

rằng một cuộc họp nhất ở châu

Âu sẽ không tác động đến

nó. Vì thế sẽ hoàn toàn lố

bịch nếu một nước như Singapore với 1,8 triệu dân lại cố đứng vững

một mình.

Tôi đã giải thích tất cả những điều này vì lợi ích của Tunku, nhưng không thuyết phục được ông ta. Sau này tôi được biết rằng ông ta thật sự không hài lòng về chuyến viếng thăm Moscow của tôi và đã đưa ra ở Kuala Lumpur một tuyên bố rằng điều đó là một ngạc nhiên đối với ông ta. Ông ta xem tôi như một quan chức cứng đầu ở một tỉnh biên giới nhiều rắc rối. Ông ta đã phản đối việc tôi thăm viếng những quốc gia cộng sản, vậy mà tôi vẫn đi.

29 SỨC ÉP

TỪ SUKARNO

Chính quyền Tunku đang trong tâm trạng không vui. Một điều gì đó quan trọng đã

xảy ra khi tôi đi vắng. Thỏa ước

Malaysia ký ngày 1/8 đã gây ra những phản ứng chống đối từ phía

Indonesia và Philippines, cả hai cùng thêm muốn những lãnh thổ trên Borneo. Ngày 24/9 Tunku đưa ra một lời cảnh báo cho Indonesia là đừng can thiệp vào Malaysia – “chúng tôi mong những người khác không can thiệp vào công việc của chúng tôi”. Đây là

phản ứng đáp lại một tuyên

bố của Ali Sastroamidjojo, nguyên Thủ tướng Indonesia, rằng Jakarta sẽ vẫn không thờ

ơ đối với sự thành lập Liên

bang Malaysia. Đây là lời bóng gió đầu tiên báo hiệu rắc rối

đang hình thành. Tiếp theo, Bộ trưởng Ngoại giao Philippines

tuyên bố chủ quyền đối với vùng Bắc Borneo, quả

quyết rằng nước Cộng hòa

Philippines là kẻ thừa kế hợp pháp của tiểu vương Sulu, kẻ sở hữu

lãnh thổ này, và rằng Bắc

Borneo chưa bao giờ được nhượng

cho Anh – họ chỉ cho thuê nó thôi.

Chính quyền Tunku gạt bỏ chuyện này. Nước Anh

làm chủ những lãnh thổ này từ

năm 1878, và trong thời gian 100 năm, không ai thắc mắc về chủ quyền của họ

đối với các lãnh thổ này.

Nhưng những gì ông ta nói về

chúng tôi thì thật đáng lo

ngại. Ông ta nói với tổ chức

Thanh niên UMNO rằng ông ta không cần Singapore, nhưng phải nhập hòn đảo này vào Malaysia vì nếu không thì

cộng sản sẽ cướp chính quyền

ở đó. Hiện ông ta lo sợ rằng

nếu trong tương lai họ thành công

trong việc này, Singapore sẽ từ chối hợp tác với Liên bang và sẽ có

“rắc rối lớn”. Sự lo ngại

của ông ta cũng dễ hiểu. Trong khi tôi ở Moscow, Barisan đã đưa ra một

phân tích về kết quả của cuộc

trưng cầu dân ý, trong đó họ

nói rằng mục tiêu trước mắt

của họ là lật đổ chính

quyền PAP hiện thời trong cuộc tổng tuyển cử sắp tới, và sau đó

tiếp tục thắng cử để chiếm

những ghế đại diện cho Singapore trong nghị viện liên bang. Lim Chin Siong đi xa hơn, kêu gọi đảng tập hợp các

phe cánh tả và những lực lượng

chống thực dân để từng bước

giành lấy quyền điều khiển chính

quyền liên bang và đánh bại phe

“Trục Anh và chính phủ Liên

hiệp”.

Razak đáp lại bằng cách cảnh báo dân chúng

rằng họ cần phải cảnh giác trước

những kẻ thù của nền dân chủ,

rằng Barisan hành động không phải

vì quyền lợi thực sự của họ,

mà vì những kẻ mà lòng trung

thành của họ đặt bên ngoài

đất nước. Lim Chin Siong trả đũa

rằng nếu chính phủ Liên hiệp

đương quyền tin vào nền dân

chủ đại nghị, nó phải chấp

nhận quyền của phe đối lập được

thay đổi chính phủ thông qua tiến

trình bầu cử. Sự hăng hái của

Lim càng củng cố thêm lòng tin của Tunku, Razak và Ismail rằng phải nhanh chóng kiểm soát tình hình này, rằng

hiện cuộc trưng cầu dân ý đã

qua và vấn đề an ninh của Singapore sẽ

trở thành trách nhiệm của Kuala

Lumpur.

Tại một cuộc họp của Hội đồng an ninh nội chính được tổ chức tại Singapore vào

ngày 8/9, một báo cáo chung từ những quan chức cảnh sát của Liên bang và Singapore do Sở đặc vụ của chúng

tôi đưa ra đã khuyên nên có

một chương trình nhiều giai đoạn

nhằm chống lại cộng sản và những

người thân cộng trước khi họp

nhất. Razak, đại diện Malaysia thay cho Ismail, muốn hành động ngay không chút trì hoãn.

Chin Chye, đại diện cho tôi khi tôi tham dự Hội nghị

Khởi thịnh vượng chung ở London, thì chống lại mọi hành vi nóng vội.

Selkirk, đại diện cho Anh, ủng hộ Chin Chye, nói rằng trong khi có một sự đe dọa, thì nó cũng không phải một

đe dọa đòi hỏi sự đàn

áp bằng bạo lực. Razak bắt mẫn

đến London để nài ép Duncan

Sandys về chuyện này. Sandys đã trả

lời rằng ông ta muốn trì hoãn

tiến hành đàn áp cho đến

khi định chế cho Malaysia được thảo luận xong tại Hạ viện Anh, mà điều đó phải đến tháng 2 năm tới

mới làm xong được. Ông ta phải

cân nhắc đến những phản ứng

ở Anh, nơi ông ta tin rằng những vụ

bắt giữ chắc chắn sẽ gây ra làn

sóng chỉ trích đáng kể.

Sau khi Razak báo cáo chuyện này với Tunku, Malaysia triệu tập thêm một cuộc họp Hội đồng

an ninh nội chính vào tháng 10. Một lần nữa nó lại hoãn việc đưa ra quyết định về chuyện bắt giữ.

Mối quan tâm chính của PAP là củng cố những thắng lợi đã đạt được và bảo đảm rằng

Singapore sẽ không bị những tay lãnh đạo Malay ở Kuala Lumpur thống trị và kiểm hãm. Tôi nhấn mạnh với

Selkirk rằng tốt nhất là chúng tôi hoãn các vụ bắt giữ cho đến khi họp nhất xong. Tôi khẳng định

với Philip Moore rằng sẽ không có hành động trấn áp nào trước khi xảy ra cuộc bầu cử chọn 15 đại

biểu cho Singapore trong nghị viện liên bang.

Tôi muốn Barisan được tự do để

tranh cử bởi vì nếu họ bị loại

bỏ và không có mối đe dọa

cộng sản cụ thể, thì chính phủ

Liên hiệp có thể chiếm được

một số ghế đáng kể. Sau này,

Lord Lansdowne, Bộ trưởng Ngoại giao của chính phủ Sandys nhắc đến “tính

thật thà đáng ngạc nhiên”

của tôi khi nói với ông ta rằng

việc duy trì một nhóm nhỏ những

người thân cộng trong phe đối lập

sẽ có lợi cho tôi. Quả thực là

tôi có những lý do riêng.

Tôi đã đến gặp Tunku sau khi từ Moscow trở về và đã lưu lại vài ngày với

ông ta. Lời giải thích của tôi

về chuyến viếng thăm Liên Xô đã

xoa dịu ông ta, nhưng tôi biết ông ta không hài lòng. Ông ta khó chịu với bất cứ ai có tư tưởng

riêng, sẵn sàng tranh luận và, nếu cần, có hành động độc lập.

Thật sự, tôi không phá hoại ông

ta, nhưng tôi cũng không nghe theo ông ta, mà theo ông ta điều đó có

nghĩa là vâng lời ông ta. Ông ta

và Razak đang hoạch định cho giai đoạn sau khi Liên bang Malaysia được thành lập; bao gồm chuyện ai sẽ đứng đầu Singapore để làm theo lệnh họ, và

tôi có cảm giác rằng Tunku đang

xóa tên tôi khỏi danh sách những

thuộc cấp biết vâng lời. Ông ta

muốn có một ai đó biết vâng

lời và trung thành như Tan Siew Sin hoặc Lim Yew Hock. Cả ông ta lẫn Razak đều thích Keng Swee, nhưng thậm chí cả

Keng Swee cũng không tuyệt đối “an toàn”. Ông ta quá trí thức và

không dễ bị thuyết phục hay xúi

giục.

Vì thế mọi thứ không diễn ra thuận lợi, và

sau một cuộc viếng thăm nữa đến

Kuala Lumpur vào giữa tháng 11, tôi nói với Moore rằng mối quan hệ giữa tôi và Tunku ngày càng trở nên xấu

hơn; những hành động của ông

ta cho thấy rõ rằng ông ta muốn loại bỏ tôi sau khi Liên bang Malaysia được thành lập. Tại Singapore, Tan Siew Sin đang nỗ lực rất lớn để khôi phục

lại vị thế đôi lập của MCA,

và Razak thì đang ráo riết tìm

kiếm những tay lãnh đạo trẻ tuổi

người Malay. Thâm hiểm hơn tất cả, Tunku yêu cầu tôi phóng thích Chua Hoe Ann, lãnh tụ hội kín lớn nhất

của người Hoa trên đảo này,

kẻ mà chúng tôi đã bắt

giữ theo Pháp lệnh về các điều

khoản tạm thời của Luật hình sự.

Chưa đã tổ chức đám côn đồ

tấn công những cán bộ trong các

chi bộ của PAP trong kỳ bầu cử trước, và tôi lo ngại cho an toàn cá nhân của họ trong những kỳ bầu cử kế,

bởi vì sau khi hợp nhất Tunku sẽ có quyền thả những tên tội phạm kiểu

đó.

Tôi đã nói với Selkirk rằng Tunku có ý định

phục hồi Lim Yew Hock. Tunku đã đề

nghị rằng PAP đứng ngoài cuộc bầu

cử bổ sung ở Sembawang, được tổ

chức do cái chết của Ahmad Ibrahim, đề

ứng viên của ông ta tranh cử với

Barisan. Tôi bác bỏ ý đó. “Cực

kỳ ngớ ngẩn,” tôi nói với

Selkirk. Ông ta hẳn phải đồng ý,

vì ông ta báo cáo lại với

Sandys rằng Tunku đang mưu đồ một

chính sách hủy diệt. Sandys trả lời, đồng ý với Selkirk, rằng hiện tại

tôi là một công cụ tốt nhất

trong việc cai trị đảo này.

Tôi thể hiện lòng tin cậy với nước Anh vì tôi

cần sự ủng hộ của họ, hay ít

ra cũng là sự trung lập của họ để

thực hiện kế hoạch của tôi nhằm

chứng minh với Tunku rằng thật điên rồ khi cố tái lập một chính phủ

Lim Yew Hock mà ông ta có thể điều khiển. Tôi nói với Moore rằng tôi

dự định gây cho Lim Yew Hock và chính phủ Liên hiệp một thất bại nặng

nề trong bầu cử ở Singapore để

chứng minh với Tunku và Razak rằng họ

phải làm việc với PAP chứ không

ai khác. Để đạt được

điều này, tôi có ý định

tổ chức những cuộc bầu cử chọn

15 đại biểu Singapore ở Nghị viện

Liên bang ngay sau khi việc ký kết hiệp ước Malaysia ở London, vốn được

dự định tổ chức vào tháng

2, và trước khi nó được thực

thi vào tháng 8/1963, khi chính quyền Tunku nắm quyền điều hành lực

lượng cảnh sát. Tôi sẽ lập

ra 15 khu vực bầu cử bằng cách sáp nhập 51 khu vực hiện có thành từng nhóm gồm 3 hoặc 4 khu vực. Tôi tin là UMNO sẽ chỉ có một ghế, và PAP

có thể vượt hẳn Barisan qua việc

đạt được 8 hoặc thậm chí

9 ghế.

Tôi nói với Moore rằng Razak và Tan Siew Sin không đạt được tiến bộ nào trong việc

xây dựng lực lượng cho chính phủ

Liên hiệp ở Singapore. Họ đang lúng túng không biết phải làm gì kế tiếp, nhưng rõ ràng họ có ý

định chứng tỏ PAP không mạnh mẽ

gì cả. Chẳng hạn như tờ *Straits Times* đã đăng những nhận định mà các

tay biên tập báo biết là không

thể chấp nhận được đối

với chính phủ Singapore, và điều

này có thể chỉ có nghĩa là

họ được sự ủng hộ chắc

chắn từ phía Tunku. Đó là một

kiểu tuyên bố chiến tranh về phía
họ, và tôi sẽ trả đũa vào
giờ phút thích hợp. Một lần nữa
Kuala Lumpur muốn điều khiển đài
phát thanh và truyền hình địa
phương, dù hai bên đã đồng
ý rằng Singapore sẽ chịu trách nhiệm về việc điều hành và những
chương trình hàng ngày của các
đài này. Mục đích của họ
là giới hạn năng lực chính trị
của chính phủ, đặc biệt là
trong thời gian những cuộc bầu cử.
Trong khi đó, Tan, quyết tâm chứng tỏ
ai là người có quyền quyết định
về vấn đề tài chính, đã

đòi hỏi Singapore phải trích từ
thu nhập của mình và đóng cho
chính phủ Liên bang một tỉ lệ
phần trăm cao hơn mức đã được
đồng ý. Ông ta đã tỏ ra rất
khó thuyết phục trong khi đàm phán về việc thành lập một thị
trường
chung, và một quyết định về thị
trường này đã phải hoãn
lại trong khi các chuyên gia nghiên cứu vấn đề.

Khi tôi gặp Lansdowne vào ngày 27/11, tôi nói một cách
thẳng thắn về những vấn đề

tôi phải đối phó trong việc hợp
nhất. Về việc thu thuế, Singapore hoàn toàn chấp nhận tài chính là
thuộc trách nhiệm của Liên bang, nhưng chúng tôi không đồng ý
rằng

Kuala Lumpur sẽ thu thuế và giao phần của Singapore cho chúng

tôi. Singapore phải thu thuế

và trích phần đóng góp cho

Liên bang để nộp về Kuala Lumpur, nếu không chúng tôi sẽ thấy mình bị

loại ra ngoài. Về việc kiểm soát

thông tin và truyền thanh, đó là

yếu tố cần thiết cho bất kỳ chính

phủ nào, nếu nó muốn giao tiếp

với các công dân của nó. Trong

tay của Liên bang, việc tiếp cận những vấn đề về người Hoa sẽ thiếu

nhạy cảm, chắc chắn sẽ đi vào

những sai lầm và gây thiệt hại

về chính trị. Để minh họa, tôi

đã kể lại chuyện Tunku đã

gây rắc rối cho mình thế nào ở

Ấn Độ. Ông ta đã kết tội

phía Trung Quốc là xâm lược

trong cuộc xung đột biên giới Ấn – Hoa năm 1962, lúc mà hoàn toàn chưa xác định được bên nào

phải bên nào trái. Chỉ đến

khi có ai đó phân tích ảnh

hưởng bất lợi của việc này

đối với người Hoa ở Malaya thì

ông ta mới thay đổi từ ngữ và

trình bày vấn đề này như

một cuộc xung đột giữa Trung Quốc

xã hội chủ nghĩa và Ấn Độ

dân chủ cộng hòa.

Sau khi đề cập đến những điểm khác về cuộc

tranh luận, tôi nói với Lansdowne rằng trong lúc mối quan hệ riêng giữa tôi và Tunku còn tốt đẹp, về mặt

chính trị, ông ta muốn có một

ai đó dễ sai bảo hơn cai trị

Singapore. Sau đó tôi giải thích dự

định tổ chức những cuộc bầu

cử để chọn 15 đại biểu trong

nghey viện liên bang. Ông ta lo lắng về

hậu quả của việc này đối

với Tunku. Tôi nói ông ta sẽ không hài lòng, nhưng cho dù ông ta
cảm

thấy phật ý và thất vọng đến

đâu, ông ta sẽ hiểu ra rằng những

kẻ do ông ta bảo trợ ở Singapore đã kết thúc về mặt chính trị, và

rằng ông ta không thể nào truyền

sức sống cho họ dù ông ta có

hết lòng bảo trợ và công khai

ủng hộ họ đến mức nào đi

chẳng nữa. Lansdowne cố thuyết phục tôi cải thiện mối quan hệ của chúng

tôi bằng cách nói chuyện một

cách thẳng thắn với Tunku về những vấn đề này. Tôi nói rằng

tôi rất muốn như thế, nhưng Tunku

không phải là kiểu người có

thể đấu tranh trực diện được,

vì các cuộc nói chuyện với ông

ta thường bị biến thành những câu

chuyện phiếm mập mờ.

Ảnh hưởng mà tôi tạo được với người

Anh lúc này được phản ánh

trong bản báo cáo ngày 5/12 của

Moore gửi cho Ian Wallace ở Văn phòng Thuộc địa:

“Kế hoạch của ông ta về việc hợp nhất

Singapore và Liên bang dựa trên việc tiền đề là ông ta sẽ có

một cách thu xếp hữu hiệu với

Tunku trong đó chính phủ Liên hiệp sẽ giữ nhiệm vụ bảo vệ an ninh

nội chính ở Singapore trong khi PAP sẽ điều hành chính phủ bang Singapore. Kế hoạch này giả định rằng Tunku sẽ sẵn

lòng làm việc với Lee.

Ông ta rất muốn tổ chức bầu cử trước

khi hiệp ước Malaysia được thi hành bởi vì ông ta sẽ vẫn còn quyền điều hành trọn vẹn bộ máy

chính quyền, đặc biệt gồm cả

ngành cảnh sát và truyền thanh...

Lee nói rằng ông ta thích tổ chức

bầu cử với sự ưng thuận của

Tunku hơn. Ông ta không muốn điều

này trở thành một tuyên bố

chiến tranh chống lại Tunku nhưng ông ta xem nó như một sự cần thiết hoàn

toàn nhằm củng cố vị trí chính

trị của chính ông ta và chứng

minh rằng chính phủ Liên hiệp không thể hy vọng gì việc giành được

quyền hành ở Singapore. Nếu Tunku không đồng ý việc bầu cử toàn

Malaysia được tổ chức trước

ngày 31/8/1963, Lee cho là ông ta có thể

tổ chức những cuộc bầu cử như

thế theo pháp luật Singapore và chúng sẽ có được tác động

chính trị cần thiết cho dù hiệu

lực pháp lý của chúng có như

thế nào đi nữa. Lee đã yêu

cầu chúng ta hết sức kín đáo

về ý định tổ chức bầu cử

của ông ta trước ngày 31/8/1963 và đặc biệt là không cho bất kỳ

ai trong Liên bang biết được vụ

này...

Lee nói rằng ông ta đánh giá rất cao những nỗ

lực của ngài Lansdowne, ngài Selkirk và những người khác nhằm thuyết phục

Tunku rằng quyền lợi của ông ta nằm trong việc hợp tác với PAP và ông

ta cảm thấy rằng chúng ta đã làm

được điều gì đó mà

bản thân ông ta không thể làm

được. Đó là một nhiệm

vụ khó khăn, đặc biệt đứng

trước sự ngờ vực có thể

hiểu được của Tunku đối với

Lee, nhưng niềm hy vọng tốt nhất về

một sự ổn định chính trị

cho Singapore trong lòng Malaysia vẫn nằm trong việc hai vị Thủ tướng có tiến

đến một thỏa thuận hữu hiệu

nào đó hay không. Những giải

pháp khác sẽ hoặc là một chính

phủ Barisan Sosialis ở Singapore hoặc, nếu như Barisan bị tiêu diệt do bất bở

và trục xuất, một chính phủ PAP

với thái độ thù địch và

một Lee Kuan Yew công khai nỗ lực giành lấy sự ủng hộ mang tính dân tộc

hẹp hòi của người Hoa trong thế

đối lập với người Malay ở

Kuala Lumpur. Tôi không chắc chính phủ

Liên bang có lòng hết được

không về mức độ nguy hiểm của

tình hình khi khả năng thứ hai có

thể xảy ra. Họ có thể cho rằng

Lee Kuan Yew là một đồng sự vô

cùng khó chịu; hầu hết người

ta đều nhận thấy như vậy; nhưng

họ sẽ thấy ông ta còn nguy hiểm

*hơn nhiều nếu ông ta là một đối
thủ.”*

Tôi gặp may là người Anh hiểu và đồng tình
với quan điểm của mình. Họ thấy
rằng cách Kuala Lumpur cai trị người Hoa tại Malaya sẽ không hiệu
quả ở
Singapore. Người Hoa ở Singapore sẽ không dễ bị bắt nạt; họ đã
quen
với điều kiện sống tại một
thuộc địa của Anh, họ chưa từng
chịu sự thống trị của người
Malay, và mọi biện pháp vũ lực
nhất định sẽ dẫn đến chống
đối bạo động. Và tôi cần
sự ủng hộ của người Anh để
hiến pháp bang Singapore được công bố ở London thông qua một
“Sắc dụ

của Hội đồng tư vấn của Nữ

hoàng” theo một cách mà nó sẽ

không ngăn tôi tổ chức những cuộc

bầu cử chọn 15 đại biểu.

Chỉ ba ngày sau khi Moore gửi báo cáo đi, tình hình có thêm một chiều kích hoàn

toàn mới. Bất ngờ vào ngày

8/12, một cuộc nổi loạn nổ ra ở

Brunei. Những người nổi loạn có

vũ trang tự xưng là Quân đội

quốc gia Bắc Borneo, và tự tuyên bố

có lực lượng 30.000 người, đã

chiếm lấy khu mỏ dầu Seria. Người

Anh phản ứng ngay lập tức. Hai đại đội lính Gurkhas và 300 lính

Anh đáp máy bay đến Brunei, theo sau là hai tiểu đoàn nữa. Binh lính nhanh chóng chiếm lại Seria, giết một số kẻ nổi

loạn và bắt giữ 500 người. Trong

khi đó, một thanh tra cảnh sát Anh nhanh trí đã tóm được nhóm
nổi loạn đầu tiên trong sân quần
vợt của ông ta, và giữ được
họ ở đó trước khi họ có
thể gây thêm những rắc rối khác.
Trong vòng 48 giờ, cuộc nổi loạn thất bại, và sau khi Seria được tái
chiếm, các cuộc càn quét bắt
đầu.

Barisan đưa ra một tuyên bố vào ngày hôm sau, sau khi có
tin về cuộc nổi loạn, ca tụng sự
kiện đó như một cuộc nổi dậy
của quần chúng chống lại chủ
nghĩa thực dân đáng được
tất cả những người thực sự
chống thực dân bày tỏ ủng hộ,
và tuyên bố rằng Singapore và chính phủ Liên bang sẽ bị lên án nếu

như họ không chống lại người

Anh. Bày tỏ ủng hộ công khai với

cuộc nổi loạn kiểu này là sai

lầm thứ hai trong hai sai lầm lớn của Lim Chin Siong. Sai lầm đầu tiên là ông ta đã gặp lãnh tụ của họ,

A.M. Azahari, ở Singapore hai ngày trước cuộc nổi loạn. Hăng hái trước chuyện

sắp xảy ra, Sở đặc vụ Malaya đã

bắt giữ 50 người, phần lớn là

người Hoa, trong đó có viên thư

ký điều hành của đảng

Partai Rakyat của Malaya, và Singapore bắt giữ

ba thành viên địa phương của

Partai Rakyat thân Barisan có liên quan với tổ chức trên. Chúng tôi muốn

hành động phối hợp với người

Malay để biểu hiện tình đoàn

kết.

Tuy nhiên, cuộc nổi loạn ở Brunei có những mối liên can sâu rộng hơn. Vào ngày 11/12, Tunku, tại nghị viện liên bang, đã nhắc tới sự ủng hộ tài chính

mà Azahari đã nhận được để tiến hành cuộc nổi loạn. Tunku nói nhân vật này đã có những liên hệ mật thiết với một số người thuộc các nước láng

giềng của Malaysia. Ông ta muốn ám chỉ

Indonesia, nơi tướng Haris Nasution, Bộ trưởng Quốc phòng, đã tuyên bố rằng

chính phủ của ông ta sẽ chú ý

nhiều hơn nữa đến những miền

giáp với Bắc Borneo thuộc Anh sau cuộc nổi dậy ở Brunei, và viên chủ

tịch của Đảng Dân tộc (PNI) đã

bày tỏ sự ủng hộ đối với

Partai Rakyat ở Brunei. Sự ủng hộ rõ ràng đến từ chính Sukarno.

Người Anh hiểu rõ mối nguy hiểm đến từ việc

này. Đối xử với Azahari đơn

giản hơn nhiều so với việc đối

xử với những người đứng sau

ông ta. Cao ủy Anh ở Brunei, ngài Dennis White, tin rằng những người nổi loạn đã chắc chắn về sự giúp đỡ

của Indonesia, nếu không những lãnh đạo của họ đã không tấn

công Limbang (một dải đất chia Brunei làm hai) vì nó là một phần

của Sarawak thuộc Anh và người Anh nhất định sẽ trả đũa. Ông ta tin

rằng Indonesia đã khuyến khích họ

như một cách phá hoại Malaysia, và trái với những bài báo mô tả

cuộc nổi loạn như một hành động

khôi hài, tài tử, ông ta chỉ ra

rằng nó đã thành công trong
giai đoạn đầu dù rằng nó
thiếu chuẩn bị. Những kẻ nổi loạn
đã chiếm giữ một số đồn
cảnh sát và cướp được
nhiều vũ khí, họ chiếm nhà máy
điện và cúp điện, họ cầm
tù được thư ký của Cao ủy
Anh, và ở Limbang, bỏ tù viên trú
sứ Anh, vợ ông ta và những người
Âu khác. Chỉ nhờ lính Gurkha và
Anh đến nhanh chóng mới cứu vãn
được tình hình.

Vài ngày sau khi Tunku nói lên những nghi ngờ của ông ta, Sukarno đã thừa nhận những nghi ngờ đó khi nói rằng: "Những
gì đang xảy ra ở đó (Brunei)

không thể tách rời khỏi cuộc đấu

tranh của các lực lượng mới đang

nổi dậy. Chúng tôi đứng về

phía những người đang đấu

tranh,” và trong một buổi phát thanh trực tiếp từ Jakarta sau đó vài

ngày, ông ta đã kêu gọi dân

Indonesia ủng hộ cuộc nổi loạn. Ông ta nói những ai không ủng hộ
được

coi như phản bội lương tâm mình.

Dân tộc Indonesia sinh ra trong khói lửa và đã chịu bao đau khổ vì
nền

độc lập của họ. Họ có lý

khi đồng tình với những người

đấu tranh cho tự do. Họ không giống các dân tộc khác (ý nói

Malaya) giành được độc lập

như một thứ quà tặng của thực

dân. Tunku trả lời bằng cách nêu

ra rằng chính phủ Indonesia và các lãnh tụ chính trị của nó đang

làm những bài diễn văn hung hăng

dù cuộc nổi loạn ở Brunei đã

kết liễu; mục đích của họ

rõ ràng là xúi giục dân chúng

ba vùng lãnh thổ Borneo (thuộc Anh) chống đối chính phủ của họ,
và

điều này sẽ dẫn đến một

tai họa.

Kế đó là một cuộc khẩu chiến, trong đó

người Indonesia hưởng ứng theo những ngôn từ hoa mỹ của nhà
lãnh tụ

của họ. Dùng các diễn văn và

phương tiện truyền thông để

khơi dậy tình cảm công chúng và

phát động những cuộc biểu tình

là phần chủ yếu trong chiến lược

của Sukarno. Gần đây, chiến lược

này đã tỏ ra hữu hiệu khi

Jakarta lên tiếng đòi lại West Irian (Tây New Guinea) từ tay Hà Lan, nhưng bây giờ thì ông ta cần có một vấn

đề khác cho công chúng quan tâm

và tạm quên đi tình hình kinh

tế tồi tệ. Ngày 23/12, vài nghìn

người đã tụ tập tại quảng

trường Merdeka ở Jakarta để đốt

hai hình nộm, một hình người Tây

phương, và một hình người

Malay đeo kính gọng sừng và đội

nón *songkok* của người Malay – chính là

Tunku. Người Indonesia đang phát động một chiến dịch chống

Malaysia, ra về để

ủng hộ nền độc lập cho Brunei,

Sarawak và Bắc Borneo.

Lim Chin Siong cũng tham gia vào cuộc chiến ngôn từ này, nói rằng PAP đang làm hỏng đi mối

quan hệ giữa Singapore và Indonesia qua sự

kiến cuộc nổi loạn Brunei bằng cách phao tin rằng Jakarta đã ngấm xúi giục vụ nổi dậy này và có óc

bài Hoa. Chưa ai từng công khai nói điều này trước đó, và

nó đã làm khối dân nói

tiếng Hoa sợ hãi. Dân chúng có

thể cảm nhận ra rằng những lực

lượng lớn đang vận hành, rằng

sự lựa chọn của Singapore nằm giữa việc gia nhập Malaysia và đi theo Tunku, hoặc gia nhập một Indonesia bài Hoa và đối đầu với Đảng Cộng sản

Indonesia, một đồng minh về ý thức hệ của Barisan. Hơn nữa, cuộc nổi

dậy bây giờ đã cho các thành

viên của Hội đồng an ninh nội

chính một lý do chung để ra tay hành động.

30 CAY ĐĂNG CHẠY VÀO MALAYSIA

Năm ngày sau cuộc nổi loạn ở Brunei, Hội đồng an ninh nội chính nhóm họp khẩn cấp theo yêu cầu của Tunku. Những diễn biến ở Brunei khiến cần phải có hành động chống lại cộng sản, và lời tuyên bố ủng hộ cuộc nổi loạn của Barisan đã tạo ra một cơ hội. Tôi nói tôi hiểu quan điểm của ông ta, nhưng quan trọng là chiến dịch phải được trình bày trước công chúng như hành động bảo vệ các lãnh thổ sắp gia nhập Liên bang Malaysia. Tôi không thể bị coi là một tên bù nhìn của

người Anh, mà chỉ muốn được

coi như là một kẻ ủng hộ Malaya.

Theo tôi thì không nên bắt giữ tiến sĩ Lee Siew Choh mà cần cho ông ta một cơ hội

thứ hai, miễn là ông ta không tiếp tục cuộc chơi cộng sản. Tôi cũng

sẽ không hành động chống lại

các nghiệp đoàn thân cộng một

khi những nhân vật chủ chốt của

họ bị vô hiệu hóa, nếu không

thì người ta sẽ nói rằng

Singapore không thực sự tự trị trong lĩnh vực lao động. Tôi nhấn mạnh

hơn nữa là không nên để tổ

chức Partai Rakyat ra ngoài vòng luật pháp để những người cộng sản còn

lại sẽ hướng về nó hơn là

hướng tới đảng UPP của Ong Eng Guan vốn có xu hướng theo chủ

nghĩa dân tộc hẹp hòi Trung Quốc. Mọi người

đồng ý rằng tất cả những

người bị bắt giữ có gốc

Malay sẽ bị trục xuất về Liên

bang trừ Lim Chin Siong, kẻ mà dù sinh ra ở

Johor, sẽ bị giữ lại ở Singapore. Chiến dịch sẽ bắt đầu vào rạng

ngày 16/12, và Hội đồng an ninh nội chính sẽ họp ở Kuala Lumpur vào ngày 15/12 để phê chuẩn nó.

Vào đêm 15/12, các toán cảnh sát đã

được bố trí chu đáo ở

Singapore và Johor Bahru, từ Johor Bahru những nhân viên của Sở đặc vụ Liên

bang và Lực lượng cảnh sát đã

chiến sẽ đến hỗ trợ trong chiến

dịch. Tối đó, khoảng 6 giờ 30,

Keng Swee, người đã có mặt ở

Kuala Lumpur từ sáng, nói với tôi qua điện thoại rằng ông ta đã đi đến việc đồng ý về văn

bản của hai bài tuyên bố, một là của Razak gửi đến nghị viện liên

bang, còn một còn lại là của tôi được truyền đi qua đài

phát thanh Singapore, đưa ra các lý do cho những vụ bắt giữ. Những người

bị bắt giữ sẽ gồm cả 9 dân

biểu trong Hội đồng lập pháp của

chúng tôi. Vào ngày trước khi

cuộc bố ráp xảy ra, Philip Moore quả

quyết với tôi rằng Tunku cũng đồng ý việc bắt giữ hai thành viên

thuộc nghị viện liên bang có ý

chống đối, như tôi yêu cầu.

Nhưng khi tôi đến tại cuộc họp

Hội đồng an ninh nội chính ở

Kuala Lumpur vào lúc 10 giờ tối, Keng Swee báo cáo rằng Ismail nói với ông

ta là Tunku đã đổi ý về vụ

bắt giữ hai người này. Nghe vậy,

Selkirk đề nghị – và tôi tán

thành – rằng chúng tôi cần đến

gặp ông ta để thuyết phục ông

ta đừng thay đổi quyết định,

cùng với Ismail và những phụ tá

của tôi, chúng tôi lên đường

đến Dinh Thủ tướng, ở đó,

đèn đã tắt và cửa trước

đóng chặt. Tunku đã đi ngủ

và ông ta không hề thức khi chúng

tôi gõ cửa trước. Chúng tôi

trở lại Singapore trên chiếc phi cơ vận tải RAF đã đưa chúng tôi đến

đây. Cảnh sát hủy bỏ chiến

dịch.

Nhằm chặn trước việc trút lỗi lầm trong vụ này

lên đầu chúng tôi, tôi đã

viết cho Selkirk để đưa quan điểm

của mình vào hồ sơ lưu:

“Toàn bộ

sự kiện này, như được trình

bày trong hai bản tuyên bố đã

thỏa thuận trước, sẽ trở nên

vô nghĩa, khi không có hành động

nào được đưa ra nhằm chống

lại các nhân vật chủ chốt trên

đất Liên bang mà trách nhiệm của

họ trong việc giúp đỡ và xúi

giục cuộc nổi dậy vũ trang ở các

lãnh thổ Borneo cũng to lớn như trách nhiệm của những người bị bắt

giữ ở Singapore... Tuần rồi đã

có sự biện minh cho hành động

chống lại những tổ chức mặt trận

của cộng sản và những lãnh tụ

chủ chốt của họ. Nếu hành động

chống cộng được thực hiện một

cách lạnh lùng đầy tính toán,

thì sẽ không có sự lựa chọn

nào khác cho chúng tôi ngoài cách

giao việc đó cho người Anh.”

Đó chưa phải là kết thúc, vì các lãnh

tụ Barisan tiếp tục nhóm lên ngọn

lừa. Trong thông điệp chúc mừng

năm mới của họ, Lim Chin Siong nói rằng Malaysia đang nhắm tới việc thành lập một chế độ độc tài quân

đội phát xít, và tiến sĩ

Lee Siew Choh nói rằng cuộc đấu tranh ở

Brunei sẽ tiếp tục cho đến khi nhân dân giành lại tự do. Họ gắn chặt

mọi hy vọng của họ vào cuộc nổi

loạn và vào sự phản đối

của Indonesia đối với kế hoạch

thành lập liên bang Malaysia. Những tuyên bố này nhất định sẽ kích

động Tunku đòi hỏi có hành

động; dù ông ta từ chối bắt

giữ những thành viên nghị viện

liên bang, ông ta đang mất dần kiên nhẫn và nói với người Anh rằng

ông ta sẽ hoãn việc thành lập

liên bang Malaysia hoàn toàn trừ khi cuộc bố ráp các tay thân cộng Singapore được tiến hành. Moore gặp tôi

mấy lần để yêu cầu tôi tiến

hành, ông ta cam đoan với tôi rằng đó là cách duy nhất để

tiến tới hợp nhất. Tôi vẫn còn

những nghi ngờ, nhưng người Anh có vị thế thuận lợi hơn để xét

đoán ý đồ thực sự của

Tunku, vì vậy sau các cuộc thảo luận với nhau, chúng tôi kết luận là

chúng tôi không thể liều coi thường những lý lẽ của ông ta. Một

chiến dịch an ninh mang bí danh “Cold Store”

được dự định vào ngày

2/2/1963.

Khoảng 370 sỹ

quan cảnh sát ở Singapore và 133 sỹ

quan người Malay nữa từ một trại

Lực lượng Cảnh sát dã chiến

ở Johor tham gia vào cuộc bố ráp. Hội đồng an ninh nội chính đã phê

chuẩn chiến dịch tại một cuộc họp

ở Kuala Lumpur vào tối hôm trước.

(Chúng tôi đã loại bỏ 6 dân biểu Hội đồng lập pháp

Barisan khỏi danh sách vì Tunku tiếp tục phản đối việc bắt giữ hai nghị

viên liên bang chống đối.) Lúc 3

giờ sáng, 65 toán quân tỏa ra khắp Singapore để bắt giữ 169 người. Họ

tìm được 115 người, những

người còn lại không có ở

chỗ người ta dự trù. Đây

luôn là vấn đề trong việc tìm

ra nơi cư trú của những người

cộng sản. Biết chắc mình sẽ bị

tấn công, họ luôn thay đổi chỗ

ngủ qua đêm.

Lần này không có xung đột, không đổ máu,
không lệnh giới nghiêm sau các vụ
bắt giữ. Mọi người đã tiên
liệu một cuộc thanh trừng, và công chúng hiểu rằng những người
cộng
sản sẽ gặp chuyện này. Đó
là sự tuột dốc thảm hại đối
với họ. Chiến dịch đã làm
mất một số lãnh tụ hoạt động
công khai có kinh nghiệm nhất của họ, và họ chỉ có thể hồi phục
lại nếu như cộng sản sẵn sàng
thay thế họ bằng những lãnh tụ
khác còn hoạt động bí mật
– mà không thể chắc chắn là
họ có đủ thời gian để gây

lại ảnh hưởng với quần chúng
trước khi các cuộc bố ráp khác
lại tiếp diễn.

Tôi lo lắng theo dõi trong những ngày tiếp theo đó
xem họ có lấp đầy các chỗ
trống đó không. Không hề có
dấu hiệu nào chứng tỏ điều
đó. Họ không muốn, hoặc không
thể, đưa thêm các cán bộ ra
công khai để điều hành mặt
trận liên kết.

Với sự đồng ý của Hội đồng an ninh nội chính,
tôi viết cho Lim Chin Siong một lá thư
vào đêm xảy ra các cuộc bắt
bớ, đề nghị ông ta chấp nhận
lưu vong sang Indonesia hay một nước nào đó tùy ông ta chọn. Tôi

nói

rằng, không như những người khác,

ông ta không hề giấu tôi về niềm

tin cộng sản và những mục đích

của mình, và ông ta đã nói

với tôi trong trại Changi năm 1958 rằng ông ta sẵn sàng rời khỏi Singapore nếu như sự có mặt của ông ta cản

trở thặng lợi của tôi trong kỳ

bầu cử tới. Lim Chin Siong không phải là nhân vật cộng sản quan trọng,

nhưng là người kích động

quần chúng tài tình. Tôi nghĩ

việc tỏ thái độ thiện chí

này là cần thiết, nó sẽ không

gây thiệt hại gì nhiều về an

ninh, và chuyển lá thư của tôi

cho báo chí. Đúng như tôi đoán,

ông ta từ chối lời đề nghị.

Ông ta không thể để bị coi như

là một kẻ phản bội đồng chí

của mình. Nhưng nó có ích cho

mục đích chính trị của tôi,

bên cạnh đó tôi đã cho ông

Đặc mệnh thấy rằng tôi tôn

trọng một số nguyên tắc sòng

phẳng và danh dự đối với những

người nguyên là đồng chí

của tôi thuộc mặt trận liên kết

trong phong trào chống thực dân. Tôi ngẫm mong rằng ông ta sẽ cư xử

giống như vậy. Ông ta hiểu rằng

tôi đã biết về những đội

quân thanh trừng của ông ta.

Trong số những người bị bắt giữ có Sidney

Woodhull, được xếp loại cán bộ

tổ chức cốt cán hạng nhất, và

James Puthucheary, xếp loại hai trong số cộng tác viên với cộng sản. Một người

nữa thuộc hạng thứ nhất là James

Fu Chiao Sian. James Fu là phóng viên kiêm dịch thuật, một thành viên của

Hội bài Anh, người đã từng

làm việc cho tờ báo Hoa thân cộng

Sin Pao.

Các bài báo của ông ta đồng

tình với những kẻ bãi công và

những người kích động học

sinh, và ông ta là kẻ tuyên truyền tình nguyện cho Lim Chin Siong và Fong Swee Suan, cả hai trước là bạn thời trung

học của ông ta. Nhưng sau bốn tháng ông ta được thả; các cuộc
thăm vấn đã cho thấy rằng mối
liên hệ của ông ta với Hội bài
Anh đã bị cắt đứt từ năm
1962. Ông ta vào làm cho đài phát
thanh và truyền hình Singapore, và năm 1972 trở thành thư ký báo
chí
của tôi, một vị trí mà ông
ta vẫn giữ cho đến khi về hưu năm
1993. Ông ta làm việc hiệu quả vì
ông ta biết hai thứ tiếng và hoàn
toàn đáng tin cậy.

Có rất nhiều người giống như ông ta, bị lôi
kéo vào phong trào cộng sản khi còn trẻ, bị lôi cuốn bởi tinh thần lý
tưởng và khao khát làm thay đổi
xã hội xấu xa mà họ nhìn thấy

chung quanh. Có thời gian để nhận ra khía cạnh tổ chức tàn nhẫn của

MCP, họ nhận ra giá trị của chủ

nghĩa xã hội dân chủ hoặc dân

chủ xã hội – tuy chậm và có

tính cải lương hơn, nhưng công

bằng và ít phi nhân tính hơn.

Một số người, như em trai của Lim

Chin Siong, Lim Chin Joo, thi đậu các bằng cấp đại học trong thời gian bị

giam. Anh ta đậu được bằng cử

nhân luật, và sau khi được phóng

thích anh ta vào làm trong Sở địa

chính. Sau này anh ta trở thành một cố vấn pháp luật thành công và phát đạt.

Sau khi cơn kích động về những vụ bắt bớ lắng

xuống, Tunku đề nghị rằng PAP rút

lui khỏi cuộc bầu cử bổ sung ở

Sembawang để cho liên minh mới SPA – UMNO – MCA – MIC
trực diện chiến đấu chống Barisan. Với vẻ lịch sự, tôi nói với ông ta
rằng họ không thể

nào thắng được, và rằng

thắng lợi của Barisan sẽ làm sống

lại tinh thần đang suy yếu của những người thân cộng. Tôi có cảm

giác rằng thái độ của ông

ta đối với tôi đã trở nên

cứng rắn.

Tôi đi đến kết luận là Tunku có nhiều tham vọng hơn, rằng
ông ta muốn làm cho Singapore trở nên dễ điều khiển hơn,

muốn có nhiều quyền hơn đối

với bang này và chỉ nhường quyền

tự trị về những vấn đề như

giáo dục và lao động. Càng lúc

tôi càng tin chắc rằng khi các cuộc bất bớ đã xong xuôi và mối
đe dọa từ phía những người

cộng sản tạm thời bị gác lại,

Tunku sẽ có chủ trương cứng rắn

về những điều khoản chi tiết của

việc hợp nhất khi vận dụng bạch

thư vào những điều khoản cụ

thể trong hiến pháp. Nước cờ đối

phó của tôi là đe dọa người

Anh rằng tôi sẽ không thực thi hiến pháp trừ phi các điều khoản
mà

hai bên đã đồng ý và đã

trình ra cho dân chúng Singapore trong cuộc trưng cầu dân ý được
tôn

trọng. Nếu không tôi sẽ bán rẻ

chúng. Tôi không thể tham gia vào một hành vi phản bội như thế
và, nếu

cần, tôi sẽ tổ chức một cuộc
tổng tuyển cử để giải quyết
vấn đề. Dĩ nhiên điều đó
sẽ đặt toàn bộ kế hoạch
thành lập liên bang Malaysia vào nguy cơ
nếu như Barisan và cộng sản thắng
cử.

Vào ngày 12/2, mười ngày sau các vụ bắt bớ,
tôi thể hiện mối lo ngại của tôi
với Selkirk rằng Liên bang, do không hiểu bản chất mối đe dọa cộng
sản
ở Singapore, có thể tin rằng chiến dịch Cold Store đã loại trừ được
mối đe dọa đó, và loại bỏ
luôn sự cần thiết phải hợp nhất.
Ở Malaya, đa số các cử tri là
người Malay, và MPC – đứng ngoài

vũ đài hợp pháp và thường

xuyên bị trấn áp – biết nó

không thể nắm được chính

quyền qua bầu cử, không như đồng

sự của nó ở Singapore. Khi Tunku và các Bộ trưởng của ông ta không

còn thấy sự cấp bách phải hợp

nhất nữa, tôi vẫn phải đối

mặt với một số khó khăn với

Kuala Lumpur, nhất là những thỏa thuận về mặt tài chính và điều hành mạng lưới truyền thông của

chúng tôi. Đây là lúc phải

đứng vững. Vì thế tôi viết

cho Selkirk: “Chúng tôi không cường điệu quan điểm của Singapore khi chúng tôi nói rằng dứt khoát không

thể thoát ly bằng bất cứ kiểu

nào khỏi các điều khoản và

điều kiện mà nó đã được

dân chúng bàn cãi và tán

thành công khai trong cuộc trưng cầu dân ý hồi tháng 9 vừa qua.”

Cả Moore và Selkirk đều tích cực. Selkirk viết cho London vào ngày 13/2: “Tôi nghĩ là chúng ta phải lắng nghe Lee khi ông ta nói rằng ông ta sẽ không đồng ý

bất cứ sự thoát ly nào khỏi

những điều khoản của bạch thư

về hợp nhất.” Nhưng điều bất

lợi của tôi trong việc đổi xử

với Tunku là trong khi tôi muốn hợp nhất, ông ta lại không. Tôi đã

liệt kê những nhược điểm của

Singapore khi chưa hợp nhất để thuyết phục người của tôi chấp nhận

điều đó. Ông ta coi như điều

đó sẽ biến thành sự thật

hoàn toàn và trở nên cực kỳ
khó khăn, vì ông ta cảm thấy
rằng chúng tôi sẽ đạt được
đủ thứ còn ông ta phải đảm
nhiệm vô số vấn đề. Kết quả
là một vị thế mặc cả không
cân bằng.

Ông ta phải đi hai đảng viên MCA người Hoa cao cấp của ông ta, những tay thủ lĩnh chống PAP mà họ đã tổ chức Phòng

Thương mại Hoa kiều và cộng đồng

người Hoa ở Malaya cho ông ta, và ông ta muốn họ làm những việc
như thế

cho ông ta ở Singapore. T.H. Tan nguyên là tổng biên tập tờ
Singapore Standard và đã sang lĩnh vực chính trị

để trở thành một ông trùm

đầy uy quyền của MCA ở Malaya. Khaw Kai Boh nguyên là giám
đốc Sở đặc

vụ Singapore. Ông ta đã muốn cho bắt giữ chúng tôi, đặc biệt là

tôi và đã rút về Kuala Lumpur

khi PAP thắng trong kỳ bầu cử năm 1959.

Tunku đã bổ nhiệm cả hai làm

thượng nghị sĩ trong nghị viện liên bang, và cho Khaw làm Bộ trưởng. Họ

béo phì, trông như những tên đồ

tể, và không thành công với

những thương nhân người Hoa của

chúng tôi, những người không quen

với việc đút lót để có

được giấy phép kinh doanh như ở

Malaya.

Hai tay thượng nghị sĩ này tin rằng chính phủ

Liên hiệp sẽ có một cơ hội

tốt hơn để thắng trong kỳ bầu

cử kế tiếp nếu như Kuala Lumpur kiểm soát nền tài chính của

chúng

tôi, và vì thế họ công khai cáo

buộc tôi muốn giữ lợi tức thặng

dư của Singapore nhằm dùng nó làm

hại và lật đổ chính phủ

liên bang. Ý đồ của họ ăn

khớp với những tham vọng của Tan Siew Sin, kẻ đã nói với báo chí

rằng ông ta phải tiếp quản việc

thu thuế ở Singapore "trên nguyên tắc là thuế của liên bang phải do các

ban ngành của liên bang thu và lợi tức coi như là của liên bang".

Hiện ông ta muốn nắm 60% tổng lợi

tức của Singapore, và tôi phải nhắc ông ta về những trao đổi thư từ

mà trong đó Tunku cam đoan rằng

Singapore sẽ được quyền nắm giữ

nguồn tài chính của chính nó.

Tunku chỉ muốn điều hành Singapore về

mặt an ninh, chứ không phải mặt kinh tế. Nhưng Tan không đồng ý như

vậy và tranh cãi quyết liệt rằng

tỷ lệ ít hơn sẽ không đủ

để trang trải phần chi phí của

liên bang cho Singapore.

Ở tuổi hơn 40, Tan Siew Sin là một người lương thiện, chăm chỉ, tận tâm, có tài,

không dính dáng tí gì đến

những chuyện thối nát. Cha ông ta là ngài Cheng Lock Tan, một nhân vật thế

lực trong guồng máy Các thuộc địa

vùng eo của Anh và là tộc trưởng

của một trong những bộ tộc giàu

có nhất và lâu đời nhất

của Malacca, người mà tôi đã

thuyết phục đến nói chuyện tại

lẽ ra mất PAP. Nhưng người con trai lại là kẻ nhỏ nhen, hám lợi, thể

hiện qua khuôn mặt dài tái nhợt

ẩn sau đôi kính không gọng. Ông

ta biết là Keng Swee tài giỏi hơn, nhưng ông ta nhất quyết chiếm
thế

thượng phong sau khi hợp nhất, và Keng Swee nhận thấy không
thể điều đình với ông ta được. Tuy nhiên tôi

biết Tunku là người quyết định

những vấn đề lớn, và tôi

cũng không cho phép Tan Siew Sin đề đầu cưới cổ chúng tôi, ít
nhất

là cho đến khi chúng tôi trở

thành một phần của liên bang Malaysia, và thậm chí đến lúc đó

cũng không, miễn là chúng tôi

nắm được tài chính bang của

chúng tôi. Sự thù oán của ông

ta đối với Keng Swee và tôi được

củng cố bởi lòng khao khát trả

Singapore về vị trí cũ. Ông ta sẽ

cố làm được điều đó

công khai và sẽ cười đắc ý

khi nghĩ mình đã thành công.

Tôi trả lời ông ta rõ ràng, và sau khi ông ta

thất bại trong các cuộc thương

thảo, Syed Ja'afar Albar, một người Malay gốc Ả Rập, tổng thư ký UMNO

và là một tay kích động quần

chúng rất giỏi, đến cứu nguy cho

ông ta. Albar cảnh cáo tôi trên báo chí là đừng nêu công khai các

lưuận điểm nếu tôi muốn tiến

tới một thỏa thuận. Razak cũng lộ

mặt bảo vệ Tan Siew Sin và MCA, nói rằng thật bất công khi họ

hình

như phải chịu trách nhiệm về

những đòi hỏi của liên bang. Điều

tôi luôn tự vấn là: quan điểm

của Tunku là đâu? Ông ta có đứng

đằng sau Tan như Albar và Razak không, hay là ông ta trung lập?
Lúc đầu

tôi tin là ông ta trung lập, nhưng khi sức ép cứ tiếp tục, cuối cùng

tôi kết luận là ông ta cho phép

họ ép tôi đến cùng. Tất

nhiên là Tan khó khăn và cần có

Tunku để kiềm chế ông ta, nhưng

Tunku không làm việc đó.

Sau đó tôi tin rằng Tunku không hề nói với Tan Siew Sin rằng ông ta sẵn sàng để

cho Singapore có trọn quyền về mặt tài chính của nó để đòi lấy

sự tham gia tối thiểu của Singapore trong nền chính trị liên bang.

Nếu không thì Tan đã chẳng đòi hỏi trọn

quyền kiểm soát tài chính của

chúng tôi, bởi vì chính quyền

Kuala Lumpur càng muốn kiểm soát tài chính Singapore chừng nào, thì nó

càng phải chấp nhận Singapore tham gia nhiều hơn vào nền chính trị Malaysia để

tác động đến những chính

sách đối với Singapore. Đây là

một vấn đề cơ bản mà nó

không bao giờ được giải quyết

trước hoặc sau khi Singapore gia nhập liên bang Malaysia. Tunku để cho nó chín muồi.

Xét về một phương diện, điều

này tạo lợi thế cho tôi. Barisan chửi rủa tôi bán rẻ Singapore và nói rằng “mối quan tâm giả bộ”

của tôi đối với tài chính

của bang không thể lừa gạt được

dân chúng. Nhưng mặt khác, những

đòi hỏi kiêu ngạo hầu như

hồng hách của Tan Siew Sin khiến cho dân chúng Singapore lo ngại, và phản ứng của tôi, vốn chứng tỏ tôi không

phải là kẻ dễ bị dẫn dắt,

đã khiến họ an tâm hơn. Khi các

cuộc thương thảo tiếp tục, cho đến tháng 7, họ giành nhiều ủng hộ

cho tôi. Dân chúng muốn tôi đứng

lên đấu tranh vì Singapore.

Giữa tháng 6, Kuala Lumpur đưa ra cho Singapore và Brunei những điều kiện chung quyết về việc

thành lập liên bang Malaysia, theo đó “sẽ không có sự đàm phán nào nữa”. Những điều kiện

này bao gồm sự dự trữ về một

thị trường chung theo hiến pháp, và một khoản trợ cấp 50 triệu đồng

từ phía Singapore cho sự phát triển các lãnh thổ Borneo. Tôi nói

Singapore quá nghèo để đóng vai

ông già Noel và bỏ ra 50 triệu làm lệ phí gia nhập Liên bang. Về phần thị trường chung, chính phủ liên

bang đã loan báo hồi tháng 10/1962

rằng một đội ngũ các chuyên

gia Ngân hàng thế giới sẽ nghiên

cứu những tác động kinh tế của

thị trường này, theo một quyết

định được đưa ra ở London

vào tháng 7 năm đó. Điều đó

đã đưa tới những hy vọng là

chúng tôi có thể hưởng lợi

từ khả năng chuyên môn trong việc

xây dựng thị trường này. Nhưng

dù bản báo cáo với những lời

khuyên của Ngân hàng thế giới đã
được trao cho Keng Swee và Tan Siew Sin từ
lâu, không có một điều khoản
hay điều kiện rõ ràng nào đã
được thỏa thuận để hình
thành thị trường này.

Có những vấn đề lớn khác. Một là yêu
cầu của tôi rằng sau khi liên bang Malaysia ra đời, quyền giam giữ
những tên côn đồ trong hội kín mà
không cần xét xử theo Pháp lệnh
về Những điều khoản Lâm thời
của bộ Luật hình sự sẽ được
giao phó cho Singapore. Tôi nghĩ thật quá nguy hiểm khi để quyền
này trong tay chính phủ liên bang nếu chúng tôi
có bốn phận phải ngăn cản không
cho bọn côn đồ xen vào sinh hoạt

chính trị của bang. Tunku miền cường tán thành, và Razak có vẻ như

đồng ý với ông ta. Họ cũng

muốn thay đổi hiến pháp để

giới hạn dòng nhập cư của công

dân Singapore vào Malaysia để ngăn chặn những người cộng sản Singapore, mà với tư cách công dân Singapore, họ

sẽ trở thành công dân Malaysia. Trong trường hợp này, tôi nhấn mạnh

là nên có sự tương nhượng:

chính phủ bang cũng cần phải có

quyền tương tự để ngăn dòng

nhập cư từ Malaya vào Singapore.

Một vấn đề

nữa là tôi đề nghị phải có

một tu chính vào hiến pháp của

bang nhằm quy định rằng bất kỳ dân biểu Hội đồng lập pháp nào

đắc cử trong liên danh của một

đảng phái, sau đó nếu người

đó từ bỏ hoặc bị đuổi

khỏi đảng đó thì phải hủy

bỏ ghế của ông ta trong Hội đồng

Lập pháp và tiến hành một cuộc

bầu cử bổ sung. Người Malay rất

miễn cưỡng khi đồng ý đề

nghị này.

Mối quan tâm xa hơn của tôi là kiểm hãm nạn

tham nhũng sau khi hợp nhất. Điều đó sẽ đòi hỏi ủy viên tư pháp

bang Singapore vẫn giữ được quyền

hạn của ông ta để khởi tố

theo Pháp lệnh chống tham nhũng, khiến cho việc kết án được dễ dàng

hơn. Luật này không tồn tại ở

Malaya, mà họ cũng không có Phòng

Điều tra những hành vi tham nhũng. Tôi đòi hỏi rằng không được

có những thay đổi nào trong các

thể chế này mà không có sự

đồng ý của chính phủ Singapore.

Cuộc tranh luận cứ tiếp tục mà không đi đến

kết quả, cho đến khi Duncan Sandys triệu tập một cuộc họp cuối cùng ở

London để giải quyết những vấn đề

tồn đọng. Tunku không hài lòng

tôi và từ chối tham dự nhưng lại

cử Razak thay ông ta đàm phán với

tôi và chỉ báo tin cho ông ta khi nào đạt tới thỏa thuận. Sau đó

ông ta sẽ bay qua để làm lễ ký

kết. Trong khi đó Sandys trở nên mất kiên nhẫn với tất cả các vụ

cãi nhau vụn vặt này. Một văn

bản của Văn phòng quan hệ khối

Thịnh vượng chung ghi lại rằng ông ta đã tổ chức một cuộc họp trước khi cuộc đàm phán mở

ra để thảo luận hành động

cần tiến hành nếu đàm phán

roi vào bế tắc, vì hầu như

chắc chắn nó sẽ xảy ra. Trong trường hợp đó, ông ta nói, có ba hướng

giải quyết:

“(1) ép Singapore gia nhập liên bang Malaysia trái ý nó; (2) từ bỏ kế hoạch thành

lập liên bang Malaysia; (3) cho Bắc Borneo và Sarawak gia nhập vào một liên bang Malaysia thu nhỏ, và vẫn để cửa mở

cho Singapore gia nhập sau này.

Bộ trưởng Ngoại giao nghĩ rằng có thể cần

thiết phải đe dọa Tunku bằng sự

độc lập riêng cho Singapore và mọi người đồng ý rằng điều

này có thể ép được Tunku

tiến tới một thỏa ước với

*Singapore vì nếu không có Singapore thì Thỏa ước phòng thủ
Malaya sẽ*

không thể tiếp tục lâu hơn và

việc Anh sử dụng tự do căn cứ ở

Singapore sẽ nhanh chóng rơi vào nguy cơ...

*Tuy nhiên đã hơi có bằng chứng rằng Tunku có
thể đang cho rằng nếu như ông ta
phát triển những quan hệ thân thiện hơn với Indonesia, điều đó sẽ
phục vụ ông ta tốt hơn trong việc
chống lại thế lực người Hoa ở
Singapore hơn là việc thành lập liên bang Malaysia.”*

Keng Swee và tôi đến London và bắt đầu những
cái hiện được gọi là “những
cuộc đàm phán tiếp cận”.

Nói cách khác, chúng tôi không

gặp Razak và Tan Siew Sin ngay từ đầu.

Họ lưu tại một khách sạn khác,

trong khi người Anh nói chuyện với cả

hai phía và thu hẹp dần những bất

đồng giữa chúng tôi. Sau đó

tôi dùng bữa trưa với Razak để

bàn công việc, và ngày hôm sau

tới lượt Keng Swee. Cuối cùng Sandys mời chúng tôi ngồi vào bàn
cho

một cuộc họp kéo dài suốt đêm.

Đó là cách ông ta đối phó

với các phái đoàn đàm

phán ương bướng, ép cả hai

phía nhượng bộ cho đến khi họ

đi đến thỏa thuận sau cùng. Ông

ta đã áp dụng cách này trước

đó đối với phái đoàn

Singapore, cung cấp rượu mạnh nhưng thức ăn thiếu thốn để làm kiệt

sức chúng tôi. Cách này không

giống những gì mà cộng sản đã

làm với chúng tôi tại các cuộc

họp ban chấp hành, trong đó họ

sẽ kéo dài cho đến khi những

người phi cộng sản bỏ về nhà

trước khi cuộc biểu quyết được

tiến hành.

Tối đó, đoán trước việc lặp lại trò

này, chúng tôi đã chuẩn bị

sẵn bánh mì kẹp thịt và vài

chai bia, mà chúng tôi mang trong các hộp đựng máy chữ đến một căn

phòng dành cho chúng tôi mỗi khi cần nghỉ giải lao để các phái đoàn thảo luận riêng. Khi cạn thức ăn, viên thư ký nội các tin cậy của chúng tôi, Wong Chooi Sen, sẽ điện thoại cho Choo tại khách sạn Park Lane để gọi thêm bánh mì kẹp thịt từ bộ phận phục vụ phòng. Chúng tôi đã làm như thế cho đến khi Choo báo lại là bộ phận phục vụ phòng đã hết bánh mì kẹp thịt. Để giữ đầu óc tỉnh táo, chúng tôi từ chối rượu mạnh của Sandys. Sự tận trọng và nguồn cung cấp thức ăn này đã giúp chúng tôi chịu đựng được suốt đêm mệt

nhoài đó. Chúng tôi tin là
phía Razak không hề được chuẩn
bị tốt như thế.

Cuối cùng, lúc gần sáng, hai bên đi đến thỏa
thuận rằng chúng tôi sẽ nộp 40%
“thuế quốc dân” của chúng
tôi, hoặc 28% tổng lợi tức, cho chính phủ liên bang để chi cho phí
tôn

quốc phòng ngày càng tăng do cuộc
chiến “Đổi đầu” của

Indonesia. Thay vì món quà 50 triệu đồng cho những vùng lãnh thổ
Borneo, giờ

sẽ là món tiền cho vay 150 triệu

đồng, trong đó 100 triệu là cho

vay không lấy lãi trong 5 năm. Thị

trường chung sẽ được thực hiện

trong vòng 12 năm, và Singapore sẽ vẫn được miễn thuế đối với

những mặt hàng quan trọng nhất trong hoạt động kho hàng trung chuyển. Một ủy ban đặc biệt sẽ từng bước

cân bằng thuế quan trong thời kỳ này.

Nhưng sẽ không có một Brunei giàu

dầu hỏa để làm thỏa thuận

này dễ chịu hơn đối với

Tunku. Vị vua già xảo trá và thận

trọng này không hài lòng với

đề nghị về cách phân chia lợi

tức dầu hỏa giữa họ với nhau, và

không có sức ép hay đe dọa nào

của Sandys sẽ lay chuyển được ông

ta. Tôi đã vài lần gặp vị

vua này tại tư dinh Grosvenor House của ông ta để trao đổi ý kiến về

tiến trình đàm phán của mỗi
bên chúng tôi. Tôi hiểu mối lo
ngại và sự bảo thủ của ông
ta và không hề thuyết phục ông
ta đi ngược lại linh tính của ông
ta, linh tính này đã khuyên ông
nên tiếp tục nằm dưới sự bảo
trợ của người Anh, tin chắc họ sẽ
không bỏ rơi ông ta để cho người
Indonesia cười cở.

Tunku đến nơi hai ngày trước lễ ký kết vốn
được ấn định vào ngày
8/7, một con số 8 may mắn nữa cho sự khởi đầu thuận
lợi của liên bang Malaysia. Nhưng hiệp nghị không thể hoàn tất cho
đến
khi tôi thuyết phục được ông

ta chấp nhận một số điều kiện

vốn là vấn đề tranh cãi từ

đầu. Ông ta thừa nhận quyền hạn

của cảnh sát để bắt giữ

những tên côn đồ hội kín

phải được giao cho chính phủ

Singapore, và một thay đổi trong hiến pháp của chúng tôi sẽ quy định

rằng một dân biểu Hội đồng

lập pháp nào rời bỏ đảng

phải đã đưa ông ta ra ứng cử

thì sẽ phải bỏ luôn ghế của

ông ta trong Hội đồng. Thêm vào

đó, 50% lao động cho những dự án

Borneo được tài trợ bằng khoản

cho vay 150 triệu sẽ là công nhân đến từ Singapore.

Bởi vì trí nhớ của Tunku rất cơ dãn, nên tôi
ghi vội lại những điểm này trên
lưng một bao thư cũ mà tôi tìm
được ở một góc bàn trong
phòng đợi của khách sạn ông
ta trọ, có in sẵn chữ “Ritz Hotel”, và đưa ông ta ký vào đó.
Những bản cải vào phút chót
này, và một bữa tối với
Macmillan, đã đẩy buổi lễ ký
kết tại dinh Marlborough lui tới tận nửa đêm của ngày 8/7. Cho đến
lúc
kết thúc những bài diễn văn của
Macmillan, Tunku, tôi và những đại biểu của Sarawak và Bắc
Borneo thì đã
quá nửa đêm trước khi bản
thỏa ước được ký kết,

và không còn là ngày 8, mà

đã sang ngày 9/7 – không còn là

ngày tốt lành theo lịch của Tunku

nữa.

Người Anh – Moore, Selkirk và Sandys – đã đứng về phía tôi.
Họ có nhiều lá

bài, riêng tôi thì không. Bản

thân tôi không thể làm được

gì nhiều ngoại trừ việc đe dọa

tẩy chay kế hoạch và mặc cho phe cộng sản hoạt động trong sáu
tháng kế

đó, tôi viết nhiều thư gửi

đến Selkirk ở Singapore, và Sandys ở

London, khi thì thúc giục, khẩn nài, khi thì đe dọa. Không có sự
giúp

đỡ của họ, tôi không thể đạt

được những điều kiện của

tôi. Cho dù có đạt được,
như đã dự kiến, tôi vẫn gặp
nhiều rắc rối khi yêu cầu ghi những điều đó vào hiến pháp
trước ngày thành lập liên bang
Malaysia 31/8. Cuối cùng, tôi phải giải quyết theo một cách thức
linh động mà không có sự đảm bảo
rằng một thị trường chung sẽ được
hình thành, và việc Singapore được giao quyền bắt giữ những người
thuộc hội kín chỉ được đồng
ý trong những thư từ trao đổi giữa hai bên, mà những thư đó có
thể dễ dàng bị hủy bỏ. Chúng
tôi phải gia nhập vào liên bang
Malaysia mà không có những đảm
bảo này.

Đúng như
mong đợi, những vấn đề của

tôi ở Singapore không giảm đi sau việc ký kết thỏa ước. Barisan vẫn phản

đối dữ dội, và Lim Yew Hock cùng

SPA trở nên liều lĩnh hơn. Lim Yew Hock giúp Barisan cản trở Dự luật bầu

cử liên bang ngày 24/7, vì ông ta

muốn cuộc bầu cử chọn 15 đại

biểu Singapore trong nghị viện liên bang sẽ

được tổ chức sau khi Tunku nắm

quyền kiểm soát lực lượng cảnh

sát. Thậm chí sau khi có kiến nghị

chấp nhận và ủng hộ Thỏa ước

thành lập Malaysia, SPA cũng không bỏ

phiếu, khi nó lẽ ra đã có thể

tăng được bảy phiếu cho đa số

ủng hộ và như thế thể hiện

tình đoàn kết trên một vấn

đề sống còn của dân tộc.

+ *Nợ: Các công nhân – khi ở ngoài Malaysia – 50% người Singapore.*

+ *Dân biểu Hội đồng lập pháp Singapore:*

từ nhiệm hay bị khai trừ – bỏ

trống ghế miễn là không trái

với thông lệ đại nghị.

+ *Điều lệnh di trú và hạn chế, di cư*

qua lại, Pháp lệnh bắt giữ người,

giao cho chúng tôi ở Singapore.

+ *Phần cuối phát sinh – Ủy ban liên chính phủ.*[31](#)

31 TRÀO

LƯU ĐỔI HƯỚNG

Mười tháng kể từ tháng 12/1962 đến tháng 9/1963 là những tháng sôi nổi nhất trong cuộc đời tôi. Thêm vào việc đối đầu liên tục với Tan Siew Sin và những Bộ trưởng của Tunku ở Kuala Lumpur, với Lim Yew Hock và SPA của ông ta cùng Barisan ở Singapore, còn có mối nguy hiểm đang lớn dần từ phía Indonesia. Tôi phải huy động sự ủng hộ cho cuộc bầu cử kế tiếp mà tôi đã quyết định là không thể hoãn lại đến sau khi hợp

nhất. Những người cộng sản đã
làm suy yếu các chi bộ đảng của
chúng tôi khi họ tách khỏi PAP, rồi
làm tan rã Liên hiệp nhân dân
(PA) và Lữ đoàn công chính. Để
xây dựng lại một tổ chức PAP vững
mạnh, phải mất ít nhất hai năm,
vì thế Keng Swee và tôi quyết định
chọn một chiến lược đơn giản
mà chúng tôi nghĩ có thể phục
hồi nhanh chóng sự ủng hộ của
quần chúng đối với chúng tôi.

Từ Cục đăng bạ hội đoàn, chúng tôi lấy
được tên và địa chỉ của
tất cả các chức sắc của những
tổ chức quần chúng từ các bang

hội người Hoa và những hội từ
thiện cho đến Phòng thương mại
Hoa kiều và các chi nhánh địa
phương của nó, từ các phường
hội của những người buôn bán
lẻ đến những câu lạc bộ đánh
cờ và thể thao, cùng các thư
viện trong Căn cứ hải quân. Chúng
tôi loại bỏ tất cả các tổ chức thân
cộng kiều như các hội đoàn
cựu học sinh các trường trung học
Hoa và những hiệp hội âm nhạc
của người Hoa.

Một khi cuộc trưng cầu dân ý kết thúc, tôi
bắt đầu một loạt các cuộc
viếng thăm đến các khu vực bầu

cử, giai đoạn đầu tập trung vào

những khu vực có cử tri bỏ phiếu

trắng nhiều nhất – những vùng

nông thôn (vào thời điểm đó)

như Jurong, Thomson, Kampong Kembangan và Jalan Kayu. Ban đầu, mỗi tháng tôi đi thăm

một khu vực trọn ngày, rồi tăng

dần lên cứ hai tuần một khu vực,

roì mỗi tuần một khu, và khi ngày

thành lập liên bang Malaysia đến gần,

một tuần tôi đi thăm hai, ba hoặc

bốn lần. Cuối cùng, để thăm

hết 51 khu vực, tôi đi hầu như mỗi

ngày, đôi khi tôi đi thăm hai ba

khu vực thành thị trong chỉ một ngày

cho đến khuya.

Trước các cuộc viếng thăm của tôi, các nhân viên chính phủ có các dân biểu Hội đồng lập pháp đi kèm (hoặc nếu đó là một khu vực thuộc phe đối lập, thì có dân biểu của PAP từ các khu vực khác đi kèm) đã tới trước để động viên các chủ hiệu, các thủ lĩnh quần chúng và các đoàn thể địa phương khác, và giúp họ thảo ra một chương trình. Sau đó họ sẽ chào đón tôi đến khu vực bầu cử để thảo luận các vấn đề và những nhu cầu của họ với tôi. Tôi đi trên chiếc Land Rover mui trần, với mic-rô trên tay và một chiếc

loa phóng thanh

gắn trên xe, nói chuyện với đám

đông đang tập trung chờ tôi mỗi

khi tôi dừng lại theo đúng lịch

làm việc. Kế hoạch của tôi có

hiệu quả. Một khi cộng sản thất

bại trong cuộc trưng cầu dân ý và

dân chúng nhận ra tất cả những

gì họ có thể thu đạt được

là 25% phiếu trắng, mọi người

hăng hái hẫ lên. Giờ thì họ

sẵn sàng nói ra quan điểm của

mình.

Các chủ hiệu và những lãnh tụ quần chúng sẽ

chào đón tôi với những vòng

hoa sứ, hoa vạn thọ khổng lồ, đôi

khi cả phong lan nữa, hoặc những hoa bằng

giấy, được buộc lại và trang

hoàng bằng dây kim tuyến, nếu họ

nghèo. Các đại biểu người

Hoa trao cho tôi những biểu ngữ bằng

lụa hoặc nhung ghi tên của người

tặng và đề những dòng chữ

Hán mạ vàng thể hiện tình đoàn kết của họ với chúng tôi. Tôi nhận

được cả chục biểu ngữ như

thế, đem về treo quanh nơi họp mít-tinh

lần cuối cùng, ở đây họ

chiêu đãi tôi một bữa tối

ngoài trời. Những người dùng bữa

sẽ ngồi quanh những chiếc bàn tròn,

mỗi bàn mười người, có ít

nhất là 20 bàn, và nhiều khi có tới 50 bàn do các chủ tiệm thành
đạt đài thọ nhằm tỏ lòng

tôn kính các lãnh tụ khu vực

bầu cử và tôi.

Các chuyến đi là một thành công to lớn. Khi tôi

lý luận chống lại những đòi hỏi vô lý

của Tan Siew Sin và Razak, dân chúng reo hò phía sau tôi. Mỗi
cuộc viếng

thăm, đám đông càng nhiều hơn và nồng nhiệt hơn, các thủ

lĩnh hãm hờ góp phần chào đón

tôi và bày tỏ sự ủng hộ

của họ với chính phủ PAP. Các

viên chức chính phủ, rồi tới

lượt tôi, lắng nghe những yêu cầu

của dân chúng về đường nhựa,

cổng rãnh, điện đóm, đèn

đường, điện công cộng, đường

đường, trường học, các trung

tâm sinh hoạt cộng đồng. Những yêu cầu dễ thì

được giải quyết nhanh chóng, những

yêu cầu khó hơn thì tôi hứa

sẽ nghiên cứu và đáp ứng

nếu nó thiết thực. Các trung tâm

sinh hoạt cộng đồng rất hữu dụng

trong việc phổ biến những thông tin

nhằm chống lại sự tuyên truyền

xuyên tạc, và chúng tôi bắt đầu

xây dựng chúng – những công trình bằng gỗ đơn

giản, với mái lợp fibro và sàn

xi măng, mỗi trung tâm được trang bị các

bóng đèn điện, một quạt

trần, một bàn bóng bàn, một
bàn bi-da và một ti-vi đen trắng.

Các ban tiếp tân sẽ chờ tôi trong vài giờ nếu
tôi bị chặn lại dọc đường.

Những bà già và những cô gái
trẻ đưa đơn từ yêu cầu

tôi giải quyết những khiếu nại
riêng tư của họ. Những người

Ấn đưa tôi vào các ngôi đền
của họ, rắc hoa trên đường

tôi đi và đánh một dấu màu
trên trán tôi, một cử chỉ tôn

kính dành cho một vị khách danh dự.

Những người Hoa cũng sẽ đưa tôi
vào các đền thờ của họ, và

chào mừng tôi tại lối vào bằng

điệu múa lân cùng tiếng chiêng
trống để báo trước việc tôi
đến. Những người mộ đạo
rất vui khi được thấy Thủ tướng
tỏ lòng tôn kính nơi thờ phượng
của họ. Tôi sẽ đốt những nén
hương trước bàn thờ, một số
thuộc đạo Phật, một số thuộc
đạo Lão. Những người Malay sẽ
chào mừng tôi với những nhóm
kompang, một tập hợp 12 hoặc 14 chàng trai với
trống đứng và trống cầm tay, còn
các bậc huynh trưởng của họ sẽ đặt lên
đầu tôi một cái *tanjak*, một miếng vải gấm thêu kim tuyến được
gấp thành cái mũ tròn dành cho
các thủ lĩnh.

Những người ủng hộ Barisan sẽ xếp hàng trên
vài con đường, la ó, huýt sáo
và chửi bới tôi. Khi tôi đi ngang
trường Cao trung của người Hoa, khoảng
40 – 50 nam sinh với khăn bịt mặt giờ
các áp phích lên án và chửi
rủa tôi như một kẻ phản bội
nhân dân. Một buổi chiều ở
Whampoa, những tên côn đồ Barisan với những hình
xăm trên cánh tay cản đường
tôi và cố đẩy tôi xuống một
con rãnh sâu đầy nước mưa,
nhưng nhân viên an ninh đã nhanh chóng
can thiệp và đối phó với họ,
để cho tôi nhảy ra xa. Những thành
viên nghiệp đoàn thân Barisan trên

những tầng nhà trên cao của họ gào
lên những lời chửi rủa, và một
đêm ở Hong Lim họ thét lên những
lời đe dọa tôi và trưng
những biểu ngữ phản đối trên
mái nhà. Khi tôi bảo tay quay phim của
chương trình ti-vi xoay ánh đèn về phía họ và ghi hình,
thì họ liền tắt đèn trong nhà
và biến mất. Tôi mời họ xuống
lộ diện và tranh luận trường hợp
của họ với tôi. Họ từ chối,
điều đó cho phép tôi chỉ ra
cho hàng nghìn người quanh đó
thấy là khi phe đối lập phải đối
chặt với “quần chúng” nơi

công khai, họ bèn tắt đèn và
lấn vào bóng tối.

Các chuyến đi khiến tôi kiệt sức và hao mòn
nghị lực. Tôi thường bắt đầu lúc 8 giờ sáng ngày
Chủ nhật và ngay sau bữa trưa vào
những ngày khác trong tuần. Buổi
chiều trời luôn nóng, và trong một
chuyến đi như vậy tôi phải đọc
một bài diễn văn ngắn khoảng 10 –
15 phút ở mỗi chỗ dừng, mà các
bài diễn văn đó có thể kéo
thêm từ 30 phút đến một tiếng
đồng hồ vì tôi phải nói
bằng hai, ba thứ tiếng. Có khi một
ngày tôi đọc đến mười
bài diễn văn, mỗi bài bằng tiếng

Malay, tiếng Anh, tiếng Hokkien hoặc tiếng Quan thoại. Người tôi
luôn đây

mồ hôi. Tôi thường mang theo ba, bốn

áo lót cùng áo sơ mi và sẽ

lên thật nhanh vào nhà vệ sinh nào

đó hoặc phía sau vách ngăn bên

trong một cửa hiệu để thay áo

khô, và tôi cũng mang theo một khăn

tấm nhỏ để lau mồ hôi trên

mặt. Tôi sẽ về nhà với bàn

tay phải bầm tím và đau nhức bởi

hàng trăm, nếu không nói là

hàng nghìn cái bắt tay, và đôi

khi là một cú siết tay thật chặt.

Lưng tôi cũng bầm xanh vì cứ phải

đụng vào thanh chắn kim loại của

chiếc Land Rover. Tôi học cách chìa

bàn tay trái để giảm nhẹ cho bàn

tay phải, và tôi cũng nghiên cứu

cách đẩy ngón cái và ngón

trỏ thẳng lên chống lại những

ngón tay của những người khác để

ngăn các ngón tay tôi khỏi bị

siết chặt, và tôi cũng quần một

lớp khăn dày quanh thanh chắn trên xe

để bớt va chạm.

Nhưng tôi còn trẻ, dưới 40. Kích thích tố của

tôi đầy tràn, và thịnh tình

của đám đông truyền nhiệt

huyết cho tôi. Nói chuyện bằng tiếng

Hokkien và tiếng Quan thoại, tôi đã

thuyết phục được người Hoa

rằng tôi không phải là tên bù
nhìn của người Anh, rằng tôi đang
chiến đấu vì tương lai của
họ. Người Malay ủng hộ tôi vì
họ thấy tôi chống lại những người
Hoa đối lập. Người Ấn, với
vai trò là thiểu số ít hơn, thì
luôn sợ hãi và vì thế họ
an tâm khi nhận thấy tôi hoàn toàn
thân thiện với mọi chủng tộc, nói
tiếng Malay và tiếng Anh bình dân với
họ và thậm chí cả với lời
chào hỏi bằng tiếng Tamil.

Tin tức về những chuyến đi ngày càng thành công
hơn của tôi đã nhanh chóng được
truyền miệng trong các quán cà phê

và qua báo chí, truyền hình. Nó

tạo ra một làn sóng phản khởi

trong dân chúng, đặc biệt là các

chủ cửa hiệu và những lãnh tụ

quần chúng. Tôi trở thành một

kiểu như ngôi sao chính trị. Nhiều chủ cửa hiệu từng chống lại
những tên côn đồ trẻ tuổi, nhưng họ

vẫn bị buộc phải đóng góp ngân quỹ

cho chúng.

Đây là cơ

hội của họ để chứng tỏ rằng

họ thực sự ủng hộ một cái

gì đó – tôi và chính

phủ. Khi tôi đang đứng trên bục,

họ sẽ đến, không chỉ với các

vòng hoa và biểu ngữ mà còn

với những vật kỷ niệm trưng trong

tủ nhà họ, một ruy băng đỏ

buộc quanh các món quà và một danh thiếp đỏ ghi tên cùng

địa chỉ của họ, chúc tôi

may mắn.

Có một món quà không thể quên

được là một chiếc bài ngà

cổ tuyệt đẹp chạm hình chiếc

thuyền buồm kiểu Trung Quốc lộng lẫy

đặt trên một đế đen bóng

loáng trong hộp kiếng. Nó là một

tác phẩm nghệ thuật quý giá

nhất của chủ nhân của nó. Ông

ta là ông chủ một cửa hiệu, trạc

50, tóc bạc hai bên thái dương.

Ông ta chúc tôi hạnh phúc và
sống lâu bằng tiếng Hokkien. Nó vẫn
còn ngự một cách đầy tự
hào trong phòng khách của tôi, một
món quà mà tôi trân trọng giữ
gìn, gọi tôi nhớ lại giây phút
lớn lao khi tôi có thể cảm nhận
được thịnh tình của quân
chúng đối với tôi và mong đợi
ở tôi với tư cách là lãnh
đạo của họ. Lòng trung thành mà
những chủ cửa hiệu nhỏ này đặt
vào tôi đã truyền nhiệt tình
để tôi chiến đấu.

Thành công của các chuyến đi đã thúc đẩy

Lim Yew Hock đặt vấn đề về chi phí

của chúng đối với bang trước

Hội đồng Lập pháp.

Tôi trả lời rằng không hề có

sự lạm dụng công quỹ trong việc này vì không hề có một đôla

nào được chi tiêu cho việc ăn

uống và tiếp đón – mọi thứ đều

do dân chúng chi trả. Những người

tổ chức rất đáng được

tuyên dương vì chuyện này và

họ tự hào rằng họ đã tập

hợp được sự ủng hộ của

quần chúng, với các lãnh đạo

địa phương sung sướng được thấy họ trên ti-vi đón

mừng tôi, hoặc ngồi cùng tôi

trên khán đài hay tại bàn ăn.

Tôi có thể cảm thấy rằng chiều hướng đã thay đổi.

Các viên chức đi cùng tôi trong các chuyến đi này đã phát triển một tinh thần đồng đội mạnh mẽ. Sau những mệt nhọc qua nhiều chuyến đi, nghe những lời giải thích và hô hào của tôi về cách để cải thiện đời sống của đại đa số người Singapore, họ bắt đầu thấy gần bó chặt chẽ với tôi. Trong những ngày đầu, từ tháng 11/1962 đến tháng 1/1963, chúng tôi đối mặt với sự lãnh đạm, lạt lẽo, đôi khi thù địch của đám đông, và khi tôi từ từ thâm nhập được vào quần chúng, họ thấy rằng đó là

thành tích của họ cũng như của
tôi. Họ, bao gồm từ tài xế người
Malay lái chiếc Land Rover của tôi, kẻ
phải ngồi suốt và lắng nghe những
bài diễn văn của tôi bằng thứ
ngôn ngữ mà anh ta không thể hiểu,
đã vui hân lên mỗi khi tôi nói
bằng tiếng Malay, đến các nhân
viên thuộc ngành thú y, ngành công
chính trông coi đường sá, cầu cống, ngành dịch vụ
công cộng cung cấp điện nước,
và ngành truyền thanh truyền hình
Singapore.

Tất cả bọn họ hoan hô tôi, trong đó có một
người phụ trách âm thanh chương

trình truyền hình người Hoa, Judy

Bloodworth. Hiểu biết của cô được ông chồng

Dennis Bloodworth thuật lại, rồi phóng viên tờ *London Observer* ở Singapore ghi lại, bằng lời lẽ

sau đây trích từ một trong những cuốn sách của ông ta:

“Đôi khi chúng ta sẽ đi vào vực thẳm, rồi

bắt chợt ánh sáng vụt bùng lên,

dân chúng sẽ hoan hô và la ó,

và giữa tất cả những tiếng động đó, ông ta sẽ phấn chấn

lên, hòa vào giữa họ, cười

ầm với những người múa lân quanh ông ta, không quan tâm

đến tiếng pháo, không hề lộ

vẻ sợ hãi – ông ta đã từng

bị phỏng trên mặt một lần, nhưng không quan tâm.

Chúng tôi thực sự có cảm giác giống như một đội ngũ,

giống như một đơn vị quân đội;

chúng ta cảm thấy tự hào về ông
ta. Bạn không thể ngăn được
điều đó.”

Quan trọng nhất đối với những thành công của
tôi là nhân viên thâm niên phụ
trách chương trình phát thanh bằng
tiếng Hokkien, Sia Cheng Tit. Ông ta trở thành người thầy tự
nguyện của tôi,
chú ý đến những sai sót chủ
yếu khi tôi phạm phải trong các bài
diễn văn, và ngày hôm sau ông ta
ngồi cạnh tôi và chỉ ra những
sai sót và chỉ ra cách nói đúng
như những người khác đã làm
trước ông ta, đôi khi ông ta thêm
vào những thành ngữ súc tích.

Nhưng đó không phải là cách
duy nhất mà ông ta cải thiện cách
phát biểu của tôi. Tôi thường
bị khàn giọng do căng thẳng về
thể xác khi phải nói quá nhiều,
và một đêm ở Tiong Bahru khi tôi
bị rất cổ họng, ông ta đã
đưa cho tôi một gói đựng
những lát sâm cắt nhỏ mà ông
ta mua ở hiệu thuốc của người Hoa
gần đó. Tôi ngưng ngâm những
viên thuốc ho, và theo lời khuyên của
ông ta, tôi đặt một lát sâm
vào phía trong má và giữ nó
ở đó. Nó có tác dụng

thần kỳ. Có một chất gì trong

đó kích thích tuyến nước

bọt và cổ họng tôi dịu lại

ngay. Sau này, trong những chuyến đi như

thể tôi không bao giờ quên mang một

gói sâm theo mình.

Tác động của những bài diễn văn của tôi
cũng được nâng cao rất nhiều

nhờ chương trình truyền hình. Khi

tôi ở London hồi tháng 9/1962, Alex Josey, thư ký báo chí của

tôi, dàn xếp cho Hugh Burnett của đài BBC, tiến hành một cuộc

phỏng vấn thử với tôi rồi sau đó

xem lại trên màn hình. Tôi được

xem trước một chương trình có

tôi xuất hiện và giật mình vì

trông tôi đầy vẻ hung tợn. Burnett

cam đoan rằng tôi bình thường. Tất

cả những gì tôi cần là một

vài lời khuyên: luôn nhìn thẳng vào ống kính, đừng

lấy tay che mũi hay miệng trong khi nói, luôn chồm người tới trước trên ghế – ngả người

ra sau sẽ khiến bạn có vẻ nhếch

nhác.

Lời khuyên chủ yếu của ông ta: “Hãy tự nhiên, hãy thẳng thắn, hãy là chính mình”.

Tôi thấy an tâm. Truyền hình được

du nhập vào Singapore tháng 2/1963 và đã

tỏ ra là thứ vũ khí mạnh mẽ.

Kỹ xảo của những tay xách động

quần chúng là thứ kỹ xảo dùng

trước đám đông, nơi diễn

giả phải gào thét nhẩn nhó và

cường điệu những điệu bộ

để những kẻ ở xa trong đám
đông nhìn thấy. Thu hình bằng
ống viễn kính, diễn giả trông
xấu xí và đầy vẻ đe dọa.

Họ không có Hugh Brunett để chỉ
bảo họ và họ đã tự gây
thiệt hại cho mình rất nhiều.

Trong khi tôi bận rộn tập hợp sự ủng hộ của
quần chúng, thì có những diễn biến rắc rối trong khu vực.

Ngày 20/1/1963, Bộ trưởng Ngoại giao

Indonesia, Subandrio, tuyên bố rằng cuộc
chiến "Đổi đầu" chống

lại liên bang Malaysia là cần thiết vì

Malaya sẽ tự biến nó thành một

công cụ của chủ nghĩa thực dân

và chủ nghĩa đế quốc. Vài

ngày sau, Tổng thống Macapagal của

Philippine cũng tố cáo liên bang Malaysia là một quyền lực thực dân mới, và mười ngày sau đó,

Subandrio nói với các phóng viên

nước ngoài rằng nếu như thái độ

thù địch của Malaya đối với

Indonesia lan tới các vùng lãnh thổ

Borneo, thì có thể có rắc rối,

trong đó có cả xung đột lực

lượng. Ngày hôm sau, Tổng thống

John Kennedy công khai bộc lộ sự ủng hộ hết

lòng của ông ta trong việc thành lập

liên bang Malaysia như “niềm hy vọng tốt

nhất cho an ninh trong khu vực”, nhưng

Sukarno chỉ tăng cường lời lẽ công

kích của ông ta. Ngày 1/5, ông ta

chuyển toàn bộ sự chú ý sang
các vùng lãnh thổ Borneo, khẳng định
rằng chúng phải được trao trả
độc lập trước tiên và lại
quy tội cho việc thành lập liên bang
Malaysia như một hình thức của chủ
nghĩa thực dân kiểu mới.

Tunku phản ứng lại các cuộc tấn công này bằng
cách triệu hồi các đại sứ
khỏi Jakarta, sau đó Malaya tuyên bố
tăng cường ngay lập tức lực lượng
bộ binh, không quân và hải quân.
Ngày 3/5 viên Tổng tư lệnh Viễn
đông người Anh bồi thêm vào
sự vụ này bằng cách nói rằng
ông ta có đủ người, tàu bè

và máy bay để đương đầu
với bất cứ tình trạng khẩn cấp
nào ở Borneo. Tình hình trở nên
ngày càng xấu đi.

Ngày 31/5, Thủ

tướng Nhật mời Tunku và Tổng
thống Sukarno họp ở Tokyo. Hội nghị
thượng đỉnh này kết thúc
bằng việc tái xác nhận lòng
trung thành với Hiệp ước Hữu nghị
giữa hai nước được ký kết
năm 1959, cam kết sẽ giải quyết những
bất đồng trong tinh thần thiện chí
và hữu nghị. Tunku thấy an lòng.
Nhưng Sukarno hẳn phải thấy rằng Tunku
sợ ông ta. Riêng tôi nhận thấy

nổi lo sợ trong điệu bộ và giọng

nói của Tunku khi ông ta kể lại cuộc gặp gỡ này với

Razak, Ismail, Keng Swee và tôi ngay sau khi ông ta từ Tokyo trở về.

Cuộc họp thượng đỉnh ở Tokyo dẫn đến cuộc họp
các Bộ trưởng Ngoại giao ở

Manila, tại đó Razak thừa nhận rằng

các ước muốn của dân chúng

về liên bang Malaysia tương lai cần phải

được thảo luận lại. Nhưng sau

khi Tunku ký Thỏa ước Malaysia hồi

tháng 7, Sukarno phản đối nó kịch

liệt và kết cho ông ta tội phản

bội lại Hòa ước Manila này.

Macapagal cố gắng để hai bên cùng

ngồi vào một cuộc họp khác ở

Manila, và kết quả là ngày 6/8 Tunku

đồng ý thay đổi ngày thành

lập liên bang Malaysia để có thời

gian cho một phái bộ quan sát do Liên

Hiệp Quốc chỉ đạo đi xác

định lại xem liệu dân chúng

Borneo có muốn hợp nhất không.

Người Anh nhận thấy họ đành phải đồng ý

rằng Indonesia, Philippine và Anh phải chọn những quan sát viên để giám sát

công việc của phái bộ này,

nhưng Sandys lại giận dữ. Ông ta ép

Tunku chọn một ngày nhất định cho

việc thành lập liên bang Malaysia, kiên

quyết ngăn chặn mọi sự trì hoãn.

Hàng trăm thanh niên Malay từ Brunei và

những người Hoa thân cộng từ

Sarawak đã vượt biên giới để

dự những khóa huấn luyện quân sự

trên đất Indonesia, và ông ta không

muốn “những quan sát viên”

Indonesia lang thang trên khắp các lãnh thổ

Borneo khi Jakarta tiến hành một chính sách đương đầu và lật đổ.

Cuộc họp giữa họ rất căng thẳng. Sandys báo cáo

lại ngày 27/8:

“Ông ta (Tunku) đang trong một tâm trạng rất bức

bội, và kết thúc: ‘Tôi đã đi tới tận

cùng của giới hạn và tôi không muốn bàn cãi bất kỳ cái gì

xa hơn với bất kỳ ai nữa’...

Ông ta nhận ra rằng liên bang Malaysia là

một con cá rất nhỏ so với Indonesia và ông ta lo lắng về viễn
tượng sống

sát cạnh một lán giềng hùng

manh và hay gây hấn, kẻ có mưu

đồ đối với lãnh thổ của

ông ta.”

Nhưng Sandys là một kẻ kiên trì và ông ta đã

làm cho Tunku đồng ý tuyên bố

rằng dù có chuyện gì xảy ra

ông ta cũng sẽ khánh thành liên

bang Malaysia vào ngày 16/9 (2 lần 8 là

16, một con số may mắn khác của ông

ta).

Tunku không hề

yên tâm trước người lán

giềng Indonesia của ông ta. Sukarno là một nhà hùng biện, còn Tunku thì không.

Sukarno là một con người có cá

tính thống trị, còn Tunku lặng lẽ
và có sức hấp dẫn. Sukarno đại
diện cho 100 triệu người Indonesia, còn
Tunku chỉ có 4 triệu người Malay và
chưa tới 4 triệu người Hoa, Ấn Độ
và các dân tộc khác. Nói
chung là người Malay thừa nhận nền
văn hóa Java là cao hơn. Nhưng tôi
chưa bao giờ thấy Tunku sợ hãi đến
thế. Sukarno hẳn đã cảm nhận được
điều này và đang khai thác nỗi
sợ của ông ta đến mức tối
đa. Đó không phải là sự báo
trước điềm lành.

Sandys không tin tưởng rằng Tunku sẽ dũng cảm đương
đầu với Bộ trưởng Ngoại giao Indonesia.

Nhưng ông nhẹ nhõm khi biết người đi gặp

Subandrio ở Singapore là Razak chứ không

phải Tunku, và không phải để thảo

luận về việc thành lập liên bang

Malaysia, mà chỉ đơn thuần là báo

cho ông ta biết ngày giờ mới được định lại cho việc tuyên

bố thành lập liên bang.

32 SINGAPORE

TUYÊN BỐ ĐỘC LẬP

Khi ngày hợp nhất đến gần, Phòng thương mại Hoa kiều ép tôi buộc người Nhật phải giải quyết món “nợ máu” của họ. Các lãnh đạo của phòng muốn vụ này được giải quyết trước khi những vấn đề đối ngoại được trao về tay của một chính quyền trung ương bao gồm chủ yếu là người Malay, một chính quyền không cảm nhận được hết sự tàn bạo hầu như chỉ dành

cho người Hoa. Chính quyền Tokyo cũng ý

thức được chuyện này và cố tình trì hoãn.

Phòng thương mại cũng muốn có đất đai để

cải táng các hài cốt và dựng

một tượng đài cho các nạn

nhân. Tôi cấp một miếng đất

rộng 4,5 ha đối diện trường Raffles để

xây đài tưởng niệm, nhưng cũng yêu cầu người Anh kiên

quyết trong vấn đề món nợ máu

với người Nhật, vì họ đang

phụ trách những vấn đề đối

ngoại. Khi tôi ở Tokyo tháng 4/1962, Thủ

tướng Hayato Ikeda đã đồng ý

thực hiện không nhiều hơn việc

“xem xét một cách nghiêm túc

những bước thích hợp để bồi

thường và an ủi những linh hồn của người chết”. Không có những giải pháp cụ thể.

Tôi không muốn làm lớn chuyện này, nhưng vấn đề sẽ không bị bỏ qua. Phòng thương mại quyết định làm căng, và vì tôi đang vạch kế hoạch cho cuộc bầu cử tới ngay trước ngày thành lập liên bang Malaysia, tôi phải thúc ép những đòi hỏi của Phòng này, bất chấp hậu quả trong mối quan hệ đầu tư của người Nhật. Ngày 5/8, Phòng thương mại yêu cầu bồi thường 50 triệu, dành hết cho những dự án giáo dục và y tế. Người Nhật đáp lại với một đề nghị về một trung tâm xạ trị để chữa bệnh ung thư, thiết bị thí nghiệm cho những

cơ sở giáo dục, và các học

bổng cho sinh viên Singapore ở Nhật, trị

giá 5–10 triệu đồng.

Với tư cách là chủ tịch của Phòng thương

mại Hoa kiều, Ko Teck Kin đề

nghị tổ chức một cuộc mít–tinh

lớn ở Padang trước Tòa thị chính

vào Chủ nhật, 25/8, “để thông

báo về sự thiếu thiện chí của

người Nhật trong việc giải quyết

yêu cầu bồi thường của Singapore”.

Ông ta biết rằng chính phủ PAP sẽ

không hài lòng khi nó chỉ là

vấn đề của người Hoa, nên ông

ta thuyết phục các phòng thương

mại Malay, các cộng đồng của

người Ấn, Âu gốc Á và
người Sri Lanka tham gia cuộc mít-tinh
này.

Tôi đồng ý phát biểu. Vài
ngày trước bữa đó, Chin Chye bàn với Ko những quyết định có thể
được chọn. Một trong những quyết
định đó là nếu như không
có cách giải quyết ôn hòa, dân
chúng sẽ tiến hành một chiến
dịch bất hợp tác nhằm chống lại
người Nhật, và chính phủ
Singapore không được cấp giấy nhập
cảnh mới nào cho các kiều dân
Nhật.

Barisan và cộng sản xem đây như một cơ hội nữa
để chứng tỏ sức mạnh của họ

và làm tôi mất thể trước

“quần chúng”. Khu Padang đủ chỗ

cho khoảng 100.000 người mà Phòng

thương mại dự trù, và thật

khó lòng ngăn cản việc các nhóm thân cộng len lỏi vào đám đông để hoạt động. Sau khi họp

các sỹ quan Sở đặc vụ và

cảnh sát, tôi quyết định chấp

nhận rủi ro. Họ sẽ bảo đảm

rằng nếu như cộng sản gây chuyện

rối loạn hay bạo động, thì sẽ

bị đàn áp nhanh chóng. Chúng tôi sẽ triển

khai 6.000 binh lính và cảnh sát –

từ hai trung đoàn Singapore – gần

Padang và không lộ diện, nhưng vẫn

cho người của Barisan nhìn thấy. Chúng

tôi cũng quyết định bố trí
những đèn chiếu cực mạnh sẵn
sàng hướng thẳng vào khu vực đám
đông đang gây rối, đặc biệt
là những người ở hàng đầu
đám đông có khả năng phá
hỏng cuộc mít-tinh một cách hữu
hiệu nhất. Khi những ngọn đèn
chiếu này tập trung vào họ, những
tay chụp ảnh và quay phim truyền hình
có thể ghi được những cận
ảnh để sau này cảnh sát có
thể nhận diện những nhân vật đầu
nào.

Tối đó những chiếc đèn chiếu được
bố trí sẵn trên mái Tòa thị

chính và những điểm thuận lợi

gần đó. Thoạt đầu đám

đông trên 100.000 người rất có

trật tự, nhiều người chăm chú

nhìn vào các bích chương vẽ

những cảnh tra tấn khác nhau của người

Nhật treo giữa các cây cọ và

những hàng cột của tòa nhà.

Những thành viên cộng sản và

Barisan đứng sẵn ở phía trước

và đọc hông khán đài để

nếu có bất kỳ cuộc rối loạn

nào thì nó sẽ được khuếch

đại qua loa phóng thanh. Khi tôi cầm lấy mic-ro thì nổi

lên một loạt tiếng la ó huyết

sáo, và khi tôi bắt đầu nói

thì bắt đầu nghe những tiếng hô khẩu hiệu để át

lời tôi. Tôi vẫn kiên nhẫn và yêu cầu được nói mà

không bị ngắt lời. Nhưng sự náo

động vẫn tiếp tục và sau vài phút

chịu đựng để cho mọi người

thấy cách cư xử quá đáng của

những người phá rối, tôi ra hiệu

cho một cảnh sát thường phục.

Bất ngờ các đèn chiếu vụt sáng lên tập

trung vào những khu vực ồn ào nhất

của đám đông, và những tay

chụp ảnh quay phim xông tới ghi hình.

Hiệu quả xảy ra tức thời và

thuận lợi. Lần này họ đã

không dùng khăn tay bịt mặt. Họ

biết rằng rồi đây cảnh sát
sẽ nghiên cứu những tấm ảnh phóng
to và nhận dạng ra họ, và sẽ có
trừng phạt nếu họ cứ ngoan cố.
Những lời khiêu khích và la ó
chấm dứt. Cơ hội này hóa thành
một cách chứng tỏ tài đối
phó và quyết tâm của tôi nhằm
đương đầu với những đe dọa
của họ khi họ quyết định làm
thô bạo, và nâng cao địa vị
của tôi như một lãnh tụ sẵn
sàng đi đến cùng trong bất kỳ
cuộc chiến nào. Hàng nghìn người
ở Padang và những người xem truyền

hình sau đó có thể thấy rõ
là tôi không hề bối rối, rằng
tôi không hề có những vệ sĩ
vây quanh, và rằng tôi sẵn sàng
đương đầu với hiểm nguy. Tôi
nhẹ nhàng nêu rõ quan điểm của
tôi bằng tiếng Hokkien – sự thông thạo tiếng địa phương
của tôi đã trở thành vũ khí
bảo vệ tôi thoát khỏi những lời
buộc tội của Barisan rằng tôi phản
bội nhân dân. Dân chúng cảm thấy
được sức mạnh thuyết phục của
tôi.

Sau cuộc mít-tinh thành công này, tôi thảo luận
với các đồng sự
về nguy cơ có thêm trì hoãn

trong việc thành lập liên bang Malaysia.

Chúng tôi không muốn Barisan lấy lại

tinh thần trước viễn cảnh việc hợp

nhất bị trì hoãn. Họ có thể

quyết định hành động ngay lập

tức với hy vọng rằng Sukarno sẽ can

thiệp và khiến Tunku không dám tiếp

tục công việc. Vì thế chúng tôi

quyết định rằng ngày 31/8 chúng

tôi sẽ tổ chức mít-tinh ủng

hộ việc hợp nhất như đã

hoạch định từ đầu, và tuyên

bố sự độc lập tức thì của

chúng tôi.

Một ngày trước đó tôi viết cho Duncan Sandys để
chỉ ra rằng, trái với những gì Kuala Lumpur tuyên

bố, thực tế là Singapore không đồng

ý tri hoãn việc hợp nhất đến

ngày 16/9. Tôi nhắc ông ta nhớ lại

rằng khi Hội đồng lập pháp chấp

nhận Thỏa ước Malaysia hồi đầu

tháng, nó bao gồm những điểm đã

được Tunku thừa nhận ở London, một

số điểm nằm trong những thư từ

trao đổi giữa tôi và Razak, một

số điểm khác được viết

phía sau một bì thư, mà chính

Tunku đã ký vào. Những điều

khoản này vẫn chưa được thông

qua và thi hành, và tôi sẽ chấp

nhận một ngày khác cho việc thành

lập liên bang Malaysia chỉ sau khi chúng
được thực thi. Trong khi chờ đợi,
tôi dự định tuyên bố Singapore độc
lập trong liên bang Malaysia vào ngày 31/8.

Tôi yêu cầu ông ta giao quyền hạn
về những vấn đề quan hệ đối
ngoại cho chúng tôi, để trước
ngày đó chính phủ chúng tôi
có thể giải quyết với người
Nhật về việc chuộc lại những tội
ác mà họ đã gây ra trong suốt
thời gian chiếm đóng.

Tôi thêm rằng thái độ thân thiện của người

Malay trong việc gạt bỏ các hiệp định thành văn nghiêm túc, vì cơ
này hay cơ
khác, là điều gây rối nhất.

Các hiệp định này không thể
bị từ bỏ một cách đơn phương
được. Nếu tôi không nhận được
từ phía ông ta một sự đảm
bảo rõ ràng rằng Singapore sẽ không
bị buộc gia nhập vào liên bang
Malaysia trừ khi các vấn đề còn
tồn đọng được giải quyết
vào ngày thứ Hai, 2/9, tôi dự định
sẽ từ chức và tìm một sự
ủy thác mới từ phía nhân dân.
Sau này, những chuyện đó sẽ trở
thành những vấn đề chủ yếu
trong một cuộc bầu cử và sẽ khó lòng che giấu
được sự kiện là Singapore đã

không đồng ý gia nhập liên bang

Malaysia vào ngày 16/9.

Sandys không trả
lời.

Ngày 31/8/1963 tại một cuộc mít-tinh theo nghi thức bên
ngoài Tòa thị chính, tôi đơn
phương tuyên bố nền độc lập
của Singapore. Người Anh cố ngăn cản
tôi. Sandys, người được dự trù
là sẽ xuất hiện nếu việc họp
nhất xảy ra đúng thời hạn, thì
lại không có mặt. Ông ta đang
trên chiếc *Mutiara*, một chiếc tàu hải quân Malaya, dạo
chơi quanh bờ biển Malaya, chờ đến
ngày 16/9. Razak cũng vắng mặt. Nhưng
Sarawak đã tuyên bố độc lập

trên thực tế và Bắc Borneo đã
tuyên bố thành lập bang Sabah. Tôi nói
với đám đông tụ tập hôm
đó rằng cũng như những vùng
lãnh thổ này đã nắm được
quyền tự trị trước khi hợp nhất,
trao các quyền lực trong giai đoạn lâm
thời cho những viên thủ hiến riêng
của từng vùng, vì thế ở
Singapore tất cả các quyền lực của
liên bang về những vấn đề đối
ngoại và quốc phòng cho đến ngày
16/9 sẽ được giao vào tay vị quốc
trưởng của chúng tôi, người
sẽ hành xử chúng vì quyền lợi

của chính phủ trung ương. Tunku và những cộng sự của ông ta cho

rằng tôi đã xúi giục các

bang Bắc Borneo chống đối, bất chấp những ý

muốn cụ thể của ông ta, vì một

tuần trước đó, tôi đã

gặp các lãnh tụ của Liên minh Sarawak và Sabah ở Jesselton. Quả thực là

tôi đã cố thuyết phục họ

làm một cái gì đó gây ấn

tượng mạnh vào ngày 31/8

để ngăn cản bất cứ sự trì

hoãn thành lập liên bang nào nữa.

Selkirk đến dùng bữa tối đó theo kế hoạch nhưng không bày tỏ sự phản đối.

Tôi không hề vui mừng về chuyện

này, nhưng tôi sẽ không để

cho động lực trong việc thành lập
liên bang Malaysia phải thật, đặc biệt
là vì tôi đã loan báo cuộc
tổng tuyển cử ba ngày sau đó,
với ngày công bố danh sách ứng
viên là 12/9. Bằng việc tuyên bố
Singapore độc lập và nắm quyền
thay chính phủ liên bang, tôi đã
gây sức ép với Tunku để buộc
ông giữ đúng ngày 16/9. Tunku không
hài lòng chuyện này, và ngày
2/9, chính quyền Malaysia phản đối kịch
liệt, không phải với Singapore mà với
người Anh. Ngày hôm sau tôi trả
đũa: “Nếu có ai cần phải đưa

ra lời giải thích thì đó là
người Anh và Singapore. Xét cho cùng
thì chúng tôi điều hành lãnh
thổ của chúng tôi.”

Tôi thêm rằng một trong những điều
đáng tiếc về phía Malay a là
quan điểm ngây thơ của họ khi tin
rằng quyền lực đã được
hoàng gia Anh trong bộ lễ phục trao trả
trên một chiếc đĩa bạc có
thắt nơ đỏ tử tế. Đây là
một cách nói bất phục tùng mà
Tunku không hài lòng, nhưng rất cần
thiết cho tôi, với tư
cách một lãnh tụ Singapore, không thể

để mình bị xem như một kẻ chỉ biết làm những gì vui

lòng Tunku. Ông ta trả lời bằng cách

nói là tôi đã xúc phạm

tình cảm của người Malay a.

Tôi nói với Selkirk ngày 4/9 rằng nếu những điểm
trong thỏa ước giữa tôi và Tunku

không được thực thi trước ngày

công bố

danh sách ứng cử, tôi sẽ chiến đấu trong cuộc bầu cử trên lập
trường đòi độc lập và ngay lập tức

yêu cầu một số quốc gia công nhận

nó kể từ ngày 16/9. Vì bất cứ

sự né tránh nào thêm nữa chỉ

có thể có nghĩa là các lãnh

tự Malay có ý định tiêu diệt

Singapore, và tôi sẽ cảm thấy xấu

hổ không dám nhận trách nhiệm cho việc gia nhập liên bang Malaysia trong những điều kiện như thế. Selkirk báo cáo

với Sandys rằng tôi đã bộc lộ

tính kiêu ngạo của kẻ trí thức,

ngày hôm sau ông ta viết thêm:

“Tôi cho là hiện ông ta đang tiến hành một

hành động tối hậu của chính

sách bên miệng hổ chiến tranh. Ông

ta tin vị trí của mình là bất

khả xâm phạm. Ông ta tin rằng hoặc

ông ta gia nhập liên bang Malaysia theo những điều kiện của riêng ông ta, hoặc ông ta tuyên bố độc lập và

có thể đặt ra bất kỳ điều

kiện nào ông ta thích với chúng

ta bởi vì ông ta chắc ý rằng

chúng ta sẽ không bao giờ từ bỏ

vị trí quân sự của chúng ta ở

Singapore. Ông ta tin, và có lẽ ông

ta đúng, rằng ông ta có thể

thắng cử dựa trên khẩu hiệu đòi

độc lập được kèm theo những

nhận xét cay đắng về người

Malay và người Anh, vốn là những

kẻ mà ông ta sẽ mô tả là

đang tìm cách phá hoại vị trí

ưu thế mà người Hoa ở Singapore

phải gian khổ lắm mới đạt được...

Tôi tin rằng về cơ bản, ông ta vẫn

muốn gia nhập liên bang Malaysia. Vì thế

chúng ta cần phải ép phía Malaya

thỏa đáp đầy đủ cho ông

ta về những vấn đề tương đối

nhỏ vẫn còn tồn đọng”

Lúc đó tôi tuyên bố công khai rằng tôi đã dành cho Sandys hạn chót đến ngày 12/9 “để giải quyết một số vấn đề liên quan đến Thỏa ước Malaysia”. Tôi đang chơi lá bài cuối cùng của mình để khiến những điều mà Tunku đã cam kết với tôi ở London được ghi vào hiến pháp hoặc một văn kiện đích thực. Người Anh e ngại sự đe dọa của tôi, nhưng sau khi gặp Razak và Ismail ở Kuala Lumpur, Geofroy Tory báo cáo lại vào ngày 5/9 là “không một ai bộc lộ bất kỳ lo ngại nào về việc thực hiện

đến cùng vụ thành lập liên

bang Malaysia cho dù Lee có làm gì đi

chăng nữa”. Hơn ai hết, Sandys đã

giận điên lên khi thấy mọi thứ

có thể hỏng bét vào phút

cuối, và ngày đó ông ta báo

cáo cho Harold Macmillan, Thủ tướng của

ông ta, với lời lẽ giận dữ:

“Ông ta nhận ra rằng tuyên bố của ông ta không

có giá trị pháp lý, và chính phủ Anh sẽ không

chấp nhận bất kỳ nỗ lực nào

của ông ta nhằm thực hiện quyền

lực mà ông ta cho rằng mình đã

nắm được. Mặt khác, hành

động công khai thách thức Anh và

Malaya này rõ ràng góp phần củng

cố thêm uy tín cá nhân mà ông

ta muốn tạo ra.

Ông ta không phải là con người chịu thua. Một

khi ông ta đã gắn bó mình với

một đường lối cụ thể và

đã chấp nhận một rủi ro đã

được tính trước một cách

cẩn thận, ông ta có thể thực

hiện nó đến cùng, dù thành

hay bại. Vì thế nếu chúng ta hạ

nhục ông ta công khai, tôi tin chắc ông

ta sẽ trả đũa bằng những hành

động thách thức mạnh hơn nữa

theo kiểu này hay kiểu khác, và

chúng ta có thể mau chóng rơi vào

thế phải đình chỉ hiến pháp.

*Nếu như việc chuyển giao chủ quyền của Singapore sang cho
liên bang Malaysia xảy ra vào lúc hiến
pháp bị đình chỉ, chúng ta sẽ
bị cả thế giới lên án là
đã chuyển giao nhân dân Singapore trái
với nguyện vọng của họ. Vì vậy,
theo ý tôi, cho dù có thể bị
coi là nhu nhược, thì làm mọi
chuyện trong khả năng để tránh
khỏi tình trạng ấy vẫn phù hợp
với quyền lợi của chúng ta hơn
cả.*

Trong mấy tuần gần đây Lee đe dọa rằng nếu
như chính phủ Malaya không cho ông ta
những gì ông ta đòi hỏi, ông
ta sẽ tổ chức các cuộc bầu cử

để giành lấy sự tín nhiệm
từ phía dân chúng. Hiện ông ta
đã làm vậy rồi. Nghị viện
Singapore đã bị giải tán. Ngày
công bố danh sách ứng cử đã
được định là ngày 12/9. Ngày
bỏ phiếu có thể là 10 ngày sau
đó (sau ngày thành lập liên
bang Malaysia).

*Cho đến bây giờ Lee vẫn chưa công bố những vấn
đề ông ta sẽ đấu tranh trong cuộc
bầu cử. Nhưng ông ta đang đe dọa
rằng trừ phi chính phủ Malaya thỏa đáp
cho ông ta về những điểm liên quan
tới Thỏa ước Malaysia, ông ta sẽ
tuyên bố độc lập vào ngày*

12/9 và sẽ yêu cầu các cử tri

Singapore tán thành điều này bằng

lá phiếu của họ.

Tun Razak quả quyết với tôi rằng chính phủ Malaya đã hứa không thể hủy bỏ việc thành lập liên bang Malaysia, và rằng họ sẽ thực hiện điều này đến cùng dù có bất kỳ chuyện gì xảy ra. Tôi tin rằng ông ta phát biểu ý kiến giùm hầu hết các Bộ trưởng, nhưng tôi cũng không hoàn toàn tin tưởng như thế về quan điểm của chính Tunku. Như tôi đã báo với ông trong một bức điện trước đó là ông ta đang đau khổ dūr dōi vì không thể quyết đoán được và dù tôi không chắc chắn, nhưng vẫn

có thể là vào phút cuối ông
ta sẽ từ chối tiếp nhận Singapore...

Điều này rõ ràng sẽ khiến
chúng ta phải đối mặt với tình
thế khó xử nhất mà lúc này
tôi sẽ không bàn tới.

*Với những viễn tượng khó chịu này, điều
quan trọng nhất là phải tránh xa, nếu
có thể được, việc đụng
đầu trực tiếp với Lee từ nay đến
ngày 16/9. Vì thế tôi đã hết
lòng thuyết phục chính phủ Malaya
nhượng bộ đến hết sức có
thể trước những đòi hỏi của
Lee liên quan tới hiến pháp của liên
bang Malaysia. Phần lớn những đòi hỏi*

đó đều có lý và dựa
trên những cam đoan được ghi nhận
khái lược của Tunku với Lee ở
London, cho dù phải thừa nhận là Lee
đang cố giải thích những lời cam
đoan này theo một kiểu có lợi
quá đáng cho ông ta.

Nhưng ngay cả
nếu như ông ta đạt được
mọi điểm ông ta muốn, tôi không
nghĩ rằng ông ta sẽ tiếp tục đưa
ra một loạt những đòi hỏi mới.
Vì thế tôi cho rằng khôn ngoan nhất
là chúng ta giả định sẽ gặp
rắc rối và chuẩn bị sẵn sàng
cho những điều tệ hại nhất.

Những nhượng bộ mà tôi hy vọng thuyết phục

được ở chính phủ Malaya có
thể khiến Lee êm thấm gia nhập vào
liên bang. Nhưng trừ phi tôi hiểu sai về
tính khí của ông ta, ông ta sẽ
lừa gạt, khùng bố, hăm dọa đúng
lúc. Trong những tình huống này,
theo tôi, tôi cần phải tỉnh táo.
Tôi hy vọng điều này sẽ cho phép
tôi:

1. Ngăn cản chính phủ Malaya đừng có một
thái độ khiêu khích hay quá
khích đối với Lee;
2. Cố giúp cả
hai bên đi đến một thỏa thuận;
và
3. Cùng cố

quyết tâm thành lập liên bang
Malaysia của Tunku nếu như ông ta có
biểu hiện dao động. Thật đáng
chê trách nếu chỉ trong vài ngày
tôi không làm được mọi việc
trong quyền hạn của mình để cứu
kế hoạch lập liên bang đừng bị
sụp đổ, và tránh được
mọi hệ quả mà nó sẽ dẫn
tới.

Do đó nếu như ngài tán thành, tôi dự định
ở lại đây cho đến khi chúng
ta thu xếp được vấn đề
Singapore một cách an toàn vào ngày
16/9. Trong trường hợp đó tôi có
thể lưu lại thêm hai ngày nữa để

ăn mừng việc thành lập liên bang.

Như vậy sẽ không cần thiết phải

tìm một đồng sự khác trong nội

các để đảm nhận việc này

nữa.”

Nhưng tôi không có ý định làm hỏng việc

thành lập liên bang. Từng thương

thảo trong nhiều hội nghị về hiến

pháp, tôi đã quá hiểu vấn đề vị

trí pháp lý: một khi đã gia nhập

liên bang, thì không chỉ quân đội và

cảnh sát nằm dưới quyền điều

khiển của Kuala Lumpur, mà Kuala Lumpur còn có

thể tuyên bố một tình trạng khẩn

cấp và cai trị bằng sắc lệnh. Vì

vậy tôi muốn càng có nhiều quy

định bảo vệ được ghi vào

hiến pháp hoặc được giải

thích rõ ràng trong các văn kiện

chính thức càng tốt để đề

phòng trường hợp chính quyền

liên bang quyết định làm một cái

gì đó ngu ngốc.

Người Anh đứng về phía tôi, và sức ép mà

tôi tạo được thông qua họ đã

có hiệu quả. Ngày 7/9 Bộ trưởng

Tư pháp Malaya và Razak đã tán

đồng tất cả những điều khoản

đang bàn bạc ngoại trừ việc trao

cho Singapore quyền bắt giữ những người

thuộc hội kín. Họ không muốn ghi

điều này vào hiến pháp và

tôi phải hài lòng với một thư

ủy quyền sơ sai. Ngày 11/9, tôi tuyên bố

là những bất đồng giữa chúng tôi đã

được giải quyết. Có thể nói

rằng bằng việc sử dụng chính

quyền thuộc địa để ép các

lãnh đạo Malaya, tôi đang gây ra

mối ác cảm và gieo mầm rắc rối

cho tương lai. Nhưng việc tuyên bố

độc lập đơn phương của tôi

là cần thiết để cảnh cáo

người Anh rằng tôi có thể gây

không ít khó khăn cho họ và Tunku nếu

như ông ta không thực hiện những gì đã hứa.

Những phương pháp của tôi đã

thành công, nhưng cũng phải trả một cái giá. Tunku và Razak đã

khắc sâu trong ý niệm của họ

rằng tôi là một kẻ khó điều

khiểm, và từ đó trở đi họ

sẽ luôn thận trọng khi đối phó

với tôi.

Vào đúng buổi sáng ngày công bố

danh sách ứng viên, tôi hoàn tất

chuyến đi diễn thuyết tranh cử cuối

cùng ở khu vực Mountbatten sau khi viếng

thăm ba khu vực bầu cử suốt đêm

trước. Tôi về nhà lúc 7 giờ

sáng thì nghe tiếng đột pháo

của lán giềng ở đường

Oxley. Họ biết cuộc chiến đấu sắp

tới là rất căng thẳng và đang

cổ vũ tôi. Sáu giờ sau khi kết

thúc việc công bố các danh sách

ứng viên, chính phủ tuyên bố

ngày bỏ phiếu sẽ là 21/9, nói

cách khác là năm ngày sau khi chúng

tôi gia nhập liên bang.

Nếu như việc thành lập liên bang

Malaysia không tiến hành, và sau đó Barisan thắng trong cuộc bầu cử, thì chúng tôi, Singapore, người Anh và

người Malay tất cả sẽ gặp rắc

rối. Chắc chắn điều này sẽ

khiến Tunku không còn cách nào khác

ngoại trừ hoàn tất việc thành

lập liên bang vào ngày 16 như đã

định, tôi lập luận như vậy.

Tôi cũng muốn phần lớn cuộc vận

động tranh cử sẽ xảy ra trong khi chúng

tôi vẫn còn kiểm soát được
cảnh sát và bộ máy chính
quyền cho các cuộc bầu cử, và
những người thuộc hội kín –
trong đó có Chua Hoe Ann, tay ủng hộ
chủ chốt của Lim Yew Hock – vẫn còn bị
bắt giữ. Trước đó tôi đã từ chối yêu
cầu phóng thích Chua của Tunku.

Hai hôm trước ngày thành lập liên bang Malaysia 16/9,
Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc U
Thant tuyên bố rằng theo đánh giá
chung của Liên Hiệp Quốc, đại đa
số dân chúng Sarawak và Sabah đều
muốn gia nhập liên bang Malaysia. Ngày kế
tiếp Indonesia và Philippine triệu hồi các
đại sứ của họ khỏi Kuala Lumpur và

tuyên bố rằng họ sẽ không công
nhận liên bang Malaysia, và vào ngày
16/9 những đám đông khổng lồ
tập hợp ở Jakarta để thể hiện
một cách có tổ chức “con
thịnh nộ của quần chúng”, sau đó
đưa ra một kiến nghị yêu cầu
phản đối về mặt ngoại giao.

Hàng nghìn người biểu tình, gào to “hủy
bỏ việc thành lập liên bang Malaysia”,
tấn công tòa đại sứ Anh và
Malaya. Họ xông vào tầng một tòa
đại sứ Anh phá hủy đồ đạc,
và sau 90 phút ném gạch đá từ
ngoài vào, đã làm vỡ tan mọi
cửa sổ. Dù gạch đá rớt

quanh người, tay phụ tá tùy viên

quân sự người Anh trong bộ quân

phục thiếu tá SAS³² cứ diễu hành tới lui, thối cây

kèn trước mắt những người

bạo loạn. Cảnh sát cố lôi ông

ta nấp sau cây cột, nhưng ông ta cố

vùng ra để tiếp tục chơi. Khi viên

đại sứ Anh, Andrew Gilchrist, xuất hiện

và được các đại biểu

quần chúng thông báo rằng họ sẽ

chiến đấu cho tự do của nhân dân

Bắc Borneo thoát khỏi chủ nghĩa đế

quốc, ông ta hưởng ứng: “U Thant

muôn năm!” và nói bằng tiếng

Indonesia chỉ ra rằng Liên Hiệp Quốc đã

tán thành việc thành lập liên

bang Malaysia. Những hành động thách

thức này của người Anh đã

khiến người Indonesia nổi giận, họ

đốt tòa đại sứ, cướp

phá nó hai ngày sau đó và xô

xát với các thành viên Bộ

Ngoại giao, trong đó có cả viên

đại sứ. Người Indonesia cũng tấn

công tòa đại sứ Malaya, nhưng

không có viên đại sứ ở đó.

Để đáp lại, những đám

đông giận dữ đã cướp

phá tòa đại sứ Indonesia ở Kuala

Lumpur.

Ngày 16/9, chúng tôi tổ chức một buổi lễ thứ
nhì, lần này có Sandys đại diện
cho người Anh, và Ismail đại diện
cho Malaya, đứng với tôi trên bục
thềm Tòa Thị chính khi tôi tuyên
bố Singapore là một phần của liên bang Malaysia và tuyên
thệ sự trung thành của nhân dân
bang đối với chính quyền liên
bang. Tunku không hề
biết rằng hôm đó là sinh nhật
lần thứ 40 của tôi. Nếu biết, hẳn
ông ta đã đổi ngày – sinh
nhật của tôi không thể là ngày
may mắn cho ông ta. Sáng hôm sau, tôi
bay sang Kuala Lumpur dự buổi lễ chính thức
tại sân vận động Merdeka. Không

khí tràn đầy sự đe dọa từ
cuộc chiến “Đổi đầu”
của Sukarno, và tất cả các Bộ
trưởng của Tunku đã cảm nhận
được nỗi sợ hãi của ông
ta về những chuyện ông ta sắp phải
làm. Trên đường đến sân
vận động, tôi tình cờ gặp
Selkirk trong bộ lễ phục màu trắng xứ
nhiệt đới, chuẩn bị cho lần xuất
hiện cuối cùng của ông ta trong cương
vị Tổng ủy viên Anh ở Đông
Nam Á. Trông ông ta cũng hơi căng
thẳng và lo lắng, nhưng tôi thấy
an lòng về quyết tâm của người

Anh mà tôi cảm thấy nó rất mạnh

mẽ và chắc chắn. Tôi tin rằng họ

sẽ thực hiện đến cùng việc

thành lập liên bang Malaysia cho dù Sukarno

có làm gì đi nữa.

Xong buổi lễ, tôi bay trở về Singapore và tiếp tục

chiến dịch tranh cử trong bốn ngày

tới. PAP đưa ra ứng cử viên trong

tất cả 51 khu vực bầu cử, Barisan và

UPP là 46, Đảng Liên hiệp Singapore 42,

Đảng Partai Rakyat 3, Đảng Công nhân 3, và những người độc lập là 16.

Tất cả các đảng phái được

chia thời gian trên đài truyền thanh và truyền hình tương xứng với số lượng ứng cử viên của họ. Thật kinh

ngạc với tốc độ một thành

phố tương đối lặng lẽ bất

chợt trở nên sống động với
những người hăm hở chạy vòng
quanh, dán bích chương, treo biểu ngữ
và phân phát những truyền đơn.

Cuộc vận động của PAP là tốt
đỉnh của các chuyến viếng thăm
các khu vực bầu cử của tôi trong
mười tháng qua, và Keng Swee thuyết
phục ủy ban bầu cử rằng tôi phải
là tiêu điểm. Tôi là mục tiêu của
sự phản nộ của MCP, và phản ứng của PAP sẽ mạnh mẽ hơn
nếu nó được xây dựng quanh cá nhân tôi nhằm cho dân chúng
thấy rằng phe chống đối đã
thất bại trong việc tiêu diệt tôi.
Chúng tôi có duy nhất một mẫu

bích chương vận động, đó là bức hình tôi chụp trong một
lần viếng thăm khu vực bầu cử,
trong đó tôi được choàng một
vòng hoa khổng lồ của người Ấn,
cánh tay phải tôi đưa lên, mím
cười và vẫy chào đám đông.

Barisan dán những bích chương in hình các lãnh tụ
bị bắt giữ của họ, đặc biệt
là Lim Chin Siong, đề gọi lên lòng
trung thành và thu được lá phiếu
đồng tình. Một khi chiến dịch
được tiến hành, tất cả những
người ủng hộ của họ túa ra
để vận động phiếu, và những
tổ chức bí mật của họ, những
nhóm mặt trận liên kết đã

xuất hiện để đổ vào cuộc

vận động mọi thứ mà họ có

thể huy động được. Họ tổ

chức những cuộc mít–tinh lớn để

tuôn ra những lời phi báng chống lại tôi và – thêm một điều mới là

– trút ra lòng căm thù chống

lại những kẻ phản động cánh

hữu, ấy là Tunku và tầng lớp

phong kiến Malay. Bốn ngày trước cuộc

bầu cử, tiến sĩ Lee Siew Choh lặp lại

sự chống đối của ông ta đối

với việc thành lập liên bang Malaysia

và đứng về phía Indonesia chống

lại Tunku. Điều này khiến sự cảnh

báo trước đó của chúng tôi

rằng một lá phiếu cho Barisan chính

là một lá phiếu cho Sukarno càng

đáng tin hơn. Tại một cuộc

mít–tinh lớn vào buổi trưa, tôi đưa ra dự đoán

rằng những người cộng sản sẽ

rút vào bí mật sau khi chúng tôi

thắng cử. Đúng như mong đợi,

cuộc bầu cử là cuộc chiến giữa

Barisan và PAP.

Tuy nhiên buổi phát thanh trước ngày bầu cử của

tôi lại tập trung vào việc kêu

gọi đừng bỏ phiếu cho Đảng

Liên Hiệp Singapore để giảm thiểu

sự phân hóa số phiếu của những

người phi cộng sản. Lúc này MCA

biết là họ không thể thắng và

mong muốn Barisan thắng để Kuala Lumpur có thể
đình chỉ hiến pháp bang, tiến hành cai trị trực tiếp và
tiếp quản mọi thứ – một giải
pháp đơn giản nếu không nói
là ngây thơ đối với một vấn
đề thuộc loại phức tạp nhất.

Chính phủ Singapore sẽ nắm một ngân
sách bằng một nửa ngân sách
trung ương, và một đài phát
thanh và truyền hình có tầm cỡ
hơn của Kuala Lumpur. Nếu tất cả nằm
trong tay lực lượng cộng sản với
mối liên kết với đảng Cộng
sản Indonesia, chúng hẳn sẽ mang lại
tai họa cho liên bang Malaysia. Những điều
khoản bảo vệ hợp hiến mà chúng

tôi đã thỏa thuận sẽ chỉ có
tác dụng nếu như PAP nắm quyền.

Sự chọn lựa dành cho nhân dân
thì rõ ràng và đơn giản.

Phillip Moore báo cáo cho London:
"... *Hiện có rất ít những quan sát viên*

*độc lập có dự đoán một
cách tin tưởng về một đại đa
số của PAP trong Hội đồng lập
pháp, có nghĩa là 26 ghế hoặc
hơn... Sức mạnh của PAP có lẽ
nằm trong chính phủ vững mạnh hiệu
quả cao mà họ đã thực hiện
được ở Singapore trên 18 tháng
qua.... Nhược điểm của PAP chủ
yếu nằm ở việc thiếu tổ chức*

đảng của họ trong các khu vực bầu cử và đặc biệt là trong các cử tri nói tiếng Hoa, chiếm tới 63%... Nhưng bản thân Lee lại tỏ ra rất tin tưởng qua điện thoại với tôi hồi chiều nay. Tuy nhiên ông ta rất giận Tunku vì đã đến Singapore ngày hôm qua (19/9) và can thiệp vào chiến dịch tranh cử.

Riêng tôi vẫn cho rằng PAP sẽ chiếm được đa số, nhưng hầu hết những người mà tôi tin nhiệm về nhận định chính trị thì ít lạc quan và không cho là PAP sẽ chiếm nhiều hơn 20 tới 24 ghế. Đảng Barisan Sosialis không thể thất bại hoàn toàn... Tuy nhiên, cho dù Barisan Sosialis có theo đuổi những

chính sách tương đối ôn hòa

ở Singapore, thì thật khó để

thấy làm thế nào chính quyền

trung ương có thể chịu để họ

nắm quyền ở Singapore trong một thời

gian dài.”

Việc Tunku xuất hiện trực tiếp để phát biểu

tại các cuộc mít-tinh của Đảng

Liên hiệp Singapore là một biến chuyển

quan trọng nhất. Cho dù ước muốn

cá nhân của ông ta là gì, thì

ban lãnh đạo UMNO và các thế lực Malay ở địa

phương đã nhanh chóng đưa ông ta vào chính

trường Singapore. Razak cũng đã nói

chuyện với Selkirk hồi mấy tháng trước

về khả năng của “các cuộc

bầu cử làm nảy sinh ra một chính

phủ khác để thay thế Lee”.

Tất cả những điều này có

nghĩa là UMNO không có ý định

cho phép tiểu bang này được tự quản

như chúng tôi đã thỏa thuận,

và có lẽ chẳng mấy chốc nữa

chúng tôi sẽ phải lao vào chính

trường Malay a để bảo vệ quyền

lợi của chúng tôi. Tôi hy vọng hoãn cuộc đấu tranh ấy được ít

nhất là một nhiệm kỳ nữa. Hiện

giờ điều đó có vẻ như

khó có thể đạt được.

Người ta kiểm phiếu vào ngày 21/9, và đó là

một đêm đầy hồi hộp vì

trong nhiều khu vực bầu cử kết quả

rất ngang ngửa. Chin Chye thắng tiến sĩ

Lee Siew Choh 89 phiếu và Raja hơn đôi

thủ chưa tới 200 phiếu. Kenny thua S.T. Bani

của Barisan 150 phiếu. David Marshall, bị Barisan bỏ rơi, đã mất
chỗ đứng

của ông ta ở Anson. Những hy vọng của Lim Chin Siong, Fong
Swee Suan và những người bị bắt giữ

khác nằm trong nhà tù Changi, đang theo dõi mọi chuyện qua
radio, đã nhanh chóng tiêu tan khi rõ ràng rằng

PAP không bị thất bại toi tả, rằng

những đám đông khổng lồ có

mặt tại các cuộc mít-tinh của

Barisan đã không phản ánh đúng

đến sự ủng hộ của quần

chúng. Chúng tôi chiếm được

37 ghế, Barisan 13 và UPP của Ong Eng Guan 1. Như

một người trong số họ sau này đã

thừa nhận, Barisan hoàn toàn bị bắt
ngờ.

Giấc mơ của Tunku về một chính phủ Liên hiệp
SPA – UMNO – MCA – MIC để nắm
quyền ở Singapore cũng tiêu tan. Tất cả
42 ứng viên của họ đều bị
thất cử. Tôi đã làm đúng
khi không đồng ý một cuộc thanh
trừng hoàn toàn những lãnh tụ
mặt trận công khai của những người
cộng sản, nếu không thì Đảng
Liên hiệp có thể đã đạt
được đủ số ghế để
tiếp tục là một thế lực mạnh.
Nhưng cú sốc dữ dội nhất đối
với Tunku là PAP đã đánh bại

UMNO trong cả ba khu vực bầu cử toàn

những cử tri Malay mà chính ông ta đã

đích thân đến để diễn

thuyết vào ngày hôm trước khi

bầu cử. Đối mặt với việc

chọn lựa giữa một Đảng Liên

hiệp yếu ớt, một Barisan mạnh mẽ

và một PAP đáng tin cậy, những

người Malay ở các đảo phía

Nam, Kampong Kembangan và Geylang Serai đã bỏ

phiếu cho PAP. Chúng tôi có những ứng

viên người Malay đầy năng lực,

giỏi nhất trong tất cả là Yaacob bin

Mohamed. Kết quả này rồi sẽ đưa

đến hậu quả nghiêm trọng. Phải

đến khi kết thúc cuộc bầu cử
ở Malaysia vào tháng 4/1964 chúng tôi
mới biết được UMNO đã xem
chiến thắng bất ngờ này của PAP
như một điềm gở như thế nào
và những phản ứng của họ sẽ
tai hại ra sao.

Sau khi tất cả
các kết quả được công bố,
và đã quá nửa đêm, tôi
tổng kết trên đài truyền thanh và
truyền hình về bốn năm rưỡi
đầy xung đột gay gắt và lo âu:
“Sáng nay chúng ta đã đạt
tới một kết quả mà đối với
người cộng sản, đó sẽ là

giây phút của sự thực – những
sức mạnh quân chúng của họ chỉ
là huyền thoại.” Những khẩu
hiệu, áp phích của họ dán khắp
nơi nhằm làm lóa mắt mọi người
và tạo một ấn tượng về lực
lượng và sự bất khả chiến
bại của họ – “chính các
cử tri đã làm cho điều đó
bị phơi bày”. Ngày hôm sau,
22/9, Moore báo cáo với London:

*“Đây là một chiến thắng vang dội và là
thành tựu đầy vinh quang trong sự
nghiệp của Lee tính cho đến nay. Chiến
thắng này mang tính quyết định
hơn chiến thắng hồi năm 1959, vì*

*hồi đó ông ta có được
sự ủng hộ của cộng sản, nhưng
trong trường hợp này ông ta công
khai chiến đấu chống lại cộng sản
và rõ ràng đã đánh bại
họ...*

*Chúng ta luôn nói ở Singapore rằng Lee Kuan Yew là người
duy nhất có thể điều hành thành
phố này và rằng chính phủ
Malaysia sẽ phải hợp tác với
ông ta, hoặc bỏ tù ông ta. Cách
đối phó thứ hai hiện nay là
không thể được và chúng ta
nên hy vọng rằng sự tiết chế cần
thiết sẽ được thể hiện ở
cả hai phía để đạt được
một sự hợp tác có hiệu quả.*

Sáng nay Lee có nói chuyện với tôi
trên điện thoại và tôi nhận
cơ hội này đã nhấn mạnh với
ông ta về tầm quan trọng của việc
không tỏ ra quá hào hứng trước
thất bại của Đảng Liên hiệp
và tập trung vào việc cải thiện
tình hữu nghị với Kuala Lumpur. Ông ta
đã gây ra quá nhiều lỗi lầm
trong vấn đề này trước đây
và ông ta có nhiệm vụ phải có
một nỗ lực thực sự nhằm tạo
dựng một mối quan hệ mới."

Ba người đóng vai trò quan trọng trong cuộc chiến đấu
công khai này. Raja thật tuyệt vời. Tinh thần
chiến đấu của ông ta không bao giờ

giảm sút. Sau khi Barisan tấn công chúng

tôi vào giữa năm 1961, khi mọi thứ

có vẻ bi quan và chúng tôi đang

chìm sâu trong nỗi tuyệt vọng, thì

Raja đã gào lên như một con sư

tử. Khi họ phỉ báng PAP như những

kẻ trở mặt và phản bội bán

rẻ nhân dân, Raja đã đáp

lại bằng những lời lẽ cay độc,

bác bỏ và vạch trần họ. Ông

ta đã tận dụng kỹ năng viết

truyền đơn của mình, và sức

mạnh của ông ta đã củng cố

tinh thần của mọi người, ông ta

tin chắc rằng chúng tôi đúng,

rằng chúng tôi phải chiến đấu,

và chúng tôi sẽ chiến thắng.

Kể đến là Pang Boon – nói năng nhẹ nhàng và

điềm đạm, trung thực và đáng

tin cậy, rất giỏi trong việc đánh

giá ai trong các chi bộ và trung ương

PAP là người trung thành. Ông ta đoàn

kết những người trung thành của

chúng tôi lại với nhau và giữ

được thiện tâm, nên chúng

tôi có được những đảng

viên Hán học trở thành hạt nhân

của tổ chức bầu cử. Cùng với

những thủ lĩnh quần chúng, lực

lượng này đã bù đắp

cho những gì đã bị những kẻ

ủng hộ Barisan phá hủy sau khi PAP phân

hoá.

Nhưng nhân vật hậu trường quan trọng nhất của tôi

là Keng Swee, với ngòi bút sắc bén

và đầu óc sáng suốt của

ông ta. Ông ta đã giúp tôi hoàn

chỉnh những chiến thuật để giành

chiến thắng. Trước mỗi thủ thuật

khôn khéo của đối phương,

chúng tôi đều vạch được

một biện pháp đối phó. Suốt

cuộc chiến đấu này và trong 21

năm tiếp theo cho đến khi ông ta về

hưu khỏi cương vị phó Thủ

tướng vào năm 1984, ông ta là một

cái tôi thứ hai của tôi, luôn là người hay hoài

nghi, luôn suy tính thiệt hơn về từng

kế hoạch đề xuất để tìm

ra những thiếu sót của nó hầu

giúp tôi điều chỉnh lại. Ông

ta là một trí thức phụ tá rất

xuất sắc của tôi và là một

chiến sĩ dũng cảm. Vẫn còn có

nhiều đảng viên trung kiên khác

nữa, nhưng đó là ba người

nổi bật.

33 CUỘC

CHIẾN ĐỐI ĐẦU

Cuộc bầu cử

năm 1963 là một cái mốc đối

với những người cộng sản. Ngay sau

khi có kết quả, hai đảng viên

Barisan đắc cử – Chan Sun Wing, nguyên thư ký nghị viện của tôi, và

Wong Soon Fong, kẻ đã phá tan Lữ đoàn Công chính – đã rút vào

bí mật. Hẳn họ cho rằng sẽ bị

bắt giữ một khi Barisan thất bại. Nhưng lúc này chúng tôi bận lo chuyện

khác. Chúng tôi quyết định trừng

phạt làm gương những nhân vật

nổi bật đã đóng vai trò

bình phong cho cộng sản, những kẻ tin rằng của cải và địa vị của

họ trong cộng đồng nói tiếng Hoa

sẽ cho họ sự miễn trừ khỏi các

biện pháp an ninh. Đứng đầu danh

sách đó là Tan Lark Sye, khi ấy là

chủ tịch danh dự của Phòng thương

mại Hoa kiều và là người sáng

lập đại học Nanyang. Trước đó

tôi đã tự lưu ý là sẽ

đối phó với ông ta một khi chính

phủ đủ mạnh về mặt chính

trị. Hiện chúng tôi không cần

thiết phải chịu đựng việc ông

ta tuyên bố hùng hồn đường

lỗi cộng sản trên báo chí, sử dụng vị trí của ông ta trong giới kinh doanh như một thứ lá chắn nữa.

Ngay sau ngày bầu cử, chúng tôi bắt đầu bãi bỏ quyền công dân của ông ta.

Hành động này trước đây chưa hề được nghĩ đến. Lúc đó chúng tôi e ngại sự giận dữ của các cử tri nói tiếng Hoa, đặc biệt khi báo chí viết bằng tiếng mẹ đẻ sẽ xuyên tạc vấn đề và làm cho nó có vẻ như nhằm chống lại các doanh nhân ủng hộ sự nghiệp văn hóa Trung Hoa. Giờ đã đến lúc đối phó với ông ta. Tan Lark Sye đã bơ vơ. Không có Lim Chin Siong và các nghiệp đoàn của

ông ta trợ giúp, không có những
kháng nghị trên báo chí, không
có những cuộc biểu tình. Chúng
tôi đã vô hiệu hóa ông ta
về mặt chính trị. Được báo
chí yêu cầu bình luận vào ngày
hôm sau, ông ta không có gì để
nói. Ông ta đã liều canh bạc và
đã thua. Ông ta không bao giờ lấy
lại được ưu thế của mình
nữa.

Vài ngày sau, tại cuộc họp buổi trưa tại quảng
trường Fullerton, tôi dọn đường
cho tình huống sau bầu cử và sau khi họp nhất. “Tôi cho ông Đặc
mệnh hai tuần. Nếu như ông ta vẫn
còn ở đây, xin vui lòng đi cho;

vấn đề an ninh không còn thuộc

quyền của tôi.” Tôi nói thêm

rằng hiện vấn đề an ninh đang nằm

trong tay chính phủ trung ương, và tôi phải cho Ismail biết về lai lịch của ông ta. Qua việc thăm vấn những người cộng sản đã bỏ trốn đến

các đảo Riau lân cận nhưng sau đó

trở về, những năm sau đó Sở

đặc vụ khám phá ra rằng ông

Đặc mệnh đã rời khỏi

Singapore ngay sau cuộc trưng cầu dân ý.

Ông ta đã lưu trú ở các

hòn đảo Riau của người Indonesia,

và từ đó điều hành các

cán bộ hoạt động bí mật

của ông ta thông qua các giao liên. Đi bằng phà hoặc thuyền máy giữa

hai đảo này mất khoảng từ hai đến

bốn tiếng đồng hồ, và rất

dễ dàng tránh bị phát hiện vì

những ngư dân giồng buồm tới lui suốt ngày. Vì vậy tôi không hề
cường

điệu khi cảnh báo rằng cuộc chiến

đấu chống MCP chưa kết thúc, rằng

họ sẽ tiếp tục chiến đấu

chống kẻ thù của họ bằng mọi

cách, và chúng tôi sẽ gặp khó

khăn và phức tạp khi đối phó.

Không có gì thay đổi, trừ một

điều: chúng tôi không còn điều

khiến lực lượng cảnh sát nữa.

Điều này đã được hiểu rõ ra vào

ngày hôm sau khi Sở đặc vụ, hiện

dưới quyền chính phủ Liên bang

bắt giữ 20 sinh viên đại học

Nanyang, ba người trong số họ đã

chiến đấu thất bại trong cuộc bầu

cử với tư cách ứng viên của

Barisan. Các sinh viên trong khu đại học nổi loạn, và một đám đông

khổng lồ những sinh viên này đã

tấn công đoàn hộ tổng đang

áp giải tù nhân. Hai xe cảnh sát

thuộc tổ chống bạo loạn đang đợi

bên ngoài cổng, và cảnh sát

dùng loa phóng thanh ra lệnh cho những người biểu tình giải tán.

Khi họ

không chấp hành, tổ chống bạo

loạn ập vào, các sinh viên ném

chai và gạch đá vào họ, làm

bị thương hai tài xế.

Họ chưa biết được rằng Sở đặc vụ hiện
làm theo lệnh của chính phủ mới
ở Kuala Lumpur, dựa trên một đa số
người Malay không có sự nhân
nhượng trong việc đối xử với
những sinh viên người Hoa. Vài nghìn công nhân từ bảy nghiệp
đoàn
SATU lớn – những nghiệp đoàn đã
được yêu cầu trình bày
nguyên nhân tại sao không thể xóa
bỏ việc đăng ký hoạt động
của họ – được đưa tới
dự mít-tinh trong khu đại học
trên hơn 100 xe tải và xe buýt. Họ vẫn hành
động như thể những cuộc biểu

tình lớn sẽ đe dọa được

chính phủ. Các thành viên của

Nghịệp đoàn Lao động căn cứ

Hải quân tiến hành đình công

dưới sự chỉ đạo của những

người ủng hộ Sidney Woodhull (ông này hiện bị giam cầm), và 500 sinh viên đại học Nanyang ngồi ở Padang đối

diện Tòa Thị chính trong khi các

lãnh tụ của họ đưa ra một

bản kiến nghị gồm sáu điểm

cho Chin Chye. Họ ăn nói cứ như thể

Barisan sắp sửa chiến thắng và thành lập chính phủ kế tiếp. Ngày hôm

sau, công nhân trong các công ty xe buýt và trong nhiều hãng có nghịệp đoàn đã liên kết với SATU

kêu gọi một cuộc tổng đình

công hai ngày.

Vài giờ trước khi nó bắt đầu, 14 nhân viên của
SATU bị bắt giữ, trong đó có
S.T. Bani, người đã thắng Kenny Byrne ở
khu vực bầu cử Crawford. Rồi một đám đông hàng nghìn công nhân
cố
diễn hành từ Padang tới trụ sở
Bộ Nội vụ, nhưng đã bị đội
chống bạo loạn giải tán, và đến
tối, một vài nghiệp đoàn bắt
đầu tách khỏi cuộc đình
công. Những kẻ trung lập dần lấy
lại can đảm. Họ có thể thấy
chẳng có hứa hẹn gì trong việc
chơi những trò cũ. Khi cuộc đình
công yếu dần, các lãnh tụ kêu
gọi ngưng đình công.

Nhưng thế cuộc đã thay đổi. Woodhull và Puthucheary đã được phóng thích vào ngày

28/11. Họ tuyên bố rằng họ rời bỏ

các nghiệp đoàn và các hoạt

động chính trị mãi mãi.

Woodhull và Puthucheary là những người thuộc cánh tả, tự hào vì chính

họ là những người mác-xít.

Họ không phải là người cộng

sản; vì vậy họ sẽ không bao giờ

được kết nạp vào MCP. Họ

thiếu sự kiên định cần thiết

và sẽ là một mối nguy hiểm đối

với bất kỳ chi bộ nào có họ

tham gia. Họ làm chính trị theo kiểu tài tử chỉ thích không khí

tiệc tùng nơi họ có thể hò

hét diễn thuyết.

Bạo lực cũng đến từ một hướng khác. Vài ngày sau cuộc bầu cử, một tên phá hoại người Indonesia đã cho nổ hai quả bom cách nhau 72 tiếng đồng hồ ở bờ biển phía Nam gần công viên Katong. Cuộc đối đầu giờ đã trở thành hiện thực. Nhưng một diễn biến đáng ngại hơn đang bắt đầu.

Sau ngày bầu cử, Tunku đã biểu lộ sự tổn thương bởi những người Malay ở Singapore đã từng ủng hộ cho UMNO giờ lại bầu cho PAP. “Tôi cho rằng có một vài kẻ phản bội trong số các đảng viên, họ đã khiến dân chúng ở đây thay lòng đổi

dạ,” ông ta nói. Ngày 27/9, ông

ta đi xuống dự một cuộc mít–tinh

do đảng UMNO ở Singapore tổ chức tại Geylang Serai, một khu đông dân Malay, tại đó ông ta bắt đầu chỉ trích

“những người Malay nào đó”

(ý nói là thân PAP) đã “phản

bội UMNO” trong cuộc bầu cử. “Sau

này, tôi sẽ đóng một vai trò

then chốt trong các cuộc bầu cử,”

ông ta nói. Ông ta tiếp tục nói

rằng quyền hành của Singapore không còn nằm trong tay của ông Lee hoặc PAP

nữa, mà thuộc về chính quyền

trung ương ở Kuala Lumpur.

Đi cùng Tunku là Syed Ja’afar Albar, người muốn chắc chắn rằng những người Malay nào đã

bị “lạc lối” đi bỏ phiếu

cho chúng tôi sẽ được giúp
để trở về với dân tộc. Trong
bài diễn văn của mình, ông ta
cảnh cáo tôi rằng nhân dân có
thể chỉ bị lừa gạt một lần,
và thề rằng ông ta sẽ ổn định
lại Singapore vào thời điểm thích
hợp. Những lãnh tụ UMNO địa
phương bắt đầu nói bằng lời
lẽ hùng hổ. Hiện họ cảm thấy
họ là những ông chủ. Viên tổng
lãnh sự Hoa kỳ, Arthur H. Rosen, báo cáo với Washington rằng:
“Bằng bài diễn văn đầy hung bạo chống PAP với ngụ
ý phân biệt sắc tộc, Ja’afar
Albar đã khuấy lên sự căm phẫn”.

Họ đốt hình nộm của tôi

trước một đám đông đang

gào thét.

Lúc đó tôi không quan tâm lắm. Tôi nghĩ

đó chỉ là việc khích lệ

tinh thần của giai đoạn hậu bầu

cử. Hồi ấy tôi không hiểu sự

tinh tế trong cách nói của người

Malay, và phải mất chín tháng sau

tôi mới hiểu những ngụ ý thực

sự của nó. Không hề biết rằng

đây chỉ là khúc dạo đầu

của một chiến dịch căm thù đầy

cay đắng, mà nó sẽ đi đến

đỉnh điểm trong các cuộc bạo

loạn của người Malay và người

Hoa, nên tôi đã vui sướng nói

với đám đông tại cuộc

mít-tinh ở quảng trường Fullerton

rằng thời gian sẽ chữa lành những

thương tổn tinh thần. Tôi đã

phải nói một số điều tàn

nhẫn trước và trong khi bầu cử,

nhưng nhiệm vụ của tôi bây giờ

là tái lập mối quan hệ tốt đẹp

và tin cậy lẫn nhau với Kuala Lumpur. Hồi ấy tôi chắc là Singapore
sẽ náo

nhiệt lên với các hoạt động

công nghiệp và sẽ là trung tâm

phồn vinh của liên bang Malaysia. Tôi hứa rằng chính phủ sẽ hợp
tác với

chính quyền trung ương trên cơ sở

bình đẳng và công bằng, chứ

không phải như chủ với tớ.

Tôi vẫn đang nói về việc UMNO và PAP đấu

tranh chống kẻ thù chung, là MCP với những kẻ ủng hộ mặt trận liên

kết của họ và Indonesia của Sukarno, vốn đang chịu ảnh hưởng của cộng sản. Tôi không biết rằng

những người thay mặt cho Tunku, như

Albar, lại nghĩ khác. Họ để cho

người Anh bảo vệ họ chống lại

Indonesia. Đối với họ, quan trọng nhất là đối phó với kẻ thù bên trong – đảng PAP, mà nếu không

ngăn cản bước tiến của nó,

sẽ thu phục được cả những

người dân quê Malay ở lục địa

Malaya.

Nói chuyện tại Tòa Thị chính ngày 29/9, tôi phát

biểu: “Chúng tôi hiểu rằng trong hai thập niên kế tiếp, Thủ tướng của liên bang Malaysia phải là một người Malay. Có 43% người Malay, một dân tộc bản xứ, 41% người Hoa, 10% người Ấn và 6% các sắc tộc khác. Chúng tôi không có ý định giành lấy quyền lực ở Kuala Lumpur. Chúng tôi muốn hợp tác và làm việc vì lợi ích chung của liên bang Malaysia.”

Nhưng tôi đề cập đến các lãnh tụ MCA như Khaw Kai Boh và Tan Siew Sin một cách khinh thị và Tunku không tán thành điều đó. Hôm sau, ông ta phản ứng lại bằng cách nói rằng dù cho MCA đại diện cho Hoa kiều, họ không hề quên đi quyền lợi dân tộc, và khả năng của họ

trong việc đồng thời bảo vệ cả
hai đã góp phần đáng kể
vào thành công của đảng Liên
hiệp tại các cuộc bầu cử: UMNO,
MCA và MIC phải đoàn kết với
nhau. Ông ta ra hiệu rằng ông ta không có ý định bỏ rơi những
người bạn trong đảng Liên hiệp
của ông ta. Mãi cho đến gần một
năm sau tôi mới hiểu rằng nếu như
PAP muốn gia nhập vào đảng Liên
hiệp như một phần của một liên
minh thì nó phải chấp nhận vai trò
của MCA và thuyết phục người Hoa
hợp tác vì quyền lợi dân tộc
đối với chương trình của UMNO

hơn nữa, mà cơ bản là sẽ

giúp đỡ nhân dân Malay.

Đánh giá của Geofroy Tory về những xu hướng chính trị này trong Liên bang mới được

tổng kết một cách ngắn gọn trong

bản báo cáo gửi cho Duncan Sandys ngày 5/10:

“Nhưng vị

trí của đảng Liên hiệp về

lâu dài chắc chắn là không vững

chắc. Ông Lee đã chứng tỏ trong

các cuộc bầu cử mới đây ở

Singapore rằng ông ta có thể liên kết tất cả những người phi cộng sản

ở Singapore, kể cả người Malay, vào một mặt trận chung khiến đảng Liên

hiệp mất uy thế. (Tuy nhiên,) phần lớn thành công của ông ta có được

là nhờ ông ta đóng vai trò

người bảo vệ cho quyền lợi của

*Singapore chống lại Malaya; vì thế không chắc nó mang lại cho
ông ta nhiều uy tín ở một nơi nào đó trong*

Liên bang.

Mặt khác, nếu câu chuyện về những mối bất bình
chủng tộc đối với những chính
sách quá cực đoan của UMNO trở
nên quá dài, và nếu như vì
lý do này hay lý do khác mà cánh
người Hoa thuộc đảng Liên hiệp
trở nên suy yếu hơn, thì một lực
lượng đối lập của người
Hoa có cơ sở trên vùng bờ biển
Tây Malaya, nhưng với sự giúp đỡ
của các đảng phái đối lập
khác của liên bang Malaysia, có thể

bắt đầu phát triển. Một khi cảm
thấy có báo động nghiêm trọng,
người Malay chắc chắn sẽ không bị
các hình thức hợp hiến ngăn cản
việc bảo vệ vị trí của họ,
ngay cả nếu như họ phải trả một
giá cay đắng là đánh đổi
một nền dân chủ đại nghị ôn
hòa tương đối sáng sủa hiện
nay của họ để lấy một nền
dân chủ bị giám sát chặt chẽ
hơn.”

Geofroy Tory đã có cái nhìn tiên liệu. Không
ít thì nhiều ông ta đã đoán
được những gì sẽ xảy ra vào
năm 1965, khi Hội nghị đoàn kết

Malaysia đã tập hợp các đảng

phái đối lập lại với nhau.

Đầu tháng 10, tôi và Choo lái xe lên vùng cao nguyên Cameron nghỉ mát hai tuần. Khí hậu miền núi và tình trạng

tương đối cách ly đã giúp

tôi trù tính vị trí của chúng

tôi dưới một chế độ mới.

Trong nửa tháng đó, tôi chơi gôn,

thường là một mình. Đi dạo

vòng quanh sân gôn chín lỗ cùng

Choo, tôi suy nghĩ về những vấn đề

mình cần phải giải quyết ngay. Chúng tôi đối mặt với mối nguy từ

phía Indonesia, nhưng lúc này chúng tôi đã ngăn chặn được

cộng sản. Họ bị bất ngờ, cố

tránh lôi cuốn sự chú ý, nghe

ngóng tình hình mới. Họ biết

Kuala Lumpur quyết tâm tiêu diệt họ.

Chúng tôi cũng phải thích nghi với chính phủ trung ương hiện đang công khai bênh vực

cho quyền lợi của người Malay. Điều này chúng tôi chỉ có thể dàn xếp được nếu như người

Hoa, Ấn và các sắc tộc khác có

được đủ điều kiện để

sinh tồn. Tuy nhiên, khi tôi gặp Tunku năm ngày trước, tôi đã đề

lại trong ông ta một tâm trạng dễ

chịu, và một số vấn đề có

về như được giải quyết một

cách thân thiện, bất chấp mọi

điều đã xảy ra. Ông ta nói

đến việc đóng cửa ngân hàng

Bank of China và Bank Negara Indonesia (ngân hàng quốc gia Indonesia) tại Singapore, nhưng nói thêm rằng ông ta chưa có bất kỳ

một quyết định dứt khoát nào

và muốn thảo luận lại vấn đề.

Tôi có thể nói với báo chí

rằng ông ta đã hứa cho phép các

ngân hàng đó mở cửa hoạt

động miễn là nhân sự điều

hành trong đó không phải là các

viên chức chính phủ từ Trung Quốc

và Indonesia.

Sau khi về Singapore ngày 14/10, tôi gặp Philip Moore và nói với ông ta tôi đã đề nghị

rằng một trong hai thượng nghị sĩ

của chúng tôi tại nghị viện liên

bang phải là người Malay. Tunku đã

rất hài lòng và đề nghị

Ahmad Haji Taff, lãnh tụ UMNO ở Singapore, và tôi đã đồng ý.

Viên thượng

ngiht sĩ kia sẽ là Ko Teck Kin.

Tunku cũng muốn chúng tôi đóng cửa phái bộ
thương mại của chúng tôi ở
Jakarta, và dù không nhiệt tình,
chúng tôi đã triệu hồi người
đại diện thương mại ở đó,
chỉ để lại một nhân viên cấp
thấp. Riêng Moore e rằng chúng tôi
đang có những cuộc mật đàm
với người Indonesia ở Singapore để
tìm cách bãi bỏ lệnh cấm vận
mà họ đã tuyên bố. Tôi cam
đoan với ông ta rằng các cuộc
thảo luận chỉ diễn ra giữa các
thương gia Singapore với các viên chức phía bên kia, chứ không
phải với

các viên chức chính phủ Singapore.

Tôi thêm rằng tôi vui với cách

mà mọi chuyện được tiến hành

với Ismail. Hoạt động an ninh của Kuala Lumpur ở Singapore diễn ra tốt đẹp.

Ismail điện báo với tôi về việc

bắt giữ theo kế hoạch các lãnh

tự nghiệp đoàn SATU và yêu cầu

tôi xác nhận rằng việc này sẽ

được chính phủ Singapore ủng hộ.

Tôi đã bảo đảm với ông

ta. Sau đó chúng tôi trao đổi thư

từ với nhau, nhờ đó tôi nắm

được tình hình an ninh nội chính,

các cuộc họp thường lệ vào

sáng thứ Bảy của tôi với cảnh

sát và Sở đặc vụ vẫn tiếp

tục.

Đó là một thời kỳ yên tĩnh bề ngoài. Hội

đồng Lập pháp mới đã tuyên

thệ vào ngày 22/10 và dự luật

đầu tiên được thông qua là

dự luật về bầu cử vào Hạ

ngị viện ở Kuala Lumpur. Nó được

biểu quyết bằng miệng và chúng

tôi chọn 12 dân biểu PAP và ba dân

biểu Barisan. Khi tôi lên đường đi

dự cuộc họp khai mạc ngày 3/11, tôi mô tả vai trò của PAP trong
ngị viện liên bang như là một “đảng

phái trung lập’ – một phe đối

lập trung thành, thân thiện và phê

phán, không như đảng Barisan hay Mặt trận Xã hội Malayan, có

xu hướng

phá hoại và không trung thực”.

Trong khi ở Kuala Lumpur, tôi đồng ý với Tunku là chúng tôi nên chấp

nhận một cuộc viếng thăm chính

thức của Quốc trưởng, đức vua

của liên bang Malaysia, và khi ông đến, ông ta đã được tiếp đón

long trọng theo nghi thức. Tunku là một kẻ

rất coi trọng không khí huyền thoại của hoàng gia.

Riêng tôi không hoàn toàn thoải mái trong thời gian lưu tại thủ đô liên bang. Tunku quá bận rộn nên không thể thảo luận

hiệu quả với tôi về mối quan hệ

giữa hai bên, và trong khi đó một

mối bất hòa lại tái diễn. Trong

khi tường thuật lại cuộc tấn công

gần như không che đậy của Albar

nhắm vào tôi, báo chí Malay đã

chửi đích danh Alex Josey vì đã

viết một bài báo miêu tả tôi

như một lãnh tụ của bốn triệu

người Hoa trong liên bang Malaysia. Điều này đã gây mối bất hòa

đặc biệt. Razak cũng phê phán tôi

vì đã mô tả PAP như một

đảng phái trung lập, thân thiện

nhưng hay chỉ trích – làm sao mà

chúng tôi có thể là cả hai

được?

Để trả lời sự phản bác của Razak đối với

việc tôi cho PAP là một đảng phái

trung lập, tôi hỏi Tunku là các nghị

sĩ của chúng tôi sẽ ngồi chỗ

nào trong Hạ nghị viện. Ông ta đề

nghị rằng một vài người trong số

12 nghị sĩ PAP ngồi cùng phía chính phủ và những người còn lại
ngồi với phe đối lập. Chúng tôi
đang trong vị trí không rõ rệt.

Trong chuyến trở về Singapore, tôi nói với Moore rằng mối quan hệ
của chúng tôi với Tunku và UMNO sẽ phải được

giải quyết theo cách này hay cách

khác trong vòng hai hay ba năm của cuộc bầu cử liên bang sắp tới.
Tunku sẽ

phải quyết định hoặc bỏ MCA và

hợp tác với PAP, hoặc đấu tranh

với PAP để nắm quyền kiểm soát

các thành phố của Malaya.

Không phải là chúng tôi bỏ quên vùng nông
thôn. Ngày 21/12 tôi phát biểu lần
đầu tiên tại Hạ nghị viện

trong một cuộc tranh luận về ngân sách của Tan Siew Sin. Tôi phê
phán là nó không bao quát rộng khắp những vấn

đề của Liên bang. Nó có lợi

cho việc kinh doanh lớn thường tập trung tại các thành phố, nhưng không

có lợi cho dân nghèo ở nông

thôn. Tôi nhấn mạnh sự cần thiết

trong việc đem lại phồn vinh cho những vùng nông thôn, nơi mà đa số

người Malay sống bằng nghề nông.

Trước đây các lãnh tụ đảng

phái đối lập ở Malaya không đề

cập đến những chuyện này; chúng

tôi đã áp dụng tư tưởng

Fabian³³ vào những vấn đề của liên

bang Malaysia và tin rằng đây là giải pháp.

Moore báo cáo với London rằng Keng Swee, người trước đây đã nghi ngờ về viễn cảnh

của chúng tôi trong Malaya, hiện đang tin chắc rằng trong khoảng

chừng một năm, PAP sẽ đánh bại Mặt trận

Xã hội Malaya và MCA. Với Singapore hiện đang là một phần của liên bang

Malaysia, những báo cáo của Moore được gửi qua viên Cao ủy Anh mới ở Kuala Lumpur là Tử tước Head, người thay

thế Geofroy Tory. Antony Head có một tính cách khác hẳn người tiền nhiệm

của mình. Ông ta là người có

ảnh hưởng lớn về mặt chính

trị. Là học viên của Học viện

quân sự hoàng gia, ông ta đã

được tặng thưởng Huy chương

chữ thập quân công trong Thế chiến

thứ hai và là một lữ đoàn

trưởng khi ông ta đặc cử vào

Hạ nghị viện năm 1945. Ông ta trở

thành Bộ trưởng Quốc phòng trong

nội các của Anthony Eden lúc xảy ra vụ xâm chiếm kênh Suez³⁴, và đã từ chức khi cuộc xâm

chiếm thất bại. Ông ta được

đưa vào Thượng nghị viện với

tư cách một Tử tước. Bà vợ

Dorothy của ông ta có một nghị lực

phi thường, hoàn toàn không có

tài ngoại giao và công khai quan tâm tới chính trường. Head đã từng

là Cao ủy Anh ở Nigeria ba năm và bà vợ rất thích các loài chim châu

Phi. Một số những con chim đó đẹp

một cách lộng lẫy và kỳ lạ,

trong đó có những con sếu mào

vàng rực rỡ, đi lang thang khắp nơi và vào cả phòng khách của

dinh Carcosa, nơi ở của họ tại Kuala Lumpur, và ia bay lên những tấm

nệm phủ vải hoa tuyệt đẹp. Cả

hai vợ chồng đều phớt tỉnh. Họ

chỉ chùi mấy bãi phân bằng mớ

giấy rồi cứ tiếp tục nói chuyện.

Tôi mến cả hai và chúng tôi ăn

ý với nhau. Mỗi khi đến Kuala Lumpur, tôi đều dùng cơm trưa
hoặc

tối với ông ta và bà vợ lập

dị tuyệt vời của ông ta.

Head có một sự

am hiểu về những thăng trầm của

các dân tộc và các quốc gia.

Ông ta suy xét mọi việc đến cùng.

Trong khi người Anh kiên quyết giữ vững đường lối chống lại cuộc
tấn

công không ngừng hiện nay của Sukarno vào Borneo, thì ông ta lại
cảnh cáo tôi rằng cả Anh và Malaysia phải tiến hành những hoạt
động theo một

cách như thế nào để khi tất

cả những chuyện này qua đi, chúng

tôi có thể chung sống hòa bình

với người Indonesia, rằng nếu chúng tôi hạ nhục họ, thì sẽ làm

cho mối quan hệ trong tương lai khó khăn hơn. Sự thận trọng của người

Anh đã kéo dài xung đột, nhưng

nó lại khiến cho việc hòa giải

tiếp theo được dễ dàng hơn.

Khi Sukarno bị hất ra khỏi quyền lực vào năm 1965, tướng Suharto, lúc đó là người cai trị trên thực tế,

đã gọi các phái viên đến

Kuala Lumpur và Singapore để thiết lập liên lạc và bắt đầu khôi

phục lại lòng tin của chúng tôi

vào Indonesia. Head có sự khôn ngoan, đó là phẩm chất hiếm hoi của việc

rút kinh nghiệm từ những sai lầm của chính mình, và nhất là từ

những sai lầm của người khác. Ông

ta cũng hiểu rõ Tunku và cấu trúc

trật tự xã hội của người

Malay. Nó không giống những gì ông

ta đã nhận thấy ở miền Bắc

Nigeria.

Thật may mắn cho tôi khi Thủ tướng Anh quyết định
đưa một chính khách hàng đầu

trong bộ máy chính quyền đến

Kuala Lumpur thay vì một nhà ngoại giao chuyên nghiệp như
Tory. Nếu không thì lịch sử của liên bang Malaysia và

Singapore sẽ hoàn toàn khác. Head áp dụng kinh nghiệm phong phú
của mình, bao gồm những vấn đề ông đã

thấy ở Nigeria. Ông cũng biết rõ

những khó khăn trong việc phát triển từ chế độ thuộc địa đến

chính phủ tự trị và trở thành

một quốc gia độc lập. Trong hai năm trước tháng 8/1965, tôi còn có nhiều việc để làm với ông ta. Những đánh giá và báo cáo của ông ta cho London đã làm thay đổi hẳn kết quả của cuộc đấu tranh giữa Tunku cùng những người theo phái cực đoan của ông ta ở một bên, và tôi cùng các cộng sự của tôi ở bên kia. Những người cực đoan đòi hỏi một liên bang Malaysia với người Malay chiếm ưu thế hoàn toàn. Chúng tôi ở Singapore – đặc biệt những người được sinh ra hoặc gắn bó chặt chẽ với nội địa Malay a như Chin Chye, Pang Boon và Raja – thì kiên quyết thành lập một liên bang Malaysia cho các công dân Malaysia thuộc mọi chủng tộc. Đây là cốt lõi của vấn đề.

Head có một cảm tưởng tốt về châu Phi và các
lãnh tụ châu Phi trong Khối thịnh
vượng chung. Ông ta tin rằng một cuộc viếng thăm châu Phi do một
phái đoàn gồm các Bộ trưởng thuộc các
bang của Malaysia tiến hành sẽ đạt
được sự đồng tình của
họ trên các diễn đàn quốc
tế như Liên Hiệp Quốc chẳng hạn.
Ông ta cười ha hả khi tôi nói
Tunku cho rằng những người Phi là lũ
đần độn, vì Head đã gặp
nhiều người Phi châu khôn khéo
hơn Tunku, khá đông họ là những
kẻ đậu điểm cao ở Oxford. Ông
ta có cảm giác rằng tôi là một
người hoạt động không ngừng,

muốn làm một điều gì đó
để chống lại sự tấn công của
Sukarno. Ông ta đề nghị tôi thuyết
phục Tunku phái tôi đến châu Phi
để tranh thủ sự ủng hộ của
họ, mà theo ông ta nó sẽ hữu
ích trên mặt trận tâm lý trong
khi người Anh nắm mặt trận quân
sự. Ông ta cũng tiên đoán rằng
như thế sẽ khiến cho thế giới biết
đến tôi nhiều hơn, điều đó
có nghĩa là nếu như mọi việc
đi đến chỗ mà Tunku muốn vô
hiệu hóa tôi, thì cái giá
phải trả sẽ lớn hơn nhiều.

Tôi đưa ý kiến này với Tunku, và thật ngạc
nhiên là ông ta đồng ý ngay.

Cuộc chiến đấu đầu có chiều
hướng tối tăm. Đợt sóng kích
động và nhiệt tình đầu tiên
từng đưa đến những cuộc biểu
tình bên ngoài tòa đại sứ
Indonesia đã lắng xuống. Tunku đi khắp đất nước đọc diễn văn để
đánh thức tinh thần dân tộc của
người Malaya, vì liên bang Malaysia là một khái niệm quá mới.
Nhưng từ
các cuộc chuyện trò riêng với
ông ta, tôi biết ông ta sợ sức
cuốn hút mà tài hùng biện của
Sukarno có thể tác động lên
người Malay ở Malaya, đặc biệt là

dân nhập cư mới, con cháu thuộc
thế hệ thứ nhất hoặc thứ hai của
những người đến từ Sumatra và
Java.

Riêng tôi hoàn toàn tin vào khả năng của người
Anh, và đã không biết rằng chính
sách tích cực chống cự cuộc
chiến đấu đầu sẽ không thể
kéo dài nếu chính phủ Mỹ chấp
nhận một đường lối ngược
lại. Tôi không chú ý lắm khi
báo chí tường thuật rằng người
đại diện của Mỹ dự buổi lễ
thành lập liên bang ngày 17/9 ở Kuala Lumpur đã nói rằng Mỹ
không đứng
về phe nào trong cuộc tranh luận. Nhưng những tài liệu ngoại giao

trong văn khố

Anh thời đó để lộ sự lo lắng

sâu sắc về thái độ lừng

khùng của người Mỹ. Những tài

liệu ấy nhận định rằng người

Mỹ sợ người Anh bị kiệt sức

vì cuộc chiến đói đầu và

cuối cùng người Mỹ sẽ phải

nhận lãnh gánh nặng đó. Chúng

cũng ghi nhận sự lo ngại rằng bằng

việc cản trở Sukarno, người Anh sẽ

làm mất uy tín của một chính

phủ không cộng sản tại Jakarta, như

thế là đẩy Indonesia vào tay cộng

sản, và lực lượng sẽ gây ra

mối đe dọa cho các căn cứ của

Mỹ ở Phillipines.

Người Anh phải vất vả lắm mới khiến cho chính

phủ Kenedy đình chỉ ít nhất một

số hình thức viện trợ kinh tế

của Mỹ cho Indonesia và ngăn cấm các vụ chuyển giao đồ phụ tùng vũ

khí mới của hãng Lockheed vào tháng 11/1963. Để chứng tỏ quyết tâm về

lời hứa của mình, người Anh đã

tuyên bố hồi tháng 11 rằng quân

đội của Úc và New Zealand sẽ

tham gia việc bảo vệ liên bang Malaysia chống lại những đợt tấn công quân

sự ngày càng tăng của Indonesia.

Do sự thúc giục của người Anh, lúc đó thái

độ của Tunku đối với Indonesia

không còn lưỡng lự nữa. Ngày

3/12, Sukarno đã đọc một bài diễn

văn cho là công tác quan sát trước

đây của Liên Hiệp Quốc tại

Bắc Borneo đã không được tiến

hành theo đúng các thủ tục dân

chủ. Ông ta hứa sẽ hoan nghênh việc thành lập liên bang Malaysia nếu một phái bộ quan sát thứ hai chứng tỏ

rằng dân chúng của các lãnh

thổ muốn trở thành một phần của

Liên bang. Một phát ngôn viên của

Bộ Ngoại giao liên bang Malaysia đã bác bỏ đề nghị này, nhưng thực

chất chính Tunku đã từ chối nó.

Vài ngày sau, một quả bom lớn đã

nổ tại Sennett Estate, một khu ngoại ô của dân trung lưu, làm hỏng một

xe hơi và chết hai người. Đó

là số thương vong đầu tiên

trong cuộc chiến đẫm máu ở

Singapore; chúng tôi đã chuẩn bị

cho những rắc rối kế tiếp. Ngày

18/12, Tunku vạch trần một âm mưu của người Indonesia nhằm làm
nổ tung trạm điện Pasir Panjang, những ống dẫn nước chính giữa
đảo và Johor, và

những cơ sở quan trọng khác. Cùng

lúc đó, tôi phát giác rằng

một tùy viên hải quân Indonesia đang huấn luyện những tên phá
hoại

tuyển từ Singapore, và người Indonesia đã thành lập những công ty
ma để

nhập vũ khí.

THÊM BẠN BÈ Ở CHÂU PHI

Syed Ja'afar Albar phản đối việc tôi dẫn đầu đoàn đại biểu đến châu Phi. Ông ta nói ở nghị viện ngày 3/1/1964 rằng: “Thay vì làm cho người châu Phi biết đến liên bang Malaysia, ông ta sẽ khiến cho các quốc gia châu Phi biết đến chính ông ta thôi.” Ông ta muốn một thành viên nội các dẫn đầu đoàn đại biểu. Tunku trả lời rằng tôi yêu cầu ông ta cho phép để giải thích về liên bang Malaysia với những người bạn ở lục địa đó, và ông ta nghĩ tốt hơn là để

cho dân chúng ở những vùng lãnh
thổ mới của liên bang làm theo cách
riêng của họ để báo cho các
nước ở châu Phi rằng họ gia nhập
liên bang theo tinh thần tự nguyện của họ. Nếu chính phủ không
hài
lòng với kết quả của phái đoàn,
thì có thể gửi đi một phái
đoàn khác, trong trường hợp đó,
ông ta sẽ tính cả Albar trong đó.
Cùng lúc đó, Tunku cũng phê phán
tôi vì đã trả lời một lá
thư của Chu Ân Lai, dù lá thư này
tôi trả lời trước khi họp nhất.
Ông ta nói đây là một việc
làm rất sai trái của tôi. Đây

quả đúng là Tunku và kiểu quanh
co của ông ta. Tôi phải hiểu rằng
trong liên bang Malaysia cách cư xử như
thế là không thể chấp nhận. Liên
bang sẽ không buôn bán với bất
kỳ quốc gia cộng sản nào, nhất
là Trung Quốc.

Phái đoàn rời Singapore vào cuối tháng 1/1964 trên một
chiếc máy bay thuê bốn động
cơ, khiến cho việc di chuyển của chúng tôi linh động hơn. Phái đoàn
gồm có Tổng ủy viên của Sarawak,
Stephen Kalong Ningkan (ông ta gia nhập đoàn tại Lagos vào tháng
2), và phụ tá
của ông ta, James Wong, với Tổng ủy
viên của Sabah, Harris Salleh, và một thành viên trong nội các của
ông ta, và
ở Singapore có Devan Nair, và thư ký

ngại viện của tôi, Rahim Ishak. Tôi

muốn mỗi nhóm chủng tộc chính

đều có người đại diện –

Malay, Trung Quốc, Ấn Độ, Dayak và

Kadazan. Chúng tôi có hai viên chức

cao cấp từ bộ phận đối ngoại

làm thư ký, và một đội ngũ

các phóng viên người Malay. Chúng

tôi lên kế hoạch đi thăm 17 đến

18 quốc gia trong khoảng 35 ngày, và dừng lại ở Cairo và Alexandria trong khi tiến hành việc sắp xếp. Điều này

thật không đơn giản. Liên bang

Malaysia không hề có đại diện ở

châu Phi da đen³⁵, vì vậy việc liên hệ tiến hành

chậm chạp và vòng vo, thông qua các

phái đoàn của họ ở London, hoặc

các tòa đại sứ của họ ở

Cairo, hoặc các đoàn đại biểu

ở Liên Hiệp Quốc, và đôi

khí với sự giúp đỡ từ văn

phòng đối ngoại của Anh. Điều

này bất lợi ở chỗ nó khiến

liên bang Malaysia có vẻ như do Anh bảo hộ, nhưng đôi khi không có sự

chọn lựa nào khác. Chỉ một quốc

gia duy nhất, Lybia, từ chối tiếp đón chúng tôi.

Chuyến dừng đầu tiên của chúng tôi là Cairo. Tổng thống Nasser không hề thay đổi suy nghĩ

của ông ta về liên bang Malaysia từ khi tôi gặp ông ta vào tháng 4/1962.

Antara, thông tấn xã của Indonesia, đã tường thuật rằng đại sứ liên bang Malaysia đến Cairo đã gặp phải

sự lạnh nhạt của Nasser, người đã

từ chối nhận quốc thư của ông

ta. Bộ trưởng Ngoại giao Ai Cập, Mahmood Fawzi, nói rằng luận điệu này

hoàn toàn sai sự thật. Antara cũng nói rằng Ai Cập đồng tình với

Indonesia. (Những người Indonesia đã xảo quyết yêu cầu đại sứ quán

Ai Cập ở Kuala Lumpur chăm sóc quyền

lợi của họ khi họ rút đại

sứ của họ về.) Fawzi nói điều

này là “không có cơ sở”.

Những chuyện đó là cú đâm

đối với Indonesia. Fawzi, trên 70, là người lịch duyệt và có học

thức. Ông ta giải thích tại sao

Sukarno chống lại việc thành lập liên bang Malaysia và ông ta hy vọng đạt

được điều gì, rằng ông

ta cần một vấn đề nào đó

để giữ cho dân tộc của ông

ta bận tâm đến những tham vọng bên

ngoài, và nếu như ông ta có thể

làm tan rã liên bang Malaysia, thì đó sẽ là vấn đề thời gian trước

khi Sabah và Sarawak sẽ bị sáp nhập

vào phần Borneo của Indonesia.

Nasser nồng nhiệt và thân thiện trong suốt cuộc thảo luận hai giờ, kèm theo bữa ăn tối.

Trong một thông cáo chung, ông ta phát biểu rằng ông ta đã nhận một

lời mời viếng thăm liên bang Malaysia.

Mặt khác, Ai Cập công nhận liên

bang Malaysia và không xem nó là hình thức thực dân kiểu mới.

Ở Tunisia, chuyển dừng kế tiếp của tôi, tổng thống

Habib Buorquiba, một người Ả Rập hoàn toàn Pháp hóa, bất ngờ lại là

người theo đuổi một đường

lối chống thực dân mạnh mẽ. Vấn

đề là Tunku, vì cá tính mềm

mại và những tuyên bố ôn hòa

của ông ta, được coi như giống

với các thủ lĩnh bộ tộc châu

Phi tiêu biểu được chính quyền

thực dân nuôi dưỡng rồi sau đó

được trao trả độc lập, và

thông qua họ, những kẻ cai trị trước

đây vẫn giữ được ảnh

hưởng chính trị và quyền lợi

kinh tế. Tuy nhiên Bourguiba chấp nhận rằng liên bang Malaysia, một đất nước có

10 triệu dân, với 10.000 binh lính, có quyền kêu gọi sự

giúp đỡ khi một quốc gia có tới

100 triệu người với 400.000 binh lính tấn công nó. Tôi lặp lại lý
lẽ này và nó đã có tác
dụng tốt mỗi khi gặp một lãnh tụ
nào có vẻ dè dặt về những
quan hệ phòng vệ của Liên bang
Malaysia với nước Anh.

Từ Tunisia chúng tôi bay tới Rabat, thủ đô của
Ma-rôc. Đức vua không tiếp đón
chúng tôi, và viên Thủ tướng
của ông ta tỏ ra không mấy quan tâm,
khiến cuộc nói chuyện của chúng
tôi chán ngắt, ông ta không chống
lại Liên bang Malaysia, và dù sao đi
nữa thì người Ma-rôc cũng thân
phương Tây, vì vậy không có
nguy cơ là họ sẽ ủng hộ Indonesia

của Sukarno.

Sau đó là Algier, nơi tôi từng đến thăm hồi tháng 7/1962 trên đường tôi trở về sau hội nghị London, lúc đó người Algeria vừa giành được độc lập từ tay Pháp. Dù tôi từ Paris đến lúc đã khuya, Thủ tướng Ben Bella vẫn đãi tôi một bữa cơm tối lúc 11 giờ đêm.

Lần này có thể ông ta đã được bộ Ngoại giao cho biết rằng Tunku không phải là nhà cách mạng chống chủ nghĩa thực dân nhưng ông ta biết tôi như một người theo chủ nghĩa dân tộc và đã rất thân thiện. Với sự giúp đỡ

của Harris Salleh của Sabah và James Wong của Sarawak, tôi đã có thể thuyết

phục ông ta rằng chúng tôi có

quyền không để cho người Indonesia

thôn tính, nhưng có quyền chia sẻ

số phận của chúng tôi với người

Malay, với họ chúng tôi đã cùng

chịu chung một ách thống trị của

thực dân Anh. Sau đó James Wong và tôi được mời dự một cuộc họp

bất ngờ lần hai với ông ta. Ben Bella bày tỏ hy vọng hòa bình sẽ được tái lập, và nói rằng

Algeria sẵn sàng ủng hộ bất kỳ

nỗ lực nào mà nó sẽ đưa

Malaysia và Indonesia lại gần nhau để

giải quyết những bất đồng một

cách thân thiện. Cuộc họp này
đem lại một thông cáo do người
Algeria soạn thảo mà nó không hề
phản ánh những do dự mà họ đã
bộc lộ trước đây trong Ủy ban
thẩm tra tư cách của Liên Hiệp
Quốc, và đã ghi lại rằng cuộc
viếng thăm của phái đoàn Malaysia
là điềm báo tốt cho việc tăng
cường hiểu biết và tình bạn
lẫn nhau giữa hai quốc gia.

Điểm dừng tiếp theo của tôi là Bamako ở Mali,
một xứ sở khô cằn, nhiều sa mạc.
Tôi ngạc nhiên khám phá ra rằng
Timbuktu không phải là một nơi trong
tưởng tượng. Tại phi trường,

tôi được đón tiếp theo kiểu

Pháp, trước tiên là với một

đội quân danh dự, tiếp theo là

một cô gái Phi lai Ả Rập da đen,

mảnh mai trong bộ áo phương Tây,

hôn lên hai má và tặng tôi một

bó hoa. Tổng thống Modibo Keita trong chiếc áo choàng Ả Rập
tiếp chúng tôi

tại tòa lâu đài mới xây

của ông ta, những căn phòng trong đó

có trần cao, đầy nhóc đồ

đặc và được điều hòa

không khí. Một thông cáo chính

thức đưa ra từ phủ Tổng thống

nói rằng ông ta tái xác nhận

sự gắn bó của Mali đối với

những nguyên tắc của chính sách

không liên kết, hoàn toàn phản

đối sự có mặt của những căn

cứ quân sự nước ngoài, nhưng

nói thêm rằng những nguyên tắc

đó cũng đòi hỏi sự tôn

trọng chủ quyền của các quốc

gia. Sau đó thông cáo đề cập

đến lời mời vị nguyên thủ

Mali viếng thăm chính thức liên bang

Malaysia và tuyên bố rằng ông ta đã

tán thành. Giống như Ben Bella của

Algeria, Tổng thống Keita tỏ dấu hiệu rằng quốc gia của ông đã không

còn dè dặt về liên bang Malaysia.

Khi bay về phía Nam, tôi có thể hiểu ra cách những

người Ả Rập và châu Phi gặp

gỡ và hòa nhập vào nhau ở vùng

Bắc Sahara, nơi đây nhiều người

châu Phi đã cải sang đạo Hồi.

Về mặt dân tộc, châu Phi da đen là

một thế giới hoàn toàn khác

với một nền văn hóa khác hẳn.

Liberia là một tiếng hét. Chúng tôi đến thủ

đô trước khi trời tối. Sau bầu

không khí sa mạc khô khan của Bamako, Monrovia ẩm áp và ẩm
ướt, giống

như Singapore. Nhưng Liberia chỉ là một bản sao chưa hoàn chỉnh
của một

quốc gia. Một đội quân danh dự

kiểu Mỹ đứng dàn hàng đến

tận phi trường, trông không có tí

gì là quân đội hay cái gì

khác ngoại trừ vẻ sang trọng. Một

người Phi cao lớn chào mừng tôi

bằng thứ tiếng Anh theo giọng Mỹ và

nói rằng ông ta là Bộ trưởng

Ngoại giao. Hầu hết các cơ quan của

họ đều được đặt tên

hoặc mô phỏng theo của Mỹ, nhưng

sự giống nhau chỉ dừng lại ở đó.

Khi duyệt binh danh dự, tôi nghe 18 phát súng đại bác nổ yếu ớt đến

chưa từng có, giống như tiếng pháo

lẹt đẹt vậy.

Trong khi chúng tôi ngồi trong phòng VIP chờ lấy hành lý, viên Bộ trưởng Ngoại giao nói là

chúng tôi sẽ đi thẳng đến

trang trại của Tổng thống William Tubman, ở

đó ông ta đang chờ để dùng
bữa tối với chúng tôi. Phải mất
ít nhất là hai giờ đi xe. Tôi
hết hồn. Chúng tôi đã bay suốt
ba tiếng đồng hồ, và cần tắm
rửa thay quần áo. Nhưng không có
cách nào khác. Chúng tôi lại
lên đường. Có bảy quân nhân
mở đường trên những chiếc mô
tô quân sự hai ống pô của hãng
Harley–Davidson, và tiếng máy bộ đàm
của người dẫn đường chính
và của viên sỹ quan hộ tống quân
sự ở chỗ ngồi phía trước
chiếc Cadillac của chúng tôi cứ kêu

không dứt. Khi một trong những chiếc mô tô rơi xuống mương nước, viên

Bộ trưởng Ngoại giao không hề lo

lắng chút nào. Trên con đường

của chuyến đi dài ba tiếng đồng

hồ, có hai mô tô nữa bị lạc

tay lái bay khỏi lòng đường.

Những người ngồi xe bị thương

nặng hay nhẹ, chẳng ai quan tâm. Tôi

quyết định không hỏi; qua phản ứng

của viên Bộ trưởng Ngoại giao và

viên sỹ quan tùy viên, những chuyện

đó dường như là chuyện xảy

ra hàng ngày.

Chúng tôi đến và được đưa vào để
chụp hình. Trước đó tôi

phải cố nài mới được cho ít

phút để rửa ráy. Sau đó

Tubman diễn thuyết thật lâu. Cuối cùng, bữa ăn tối cũng được dọn.

Ông ta gõ một cái búa lên bàn

và nói: "Mời ngài Phó Tổng

thống." Viên Phó Tổng thống ngồi

ở cuối bàn cảm ơn Chúa vì

bữa ăn. Gần nửa đêm chúng

tôi cáo lui để tiếp tục thực

hiện một cuộc hành trình dài

tới nhà nghỉ của chúng tôi ở

Monrovia.

Một lần, tôi lấy bộ pyjama đi vào phòng tắm,

và nhận thấy bồn tắm đầy

nước với cặn bẩn dưới đáy.

Tôi rửa thận và kéo nút chặn

ra, nhưng mặc dù mệt mỏi, bản
năng vẫn báo cho biết tôi đang làm
một cái gì đó ngu ngốc và
nhanh chóng đẩy nút chặn lại.

Quả nhiên là vòi không chảy
nước. Với số nước bản còn
sót lại, tôi đã xoay xở hết
sức để rửa sạch bụi bặm dầu
mỡ trong chuyên đi. Tôi tìm một
chai nước soda để đánh răng.

Chẳng thấy, tôi phải dùng Fanta. Nó
ngọt, nhưng còn hơn là không có
gì cả; tôi hy vọng thuốc đánh
răng sẽ trung hòa được đường.

Sau tất cả sự kích động đó,

tôi không ngủ được. Tôi cầm
lên mấy thứ sách báo gì đó
trên chiếc bàn cạnh giường. Nó
là tài liệu ca tụng Tổng thống,
ngôi sao của châu Phi, vị cứu tinh của đất nước. Tôi xếp nó lại
để mang về nhà như một vật
kỷ niệm về cách thức làm thế
nào để không gây ấn tượng
cho khách.

Không cần thiết phải có một tuyên bố chung ở
Liberia, vì Tubman được biết là
một người thân Mỹ. Ông ta ủng
hộ liên bang Malaysia và nhận lời mời viếng thăm liên bang của
Tunku. Ngày
hôm sau, tôi lang thang khắp Monrovia để
ngắm khu dinh Tổng thống khổng lồ này và những khu ổ chuột tẻ

hại

quanh đó. Tôi thấy dễ chịu khi ra

ngoài.

Sau Monrovia là Conakry ở Guinea, một quốc gia bài Pháp nhất trong các quốc gia châu Phi nói

tiếng Pháp. Tổng thống Pháp De Gaulle không hài lòng khi Guinea bỏ phiếu

chọn việc tách khỏi cộng đồng

Pháp. Họ nói với chúng tôi

rằng người Pháp đã lấy đi

tất cả điện thoại và các

máy móc khác trước khi trao trả

đất nước. Nhưng thậm chí nếu

như mọi thứ vẫn được để

lại trong tình trạng hoạt động,

thì những chính sách trung ương

tập quyền mà Tổng thống Sekou Toure đã theo đuổi chắc chắn sẽ

đưa

chúng đến chỗ nghèo nàn. Năm

1964, những vật dụng này vẫn chưa

hoàn toàn hư hỏng. Đoàn đại

biểu được thu xếp ở trong những

biệt thự nhỏ cạnh bờ biển trông

giống như những chiếc lều mái lá

rộng rãi dành cho các tù trưởng

bộ lạc, nhưng được xây bằng

gạch và hồ.

Sekou Toure là người theo chủ nghĩa công đoàn. Ông ta

rất thông minh. Chúng tôi dành nhiều

thời gian bàn về chủ nghĩa xã

hội thông qua một người phiên dịch,

và ông ta tặng tôi mấy tác phẩm

của ông ta, *Socialism for Guinea* (Chủ nghĩa xã hội cho Guinea).

Mọi

người đều biết ông ta là

người chống lại sự can thiệp của

chủ nghĩa đế quốc vào các

thuộc địa cũ của Pháp để

ủng hộ những lãnh tụ da đen ưa

chuộng các chính sách của Pháp,

nhưng dù ông ta không biết nhiều

về Malaysia, tôi vẫn có thể làm

cho ông ta hiểu rằng binh lính Anh là cần thiết cho sự sống còn của

một quốc gia nhỏ bé đang bị một

người láng giềng không lồ đe

dọa. Dù quan điểm ban đầu của

ông ta ra sao đi nữa, tôi cảm thấy

mình đã làm ông ta dễ tiếp

nhận và phóng khoáng hơn. Ông

ta có thể thấy rằng James Wong, Harris Salleh và tôi không phải là
tay sai

cho thực dân. Ông ta tiếp chúng tôi

với một tác phong lịch sự, đãi

chúng tôi một bữa trưa long trọng,

và không phản đối Malaysia.

Sau đó chúng tôi hướng tới Abidjan ở Ivory Coast (Bờ
biển Ngà). Nơi đây tương phản

hoàn toàn với Conakry. Tổng thống

Houphouet Boigny, một người Pháp da đen, đã là một Bộ trưởng
trong

nền Đế tứ Cộng hòa Pháp.

Lịch sử trong thái độ, tao nhã

trong ăn mặc, ông ta tiếp chúng tôi

trong tòa lâu đài tráng lệ tọa

lạc trên sườn đồi và chúng

tôi dùng bữa với các món ăn

Pháp tuyệt vời và rượu vang hảo

hạng. Ông ta là người Phi chắc

chắn, vì có tới hai vợ, cả hai

cùng có mặt trong bữa ăn, họ đều

trẻ, rất hấp dẫn và là chị

em.

Không cần phải thuyết phục ông ta về trường hợp

của chúng tôi. Ông ta nói rằng

những lãnh tụ châu Phi đi theo con

đường khác và trở thành

những kẻ chống thực dân và theo

cộng sản hoặc theo chủ nghĩa xã

hội rồi sẽ chịu thất bại. Tôi

bị ấn tượng bởi chủ nghĩa

hiện thực của ông ta. Ông ta có

một Tham mưu trưởng người Pháp.

Những Bộ trưởng của ông ta cũng

có những ủy viên người Pháp

như thế. Những người Pháp này

ghi chép các thứ và tỏ ra rất

hiệu năng. Tổng thống nhận lời mời

viếng thăm Malaysia của Tunku không chút ngần ngại. Lúc đó Ivory Coast là

một thành viên của Hội đồng

bảo an Liên Hiệp Quốc, đại diện

cho khối châu Phi, và vì thế rất

có lợi khi có họ đứng về

phe Malaysia.

Kế

đó là Accra ở Ghana. Trong số các

đại sứ đến đón tôi tại phi trường có những người thuộc

các nước Ivory Coast, Ai Cập và Algeria.

Điều đó khẳng định rằng

Algeria hiện ủng hộ

chúng tôi. Ghana, vào thời tôi suu

tập tem thì nước này mang tên

Gold Coast (Bờ biển Vàng), là nước

đầu tiên của châu Phi giành được

độc lập (năm 1957). Lãnh tụ của

nước này, Kwame Nkrumah, là một người có tinh thần Liên châu Phi và đã

nêu gương cho những người khác

bằng cách lấy một người vợ

Ai Cập. Báo chí địa phương

gọi ông ta là Osagyefo, người của

thời đại hoặc người dẫn

đường, và ông ta có uy tín

là người chống thực dân. Vào

ngày tôi đến, tờ *Evening News* của Accra viết: "Liên bang Malaysia hiện mang dấu ấn của chủ nghĩa thực dân mới."

Tờ báo so sánh nó với Liên

hiệp Trung Phi đã tan rã và sự

sáp nhập của Aden vào Liên hiệp

Nam Ả Rập.

Tôi gặp Nkrumah vào Chủ nhật tại lâu đài

Christianborg có từ hồi thế kỷ 17, một trạm buôn bán nô lệ của người

Đan Mạch thời xưa, sau trở thành

chỗ làm việc của chính phủ. Khi

tôi tiến vào phòng làm việc

riêng của ông ta, tôi đi giữa

những ngọn đèn dầu kiểu Ấn

Độ, những sợi bắc nổi trên

những cái tô bằng đồng thau nhỏ

xếp dài hai bên một tấm thảm đỏ.

Tôi nhận ra ông ta đang trong một trạng thái tinh thần kỳ lạ. Ông ta vừa

sống sót được sau một cuộc

đảo chính thất bại, nên hơi

khép kín và hoang mang. Nhưng ông ta

chân thành và thân thiện đối

với tôi, và chúng tôi thảo luận

với nhau một tiếng đồng hồ. Ông

ta nói với tôi, và tôi đã

tường thuật lại với báo chí

của tôi, rằng: "Nếu các bạn

không đi tới, các bạn hẳn sẽ

thua vì bỏ cuộc, vì sai lầm của

các bạn." Hôm sau, báo chí địa

phương nói tới Malaysia với giọng

điều ôn hòa hơn. Bây giờ họ
nói rằng rất có thể, có lẽ
một cách vô thức, nó sẽ bị
sử dụng cho những mục đích của
chủ nghĩa thực dân mới. Tôi mất
cả ngày lái xe vượt 70 dặm tới
đập nước Thượng Volta, do một
công ty của Ý xây dựng, và do
chính phủ Anh, Mỹ cùng Ngân hàng
thế giới đồng tài trợ. Nhưng
sau khi thăm viếng Conakry và Accra và gặp các lãnh tụ nói về việc
phân
phối của cải theo kiểu xã hội
chủ nghĩa, tôi tin họ sẽ trở nên
nghèo khổ.

Tại Lagos ở

Nigeria, bạn thân của Tunku, Thủ tướng Alhaji Sir Abubakar Tafawa Balewa, gặp tôi ở phi trường với một đội quân danh

dự. Nghi lễ rất theo kiểu Anh. Ông ta ủng hộ Malaysia tận tình, và nhân

dân Nigeria cũng biểu lộ sự thân

thiện. Tất cả đứng dọc theo con

đường dài 15 dặm tới thành

phố, họ vẫy tay và la to những lời

chào mừng. Lagos trông sung túc hơn

Accra nhiều. Nhiều công thự giống hệt như công thự ở Singapore và Malaya.

Chắc chúng theo cùng đồ án của

Bộ Công chính Anh. Trên đường

ra sân bay rời nước này, tôi đã

có thể nói về sự ủng hộ

tinh thần hoàn toàn mà vị Thủ

tướng đã dành cho Malaysia. Nigeria đã phái một đại biểu đặc biệt

đến dự các buổi lễ mừng độc

lập ở Kuala Lumpur.

Lusaka nằm ở

phía Bắc Rhodesia, sớm được độc

lập và đổi tên thành Zambia. Nó

tổ chức cuộc tổng tuyển cử đầu

tiên hồi tháng giêng, chỉ vài

tuần trước khi chúng tôi đến.

Kenneth Kaunda, Thủ tướng, đã đi

vắng và tiếp tôi là viên phụ

tá của ông ta, Kamanga. Chúng tôi

được xếp ở khách sạn

Livingstone, một tòa nhà một tầng

thật đẹp, giống một nhà trọ

lớn ở một tỉnh lỵ nước Anh.

Các Bộ trưởng thì thân thiện.

Họ biết rất ít về Đông Nam

Á nhưng rất vui khi chúng tôi đến

thăm và tìm kiếm sự ủng hộ

của họ, và chính phủ chấp thuận

một lời mời đến thăm Malaysia của

Tunku.

Sau đó là ở Blantyre, Malawi.

Tổng thống là bác sĩ Hastings Banda,

được mọi người gọi là

Ngwazi, nghĩa là người được

tôn kính như một con sư tử vì

quyền lực và sức mạnh của ông

ta. Ông ta đã qua kỳ thi sát hạch

trình độ với tư cách là

một bác sĩ khoa nội ở Scotland và

đã vui vẻ thực tập ở đó

trong nhiều năm. Ông ta không cần một sự thuyết phục nào cả; ông kiên

quyết chống lại tinh thần bài xích

người da trắng.

Và từ Malawi, trên đường tới Madagascar, hồi đó

được gọi là Malagaay, và đến

thủ đô Tananarive, nơi Tổng thống

Tsirananana tiếp chúng tôi với sự nồng

hiệt và lòng mến khách tuyệt

vời. Ông ta là một người thú

vị, thẳng thắn và chân thành.

Ông ta công khai nói về mối quan hệ

chặt chẽ của nước mình với

Pháp. Sau khi nghe tôi, ông nói: “Nếu như một quốc gia phải bị thuộc địa

hóa, thì thà bị những nước

văn minh chiếm làm thuộc địa còn
hơn là những nước kém văn
minh.”

Madagascar là một đất nước kỳ lạ, là một
đảo ngoài khơi bờ biển châu
Phi, mà dân chúng ở đó một
phần là châu Phi và một phần là

Malay hoặc Polynesia. Các điệu múa của họ kết hợp điệu nhảy
chân
của người Phi với động tác

tay của Malay và Polynesia, và trong ngôn ngữ của họ có lẫn tiếng
Malay.

Sau các cuộc thảo luận của chúng
tôi trong văn phòng của ông ta,

Tsiranana lấy một túi da từ trong ngăn kéo và trải ra một lô những
viên đá quý lấp lánh, tất

cả được khai thác ở Madagascar.

Ông ta mời chúng tôi mỗi người

chọn một viên. Tôi lấy một viên

màu xanh nước biển cho Choo. Những

thành viên khác của phái đoàn

mỗi người đều có một sở

thích khác nhau. Ông ta tìm được

niềm vui lớn trong việc nhìn vẻ rạng

rỡ trên khuôn mặt chúng tôi khi

chọn các viên ngọc.

Dar-es-Salaam ở

Tanganyika, sau đổi thành Tanzania thì khác hẳn. Julius Nyerere là người công giáo, một người theo chủ nghĩa nhân văn

và chủ nghĩa xã hội, và ông

thể hiện sự ủng hộ Malaysia qua cách

nói thẳng thắn. Từ lần gặp đầu

tiên, tôi đã thích ông ta vì

cách ăn mặc, cử chỉ và lối

sống giản dị. Ông mời tôi ở

trong dinh Tổng thống, trước kia dành cho viên thống sứ Anh và trước

Thế chiến thứ nhất là chỗ ở

của quan cai trị người Đức. Riêng

ông ta thì thích sống trong một ngôi

nhà nhỏ gần đó. Ông ta mời

các Bộ trưởng Ấn Độ đến

dùng cơm, nêu rõ quan điểm rằng,

không như các quốc gia Đông Phi

khác, ông ta có một chỗ dành

cho họ ở Tanganyika. Nhưng tiếc thay, tinh thần Fabian và xu hướng tập quyền

của ông ta, xuất phát chủ yếu từ

các cuộc thảo luận với các lãnh
tự chống thực dân khác và những
người theo chủ nghĩa xã hội Anh có
thiện chí mà ông ta gặp ở Anh,
đã khiến cho đất nước của
ông ta rơi vào đói nghèo một
cách không cần thiết.

Khi tôi đến Kampala ở Uganda, Thủ tướng Milton Obote đi
vắng và tôi được các Bộ

trưởng đón tiếp. Họ thân
thiện và hiểu biết, một phần nhờ
bởi những quan hệ trong Khối thịnh
vượng chung. Có một sự căng thẳng
nào đó giữa chính phủ và
Kabaka của Buganda, hay “Vua Freddie” như ông ta được mọi
người gọi như
vậy, nhưng dù Obote đã gặp Tunku

trong các hội nghị của Khối thịnh

vượng chung và đã nhìn ông

ta một cách sai lầm như một “Vua

Freddie” khác, thì điều đó

cũng không ảnh hưởng đến sự

ủng hộ của Uganda đối với

Malaysia. Họ đồng tình với Malaysia và không ủng hộ Indonesia.

Chặng đường kể

tiếp, Nairobi, lại quan trọng. Tổng thống Jomo Kenyatta được mọi người gọi

là Mzee, một từ dùng để chỉ

sự tôn kính và sùng bái cao

độ dành cho người già. Ông

nổi tiếng khắp thế giới là một

chiến sĩ đấu tranh cho tự do đã

từng bị giam giữ trong xiềng xích suốt cuộc phiên loạn Mao Mao

vào những năm 1950 chống lại chính phủ Anh và những tên thực dân da trắng³⁶.

Viên toàn quyền Malcolm MacDonald, mà tôi đã từng biết khi ông ta là Tổng

ủy viên Anh ở Đông Nam Á, đã

tóm lược cho chính phủ Kenya về

Malaysia, và tất cả những gì tôi

cần làm là gặp Kenyatta và đạt

được sự tán thành của ông.

Thật không may, ông đang ở Mombasa,

khánh thành một nhà máy lọc

dầu, nhưng Malcolm MacDonald là người tháo vát, và ông ta thu xếp với chính

phủ để có máy bay đưa tôi

tới đó.

Kenyatta đón tôi ở phi trường và chúng tôi cùng

ngồi xe đến khách sạn của tôi

qua những đám đông đang la to

“Urumbi, Urumbi”. Kenyatta giục tôi cùng hô theo và chỉ ngón trỏ lên

trời như họ đã làm; cử chỉ

này, ông giải thích, có nghĩa

là “chúng ta hãy hành động

như một dân tộc”. Trong một thông

cáo chung, ông nhấn mạnh tình bạn

của Kenya với Malaysia, đón mừng cuộc viếng thăm của phái đoàn như

một bước nhằm củng cố sự

hiểu biết lẫn nhau, và cảm ơn

tôi vì đã đến Mombasa để

gặp ông.

Chặng dừng cuối cùng của tôi là Addis Ababa ở

Ethiopia. Sau khi đến, tôi đi chơi bằng xe vào buổi chiều, dùng bữa trong nhà khách, và ngủ. Lúc ba giờ sáng,

thức dậy tôi cảm thấy thật nặng
ở ngực. Tôi sợ mình bị chứng
đau tim. Tôi ngủ chập chờn. Tại
bữa điểm tâm, tôi hỏi vài
thành viên khác trong đoàn xem có
ai trải qua trạng thái kỳ lạ này
không. Không ai bị cả. Tôi ước
gì chúng tôi mang theo một bác sĩ.
Khi nhóm còn lại từ một khách
sạn khác trong thành phố đến,
tôi thật an tâm khi thấy vài người
trong số họ cũng trải qua cảm giác
như tôi. Đó là bệnh ở vùng
núi. Addis Ababa cách mực nước biển
gần 3.000 mét.

Để được hoàng đế Haile Selassie tiếp kiến, tôi phải đi qua hai con báo được xiềng

vào cột hai bên ông ta. Đó là

một hình ảnh của Vua Salomon trong kinh thánh, có điều là vua Haile Selassie

mặc một bộ quân phục kiểu Anh.

Ông ta lắng nghe và dứt khoát ủng

hộ Malaysia. Nhưng nước của ông ta

không phải là một trong những chế

độ cách mạng của châu Phi. Tôi

bị chấn động bởi thái độ

sợ hãi và sùng kính của dân

chúng trên đường khi xe tôi đi

ngang với lá cờ đang tung bay. Họ giơ

nón và cúi đầu thật thấp.

Lá cờ biểu trưng cho quyền lực,

dù nó tung bay vì hoàng đế, vì

khách của ông ta hay vì các viên

chức của ông ta, và họ biết thân

phận thấp hèn của họ dưới

đáy xã hội. Trái với những

dinh thự đẹp đẽ chung quanh, họ

trông tiêu tụy và nghèo khổ.

Tôi quy tất cả những điều này

cho chế độ phong kiến lỗi thời đã

bần cùng hóa người nông dân

và dành của cải cho tầng lớp

quý tộc. Tôi không cảm thấy lạc

quan cho tương lai của đất nước này.

Từ Addis Ababa tôi bay tới Aden để tiếp nhiên liệu

trước khi tới New Delhi. Aden đang khô sở

vì cuộc nội chiến, khi người Anh

chuẩn bị rút lui. Các biện pháp

an ninh rất nghiêm ngặt quanh phi trường, với những dây thép gai và lính

đứng gác ở những vị trí

trọng yếu, và qua việc nói chuyện

với các sỹ quan không quân hoàng

gia Anh trong khi đợi ở đó, tôi có

thể cảm giác được một tình

trạng khẩn cấp.

Ở Delhi tôi giật mình khi thấy Nehru già đi nhiều so với lúc tôi gặp ông lần đầu

vào tháng 4/1962. Ông ta trông mệt

mỏi và khó tập trung tư tưởng.

Cuộc chiến tranh biên giới tháng

12/1962 giữa quân đội Ấn Độ

và Trung Quốc bên kia Hymalaya gần Ladakh đã là một thảm họa. Nó đã

phá hủy tất cả những gì ông

đã hy vọng và chiến đấu để

giành lấy. Ông cũng đã giới

thiệu Chu Ân Lai với các lãnh tụ

Á Phi ở Hội nghị Bandung năm 1955³⁷ để báo trước một thời kỳ

mới của tình đoàn kết Á

Phi. Giác mơ của ông đã biến

thành tro bụi. Tôi cảm thông với

ông. Ông đã mất đi sức sống

và tinh thần lạc quan của mình. Các

Bộ trưởng và viên chức của

ông tiếp chúng tôi với sự nồng

nhật và lòng mến khách, và

các phái đoàn của họ ở

châu Phi thật hữu ích.

Điểm dừng kế tiếp của tôi là Kuala Lumpur chứ
không phải Singapore, vì tôi còn phải báo cáo cho Tunku. Ông ta
hài lòng
vì thấy tôi đã ngăn chặn và
đánh trả được sự tuyên
truyền của Sukarno trên mặt trận Á
Phi, và cuộc họp báo của tôi
được phát đầy đủ trên
đài truyền hình Kuala Lumpur. Tôi nói rằng Indonesia đã có kinh
nghiệm lâu
năm trong bang giao quốc tế và vượt
xa người Malaysia chúng tôi về lĩnh
vực này. Họ đã phát triển
được các kỹ năng tuyên
truyền; họ biết sự nhạy cảm và
dễ lĩnh hội của các lãnh tụ

châu Phi, những người không ưa các

căn cứ ngoại quốc. Vấn đề là

ở chỗ hình ảnh quốc tế của

Sukarno, được đánh giá qua thuật

hùng biện của ông ta, có vẻ là

một nhà cách mạng chống chủ

nghĩa thực dân nhiệt tình, trong khi

Tunku, trái lại, là một người

rụt rè, ôn hòa của phương

Tây. Indonesia đã xuyên tạc thái

độ hòa nhã của ông ta là

thái độ của một tay sai của Anh.

Trong trạng thái phấn kích, Tunku đã tha thứ cho tôi

vì những tuyên bố bất phục tùng

của tôi trong cuộc bầu cử, và đề

ngợi rằng tôi nên đến New York và

Washington để thuyết phục người Mỹ

như tôi đã thuyết phục người

Phi. Tôi có thể lên đường

ngay lập tức sau khi đã nghỉ ngơi.

Ngày hôm sau, 27/2, tôi bay về Singapore trong sự tiếp đón nồng
nhiệt của

hàng nghìn người tại phi trường.

James Wong, người đã về Sarawak sau khi chia tay tôi ở Dar-es-
Salaam, trong lúc ghé lại Singapore trên đường về

đã mô tả chuyển công cán

của chúng tôi là một thành

công rực rỡ: “Chúng tôi đã

giành được sự hiểu biết,

đồng tình và ủng hộ tinh thần

của tất cả các nguyên thủ và

Bộ trưởng những nước châu Phi

mà chúng tôi đã gặp gỡ.”

Khi tôi lái xe về nhà cùng Choo và

ba đứa trẻ trên xe, đám đông

vẫy theo tôi suốt đoạn đường.

Đó là một chuyến đi mệt

mỏi, nhưng đã là một phần

vô giá trong kinh nghiệm chính trị

của tôi. Trước tiên tôi hiểu

thêm được về Ả Rập và

các dân tộc châu Phi, và hiểu

trở lực gì mà các nước

châu Phi phải khắc phục để giáo

dục các bộ tộc của họ và

phát triển nền kinh tế thường

phiên diện của họ.

Qua chuyến đi dài 35 ngày qua 17 thủ đô châu Phi, tôi
đã được các đại sứ
Anh chuyên nghiệp giúp đỡ. Các
nhà ngoại giao của họ đều thạo
tin, thích nghi tốt với các chính
phủ chủ nhà, biết kín đáo
hay lộ diện khi tình hình đòi
hỏi. Tại mỗi điểm dừng, tôi
đều được nghe họ trình bày
tóm tắt về tình hình đất
nước đó, chân dung thu nhỏ của
các Bộ trưởng mà tôi muốn
gặp, và một mô tả về cơ cấu
chính quyền. Những bản tóm tắt
luôn luôn rất tốt. Năng lực của
các nhà ngoại giao Anh rất cao. Còn

việc họ có mang những lợi ích

kinh tế về cho người Anh hay không là một vấn đề khác.

Một trong những hồi ức khó quên nhất của tôi

là Dinh Chính phủ ở Lusaka, nơi tôi

lưu lại với tư cách là khách

của viên thống sứ Anh cuối cùng

của Bắc Rhodesia, ngài Evelyn Hone. Nó được trang hoàng đẹp và được chăm

sóc tốt, nhưng không xa hoa. Các dụng cụ vệ sinh, xà bông, khăn tắm,

dao kéo, đồ sứ đều giống như

những thứ mà tôi thấy trong các

dinh chính phủ Anh ở Singapore, Sarawak và Bắc Borneo. Tất cả chúng là một

phần của một hệ thống được

điều hành tốt. Tôi tự hỏi

viên thống sứ sẽ sống một cuộc
đời như thế nào ở Anh một
khi ông ta rời khỏi chức vụ và
không còn đoàn gia nhân đồng
phục. Ông ta thực hiện vai trò ông
chủ tiếp khách với vẻ tao nhã,
lịch lãm. Từ cửa sổ phòng khách
của ông ta, tôi thích thú nhìn
bọn hươu nai, linh dương, hoẵng,
công, sếu, các động vật và
chim chóc châu Phi nhón nhơ trong vườn.
Dinh Chính phủ giống như một tòa
lâu đài miền quê của Anh tọa
lạc trên cao nguyên châu Phi, càng
giống nước Anh cổ càng tốt để

làm dịu nỗi nhớ nhà của các
viên thống sứ.

Tôi đã có dịp trở lại Lusaka năm 1970 để dự
Hội nghị không liên kết, và một
lần nữa vào năm 1979 để dự
Hội nghị Khối thịnh vượng chung.
Mỗi lần lại là một kinh nghiệm
buồn bã. Tôi nhớ lại những bông
hoa, bụi rậm, hàng cây, bụi cỏ
bên vệ đường và ở mỗi
vòng xoay khi tôi ngồi xe từ phi trường vào đây hồi năm 1964. Hoa
hồng mọc
rất nhiều. Sáu năm sau hoa hồng đã
biến mất, và cỏ dại mọc đầy.
Chín năm sau nữa, ngay cả cỏ dại
cũng không còn, những vòng xoay được

trắng nhựa. Và trong Dinh Chính phủ,

giờ thành nhà nghỉ của Tổng

thống, hình như chim và thú cũng

ít đi. Tôi tự hỏi tại sao.

Tôi đã nhận được một bài học không

thể quên được về vấn đề

giải thực, về tầm quan trọng sống

còn của việc có được một

chính phủ hiệu năng và hợp lòng

dân, nhất là tại châu Phi này,

để tiếp nhận quyền lực từ

guồng máy cai trị thực dân. Khi nhà

lãnh đạo không giữ nổi tính

thống nhất của đất nước bằng

cách chia sẻ quyền lực với những

lãnh đạo các sắc dân thiểu

số, mà lại tìm cách loại bỏ
họ đi, thì hệ thống chính quyền
sẽ mau chóng sụp đổ. Tệ hơn
nữa, khi các chính sách lạc hướng
dựa trên sự hiểu biết hời hợt
về chủ nghĩa xã hội và về
các lý thuyết tái phân phối
lợi tức đi kèm với một chính
phủ kém hiệu năng, thì các cộng
đồng trước đây đã được
chính quyền thực dân nối kết lại
sẽ tan rã, kéo theo những hậu quả
tai hại khôn lường.

HIỂM VÀO LỤC ĐỊA MALAY

Ngày chuẩn bị
đi châu Phi, tôi đã triệu tập
một cuộc họp khẩn cấp Ủy ban Phối
hợp Quảng bá và Tuyên truyền
của PAP, mà tôi là chủ tịch, để
thảo luận về việc chúng tôi có
thể bảo vệ quyền lợi của
Singapore ở Kuala Lumpur như thế nào. Sự
phát triển kinh tế của chúng tôi
không thể bị coi như vật làm tin
cho những định kiến chính trị của

Tan Siew Sin, Bộ trưởng Tài chính

Malaysia. Tôi muốn Ủy ban cân nhắc “...sự

thuận lợi cho việc can dự của PAP vào cuộc bầu cử sắp tới ở Malaysia

của PAP” bằng việc đưa ra một

số ứng viên hình thức. Họ chỉ

quyết định sau khi tôi trở về.

Tuy nhiên khi tôi đang ở châu Phi, Raja, Chin Chye và Pang Boon – ba Bộ trưởng Singapore trưởng

thành ở Malaya – đã thuyết phục

ủy ban chấp hành trung ương PAP tranh cử

trong cuộc tổng tuyển cử Malaysia. Ngay hôm sau ngày tôi về tới, báo chí

tường thuật rằng cuộc bầu cử

sẽ tổ chức vào tháng 4. Ngay lập

tức Chin Chye tuyên bố rằng PAP sẽ đưa ra một số ít ứng viên.

Ông ta

thêm rằng không hề có ý định

chống lại chính quyền trung ương

hay UMNO, và mục đích của PAP sẽ

là hợp tác với họ để khiến

Liên bang Malaysia phát triển tốt.

Keng Swee cực lực chống lại mọi sự tham gia có tính

hình thức, ông ta tin rằng như thế

sẽ làm hỏng mối quan hệ giữa

Kuala Lumpur và Singapore, đồng thời gây hại cho những kế hoạch của ông ta

nhằm công nghiệp hóa Singapore trong lòng Liên bang. Tôi cũng có những ý

kiến riêng của tôi, nhưng từ khi

Tunku phá vỡ sự cam đoan bằng miệng của ông ta với tôi là không can

thiệp vào các cuộc bầu cử của

Singapore, tôi thấy mình không còn bị

ràng buộc phải giữ cam đoan và

đồng ý với quyết nghị của

ủy ban chấp hành trung ương.

UMNO đã phản ứng gay gắt và tức thì. Khir Johari, Bộ trưởng Nông nghiệp và là

kẻ thân tín của Tunku, kẻ đã

được yêu cầu lo việc củng cố

lại UMNO ở Singapore, đã tuyên bố

UMNO sẵn sàng chiến đấu với PAP

vì khác biệt trong ý thức hệ:

PAP nói rằng nó phi cộng sản trong

khi UMNO xác định rõ là chống

cộng sản. Phản ứng của Tan Siew Sin rất giận dữ. Đối với ông ta, đây

là một sự thách thức đối

với đảng MCA về vấn đề ai sẽ

đại diện cho người Hoa trong Liên

bang. Chin Chye nói lý do chính cho việc tranh cử là đấu tranh với những

đảng phái bài-Malaysia, nhưng đảng

Liên hiệp (mà MCA là một thành

viên trong đó) lại có cùng mục

đích, vì thế sự tham gia của PAP

sẽ chỉ làm phân hóa số phiếu

ủng hộ Malaysia.

Tôi vẫn im lặng.

Tôi đang chuẩn bị đi New York và

chỉ trở về đúng kỳ bầu cử,

nhưng Tunku không bằng lòng. Sau vài ngày, ông ta nói sẽ là “bất nhất về chính trị” khi đề

PAP đại diện cho Malaysia ở Mỹ trong khi nó đang cạnh tranh với Đảng Liên

hiệp trong cuộc bầu cử. Ông ta bài

bác quan điểm của chúng tôi vốn

cho rằng việc đưa ra vài ứng viên

hình thức không nhằm chống lại

UMNO, mà chống lại MCA, như một cách nguy hiểm. PAP đang cố hất cẳng

MCA và muốn đứng ngang hàng với

UMNO, ông ta nói, “nhưng chúng tôi

không cần họ”. Tôi biết điều

đó, nhưng tôi tin rằng ông ta sẽ

phải thay đổi ý nghĩ khi ông ta

thấy rằng chính PAP, chứ không phải MCA, sẽ có được sự ủng hộ

của các cử tri thành thị. Tôi

nói rằng sự lãnh đạo dân

Malay hiện nay của Tunku và UMNO là quan trọng đối với Malaysia, nhưng MCA thì có thể thay thế được. Ác

cảm của dân thành phố đối

với nó đã đạt tới một

mức độ khiến Mặt trận Xã

hội chủ nghĩa Malay, tuy rằng có mối liên hệ rõ rệt với cộng sản,

vẫn có thể thắng lợi trong một

số khu vực bầu cử, nơi không có

cách nào để ghi nhận được

một lá phiếu phản đối chống

lại nó.

Bản tuyên ngôn tranh cử của PAP có hai mục tiêu: thứ nhất, tham gia xây dựng một Malaysia xã hội chủ nghĩa và dân chủ hợp

nhất dựa vào những nguyên lý

công bằng xã hội và phi cộng

sản, và thứ hai, bảo đảm rằng

Mặt trận Xã hội chủ nghĩa không

thủ lợi được từ những lá

phiếu chống lại MCA. Chúng tôi chỉ
đưa ra 11 ứng viên có tiềm năng
vượt trội về mặt chính trị,
là những công dân liên bang sinh tại Malay a nhưng từng làm việc ở
Singapore, và cộng tác lâu năm với PAP.

Người được biết tới nhiều
nhất là Devan Nair, người mà tôi
đã đi cùng để đến khu
vực Bungsar của ông ta thuộc vùng
ngoại ô Kuala Lumpur vào ngày công bố
danh sách ứng cử. PAP đã rút
tên hai ứng viên ở Johor khi chúng tôi thấy mình phải đương đầu
với UMNO chứ không phải các ứng
viên MCA, nhưng điều này không xoa
dịu được các lãnh tụ Malay
– chúng tôi vẫn đang thách thức

những người bạn Hoa đáng tin cậy
của họ, và họ không muốn có
mặt chúng tôi. Tôi nghĩ là mình
đã hiểu được họ, nhưng
thực tế thì không. Tôi không
hiểu rằng sự bất bình của họ
là vấn đề nền tảng; họ
không muốn người Hoa được đại
diện bởi một bộ phận lãnh đạo
mạnh mẽ đã ủng hộ một cách
tiếp cận đa chủng tộc hoặc không
phân biệt chủng tộc vào nền
chính trị và sức lôi cuốn của
nó không bị giới hạn chỉ trong
cộng đồng người Hoa.

Lúc bắt đầu chiến dịch, đêm 22/3, một đám

đông không lồ xuất hiện lừng

nghe chúng tôi tại Suleiman ở Kuala Lumpur, tràn ngập cả quảng trường và

con đường phía bên kia. Sự kích

động do PAP gây ra thật dữ dội.

Tôi nhấn mạnh trong bài diễn văn

của mình rằng nếu đắc cử,

chín ứng viên PAP của chúng tôi

sẽ thúc đẩy một cuộc cách

mạng xã hội nhiều hơn cả ý

nghĩa số học của chúng. “Nếu

các bạn biểu lộ rõ ràng rằng

bạn đang ủng hộ một đảng

trung thực với một chính sách kinh tế

và xã hội năng động, thì

trào lưu đổi mới sẽ bắt đầu
quét khắp Malaysia,” tôi nói, mượn
thành ngữ nổi tiếng của Harold
Macmillan. Tôi nói thêm rằng nếu các lãnh tụ UMNO muốn có sự
ủng hộ
của các cử tri thành thị, họ sẽ
phải điều chỉnh các chính sách
của họ nhằm lưu tâm hơn đến
nguyện vọng của nhân dân. Razak trả
đũa rằng trào lưu đổi mới
“khủng khiếp” đó đã
quét khắp Malaya và dân chúng có
thể tự họ nhìn thấy sự tiến
bộ xã hội.

Trong một tháng vận động, tôi chạy xe hơi khắp
Malaya tới các thành phố chúng tôi

có ứng viên: Penang, Kuala Lumpur, Seremban, Malacca và Kluang;
và nơi nào chúng tôi cũng tổ chức mít-tinh, tập

hợp được những đám đông

khổng lồ. Họ muốn thấy và nghe

chúng tôi. Mỗi lần như thế họ

đều hoan hô chúng tôi. Họ đã

từng nghe, đọc và có khi chúng

kiến được những gì chúng

tôi đã làm ở Singapore và có

vẻ như thiết tha muốn chúng tôi

cũng làm như vậy cho họ ở Malaya.

Như để nhấn mạnh sự khác biệt giữa hai bên,

tôi nói bằng tiếng Malacca về Keng

Swée và Tan Siew Sin, cả hai đều sinh ở

Malacca: “Họ có cùng tổ tiên,

nhưng sự giống nhau đến đó là

chấm dứt.” Với tư cách là

Bộ trưởng Tài chính Singapore, Keng Swee đã theo đuổi những chính

sách dẫn đến những thặng dư

tài chính, phản ánh quá khứ

cần kiệm và khắc khổ của ông

ta. Ông ta là một giảng viên kinh tế

và một người hoạt động xã

hội. Ngược lại, Tan đã thừa

hưởng của cải của gia đình

và là một triệu phú. Là giám

đốc của nhiều công ty, ông ta điều

hành Bộ Tài chính như thể nó

là một trong những công ty ấy –

thận trọng và tiết kiệm để

đem lại cổ tức tốt nhất cho các

giám đốc. Ông ta được sinh ra

trong một gia đình giàu có, dễ

dàng đạt vị trí chính trị

cao nhờ vào danh tiếng của người

cha. Ông ta đại diện cho khu vực bầu cử Malacca Tengah, một vùng nông thôn Malay, và vì thế ông ta thấy sẽ

không cần thiết phải học nói và

viết tiếng Hoa. Thế nhưng, ông ta lại đòi lãnh đạo người Hoa ở

Malaysia.

Tan Siew Sin giận dữ, nhưng Tunku đã cứu nguy cho ông ta.

Thành hay bại, UMNO vẫn đứng cạnh

MCA, thậm chí nếu chỉ còn một

người trong bọn họ còn lại, ông

ta cũng không bao giờ bỏ rơi bạn bè – Không như PAP, nắm được

chính quyền là nhờ sự giúp đỡ

của cộng sản, rồi sau đó bỏ

roi họ, Tunku nói như thế. Có

Tunku hậu thuẫn, Tan phản công mạnh mẽ

bằng lý lẽ. Ông ta công kích

rằng PAP là kẻ dám đâm sau lưng

người khác, rằng nguyên tắc đạo

đức và danh dự chẳng có giá

trị gì đối với các lãnh

tụ của nó, và bản thân Lee

giống như một con tắc kè với quan

niệm dân chủ rất đáng ngờ,

chỉ nhìn tình trạng thiếu dân

chủ trong PAP là rõ. Ông ta yêu cầu tôi cung cấp chi tiết để chứng

minh luận điệu của tôi là MCA đã

trở nên thối nát, mà điều

đó gần như là một sự phi

báng. Tôi trả lời rằng tôi sẵn
sàng làm như thế nếu như ông
ta đồng ý thành lập một ủy
ban điều tra để tiếp tục làm
rõ những chi tiết tôi đưa ra. Ông
ta đã không đáp lại.

Trong khi Tunku, Razak và các Bộ trưởng của ông ta đi
theo đường cái, thì Syed Ja'afar
Albar đi con đường mòn. Ngày 25/5
ông ta mĩa mai chất vấn phải chăng
tôi ủng hộ việc xóa bỏ ngôi
vua và quốc hữu hóa các nông
trường cao su và mỏ thiếc khi tôi
nói tới cuộc cách mạng xã hội.
Ông ta nói rằng cũng vì chính
quyền quân đội Anh đã giữ

tôi tại chức, nên chính phủ Liên

hiệp đã cứu tôi khỏi bị

Barisan loại trừ, nhưng tôi vẫn đối xử với người Malay ở Singapore như

những đứa con riêng và khiến họ

phản đối. “Lee Kuan Yew quá coi thường người Malay đến độ chính phủ

của ông ta từ chối bổ nhiệm bất

kỳ người Malay nào vào các cơ

quan công quyền ở Singapore,” ông ta nói thêm. Sau đó ông ta tố cáo

tôi vì đã nói, trong một bài

diễn văn bằng tiếng Hoa ở Seremban, rằng Tunku không phải là một nhà chính

trị có năng lực cao, ám chỉ rằng

bộ phận lãnh đạo của ông ta

không có khả năng thích hợp. Đó

là sự dối trá hoàn toàn,
nhưng Tunku rất tức giận, và phản
công lại rằng trong khi ông ta ủng hộ
cách mạng xã hội thì lối giải
thích của tôi là một khái niệm
hoàn toàn xa lạ với tinh thần của
nhân dân và vì thế không được
họ hoan nghênh.

Tôi trả lời ở Kluang rằng phân nửa các vấn
đề của Tunku là do những bạn bè
cũ của ông ta gây ra, nhưng kẻ đã
khéo léo và tàn nhẫn khai thác
lòng chung thủy của ông ta đối
với họ. Tôi không hề bối nhộ
ông ta khi nói bằng tiếng Hoa ở
Seremban, họ cần phải công nhận rằng PAP đủ thông minh để biết

rằng

trình bày hai quan điểm khác nhau

bằng hai thứ tiếng khác nhau sẽ là

cách chắc chắn nhất để làm

nó mất uy tín. Nhưng Albar vẫn kết

tội tôi là kẻ hai mặt, ông ta

nói thêm: “Đừng nên tin Lee Kuan

Yew vì ông ta không hề giữ lời.

Malaya không có chỗ cho những người như Lee Kuan Yew.” Ông ta nói là đã nhận hàng trăm thư của những người

Malay ở Singapore, trong đó có cả các nhân viên chính phủ, họ phản

nàn về cảnh ngộ của họ dưới

chính quyền của PAP. Đó là một

đường lối phân biệt chủng tộc

nam hiểm mà ông ta cứ nhai nhai với thâm ý khiến cho người Malay căm

ghét tôi.

Căn cứ vào phản ứng của quần chúng trong các cuộc mít-tinh lớn, có vẻ như đó là thắng vận động thành công nhất của PAP. Thậm chí những người đi vận động bỏ phiếu cũng trở về với những dự báo lạc quan, vì họ được tiếp đón nồng hậu. Chúng tôi thấy tin chắc mình sẽ chiếm được sáu đến bảy trong số chín ghế, và tiến hành vận động dữ dội, tránh công kích UMNO thái quá, tuy rằng họ liên tục tấn công chúng tôi, nhất là những đợt tấn công của Albar. Trong cuộc mít-tinh cuối cùng của chúng tôi ở Selangor

vào đêm

trước ngày bầu cử, tôi mô

tả Malaysia như một con tàu đang hướng tới một vùng biển không yên tĩnh

với Tunku ngồi ở tay lái; những gì

mà MCA cần không phải là những

gương mặt mới, mà là những

ý tưởng mới.

Kết quả bầu cử, được công bố vào sáng sớm ngày 26/4, như một cú sốc.

Đến 4 giờ sáng, đảng Liên

hiệp đã giành được 89 trong

số 104 ghế, hơn cả kỳ bầu cử

trước. Mỗi thành viên nội các

của đảng Liên hiệp đều tái

đắc cử với số phiếu cao hơn.

PAP chỉ chiếm được một ghế

duy nhất, đó là của Devan Nair ở

Bungsar, và chỉ hơn đối thủ có

808 phiếu.

PAP đã sai lầm ở chỗ nào?

Trước tiên, chúng tôi không có một đảng

bản xứ với các chi bộ và những

lãnh tụ tại Malaya. Chúng tôi đã

đem các nhân viên vận động

tranh cử từ Singapore qua, và cho dù một số người hoàn toàn được

sinh ra và lớn lên ở Malaya, họ vẫn không có mối quan hệ với quần

chúng cần có để chiếm được

niềm tin của họ. Thứ hai, chúng tôi không có kinh nghiệm vận động

trong Liên bang. Ở Singapore, mọi thứ là do tự nguyện, và thậm chí biểu

ngữ cũng do những người ủng hộ

cho không. Còn ở Malaya mọi thứ đều phải trả bằng tiền mặt, kể cả

cho những người đi dán áp phích
và treo biểu ngữ. Kết thúc cuộc
vận động, PAP nợ trên 60.000 đôla,
sau khi đã chi xài hết 40.000 đôla
tiền quỹ của riêng nó. Thứ ba,
việc tham gia hình thức của chúng tôi không trở thành một lý do tốt
để dân chúng chuyển từ MCA sang
PAP. Họ muốn giữ các quan hệ với
chính phủ đương quyền UMNO vốn
nắm quyền cấp các thứ giấy phép
làm ăn mà họ cần. Cách để
gây ảnh hưởng và thay đổi
thói quen bầu cử của họ lẽ ra là
phải đưa ra một đội ngũ ứng
viên đông đảo đáng tin cậy,

để xứng đáng với sự ủng

hộ của họ cho chúng tôi trong kỳ

vọng rằng chúng tôi sẽ đủ

mạnh để đối phó với UMNO.

Chúng tôi không hiểu rằng cân

bằng quyền lực là điều quan trọng nhất trong tâm tưởng

của các cử tri thành thị ở

Malaya, 75% trong số họ là người Hoa hoặc người Ấn và chỉ có

26% là người Malay.

Liệu việc PAP

tham gia bầu cử có khiến cho mối quan hệ giữa Kuala Lumpur và Singapore trở nên tồi tệ hơn không? Có, nhưng nó

không quan trọng so với nguyên nhân chính của sự xung đột và chia rẽ

sau này – đó là quyết tâm

của UMNO muốn duy trì ưu thế tuyệt

đối của người Malay.

Sau khi chúng tôi thất bại, quan hệ của chúng tôi
với các Bộ trưởng UMNO không hề
trở nên quá tồi tệ, nhưng họ
không thể giữ thái độ ôn
hòa mãi vì sự bất đồng cơ
bản này giữa hai bên. Họ muốn
chúng tôi tự hạn chế trong vòng
các cử tri người Hoa thôi và
ngưng thu hút các cử tri người
Malay. Họ sẽ không tha thứ bất cứ
sự thách thức nào đối với
nền tảng chính trị Malay mà họ
đang nắm giữ. Toàn thể cử tri
Malay nằm ngoài phạm vi các đảng
phái không phải của người Malay,

như PAP chẳng hạn. MCA đã chấp

nhận sự giới hạn đó, nhưng

chúng tôi thì không.

Nhìn lại, tôi tin rằng mọi sự hấn sẽ tồi tệ

hơn cho Singapore nếu chúng tôi hoãn việc tham dự vào các cuộc bầu

cử tại Malaysia cho đến cuộc bầu

cử kế tiếp vào năm 1969. Những

xung khắc tương tự với UMNO sẽ xảy

ra, nhưng nếu cuộc chiến Đối đầu

kết thúc, ảnh hưởng kiềm hãm

của người Anh hấn sẽ giảm bớt,

vì người ta không còn cần đến

binh lính của họ nữa, và các

lãnh tụ Malay thậm chí sẽ ít

bị cản trở hơn trong việc đối

phó với PAP.

UMNO hào hứng vì chiến thắng, MCA vững dạ, và
rắc rối dồn về cho PAP. Nhằm bộc
lộ sự bức bối của đảng Liên
hiệp đối với chúng tôi, chủ
tịch hạ viện – có lẽ sau khi đã
thỉnh thị Tunku, vì ông ta là một
dân biểu của UMNO – chuyển chỗ
ngồi của 5 thành viên PAP đại
diện cho Singapore trong nghị viện liên bang từ
hàng ghế bên phía chính phủ
sang hàng ghế của phe đối lập để
ngồi cùng với 7 dân biểu PAP khác
đã ở sẵn đó. Giữa những
việc khác, có vẻ như mối lo ngại
của Keng Swee về những kế hoạch công nghiệp hóa của chúng tôi sẽ

bị

chính phủ Liên hiệp hủy bỏ là

có căn cứ vững chắc.

Ngày 17/4, trong buổi nói chuyện tại Singapore với bốn phòng thương mại tại một bữa trưa để

chiêu đãi tôi sau chuyến công du

châu Phi, tôi đã đưa ra một

lý do hợp lý cho việc tại sao chúng tôi phải ra tranh cử trong cuộc bầu cử

của liên bang: “Chừng nào mà

MCA tin rằng họ có thể phục hồi

thế mạnh ở Singapore bằng cách sử

dụng thế lực cấp bộ của họ

trong chính phủ liên bang, họ sẽ bị

hút dần tới chỗ gây trở ngại

hoặc can thiệp vào Singapore,” và

điều đó chắc chắn sẽ dẫn

đến tái diễn mỗi xung đột

gay gắt vốn đã làm hỏng những

cuộc đàm phán về tài chính

khi tiến hành hợp nhất.

Cho đến giữa tháng 7, mọi việc vẫn tạm ổn.

Đột nhiên, Tan Siew Sin thể hiện lòng cao thượng sau chiến thắng bằng việc mời tôi dùng một bữa tối theo

kiểu Tàu tại nhà nghỉ Chính

phủ lian bang tại Frasser's Hill. Tôi sẵn sàng nhận lời. Ông ta thật lịch

sự, phần khởi và tự tin. Quan hệ

cá nhân của chúng tôi không hề

xấu tới mức chúng tôi không thể

thân mật và thoải mái với nhau,

và tôi quyết định giữ mối

quan hệ này bền vững. Bố ông ta

đã từng rất tốt với tôi.

Bi kịch của Tan cũng là bi kịch của cả một thế

hệ người Hoa sinh tại Malacca. Họ không hiểu rằng luật chơi tại một Malaya độc lập

– sau là Malaysia – là khác hẳn

những gì họ đã quen thuộc dưới

thời người Anh. Người Malay hiện là những kẻ cai trị. Họ cảm thấy bất

an vì họ tin họ không thể cạnh

tranh bình đẳng với người Hoa và

người Ấn. Vì thế họ quyết

định củng cố quyền lực đang

nắm được bất chấp có công

bằng hay không đối với các chủng

tộc khác, và người Hoa và người

Ấn càng cố chiếm đủ không

gian sinh tồn cho chính họ bao nhiêu, thì người Malay càng thấy đó

như

một thách thức đối với vị

trí thống trị của họ bấy nhiêu,

và họ càng thấy bất an hơn. Tan

hoàn toàn không nhạy cảm với

điều đó, như hầu hết những

người Hoa sinh tại Malacca. Trái lại, giới thương nhân nói tiếng
Hoa

nhanh chóng nhận ra mối nguy hiểm trong tình hình mới này. Họ đã
bắt

đầu cảm thấy áp lực, xuất

phát từ cảm giác bất an hơn là

từ một khao khát nào đó muốn

tiêu diệt nền văn hóa của người

Hoa, các lãnh tụ Malay đang áp đặt

một chính sách giáo dục được

trù tính để thúc ép và
giảm thiểu việc học tiếng Hoa và
việc truyền bá văn hóa Trung Quốc
thông qua các trường Hoa của họ.

Người Ấn ở

Malaysia, như anh em của Raja ở Serembang, cũng bồn chồn như
thế về tương lai

bởi vì tiếng Anh đang bị thay thế
dần bằng tiếng Malay. Họ biết mình

là khối thiểu số và chẳng có

cơ hội đạt được quyền

lực, và sẵn sàng vui lòng hòa

hợp với bất kỳ phe nhóm nào

chấp nhận cho họ có chỗ sống còn

và tiền thân, nhưng họ cũng sợ

hãi trước những đổi thay có

thể tước đi khỏi tay con cái họ

một nền giáo dục tốt và những

triển vọng công bằng. Họ đang mất

dần thế độc quyền làm việc

trong ngành đường sắt Malay a khi ngày càng có nhiều người Malay được

tuyển vào ngành. Tệ hơn nữa,

theo thời gian, các đồn điền cao

su lớn của những công ty Anh dần được bán lại cho nhà nước. Một số

rất lớn các công nhân cao su người Ấn sống nhờ vào những đồn

điền này và đã có được

những trường dạy tiếng Tamil cho con cháu mình, nay hầu như không được

chuẩn bị để tìm việc làm

trong những ngành khác. Họ rồi cũng trở thành một vấn nạn.

Với người Malay cũng vậy, đã có những thay

đổi chính trị và kinh tế đáng
lo ngại làm tăng cảm giác bất an
của họ. Lần đầu tiên trong đời,
Tunku phải bào chữa cho mình trong nghị
viện vì đã tăng lương 10% cho
các viên chức ngoại quốc làm
việc tại Malaysia. Không chỉ các dân biểu của PAP và Mặt trận xã
hội
chủ nghĩa là công kích ông ta,
mà cả Liên hiệp các nghiệp đoàn
nhân viên ngành dịch vụ công
cộng và dân sự vụ, cùng các
quan chức chính phủ thâm niên tại
Malaya cũng học được kinh nghiệm ở
Singapore và lên tiếng chống đối.
Một tuần sau, chính phủ phải nhượng bộ. Một tuyên bố được đưa

ra sau một phiên họp nội các nói

rằng chính phủ đã không tiên

liệu những ảnh hưởng gián tiếp

ngghiêm trọng đối với ngành dân

sự vụ và bày tỏ hối tiếc

vì mọi bất tiện đã xảy ra.

Nền chính trị thông dong của Malay a đã bắt đầu sôi nổi gay gắt hơn,

với PAP trong vai trò du nhập các tiêu chuẩn Singapore vào những cuộc tranh luận công khai tại Malaysia.

Sự ủng hộ

tăng mạnh của cử tri dành cho Tunku đã đưa tới một phản ứng gay gắt

từ phía Sukarno. Sau một cuộc họp sáu giờ với Tổng thống, Subandrio đã

ra những chỉ thị để tiến hành

một chiến dịch “Bóp nát

Malaysia” trên mọi lĩnh vực. Tháng

6, Tunku gặp gỡ Sukarno và Macapagal tại Tokyo. Cuộc gặp gỡ thất bại khi Sukarno cứ lặp đi lặp lại rằng: “Tôi

đã nói cả nghìn lần rằng

tôi không thể chấp nhận Malaysia. Tôi nói cả nghìn lần rằng đây

(Malaysia) là một màn kịch của Anh.

Nó phải bị bóp nát.”

Thủ tướng Úc Robert Menzies đã

phản bác lời đe dọa này và

tái khẳng định sự ủng hộ

của Úc dành cho Malaysia. Đến ngày

26/6, Tổng thống Johnson nói rằng Mỹ

luôn đứng bên cạnh ANZUS, khối

liên minh phòng thủ Úc, New Zealand và Mỹ. Mỹ sẽ can dự vào cuộc tranh

luận về Malaysia nếu hai đồng minh trong khối gặp khó khăn. Cuộc chiến Đới

đầu có thể bị giới hạn lại.

Nhưng chúng tôi còn có nhiều lý do để lo lắng
về Albar. Chúng tôi không biết ông
ta đã hoạch định điều gì,
và chỉ biết được vào ngày
thánh đàn của Đấng tiên tri
Mohammed.

36

ALBAR DÂY

LÊN LÒNG HẪN THÙ CỦA NGƯỜI

MALAY

Syed Ja'afar Albar là chuyên gia phá hôi của các nhà
lãnh đạo UMNO có óc thù địch
với Singapore. Ông ta là người Ả
Rập gốc Indonesia, nhỏ con, hói, gương
mặt tròn đầy nghị lực, râu
rậm và một giọng nói sang sảng.
Vào đầu thập niên 1950, ông ta
trông có vẻ hữu nghị. Hồi tháng
2/1955, lúc tôi tiễn Thủ tướng
Malaysia xuống tàu đến Anh dự Hội

nghe Lập hiến, Albar thúc tôi đứng

sát vào hơn để chụp ảnh

đăng báo, và nói bằng tiếng

Malay là “tranh thủ tối đa”. Ông

ta là một bậc thầy chuyên kích

động quần chúng, và sau này tôi

biết thêm, ông ta bạo tay và không

từ một thủ đoạn nào. Tiếng

Anh của ông ta chưa đủ để nói

trước công chúng, nhưng tiếng

Malay của ông ta thì tuyệt vời, với

khả năng diễn đạt rất dễ gây

ấn tượng. Ông ta đâu có cần

được đăng trên báo chí

tiếng Anh, vốn sau này sẽ mô tả

ông ta như một tay kỳ thị chủng

tộc đối với người nói tiếng

Anh không chỉ ở Malaysia mà còn cả

ở tầm quốc tế nữa. Ông ta nhắm

vào báo giới Malay, và những bài

viết gay gắt nhất của ông ta là

dành cho họ, nhất là tờ *Utusan Melayu* vốn được in bằng tiếng Jawi (mẫu tự

Ả Rập) mà người Hoa, người

Ấn, người Anh và những người

châu Âu khác không đọc được.

Tờ *Utusan* đã bị UMNO mua, và đó là

vũ khí mà Albar chọn để làm

những bài diễn văn của ông ta tác

động mạnh hơn.

Albar và báo chí Malay liên tiếp lặp lại điều

bịa đặt rằng tôi đã coi

Tunku là nhà lãnh đạo kém cỏi.

Giờ đây họ còn dựng lên một

chiến dịch kích động sự bất

bình của người Malay trong một số

vấn đề, thật có mà giả

cũng có, dựa trên sự kiện rằng

họ là những người kém thành

công nhất và nghèo khó nhất

trong số các cộng đồng tại

Singapore. Sự thật thì người Malay chưa

bao giờ bị chính phủ PAP kỳ thị

cả. Trái lại, họ còn được

hưởng giáo dục miễn phí, điều

mà các trẻ em thuộc các sắc

tộc khác chưa được hưởng,
và mặc dù không có chuyệ̣n hạn
định về lượng giấy phép tắc
xi hay bán hàng rong cho người Malay như
ở nội địa Malaya, chúng tôi cũng
phải bảo đảm là luôn luôn
có những cửa hàng hay quán sạp
của người Malay để phục vụ
cho đồng bào của họ ở khu lân
cận trụ sở Ủy ban Gia cư và Phát
triển. Ấy thế mà vào ngày
13/5/1964, tờ *Utusan* lại tường thuật rằng đã có
sự xôn xao và bất an trong số những
người Malay về chuyện phân bổ các
gian hàng tại chợ mới Geylang Serai, và

vào tháng 6, họ còn tuyên bố
rằng chính sách của PAP về các
trường học đã khiến nền giáo
dục của người Malay bị thoái hóa.

Cuộc công kích của Albar khởi sự vào ngày 21/9/1963,
ngay sau cuộc tổng tuyển cử của
Singapore, lúc UMNO tại Singapore kết tội các thành viên của
PAP là đã
khủng bố người Malay tại Geylang Serai ở
vùng đông của hòn đảo này
qua việc ném pháo vào nhà dân
chúng sau khi PAP thắng trong ba đơn vị
bầu cử của người Malay. Lúc ấy
tôi không nhận ra đó là một
phần của một chiến dịch. Nếu các
ủng hộ viên của chúng tôi có

ném pháo, tôi sẽ xin lỗi, và
tôi đã làm như vậy trên đài
truyền hình. Qua điều tra, những lời
cáo buộc đó hóa ra là vô
căn cứ. Nhưng bất kể sự thật
đó, các lãnh đạo UMNO đã
có thể kích động được
công chúng, đủ khiến cho họ đốt
hình nộm của tôi một tuần sau
đó.

Sau đó còn nhiều trò bóp méo nữa. Chẳng
hạn, sau khi Chin Chye tuyên bố vào ngày 1/3/1964 rằng PAP sẽ
tham gia vào cuộc tuyển cử liên bang, tờ *Utusan* liền chạy hàng tít:
"1.500 người

Malay bị đe dọa mất chỗ ở."

Thực tế ra là miếng đất mà

họ bị yêu cầu phải trả lại

là tài sản tư nhân. Chủ đất

có quyền chính đáng để ra

thông báo đòi họ dọn đi, và

ông ta sẽ phải thương lượng

với những người mướn và bồi

thường cho họ. Chuyện đó chẳng

dính gì tới chính phủ Singapore cả.

Tờ *Utusan* đã vờ như không biết chuyện

này, và vào ngày 28/5, họ lại

tung tin rằng 3.000 người Malay bị đe dọa mất chỗ ở của họ tại Crawford,

Rochor và Kampong Glam. Tôi đã đến

thăm ba đơn vị bầu cử này và

nói với dân chúng rằng những

giấy báo đòi nhà ấy được

gửi tới cho người Malay, người Ấn

và người Hoa y như nhau, chính là

để thi hành một kế hoạch do

chuyên gia Liên Hiệp Quốc đề trình

nhằm xây dựng lại thành phố,

khởi đầu là từ các vùng

ngoài xa rồi làm dần vào tới

trung tâm. Chúng tôi phải phá hủy

các tòa nhà cũ và tái định

cư cho những ai nằm trong kế hoạch tái

thiết đô thị này. Chúng tôi

sẽ cung cấp chỗ ở tạm cho họ gần

đó, và mỗi gia đình sẽ

được cấp 300 đôla để

trang trải cho phí tổn dời nhà, và

được ưu tiên trở về ở

lại một khi các tòa nhà mới

được xây xong.

Chúng tôi cũng bị công kích với những lý do mơ

hồ hơn. Vào ngày 23/5, một bài

xã luận của tờ *Utusan* đã tố cáo PAP và tôi kích

động những người không phải

dân Malay đòi hủy bỏ các đặc

quyền dành cho người Malay. Vào ngày

11/6, tờ báo này tuyên bố rằng:

“UMNO Singapore được chỉ đạo

là phải có biện pháp để

cứu các nạn nhân của PAP". Hôm

sau, họ cho chạy hàng tit khác:

“Người Malay tại Singapore ngày nay

đang đứng trước sự đe dọa,

đàn áp và chèn ép của

chính quyền. Không được đối
xử với con ruột của đất nước
như con ghê”. Một tuần sau, tờ
Utusan còn kêu gọi tất cả người
Malay hãy “đoàn kết sau lưng UMNO
để tạo sự phản đối mạnh
mẽ và hiệu quả đối với
chính quyền PAP,” và kêu gọi
Kuala Lumpur hãy hành động ngay để
bảo vệ các đặc quyền của
người Malay. Thế rồi UMNO tung ra “bạch
thư” kể rõ “nỗi thống khổ
của người Malay trong chế độ PAP
dưới sự lãnh đạo của Lee
Kuan Yew”. Lại một lần nữa, họ tố
cáo chúng tôi là đã đối

xử với người Malay như con ghê, và
nói rằng những người Malay phản
bội lại dân tộc mình vì đã
bỏ phiếu cho chúng tôi, giờ đây
mới nhận ra lỗi lầm của họ, bởi
hiện nay chính quyền đã chủ tâm
biến Geylang Serai thành một khu phố Tàu thứ hai.

Chuyện tất cả
những điều đó là dối trá
trắng trợn hay không thì cũng không
quan trọng miễn là chúng kích động
được công chúng Malay. Ví dụ
rõ nhất của nguyên tắc này là
vụ ngày 4/7, lúc tờ *Utusan* bóp méo bài diễn văn tôi phát
biểu tại Seremban, trong đó tôi có
nói “40% người Malay tại nước

Malaysia không thể thắng được 60%

không-Malay.” Tờ *Utusan* thuật lại điều đó như sau:

“Những người có thể đánh

đuổi người khác ra khỏi Malaysia

chính là người Hoa và những

người không-Malay, và kẻ bị

đánh đuổi đi là những người

Malay bởi họ là thiểu số.” Họ

đã lặp lại luận điệu này

mấy ngày liền sau đó, và khi

chúng tôi minh định rằng hiến

pháp Singapore chỉ công nhận “vị

trí đặc biệt” của họ mà

thôi thì họ lại tuyên bố rằng

PAP đang quyết tâm hủy bỏ “đặc

quyền” của người Malay.

Lúc đầu, tôi quyết định phản công lại

chiến dịch này bằng cách mời

tất cả các nhà lãnh đạo

Malay tại Singapore đến gặp tôi vào

ngày 17/7 để thảo luận trực diện

nhằm vạch trần các luận điệu

đối trá và bóng gió. Vào

ngày 30/6, UMNO đã ra tay trước tôi;

tờ *Utusan* thông báo UMNO sẽ tổ chức một

hội nghị bao gồm các đảng phái

Malay vào ngày 12/7 nhằm “thảo luận

về số phận và cảnh ngộ của

người Malay dưới sự cai trị của

PAP”. Cuộc họp này có sự tham

dự của toàn thể các chính đảng

Malay, mặc dù ba trong số đó chống

Malaysia và thân Indonesia. Không sao, hiện tình này đòi hỏi sự đoàn

kết thống nhất của người Malay, và

Albar đã khởi sự khuấy đảo

tình cảm của họ qua tuyên bố

rằng tình cảnh của người Malay

bây giờ còn ghệt thở hơn cả

thời người Nhật chiếm đóng.

Đoạn văn tiêu biểu sau đây

được lấy từ một trong các

diễn văn của ông ta:

“Tôi rất vui mừng là giờ đây những người

Hồi giáo và người Malay tại

Singapore đã thể hiện tình đoàn

kết, chuẩn bị cùng sống chết với

nhau vì chủng tộc và thể hệ mai
sau của chúng ta. Một khi đã có
sự đoàn kết nhất trí đó,
không một thế lực nào trên thế
giới này có thể chà đạp
chúng ta nổi, không một thế lực
nào có thể làm nhục chúng ta
được, không một thế lực nào
có thể xem thường chúng ta. Không
một Lee Kuan Yew, hay một nghìn Lee Kuan Yew nào...
chúng ta sẽ hạ gục chúng...”

(Vỗ tay. La hét. “Giết hấn...

Giết hấn... Othman Wok và Lee Kuan Yew...

Lee Kuan Yew... Lee Kuan Yew... Othman Wok.”) “Bất chấp
chúng ta bị chính quyền PAP áp

bức đến mức nào, bị chà

đạp đến mức nào, và địa

vị của chúng ta bị bóp vụn chèn

ép đến mức nào, vậy mà

theo cái kiểu lý luận của Lee Kuan

Yew thì: Ê, các người, chủng tộc

thiểu số trên hòn đảo này,

câm miệng lại. Ở đây, tôi

muốn nói với Lee Kuan Yew rằng: Chính

ông hãy câm miệng lại chứ đừng

bảo chúng tôi.”

Toàn bộ cuộc hội nghị đã được trình

chiếu trên Đài truyền hình Malay

tại Kuala Lumpur vào tối hôm đó.

Trong số các nghị quyết được

thông qua có lời kêu gọi tẩy

chay hội nghị ngày 17/7 của chính phủ

mà trong đó tôi sẽ nói chuyện

với các nhà lãnh đạo quần

chúng Malay. Cuộc khuấy động chủng

tộc rầm rộ trên các báo Malay

đã thổi bùng cảm xúc của

người Malay trên cùng khắp liên

bang. Vào ngày 14/7, bộ chỉ huy cảnh

sát liên bang đã công bố rằng

các vụ xung đột đã xảy ra

tới tận miền Bukit Mertajan xa xôi, thuộc tỉnh Wellesley, cách Singapore 500 dặm về

phía Bắc, có hai người bị giết

và 13 người khác bị thương.

Những vụ xung đột Malay – Hoa đã

từng xảy ra nhiều lần tại cựu

thuộc địa Penang này sau khi nó được

sáp nhập vào Liên bang Malay a năm 1948

và các đặc quyền của người

Malay đã được áp dụng tại

đây, trong khi trước đây không

hề có chuyện này.

Bất chấp lời kêu gọi tẩy chay, có khoảng 800 đại

biểu thuộc 83 tổ chức của người

Malay và 300 *ketua* (trưởng thôn) đã tham dự hội

nghị của chính quyền. Tôi đã

nói chuyện bằng tiếng Malay và chúng

tôi thảo luận các vấn đề về

giáo dục, công ăn việc làm, nhà

ở dành cho người Malay. Chẳng có

ai thắc mắc gì về chuyện tái

định cư tại Crawford, vốn từng bị

người ta dùng làm ngòi nổ cho

cuộc xách động. Trong năm tiếng
đồng hồ bàn bạc chân tình,
tôi đã nói rõ là chính
phủ sẽ làm mọi điều có thể
được để đào tạo giúp
người Malay vươn lên được
địa vị cao, thế nhưng không hề
có hệ thống hạn định công
ăn việc làm hay hạn định giấy
phép hành nghề tắc xi hoặc bán
rong.

Truyền thanh và truyền hình tại Kuala Lumpur đã lờ
đi không đưa tin về hội nghị
này. Thay vào đó, *Utusan* còn cho chạy hàng tit lớn đầy
ác ý vào ngày hôm sau rằng:

“Thách thức với Đoàn Thanh niên

UMNO toàn Malay, Lee Kuan Yew kết tội: Thầy giáo bắt học sinh ngửi thịt heo – phản đối”. Hàng tít này

có tính cách gây kích động

khi buộc một người Hồi giáo phải

làm điều mà họ căm ghét,

nhất là sắp tới ngày đản

sinh của Đấng Tiên tri Mohammed, một mùa lễ rất quan trọng đối với tất

cả những người theo Hồi giáo.

Ngày kỷ niệm đản sinh của Đấng Tiên tri Mohammed

là ngày thứ Ba, 21/7/1964, một ngày

nghi lễ chung. Theo lệ, người Malay sẽ

tụ tập tại một số nơi rộng

rãi trong thành phố và tuần hành

về khu của họ tại Geylang Serai cùng

với trống lớn, trống nhỏ, hát

những bài thánh ca mừng lễ. Lần

này, cuộc diễu hành bắt đầu

tại Padang, nhưng thay cho các bài thuyết pháp như vẫn thường có trước

đây, lại xảy ra những bài diễn

thuyết chính trị cổ tình khuấy

động tình cảm căm thù của

người Malay.

O thman Wok, Bộ trưởng các vấn đề xã hội, đã

có mặt tại Padang cùng với một

nhóm người Hồi giáo Malay của

PAP. Ông đã biết thế nào cũng

có chuyện rắc rối xảy ra, bởi

chín ngày trước đó, trong một

cuộc mít-tinh tại Singapore, Albar đã

kết tội tất cả những dân biểu

Malay thuộc PAP vì đã không còn

là dân Hồi giáo, chống Hồi

giáo, chống Malay và là những kẻ

phản bội cộng đồng. Ngay tại

Padang, ông cũng đã cảm thấy tất

sẽ có điều gì đó xảy

ra vào chiều hôm đó, bởi giữa

những lúc ngừng của các bài

diễn văn là những tiếng hét

"*Allahu Akbar*" (Thượng đế Vĩ đại), tiếng

la vang lên trong giận dữ, chứ chẳng

phải để ca tụng đáng Allah.

Esa Almenoar, một luật sư người Ả Rập, một kẻ ăn

chơi và cũng là một tay Hồi giáo

có lẽ phá giới nhất trong luật

sư đoàn, đã đề cập tới

vụ tái định cư ở Crawford bằng

cách trích một đoạn trong Koran:

“Allah không cấm bạn đối xử

nhân từ và công bằng với những

người không chống lại bạn vì

lý do tôn giáo hay cũng không xua đuổi

bạn ra khỏi nhà bạn, thật sự là

Allah yêu sự công bằng.” Ông ta

giải thích ý nghĩa của đoạn

này như sau: “Rõ ràng đáng

Allah không ngăn người Hồi giáo

làm bạn với những người không

Hồi giáo... nhưng tất cả những

gì chúng ta làm cũng đều phải

có một giới hạn ở chỗ nếu

những người không Hồi giáo phá
rối tôn giáo của chúng ta và
xua đuổi chúng ta ra khỏi nhà mình
thì những người Hồi giáo phải
gọi những kẻ đó là bọn làm
bậy độc ác.”

Tôi vừa chơi xong ván gôn vào lúc 6 giờ 20 chiều
thì cảnh sát báo động những
vụ đụng độ Malay – Hoa đã
xảy ra trong cuộc rước lễ và tình
trạng rối loạn đang lan tràn. Tôi
chạy vội về nhà để thay quần
áo và chạy đến bộ chỉ huy
cảnh sát Pearl’s Hill, rồi cùng với

Keng Swee nghe John Le Cain, chỉ huy trưởng cảnh sát và George
Bogaars, giám đốc Sở

đặc vụ báo cáo tóm tắt.

Khi các báo cáo về tổn thất

liên tục đổ về, lúc đầu

là các nạn nhân người Hoa, sau

đó là người Malay khi bị người

Hoa đánh trả, Le Cain họp với ban chỉ

huy cảnh sát ở Kuala Lumpur và ra lệnh

giới nghiêm từ 9 giờ 30 tối đến

6 giờ sáng. Trong một chương trình

phát thanh lúc 10 giờ 30 tối hôm đó,

tôi thuật lại, theo lời của cảnh

sát, chuyện bạo động đã xảy

ra thế nào:

“Khoảng sau 5

giờ chiều, đám rước của gần

25.000 tín đồ Hồi giáo đi ngang
qua Nhà máy Khí đốt Kallang nằm
trong khu vực đa số người Hoa. Một
nhân viên của Đơn vị dự bị
Liên bang (cảnh sát biệt phái từ
Malaysia qua) đã yêu cầu một nhóm
tách rời khỏi đám rước hãy
gia nhập trở lại. Thay vì tuân lệnh,
đám người đó lại gây
sự. Từ đó, hàng loạt rối
loạn diễn ra khi ngày càng có nhiều
nhóm trở nên hung hãn, tấn công
khách qua đường và những người
vô tội đứng gần đó. Các
vụ bạo loạn đã lan tràn nhanh

chống khắp khu Geylang. Đến 7 giờ tối

thì rối loạn đã nổ ra ngay trong
thành phố.”

Tôi đã kêu gọi (mọi người) hãy bình tĩnh
trở lại:

“Vấn đề

ai hay cái gì đã gây ra tình

trạng này thì cũng đều không

quan trọng vào lúc này. Tất cả

mọi dấu hiệu đều cho thấy đã

có sự tổ chức và âm mưu

đằng sau chuyện lộn xộn này nhằm

biến nó thành một vụ xung đột

chủng tộc xấu xa... Nhưng giờ đây,

công việc của chúng ta là ngăn

sự ngu xuẩn này lại... Những lời

đồn và hô hào chuyện trả
thù sẽ chỉ làm cho người ta thêm
giận dữ.”

Thế nhưng những căm ghét chủng tộc đã dấy
lên rồi, và hỗn loạn cũng đã
xổ lồng. Tin tức, vốn bị bóp méo
và thổi phồng, chẳng bao lâu lan
truyền từ cửa miệng người này
sang cửa miệng người khác. Trên
toàn hòn đảo, người Malay bắt
đầu giết người Hoa, và người
Hoa đã trả thù. Thiệt hại lên
đến 23 người chết và 454 người
bị thương, và khi người ta đếm
xác ở nhà xác, thì số nạn
nhân người Malay cũng nhiều không

thua gì số nạn nhân người Hoa.

Các băng nhóm hội kín đã

nhảy vào để bảo vệ người

Hoa và thực hiện báo thù, không

kém gì sự đối xử thô bạo

mà nhân viên trong Trung đoàn Malay và

Đơn vị dự bị Liên bang, chủ

yếu gồm toàn người Malay, đã

dành cho họ. Bạo động dấy lên

từng đợt trong mấy ngày sau đó,

vào những lúc lệnh giới nghiêm

được tạm ngưng cho người ta đi

chợ. Mãi tới ngày 2/8 thì chuyện

này mới kết thúc.

Bất kể chuyện tàn sát như vậy, tờ *Utusan* vẫn tiếp tục xúi giục. Vào ngày

26/7, tờ này đã cho đăng một

bài lấy từ báo Indonesia với tiêu

đề “Lee chịu trách nhiệm về

những vụ bạo loạn tại Singapore”,

mặc dù chính phủ Malay và chính

phủ Singapore đều đã kêu gọi

binh tĩnh và hòa giải. Sáu

ngày sau đó, Albar lên tiếng rằng

các vụ bạo động đã xảy

ra vì “đã có kẻ tai quái

tại Singapore khiến người Malay và

người Hoa chống đối nhau... Tại

sao dưới thời của các chính phủ

Anh, Nhật, David Marshall và Lim Yew Hock lại không hề có
những tai biến nào

xảy ra ở Singapore... Chính bởi vì

Lee Kuan Yew đã cố thách thức và
đùa bỡn tinh thần dân tộc của
chúng ta. Các bạn nên nhớ... ông
ta đã nhạo báng chúng ta ra sao khi
nói rằng, các bạn đã nhận
được sự độc lập trên một
cái đĩa bằng bạc... Tự các
bạn cũng có thể thấy ông ta đã
thách thức hoàng gia của chúng ta ra
sao khi nói rằng: “Tunku Abdul Rahman không có năng lực.”

Lúc ấy Tunku đang ở Mỹ, sau khi đã dự Hội
nghị Bộ trưởng Khối Thịnh vượng
Chung ở London. Phát biểu qua đài phát
thanh Malaysia tại Mỹ, ông nói ông rất
sửng sốt trước vụ này, và
trong một cuộc phỏng vấn trên ti-vi,

ông bảo đây là “giây phút
buồn bã nhất trong đời mình”.

Với tư cách thay mặt Thủ tướng,
Razak đã bay đến Singapore, và tôi
đã ra đón ông tận phi trường.

Ông phát biểu với báo chí rằng
tình thế vẫn trong tầm kiểm soát,
tuy có nghiêm trọng, và lệnh giới
nghiêm sẽ tiếp tục vô thời hạn.

Nguyên nhân của vụ rối loạn là
có một kẻ muốn gây chia rẽ đã
ném chai vào đám rước, ông
ta tuyên bố. Qua các phóng viên, ông
cũng biết là không phải vậy. Tôi
vẫn mong chính phủ trung ương sẽ

chặn đứng tất cả những trò
vận động chính trị mang tính
phân biệt chủng tộc.

Tôi tuyên bố
qua truyền thanh và truyền hình rằng
đã triển khai các kế hoạch nhằm
vấn hồi trật tự, và kiên quyết
nhấn mạnh rằng các kế hoạch sẽ
bao gồm cả việc bắt giữ những
thành viên chủ chốt của các hội
kín và đặt các hoạt động
của những phân tử cực đoan ngoài
vòng pháp luật. Cùng lúc đó,
chúng tôi cũng xúc tiến thành
lập các ủy ban thiện chí tại
tất cả các khu vực bầu cử, giúp

các nhà lãnh đạo thuộc các
cộng đồng Hoa, Malay, Ấn, Âu phục
hồi lòng tin lẫn nhau và ngăn chặn
những trò đòn đại. Tôi đi
đến những khu bị thiệt hại nặng
nè để cho thấy chính phủ
Singapore đã có mặt, và cố gắng
tạo cho mọi người ấn tượng
rằng chúng tôi vẫn có thể làm
được mọi chuyện và vẫn hồi
trật tự mặc dù chúng tôi không
còn nắm cảnh sát và quân đội
nữa. Trong thâm tâm, tôi cảm thấy
thất vọng vì đã không nắm
được các công cụ của pháp

luật và trật tự, và chẳng thể
xử trí được những kẻ kỳ
thị chủng tộc trắng trợn. Tuy nhiên,
bằng sự tỉ mỉ và có phương
pháp, chúng tôi đã thu thập dữ
liệu có được để làm
sáng tỏ chuyện họ đã khai thác
có hệ thống các phương tiện
truyền thông nhằm khơi dậy tình
cảm chủng tộc của dân chúng
thông qua những lời dối trá và
xuyên tạc ác ý.

Sau đó, chính phủ đã cho công bố một giác
thư vạch rõ những biến cố dẫn
đến những vụ bạo loạn. Giác
thư đó như sau:

“Giác thư

này nhận định rằng, không giống

như trước đây, chính các nhà

lãnh đạo chính trị có uy thế

và báo chí đã được

phép công khai tuyên truyền chính trị

và chủng tộc trong nhiều tháng liên

tục. Những người làm tuyên truyền

chủng tộc này không phải loại

cuồng tín vô danh tiểu tốt, chẳng

có mấy tài lực và phương

tiện để truyền bá lời nói

của mình... Lần này, những tay

tuyên truyền chủng tộc hung hăng bao gồm cả những con người và
những tờ

báo có quan hệ mật thiết với

chính quyền trung ương và với
đảng cầm quyền tại Malaysia.”

Giác thư kết luận rằng không có lúc nào
giới đương quyền tại Kuala Lumpur
chịu kiềm chế những kẻ chuyên lao
vào cuộc tuyên truyền kỳ thị
chủng tộc mang tính kích động
cả. Chẳng có ai chịu chặn nó
lại, và chẳng có ai bị truy tố
vì xúi giục nổi loạn cả, trong
khi việc đó có thể làm rất
dễ dàng. Bằng chứng có được
đã cho thấy rõ rằng các vụ
bạo động chẳng phải sự biểu
hiện tự phát và vô cớ của
những thù hằn giữa các chủng

tộc. Mục đích của chiến dịch

chủ yếu là để tái lập ảnh

hưởng chính trị của UMNO nơi người

Malay tại Singapore. Một mục tiêu thậm

chí còn quan trọng hơn thế nữa

là dùng người Malay ở Singapore làm

mồi cho việc củng cố sự ủng hộ

UMNO của người Malay ngay tại Malaysia. Bằng cách đổ trách nhiệm về những

vụ bạo loạn cho chính quyền của

chúng tôi và mô tả nó là

trò đàn áp người Malay tại

Singapore, thủ phạm hy vọng sẽ khiến

được dân chúng tại các vùng

khác của liên bang cùng liên minh lại

quanh UMNO để được bảo vệ.

Một tuần sau những vụ bạo loạn, Othman Wok, từng là
phó tổng biên tập của tờ *Utusan Melayu*, được một phóng viên lão
thành của *Utusan* ở

Kuala Lumpur cho biết rằng vào 2 giờ chiều ngày

21/7 ông đã biết sẽ có điều

gì đó xảy ra rồi. Othman hỏi:

“Thế nhưng mãi tới 4 giờ chiều

chuyện bạo loạn mới diễn ra, làm

sao anh biết trước được?”

Tay phóng viên *Utusan* trả lời: “Chúng tôi đã
biết trước, chúng tôi có nguồn
tin riêng mà.”

Những người có trách nhiệm thì lại muốn
dành trang nhất cho những tin tức hấp
dẫn hơn.

Chin Chye kêu gọi phải có một ủy ban để điều

tra lý do của vụ bạo động. Thế
nhưng tại Kuala Lumpur, Bộ trưởng liên
bang Khir Johari lại nói chính quyền sẽ
tiến hành một cuộc mổ xẻ phân
tích về những chuyện lộn xộn đã
xảy ra, chứ chẳng phải một cuộc
điều tra. Họ không muốn để
Albar và tờ *Utusan* bị tra xét. Điều đó không
làm cho ai yên tâm được. Và
bầu không khí giữa các cộng
đồng cũng vậy. Điều quan trọng
là không để dân chúng người
Hoa bị đe dọa, bằng không những kẻ
cực đoan và những nhân vật trong
UMNO sẽ đạt được mục tiêu

của họ là tạo ra một dân chúng
dễ phục tùng và sợ hãi, và
dễ uốn nắn khi bị đối xử như
những công dân hạng hai. Tuy nhiên
nhiều người Hoa đã cảm thấy
sợ hãi vì sự phân biệt đối
xử công khai của quân đội và
cảnh sát Malay trong thời kỳ bạo loạn,
và hậu quả của tình trạng bạo
động vô lý này là khiến
hai chủng tộc xa cách nhau hơn. Người
Hoa cảm thấy bị ngược đãi và
nhìn người láng giềng Malay của
mình với sự lo sợ và nghi ngờ,
trong khi những người Malay sống trong các khu có đông người
Hoa thì lại

sợ bị tấn công khi bạo loạn chủng
tộc nổ ra. Các gia đình người
Hoa sống lẻ loi trong các khu người
Malay đã âm thầm dời đến
sống cùng bà con của họ ở nơi
khác, cho dù điều đó có
nghĩa là họ phải bán rẻ nhà
cửa. Tình trạng tương tự cũng
đã xảy ra cho các gia đình người
Malay tại những khu đa số người
Hoa, họ phải sống tị nạn tại các
trường học và các trung tâm cộng
đồng dưới sự bảo vệ của
cảnh sát.

Thật là một sự đau lòng khủng khiếp, một sự
phủ định sạch tất cả những

gì chúng ta đã tin tưởng và

đã đấu tranh để giành lấy – đó là một sự hòa nhập từng bước và
xóa đi sự chia

rẽ chủng tộc. Khó có thể xóa

tan hay dẹp bỏ được lòng nghi kỵ

thâm căn cố đế một khi sự

giết chóc phi lý bị khơi dậy,

đơn giản chỉ vì diện mạo của

nạn nhân, cho dù đó là người

Hoa hay người Malay. Tại một trung tâm

cộng đồng nông thôn mà tôi

đã tới, một phụ nữ Malay độ

35 tuổi đầy kinh hoàng đã bầu

lấy tay tôi khi kể lại chuyện một

số người Hoa đã muốn cưỡng

hiếp chị như thế nào, trong khi đó,

một ông người Hoa đã đến
đồn cảnh sát địa phương
để kêu ca rằng cảnh sát Malay lạm
dụng quyền hành và ra lệnh ông
ta phải thủ dâm bởi có một số
người Hoa đã cưỡng hiếp một
phụ nữ Malay ở khu lân cận. Người
ta đã làm những điều ngu xuẩn
và đã man với nhau khi người ta cứ
nhận diện kẻ thù qua chủng tộc,
xem đó cứ như một thứ quân
phục của phe địch.

Vào ngày 14/8, Thủ tướng Malaysia từ Mỹ về nước.
Ông đã bật khóc khi nói về
những vụ bạo loạn tại Singapore. “Tôi
đã luôn yêu cầu là các

nhà lãnh đạo phải cẩn thận
trong khi phát biểu để tránh mọi
điều qua tiếng lại. Nhưng có một
số lại bắt cần trong các bài
diễn văn, dẫn đến những sự cố
này,” ông nói. Điều ông
nói nghe rất mơ hồ. Ai đã bắt
cần trong các bài phát biểu, Ja’afar
Albar hay tôi? Tôi hy vọng ông muốn ám
chỉ Albar, nhưng không có gì chắc
chắn lắm. Ông đã đề điều
đó mơ hồ, đủ cho tờ *Utusan* tiếp tục chĩa mũi dùi vào tôi.
Vẫn giữ vẻ cương quyết, tôi
nói tôi tin rằng Thủ tướng sẽ
trấn áp được những kẻ cực

đoan tại Malaysia, tôi cũng hỏi thúc
mọi người hãy giúp cho công việc
của ông thêm dễ dàng, và nhân
mạnh rằng không có cách nào
khác để đạt được sự
hợp tác hòa bình giữa các
cộng đồng.

Mấy ngày sau Thủ tướng Malaysia đến Singapore để
tìm hiểu tình hình. Nói chuyện
với người Malay tại Geylang Serai, ông
cam đoan sẽ sớm có các kế hoạch
để giúp họ “nâng cao địa
vị kinh tế và xã hội”, ý
ông muốn nói là giúp họ đạt
mức sống ngang bằng với người Hoa
và người Ấn. Tôi cũng có

mặt và phát biểu rằng sự thành
công của Malaysia đã dựa rất
nhiều vào những quyền lợi và
bổn phận pháp định. Điều đó
tùy thuộc vào lòng trung thành và
sự tin cậy, và tôi tin tưởng rằng
Thủ tướng có thể giải quyết
được các vấn đề đang đặt
ra. Tôi đã bày tỏ với ông
rằng tôi tin tưởng ông đang làm
điều đúng đắn. Quyền lực
giờ đây đang trong tay ông.

Ngày hôm sau, ông kết thúc chuyến viếng thăm
bằng bài phát biểu trước hàng
nghìn người tại trường St. Patrick
thuộc vùng duyên hải phía đông

nơi có đủ các sắc dân Hoa,
Âu Á, Ấn và Malay chịu ảnh
hưởng giáo dục Anh. Ông kêu gọi
mọi người Malay giúp ông giải tỏa
bớt gánh nặng, kêu gọi sự hòa
hợp để mọi chủng tộc đều
có thể sống theo tập quán và
tín ngưỡng của mình. Tôi đã
hứa rằng chính phủ Singapore sẽ làm
hết sức mình để giải quyết
các vấn đề xã hội đã
làm rối loạn các quan hệ cộng
đồng. Khi về nước vào ngày
hôm sau, ông nói ông đã về
“trong sự nhẹ nhõm cả người”,

trong khi tôi mạnh dạn nói về “một
sự khởi đầu tan đi băng giá”.

Những vụ bạo loạn không chỉ giáng một đòn
bất lợi cho Malaysia ngay trong nước. Trước khi xảy ra chuyện, dư
luận quốc tế
đang phát triển có lợi cho Malaysia.
Thật sai lầm khi các nhà lãnh đạo
UMNO cho phép Albar dàn dựng nên những
xung đột chủng tộc tại Singapore và
do đó giúp Sukarno có được lợi
thế tuyên truyền – một bằng chứng
cho thấy Malaysia là một thực thể thực
dân kiểu mới với đầy những
xung đột chủng tộc đe dọa sự
thống nhất của liên bang. Đó là
cái giá nặng nề mà chính phủ

Malaysia phải trả đũa cho PAP bài

học về việc tham gia vào tuyển cử

tại Malaya và để giành lại thế

đứng đã mất của người

Malay trong cuộc tuyển cử Singapore năm 1963.

Các nhà lãnh đạo UMNO biết

những gì Albar đang làm khi đọc

tờ *Utusan Melayu*, nhưng lại làm ngơ, để mặc cho

ông ta lần tới.

Các nhà ngoại giao, cả ở Singapore lẫn Kuala Lumpur, đều báo cáo về nước họ những

gì đã diễn ra. Head nói với

London rằng ông “không nghi ngờ gì

về việc chính phần tử cực đoan

của UMNO đã đóng vai trò đáng

kể trong chuyện làm dấy lên những

vụ bạo động chủng tộc tại

Singapore.”

Cao ủy Anh tại Kuala Lumpur báo cáo:

“Các vụ

bạo động có nguồn gốc chính

trị hơn là tôn giáo; đã có

một vụ tương tự xảy ra tại

bang Penang trước đó một tuần

nhưng không nghiêm trọng bằng. Mâu

thuẫn chủng tộc trở nên gay gắt

trong suốt mấy tháng qua do một chiến

dịch tuyên truyền (chủ yếu do tờ

báo tiếng Malay hàng đầu là

Utusan Melayu tiến hành) chỉ trích chính phủ

PAP tại Singapore là đã đối xử

bất công với người Malay tại đó.

Utusan Melayu thường hoạt động với tư cách

cơ quan ngôn luận của UMNO, và đặc

biệt là của tổng bí thư cực

đoan Syed Ja'afar Albar. Việc mất các

ghế đại biểu cho người Malay trong

Hội đồng lập pháp Singapore vào

tay của PAP hồi tháng 9 vừa qua quả là

cay đắng, và sự bất mãn của

UMNO tăng lên do việc PAP can thiệp vào

cuộc tổng tuyển cử Malaya vào tháng

4 (mặc dù không thành công), và

do những nỗ lực liên tục của PAP

nhằm thiết lập một tổ chức quần

chúng tại tất cả các thành phố

lớn của Malaya.”

Báo cáo của Ủy ban Tình báo hỗn hợp (Viễn

đồng) gửi cho Hội đồng Tham mưu

Anh có đoạn: “Chiến dịch chống

lại PAP do chi bộ UMNO tại Singapore tiến hành có sự hỗ trợ tích cực

và công khai của ban lãnh đạo

UMNO tại Kuala Lumpur.”

Tổng lãnh sự

Mỹ tại Singapore, Arthur H. Rosen, trong bức điện gửi về Bộ Ngoại giao, đã nói

rằng các vụ bạo loạn “có

nguồn gốc chính trị” và là

“kết quả đương nhiên”

của “cả một thời kỳ dài

kích động chính trị chống lại

PAP, với những hàm ý rõ rệt về

chủng tộc, do các nhà lãnh đạo

UMNO tiến hành.”

Donald McCue, đại diện lâm thời của tòa đại
sứ Mỹ tại Kuala Lumpur, đã chứng
thực điều này trong báo cáo gửi
về cho Bộ Ngoại giao:

“Dato Nik Daud (thư
ký thường trực của Bộ Nội
vụ) đã nói với tôi rằng Bộ
của ông tin rằng các vụ bạo động
tại Singapore là do những phần tử cực
đoan Malay gây ra. Ông thừa nhận cuộc
mít–tinh ngày 12/7 của Syed Ja’afar
và các bài diễn văn ở Singapore
đã làm nặng thêm mối bất
hòa chủng tộc vốn dĩ đã có
sẵn. Daud, một người Kelanta, là một

người Malay hơn cả Malay. Nếu có
bất cứ nghi vấn nào về trách
nhiệm của các phần tử cực đoan
trong những vụ bạo động tại
Singapore, Daud sẽ cho họ trắng án vì
không đủ bằng chứng.”

W.B. Pritchett, Phó Cao ủy của Úc tại Singapore, đã
báo cáo về cho Canberra: “Không còn
nghi ngờ gì nữa rằng trách nhiệm
về những vụ bạo động tại
Singapore là hoàn toàn của UMNO khi các
thành viên của họ tiến hành
chiến dịch kỳ thị chủng tộc, hoặc
là đã dung dưỡng chiến dịch
đó.”

New Zealand kết luận:

“Sự thật rằng chính UMNO (và trên hết là các nhà lãnh đạo của UMNO) phải chịu trách nhiệm chính trong chuyện đổ vỡ mới đây, bởi việc họ đã dùng đến sự kích động tình cảm kỳ thị chủng tộc của người Malay. Chúng tôi thấy rằng Razak và các nhà lãnh đạo khác của UMNO đã không hành động ngay để kịp kiềm chế những quá quắt của các phần tử cực đoan như Ja’afar Albar và chúng tôi thậm chí còn hoang mang lúng túng trước phản ứng của

chính quyền liên bang trước các

vụ bạo động.”

Sukarno đã tiến hành một chương trình phát thanh

xúi giục người Hoa ở Singapore không

ủng hộ Malaysia. Thế rồi vào ngày

17/8, Jakarta cho đổ bộ 30 lính vũ trang vào bờ biển phía Tây
Johor, đối

diện với Sumatra, để gây rối. May

thay, họ đã bị cô lập. Hai tuần

sau đó, Indonesia gửi thêm 30 người

nữa nhảy dù xuống từ hai chiếc

máy bay. Phần lớn đều bị bắt,

Jakarta đã tuyên bố rằng đó

là những người Malay chiến đấu

vì tự do và những người

Indonesia tình nguyện. Thật ra, hầu hết

họ đều là lính nhảy dù
người Indonesia. Sukarno đã đi quá
trón. Malaysia đã đệ đơn kiện
chính thức với Hội đồng Bảo
an Liên Hiệp Quốc, và nước Anh đã
huy động hai hàng không mẫu hạm
có tăng cường máy bay và tàu
tiếp vận. Sukarno hứa sẽ chấm dứt
những hoạt động như vậy.

Cũng trong ngày Indonesia cho người nhảy dù xuống, các
cuộc đụng độ Malay – Hoa đã
nổ ra tại Geylang. Một người phu xích
lô bị giết và tài xế của
một chiếc xe hơi bị tấn công. Bất
kể lệnh giới nghiêm, bạo động
vẫn diễn ra trong suốt ba ngày liền,

với 13 người bị giết và 109 người
bị thương. Một lần nữa, thiệt
hại của người Malay hay người Hoa
cũng ngang nhau. Lúc đó tôi đang ở
Brussels dự lễ kỷ niệm 100 năm Quốc
tế Xã hội chủ nghĩa. Chin Chye, Thủ
tướng nhiệm quyền, nói rằng các
mật viên Indonesia đã gây ra chuyện
bạo loạn. Tình hình trở nên bấp
bênh đến độ chỉ cần người
Malay hăng lên hành hung một vài người
Hoa thôi là cuộc trả đũa sẽ
nổ ra liền.

Sau khi nổ ra vụ
bạo loạn lần thứ hai, nội các
Malaysia, trước áp lực ngày càng

tăng của công chúng tại Singapore, đã

ra lệnh thành lập một ủy ban điều

tra do thẩm phán E.A. Chua làm chủ tịch; để điều tra nguyên nhân của

những rối loạn tại đây, cũng

như những vụ trước đó tại

Bukit Mertajam thuộc tỉnh Wellesley. Tuy nhiên chính phủ liên bang lại ra lệnh giữ

kín nó trước công chúng và

báo chí. Mãi đến ngày

20/4/1965, tức bảy tháng sau đó, ủy

ban mới tiến hành các cuộc thẩm

cung.

Trong diễn văn khai mạc, cố vấn chính phủ Malaysia

nói rằng ông sẽ chứng tỏ hai vụ

rối loạn trên đều là việc

làm của các mật viên Indonesia tại
Singapore. Ông đã cho triệu ra hầu tòa
85 nhân chứng để cung cấp bằng
chứng cho điều này, thế nhưng bằng
chứng của 5 nhân chứng quan trọng mà
ông đưa ra đã không chỉ ra
được điều đó. Tất cả
họ đều khẳng khẳng phủ nhận
chuyện Indonesia có ít nhiều dính
dáng đến những vụ bạo động.
Cuộc chất vấn một nhân chứng
thuộc loại hàng đầu đã diễn
ra như sau:

Hỏi: Trong suốt các tháng 5, 6 và 7, với tất cả
những chuyện như tôi vừa nói với
anh – việc tuyên truyền công khai và

kéo dài, anh có đồng ý là

cảm xúc của người Malay tăng lên

rất cao không?

Trả lời: Đồng ý.

Hỏi: Và nó cũng tiếp tục như vậy vào ngày

xảy ra các vụ bạo động, phải

vậy không?

Trả lời: Đúng vậy.

Hỏi: Anh có đồng ý là chính chuyện tuyên

truyền cao độ là nhân tố có

liên quan đến các vụ bạo động

không?

Trả lời: Đồng ý.

Quan trọng hơn là bằng chứng soi rọi vào các vụ

bạo động do Keng Swee đưa ra. Ông đã

gặp Razak tại Kuala Lumpur vào ngày 28 và 29/7/1964, một tuần sau vụ bạo động

đầu tiên. Razak đã bảo rằng

ông ta đã thấy được một
lối thoát. Ông ta sẵn sàng xây
dựng một chính quyền Malaysia trong đó
PAP sẽ có đại biểu trong nội các
liên bang – với điều kiện tôi
từ chức Thủ tướng Singapore; tôi
có thể nhận một chức vụ ở
Liên Hiệp Quốc và đóng góp
hiệu quả hơn ở cương vị đó.

Sau hai hoặc ba năm người ta có thể
duyet xét lại chức vụ này.

Keng Swee hỏi lại, liệu Albar có bị cách chức không.

Razak trả lời: “Không.” Razak đã
nhấn mạnh khi nói với Keng Swee rằng
ông ta kiểm soát được Albar và

Utusan Melayu, và ông ta cam đoan là mình có thể

kiểm soát được *Utusan*. Sau khi gặp Razak, Keng Swee có nhận xét

ngay là: “Razak thừa nhận rằng người

ta có hủ ý kiến ông rằng rối

loạn sẽ xảy ra tại Singapore hay không

và ông cũng đã đưa ra ý

kiến rằng rối loạn sẽ không xảy

ra. Ông thừa nhận là đã đánh

giá sai lầm. Nếu đã biết trước,

ông ta hẳn đã có biện pháp.”

Keng Swee đã ghi lại chuyện này vào năm 1982 như sau:

“Giờ đây, chuyện này đi đến chỗ phải

thừa nhận rằng ông ta đã có

dính dáng đến toàn bộ chiến

dịch nhằm khuấy động tình cảm

kỳ thị chủng tộc và tôn giáo

của người Malay tại Singapore. Và việc

Albar đến Singapore cùng chiến dịch của

ông ta tại Singapore và sự hỗ trợ

dành cho tờ *Utusan Melayu* đều có Razak đứng đằng sau. Không thể

nói khác đi được.

Giờ đây, khi Razak nói rằng theo ý ông thì

rối loạn không xảy ra đâu, theo

tôi... thành thật mà nói là không chấp nhận được.

Không ai có nhận thức đầy đủ

lại tin rằng chiến dịch kỳ thị

chủng tộc âm ỉ lại đi liền

với một đám rước được

tổ chức chu đáo của người

Malay với sự xuất hiện của đông

đào các tổp võ sinh bersilat, không
ai tin nổi chuyện này. Kết quả tất
phải là những vụ bạo động
chủng tộc.

Thực ra, một số
ngày, có lẽ hơn một tuần, trước
khi có vụ bạo động xảy ra, tôi
nhớ là ông Lee rất lo âu và
linh cảm rằng sẽ có chuyện rắc
rối chủng tộc diễn ra. Ông có
nói chuyện với tôi, nhưng tôi
cũng quá ngộp với bao vấn đề
kinh tế và tài chính rồi. Tôi
không được thông tin đầy đủ
và có vẻ hoài nghi về chuyện
này. Và lại, đây là vấn đề

thuộc phán đoán chính trị –
cảm nhận được tình thế –
điều mà tôi không có. Khi tôi
cố hỏi, ông Lee chỉ thờ dài và
chuyên đề tài. Ông hẳn nghĩ
là tôi mù tịt trong những chuyện
như thế này. Và quả thật đúng
vậy. Phải, bất kể kết quả như
thế nào thì bạo động cũng
đã nổ ra, Razak có liên quan đến
chuyện này, và rõ ràng ý
định của ông ta là đẩy Lee
ra khỏi quyền lực hiện tại. Đó
là mục đích cho chiến dịch của
Albar.”

37 CĂNG

THẰNG SINGAPORE – KUALA LUMPUR LÊN CAO

Lúc làn sóng bạo động thứ hai nổ ra vào ngày 2/9, tôi đang ở Brussels dự lễ kỷ niệm Quốc tế Xã hội chủ nghĩa. Tôi có nên bay ngay về để xử trí tình hình không? Tôi quyết định vẫn cứ ở lại. Có vội về thì cũng chẳng thay đổi được gì những biến cố đã xảy ra rồi. Một khi bạo loạn đã nổ ra, chắc chắn phải có động cơ và đà tiến triển, và người

ta cần một hành động an ninh kiên

quyết để trấn áp nó. Vì

vậy tôi cứ ở Brussels.

Vào Chủ nhật 6/9/1964, có một cuộc diễu hành của các đoàn đại biểu Quốc tế

Xã hội Chủ nghĩa châu Âu. Tôi

thật xúc động trước con số

rất đông các cựu chiến binh mặc

thường phục, nhiều người đeo

huân chương, và dẫn đầu mỗi

nhóm đều có một đội kèn

đồng diễn những nhạc khúc rõ

ràng đã làm cho mọi người

lên tinh thần. Đầu óc tôi quay

trở lại với tháng 2/1942, lúc hai

người thổi kèn đi cuối cùng

của binh đoàn Argyle và Sutherland biểu diễn, đầu tiên là thổi cho lính

Úc rồi sau đó cho lính thuộc

binh đoàn Gordon Highlanders, khi họ tiến qua đường đê để vào Singapore và bị bắt.

Chúng tôi không được phép dùng ban nhạc cảnh sát trong cuộc diễu hành ngày Độc lập Singapore vào tháng 6/1964. Chính phủ liên bang, hiện chỉ huy cảnh sát, đã quyết định cấm chúng tôi. Chúng

tôi rất bất mãn nhưng không làm gì được. Nhìn thấy những

ban nhạc đồng đảo như vậy của

nhiều nước khác nhau tại Brussels, tôi quyết định thành lập những đội

nhạc như vậy trong các trường học

và trong tổ chức Liên hiệp nhân

dân (PA) của chúng tôi. Tôi phải

giữ vững tinh thần của công chúng.

Lúc trở về, tôi báo với chủ tịch PA hãy tìm
các nhạc công đã về hưu của

Trung đoàn Bộ binh Singapore, và mời Kwan Sai Keong, tay chơi
violon học cùng thời với tôi hồi ở Đại học lúc

ấy là thư ký thường trực

của Bộ Giáo dục, tiến hành một

chương trình cấp tốc huấn luyện

kèn đồng tại tất cả các

trường trung học. Kế hoạch của tôi

đã thành công. Vào ngày Độc

lập Singapore tháng 6/1965, biểu ngữ của PA được giương lên trong
cuộc

diễu hành, và một vài trường

trung học cũng đã có dàn kèn

đi theo. Chúng tôi đã cho Kuala Lumpur thấy họ không thể trấn áp được

một dân tộc tháo vát và có

quyết tâm. Về sau, chúng tôi phát

triển chương trình xuống tận các

trường tiểu học, và rồi ngược

lên tới các trường đại học.

Chẳng lâu sau, chúng tôi đã có

một dàn giao hưởng trẻ. Tôi tin

rằng âm nhạc là một phần cần

thiết trong việc xây dựng quốc gia. Nó nâng cao tinh thần của dân chúng.

Không chỉ có chuyện dàn kèn đồng ở Brussels.

Phát biểu tại đại hội, tôi

nhấn mạnh rằng những người xã

hội chủ nghĩa dân chủ tại châu

Ách chỉ có thể đối phó với
sự thách thức do các kỹ thuật
tuyên truyền và tổ chức của
những người cộng sản gây ra khi họ
đạt được hai điều kiện:
thứ nhất, mức sống hợp lý, và
thứ hai, chính quyền hữu hiệu. Bằng không, họ sẽ chẳng thể nào
tồn
tại nổi trong những nước mới giành
được độc lập. Willy Brandt, thị
trưởng thành phố Berlin và là
nhân vật nổi tiếng nhất trong số
các nhà lãnh đạo xã hội
chủ nghĩa tôi gặp ở Brussels, đã
nghe bài diễn văn của tôi và rất
tán thưởng. Người có phản

ứng nồng nhiệt nhất là Anthony
Greenwood, Bộ trưởng các vấn đề
thuộc địa trong nội các hư quyền
của Đảng Lao động, và lúc
đó đang phụ trách Phân bộ
quốc tế của đảng này.

Greenwood là một người dong dỏng cao, đang bước vào
độ tuổi 50, ăn mặc tuơng tất
và rất chú trọng đến bề
ngoài của mình, nhưng thân tình
và dễ mến, không trịch thượng.
Ông đúng là mẫu người phát
ngôn nhân về các vấn đề
thuộc địa, bởi tự bản chất
ông rất thiện cảm với những người
bị thua thiệt. Thân sinh của ông,

Arthur Greenwood, khởi nghiệp là một đại biểu nghiệp đoàn, cuối
đường

sự nghiệp là đại biểu Thượng

viện Anh, và rất tự hào về tổ

tiên của mình. Bản thân Anthony từng học trường công, rồi
Oxford, điều

giúp ông trở thành một nhân vật

trong giới quyền thế, nhưng ông chưa bao giờ cảm thấy hối tiếc về
quá

khứ hàn vi của mình. Ông là

một con người dễ gần gũi, có

tâm hồn lớn. Tôi mến ông ấy.

Ông đã dành một số thời giờ ra để

nói chuyện với tôi về các vụ

bạo loạn chủng tộc tại Singapore, và hỏi tại sao tôi không bay gấp
về

nhà. Tôi nói ngụ ý rằng đang

sau những vụ lộn xộn này là
những người Malay xách động có
mối quan hệ với cấp chính quyền
cao nhất. Ông hiểu và bày tỏ sự
đồng tình với quan điểm bình
tĩnh và có suy nghĩ của tôi. Ông
đã mời tôi đến gặp các
nhà lãnh đạo của đảng Lao
động Anh và dự bữa tối tại
Hạ viện vào ngày 11/9, lúc ấy
tất cả các dân biểu và ứng
viên của đảng Lao động đều
sẽ có mặt. Đó là bữa ăn
tối thường niên của Hiệp hội
Nghị viện của họ và được

tổ chức vào hôm trước ngày

công bố danh sách ứng cử viên.

Tôi nhận lời và bay đến London.

Trước đó, hồi tháng Giêng, tôi đã có

gặp Bộ trưởng Quốc phòng của

đảng Bảo thủ, Peter Thorneycroft, tại Singapore và nói rằng mặc dù chính

phủ của ông có cứng rắn đến

đâu đi nữa thì người

Indonesia cũng biết là đảng Lao động có thể nắm chính quyền sau cuộc

tổng tuyển cử vào mùa thu. Tôi

nói rằng nếu Harold Wilson, chủ tịch đảng, nói rõ rằng ông sẽ

tán thành hết lòng các cam kết

phòng thủ của Anh, Sukarno sẽ không còn có chút hy vọng nào để

nghĩ chính phủ Lao động chịu không

nổi trước một chiến dịch quấy

rối dai dẳng, và sẽ bỏ cuộc.

Thorneycroft đồng ý nói lại với

Harold Wilson khi quay về nước, và với sự đồng tình của ông ta, tôi

đã viết thư gửi Wilson về những điều này.

Chuyện này giờ

đây đã có kết quả. Trước

bữa tối ngày 11/9, tôi gặp Wilson tại văn phòng của ông ở Hạ viện với tư cách lãnh tụ phe đối

lập. Chúng tôi đã nói chuyện

với nhau suốt 40 phút. Cuộc chiến Đối đầu của Indonesia chống Malaysia, cũng như các vụ bạo loạn Malay – Hoa

tại Singapore là những bận tâm lớn

của ông. Quân đội Anh đang giúp

phòng thủ Malaysia và ông muốn biết Liên bang mới này liệu về lâu về

dài có tồn tại nổi hay không.

Chúng tôi đã từng gặp nhau trước

đấy và, mặt đối mặt, tôi

có thể thẳng thắn phân tích

những vấn đề của chúng tôi.

Tôi nói với ông rằng ngoài cuộc

chiến Đồi đầu, vốn đã

khiến cho Tunku cảm thấy bất an, ông ta cùng các đồng sự còn thấy

khó mà từ bỏ chính sách xây

dựng sự thống trị tuyệt đối

của người Malay để đổi lấy

một thế cân bằng hơn giữa các

chủng tộc, mặc dù điều này

giờ đây không cần thiết khi thành

phần cử tri đã thay đổi do sự

có mặt của Singapore, Sabah và Sarawak. Tôi nói rằng các cộng sự
của tôi

và tôi chấp nhận rằng sẽ phải

mất thời gian mới thay đổi được

điều này, nhưng chúng tôi cũng

không mừng tượng được

chuyện một đảng không ủng hộ

đường lối đa chủng tộc nắm

quyền tại Malaysia trong vòng 20 năm tới.

Tôi nói thêm rằng chúng tôi

không thể và sẽ không chấp nhận

một Malaysia thống trị bởi người

Malay, trong đó những dân tộc không phải Malay phải ở thế chịu
đựng.

Điều đó trái ngược với

hiến pháp mà chúng tôi đã

thỏa thuận với Tunku. Cũng như Greenwood, ông ta thấy an tâm với giải pháp

hợp lý và khách quan của tôi.

Wilson đang rất phấn chấn. Ông hy vọng sẽ thắng

trong cuộc tổng tuyển cử, và xác

quyết với tôi rằng chính phủ Lao

động sẽ tiếp tục ủng hộ

Malaysia chống lại cuộc chiến đối

đầu của Indonesia. Ông mong tôi và

PAP ở Singapore góp phần khiến chính sách này được các dân biểu

thuộc đảng Lao động trong Hạ viện

Anh ủng hộ. Đó là một buổi

họp mặt nồng thắm và thân hữu.

Ông đã tự rót cho mình một

ly whisky đúp. Tôi chỉ uống một

ly đơn, và hôm đó là một

buổi chiều tháng 9 tuyệt đẹp,

khoảng 6 giờ 30 mà trời hãy còn

sáng, chúng tôi thả bộ ra sân

thượng nhìn qua bên kia sông Thames và thưởng thức ly rượu. Ông
cởi

mở và sôi nổi nói về việc

ông định điều hành chính

phủ mới của mình ra sao. Ông đã

có trong tay những con người giỏi giang nhất của thế hệ mình. Ông
sẽ

đưa nước Anh vươn cao trở lại

bằng cách khai thác thế mạnh của

nó trong khoa học và công nghệ.

Đó là một trong những cuộc họp quan trọng nhất trong đời
tôi. Nếu đảng Lao động

thắng trong kỳ tuyển cử và Wilson trở

thành Thủ tướng, tôi tin tưởng

Tunku sẽ biết ông phải làm dịu

bớt các chính sách kỳ thị

chủng tộc chống lại PAP. Với Alec

Douglas Home, vốn là Bá tước thứ

14 của xứ Home, người đã kế

nhiệm Harold Macmillan làm Thủ tướng, Tunku cảm thấy có một
sự thân

tình chắc chắn như giữa hai nhà

quý tộc. Ông ta chắc chắn Douglas Home sẽ hiểu nhu cầu và kiểu
cách

chính quyền của ông. Nhưng Tunku sẽ

phải e rằng Harold Wilson và nhóm đầu não của ông ta gồm những
tay giăng

viên đại học Oxford cấp tiến sẽ

coi ông ta là kẻ lỗi thời, không

khác gì các tù trưởng ở

châu Phi. Do đó tôi rất quan tâm

đến kết quả cuộc bầu cử sẽ

xảy ra vào tháng 10.

Có 600 dân biểu thuộc đảng Lao động và các

ứng cử viên tương lai dự buổi

ăn tối đó. Wilson, qua lời nhắc

của Greenwood, đã yêu cầu tôi

phát biểu lúc ăn tráng miệng.

Tôi điểm lại các vấn đề

về cuộc chiến Đồi đầu của

Indonesia nhằm chống lại Malaysia và sự

ổn định trong khu vực cùng sự tồn

tại của Malay tùy thuộc thế nào

vào giải pháp của nước Anh trong

việc ngăn chặn một nước lớn

đừng nuốt chứng lảng giềng nhỏ

bé của mình bằng vũ lực. Nếu

đảng Lao động thành lập chính

phủ mới trong nhiệm kỳ tới, tôi

hy vọng chính phủ đó sẽ tiếp

nhận những nghĩa vụ mà chính phủ Bảo thủ đã

thi hành. Tôi nói rằng nếu có

thời gian, các dân tộc tại những

nước đang phát triển sẽ vươn

tới được một xã hội công

bằng và chính đáng hơn, y như

xã hội Anh mà họ đã được

biết. Chủ đề này đã gây

được ấn tượng nơi các

ứng cử viên tương lai của đảng

Lao động và củng cố thêm chỗ
đứng của tôi với Wilson. Điều
đó sẽ tác động rất lớn
đến những biến cố trong những năm
về sau này tại Singapore. Cuối buổi tối hôm đó, Greenwood đã nói
với tôi rằng ông đã dành
cho tôi số khán giả chịu ngồi
nghe và tôi đã thật tuyệt vời
trong việc giành được sự ủng
hộ của họ đối với Malaysia.

Tôi trở về
nước vào ngày 13/9, trong sự an tâm rằng nếu đảng Lao động cầm
quyền, tôi sẽ có được những
người bạn trong đảng đó,
trong đó có cả những bạn cũ
từ thời còn học ở Cambridge vào

thập niên 1940. Hầu hết các dân

biểu Lao động đều có nghe tôi

phát biểu vào tối hôm đó,

và tôi hy vọng họ sẽ nhớ đến

tôi. Tôi thấy an lòng qua chuyến viếng thăm London. Nhưng khi
máy bay hạ cánh xuống Singapore, tôi lại bước vào

một bầu không khí khác hẳn.

Quanh phi trường là vòng vây cảnh

sát chống bạo loạn, vũ trang bằng

hơi cay và súng, trong lúc nhiều nhân viên thường phục trà trộn vào

đám đông đang xếp hàng dài

trên đường đến phi trường.

Trước đó một ngày, Barisan đã

tính tiến hành một cuộc biểu

trình với khoảng 7.000 thanh niên tham dự, nhưng cảnh sát đã giải
tán

họ trước khi có thể tụ tập
lại với nhau được, và 77 người,
trong đó có cả một dân biểu
Barisan, sau đó đã bị kết tội
gây rối. Cuộc biểu tình đó
dự định là dành cho tôi một
sự đón tiếp đầy phẫn nộ.

Không chỉ như
thế, tôi còn thấy bức bối ngay
trong nội các của mình nữa. Một
số Bộ trưởng, từng vị một,
đến gặp tôi để nói cho tôi
biết họ khó chịu ra sao với phương
cách xử lý những chuyện rắc rối
lúc tôi vắng mặt. Chin Chye, lúc ấy là Thủ tướng nhiệm quyền, đã
rất bức xúc và ra lệnh giới

nghiêm ngay, không có thời gian cho người ta kịp chuẩn bị, trong lúc người

ta còn đang làm việc, học sinh đang ở trường, làm tăng hoảng hốt và gây nên hỗn loạn khi người

ta phải lao nhanh về nhà. Tôi ghi nhận những nghi ngại của họ, nhưng quyết định cứ để yên như vậy.

Tôi hết sức nản chí, nhưng quyết

định không cho phép tình huống

trở nên tệ hơn bằng cách khóa

lắp mọi dấu hiệu thất vọng. Nếu

chúng tôi phải chiến đấu và

chiến thắng trận chiến này, thì

tinh thần của dân chúng và ý

chí kháng cự của họ là điều

tối quan trọng.

Một tuần sau khi về nước, tôi sẽ phải dự lễ

khánh thành tòa nhà mới của

Phòng thương mại Hoa kiều ở

Singapore tại đường Hill. Các thương nhân người Hoa đều đang rất

thất vọng và Ko Teck Kin vào một buổi tối đã đến gặp tôi ở

Sri Temasek, vẻ mặt rất lo âu. Từng kêu gọi người Hoa bỏ phiếu
cho phương

án A trong cuộc trưng cầu dân ý

gia nhập Malaysia, ông cảm thấy có

trách nhiệm rất lớn trước tình

trạng khó khăn hiện nay của họ,

tình trạng cô thế của họ khi bị

lọt giữa những tay gậy rối người

Malay và một lực lượng cảnh sát

cũng như quân đội người Malay

mang tư tưởng bài Hoa công khai. Phải làm gì bây giờ đây?

Ông nhìn tôi chăm chú và nói: "Chúng ta

không thể bỏ mặc dân chúng người

Hoa.”

Tôi nói với ông rằng các quyền lợi của chúng ta được hiến pháp bảo vệ, và tôi không có ý định cho phép người ta quên lãng điều đó. Công việc của chúng ta là đoàn kết và động viên dân chúng để bảo đảm hiến pháp phải được tôn trọng, sẽ không còn có phân biệt đối xử gì về mặt chủng tộc, ngoại trừ những gì đã có trong hiến pháp, vốn cho người Malay được hưởng những chỉ tiêu đặc biệt về giáo dục, công ăn việc làm, giấy phép

và hợp đồng chỉ trên bán

đảo Malaya mà thôi.

Ông nói: “Ngài đang có những mối giao hảo tốt
đẹp với đảng Lao động Anh,
liệu ngài có thể giúp chúng
tôi thoát ra khỏi tình trạng khó
khăn này không? Chúng ta phải được
sống theo ý mình. Thật là khủng
khiếp khi phải sống như thế này.”

Ông cảm thấy nếu đảng Lao động cầm quyền,
họ sẽ có cảm tình với một
đảng xã hội chủ nghĩa phi sắc
tộc tại Singapore, hơn là một đảng
Malay cánh hữu đậm màu sắc tộc
tại Kuala Lumpur. Ông cùng chung tâm trạng với cộng đồng nói
tiếng Hoa vốn

đang cảm thấy không thể chịu nổi
tình trạng phải thường xuyên sống
trong lo âu. Những cuộc bạo loạn sắc tộc đầu tiên đã được
dàn dựng, với những cảm xúc đã
được nhen nhúm qua nhiều tháng,
và rồi nổ bùng lên qua bàn tay
của những nhóm võ thuật người
Malay bên bán đảo Malaya qua. Một khi những chuyện đánh đập
và
giết chóc điên rồ những người
qua đường vô tội xảy ra, thì
rất dễ khiến nó xảy ra lần thứ
hai. Mọi người đều cảm nhận
được điều đó. Nọc độc
nghi kị chủng tộc lan tràn. Quan hệ
trở nên căng thẳng và người

ta sẽ chẳng khó khăn gì khi làm
cho nó phụt cháy trở lại.

Khi khánh thành trụ sở Phòng thương mại Hoa kiều
tại Singapore mới này, tôi đã cố
động viên tinh thần cho họ. Tôi đã
bày tỏ sự tự tin để giúp
cho họ có được niềm tin. Tôi
quả quyết đang có một tương
lai dành cho người Hoa tại Malaysia “nếu chúng ta là người
Malaysia và miễn
là có một nước Malaysia”, tôi
nói. Tôi đối chiếu hai vụ bạo
động – vào tháng 7 và vào
tháng 9. Trong lần bạo động đầu,
các nhà lãnh đạo ở Kuala Lumpur
có thể không hành động ăn ý

với các nhà lãnh đạo ở

Singapore được, thế nhưng trong lần thứ hai, chúng tôi đã làm việc
phối hợp để đấu tranh chống
chủ nghĩa phân biệt sắc tộc.

Cùng ngày hôm đó, Tunku lên tiếng phát biểu
tại một cuộc tiếp đón của
đảng Liên hiệp Singapore. Trong phần lớn những dịp như vậy, ông
đều
phát biểu rất đúng chuyện, và
bây giờ ông đang thúc giục các
nhà lãnh đạo Singapore hãy tìm
cách làm giảm đi những dị biệt
giữa các cộng đồng, và gắn
bó với đảng Liên hiệp “để
chiến đấu trên mảnh đất này
của chúng ta,” chống lại kẻ thù

chung. Ông sẽ thiết lập các ủy
ban hòa giải, bởi các ủy ban thiện
chí hiện thời đã hoạt động
kém hữu hiệu. Tôi tự hỏi làm
sao sự thay đổi này có thể đưa
đến khác biệt nào – tôi
không biết những gì ông có thể
làm được đó sẽ hiệu
quả đến đâu, nếu như không
có chuyện tổng giam những tay cực
đoan. Nhưng đó là cách của
ông. Ông đang cố đóng vai trò
của một vị cha già dân tộc. Tôi
phải giúp ông đến hết sức
mình.

Vào ngày 25/9, tôi cùng với Chin Chye và Kim San đến Kuala Lumpur để hội kiến với ông.

Chúng tôi gặp nhau và trò chuyện vào buổi sáng, và các cuộc

bàn luận đã diễn ra tiếp vào

buổi tối lúc Tunku mời chúng tôi dùng bữa

tôi. Chin Chye nói rằng cả ủy ban

thiện chí lẫn ủy ban hòa bình

đều không đủ sức duy trì

luật pháp và trật tự nếu như

những đám thanh niên võ thuật cứ

tiếp tục hoành hành. Ông nói

thêm: “Trong trường hợp như vậy,

hành động kiên quyết của cảnh

sát là cần thiết. Chúng tôi

tin tưởng phải có hành động

chống lại tất cả những ai dính

dáng đến việc khiến cho cộng đồng
này chống lại cộng đồng kia. Đây
là điểm then chốt của vấn đề.

Nếu cảnh sát hành động kịp
thời và công bình, không kỳ thị
chủng tộc, bọn gây rối sẽ khó
có thể nào ra tay được.”

Ngày hôm sau, Chin Chye đã phát biểu với giới
báo chí rằng đã có sự
nhất trí hoàn toàn giữa chính
phủ trung ương và chính phủ bang
sau những hiểu lầm gần đây. Trong
hy vọng hơn là tin tưởng, ông phát
biểu rằng các cuộc thảo luận đã
giúp đánh tan mọi nghi ngờ và
lo âu về khả năng chung sức của

hai bên để xây dựng thành công
một nước Malaysia. Các bất hòa
về đảng phái sẽ được
đẩy xuống hàng thứ yếu; lợi
ích của nước Malaysia phải là
hàng đầu. Tôi nói rằng cả
hai bên đã cam kết tránh những
vấn đề tế nhị liên quan đến
vị trí của các cộng đồng
tại Malaysia, và sẽ có những nỗ
lực hết sức để động viên
dân chúng chống lại âm mưu xâm
lược và lật đổ của
Indonesia. Tôi đề nghị, và Tunku cũng đồng tình, là sẽ có một
cuộc hưu chiến hai năm giữa Liên

hiệp và PAP, để không làm xấu

thêm tình hình, cả hai bên chúng

tôi sẽ không mở rộng các chi bộ

đảng và các hoạt động của

mình. Tôi mong có những sự đình

chỉ các vận động chính trị.

Vào lúc 5 giờ

30 sáng ngày 17/10, tôi tỉnh giấc tại Dinh Singapore ở Kuala Lumpur để nghe đài BBC. Kết quả bầu cử đã được

công bố: đảng Lao động thắng

phiếu. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Harold Wilson trở thành Thủ tướng. Vị

trí của tôi đã khá hơn.

Tunku sẽ phải giao tiếp với một chính phủ Lao động Anh chẳng mấy cảm

tình với những lãnh tụ phong kiến

đàn áp một phe đối lập dân

chủ phi bạo động.

Mọi việc có vẻ khá hần lên. Nhưng sự lạc

quan của tôi cũng sớm tàn. Cùng

ngày hôm đó, tại bữa tiệc

do Bang Hokkien chiêu đãi, Tan Siew Sin phát biểu rằng Singapore không thể ly khai khỏi Malaysia được vì hiến pháp không

dự trù điều đó. Ông ta tin

rằng hòn đảo này sẽ tiến

bộ và thịnh vượng, nhưng nó

không thể là “ốc đảo thịnh

vượng lẻ loi giữa sa mạc nghèo

đói”. Ly khai? Lúc trở về

Singapore, tôi đã bác bỏ nhận

định của ông ta và phát biểu

rằng nhân dân Singapore rất quan tâm đến việc xây dựng thành công

một nước Malaysia, và thật không
may là ông đã nói đến ly khai khi chúng ta
đã đồng ý có một cuộc
hòa hoãn hai năm để ngăn chặn sự lạc
hướng có thể làm cho cộng đồng
tan vỡ. Tan trả lời rằng ông đưa
ra phát biểu đó là để đánh
tan lời đồn đại mạnh mẽ rằng
Singapore đang tính đến chuyện ly khai.
Chúng không chỉ là những đồn
đại duy nhất; chính vì một sự
ngại ngùng như vậy mà tôi phải hóa
giải một lời đồn khác là
tôi đã bị chính phủ liên
bang câu lưu ở Kuala Lumpur.

Một tuần sau, Khir Johari loan báo về một sự cải tổ
quan trọng trong đảng Liên hiệp
Singapore, nhằm chấm dứt sự thống trị
của PAP trong kỳ tuyển cử sắp tới
của bang, dự định vào năm 1967.
Chin Chye lập tức yêu cầu Liên hiệp phải nói rõ lập trường của
họ về cuộc hòa hoãn hai năm, và
nhấn mạnh điều này không chỉ
có áp dụng cho phía PAP. Khir chối
là không hề biết gì về vụ
hòa hoãn, và sau một cuộc họp
với Tunku vào ngày hôm sau, Liên hiệp Singapore đã đưa ra lời
tuyên bố
nói rằng thỏa thuận đình chỉ
công việc chính trị đảng phái
trong hai năm là chỉ liên quan tới các vấn đề sắc tộc mà thôi;

điều đó không có nghĩa là

Liên hiệp không được tái tổ

chức để trở nên hiệu năng

hơn. Điều này quả là phiền

phức. Tunku muốn rằng mọi thỏa thuận phải được diễn giải theo hướng

có lợi cho ông. Chin Chye giận dữ và cay đắng. Nhưng bởi vì Khir và

Tunku trong thực tế đã nói rằng

chúng tôi được tự do mở rộng

đảng phái chính trị của mình,

nên Chin Chye, Raja, Pang Boon và Khoon Choy khởi sự tiếp xúc với bạn bè trong

các tỉnh nhà của họ ở nội

địa để xây dựng cơ sở

quần chúng, và Chin Chye cũng tuyên bố

sẽ định hướng lại PAP để

có thể động viên sự ủng hộ
của quần chúng tại Malaya; đảng
có thành viên trên khắp bán
đảo, và khi thời cơ đến, ông
sẽ tổ chức họ thành các chi bộ.

Tình báo Indonesia tiến hành khai thác sự căng thẳng này,
và tìm cách thăm dò

tôi thông qua các nhà buôn người

Hoa của chúng tôi, và hứa hẹn

rằng Indonesia sẽ buôn bán trở lại

với Singapore nếu như chúng tôi rút ra khỏi Malaysia. Để chấm dứt
những cố gắng nhằm chia rẽ chúng tôi

như vậy, tôi công bố những lời

chào mời của Jakarta tại Hội đồng

lập pháp Singapore vào ngày 12/11 và bác bỏ lời chào mời đó

bằng cách nói rằng người

Indonesia sẽ dần dần hiểu ra rằng

Malaysia sẽ không dễ dàng bị tan rã đâu, và họ phải học cách sống và buôn bán với nó.

Nhưng tinh thần của dân chúng ở Singapore cũng đang sa sút. Thành phố trông thật lồi

thôi lếch thếch. Với sự lơ là

trong thi hành pháp luật, những tay chăn nuôi người Ấn đã để cho

bò và dê của họ gặm cỏ

tràn lan ở những sân banh và thậm

chí ngay cả cỏ ở các tiểu đảo

tại vòng xoay giao thông. Một buổi

tối, một luật sư lái xe tông phải

một con bò tại một nơi chỉ không

xa trung tâm thành phố và bị thiệt

mạng. Từ cửa sổ văn phòng, tôi

có thể thấy được trâu bò

ở Esplanade. Sau hai vụ bạo loạn, nơi ấy trở nên bẩn thỉu, đầy rác

rên, bò và dê lang thang khắp nơi,

rồi chó hoang, ruồi muỗi và cả

ăn mày cũng nhiều hơn. Ngay cả

khuôn viên Bệnh viện Đa khoa Singapore cũng bẩn thỉu. Tôi quyết định

chấn chỉnh tình trạng sa đà này.

Tôi triệu tập một cuộc họp tại

Nhà hát Victoria gồm tất cả các

viên chức liên quan đến y tế công

cộng, với sự có mặt của đông

đủ báo chí và truyền hình,

và đề nghị họ phải lặp lại

cho bằng được sự ngăn nắp và

sạch sẽ. Chúng tôi dành cho những

người chăn nuôi mấy ngày để

nhốt bò và dê vào chuồng; bắt

kỳ gia súc nào bị bắt gặp đi

lang thang sau đó sẽ bị làm thịt

cung cấp cho các nhà tế bần. Điều

này đã có hiệu quả như

mong muốn. Thành phố gọn gàng, sạch sẽ hẳn lên.

Thế rồi Tan Siew Sin lại gây sốc thêm lần nữa.

Trong bài phát biểu về ngân sách

vào ngày 25/11, ông công bố những

biện pháp cứng rắn mới để

tăng thu ngân sách, bao gồm một sắc thuế doanh thu 0,5% tính trên tổng thu nhập và một sắc thuế 2% tính trên

tổng quỹ lương của tất cả các

hộ kinh doanh. Điều này sẽ ảnh

hưởng đến Singapore nhiều nhất.

Chúng tôi đang cần tạo ra thêm

nhiều công ăn việc làm, và việc

làm tăng chi phí nhân công như

vậy sẽ gây bất lợi cho những

ngành cần dùng nhiều lao động.

Tôi đã vạch rõ là những

biện pháp như vậy sẽ không giúp

gì cho công cuộc công nghiệp hóa

Malaysia, và rất có thể còn làm

cho sự cách biệt giàu nghèo thêm

lớn hơn. Trong bài diễn văn đầu

tiên của mình tại nghị viện liên

bang, Keng Swee cũng nói rằng các sắc thuế đang có tác dụng ngược

và việc ban hành đã không đúng

lúc. Singapore sẽ phải nộp ngân sách tới 20% thuế thu nhập quốc gia và 40%

thuế tiền lương, một điều rõ

ràng là không cân xứng với dân

số và nền kinh tế của nó. Và

khi Đại hội Công đoàn Singapore,

với những lý lẽ hợp lý, phản

đối các sắc thuế mới là

bất lợi cho người lao động, Tan lại buộc tội chính quyền chúng tôi

là dùng mọi cơ chế có trong tay

để kích động công chúng

chống lại những sắc thuế đó.

Tan nói rằng ông muốn xem xét lại ngay những thỏa thuận về tài chính giữa hai bên,

và tuyên bố rằng gánh nặng ngân

sách của Singapore là nhẹ nhất trong toàn Malaysia. Ông mong có lúc Singapore sẽ nộp 60% thay vì 40% thu nhập của nó cho chính quyền trung ương.

Chính Tunku cũng phát biểu rất đáng ngại tại

bữa tiệc tối ở trường Đại

học Y khoa Singapore ngày 9/12 khi cho rằng Singapore “đầy những chuyện chính

trị. Tại Singapore chẳng hạn, bạn sẽ

thấy là ít có chuyện hòa đồng

so với bất cứ nơi nào khác trên

đất nước Malaysia... Đó là

lý do tại sao tôi không sốt sắng

với việc đưa Singapore vào Liên

bang.” Những chỉ trích của chúng

tôi về thuế doanh thu và thuế quỹ

lương đã có tác động

trong nước, bởi ông có nói thêm:

“Nếu chúng ta thấy bất kỳ sắc thuế nào đó

có vẻ không khả thi và dễ bị

phản đối, chúng ta có thể sửa

đổi... Nếu các chính khách

thuộc các chủng tộc, màu sắc

chính trị và tia chớp khác nhau tại Singapore (tia chớp là biểu

tượng của PAP)

bất đồng với tôi, giải pháp duy nhất

là ly khai, nhưng đó sẽ là thảm

họa lớn biết bao cho Singapore và Malaysia.”

38 CẢI TỔ

HIẾN CHẾ?

Tunku hần đã cảm thấy Malaysia đang đứng trước
sự khó khăn. Khi tôi gặp ông tại
Kuala Lumpur vào ngày 19/12, ông không còn cái vẻ thư thái và
bình thản
thường lệ. Ông không còn có
những lời nhận xét hài hước
và cười đùa nữa, mà đi thẳng vào công việc, nói năng
nghiêm trang suốt nửa tiếng đồng hồ liền. Ông thẳng thắn
và, lần đầu tiên, đề nghị
chuyện “cải tổ” hiến chế.
Ông đã nói chuyện với những
người thân cận của mình –

Razak, Ismail, Tan và Khir Johari – về điều này sau cuộc họp nội các ngày

hôm trước.

Ông nhấn mạnh nhiều lần rằng quốc phòng là

điều hết sức quan trọng đối

với ông. Mậu dịch và thương

mại sẽ vẫn như trước, nhưng

chúng tôi phải tiếp tay chi trả cho

quốc phòng. Singapore sẽ là “cộng

sự, độc lập, nhưng cũng là

một phần của bán đảo (Malaya)”.

Ông muốn cả Singapore lẫn Malaysia đều có chân trong Liên Hiệp Quốc. Chúng

tôi có thể có chung các tòa

đại sứ và có lẽ cả đại

diện trong Liên Hiệp Quốc nữa. Trong

trí óc ông có vẻ như chưa
có gì cụ thể về những điều
ông muốn, nhưng lại đưa ra thời
hạn ấn định để hoàn thành
những thay đổi trên là trước
kỳ ngân sách tới, và trong thời
gian đó tôi có thể nghĩ về
những vấn đề này.

Tôi bảo chừng nào ông còn sống thì ông vẫn
có thể nắm vững được các
lực lượng khác nhau trong tay.

Ông trả lời: "Tại Singapore có quá nhiều người
Hoa mang tư tưởng dân tộc hẹp hòi,
có quá nhiều phần tử cộng sản
người Hoa. Ông phải làm nhiều thứ
cho người Hoa bởi vì đó là

một tiểu bang người Hoa nhưng có
những ảnh hưởng đến Malaya. Lee
Siok Yew (Bộ trưởng Giáo dục MCA) giờ
đây đang muốn có một trường
đại học Hoa tại Malaya. Một khi chúng
ta tách ra với nhau thì ông có thể
làm khác đi được. Ông có
thể công nhận Đại học Nanyang;
chính sách ngôn ngữ của ông có
thể khác. Sau khi đã hiểu rõ
vấn đề với nhau, chúng ta có thể
thông báo cho người Anh biết.”

Tôi vạch rõ rằng các lợi ích của Anh phải
được bảo vệ nếu như họ
tiếp tục duy trì các căn cứ của
họ tại Singapore và bảo vệ Malaysia.

Tôi hỏi liệu Singapore rồi sẽ như

Bắc Ireland hoặc Nam Ireland chẳng. Ông trả

lời: “Đâu đó ở giữa.”

Vào ngày 31/12, tôi tiếp Ismail suốt một giờ

liền. Ông ta biết chuyện và có

đầu óc hơn. “Tunku cảm nhận

những chuyện này một cách trực

giác. Ông ta muốn trở lại kế

hoạch ban đầu, đó là ông sẽ

trông nom Singapore thay mặt cho Tunku.”

Khi tôi hỏi chi tiết, ông nói: “Tự thân ông

có thể vạch ra chi tiết những chuyện

này được mà. Ông cũng biết

giờ đây chúng ta đang cần gì,”

và ông đã lặp lại đến

ba lần rằng: “Tốt nhất tôi không

nên nói nhiều, tốt nhất là nên
giữ im lặng. Họ đang nghi ngại tôi.
Tôi đã lưu hành các báo
cáo vô tư của Sở đặc vụ,
nhưng giờ đây họ đã bỏ
xó chúng để ưu tiên dùng
tình báo riêng, tình báo riêng
của UMNO. Theo Tunku, sẽ có rắc rối
bởi các phần tử cực đoan và
các phần tử dân tộc hẹp hòi
đang rất tích cực trong mọi tầng
lớp dân cư. Chừng nào Tunku còn
ở đó, với tính cách riêng
của mình, người ta sẽ còn nghe
theo ông ta. Ông ta trên cả nội các

và các quy ước về trách nhiệm
liên đới của nội các không
áp dụng cho ông ta. Do vậy thật dễ
dàng cho Tunku bởi chúng tôi có thể
làm những chuyện bẩn thỉu giùm
ông ta. Ông ta có thể vứt bỏ
chúng tôi nếu như ông ta muốn.”

Khi tôi cáo từ, Ismail nói: “Cứ giữ yên mọi sự
thì tốt hơn, nếu không nó sẽ
gây chấn động lớn cho dân chúng.
Thiếu niềm tin, các nhà đầu tư
sẽ bỏ đi, Sukarno sẽ thành kẻ
chiến thắng, và ông ta sẽ tiếp
tục cuộc chiến đôi đầu. Tốt
nhất là ghi mọi việc thành văn
bản và thảo luận. Tốt nhất cho

tôi là đừng lên tiếng khi họ

không còn tin tôi nữa. Hiện đang

có rạn nứt sâu xa, UMNO không tin MCA, MCA phải cạnh tranh
với PAP, nên tư

tưởng dân tộc hẹp hòi lại

mạnh mẽ hơn. Vậy là trở lại

tình thế cũ, rắc rối quanh nền

giáo dục của người Hoa. Sau cùng

thì PAP hay MCA cũng vậy thôi, đó

thực ra là chuyện người Malay chống

người Hoa. Trước bầu cử, Tan Siew

Sin đề nghị các đảng trong Liên

hiệp hợp nhất lại thành một

đảng. Bây giờ thì ông ta từ

chối khi biết rằng những người Hoa

sẽ ngã theo PAP.”

Ông nhắc lại nhiều lần là: “Hãy nói chuyện
với Toh và Raja, đường lối phi sắc
tộc của họ, chúng ta có thể
đồng ý trên nguyên tắc trong thể
hệ tới, nhưng vấn đề bây giờ
là sắc tộc. Hãy chấp nhận sự
song song tồn tại của các đường
lối trong 16, 20 năm, rồi hòa nhập hai xã hội
lại, Singapore và Malaya, lịch sử của
chúng khác nhau, cấu trúc xã hội cũng
khác.”

Tôi nhấn mạnh rằng trở ngại lớn nhất là việc
Chin Chye, Raja, Nyuk Lin và Pang Boon đều là những đứa con
của đất Malaya, và
gia đình của họ cũng đều ở
đó. Quan hệ tình cảm khiến cho

họ khó có thể rút lui khỏi

Malaya. Ismail gật đầu đồng ý.

Tuy chúng tôi cố hết sức để giữ kín những

cuộc thảo luận về cải tổ hiến

chế, nhưng những tranh cãi gay gắt giữa chúng tôi không thoát khỏi
tai mắt

của người Anh. Họ cảnh giác trước

bất kỳ biến động nào có

thể làm suy yếu sự hợp nhất

Malaysia và trở thành mối ngon cho Sukarno.

Vào ngày 28/7/1964, ngay sau những vụ bạo loạn chủng tộc
đầu tiên, Keng Swee đã gặp

Antony Head, người đã nhận xét

rằng các nhà lãnh đạo UMNO biết

rằng trong cuộc đấu tranh chính trị

dựa trên ý thức hệ và chủ

thuyết, về lâu dài họ sẽ thua

dưới tay PAP. Keng Swee đã tóm lược

cho Head biết các đề nghị của

Razak cho một cuộc hợp tác hoặc cùng

song song tồn tại. Head nghĩ các đề

nghị đó là không khả thi. Ông

nói việc từ chức của tôi sẽ

chẳng làm nên được điều

gì. Đòi gạt bỏ người lãnh

đạo của Singapore vì sự rắc rối

do chính người Malay gây ra có thể

khiến người Hoa thêm phần nộ và

trong thực tế điều đó còn

gây tác hại đáng kể.

Head muốn Tunku nên từ Mỹ về nước gấp và tuyên

bố thành lập ngay một chính quyền

mà nó sẽ tăng cường khối

đoàn kết quốc gia trước sự
xâm lấn của Indonesia. Ông đã
trình bày quan điểm của mình
với London và rất có thể Thủ
tướng Anh sẽ thúc ép Tunku về
chuyện này. Ông cũng rất quan tâm
đến tình hình ở Sabah và
Sarawak, bởi tại những nơi này chưa
có đại biểu thỏa đáng trong
nội các; đối với Anh, không thể
có chuyện lo phòng thủ miền ngoài
trong khi hậu phương thì tan rã.

Tunku đã đến Singapore vào ngày 18/8 và nói với
tôi rằng trên đường từ
Washington về, ông có ghé lại London
và được Thủ tướng Anh tiếp

kiến. Ông này đã khuyên ông
rằng cách tốt nhất để củng
cố Malaysia sau những bạo loạn chủng
tộc tại Singapore là thiết lập liên
minh với PAP. Tunku có nói rằng UMNO sẽ
không bao giờ chấp nhận điều này
bởi bên phía chúng tôi không thể chấp nhận điều kiện
cơ bản mà Razak đã đưa ra, đó
là chúng tôi phải đứng bên
ngoài thế giới của người Malay.

Vào tháng 12/1964, cả hai bên đều mò mẫm đi
tìm một sự dàn xếp lỏng lẻo
hơn trong liên bang. Tunku yêu cầu tôi cho trình bày các ý kiến mà
ông đã bàn bạc với tôi
thành văn bản nhằm làm sáng tỏ
những gì chúng tôi đang sắp giải

quyết. Thông báo của tôi, được

hoàn tất vào ngày 25/1/1965, đề

ngợi chúng tôi trở lại tình

trạng ngay trước khi hợp nhất: tất

cả các quyền hiến định thuộc

phạm vi quyền hạn của chính phủ

Singapore phải được trả lại cho

chính phủ Singapore, chính quyền trung ương sẽ chịu trách nhiệm
về quốc

phòng và đối ngoại có sự

tham khảo với chúng tôi, và chúng

ta cùng chia sẻ trách nhiệm an ninh trong Hội đồng an ninh nội
chính. Trong khi

các dàn xếp hiến chế này được

thi hành, công dân Singapore sẽ bị cấm tham gia vào bất kỳ hoạt
động

chính trị đảng phái nào bên

ngoài Singapore và điều đó cũng
vậy đối với người Malaysia trên
bán đảo.

Người phản đối kịch liệt nhất đối với
chuyện tạm thời rút lui khỏi Malaysia
là Raja. Điều đó sẽ có
nghĩa là chúng ta bị cô lập, ông
phản đối, và dần dà chúng
ta sẽ bị các phần tử cực đoan
kết liễu mà thôi. Ông nghĩ chúng
tôi nên ở lại trong liên bang nhằm
đoàn kết dân chúng chống lại
bọn cực đoan, và nhờ thế kiếm
được cơ hội hay hơn để
phản công bọn họ. Raja là một
con người nói sao làm vậy, ông

chưa từng chùn bước đầu

tranh, cho dù nó gian nan thế nào, một khi ông tin rằng chúng tôi có lẽ

phải. Chin Chye đồng tình với ý

kiến của ông, nhưng đa số nội

các ủng hộ tôi. Tôi gửi thông

báo của mình đến Tunku hai ngày

sau đó và thảo luận chuyện này

với ông tại dinh của ông trong suốt

ba giờ liền vào ngày 31/1.

Tết âm lịch và Hari Raya Puasa, là hai kỳ lễ lớn nhất của người Hoa và người

Malay, cùng trùng vào ngày 31/1/1965.

Trong thông điệp của mình, tôi

lên tiếng kêu gọi sự hòa hợp

chủng tộc để chống lại tuyên

truyền của Indonesia, vốn đang khuấy

động tâm tình của người Hoa

lẫn người Malay. Lời kêu gọi tinh

thần liên-Malay của Sukarno đang khiến UMNO nhấn mạnh vào
“tính Malay”

của mình để vượt trội ông

ta. Thông điệp của tôi đã

khiến Tunku trả lời gay gắt vào ngày

hôm sau đó:

“Có những chính khách đang quy cho chính quyền

là sử dụng bạo lực để áp

đặt ý muốn của chúng ta lên

người khác. Chúng ta nhận thức

rằng chúng ta không chỉ là một

chính quyền mạnh mà còn là

một chính quyền đúng và tốt

nữa, nhưng nói chúng ta đang dùng

biện pháp vũ lực là không đúng...

Những chính khách này nói về

bất hòa và căng thẳng, về rắc

rối và đổ máu trong tương

lai, họ nói về chiến tranh... họ

đang tạo ra trong lòng dân một tâm

trạng u ám tại bất cứ nơi nào

họ đến... Trong giờ phút thử

thách và khổ sầu này, kiểu nói

chuyện như thế thì quả thực là

xuân ngốc, độc địa và nguy

hiểm, và tôi thật lấy làm xấu

hổ cho họ.”

Bốn ngày sau đó tôi trả lời, trong một bữa tiệc

do các ủy ban thiện chí tổ chức,

rằng khi đứng trước những sự
thật khó chịu trong đời, chúng
ta nên tìm cách giải quyết chúng
hơn là giả vờ như chúng không
tồn tại. Những điều đang được
nói, nếu cứ tiếp tục, sẽ dẫn
đến chuyện không hay. Tôi đang muốn
đề cập tới những bài báo
trên tờ *Utusan Melayu* vẫn đang tiếp tục kích động tình
cảm dân Malay chống lại tôi, PAP và
người Hoa. Chúng tôi cho đăng các
bản dịch ra tiếng Anh, tiếng Hoa và
tiếng Tamil những lời chỉ trích kịch
liệt hằng ngày này, và cho phát
các trích đoạn bằng đủ mọi

thứ tiếng trên truyền thanh và truyền

hình. Tunku biết là tôi đã hiểu

thấu chiến thuật của họ. Ông muốn

tôi giữ im lặng và bàn bạc các

vấn đề với riêng ông ta thôi.

Nhưng tôi muốn trước tiên phải

cho mọi người thấy chiến dịch kỳ

thị chủng tộc sâu hiểm mà

Ja'afar Albar và tờ *Ututan* đang tiến hành.

Trong khi những cuộc bóp chát qua lại công khai vẫn tiếp diễn, Keng Swee và tôi đã thảo

luận riêng với Tunku, Razak và Ismail. Tôi đề nghị tạm tách rời một vài năm, cùng với các ràng

buộc liên bang lỏng lẻo hơn và

việc bàn giao thêm quyền hành hơn

cho chính phủ bang Singapore, nhất là về

cảnh sát và an ninh nội chính.

Giải pháp khác cho sự hợp tác trong một chính quyền quốc gia là tình trạng song song tồn tại: Singapore sẽ không có đại diện trong nội các, nhưng cả hai chính phủ sẽ hoạt động độc lập với nhau trong khuôn khổ ảnh hưởng của mình theo thỏa thuận. Thế nhưng điều kiện tiên quyết của họ cho sự hợp tác hay song song tồn tại là, dù ở đất Malaya hay Singapore, PAP phải đứng ngoài thế giới của người Malay, và giao cho UMNO toàn quyền xử lý chuyện của người Malay thông qua Khir Johari. UMNO phải được độc quyền lãnh đạo người Malay, ngay cả ở Singapore.

Sau nhiều lần cố gắng dàn xếp các thỏa hiệp, tôi

kết luận là Tunku cố chấp. Ông
giờ đây quyết tâm gạt chúng
tôi ra ngoài nghị viện liên bang. Ông
không muốn chúng tôi tham dự bất
kỳ cuộc bàn cãi nào trong cơ
quan này nữa. Chúng tôi đang trở
thành cái gai trong mắt họ, nhất là
ở chuyện tài chính. Singapore sẽ thu
thuế riêng của mình trước khi tới
kỳ ngân sách tới, ông nói,
nhưng phải đóng góp cho việc quốc
phòng của Malaysia bởi vì bang này
sẽ giàu thịnh thêm nhờ thị
trường chung của họ.

“Nếu các ông không có chân trong quốc hội,

chúng ta có thể là bạn của
nhau,” ông nói. “VẬY mà lại
hay – nếu ông có chân trong quốc
hội, ông lại phải phê bình.”

Thế nhưng ông tỏ ra quyết tâm kiểm soát quốc
phòng và đối ngoại. Lý luận
của ông thật đơn giản. “Điều
gì sẽ xảy ra nếu Singapore mở bang
giao với Trung Quốc và những nước
cộng sản khác? Nó sẽ khiến
chuyện quốc phòng hóa ra vô nghĩa.”

Ngay từ đầu, ông đã muốn hợp tác với
Singapore trên căn bản cộng tác, chứ
không phải hợp nhất. Trong tư tưởng
của ông, vị trí của chúng tôi
là lãnh thổ tự trị – “giống

như Rhodesia vậy”, Ismail nói.

Tôi nói với Tunku rằng nếu chúng tôi phải gánh chịu chi phí quốc phòng, chúng tôi phải có chân trong quốc hội. Không thể có chuyện đóng thuế mà không có đại biểu được.

Nhưng ông đã nhấn mạnh, như tôi đã viết cho các đồng sự trong nội các của tôi: “Ước muốn gạt chúng ta ra ngoài của ông ta là không thể thay đổi được.”

Khi tôi nói thêm rằng tôi khó thể nào thuyết phục được các đồng sự chấp nhận quan điểm của mình, Tunku nổi nóng: “Ông nói với họ rằng tôi không cần

Singapore, có vậy thôi. Tôi không muốn Singapore có chân trong quốc hội và

họ không thể làm gì khác hơn

được.”

Tôi có hỏi Ismail vào ngày hôm sau rằng Tunku có

hiểu quan điểm của chúng tôi

không, rằng ông không thể gạt

chúng tôi khỏi nghị viện trong khi lại muốn chúng tôi đóng góp vào

quốc phòng và an ninh xã hội, Ismail

trả lời: “Có, Tunku đã cân

nhắc quan điểm đó. Nhưng chúng

tôi phải chọn một trong hai.”

Không có gì ngạc nhiên khi chúng tôi không đạt

được sự tiến bộ nào trong

“các dàn xếp lại” trong liên

bang mà tôi đã đề xuất

trong thông báo ngày 25/1. Sau một cuộc họp với Hội đồng quốc
phòng

ngày 9/2, Razak nói với Keng Swee rằng hai bên không thể thoát ly
khỏi những

lập trường chính trị ít nhiều

đã được củng cố qua nhiều

năm. Những gì phù hợp cho Singapore

thì không phù hợp với Malaysia và

ngược lại. Hợp nhất là một

sai lầm. Phải có một thời gian quá

độ để tránh xung đột và

giờ đây nhất thiết phải thiết

lập một dạng liên bang lỏng lẻo.

Keng Swee nói rằng bất kỳ một cuộc cải tổ hiến
chế nào cũng không được coi

Singapore như một bán thuộc địa.

Nếu Singapore tách rời khỏi nghị viện

liên bang, nó sẽ khước từ thân

trạng và quyền lợi cũ của mình,

và đó sẽ là một vấn đề

nghiêm trọng, ông nhắc lại lần

nữa ý kiến của tôi là chúng

tôi sẽ cố gắng hướng đến

tình thế trước khi có Malaysia, và

lần này khẳng định với Razak rằng

có thể tìm ra được một giải

pháp theo kiểu đó.

Những cuộc bàn cãi như vậy thật là rối ren và

chẳng đi tới đâu cả, bởi

Tunku và Razak trong các đề nghị của

họ cứ chao đảo hết đi xuôi

rồi đi ngược. Cuối cùng cũng

chẳng đi tới đâu cả, bởi lý

do nổi bật là: người Anh không

muốn làm yếu Malaysia trong cuộc chiến đối đầu (với Indonesia),
và Head đã khéo léo can thiệp, qua những buổi làm việc với
Tunku,

Razak và Ismail, để ngăn chặn họ

lại.

Vào ngày 15/2, Chin Chye, Kim San và tôi cùng chơi gôn với
Tunku. Tôi đề dặt đề cập

rằng người Anh đã đoán được

những gì đang diễn ra bởi một lúc

trước đó, Lord Mountbatten, từng viếng thăm Kuala Lumpur rồi
Singapore, đã bày tỏ sự lo ngại của ông ta nhân

danh Thủ tướng của ông. Tunku bảo

ông đã có nói với Mountbatten

rằng không có gì phải lo ngại

bởi ông hiểu rất rõ mối nguy

hiểm của việc Indonesia lợi dụng tin

tức về sự chia rẽ trong Malaysia. Nhưng khi chúng tôi cùng về phòng làm

việc của ông, chúng tôi khám

phá ra rằng suy nghĩ của ông đối

với chuyện cải tổ đã đổi

khác đi sau khi Mountbatten và Head đã làm việc với ông. Singapore sẽ vẫn

tiếp tục có chân trong nghị viện

liên bang, giờ đây ông nói như

vậy. Chuyện tài chính và quyền

thu thuế của tiểu bang sẽ được

giao lại cho Singapore, giải tỏa nguồn gốc chính gây bất hòa giữa chúng

tôi. Như đã đề nghị, quốc

phòng và đối ngoại sẽ thuộc

về chính phủ liên bang, trong khi việc kiểm soát lực lượng cảnh sát

và các vấn đề an ninh địa

phương sẽ được trao cho chính

phủ Singapore. Nhưng an ninh và tình báo quốc gia (Tunku muốn nói tới MI5 và

MI6) vẫn phải là của trung ương,

bởi nếu khác đi – ông lặp

lại đến ba lần – “Ai biết

được sẽ có chuyện gì xảy

ra nếu như PAP không nắm quyền mà

một đảng cực tả nào đó

như Barisan lại nắm quyền? Singapore sẽ

trở thành một Cuba mà thôi.”

Thế rồi ông yêu cầu tôi thảo một lá thư

gửi cho Harold Wilson, để báo cho ông

ta biết những dàn xếp này và

trấn an ông ta rằng Malaysia không có

phân ly. Tôi đã gửi cho Tunku bức

thư phác thảo này vào hôm sau.

Cả ba người Singapore chúng tôi đều tin rằng người Anh đã
ngăn chặn thành công bất

kỳ ý tưởng nào của ông ta

muốn để hòn đảo này

(Singapore) “tách ra”, theo như cách

nói của Tunku. Về sau Tunku có nói

với chúng tôi ở tư dinh rằng giờ

đây ông muốn tiến hành mọi

chuyện một cách từ tốn. Ông e

ngại mọi tiết lộ công khai có

thể tạo lợi thế cho Sukarno.

Claude Fenner, tổng thanh tra cảnh sát, từ Kuala Lumpur đến
gặp tôi. Ông đến để từ

nhiệm, nhằm trao lại cho chính quyền

kiểm soát lực lượng đồng

phục, và hài lòng khi chúng tôi

có thể vẫn hồi được trật
tự khi xảy ra các vụ bạo động
nếu như chúng tôi xây dựng được
các đơn vị dự bị riêng của
mình. Ông tin rằng một khi các phần
tử cực đoan ở Singapore biết rằng
chính phủ tiểu bang đã đảm
nhiệm công việc an ninh và có thể
hành động chống lại họ được,
thì hy vọng sẽ có ít rối loạn
hơn. Ông ta có vẻ thành thực,
nhưng tôi đã lắm khi nghĩ đó
là quan điểm rất ráo của ông.

Năm ngày sau, ông trao cho tôi một bản tham luận ông viết gửi cho
Ismail, lập luận trái ngược hẳn: không nên

giao cảnh sát hay công việc an ninh tiểu bang cho Singapore. Giống

nư Tunku, ông ta thay đổi hẳn lập trường của mình. Ông ta đã đưa Sir Roger Hollis, người đứng đầu của MI5, hiện đang viếng thăm Kuala Lumpur, đến gặp Ismail, và Hollis đã thuyết phục ông này rằng, xét theo quan điểm chuyên môn, chuyện chia quyền kiểm soát cảnh sát cho cả Singapore lẫn liên bang là thiếu khôn ngoan. Do vậy, Ismail đã đề nghị chính phủ liên bang nên tiếp tục coi sóc công việc luật pháp và trật tự tại Singapore y như hiện nay. Tôi hỏi là phải chăng Tunku đã thay đổi ý kiến. Ismail trả lời rằng không phải vậy, nhưng ông ta thấy có bốn phàn phải đưa ra

lời khuyến cáo chuyên môn mà

ông ta đã nhận được.

Chẳng lâu sau, tôi có dùng cơm trưa với Head tại biệt thự riêng Carcosa của ông và bàn luận căng thẳng với ông ta 20 phút trước và 20 phút sau bữa ăn. Ông ta đã gặp Tunku, Razak, Ismail và Tan vào sáng hôm đó, và nói rằng Tunku đang dự định trong đầu những tái sắp xếp mới nhất, nhưng có ba trở ngại. Thứ nhất, Tan phản đối chuyện từ bỏ kiểm soát việc tài chính. Thứ hai, Ismail chống đối chuyện trao lại cho chúng tôi quyền kiểm soát cảnh sát và an ninh. Thứ ba, bộ phận UMNO

ở Singapore không muốn hòa dịu, chứ
đừng nói chi đến chuyện tạm
ngưng hoạt động. Tôi nói với
ông ta rằng chính Fenner là người
đã gây ra cản ngại trong vấn đề
kiểm soát cảnh sát. Bình tĩnh,
Head nói rằng ông chưa đề cập
vấn đề với Fenner, nhưng có lẽ
sẽ làm thế thôi.

Ông đề nghị
nên có tạm ngưng hoạt động
trong khi đang tiến hành các cuộc đàm
phán, tức là một kiểu hưu chiến.
Tôi nhắc cho ông ta nhớ những gì
đã xảy ra cho cuộc hưu chiến vừa
rồi. Tôi đề nghị Tunku và tôi

sẽ đưa ra một tuyên bố nói
rằng chúng tôi đã đồng ý
với nhau trên nguyên tắc không can
thiệp vào nhau trong thời kỳ người
Indonesia tiến hành cuộc chiến đổi
đầu, và nhấn mạnh rằng các
chi tiết về biện pháp hành chính
để đạt được điều này
đang được bàn thảo, nhằm
không làm xáo trộn nền tảng của
Malaysia. Head đồng ý, nhưng không thực sự như vậy. Ông nói
với tôi
rằng các cải tổ hiến chế là
một thắng lợi lớn mà chúng tôi
không được để Sukarno thủ lợi,
bởi điều đó sẽ chỉ khuyến

khích ông ta tiếp tục cuộc chiến

đổi đầu. Ông khuyên tôi nên

nhẫn nại và chờ đợi chuyện

đó qua đi. Chuyện đổi đầu

đó không thể kéo dài lâu

được bởi nền kinh tế của

Indonesia đang trì trệ và siêu lạm

phát đang tàn phá đất nước

này. Một khi cuộc đổi đầu

qua đi, tôi có thể thúc ép

Tunku trong các vấn đề hiến chế.

Tôi lắng nghe ông ta, bàn bạc điều đó với

các đồng sự của mình, và

kết luận rằng người Anh sẽ không

muốn Malaysia rước lấy bất kỳ rủi

ro nào do áp dụng một sự dàn

xếp lỏng lẻo vốn sẽ chỉ hữu

hiệu với một chính quyền PAP ở

Singapore và có thể dẫn đến

những vấn nạn nghiêm trọng nếu

như đảng Barisan nắm được chính

quyền. Tôi cũng quyết định chúng

ta đang có một cơ hội tốt hơn

để kiểm được một cái tổ

hiến chế hợp lý nếu tôi gây

sức ép với Tunku trong khi người Anh

vẫn bảo vệ Malaysia chống lại Indonesia và vẫn còn có thể ảnh hưởng

đến ông ta. Head nói rằng tuy ông

ta muốn chúng tôi tự thu xếp chuyện

nội bộ của mình nhưng chính phủ

Anh cũng cho ông ta được quyền quyết

định rộng rãi và nếu cần

điều đó cũng tạo được

áp lực đáng kể.

Ngày hôm sau, 24/2, tôi yêu cầu gặp ông tại Nhà

khách Singapore ở Kuala Lumpur. Tôi nói với ông ta là tôi không
thể thuyết

phục Tunku đưa ra lời tuyên bố được

bởi ông ta (Head) đã làm Tunku ngại

không muốn nói hay làm bất cứ

điều gì. Tình thế chắc chắn

sẽ trở nên tệ hại hơn bởi cả

hai bên vẫn găng nhau cho đến khi ngã

ngũ, và chúng tôi có thể phải

đối mặt với một cuộc bạo

loạn thứ ba. Head bảo ông sẽ vận

động Tunku tuyên bố ông ta đang suy

ngữ thực hiện những cuộc sửa đổi
nhỏ cho Malaysia để công việc thêm
trôi chảy hơn, chứ không phải là
những thay đổi căn bản hay triệt
để. Các cuộc thương lượng
về chuyện cảnh sát và tài
chính sẽ mất ít nhất cũng sáu
tháng; trong lúc đó tình hình
phải được giữ vững.

Tôi gửi cho nội các một bản đánh giá của
mình: không chỉ có chuyện là
Mountbatten và Head đang gây áp lực
lên các nhà lãnh đạo Malaysia,
mà còn có chuyện các viên
chức Anh được các Bộ trưởng
Liên hiệp tin cậy, như Fenner trong cảnh sát và Gould bên Bộ Tài

chính,

cũng đang làm hết sức mình để

ngăn cản chuyện cải tổ của Tunku.

Người Anh không muốn có bất kỳ

thay đổi nào trong khi cuộc chiến đối

đầu của Indonesia vẫn còn đó,

và nếu có đi chăng nữa thì

cũng phải là những cải tổ tối

thiểu mà thôi. Cảnh sát, cả lực

lượng đồng phục lẫn Sở đặc

vụ, đều vẫn dưới sự kiểm

soát của trung ương. Tôi kết luận:

“Theo kinh nghiệm của tôi trong các

cuộc thương lượng hợp nhất,

đây là đặc trưng trong phương

thức của người Anh. Không bao giờ

công kích trực diện bằng cách

nói rằng sẽ không có chuyện sửa

đổi gì hết, mà họ thường

gây xói mòn quan điểm của người

khác từng chút một... Tôi không

biết ông ta (Head) có định làm

cho chúng ta kiệt quệ đi hay không.”

Tôi không loại trừ khả năng nếu

chúng tôi phớt lờ lời khuyên của

Head, ông ta có thể ra hiệu cho Tunku biết là người Anh sẽ sẵn sàng đồng

tình với chuyện loại bỏ hoàn

toàn sự thách đố của chúng

tôi trong Liên bang.

Lợi thế mặc cả của chúng tôi là sức mạnh

chính trị có được từ các

chi bộ PAP ở Malaya và sự có mặt

của chúng tôi trong quốc hội. Lợi

thế này cho phép chúng tôi tập

hợp được những người

không-Malay lẫn những người Malay

cấp tiến trên khắp đất nước

Malaysia. Thế nhưng vì điều đó,

và vì khả năng của chúng tôi

trong việc huy động những cuộc mít-tinh và vận động tại Malaya,
nên Tan

Siew Sin sẽ lờ đi chuyện chúng tôi

công kích ngân sách của ông ta

và đưa dự luật thuế doanh thu ra

trước Quốc hội.

Tuy nhiên, những bàn bạc sau hậu trường đã

giữ tình hình không đi tới chỗ

khủng hoảng. Cả hai bên đều muốn

tránh chuyện đụng độ. Cả hai

bên đều muốn có một sự dàn

xếp lỏng lẻo hơn nhằm chấm dứt

mối bất hòa thường xuyên mà

về lâu về dài sẽ làm suy yếu

địa vị của Malaysia trên trường

quốc tế và quốc nội. Thế nhưng

người Anh sẽ không muốn như vậy,

và họ đã cất lực để

giữ cho Malaysia vẫn y nguyên như trước đây; người Úc và New Zealand ủng

hộ người Anh. Cao ủy Úc, Tom Critchley và viên phụ tá của ông ta ở

Singapore là Bill Pritchett, đã hồi thúc tôi giữ nguyên mọi thứ cả về

mặt hiến chế lẫn hành chính,
rút ra khỏi nền chính trị Malaya và
đóng cửa các chi bộ đảng
trên bán đảo này để đổi
lại việc có được hai Bộ
trưởng trong chính phủ liên bang. Tôi
nói với Critchley rằng chúng tôi
không thể rút PAP ra khỏi đất
Malaya được khi mà UMNO vẫn hoạt
động tại Singapore và các phần
tử cực đoan Malay có thể bị sử
dụng làm đòn hăm dọa chúng
tôi bằng cách gây rối chủng tộc.
UMNO muốn cái nọ thì phải mất
cái kia chứ.

Có một điều bù qua đắp lại trong cơn căng thẳng
ngày càng lớn và đấu khẩu
ngày càng gay gắt giữa các nhà
lãnh đạo Malaysia và Singapore là vẫn
còn có những cuộc thảo luận kín
giữa Keng Swee và tôi ở bên này,
với Tunku và Razak ở bên kia. Razak thấy dễ chịu với Keng Swee
hơn với tôi;
Tunku cũng thích Keng Swee hơn nhưng chưa đến nỗi không chấp
nhận được
tôi nên vẫn nói chuyện với tôi,
do vậy những cuộc trao đổi riêng
tư và thẳng thắn giữa chúng tôi
đã khiến cho tai họa không diễn
ra được.

Nhưng bởi cuộc đấu khẩu công khai giữa Kuala Lumpur và
Singapore đang khiến cho Úc và New Zealand không an tâm, nên
các cao ủy của

họ (sau khi đã thông qua với Tunku) đã chính thức mời tôi đến
viếng

thăm nước họ vào tháng 3 và

tháng 4/1965. Tôi sẽ có thể giải

thích tại sao, tuy đang có những bất

đồng nội bộ, Singapore vẫn một

lòng đứng đằng sau Kuala Lumpur chống

lại cuộc chiến đổi đầu của

Indonesia. Điều này sẽ giúp trấn

an dân chúng hai nước này rằng

chính quyền của họ sẽ ủng hộ

Malaysia chống lại Indonesia.

Do vậy, vào ngày 5/3, máy bay chở tôi đáp
xuống Auckland.

39 TÌM

KIẾM SỰ ỦNG HỘ Ở ÚC

New Zealand là một đợt thay đổi không khí dễ
chịu. Choo và tôi ngụ ở một
khách sạn nhỏ thật thú vị tại
Auckland; nơi đây những cô hầu
phòng người da trắng ăn mặc y hệt
như bên nước Anh thời sau chiến
tranh, mang cho chúng tôi trà buổi sáng cùng bánh mì và bơ trước
khi dọn một bữa ăn sáng ê hề
những bít-tết và sườn cừu,
nhưng chúng tôi không thích dùng.
Chúng tôi đi xe từ Auckland đến

Wellington, mất hai đêm phải nghỉ dọc đường. Tại mỗi thị trấn dọc
đường, thị trưởng, trong bộ lễ
phục như ở bên Anh, đã tiếp
đón chúng tôi, chiêu đãi
bữa trưa hay tiệc trà, và phát
biểu đón mừng.

Tại Wellington, tôi đã ghé thăm Thủ tướng Keith
Holyoake tại văn phòng của ông ở
nghị viện. Sau khi trò chuyện, ông đưa tôi đến gặp nội các của ông
để có một cuộc trao đổi quan
điểm thân mật với nhau. Họ được
bảo đảm rằng tôi khẳng quyết³⁸ ủng hộ Malaysia. Họ đồng tình với
quan điểm của tôi và ủng hộ
giải pháp đa sắc tộc cho các vấn
đề của chúng tôi. Tại một
bữa ăn trưa ở tòa nhà Quốc

hội, Holyoake phát biểu những lời thật thấm thiết. “Có những quan hệ

còn hơn cả chuyện quân sự rằng

buộc New Zealand với Malaysia,” ông nói.

Ông bày tỏ lòng ngưỡng mộ

trước sự tiến bộ của Singapore

dưới thời của tôi và nói

rằng tôi đã làm việc không

ngơi nghỉ để phục vụ cho một

nước Malaysia mới, “một đất

nước đang gặp phải điều phiền

phức bởi những khó khăn ngày

càng tăng, điều mà các nước

non trẻ đều gặp phải – các

khó khăn càng tăng thêm nữa trước

những đe dọa bách hại của người

láng giềng không lồ, Indonesia. Tôi
chắc chắn ngài Lee sẽ không dễ
dàng sợ hãi trước những dọa
dẫm như vậy, và sẽ tiếp tục
làm việc kiên trì để đảm
bảo sự ổn định, thịnh vượng
và tiến bộ của một đất nước
mà ông đã góp phần tạo
nên”. Như để nhấn mạnh lời
đe dọa, trong lúc tôi còn đang ở
Wellington, một quả bom do các phần tử
phá hoại Indonesia đặt đã phát
nổ tại tòa nhà MacDonald ở Singapore, nơi có Văn phòng Cao ủy
Úc và
trụ sở của Ngân hàng Hồng Kông
và Thượng Hải, làm chết 2 người

và 35 người khác bị thương.

Ngày hôm sau, tôi đã đến nói chuyện với
sinh viên và ban giảng huấn trường
Đại học Victoria. Tôi có lời khâm
phục nước Anh là đã có sự
khôn ngoan để biết khi nào thì
mình bị đặt trước một cuộc
cách mạng không thể cưỡng lại
được do những người cộng sản
và những người quốc gia tổ chức.
Thay vì cố gắng dập tắt cả hai,
nước Anh đã cho phép những người
quốc gia đứng ra lãnh đạo khối
phi cộng sản.

Từ Wellington, chúng tôi bay đến Christchurch, đi xe đến
Dunedin và Invercargill, rồi bay trở lại Wellington. Tôi thấy New

Zealand thật là hấp dẫn. Trong lời nói, cử chỉ và
cung cách sống, họ còn giống người
Anh hơn cả người Úc. Đất nước
toàn một màu xanh và tươi mát,
y như miền nam nước Anh. Và họ rất
là thân tình, hiếu khách.

Chặng dừng kể
tiếp của tôi là Sydney, chặng đầu
tiên trong chuyến du lịch kéo dài 18
ngày trên đất nước Úc, đưa
chúng tôi đến Canberra, Melbourne, Adelaide và Perth. Tại
Canberra, tôi đã phát
biểu trước các thành viên của
Câu lạc bộ báo chí quốc gia.
Cuộc chiến đôi đầu của
Indonesia là quan tâm rất lớn của họ:

“Chúng tôi có chung một người láng giềng,
có dân số lớn hơn cả hai chúng
tôi cộng lại, nghèo hơn cả hai
chúng tôi, và rất có thể là
một đất nước bất ổn trong cả
một thời gian dài sắp tới...
Chúng ta biết rằng viện trợ kinh tế
và quân sự không thể đảm
bảo cho chúng tôi một thắng lợi
sau cùng, nhưng chí ít nó cũng
sẽ cho chúng tôi có được
thời gian.”

Nhưng tình hình tại Nam Việt Nam cho thấy bất kể chuyện
yểm trợ quân sự có ồ ạt

đến đâu, viện trợ kinh tế có
to lớn cỡ nào, nếu các nhà
lãnh đạo không biết lo cứu lấy

chính mình, kết quả cuối cùng
cũng vẫn sẽ là sự diệt vong, cho
cả người giúp lẫn kẻ được
giúp. Tôi nói:

“Giới lãnh đạo Malay tại Malaysia càng huyền

*thuyền về chủ nghĩa quốc gia Malay bao nhiêu, những người
không—Malay tại*

Malaysia sẽ càng nghi ngại về tương

lai của họ bấy nhiêu. Về mặt lý

thuyết, sẽ có ba khả năng nếu như

vẫn tiếp tục không chia tách:

(1) Malaysia bị một cường quốc thứ ba thu phục;

2. Một cộng đồng chiếm ưu thế hơn những

cộng đồng khác tại Malaysia; hoặc

3. Dần dần đi đến tan rã và cuối cùng là

chia cắt.

Cả ba đều có những hệ quả tai hại.

Đám đông các ký giả và các nhà ngoại
giao đã vỗ tay tán thưởng sự
thẳng thắn và ý nghĩ thực tế
của tôi.

Sau đó tôi gặp Thủ tướng Robert Menzies. Menzies rất có ảnh hưởng đối với Tunku. Khác

với Harold Wilson, ông là một người

thuộc đảng Bảo thủ, và luôn

luôn ủng hộ Tunku. Tunku đã nói

về ông ta với những lời rất là

nồng ấm, và nếu giờ đây

Menzies hỏi thúc Tunku tìm kiếm một

giải pháp cho Malaysia thông qua sự dàn xếp chính trị chứ không phải vũ

lực, có thể ông ta dễ thành

công hơn là Wilson. Ông ta chú ý

đến những gì tôi nói và

cuộc họp của chúng tôi đã
kéo dài đến 75 phút, gấp đôi
số thời gian dự định. Sau đó
ông ta đã đưa tôi đến
gặp toàn thể nội các của ông
để có những cuộc trò chuyện
thân mật cùng nhau.

Tôi giải thích những áp lực mà Tunku đang phải
chịu đựng. Sukarno đang hết sức lo
kéo người Malay tại Malaysia, một số
lớn đó là những người trở
về từ Sumatra và Java cách đây
không lâu. Nhưng bởi vì phải đánh
bạt được áp lực của chủ
nghĩa liên Malay của Sukarno, nên Tunku đang làm mất lòng người
Hoa và người

Ấn. Điều quan trọng là ai đó
được ông ta tin cậy, như Menzies
chẳng hạn, phải giải thích cho ông
ta hiểu rằng tương lai về lâu về
dài không phải là sự ngồi xổm
lên đầu người Hoa hay người
Ấn, mà là dành cho họ một chỗ
đứng dưới ánh mặt trời tại

Malaysia. Tôi vạch rõ là ba chủng tộc chính tại Malaysia – người
Malay, người Hoa và người Ấn – đều có
nguồn cội văn hóa từ ngoài

Malaysia, tức là từ Indonesia, Trung Hoa và Ấn Độ. Lãnh đạo của
những
nước này có thể lôi kéo
được mỗi dây tình cảm cũng
không thua gì, nếu không muốn nói

còn hơn cả, các nhà lãnh đạo

Malaysia. Menzies đồng tình. Ông nhận phân tích của tôi là nghiêm túc

và yêu cầu tôi đưa ra ý

kiến về những gì tôi xem là

giải pháp cho vấn đề. Tôi hứa

sẽ làm việc này khi trở về

Singapore. Các cuộc họp giữa tôi và

ông cùng nội các của ông không

được các báo ở Malaysia đăng

tải, có lẽ để tránh gây

khó chịu cho Tunku.

Đó là một chuyến đi cam go. Tại mỗi thành phố
tôi đều có phát biểu, trả

lời phỏng vấn trên truyền thanh và

truyền hình, và nói chuyện tại

các trường đại học và với
giới báo chí. Nhưng việc đó
đáng bỏ công ra làm. Tôi đã
trình bày một bức tranh hiện thực
về Malaysia và khiến cho người Úc
cũng như New Zealand hiểu rõ rằng chúng tôi cần và đánh giá cao
sự
giúp đỡ của họ, rằng giúp
chúng tôi là họ đúng, và
đoàn kết cùng nhau, chúng tôi
có thể thành công.

Khi trở về

Singapore vào ngày 3/4, tôi được
biết các nhà lãnh đạo Liên
hiệp đang tức giận lên, viện lẽ
tôi đã phê phán chính phủ

liên bang và Tunku. Ngay lúc tôi còn
ở Úc, V.T. Sambathan, lãnh tụ MIC và
là Bộ trưởng Bưu chính, viễn
thông và công chính của Tunku, đã
công kích tôi là “nói không
đúng” về Liên hiệp. Ông nói
rằng tôi đã có những gì
tôi cần, ấy là Malaysia, và giờ
đây đang nói về chính quyền
cứ như thể chẳng biết gì về
chính trị, và đang được điều
hành bởi những ông hoàng, vua chúa
và tù trưởng vậy. Thế nhưng
tôi không nói những điều này
trong bất kỳ bài phát biểu nào

của mình.

Khi các cuộc công kích tôi tiếp diễn trên các

báo Malaysia, nhiều người Úc và

New Zealand đã lên tiếng trên tờ

Straits Times để

bênh vực cho tôi. Một nhà báo

Úc phản đối rằng ông đã

nghe nhiều cuộc nói chuyện của tôi

tại các trường đại học, và

chưa lần nào ông nghe thấy tôi có

nói bất cứ điều gì chê bai

các nhà lãnh đạo Malaysia cả.

Chủ tịch Hội Nghiên cứu châu Á

của đại học Victoria ở Wellington cũng viết trên báo nói rằng ông thật

ngạc nhiên khi nghe các báo cáo từ

Malaysia nói là tôi bị chỉ trích
vì “có những phát biểu vô
trách nhiệm công kích các nhà
lãnh đạo của chính phủ trung
ương”, ông chưa hề nghe có
điều gì cho thấy những chỉ trích
như vậy là đúng cả.

Chẳng qua tội lỗi đầu tiên của tôi dưới
mắt các nhà lãnh đạo liên
minh chính là vì tôi đã nhận
được cảm tình của báo giới
New Zealand và Úc. Họ cũng biết qua
các cao ủy Malaysia ở Wellington và
Canberra là tôi đã được Thủ
tướng và nội các của hai nước
tiếp đón nồng nhiệt. Nhưng bất

bình chính yếu của họ là lập

luận và phân tích của tôi về

tình hình đã có ảnh hưởng

đối với cả hai chính quyền. Sau

một loạt lời cáo buộc là đã

nói xấu ông hoàng, các Bộ

trưởng của ông và đất nước

Malaysia nói chung, tôi đã đưa ra

một tuyên bố rằng tất cả những

gì tôi đã nói đều có

ghi lại trong băng từ, hiện có sẵn

đây để kiểm tra, và tôi chịu

trách nhiệm từng chữ từng lời

trong đó. Tôi đặc biệt phủ

nhận chỉ trích của Tiến sĩ Lim

Swee Aun của MCA, Bộ trưởng thương

mại và công nghiệp, cho rằng tôi

bảo chính phủ trung ương chỉ lo

cho người Malaysia, và tôi cũng cho công bố nguyên văn trích đoạn
những

gì tôi đã phát biểu về

các đặc quyền của người

Malay khi trả lời câu hỏi của một

sinh viên Malaysia ở Adelaide:

“Không, tôi không nghĩ vấn đề lúc này

là điều khoản cho phép người

Malay có những đặc quyền... Và

nếu các cộng đồng người nhập

cư có nguồn gốc nhập cư không

nhận ra vấn đề, nếu họ không

cảm được việc đòi sống

của một người Malay nghèo nghĩa là
gì, và không thông cảm với phận
nghèo ấy, thì tôi nói ngay được
là anh ta sẽ biểu lộ bất mãn
của mình bằng một phương cách
rất dứt khoát và toàn bộ đất
nước sẽ bị rơi vào hỗn
loạn.”

Điều tôi muốn nói không phải là các đặc
quyền dành cho người Malay, mà chính
là chuyện chúng không giải quyết
được vấn nạn, bởi chúng chỉ
có lợi cho một số người bên
trên:

“Cấp giấy phép điều hành các công ty xe
buýt hay giấy phép lái xe buýt cho

một hoặc hai trăm gia đình Malay thì

giải quyết được nạn nghèo

đói của người Malay thế nào

được? Người Malay là những

người nông dân. Tại Úc và

New Zealand, nông gia là những người có tiền của. Mà sao ở
Malaysia nông dân lại nghèo? Bởi

không có nghiên cứu nông nghiệp,

chọn giống, phân bón, cải tiến

kỹ thuật xen canh, thì làm sao phát triển canh tác nông sản hàng
hóa?”

Tuyên bố của tôi được đăng trên các

báo tiếng Hoa và tiếng Anh, nhưng

không được đăng trên các

báo Malay. Nó cũng chẳng được

phát trên Đài Truyền thanh và

Truyền hình Malaysia. Trong chừng mực người Malay có thể nhận

được thông

tin thì tôi đã không có cơ

hội lên tiếng phủ nhận được,

và tờ *Utusan Melayu* đã có thể tiếp tục khuấy đảo

công chúng chống lại tôi.

Tunku giận lắm và cảnh cáo các nhà lãnh đạo

Singapore rằng chính phủ trung ương sẽ

không để bị bất kỳ chính

quyền bang nào thúc bách về bất

kỳ vấn đề gì. Ông nói,

Singapore đã gia nhập Liên bang “với

con mắt mở lớn và theo ý muốn

của họ”. Ông nói thêm:

(Singapore) “có thể bị biến thành một Cuba thứ

hai và tình thế đó đối với

chúng ta là không phòng vệ được...

và đó là lý do tại sao chính

phủ trung ương đã ủng hộ PAP.

Với việc PAP cầm quyền, chúng ta nghĩ

đến chuyện Singapore an toàn thoát

khỏi tay của những người cộng sản.

Thế nhưng chúng ta không nhận thức

rõ lắm rằng lãnh tụ của PAP đã

nghĩ tới chuyện chia sẻ công việc

lèo lái đất nước Malaysia. Điều

này chúng ta xem là khó có thể

chấp nhận được bởi Liên hiệp

đủ mạnh để tự tay lèo lái

lấy đất nước của mình.”

Hai tuần sau khi trở

về Singapore, tôi viết một bức thư

gửi ngài Robert Menzies tóm tắt những khó khăn trong việc làm

cho một xã

hội đa chủng tộc như Malaysia phát

triển tốt đẹp. Trong thư này, đề

ngày 20/4/1965, tôi trình bày tình

thế mà các đồng nghiệp và

tôi đã nhận định được

vào tháng 4/1965. Chúng tôi cảm thấy

rất rõ rằng nếu mọi việc cứ

như bây giờ, tất sẽ có chuyện

không hay xảy ra.

Trả lời của Menzies vào tháng 5/1965 có tính chất ủng hộ nhưng cũng thể hiện đầy

cân nhắc:

“Tôi có thể cam đoan với ông rằng tôi muốn

thấy, vì lợi ích của tất cả

chúng ta, một giải pháp thân thiện

và hợp lý, một giải pháp tôi
dám chắc sẽ giúp Malaysia trở thành
một cấu trúc sinh động và an
toàn. Cùng lúc đó, tôi muốn
nhấn mạnh đến sự nhẫn nại
như một bạn đường luôn luôn
có mặt bên cạnh các năng lực
tuyệt vời của ông.

Tôi thấy không cần phải nói với ông rằng, nếu
ảnh hưởng của riêng tôi mà
có được tầm quan trọng thì
tôi không được có bất kỳ
xét đoán trước nào cả, và
nhất thiết không để người
khác nghĩ rằng có vẻ như tôi
đã làm vậy.”

Ông thừa nhận chính phủ Úc sẽ khó thuyết
phục được cử tri của mình lý
do tại sao họ nên bảo vệ một
chính phủ Malay vốn đang đàn áp
những người không-Malay – những
người không-Malay đã sẵn
lòng gia nhập Liên bang có một hiến
pháp đa chủng tộc mà Tunku và
Razak đã đồng ý tại London vào
tháng 7/1963.

40 CHIẾN

DỊCH “ĐỀ NÁT LEE” CỦA UMNO

Bên dưới những trao đổi ngày càng gay gắt giữa Singapore và Kuala Lumpur là cuộc xung đột sâu xa và căng hơn giữa Tan Siew Sin và Keng Swee. Tan toan tính ngăn chặn tiến bộ kinh tế của Singapore, và điều này thể hiện rõ qua việc cấp chứng nhận tiên phong. Ủy ban phát triển kinh tế Singapore (EDB) đã phải trình Kuala Lumpur phê duyệt đơn của các nhà đầu tư tương lai trên hòn đảo này xin được cấp chứng nhận tiên phong, vốn sẽ cho phép

họ được hưởng quy chế miễn

thuế từ năm đến mười năm.

Nhưng trong suốt hai năm nằm trong khối

Malaysia, chỉ có 2 trong 69 đơn là được

duyet, một trong hai giấy phép đó

lại kèm theo quá nhiều hạn định

nên nó gần như một lời từ

chối. Để cản trở Singapore hơn nữa,

ngày 16/2, Tan công khai khuyến các nhà

công nghiệp hãy tham khảo ý kiến

chính phủ trung ương trước khi đầu

tư vào Singapore nhằm tránh tình

trạng “thất vọng và hiểu lầm”

do giả định và tính toán sai.

Ông ta lại còn nói thêm rằng

“các bảo đảm do chuyên gia (ở Singapore) đưa ra không cứ luôn luôn là khả thi”.

Không thỏa mãn với chuyện ngăn chặn chúng tôi, Tan còn muốn chiếm luôn toàn bộ hạn ngạch dệt của chúng tôi. Chính phủ liên bang đặt ra hạn ngạch vải vóc và quần áo may sẵn trong khi họ thậm chí chẳng có xưởng sản xuất nào cả. Trong khi đó, ba nhà máy dệt của Singapore bắt buộc phải giảm bớt gần 2.000 công nhân. Keng Swee nói một cách mỉa mai rằng Singapore đang bị đối xử không phải như một tiểu bang thành viên của Malaysia mà như một

đối thủ nguy hiểm cần hạ gục

bằng bất cứ giá nào. Chính phủ

trung ương muốn sử dụng hạn ngạch

của Singapore để thiết lập một

công nghiệp dệt may tại Malaysia trong khi lại tước đi cơ hội kiểm
lại

được việc làm của bao nhiêu

công nhân ngành may Singapore đang bị

thất nghiệp. Cuối cùng, dưới áp

lực tể nhị của Antony Head, Kuala Lumpur đã phải ê chề trả lại
hạn ngạch

đó cho Singapore. Đến lúc đó

thì Keng Swee tin rằng không những chúng tôi sẽ không thể có
được

một thị trường chung, mà Tan sẽ

còn tìm cách thu hút tất cả

các đầu tư công nghiệp qua Malaya

bất kể các nhà đầu tư muốn
gì. Ông ta cảm thấy thất vọng
hết sức.

Keng Swee ghi lại điều này năm 1981 như sau:

“Tan Siew Sin đã đích thân quấy rối chúng tôi.

Tan rất ghét Singapore và đổ kị
với ông Lee. Ông ta xem PAP là mối đe
dọa cho sự lãnh đạo người
Hoa của MCA trên bán đảo (Malaya) và
do đó không muốn Singapore thành công.
Họ (các Bộ trưởng thuộc đảng
MCA gồm Tan và Lim Swee Aun) đã hành
động với niềm tin xấu xa. Và đó
là lý do tại sao chúng tôi ở
lại trong Liên bang Malaysia lâu chừng nào, thì chúng tôi lại càng
nghĩ ngờ

tính đúng đắn của những

chuyện mình đã làm chừng đó.”

Thế rồi Keng Swee đề cập tới một cuộc nói

chuyện giữa ông với Lenard Rist, chuyên

viên của Ngân hàng Thế giới đang

tư vấn cho các chính phủ Malaysia và

Singapore về thị trường chung. Ông này

từng khuyến cáo rằng nó phải

được thực thi qua các giai đoạn

liên tiến.

Keng Swee hỏi: “Giả

sử ông ta (Tan) không chịu vào cuộc

và thị trường chung không đạt

được bước tiến nào –

thì điều gì sẽ xảy ra?”

Rist trả lời: “Trong trường hợp đó, thưa

ngài Bộ trưởng, không chỉ thị trường chung sẽ bị nguy hiểm; mà toàn bộ khái niệm Malaysia cũng gặp nguy cơ luôn.”

Keng Swee đã tan mộng hoàn toàn. Mặc dù ông đã chống việc chúng tôi tham gia vào cuộc tuyển cử năm 1964 tại Malaya, nhưng giờ đây ông thừa nhận việc đó như chúng tôi, bởi việc đó cho phép chúng tôi tập hợp được dư luận chính trị, một điều có thể hãm bớt những việc làm thái quá của chính quyền trung ương. Ông đã từ bỏ mọi hy vọng hợp tác, không còn mong đợi điều gì tốt

đẹp từ Malaysia nữa. Mà ông còn
e ngại sẽ gặp những gay go bất tận
nữa. Nỗi sầu của ông ta đã
khiến Chin Chye quyết tâm tạo một đối
trọng với sự độc đoán của
trung ương. Sự ác ý của Tan là
một trong những lý do chính khiến
chúng tôi phải vận động quần
chúng trên cùng khắp Liên bang.

Vấn đề

chúng tộc đã làm lu mờ mọi
điều khác. Trong một kỳ họp của
quốc hội liên bang vào tháng 11/1964,
Tiến sĩ Lim Chong Eu, đại biểu Quốc
hội và là lãnh tụ của đảng
đổi lập Dân chủ Thống nhất

(UDP) trụ sở chính ở Penang, đã

bày tỏ lòng ái ngại của ông

với tôi về hai vụ bạo loạn chủng

tộc mà chúng tôi đã gánh

chịu tại Singapore. Ông nói ông cũng

đã trải qua chuyện đó rồi.

Từ mô tả của ông về những

rối loạn tại Penang trong thập niên

1950, tôi nhận ra những gì Albar và

những người Thổ Nhĩ Kỳ của

đảng UMNO đã áp dụng ở

Singapore là một phương pháp đã

từng qua thử nghiệm. Cảnh sát và

quân đội vây quanh, đồng thời

cứ để mặc cho các tay bạo loạn

Malay – thường là các nhóm võ

thuật (*bersilat*), bọn ác ôn và các tay găng-tơ

được tự do hoành hành. Một

khi cuồng vọng đã dâng cao, và

có đủ một số người Hoa phản

ứng lại, thì ngay cả một người

Malaysia bình thường cũng nhập bọn

luôn. Khi người Hoa đánh trả, họ

liền bị cảnh sát và quân đội

dập ngay: luật pháp và kỷ cương

được thi hành để chống họ,

chứ không phải người Malay. Kết

quả là dân chúng trở nên ủ

rũ và nhút nhát.

Chúng tôi đã thoát khỏi thế đối đầu với

người cộng sản để rồi chạm

trán những tay kỳ thị sắc tộc

Malay còn tồi tệ hơn. Chúng tôi

đã phải tìm cách đối đầu

lại guồng máy răn đe thông qua các

vụ bạo loạn chủng tộc như vậy,

với bao cảnh người Hoa bị

giết và bị tạt nguyên mỗi khi họ

dám cả gan chống lại sự thống trị của người Malay. Chúng tôi

quyết định cách phòng vệ hay

nhất là liên kết các phe đối

lập tại tất cả các tỉnh thành

trong Liên bang thành một mạng lưới,

để khi bạo loạn nổ ra tại một

thành phố lớn sẽ kéo theo bạo

loạn tại những nơi khác tới một

mức mà cảnh sát và quân đội

sẽ chẳng thể nào ứng phó được,

và mọi chuyện sẽ trở nên âm

ĩ và lộn xộn. Do đó, chúng

tôi tiến hành vận động những

người đau khổ có thể cùng

nhau gấn bó cho công cuộc chống đe

dọa này. Nếu chúng tôi có thể

tìm ra những người như thế ở

Sabah và Sarawak lẫn ở nội địa,

thì người Hoa ở Kuching, Sibú và

Jesselton (giờ được đổi tên là

Kota Kinabalu) cũng sẽ bạo loạn theo, và bất kỳ

dọa dẫm chủng tộc nào của Kuala Lumpur cũng sẽ rước lấy

cái họa là làm Malaysia tan rã.

Các vận động của chúng tôi không tránh khỏi
bị đề ý. Vào ngày 24/4/1965,
Tunku đưa ra bài phát biểu rằng
mình đang có những kế hoạch để
liên kết cánh đối lập lại.
Ông biết những người không-Malay
đang kết hợp lực lượng để
đòi một Malaysia đa chủng tộc,
chống lại một Malaysia của người
Malay, và ông nghĩ tôi là người
cầm đầu. Ông cảnh cáo: “Thế
nhưng, dân chúng phải nghiên cứu
con người này trước khi trao trái
tim và khối óc của mình cho bất
 kỳ một hành động nào như
vậy. Liên hiệp và ông Lee Kuan Yew đã

hợp tác với nhau vì Malaysia, nhưng

chúng tôi thấy khó có thể tiếp

tục được nữa rồi.” Tunku có

lý do đúng để lo âu. Các

nhị viện đối lập trong quốc hội

liên bang đang ngày càng trở nên

chật dạp khi nghe thấy những bài phát

biểu có tính chất kỳ thị chủng

tộc của Albar và các nhà lãnh

đạo trẻ của UMNO. Tiến sĩ Lim Chong

Eu của đảng UDP ở Penang, hai anh em nhà Seenivasgam của Đảng Nhân dân Tiến

bộ (PPP) tại Perak, Ong Kee Hui và Stephens Yong của Đảng Nhân dân Thống nhất

Sarawak (SUPP) và Donald Stephens và Peter Mojuntin của Tổ chức Pasok Momogun Kadazan Thống nhất (UPKO) tại Sabah đều có những đề

ngại liên kết với PAP.

Tiến trình này xảy ra vào tháng Giêng khi Tiến sĩ Lim, rồi Stephens đến gặp tôi. Chưa có cuộc họp nào trong cả hai lần ấy đạt được trọn vẹn điều gì. Tiến sĩ Lim muốn tôi làm chủ tịch hiệp hội người tiêu dùng của ông để khai sinh ra một mặt trận thống nhất rộng rãi bao gồm tất cả các đảng phái phi kỳ thị sắc tộc tại Malaysia. Tôi từ chối. Nếu chúng ta hợp tác với nhau, điều đó phải được làm công khai, chứ không phải kiểu lập lờ thông qua một hiệp hội người tiêu dùng, bằng không chúng

ta sẽ đánh mất sự tín nhiệm.

Stephens đề nghị tách khỏi Liên

hiệp, bản thân ông cũng từ bỏ

chức vụ Bộ trưởng sự vụ

Sabah trong chính quyền Liên bang, và cho các thành viên UPKO của ông từ

chức khỏi nội các Sabah để chuẩn

bị cho kỳ tuyển cử sắp tới của

tiểu bang này. Ông muốn PAP hợp nhất

với UPKO trước, để giúp ông

giành được phiếu của người

Hoa tại các thành phố, và do đó

đảm bảo cho ông thế đa số

trong Quốc hội bang Sabah. Thân sinh của ông là người Úc, mẹ là người

Kadazan; ông là một nhà báo to con,

lịch sự, ham vui, ông có cả một
tờ báo tại Sabah. Ông đã làm
tổng ủy viên (chức vụ ở một
thuộc địa tự trị tương đương
Thủ tướng) cho đến khi gia nhập
chính quyền liên bang. Ông là con
người năng lực nhất trong số những
người Kadazan cùng thời. Nhưng ông
lại không quan tâm lắm tới kế
hoạch rộng lớn của tôi về một
mặt trận thống nhất có sự tham
gia của những đảng đối lập
khác.

Mặc dù có những bước khởi đầu không mấy
thuận lợi, tôi vẫn gửi thư cho các
Bộ trưởng:

“Nếu chúng ta để lỡ dịp này, thì có thể phải mất mấy năm nữa chúng ta mới có thể kiểm lại được cơ hội quá tốt như vậy để liên minh các lực lượng trong Malaysia lại được. Mặt khác, việc tiến hành liên minh các đảng phái phi sắc tộc như vậy phải có nghĩa là một sự đối lập rộng lớn của những người không-Malay chống lại khối chính phủ Liên hiệp do những người Malay trong UMNO lãnh đạo. Một khi đã có hô hào về một hiệp ước như thế và một phản ứng dây chuyền đã khởi lên trong tâm trí của mọi

người, chúng ta có thể chắc rằng
cuộc đấu tranh sẽ nhanh chóng trở
nên quyết liệt và rộng lớn.”

Khi UMNO đã cư
xử với chúng tôi như địch
thủ và rõ ràng sẽ không chịu
hợp tác với chúng tôi, thì tri
hoãn một quyết định như vậy
là lãng phí thời gian. Trong chừng
mức có liên quan tới UMNO, cuộc chiến
còn tiếp tục, và trừ phi chúng
tôi tập hợp được sức mạnh
để đối đầu, bằng không
UMNO sẽ cứ đi theo con đường của
họ.

Vào ngày 12/3, các lãnh tụ đối lập Malaysia đã

gặp Chin Chye, Raja và tôi tại Sri Temasek ở

Singapore, và lần nữa vào ngày 1/3 ở

Nhà khách Singapore tại Kuala Lumpur; tại đây, Stephens đã đến bằng xe

công vụ có gắn cờ và một

vệ sĩ đi kèm. Chúng tôi nghĩ

ông ta khá can đảm để làm

việc này, cho đến khi Tunku đưa ra

lời phát biểu vào ngày 24/4 lúc

chúng tôi suy diễn rằng chính

Stephens đã tiết lộ kế hoạch này

của chúng tôi cho Tunku biết. Chúng

tôi quyết định phải thật cẩn

thận và đã cử Lee Khoon Coy cùng

Eddie Barker (ông này là bạn cũ của

tôi và cũng là người cùng

góp vốn trong công ty Lee & Lee, khi ấy đang là Bộ trưởng Tư pháp) đến Sarawak và Sabah để

đánh giá tình hình tại những

nơi này. Họ trở về và thuyết

phục chúng tôi rằng không nên mở

các chi nhánh PAP tại Sarawak. Người

Hoa ở đây rất khuynh tả y như thời

của đảng Barisan tại Singapore; họ cũng

đang còn bất mãn vì bị tổng

bừa vào Malaysia và việc PAP tiếp tay

khai sinh ra liên bang này. Tại Sabah, chúng tôi dễ kiếm được sự ủng

hộ của người Hoa và mở các

chi nhánh tại đây được, nhưng

chúng tôi phải hình thành thế

liên minh với đảng UPKO của Stephens,

một đảng được người

Kadazan chiếm đa số ủng hộ. Tôi

quyết định không trực tiếp vận

động tại Đông Malaysia mà làm

việc với các lãnh tụ đối

lập hiện tại ở đó. Chin Chye đã

mời họ đến Singapore vào ngày

8/5. Stephens vắng mặt, nhưng lãnh tụ

của các đảng UDP, PPP và SUPP của

Sabah và đảng Machinda của Sarawak có

đến dự và cùng ký vào

một bản tuyên bố kêu gọi cho một

đất nước Malaysia của người

Malaysia:

“Một đất nước Malaysia của người Malaysia có

nghĩa là một đất nước không

vì chủ quyền, sự thịnh vượng

và lợi ích của bất kỳ một

chủng tộc hay cộng đồng riêng rẽ

nào. Một Malaysia của người Malaysia là

một phần của Malaysia của người

Malay, một Malaysia của người Hoa, một

Malaysia của người Dayak, một Malaysia của người Ấn hay một
Malaysia của người

Kadazan, vân vân. Lợi ích chuyên biệt

và hợp pháp của các cộng đồng

khác nhau phải được tôn trọng

và khuyến khích trong khuôn khổ quyền

hạn, lợi ích và trách nhiệm

tập thể của tất cả các chủng

tộc.

Xu hướng ngày càng tăng nơi một số nhà lãnh
đạo là công khai kêu gọi chủ
nghĩa dân tộc hẹp hòi, nhằm lôi
cuốn sự ủng hộ, đã khiến họ
dần dần đi đến chỗ gần như
khước từ khái niệm một đất
nước Malaysia của người Malaysia...
Nếu dân chúng bị bài xích và
kết án là không giữ lòng trung
thành chủng tộc bởi họ đã
tìm ra cơ sở chung cho hành động
chính trị cùng với những người
Malaysia thuộc các chủng tộc khác,
thì cái tự nhận là mối quan
tâm tới một Malaysia của người
Malaysia tất sẽ rất đáng ngờ.”

Bản tuyên bố

kết luận :

“Một Malaysia của người Malaysia là một cuộc
đấu tranh xứng đáng bởi chỉ
có một đất nước Malaysia như
thế thì mới có được tương
lai sáng sủa và đàng hoàng cho
tất cả những người Malaysia. Chính
trên tinh thần và kỳ vọng này
mà chúng tôi, những người ký
tên dưới đây, kêu gọi mọi
người dân Malaysia hãy ủng hộ
công ước này.”

Mặc dù trong suốt thời gian này tôi thường
không có mặt, lúc dự Hội nghị

thanh niên Xã hội chủ nghĩa ở

Bombay, rồi sang viếng thăm Lào và

Campuchia, nhưng UMNO vẫn khẳng quyết tôi là kẻ xúi giục đứng
đăng

sau công ước, và đã tấn

công tôi kịch liệt. Albar và tờ

Utusan Melayu đã có những lời lẽ buộc tội ngông

cuồng hơn. Tức giận vì một bài

báo đăng trên tờ *London Observer*, Albar đã gửi một thư ngỏ đến

cho Dennis Bloodworth, phái viên Viễn đông của tờ báo này, vào
giữa tháng

4. Thư này được đăng trên

tờ *Utusan* và có đoạn như sau:

“Như ông cũng biết, người Malay đang gặp một
thời kỳ khó khăn tại Singapore và
giờ đây đang bị đảng PAP áp

chế. Lee Kuan Yew đang liên tục thách thức tình cảm dân tộc của họ bằng những tuyên bố khiêu khích, mặc dù vậy, không phải chính người Malaysia đã gây ra những cuộc bạo loạn vào năm 1964. Những cuộc bạo loạn đó là do những kẻ kích động thuộc loại mật vụ, những kẻ thậm chí có lẽ đang ăn lương của Lee Kuan Yew. Chủ tâm của Lee là tạo ra hỗn loạn tại Singapore chính vào lúc mà người Malay đang tụ tập để làm lễ mừng ngày đản sinh của đảng Mohammed, nhằm làm cho thế giới có ấn tượng rằng

người Malay đã bị ảnh hưởng
của Indonesia.”

Tôi quyết định kiện ông ta vì tội bôi nhọ nhằm
chặn đứng những luận điệu quá
đáng đó, và các luật sư
của tôi đã hỏi ý kiến của
một luật sư hàng đầu ở
London. Ông này khẳng định đó
là một lời phỉ báng, và khi
Albar cùng *Utusan* từ chối xin lỗi và rút lại lời
nói, các cố vấn pháp luật của
tôi đã đệ đơn kiện họ.
Trong các chứng lý của mình, họ
giải thích rõ hàm ý phỉ báng
nằm ở chỗ muốn nói tôi là
một kẻ đạo đức giả, một

kẻ thù, một kẻ phản bội đối
với quê hương mình, một tội
nhân có trách nhiệm đối với
các rối loạn và tai biến do bạo
loạn, dẫn đến thương tích và
tử vong cho dân chúng, và vì đó
tôi không đáng là Thủ tướng
của Singapore.

Trong vụ kiện này, tôi cho trích một bài của
tờ *Utusan* đăng vào ngày 25/3/1965: "Lee bị
buộc tội là kẻ thù của Malaysia
và là mật vụ của Indonesia. PHẢI
BƯỚC QUA XÁC CHẾT CỦA TÔI TRƯỚC
ĐÃ – ALBAR... Tuan Syed Ja'afar Albar,
tổng thư ký của UMNO Malaya tối qua đã
tố cáo Thủ tướng Singapore, ông

Lee Kuan Yew, là kẻ thù của Malaysia và

là gián điệp của Indonesia.” Tôi

cũng trích một bài đăng vào

ngày 27/3: “Albar tố cáo Kuan Yew là

gián điệp của cộng sản...

Thủ tướng Singapore, ông Lee Kuan Yew, gián điệp của cộng sản và chính

quyền Jakarta, có chủ tâm xấu xa là

phá hoại đất nước Malaysia và

kích cho người Hoa và người Malay

chống lại nhau.”

Giờ đây tất cả những lời lẽ ấy đều sẽ

được tòa xem xét, nên họ

trở nên thận trọng hơn. (Năm 1966,

sau khi chia tách, Albar và tờ *Utusan* đã đồng ý xin lỗi trước

tòa thông qua các luật sư của họ

và chịu mọi án phí.)

Tôi không chỉ

dùng lý lẽ đập vào đã

tâm của Albar, mà lời lẽ của tôi

cũng còn đạt được sự

đồng tình của các nhà lãnh

đạo thứ cấp của UMNO. Trước

sự sùng sốt của Albar, bí thư

UMNO ở Perlis, bang cực bắc của Malaysia, đã nồng nhiệt chào
đón lời tuyên

bố của tôi, bằng cách nhắc lại

lập luận của tôi rằng các đặc

quyền dành cho người Malay sẽ chỉ

có lợi cho một nhóm nhỏ những

người có tiền của, trong khi điều

cần thiết là làm sao cho đại đa

số người Malay chân lấm tay bùn ở
nông thôn gia tăng khả năng kiếm
tiền.

Thế rồi Razak đã tấn công tôi về một “phát
biểu” tôi chưa từng nói và
cũng đã từng phủ nhận một
phát biểu như thế – ấy là
người Malay không phải là dân bản
địa của đất Malaysia. Sau khi cho rằng
lời nói như vậy là ác tâm
và hiểm độc, ông đã đưa
ra tối hậu thư rằng chính phủ
Liên hiệp sẽ không làm việc với
tôi nữa và “nếu dân chúng
Singapore muốn duy trì quan hệ với chúng tôi, họ phải tìm một nhà
lãnh

đạo khác, một người thành

thực.” Hai ngày sau, một nhóm thanh

niên UMNO tại Kuala Lumpur đã đốt

hình nộm của tôi, và vào ngày

16/5, một nhóm khác đã vây

quanh Viện Ngôn ngữ, nơi sắp diễn

ra đại hội của UMNO. Họ mang những

biểu ngữ bằng tiếng Malay như “Hãy

đình chỉ Hiến pháp Singapore”,

“Hãy nhốt Lee Kuan Yew lại”, “Bóp

chết Lee Kuan Yew ”, và khi Tunku đến,

họ la lên: “Hãy nhốt Lee Kuan Yew

lại”, “Hãy nhốt Lee Kuan Yew!”

Tại cuộc họp, nhiều đại biểu

đòi tổng giam tôi, nhưng Ismail bảo:

"Đây không phải là cách làm
việc ở Malaysia. Chúng ta phải hành
động theo hiến pháp." Tunku sau đó
đã mô tả phát biểu bị gán
cho tôi rằng người Malay không phải
dân bản địa là ấu trĩ, mà
quên rằng tôi chưa hề phát biểu
như vậy bao giờ.

Tan Siew Sin một lần nữa cảnh cáo chúng tôi rằng
Singapore không thể tự mình làm việc
gì một mình được. "Tôi
yêu cầu họ nhớ cho là Singapore không
thể tự thân tồn tại được.
Ngay cả việc ly khai khỏi Malaysia cũng không thể xóa tan sự thật
là chưa tới
1,5 triệu người Hoa ở đó đang

bị tràn ngập trong khối hơn 100 triệu

người Malay ở khu vực này.” Sau

chuyến viếng thăm New Zealand và Úc

trở về, tôi đã trả lời rằng

chuyện ly khai là không bàn tới nữa,

nhưng điều này cũng đã không

được lưu ý đến, và tờ

Utusan Melayu đã thuật lại rằng vào ngày 24/5, Albar

một lần nữa đã hối thúc

Ismail có hành động chống lại

tôi:

“Nếu Lee Kuan Yew thật sự là một con người, ông

ta không nên phát biểu quanh co và

nhên can đảm nói thẳng ra là ‘Tôi

muốn ly khai khỏi Malaysia bởi vì tôi

không hài lòng’. Ông ta đã

gia nhập vào Malaysia với cái nhìn
cảnh giác và Malaysia ngày nay cũng
chính là Malaysia mà ông ta đã
ủng hộ. Tại sao trước đó ông
không phản đối đi? Tại sao tới
bây giờ ông ta mới hối tiếc? Tại
sao? Albar cao giọng hỏi. Những người
nghe ông trả lời: “Bóp chết Lee
đi, bóp chết Lee”, và nhiều
tiếng khác la lên: “Hãy bắt Lee
và ướp hũn như ướp lòng
vậy.” Dato Albar mỉm cười một lát
rồi trả lời: “Hãy thét to hơn
nữa để Tiến sĩ Ismail có thể
nghe được sự giận dữ của nhân

dân. Tôi muốn chắc chắn rằng mọi người đều nghe thấy sự giận dữ của nhân dân.”

Albar đã sử

dụng lại kỹ thuật mà ông ta đã

dùng ở Singapore trước thời bạo

loạn năm 1964. Ngày hôm sau, tờ *Utusan* cho đăng một bài trích lời của

đảng bộ UMNO ở bang Selangor, tiêu đề

của bài là: “Lee Kuan Yew là kẻ

thù của nhân dân Malaya”, và

một tờ báo khác bằng tiếng

Malay, tờ *Berita Harian*, cũng tường thuật rằng đảng bộ

UMNO ở bang Perak đã tố cáo tôi

là “mối đe dọa nguy hiểm

nhất cho an ninh của xứ sở.” Bọn

họ đã hè nhau kích động.

Các cuộc tấn công như vậy đạt tới cao độ khi Tiến sĩ Mahathir bin Mohammad, một nghị viên thuộc đảng UMNO (sau này là Thủ tướng Malaysia), tuyên bố tại quốc hội liên bang rằng PAP “thiên vị người Hoa, theo cộng sản và tích cực chống người Malay”, dựa vào lý do là Singapore vẫn theo chủ nghĩa đa ngôn ngữ trong khi lại đả bôi với ngôn ngữ quốc gia, và “Tại một số đồn cảnh sát, tiếng Hoa là ngôn ngữ chính thức, và các tuyên bố đều bằng tiếng Hoa.” Các trường quốc ngữ, ông ta nói, bị đối xử tàn

tệ trên hòn đảo này, và
mãi cho đến gần đây cũng chỉ
được dành cho những tiện nghi rất
tối thiểu. “Về công nghiệp, chính
sách của PAP không chỉ khuyến khích
người Malay trở thành những người
làm công, mà còn cả việc người
Malay không được dành cho những
phương tiện để mà đầu tư
nữa.” Mahathir phát biểu điều này
khi bàn cãi về bài diễn văn của
Yang di-Pertuan Agong, quốc vương.

Ngày hôm sau, tôi đã có một bài phát
biểu quan trọng nhất trong đời tôi
tại quốc hội liên bang trước một
cử tọa thù địch và căng

thắng, bao gồm rất đông các nghị

viên Malay đã hằng ngày bị

Utusan nhồi nhét luận điệu tuyên truyền

chống PAP, chống Lee Kuan Yew, chống người Hoa suốt một năm qua. Tôi đề nghị

một tu sửa để bày tỏ sự lấy

làm tiếc rằng diễn văn của nhà

vua đã không xác quyết lại với

cả nước rằng sẽ vẫn tiếp tục

tiến bước đúng theo hiến pháp

dân chủ của mình để hướng

đến một đất nước Malaysia của

người Malaysia. Tôi trích dẫn: “Chúng

ta cũng đang đứng trước những

mối đe dọa từ bên trong nước.”

Tôi hy vọng Tunku sẽ giải thích ý

nghĩa của câu này. Tôi có nói
với ông lời đoan chắc như thế
này: “Chúng tôi có quyền lợi
thiết thân với chủ nghĩa lập hiến,
với sự trung thành bởi chúng tôi
biết rằng – ngay từ trước khi
chúng tôi gia nhập Malaysia – nếu
chúng tôi kiên nhẫn, nếu chúng
tôi kiên định, hiến pháp này
phải có nghĩa là một đất
nước của người Malaysia sẽ hình
thành.”

Thế nhưng diễn văn của Tiến sĩ Mahathir ám chỉ
rằng điều đó có thể sẽ
chẳng bao giờ có. Tôi trích những
gì ông ta đã phát biểu hôm

trước đó nói về người

Hoa ở Singapore: “Họ chẳng bao giờ biết

đến luật tấ³⁹ Malay và không thể chịu đựng nổi

ý nghĩ rằng những người đã

bị họ đè quá lâu dưới

chân gò đây sẽ ở vị trí

cai trị họ.” Cai trị họ? Tôi đã

vạch ra sự khác biệt giữa bình

đẳng chính trị và các đặc

quyền để nâng cao người Malay về

mặt xã hội và kinh tế. Tôi chấp

nhận chuyện đặc quyền, nhưng nếu

những dân tộc khác của Malaysia không

được hưởng bình đẳng

chính trị với người Malay, thì

không cần gì Sukarno và cuộc chiến

đổi đầu của ông ta mới bóp

chết được chúng ta đâu. Vậy

bản hiến pháp trong tay phải, tôi nói:

“Một khi bạn ném cái này vào

lửa và nói ‘Thế là xong’,

điều đó có nghĩa là bạn

đã làm điều đó từ lâu

rồi; và lịch sử đã là một

tiến trình dài không ngừng nghỉ.”

Tôi nói Albar muốn chúng tôi rút

lui và phó mặc bạn bè ở Sabah,

Penang, Malacca và những nơi khác nữa

trên đất Malaysia trong bàn tay sinh sát của UMNO; chúng tôi sẽ không làm

như vậy đâu.

Tôi đập tan lời cáo buộc chúng tôi thiên
trọng người Hoa. Nếu chúng tôi
ủng hộ một Malaysia của người Hoa,
chúng tôi không thể lờ cuồn
được sự ủng hộ của đa
số, bởi người Hoa chỉ chiếm 42%
dân số. Nếu tôi cứ đi khắp
nơi để nói về người Hoa như
những gì Albar đã nói về vai
trò là người Malay – “dù
ở đâu tôi cũng là người
Hoa” – thì điều đó sẽ
dẫn chúng ta đi về đâu? Trái
lại, tôi luôn nhắc nhở dân chúng
rằng: “Tôi là một người
Malaysia, tôi đang học tiếng Bahasa Kebangsaan (quốc ngữ) và tôi

chấp nhận Điều

153 của hiến pháp (nói về các

đặc quyền dành cho người Malay).”

Đã đến phần cảm xúc nhất trong bài diễn

văn của mình, trong đó tôi bày

tỏ sự thiếu thỏa đáng trong các

chính sách của UMNO, nên tôi quyết

định phát biểu bằng tiếng Malay.

Mặc dù tôi không giỏi tiếng

Malay như tiếng Anh, nhưng cũng lưu loát không thua những đại biểu quốc hội

không-Malay khác. Tôi nói rằng

trong khi tôi chấp nhận tiếng Malay là

ngôn ngữ chính thức duy nhất, tôi

vẫn không thấy nó có thể giúp

nâng cao địa vị kinh tế của dân

chúng ở chỗ nào. Điều đó
sẽ có nghĩa rằng sản phẩm của
người nông dân Malay sẽ có giá
hơn, rằng anh ta sẽ được hưởng
những mức giá thuận lợi hơn
chăng? Liệu anh ta sẽ được hưởng
những tiện ích tốt hơn do chính
quyền mang lại không? Tôi nói thêm
rằng nếu chính phủ Liên hiệp
không có những giải pháp đích
thực cho các vấn đề kinh tế hiện
nay, thì chính phủ không nên bóp
nghẹt đối lập. Bởi vì chúng
tôi đang có một giải pháp khác,
và nó sẽ hữu hiệu: “Trong mười

năm, chúng ta sẽ vun bồi một thế
hệ người Malay, có học, có hiểu
biết về các kỹ thuật khoa học và
quản lý công nghiệp hiện đại”.

Tới đây, tôi trích dẫn lời của Tiến sĩ
Mahathir đã phát biểu trước đó:

“Dĩ nhiên, cần phải nhấn mạnh rằng có hai
loại người Hoa... những người
ủng hộ MCA là những người Hoa đã
mấy đời sống và làm việc
chung với người Malay và dân tộc
bản địa khác, và một loại
người Hoa xa cách, ích kỷ, ngạo
mạn, điển hình trong số này là
ông Lee. Loại người Hoa thứ hai này
sống trong khung cảnh thuần túy Hoa, trong đó người Malay chỉ

tồn tại ở

mức tôi đòi... Đa phần trong

số họ chưa từng băng qua đường

đê (nổi Singapore và bán đảo

Malaya). Họ thật ra trước hết là

những người Hoa hải ngoại, xem Trung

Quốc như là trung tâm thế giới và

Malaysia là một xứ thứ yếu rất

nghèo.”

Tôi nói tiếp: “Điều đó có nghĩa là

gì, thưa ngài chủ tọa? Chúng

không phải là những lời thốt ra

trong lúc vội vã, chúng được

biên soạn, được chuẩn bị và

được đọc lên một cách

thành khẩn, và nếu chúng ta rút

ra những hàm ngụ từ đó, câu

trả lời đơn giản sẽ là:

Malaysia sẽ không phải là quốc gia của

người Malaysia. Tôi nói, có nói

như vậy, thì bây giờ chúng ta

biết rồi đây.”

Còn về chuyện người Malay “chỉ tồn tại ở
mức tôi đòi”, tôi đã

nói rằng chính Tunku thường phát

biểu trước công chúng và cũng

như trong chỗ riêng tư rằng người

Hoa giàu và người Malay nghèo, nhưng

tôi đã dùng một số ví dụ

đơn giản để làm sáng tỏ

một vài điểm, vẫn dùng tiếng

Malay. Các đặc quyền và tiếng

Malay quốc ngữ chẳng phải là câu
trả lời cho vấn đề kinh tế này.

Nếu trong số bốn triệu rưỡi người

Malay cùng ba phần tư triệu người

Iban, người Kadazan và các dân tộc

khác nữa, chúng ta biến được

0,3% số đó thành cổ đông

trong các công ty, liệu chúng ta có

thể giải quyết được vấn đề

nghèo đói của người Malay không?

“Làm thế

nào để người dân quê Malay

tìm được cách bước được

vào xã hội hiện đại hóa

này? Bằng cách trở thành tôi

tớ của con số 0,3% gồm những người

có tiền thuê họ lau giày, mở

cửa xe chẳng?... Dĩ nhiên, có những

người Hoa triệu phú, có xe hơi

to, có nhà rộng. Tạo ra được

vài người Malay triệu phú có

nhà cao cửa rộng thì có phải

là câu trả lời không? Làm thế

nào mà việc thuyết phục một tài

xế xe buýt người Malay rằng anh ta phải

ủng hộ đảng của giám đốc

người Malay (UMNO) và bảo nhân viên

soát vé xe buýt người Hoa là

phải tham gia vào một đảng khác

của ông chủ người Hoa của anh ta

(MCA) – làm thế nào mà việc đó

cải thiện được mức sống của

anh tài xế người Malay và anh soát

vé người Hoa vốn đều là

công nhân trong cùng một công ty?

“Nếu chúng ta cứ đánh lừa làm công chúng

tưởng rằng họ nghèo bởi vì

không có những quyền dành cho người

Malay hay bởi vì các phe đối lập

chống lại các quyền dành cho người

Malay, chúng ta sẽ đi được tới

đâu? Các ông cứ để cho dân

chúng nơi làng quê tin rằng họ

nghèo bởi vì chúng tôi không

nói tiếng Malay, bởi chính quyền

không viết tiếng Malay, tất anh ta sẽ

chờ đợi một điều thần kỳ

xảy ra vào năm 1967 (thời điểm mà

tiếng Malay sẽ trở thành quốc ngữ

chính thức duy nhất). Lúc tất cả

chúng ta đều khởi sự nói tiếng

Malay, thì anh ta sẽ có một mức sống

khá hơn, và nếu điều đó

không xảy ra, thì chuyện gì sẽ

xảy ra?...

Cùng lúc đó, mỗi khi có một thất

bại trong chính sách kinh tế, xã hội

và giáo dục là các ông quay

lại nói, ô, bọn người Hoa, người

Ấn và những dân tộc xấu xa khác

đang chống các quyền dành cho người

Malay. Họ không chống lại các quyền

dành cho người Malay. Họ, những người

Malay, đều có quyền, với tư cách
những công dân Malaysia, để vươn
lên tầm cao trong đào tạo và
giáo dục mà các xã hội có
tính cạnh tranh hơn, xã hội phi-Malay,
đang có. Đó là những gì
nên làm, có phải không? Đừng
nuôi dưỡng họ bằng thứ lý
thuyết ngu dân rằng tất cả những
gì họ phải làm là giành lấy
những đặc quyền Malay cho một số
ít người Malay nào đó và
vấn đề của họ sẽ được
giải quyết..."

Trong tranh luận chính trị của Malaysia từ trước tới nay,
người ta chưa từng được nghe
những lập luận như thế, được

đưa ra bằng những ngôn từ kinh tế
và xã hội rất thực tế, bình
dân và bằng tiếng Malay. PAP đã
đưa ra công khai những vấn đề
cốt lõi và bức xúc, theo một
cách thức hợp lý để vạch
trần sự phiến diện trong lập luận
chính trị của UMNO, rằng bởi vì
các nhà lãnh đạo Malay (phần
lớn là các nhà quý tộc và
tầng lớp ưu tú có học) đã
làm việc chung với các nhà lãnh
đạo người Hoa (phần lớn là
những thương nhân thành công) và
các nhà lãnh đạo Ấn (phần

lớn là những nhà chuyên môn),

nên tất cả đều sẽ tốt đẹp.

Đó là bài diễn văn bằng tiếng Malay có ý

nghĩa nhất của tôi từ trước

tới nay, và tôi đã phát biểu

nó trước cử tọa là những

đại biểu quốc hội người

Malay, nhiều người trong số họ đại

diện cho các vùng nông thôn, và

trước đám đông người

Malay đứng chật ních ở hành

lang. Tôi đã nói mà không hề

có bài viết sẵn, và do vậy nó

đã gây được rất nhiều

ấn tượng cho mọi người. Lúc

tôi đang phát biểu, đã có

một sự im lặng đến rợn người.

Bầu không khí thật sôi động.

Hai mươi năm sau đó, trong dịp kỷ niệm ngày
độc lập của Singapore, Eddie đã
nói về tôi trong một cuộc phỏng
vấn: “Ông đã nói suốt nửa
tiếng đồng hồ. Đã có khoảng
trên dưới 500 người trong Hội
trường và trong hành lang, nhưng bạn
vẫn có thể nghe được tiếng
cây kim rơi. Tôi nghĩ nếu họ hoan
hô được, họ tất sẽ làm.
Nhìn lại, tôi nghĩ đó chính
là giây phút Tunku và các đồng
sự của ông nghĩ tốt nhất là
nên để cho Singapore và ông Lee ra đi.”

Đồng sự

người Malay trong nội các của tôi,
Othman Wok, cũng có mặt ở hội trường.

Ông nhớ lại: “Hội trường im
phăng phắc và chẳng một ai nhúc
nhích. Các Bộ trưởng của chính
quyền trung ương thụt người xuống
ghế đến nỗi chỉ thấy trán
của họ ló lên khỏi mặt bàn.

Các nghị viên bình thường thì
cứ như đang xuất thần. Họ có
thể hiểu được từng lời từng
chữ. Đó là một bước ngoặt.

Họ đã cảm nhận ra rằng Lee quả
là một tay nguy hiểm, một người
mà ngày nào đó có thể

trở thành Thủ tướng Malaysia.”

Tôi không có những ảo vọng như vậy. Trong một
thời gian, rất dài, Malaysia sẽ không
thể có một Thủ tướng người
Hoa đầu.

Người Malaysia hiện nay không ngờ chuyện tôi, một
kẻ được cho là một tên người
Hoa mang tư tưởng dân tộc hẹp hòi
và quyết chống lại người Malay,
lại đang nói bằng tiếng Malay mà
không hề có tí âm sắc tiếng
Hoa nào như phần đông người
Hoa khác vẫn mắc phải. Tôi đã
được sinh ra và lớn lên tại
Singapore, nói thứ tiếng này từ khi

còn nhỏ. Tôi có thể truy ngược

tổ tiên của mình đến ba đời

đều là người Singapore. Họ đã

có những đóng góp lớn cũng

không kém gì bất cứ người

Malay nào đang có mặt trong hội trường

này. Và tôi đang đứng bên

cạnh họ, chứ không phải chống họ.

Tôi muốn cải thiện số phận của

họ.

Tunku và Razak trông có vẻ không vui. Tôi đang chạm

trán với họ trên chính mảnh đất

Malay của họ và đang tranh thủ sự

ủng hộ một cách hòa bình bằng

những lý luận trong một cuộc tranh

luận công khai. Tôi không phải lo lắng

vì những tiếng kêu la lam dụng
và chê bai the thé, âm ỉ và
thậm chí cuồng nộ của họ. Tôi
có thể giữ vững được lập
trường của mình. Nếu được
phép tiếp tục, tôi có thể bắt
đầu chinh phục được một số
người Malay. Họ có thể thấy rằng
trong số các vị dân biểu đội
mũ chòm Haji của những vị đã
từng hành hương sang tận Mecca, có
những người đang gặt gù đồng
ý khi tôi vạch ra rằng chuyện đơn
thuần lấy tiếng Malay làm quốc ngữ
sẽ không cải thiện số phận kinh

tế của họ được. Họ cần
phải có những chương trình thực
tiễn hướng vào các lĩnh vực
nông nghiệp và giáo dục.

Bài diễn văn đó đã dấy lên sự bất
an nơi các nhà lãnh đạo chính
phủ Liên hiệp và các nghị viên
đến nỗi, trái với trình tự
nghị sự, viên chủ tịch Hạ viện
đã quyết định không cho tôi
trả lời những ý kiến phản biện.

Đó là một đòn trả đũa
gián tiếp cho hiệu năng sử dụng
tiếng Malay của tôi. Thay vào đó,
ông đã mời Razak, thế vào chỗ
của Tunku, lên kết thúc buổi tranh

luận. Razak tuôn ra một bài diễn văn

lê thê đầy những lời cáo

buộc: tôi đang tạo ra hỗn loạn và

âu lo, những mong để được xuất

hiện như một lãnh tụ cứu rỗi

cho đất nước. Tôi là một

chuyên gia tạo ra những tình huống

không hề có. Tôi đã bóp

méo sự thực và gieo các mối

ngghi ngờ trong lòng công chúng. Tôi

mưu đồ chia cắt đất nước

ra làm đôi – “một Malaysia của

người Malay, và một Malaysia của Lee

Kuan Yew.” Razak đã cực kỳ cay đắng

khi kết luận rằng: “Hố sâu phân

cách PAP và chính phủ Liên hiệp

giờ đây đã quá rõ ràng.

PAP có nghĩa là Chia ly và Hủy diệt.”

Tôi không ngờ

diễn văn của tôi đã đóng

vai trò cốt lõi trong quyết định

của Tunku là cho Singapore ly khai khỏi Malaysia.

Mười hai năm sau đó, năm 1977, trong

tác phẩm Looking Back (Nhìn lại), Tunku đã viết: “Giọt nước cuối cùng

làm tràn ly chính là bài diễn

văn của ông Lee Kuan Yew đọc tại

Quốc hội, lúc ông ta đề nghị

tu sửa ‘ý kiến cảm ơn quốc

vương vì bài phát biểu của

ngài hồi tháng 5/1965’. Ông ta đã

đưa ra nhiều vấn đề làm rối

loạn sự ổn định tư tưởng

của các dân biểu Hạ viện thuộc

loại ôn hòa nhất.” Ông gửi

tặng tôi một bản, có lời ghi

rằng:

“Ông Lee Kuan Yew

Người bạn đã hết mình cho sự thành lập

đất nước Malaysia và thậm chí

còn hết mình hơn nữa để nó

được chia tách.

Với lời thăm hỏi tốt đẹp,

Tunku Abdul Rahman, 26/5/77”

Năm năm sau, 1982, Tunku đã nói với tác giả của

một quyển sách về Singapore: “Ông

ta (Lee Kuan Yew) nghĩ mình cũng chính thống như tôi vậy trong
vai trò một nhà

lãnh đạo của Malaya bởi ông ta

nói tiếng Malay hay còn hơn cả tôi
nữa.” Tôi không nói tiếng Malay
hay hơn cả Tunku đầu. Thậm chí có
như vậy đi nữa tôi cũng vẫn
không phải là người Malay và
không thể trở thành nhà lãnh
đạo của Malaysia được. Nhưng
khi nghe tôi vào cái ngày ấy ở
quốc hội, ông nhận ra rằng tôi đã
làm cho ngay cả những nghị viên bình
thường cũng hiểu được và
tán đồng ý nghĩ của tôi.
Điều đó là không thể chấp
nhận được.

41

ĐI TÌM

**MỘT ĐẤT NƯỚC MALAYSIA CỦA
NGƯỜI**

MALAYSIA

Bầu không khí tranh luận tại kỳ họp quốc hội
liên bang đã lan truyền một cách
tự nhiên sang Hội nghị Đoàn kết
Malaysia, tổ chức một tuần sau đó
tại Singapore. Vào một sáng Chủ nhật
nắng ấm, ngày 6/6/1966, tại Nhà hát
Quốc gia, một nhà hát kiểu khán
đài vòng cung, có mái dầm nhô
ra, nhưng không có tường bao quanh,

3.000 người đã ngồi đầy trên
ghế và đứng chật trên sân
cỏ. Đó là một cuộc mít-tinh
vui vẻ và sôi nổi. Sau khi những âu
lo không nói ra của họ được
biểu lộ rõ trong kỳ họp quốc
hội, các nhà lãnh đạo của
năm đảng chính trị tại Malaya,
Singapore và Sarawak cảm thấy như đã
cởi bỏ được các ỨC CHẾ,
và họ đã phát biểu thật
thoải mái về các vấn đề
như chủng tộc và xã hội đa
chủng tộc, những đề tài mà
mãi tới nay đã bị coi là kiêng

kị.

Hội nghị này do Chin Chye coi sóc. Mặc dầu không phải là một diễn giả lớn, ông đã

phát biểu với lòng tin vững chắc

trong diễn văn khai mạc của mình rằng:

"Hội nghị

này mở đầu cho một cuộc thập

tự chinh kêu gọi sự đoàn kết

thống nhất giữa các chủng tộc,

để truyền bá các quyền cơ

bản của mọi chủng tộc cấu thành

xã hội đa chủng tộc của chúng

ta. Sức mạnh sẽ thống nhất tất cả

các chủng tộc chúng ta thành một

nước Malaysia của người Malaysia còn

cao hơn cả chuyện ngôn ngữ, còn

cao hơn sự xâm lấn ngoại bang. Kinh

*nghiệm cho thấy rằng trong những nước
tương tự, một quốc gia đoàn
kết chỉ có thể vươn lên được
khi không có chủng tộc nào có
tham vọng trở thành chủng tộc chủ
tể, mà thay vào đó là tất
cả các công dân đều bình
đẳng bất kể người đó
thuộc chủng tộc nào."*

Tiến sĩ

Seenivasagam của Đảng Nhân dân Cấp

tiến tại Perak thì nói thẳng thừng.

Hội nghị như vậy trở nên cần

thiết bởi đã có một nỗ lực

có tính toán của các nhà

lãnh đạo UMNO nhằm khuấy đảo

tình cảm chủng tộc. Đứng trước

sự đe dọa như vậy, các nhà

lãnh đạo chính trị khác không

thể khoanh tay ngồi yên mà không làm

gì. Ông đã tố giác Chính

phủ Liên hiệp đang sử dụng Điều

153 của hiến pháp nói về các

đặc quyền dành cho người Malay để

“hăm dọa những người không-Malay”.

Ong Kee Hui thuộc Đảng Nhân dân Thống nhất Sarawak (về sau làm Bộ trưởng trong chính phủ liên

bang) cũng vạch rõ như vậy:

“Chúng ta đang chứng kiến một thái độ

cố chấp và những dấu hiệu ngày

càng rõ của sự phủ nhận quyền

bình đẳng chính trị của những

*dân tộc không—Malay. Vì lợi ích
của đất nước và của chúng
ta, phải ngăn việc này lại và xu
hướng chủng tộc hẹp hòi phải
bị khống chế. Quyền bình đẳng
chính trị là phải có cho tất
cả những ai đang sống ở đây
và phải làm cho đất nước
này trở thành quê nhà của họ,
bất kể nguồn gốc chủng tộc của
họ là gì.”*

Tiến sĩ Lim Chong Eu của Đảng Dân chủ Thống nhất,
với bản tính ôn hòa và thận
trọng, nổi tiếng là ít khi ăn
nói thẳng thừng. Nhưng ông cũng
xúc cảm đủ mạnh để nói

rằng:

“Nếu giờ

đây chúng ta không hành động

được theo những gì chúng ta quyết

định, thì ta không thể có được

tương lai, và không thể có xã

hội công bằng cho chúng ta, cho con cháu chúng ta. Thái độ quan trọng nhất

và căn bản nhất mà hội nghị

này phải biểu thị là tinh thần

kiên quyết và không nhượng bộ

trước những phê bình cực kỳ

xấu xa và gần như cuồng loạn mà

người ta đang ném vào chúng ta.”

Michael Buma của Đảng Machinda ở Sarawak thật thông minh. Ông nói đơn giản nhưng hiệu quả vô

cùng. Diễn văn của ông gây sửng

sốt đến độ các báo Anh ngữ

không dám đăng những lời lẽ

châm chích của ông. Ông nói

rằng cứ mỗi lần nghe chương trình

phát thanh từ Malaya, xướng ngôn viên

đã báo giờ là *Waktu Tanah Melayu* – Giờ của Đất nước của

người Malay. Tại sao không phải là

Waktu Tanah Malaysia (Giờ của Malaysia)? Tương tự, công

ty xe lửa Malaysia thì được gọi là

Kreta Api Tanah Melayu – Công ty Xe lửa của Đất nước

người Malay. Tại sao thế? Bằng một

cung cách thật đơn giản nhưng đầy

sức thuyết phục, ông vạch trần

thái độ kỳ thị chủng tộc.

Thái độ

của mọi người đã định

hình trước khi đến phiên tôi

phát biểu bề mặt hội nghị. Tôi

đã nói đến:

“Thái độ

hung hăng ngày càng tăng, hay một sự

quá nhấn mạnh đến chủng tộc,

điều bộ dọ dâm và những

giọng điệu hằm hè gay gắt, qua đó

họ gửi đến cho những người

theo họ những tín hiệu dựa trên

căn bản chủng tộc... nếu điều

này vẫn cứ tiếp diễn, Malaysia sẽ

không còn là của người Malaysia...

Họ nói trên hai làn sóng khác

nhau – một, nhằm theo hướng đa

chủng tộc, đa ngôn ngữ, còn làn

sóng kia, một hệ VHF đặc biệt

hướng vào những người đi theo

họ. Những người tốt, những người

đa chủng tộc, các nhà lãnh đạo

cao cấp thỉnh thoảng cũng tách ra khỏi

*hệ VHF đặc biệt này; nhưng những kẻ dã man ấy cũng vẫn cứ
gây áp lực.”*

Tôi trích dẫn lời khuyên của Tiến sĩ Lim, vốn
dựa trên nhiều năm hiểu rõ phương
pháp và chiến thuật của họ:

“Hãy dứt khoát, hãy kiên
quyết. Không bao giờ kinh sợ.”

Hướng về
những người không-Malay, tôi đưa
ra thống kê dân số mới nhất: 39%
người Malay, 42% người Hoa, khoảng 10%
người Ấn và Pakistan, 7% người

Iban, người Kadazan, người Kayan, người Kelabit cùng những sắc dân khác tại

Bắc Borneo, và số còn lại là

người Âu lai Á, người Tích

Lan, vân vân. Bất kỳ ai muốn chơi

trò phân biệt chủng tộc sẽ đều

bị khuôn hạn trong cộng đồng chủng

tộc của mình, cho dù đó là

người Hoa, người Malay hay dân tộc

nào khác. Thế nhưng những ai muốn

lôi cuốn mọi người trên cơ sở

phi chủng tộc cũng đều có cơ

may tranh thủ 20% thiểu số. Tôi đã

giảm lược nó thành công thức

như thế này: 40—40—20. Nếu người

Hoa, dùng khẩu hiệu tiếng Hoa, lôi

cuốn được có 40%, họ tất

phải thua. Tôi đề cho UMNO suy luận điều gì sẽ xảy ra về lâu về dài

nếu họ chỉ lồi cuốn có người

Malay không mà thôi.

Tôi đã trích dẫn lời của Tổng ủy viên

Malacca, Ghafar Baba (về sau là Phó Thủ

tướng), nói rằng: “Hãy xem người

Malay ở Malacca có tinh thần phi chủng tộc như thế nào. Trong một khu vực bầu

cử đông dân Malay, họ đã bỏ

phiếu cho ông Tan Siew Sin.” Ngài tổng

ủy viên, tôi nói, là một người

chân thực, nhưng:

“mỗi lần ông Tan Siew Sin đi nơi này nơi nọ,

tay vỗ ngực, cái mà ông ta đại

diện là những người Malay đã

bỏ phiếu cho ông ta... Ông Dato

Sambanthan (đảng MIC) cũng như vậy đấy.

Ông là một người chân tình...

Ông ta nói Ja'afar là một người tốt.

Không kỳ thị chủng tộc. Bạn biết

tại sao không? 'Trong khu vực bầu cử

của tôi ở Perak, Sungei Siput, 90% dân chúng là người Malay, và Dato Albar đi nơi

này nơi họ bảo họ hãy bỏ

phiếu cho tôi. Nhờ thế, họ đã

bỏ phiếu cho tôi.' Do đó, Albar

không phải là kẻ có tinh thần

kỳ thị sắc tộc – bởi ông ta

đã nói với dân Malay bỏ phiếu

cho các nhà lãnh đạo người

Hoa, người Ấn được UMNO ưa

chuộng, để những người này

lèo lái các cộng đồng người

Hoa, người Ấn đi theo hướng mà

UMNO muốn họ đến!”

Tôi vạch trần chiến thuật của họ lần nữa:

“Hãy đưa sự thật ra, và chúng ta sẽ thấy

rằng không có lý do gì để

sợ hãi, không có lý do gì để

bị dọa dẫm cả... Nếu chúng

ta như thế... sẽ có chuyện rắc

rối cho chúng ta. Đối với một

quần chúng nhút nhát, sợ sệt,

bị dọa dẫm, họ sẽ nói: Bạo

loạn đang đến, máu sẽ đổ.

Do vậy tất cả chúng ta sẽ chạy

về nhà, đóng cửa lại và

trùm mền phủ kín đầu. Và

thế là họ nghênh ngang trên khắp
đường phố, hét tướng lên
các khẩu hiệu. Qua ngày hôm sau, hòa
bình!”

Theo Tiến sĩ Lim, điều đó đã xảy ra trong cả
một thời gian dài tại Malaya.

Tôi nhấn mạnh rằng chúng ta không chống lại các
đặc quyền của người Malay và
dân bản địa. Trái lại, chúng
ta nên cạnh tranh để nâng cao mức
sống kinh tế của họ trong xã hội.

“(Thế nhưng) họ (UMNO) không muốn cạnh tranh. Cạnh
tranh là xấu. Chúng ta được nghe
nói rằng: ‘Bỏ đi. Đừng cố
gắng làm cái gì cho tốt cả.’

Họ nói họ lo cho người Malay ư?

Tôi xin nói rằng, chúng ta cũng vậy.

Chúng ta muốn nâng mức sống của

họ lên, và chúng ta sẽ làm

chuyện đó còn nhanh hơn cả họ.

Năm, mười, mười lăm, hai mươi

năm sau, một thế hệ mới sẽ lớn

lên, một thế hệ sẽ không còn

hưởng ứng với cái VHF đặc

biệt mà họ đang sử dụng. Họ

sẽ chuyển sang nghe đài đa ngôn

ngữ. Họ sẽ nghĩ như chúng ta, làm

việc như chúng ta, được đào

tạo y như của chúng ta, chuẩn bị

sống với chúng ta như những người

Malaysia...”

Albar gọi chúng ta là *orang tumpangan*, nghĩa là những người ở trọ.

Nhưng Lim Swee Aun, Bộ trưởng Công nghiệp và thương mại liên bang, không

chịu vậy, “chúng ta là những

người đồng sở hữu chủ, chứ

không phải những người ở trọ,

không phải những người khách,”

và trong một bài diễn văn thâu

tình đạt lý tại quốc hội

liên bang với tư cách một Bộ

trưởng người Malay, Ismail bảo rằng

có hai giai đoạn: “giai đoạn một

– các đảng chủng tộc riêng

biệt; giai đoạn thứ hai – phi chủng

tộc”. Cũng mong là như vậy, tôi

nói.

Đó là một hội nghị đầy phấn khởi, mang hy vọng đến cho tất cả những ai nghe trên đài Truyền thanh Singapore hay đọc nó trên báo. Chúng tôi đã phá vỡ sự im lặng và đối đầu trực tiếp với sự dọa dẫm chủng tộc của họ.

Ngày hôm sau, nghị sĩ Dato T.H. Tan, trong một bài diễn văn phát biểu tại thượng viện

liên bang, đã kêu gọi chính quyền trung ương áp dụng các biện pháp hiến định để trục xuất

Singapore ra khỏi Malaysia hoặc nhốt Lee Kuan Yew để cho ông ta bình tĩnh lại. “Rõ

ràng ông Lee, thông qua ngôn từ và hành vi của ông ta, đang khuấy đảo tình cảm và khơi gợi sự bất mãn.” Mấy ngày sau, Bộ trưởng

thông tin và tuyên truyền, Senu bin Abdul Rahman, người cùng bang Kedah và gần

gũi với Tunku, đã nói: “PAP nên

nhớ là sự kiên nhẫn của chúng

tôi có giới hạn... Xô đây,

dồn ép chúng tôi vào chân

tường... PAP phải chịu trách nhiệm

trước các hậu quả. Hãy hiểu

điều đó”. Ông ta yêu cầu

các nhà lãnh đạo của PAP phải

bước ra công khai và nói chính

xác những gì họ muốn cho Malaysia.

“Chúng ta biết PAP muốn chia cắt đất

nước này. Họ muốn xây dựng

ên một nước cộng hòa phải

không? Họ muốn loại bỏ các nhà

cai trị của chúng ta, những cái được
gọi là đặc quyền của chúng
ta, phải không? Hãy nói cho chúng
tôi biết, hãy nói ra đi, hãy
nói thẳng trước mọi người
đi.”

Raja, từng là nhân vật chủ chốt, trả lời rằng
tôi đã sẵn sàng ra trước
quốc hội để minh định ý kiến
của mình, nhưng các Bộ trưởng
Chính phủ Liên hiệp không cho phép
tôi được làm chuyện đó.

Tunku đã có đáp ứng, theo tôi
nghĩ, như một cố gắng để xoa
dịu cơn nóng giận, khi nói rằng
ông sẵn sàng dành thời giờ nghe

tôi nói, để biết điều gì
đang làm tôi băn khoăn.

“Ông Lee thường ngồi với tôi ở chỗ bàn này,”

ông nói, nhịp tay lên bàn họp ở
tư dinh của ông. “Chúng tôi đã
trò chuyện với nhau nhiều giờ về
nhiều vấn đề. Mặc dù có
nhiều trở ngại, ông vẫn nhấn mạnh
chuyện liên kết với chúng ta. Sao bây
giờ lại nêu lên những vấn đề
ấy? Tệ thật.” Tunku nói rằng ông
đã phải đấu tranh để không
phát biểu tại quốc hội, bởi nếu
phát biểu ông sẽ phải công kích
tôi và ông không muốn làm như

vậy.

Tôi coi điều đó như một tia hy vọng và lập tức trả lời ngay, bằng cách nói rằng: “Chúng ta hãy nói chuyện và giải quyết các khó khăn của chúng ta, nhưng những cuộc nói chuyện này phải nhắm đến những mục tiêu quan trọng và cơ bản nhất định nào đó mới được.”

Tôi chỉ trích “những tay phá hôi”, những kẻ kỳ thị chủng tộc cực đoan luôn kêu gào khẩu hiệu, bởi “sự ăn nói cộc cằn và lời lẽ gây hấn” của họ... Đối với những người như vậy, tôi cầu xin thế này:

“Xin hãy như Tunku, hãy nói năng
nhỏ nhẹ, lịch sự, đàng hoàng,
và chinh phục trái tim của nhân dân
Singapore.”

Vào ngày 16/6, Tunku đi London dự Hội nghị cấp Thủ
tướng của Khối Thịnh vượng
chung.

Cùng ngày đó, Ong Eng Guan bất ngờ từ chức khỏi Hội
đồng Lập pháp, lấy lý do rằng:

“Hội đồng không còn phục vụ
một mục tiêu hữu dụng nào nữa”.

Ông giữ im lặng và thụ động,
hoàn toàn đứng ngoài lề mọi
chuyện đã ập đến cho Singapore kể
từ khi hợp nhất. Không hề thấy
ông lên tiếng trong hai vụ bạo loạn

chúng tộc hay về bất cứ vấn đề
gì. Ngày hôm sau, ông yêu cầu
chính phủ không nên chần chừ
trong việc tổ chức tuyển cử bổ
sung bởi ông muốn tranh cử lần nữa.
Khi không được, ông mất đi mọi
sự tín nhiệm và chìm vào quên
lãng.

Chúng tôi tin rằng chính phủ liên bang đã gây
sức ép khiến Ong Eng Guan từ chức,
thông qua một thành viên MCA, người
này từng là cựu bí thư chính
trị của Ong lúc ông còn là thị
trưởng những năm 1957–59. Họ muốn
có một cuộc bầu cử bổ sung để
kiểm tra xem PAP đã được ủng

hộ đến đâu. Nếu đảng

Barisan có thể đánh bại được

chúng tôi, họ có thể vô hiệu

hóa các nhà lãnh đạo của

PAP bằng cách dùng Luật An ninh nội

chính, mà không khơi dậy sự phản

đối khi cho bất giữ chúng tôi.

Vào ngày công bố danh sách ứng cử cho cuộc bầu

cử bổ sung, ngày 30/6, chúng tôi đã

đề cử Lee Khoon Choy và Barisan đưa

ra ứng cử viên Ong Chang Sam, nguyên là một nghị viên đã ly khai

PAP. Đó là một cuộc vận động

ngắn ngủi có chín ngày trước

khi cuộc đầu phiếu chính thức

diễn ra ngày 10/7. Tâm trạng của dân

chúng hoàn toàn thay đổi. Họ

đều biết rằng tất cả những

ai ở Singapore cũng đều đang vướng

rắc rối lớn, và họ phải chọn

lựa giữa PAP và Barisan, sau khi quyết định đảng nào là đảng bảo vệ

tốt hơn cho sự sống còn và tương

lai của Singapore. Chúng tôi đặt cử

tri trước sự chọn lựa giữa

“Malaysia của người Malaysia” của

PAP và “Bóp nát Malaysia” của

Barisan, qua đó cuộc tuyển cử phụ

lần này cũng sẽ minh chứng cho Chính

phủ Liên hiệp thấy rằng Singapore muốn

có một Malaysia của người Malaysia.

Tiến sĩ Lee Siew Choh gọi đó là

một khẩu hiệu mang tính chủng tộc

và thực dân kiểu mới. Thế nhưng

khi trả lời phỏng vấn của báo

chí, Razak lại bảo rằng chuyện PAP hay

Barisan thắng là không thành vấn đề.

Điều đó xác nhận sự nghi

ngờ của chúng tôi là UMNO và

MCA thực ra đang muốn trắc nghiệm sự

ủng hộ của những người nói

tiếng Hoa ở Singapore dành cho PAP mà khu vực bầu cử Hong Lim thuộc trung tâm

Chinatown có thể được coi là khu

vực tiêu biểu. Một bằng chứng

khác nữa hiện rõ khi *Utusan Melayu* có bài xã luận kêu gọi dân chúng

bỏ phiếu cho ứng cử viên Barisan, mặc

dù trong khu vực này chẳng có nhiều người Malay.

Vào giữa cuộc bầu cử bổ sung, Ismail đã ra lệnh trục xuất Alex Josey, lấy lý do điều

đó “sẽ có lợi cho liên

bang.” Khi được hỏi về chuyện

này ở London, Tunku trả lời rằng Josey

đã nhúng tay vào những hoạt

động nhằm phá vỡ sự hòa

hợp giữa các chủng tộc. Trong một

bài đăng trên tờ nguyệt san *The Bulletin*, ông ta đã nhấn mạnh quá đáng

về những khác biệt trong phong cách

lãnh đạo giữa Tunku và tôi.

Chúng tôi nghĩ chắc sẽ còn có

chuyện tệ hơn nữa, và Chin Chye đã

triệu tập một cuộc họp báo để

phát biểu rằng việc trục xuất

Josey sẽ dính liền với những biện

pháp trấn áp sau đó nếu như

chính phủ trung ương tiếp tục ve

vãn với những kẻ cực đoan. Chin

Chye vạch trần:

"Chúng tôi biết rằng ngay sau kỳ họp mới đây

của quốc hội và cuộc họp công

khai đầu tiên của Hội nghị Đoàn

kết Malaysia tại Singapore vào ngày 6/6, người ta đã có những chỉ

thị nhằm câu lưu ông Lee. Chúng

tôi xin nhấn mạnh với chính phủ

trung ương xin đừng tin rằng với

việc loại trừ ông Lee thì các

Bộ trưởng của chính phủ PAP sẽ

chịu đê yền chuyện ông ta bị

bắt giam như vậy đâu.”

Mọi Bộ trưởng đều biết rằng việc loại trừ

tôi sẽ không làm tiêu trừ được

vấn đề – sự thống trị của

người Malay đối với các dân

tộc khác – và tất cả đã

ngồi sát cánh cùng Chin Chye tại

cuộc họp báo để bày tỏ sự

đoàn kết nhất trí và không

ai trong số họ muốn thay thế tôi cả.

Vào ngày 10/7, Razak đã mô tả

tuyên bố của Chin Chye là “quá

hồ đồ và ác ý không đáng

để có ý kiến”, nhưng chúng

tôi đã có được tin tức

từ George Bogaars, giám đốc Sở đặc
vụ Singapore. Phủ nhận của Razak được
đưa ra vào ngày bầu cử. Tối
hôm đó, Lee Khoon Choy giành được
59% phiếu bầu tại cuộc bầu cử bổ
sung ở Hong Lim, một cuộc đảo lộn
đứt khoát của cái kết quả của
hai năm trước đó khi PAP chỉ thu
được có 26%. Số người bỏ
phiếu cho chúng tôi đã tăng gấp
hơn hai lần.

Ngày hôm sau, Senu đã phát biểu trong một bài
diễn văn chữa mũi dùi vào tôi,
rằng những người không-Malay không
nên lợi dụng lòng hiếu khách
dành cho họ trên đất nước

Malaysia. Tôi đã trả lời rằng tôi

không hưởng được lòng hiếu

khách của ai hết; tôi đang ở tại

Malaysia một cách hợp pháp. Một tuần

sau, các nhà lãnh đạo của Hội

nghị Đoàn kết Malaysia đã gặp

nhau ở Singapore để đưa ra một tuyên

bố cảnh cáo rằng đất nước

sẽ đứng trước sự rối loạn

ngghiêm trọng nếu như người ta có

sự phân biệt giữa người Malaysia

“đích thực” và người

Malaysia “được hưởng lòng

hiếu khách”. Họ lo lắng ghi nhận

“sự khai thác ngang nhiên và trơ

trên các tình cảm chủng tộc và
tôn giáo để chống lại những
người đang vận động ủng hộ
cho một đất nước Malaysia của người
Malaysia”, và đã công bố các
kế hoạch nhằm tổ chức hàng loạt
những cuộc mít-tinh trên khắp
Liên bang.

Trả lời chuyện này, Senu biện bác rằng: “Chúng
tôi đã giải thích điều này
hàng nghìn lần rồi. Chúng tôi
làm việc vì tất cả người
Malaysia bất kể nguồn gốc của họ.
Bằng không thì chẳng có một
Đảng Liên hiệp... Dĩ nhiên
chúng tôi muốn một Malaysia của người

Malaysia. Chính chúng tôi đã đề
ra quan niệm này.” Tiếp theo Senu, vào
ngày 24/7, khi nói tới khẩu hiệu
“Malaysia của người Malaysia” của
Đảng Nhân dân Hành động
(PAP), Razak đã nói rằng chính Chính
phủ Liên hiệp, chứ không phải
PAP, là người đầu tiên đã
nêu ra khái niệm này, và trong một
cuộc phỏng vấn tại trụ sở của
UMNO, Ismail nói rõ ra rằng Chính phủ
Liên hiệp muốn có một đất
nước Malaysia của người Malaysia, tuy
không cùng hướng với những điều
mà chính quyền PAP đã ủng hộ.

Quan điểm của Chính phủ Liên hiệp

dựa trên hai yếu tố – hòa hợp

chủng tộc và một Malaysia thống nhất

phi sắc tộc.

Tôi rất mừng trước những phát triển như vậy.

Chúng là một bước tiến trong lập

trường của UMNO so với trước đây.

Bây giờ đây họ đã đồng

tình với lập trường của chúng

tôi, dầu không được thành

thực, ngoại trừ Ismail. Mọi việc vẫn

tiến triển. Ai cũng cảm thấy rằng

mọi chuyện sẽ chẳng bao giờ còn

như trước nữa.

Trước đây Razak có ngỏ lời là muốn nói

chuyện với tôi, và vào ngày

29/6 tôi đã gặp gỡ ông tại

văn phòng của ông ở Bộ Quốc

phòng, tại Kuala Lumpur. Ông khẩn trương, đứng ngồi không yên và bối

rối. Tôi lên án sự tai hại mà

Utusan đã gây ra và vẫn còn đang tiếp

tục làm như vậy, đó là đầu

độc từng ngày bằng chủ nghĩa

kỳ thị chủng tộc. Tôi than phiền

về chính sách lập lờ nước

đôi của UMNO, trong khi các nhà lãnh

đạo cao cấp đi đến những thỏa

thuận hữu lý và đình chiến

chính trị với chúng tôi thì

những nhà lãnh đạo cấp dưới

vẫn cứ tiếp tục the thé luận

điều thù hằn trên tờ *Utusan* và *Malayan Merdeka*, một tờ báo phát hành ở các

làng xã. Tôi nói rằng bất kỳ

thỏa thuận nào trong tương lai cũng

sẽ phải bằng văn bản và được

công bố cho mọi người biết, kể

các nhà lãnh đạo bên dưới,

và chuyện nói năng ầm ĩ trên

báo chí Malay phải chấm dứt. Bằng

không, bất kỳ sự hòa giải chính

trị nào cũng đều thành ra vô

nghĩa cả. Razak trả lời rằng điều

này rất khó và họ phải suy

nghĩ kỹ mới được.

Phát biểu có ý nghĩa nhất của ông ta là:

“Chúng tôi phải xác định

xem ông muốn cộng tác với chúng
tôi hay chống chúng tôi”. Tôi
nói rằng ông đã hiểu quan điểm
của PAP, rằng chúng tôi luôn luôn
muốn cộng tác với UMNO, nhưng UMNO, và
nhất là phe cực đoan, đã quyết
tâm bóp nát chúng tôi. Tôi đã
chứng kiến cách họ làm phân rã
các đảng đa sắc tộc tại
Sabah ra sao, và họ cũng đang cố gắng
làm như vậy tại Sarawak. Tôi chắc
rằng một khi đã bình định
hai tiểu bang ở Bắc Borneo này xong là
họ sẽ chĩa mũi dùi vào Singapore
và phá nát chúng tôi y vậy.

Họ đã xử trí Donald Stephens, Tổng

ủy viên Sabah, và đang làm vậy

với Stephen Kalong Ningkan, Tổng ủy viên Sarawak. Tôi nhắc cho Razak nhớ rằng tôi đã có mặt tại Dinh Tunku ở Kuala

Lumpur khi chính Tunku đưa ra những điều kiện sau đây để Stephens vẫn còn

nhiệm chức: kể từ nay, người Hoa ở

Sabah sẽ gia nhập SNAP (Đảng Quốc gia

Sabah), người Kadazan gia nhập UPKO (Tổ chức Pasok Momogun Kadazan Thống nhất) và người Malaysia thì gia nhập USNO (Tổ chức Đoàn kết Sabah Quốc gia). Razak trả lời một

cách yếu ớt rằng UMNO chẳng dính

dáng gì đến chuyện đó cả

– đó chính là ý muốn của

các nhà lãnh đạo Chính phủ

Liên hiệp ở Sabah. Tôi nói chẳng

phải như vậy đâu, bởi khi tôi

bàn về chuyện phân hóa này với

Stephens, ông ta đã rất buồn về
điều này.

Đó là hai giờ thật chẳng thoải mái gì.

Razak không muốn nhìn thẳng vào những

vấn đề tôi nêu ra, và cũng

chẳng đạt được sự cảm

thông nào cả. Ông ta khiến cho tôi

có ấn tượng rằng UMNO sẽ chẳng

thay đổi nguyên tắc cơ bản của

mình là một hệ thống chính trị

dựa trên người Malay, một hệ thống

sẽ không chấp nhận một sự xâm

phạm của những chủng tộc khác

vào lĩnh vực độc quyền của

người Malay. Chính Singapore phải tự

điều chỉnh và dung hợp các cấu

trúc chủng tộc đã có ở

Malay trước khi hợp nhất, và những

điều này là bất biến. Razak kiên

quyết trong chuyện này, nhưng chúng

tôi không thể chấp nhận được.

Tôi vẫn hy vọng Tunku có thể đủ

mạnh mẽ đối khác.

Chuyện đời đã không được vậy. Một

năm sau, Razak đã nói khác hẳn

về những gì đã diễn ra. Trong

một bài báo đăng nhân ngày

kỷ niệm lần thứ 20 của UMNO, ông

viết rằng ngay sau các vụ bạo loạn

vào tháng 7/1964, tôi đã hỏi

thúc Tunku và ông ta dung nạp chúng

tôi vào Chính phủ Liên hiệp như
một phương cách để đảm
bảo sự hòa hợp sắc tộc, vì
rằng chính PAP đại diện cho người
Hoa Malaysia. Nhưng họ đã từ chối
thẳng thừng yêu cầu của tôi,
chính vì vậy chúng tôi đã
khởi sự công kích UMNO và người
Malay bằng cách đưa ra khẩu hiệu
vô trách nhiệm “Malaysia của người
Malaysia” để giành sự ủng hộ
của những dân tộc không-Malay,
tạo ra sự căng thẳng giữa người
Malay với người Hoa, một điều có
thể gây nguy hại cho nền an ninh của

đất nước. Razak đã quên rằng
trước đây chưa đầy một
năm, vào tháng 7/1965, Senu và ông ta
đã công khai tuyên bố rằng chính
Chính phủ Liên hiệp đã nghĩ
và đề ra khái niệm Malaysia của
người Malaysia. Ông còn nói thêm
rằng đến khi thấy nguy hiểm, tôi
bèn giả vờ tìm cách xoa dịu
tình hình nhằm cứu vãn Malaysia.
Điều đó đã dẫn đến
cuộc họp giữa chúng tôi vào
ngày 29/6, sáu tuần trước khi chúng
tôi tách ra khỏi Liên bang. Razak viết:

“Lạ thật, tại cuộc họp, Lee Kuan Yew đã chẳng

hề có ý định tìm ra phương
cách giải quyết bế tắc, mà cứ
khăng khăng nói rằng Tunku và tôi
phải khử hết các phần tử cực
đoan trong UMNO trước, nếu chính phủ
trung ương muốn ông ta hợp tác...
Ông nói đến tên của những
người được gọi là ‘phần
tử cực đoan’ bị cho là phải
chịu trách nhiệm về bầu không
khí căng thẳng hiện nay. Tôi đã
phản đối lý lẽ của ông ta
về ‘những phần tử cực đoan’
và nói với ông ta rằng UMNO là
một đảng có kỷ cương, và

nếu ông ta muốn hợp tác với
Chính phủ Liên hiệp hay với UMNO, ông
ta nên tin vào Tunku, vào tôi và
những người khác nữa. Tôi yêu
cầu ông ta cam đoan rằng ông ta và
các bạn bè của ông ta sẽ không
có những dấu hiệu mang tính khiêu
khích chống lại người Malay hay can
thiệp vào công việc nội bộ của
UMNO. Đáng tiếc là ông ta đã
không chịu làm như vậy.”

Để trả lời ông ta, tôi đã cho đăng những
đoạn trích trong bản ghi chép của
tôi trong cuộc họp với ông ta. Tôi
vạch ra rằng tôi đã không hề
đề nghị liên kết gì với

Tunku cả vào tháng 7/1964, sau các vụ

bạo loạn. Tunku mãi tới ngày 14/8 mới

từ London trở về Kuala Lumpur, và qua ngày hôm sau đã nói với tôi rằng

Thủ tướng Anh Alec Douglas Home khuyên ông nên thành lập một chính quyền

quốc gia có gồm cả PAP. Tôi nói

thêm rằng làm sống dậy những mâu

thuẫn xa xưa chẳng phải là ước

muốn của chính quyền PAP, nhưng những

tường thuật thiếu trung thực về

các cuộc thảo luận cấp cao như

vậy đã khiến các Bộ trưởng

của Singapore không thể không lên

tiếng.

Chẳng có ý kiến phản hồi nào của Razak cả.

Mấy năm sau đó, khi đọc tiểu

sử chính thức của Tunku do Mubin Sheppard viết, tôi được biết là Razak

đã báo cáo với ông khi còn

ở London rằng ông ta chẳng thể nào

làm cho tôi thông cảm, và chẳng

thể nào thuyết phục nổi tôi

ngưng việc vận động chính trị

lại được. Chính điều đó,

theo lời Tunku thuật, đã khiến ông

ta quyết tâm đẩy Singapore ra khỏi

Malaysia.

CHÚNG TÔI RA ĐI

Tunku đã ngã bệnh trong khi đang ở tại London vào giữa tháng 6/1965. Lim Kim San, một người đã được Tunku đem theo trong phái đoàn dự Hội nghị cấp Thủ tướng, đã thăm ông ta và viết thư cho tôi hay vào ngày 23/6:

“Ông già đã nằm lì trên giường với căn bệnh zona và tinh thần rất sa sút.

Chung quanh ông lúc nào cũng có người, nhưng tôi cũng đã cố xoay xở để nói chuyện được

với ông. Ông vẫn nghĩ nên có
một cái tổ nhưng chưa biết phải
nên theo kiểu nào, cùng lúc đó
ông cũng lại nghĩ chẳng có gì
phải gấp rút cả và có thể
thực hiện điều đó sau khi giải
quyết được cuộc chiến đối
đầu của Indonesia.

Ông chưa bàn bạc gì về điều này với bất
kỳ ai ở đây và tôi hoàn
toàn tin tưởng vào ông, bởi khi
tôi gặp Arthur Bottomley (Bộ trưởng Bang
giao Khối Thịnh vượng Chung) tại Hội
nghị Khối Thịnh vượng Chung, ông
ta đã nói với tôi rằng báo
cáo từ Malaya gửi về cho ông cho thấy

mọi chuyện đều êm thấm và
người Malay, ngoại trừ một số phần
tử cực đoan, những người mà
ông cho là Tunku và/hoặc Razak đã
kiểm soát chặt chẽ trong tay, giờ đây
chẳng còn mấy kích động nữa,
và tình hình cũng đã lắng
dịu nhiều rồi. Ông ta còn được
biết rằng thậm chí những tay quá
khích cũng đang chùn tay, và với
việc Tunku vắng mặt, không ai trong số
họ dám gây ra chuyện gì vì sợ
bị kết tội là lợi dụng sự
vắng mặt và lúc bệnh tật của
Tunku. Tôi đã nói với ông ta

(Bottomley) rằng rắc rối thường xảy ra mỗi lần Tunku vắng mặt. Nhưng ông bảo đừng lo... Ông ta tốt bụng và vui là được gặp tôi và mãi cho tới lúc cuộc họp được triệu tập trở lại thì chúng tôi mới chấm dứt chuyện trò với nhau...”

Sau khi từ London trở về vào đầu tháng 7, Kim San đã đến gặp tôi và mô tả tâm trạng của Tunku. Tunku đã nói rằng: “Ông có thể nói với Thủ tướng của ông rằng ông ta có thể độc lập dự Hội nghị Thủ tướng vào kỳ tới.” Tôi có

hỏi ông ta nói như vậy là sao.

Sẽ có một cuộc cải tổ lại

chẳng? Singapore sẽ trở thành một tiểu

bang đặc biệt trong khối liên hiệp

chẳng? Kim San hoàn toàn không hiểu

hết ý nghĩ có trong đầu của

Tunku. Những năm sau này, khi ghi lại chuyện đời tôi vào năm 1981, tôi đã

gửi cho ông bản sao bức thư đề

ngày 23/6/1965 của ông. Ông đã

luận rằng: “Khi hồi tưởng lại,

như tôi cũng đã nói với ông

nhiều lần, Tunku đã gián tiếp

muốn nói rằng ông sẽ để cho

Singapore độc lập. Tôi quá chậm

tiêu nên không nắm bắt được

ý nghĩa của một số nhận xét
của ông ta.” Kim San chỉ chú tâm
đến khả năng cải tổ nên không
để ý đến những ngụ ý
lớn hơn trong các phát biểu hàm
súc của Tunku. Tại London, ông được
gặp Tunku có một lần, điều ấy
có nghĩa rằng ngay từ ngày 23/6/1965
đó, Tunku đã nghĩ đến chuyện
chia tách hoàn toàn rồi.

Cùng lúc đó Keng Swee đã sang Đức hơn một tháng
để chữa bệnh. Vào trung tuần
tháng 7, ông đã gặp tôi và
nói rằng ông đã gặp Razak tại
tư dinh của ông ta và bất ngờ gặp
cả Ismail lẫn Ja'afar Albar cũng có mặt

ở đó nữa. Ông nói Razak muốn
bàn luận một cuộc cải tổ có
thể giúp cho cả hai bên thoát khỏi
chuyện có thể trở thành một
đụng độ tai hại.

Tôi đã thảo luận với Keng Swee về mọi khả
năng có thể có được và
quyết định rằng nên cố gắng
làm bất kỳ việc gì nếu nó
giúp ta tránh được chuyện xung
đột chủng tộc. Keng Swee đã gặp

Razak và Ismail lần nữa tại Kuala Lumpur vào ngày 20/7. Ông bảo
với họ rằng

chỉ có tôi, Lim Kim San và Eddie Barker
biết những cuộc nói chuyện của
ông với Razak mà thôi. Chin Chye và

Raja quá bận bịu với Hội nghị
Đoàn kết Malaysia nên chẳng để
ý gì đến bất kỳ chuyện cải
tổ nào. Ông quả quyết với Razak
rằng tôi có khả năng dẫn dắt
PAP nếu như công việc được xử
trí đúng đắn, nhưng nếu
thông tin bị tiết lộ sớm thì sẽ
làm hỏng chuyện.

Thế rồi Keng Swee yêu cầu tôi viết cho ông một
giấy ủy quyền để tiếp tục
thương lượng và thỏa thuận
những cải tổ mà ông có thể
đạt được, kể cả chuyện,
theo như ông nói, “độc lập”
khỏi liên bang. Tôi sợ sẽ có rắc

rồi nếu như các cuộc hội đàm

bị lộ sớm, nhất là với người

Anh, họ chống bất kỳ sự cải tổ

nào, và kể đến Raja, Chin Chye và

Pang Boon, vốn sẽ không bằng lòng với

bất kỳ sự thoát ly nào khỏi

sinh hoạt chính trị tại bán đảo

Malaya, nơi chôn nhau cắt rún của họ

và có gia đình của họ đang

ở. Tôi đã viết một công hàm

ủy quyền cho Keng Swee thảo luận với

Razak, Ismail và những Bộ trưởng liên

bang khác có thẩm quyền tương

đương liên quan tới các vấn

đề này, về bất kỳ đề

xuất nào cho mọi sự cải tổ hiến

chế của Malaysia.

Keng Swee trở về

và báo cáo rằng Razak muốn có

một sự ly khai hoàn toàn. Razak nêu

ra hai điểm: thứ nhất, ông ta muốn

Keng Swee xác nhận rằng tôi đồng

tình. Keng Swee đã trả lời rằng:

“Vâng, nếu như điều đó

được thực hiện nhanh, trước

khi ông Lee có cam kết và tham dự sâu

đậm vào Hội nghị Đoàn kết

khiến ông ta không thể rút ra được.”

Ismail đồng ý về điểm này.

Razak có vẻ vừa nhẹ người vừa

hoài nghi bởi, theo lời Keng Swee kể, ông

bán tin bán nghi là tôi có thể

phản đối ý tưởng đó.

Keng Swee nói rằng tôi đủ thực tế

để thấy rằng chuyện xung đột

đang rất dễ xảy ra và các hậu

quả thì thật khó lường.

Điểm thứ

hai Razak nêu ra là việc độc lập

khỏi khối Malaysia phải là một bước

đi có phối hợp. Nói khác đi,

PAP phải ủng hộ chuyện này. Ông

ta đề nghị Liên bang và Singapore cùng

cho người Anh biết ý định của

cả hai bên. Ông ta cảm thấy họ sẽ

đồng tình nếu chúng ta cùng

kiên định với nhau. Keng Swee vạch ra

rằng cách làm như vậy là sẽ
thất bại. Người Anh sẽ nhất quyết
chống lại chuyện chia tách. Ông ta đã
nhắc cho họ nhớ là Antony Head và
nhóm của ông ta đã cản trở
đến mức nào đối với chuyện
cải tổ kém triệt để lắm mà
chúng tôi đã đồng ý với
Tunku hồi tháng 2. Keng Swee hối thúc rằng
phải thông báo cho người Anh biết
chuyện ly khai như một sự
đã rồi khi quốc hội tái nhóm vào ngày
9/8. Trước tiên phải có các tu
chính hiến pháp cần thiết chấp
nhận cho Singapore độc lập, với ba vòng

thảo luận tiến hành trong cùng ngày
đó. Ismail sẵn lòng đồng ý
về chuyện này. Razak thì rất vui và
nói rằng chiến thuật của PAP có
lẽ là tốt nhất. Keng Swee nói thêm
rằng ông thấy không có gì bất
tiện nếu như Ngài Head, với tư
cách cao ủy Anh tại Malaysia, được
thông báo về những ý định
của chúng ta vào lúc 9 giờ 30 sáng
ngày hôm đó, đúng nửa giờ
trước khi dự luật độc lập
được trình ra trước quốc hội.
Mọi người đều đồng tán
thành ý kiến này.

Ismail nói có hai vấn kiện cần phải được thảo ra: một tu chính hiến pháp cho phép Singapore có thể rút ra khỏi Liên bang, và một đạo luật dựa theo bản tu chính đó cho phép Singapore được độc lập. Vì lợi ích an ninh, không nên cho phép các công chức can dự vào việc này, và ông ta hỏi chúng tôi có thể làm được không.

Ismail và Razak sẽ phải suy nghĩ kỹ về những thủ tục hiến định cần thiết. Keng Swee đã nói rằng Eddie (Bộ trưởng tư pháp của Singapore) sẽ cố gắng thảo chúng trong vòng một tuần đến mười ngày, điều

đó cũng được họ đồng
ý. Keng Swee nhấn mạnh cho họ nhớ sự
cần thiết phải giữ bí mật, và
nói thêm riêng với Ismail rằng không
được hé bất cứ điều gì
về chuyện này, nhất là đối
với các công chức ngoại kiều của
ông ta.

Keng Swee có cảm giác rằng Razak cảm thấy rất nhẹ
nhõm và cảm ơn riêng ông ta về
việc ủng hộ giải pháp này. Ông
thực sự tin tưởng điều này
sẽ không chỉ ngăn chặn được
tai họa, vốn giờ đây đang cứ
như chỉ mảnh treo chuông, mà nó

còn giúp chấm dứt sự căng thẳng
và nỗi khôn khổ mà ông ta đã
phải chịu đựng suốt mấy tháng
nay. Chuyện này diễn ra trong chỉ có
nửa giờ đồng hồ, nhưng sau đó
họ còn dành ra thêm 20 phút để chuyện phiếm với nhau,
bởi Razak đã yêu cầu Keng Swee không
nên về quá sớm như vậy. Ông
ta cũng cho một xe cảnh sát đưa
Keng Swee đến tận phòng đợi của
sân bay để tránh các ký giả.

Ngay sau khi Keng Swee báo cáo cho tôi cuộc họp đó, tôi
đã gặp Eddie tại văn phòng của
mình. Công việc cần được xử
trí hết sức cẩn thận đến độ
tôi không dám chắc ông Bộ trưởng

Tư pháp của chúng tôi có phải
là người xứng đáng nhất để
làm chuyện này không. Có thể
ông ta không giữ kín được.

Đích thân Eddie đến thư viện
luật của trường Đại học
Singapore để tra tìm các án lệ,
và gặp được một trường
hợp ly khai trong Liên bang West Indies. Để
giới hạn số người cần biết,
ông không dùng đến trợ lý
riêng của mình, mà đọc các
phác thảo cho Wong Chooi Sen, thư ký của
nội các, chép. Đó là một
người trung thành và kín đáo

không ai nghi ngờ được. Chỉ có

vài người khác được biết

chuyện này là Stanley Stewart, giám đốc

Sở Dân sự vụ, và George Bogaars, giám

đốc Sở đặc vụ. Tôi đã

cho gọi Bogaars để biết chắc ông

ta có bảo đảm ngăn chặn được

bất kỳ mối đe dọa nào của

những người cộng sản trong một

Singapore độc lập hay không, một khi

chúng tôi không cho phép họ tái

lập lại tổ chức. Ông quả quyết

chúng tôi có thể làm được.

Eddie thảo ra hai văn kiện, nhưng tôi yêu cầu ông thảo

thêm một văn kiện thứ ba, bản

tuyên ngôn độc lập. Tôi trao các

bản phác thảo này cho Choo. Tôi vẫn
chưa ưng ý về chúng lắm. Tôi
muốn thỏa thuận của chúng tôi
với bang Johor mà chúng tôi phụ thuộc
rất nhiều về nguồn cung cấp nước,
được đưa vào trong các văn
kiện này và được cả hai
chính phủ chuẩn y như một thỏa
ước chính thức. Tôi thì quá
căng thẳng và đã bảo Choo, một
luật sư giỏi về hợp đồng
chuyên nhượng, tìm ra một phương
cách êm đẹp để đạt được
chuyện này. Sau khi cô làm xong, tôi
duyet các bản phác thảo trao cho

Eddie đề trình cho Razak. Mặc dù chưa

có gì là chắc chắn, tôi vẫn

quyết định đi nghỉ như đã

định và chờ xem Tunku có muốn

tiếp tục trong chuyện ly khai hay không, hay rồi ông sẽ thay đổi ý định.

Có những lý do để nghi ngờ điều ấy. Ngay mới

tuần trước đây, Tan Siew Sin đã

đến thăm Singapore để dự cuộc

họp của Hội Liên hiệp Sinh viên

Đại học và phát biểu rằng

chính quyền trung ương sẽ thi hành

quyết định đóng cửa Ngân

hàng Trung Quốc tại Singapore vào tháng

sau. Bất chấp những phản kháng bán

chính thức trên Đài truyền thanh

Bắc Kinh, ông phủ nhận chuyện đóng
cửa này sẽ ảnh hưởng đến
mậu dịch giữa Malaysia và Trung Quốc.
Điều đó cho thấy chẳng có ý
hướng nào về chuyện chia tách
cả, hướng chỉ là chuyện cho Singapore ly
khai hẳn ra khỏi Malaysia. Kế đó là
Razak, trong chuyến du lịch các đảo
miền Nam vào ngày 25/7, đã đưa
ra những phát biểu thiên vị có
tính toán nhằm khuấy động tinh
thần của người Malay chống lại
PAP, khi nói rằng tinh thần thiếu hợp
tác của chính phủ chúng tôi đã
khiến cho Kuala Lumpur khó lòng triển khai

được chương trình phát triển

nông thôn đến tận người dân

Malay ở đây. Nước đi ác ý

không cần thiết này cũng khiến

tôi lo âu tự hỏi không biết Keng

Swee có hiểu và báo cáo đúng

về Razak trong chuyện ông ta thật sự

muốn Singapore tách ly hoàn toàn ra khỏi

Malaysia hay không. Có điều gì đó

đang xảy ra. Thực ra, có thể biết

đâu họ đang thăm dò phản ứng

của quần chúng với ý định

đình chỉ hiến pháp và chỉ

định một thống đốc thì sao?

Hoặc đang tính toán điều gì

đó bất lợi cho chúng tôi?

Keng Swee cũng lo. Ông không an tâm trước cả một gánh nặng và trách nhiệm mà ông ta phải chịu nếu như kế hoạch bị tiết lộ hay hủy bỏ. Khi tôi chuẩn bị quyển sách này vào năm 1994, ông có cho phép tôi được nghe các cuộn băng ghi âm của ông trong thời điểm 1980–81, và tôi biết được rằng ông chưa hề hối thúc Razak phải có một sự dàn xếp lại có tính chất nói lỏng hơn như tôi đã yêu cầu ông ta. Ông biết họ muốn gạt Singapore ra khỏi quốc hội của họ, và đi tới cùng ý muốn của họ

là chúng tôi phải ly khai. Keng Swee cũng nói rằng ông muốn tôi viết ủy quyền bởi ông sợ tôi sẽ ngần ngại chuyện ly khai.

Keng Swee đã đến thăm Razak tại Nhà khách Liên bang ở Singapore vào ngày 27/7 và khám phá ra rằng ông ta đã suy nghĩ lại về chuyện ly khai. Keng Swee một lần nữa lại thấy ông ta ngần ngừ và thay đổi quan điểm liên liên. Ông than là bị chứng mất ngủ và có vẻ rầu rĩ lẫn nản chí. Trong cuộc chuyện trò đông dài trong 90 phút, ông ta nói đã viết cho Tunku biết về các bàn bạc của họ ba ngày sau cuộc họp sau cùng của họ, và

giờ đây chuyện quyết định là

tùy ở Tunku, nhưng phải mãi tới

ngày 4/8 thì Tunku mới về nước.

Razak không nghĩ là Tunku sẽ nhanh chóng

thông qua vấn đề, và nghi ngại

không biết có thể sắp xếp được

chuyện dự luật độc lập được

hay không vào ngày 9/8 đó – bởi

một lẽ, còn phải tham khảo ý

kiến của nhiều người khác nữa,

như các tiểu vương chẳng hạn.

Thế rồi ông ta bày tỏ những lo lắng về hậu

quả của chuyện Singapore độc lập –

giả sử chẳng hạn chính phủ nước

này giao du với Bắc Kinh thì sao? Razak

cũng nêu những ý kiến hoàn toàn

không thể chấp nhận được về
chuyện quốc phòng, khi ông ta nói
rằng người Malaysia sẽ phải chỉ
huy quân đội Singapore. Keng Swee đã nói
với ông ta là điều này không
thể được. Chúng tôi sẽ tuyên
mộ và duy trì quân đội riêng
của mình, nhưng vì mục đích
hành động, nó sẽ được
đặt dưới quyền của bất kỳ
ai nắm quyền chỉ huy toàn bộ các
lực lượng Malaysia chống lại Indonesia.
Razak nói: “Ồ. Vậy thì hệ thống
hiện nay sẽ được duy trì, tức
là chúng tôi chỉ huy quân đội

của các ông, có phải không
nào?” Để ông ta không phải
ngại thêm về chuyện này, Keng
Swee không nói rõ ra rằng cách dàn
xếp này sẽ chỉ có giá trị
trong thời kỳ xảy ra cuộc chiến đối
đầu mà thôi.

Kể đó Razak đã nói rằng độc lập
cho Singapore có nghĩa là một thắng
lợi lớn của Sukarno. Có phải chúng
ta đang muốn giúp cho Sukarno lên tinh thần không? Tại sao không
có một sự
tách ly từng phần? Keng Swee nói với
ông ta rằng chúng tôi sẵn lòng
làm theo ý ông, ngay cả việc tiếp
tục y như hiện nay. Keng Swee nói rằng

vị trí của Singapore đang ngày càng
mạnh lên với sự ủng hộ của
các nước trong Khối Thịnh vượng
chung. Điều này khiến Razak không vui
thêm, và ông ta chuyển sang nói rằng
không còn có giải pháp nào
khác hơn là chia tách hoàn toàn
– nhưng rồi bỏ ý đó và
nói về một dạng liên bang nào
đó trong đó Kuala Lumpur kiểm soát
quốc phòng và ngoại giao.

Keng Swee nhấn mạnh rằng phải có một quyết định
sớm, trước khi việc can dự của
chúng tôi vào Hội nghị Đoàn
kết Malaysia trở thành điều không
thể đảo ngược được, nhưng

tuy đã đồng ý về điều

này, Razak vẫn tiếp tục lặp lại

những ý kiến phản bác đối

với toàn bộ kế hoạch: Tan Siew Sin thì

chống đối chuyện tách ly, và sự

ủng hộ nói chung của UMNO về chuyện

này cũng không thể tự nhiên mà

có được. Ông ta lo ngại chuyện

chống đối. Nhưng mặt khác lực

lượng quân đội và cảnh sát

hiện nay lại chẳng đủ để

không chế được các cuộc rối

loạn nếu như Singapore vẫn còn trong

khởi Malaysia, do vậy, tốt hơn hết, ly

khai có lẽ là giải pháp duy nhất.

Ông ta hỏi Keng Swee xem ông ta có thể
đề nghị một phương cách khác
có được không. Keng Swee trả lời
rằng không.

Thế nhưng, qua báo chí, Razak lại kêu gọi chính
phủ Singapore hãy cộng tác chặt chẽ
với Kuala Lumpur để thực thi các kế
hoạch phát triển dành cho người
Malay. Tôi bắt đầu lo ngại lại sẽ
có chuyện xung đột lần nữa.

Tôi vẫn không chắc chắn lắm về chuyện gì sẽ
xảy ra, cho dù đó là một cuộc
cải tổ, một cuộc ly khai, hay một cuộc
xung đột, lúc Philip Moore đến thăm
tư biệt tôi vào ngày 30/7; ông
về nhậm chức Bộ trưởng Quốc

phòng tại London. Đó là một
buổi già từ xúc động và
đầy ý nghĩa. Trước hết phải
giữ kín không cho người Anh biết
về các cuộc thương lượng của
chúng tôi và tôi phải bảo đảm
là không nói hớ ra với Moore bất
kỳ điều gì về những đôi
thay mà chúng tôi đang bàn bạc,
vì ông vốn là người am hiểu
và đồng tình với chúng tôi.
Tôi cảm ơn ông về những việc
ông đã làm, tôi nói với
ông như vậy, thế nhưng tôi vẫn
phải tiếp tục đi tới cùng với

Liên bang Malaysia cho dù kết quả có
ra sao. Tôi đã thuyết phục dân
chúng tham gia vào Liên bang và tôi
không thể bỏ mặc họ. Trách nhiệm
của tôi là phải làm sao cho hiến
pháp được tôn trọng. Tôi
không thể rút lui được. Những
điều ông nói cho thấy ông rất
quan tâm đến an ninh bản thân của
tôi và tương lai của Singapore.

Vào ngày 31/7, tôi rời Singapore đi dự một cuộc
mít–tinh của PAP tại Kuala Lumpur, rồi
đi tiếp đến cao nguyên Cameron để
nghỉ mát như mọi năm cùng với
Choo và bảy trẻ. Trước khi rời
Kuala Lumpur, tôi đến thăm Antony Head tại

Carcosa trong khoảng nửa giờ. Tôi e ông

ta có thể đã đánh hơi được

chuyện gì đang xảy ra. Tôi biết

rằng nếu ông ta nắm được chút

tin tức gì về điều này, ông

ta đủ khéo léo và đủ mạnh

để lật nhào bất cứ điều

gì chúng tôi đã đồng ý

với nhau, y như ông ta đã phá vỡ

kế hoạch cải tổ của chúng tôi

hồi tháng 2 vậy. Ông chẳng có vẻ gì nghi

ngờ rằng đang có gì đó bất

ổn, và tôi hài lòng là lần

này Razak lẫn Ismail đã không để

lộ bất cứ điều gì cho Fenner biết

cả, ông này nếu biết được

chắc chắn sẽ báo cho Head biết thôi.

Thật vậy, vào ngày 6/8, Head đã gửi đánh giá của mình về London như sau:

*“Triển vọng tương lai chẳng có gì là sáng
sủa. Ít có cơ may giảm bớt căng
thẳng chính trị bởi chẳng bên
nào tin bên nào. Một hình thức
hạn chế của việc ly khai mà không
phải sửa đổi hiến pháp thì
có thể có nhưng không chắc chắn
lắm. Giải pháp bổ nhiệm Lee đi
làm việc ở hải ngoại giờ đây
có vẻ đã bị bác bỏ và
các phần tử cực đoan Malay đang
ngày càng mạnh. Kết quả có thể*

có nhất là các bạo động
chúng tộc sẽ tái diễn với quy mô
còn lớn hơn cả trước kia. Một
trong những nguyên nhân chính của tình
trạng hiện nay là sự có mặt của
những tay dân tộc hẹp hòi Malay cực
đoan hơn trước dưới sự lãnh
đạo của Senu, Bộ trưởng thông
tin, Khir Johari, Bộ trưởng giáo dục,
và Ja'afar Albar, tổng thư ký của
UMNO; đặc biệt Senu và Ja'afar Albar
đang tranh nhau để tỏ ra có tinh thần
Malay hơn. Nếu có thể áp chế và
làm cho họ im lặng được thì
hay biết mấy; nhưng Razak rõ ràng là
đã không tính đến chuyện

dùng biện pháp mạnh với những
tay này, bởi sợ rằng họ, qua sức
lôi cuốn của chủ nghĩa dân tộc
hẹp hòi, sẽ làm hại vị trí
người hiền nhiên sẽ thay thế Tunku
của ông. Do đó ông ta thận trọng
quyết định bước theo hướng đi
của họ trong chừng mực đủ để
bảo vệ địa vị chính trị của
ông..."

Về chính sách của người Anh, Head viết:

“Chừng nào Indonesia vẫn còn đe dọa nền độc

lập và sự toàn vẹn lãnh thổ
của Malaysia, chừng đó hẳn nhiên
chúng ta vẫn còn cần tiếp tục
có mặt ở đó, vì lợi ích
của sự ổn định tại Đông

*Nam Á, vì bốn phận của chúng
ta theo Hiệp định Phòng thủ và
vì sự cần thiết phải giúp đỡ
Malaysia chống lại kẻ thù mạnh hơn
mình... Thế nhưng việc tiếp tục
có mặt tại đây có thể gây
khó khăn cho chúng ta, bởi theo tôi
nghĩ chính sách cho rằng sẽ có
một thời kỳ ổn định tương
đối lâu dài tại Malaysia là một
chính sách thiếu khôn ngoan và thiên
cận.”*

Sau ngày dự
cuộc mít–tinh tại Sân vận động
Chin Woo ở Kuala Lumpur, tôi lái xe đến
Cameron, nơi tôi nghỉ lại, chơi gôn

và rào bộ cùng đám trẻ,
cùng lúc đó vẫn tiếp tục
chờ điện thoại của Keng Swee và
Eddie thông báo rằng tôi nên đến
gặp họ ở Kuala Lumpur. Tôi không muốn
Head nghi ngờ tôi đã trở lại
Kuala Lumpur và làm chuyện gì đó.

Keng Swee đến Kuala Lumpur để họp với Razak vào ngày
3/8, một ngày trước khi Tunku về nước
như đã định. Razak đã nhanh
chóng đi thẳng vào vấn đề.
Ông bảo đã nhận được
trả lời của Tunku. Tunku tán đồng
chuyện này, với hai điều kiện:
(a) Singapore góp phần thỏa đáng về
quân sự vào công cuộc phòng thủ

chung và ký kết thỏa ước quốc
phòng với Malaysia, và (b) không được
tham gia vào bất kỳ hiệp ước nào
sẽ vi phạm đến các mục tiêu
của thỏa ước nói trên. Keng Swee
ghi nhận rằng họ cũng đã có
nhiều đề nghị chi tiết trong suốt
cuộc họp đó: nên có một
hội đồng quốc phòng; tất cả
lực lượng của Singapore phải đặt
dưới sự chỉ huy quân sự phối
hợp vì lợi ích hoạt động,
và chính quyền trung ương sẽ giúp
huấn luyện cho họ; Singapore sẽ thành
lập một lữ đoàn bộ binh, và

tuần tiểu lãnh hải Singapore bằng tàu riêng của chúng tôi. Ismail cũng muốn rằng các tòa đại sứ và cao ủy Malaysia trên khắp thế giới sẽ chỉ đạo các quan hệ đối ngoại của Singapore.

Keng Swee đánh giá rằng mục tiêu của họ là giới hạn quy mô của các lực lượng vũ trang của chúng tôi và muốn kiểm soát các lực lượng đó. Ismail công khai nói ra điều này, nhưng Razak thì vẫn không có biểu hiện gì. Keng Swee nói rằng dầu muốn dầu không chúng tôi cũng không thể tạo dựng nổi một lực lượng quân sự đồ sộ được

– bốn tiểu đoàn và một số
tàu tuần tiễu là mức cao nhất
chúng tôi có thể đóng góp
được. Razak có vẻ vui và nói
rằng Keng Swee nên làm Bộ trưởng
Quốc phòng của Singapore, thế nhưng vẫn
đề chỉ huy chung hầy chưa có gì
dứt khoát cả và tình trạng
thời bình của các lực lượng
Singapore sau cuộc chiến đối đầu
của Indonesia cũng vẫn không được
nêu ra. Điều này đã dẫn đến
rắc rối về sau.

Họ hỏi Keng Swee đã có các phác thảo gì
chưa. Ông ta bảo rằng đã có
và trình chúng cho Razak. Razak đọc

bản thỏa ước, lướt nhanh qua bản
tuyên ngôn, nhưng đọc rất cẩn
thận dự luật tu chính (hiến pháp).

Ông có vẻ hài lòng và trả
lại các bản phác thảo đó,
hỏi thêm những điểm về các
dàn xếp quốc phòng của chúng
tôi và hiệp ước đối ngoại
có trong bản phác thảo thứ hai. Thế
rồi họ bàn qua về sắp xếp thời
gian. Razak muốn trao các bản phác thảo
đó cho Bộ trưởng Tư pháp của
ông xem lại. Keng Swee đề nghị nếu
chúng ta đưa chúng ra vào ngày
6/8, sau khi Tunku về nước, và chính

sửa hoặc đề nghị thêm vào
ngày hôm sau thì có thể đạt
được thỏa thuận vào ngày
7/8, và thế là có thể kết thúc
mọi chuyện vào ngày 9.

Họ cho rằng phải thông báo cho các Tổng ủy viên
của Sabah và Sarawak cùng các thống
đốc của các bang Malaya biết chuyện
này. Ismail nói rằng phải tách các
Tổng ủy viên Sabah và Sarawak ra khỏi
các cố vấn người Anh, và tốt
nhất là triệu tập họ về Kuala
Lumpur – với lý do là dự tiệc
đón Tunku trở về. Keng Swee hỏi liệu
họ có thể trông đợi vào sự
đồng tình của Sabah và Sarawak không.

Razak rõ ràng đã có tính đến
chuyện này và nói rằng họ
không nghĩ sẽ có vấn đề gì.

Thế rồi Ismail nêu lên thắc mắc là phải có
thời gian để in bản thỏa ước,
dự luật và bản tuyên ngôn nữa.

Keng Swee kết luận rằng họ muốn thông
qua cuộc bàn bạc dọn đường
này càng sớm càng tốt, nhưng có
một số rắc rối cũng khá nhức
đầu: chẳng hạn, liệu có triệu

tập các Tổng ủy viên Sarawak và
Sabah đến Kuala Lumpur kịp vào ngày
8/8 không? Lịch của các chuyến bay có
thể làm hỏng chuyện này. Keng Swee
cảm thấy cần nhấn mạnh đến

chuyện phải giữ kín thỏa ước

này trước khi thông báo cho bất

kỳ ai biết; rõ ràng rằng nếu

thiếu may mắn và thiếu hiệu quả

thì khó mà làm cho mọi chuyện

diễn ra trôi chảy vào ngày 9/8. Sau

cuộc họp một giờ, từ Nhà khách

Singapore (ở Kuala Lumpur), Keng Swee điện thoại cho tôi ở Cao
nguyên Cameron để thông

báo kết quả, bằng tiếng Quan thoại.

Đó chẳng phải là thứ tiếng

ông sử dụng lưu loát nhất, thế

nhưng vào năm 1965 không thể gọi

điện thẳng tới Cameron được,

và các cuộc gọi nối đầu

phải thông qua tổng đài mà các

điện thoại viên thì không nói

tiếng Quan thoại.

Vào sáng thứ

Sáu ngày 6/8, tôi đi xe đến Kuala

Lumpur. Choo và mấy đứa trẻ vẫn ở

lại Cameron cho đến tận thứ bảy để

mọi người vẫn thấy họ và

nghĩ rằng tôi còn ở đó. Cả

Keng Swee lẫn Eddie cũng đều không dám

chắc là Tunku, bây giờ đã về

nước rồi, liệu có đổi ý

hay không, một điều sẽ khiến mọi

chuyện thành công toi hết. Thế nhưng

khi tôi đến Kuala Lumpur vào chiều hôm

đó, họ đã có mặt cùng

với các văn kiện. Sau khi tôi đã

nghiên cứu và thông qua chúng, họ
bèn đến gặp Razak, Ismail và Kadir
Yusof, Bộ trưởng Tư pháp. Cuộc họp
kéo dài từ giờ này sang giờ
khác, và tôi phải một mình chờ
đợi sốt ruột tại Nhà khách
Singapore. Đến xế chiều, Eddie điện
tới nói rằng Tan Siew Sin muốn có
thêm những điều chỉnh, trong đó
có cả việc chúng tôi phải gánh
các bảo lãnh mà chính quyền
trung ương đã ký với IMF (Quỹ
Tiền tệ Quốc tế) và Ngân hàng
Thế giới về những khoản nợ dành
cho Singapore trước đây, một chi tiết

không đáng gì. Tôi đồng ý
chuyện đó, và Eddie cùng với
Kadir Yusof tiếp tục thông qua các dự
thảo. Mất thêm mấy tiếng nữa
trước khi Eddie điện thoại lại cho
tôi lần nữa báo rằng nhân viên
tốc ký của Razak không thạo với
các văn kiện pháp lý nên ông
ta đánh máy chẳng nên thân được
gì cả. Bởi Wong Chooi Sen và thư ký
riêng của tôi là Teo Ban Hock đều
đang có mặt ở Nhà khách
Singapore, nên Eddie cho gọi họ đến dinh
của Razak, để họ lo liệu công việc
này, chỉnh sửa lại mọi thứ.

Nhưng phải mất tới nửa đêm họ

mới lo xong được hết các dự

thảo ấy. Lúc họ trở về Nhà

khách Singapore cùng với Keng Swee, Eddie nói rằng mọi người ai
cũng cũng uống

rượu tới ngà say trong lúc chờ,

và khi các văn kiện cuối cùng

đã hoàn tất, ông là người

duy nhất chưa say và còn đủ sức

muốn đọc lại trước khi ký.

Razak, rất thân với Eddie từ tận những

ngày còn chơi hockey chung ở Đại

học Raffles, đã nói rằng: “Eddie

này, dự thảo là của bạn, người

đánh máy cũng là của bạn,

vậy bạn đọc lại là làm

sao?” Thế là Eddie cũng làm như

ông ta, ký mà không cần phải

xem lại gì cả – “*sign buta*” (nhắm mắt ký), theo lối ông nói

với tôi bằng tiếng Malay. Keng Swee cũng

say mềm đến độ chỉ biết đi

thẳng vào giường. Nhưng Eddie đã

xem qua các văn kiện, và nhẹ cả

người khi thấy không có sơ suất

nào cả, và ông ta đã trao chúng

cho tôi.

Sau khi tự tay duyệt qua các tu chính, tôi nhìn Eddie và

nói rằng: “Cám ơn Eddie, chúng

ta đã làm một cuộc đảo

chính thành công mà không phải

đổ máu gì cả.” Đó là

một cú đảo chính chống chính

phủ Anh và ngài Head đầy cảnh
giác của họ, một cú đảo
chính diễn ra ngay trước mắt người
Anh, Úc và New Zealand với các lực
lượng quân sự đang bảo vệ cho
Malaysia. Với một thời gian ngắn ngủi,
chúng tôi đã nghĩ ra cách đạt
được những gì mà Tunku không
thể làm được qua bộ tham mưu
của ông, bởi nó phải được
tiến hành trong vòng hết sức bí
mật và trong thời gian ngắn nhất có
thể được, kể cả việc thảo
luận ba vòng về dự luật này
trong một phiên họp quốc hội, bằng

không sẽ chẳng bao giờ có thể
thành công được hết.

Tôi biết rằng Head có thể sẽ khuyên chính phủ
của ông chấp thuận các biện pháp
nằm ngoài hiến pháp để vô
hiệu hóa PAP một khi ông ta kịp biết
mọi chuyện để ngăn chặn lại.

Với các văn kiện đã ký,
cho dù người Anh có thuyết phục
được Tunku và nội các của
ông không cho nó thông qua quốc hội
đi nữa, mà một khi tôi đã
công bố các thỏa ước đồng
thời cho đăng tuyên ngôn độc
lập lên công báo, thì quan hệ
giữa Singapore và Malaya sẽ không có

gì có thể đảo ngược được

nữa.

Giờ đây tôi phải thuyết phục những đồng sự

khác đồng ý với tôi. Tôi

gọi điện thoại cho Chin Chye để hỏi

xem ông ta có đến Kuala Lumpur được

không, mặc dù đã quá nửa

đêm rồi. Kế đó tôi gọi

cho người trực tổng đài điện

thoại Istana. Trạm Istana hoạt động suốt

24 giờ một ngày, và người trực

tối hôm đó là một nhân

viên cũ rất đáng tin cậy từ

thời các thống đốc Anh. Tôi bảo

ông ta kiếm một chiếc xe đi đón

Chin Chye lập tức và chở ông ta đến

Kuala Lumpur kịp vào sáng sớm hôm

sau. Thế rồi tôi gọi Raja và yêu

cầu ông ta đến. Tôi không muốn

họ đi chung với nhau bởi điều đó

sẽ gọi lên sự chú ý là

đang có điều gì đó diễn

ra, và cũng bởi vì họ sẽ liên

kết phản đối bất kỳ cuộc tái

sắp xếp nào của Malaysia, chứ đừng

nói chi đến chuyện ly khai hoàn toàn.

Chin Chye đến vào sáng sớm. Lúc ông ta đến, Eddie

lui bằng ngã sau để tránh gặp ông

ta. Tôi nói cho Chin Chye biết mọi chuyện

và đưa cho ông xem các văn kiện.

Ông sửng sốt và bối rối. Ngay

sau đó thì Raja đến. Othman Wok, Bộ

trưởng xã hội của chúng tôi,

đã dùng xe của ông để chở

Raja đến. Rồi Keng Swee cũng đến

họp, và chúng tôi cùng ngồi

xuống bàn chuyện với nhau. Suốt cả

mấy giờ liền Chin Chye và Raja cứ trầm

tư trước quyết định đau lòng

trước mắt họ. Họ không muốn

ký.

Vào khoảng trưa ngày 7/8, tôi đến tư dinh Tunku. Tôi chờ

khoảng 30, 40 phút ở phòng khách

trong khi ông đang họp với một số

viên chức ở phòng ăn – qua cửa

kiếng, tôi có thể thấy là họ

đang bàn cãi rất căng. Thế rồi

ông bước ra và ngồi một mình

với tôi suốt 40 phút.

Tôi bắt đầu: “Chúng tôi đã dành nhiều năm tháng để thành hình Malaysia. Phần tuyệt nhất trong thời niên tráng của tôi là làm việc để có được Malaysia, từ 1954 đến 1963. Chúng ta tạo dựng được Malaysia chưa đầy hai năm. Thực lòng ông có muốn cho nó tan vỡ không? Ông không nghĩ tốt nhất là nên trở lại với các kế hoạch ban đầu của chúng ta, trong đó Anh thôi nắm quyền, và có một liên bang tự do hơn hay một hình thức liên hiệp nào đó sao?”

Nhưng qua cử chỉ, tôi biết là trí ông đã

định rồi. Ông nói: “Không
tôi coi là quá khứ rồi. Bây giờ
không còn cách nào khác. Tôi
đã quyết định rồi; các ông
đi đường các ông, chúng tôi
đi đường của chúng tôi. Chừng
nào các ông còn dính dáng
đến chúng tôi, chúng tôi còn
thấy khó có thể làm bạn với
các ông được, bởi vì chúng
tôi sẽ phải dính vào chuyện của
ông và các ông thì sẽ phải
can dự vào chuyện của chúng tôi.
Ngày mai, khi các ông không còn nằm
trong khối Malay a nữa và chúng ta không

còn tranh cãi với nhau tại nghị viện
hay các khu vực bầu cử nữa, chúng
ta sẽ trở lại là bạn của nhau,
và chúng ta sẽ cần nhau, chúng ta sẽ
hợp tác với nhau.”

Tôi thôi không nói về chuyện đó nữa. Tôi
đã chuẩn bị tinh thần cho buổi
nói chuyện có thể kéo dài
này, nhưng khi thấy ông nhất quyết
không màng tới bất kỳ ý kiến
nào khác, tôi đành nói với
ông rằng khó khăn của tôi là
với Chin Chye, Raja, Pang Boon, cùng tất cả
những người Singapore khác có gia đình
đang trên đất Malaysia. Ông bảo tôi
hãy tự lo liệu lấy. Tôi xin ông

giúp đỡ; ông gặp họ được

không?

"Không. Không cần thiết," ông ta đáp.

Tôi trở về

Nhà khách Singapore để báo lại

cho mọi người biết chuyện thảo

luận của chúng tôi. Chin Chye đang ngồi

ở một cái bàn gần chân cầu

thang, cạnh phòng ăn, đang viết cái

gì đó. Lúc bước lên lầu,

tôi thấy ông ta đang vạch một

đường giữa tờ giấy: bên trái,

ông nêu lý lẽ tán thành, và

bên phải, lý do phản đối chuyện

chia tách. Đó là Chin Chye, một học

giả cẩn trọng. Raja, một con người

hút thuốc nhiều vô kể, đang đứng

ngoài hiên, rít từng hơi thuốc.

Tôi kéo Othman đi và hỏi ông có

ký tên không. Ông là một người

Malay, và sẽ trở thành phe thiểu số

trong đất nước Singapore một khi ông

chấp nhận chuyện chia tách, ông nói

chuyện ký không thành vấn đề,

nhưng ông e ngại về chuyện những

người cộng sản ở Singapore. Hai mươi

lăm năm sau, trong cuộc phỏng vấn nhân

kỷ niệm ngày chúng tôi được

độc lập, ông nhắc lại lời

tôi đã quả quyết với ông

rằng: “Không sao đâu, đó là

chuyện của tôi, tôi sẽ xử lý

việc đó.”

Sau suốt mấy giờ

liền rồi mà Chin Chye và Raja cũng

chưa có ý kiến dứt khoát gì

cả, tôi bèn nói với Chin Chye: “Sao

không đi gặp Tunku thử xem sao? Ông già

bảo rằng ông không còn nắm vững

được tình hình này nữa

rồi. Tốt nhất ông nên đến

gặp ông ta, bởi tôi đã gặp

rồi và tôi đã phải kết

luận rằng chẳng còn bàn cãi gì

được về chuyện này nữa.”

Ông ta đồng ý, thế là tôi

phải đi gặp Tunku lần nữa vào

chiều hôm đó và nói với

ông rằng tôi có hai Bộ trưởng,

Chin Chye và Raja, không muốn ký tên

vào và nhất định muốn bàn

cho ra lẽ. Gia đình của họ đang ở

Malaya và họ muốn gặp ông.

Tunku nhất quyết lắm: “Không, tôi không muốn gặp họ. Không có gì phải bàn nữa cả. Ông hãy nói với họ như vậy.”

Tôi nói: “Tôi có nói với họ rồi. Ít nhất ông cũng phải viết cho họ một bức thư. Để họ coi trả lời của ông là chung cuộc chứ.” Tunku bước tới chỗ bàn và viết cho Chin Chye một bức thư, rồi trao cho tôi, nói rằng:

“Đây, ông hãy trao cho ông ta.

Không cần phải bàn thêm gì nữa

cả. Tôi đã nhất định rồi.”

Bức thư không niêm phong của Tunku viết:

"Chin Chye thân mến,

Tôi viết ra đây để nói với ông rằng

tôi đã suy tính chuyện chia tách

với Singapore đến tận cùng rồi,

và thấy rằng vì lợi ích của

quốc gia chúng ta và hòa bình

của toàn thể Malaysia, tuyệt đối

không còn con đường nào khác

hơn được nữa. Nếu tôi đủ

mạnh và có thể kiểm soát được

hoàn toàn mọi chuyện, có lẽ

tôi chưa quyết định như vậy

đâu, nhưng khổ nỗi lại không

thể được như vậy, và do vậy
trong khi tôi còn có thể khuyên mọi
người nên bao dung và kiên nhẫn,
tôi cũng nghĩ đến giải pháp
êm đẹp này cho các bất đồng
của chúng ta, và đây là cách
duy nhất có thể có được.
Tôi mong ông sẵn lòng đồng ý.

Trân trọng,
(Ký tên) *Tunku Abdul Rahman*"

Lúc bước ra, tôi gặp Tan Siew Sin. Tôi tức giận
và cay đắng với cái gã thiển
cận và ngu đần này. Ông ta đã
cản trở công việc công nghiệp hóa
của chúng tôi và gây chia rẽ
không thua gì những tay cực đoan Malay.
Ông ta lúc nào cũng muốn gây cản

trở cho chúng tôi. Ngoài chuyện bản thân ông ta không ưa gì Keng Swee và tôi, ông ta còn tin rằng bất kỳ sự nhượng bộ nào cho Singapore cũng sẽ giúp PAP chinh phục được người Hoa ở Malaya. Ông không thể thấy được rằng nếu không có Singapore, địa vị người Hoa ở Malaysia tất phải suy yếu.

Hôm đó, tôi không thể không nói với ông ta rằng: “Hôm nay ông thắng, còn tôi thất bại; nhưng trong khoảng năm tới mười năm nữa, chắc chắn ông sẽ phải hối tiếc vì điều đó.”

Ông ta cười.

Tôi không nghĩ ông ta khi đó, hoặc
sau này, hiểu được tôi. Ông
ta chỉ thấy nhẹ nhõm và vui mừng
với vị trí lãnh đạo MCA của
ông ta và địa vị của MCA trên
đất Malaysia giờ đây thật vững
vàng. Mối đe dọa của PAP và Hội
nghị Đoàn kết Malaysia không còn
nữa. MCA sẽ lên ngôi độc tôn.

Thế nhưng trong trường hợp này thì
sự vững vàng và ngôi vị độc
tôn chỉ là tương đối mà
thôi. Bốn năm sau, vào tháng 5/1969,
những kẻ bạo loạn ở Kuala Lumpur sẽ
giết chóc và làm cho hàng trăm

người Hoa bị thương tật, rồi
đốt cả nhà cửa và xe hơi
của họ. Mười năm sau, Hussein Onn, trở
thành Thủ tướng sau khi Razak qua đời,
đã đưa Tiến sĩ Mahathir Mohamad lên
làm phó. Tuy Tan rất tận tụy với
chính phủ Liên hiệp và UMNO, nhưng
ông ta vẫn là người Hoa, và ông
đã hiểu ra rằng ông chẳng thể
nào trở thành phó Thủ tướng
được hết. Ông ta từ chức, xấu
hổ và thất vọng ê chề. Ông
không hiểu rằng ông đã mất
sạch khi tiếp tay để loại Singapore ra
khỏi Malaysia mười năm về trước.

Trong tác phẩm *Looking Back (Nhìn lại)*, 1977 của mình, Tunku viết:

"Những gì mà ông ta [Tan Siew Sin] đạt được

đã vượt xa ý nghĩ của tôi,

vì không chỉ giúp chính quyền

trung ương thực thi các quyền hành

quan trọng trong guồng máy của bang

(Singapore), mà còn khiến Singapore phải tự

cảm thấy có phần trách nhiệm

trong việc phát triển tài chính tại

các bang ở Borneo với một quy mô đáng

kể. Tôi cảm thấy rằng một khi đã

mắc miu vào đời sống hàng

ngày và công việc quản lý của

Singapore, lẫn công việc kiểm soát tài

chính của bang này, thì hậu quả

không tránh khỏi là chính phủ

Singapore sẽ muốn có phần trong guồng

*máy cai trị Malaysia; và nếu chúng
tôi chuẩn bị để cho Singapore có
được cái quyền đó, thì
sự công kích của Lee Kuan Yew vào
Malaysia là chuyện cũng đúng thôi.”*

Khi tôi quay trở
lại Nhà khách Singapore sau khi chạm mặt
Tan, tôi trao bức thư của Tunku cho Chin Chye.
Chỉ tới lúc đó ông ta và
Raja mới nhận chân ra được rằng
chúng tôi quả thực đã đến
nước đỏ võ. Không bàn cãi
thêm gì nữa, tôi nói với Chin
Chye rằng nếu ông không đồng ý
chuyện chia tách, tôi sẽ không tiếp
tục chuyện này nữa, bởi nó sẽ

gây chia rẽ trong hàng ngũ lãnh đạo

của PAP và gây hoang mang cho những người

ủng hộ chúng tôi ở cả Singapore

lẫn Malaysia. Tôi sẽ trung thành theo quyết định của đa số là không ký

và không nhượng bộ. Nhưng Chin

Chye và Raja phải gánh lấy trách

nhiệm; nếu có máu đổ, điều

đó không phải lỗi của phần

tôi. Ngay sau đó Chin Chye ký tên đồng

ý, kế đó là Raja.

Không có gì kỳ lạ khi các bạn đồng liêu

trong nội các của tôi phân ra làm

hai cánh tùy theo nơi họ đã chôn

nhau cất rốn và lớn lên. Những

người sinh trưởng tại Singapore thì

chấp nhận chuyện chia tách, nhưng những

người sinh trưởng ở Malaya thì hết

sức bối rồi. Chin Chye đã sinh ra và

lớn lên ở Taiping, tỉnh Perak, và ông

có những quan hệ gắn bó với gia

đình mình tại đây. Raja sinh ra ở

Ceylon (tức Sri Lanka) nhưng lớn lên ở

Seremban, tỉnh Negeri Sembilan, nơi ông có

nhiều bà con và bạn bè. Thông

qua ông, hết thầy họ đều có

quan hệ chính trị với PAP trong suốt

thời gian tổng tuyển cử vào tháng

4 năm trước; anh trai ông là ứng

cử viên của PAP nhưng đã thất

cử. Qua việc chấp thuận chia tách, cho

dù là miễn cưỡng, Raja lẫn Chin

Chye đã bỏ rơi những người

gần gũi với mình. Tệ hơn nữa,

họ đều cảm thấy, như tôi đã

cảm thấy, rất rõ rằng họ đã

phản bội những nhà lãnh đạo

khác trong Hội nghị Đoàn kết

Malaysia. Họ đã là động lực

đăng sau hội nghị này. Đối

với những người còn ở lại

Malaysia, chia tách là một tai họa bởi

nó đã làm thay đổi cán

cân chủng tộc. Với việc Singapore ra

đi, cán cân sẽ không còn là

40% người Malay, 40% người Hoa và 20%

các chủng tộc khác nữa. Người

Malay lại trở thành đa số, và

giờ đây chẳng còn mấy hy vọng

sẽ có một đảng đa sắc tộc

giành được chính quyền qua bầu

cử nữa rồi, cho dù là trong tương

lai rất xa.

Pang Boon cũng hết sức xúc động về chuyện chia tách

này. Ông đã sinh ra và học hành

tại Kuala Lumpur, có những gốc rễ sâu

xa ở Selangor. Và cũng như Chin Chye cùng

Raja, ông đã góp công rất nhiều

cho Hội nghị Đoàn kết Malaysia mà

mới đây ông còn bận rộn lo

tổ chức một cuộc mít-tinh cho nó

tại Kuala Lumpur. Khi tôi báo cho ông về

chuyện chia tách, ông hết sức kinh
hoảng. Chin Chye đã giúp thuyết phục
ông chấp nhận điều không thể
tránh khỏi này, nhưng ông vẫn ký
trong tâm trạng hết sức miễn cưỡng.

Lee Khoon Choy đã sinh ra và lớn lên ở
Penang, vào ngày 8/8, ông cũng đang bận
bịu tổ chức một cuộc mít-tinh
của Hội nghị Đoàn kết Malaysia
trong hai tuần sau đó. Lúc ông đến
Kuala Lumpur vào sáng ngày 9/8, ông bị
chấn động khi được Chin Chye báo
rằng hội nghị như vậy là đã
cáo chung.

Vấn đề kể

tiếp của tôi là trở về Singapore

mà không chạm mặt bất kỳ một
nhà ngoại giao Anh, Úc và New Zealand nào
cả, và thuyết phục được các
Bộ trưởng khác ký vào văn
kiện. Đây là một vấn đề
rất dễ gây bất hòa, và tôi
không muốn có sự chia rẽ trong nội
các. Tôi đã giải thích vấn
đề với Tunku, và ông đã sắp
xếp một máy bay cánh quạt của
RMAF chở tôi đi vào ngày hôm
sau. Thông qua nhân viên trực tổng đài
điện thoại Istana, tôi đã sắp
xếp để tất cả các Bộ trưởng
không có mặt ở Kuala Lumpur đến

gặp tôi ở Sri Temasek. Các Bộ trưởng
sinh ở Singapore chẳng vui mà cũng chẳng
buồn. Họ coi chuyện đó đương
nhiên phải là như vậy thôi, và
họ ký. Kim San thì nhẹ nhõm vì
chuyện đó đã xảy ra. Eddie, người
đã thảo và ký các văn
kiện vào tối 6/8 thì sinh tại
Singapore. Sinh quán của Nyuk Lin là ở
Seremban, nhưng đã định cư ở
Singapore sau khi lập gia đình trước
chiến tranh. Gia đình của ông không
còn ở Malaya nữa nên ông cảm
thấy cũng yên tâm.

Tới lúc đó, vào khoảng xế chiều, tôi đã
có thể gửi lại cho Tunku một trong số

hai bộ văn kiện chia tách với đây

đủ chữ ký thông qua chiếc máy

bay RMAF của ông Stanley Stewart đang ở tại nhà in của chính phủ cùng với

số nhân viên ở đó. Ông trao

cho họ bộ văn kiện thứ hai và cấm

túc họ hoàn toàn trong tòa nhà

của Văn phòng in ấn Chính phủ

cho đến khi các văn kiện sẵn sàng

được tung ra dưới dạng số công

báo đặc biệt và được

công bố vào lúc 10 giờ ngày thứ hai, 9/8.

Trong lúc đó, tôi sắp xếp cho Choo cùng bọn trẻ đi xe từ Cao nguyên Cameron đến Kuala

Lumpur vào chiều thứ Bảy, rồi lên

đường về Singapore vào sáng sớm

Chủ nhật, để xế chiều hôm đó
là tới nơi. Chúng tôi quyết định
nghỉ đêm ở Sri Temasek, ở đó
chúng tôi được an toàn hơn
nếu như có những tay Malay UMNO nào
gây bạo loạn khi tin tức được
công bố vào sáng hôm sau.

Tối hôm đó tôi đã phải hết sức vất vả,
họp với Le Cain, thanh tra cảnh sát, để
bàn việc tiến hành những biện
pháp đề phòng cần thiết, rồi
họp với George Bogaars, để bảo đảm
là Sở đặc vụ đã sẵn
sàng đối phó với mọi rắc
rối tại bất kỳ khu vực nào. Tôi
cũng gặp Stanley Stewart để sắp xếp

việc tập hợp tất cả các bí
thư thường trực lại để nghe
báo cáo tóm tắt vào ngày hôm
sau.

Razak muốn các nghị viên PAP phải có mặt tại
quốc hội vào ngày 9/8 để bỏ
phiếu biểu quyết các dự luật.

Keng Swee và Eddie nói với Razak rằng không có nghị viên PAP
nào đến dự

đâu. Quá đau lòng cho chúng tôi

khi phải gặp mặt với các lãnh

tụ của Hội nghị Đoàn kết

Malaysia mà chúng tôi đang bỏ rơi

họ. Chúng tôi đã báo cho 12 nghị viên PAP không phải là Bộ

trưởng, nên chưa được biết

cái gì cả, rằng họ đừng đi

dự họp. Thế rồi tôi đã dàn
xếp với Boogars để mã hóa ba bức
thư có cùng nội dung gửi đến
ba Thủ tướng thuộc khối Thịnh
vượng Chung, để báo cho họ biết
về chuyện chia tách và lý do tại
sao không còn giải pháp nào khác
hơn. Bức gửi Úc viết như sau:

*"Vào lúc ngài đọc được nội dung bức
thư này thì đó cũng là lúc
Tunku tuyên bố và tôi cũng đồng
ý và đồng thời cùng tuyên
bố Singapore trở thành một quốc gia
độc lập, có chủ quyền. Nhưng
vì sự ủng hộ kiên quyết của
ngài dành cho các thực thi dân chủ*

tại Malaysia, nên tôi và chính phủ
của tôi có thể sẽ bị các
phương cách gần giống như kiểu
của phát xít làm cho tiêu diệt,
mặc dù chúng tôi có thể là
những người phi cộng sản. Bởi sự
ủng hộ tinh thần mà ngài dành
cho chúng tôi, nên chúng tôi đã
chọn lựa hoặc là rời khỏi
Malaysia nhưng vẫn dưới sự che chở
của Hiệp ước Phòng thủ
Anh–Malaysia hoặc là đối diện với
hậu quả, nói theo cách nói của
Tunku, là rắc rối chủng tộc và
đổ máu, chưa kể hậu quả tất
nhiên không nói cũng biết là

hoặc các phương thức phát xít
sẽ tạm thời giúp kiểm soát được
tình hình, hoặc là các rối
loạn sẽ đưa tới thắng lợi cho
phe cộng sản. Ngài có thể tin tưởng
vào tôi và các đồng sự để
yên tâm rằng Singapore sẽ vẫn là
một quốc gia phi cộng sản chừng nào
chúng tôi còn nắm quyền, bất kể
chúng tôi phải hy sinh đến đâu.
Chúng tôi sẽ luôn luôn muốn cộng
tác với nước Úc trong danh dự và
hữu nghị. Trớ trêu thay, chính vì
sự quan tâm của ngài đối với
tôi và các đồng nghiệp tôi,
và những gì mà chúng tôi đại

*điện, một kết quả không may như
thế đã xảy ra. Thế nhưng nếu
không có sự quan tâm của ngài
thì những kết quả tai hại hơn
nhiều sẽ xảy đến cho tất cả
chúng tôi.”*

Các mật mã dùng cho các điện văn trên đều
là dựa theo từ điển và lúc
nội dung bức thư được giải mã
thì lúc đó đã quá 10 giờ
sáng ở Singapore rồi.

Cuối cùng, tất cả những gì tôi phải làm là
đi ngủ. Điều này thật khó
khăn, bởi tôi đang trong tâm trạng
lo lắng; tôi có bỏ sót điều
quan trọng nào cần phải làm không?

Tôi đã không mong tới chuyện gặp

mặt những người ủng hộ chúng

tôi ở Malaysia, những người sẽ cảm

thấy là chúng tôi bỏ rơi họ;

chúng tôi đã đẩy lên sự hy

vọng cho bao người, và họ sẽ nghĩ

chúng tôi đã lợi dụng họ

để giúp cho Singapore thoát khỏi mớ

bòng bong. Và tôi thấy xấu hổ

khi đáp lại sự ủng hộ kiên

quyết mà Harold Wilson, Robert Menzies và Keith Holyoake cùng
các Bộ trưởng của

họ, nhất là Arthur Bottomley, đã dành

cho tôi bằng cuộc chia tách này. Trên

hết, tôi hy vọng sẽ không có

điều gì bất ngờ xảy ra trước

10 giờ sáng ngày mai.

"TALAK, TALAK, TALAK"

Tôi thức dậy từ rất sớm ngày 9/8/1966 sau một đêm
chập chờn. Tôi đã thức dậy
nhiều lần để nguệch ngoạc ghi chú
về cả nghìn lẻ một điều
phải làm. Mọi chuyện đều đã
đầu vào đấy cho việc tuyên
bố độc lập vào lúc 10 giờ
trên đài truyền thanh. Tôi quyết định không đích thân đọc bản
tuyên bố. Tôi có quá nhiều việc phải làm
liên tiếp. Trước nhất tôi phải
thông báo tường tận với các
viên chức ở các bộ và các
phòng ban mà từ trước tới nay

vẫn trực thuộc Kuala Lumpur, từ nay sẽ
được chuyển sang thẩm quyền của
Singapore. Thế rồi ngay trước khi tới
thời điểm đã định, tôi
phải gặp các nhà ngoại giao, có
thể triệu tập được tức thời,
để thông báo cho họ biết về
nền độc lập của Singapore và yêu cầu họ xin chính phủ
của họ thừa nhận Singapore.
Điều đó quả là một mối
về mặt tình cảm.

Vào lúc 10

giờ, tờ công báo có đăng
hai bản công bố có chữ ký của
tôi và của Tunku được phát
hành cùng lúc với các văn kiện

khác liên quan tới chuyện chia tách.

Lập tức, tất cả các chương
trình phát thanh tại Singapore đều
ngưng lại để phát lời tuyên

bố. Tiếng nói lan truyền như lửa
dậy về chuyện Singapore tách khỏi

Malaysia và giờ đây trở thành
nước độc lập gây sửng sốt
cho hàng triệu con người. Ngay lúc bản
tuyên bố được truyền đi tại

Singapore, Tunku đang tuyên bố sự tách
ly trong quốc hội liên bang tại Kuala Lumpur.

Hạ viện đã được triệu
tập để làm ba vòng thảo luận
về nghị quyết do Razak đệ trình

nhằm thông qua tức thời Dự luật

Tu chính Hiến pháp về Singapore. Tôi sợ sẽ có những trể nải bất ngờ, nhưng Tunku và các đồng sự của ông đã quyết không để bất kỳ điều gì ngăn cản được họ. Vào chiều tối hôm đó, cả hai viện của quốc hội đã hoàn tất các vòng thảo luận và nhà vua cũng chấp thuận. Singapore ra đi.

Tunku đã nói thẳng thừng và đi ngay vào vấn đề. Trước mắt ông chỉ có hai đường hướng để lựa chọn: dùng những biện pháp áp chế hoặc cắt đứt mọi quan hệ với chính phủ bang Singapore, vốn “không còn bày tỏ lòng trung thành với

chính quyền trung ương nữa”. Biện
pháp áp chế với một số ít
người, ông nói, sẽ chẳng giải
quyết được vấn đề, bởi
mầm mống khinh miệt, sợ hãi và
căm ghét đã được gieo trên
đất Singapore rồi. Razak đã tìm
cách, nhưng không thành công, để
thỏa thuận với các nhà lãnh
đạo ở đây, nhưng ngay khi vấn
đề này vừa được giải
quyết xong thì chuyện khác lại nổi
lên.

Đến lúc bỏ

phiếu, có 126 phiếu tán thành và
không có phiếu chống. Ja'afar Albar

làm nổi bằng cách không dự và
tại một cuộc họp báo ở trụ
sở Quốc hội, ông ta tuyên bố từ
chức tổng thư ký UMNO “để
giúp cho Tunku khỏi bị bối rối”.
Ông ta phản đối quyết liệt chuyện
chia tách, ông nói: “Bởi nó sẽ
giúp Singapore thoát khỏi sự quản lý
của chính phủ trung ương và khiến
cho Malaysia trở nên bất hợp lý.”

Phát biểu với báo chí sau bài diễn văn ở quốc
hội, Tunku đã có một sự cam kết
rằng “việc chia tách này sẽ dựa
trên sự hiểu biết rằng chúng tôi
sẽ cộng tác chặt chẽ trong các
vấn đề quốc phòng và mậu

dịch,” và khi gặp gỡ các ký

giả vào chiều hôm đó tại

Đài Truyền thanh và Truyền hình

Singapore (RTS), tôi đã trả lời lại

bằng cách nói rằng: “Chúng ta

sẽ cần nhau và chúng ta sẽ hợp

tác với nhau. Ước muốn chân thành

nhất của tôi là như vậy.”

Trước đó tôi đã tổ

chức một cuộc họp báo truyền

hình tại RTS vào lúc trưa, tại

đó lòng tôi nặng trĩu những

cảm xúc, và tôi đã phải

cho ngưng việc thu hình lại hết 20 phút

cho đến khi trấn tĩnh và có thể

tiếp tục.

Tôi đã bỏ

roi nhiều người ở Malay a, Sabah và

Sarawak. Họ đã đáp lại lời

kêu gọi của chúng tôi về một

đất nước Malaysia cho người

Malaysia. Nếu họ không làm như vậy ,

và không có nguy cơ của những vụ

xung đột chủng tộc lan tràn nếu

chính phủ Malaysia bắt giam chúng tôi

thì Singapore đâu có bị gạt ra

ngoài. Bởi họ đã đoàn kết

quanh chúng tôi và cũng nhiệt tình

như chúng tôi về một đất

nước Malaysia cho người Malaysia, nên

chúng tôi đã bị trục xuất.

Bằng cách chấp thuận chuyện chia tách,

tôi đã phụ lòng họ. Chính

cảm giác tội lỗi đó đã

khiến tôi không kiềm chế được

lòng mình. Đó chính là lúc

khổ tâm của tôi. Mọi chuyện đã

đĩ lờ rồi, nhưng tôi lại quá

kích động với ý nghĩ đã

làm tan vỡ hy vọng của hàng triệu

con người, những hy vọng do chúng tôi

gây dựng mà nên. Nhưng trong lúc

tôi cảm thấy cắn rứt và quẫn

trí, thì lại có một cuộc chào

mừng tại China town. Các thương nhân

đã đốt cả tràng pháo đề

chào mừng sự tự do thoát khỏi
cảnh đè nén chủng tộc, nhưng
trong thành phố, các viên chức đều
hiểu rằng có thể có rắc rối
chủng tộc xảy ra, và vào khoảng
bốn giờ chiều thành phố bỗng im
ắng khác thường – ai nấy đều
sớm về nhà.

Đối với tôi, đó là một ngày đầy
áp công việc, nào là gặp gỡ
những người tôi phải gặp, làm
những việc tôi phải làm. Vị
khách cuối cùng của tôi là
Antony Head, đêm đó ông đã
bay từ Kuala Lumpur đến Sri Temasek để
gặp tôi. Tôi vẫn giữ vẻ thản

nhiên, hỏi ông ta xem đã có chỉ

thị nào của chính phủ Anh cho phép

thừa nhận Singapore hay chưa. Dĩ nhiên là

ông chưa thể có được –

nào đã kịp chuyện gì đâu.

Trong thâm tâm, tôi rất lấy làm

tiếc là đã đền đáp

cho những nỗ lực kiên trì của

ông nhằm giữ cho Malaysia đi đúng

đường bằng hành động giấu

kín ông chuyện chia tách này. Nhưng

tôi không có chọn lựa nào khác.

Khi tin tức bay đến London, Harold Wilson đang đi nghỉ tại đảo Scilly và Arthur

Bottomley, Bộ trưởng Quan hệ Khối Thịnh

vượng Chung, lại đang ở Tây Phi. Bộ

trưởng Ngoại giao, Michael Stewart, đã

bay đến Scilly để thảo luận với

Wilson, và vào ngày 10/8, tôi nhận được điện văn

sau của Wilson thông qua phó cao ủy thường

trực Anh tại Singapore:

“Tôi muốn báo cho ông biết rằng chúng tôi

đã quyết định công nhận tức

thời Singapore là một quốc gia độc

lập, và chúng tôi đã thông

báo điều này trên các báo

buổi sáng ngày mai. Tôi đã đọc

thư ông và tôi rất quý những

lời lẽ chân thành của ông. Tôi

rất vui là ông đã muốn cộng

tác với chúng tôi trong tình hữu

ngợi. Tôi phải nói rằng tôi đã

thất vọng là chúng tôi đã
không được hỏi ý kiến trước
khi một bước đi quan trọng như vậy
được tiến hành, bởi, dĩ
nhiên, nó mang những hệ quả lớn
đối với chúng tôi. Chúng tôi
giờ đây đang suy xét thật nhanh
chóng về những hệ quả này.
Nhưng ông có thể tin chắc là
chúng tôi mong ước điều tốt
cho ông. Tôi lo rằng Sukarno có thể cố
gắng lợi dụng bước phát triển
mới này cho các mục tiêu của
ông ta. Tôi chắc ông sẽ đồng
ý rằng tất cả chúng ta phải
thận trọng tránh bất kỳ cái gì

có thể cho phép ông ta thu lợi."

Quyết định của Wilson thật là lạ lùng, và
một khi chính phủ Anh đã công
nhận nền độc lập của chúng
tôi, tôi tin rằng chúng tôi sẽ
giành được sự công nhận của
quốc tế không khó khăn gì. Nhưng
tình cảm của các nước thì
lại chia rẽ theo chiến tuyến trong cuộc
Chiến tranh Lạnh. Trong khi có sự hân
hoan, mừng rỡ ở Jakarta, Moscow và Bắc
Kinh thì cũng có cảm giác hết
sức thất vọng và âu lo ở Anh,
Úc, New Zealand, Mỹ và phương Tây
nói chung.

Phản ứng của Indonesia thì mập mờ. Vào ngày 9/8,

Tiến sĩ Subandrio, Bộ trưởng Ngoại

giao, đã tỏ vẻ phấn khởi: sự

chia tách chứng tỏ rằng Malaysia là

một sản phẩm thuộc địa kiểu

mới của người Anh, và Indonesia giờ

đây đang chuẩn bị mở rộng cửa

ngoại giao đón Singapore. Nhưng ngày

hôm sau, sau một cuộc họp 90 phút với

tổng thống Sukarno, ông đã phát

biểu rằng chính phủ của ông thấy

khó mà chấp nhận được sự

độc lập của Singapore, bởi sự có

mặt của các căn cứ quân sự

Anh tại đây. Ông không hoàn toàn

loại trừ khả năng sau này sẽ công

nhận, và các nguồn tin có thẩm quyền cũng cho thấy rằng Indonesia sẽ không có gì phải phản đối các căn cứ đó cả miễn là chúng chỉ được dùng cho mục đích phòng thủ của chính hòn đảo này. Trong trường hợp đó, Jakarta có thể không đặt hòn đảo này nằm trong cuộc chiến Đối đầu của mình cho đến khi tình hình trở nên rõ ràng hẳn. Indonesia sẵn sàng chào đón Singapore như một người bạn nếu Singapore chứng tỏ mình không để cho các thế lực nước ngoài dùng mình làm bàn

đạp xâm lược.

Tôi đã trả

lời rằng Singapore cần đến các

căn cứ quân sự của Anh, rằng nếu

các căn cứ đó bị đóng

cửa, sẽ có 44.000 công nhân bị

thất nghiệp và hòn đảo sẽ

không biết lấy gì để phòng

vệ. Thế rồi vào ngày Độc

lập của Indonesia, ngày 17/8, Sukarno đã

có một bài phát biểu hùng hồn

và đầy tính công kích, trong đó

ông ta bảo rằng Mỹ và Anh hãy

cút khỏi Đông Nam Á, và cảnh

cáo với họ rằng trục Jakarta, Phnom

Penh, Hà Nội, Bắc Kinh và Bình

Những sẽ đánh bại chủ nghĩa

đế quốc trong khu vực. Kế đó,

ông ta ra lệnh phong tỏa toàn bộ vốn

đầu tư của Mỹ tại Indonesia. Ông

ta quả đang sống một cách nguy hiểm

– như lời ông ta nói, “*Viva perillissimo*”.

Nền kinh tế của Indonesia vào thời đó

đang trong bế tắc, với mức siêu

lạm phát khiến cuộc sống của dân

chúng trở nên hết sức vất vả.

Các phản ứng của phe đối lập tại Singapore cho thấy

họ còn non yếu về chính trị.

Liên minh Singapore (The Singapore Alliance) nói rằng họ thật
sửng sốt trước chuyện

PAP đồng ý chia tách mà không

hề có sự ủy thác nào của

dân chúng, bởi điều đó
không hợp với ước muốn của
công chúng thể hiện trong cuộc trưng
cầu dân ý năm 1962. UMNO của Singapore
thì kêu gọi tổng tuyển cử và
nói rằng họ sẽ đấu tranh để
tái nhập trở lại thành tiểu
bang của Malaysia. Nhưng phản ứng lớn
bịch nhất là của Barisan Sosialis, họ
từ chối chấp nhận nền độc
lập “giả danh” của hòn đảo
này, dựa trên lý lẽ đây là
một âm mưu của người Anh để
duy trì sự thống trị tại đây.

Sau ngày chia tách, Chin Chye và tôi tiếp ba lãnh tụ của
Hội nghị Đoàn kết Malaysia trong phòng

họp của nội các. Đó là
một trong những cuộc họp đau lòng
nhất trong đời tôi. Tôi đã
giải thích tất cả mọi điều
đã diễn ra, nhưng cho dù là lý
lẽ nào đi chăng nữa thì chúng
tôi cũng đã bỏ rơi họ, và
đã bỏ rơi họ một cách thảm
thương. Tôi đã tóm tắt tương
lai một cách công khai qua việc phát
biểu trước báo chí rằng vì
sự cần thiết phải "đứng đắn
trong mối quan hệ của chúng tôi với
láng giềng và chính phủ láng
giềng với nhau thì không can thiệp vào

công việc chính trị của nhau",

nên PAP không thể còn là thành

viên của Hội nghị nữa. Tôi thật

xúc động khi nói tiếp:

“Nhưng đối với một số rất ít người,

những gì mà chúng ta đã ủng

hộ đều có thể đóng góp

rất nhiều điều tốt đẹp cho Malaysia và dựng xây

nó trở thành một đất nước

ổn định, đa chủng tộc đầy

sức sống tồn tại nhiều thế kỷ

sau... Mỗi quan hệ họ hàng và

tình cảm với người khác không

thể bị loại bỏ vì một quyết

định chính trị.”

Chin Chye thì cay đắng và hối hận lắm.

Phát biểu có suy nghĩ và chân tình nhất về

chuyện chia tách là của Ismail. Ông
đã phát biểu điều đó
tại Liên Hiệp Quốc khi Malaysia, Jordan và
Ivory Coast (Bờ Biển Ngà) đồng bảo
trợ cho đơn xin gia nhập của Singapore
vào ngày 20/9:

*"Mặc dù là chia tách, nhưng các nhà lãnh
đạo của Malaysia và Singapore đều
ý thức rất rõ ràng, có thể
là họ bị chia tách về mặt hiến
ché thành hai quốc gia khác nhau, nhưng
sự tương đồng vì lợi ích
và sinh hoạt hòa quyện nhau của dân
chúng hai nước trong mọi mặt của
đời sống, đã bị gắn vào
nhau một cách không thể tránh né*

vì yếu tố địa lý, cộng
thêm với cả một quá trình dài
cùng chịu chung một nền cai trị do
tình cờ của lịch sử, tất cả
sẽ, như trong các thập niên trước
đây, tạo nên sự thúc đẩy
và khuyến khích cho việc sống chung
với nhau như những người láng
giềng tốt bụng. Trong vô vàn những
nhiệm vụ chung, chúng tôi chia sẻ
những quan điểm giống nhau và tôn
trọng những lý tưởng như nhau. Mỗi
ràng buộc về mặt hiến pháp thì
không còn, nhưng mỗi dây ràng
buộc về mặt con người thì vẫn
còn.”

Chính Ismail là người hiểu và đồng cảm nhất

với những gì tôi muốn làm.

Nhưng ông chỉ là nhân vật hàng

thứ ba, và cho dù ông có là

nhân vật số một đi chăng nữa,

tôi cũng không dám chắc ông ta sẽ

đủ mạnh để kiểm soát được

những phần tử cực đoan và thực

thi được chính sách của mình

hay không: giảm dần các đặc quyền

dành cho người Malay một khi họ thắng

tiến dần, cho đến khi đạt được

một xã hội phi chủng tộc, trong đó

mọi dân tộc đều bình đẳng

nhau.

Có một người gần như hiểu được những gì

đang diễn ra và tại sao lại xảy

ra như vậy là Antony Head. Vào ngày

11/8, một ngày sau khi London công bố thừa

nhận, ông đã phát biểu tại

Kuala Lumpur rằng hiệp ước phòng thủ

dựa vào đó người Anh duy trì

các căn cứ quân sự tại Malaysia

và Singapore phải được viết lại;

tuy nhiên điều này chỉ có tính

chất hình thức thôi, bởi lẽ

đường lối cũng vẫn không có

gì thay đổi. Tôi rất nể trọng

Head, cả về tính cách, lẫn sự

thông minh và sự nhìn xa trông rộng

của ông về con đường của các

dân tộc và đất nước, ông

sắp trở về Anh, mặc dù ông mới

ở Kuala Lumpur chưa đầy hai năm. Tôi

viết thư cho ông ngày 14/9:

*“Tôi viết ra đây để xin nói với ông
rằng mặc dù chúng ta không phải
lúc nào cũng đồng tình với
nhau trong các giải pháp cho những vấn
đề của chúng ta tại Malaysia, tôi
chưa bao giờ nghĩ, như ông từng nói
trong một bữa trưa, rằng ông là
một kẻ khò. Trái lại là khác,
tôi hiểu rõ ông là một người
quan sát hết sức miễn cảm và sắc sảo, và hơn
thế nữa, một đại diện quá
quyết của chính phủ hoàng gia.*

*Tôi lấy làm tiếc là ông sẽ rời khỏi đây
vào tháng Giêng. Người kế nhiệm*

ông sẽ phải rất cần đến
những phẩm tính quả quyết, vốn
đôi khi đã làm cho Tunku không
mến ông.

Tôi xin cảm ơn ông là đã giúp can ngăn không
để cho Tunku phá nát chính phủ
của tôi và bản thân tôi. Tôi
tình cờ có được nguồn thông
tin khác và biết rằng ông đang
làm hết sức mình vì chính
quyền của ông để khiến Tunku không
thực hiện những gì tất nhiên sẽ
phải đến. Đó cũng chính là
những gì mà những kẻ cực đoan
đang muốn Tunku thực hiện.”

Lý do thực sự

khiến Tunku, Razak và Ismail muốn tách

Singapore khỏi Malaysia là gì? Họ hẳn

đã kết luận rằng nếu họ cho

phép chúng tôi thực thi các quyền

hiến định của mình, về lâu

về dài họ tất sẽ thua cuộc. Hội

nghị Đoàn kết Malaysia sẽ tập hợp

được những người không-Malay,

và điều nguy nhất chính là việc

nó sẽ dần dần làm mất chỗ

dựa của họ trên bán đảo

này. Quan điểm và chính sách

của PAP đã giành được sự

trung thành trước sau như một của

các lãnh tụ người Malay trên đất

Singapore, họ chưa bao giờ bị chao đảo
cho dù dưới áp lực của các
vụ bạo loạn chủng tộc năm 1964,
hay hưởng ứng trước những lời
kêu gọi về chủng tộc, tôn giáo
hoặc văn hóa, hay đồng tình với
những lời tâng bốc nhằm lôi kéo
họ về với UMNO.

Đây chính là mẫu chốt của vấn đề. Các
nhà lãnh đạo của PAP không giống
như các chính khách ở Malay a. Các
Bộ trưởng Singapore đều chẳng phải
là những kẻ ham vui hoặc mưu cầu
lợi danh cho bản thân mình. UMNO đã
triển khai cả một nghệ thuật thu xếp

cho các Bộ trưởng người Hoa hay
người Ấn, khi những người này
có vẻ muốn gây rối, và trong
vòng có mấy năm, nghệ thuật đó
đã lan tràn sang tận Sabah và
Sarawak. Razak từng đề nghị cấp cho Keng
Swee 6.000 mẫu Anh đất trồng cây cao su
thuộc loại thượng đẳng điền,
trồng bằng giống cây tuyệt vời
của Viện Nghiên cứu Cao su. Với một
nụ cười bối rối, Keng Swee từ chối
và nói rằng mình không biết sẽ
phải làm gì với số đất đó.

Cũng không dễ
gì hủ hóa được chúng tôi.

Keng Swee và tôi đã từng cùng

đi với Tunku và Tan Siew Sin đến một

“chỗ ăn chơi” ở Kuala Lumpur do các

tay thương nhân giàu có người

Hoa điều hành. Những “động

tiên” ấy là loại câu lạc

bộ cho nam giới, với các thức ăn

ngon do các nhà hàng danh tiếng phục

vụ, rồi người ta có thể chơi

bài bạc (mạt chược hay xì phé),

và người ta có thể gọi gái

bao, cả những mầm non điện ảnh

cũng có nữa. Chúng tôi đã

ăn uống no say, và sau đó họ chơi

xì phé tôi cũng có tham gia. Nhưng

ngay khi đám gái bao vừa tới thì

tôi và Keng Swee từ chối những điều

ve vãn và lảng đi chỗ khác.

Chúng tôi không thể bán mình

cho tiền tài. Nếu chúng tôi ở

lại chơi hôm ấy, tất nhiên từ

đó chúng tôi sẽ phải bị áp

lực của các nhà lãnh đạo

Malaya. Họ đã xem chúng tôi như

thể những kẻ gần như nguy hiểm và

khó hiểu, khó khống chế như

những người cộng sản, và lại

quá nặng ý thức hệ. Tệ hơn

nữa, chúng tôi lại luôn làm

đúng theo hiến pháp, và vì vậy

thật là nan giải cho họ.

Nếu không có cuộc chiến đấu đầu của
Indonesia, Tunku và các đồng sự của
ông không phải dựa vào sự giúp
đỡ của các lực lượng quân
sự của Anh, Úc và New Zealand, và
kết quả có thể đã khác
đi. Bởi lực lượng quân sự của
các nước đó đã giúp
vào việc phòng thủ Malaysia, nên quốc
hội của họ sẽ phản ứng quyết
liệt nếu như Malaysia dùng đến các
phương sách vi hiến để chống
lại Singapore.

Trong quyển *The Labour Government 1964–1970* (Chính phủ
Lao Động 1964–1970) của
mình, Harold Wilson đã nhìn về chuyện

chia tách đúng như thế:

"Thế nhưng có một vấn đề nguy hiểm mới

và tiềm tàng đang lớn dần lên

ở Đông Nam Á. Khoảng trước

đây ba, bốn tháng, chúng tôi đã

nhận được lời cảnh báo rằng

Tunku Abdul Rahman, Thủ tướng của Malaysia,

đang mất dần kiên nhẫn với đồng

sự tại nghị viện của mình là

ông Lee Kuan Yew (Harry Lee), lãnh tụ của

Singapore, tới độ ông Lee có nguy cơ

bị bắt và cầm tù... Tunku đang

ngày càng trở nên căm giận với

sự đối lập quyết liệt của

Lee. Mấy tuần trước khi có hội

nghị Khối Thịnh vượng Chung chúng

tôi đã nhận được tin tức

về một cuộc khủng hoảng đang nhen
nhúm, bao gồm cả việc có thể có
một cuộc đảo chính chống lại
ông Lee và các đồng sự của
ông này. Tôi cảm thấy cần phải
đến mức cho Tunku hiểu rằng nếu
ông ta giở trò ra như vậy, ông ta
sẽ chẳng thể nào chường mặt
ra được trước hội nghị của
khối, bởi rất nhiều người, kể
cả tôi, sẽ cảm thấy rằng một
hành động như thế là phản
bội hoàn toàn những gì chúng
ta tin tưởng trong khối.

Chuyện đó đã không xảy ra, nhưng vào cuối
tuần từ 13 đến 15/8 (sic), tin tức cho
biết là Liên bang (Malaysia) đã gây

đỏ. Đã có những trận tranh
cãi dữ dội xảy ra giữa Tunku và
ông Lee. Điều này dẫn đến
việc Singapore hầu như bị trục xuất
hắn ra khỏi Liên bang và được
bảo là phải tự lo liệu lấy cho
mình. Lee đã mang tâm trạng tuyệt
vọng, đăm đăm nước mắt
trước ống kính thu hình và tỏ
ra rất tiếc về chuyện chia cắt này.
Tuy nhiên, ông ta đã quyết tâm
xây dựng một đất nước
Singapore mới, độc lập... Chúng
tôi đã có những quyết định
cần thiết và đã có những

dàn xếp như gửi những thông điệp

manh mẽ cho cả hai nhà lãnh đạo

để tránh xảy ra bất kỳ hành

động nào có thể làm bột

phát thái độ cừ địch, hay

nói đúng hơn là những bột

phát lật đổ từ bên trong. Chúng

tôi đồng ý các cuộc đàm

phán nhằm nghiên cứu lại hiệp

định phòng thủ Anh–Malaysia, trên

căn bản công bằng cho tất cả các

bên có liên quan.”

Wilson là một người bạn tốt.

Chẳng có chuyện gì xảy ra, bởi Head đã báo cáo

vào ngày 15/5/1965 cho Bộ trưởng của

mình là Arthur Bottomley rằng: *"Một số nhân vật trong UMNO thích hâm nóng*

mọi chuyện lên tới mức họ có

thể tìm ra một cái cớ để

có thể làm được chuyện mà

họ gọi là ‘xử trí’ và

tôi hiểu đó là cầm tù

Lee. Tôi đã nhấn mạnh rằng Lee

giờ đây đã có uy tín trên

trường quốc tế, và trừ phi có

bằng chứng không gì chối cãi

được cho phép ‘xử trí’

ông ta, còn không thì một việc

như vậy sẽ gây hại rất lớn

cho Malaysia. Mặc dù Tunku không nói gì

cả, nhưng tôi vẫn cảm thấy là

đang có một âm mưu trong đầu

của họ."

Vào ngày 17/5, một bức công hàm đã được

gửi tới Văn phòng Quan hệ Khối

thịnh vượng chung cho biết Thủ tướng

đã đọc, gạch dưới và

ghi nhận xét như sau: ”Nếu có

một âm mưu theo như X (đoạn trích

trên), tôi hy vọng Tunku hiểu ra rằng

điều này sẽ có nghĩa là

chúng tôi buộc lòng phải đánh

giá lại. H.W.”

Vào ngày 1/6, Head đã đánh điện rằng ông

đã hỏi Tunku xem liệu vẫn có thể

dàn xếp với Lee Kuan Yew và đạt

tới một cái gì đó như một

sự *hòa hoãn* không.

“*Tunku đã nói rằng không, ông đã quyết*

chẳng bao giờ thử dàn xếp với

Lee nữa đâu, một con người ông
chẳng hề tin chút nào, một con người
mà ông đã hoàn toàn biết
rõ quá rồi. Tôi có hỏi rồi
tất cả chuyện này sẽ ra sao, Tunku trả
lời rằng: 'Tôi biết nhiệm vụ của tôi và tôi
sẽ chẳng ngại ngần gì mà
không làm.'

Điều này nghe có vẻ như một điểm không
hay, do vậy tôi nghĩ đã đến
lúc phải can thiệp vào và nói
rằng trong số những thứ mà chính
phủ Anh hết sức ái ngại là
chuyện bàn tán trên báo chí
nói tới việc Lee Kuan Yew đang bị bắt
giam. Tunku có biết chuyện này không
vậy? Ông bảo rằng có nghe.

Tôi đã nói rằng nếu Lee Kuan Yew bị bắt giam
vì bất cứ lý do gì ngoài
những hoạt động mưu phản, nó
sẽ khiến cho chính phủ Anh bị sốc
và lúng túng, và tất nhiên là
sẽ có những ảnh hưởng lan rộng
trong dư luận quốc tế.

Khi tôi nói rằng tôi nghĩ một việc làm như
thế, nếu thiếu chính đáng, có
thể khiến chính phủ Anh phải đánh
giá lại quan điểm của Anh đối
với Malaysia một cách chẳng hay ho gì,
ông ta đã nói rằng ‘Thế
đấy, tôi sẽ phải làm hòa
với Indonesia mất thôi’...

Một giờ sau, tôi thấy Tunku, Lee Kuan Yew bước vào
nhà tôi. Tôi thấy ông ta đang

trong tâm trạng rất kích động.

Tôi nói với ông rằng tôi rất

lo trước tình trạng hiện nay. Đối

với tôi, có vẻ như trừ phi có

được một sáng kiến nào đó,

bằng không tình hình như hiện

nay chỉ có thể dẫn đến hai chiều

hướng. Một là sự bất đồng

và gay gắt chính trị ngày càng

tăng dẫn đến sự căng thẳng và

xung đột chủng tộc thêm trầm trọng

hơn; thứ hai là một tình hình

mà chính phủ liên bang cảm thấy

rằng không thể cứ để cho chuyện

căng thẳng chính trị này tiếp

diễn và do đó có thể dẫn

tới chuyện tổng giám Lee. Tôi cảm thấy
phải tìm ra cách nào đó để
chiều hướng hiện nay cùng những
hậu quả tất yếu của nó không
tiếp diễn nữa được. Lee nói
rằng giờ đây đã đến lúc phải đấu tranh cho một đất
nước Malaysia không do người Malay thống trị. Theo cách nhìn của
ông, đây chính là lý do tại
sao ông tạo nhóm đối lập mới
và nếu chính quyền liên bang quyết
định bắt giữ ông, ông cũng sẽ
hân hoan bởi nó càng củng cố
cho địa vị của ông hơn.

Lee nói rằng thời gian dành cho sự kiên nhẫn và
trì hoãn đã qua, và giờ đây
dẫu sao ông cũng đã đi quá
xa không thể chấp nhận một giải

pháp như thế được. Không may

là lời nói của Lee đầu gù cũng chứa đựng cả sự thật

lẫn sức thuyết phục...

Tôi mong là mình không quá bi thảm, theo quan điểm

của tôi, chúng ta giờ đây đang

đứng trước một khủng hoảng

ngghiêm trọng. Trừ phi có thể làm

được điều gì để xoa dịu

tình thế hiện nay, bằng không con đường chúng ta đang

đi sẽ, theo tôi nghĩ, sinh ra điều rắc rối rất lớn."

Vào ngày 3/6, Văn phòng Quan hệ Khối thịnh vượng

chung đã gửi cho Head bức điện như

sau:

“Nếu Lee bị

bắt giam, khó có thể cho rằng

Singapore sẽ để yên chuyện này.

Tunku có thể có những ý định

khác, nhưng dưới mắt chúng ta,
chuyện đó sẽ gây nguy hại rất
lớn, một điều vốn có thể
ảnh hưởng nặng nề đến các
lãnh thổ trên đảo Borneo... Nếu
tình huống xảy ra sau vụ bắt giam Lee
tệ hại đến độ đòi hỏi
phải có sự can thiệp của quân
đội Anh tại Singapore, chính phủ Anh
rất khó lòng kiếm được sự
thông cảm và ủng hộ của công
luận Anh."

Vào ngày 4/6, Head đã báo cáo về cuộc họp
giữa ông với Tunku như sau:

“Một điều cũng dễ thấy là Tunku đã bảo
với người của ông là tìm

xem có cách nào để bức Lee ra

khỏi hàng ngũ lãnh đạo PAP, cũng

như tìm được một lãnh đạo

xuất sắc để thay thế Lee được

hay không. Lee biết rõ điều này

và đã nói cho tôi biết. Tôi

có nói với Tunku rằng tôi không

mấy hy vọng về một thủ pháp như

vậy. Tunku nói với tôi rằng: “Xin

ông nói cho chính phủ ông biết

là chẳng có gì phải lo. Đây

là chuyện nội bộ mà tôi phải

giải quyết. Ông không nên can thiệp

vào công việc riêng của chúng

tôi. Người Mỹ đã làm như

vậy ở Việt Nam, và xin ông hãy

nhìn xem họ đã làm cho mọi

chuyện rồi tung lên ra sao thì biết.”

Vào ngày 5/6, Head nhận được một

bức điện:

"Thủ tướng đã đọc bức điện số 960

đề ngày 1/6... Ông có hai ý

kiến:

(1) Tôi có nên gửi thư cho Tunku không?

(2) Cao ủy (Anh) có nên đề nghị ngăm với Lee là

ông ta nên ra nước ngoài trong một, hai tuần lễ

gì đó không? Chúng tôi không muốn ông ta bị bắt giam trước khi

Hội nghị cấp Thủ tướng diễn

ra.

H.W."

Sau đó chẳng có tiến triển gì mới đáng

cho Head báo cáo. Tunku đã đi London

dự hội nghị và Razak thương lượng

kín với Keng Swee về chuyện “ra đi”

của Singapore.

Ngay sau khi có cuộc chia tách, vào ngày 21/9, George Thompson, Bộ

trưởng Khối thịnh vượng chung của

Anh, đã gửi bức điện sau đây cho ngài Caradon, đại

diện Anh tại Liên Hiệp Quốc:

"Ý kiến bình luận nói chung của chúng tôi

là tuy Lee đôi khi có tính cách

gây khiêu khích thật đấy...

nhưng rất có thể tình trạng đổ vỡ hiện nay và sự căng

thẳng trước kia vẫn có thể tránh được nếu như Tunku và người

Malay có những linh hoạt hợp lý nào

đó trong mối quan hệ với Lee và

Singapore.”

Thompson là một người Scotland, không hiểu được

suy nghĩ của người Malay . Lúc đầu

tôi cũng không hiểu như ông, mặc

dù tôi đã sống với họ gần

suốt cả cuộc đời. Tôi đã

không nhận ra lòng nghi kị thâm căn

cổ đế của họ đối với

các dân tộc nhập cư, nhất là

người Hoa, và cả nỗi sợ hãi

bị lấn lướt của họ nữa. Họ

phải nắm được trọn vẹn quyền

lực của quốc gia, nhất là cảnh

sát và quân đội. Bất kỳ sự

thỏa hiệp nào cũng đều phải

tuân theo các điều kiện của họ.

Tunku, trong một cuộc nói chuyện với một nhà nghiên cứu người Anh năm 1982, đã nói

rằng ông không thể nhớ lại bất kỳ lời cảnh báo nào của Wilson hết, nhưng thừa nhận rằng ông đã chịu áp lực rất lớn trong chuyện phê duyệt việc bắt giữ tôi. Tuy nhiên, ông nói thêm:

"Không có chuyện bắt giữ Lee Kuan Yew, bởi người Hoa, trong phần xứ sở của tôi, cũng sẽ đồng tình với ông ta vì ông ta là người Hoa. Tôi không muốn có rắc rối chỉ vì ông ta, chỉ bởi vì Singapore. Nếu bạn có một cái chân đau, tốt nhất là nên cắt bỏ nó đi. Đó là những gì tôi đã làm... Tôi biết Kuan Yew là người giỏi nhất

để nắm chính quyền Singapore...

Tham vọng của ông ta (tại Malaya) là
vô độ.”

Có những điều khác cần cân nhắc. Nếu chúng
tôi vẫn còn trong khối Malaysia, ủy
ban điều tra các vụ bạo động
chúng tộc năm 1964 sẽ tiếp tục
nghe điều trần về những bằng chứng
bất lợi cho Ja’afar Albar và UMNO, một
điều mà dần dần rồi công
chúng cũng sẽ biết. Rồi họ sẽ
phải thâm cung vụ tôi khởi kiện
Albar và ban biên tập tờ *Utusan Melayu* về
tội phi báng, họ sẽ phải trả lời
về tất cả những điều khiêu
khích họ đã viết về tôi.

Điều đó sẽ có nghĩa là

vạch trần các cách thức xúi

giục tinh thần chủng tộc và bạo

động đổ máu của các nhà

lãnh đạo chủ chốt của UMNO.

Giải pháp của Tunku cho những vấn nạn này là chia

tách. Singapore phải rời khỏi Malaysia và

ông ta sẽ kiểm soát Singapore thông

qua nguồn cung cấp nước từ Johor và

những đòn bẩy áp lực khác.

Vào ngày 9/8, ông đã nói với

Head rằng: “Nếu chính sách đối

ngoại của Singapore làm tổn hại các

lợi ích của Malaysia, chúng tôi luôn

có thể tạo áp lực với họ

bằng cách đe dọa khóa nguồn cung

cấp nước Johor lại.” Head đã
trao đổi ý kiến với Bottomley rằng
đây quả là “một đề
nghị thật đáng kinh ngạc trong việc
làm thế nào để hợp tác
đối ngoại.”

Cũng trong ngày 9/8, Tunku đã nói với Tom Critchley, cao ủy
Úc, rằng: “Chúng tôi giữ thế
thượng phong và Singapore sẽ phải hỏi
ý kiến của chúng tôi khi quan hệ
với nước ngoài.”

Tunku và Razak nghĩ
rằng họ có thể đóng quân
tại Singapore, ngồi xổm trên đầu
chúng tôi và nếu cần thì đóng
đường đê lại và cắt

nguồn cung cấp nước. Họ tin, không
phải là không có cơ sở, rằng
Singapore không thể tự thân tồn tại
nổi – có gì đáng tin cậy
hơn các bài phát biểu của chính
các nhà lãnh đạo PAP, kể cả
của chính tôi, và lý do chúng
tôi nêu ra trong chuyện này? Như
Ghazali bin Shafie, bí thư thường trực
của Bộ Ngoại giao, đã nói ngay
sau vụ chia tách, rằng sau một vài
năm bị chơ vơ một mình, Singapore
sẽ gặp những khó khăn nghiêm
trọng và sẽ bò trở về –
lần này thì phải nghe theo những điều

kiện của Malaysia.

Không, không thể
như thế nếu tôi có thể tránh
được. Nhân dân Singapore không hề
có ý bỏ trở lại sau những gì
họ đã nếm trải trong suốt hai năm
nằm trong khối Malaysia, o ép chủng tộc
và dọa dẫm. Chắc chắn Keng Swee và
tôi, hai người có trách nhiệm
trực tiếp về việc chấp nhận sự
chia tách này, không tính chuyện bỏ
cuộc. Dân chúng đã chia sẻ cảm
nghĩ của chúng tôi và sẵn sàng
làm bất cứ điều gì cần
thiết cho sự sống còn của một
Singapore độc lập. Tôi không biết

trước là mình sẽ phải dành

cả quãng đời còn lại để

làm cho Singapore không những tồn sinh mà

còn phát triển và thịnh vượng

lên nữa.

Biên niên các sự kiện

16/9/1923 Lee Kuan Yew (LKY) chào đời tại Singapore.

1936–39, 1940–42 Học tại Viện Raffles và Đại học Raffles.

15/2/1942 Nhật chiếm đóng Singapore.

Tháng 9/1945 Anh giành lại được Singapore.

1946–50 Học tại Cambridge và London.

Tháng 12/1947 Kết hôn với Kwa Geok Choo tại Anh (giữ bí mật)

Tháng 6/1948 Tình trạng khẩn cấp được ban bố tại Malaya và Singapore. Đảng Cộng sản Malaya hoạt động bí mật.

Tháng 8/1950 Trở về Singapore

Tháng 9/1950 Kết hôn lần nữa với Kwa Geok Choo tại Singapore.

1950–59 Hành nghề luật, làm cố vấn luật pháp cho nhiều nghiệp đoàn.

Tháng 11/1954 Thành lập Đảng Nhân dân Hành động (PAP).

Tháng 4/1955 Được bầu vào Hội đồng lập pháp theo hiến pháp mới Rendel. PAP chiếm được ba ghế. LKY trở thành lãnh tụ phe đối lập.

Các vụ bạo động của công nhân xe buýt Hock Lee, do các tổ chức cộng sản thuộc mặt trận thống nhất gây ra.

Tháng 5/1956 Thành viên trong Phái đoàn Hiến pháp Liên Đảng lần thứ nhất đến London, do Tổng ủy viên David Marshall dẫn đầu. Sau khi các cuộc đàm phán thất bại, Marshall từ chức, Lim Yew Hock lên thay.

Tháng 10/1956 Bắt giam các lãnh tụ cộng sản trong mặt trận thống nhất, kể cả Lim Chin Siong, Fong Swee Suan và Devan Nair.

Tháng 3/1957 Thành viên trong Phái đoàn Hiến pháp Liên Đảng lần thứ hai đến London, do Lim Yew Hock dẫn đầu. Thỏa ước tự trị.

31/8/1957 Liên bang Malaya độc lập.

Tháng 12/1957 PAP giành được 13 ghế trong cuộc tuyển cử

Hội đồng Thành phố.

Tháng 3/1958 Cuộc họp mật đầu tiên trong số bốn cuộc họp với lãnh tụ cộng sản hoạt động bí mật Fang Chuang Pi (ông Đặc mệnh).

Tháng 6/1958 Thành viên của Phái đoàn Hiến pháp Liên Đảng lần thứ ba đến London. Hiến pháp về sự tự trị của Singapore được giải quyết.

Tháng 8/1959 PAP chiếm 43 trong số 51 ghế trong cuộc tổng tuyển cử theo hiến pháp mới.

4/6/1959 Các lãnh tụ cộng sản trong mặt trận thống nhất, Lim Chin Siong, Fong Swee Suan và Devan Nair được trả tự do.

5/6/1959 Ở tuổi 35, tuyên thệ nhậm chức Thủ tướng của bang tự trị Singapore.

Tháng 2/1960 Thành lập Ủy ban Phát triển và gia cư, do Lim Kim San làm chủ tịch. Bắt đầu chương trình nhà ở cho đại chúng.

Tháng 7/1960 Thành lập Liên hiệp Nhân dân để vận động quần chúng ủng hộ công cuộc đổi lập với những người cộng sản.

Tháng 6/1961 Tunku kêu gọi phải có sự hợp tác mật thiết hơn nữa về chính trị và kinh tế giữa Malaya, Singapore và các lãnh thổ ở đảo Borneo.

Tháng 7/1961 PAP đứng vững sau cuộc bỏ phiếu tín nhiệm trong Hội đồng lập pháp.

Tháng 8/1961 13 nghị viên thân cộng tách ra thành lập đảng Barisan Sosialis.

Tháng 9/1961 LKY tiến hành hàng loạt cuộc nói chuyện trên đài truyền thanh mang tên "Đấu tranh cho hợp nhất", tố cáo âm mưu của phe chống đối và kêu gọi ủng hộ việc hợp nhất với Malaysia.

Tháng 9/1962 Singapore bỏ phiếu hợp nhất với Malaysia qua cuộc trưng cầu dân ý.

Tháng 2/1963 Chiến dịch Coldstore; bắt giam những người cộng sản và những người ủng hộ.

31/8/1963 Singapore tuyên bố độc lập, trước cả sự ra đời của nước Malaysia.

16/9/1963 Malaysia được thành lập, bao gồm Malaya, Singapore, Sarawak và Sabah. Indonesia tiến hành "Cuộc chiến Đổi đầu" chống phá Malaysia.

21/9/1963 PAP thắng trong cuộc tổng tuyển cử tại

Singapore. UMNO tại Singapore thua phiếu PAP tại cả ba khu vực bầu cử có đa số người Malay sinh sống.

Tháng 3/1964, 9 ứng cử viên nghị viện PAP ra tranh trong cuộc tổng tuyển cử Malaya, nhưng chỉ có một đắc cử. Bất đồng với chính phủ liên bang tăng dần.

12/7/1964 Hội nghị do UMNO bảo trợ gồm 123 đoàn thể Malay/Hồi giáo; tổng thư ký UMNO Ja'afar Albar kích động người Malay chống LKY.

21/7/1964 Các vụ bạo động chủng tộc xảy ra tại Singapore nhân ngày thánh đàn Đấng Tiên tri Mohammed, đỉnh cao của cuộc sách động kỳ thị chủng tộc do Ja'afar Albar tiến hành.

Tháng 9/1964 Bạo động chủng tộc lần thứ hai.

Tháng 1 & 2/1965 Đàm phán không thành công giữa LKY và Tunku trong chuyện "cải tổ" trong nội bộ Malaysia.

Tháng 5/1965 PAP tổ chức Hội nghị Đoàn kết Malaysia cổ động một "nước Malaysia cho người Malaysia". UMNO kêu gọi bắt giam LKY.

Tháng 7/1965 Tunku, đang ở London, đã quyết định Singapore phải rời khỏi Malaysia.

9/8/1965 Singapore tách ra khỏi Malaysia.

Ebook được làm dựa theo bản in của cuốn sách sau:

HỒI KÝ LÝ QUANG ĐIỆU

Chịu trách nhiệm xuất bản: TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập: HOÀNG MAI

Sửa bản in: HOÀNG TÂN

Thực hiện liên doanh: PHẠM THANH LONG

Bìa: ĐẶNG KIM QUANG

Vi tính: VĂN THÀNH

In 1000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm. In tại Xí nghiệp In FAHASA. Giấy phép xuất bản số 233-01/XB-QLXB ngày 30/3/1999. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2000.

1 Anthony Eden (1897–1977): Thủ tướng Anh từ 1965 đến 1957.
(Mọi chú thích đều của người dịch).

2 Đông Ấn thuộc Hà Lan (*Dutch East Indies*) vùng đảo thuộc địa của Hà Lan nằm trong quần đảo Malay, nay là lãnh thổ của Indonesia.

3 *Toà mồ côi (Orphan's Court): loại toà có ở một số nước, có thẩm quyền đối với việc quản lý di sản theo di chúc và giám hộ trẻ vị thành niên.*

4 *Khối Thịnh vượng chung Anh (British Commonwealth): tổ chức của các nước độc lập vốn thuộc Đế quốc Anh trước đây; vẫn xem Anh như lãnh đạo mang tính biểu tượng. Tổ chức có 50 thành viên vào năm 1991.*

5 *Các thuộc địa vùng eo biển (Straits Settlements): thuộc địa Anh ở Đông Nam Á trước đây, gồm Singapore, Malacca, Penang, Labuan, đảo Christmas và đảo Cocoa.*

6 Malta: một đảo nhỏ ở Địa Trung Hải. Lực lượng Anh phong tỏa đảo này (lúc đó thuộc Pháp) hơn 12 năm, từ 1788 đến 1800, dân trên đảo mới chịu đầu hàng.

7 Gurkha: một sắc dân ở vùng núi Nepal, thường nổi tiếng về binh nghiệp.

8 Midway: đảo nhỏ trong quần đảo Hawaii. Biển Coral: thuộc Thái Bình Dương, ở Tây Bắc Úc và phía Nam quần đảo Salomon.

9 YMCA (*Young Men's Christian Association*): *Hội thanh niên Thiên chúa giáo.*

10 *Hội Fabian (Fabian Society): một tổ chức theo chủ nghĩa xã hội ở Anh, thành lập năm 1884, chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng những cải cách từng bước hơn là dùng những hành động cách mạng.*

11 *Procrustean*: xu hướng cào bằng lấy từ tên gọi *Procrustes*, một gã khổng lồ trong thần thoại Hy Lạp, chuyên bắt người để cột vào một cái giường, sau đó kéo dãn ra hoặc chặt bớt đi cho vừa kích thước của giường.

[12](#) Thiên An Môn, xem chương 38 tập 2 của bộ Hồi ký này, “Bí quyết hóa rồng – Lịch sử Singapore 1965–2000”.

13 Dịch là Bộ trưởng Bộ Thuộc địa

thì không hẳn là chính xác.

Trong cơ cấu nội các Anh lúc đó thì xem nó là một cơ quan ngang bộ

là hợp lý nhất, vì nó mang

tính đặc thù và chỉ tồn

tại trong những khoảng thời gian nhất định. (Trong lịch sử nội các Anh, cơ quan này tồn tại trong hai giai đoạn: từ 1768–1782 và từ

1854–1966 khi bị tách dần ra thành những tổ chức độc lập phụ

trách những khu vực nhỏ hơn, chẳng hạn như như Khối Thịnh vượng chung, và không còn là một cơ

quan thuộc chính phủ nữa.) Chức vụ

của Alan Lennox-Boyd thời điểm này (1954–1959) là Secretary of State for the Colonies, có thể dịch là Chủ nhiệm Văn phòng giải quyết các vấn đề thuộc địa. Cấp bậc này cũng tương đương với Bộ trưởng. Cũng

giống như trong bộ máy chính phủ

Việt Nam, “Văn phòng chính phủ”

là một cơ quan ngang bộ, và thủ

trưởng một cơ quan ngang bộ như

“Chủ nhiệm Văn phòng chính phủ”

cũng là một bộ trưởng.

14 (Nói thêm cho rõ. Các bạn có thể

dễ dàng google ra những thông tin sau đây).

Theo voatiengviet.com, “**sic**” có nghĩa là “so, thus” gốc

Latinh (=y nguyên văn). Dùng sic trong ngoặc đơn () hay ngoặc vuông [] ngay sau chữ

hay nhóm chữ ta muốn nói nguyên văn như vậy, dù rằng nguyên văn sai chính tả hay văn phạm. Theo học giả

An Chi, “**sic**”

có nghĩa là “như thế”,

“thế đấy”. Từ điển

tiếng Việt 1992 đã giảng nó như

sau: “Từ dùng trong ngoặc đơn, đặt sau một từ ngữ hay một câu, để chỉ rằng nguyên văn (được trích dẫn – AC) là đúng như

thế, nhằm nhấn mạnh tính chất kỳ quặc của từ ngữ hay câu dẫn ra ấy, hoặc nhằm biểu thị ý mỉa mai của bản thân người viết (Xin nói rõ lại: của bản thân người trích dẫn – AC)”. Ví dụ: “Trâu (sic) chết để da, người ta chết để

tiếng”. Chữ “sic” thông báo rằng từ “trâu” là thuộc

về nguyên văn của tác giả và rằng đó là một từ không
bình thường. Người ta chỉ nói: “Hùm chết để da, người ta
chết để tiếng”.

hùng Xô Viết Zoya Anatolyevna Kosmodemyanskaya và người em trai cũng là Anh hùng Liên Xô Shura Alexander Kosmodemyansky do mẹ ruột của họ ghi lại. Sinh năm 1923, chị là Người nữ anh hùng đầu tiên

của nước Nga – Xô Viết. “Zoya Kosmodemyanskaya là một nữ chiến sỹ

Xô Viết, chị đã đấu tranh

và hy sinh cho nền độc lập của nước Nga, của loài người trên nhiều châu lục khác. Cho đến nay chị vẫn là một tấm gương mà

biết bao thế hệ sau này trên nhiều quốc gia trên thế giới đang noi theo.

Khí phách anh hùng, lòng quả cảm của chị đã và đang là đề tài của nhiều người yêu chuộng hòa bình trên thế giới ca ngợi”.

Shura vốn là người bạn thân

thiết nhất của Zoya. Cha của hai chị

em đã mất đi khi ông mới 33 tuổi, lúc đó Zoya vừa mới xấp xỉ

10 tuổi và Shura cũng mới lên 8. Với số tiền ít ỏi của người mẹ

kiếm được bằng đồng lương

giáo viên, để nuôi hai chị em khôn lớn thì quả là quá eo

hẹp... Đến năm 1942, khi Zoya vừa mới qua đời, Shura quyết định
đặt mua tặng Zoya một bộ áo mới để

chị cảm thấy được ấm áp

hơn. Để thực hiện được

nguyện vọng này, Shura đã phải nhờ đến một công xưởng để

trợ giúp về kỹ thuật, và anh cũng đã phải làm việc cật

lực rất nhiều đêm dài không

ngủ để hoàn thành ý nguyện.

Ngay sau khi Zoya mất đi, nhiều khi anh đã một mình đứng lặng
trước mộ

chị trong suốt cả một năm trời.

Tính cách của hai chị em rất khác nhau. Shura thì không hay đọc
nhiều sách báo, anh thường dùng hầu hết thời gian của mình để
tham gia những hoạt động bên ngoài.

Nhưng có một tính cách mà

đường như hai chị em cùng giống nhau như đúc. Khi đứng trước ngôi mộ chị, anh chỉ cắn chặt môi mà không hề nức nở. Khi được tin chị qua đời, Shura lập tức gia nhập quân đội Hồng quân.

Nhưng anh cũng bị từ chối ngay vì còn quá trẻ. Vào năm 1944, ngay sau khi Shura vừa tốt nghiệp cao đẳng quân sự, anh được cử ra mặt trận

và là chỉ huy của một khẩu đội pháo tự hành. Trong quân ngũ, anh nguyên là thượng úy chỉ huy

khẩu đội pháo. Và rồi đến

tháng 4/1945, anh đã anh dũng hy sinh ngay trên mặt trận Königsberg. Sau khi hy sinh, anh được nhà nước Xô Viết

phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Liên Xô.

đã nói ở trên, chức vụ

của Alan Lennox-Boyd thời điểm này là Chủ nhiệm Văn phòng giải quyết các vấn đề

thuộc địa (*Secretary of State for the Colonies* hay *Colonial Secretary*) chứ không phải Bộ trưởng Ngoại giao. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (*Foreign Secretary*) lúc này là ngài Anthony Eden. Có thể bản tiếng Anh dùng dạng rút gọn của chức vụ, *Secretary of State*, gây nhầm lẫn cho người dịch. Người làm ebook không tìm được bản tiếng Anh để đối chiếu. Từ chỗ này trở về sau, có thêm vài lần nhắc đến

“Bộ trưởng Ngoại giao”, nhưng theo mạch câu chuyện thì có thể suy đoán rằng người được

nhắc đến vẫn là Lennox-Boyd với chức vụ Chủ nhiệm Văn phòng Thuộc địa chứ hoàn toàn không phải là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Eton và Harrow: hai trường nam trung học nổi tiếng ở London.

Polaroid: loại máy ảnh của Mỹ, chụp và có ảnh ngay sau vài giây.

John Profumo, Chủ nhiệm Văn phòng phụ trách các vấn đề Chiến tranh (Secretary of State for War) giai đoạn 1960–1963.

Kim trượng (mace): cây gậy với nhiều trang trí dùng làm biểu tượng quyền lực của viên chức nào đó, như thị trưởng chẳng hạn.

Dễ người: (từ cũ) không nề, ngạo mạn. (Theo từ điển tiếng Việt của LACVIET)

Không tìm thấy trò "chơi đáo". Có thể ý người dịch là "trò đánh đáo", một trò chơi đơn giản và là một trò chơi vận động, đôi lập với cờ vây là một trò trí tuệ.

đồng lập pháp Singapore thời thuộc Anh được

tổ chức như Hạ viện Anh, trong đó phe đa số sẽ lập chính phủ với người đứng đầu được gọi là chief minister (ở đây tạm dịch là Tổng ủy

viên), tương tự Thủ tướng,

cùng nhiều ủy viên (được

gọi là minister – tương đương

Bộ trưởng). Tại phòng họp, phe

đa số nắm chính phủ và phe còn

lại (tức phe đối lập) sẽ ngồi

ở hai phía đối diện nhau, ở giữa

là một lối đi có đặt bàn

dành cho Chủ tịch Hội đồng lập

pháp (tương đương Chủ tịch

Hạ viện).

Theo tapchicongsan.org.vn, "công nhân áo xanh" chỉ những người lao động chân tay, "công nhân áo vàng" là kỹ thuật viên, "công nhân áo trắng" hay "công nhân cổ cồn" chỉ kỹ sư.

Biểu quyết tín nhiệm (vote of confidence): Trong các chế độ đại nghị, như Anh chẳng hạn, Thủ tướng có thể yêu cầu Quốc hội bỏ phiếu tiếp tục tín nhiệm chính phủ nữa hay không, thường là khi có những rối loạn chính trị.

đây Lee dùng "national" và "citizen" với hai nghĩa có sự khác biệt rất tế vi. Citizen, thành viên của một quốc gia mà họ được hưởng đầy đủ quyền công dân, hoặc là do nguồn gốc sinh ra hoặc do nhập cư. National, thành viên của một quốc gia, áp dụng cho một người sống ở ngoài quốc gia mà họ là công dân, nhất là dùng với nhau giữa các đồng bào sống ở ngoại quốc. Cả citizen và national trong tiếng Việt đều là công dân, không lột tả được sự tinh tế trên, chúng tôi tạm dịch là công dân và cư dân, như Lee phân biệt. (ND)

Tiếng Anh không dùng thứ tự để biểu thị thứ, tháng như tiếng Việt mà có tên riêng cho từng ngày trong tuần và từng tháng. Tháng 8 là August chứ không phải "Tám". Do đó mới có một câu khó hiểu như "Tháng 8 là tháng thứ tám".

Có thể là do ảnh hưởng của Phong trào không liên kết (Non-Aligned Movement – NAM), được sáng lập vào năm 1961 bởi Tổng thống Nam Tư Josip Broz Tito, Tổng thống Indonesia Sukarno, Tổng thống Ai Cập Gamal Abdel Nasser, Tổng thống Ghana Kwame Nkrumah và Thủ tướng Ấn Độ

Jawaharlal Nehru; trong đó Sukarno và Tito đóng một vai trò tích cực và nổi trội.

Tạm dịch: Tình thế tiến thoái lưỡng nan của người Malay.

Bộ trưởng hư vị: Phe đối lập trong quốc hội Anh, tuy không nắm quyền, nhưng vẫn lập sẵn nội các gồm những Bộ trưởng y như nội các đương quyền (được gọi là shadow cabinet và shadow secretary). Họ có thể giành được chính quyền và trở thành nội các và Bộ trưởng thực quyền.

Nguyên văn. Bốn gạch đầu dòng này có lẽ là những nội dung ông Lee viết vắn tắt trên bao thư của khách sạn Ritz trong buổi đàm phán cuối cùng với Tunku mà ông kể phía trên.

SAS – Special Air Service: Không vận đặc vụ, đơn vị gồm những chiến sĩ tinh nhuệ phụ trách những công tác mật và nguy hiểm.

Xem chương 5. Lee Kuan Yew đã tìm hiểu và tâm đắc một vài khía cạnh của tư tưởng cộng sản Fabian trong thời gian học tập ở Anh.

xâm chiếm kênh Suez: cuộc chiến tranh chớp nhoáng chỉ

có tám ngày, từ 29/10 đến

6/11/1966 của liên quân Anh – Pháp – Israel mưu chiếm kênh Suez của Ai Cập sau khi Nasser quốc hữu hóa con kênh này.

Âm mưu này sụp đổ vì Liên

Hiệp Quốc cùng dư luận thế giới

cực lực phản đối. Liên quân

phải đơn phương ngừng chiến và rút lui.

Châu Phi da đen: thuật ngữ chỉ các nước châu Phi ở phía Nam sa mạc Sahara.

Cuộc khởi nghĩa của người Mao Mao nổ ra vào năm 1952 và bị Anh dập tắt vào năm 1955 với khoảng 40.000 người bị giết. Cuộc khởi nghĩa đã

khiến mọi người dân còn do dự đứng hẳn về phe kháng chiến. Nhưng mãi đến tháng

12/1963 Anh mới trao trả

độc lập cho Kenya.

Hội nghị Bandung (Indonesia) là hội nghị đầu tiên của các nước Á Phi (lần này gồm 29 nước), đã có

tác động thức tỉnh các dân

tộc da màu và cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc. Sau Bandung, các nước Á Phi còn họp hai hội nghị

liên tiếp nữa ở Accra, vào tháng 4 và tháng 12/1958. Các hội nghị

trên đã ảnh hưởng rất mạnh

tới phong trào giải thực ở châu Phi.

Không tìm ra định nghĩa chính thức của "khăng quyết", tuy nhiên từ này được sử dụng trong một vài bài viết cũ, mang ý nghĩa "khăng định" và "quả quyết".

Không tìm ra định nghĩa chính thức của "luật tắc", tuy nhiên từ này được sử dụng trong một vài bài viết cũ, mang ý nghĩa "luật lệ" và "phép tắc".